Tích Truyện Pháp Cú (HT Thích Nhật Quang)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ Thiền viện Viên Chiếu Nguyên tác: "Buddhist Legends", Eugène Watson Burlingame LỜI NÓI ĐẦU Tập "Tích Truyện Pháp Cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải (Dhammapada Commentary) bằng tiếng Pàli. Tương truyền Pháp Cú Sớ Giải là công trình của ngài Buddhaghosa (Phật Âm), sống khoảng thế kỷ thứ V Tây lịch. Nhận thấy sự lợi ích rộng lớn của nó, chúng tôi phụng dịch để đóng góp vào nền Phật học nước nhà. Tuy cố gắng hết sức, nhưng không sao tránh khỏi những thiếu sót, kính mong chư vị Cao Túc thương tình tha thứ cho. Chúng con cũng xin tri ân Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ cho việc in ấn dịch phẩm. Thiền viện Viên Chiếu,Cuối năm Ất Hợi, 1995. Kính ghi

DẪN NHẬP Kính lạy đức Thế Tôn Phật Đà, đấng Toàn Thiện Toàn Giác. Con xin cúi đầu đảnh lễ Phật, đảnh lễ Pháp, đảnh lễ Tăng. Cả thế gian chìm trong đêm tối dày đặc của vô minh phiền não. Ngài cũng ở thế gian mà quét sạch được nó. Với năng lực siêu phàm chứng đạt được, Ngài đã thắp sáng ngọn đèn Chánh pháp. Ngài là bậc Toàn Trí, phân biệt rành mạch chơn ngụy trong mọi vấn đề. Đấng Đạo sư đã thuyết nói chánh pháp, vì lòng từ vô lượng đã giảng giải giáo pháp theo căn cứ, khiến trời người đều được an vui, mãn nguyện. "Một bản chú giải thật sinh động được lưu truyền qua bao thế hệ trên đảo Tích Lan. Nhưng vì tác phẩm viết bằng thổ ngữ địa phương nên sự lợi lạc chẳng đến được các xứ xa xôi. Không chừng tác phẩm sẽ góp phần đắc lực trong việc mang lại an lạc cho hết thảy nhân loại". Đấy là ước nguyện của Trưởng lão Kumàra Kassapa đã thổ lộ với tôi, vị Trưởng lão đã khéo tự điều phục được mình, hằng sống với tâm an tịnh, chí nguyện luôn kiên trì. Ngài chân tình khuyến thỉnh tôi, do lòng mong muốn Chánh pháp được trường tồn. Vì vậy, tôi sẽ thay thế thổ ngữ đầy những lối diễn đạt dài dòng này, phiên dịch tác phẩm qua thứ tiếng thông dụng, êm ái, dễ nghe của kinh điển. Những điểm nào khó hiểu, chưa rõ nghĩa trong các câu kệ, dù chữ hay lời, tôi xin sẽ làm sáng tỏ. Phần còn lại, tôi sẽ trình bày bằng tiếng Pàli, phù hợp với tinh thần các câu kệ. Như thế, tôi mong sẽ đem đến an vui, mãn nguyện cho tâm bậc hiền trí về cả hai mặt đạo và đời. Tác giả bản Pàli.

PHẨM I: SONG YẾU 1. Nếu Con Mắt Ngươi Làm Hại Ngươi, Hãy Móc Bỏ Nó Đi Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý ô nhiễm, Nói lên hay hành động, Khổ não bước theo sau Như xe, chân vật kéo. Phật dạy Pháp Cú này tại đâu? - Tại Xá-vệ. - Cho ai? - Cho Trưởng lão Cakkhupàla. Tôi nghe như vầy: Tại Xá-vệ có một Trưởng giả tên là Đại Phú (Mahà Suvanna). Ông ta rất giàu, có nhiều của cải và đủ trò vui chơi giải trí, nhưng lại chẳng có con. Ngày nọ trên đường đi tắm trở về nhà, ông trông thấy bên vệ đường một cây rừng thật lớn, tán lá to rộng. Nghĩ rằng đây chắc là chỗ ở của một vị thần đầy uy lực, Trưởng giả ra lệnh cho dọn sạch miếng đất dưới gốc cây, rào tường chung quanh và rải cát bên trong, rồi cho trang hoàng đủ loại cờ xí và nguyện: "Nếu có một đứa con, ta sẽ tạ ơn thần xứng đáng". Chẳng bao lâu vợ ông mang thai. Bà lập tức báo tin cho chồng. Ông liền tổ chức lễ Bảo thai cho bà. Sau mười tháng bà hạ sinh một bé trai, và

ông đặt tên con là Pàla, có nghĩa là người Bảo Trợ, vì nhờ sự bảo vệ và chăm sóc cội cây mới sinh được đứa bé. Ít lâu sau, ông có thêm đứa con nữa, bèn đặt tên là Culla Pàla (Bảo Trợ em), đứa lớn là Mahà Pàla (Bảo Trợ anh). Đến tuổi trưởng thành ông bà cưới vợ cho hai con. Thời gian sau, cả hai ông bà đều qua đời, để lại cho hai anh em toàn bộ gia sản. Lúc bấy giờ đức Phật đang chuyển Pháp Luân. Sau khi du hành từ nơi này đến nơi nọ, Ngài trú tại Tinh Xá Kỳ Viên do Trưởng Giả Cấp Cô Độc xây cất, trị gía năm trăm bốn chục triệu đồng. Suốt thời gian ngụ tại Kỳ Viên , đức Phật dạy về pháp sanh thiên, pháp giải thoát (Đức Thế Tôn chỉ ở lại một mùa an cư tại ngôi tịnh xá do hai nhánh thân tộc Ngài xây dựng, một nhánh gồm tám vạn gia đình bên ngoại và một nhánh gồm tám vạn gia đình bên nội. Ngài trú tại Kỳ Viên suốt mười chín hạ, và sáu hạ tại Pubbàràma, một tịnh xá do bà Tỳ-xá-khư, một nữ cư sĩ lỗi lạc xây cất, trị giá hai trăm bảy chục triệu đồng. Do công đức lớn lao của hai gia đình Cấp Cô Độc và Tỳ-xá-khư, đức Phật đã an cư gần Xá-vệ trong suốt hai mươi lăm hạ). Ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xá-khư mỗi ngày đều đặn đi đến Thế Tôn hai lần. Họ không bao giờ đi tay không vì biết rằng các thầy Sa-di trẻ đang chờ họ để bát. Trước ngọ, họ dâng thức ăn loại cứng và loại mềm. Sau ngọ, họ cúng năm thứ dược liệu và tám thức

uống. Ngoài ra họ luôn dành sẵn chỗ tại nhà cho hai ngàn Tỳ kheo. Bất cứ vị nào cần thức ăn, nước uống hay thuốc men liền được cung cấp như ý muốn. Trưởng gỉa Cấp Cô Độc không hề thưa hỏi Phật. Người ta nói rằng sở dĩ ông không dám thưa hỏi vì Quá kính mến Phật. Ông nghĩ rằng đức Thế Tôn là một vị Phật cao qúy và là một thái tử phong nhã. Sở dĩ Thế Tôn thuyết pháp cho ai vì nghĩ đó là thí chủ của Ngài. Nếu bây giờ phải thuyết pháp cho ta, Ngài sẽ nhọc mệt thêm. Vì lý do đó, Trưởng giả Cấp Cô Độc không hề thưa hỏi Phật. Nhưng khi ông vừa ngồi xuống, đức Phật đã nghĩ: "Trưởng giả này bảo trợ cho Ta khi Ta không cần bảo trợ. Ta đã trải qua bốn a-tăng-kỳ và trăm ngàn kiếp để thành tựu đạo quả. Mái tóc đeo đầy trang sức Ta đã cắt bỏ, đôi mắt Ta đã vứt đi, máu thịt tim Ta cũng nhổ bỏ tận gốc. Con Ta, vợ Ta thân thiết như chính mạng sống, Ta cũng từ bỏ, chỉ vì muốn đem chánh pháp đến cho chúng sanh. Người này bảo trợ cho Ta khi Ta không cần bảo trợ". Rồi đức Phật thuyết một bài pháp. Lúc ấy có năm mươi triệu trong số bảy mươi triệu cư dân thành Xá-vệ nghe xong liền xin làm đệ tử tại gia của Phật. Còn lại hai mươi triệu chưa tin đạo. Các cư sĩ đệ tử của Phật có hai nhiệm vụ: trước ngọ để bát cho chư Tăng, sau ngọ cầm hương hoa và cùng với tôi tớ mang y phục, thuốc men, thức uống đi đến đức Phật nghe pháp. Một ngày nọ, Mahà Pàla trông thấy các cư sĩ đi đến tịnh xá với hương hoa trên tay, anh ta bèn hỏi: - Các vị đi đâu vậy? Và được trả lời: - Đi nghe pháp. - Cho tôi đi với. Rồi anh ta đi theo họ đến đảnh lễ đức Phật và ngồi bên ngoài vòng pháp hội. Khi chư Phật thuyết pháp, các Ngài luôn tùy theo căn cơ của thính chúng từng người một, xem người nào thích hợp để quy y, để thọ giới hoặc xuất gia. Ngày hôm ấy, đức Phật để ý đến căn cơ Mahà Pàla và thuyết pháp cho anh ta. Ngài giải thích rành rẽ, theo thứ lớp từng vấn đề về trí tuệ, bố thí, giới luật, sự sanh thiên, nghiệp báo, sự ngu si và uế trược của dục lạc, và về phước lành của hạnh xuất gia. Gia chủ Mahà Pàla chú tâm lắng nghe. Anh nhận định khi con người từ giã cõi đời sang bên kia thế giới, chẳng có thể đem theo con cái hay tài sản; hơn nữa, cả thân này cũng chẳng đi theo được, vậy sống đời tục gia có lợi gì? Và anh định xuất gia.

Vì thế cuối thời pháp, Mahà Pàla đến bên đức Phật xin gia nhập Tăng đoàn. Đức Phật hỏi: - Con còn thân nhân nào không, để việc xuất gia được đúng pháp? - Bạch Thế Tôn! Con còn một em trai. - Vậy thì hãy báo tin cho em con. Mahà Pàla hoan hỷ thưa: - Xin vâng.

Rồi chào Phật trở về nhà, gọi em đến bảo: - Này chú! Mọi tài sản trong nhà, động sản và bất động sản, anh giao hết cho chú, hãy bảo quản. Người em ngạc nhiên hỏi: - Còn anh thì sao? - Anh sẽ theo Phật, gia nhập Tăng đoàn. - Anh nói gì vậy, anh thân yêu? Khi mẹ mất anh chăm lo cho em như mẹ, đến cha mất anh lại thay cha. Nhà anh đầy của cải, chắc chắn anh sẽ làm được việc thiện dù sống đời tại gia. Xin anh đừng xuất gia. - Này chú, sau khi nghe Phật thuyết pháp, anh không muốn sống đời tại gia nữa. Đức Phật đã giảng rất hay trong phần đầu, phần giữa và phần cuối. Ngài đã nêu lên một cách chính xác và đúng đắn ba tính chất của các pháp: vô thường, khổ và vô ngã. Anh không thể hành trì trọn vẹn giáo pháp nếu còn bận bịu việc nhà. Anh phải xuất gia em à! - Anh ơi! Anh còn trẻ lắm, để lúc già hãy đi tu. - Đợi đến già để thành lão khọm à! Tay chân lụm khụm, không làm gì được theo ý mình, lại thêm con cháu đùm đề. Không, anh không thể nghe lời chú được. Anh sẽ làm tròn bổn phận Tỳ-kheo. Tuổi già tay yếu run chân Tu sao được nữa khi thân mỏi mòn? Anh sẽ đi tu, dù chú cản trở cách gì. Mặc người em than khóc, Mahà Pàla đi đến gặp Phật và xin xuất gia vào Tăng đoàn. Được thu nhận và tu học, Mahà Pàla trải qua năm mùa hạ với thầy Tế độ và Giáo thọ. Mãn hạ thứ năm và làm lễ giải hạ xong, thấy đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa hỏi: - Bạch Thế Tôn! Nương theo Thế Tôn con có bao nhiêu bổn phận tu tập phải thọ trì? - Này Tỳ-kheo! Chỉ có hai là Pháp học và Pháp thiền. - Bạch Thế Tôn! Thế nào là Pháp học? Và thế nào là Pháp thiền? - Pháp học là hiểu biết Phật ngôn tùy theo căn cơ mỗi người, phải thông suốt một hoặc hai bộ A Hàm, hay toàn bộ Tam Tạng kinh điển, thuộc lòng, đọc tụng và giảng dạy. Còn Pháp thiền sẽ dẫn đến quả vị A-la-hán. Thiền định đòi hỏi một đời sống đạm bạc, ưa thích ở nơi vắng, luôn chuyên niệm về lão và tử, và khai triển Minh sát tuệ bằng sự nỗ lực bền bỉ. - Bạch Thế Tôn! Vì con đã lớn tuổi mới xuất gia, con không thể làm tròn bổn phận đối với Pháp học, nhưng con có thể làm tròn bổn phận đối với Pháp thiền. Xin dạy cho con thiền định. Phật dạy cho thầy pháp tu dẫn đến quả vị A-la-hán. Thầy đảnh lễ đức Phật và tìm được sáu mươi vị Tỳ-kheo cùng đi với mình. Thầy đi khoảng hai mươi dặm (tám mươi cây số), đến một làng rộng lớn gần biên giới, và cả đoàn vào làng khất thực. Dân làng

thấy các vị oai nghi chỉnh tề, làm tròn bổn phận tăng sĩ và lại dễ thân cận nên sanh lòng quý kính. Họ mời các thầy ngồi, dâng những thức ăn ngon. Rồi họ hỏi: - Thưa chư Tôn giả, các vị đi đâu? - Này chư thiên tín, chúng ta đi đến một chỗ ẩn cư thích hợp. Dân làng khôn ngoan tự hiểu rằng những vị Tỳ-kheo đáng kính đang tìm chỗ an cư trong mùa hạ. Họ thỉnh cầu: - Nếu chư Tôn giả bằng lòng ở đây suốt ba tháng hạ, chúng con xin quy y và thọ giới. Nghĩ rằng nhờ những thí chủ này trợ giúp để tu ra khỏi sanh tử luân hồi, các thầy ưng thuận ở lại. Dân làng dựng ngay một tịnh xá, xây khu vực ban đêm và khu vực ban ngày, dâng cúng lên chư Tăng. Các Tỳ-kheo chỉ có việc đều đặn vào làng khất thực. Có một y sĩ phát tâm đến tịnh xá chữa bệnh, ông đã trình lên chư Tăng nguyện vọng của mình: - Chư Tôn giả! Chỗ nào đông người đều không tránh khỏi

bệnh tật. Nếu có người bệnh, xin nhắn tôi đến chữa trị. Ngày đầu hạ, Trưởng lão Mahà Pàla đã gọi tất cả Tỳ-kheo lại hỏi: - Các huynh đệ, suốt ba tháng hạ các vị sẽ tu trong mấy oai nghi? - Trong bốn oai nghi, bạch Đại đức. - Nhưng có thích hợp không, các huynh đệ? Chúng ta phải thật chánh niệm, chính vì đức Phật chỉ dạy Pháp thiền mà chúng ta đến đây hành trì. Sở dĩ chúng ta được chư Phật gia hộ chẳng do nhờ dối trá hai mặt, mà chính do hạnh tinh tấn tu tập. Bốn thứ khổ sanh, lão, bệnh, tử đang chờ người giải đải tán tâm, đó là cảnh giới họ ra vào quen thuộc như nhà riêng của mình. Vì thế, các huynh đệ hãy chánh niệm. - Còn Ngài, thưa Đại đức? - Tôi chỉ dùng ba oai nghi. Tôi sẽ không đặt lưng nằm. - Tốt lắm! Thưa Đại đức, hãy chánh niệm! Sau tháng thứ nhất Trưởng lão Mahà Pàla, người tự nguyện không ngủ, bắt đầu thấy nhức mắt. Nước mắt chảy ra từ mắt thầy giống như từ chiếc bình bể. Suốt đêm dài, thầy dốc hết thân tâm ngồi thiền, và chỉ đến sáng thầy mới vào liêu ngồi nghỉ. Đến giờ đi bát, chư Tăng đến chỗ Trưởng lão thưa: - Bạch Trưởng lão! Đã đến giờ đi khất thực. - Tốt lắm, huynh đệ, hãy lấy y và bát. Bảo họ lấy y bát rồi, chính thầy cũng lên đường. Các Tỳ-kheo thấy thầy chảy nước mắt, hỏi: - Có việc gì vậy, thưa Đại đức? - Gió làm xốn mắt tôi. - Sao ta chẳng mời y sĩ, thưa Đại đức? Chúng ta sẽ nhắn ông ta đến.

- Tốt lắm. Các Tỳ-kheo báo tin cho y sĩ. Ông chế một thứ thuốc gởi đến. Trưởng lão thoa thuốc mỡ vào mũi và vẫn ngồi như thường lệ. Rồi Ngài vào làng. Y sĩ gặp Ngài hỏi thăm: - Thưa Tôn giả, con nghe nói gió làm Ngài bị đau mắt? - Đúng thế, thiện tín ạ. - Thưa Tôn giả, Ngài có thoa vào mũi thuốc con đã chế và gởi đến không? - Có, thiện tín ạ. - Bây giờ Tôn giả thấy thế nào? - Vẫn đau nhức như trước. Y sĩ bán tín bán nghi, thuốc mình gởi đến chỉ thoa một lần là khỏi bệnh, vì sao Tôn giả không hết đau? Ông bèn hỏi tiếp: - Khi thoa thuốc Ngài ngồi hay nằm? Trưởng lão im lặng. Mặc cho y sĩ hỏi đôi ba phen, Ngài vẫn không nói một lời. Y sĩ không biết làm sao để giải quyết, chỉ còn cách chào Ngài và đến tịnh xá xem xét chỗ ở. Liêu của Trưởng lão chỉ có lối kinh hành và một chỗ ngồi, không có chỗ nằm. Y sĩ thắc mắc: - Thưa Tôn giả, khi thoa thuốc Ngài đã ngồi hay nằm? Trưởng lão vẫn im lặng. - Thưa Tôn giả, xin Ngài đừng làm vậy. Việc tu tập chỉ có thể tiến hành khi nào thân thể được chăm sóc cẩn thận. Ngài có nằm khi thoa thuốc không? Y sĩ hỏi đôi ba lần, Trưởng lão mới trả lời: - Hãy về đi, Y sĩ. Tôi sẽ hội ý lại và quyết định việc này. Trưởng lão không có ai thân thích ở đó cả, vậy thì Ngài hội ý với ai? Ngài chỉ bàn với chính mình: "Này Pàlita, thầy quí con mắt hay quí Phật đạo? Trong vòng luân hồi không manh mối, biết bao lần thầy không được sáng mắt. Trong vô số muôn ngàn đức Phật đã ra đời, thầy đã không gặp được một vị nào. Giờ đây trong mùa hạ này, thầy đã quyết không nằm suốt ba tháng. Vậy cứ để cho đôi mắt bị hư. Chỉ lo giữ giới luật, đừng giữ con mắt". Và để khiển trách thân, Ngài đọc bài kệ sau: Mắt tai nay đã hỏng rồi, Cả thân này nữa cũng thôi không còn. Đó là chuyện mỏi mòn thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm? Mắt tai này đã hết mong, Cả thân này nữa chẳng trông lâu dài. Đó là chuyện hoại hư thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm? Mắt tai nay đã tiêu tan, Cả thân này nữa tan hoang còn nào!

Đó là chuyện hư hao thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm? Tự khiển trách mình với ba câu kệ xong, Trưởng lão thoa thuốc lên mũi, lại tiếp tục ngồi như trước, rồi Ngài vào làng khất thực. Y sĩ trông thấy hỏi: - Thưa Tôn giả, Ngài có thoa thuốc vào mũi? - Có. - Ngài

thấy thế nào? - Vẫn đau như trước. - Thưa Tôn giả, Ngài có ngồi khi thoa thuốc hay nằm xuống? Trưởng lão im lặng. Y sĩ hỏi lại mấy lần, Trưởng lão vẫn không nói một lời. Y sĩ bảo: - Ngài không chịu làm điều phải làm để lành bệnh. Vì vậy Ngài không nên xin thuốc, và tôi cũng sẽ không chế thuốc cho Ngài. Tôi không còn cách nào hơn. Bị y sĩ từ chối chữa bệnh, Trưởng lão trở về tịnh xá, tự dặn dò: "Tỳ-kheo, dầu cho thầy bị y sĩ từ bỏ, chớ từ bỏ tư thế ngồi của mình". Như con bệnh nan y, Y sĩ thôi chữa trị, Chắc chắn gặp tử thần, Pàlita, sao còn tán tâm? Tự khiển trách mình với bài kệ trên, Trưởng lão lại tiếp tục thiền định. Vào cuối đêm đôi mắt Ngài mù hẳn, các lậu đồng thời hết sạch. Ngài chứng A-la-hán an trú trong an lạc của Minh sát tuệ. Rồi Ngài vào liêu ngồi nghỉ. Đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo đến bên Trưởng lão thưa: - Bạch Tôn giả, đã đến giờ chúng ta đi bát. - Đến giờ rồi ư, chư hiền hữu? - Thưa vâng. - Thế thì các thầy hãy đi. - Còn Ngài, thưa Tôn giả? - Mắt tôi đã mù. Họ nhìn vào mắt Ngài và mắt họ đẫm lệ: - Đừng lo ngại, chúng con sẽ săn sóc Ngài. Họ an ủi Trưởng lão, và sau khi xong bổn phận hành thiền, họ vào làng khất thực. Không thấy Trưởng lão, dân làng hỏi thăm: - Bạch quý thầy, Tôn giả Trưởng lão của chúng con đâu? Khi rõ sự việc, họ gởi cháo về cúng dường Ngài. Sau đó, từng người một đem thức ăn đến đảnh lễ Trưởng lão, lăn mình dưới chân Ngài, không ngớt than khóc. Rồi họ an ủi Ngài: - Thưa Tôn giả, xin đừng lo lắng, chúng con sẽ săn sóc Ngài.

Từ đó, dân làng đều đặn gởi cháo đến tịnh xá. Trưởng lão thường răn nhắc sáu mươi Tỳ-kheo, và các Tỳ-kheo đều tuân hành theo lời Ngài, nghiêm chỉnh đến nỗi vào ngày giải hạ tất cả đều chứng A-la-hán và đắc thần thông. Cuối mùa an cư, vì muốn gặp Phật, các Tỳ-kheo thưa với Trưởng lão xin đi. Trưởng lão không tránh khỏi đăm chiêu: "Ta nay sức yếu, trên đường về lại đi qua khu rừng có nhiều ma quỷ. Nếu ta cùng đi, các thầy sẽ nhọc công và không thể khất thực. Ta sẽ để họ đi trước". Và Ngài bảo: - Các thầy hãy đi trước. Các Tỳ-kheo thắc mắc: - Nhưng còn Tôn giả? - Tôi ốm yếu, đường đi phải băng qua khu rừng có nhiều ma quỷ, nếu tôi cùng đi các thầy sẽ nhọc công. Các thầy hãy đi trước. - Không được, thưa Tôn giả. Chúng con chỉ đi cùng Ngài. - Xin các thầy đừng làm thế, tôi chẳng vui lòng. Nếu em tôi gặp các thầy và hỏi thăm tôi, hãy bảo là tôi mù mắt, nó sẽ gởi người đến và dẫn tôi về. Hãy nhân danh tôi chào mừng đấng Thập Lực và tám mươi vị Đại Trưởng lão. Nói xong, Tôn giả bảo họ ra đi. Bắt buộc phải lên đường, các Tỳ-kheo đành xin phép Trưởng lão vào làng khất thực rồi lên đường. Dân làng mời ngồi, dâng thức ăn, năn nỉ ở lại; nhưng biết các Tỳ-kheo phải về gặp Phật, họ đành khóc lóc tiễn đưa. Du hành một thời gian, các thầy đến Kỳ Viên và nhân danh Trưởng lão chào mừng Đạo sư cùng tám mươi vị Đại Trưởng lão. Xong các thầy đi khất thực, qua nhà gia chủ em của Trưởng lão. Gia chủ nhận ra các thầy ngay, thân mật đón tiếp, mời ngồi và hỏi thăm Trưởng lão. Các Tỳ-kheo kể lại những gì đã xảy ra. Người em lăn mình trên đất, than khóc mếu máo, không biết phải làm sao bây giờ. Các Tỳ-kheo vỗ về: - Trưởng lão muốn có ai đến đưa Ngài về. - Thưa, đây là Pàlita, con của chị con. Xin gởi nó đi!. - Để nó đi không ổn vì đường nhiều nguy hiểm. Nếu cho nó xuất gia thì an toàn hơn. Người em bằng lòng. Thế là các thầy làm lễ xuất gia cho chàng trai, dạy anh ta cách thức đắp y v.v.. trong vòng hai tuần, rồi chỉ đường cho anh ta đi. Băng qua nhiều làng mạc, một hôm thầy Sa-di trẻ gặp một cụ già tại cổng làng đó và hỏi thăm: -

Chào cụ, cụ có biết một tu viện ẩn cư nào gần đây không? - Thưa Tôn giả, có. - Ai sống ở đó?

- Có một Trưởng lão tên Pàlita. - Hãy chỉ cho tôi đường đến đó. - Tôn giả là ai? - Tôi là con của em gái vị ấy. Cụ già liền dẫn thầy đến nơi ẩn cư. Thầy tới đảnh lễ Trưởng lão, và trong hai tuần làm đủ bổn phận từ việc lớn đến việc nhỏ đối với Trưởng lão, chăm sóc Ngài thật tận tụy. Rồi thầy đề nghị với Trưởng lão: - Thưa Tôn giả, cậu của con mong được gặp Ngài. Chúng ta hãy trở về. - Tốt lắm, hãy nắm lấy gậy của ta. Và như thế tay không rời gậy, cả hai người một già một trẻ đi vào làng. Dân làng tìm hết cách thuyết phục Trưởng lão ở lại nhưng vô hiệu, họ đành khóc lóc đưa đi một đoạn đường. Họ đi đến ngôi làng kế cận ở ven rừng tên là Katthanagara, và lần bước ra khỏi làng. Bỗng từ xa cất tiếng hát của một cô gái đang gom củi. Thầy Sa-di chợt cảm thấy yêu mến ngay tiếng hát trong trẻo (Đức Thế Tôn đã từng dạy: "Này các Tỳ-kheo! Chưa từng có âm thanh nào khác thâu nhiếp con tim người nam bằng tiếng người nữ"). Và quá xao xuyến thầy liền buông đầu gậy ra thưa với Trưởng lão: - Thưa Tôn giả, chờ con một lát. Con bận một chút việc. Nói xong thầy tất tả đi về hướng cô gái. Trông thấy thầy, nàng ngừng hát và thầy phạm giới tà hạnh với cô gái. Trưởng lão đợi thầy Sa-di hồi lâu chưa thấy trở lại, đoán ngay có điều bất thường, có tiếng hát phụ nữ và chú Sa-di lại đi lâu quá, chắc đã phạm giới rồi. Thầy Sa-di sau đó trở về bên Trưởng lão, hối hả giục Ngài tiếp tục lên đường: - Thôi ta đi, thưa Tôn giả. Trưởng lão nghiêm giọng: - Này Sa-di, con đã phạm tội phải không? Thầy im lặng, và dù được hỏi lần nữa thầy vẫn nín khe. Trưởng lão răn tiếp: - Một kẻ tội lỗi như chú không bao giờ được nắm đầu gậy của ta. Thầy Sa-di quá ăn năn, cởi chiếc y vàng, khoác áo thế tục, cúi đầu nhận lỗi: - Thưa Tôn giả, trước đây con là thầy tu, nay trở lại làm cư sĩ. Con đi tu chẳng phải do tín tâm, chỉ vì sợ những bất trắc dọc đường. Giờ thì chúng ta đi thôi. Trưởng lão vẫn không đổi ý: - Một kẻ xấu ác, dù là bậc xuất gia hay tại gia vẫn là kẻ xấu ác. Khi là Sa-di chú không giữ được phạm hạnh, thì liệu chú có là người tốt khi làm cư sĩ không? Một kẻ tội lỗi như chú không bao giờ được nắm đầu gậy của ta. -Tôn giả ! Đường đầy ma quỷ, Ngài lại mù, làm sao Ngài lại ở đây được? - Chú đừng lo việc ấy. Ta có nằm chết ở đây hay đi đâu chăng nữa, cũng không có gì quan trọng. Ta không đi với chú.

Nói xong, Trưởng lão ngâm đoạn kệ sau:
Ôi ánh sáng mắt ta đã mất!
Con đường dài mệt mỏi xiết chi.
Đi cùng với kẻ ngu si,
Thà rằng nằm xuống chẳng đi, không màng.
Ôi ánh sáng mắt ta đã mất!
Con đường dài mệt mỏi xiết chi.
Đi cùng với kẻ ngu si,
Thà rằng phải chết, chẳng đi, không màng.
Chú nghe những lời này, hối hận, nghẹn ngào, cất tiếng than:
- Con đã phạm một tội ghê gớm, một lỗi lầm kinh khủng.
Rồi khóc lóc vặn vẹo đôi tay, chú lao vào rừng mất dạng.

Đức hạnh của Trưởng lão làm cho ngai vàng Đế Thích dài sáu mươi dặm, rộng năm mươi dặm, dày mười lăm dặm, rực rỡ màu hoa hồng đỏ, tự động hạ thấp khi Đế Thích ngồi, vương cao khi Đế Thích đứng, bỗng nhiên nóng bỏng lên. Đế Thích giật mình không hiểu ai có thể hắt ngài ra khỏi ngai như thế này, và quan sát thế gian, với thiên Nhản Ngài thấy Trưởng lão. Người xưa kể rằng:

Đế Thích có ngàn mắt,
Làm thanh tịnh mắt thần.
Pàla ghét tội lỗi,
Làm thanh tịnh tâm thân.
Đế Thích có ngàn mắt,
Làm thanh tịnh mắt thần.
Pàla sùng giới luật,
An lạc trong đạo tâm.

Đế Thích tự nhủ: "Nếu ta không đến giúp một Trưởng lão ghê tởm tội lỗi và tôn sùng giới luật như vậy, thì đầu ta sẽ bể làm bảy mảnh. Ta sẽ đến giúp Ngài".

Vậy là:

Đế Thích có ngàn mắt,
Thống lãnh hết chư thiên,
Đến ngay trong khoảnh khắc,
Bên Cakkhupàla.

Và Đế Thích bay đến Trưởng lão. Khi đến gần, Ngài kéo lê chân.. Trưởng lão bèn hỏi:

- Ai đó?
- Tôi, một bộ hành.
- Này thiện tín, ngươi đi đâu vậy?
- Đến Xá-vệ, thưa Tôn giả.
- Hãy tiếp tục lộ trình.

- Nhưng thưa Tôn giả, Ngài đi đâu? - Tôi cũng đến đó. - Tốt quá, vậy thì chúng ta cùng đi. - Này bạn, tôi ốm yếu, đi với tôi bạn sẽ chậm trễ. - Tôi không có việc gì gấp. Hơn nữa nếu đi với Ngài, tôi sẽ được công đức vì đã làm một trong mười điều thiện. Ta hãy cùng đi, thưa Tôn giả! Nghĩ rằng đây là một người ngoan đạo, Trưởng lão bằng lòng: - Tốt lắm, hãy nắm lấy đầu gậy của tôi. Đế Thích y lời và làm phép thâu ngắn đoạn đường để họ đến Kỳ Viên kịp trong chiều ấy. Và rồi tiếng kèn, trống và những nhạc cụ khác nổi lên bên tai, Trưởng lão ngạc nhiên: - Tiếng ấy ở đâu? - Ở Xá-vệ. - Này thiện tín, lần trước tôi đi lâu lắm mới đến, sao kỳ này nhanh vậy? - Thưa Tôn giả, tôi biết một lối đi tắt. Trưởng lão hiểu ngay đây không phải là người thường mà là một vị trời. Phạm thiên có ngàn mắt, Thống lãnh hết chư thiên, Thâu ngắn đi khoảng cách, Đến Xá-vệ thật nhanh. Rồi Đế Thích dẫn Trưởng lão đến một túp lều bằng lá và cỏ, nơi người em của Trưởng lão dựng riêng cho anh mình ở tạm, để Trưởng lão ngồi trên giường, và hóa thành anh bạn đến thăm người em. Anh bạn này kêu lên khi đến nhà: - Bạn Pàla! Pàla chào bạn: - Gì vậy bạn? - Anh có biết Trưởng lão đã về chưa? - Chưa! Ngài về thật sao? - Quả vậy,

tôi vừa từ nơi ẩn cư về, thấy Trưởng lão đang ngồi trong lều của anh. Nói xong anh bạn ra đi. Vị gia chủ bèn đi đến lều cỏ. Vừa trông thấy Trưởng lão, anh gieo mình xuống chân Ngài, lăn trên đất khóc lóc: - Con biết mà, Trưởng lão! Vì thế con không muốn để người đi tu. Hàn huyên thăm hỏi xong, gia chủ bèn trả tự do cho hai nô lệ, cho chúng xuất gia làm đệ tử Trưởng lão để trông nom Ngài. Anh dặn dò: - Nhớ về làng lấy cháo và thức ăn, chăm lo săn sóc Trưởng lão. Hai tân Sa-di chăm sóc Trưởng lão hết sức tận tụy, làm đủ các bổn phận từ việc lớn đến việc nhỏ.

Ngày nọ, một nhóm thầy Tỳ-kheo ở xứ khác đến kính viếng Phật. Sau khi lễ Phật và thăm tám mươi Đại Trưởng lão, họ đi tham quan tịnh xá. Đến thất của Trưởng lão Cakkhupàla họ bàn nhau đến vấn an Ngài. Chiều hôm đó họ định vào thăm, nhưng một cơn bão dữ dội nổi lên, họ đành quay về và hẹn sáng hôm sau trở lại. Cơn mưa lớn kéo dài suốt canh một, đến canh hai thì dứt. Trưởng lão, một con người giàu nghị lực đã quen kinh hành, lần xuống hàng hiên vào canh năm, và vô tình giẫm chết rất nhiều côn trùng bò lổn ngổn trên nền đất ẩm. Các thầy Tỳ-kheo ngụ tại đó không quét dọn sớm, nên khi các thầy Tỳ-kheo ở xa đến thăm Trưởng lão, thấy đủ loại côn trùng nằm chết rải rác ngoài hàng hiên. Họ kinh ngạc lên tiếng: - Ai đã bước đi trên lối này? Và được trả lời: - Thưa Tôn giả, Thầy chúng tôi. Họ bực bội nói: - Xem một Tỳ-kheo kìa! Khi ông ấy sáng mắt thì nằm ngủ và không tạo tội. Còn bây giờ mù mắt lại nghĩ: "Tôi sẽ kinh hành". Và đã giết chừng ấy côn trùng. Ông ấy nghĩ mình làm đúng, nhưng thật chẳng đúng tí nào. Rồi họ bỏ đi và bạch với Phật: - Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Cakkhupàla nghĩ "Tôi sẽ kinh hành", và đã giết hại nhiều côn trùng. Thế Tôn gạn hỏi lại: - Nhưng các ông có thấy ông ấy giết không? - Thưa không thấy. - Thực sự các ông không thấy ông ấy giết, cũng vậy, ông ấy không thấy côn trùng. Này Tỳ-kheo! Người giải thoát các lậu hoặc, không còn ý sát sanh. - Bạch Thế Tôn, vị ấy chắc chứng A-la-hán, vậy do đâu mà bị mù? - Này các Tỳ-kheo, đó là vì lỗi lầm trong một kiếp quá khứ. - Sao thế, bạch Thế Tôn, vị ấy đã làm gì? - Các ông hãy lắng nghe! Chuyện quá khứ A. Người Đàn Bà Và Ông Thầy Thuốc Độc Ác. Thuở xưa, khi vua Kàsi lên ngôi ở Ba-la-nại, có một thầy thuốc đi dạo xóm làng chữa bệnh. Gặp một người đàn bà đau mắt, ông hỏi: - Bà sao vậy? - Tôi không thấy rõ. - Tôi sẽ chữa cho bà. - Xin thầy làm ơn chữa giùm. - Bà sẽ trả công cho tôi thế nào? - Nếu thầy chữa được cho tôi mắt sáng và khỏe mạnh lại như xưa, tôi và luôn cả con trai con gái tôi sẽ hầu hạ thầy.

- Tốt lắm. Rồi ông kê toa cho thuốc. Chỉ sau một lần dùng thuốc, đôi mắt của người đàn bà sáng lại. Hạnh phúc vừa đến nhưng lại kèm theo nỗi lo âu mãi lởn vởn trong đầu: "Mình hứa làm nô lệ cho ông thầy, cả các con mình cũng phải làm. Nhưng xem ra lão ấy chẳng tử tế đâu. Chà! Làm sao bây giờ đây? Phải tìm cách để gạt lão mới được". Kịp đến lúc thầy thuốc trở lại hỏi thăm bệnh tình, bà làm ra vẻ khổ sở: - Trước đây mắt tôi đau ít, nay lại đau dữ dội hơn bao giờ. Ông thầy đoán ngay là bà ta muốn lừa mình để quỵt tiền công chữa bệnh. Ông tức giận lầm bầm: "Được rồi, ta chẳng cần mụ trả công, ta sẽ cho mụ mù luôn". Và ông bỏ đi ngay không nói một lời, trước cặp mắt ngơ ngác của người đàn bà thất hứa. Ông thầy thuốc về nhà, kể lại cho bà vợ nghe cho hả tức. Vợ ông lặng thinh, còn ông thì tức tốc bào chế một thứ thuốc mỡ khác, mang đến cho người đàn bà và dặn thoa vào mắt. Người đàn bà làm theo chẳng chút nghi ngờ và ánh

sáng đôi mắt vụt tắt. Ông thầy thuốc đó chính là Cakkhupàla. (Hết Chuyện Quá Khứ) - Này các Tỳ-kheo! Đệ tử ta làm ác nên bị ác nghiệp theo đuổi mãi mãi, vì việc ác đi theo người làm ác như bánh xe lăn theo chân con bò kéo xe. Kể chuyện xong, đấng Pháp Vương, như một vị vua đóng dấu ấn bằng con triện hoàng gia lên sắc dụ đã được niêm phong, tuyên đọc bài kệ sau: (1) Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý ô nhiễm, Nói lên hay hành động, Khổ não bước theo sau Như xe, chân vật kéo. * 2. Khóc Đòi Những Chuyện Trên Trời Pháp cú thứ hai cũng bắt đầu bằng câu: Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng không rời hình. Do Phật dạy tại thành Xá-vệ, từ câu chuyện Matthakunddali. Tôi nghe như vầy: Tại Xá-vệ có một Bà-la-môn tên là Adinnapubbaka, có nghĩa là "không cho", vì ông ta không hề cho ai vật gì. Ông có một đứa con trai duy nhất hết sức cưng quí. Ông muốn cho con một món đồ trang sức, nhưng biết rằng hễ giao thợ bạc

chạm trổ thì phải trả tiền công, nên ông tự tay đập mỏng miếng vàng, gò thành một đôi hoa tai sáng bóng đeo cho con. Do đây mà con ông có tên là Matthakundali, nghĩa là Hoa Tai Sáng Bóng. Lên mười sáu tuổi, con ông bị bệnh vàng da. Bà mẹ trông thấy nóng ruột, hối ông mời thầy thuốc đến chữa bệnh. Tuy thương con ông vẫn lừng khừng, không muốn đi, nên tìm cách thối thác với bà vợ: - Bà à! Nếu gọi thầy thuốc đến, tôi phải trả công bằng lúa gạo, kho lẫm sẽ hao hụt. Bà sao không để ý đến việc bảo quản tài sản cho tôi chút nào! Bà mẹ vẫn một mực lo lắng cho con: - Vậy thì phải làm sao? Ông phải tính sao cho con tôi chớ? - Yên chí! Tôi sẽ sắp xếp sao cho chẳng tốn xu nào. Thế là ông đi đến từng thầy thuốc, tìm cách hỏi đon hỏi ren cho ra phương thuốc trị bệnh cho con ông: - Này ông anh, nếu gặp một người bị bệnh như vầy.. như vầy..., thường thì ông trị liệu ra sao, cho uống thuốc gì? Họ liền kể ra các thứ vỏ cây, tên cây, tên khác.. Thế là ông đi kiếm đủ thứ vỏ cây, lá rừng.. mang về sao chế thuốc cho con. Nhưng dầu làm hết cách, bệnh trạng đứa con càng ngày càng tệ. Cuối cùng hết phương cứu chữa, ông mời hẳn một thầy thuốc đến. Nhìn thấy chàng trai quá yếu, thầy thuốc khéo léo từ chối: - Tôi đang bận một việc quan trọng, xin mời một vị khác đến chữa trị. Tôi rất tiếc. Và ông vội vàng rời khỏi nhà. Thấy con mình gần chết, tuy có đau buồn nhưng vẫn không quên tính keo kiệt, bo bo giữ của, ông ra lệnh mang con ra khỏi nhà, đặt nằm trên thềm, vì sợ những người đến thăm con mình sẽ dòm ngó luôn tài sản trong nhà. Hôm ấy, từ sáng sớm, đức Thế Tôn đã xuất định Đại Bi, và để tìm xem những ai có lập nguyện trong đời chư Phật trước, những người căn lành tròn đầy, những đạo hữu có thể xuất gia, Ngài quán sát với Phật nhãn mở rộng đến mười phương thế giới, và thấy Matthakundali đang nằm hấp hối ngoài thềm nhà. Đấng Đạo sư biết ngay là anh ta vừa từ trong nhà được khiêng ra đặt nằm đó, và cũng biết rằng anh ta có nhân duyên với Phật, đặt niềm tin nơi Phật, sẽ chết và sẽ tái sinh lên cõi trời thứ ba mươi ba, sống trong lâu đài bằng vàng, có một ngàn thiên nữ theo hầu. Bà-la-môn sẽ thiêu xác con, rồi đi quanh bãi thiêu khóc lóc. Vị trời sẽ tự ngắm mình thân cao ba dặm, được trang điểm với sáu mươi xe đầy ắp đồ trang sức, có ngàn thiên nữ vây quanh. Vị ấy thắc mắc không biết do công đức gì mà được quả báo thù thắng như thế, và rồi vị ấy biết là do tín tâm. Rồi vị ấy thấy cha mình trước đây không chịu lo

thuốc thang cho mình, nay đang đi trong bãi thiêu than khóc. Vị ấy liền quyết định sẽ làm cho cha thay đổi tâm tánh. Vị trời xúc động vì cha, sẽ hóa hình thành Matthakundali đi đến bãi thiêu, gieo mình xuống đất khóc lóc. Ông Bà-la-môn sẽ hỏi: - Người là ai?

Vị trời sẽ trả lời: - Là Matthakundali, con của cha. - Con tái sinh ở đâu? - Ở tầng trời thứ ba mươi ba. Ông Bà-la-môn sẽ hỏi tiếp: - Con làm công đức gì mà được? - Nhờ tin Phật. Người Bà-la-môn chưa tin hẳn, sẽ hỏi lại Thế Tôn: - Có ai do tin Phật mà được sanh thiên không? Thế Tôn sẽ đáp: - Chẳng phải có hằng trăm, hằng ngàn hay hằng trăm ngàn mà vô số người đều được. Rồi Thế Tôn sẽ đọc một đoạn Pháp Cú. Cuối đoạn Pháp Cú sẽ có tám vạn bốn ngàn người được Pháp nhãn thanh tịnh. Matthakundali sẽ chứng quả Dự lưu, cả Bà-lamôn Adinnapubbaka cũng chứng quả ấy. Như vậy nhờ chàng trai ưu tú này mà nhiều người được Pháp nhãn thanh tịnh. Đức Phật biết rõ như đã kể trên, nên hôm sau vệ sinh xong, Ngài đi giữa một đoàn Tỳ-kheo vào thành Xa-vệ khất thực, và trên đường đi Phật ghé nhà người Bà-la-môn. Lúc ấy Matthakundali đang nằm quay mặt vào nhà. Phật biết anh ta không trông thấy Ngài, bèn phóng một luồng hào quang. Chàng trai ngạc nhiên không biết là ánh sáng gì, quay mặt ra định hỏi thì nhìn thấy đức Phật, liền thưa thỉnh: - Vì ông cha ngu xuẩn nên con không được ân huệ đến với đức Phật tôn quí, cũng không được hầu hạ Ngài, để bát hoặc nghe pháp. Giờ đây tay con cũng không nhúc nhích được, con chẳng làm gì được nữa!. Nói vậy rồi anh ta đặt trọn lòng tin nơi Phật. Đức Đạo sư hoan hỷ bảo: - Vậy là đủ! Và Ngài bước đi. Khi đức Phật xa dần khỏi tầm mắt, chàng trai tắt thở trong tín tâm. Và như vừa ngủ dậy, chàng tái sinh vào cõi trời, y như Phật đã thấy biết trước. Và khi người Bà-lamôn gặp lại chàng đứng khóc tại bãi thiêu, đã đọc kệ hỏi lý do: Trang sức sang trọng, bông tai đeo vàng chói, Mang vòng hoa có khảm gỗ đàn hương, Vặn bàn tay và khóc lóc thảm thương, Sao anh khổ giữa rừng sâu như thế? Chàng trai đáp: Chiếc xe ngựa quý - thân tôi Sáng chói bằng vàng nguyên khối, Bánh xe tìm không ra nổi,

Đau buồn tôi sẽ chết thôi!
Người Bà-la-môn:
Bánh xe ấy bằng vàng hay bạc?
Bánh đồng hay ngọc quý kim cương?
Nói cho ta nghe thật rõ ràng,
Ta sẽ kiếm cho chàng đầy đủ.
Chàng trai lạ lùng vì thái độ của ông Bà-la-môn, lúc trước con đau thì bỏn xẻn không dám mời thầy thuốc đến chữa trị, nay thấy mình giống con ông ấy thì không ngại tốn kém, hứa kiếm bánh xe cho mình dù bằng vàng, kim cương hay bạc đồng; do đó vì muốn trên chọc ông ta, anh hỏi:
- Cặp bánh ông làm cho xe tôi lớn chừng nào?
- Lớn như ngươi muốn.
- Tôi muốn được mặt trời và mặt trăng làm bánh xe, hãy cho tôi đi!
Chàng bảo Ba-la-môn:
Ôi!

Trăng trời là cặp sinh đôi giữa ngàn.
Xe tôi nguyên khối bằng vàng,
Có thêm đôi cánh rỡ ràng biết bao!
Người Bà-la-môn trả lời:
Ngươi thật là một kẻ ngu
Đi kiếm thứ ở xa mù
Ta e rằng ngươi sẽ chết
Trời trăng há dễ được ru?
Nhưng chàng trai vặn lại:
- Nhưng ai ngu hơn? Người khóc đòi thứ hiện hữu hay người khóc đòi thứ không hiện hữu?
Trời trăng rạng rỡ đến đi,
Đây kia đều thấy chẳng khi nào lầm.
Con ông chết chẳng còn trông,
Ai người ngu ngốc khóc mong suốt ngày?
Nghe xong, người Bà-la-môn như bừng tỉnh, thấy chàng trai có lý, ông kết luận:
Trong hai kẻ khóc than thảm thiết
Ta, người ngu khôn xiết chẳng sai
Trăng kia, trẻ mãi khóc đòi
Như ta mong gặp con trai chết rồi.
Hết cả đau buồn nhờ chàng trai giải thích nên người Bà-la-môn khen ngợi:
Tôi như ngọn lửa cháy hừng
Tưới thêm dầu mỡ có ngưng được nào
Người như một trận mưa rào
Tiêu tan sầu khổ lòng nào vui hơn?
Mũi tên đau đáu sầu thương
Nhờ người nhổ bỏ hết vương lụy phiền
Tôi nay vui vẻ an nhiên
Không còn buồn khóc, lời khuyên ghi lòng.
Rồi người Bà-la-môn hỏi:
- Anh là ai?
Là trời, Càn-thát-bà,
Hay Đế Thích thù thắng?
Là ai? Con của ai?
Làm sao tôi biết đặng?
Chàng trai đáp:
Tôi là người ông khóc than,
Là con ông, đã cháy tan nơi này.
Nhờ làm việc phước, quý thay!

Dứt hơi liền đã sanh ngay cõi trời.
Bây giờ người Bà-la-môn hiểu hết tự sự, nhưng vẫn còn một điểm thắc mắc:
Lúc con còng ở tại nhà
Tí ti cũng chẳng bỏ ra cúng dường
Ăn chay cũng chẳng có luôn
Công đức nào được khiến con lên trời?
Chàng trai trả lời:
Khi tôi nằm ở tại nhà
Đau nhức vì bệnh trầm kha
May mắn được trông thấy Phật
Người không dục vọng, nghi ngờ
An vui, trí tuệ cao tột.
Lòng tin trong tôi phát ra
Cúi đầu chắp tay quỵ ngưỡng.
Sanh ngay cõi trời ba mươi ba.
Nghe chàng nói, người Bà-la-môn thân tâm tràn ngập vui sướng, nên cất tiếng tán thán:
Kỳ diệu thay! Mầu nhiệm thay!
Kính lễ được quả báo này
Hoan hỷ và đầy tin tưởng
Tôi quy y Phật hôm nay.
Chàng trai đáp từ:
- Hôm nay quy y Phật, Pháp, Tăng với tín tâm, ông hãy lãnh thọ năm giới, giữ gìn nguyên vẹn không sai sót:
* Không được giết sinh mạng kể từ phút này. * Không lấy của không cho * Không uống rượu * Không nói dối * Chung thủy với vợ mình Người Bà-la-môn ưng thuận và nói bài kệ: Này Phạm thiên cao quý, Người mong tôi an vui, Người mong tôi hạnh phúc, Tôi xin vâng lời người. Người là thầy của tôi, Tôi xin quy y Phật, Quy y Pháp và Tăng. Từ nay thôi giết hại, Không lấy của không cho, Không uống rượu, nói dối, Chung thủy với vợ mình. Vị trời, trước khi từ giã ngỏ ý khuyên bảo: - Này Bà-la-môn, ông có nhiều của cải. Hãy đến đức Đạo sư, cúng dường, nghe pháp và thưa hỏi. Rồi biến mất. Người Bà-la-môn lòng vui mừng hớn hở về nhà dặn vợ: - Bà à! Tôi sẽ thỉnh Sa-môn Cồ-đàm đến nhà và thưa hỏi. Hãy chuẩn bị tiếp đón. Đoạn ông ta đi đến tịnh xá. Không lễ Phật và cũng chẳng bày tỏ sự vui mừng được gặp Ngài, ông đứng một bên thưa: - Ngài Cồ-đàm, xin Ngài và chúng Tăng nhận lời thỉnh thọ trai tại nhà tôi hôm nay. Đức Đạo sư nhận lời. Ông liền nhanh chóng trở về chuẩn bị tại nhà các thức ăn loại cứng và mềm. Đức Đạo sư cùng chúng Tăng đến nhà ông, ngồi nơi chỗ đã dành sẵn, và được ông cung kính hầu hạ. Một đám đông không mời gọi đã tu tập không chậm trễ. Khi một ngoại đạo thỉnh Phật, sẽ có hai hạng người tụ đến. Những kẻ tà kiến sẽ tụ đến với ý nghĩ hôm nay chúng ta sẽ thấy Sa-môn Cồ-đàm bối rối vì những câu hỏi bủa vây. Còn

những người chánh kiến sẽ nghĩ hôm nay chúng ta sẽ thấy oai lực và sự thù thắng của đức Phật. Đức Thế Tôn thọ thực xong, ông đến bên Ngài, ngồi xuống chỗ thấp và hỏi: - Ngài Cồ-đàm, có ai được sanh thiên chẳng phải vì cúng dường Ngài hay xưng tán Ngài, cũng chẳng vì nghe pháp hay ăn chay, mà chỉ do một hành vi đầy lòng tín tâm? - Này Bà-la-môn, tại sao ông hỏi Ta? Chẳng phải con trai ông Matthakundali đã nói cho ông nghe rằng anh ta được sanh thiên nhờ kính tin Ta sao? - Hồi nào, Ngài Cồ-đàm?

- Chứ chẳng phải hôm nay ông đã đi đến bãi thiêu, và khi đang khóc lóc ông trông thấy một chàng trai cũng vật vã than khóc. Và ông đã chẳng hỏi: Trang sức sang trọng, bông tai đeo vàng chói Mang vòng hoa có khảm gỗ đàn hương. Rồi đức Đạo sư tiếp tục kể rõ ràng chi tiết cuộc đối đáp giữa hai cha con và trọn vẹn câu chuyện của Matthakundali. Do đây mà đức Phật nói lên đoạn kinh: - Này Bà-la-môn, chẳng phải là một trăm hay hai trăm, mà có vô số người do đặt niềm tin nơi Ta mà được sanh thiên. Thấy đám đông chưa hết nghi ngờ, đấng Đạo sư ra lệnh: - Phạm thiên Matthakundali, hãy đến đây với lâu đài của ngươi! Tức thì Matthakundali hiện ra, thân cao gần một dặm với nhiều đồ trang sức cõi trời. Từ lâu đài bước xuống, Phạm thiên đảnh lễ đức Đạo sư rồi cung kính đứng một bên. Đức Phật hỏi: - Ngươi đã tạo lập công đức gì mà được phước báo thế này? Phạm thiên với dung nhan thù thắng. Chiếu sáng bốn phương như sao trời, Hỡi vị trời oai lực phi thường, Sinh thời làm công đức gì thế? Phật nói kệ xong, Phạm thiên đáp: - Bạch Thế Tôn, con được phước báo thù thắng này do kính tin Ngài. - Ngươi được phước báo sanh thiên nhờ kính tin Ta? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Đám đông chiêm ngưỡng vị trờ và đồng vui mừng thốt lên: - Oai lực của chư Phật thật là kỳ diệu! Con trai Ba-la-môn Adinnapubbaka được phước báo như thế này chỉ do kính tin Phật, chẳng phải do công đức nào khác! Đức Đạo sư bèn thuyết giảng: - Tâm ý là gốc của hành động, cả tốt lẫn xấu. Chính tâm ý điều khiển hành động. Bởi vì việc làm do lòng tin theo người đi trong nhơn thiên như bóng theo hình. Đấng Pháp Vương, như một vị vua đóng dấu ấn bằng con triện hoàng gia lên sắc dụ đã được niêm phong, tiếp tục đọc Pháp Cú sau: (2) Ý dẫn đầu các Pháp, Ý làm chủ, ý tạo, Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng không rời hình. 3. Chàng Mập Tissa Nó mắng tôi, đánh tôi...

Lời giáo huấn này đức Đạo sư dạy Trưởng lão Tissa lúc Ngài trú tại tịnh xá Kỳ Viên. Hình như Đại đức Tissa là con trai người cô của Phật. Xuất gia khi đã lớn tuổi, lại thêm dáng người mập mạp, Tissa ưa thích lợi dưỡng và sự tôn kính riêng cho Phật. Y áo của Đại đức lúc nào cũng giặt ủi láng bóng, và ông luôn luôn ngồi giữa giảng đường tinh xá. Một hôm, vài du tăng đến viếng Thế Tôn và tưởng Tissa là một Đại Trưởng lão, họ xin được đặc ân hầu hạ, chùi chân cho Tissa v.v.. Đại đức im lặng. Lúc ấy một thầy tăng trẻ tuổi hỏi: - Ngài được mấy hạ? Tissa trả lời: - Chưa có hạ nào cả. Tôi già rồi mới xin xuất gia. Thầy tăng buột miệng: - Ông Tỳ-kheo tồi! Ông cứ tưởng mình là quan trọng. Gặp các vị Đại Trưởng lão này, ông cư xử chẳng lễ độ một chút nào. Khi họ xin hầu hạ ông các thứ, ông im lặng nhận lời. Ông lại không tỏ ra một chút ân hận về tư cách tồi tệ của mình! Nói rồi, vị tăng búng tay cái tách. Lòng kiêu hãnh của một người thuộc giai cấp chiến sĩ nổi dậy, Tissa gắt gỏng: - Các ông đến gặp ai? - Chúng tôi đến thăm đấng Đạo sư. - Nhưng đối với ta, các ông cũng phải tìm hiểu xem người này là ai chứ? Ta sẽ giết

tiệt dòng họ các ông! Nói một mạch cho hả hơi, rồi Tissa đi đến chỗ Phật buồn rầu khóc lóc. Đấng Đạo sư thấy vậy mới hỏi: - Tissa, sao vậy? Sao ông đến đây tèm lem nước mắt, sầu khổ thế kia? Các du tăng trước đây có bàn với nhau không dám để Tissa đi một mình e gây nhiều chuyện rắc rối, nên đi theo Tissa, đến đảnh lễ đức Đạo sư và cung kính ngồi một bên. Tissa nghe Phật hỏi liền đáp: - Bạch Thế Tôn, những Sa-môn này lăng mạ con. - Nhưng ông đang ngồi ở đâu? - Ở giữa giảng đường tinh xá, bạch Thế Tôn! - Khi những Sa-môn này đến, ông có thấy họ không? - Con có thấy họ, bạch Thế Tôn! - Ông có đứng dậy chào họ không? - Thưa Thế Tôn, không. - Ông có đỡ giùm đồ đạc giúp họ không? - Bạch Thế Tôn, không. Con không đỡ giùm đồ đạc cho họ. - Ông có sẵn lòng phục vụ họ không? Và mời nước uống không?

- Không, bạch Thế Tôn! Con không phục vụ cũng chẳng mời nước uống. - Ông có đem tọa cụ đến mời ngồi và chùi chân cho họ không? - Thưa không, Thế Tôn! - Tissa, ông nên làm các việc trên đối với những Sa-môn lớn tuổi, vì ai không làm thế sẽ không được quyền ngồi giữa tịnh xá. Chỉ có ông là đáng bị rầy. Hãy xin lỗi những Sa-môn này đi! - Nhưng họ đã lăng mạ con, Thế Tôn! Con sẽ không xin lỗi họ. - Tissa, chớ làm như vậy. Chỉ có ông mới đáng bị rầy. Xin lỗi họ đi! - Con không xin lỗi họ, Thế Tôn! Các Sa-môn bạch Phật: - Ông ấy thật là cứng đầu, thưa Thế Tôn! Đức Đạo sư trả lời: - Này các Sa-môn, đây chẳng phải là lần thứ nhất ông ấy cứng đầu. Kiếp trước ông ấy cũng đã bướng bỉnh như thế. - Chúng con đã rõ tính ương ngạnh của ông ấy trong hiện tại, bạch Thế Tôn. Nhưng còn kiếp trước ông đã làm gì? - Này các Sa-môn hãy lắng nghe! Và đức Phật kể câu chuyện. Chuyện quá khứ A. Devala và Nàrada Vào thuở nọ, dưới triều một vị vua ở Ba-la-nại, có một nhà tu khổ hạnh tên là Devala sau tám tháng ở Hy-mã-lạp-sơn về thành kiếm muối và giấm. Ông cũng muốn về ở gần thành phố trong bốn tháng mùa mưa. Gặp hai chú bé nơi cổng thành, ông hỏi: - Các Sa-môn đến thành phố thường ngủ đêm tại đâu? - Nơi nhà người thợ gốm, thưa Tôn giả. Thế là Devala đi đến nhà người thợ gốm, đứng trước cửa hỏi: - Gia chủ! Nếu người bằng lòng, tôi sẽ nghỉ lại một đêm trong nhà người. Thợ gốm mở rộng cửa mời: - Ban đêm tôi không làm việc, nhà lại rộng: xin Tôn giả cứ ngủ tại đây. Devala vừa vào nhà và ngồi xuống thì có một ẩn sĩ khác tên Nàrada cũng từ Hy- mã-lạp-sơn đến xin tá túc. Người thợ gốm, với lòng tử tế và hiếu khách đối với các Sa- môn, lo lắng không biết vị ẩn sĩ đến trước có chịu ngủ chung với vị mới đến hay không, nên khéo léo bảo Nàrada: - Nếu vị ẩn sĩ đến trước đồng ý thì xin mời Ngài. Và Nàrada Nàrada đến gặp Devala nói: - Thưa thầy, nếu thầy đồng lòng, tôi xin ngủ lại đây một đêm. Devala hoan hỷ: - Nhà còn rộng, xin mời thầy vào và ngủ lại một bên này.

Rồi Nàrada bước vào, ngồi phía sau Devala. Họ chào hỏi nhau một cách thân thiện. Đến giờ ngủ, trước khi nằm xuống, Nàrada cẩn thận ghi nhớ chỗ của Devala và vị trí cửa ra vào. Nhưng Devala, thay vì ngủ đúng chỗ của mình, lại nằm ngay giữa lối đi. Hậu quả là khi Nàrada bước ra ngoài ban đêm, ông đạp nhằm bím tóc của Devala. Tức thì nhà khổ hạnh la toáng lên: - Ối! Ai dẫm lên bím tóc ta? Nàrada từ tốn trả lời: - Thưa thầy, tôi. Devala, giọng nóng nảy tiếp tục la: - Đồ đạo đức giả! Ngươi là đồ rừng rú. Ngươi đã đạp lên tóc ta! - Thưa thầy, tôi không biết thầy nằm ở đây. Xin thứ lỗi cho tôi!. Rồi Nàrada bước ra, để lại Devala một mình khóc lóc như bị ai bóp vỡ tim. Chưa hết. Sau

đó, Devala xoay ngược người lại, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ ban nãy đã để chân, cố ý để Nàrada giẫm lên mình. Nàrada bước vào, lòng dặn lòng hồi nãy mình đã lỡ xúc phạm vị đạo sĩ, lần này mình sẽ đi mé dưới chân người. Tất nhiên là khi vừa bước vào, Nàrada dẫm ngay lên cổ Devala. Tức thì Devala hét ầm lên: - Trời! Ai đó? Nàrada vội vàng nói: - Thưa thầy, tôi. Devala lần này càng kêu to: - Đồ đạo đức giả! Lần đầu ngươi dẫm lên tóc ta, lần này ngươi đạp lên cổ ta. Ta sẽ nguyền rủa ngươi! - Thưa thầy, tôi không đáng bị khiển trách. Tôi không biết thầy nằm ở phía này. Khi bước vào tôi đã hết sức dè dặt, tự nhắc nhở phải cẩn thận, đi phía dưới chân đạo sĩ, tránh xúc phạm người. Xin thầy thứ lỗi cho tôi! Devala vẫn la oai oái: - Đồ đạo đức giả! Ta sẽ nguyền rủa ngươi. - Đừng làm vậy, thưa thầy! Mặc những lời thiết tha xin lỗi của Nàrada, Devala vẫn rủa tiếp: - Mặt trời có ngàn tia sáng, có trăm ánh lửa xua tan bóng tối. Sáng mai vào lúc mặt trời mọc, đầu ngươi sẽ vỡ làm bảy mảnh. Nàrada đáp: - Thầy, tôi đã giải bày hết lời là không phải lỗi tại tôi, thầy vẫn chẳng chịu nghe. Đầu kẻ có lỗi sẽ vỡ làm bảy mảnh chớ không phải đầu người vô tội. Tức thì Nàrada đọc lời nguyền sau: - Mặt trời có ngàn tia sáng, có trăm ánh lửa xua ta bóng tối. Sáng mai vào lúc mặt trời mọc, đầu người sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Ẩn sĩ Nàrada có đại thần thông, có thể thấy suốt tám mươi tiểu kiếp: bốn mươi tiểu kiếp quá khứ và bốn mươi tiểu kiếp tương lai. Vì vậy ông thấy lời nguyền sẽ rớt trúng ngay ông thầy khổ hạnh bạn mình. Ông cảm thấy thương xót, và vì vậy làm phép không cho mặt trời mọc. Không thấy mặt trời mọc, dân chúng tụ tập trước cổng cung vua, rên rỉ: - Tâu Đại vương, mặt trời không mọc nữa! Ngài là vua, làm sao cho mặt trời mọc giùm chúng tôi với! Nhà vua xét lại những hành động, lời nói và ý nghĩ của mình, thấy chẳng có điều gì sai trái, nên không hiểu nguyên nhân nào mặt trời không mọc. Nhà vua suy đoán rằng đây có thể là do tu sĩ cãi cọ bất hòa với nhau nên hỏi thăm, và liền cầm đuốc đi đến nhà thợ gốm cúi chào Nàrada, cung kính ngồi xuống một bên và nói: - Bạch ngài Nàrada, dân xứ Diêm-phù-đề không thể sinh hoạt như bình thường. Tại sao bóng đêm bao trùm thế giới? Xin trả lời câu hỏi của tôi. Nàrada kể lại toàn bộ câu chuyện và hậu quả của lời nguyền. Vua hỏi tiếp: - Nhưng thưa Tôn giả, làm sao ông ta có thể thoát chết? - Ông ấy sẽ thoát chết nếu xin lỗi tôi. Vua bắt Devala phải xin lỗi Nàrada. Nhưng Devala một mực ngoan cố: - Tâu Đại vương, ông bạn này đã dẫm lên tóc tôi và đạp lên cổ tôi. Không đời nào tôi thèm xin lỗi đồ đạo đức giả đó! Vua vẫn khẩn thiết yêu cầu Devala: - Xin lỗi đi, Tôn giả! Đừng làm như vậy! - Đại vương, tôi không thèm xin lỗi. - Đầu Ngài sẽ bể làm bảy mảnh! - Mặc kệ! Tôi cũng không xin lỗi. Lần này vua gằn giọng: - Ông vẫn không chịu xin lỗi phải không? Thế rồi nhà vua nắm lấy tay, chân, bụng và cổ nhà ẩn sĩ, bắt cúi đầu dưới chân Nàrada. Nàrada lòng cởi mở: - Hãy đứng lên thầy! Tôi đã tha lỗi cho thầy! Rồi Nàrada tâu với vua: - Đại vương, ẩn sĩ này không chịu xin lỗi tôi. Hãy đem ông ta đến một cái hồ gần thành, đặt một cục đất sét trên đầu ông, bắt ông ta đứng dưới nước ngập cổ. Vua y lời. Nàrada còn dặn thêm khi ông làm phép cho mặt trời mọc trở lại, Devala hãy lặn xuống nước và trồi lên nơi khác rồi đi đi! Quả đúng như rằng, ngay khi ánh mặt trời lóe lên thì chạm vào cục đất sét làm vỡ thành bảy mảnh. Tức thì Devala lặn xuống nước, trồi lên nơi khác và đi mất. Thế Tôn kết thúc câu chuyện:

- Này các Tỳ-kheo! Nhà vua lúc ấy là Ananda, Devala là Tissa, còn Nàrada chính là Ta. Thuở đó Tissa cũng cứng đầu như vậy. Rồi đức Đạo sư dạy Trưởng lão Tissa như sau: - Tissa! Nếu một Tỳ-kheo cho phép mình nghĩ rằng người này người kia mắng tôi, người này người kia đánh đập tôi, người này người kia đánh bại tôi, cướp giật của tôi, ông ấy sẽ hận thù không nguôi. Nhưng nếu Ty-kheo ấy không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, thù hận sẽ nguôi ngoai. Nói xong Phật đọc Pháp Cú: (3) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi, Ai ôm biềm bận ấy, Hận thù không thể nguôi. (4) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi, Không ôm biềm bận ấy, Hận thù được tự nguôi. 4. Không Lấy Oán Trả Oán Với hận diệt hận thù... Phật dạy Pháp Cú này cho một người hiếm muộn, lúc Ngài ngụ tại tinh xá Kỳ Viên. Một người kia, sau khi cha chết, một mình lo liệu gánh vác tất cả việc nhà cửa ruộng vườn, lại còn chăm sóc bà mẹ. Mẹ bảo anh: - Con ạ, mẹ sẽ kiếm cho con một cô vợ trẻ. Người con hiếu thảo bèn thưa: - Mẹ thân yêu, đừng nói thế. Ước ao duy nhất của con là được phụng dưỡng mẹ suốt đời. - Con ơi, mẹ không muốn một mình con phải gánh vác hết mọi việc trong nhà ngoài ruộng, hãy để mẹ kiếm vợ cho con. Anh ta từ chối đôi ba phen, rồi đành im lặng bằng lòng. Bà mẹ hớn hở rời khỏi nhà, định đi đến một nhà nọ kiếm con dâu đem về. Anh ta bèn hỏi mẹ: - Mẹ định đến nhà ai vậy? Bà lão giơ tay chỉ: - Đến nhà kia kìa! Anh ta không để mẹ đi đến nhà theo dự định, mà chỉ cho bà một nhà khác anh thích hơn. Vậy là bà đến nhà con mình thích, chọn nàng dâu rồi lựa ngày làm lễ cưới. Rủi thay lại gặp một nàng dâu không sinh đẻ. Bà mẹ nóng lòng bế cháu nên vội vã bảo anh con trai:

- Con ạ, con đã bảo mẹ đem về người vợ do con tự chọn, nhưng cô ấy lại chẳng sinh đẻ. Gia đình không con cái sẽ lụn bại, giống dòng sẽ tuyệt tự. Con hãy để cho mẹ kiếm một nàng dâu khác nghe con! Anh con trai có vẻ không bằng lòng nên lắc đầu: - Xin mẹ đừng nói nữa! Nhưng bà mẹ vẫn nhai đi nhai lại điệp khúc cũ nên lọt vào tai cô vợ hiếm muộn. Lòng cô ngổn ngang trăm mối. Chắc chắn là con phải vâng lời mẹ thôi, nếu bà già kiếm được một người dễ sinh nở thì cô sẽ bị nhà chồng xem thường, coi như đầy tớ. Chi bằng chính cô chọn vợ cho chồng. Thế là người đàn bà hiếm muộn đi đến nhà nọ kiếm một cô gái cho chồng. Nhưng vừa hở môi bà đã gặp sự chống đối của cha mẹ cô gái. Họ hỏi gặng lại bà: - Này, bà nói cái gì thế? Người đàn bà không con trả lời: - Thú thật ông bà thương, tôi chẳng may xấu số không sinh đẻ, mà gia đình không con sẽ tuyệt tự. Nếu con gái ông bà về nhà tôi sinh được con trai, cô ấy sẽ là bà chủ quán xuyến hết cả gia sản. Xin ông bà hãy cho tôi cưới cô nhà về cho chồng tôi. Cuối cùng người đàn bà đã thuyết phục được cha mẹ cô gái và rước cô về nhà. Dù đã làm được theo ý mình, người đàn bà hiếm con vẫn không an tâm, cứ lo sợ đối thủ sinh con, sẽ là bà chủ trong nhà. Rồi bà đến nói với đối thủ của mình: - Nè em! Hễ em có thai thì cho chị biết nhé! Cô kia ngoan ngoãn trả lời: - Dạ. Và như lời hứa, ngay khi mang thai cô đến báo cho người vợ cả biết. Hằng ngày vợ cả thường tự tay nấu cháo cho đối thủ mình ăn. Thế là từ hôm đó bà bỏ vào cháo một ít thuốc phá thai. Kết quả đối thủ của bà bị sẩy thai. Lần thứ hai, người vợ sau cũng lại báo tin cho vợ cả khi mang thai. Vợ cả làm như lần trước và cô này lại sẩy thai nữa. Các bà hàng xóm thấy cô vợ sau ngây thơ, nên vừa thương tình vừa tò mò mới hỏi thăm: - Có phải đối thủ của chị thọc gậy bánh xe chị không? Và khi nghe kể lại sự vụ, họ bảo: - Đồ ngốc, sao chị dại dột như vậy? Bả sợ

chị chiếm ưu thế trong gia đình nên trộn thuốc phá thai cho chị ăn. Lần sau đừng có nói cho bả biết nữa nghe chưa! Lần thứ ba người vợ sau không nói gì cả, nhưng bà hiếm con thấy bụng người vợ sau ngày càng to liền hỏi: - Sao em có thai mà không nói cho chị biết? Bà vợ sau thật thà nghĩ sao nói vậy: - Chính chị mang tôi về đây, vậy mà hai lần rồi chị làm tôi hư thai. Tại sao tôi phải nói với chị kia chứ? Bà không con thất vọng: "Hỏng, thế là ta thua rồi!". Từ đó bà theo dõi, chờ cơ hội đối thủ thiếu cảnh giác lại ra tay, vì bà vẫn chưa chịu thua.

Khi đứa bé trong bụng mẹ đã thành hình, bà cả thừa một dịp nọ trộn thuốc cho bà vợ sau ăn, nhưng vì hình thể đã đầy đủ nên thai nhi không bị hư, mà lại kẹt ngang cổ tử cung. Ngay sau đó bà mẹ đau bụng dữ dội và cảm thấy giờ chết đến nơi. Bà la hoảng lên: - Mày giết tao! Chính mày mang tao về và cũng chính mày giết ba đứa con của tao. Giờ tao sắp chết, kiếp sau tao sẽ thành quỷ dạ xoa ăn thịt con mày! Nguyền rủa rồi bà tắt hơi và lại sanh vào nhà ấy thành một con mèo. Còn ông chồng lúc ấy tóm bà vợ không con, nạt nộ: - Chính mày làm tan nát gia đình tao. Rồi ông dùng cùi chỏ, đầu gối.. đánh đập bà tàn nhẫn. Sau trận đòn, người vợ cả ốm nặng rồi chết, lại cũng sinh vào nhà ấy thành một con gà mái. Như vậy bà vợ sau tái sinh là con mèo, vợ cả là con gà. Khi gà mái đẻ trứng, mèo đến ăn sạch hết. Ba lần như vậy gà mái cất tiếng: - Đã ba lần mày ăn trứng con tao, bây giờ mày còn chực ăn luôn cả tao. Kiếp sau tao sẽ ăn thịt mày và con mày. Nguyền như vậy rồi nó chết và sinh làm con beo cái. Còn mèo sinh làm con nai cái. Ba lần nai cái sinh con, ba lần beo đến nuốt tươi. Khi sắp chết, nai cái lại nguyền rủa: - Ba phen ác thú này nuốt sống con ta và giờ nó định nhai luôn cả ta nữa. Kiếp sau ta sẽ nhai nuốt nó và con nó! Rồi nai cái tái sinh là quỷ Dạ-xoa và beo chết đi đầu thai thành một cô gái dòng tôn quý ở Xá-vệ. Lớn lên, cô gái lập gia đình sống bên nhà chồng tại một khu xóm nhỏ gần cổng thành. Một thời gian sau cô có con. Quỷ Dạ-xoa biến thành một người bạn thân đến thăm cô gái và hỏi người nhà: - Bạn tôi đâu? - Ở phòng trong, cô ấy vừa sinh hạ một đứa bé. Da-xoa hớn hở hỏi tiếp: - Con trai hay con gái vậy? Tôi muốn thăm chị ấy. Rồi tất tả bước vào trong, giả vờ nhìn ngắm đứa bé và nhanh tay chộp lấy nhai nuốt xong đi ra. Lần thứ hai, quỷ cũng nuốt tươi con của người vợ trẻ như vậy. Đến lần thứ ba, thấy bụng đã lớn cô vợ trẻ thủ thỉ với chồng: - Anh à, tại đây có một con quỷ Dạ-xoa đã nuốt chết hai đứa con của chúng ta và trốn thoát. Lần này tôi định trở về nhà để sinh nở. Lúc bấy giờ đến phiên quỷ Dạ-xoa đi kéo nước (Da-xoa thay phiên nhau kéo nước từ hồ Anottatta đổ lên nguồn, mãn hạn bốn hay năm tháng chúng được thả về, nếu không bị chết vì kiệt sức). Ngay khi vừa được thả ra, quỷ Da-xoa liền chạy đến gặp người vợ trẻ hỏi: - Bạn tôi đâu rồi? Người trong nhà đáp: - Chị chẳng gặp cô ấy đâu. Có một con quỷ Dạ-xoa đã ăn thịt những đứa con cô ấy sinh ra trong nhà này. Vì vậy cô ấy đi về nhà cha mẹ ruột rồi. Quỷ lầm bầm:

- Dù có chạy đằng trời, nó cũng không thoát khỏi tay ta! Nôn nóng vì thù hận, Dạ-xoa tức tốc đi vào thành. Đến ngày lễ đặt tên, bà mẹ tắm rửa và đặt tên cho đứa bé xong, thưa với chồng: - Ông à, bây giờ chúng ta hãy trở về nhà. Cô vợ ẵm con đi bên cạnh chồng. Trên con đường băng ngang tinh xá, khi đến hồ nước của tinh xá, người vợ trẻ giao con cho chồng và xuống hồ tắm. Cô tắm xong, đến phiên chồng, và cô ngồi đợi gần đó và cho con bú. Ngày lúc ấy quỷ Dạ-xoa xuất hiện. Cô vợ trông thấy nhận ra nó, lập

tức la lên: - Ông ơi! Đến đây mau! Con quỷ đây nè! Sợ chồng đến không kịp, cô xoay người đâm đầu chạy vào tinh xá. Lúc ấy đức Đạo sư đang thuyết pháp giữa chúng hội. Người vợ trẻ đặt con dưới chân Phật thưa: - Con xin cúng dường Ngài đứa bé này. Xin hãy cứu lấy nó! Quỷ cũng rượt theo tới nơi. Thiên thần Sumana khi đó đang trú tại hốc cửa bên trên cổng tinh xá, liền ngăn quỷ Dạ-xoa lại không cho vào. Đức Đạo sư bảo Trưởng lão A-nan: - A-nan, ngươi hãy ra gọi quỷ Dạ-xoa vào đây! Trưởng lão y lệnh. Người vợ vừa thấy quỷ lo sợ, kêu lên thất thanh: - Nó đó, thưa Thế Tôn. Đức Đạo sư dạy: - Hãy để nó vào. Đừng làm ồn! Dạ-xoa bước vào, đứng trước Phật. Phật hỏi: - Sao ngươi làm như vậy? Nếu không gặp một vị Phật như Ta, ngươi sẽ ôm ấp mối hận đến ngàn đời, không khác gì con Rắn và con Cáo run rẩy giận dữ, như Quạ và Cú. Sao ngươi lấy oán trả oán? Chỉ có tình thương mới dập tắt được hận thù. Và đức Phật đọc Pháp Cú: (5) Với hận diệt hận thù, Đời này không có được, Không hận diệt hận thù, Là định luật ngàn thu. Nghe dứt bài kệ, Dạ-xoa liền đắc quả Dự lưu. Phật bảo người đàn bà đưa đứa bé cho Dạ-xoa. Người đàn bà vẫn còn sợ, không dám đưa. Nhưng sau khi Phật cho biết là không cần phải đề phòng, bà ta mới dám trao. Dạ-xoa nhận đứa bé trong tay, ôm hôn âu yếm rồi trả lại cho mẹ nó, xong bắt đầu khóc. Nghe Phật hỏi tại sao, Dạ-xoa liền thưa: - Thưa Thế Tôn! trước đây con hết sứ xoay sở mà chẳng đủ ăn. Giờ con không biết sẽ sống ra sao. Phật an ủi Dạ-xoa, rồi quay sang người mẹ, Ngài dạy: - Hãy cho Dạ-xoa ở trong nhà con và nuôi bằng loại cháo ngon nhất. Người đàn bà vâng lện đưa Dạ-xoa về nhà, cho ở trên cây kèo giữa và nuôi bằng loại cháo ngon. Khi đến mùa đập lúa, máy đập vọt lên vọt xuống, Dạ-xoa sợ máy đập vào

đầu nên nói với bạn không thể ở đây thêm, và xin đi nơi khác. Dạ-xoa lần lượt được cho ở trong chòi để máy đập lúa, chỗ giếng nước, lò bánh mì, kho phân, đống tro và cổng làng, nhưng không chịu ở đâu hết, luôn cằn nhằn: chỗ thì máy đập lúa nâng lên e rằng chẻ đầu ra làm hai, chỗ thì tụi nhóc tiểu bậy, chỗ thì đàn chó nằm dài, hoặc bầy trẻ phóng uế, có khi liệng rác, chỗ thì trai làng đến xem bói. Vì thế cô ta đưa Dạ-xoa về một nơi yên tĩnh ngoài làng, mỗi ngày đều mang cháo ngon đến cho ăn. Một hôm Dạ-xoa nói với bạn mình: - Năm nay trời sẽ mưa nhiều, nên trồng lúa ở nơi khô ráo. Có khi Dạ-xoa cho biết: - Năm nay hạn hán, nên trồng lúa nơi ẩm thấp. Lúa của người khác bị hư vì lúc úng lúc hạn, nhưng lúa của người đàn bà trẻ thì bội thu. Dân làng ngạc nhiên đến hỏi cô: - Này chị, lúa của chị chẳng bị úng, chẳng bị hạn. Chị làm mùa dường như biết trước thời tiết. Phải vậy không? Cô ta đáp: - Tôi có người bạn là Dạ-xoa cho tôi biết trước sự thay đổi thời tiết, và tôi trồng lúa trên đất cao hay đất thấp tùy theo sự chỉ dẫn của chị ấy. Các bạn không thấy sao, ngày nào tôi cũng mang cháo ngon và các loại thức ăn đến cho chị ấy. Nếu các bạn làm như tôi cũng sẽ được trúng mùa. Dân làng lập tức tôn vinh Dạ-xoa. Và từ đó Dạ-xoa chăm sóc mùa màng cho mọi người, nhận được nhiều quà biếu và được nhiều người tôn kính. Dạ-xoa tạo nên thông lệ bữa ăn tám món, còn được duy trì mãi đến nay. * 5. Những Vị Tỳ Kheo Hay Cãi Cọ Ở Xứ Câu Thâm (Kosambi) Và người khác không biết... Đức Phật thuyết bài pháp này cho các Tỳ-kheo ở Kosambi khi Ngài ngụ tại Kỳ Viên. A. Các Tỳ Kheo Cãi Nhau Tại Kosambi, trong tinh xá Ghosita có hai Tỳ-kheo trú ngụ, một vị là luật sư, vị kia là pháp sư, mỗi vị dẫn đầu năm trăm tăng. Một hôm, vị pháp sư sau khi tắm xong đã chừa lại một ít nước

trong bồn tắm và đi ra. Kế đó, vị luật sư đi vào thấy nước dư, lúc trở ra ngoài ông hỏi bạn: - Này huynh, có phải huynh đã chừa nước lại không? Vị pháp sư đáp: - Vâng, huynh ạ! - Nhưng huynh không biết là đã phạm lỗi sao? - Thật ra tôi không biết.

-Này huynh, đó là một lỗi. - Như thế, tôi sẽ sám hối về lỗi ấy. - Dĩ nhiên, này huynh! Nếu huynh không cố ý làm, vô tâm thì không gọi là lỗi. Nghe vị luật sư bảo thế, vị pháp sư yên trí xem như không có lỗi. Ấy thế mà vị luật sư lại nói với học chúng của mình: - Vị pháp sư dù đã phạm lỗi vẫn không thấy lỗi. Và nhóm học chúng này khi gặp nhóm học chúng của vị pháp sư liền kháo nhau: - Thầy của các anh đã phạm lỗi mà không nhận lỗi. Học chúng của vị pháp sư về kể lại với thầy mình. Vị pháp sư nghe qua liền đáp: - Vị luật sư này trước đó đã nói là không lỗi, bây giờ nói có lỗi. Ông ta là người dối trá. Học chúng của hai bên gặp nhau, rồi lời qua tiếng lại: - Thầy của các huynh là người dối trá! Họ tranh cãi nhau. Và vị luật sư thừa cơ hội tuyên án tẩn xuất vị pháp sư vì đã không nhận lỗi. Từ đó, ngay đến những thí chủ cúng dường cho họ cũng chia làm hai phe, ngay cả những cô ni được họ dạy, cả thiện thần hộ pháp, bạn bè và những người thân tín, chư thiên trên trời, lan đến Phạm thiên đều như thế. Mọi người, ngay cả những người chưa quy y cũng chia làm hai phe. Sự tranh cãi lan rộng từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Đế Thích. Đến mức độ thì có một Tỳ-Kheo tới gần thế Tôn thưa kể tự sự: "Những người tuyên án tẩn xuất thì giữ quan điểm rằng pháp sư bị tẩn xuất là đúng luật, ngược lại những người bênh vực thì cho rằng trái luật, và tụ họp lại để ủng hộ pháp sư mặc dù những người tuyên bố tẩn xuất cấm họ làm như vậy". Đã hai lần Thế Tôn nhắn hai bên Tỳ-Kheo hãy đoàn kết, và đều nhận được câu trả lời: - Bạch Thế Tôn! Họ không chịu đoàn kết. Lần thứ ba, Thế Tôn bảo: - Tăng đoàn đã bị chia rẽ! Nói xong, Phật đến chỗ các Tỳ-kheo và chỉ cho nhóm vị Tỳ-kheo luật sư, người tuyên bố tẩn xuất, sự sai lầm trong quyết định ấy, và đối với nhóm vị Tỳ-kheo pháp sư, người không nhận lỗi, Ngài cũng chỉ sự sai lầm trong hành động ấy. Một lần nữa, Phật bắt các Tỳ-kheo kiết trai và khiến họ hành sám ngay tại chỗ, trong khu vực giới hạn. Ngài đặt luật cho các Tỳ-kheo, nếu gây gỗ trong phòng ăn hoặc các nơi khác, họ bắt buộc phải ngồi chỗ riêng biệt trong trai đường. Nhưng các Tỳ-kheo vẫn không ngừng gây nhau, đức Phật lại đi đến nơi và khuyên răn: - Đủ rồi, các Tỳ-kheo! Đừng gây gỗ nữa! Gây gỗ, đấu tranh, tranh chấp, tranh cãi, mọi thứ này đều nguy hại. Bởi lẽ vì tranh cãi một con chim bé bỏng cũng làm một con voi quý phải chết. Và đức Phật kể chuyện Bổn Sanh "Con Chim Nhỏ". Ngài dạy tiếp:

- Các Tỳ-kheo, hãy đoàn kết! Hãy dừng tranh cãi, vì sự tranh cãi mà hàng ngàn con chim nhỏ đã mất mạng. Và Ngài kể chuyện Bổn Sanh "Những Con Chim". Nhưng dù vậy họ vẫn không nghe lời Phật, và một ngoại đạo muốn Phật bớt phiền nhiễu, thưa rằng: - Bạch Ngài, đấng Thế Tôn, đấng Pháp Vương! Hãy ở nhà! Đấng Thế Tôn! Ngài hãy sống một đời vô sự và tự tại ở cõi này. Chúng con có gây gỗ, đấu tranh, tranh chấp, tranh cãi nhau mới làm sáng tỏ ai phải ai trái. Liền đó, đức Phật kể chuyện Bổn Sanh như sau: "Có một lần, này các Tỳ-kheo, Phạm-ma-đạt trị vì Ba-la-nại, là vua xứ Kàsi. Phạm-ma-đạt gây chiến với vua Dìghati Kosala, đánh chiếm vương quốc và giết vua khi đang cãi trang. Con trai của Dìghati là hoàng tử Dìghàvu, mặc dù biết rằng Phạm-ma-đạt là kẻ giết cha mình, vẫn tha mạng kẻ thù. Do đó họ sống hòa bình với

nhau". Và Ngài huấn thị các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, lòng kiên nhẫn và tư cách phong nhã của những ông vua hay sử dụng dao gậy cao đẹp thế đó. Tỳ-kheo, các ông là những kẻ xuất gia được giáo huấn bằng Pháp và Luật chu đáo như thế, phải làm sao chiếu sáng thế gian hơn với lòng kiên nhẫn và tư cách cao nhã của các ông chứ. Dù đã được khuyên nhủ như thế, các Tỳ-kheo vẫn không đoàn kết theo lời Phật. Không vui vì phải sống trong cảnh ồn náo, không thoải mái vì bị quấy rầy, hơn nữa các Tỳ-kheo này không đếm xỉa đến lời Phật dạy, nên Thế Tôn quyết định sống độc cư tránh xa đám người chộn rộn. Sau khi đi khất thực ở Câu-thâm, không từ giã Tăng đoàn, đức Phật đắc y, ôm bát, một mình đi đến Bàlaka, chỗ bán muối, tại đây Ngài thuyết pháp cho Trưởng lão Bhagu về đời sống độc cư. Rồi Ngài đến Đông Trúc Lộc Giã, và thuyết pháp cho ba chàng trai gia thế về hạnh phúc an lành của sự hòa hợp. Và từ đó, Ngài đến Pàrileyyaka. Ở đó, dưới gốc cây Sala đẹp đẽ, trong rừng Bảo Hộ, đức Thế Tôn đã trải qua một mùa hạ an vui, có voi Pàrileyyaka phục vụ. Khi nhóm cư sĩ ở Câu-thâm đến tinh xá và không gặp đấng Đạo sư, họ hỏi các Tỳ- kheo: - Thưa chư Tôn giả, đấng Đạo sư đi đâu? Các Tỳ-kheo đáp: - Vào rừng Pàrileyyaka. - Tại sao thế? - Ngài cố gắng hòa hợp chúng tôi, nhưng chúng tôi không hòa hợp được. - Này chư Tôn giả, có phải các vị, sau khi được chấp nhận là Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của Đạo sư, lại cãi lời Ngài lúc Ngài yêu cầu các vị hòa hợp? - Đúng thế, đạo hữu. Rồi có người nói tiếp: - Những vị Tỳ-kheo này, sau khi được thu nhận làm Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của Đạo sư, lại không muốn hàn gắn những rạn nứt theo lời yêu cầu của Ngài. Đây hoàn toàn

do lỗi của họ mà chúng ta không được gặp Phật. Đối với những Tỳ-kheo này, chúng ta nhất quyết sẽ không mời ngồi và cũng không bao giờ kính lễ hoặc cúng dường nữa. Và từ đó họ không thèm cúng kính các Tỳ-kheo nữa. Hậu quả là các Tỳ-kheo bị thiếu vật thực và gần chết đói, nên chỉ sau vài ngày các Tỳ-kheo đã biết phục thiện. Rồi họ sám hối nhau, xin được tha thứ. Họ bảo các cư sĩ: - Đạo hữu! Chúng tôi đã hòa hợp. Xin đối với chúng tôi như xưa. - Thưa chư Tôn giả, các vị xin sám hối với đức Thế Tôn chưa? - Chưa, đạo hữu. - Vậy thì hãy xin sám hối Thế Tôn. Và ngay khi được Phật tha lỗi, chúng tôi sẽ trở lại với các vị như trước. Nhưng vì đang giữa mùa an cư, các Tỳ-kheo không thể đến gặp Phật, và họ kiết hạ trong sự thiếu thốn, trong khi Phật thì an vui, được voi hầu hạ. Con voi này là voi đầu đàn đã rời bầy và vào rừng với lý do độc nhất là muốn được an vui. Nó nói: B. Đức Phật, Voi và Khỉ. - Tôi sống ở đây bị voi cái, voi con, voi trẻ làm phiền nhiễu. Đầu ngọn cỏ tôi thường ăn bị chúng nhai nát, chúng ăn hết nhánh cây này đến nhánh nọ khi tôi vừa bẻ xuống, chúng quấy đục nước tôi uống. Khi tôi xuống nước và lên bờ, voi cái đến cọ xát vào thân tôi. Có lẽ tôi nên rời đàn và sống một mình. Rồi con voi đầu đàn bỏ bầy, đến gần Pàerileyyaka, vào rừng Bảo Hộ, dưới gốc cây Sala đẹp đẽ, ngay nơi Thế Tôn ngụ, thân cận với Ngài. Đến trước Thế Tôn, nó đảnh lễ Ngài, rồi nhìn quanh quất tìm chổi, không thấy chổi, nó bèn đạp cây Sala phía dưới và dùng vòi quật phía trên cho ngã xuống rồi lấy một nhánh cây quét đất. Sau đó, nó lấy vòi quấn bình nước mang đi lấy nước. Vài khi cần đến nước nóng, nó nấu nước nóng (Sao có thể được chứ?). Đầu tiên nó dùng vòi kéo dùi lửa cho bật lửa ra và nhen củi chà vào. Nó nhóm lửa như thế và nung những hòn đá nhỏ rồi dùng một cây gậy lăn vào một lõm đá (có nước). Xong nó hạ vòi xem nước đủ nóng chưa, rồi đến cúi đầu

trước Phật. Thấy voi đến, đức Phật hỏi: - Nước nóng chưa, Pàrileyyaka? Và phật đến đó tắm. Sau đó voi dâng Phật những loại trái cây rừng. Đến giờ Phật vào làng khất thực, voi lấy y bát của Phật đặt lên đỉnh đầu và đi theo Ngài. Đến ven làng, Phật bảo voi đưa trả y bát: - Pàrileyyaka! Chú không đi xa hơn được! Hãy giao y bát cho Ta. Phật vào làng và voi đứng đó đợi Ngài trở lại, tiến tới đón Ngài, để y bát lên đầu như lúc trước và đem về chỗ Phật ngụ, hầu hạ Ngài như thường lệ rồi quạt hầu Phật với một nhánh cây. Ban đêm, để ngừa thú dữ, nó dùng vòi nắm một cây gậy lớn tự nhủ: "Ta sẽ bảo hộ Phật". Và đi tới lui trong khu rừng cho tới khi mặt trời mọc. (Từ đó khu rừng được gọi là rừng Bảo Hộ). Buổi sáng, mặt trời lên, voi lấy nước cho Phật rửa mặt, và theo cách như đã nói trên, nó làm tròn mọi bổn phận khác.

Bấy giờ, một con khỉ thấy cử chỉ và hành động mỗi ngày của voi, làm những bổn phận nhỏ nhặt hầu Phật, bèn phát tâm sẽ làm giống như vậy. Một hôm, trong lúc chạy nhảy tình cờ nó gặp một tổ mật trên cây không có ong. Nó bẻ cành cây xuống, cầm tổ mật còn nguyên trên cành cây, hái một lá chuối, đặt tổ ong trên lá và mang dâng Phật. Đức Phật nhận lấy. Khỉ trố mắt xem Phật có dùng không và ngạc nhiên thấy Phật không ăn. Khỉ thắc mắc không biết có chuyện gì đây, bèn lật qua lật lại tổ ong, vừa xem xét cẩn thận, và khám phá có vài trứng sâu. Nhẹ nhàng lấy trứng sâu ra, khỉ lại dâng tổ mật lên Phật và Ngài hoan hỷ độ. Khỉ vui sướng chuyền từ cành này sang cành khác và nhảy nhót hân hoan vô kể. Nhưng đâu ngờ những nhánh cây khỉ vừa nắm và đạp lên bỗng gẫy lìa. Khỉ rơi xuống một cọc cây, bị đâm xuyên người và chết tức khắc. Vì đặt niềm tin trọn vẹn vào Phật, nó được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba, trong một cung điện bằng vàng cao ba mươi dặm với một đoàn gồm một ngàn thiên nữ hầu cận. Cả vùng Diêm-phù-đề đều biết rằng đức Phật đang ngụ trong rừng Bảo Hộ, được voi đầu đàn phụng sự. Từ thành Xá-vệ, ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xá-khư - một tín nữ lỗi lạc - cùng một số nhân vật tiếng tăm khác đã gởi lời thỉnh nguyện đến ngài A-nan xin được đặc ân gặp đức Thế Tôn. Năm trăm Tỳ-kheo ngụ ở ngoài thành mãn mùa an cư cũng thỉnh cầu được nghe pháp từ kim khẩu Thế Tôn lâu nay vắng tiếng. Trưởng lão A-nan bèn hướng dẫn các Tỳ-kheo đến rừng Bảo Hộ. Với đức tính chu đáo của một thị giả, Ngài không dám đến gặp Phật với đám đông Tỳ-kheo vì biết Như Lai đã độc cư suốt ba tháng. Vì thế, Ngài để các Tỳ-kheo chờ ở bên ngoài và một mình đi đến gặp Phật. Khi voi Pàrileyyaka thấy Trưởng lão, nó quấn gậy xông tới. Đức Phật quay nhìn và bảo voi: - Trở lại! Pàrileyyaka! Đừng rượt ông ta. Đó là thị giả của Như Lai. Voi lập tức ném gậy đi và thỉnh Trưởng lão đưa y bát, Trưởng lão từ chối. Voi thầm nghĩ nếu ông ta biết luật sẽ không đặt pháp cụ của mình trên tảng đá Phật thường ngồi. Voi đã quá lo xa vì Trưởng lão A-nan đã đặt y bát trên đất (những người biết luật không bao giờ đặt pháp cụ cá nhân lên chỗ ngồi hoặc giường của bậc tôn túc). Rồi Trưởng lão đảnh lễ Phật, ngồi xuống một bên. Phật hỏi: - Ông đến một mình thôi sao? - Bạch Thế Tôn, con đến với năm trăm Tỳ-kheo. - Họ ở đâu? - Con chưa hiểu ý Phật thế nào, nên để họ đứng ngoài và vào đây một mình. - Bảo họ vào! Trưởng lão y lời. Đức Phật đáp lại lời chào hỏi của các Tỳ-kheo một cách thân tình. Các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, Ngài là một vị Phật quý phái, một ông hoàng mảnh mai. Chắc Ngài đã chịu đựng nhiều gian khổ, đứng và ngồi ở đây một mình suốt ba tháng trời. Dĩ nhiên không có ai hầu Phật những việc

chánh và phụ, không có ai dâng nước rửa mặt hay làm mọi việc khác cho Ngài.

Đức Phật trả lời: - Này các Tỳ-kheo! Voi Pàrileyyaka đã làm hết những việc ấy cho Ta. Nếu ai có được bạn đồng hành như nó thì cuộc sống độc cư tốt đẹp. Nếu như không có được, thì cuộc sống độc cư vẫn tốt đẹp hơn. Nói xong, Thế Tôn đọc ba câu Pháp Cú sau trong phẩm Voi: Nếu được bạn hiền trí Đáng sống chung, hạnh lành, Nhiếp phục mọi hiểm nguy, Hoan hỷ sống chánh niệm. Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Như vua bỏ nước bại, Hãy sống riêng cô độc, Như voi sống rừng voi. Tốt hơn sống một mình, Không người ngu kết bạn, Độc thân, không ác hạnh, Sống vô tư, vô lự, Như voi sống rừng voi. Ngay khi Thế Tôn kết thúc bài kệ, năm trăm Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Trưởng lão A-nan bèn đưa lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc và những người khác. - Bạch Phật, năm mươi triệu thánh đệ tử do Cấp Cô Độc dẫn đầu mong mỏi Phật trở về. Phật chuẩn y: - Tốt lắm! Hãy mang y bát. Và Phật đi ra khỏi rừng. Voi thấy thế liền đến và đứng chéo chân giữa đường. Các Tỳ-kheo thấy lạ nên hỏi, và được Phật đáp: - Này các Tỳ-kheo, nó muốn cúng dường các ông. Lâu nay nó đã phục vụ Ta, không nên làm tổn thương tình cảm của nó, hãy trở lại các Tỳ-kheo! Phật và các Tỳ-kheo trở lại. Voi vào rừng hái lượm chuối và những trái cây khác gom lại, và ngày hôm sau dâng lên các Tỳ-kheo. Năm trăm Tỳ-kheo không thể nào dùng hết. Thọ thực xong đức Phật ôm y bát đi ra khỏi rừng. Voi lại xen vào giữa các Tỳ-kheo và đứng chéo chân trước Phật. Các Tỳ-kheo không thể đoán được ý nghĩa, liền hỏi Phật và được trả lời: - Các Tỳ-kheo! Sau khi chào từ giã các ông nó muốn Ta trở lại. Và hướng về voi, Phật bảo: - Này Pàrileyyaka! Ta sẽ đi bây giờ, không trở lại nữa! Trong kiếp này, ngươi không có hy vọng vào được các tầng thiền, hay đạt đến trí tuệ, hay chứng Thánh quả. Hãy dừng lại!

Voi nghe Thế Tôn nói rút vòi vào miệng, từ từ lùi ra sau, vừa đi vừa khóc (nếu nó thỉnh được Phật ở lại, nó sẽ săn sóc Phật như trước đây cho đến hết đời). Đức Thế Tôn tiếp tục đi, đến ven làng Ngài dừng lại bảo voi: - Pàrileyyaka! Đi xa hơn nữa ngươi sẽ không được an thân. Dân cư rất nguy hiểm cho ngươi. Hãy dừng lại! Voi dừng lại nơi đó và khóc. Đức Phật bước đi, và khi vừa khuất tầm mắt, voi vỡ tim và chết. Vì đặt hết niềm tin vào Như Lai, voi được tái sinh vào cõi trời ba mươi ba, trong một cung điện bằng vàng lớn ba mươi dặm, có ngàn thiên nữ hầu cận. Voi tên là trời Pàrileyyaka. Dọc đường, Phật ghé vào Kỳ Viên. Các Tỳ-kheo xứ Câu-thâm nghe Phật về Xá-vệ liền đến sám hối. Vua Kosala nghe tin cũng đến chỗ Phật và thưa: - Bạch Thế Tôn, con sẽ không cho các Tỳ-kheo này vào nước con. Phật khuyên ngăn vua: - Đại vương, những Tỳ-kheo này là người tốt, chỉ vì họ tranh cãi lẫn nhau nên không vâng lời Ta. Giờ đây họ đến để sám hối. Hãy cho họ vào, đại vương!. Ông Cấp Cô Độc cũng bạch với Phật là không cho các Tỳ-kheo xứ Câu-thâm vào tinh xá. Nhưng Phật không đồng ý và ông ta đành im lặng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy đến Xá-vệ. Thế Tôn ra lệnh chuẩn bị chỗ ở riêng biệt cho họ. Những Tỳ-kheo khác không đứng hay ngồi chung với họ, lần lượt từng người đến hỏi Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo xứ Câu-thâm hay tranh cãi đang ở đâu? Thế Tôn chỉ họ và nói: - Họ đó! Họ đó! Những Tỳ-kheo từng người chỉ về phía họ và bàn tán với nhau đến nỗi họ xấu hổ không dám ngẩng đầu lên. Rồi họ gieo mình dưới chân Phật xin sám hối. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Tội lỗi các ông đã phạm nặng nề biết bao! Sau khi được nhận làm Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của một vị Phật, lại cãi lời mặc

dù Ta đã cố khuyên giải đủ điều. Ngay cả bậc trí giả vẫn nghe kỹ lời dạy bảo của cha mẹ trước khi chết. Họ không dám cãi lời khi cha mẹ từ giã cuộc đời, và sau đó họ được giao quyền lãnh đạo cả hai vương quốc. Rồi đức Phật lặp lại chuyện Bổn Sanh Kosambika một lần nữa, và kết luận: - Này các Tỳ-kheo! Hoàng tử Dìghavu, ngay khi cha mẹ mất mạng, ông vẫn không dám cãi lời dạy bảo, sau đó ông cưới con gái của vua Phạm-ma-đạt rồi trị vì cả hai vương quốc Kàsi và Kosala. Còn các ông vì không vâng lời Ta nên đã phạm lỗi nặng. Và đức Phật nói câu Pháp Cú: (6) Và người khác không biết, Chúng ta đây bị bại. Chỗ ấy ai hiểu được, Tranh luận được lắng êm. Nghe xong Pháp Cú này, các Tỳ-kheo ở đó liền đắc quả Dự lưu.

6. Kala Anh và Kala Em Ai sống nhìn tịnh tướng... Câu Pháp Cú này được đức Phật nói khi ngụ gần thành phố Setavya, dành cho Kàla em và Kàla anh, tức Tiểu Hắc (Culla Kàla) và Đại Hắc (Mahà Kàla). Tiểu Hắc, Trung Hắc (Majjihima Kàla) và Đại Hắc là ba gia chủ anh em sống ở Setavya. Tiểu Hắc và Đại Hắc, tức người em út và người anh cả, thường đi qua xứ khác với một đoàn năm trăm xe bò chở đầy đồ gia dụng để bán, còn Trung Hắc thì ở nhà bán hàng hóa do họ mang về. Có một dịp, hai anh em mang đủ loại hàng hóa trên năm trăm xe bò rời khỏi Vệ-xá. Giữa đường Xá-vệ và Kỳ Viên họ dừng lại, tháo yên cương các xe. Chiều xuống, Đại Hắc thấy các Phật tử ở Xá-vệ cầm hoa hương lũ lượt đi về hướng tinh xá. Ông tò mò bèn chận một người lại để hỏi thăm. Được biết họ đi nghe pháp, ông cũng đồng tình muốn đi. Dặn dò cậu em để ý coi chừng đoàn xe, ông ra đi. Đến tinh xá, ông đảnh lễ Như Lai rồi ngồi xuống bên vòng ngoài hội chúng. Hôm ấy, Phật thuyết nhiều bài pháp tuần tự theo căn cơ của Đại Hắc; Ngài nhấn mạnh về khổ uẩn với những kinh nói về tội lỗi, sự điên đảo cùng sự nguy hiểm của dục lạc. Đại Hắc nghe pháp xong, trong lòng băn khoăn: "Ai cũng phải rời bỏ mọi vật sở hữu khi qua đời, sang bên kia thế giới sẽ không có tài sản hay thân quyến nào đi theo được, vậy tại sao ta lại sống đời thế tục?". Và ông phát tâm xuất gia. Ông xin Phật gia nhập Tăng đoàn. Phật hỏi: - Ông có còn thân quyến phải xin phép không? - Con có một đứa em, bạch Thế Tôn! - Hãy hỏi ý hắn! - Vâng, bạch Thế Tôn! Rồi Đại Hắc đến gặp Tiểu Hắc, bảo em hãy nhận hết tài sản. Tiểu Hắc ngạc nhiên không hiểu tại sao, và khi biết được ý định xuất gia theo Phật của anh, không tránh khỏi bàng hoàng. Ông tìm đủ cách thuyết phục anh từ bỏ ý định xuất gia, nhưng vô hiệu. Cuối cùng Tiểu Hắc đành tùy thuận. Đại Hắc ra đi theo Phật và trở thành Tỳ-kheo. Và thật lạ lùng, Tiểu Hắc cũng xuất gia theo anh, nhưng với một ý định khác hẳn, tức là chỉ đi tu một thời gian rồi sẽ hoàn tục, và lúc đó sẽ kéo ông anh theo. Ít lâu sau, mãn hạn tập sự, Đại Hắc đến chỗ Phật thưa thỉnh: - Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu bổn phận tu tập trong giáo pháp? Đức Phật cho biết là có hai, pháp học và pháp thiền. Đại Hắc thưa tiếp: - Bạch Thế Tôn, con xuất gia khi đã lớn tuổi, con không thể làm tròn pháp học. Nhưng con có thể vâng giữ pháp thiền. Và ông được Phật chỉ dạy chuyên tu hạnh thanh tịnh bằng cách đến bãi thiêu để tu, nhắm đến quả vị A-la-hán.

Cuối thời thiền quán đầu hôm, khi mọi người đều ngủ, ông đến bãi thiêu xác. Hừng đông, khi chưa ai thức dậy, ông trở về tinh xá. Bấy giờ, người giữ bãi thiêu là một phụ nữ tên là Kàlì, có trách nhiệm hỏa thiêu xác chết. Thấy Trưởng lão này cứ đứng lên, ngồi xuống và bước quanh, bà không khỏi thắc mắc và muốn tìm cho ra xem người đó

là ai. Nhưng bà không biết được gì về Trưởng lão, nên một đêm bà thắp đèn trong chòi ở bãi thiêu, cùng con trai con gái núp vào một góc rình xem. Khi thấy Trưởng lão đến, bà tới gần đảnh lễ, hỏi: - Thưa Tôn giả, bậc Tỳ-kheo tôn quý lại ở đây sao? - Đúng vậy, bà chị. - Thưa Tôn giả, ai đến ở bãi thiêu này cần phải chấp hành một số điều lệ. Thay vì nói "Chị nghĩ rằng tôi phải vâng theo điều lệ của chị sao?" Trưởng lão lại nói: - Tôi phải làm gì, đạo hữu? - Thưa Tôn giả, người đến ở bãi thiêu bắt buộc phải thông báo trước cho người giữ bãi, với Trưởng lão Thượng thủ của tinh xá và với thôn trưởng. - Sao vậy? - Những tên trộm, khi bị chủ nhân truy nã thường chạy trốn vào bãi thiêu và bỏ tang vật lại đây. Rồi chủ nhân mất của đến đe dọa và gây hại cho người cư ngụ nơi này. Nhưng nếu nhà cầm quyền được báo tin một cách chính đáng, thì sẽ tránh khỏi phiền phức bằng cách xác nhận vị Tỳ-kheo tôn quý đã cư ngụ ở đây một thời gian.. Ông ta không phải là kẻ trộm. Vì vậy, Ngài bắt buộc phải cho nhà cầm quyền biết ý định của Ngài. Đại Hắc hỏi tiếp: - Tôi còn phải làm gì nữa? - Thưa Tôn giả, khi nào Ngài còn ở trong bãi thiêu thì Ngài phải kiêng ăn cá, thịt, mè, bột, dầu và mật. Ngài không được ngủ ngày, không được hôn trầm. Ngài phải sống tinh tấn cao độ, sử dụng hết năng lực ý chí, tránh nói hai lưỡi, dối trá. Chiều tối khi mọi người đã ngủ, Ngài phải rời tinh xá đến đây. Hừng đông, trước khi mọi người thức dậy, Ngài phải trở về. Thưa Tôn giả, trường hợp Ngài ngụ trong bãi thiêu này và đạt được cứu cánh đạo quả, và nếu có người mang xác đến vứt đi, tôi sẽ đặt xác trên giàn hỏa và cúng lễ như thường lệ với hương hoa, làm đúng theo nghi thức thiêu xác. Nhưng nếu Ngài không đạt đạo, tôi sẽ châm lửa trên giàn hỏa, kéo xác chết với một cây cọc để ở ngoài giàn hỏa, chặt từng khúc bằng rìu rồi ném vào lửa thiêu hết. - Tốt lắm, bà chị. Nhưng trường hợp chị thấy một tử thi có thể làm đề mục thích hợp cho tôi thiền quán về sắc tướng, xin mở lòng tốt cho tôi biết. - Vâng, tôi xin hứa. Theo đúng ý nguyện, Trưởng lão Đại Hắc thiền quán trong bãi thiêu. Còn Trưởng lão Tiểu Hắc thì bận rộn, lăng xăng vì luôn luôn nghĩ đến đời sống gia đình, nhớ con, nhớ vợ, cứ nghĩ là anh mình đã dấn thân vào một việc làm hết sức khó khăn.

Bấy giờ, có một phụ nữ trẻ con nhà thế gia vọng tộc bị bệnh và chết vào chiều hôm ấy, nhan sắc còn mặn mà. Thân quyến và bạn bè đưa xác cô vào bãi thiêu với củi, dầu và những món cần thiết khác. Họ nói với người giữ bãi hãy thiêu xác này. Rồi họ thanh toán giá cả, giao tử thi và ra về. Người giữ bãi cơiû y phục cô gái, chú ý đến thân thể đẹp đẽ vàng chói, chợt thân này thích hợp làm đề mục thiền quán cho Tôn giả. Rồi bà đến chỗ Trưởng lão thưa cho biết và thỉnh Ngài đến. Trưởng lão đến nơi, yêu cầu bỏ áo che thân tử thi và đứng quán sát từ chân tơ kẽ tóc. Ngài dặn bà giữ bãi hãy ném tấm thân vàng chói đẹp đẽ này vào lửa, và khi ngọn lửa cháy bén, cho Ngài hay. Xong Ngài về chỗ riêng của mình và ngồi xuống. Người gác làm theo lời dặn rồi đến báo. Trưởng lão đến lò thiêu và quán sát tử thi. Chỗ thịt bị lửa táp, da của cô gái giống da con bò vằn vện, bàn chân lòi ra và thòng xuống, bàn tay co quắp, trán bị lột da. Trưởng lão nghĩ thầm: "Ai nhìn thấy thân này bây giờ mà không bỏ hết những lời tán tụng, một thi thể đã thối rữa, đã hoại diệt". Và Ngài về chỗ riêng của mình ngồi xuống, nhận thức rõ ràng về Hoại và Diệt: Các hành vô thường, Là pháp sanh diệt. Sanh diệt diệt rồi, Tịch diệt là vui. Đọc Pháp Cú này xong, Đại Hắc khai mở Minh-sát-tuệ và đắc quả A-la-hán

cùng các thần thông. Khi Trưởng lão Đại Hắc đắc quả A-la-hán, đấng Đạo sư đang du hành với chúng Tỳ-kheo vây quanh. Ngài đến Setavya và vào rừng Simsapà. Những bà vợ của Tiểu Hắc nghe tin đức Phật đã đến đều mưu toan giành lại chồng mình. Họ sai người đi thỉnh Phật. Trong khi chờ đợi Phật đến, theo lệ thường họ phải sửa soạn chỗ ngồi không hạn chế, và để đảm bảo sự sắp xếp được chu đáo, một Tỳ-kheo được phái đến trước, chuẩn bị Phật tòa đặt ở giữa, bên phải là chỗ ngồi của Trưởng lão Xá-lợi-phất, bên trái là Trưởng lão Mục-kiền-liên, và kế đó ở hai bên phải xếp đặt chỗ cho chúng Tỳ-kheo. Do đó, Trưởng lão Đại Hắc là người có trách nhiệm giữ y bát của chúng Tăng, gọi Tiểu Hắc lại bảo: - Ông hãy đến trước và điều khiển việc xếp chỗ ngồi. Ngày từ lúc gặp lại Tiểu Hắc, các phu nhân giễu cợt ông. Họ đặt những tòa thấp ở phía đầu cho chúng Trưởng lão ngồi và tòa cao cho các tân Tỳ-kheo ngồi. Tiểu Hắc dặn họ sửa đổi lại: - Đừng có đặt như thế, đừng để tòa thấp ở trên và tòa cao ở dưới. Nhưng mấy bà không muốn nghe lời ông, họ còn hùng hổ: - Ông đi tới đi lui làm gì ở đây? Ông lấy quyền gì ra lệnh xếp chỗ? Ông đã bỏ ai đi tu? Ai xuất gia cho ông? Ông đến đây để làm gì? Nhạo báng ông hết lời rồi, họ xé toạc y thượng và hạ của ông, khoác bộ đồ trắng thế tục vào, đặt một vòng hoa lên đầu và đẩy ông ra ngoài, tặng thêm một câu: - Hãy đi mà tìm Phật, để chúng tôi sẽ xếp đặt chỗ ngồi!

Vào thời đó, những người mới thọ Tỳ-kheo trong thời gian ngắn, chưa từng an cư kiết hạ, nếu hoàn tục thì không có gì phải xấu hổ. Do đó Tiểu Hắc không phiền hà gì về y phục của mình. Ông đến đảnh lễ Phật và thỉnh Phật cùng Tăng đoàn của Phật xong về nhà. Khi đức Phật và chư Tăng thọ trai xong, các bà vợ của Đại Hắc thấy vậy cũng toan tính giành lại chồng. Thế là họ lại thỉnh đức Phật vào ngày sau. Nhưng lần này một Tỳ-kheo lại được phái đến sắp xếp chỗ ngồi, và như thế các bà vợ của Đại Hắc mất cơ hội gây phiền toái cho Ngài. Dọn xong chỗ ngồi cho chúng Tăng, các bà dâng thực phẩm. Những vị tăng muốn thọ thực ngồi xuống và độ ngọ, những vị tăng muốn ra ngoài đứng lên và đi ra. Đức Phật ngồi xuống và thọ thực. Đợi Ngài thọ thực xong, các bà vợ liền thưa: - Bạch Thế Tôn! Ngài Đại Hắc sẽ hồi hướng công đức rồi trở về sau, thỉnh Thế Tôn về trước. Phật chuẩn y: - Tốt lắm! Phật về đến cổng làng, chúng Tăng bất bình nói với nhau: - Chao ôi! Hành động của Đạo sư quả là khó ổn. Không biết Ngài có để ý hay không. Hôm qua Tiểu Hắc đến trước để sắp chỗ thì đành chấm dứt đời sống phạm hạnh. Còn hôm nay một vị tăng khác được phái đến thì không việc gì xảy ra. Nhưng đức Phật vẫn để Đại Hắc ở lại và tiếp tục lên đường. Các Tỳ-kheo lại bàn tán: - Tỳ-kheo Đại Hắc đức hạnh và cao thượng, không biết các bà vợ có khiến Ngài chấm dứt đời sống phạm hạnh? Nghe xôn xao, đức Phật dừng lại và hỏi họ: - Các ông đang bàn gì thế? Họ kể lại, Ngài bảo: - Nhưng này các Tỳ-kheo, các ông không nghĩ là Đại Hắc giống Tiểu Hắc chứ? - Vâng, bạch Thế Tôn, Tiểu Hắc có hai vợ, nhưng Đại Hắc có tới tám. Nếu bị tám bà này vây quanh và bắt lấy thì không biết Ngài sẽ xoay trở ra sao, thưa Thế Tôn? - Các Tỳ-kheo, đừng nói thế! Tiểu Hắc sống bận rộn lăng xăng, để tâm tham đắm trong những thú vui. Còn Đại Hắc, con của Ta, trái hẳn, không chạy theo dục lạc, không lay động như một ngọn núi đá. Rồi Phật nói Pháp Cú sau: (7) Ai sống nhìn tịnh tướng, Không bộ trì các căn, Ăn uống thiếu tiết độ, Biếng nhác chẳng tinh cần, Ma uy hiếp kẻ ấy, Như cây yếu trước gió.

(8) Ai sống quán bất tịnh, Khéo bộ trì các căn, Ăn uống có tiết độ, Có lòng tin, tinh cần, Ma không uy hiếp được, Như núi đá trước gió. Các bà vợ cũ của Đại Hắc vây quanh Tôn giả, hè nhau kể lể: - Ai đã cho phép ông đi tu? Bây giờ ông có chịu trở lại làm gia chủ không? Nói xong, và mạnh bạo hơn lần trước, các bà tìm cách lột y vàng của Ngài. Nhưng Tôn giả đã đoán trước, dùng thần thông bay xuyên qua nóc nhà, rồi bay đến chỗ Phật, hạ xuống đất ngay lúc Thế Tôn kết thúc Pháp Cú. Tôn giả ca ngợi kim thân Phật và đảnh lễ dưới chân Ngài. 7. Đề Bà Đạt Đa Đắp Y Không Tương Xứng Tâm chưa rời uế trược... Lời dạy này được thuyết khi Phật ngụ tại Kỳ Viên, dành cho buổi lễ thọ y vàng của Đề-bà-đạt-đa tại Vương Xá. Vào dịp hai đệ tử Phật, mỗi người dẫn đầu năm trăm Tỳ-kheo, từ biệt Phật đi từ Kỳ Viên đến Vương Xá, dân Vương Xá - nhóm từ hai, ba người hoặc đông hơn - cúng dường theo nghi thức dâng cúng cho khách tăng. Một hôm, Tôn giả Xá-lợi-phất, trong phần hồi hướng công đức nói: "Này các cư sĩ, có người chính mình bố thí nhưng không dạy người khác bố thí, người ấy được phước báo giàu có nhiều đời liên tiếp nhưng không có phước báo về thân bằng quyến thuộc. Một người khác dạy láng giềng mình bố thí nhưng chính mình thì không, người ấy có phước báo về thân bằng quyến thuộc trong nhiều đời nhưng không có phước báo về tài sản. Người khác tự mình không cho cũng không dạy người khác bố thí, trong nhiều đời liên tiếp người ấy không có cơm cháo no bụng mà còn bị cô quạnh và thiếu thốn. Lại nữa, một người vừa tự mình bố thí và dạy người khác bố thí, người đó nhiều đời liên tiếp, trong trăm đời ngàn đời, trong trăm ngàn đời, vừa được phước báo về tài sản vừa có nhiều thân bằng quyến thuộc". Tôn giả Xá-lợi-phất đã thuyết pháp như thế. Một trí giả nghe xong tự nghĩ: "Thưa Ngài, bài thuyết pháp này thật kỳ diệu, giải thích ý nghĩa của hạnh phúc. Ta phải tạo công đức đối với hai giác giả này". Rồi ông ta mời Trưởng lão đến thọ thực, ông thưa: - Bạch Tôn giả, xin Ngài cho tôi được phụng sự, cúng dường vào ngày mai. - Cư sĩ, ông mời bao nhiêu Tỳ-kheo? - Đoàn tùy tùng của Ngài gồm bao nhiêu Tỳ-kheo, thưa Tôn giả? - Một ngàn Tỳ-kheo, cư sĩ ạ! - Xin dẫn theo toàn thể Tỳ-kheo của Ngài vào ngày mai và cho tôi được phụng sự, cúng dường vào ngày mai.

Tôn giả nhận lời. Rồi cư sĩ đi khắp đường phố, khuyên những người khác cúng dường. - Các ông, các bà! Tôi đã thỉnh một ngàn vị Tỳ-kheo. Quý vị có thể dâng vật thực cho bao nhiêu Tỳ-kheo? Quý vị có khả năng bao nhiêu? Dân cư hứa dâng vật thực, mỗi người tùy phương tiện của mình, họ nói: - Chúng tôi sẽ dâng cho mười vị. - Chúng tôi sẽ dâng cho hai mươi vị. - Chúng tôi sẽ dâng cho một trăm vị. Cư sĩ hướng dẫn họ đem vật thực đến một nơi và bảo: - Chúng ta hãy gom vật thực tại một chỗ và nấu nướng chung. Tất cả các ông bà hãy mang đến mè, gạo, bơ, sữa lỏng, mật và những loại khác. Bấy giờ một gia chủ dâng một bộ y vàng ướp hương đáng giá một trăm ngàn đồng tiền, nói: - Nếu những vật thực cúng dường góp lại mà không đủ, hãy bán bộ y này lấy tiền bù vào chỗ thiếu. Nếu vật thực đã đủ, các ông bà có thể cúng bộ y này cho bất cứ vị Tỳ- kheo nào mà quý vị đồng ý. Vật thực góp lại đầy đủ theo ý của gia chủ, không còn thiếu gì nữa. Do đó, cư sĩ nói với những người đàn ông: - Này quý ông! Lá y vàng này do một gia chủ cúng, vì mục đích như đã kể, nay dư thừa. Vậy chúng ta nên dâng cho ai? Vài người nói: - Chúng ta nên dâng cho Trưởng lão Xá-lợi-phất. Người khác lại bảo: - Trưởng lão Xá-lợi-phất chỉ tới lui khi mùa xong lúa chín. Còn Đề-bà-đạt-đa đến với chúng ta thường

xuyên, ngày mùa cũng như ngày thường, và lúc nào cũng sẵn sàng như cái bình đựng nước. Chúng ta hãy dâng cúng cho Ngài. Sau một hồi lâu bàn cãi, phe đa số hơn được bốn người đã quyết định dâng y cho Đề-bà-đạt-đa. Rồi họ dâng cho Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa cắt y ra làm hai, may, nhuộm, để một phần làm thượng y và phần kia làm hạ y; rồi mặc y vào khi đi ra. Dân chúng lại bàn tán khi thấy ông đắp y mới: - Y này không tương xứng với Đề-bà-đạt-đa, mà tương xứng với Tôn giả Xá-lợi- phất. Đề-bà-đạt-đa đã đắp với bộ thượng y và hạ y không tương xứng với ông ta. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ở phương xa đi từ Vương Xá đến Xá-vệ, ông ta đến đảnh lễ đức Phật và bày tỏ niềm hoan hỉ được gặp Ngài. Đức Phật hỏi ông về sự phúc lợi của hai Đại đệ tử. Vị Tỳ-kheo liền kể cho Ngài nghe toàn bộ câu chuyện về bộ y từ đầu đến cuối. Đức Phật nói: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa đã đắp bộ y mà ông không xứng đáng. Ở kiếp trước ông ta cũng đã đắp y không tương xứng.

Nói xong, Ngài bèn kể câu chuyện sau: A. Thợ Săn và Voi Chúa Thuở xưa một lần, khi vua Phạm-ma-đạt (Brahmadatta) cai trị Ba-la-nại, có một thợ săn voi sinh sống bằng nghề giết voi, đem ngà, móng, bộ đồ lòng và thịt chặt ra chợ bán. Bấy giờ trong một khu rừng có hằng ngàn con voi đang kiếm cỏ. Một hôm, vào rừng chúng gặp một vài vị Phật Độc giác. Kể từ hôm đó, cả lượt đi và về, chúng đều quỳ gối trước Phật Độc giác rồi mới tiến bước tiếp. Người thợ săn thấy hành động của bầy voi, ông ta không khỏi thắc mắc: "Giết bầy thú này thật là khó khăn, lần nào đến và đi chúng đều đảnh lễ những vị Phật Độc giác. Chúng thấy cái gì mà đảnh lễ vậy kìa?". Đi đến kết luận rằng đó là vì chiếc y vàng, hắn bèn quyết định: "Ta cũng phải đắp một y vàng lập tức". Rồi hắn đi đến cái ao nơi vị Phật Độc giác thường đến. Trong khi Ngài đang tắm, lá y để trên bờ, hắn trộm y của Ngài. Rồi hắn đi săn, ngồi chờ trên con đường có đàn voi thường qua lại, với cái giáo trong tay và lá y phủ trên đầu. Đàn voi thấy hắn, tưởng là Phật Độc giác, dừng lại đảnh lễ hắn và bước đi. Con voi đến đảnh lễ cuối cùng tức voi đầu đàn bị giết với một nhát giáo. Lấy xong cặp ngà với những phần có giá trị khác, chôn xác còn lại xuống đất, hắn bỏ đi. Ít lâu sau, Bồ-tát tái sanh làm voi, sau đó trở thành voi đầu đàn của đàn voi ấy. Lúc đó, người săn vẫn tiếp tục mưu chước cũ. Voi chúa nhìn thấy số voi trong bầy sút giảm liền hỏi: - Chúng voi đi đâu mất vậy kìa, bầy chúng ta còn quá ít? - Chúng con không biết, thưa Ngài. Voi chúa tự nghĩ: "Chúng không thể đi đâu khi không được phép của ta". Rồi mối nghi hiện ra trong đầu voi: "Cái gã ngồi ở chỗ nọ với tấm y trùm đầu, hẳn là nguyên nhân gây ra lộn xộn, ta phải theo dõi hắn". Rồi voi đầu đàn để những con voi khác đi trước và chính nó đi cuối cùng, bước thật chậm. Khi những con voi cuối đảnh lễ xong và đi qua, gã thợ săn thấy voi chúa đến, lập tức hắn cuộn y lại và phóng ngọn giáo. Voi chúa đã đề phòng khi đến gần, nên bước lui tránh mũi giáo. Biết ngay là người đã giết voi của mình, voi chúa lập tức phóng tới để tóm hắn. Nhưng gã thợ săn đã nhanh nhẹn nhảy qua và núp sau một cội cây. Voi chúa dự định sẽ lấy vòi quấn cả gã thợ săn với cội cây, tóm lấy gã và quật gã xuống đất. Ngay lúc đó, gã thợ săn nhanh trí chìa tấm y vàng ra cho voi trông thấy. Thấy lá y, voi khựng lại có vẻ đắn đo: "Nếu ta tấn công người này, lòng quý trọng mà hàng ngàn chư Phật, Phật Độc giác và A-la-hán đã dành cho ta tất nhiên sẽ mất hết", voi đành dằn lòng, hỏi thợ săn: - Có phải anh đã giết hết những thân quyến kia của ta không? Thợ săn trả lời: - Vâng, thưa Ngài. - Tại sao

anh hành động xấu xa thế? Anh đã khoác tấm y dành cho những vị đã thoát khỏi tham dục, nhưng không xứng hợp với anh. Khi làm như thế, anh đã phạm tội nặng.

Nói xong, voi lại khiển trách hắn lần cuối: Ai mặc áo ca-sa, Tâm chưa rời uế trược, Không tự chế, không thực, Không xứng áo ca-sa. Ai rời bỏ uế trược, Giới luật khéo nghiêm trì, Tự chế, sống chân thật, Thật xứng áo ca-sa - Anh đã hành động không xứng đáng. Con voi nói như thế. Khi đấng đạo sư chấm dứt bài học này, Ngài đồng nhất những nhân vật trong truyện Bổn Sanh như sau: - Người thợ săn lúc ấy là Đề-bà-đạt-đa, voi chúa đã quở trách hắn chính là Ta. Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa đã khoác tấm y mà hắn không xứng đáng, hắn đã làm như thế trong kiếp trước rồi. Nói xong, Ngài đọc những Pháp Cú sau: (9) Ai mặc áo ca-sa, Tâm chưa rời uế trược, Không tự chế, không thực, Không xứng áo ca-sa. (10) Ai rời bỏ uế trược, Giới luật khéo nghiêm trì, Tự chế, sống chân thật, Thật xứng áo ca-sa. * 8. Những Đại Đệ Tử Không chân, tưởng chân thật... Giáo lý này được đức Phật thuyết khi Ngài ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, và liên quan đến việc những đại đệ tử Phật tường trình rằng ngoại đạo Sanjaya chối từ không đến quy y Phật. Đầu đuôi câu chuyện như sau: A. Đời Sống Của Phật Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp quá khứ, đấng Đạo sư của chúng ta sanh làm một hoàng tử Bà-la-môn trong thành Amaravatì là Sumedha (Siêu thuật). Sau khi đã thông đạt mọi xảo thuật, Ngài từ bỏ di sản lên đến vô số triệu của cha mẹ để lại, xuất gia, sống đời ẩn sĩ, ngụ trong vùng Himalaya, và ở đó tự mình thiền định đắc được thần thông. Một hôm Phật Nhiên Đăng, đấng Thập lực, rời tinh xá Sadassana đến thành Ramma, dân

chúng đi trước dọn đường. Sumedha hôm đó bay trên không, thấy con đường đã được dọn sạch, Sumadha chọn một đoạn đường chưa sạch, đợi đức Phật đến, lấy thân mình làm cầu, trải áo bằng da hươu trên bùn, nằm lên trên và nói: "Xin đừng để đức Phật và Tăng chúng bước trên bùn, xin Ngài hãy bước trên thân con, để tiếp tục cuộc hành trình". Khi Phật thấy Sumedha, Ngài nói: "Ông hoàng kia là một vị Phật tương lai. Bốn a- tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp sau này ông ta sẽ thành Phật tên Cồ-đàm". Đó là lời của Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ông hoàng Bà-la-môn Sumedha. Sau khi Phật Nhiên Đăng đến những vị Phật sau: Kodanna, Màngala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassì, Paduma, Naràda, Padumuttara, Sumedha, Sujàta, Piyadassì Atthadassì, Dhammadassì Siddhattha, Tissa, Phussa, Vipassì(Tỳ-bà-thi), Sikhì(Thi-khí), Vessabhù (Tỳ-xá-phù), Kakusandha (Câu-lưu-tôn), Konàgamana (Câu-na-hàm-mâu-ni) và Kassapa (Ca diếp). Lần lượt hai mươi bốn vị Phật ra đời và soi sáng thế gian. Và từ mỗi vị Phật, ông hoàng Bà-la-môn Sumedha đều nhận được lời thọ ký sẽ thành Phật. Bấy giờ sau khi Sumedha đã viên mãn 10 ba-la-mật, 10 ba-la-mật bậc hạ và 10 ba-la-mật bậc thượng, tất cả là 30 ba-la-mật, Ngài được tái sanh là thái tử Vessantara và trong kiếp làm thái tử Vessantara, Ngài hành các pháp đại thí, hy sinh cả vợ và con làm chấn động quả đất. Mạng chung, Ngài tái sanh vào cõi trời Đâu suất, cũng trong kiếp sống đó, các vị trời của mười ngàn thế giới tụ họp lại xưng tán Ngài: Thời đã đến, hỡi bậc Đại Lực, Hãy giáng sanh thai mẹ đi thôi, Cứu nhơn thiên chìm đắm nổi trôi, Và khám phá con đường bất tử. Ngay sau đó Ngài tư duy năm điều đại quán. Và qua kiếp đó Ngài sanh vào dòng vua Thích ca, được nuôi dưỡng trong nhung lụa hoàng gia. Suốt thời gian này, Ngài tận

hưởng tuổi xuân tốt lành, ở ba lâu đài tùy theo mùa trong năm, hưởng thụ nếp sống huy hoàng đế vương có thể sánh ngang cõi trời. Thời gian trôi qua, một hôm liên tiếp trong 8 ngày, Ngài đến khu vườn để giải trí thì gặp ba thiên sứ, đó là một người già, một người bệnh và một người chết. Trong ba ngày đó, Ngài trở về hoàng cung lòng chấn động khôn tả. Vào ngày thứ tư Ngài gặp một người xuất gia, sống đời tu sĩ. Một ý tưởng bừng nở trong tâm trí: "Tốt hơn hết, ta nên từ bỏ thế gian, sống đời tu sĩ". Ôm ấp trong đầu ước mơ về đời sống tu hành, Ngài tiếp tục đến khu vườn, suốt ngày ngồi trên bờ hồ trong hoàng cung. Khi Ngài ngồi đó, trời Vissakamma đến, dưới dạng người thợ cạo và mặc vào Ngài y phục quý giá, trang điểm Ngài với mọi thứ trang sức. Ở đó Ngài nhận được tin hoàng tử La-hầu-la vừa ra đời. Cảm thấy lòng thương con mạnh mẽ trỗi dậy, Ngài sáng suốt nhận định: "Ta phải cắt đứt ngay sự ràng buộc này, nếu không sẽ lớn mạnh thêm nữa". Chiều đó Ngài trở về hoàng cung, Kisà Gotamì con gái của bà bác Ngài, đọc câu kệ sau đây: Hạnh phúc thay người mẹ,

Hạnh phúc thay người cha, Hạnh phúc thay người vợ, Có người chồng như Ngài. Kisà Gotamì đọc câu kệ trên khiến Ngài phải buột miệng: "Gotamì đã nói cho ta biết đâu là chân hạnh phúc để tìm" Rồi Ngài lấy một chuỗi ngọc gửi tặng cô. Trở về cung, khi nằm xuống long sàng. Ngài thấy rõ diện mạo dơ xấu của những cung nữ đang ngủ. Ghê tởm, Ngài đánh thức người coi ngựa Xa-nặc, bảo đem ngựa Kiền- trắc đến, và Ngài cưỡi Kiền-trắc mang theo Xa-nặc làm bạn đồng hành, có chư thiên mười ngàn cõi giới vây quanh. Ngài ra đi, thực hiện một cuộc xả ly vĩ đại. Phi ngựa đến bờ sông Anomà, Ngài rời bỏ thế gian và sống đời tu sĩ. Sống đời tu sĩ, Ngài tiếp tục đến Vương Xá và đi vào thành khất thực. Rồi Ngài rút lui vào núi Pandava, ngồi tu trong hang. Vua nước Ma-kiệt-đà đến nơi dâng vương quốc cho Ngài nhưng Ngài liền từ chối. Ngài hứa với vua là sẽ đến thăm vương quốc ngay khi Ngài chứng đạo. Rồi Ngài đến với Alàrà và Uddaka. Nhưng sau khi tu theo giới pháp của hai vị này. Ngài không chứng được đạo quả (A-la-hán). Sau đó Ngài dấn thân vào cuộc đại chiến trong sáu năm. Một sáng sớm ngày rằm của tháng Visìkhà, Ngài dùng bát cháo do Sujàtà dâng cúng, thả cho bát vàng trôi ngược trên sông Ni-liên, rồi suốt ngày trong rừng Mahàana (Đại Lâm) Ngài nhập định vào các tầng thiền. Buổi chiều Ngài lắng nghe long vương Kàla tán thán đức hạnh cao quý của Ngài. Ngài bước lên tòa Bồ-đề, nhận bó cỏ của Sotthiya dâng, rải ra trước mặt mình và phát lời thệ nguyện: "Ta sẽ không rời khỏi tòa ngồi này cho đến khi Ta hoàn toàn dứt tham đắm ngũ dục thế gian và tâm Ta hoàn toàn giải thoát hết lậu hoặc". Sau đó Ngài ngồi quay mặt về hướng đông và chiến thắng Ma vương trước khi mặt trời lặn. Trong canh một Ngài chứng Túc mạng minh, canh hai Ngài chứng Thiên nhãn minh, cuối canh năm Ngài chứng Lậu tận minh, đạt đến Toàn Giác và đắc Thập lực, Tứ vô ngại biện và tất cả đức hạnh cao thượng, Ngài ngồi trên tòa Bồ-đề suốt bảy tuần. Vào tuần thứ tám, Ngài ngồi dưới cội đa của người chăn dê (cây-bồ-đề) và quán tưởng về sự thậm thâm vi diệu của pháp, cuối cùng Ngài đâm ra e ngại không có khả năng thuyết pháp độ sanh. Ngay lập tức, Phạm thiên Sahampati cùng với chư thiên mười ngàn cõi giới trong đó Đại Phạm thiên thường đi theo, đến gặp Ngài và thỉnh cầu Ngài thuyết pháp. Quan sát thế gian với Phật nhãn, Ngài nhận lời thỉnh cầu của Phạm thiên. Ngài nghĩ tiếp: - Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước tiên? Nhìn quanh thế giới, Ngài thấy Alàra và

Uddaka đã qua đời, nhưng nhớ lại năm Tỳ-kheo đã từng tận tình phục vụ mình, Ngài đứng lên và đi đến Kàsipura, và gặp Upaka trên đường và nói chuyện với ông ta.

Vào ngày rằm tháng Aasalha, Ngài đến Isipatana trong vườn Lộc Uyển, nơi năm Tỳ-kheo cư ngụ. Năm Tỳ-kheo xưng hô với Ngài không đúng cách, Ngài dạy họ cách xưng hô đúng. Rồi Ngài bắt đầu chuyển Pháp luân, ban nước bất tử đến một trăm tám mươi triệu chư thiên, nhưng trên hết cho Tỳ-kheo Annà-Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như). Sau khi đã chuyển bánh xe pháp, vào ngày thứ năm của nửa tháng, Ngài độ năm Tỳ-kheo trên, tất cả đều chứng A-la-hán. Cũng vào ngày ấy, Ngài thấy rằng chàng vọng tộc trẻ tuổi Yasa đã đủ nhân duyên xuất gia, và khi Yasa rời khỏi căn nhà, lòng nhờm tởm những gì đã thấy trong đêm, Ngài nhìn thấy anh gọi lại: - Đến đây, Yasa! Và cho anh xuất gia. Cũng trong đêm đó Ngài độ cho Yasa chứng quả Dự lưu, và ngày tiếp theo chứng A-la-hán. Sau đó Ngài độ cho năm mươi bốn bạn hữu của Yasa xuất gia. Ngài gọi họ: - Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Họ liền trở thành Tỳ-kheo, rồi Ngài độ họ chứng A-la-hán. Vậy là có sáu mươi mốt A-la-hán trên thế gian. An cư trong mùa mưa và làm lễ tự tứ xong. Ngài phái sáu mươi Tỳ-kheo đi khắp nơi: - Hãy đi, các Tỳ-kheo! Hãy thuyết giảng! Còn chính Ngài đến Uruvelà. Trên đường đi tại khu rừng Kappàsika, Ngài thuyết giáo cho ba mươi chàng trai thuộc nhóm Bhaddavaggiyas. Những người kém nhất trong nhóm chứng Sơ quả (Dự lưu) và những người ưu việt nhất chứng Tam quả (A-na-hàm). Tất cả những chàng trai này được nhận vào Tăng đoàn chỉ với lời gọi "Đến đây, Tỳ-kheo!" Xong, Ngài phái họ đi khắp nơi. Đến Uruvelà, Ngài thi triển ba ngàn năm trăm phép thần thông và xuất gia cho Uruvelà-Kassapa, Nadì Kassapa và Gayà-Kassapa. Đó là ba anh em Ca-diếp, những vị khổ hạnh bện tóc, có một ngàn đệ tử. Ngài dạy pháp cho những vị khổ hạnh này xong, nhận họ vào Tăng đoàn chỉ với lời nói: "Đến đây, Tỳ-kheo!" Tại Gayàsìa, Ngài độ họ chứng quả A-la-hán đi theo, Ngài đến vườn Latthivana gần thành Vương Xá, định thực hiện lời hứa với vua Bình-sa-vương (Bimbisàra) nước Ma-kiệt-đà. "Đấng Đạo sư đã đến!" Người ta kêu vang rân. Nghe tin báo, vua Bình-sa-vương đã đến cùng rất đông gia trưởng Bà-la-môn theo hầu, và đức Phật đã hoan hỉ thuyết pháp cho vua, độ vua và gần hết số Bà-la-môn đó chứng quả dự lưu, và quy y cho các Bà-la- môn còn lại. Ngày sau Phật lắng nghe vua trời Đế thích, dưới dạng một Bà-la-môn trẻ, đến thành Vương Xá tán thán công đức cao quý của Ngài, sau đó Ngài vào thành Vương Xá. Thọ thực trong hoàng cung xong, Ngài nhận lời vua cúng tinh xá Veluvana (Trúc Lâm) và ngụ ở đấy. Và tại đây, Xá-lợi-phất (Sàriputta), Mục-kiền-liên (Moggallàna) đã đến với Ngài B. Cuộc Đời của Upatissa (Sarìputta) và Kolita (Moggallaana)

Trước khi Phật xuất thế, có hai làng Bà-la-môn không xa Vương xá tên Upatissa và Kolita. Một hôm, vợ một người Bà-la-môn tên Rùpasàri sống ở làng Upatissa biết mình thọ thai, cũng cùng ngày đó vợ của Bà-la-môn tên Moggalì sống ở làng Kolita cũng biết mình thọ thai. Nghe kể rằng trong bảy thế hệ, hai gia đình ấy đã kết tình thân hữu chặt chẽ và gắn bó mật thiết với nhau. Họ tổ chức lễ Bảo-thai cho hai bà mẹ có mang trong ngày đó. Sau mười tháng âm lịch, cả hai bà đều hạ sanh. Vào ngày đặt tên cho hai trẻ, họ đặt tên Upatissa cho đứa con bà vợ Bà-la-môn Sàri, vì cậu bé là con của trưởng tộc trong làng Upatissa; và đứa bé kia, vì là con của trưởng tộc trong làng Kolita nên được

tên là Kolita. Lớn lên, cả hai trẻ đều tài giỏi hơn ai hết trong mọi xảo thuật và học thuật. Mỗi khi chàng Upatissa đi ra sông hay vườn để du ngoạn, có năm trăm kiệu vàng hộ tống, còn Kolita có năm trăm xe ngựa thuần chủng hộ tống. Hai chàng trai trẻ mỗi người có năm trăm gia nhân theo hầu. Bấy giờ có một cuộc lễ hàng năm tại Vương Xá tên là hội Đỉnh Núi. Một cái giường dành cho hai chàng kê ở một nơi, và hai chàng ngồi chung chứng kiến lễ hội. Đến dịp cười, họ cười vang, có dịp khóc, họ khóc thảm thiết, tới lúc bố thí họ bố thí. Như thế, họ dự hội nhiều ngày. Nhưng một hôm, tuổi khôn lớn, họ không cười vào những dịp ngày xưa họ cười, không có giọt nước mắt nào khi gặp cảnh ngày xưa họ khóc và họ không bố thí khi được yêu cầu. Người ta kể rằng, hai chàng khởi tưởng như sau: "Tại sao chúng ta lại xem những thứ này? Trước khi một trăm năm trôi qua, tất cả mọi người này sẽ mất đi và không còn ai trong thấy họ nữa. Tốt hơn chúng ta nên đi tìm con đường giải thoát". Họ ôm ấp ý tưởng đó, rồi Kolita bảo Upatissa: - Bạn Upatissa! Bạn có vẻ không hài lòng và không thích thú như ngày trước. Hơn thế nữa, bạn ưu sầu phiền muộn. Bạn nghĩ gì thế? - Bạn Kolita, tôi cảm thấy chẳng có gì toái ý lâu bền khi ngắm nhìn đám dân này, những cái này thật hết sức vô ích; tốt hơn tôi nên đi tìm con đường giải thoát cho chính mình. Nhưng tại sao bạn cũng phiền muộn? Kolita cũng nói thế. Khi Upatissa khám phá ra Kolita đồng tâm trạng với mình, anh đi đến quyết định: - Cả hai chúng ta đều có một hoài bão cao đẹp. Cả hai chúng ta cần phải đi tìm con đường giải thoát và cùng nhau rời bỏ thế gian. Chúng ta sẽ xuất gia với Đạo sư nào đây? Lúc bấy giờ, có một du sĩ khổ hạnh tên Saniaya đến thành Vương Xá với đông đảo du sĩ khổ hạnh tùy tùng. Upsatissa và Kolita cùng nhất trí: - Ta sẽ xuất gia và đi tu dưới sự lãnh đạo của Sanjaya. Rồi cả hai người bạn đồng giải tán năm trăm người hầu và ra lệnh cho họ: - Hãy lấy kiệu và xe ngựa rồi đi đi!

Với năm trăm người còn lại, họ cùng nhau xuất gia và đi tu theo Sanjaya. Từ ngày hai chàng trai trẻ xuất gia và đi tu, Sanjaya đã tiến tới tuyệt đỉnh của danh lợi. Nhưng trong vài ngày, sự thông hiểu của họ vượt qua khả năng giảng dạy của Sanjaya. Do đó, họ thưa với ông: - Thưa thầy, đây có phải là toàn thể chân lý mà thầy biết, hay ngoài ra còn có những gì cao hơn nữa? - Đây là tất cả, các con đã biết hết rồi. Upatissa và Kolita đều băn khoăn: "Nếu như thế, thật vô ích cho chúng ta khi ở lại làm học trò vị thầy này thêm nữa. Con đường giải thoát mà chúng ta tìm kiếm khi từ bỏ thế gian, chắc chắn không thể đạt được từ vị thầy này. Nhưng vùng Diêm-phù-đề là một xứ to rộng, chúng ta hãy du hành qua thôn xóm, thành thị, hoàng thành. Chắc chắn chúng ta sẽ tìm được bậc thầy chỉ dạy chúng ta con đường giải thoát". Kể từ hôm đó, bất cứ nơi nào nghe có tu sĩ hay Bà-la-môn uyên bác, họ đều tìm đến và đàm luận. Những vấn đề Upatissa và Kolita nêu ra các vị ấy đều không thể trả lời; nhưng mọi vấn đề các vị ấy hỏi đến, Upatissa và Kolita đều trả lời trôi chảy. Cứ như thế, họ du hành khắp vùng Diêm-phù-đề, rồi họ quay bước trở về nhà riêng của mình. Trước khi từ giã, Upatissa giao ước với Kolita: - Bạn Kolita, ai trong chúng ta đạt đến sự bất tử trước xin báo cho người kia. Rồi họ chia tay. Trong thời gian hai người bạn sống giao ước như thế, đấng Đạo sư sau khi du hành từ nơi này đến nơi khác, như đã kể ở trên, đến Vương Xá. Đức Phật đã nhận cúng tinh xá Veluvana và ở lại đó. Sau đó đức Phật đã phái sáu mươi mốt A-la-hán đi rao giảng công đức của Tam Bảo. - Hãy đi, này các Tỳ-kheo! Hãy giảng và

dạy! Một trong nhóm năm Tỳ-kheo, Đại Trưởng lão Ác-bệ, quay lại về Vương Xá, và vào sáng sớm hôm sau, đắp y ôm bát vào thành khất thực. Cũng trong ngày đó sáng sớm, du sĩ khổ hạnh Upatissa ăn sáng xong đi đến khu ẩn dật của những du sĩ khổ hạnh. Hình dáng Trưởng lão lọt vào mắt Upatissa. Lòng đầy kinh ngạc pha lẫn thán phục, Upatissa chăm chú nhìn Trưởng lão: - Trước đây ta chưa hề thấy một tu sĩ nào như vị này. Ông phải là một trong những tu sĩ đã đắc A-la-hán trên thế gian, nếu không cũng là người đã bước vào con đường đưa đến Thánh quả A-la-hán, ta hãy thử đến gặp tu sĩ và hỏi Ngài: "Vì ai, thưa hiền hữu, mà hiền hữu tử bỏ thế gian? Ai là bậc thầy của hiền hữu? và hiền hữu truyền giáo pháp của ai?" Nhưng chàng dằn lại vì dè dặt, sợ mình quá đường đột: "Thật không đúng lúc để hỏi tu sĩ những câu như thế, vì ông đang đi khất thực từng nhà. Ta có nên theo sát bước của tu sĩ, như người ta vẫn thường làm để thỉnh cầu ân huệ một vị nào đó?"

Upatissa bước theo Trưởng lão Ác-bệ. Trưởng lão đã nhận xong một phần khuất thực. Trên đường đi tiếp đến một nơi nào đó, thấy rằng Trưởng lão muốn ngồi xuống, chàng liền đặt tọa cụ của mình trên đất và dâng cho Trưởng lão. Tu sĩ thọ thực xong, chàng rót nước trong bình của mình mời Ngài. Làm xong bổn phận của một đệ tử đối với thầy, và khi trưởng lão thọ thực xong, chàng lễ độ chào hỏi Trưởng lão, rồi thưa: - Thưa hiền hữu, các căn của Ngài thật thanh tịnh, nước da của Ngài thật sáng bóng và trong trẻo. Vì ai, thưa hiền hữu, Ngài đã từ bỏ thế gian? Ai là thầy của Ngài? Và Ngài truyền bá giáo lý của ai? Trưởng lão thầm nghĩ: "Những du sĩ khổ hạnh hay chống đối tôn giáo ta theo, do đó ta sẽ chỉ cho tu sĩ này sự thậm thâm của đạo ta". Nhưng trước hết Ngài giải thích rằng Ngài chỉ là một sơ cơ. Ngài nói: - Này hiền hữu! Tôi chỉ là một sơ cơ, tôi đi tu chưa bao lâu, tôi mới đến với Pháp và luật này, ngay bây giờ tôi không có nhiều lời để thuyết pháp. Chàng tu sĩ khổ hạnh thầm nhủ: "Tôi là Upatissa, xin nói nhiều hay ít theo khả năng của Ngài, tôi nhất quyết sẽ tìm hiểu ý nghĩa bằng trăm ngàn cách". Do đó chàng nói: Hãy nói ít hoặc nhiều, Nhưng nói điều cốt yếu, Tôi chỉ cần cốt yếu, Sao phải thốt nhiều lời? Để trả lời, Trưởng lão dùng ngay dòng đầu của Pháp Cú: Tất cả pháp từ nhân duyên sanh, Nhân duyên ấy, Như Lai đã chỉ. Ngay dòng đầu tiên, chàng du sĩ khổ hạnh đắc quả Dự lưu, hiểu hết ý nghĩa bằng cả một ngàn cách. Chàng vừa đắc quả Dự lưu xong, trưởng lão đọc nốt dòng thứ hai: Và cũng dạy thế nào chấm dứt. Đây, giáo huấn của Đại Sa-môn. Chàng không chứng được quả vị cao hơn, chàng nghĩ là phải có một lý do nào đó, vì thế chàng trình Trưởng lão: - Xin Ngài đừng thuyết pháp cao hơn nữa, đã đủ! Đạo sư của chúng ta hiện ngụ ở đâu? - Tại Trúc lâm, hiền hữu! - Vậy thì, thưa Tôn giả! Xin ngài đi trước đi. Tôi có một người bạn, anh ta và tôi đã giao ước với nhau: "Ai trong chúng ta đạt đến sự bất tử trước tiên phải báo cho người kia". Tôi phải giữ lời hứa này trước đã. Tôi sẽ rủ bạn tôi cùng đến đấng Đạo sư, đi theo con đường của Ngài. Nói xong, Upatissa phủ phục năm vóc dưới chân Trưởng lão, đi nhiễu bên phải ba vòng và từ giã Ngài, đi đến gặp du sĩ khổ hạnh bạn chàng.

Nhà du sĩ khổ hạnh Kolita thấy chàng từ xa, không khỏi mừng thầm: "Hôm nay, vẻ mặt bạn ta khác thường, chắc anh đã đến sự bất tử". Kolita nôn nóng hỏi ngay bạn mình: - Bạn đã đạt được bất tử phải không? Upatissa trả lời: - Vâng, này huynh! Tôi đã đạt đến bất tử. Nói xong, chàng nói Pháp Cú như Tôn giả Ác-bệ đã nói. Ngay khi kết thúc bài kệ,

Kolita chứng quả Dự lưu. Rồi Kolita hỏi tiếp: - Này bạn, đấng Đạo sư ở đâu? - Tại Trúc Lâm, bạn ạ. Trưởng Lão Ác-bệ, thầy chúng ta đã cho tôi biết. _ Tốt lắm, này bạn! Chúng ta hãy đi, hãy đến gặp đức Phật. Trưởng lão Xá-lợi-phất có một nét đặc biệt là luôn kính trọng sâu đậm vị thầy của mình. Do đó, Ngài bảo bạn: - Này bạn, chúng ta hãy báo cho thầy mình, du sĩ khổ hạnh Sanjaya rằng chúng ta đã đạt được đến bất tử, như thế tâm ông sẽ thức tỉnh và trí ông sẽ hiểu biết. Dù ông có thiếu sự hiểu biết đi chăng nữa chắc chắn ông vẫn tin chúng ta không nói dối, và ngay khi được nghe Phật thuyết pháp, ông sẽ đạt đạo quả. Hai du sĩ khổ hạnh liền đi đến Sanjaya. Gặp lại họ Sanjaya hỏi ngay: - Các đạo hữu! Các ông có thành công trong việc tìm người chỉ cho con đường bất tử không? - Vâng, thưa Thầy, chúng tôi đã tìm được người như thế. Đức Phật đã hiện trên thế gian, Pháp đã xuất hiện, Tăng đã xuất hiện. Còn Ngài, Ngài đi trong hư huyễn phi thực. Hãy đến đây, thưa Ngài, đi đến đấng Đạo sư với chúng tôi. - Các ông có thể đi. Ta không đi được! - Tại sao? - Trước đây, ta đã là một bậc thầy của nhiều người. Đối với ta, trở lại thành một người đệ tử cũng vô lý như một tên nhếch nhác được phép đi đến giếng nước. Ta không thể sống cuộc đời người đệ tử. - Đừng làm vậy, Thầy ạ! - Không sao, các bạn! Các bạn có thể đi, còn ta thì không đi được. - Thưa Thầy! Từ khi Phật xuất hiện trên thế gian, dân chúng mang hương hoa và các thứ trong tay họ, đi đến và tôn kính một mình Ngài thôi. Chúng ta hãy đi đến đó. Thầy định làm gì? - Này đạo hữu! Ai chiếm đa số trên thế gian này, người ngu hay người trí? - Thưa Thầy, người ngu thì nhiều, người trí thì ít. - Tốt lắm, đạo hữu! Hãy để người trí đến với tu sĩ trí tuệ Cồ-đàm, và hãy để người ngu đến với ngu phu là ta. Các anh có thể đi, còn ta không đi. - Thầy sẽ trở thành một người nổi tiếng, thầy ạ.

Hai đệ tử cũ nói thế và lên đường. Khi họ đi rồi, giáo đoàn của Sanjaya tan rã, và khu rừng trở nên vắng vẻ. Sanjaya không chịu nổi trước cánh rừng vắng vẻ, ông buồn tức hộc máu tươi. Năm trăm du sĩ khổ hạnh tháp tùng Kolita và Upatissa một đoạn đường. Sau đó, hai trăm năm mươi người còn trung thành với Sajaya trở về, còn lại hai trăm năm mươi người, hai vị thu nhận họ làm đệ tử và cho họ đi theo đến Veluvana. Đức Phật đang ngồi giữa tứ chúng thuyết pháp, thấy hai du sĩ khổ hạnh từ xa đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, có hai đạo hữu đến đây là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là đôi đệ tử của ta, đôi đại đệ tử cao quý. Hai du sĩ khổ hạnh đảnh lễ Phật, cung kính ngồi xuống một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn, chúng con xin được thu nhận vào Tăng đoàn theo Phật, chúng con xin quy y và xuất gia. Đức Phật bảo: - Hãy đến Tỳ-kheo! Pháp sẽ được thuyết, hãy sống đời phạm hạnh cho đến lúc lâm chung để mọi đau khổ dứt hẳn. Ngay tức khắc, nhờ thần thông, họ tự nhiên được y bát, và trở thành những vị Tỳ- kheo Trưởng lão một trăm hạ lạp. Bằng vào sự thuyết pháp của hội chúng đệ tử, đức Phật gia tăng việc thuyết giảng pháp. Trừ hai vị Đại đệ tử ra, mọi người đều đắc quả A-la-hán. Lạ lùng thay, hai vị Đại đệ tử vẫn không thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn (Lý do gì như thế? Vì trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử Phật có một tầm quan trọng). Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ngụ gần làng Kallavàla trong vương quốc Ma-kiệt-đà, rơi vào trạng thái hôn trầm dã dượi vào ngày thứ bảy sau ngày được thu nhận vào Tăng đoàn. Nhưng được đức Phật đánh thức, Ngài trừ khỏi hôn trầm dã dượi và áp dụng đề mục thiền quán về các đại mà đức Phật đã trao cho Ngài.

Ngài thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn và đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử. Còn Trưởng lão Xá-lợi-phất, hai tuần lễ ở với đức Phật, từ ngày được thu nhận vào Tăng đoàn, ngụ tại hang Sưukarakhata cũng gần thành Vương Xá. Khi nghe con của người chị Ngài, Đạo sĩ Dìhanakha đọc lại bài kinh Vedanà pariggaha, Ngài chú tâm vào bài kinh, và giống như một người ăn được cơm nấu cho người khác, Ngài đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử. (Chắc chắn Tôn giả Xá-lợi-phất là một người đại trí tuệ. Vậy thì tại sao Ngài cần đến một thời gian lâu hơn Đại Mục-kiền-liên để đạt dến cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử? Bởi vì đối với Ngài những việc chuẩn bị cần phải tỉ mỉ. Chúng ta nên hiểu rằng đây là trường hợp tương tự với một vị vua, khi muốn ra ngoài du hành, cần phải chuẩn bị nhiều thứ, như sắp xếp những tấm phủ lên lưng những con voi sẽ cõi... Còn đối với một người nghèo, dù muốn đi đâu, anh ta đi được ngay không cần thêm gì lắm).

Ngay hôm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được nhận vào Tăng đoàn, khi trời gần tối, đức Đạo sư triệu tập những đệ tử tại Trúc Lâm, đề cử địa vị Đại đệ tử cho hai vị mới vào Tăng đoàn, và đọc giới bổn Pàtimokkha. Các Tỳ-kheo bất bình bàn tán với nhau: - Đức Thế Tôn tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Địa vị Đại đệ tử, Ngài phải ưu tiên cho những ai từ bỏ thế gian đầu tiên, tức là nhóm năm vị Kiều-trần-như. Nếu Ngài không đếm xỉa đến sự thỉnh cầu của họ, Ngài phải dành ưu tiên cho Trưởng lão Yasa và năm mươi bốn bạn đồng hành của ông. Nếu Ngài không cho những vị này làm Đại đệ tử, Ngài phải dành ưu tiên cho nhóm ba mươi thanh niên. Nếu Ngài bác bỏ nhóm này thì phải dành ưu tiên cho ba anh em Uruvela-Kassapa, Nadì-Kassapa và Gayà- Kassapa. Khi bác bỏ tất cả những Tỳ-kheo đến trước và dành địa vị Đại đệ tử cho những người từ bỏ thế gian sau hết, đức Đạo sư đã tỏ ra thiên vị. Phật hỏi họ: - Này các Tỳ-kheo! Các ông đang tranh luận vấn đề gì? Nghe họ kể lại, Phật nói: - Này các Tỳ-kheo! ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Trái lại, ta dành cho các Tỳ-kheo này và cho tất cả những Tỳ-kheo khác những gì mỗi người mong ước khi phát lời thệ nguyện. Còn Annà Kondana có cúng dường những thành quả đầu mùa chín lần, nhưng không có thệ nguyện làm Đại đệ tử. Trái lại, lúc cúng dường, ông thệ nguyện rằng ông phải là người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng, đó là A-la-hán quả. - Bạch Thế Tôn, khi nào vậy? - Hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo! - Vâng, Thế Tôn! Sau đó, Thế Tôn kể: Chuyện quá khứ C. Tiểu Kala và Đại Kala Này các Tỳ-kheo! Chín mươi mốt kiếp quá khứ, đức Phật Vipassì xuất hiện ở đời. Lúc đó có hai anh em Đại Hắc và Tiểu Hắc, cả hai gia chủ này cai quản một cánh đồng rộng lớn trồng lúa. Một hôm Tiểu Hắc đến ruộng lúa bóc vỏ lúa và ăn, thấy ngọt khác thường. Sau đó không lâu, ông muốn dâng một món quà bằng lúa non lên Tăng chúng do Phật lãnh đạo. Vì thế ông đến ngỏ ý cùng anh mình: - Nè anh! Chúng ta hãy bóc vỏ lúa non và nấu nướng thích hợp để cúng dường những vị Phật. Em nói gì thế, hở em? Chưa hề có người nào bóc vỏ lúa non cúng dường, cũng không ai thích làm như thế trong tương lai, đừng có làm hỏng mùa màng. Người em lặp lại ý kiến của mình nhiều lần. Cuối cùng người anh dứt khoát: - Thôi được, hãy chia ruộng làm hai phần. Đừng có đụng đến phần của anh, nhưng hãy làm những gì em thích trên phần ruộng của em. Tiểu Hắc nói:

- Tốt lắm. Rồi người em chia ruộng làm hai, thuê một số lớn nông dân lao động lột vỏ lúa non và nấu với rất nhiều sữa, thêm bơ lỏng, mật, đường và dâng món cơm chín đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo. Bữa ăn chấm dứt, Tiểu Hắc thưa: - Bạch Thế Tôn. do công đức cúng dường thành quả đầu mùa này, cho con được làm người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng là A-la-hán quả. - Sẽ được vậy. Rồi đức Đạo sư hồi hướng công đức cho thí chủ. Khi người em trở về, nhìn lại cánh đồng, ông ta thấy toàn bộ cánh đồng đầy những nhánh lúa nảy chồi, đan vào nhau như được buộc thành bó. Cảnh tượng này khiến ông cảm nhận được năm niềm vui. Ông hân hoan: "Ta thật là may mắn". Khi lúa trổ bông, ông cúng dường những bông lúa đầu tiên. Cùng với dân làng thành quả đầu tiên gặt được. Khi lúa được bó lại, ông dâng những bó lúa đầu tiên. Khi lúa gom thành đống, ông dâng lúa đầu tiên trong đống. Khi lúa chất thành ụ, ông dâng lúa đầu tiên trong ụ. Khi đập lúa, ông dâng những lúa đầu tiên xay xong. Khi đong, ông dâng phần lúa đong đầu tiên. Khi chất vào kho, ông dâng lúa đầu tiên vào kho lẫm. Như thế, ông dâng thành quả đầu tiên của vụ mùa đến chín lần để cúng dường. Bất cứ thứ gì ông đem dâng được bù đắp lại, và ông có một vụ mùa bội thu. Phước đức đến với người biết làm phước. Do đó, đức Thế Tôn nói: - Thật vậy, Đại đức! Đạo đức bảo hộ người biết giữ gìn đạo đức, sống đạo đức đưa đến hạnh phúc. Đây là lợi lạc của cuộc sống đạo đức, người nào sống trong đạo đức sẽ không bao giờ đi đến tình trạng đau khổ. Vì thế, trong thời kỳ của Phật Vipassì, Kiều-trần-như đã cúng dường thành quả đầu tiên tới chín lần, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng. Cũng thế, trong thời kỳ của Phật Padumuttara, một trăm ngàn kiếp về quá khứ, trong thành Hamsavatì, ông đã cúng dường dồi dào, và phủ nhục dưới chân đức Phật, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng A-la-hán quả. Vì vậy, Ta đã dành cho ông ta địa vị theo đúng thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong sự trọng vọng này. Chuyện quá khứ D. Da-Xá (Yasa) và Năm Mươi Bốn Bạn Hữu - Bạch Thế Tôn, năm mươi lăm thanh niên do Da-xá (yasa) cầm đầu tạo những công đức gì? - Họ đã thệ nguyện dưới chân một vị Phật được đạt quả vị A-la-hán, và đã tạo nhiều công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ đã kết bạn với nhau để thành tựu những công đức, và hết lòng lo việc thiêu xác chết của người nghèo khó. Một hôm, thấy xác chết của một phụ nữ mang thai, họ đem xác chết nghĩa trang để thiêu. Da-xá và bốn người bạn được chỉ định việc thiêu xác, những người còn lại trở về làng.

Khi Da-xá thiêu xác, chàng dùng cây xiên xuyên suốt thân xác chết, lật qua lật lại, và thấu rõ sự bất tịnh của thân xác. Để chia xẻ sự hiểu biết này với bốn bạn mình, chàng bày tỏ: "các bạn, hãy nhìn thân này. Đây đó da dẻ nứt nẻ, không khác gì da của con bò đốm, bất tịnh, nhơ nhớp và gớm ghiếc." Ngay đó, bốn bạn chàng cũng thấu triệt sự bất tịnh của thân xác. Năm người bạn quay về làng và truyền đạt lại cho những người kia. Về phần Da- xá chàng về nhà và cũng truyền đạt cho cha mẹ và vợ, họ đều thấu triệt sự bất tịnh. Đây là công đức mà họ đã tạo trong kiếp trước. Và do chính công đức này, Da-xá chứng nghiệm được sự bất tịnh của thân xác khi ở trong phòng nhìn các mỹ nữ ngủ. Thêm vào đó, căn cơ họ đã đến lúc thuần thục, cho nên tất cả các chàng trai đều đạt quả thánh. Như thế, những chàng trẻ tuổi này đạt được điều mong muốn đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Chuyện quá khứ E.

Ba Mươi Chàng Vọng Tộc - Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba mươi vị vọng tộc trẻ tuổi này đã tạo công đức gì? Họ cũng thệ nguyện dưới chân chư Phật quá khứ đạt thành quả vị A-la-hán và đã tạo lập những công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ tái sanh làm ba mươi kẻ ác, nhưng nghe lời khuyên dạy dành cho ông Tudila, họ giữ năm giới suốt sáu mươi ngàn năm. Rồi những người này cũng chứng đạt đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Chuyện quá khứ F. Anh Em Ca Diếp - Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba anh em Ca-diếp là Uruvela Kassapa, Nadì-Kassapa, Gayà-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Gia-da Ca-diếp) tạo dựng những công đức nào? - Họ cũng tạo dựng những công đức và thệ nguyện đạt thành quả vị A-la-hán. Chín mươi hai kiếp quá khứ, hai đức Phật Tissa và Phussa cùng một lúc xuất hiện trên thế gian. Cha của Ngài Phussa là vua Mahinda. Khi Ngài Phussa giác ngộ thì người con út của vua trở thành Đại đệ tử của Ngài và con của vị tư tế trở thành đệ tử thứ hai. Nhà vua đến chỗ Phật và bạch: - Người con cả của tôi là Phật, người con út của tôi là Đại đệ tử, và người con của vị tư tế của tôi là Đại đệ tử thứ hai của Phật. Và nhìn cả ba, vua hoan hỉ: - Đức Phật là của chính tôi, Pháp là của chính tôi, Tăng là của chính tôi. Và ông long trọng xưng tụng ba lần: - Xin tán thán Ngài là bậc Thế Tôn, Ứng Cúng, Toàn Giác. Rồi ông gieo mình dưới chân đức Đạo sư thưa:

- Bạch Thế Tôn, bây giờ vào cuối cuộc đời kéo dài chín mươi ngàn năm, dường như đã đến lúc để tôi ngồi nhắm mắt ngủ yên. Lúc nào tôi còn sống, xin đừng đến nhà người khác, hãy nhận tứ sự cúng dường của mình tôi thôi. Nhận được sự ưng thuận của Phật, nhà vua đều đặn cúng dường cho Ngài. Bây giờ nhà vua có ba người con khác. Người lớn nhất có năm trăm lính tùy tùng, người giữa ba trăm và người trẻ nhất hai trăm. Một hôm, họ xin phép cha được cúng dường người anh cả là đức Phật Phussa, nhưng bị từ chối. Việc này xảy ra nhiều lần, ít lâu sau, một cuộc nổi loạn bùng nổ ở biên giới và ba anh em được vua cha phái đi dẹp giặc. Thành công, trong việc khôi phục ở biên giới, họ trở về hoàng cung, vua cha ôm lấy họ, hôn lên tóc, ngợi khen và tưởng thưởng: - Các con yêu của cha, cha sẽ cho những gì các con muốn. Họ vâng lệnh: - Tâu phụ vương! Chúng con xin nhận ân huệ của cha. Sau vài ngày, khi cha họ nhắc lại: - Các con yêu, ta sẽ cho bất cứ điều gì các con muốn. Họ liền ngỏ ý: _ Tâu phụ vương! Chúng con không cần gì khác ngoài việc từ nay trở đi chúng con xin được cúng dường anh cả của chúng con, hãy ban cho chúng con ân huệ này! - Ta không ban cho các con ân huệ này được, các con yêu! - Nếu cha không muốn ban cho chúng con đặc ân này thường xuyên, thì hãy ban cho chúng con bảy năm. - Ta không muốn thế, con yêu! - Thế thì hãy ban đặc ân cho chúng con sáu năm hay năm năm, bốn, ba hay hai năm, hay một năm, hoặc là bảy tháng, hay sáu, năm, bốn, ba hay hai tháng hoặc một tháng. - Ta không muốn thế, các con yêu! - Thế thì tâu phụ vương! Hãy cho mỗi đứa con một tháng, ban ơn cho chúng con tất cả ba tháng! - Thôi được, các con yêu! Hãy cúng dường anh các con trong ba tháng. Bây giờ cả ba anh em chỉ có một thủ khố và một quản gia. Viên quản gia có đến một trăm hai mươi ngàn người phụ việc. Ba anh em cho vời thủ khố và quản gia lại chỉ thị: - Trong vòng ba tháng tới, chúng tôi sẽ thọ giữ mười giới, đắp y vàng và an cư với đấng Đạo sư. Khi chúng tôi vắng mặt, bổn phận các anh phải coi sóc lương thực cúng dường, mỗi ngày các anh phải cung cấp đầy đủ thức ăn, cả cứng và mềm, cho

chín mươi ngàn Tỳ-kheo và một ngàn lính. Từ nay trở đi chúng ta sẽ không dặn dò gì nữa. Rồi ba anh em đem theo một ngàn lính tùy tùng tuân giữ mười giới, đắp y vàng và bắt đầu an cư trong tinh xá.

Người thủ khố và quản gia hợp lực thay phiên nhau hoàn tất bổn phận cúng dường, lấy lương thực từ kho của ba anh em để cúng dường. Nhưng khi đám con của những người phục vụ đòi món cháo yến mạch và những thức ăn chúng đòi, trước cả lúc Tăng đoàn đến. Hậu quả là Tăng đoàn chỉ nhận được thức ăn thừa và không được cung cấp thức ăn nào mới nguyên. Cuối cùng, người thủ khố và viên quản gia cũng thèm ăn đến nỗi họ lấy bớt thức ăn, rồi làm ra vẻ như đưa cho đám trẻ, nhưng thực họ ăn hết. Thấy thức ăn ngon không nhịn thèm được, họ và nhóm tám mươi bốn ngàn người của họ đã ăn thực phẩm mà họ có bổn phận phải dâng cho Tăng đoàn, nên khi chết và thân bị tan rã, họ tái sanh vào loài ngạ quỷ. Khi mạng chung, ba anh em và một ngàn người tùy tùng được sanh lên thiên giới và sống chín mươi hai kiếp qua lại từ cõi trời này đến cõi trời khác. Đó là những công đức mà ba anh em đã tạo dựng trong thời gian đó vì lập nguyện thành tựu quả vị A-la-hán. Những gì họ nhận được chỉ là do lời thệ nguyện của họ. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc ban cho điều gì cần ban. Viên quản gia bây giờ là Bình-sa-vương, thủ khố là cư sĩ nữ Visàkha (Tỳ-xá-khư) và ba hoàng tử là ba nhà khổ hạnh bên tóc. Nhữnh gia nhân phục vụ của họ tái sanh trong loài ngạ quỷ. Một thời gian sau khi trải qua từ kiếp này đến kiếp khác, cả tốt và xấu, họ được tái sanh trong tiểu kiếp này ở cõi ngạ quỷ suốt bốn đời đức Phật. Trong tiểu kiếp này, đầu tiên họ đến gặp vị Phật Kakusandha, trụ thế bốn mươi ngàn năm, và hỏi Ngài: - Xin Phật nói cho chúng con biết khi nào chúng con nhận được thức ăn? Đức Phật đáp: - Các người sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Konàgamana sẽ xuất hiện, tốt nhất các ngươi hãy hỏi Ngài. Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi đức Phật Konàgamana xuất hiện, họ liền hỏi và được Ngài trả lời: - Các ngươi sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ nâng cao một dặm, và đức Phật Kassapa sẽ xuất hiện, tốt nhất các người hãy hỏi Ngài. Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi nghe đức Phật Kassapa xuất hiện, lại đến thưa hỏi và lại được nghe: - Các ngươi sẽ không nhận được gì để ăn trong thời kỳ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Gotama sẽ xuất hiện. Vào thời đó, thân quyến của các anh là Bình-sa-vương sẽ làm vua, ông ta sẽ cúng dường đức Đạo sư và sẽ hồi hướng công đức tạo được cho các ngươi, và lúc đó các ngươi sẽ nhận được thức ăn. Thời kỳ giữa hai đức Phật sau này đối với chúng cũng nhanh giống như hôm nay qua ngày hôm sau. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian và vua Bình-sa-vương cúng dường ngày thứ nhất, chúng không nhận được thức ăn. Chúng chờ đến đêm, và tạo một tiếng ồn

đáng sợ và hiện ra trước vua. Nhà vua đến Veluvana vào ngày hôm sau, và thuật lại tình tiết cho Như Lai. Đức Đạo sư giải thích: - Đại vương, chín mươi hai kiếp trong quá khứ, dưới thời Phật Phussa, những ngạ quỷ ấy là thân quyến của đại vương. Họ lén ăn thực phẩm mà họ có bổn phận dâng đến Tăng đoàn, họ đã hỏi Phật Kakusandha, Konàganama, và Kassapa khi nào họ được ăn và chư Phật đã nói với họ như thế, như thế. Suốt thời gian này, họ rất muốn nhận sự bố thí của đại vương. Sở dĩ họ làm ồn đêm

hôm qua vì đại vương có bố thí nhưng họ không nhận được phước báo bố thí đó. - Nhưng bạch Thế Tôn! Trong trường hợp con bố thí bây giờ, họ có nhận được không? - Sẽ nhận được, Đại vương! Ngày hôm sau, vua thỉnh Tăng đoàn do Phật lãnh đạo, dâng thức ăn dồi dào và thưa: - Bạch Thế Tôn, từ nay trở đi vật ẩm thực từ cõi trời xin cho những ngạ quỷ này có phần. Và khi vua hồi hướng đến những ngạ quỷ công đức cúng dường của ông, chúng nhận được vật ẩm thực từ cõi trời. Ngày hôm sau, những ngạ quỷ lại xuất hiện trần truồng. Đức vua trình lên Phật: - Hôm nay, bạch Thế Tôn, những ngạ quỷ này lại xuất hiện trần truồng, con không biết phải làm gì? Đức Phật giải thích: - Đại vương, vì ông không cho họ quần áo. Ngày hôm sau, nhà vua dâng y đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo và cũng nguyện từ nay trở đi mong họ được quần áo từ cõi trời. Và khi vua hồi hướng công đức cúng dường của ông cho họ như thế, lập tức họ được quần áo từ cõi trời, ngay lúc ấy họ bỏ thân ngạ quỷ và nhận thân chư thiên. Khi đức Phật hồi hướng công đức, Ngài đọc bài kinh chú nguyện: "Ngạ quỷ đứng ngoài vách nhà" Khi ngài kết thúc phần hồi hướng công đức, tám mươi bốn ngàn chúng sanh đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Trên đây đức Phật đã giảng pháp, thuật lại chuyện của ba anh em bện tóc. Chuyện quá khứ G. Sarada và Sirivaddha Nhưng, bạch Thế Tôn! Các Đại đệ tử đã thành tựu công đức gì? - Họ đã thệ nguyện đạt đến địa vị Đại đệ tử. Trong một a-tăng-kỳ kiếp thêm một trăm ngàn kiếp quá khứ, Xá-lợi-phất được tái sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có, là ông hoàng Sarada. Mục-kiền-liên được sanh trong gia đình trưởng giả giàu có, tên là Sirivaddha. Hai chàng trai trẻ làm bạn với nhau từ khi còn nghịch đất.

Ông hoàng Sarada được hưởng của thừa kế to tát khi cha chết. Một hôm, ở một mình, anh băn khoăn: "Ta chỉ biết một ít về đời sống của thế giới này thôi, ta chẳng biết gì về đời sống của thế giới bên kia. Ai sinh ra đều chắc chắn phải chết. Ta phải từ bỏ thế gian, gia nhập Tăng đoàn và đi tìm con đường giải thoát". Do đó, anh đến gặp bạn và tâm sự: - Bạn Sirivaddha, tôi dự định rời bỏ thế gian và đi tìm con đường giải thoát. Anh có thể rời bỏ thế gian với tôi hay không? - Này bạn, tôi không thể rời bỏ thế gian, bạn hãy ra đi một mình. Bạn từ chối, ông hoàng Sarada vẫn không thay đổi ý định, và lập luận rằng: - Không ai đi đến đời sau với những người đồng hành hay thân quyến hay bạn bè. Ta muốn làm gì phải làm một mình. Vì vậy, anh mở cửa kho và bố thí rộng rãi cho người nghèo khổ, du sĩ và ăn mày. Xong, anh rút vào chân núi và sống đời ẩn sĩ... Đầu tiên một, rồi hai, rồi ba, rồi nhiều người khác theo gương anh chọn đời sống tu hành. Cuối cùng, ẩn sĩ bện tóc lên đến bảy mươi bốn ngàn, Sarada chứng được ngũ thông và bát định, và dạy những người ẩn sĩ bện tóc này phương thức tụ tập thiền định. Tất cả đều chứng ngũ thông và bát định. Lúc ấy, Phật Anomadassì xuất hiện ở đời. Thành của Ngài tên Candavatì Cha là Yasavanta thuộc giai cấp chiến sĩ, và mẹ là bà Yasodharà. Cây thành đạo của Ngài là cây Ajjuna. Nisabha và Anoma là Đại đệ tử của Ngài, Varuna là thí chủ, và Sundarà và Sumanà là nữ cư sĩ nòng cốt. Ngài trụ thế một trăm năm, vóc dáng cao năm mươi tám cubits, và phát hào quang từ thân xa đến mười hai dặm (năm mươi cây số). Ngài có một trăm ngàn Tỳ-kheo nương học. Một hôm, bình minh vừa ló dạng, sau khi xuất định Đại bi, Ngài quan sát thế gian và thấy ẩn sĩ Sarada và nhận ra rằng: "Hôm nay, khi Ta đến gặp ẩn sĩ Sarada, sẽ có một buổi đại thuyết

pháp. Sarada sẽ lập nguyện đạt đến địa vị Đại đệ tử, và bạn ông ta, trưởng giả Sirivaddha sẽ lập nguyện đạt địa vị Đại đệ tử thứ hai. Cuối bài thuyết pháp, bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc nương học sẽ chứng quả A-la-hán. Vì vậy Ta phải đến đó" Rồi đức Phật Anomadassì đắp y ôm bát, không nói một lời với ai, độc hành như một con sư tử, với ý định hiển hiện để cho Sarada biết mình là một vị Phật. Và trong khi môn đệ của ẩn sĩ Sarada vắng mặt vì đi tìm các loại trái cây, đức Phật từ trên trời hạ xuống đất ngay trước mắt Sarada. Khi ẩn sĩ Sarada thấy thần thông và tướng hảo của Phật, ông thầm nhớ lại những câu thơ liên quan đến đặc tính của một bậc đại nhân. Ông biết rằng một người được phú cho những hình tướng như thế, nếu sống tại gia là một ông vua, một bậc chuyển luân thánh vương, sống đời xuất gia sẽ là người tận diệt tham dục, là một vị Phật toàn giác. Vì thế, Sarada đoan chắc người này là một vị Phật không nghi ngờ gì nữa. Do đó, ông đến gặp Phật, năm vóc đảnh lễ, sửa soạn một chỗ ngồi dâng Ngài, đức Phật ngồi vào chỗ đã được sửa soạn, và ẩn sĩ Sarada chọn chỗ ngồi thích hợp, kính cẩn ngồi xuống một bên.

Bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc lúc nãy vắng mặt vì đã đi tìm các loại trái cây ngọt và nhiều nước, bây giờ vừa trở về với thầy họ. Thấy đức Phật ngồi giữa và thầy họ ngồi kế bên, họ nói: - Thưa Thầy, chúng tôi thường đi khắp nơi và đều cho rằng không có ai cao cả hơn thầy. Nhưng với vị này, chúng tôi cả quyết rằng Ngài cao cả hơn thầy. - Đạo hữu! Các ông nói gì thế? Có phải ý các ông đang so sánh một hột cải với núi Tu-di cao sáu mươi tám ngàn dặm không? Hỡi những đứa con ngây thơ! Đừng so sánh ta với một vị Phật toàn giác. Những ẩn sĩ đều đồng ý rằng: "Nếu đây là một người tầm thường, thầy chúng ta sẽ không so sánh như thế. Vị này quả thật cao cả làm sao!" lập tức họ phủ phục trước chân Phật. Rồi thầy họ, ẩn sĩ Sarada bảo họ rằng: - Các bạn, chúng ta không có một phẩm vật xứng đáng dâng lên chư Phật ở đây, và đấng Đạo sư đã đến đây đúng lúc chúng ta thường đi khất thực. Chúng ta hãy dâng Ngài phẩm vật theo khả năng của chúng ta. Tìm và mang đến đây tất cả những loại trái cây hảo hạng. Vì vậy, họ đi kiếm trái cây, ẩn sĩ Sarada rủa tay và đích thân đặt trái cây vào bình bát của Như Lai. Ngay khi đấng Đạo sư vừa cầm đến những trái cây cúng dường Ngài, chư thiên gia thêm hương vị của cõi trời vào những trái cây đó. Ẩn sĩ Sarada cũng đích thân lọc nước dâng lên Phật. Sau bữa ăn, khi đấng Đạo sư vẫn còn ngồi tại chỗ, Sarada kêu gọi tất cả các môn đệ vào ngồi xuống, hoan hỉ đàm luận với đấng Đạo sư. Và đấng Đạo sư thầm nghĩ: "Hai Đại đệ tử và chúng Tỳ-kheo hãy đến đây". Ngay lập tức, hai Đại đệ tử cùng với một trăm ngàn A-la-hán tháp tùng hiện đến, đảnh lễ đấng Đạo sư và kính cẩn ngồi một bên. Rồi ẩn sĩ Sarada nói với môn đệ mình như sau: - Các bạn, chỗ ngồi của Phật thì thấp và không có chỗ ngồi cho một trăm ngàn Tỳ- kheo. Hôm nay các bạn hãy lễ kính đức Phật. Hãy đi tìm ở chân núi mang về đây những bông hoa màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt. Có câu nói rằng thời gian bỏ ra để nói bàn chỉ phí phạm thôi, người có thần thông thì phạm vi thần lực không thể tưởng tượng được. Do đó, trong thoáng chốc những ẩn sĩ đem về những bông hoa màu sắc rực rỡ, hương thơm ngào ngạt và họ kết thành một nệm hoa dài một dặm (gần năm km) cho Phật. Rồi họ kết tiếp một nệm hoa đài ba phần tư dặm cho hai Đại đệ tử. Những nệm hoa cho những Tỳ-kheo còn lại dài nửa dặm hay ngắn hơn, nệm dành cho tân Sa-môn dài một usabha (120 cubit). Không

nên thắc mắc tại sao những chỗ ngồi có kích thước vĩ đại như thế lại được xếp gọn vào tu viện khổ hạnh này. Sở dĩ có thể được do bởi năng lực huyền nhiệm. Khi chỗ ngồi đã sẵn sàng, ẩn sĩ Sarada đứng trước Thế Tôn và chắp tay cung kính thưa: - Bạch Thế Tôn, xin hãy lên nệm hoa này để con được cứu độ và ân triêm công đức.

Do đó người ta kể rằng: Ông góp nhiều loại hương hoa Sửa soạn giường tòa, cung kính thỉnh thưa: "Đây con đã soạn sẵn sàng, Chỗ ngồi thích hợp kết bằng hương hoa. Thế Tôn, xin ngự vào tòa Xin cho con được tâm hòa lòng an Bảy ngày đêm, Phật ngồi trên Nệm hoa con kết và liền cho con Tâm bình tịch lặng an nhiên Từ người cho đến chư thiên đều mừng". Khi đức Phật ngồi rồi, hai Đại đệ tử và những Tỳ-kheo mỗi người ngồi vào chỗ dành cho mình. Ẩn sĩ Sarada lấy một lọng hoa lớn che trên đầu Như Lai. Đấng Đạo sư bảo: - Nguyện cho những ẩn sĩ bện tóc dâng vinh dự này cho ta sẽ gặt được quả báo tốt lành. Và lập tức, Ngài nhập vào Diệt tận định. Nhận thấy đức Đạo sư đã nhập Diệt tận định, hai Đại đệ tử cũng nhập định và vào Diệt tận định. Trong bảy ngày đức Đạo sư ngồi đó, hưởng niềm an lạc của Diệt tận định. Khi đến giờ đi tìm thức ăn, môn đệ của Sarada đi vào rừng và dùng những trái cây dại và nhiều thứ trái khác. Thời gian còn lại, họ đứng chấp tay cung kính trước Phật. Ẩn sĩ Sarada không đi tìm thức ăn, nhưng trong bảy ngày liên tục cầm lọng hoa che đức Phật, đã tìm được niềm vui và hạnh phúc sung mãn. Khi đức Đạo sư xuất định, Ngài nói với vị Đại đệ tử, Trưởng lão Nisabha, ngồi bên tay phải Ngài. - Nisabha! Hãy hồi hướng công đức cho những ẩn sĩ đã dâng chúng ta hoa và chỗ ngồi. Sau đó, Trưởng lão, như một dũng tướng vừa nhậm chức vị cao trọng từ tay Chuyển luân Thánh vương, lòng tràn đầy niềm hân hoan, hiển bày trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, bắt đầu bài hồi hướng. Khi Ngài chấm dứt, đức Phật bảo Đại đệ tử thứ nhì như sau: - Con cũng hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo! Vâng lời Phật dạy, Trưởng lão Anoma suy nghiệm đến Tam tạng kinh điển, lời dạy của chư Phật, rồi thuyết pháp. Nhưng dù hai Đại đệ tử đã thuyết pháp, không có một Tỳ-kheo nào đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Rồi đức Đạo sư hiển lộ năng lực vô biên của Phật, bắt đầu thuyết pháp. Khi bài giảng kết thúc, tất cả bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc đắc A-la-hán trừ ẩn sĩ Sarada. Đạo sư khi đó duỗi tay ra và cất tiếng: - Hãy đến, Tỳ-kheo! Lập tức râu tóc họ rụng mất, và tám món cần thiết được khoác vào người họ. Độc giả có thắc mắc vì sao ẩn sĩ Sarada không chứng A-la-hán không? Bởi vì ông tán tâm. Người ta kể rằng trong khi vị Đại đệ tử ngồi tòa thứ hai kế bên Phật hiển bày trí

tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử đang thuyết pháp, ngay lúc ẩn sĩ bắt đầu lắng nghe bài pháp, ông đã khởi niệm: "Ồ! ước mong sao, vào một lúc nào đó ở tương lai, trong Giáo đoàn của một vị Phật tương lai, ta được nhận trọng trách mà vị đệ tử này đã nhận!" Vì lẽ đó, ông không thể chứng đạo quả. Sarada, tuy thế vẫn đảnh lễ Như lai, và đứng đối diện với Ngài, bạch: - Bạch Thế Tôn! vị Tỳ-kheo ngồi tòa cạnh Ngài mang danh hiệu gì trong Giáo đoàn của Ngài? - Đó là người theo Ta trong buổi đầu Chuyển pháp luân, đó là người đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, đó là người đã hiểu thấu mười sáu thể của Tri thức. Do đó, ông ta được gọi là Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Ta. - Bạch Thế Tôn! Ở đây, trong bảy ngày con đã đứng cầm lọng hoa che Ngài, bằng cách ấy dâng vinh dự lên Ngài. Quả báo của công đức này, con không mong cầu đời sau làm Đế Thích hay Phạm thiên, nhưng trong tương lai, con nguyện được trở thành Đại

đệ tử của một đức Phật, giống như Trưởng lão Nisabha hiện tại. Sarada lập nguyện xong, đức Đạo sư muốn biết ước nguyện của người này có thành tựu không, Ngài bèn phóng thiên nhãn và quan sát những thời kỳ tương lai, thấy sau một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ước nguyện của Sarada sẽ thành tựu. Ngài cho ẩn sĩ Sarada biết: - Ước nguyện này của ông sẽ không viễn vông. Cuối một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp nữa, Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Mẹ của Ngài là hoàng hậu Mahà màya, cha Ngài làvua Shudhodana, con Ngài là Ràhula, thị giả Ngài là Ananda, và Đại đệ tử thứ hai của Ngài là Moggallàna, và ông sẽ là Đại đệ tử nguyên soái của niềm tin, và tên ông là Sàriputta. Sau khi đức Đạo sư thọ ký cho ẩn sĩ, Ngài thuyết pháp, và rồi cùng Tăng chúng vây quanh, Ngài bay lên không mà đi. Ẩn sĩ Sarada tìm môn đệ và các trưởng lão của mình, nhờ họ nhắn tin cho bạn là trưởng giả Sirivaddha rằng: "Bạn ông, ẩn sĩ Sarada đã phủ phục dưới chân Phật Anomadassì và ước nguyện được địa vị Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Phật Gotama, người sẽ xuất hiện sau này của thế gian. Ông hãy ước nguyện được ở địa vị Đại đệ tử thứ hai". Xong, ông đi trước những Trưởng lão bằng một đường khác và đến đứng tại cửa nhà Sirivadha. Gặp lại người bạn cũ, Sirivaddha hân hoan chào mừng: - Cuối cùng, sau một thời gian dài vắng bóng, người bạn quí của tôi đã trở về. Và lập tức Sirivaddha mời bạn ngồi tòa, và tự mình ngồi một ghế thấp hơn, thăm hỏi: - Nhưng, này ông Tôn giả! ông không có môn đệ và những người cận sự? - Có chứ, này bạn! đức Phật Anomadassì đã đến tu viện của chúng tôi, và chúng tôi đã tôn kính Ngài trong phạm vi quyền năng của chúng tôi. Đức Đạo sư thuyết pháp cho mọi người, và cuối bài giảng, tất cả số hội chứng trừ tôi đều đắc quả A-la-hán và đều

gia nhập Tăng đoàn. Trông thấy vị Đại đệ tử của đức Đạo sư là Trưởng lão Nisabha, tôi ước nguyện được địa vị Đại đệ tử dưới Giáo đoàn của Phật Gotama, Người sẽ ra đời sau này. Anh cũng nên ước nguyện được địa vị Đại đệ tử thứ hai trong Giáo đoàn của Phật. - Nhưng, Tôn giả! Tôi không có những quan hệ thân thiện với Phật. - Tôi sẽ gánh vác trọng trách thưa với Phật, anh hãy chuẩn bị một quyết tâm vĩ đại. Nghe lời như mở tấc lòng, Sirivsaddha liền về trang hoàng một khoảng rộng tám karisas (tám mẫu) trước cửa nhà mình thật long trọng xứng với một vị vua, rải cát, tung năm loại hoa, có cả hoa làja, dựng một lều che mái lợp toàn bằng hoa sen xanh, khiến dọn sẵn toà của Phật, và tòa của các Tỳ-kheo cũng được sửa soạn. Và biết bao phẩm vật được chuẩn bị chu đáo. Xong chàng nhờ ẩn sĩ Sarada đến mời Phật và A-la-hán. Vui lòng đẹp dạ, ẩn sĩ Sarada đưa Tăng đoàn do Phật lãnh đạo cùng đi đến nhà người bạn tâm giao. Sirivaddha ra trước nhà để gặp Tăng đoàn, đỡ bình bát từ tay Như Lai, hướng dẫn đoàn vào lều, mời ngồi trên toà đã dành sẵn, dâng nước và cung cấp những thức ăn chọn lọc. Cuối bữa ăn, chàng dâng y đắt gia lên Tăng đoàn, và bạch đức Đạo sư: - Bạch Thế Tôn, chúng con cúng dường vì lập nguyện đạt đến địa vị không tầm thường. Xin Ngài rủ lòng từ bi ở lại đây trong bảy ngày như thế. Đức Đạo sư thuận ở lại. Trong bảy ngày Sirivaddha dâng phẩm vật dồi dào như đã kể. Cuộc lễ cúng dường viên mãn, Sirivaddha đảnh lễ đức Đạo sư, và đứng trước chắp tay cung kính bạch: - Bạch Thế Tôn, bạn con, ẩn sĩ Sarada ước nguyện trở thành Đại đệ tử của một vị Phật. Con cũng nguyện xin trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của một vị Phật ấy. Đức Đạo sư quán sát tương lai, và thấy chàng sẽ được

mãn nguyện. Ngài bèn thọ ký như sau: - Cuối một a-tăng-kỳ kiếp và cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ông sẽ trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của Phật Gotama. Nghe lời thọ ký của Phật, Sirivaddha tràn đầy sung sướng, mãn nguyện. Đức Đạo sư hồi hướng công đức về sự cúng dường thức ăn rồi cùng Tăng chúng trở về tinh xá. Và Phật kết luận: - Này các Tỳ-kheo! Đây là ước nguyện của các đệ tử Ta lúc ấy. Họ đã thọ nhận đúng với ước nguyện của họ. Khi Ta ban bố một điều gì, Ta không thiên vị người nào. (Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ) Đức Đạo sư thuật xong, hai vị Đại đệ tử cùng đảnh lễ Ngài và thưa thỉnh: - Bạch Thế Tôn, khi chúng con còn là gia chủ, chúng con đã đến xem lễ Đỉnh Núi. Hai vị kể lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra, cho đến khi chứng được thánh quả Dự lưu ngay lời đầu tiên Trưởng lão Assaji (Ác Bệ) thuyết pháp. Rồi họ thưa tiếp: - Bạch Thế Tôn, chúng con đến gặp vị thầy cũ của chúng con, cốt hướng dẫn ông ấy nương theo Phật, và chỉ cho ông ấy thoát ra khỏi bóng tối của tư kiến, không quên nhấn mạnh đến lợi lạc tốt lành nếu như ông ấy chịu đến đây. Nhưng ông ấy bảo với chúng con: "Đối với ta, bây giờ sống cuộc đời một môn sinh thì thật là vô lý, như kẻ quen

ở dơ lại đi đến giếng nước. Ta không thể sống nổi cuộc đời một môn sinh". Chúng con cố giải bày: "Thưa Thầy, dân chúng hiện giờ tay ôm hương hoa và các thứ đến dâng cúng riêng cho đấng Đạo sư. Vậy Thầy định sao?" Ông ấy hỏi ngược lại chúng con. "Trong thế gian này người ngu và người khôn ai đông hơn?" Chúng con đáp: "Thưa Thầy, người ngu thì nhiều kẻ khôn thì ít". Ông liền dứt khoát: "Vậy thì người khôn hãy đi đến vị Tỳ-kheo trí tuệ là Gotama (Cồ-đàm), và người ngu hãy đến với ta là kẻ ngu. Còn các ông, hãy đi đến chỗ các ông ưa thích". Với lời lẽ như thế, bạch Thế Tôn, ông ấy đã từ chối đến đây. Đức Đạo sư nghe thế liền dạy các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, do chấp thủ tà kiến, Sanjaya đã lầm lẫn cho hư vọng là chân lý và cho chân lý là hư vọng. Nhưng các ông, do trí tuệ riêng của mỗi người, đã phân biệt đúng đắn cái gì là chân thật trong tính chân thật và cái gì hư vọng trong tính hư vọng. Các ông đã sáng suốt loại trừ điều gì hư vọng và chấp nhận điều gì chân thật. Rồi Ngài nói Pháp Cú sau: (11) Không chân, tưởng chân thật, Chân thật thấy không chân. Chúng không đạt chân thật, Do tà tư tà hạnh. (12) Chân thật, biết chân thật, Không chân, biết không chân, Chúng đạt được chân thật, Do chánh tư, chánh hạnh. * 9. Trưởng Lão Nan Đà Như mái nhà vụng lợp, Mưa liền xâm nhập vào... Giáo lý này đức Thế Tôn đã dạy cho Đại đức Nan-đà khi Ngài ngụ tại Kỳ Viên. A. Nan Đà Trở Thành Một Tỳ Kheo Bất Đắc Dĩ Sau khi bắt đầu chuyển pháp luân, Thế Tôn rời Vương Xá và đến ngụ tại Veluvana. Ngay sau đó, cha Ngài, Đại vương Tịnh Phạn gởi sứ giả đến, người này tiếp người nọ, mỗi người mang theo một ngàn tuỳ tùng với lời dặn dò: - Hãy tìm con trai ta và rước mời về trước mặt ta. Chín sứ giả đã đến nơi, chứng A-la-hán và không trở về, sau cùng Trưởng lão Kàla Udàyi đến và cũng chứng A-la-hán. Biết rằng đã đến lúc Đạo sư lên đường, Trưởng lão mô tả những cái hay cái đẹp trong cuộc hành trình và hướng dẫn đức Phật cùng hai mươi ngàn A-la-hán đi Kapilapura. Tại đây, giữa thân tộc vây quanh, đức Đạo sư đã lấy trận mưa rào làm đề tài giảng pháp, và kể chuyện bổn sanh Bồ- tát Vessantara, tiền thân Ngài.

Ngày hôm sau, Ngài vào thành khất thực. Với bài kệ bắt đầu bằng câu: "Nỗ lực chớ phóng dật! Hãy sống theo chánh hạnh," đức Phật độ vua Tịnh Phạn chứng quả Dự lưu.

và với câu" hãy khéo sống chánh hạnh..." Ngài độ Mahà Pàjapatì đắc Sơ quả, và vua Tịnh Phạn đắc thêm Nhị quả. Cuối bữa ăn, Phật thuật lại truyện Bổn Sanh Canda Kinnara vì ân nghĩa của mẹ La-hầu-la đối với Ngài. Ngày hôm sau, trong khi nghi lễ Quán đảnh và đám cưới của hoàng tử Nan-đà đang tiến hành, đức Đạo sư bước vào nhà khất thực, đặt bình bát vào tay Nan-đà và chúc phúc. Rồi từ chỗ ngồi đứng lên, đức Đạo sư ra đi không lấy lại bình bát trong tay Nan-đà không dám hở môi "Bạch Thế Tôn, xin Ngài lấy lại bình bát", mà tự an ủi "Thế Tôn sẽ lấy lại bình bát ở đầu thềm". Nhưng khi đến đầu thềm, Thế Tôn đã không lấy bình bát. Nan-đà lại nuôi hy vọng" Thế Tôn sẽ lấy lại bình bát ở chân thềm". Nhưng Đạo sư vẫn không lấy bình bát. Nan-đà lại nghĩ "Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở sân cung điện". Nhưng Đạo sư cũng không lấy bình bát. Hoàng tử Nan-đà tuy rất muốn trở lại với cô dâu nhưng phải bấm bụng đi theo Đạo sư. Vì lòng quý kính Đạo sư quá sâu đậm chàng không dám nói "Thế Tôn hãy nhận bình bát", mà đành tiếp tục bước theo, trong lòng vẫn chưa tắt hy vọng: "Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở đây, Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở đó, Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở kia". Lúc ấy người ta nhắn với cô dâu mới "giai nhân của xứ sở" Janapada-Kalyànì: - Thưa công nương, Thế Tôn đã đem hoàng tử Nan-đà đi với Ngài, mục đích của Ngài là chia uyên rẽ thúy. Lập tức Janapada-Kalyànì, khuôn mặt đầm đìa nước mắt và đầu tóc chưa chải xong, tung mình lao theo vị hôn phu khẩn khoản: - Công tử, xin trở lại ngay! Lời của nàng làm tim Nan-đà chấn động. Nhưng đấng Đạo sư vẫn không lấy lại bình bát, dẫn chàng về tinh xá và bảo: - Nan-đà, ông có muốn đi tu không? Vì lòng tôn kính Phật của Nan-đà quá sâu đậm nên chàng cố nín để đừng thốt: "Con không muốn tu", thay vào đó chàng thưa: - Vâng, con muốn đi tu. Đấng Đạo sư ưng thuận ngay: - Tốt lắm, hãy xuất gia cho Nan-đà! Thế là, vào ngày thứ ba sau khi Phật đến Kapilapura, Ngài đã tạo duyên cho Nan- đà thành Tỳ-kheo. Vào ngày thứ bảy, mẹ của La-hầu-la trang điểm cho cậu hoàng con và gởi đến Thế Tôn, bà dặn dò: - Con cưng, hãy đến xem vị Sa-môn này, người có hai ngàn tăng sĩ tùy tùng, có một thân hình vàng óng, có một dáng vóc đẹp đẽ của Đại Phạm thiên. Sa-môn này là cha của con. Ngày xưa Ngài đã sở hữu những kho tài sản vĩ đại. Từ lúc Ngài xuất gia, chúng ta không được gặp Ngài. hãy đòi Ngài gia tài của con, hãy nói: "Cha thân yêu, con là

hoàng thái tử, và ngay khi nhận lễ Quán đảnh, con sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương. Con cần có tài sản, cha hãy ban của cải cho con, vì một người con có quyền hưởng tài sản của cha để lại". Hoàng tử La-hầu-la vâng lời đi đến Thế Tôn. Khi thấy ngài, cậu ta cảm thấy một tình cảm nồng ấm của cha dành cho mình, trong lòng sanh tâm hoan hỷ nên thỏ thẻ: "Bạch Thầy, dưới bóng mát của Thầy con thật hạnh phúc". Và cậu còn nói nhiều nữa, với những lời ngây thơ của trẻ con ở lứa tuổi ấy. Thế Tôn thọ thực xong, hồi hướng công đức và từ chỗ ngồi đứng lên, bước đi. Hoàng tử La-hầu-la nối bước theo Thế Tôn, thưa: - Bạch Thầy, hãy cho con gia tài mà con được thừa hưởng! Bạch Thầy hãy cho con gia tài mà con được thừa hưởng! Đức Thế Tôn im lặng, ngay cả chư Tăng cũng để mặc không ngăn cậu bé theo Thế Tôn. Cứ thế, hoàng tử theo Thế Tôn đến khu rừng. Rồi một tư tưởng nảy sanh trong trí Thế Tôn: "Gia tài của cha mà cậu bé đòi sẽ không tránh khỏi hậu quả là mang đến sự hủy diệt. À, Ta sẽ ban cho nó bảy thánh tài mà Ta đã nhận được dưới cội Bồ-đề. Ta sẽ khiến La-hầu-la làm chủ một gia tài

xuất thế gian". Thế rồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: - Xá-lợi-phất, ông hãy xuất gia cho La-hầu-la. Nhưng khi hoàng tử La-hầu-la gia nhập tăng đoàn, vua Tịnh Phạn (ông nội) rất sầu muộn. Không chịu đựng nổi sự buồn rầu, ông bày tỏ với Thế Tôn và thỉnh cầu: - Bạch Thế Tôn, sẽ phải lẽ hơn nếu chư Tăng đừng nhận những người vị thành niên vào Tăng đoàn khi cha mẹ không cho phép. Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu này. Lại một hôm, đức Thế Tôn ngồi trong hoàng cung sau bữa ăn sáng, đức vua cung kính ngồi một bên bạch: - Bạch Thế Tôn, trong khi Ngài đang hành trì khổ hạnh, một vị trời đến và nói với tôi: "Con ông đã chết". Nhưng tôi không tin và trả lời: "Con tôi sẽ không chết cho đến khi giác ngộ:. Đức Thế Tôn nói: - Phụ vương tin chuyện này không? Trong một kiếp trước đây, khi một vị trời chỉ một nắm xương và bảo phụ vương: "Con ông đã chết" phụ vương cũng đã không tin. Và Ngài thuật lại truyện Bổn Sanh Mahà Dhammapàla, liên quan đến câu chuyện. Sau khi câu chuyện chấm dứt, nhà vua đắc quả A-na-hàm. B. Nan Đà Và Những Thiên Nữ Thế Tôn độ cho cha Ngài đắc Tam quả xong, Ngài lại trở về Vương Xá cùng với Tăng đoàn. Bấy giờ Ngài đã hứa với ông Cấp Cô Độc đến thăm Xá-vệ, ngay khi đại tinh xá Kỳ Hoàn được hoàn thành. Chẳng bao lâu, Ngài nhận được lời báo: "Tinh xá đã hoàn thành". Ngài liền đến Kỳ Viên cư ngụ. Đại đức Nan-đà lúc đó trở nên bất mãn, tỏ sự buồn phiền của mình với các Tỳ-kheo:

- Chư huynh, tôi bất mãn. Tôi đang sống đời xuất gia, nhưng tôi không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Tôi dự định xả bỏ những giới luật cao cả và trở về đời sống thấp hơn, đời sống của một cư sĩ thế tục? Thế Tôn nghe được việc này, cho gọi Tôn giả Nan-đà đến bảo: - Nan-đà, có phải thật sự ông đã nói với nhiều Tỳ-kheo rằng: "Chư huynh, tôi bất mãn. Tôi đang sống đời xuất gia nhưng tôi không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Tôi dự định xả bỏ những giới luật cao cả và trở về đời sống thấp hơn, đời sống của một cư sĩ thế tục". - Bạch Thế Tôn, hoàn toàn đúng thế. - Nhưng Nan-đà, tại sao ông bất mãn với cuộc sống đạo hạnh mà ông đang sống? Tại sao ông không thể chịu đựng lâu hơn? Tại sao ông định xả bỏ những giới luật cao đẹp và trở về đời sống thấp hơn, đời sống của cư sĩ thế tục? - Bạch Thế Tôn! Khi con rời nhà vị hôn thê yêu quí Janapada Kalyànì của con, với đầu tóc rối bời, từ giã con và khẩn khoản: "Công tử, xin hãy mau trở về!" Bạch Thế Tôn, vì con vẫn nhớ nàng nên con bất mãn đời sống xuất gia hiện con đang sống. Con không thể chịu đựng cuộc sống này lâu hơn, và con dự định xả bỏ những giới luật cao cả để trở về cuộc sống thấp hơn, cuộc sống của cư sĩ thế tục. Khi ấy, đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nan-đà, dùng thần lực đưa chàng đến cõi trời Ba mươi ba. Trên đường đi, đức Thế Tôn chỉ cho Tôn giả Nan-đà thấy trên một cánh đồng bị lửa rụi, một con khỉ háu ăn đang ngồi trên một gốc cây đã cháy rụi và lửa cũng đã thiêu đốt tai, mũi và đuôi của nó. Đến cõi trời ba mươi ba, Ngài chỉ năm trăm thiên nữ gót son đang hầu hạ Sakka, vua của chư thiên (thiên chủ). Khi Thế Tôn cho thấy hai cảnh tượng đó rồi, Ngài hỏi Nan-đà: - Nan-đà, ông thấy ai đẹp đẽ, ưa nhìn và duyên dáng hơn? Cô vợ quí Janapada Kalyànì của ông hay năm trăm thiên nữ gót son này? - Bạch Thế Tôn, Nan-đà đáp, thật Janapada Kalyànì kém xa, giống như con khỉ háu ăn đã mất tai, mũi và đuôi. Bạch Thế Tôn, cô vợ quí Janapada Kalyànìi đối với năm trăm thiên nữ này, nàng còn kém xa hơn nhiều. So sánh với những thiên nữ này, vị hôn thê của con chẳng đáng kể, cô ta không bằng một phần nhỏ của họ, không bằng một phần nhỏ của một phần nhỏ

của một phần nhỏ của họ. Ngược lại, năm trăm thiên nữ gót son này đẹp đẽ, ưa nhìn và duyên dáng vô cùng. - Hãy vui lên, Nan-đà! - Đức Thế Tôn trả lời - Ta bảo đảm ông sẽ được năm trăm thiên nữ gót son này. Đại đức Nan-đà thưa: - Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn bảo đảm con sẽ được năm trăm thiên nữ gót son này, thì trong trường hợp đó, bạch Thế Tôn, con sẽ sung sướng vô cùng để sống cuộc sống cao thượng của người xuất gia. Rồi Thế Tôn đem Đại Nan-đà theo Ngài, biến mất khỏi cõi trời ba mươi ba và hiện ra tại Kỳ Viên. Không bao lâu, những Tỳ-kheo được nghe kể như sau:

- Vì mong muốn được các thiên nữ mà Đại đức Nan-đà, em đức Thế Tôn, con bà Di mẫu, tiếp tục sống đời tu sĩ. Đức Thế Tôn đã bảo đảm rằng ông ta sẽ được năm trăm thiên nữ gót son. Kết quả là những Tỳ-kheo huynh đệ của Đại đức Nan-đà đã xem chàng như một người đi tu mướn, như người đã bị mua chuộc và họ nói về Ngài: - Đại đức Nan-đà là một người đi tu mướn, Tôn giả Nan-đà là một người bị mua chuộc, vì hy vọng được các thiên nữ mà ông ta sống đời tu sĩ, Thế Tôn đã bảo đảm rằng ông ta sẽ được năm trăm thiên nữ gót son. Đại đức Nan-đà, mặc dù bị các bạn đồng tu xem thường, xấu hổ vì chàng và làm khổ chàng khi gọi chàng là "người tu mướn" và "bị mua chuộc", Đại đức vẫn sống độc cư, xuất ly, chánh niệm, tinh tấn, dõng mãnh. Không bao lâu, ngay trong đời này, chính Nan- đà an trú trong tuệ trí giác ngộ và đạt được đạo quả tối thượng của đời sống tu hành, đạo quả mà vì nó biết bao thanh niên thiện tín đã vĩnh viễn từ bỏ đời sống thế tục sống đời xuất gia. Đại đức đã biết: "Sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, ta không còn trở lại đời này nữa". Vậy là thêm một Đại đức Trưởng lão nhập vào hàng ngũ A-la- hán. Bấy giờ, một vị trời đến chỗ Thế Tôn vào ban đêm, chiếu sáng cả Kỳ Viên, cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn bạch rằng: - Bạch Thế Tôn! Đại đức Nan-đà, con trai bà Di mẫu của Phật đã lậu tận; ngay trong đời này, chính Đại đức đã an trụ trong chánh trí, đã được giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát tuệ giải thoát. Thế Tôn cũng đã biết như thế. Trong đêm ấy, Tôn giả Nan-đà cũng đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ và thưa: - Bạch Thế Tôn, con xin bãi bỏ lời hứa của Thế Tôn bảo đảm con sẽ được năm trăm thiên nữ gót son. Thế Tôn trả lời: - Nan-đà, chính tâm Ta đã thấu hiểu tâm ông và thấy do lậu tận, ngay trong đời này, chính ông đã an trú trong chánh trí, được giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Một vị trời cũng đã đến cho ta hay điều đó. Do đó, này Nan-đà, khi ông không còn tham đắm vào ngũ dục thế gian, tâm ông thoát khỏi dục lậu, ngay lúc ấy Ta không còn bị ràng buộc bởi lời hứa cũ. Rồi Thế Tôn, thấu rõ ý nghĩa thâm sáu thực sự của việc này đã tuyên đọc Thánh ngôn sau: Diệt sạch vọng tưởng nguy hại. Ông sẽ bình thản, an nhiên, Khi gặp hạnh phúc, đau khổ. Một hôm, các Tỳ-kheo đến gặp Tôn giả Nan-đà và hỏi Ngài: - Sư huynh Nan-đà! Lúc trước huynh nói: "Tôi bất mãn", bây giờ huynh có nói như thế không?

- Chư huynh, tôi chẳng còn ưa thích đời sống thế tục. Khi các Tỳ-kheo nghe Ngài trả lời, họ nói: - Tôn giả Nan-giả nói không thật, hoàn toàn nói láo. Ngày trước ông ta nói: "Tôi bất mãn". Nhưng bây giờ ông ta nói: "Tôi chẳng còn ưa thích đời sống thế tục". Và lập tức họ đến và trình lại câu chuyện với Thế Tôn. Thế Tôn đáp: - Này Tỳ-kheo! Ngày trước nhân cách của Nan-đà như một nhà lợp vụng, nhưng nay giống như một nhà lợp kín. Từ ngày ông ấy thấy những thiên nữ, ông ấy đã cố gắng hành trì để đạt đến cứu cánh của đạo nghiệp và bây giờ ông ta đã đạt được. Nói xong, Ngài đọc những Pháp Cú

sau: (13) Như mái nhà vụng lợp, Mưa tiền xâm nhập vào. Cũng vậy tâm không tu, Tham dục liền xâm nhập. (14) Như ngôi nhà khéo lợp, Mưa không xâm nhập vào. Cũng vậy tâm khéo tu, Tham dục không xâm nhập. Các Tỳ-kheo bắt đầu bàn tán chuyện trên trong Pháp đường: - Chư huynh! Chư Phật thật kỳ diệu! Đại đức Nan-đà đã bất mãn đời tu sĩ vì cô Janapada Kalyànì, nhưng đấng Đạo sư dùng những thiên nữ làm mồi, khiến ông ta vâng phục hoàn toàn. Đức Phật đi đến và hỏi họ: - Các Tỳ-kheo! Các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì? Nghe họ kể xong, Ngài nói: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu tiên Nan-đà đã vâng phục bởi mồi nhử bằng người khác phái, kiếp trước cũng xảy ra tương tự như thế. Nói xong, Ngài kể như sau: Chuyện quá khứ C. Kappata và Con Lừa Ngày xưa, khi Brahmadatta (Phạm-ma-đạt) trị vì Benàres. Có một con lừa chở đồ gốm cho ông và mỗi ngày ông thường đi bảy dặm. Vào một dịp nọ, Kappata chất một lô đồ gốm lên lưng lừa và đi đến Takkasilà (thành Hoa Thị). Trong khi ông bận sắp xếp hàng hoá, ông cho lừa chạy rong. Chàng lừa ta bèn lang thang dọc theo bờ mương, bỗng thấy một nàng lừa liền chạy thẳng đến. Nàng lừa chào hỏi thân mật và mở đầu câu chuyện: - Anh từ đâu đến? - Từ Benàres. - Mục đích gì? - Buôn bán.

- Anh mang hàng gì nhiều thế?

- Một lô đồ gốm thật nhiều.

- Anh đi bao nhiêu dặm mà mang số hàng nhiều thế?

- Bảy dặm.

- Trong những nơi anh đi qua, có ai xoa bóp chân và lưng anh không?

- Không!

- Nếu thế, anh phải chịu đường dài khắc nghiệt kinh khủng!

(Dĩ nhiên loài vật không ai xoa bóp chân và lưng, cô lừa nói chỉ vì để kết mối thân tình với anh lừa).

Lời cô lừa khiến chàng lừa trở nên bất mãn. Sau khi nhà buôn đã xếp đặt hàng hóa xong, ông chạy đến chàng lừa và nói:

- Nào, Jack, chúng ta đi!

- Ông đi đi, tôi không đi!

Nhà buôn cố gắng lặp đi lặp lại với những lời lẽ dịu dàng để thuyết phục nó đi.

Mặc dù ông dỗ hết sức, lừa ta vẫn dở chứng, ông bèn trút hết lời chửi rủa nó. Cuối cùng ông nghĩ: Ta sẽ biết cách làm cho nó đi, và nói kệ sau:

Ta sẽ làm cây gậy

Có mũi nhọn thật dài

Sẽ đâm xẻ thân này

Nhớ đó nghe, lừa hỡi!

Lừa đáp:

- Nếu vậy, tôi biết ngay phải làm gì với ông.

Rồi nó đọc kệ:

Ông bảo sẽ làm gậy

Có mũi nhọn thật dài

Tốt thôi! Tôi cũng sẽ
Chân trước bấm chặt sâu
Tung vó hai chân sau
Đá cho răng ông gãy
Nhớ nghe, Kappaka!
Khi nhà buôn nghe thế, ông thắc mắc không biết lý do gì khiến nó nói thế. Ông ta nhìn lại con đường và cuối cùng bắt gặp con lừa cái. À ra thế! Ông hiểu ngay. Cô ả đã dạy chàng lừa nhà ta mấy trò này đây. Ta sẽ hứa mang về nhà một con lừa cái như thế cho nó. Như vậy, dùng con lừa cái làm mồi, ta sẽ khiến nó phải đi.
Ông bèn đọc kệ:
Một lừa cái bốn chân
Mặt như dáng vỏ trai
Đầy đủ muôn vẻ đẹp
Sẽ đi mua cho mày
Nghe ra chưa lừa hỡi? Nghe thế, tim chàng lừa rộn rã và trả lời: Một lừa cái bốn chân, Mặt như dáng vỏ trai, Đầy đủ muôn vẻ đẹp, Ông hứa mua cho liền. Xưa đi ngày bảy dặm Nay tôi chạy gấp đôi! Kappata nói: - Vậy thì tốt, đi! Và ông dắt lừa lại chỗ để xe. Vài ngày sau con lừa nói với ông ta: - Chẳng phải ông đã nói với tôi là sẽ đem cho tôi một cô bạn ư? Thương gia trả lời: - Phải, ta đã nói thế, và ta không nuốt lời. Ta sẽ cho mi một cô bạn về nhà. Nhưng ta chỉ cung cấp thức ăn cho mi thôi. Không biết có đủ hay không cho cả mi và cô ả, nhưng việc đó mi giải quyết một mình. Sau khi hai đứa mi sống với nhau, sẽ sinh những chú lừa con. Thức ăn ta sẽ cho mi, không biết có đủ cho mi, bạn mi và những lừa con nữa hay không, việc này mi tự giải quyết lấy. Thương gia nói rồi, con lừa hết mơ ước hy vọng. Đạo sư chấm dứt bài học này: - Lúc đó, các Tỳ-kheo! Con lừa cái là Janapada Kalyànì, con lừa đực là Nan-đà và người thương gia chính là Ta. Khi xưa Nan-đà cũng đã chịu vâng phục vì miếng mồi khác phái. 10. Cunda - Đồ Tể Mổ Heo Nay sầu, đời sau sầu... Giáo pháp này đức Đạo sư dạy khi Ngài cư ngụ tại Veluvana (tinh xá Trúc Lâm) nhắm đến Cunda, người đồ tể mổ heo. Chuyện kể rằng trong năm mươi lăm năm Cunda sống bằng nghề mổ heo để ăn hay bán. Nhằm lúc đói kém, ông ta đi về nông thôn với chiếc xe đầy nhóc gạo và trở về đầy ắp heo con, mua trong các làng, với giá mỗi con chỉ nửa lít hoặc một lít gạo. Sau nhà, ông ta có một miếng đất rào lại thành một chuồng heo, và ông ta nuôi heo với tất cả các loại cây cỏ và phân. Khi nào ông ta muốn giết heo, ông ta trói heo thật chắc chắn vào một cây cột và nện nó bằng một cây chày vuông để làm thịt nó sưng phồng lên và mềm đi. Rồi, banh hàm heo và lồng vào miệng nó một cái nêm nhỏ, ông ta rót nước thật nóng từ một nồi đồng đổ xuống họng nó. Nước nóng thấm vào dạ dày heo, làm lỏng phân, và tống ra ngoài hậu môn phân nóng với nước. Nếu còn một cục phân nhỏ sót lại trong bao tử heo, thì nước chảy ra biến màu và đục, nhưng khi bao tử heo đã sạch, nước chảy ra sẽ trong và sạch. Chỗ nước còn lại ông ta đổ lên lưng heo, và nước sẽ làm tuột da, lột lớp da

đen. Rồi ông ta thui lớp lông cứng bằng một cây đuốc. Cuối cùng ông cắt đầu heo bằng một thanh kiếm nhọn. Khi máu phun ra, ông ta hứng vào dĩa, rồi ông quay heo, bôi

máu hứng được lên da. Và ông ta ngồi vào bàn cùng vợ con ăn thịt heo quay. Thịt còn lại, ông ta bán. Theo cách này, ông ta đã sinh sống trong năm mươi lăm năm. Dù đức Đạo sư ở tinh xá bên cạnh mà không có một ngày nào Cunda cúng dường Ngài, dù là một nắm hoa hay một muỗng cơm, cũng không làm một việc công đức nào cả. Một hôm ông mắc bệnh, và dù ông ta vẫn còn sống, ngọn lửa của đại địa ngục A- tỳ đã bốc cháy trước mặt. (Ngọn lửa A-tỳ là một cực hình có sức thiêu đốt kinh khủng có thể phá huỷ mắt người nào nhìn cách một trăm dặm). Thật ra, ngọn lửa ấy được mô tả như sau: "Ngọn lửa luôn luôn phụt ngọn liên tục vào mọi phía, xa đến một trăm dặm". Trưởng lão Nàgasena (Tỳ-kheo Na- tiên) đã dùng lối so sánh sau để chỉ sức nóng mãnh liệt biết bao so với ngọn lửa thường: "Đại vương! Hãy nghĩ xem, một khối đá to bằng một ngôi chùa đưa vào ngọn lửa địa ngục sẽ tan chảy chỉ trong chốc lát. Tuy nhiên, chúng sanh bị tái sanh ở đó, vì quả báo của việc làm quá khứ, không bị chết tiêu mà cảm thấy như đang nằm trong thai mẹ". Khi cực hình của đại địa ngục A-tỳ giáng xuống đồ tể mổ heo Cunda, hành động của ông ta thay đổi tương xứng với nghiệp quá khứ. Dù còn ở trong nhà, ông ta bắt đầu kêu ủn ỉn như heo và bò bằng tay và đầu gối, bỏ ra trước nhà rồi bò đến phía sau. Những người trong gia đình áp đảo và bịt miệng ông ta. Nhưng dù họ làm đủ cách (bởi không ai có thể ngăn được quả báo xảy đến cho một người do hành động quá khứ của chính người đó), ông ta vẫn bò lui và kêu ủn ỉn liên tục như một con heo. Bảy nhà xung quanh không ai có thể ngủ được. Thân quyến của ông ta khủng khiếp vì sợ chết, không có cách nào khác có thể ngăn ông ta đi ra, họ chặn các cửa và nhốt ông ta ở trong nhà. Xong, họ bao vây nhà và đứng canh Cunda bò tới bò lui trong nhà suốt bảy ngày, chịu sự đau khổ cùng cực của địa ngục, kêu ủn ỉn và rống eng éc như heo. Qua bảy ngày bò như thế, ông ta chết và bị đọa vào đại địa ngục A-tỳ. Vài Tỳ-kheo đi ngang qua cửa nhà ông, nghe tiếng eng éc ồn ào, chỉ nghĩ là tiếng của những con heo, họ đi về tinh xá, ngồi một bên đức Đạo sư và bạch: - Bạch Thế Tôn, trong bảy ngày cửa nhà đồ tể Cunda đóng kín, và suốt bảy ngày vẫn tiếp tục giết heo, chắc chắn ông ta định làm tiệc chiêu đãi. Thế Tôn nghĩ xem, bao nhiêu heo bị giết! Hiển nhiên ông ta không có một chút từ bi và hoàn toàn thiếu lòng trắc ẩn. Thật từ trước tới giờ chúng tôi chưa thấy ai độc ác và man rợ như thế! Đức Đạo sư nói: - Này các Tỳ-kheo! Ông ta không giết heo trong bảy ngày qua. Sự trừng phạt phù hợp với việc làm quá khứ của ông ta đã xảy đến bất ngờ đối với ông ta. Ngay khi ông ta còn sống, cực hình của đại địa ngục A-Tỳ đã hiển hiện. Vì cực hình này, ông ta bò tới lui trong nhà suốt bảy ngày, kêu la eng éc như một con heo. Hôm nay ông ta chết và bị đọa vào ngục A-tỳ.

Khi đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn! Đã đau khổ ở đây trong thế gian này, ông ta lại đi đến chỗ đau khổ nữa và tái sanh ở đó. - Đúng thế, các Tỳ-kheo! Đức Thế Tôn nói tiếp: - Người nào sống buông lung, dù cư sĩ hay tu sĩ, đều bị đau khổ ở cả hai nơi. Nói xong, Ngài đọc Pháp Cú: (15) Nay sầu, đời sau sầu, Kẻ ác hai đời sầu, Nó sầu, nó ưu não, Thấy nghiệp uế mình làm. 11. Cư Sĩ Hiền Thiện Nay vui, đời sau vui... Giáo lý này được Thế Tôn dạy cho một cư sĩ hiền thiện khi Ngài ngụ ở Kỳ Viên. Chúng ta nghe kể ở Xá-vệ có năm trăm thiện tín sinh sống, mỗi người có năm trăm cư sĩ tuỳ tùng. Người thiện tín lớn nhất có bảy con trai và bảy con gái. Mỗi đứa con thường xuyên cúng dường theo lối rút thăm để dâng món cháo đặc và các thức ăn khác, ngoài

ra còn cúng thức ăn, thức ăn cuối tháng, thức ăn đầu tháng, thức ăn chiêu đãi, thức ăn ngày chay, thức ăn cho khách viếng thăm, và thức ăn mùa mưa (hạ). Tất cả những người con đó đều là "thế hệ sau', cho nên thiện tín cùng vợ và mười bốn con duy trì mười sáu cách cúng dường. Và vị thiện tín đức hạnh, chính trực cùng với vợ con đều hoan hỷ trong việc sắp đặt bố thí. Sau một thời gian, vị thiện tín mắc bệnh và sức khoẻ suy sụp. Mong muốn được nghe pháp, ông gởi lời đến Thế Tôn xin cử tám hay mười sáu Tỳ-kheo đến. Đức Thế Tôn gởi các Tỳ-kheo và họ đi ngay đến vây quanh giường ông ta, rồi ngồi xuống chỗ được dành sẵn. Vị thiện tín nói: - Chư Tôn giả! Bây giờ muốn thấy các Ngài khó lắm vì tôi yếu quá, xin tụng lại cho tôi nghe một bài kinh thôi. - Ông thích nghe kinh gì hở thiện tín? - Kinh Tứ Niệm Xứ, phổ cập đối với tất cả chư Phật. Thế là chư Tăng bắt đầu tụng bài kinh, mở đầu bằng những lời: "Chỉ có đường này, này các Tỳ-kheo, con đường duy nhất này dẫn đến sự cứu độ chúng sanh". Vào lúc ấy từ sáu cõi trời hiện đến sáu chiếc xe dài một trăm năm mươi dặm do một ngàn con ngựa Sindth thuần chủng kéo, trang hoàng với đủ loại trang sức rực rỡ. Trên mỗi chiếc xe ngựa có một vị trời đứng, và mỗi vị trời nói: - Cho phép chúng tôi chở Ngài về thiên giới của chúng tôi. Và họ nói tiếp:

- Giống như ta đập bể một bình đất và thay bằng một bình vàng, cũng như thế chúng sanh sanh thiên sẽ được hạnh phúc trên cõi trời của chúng tôi. Vị cư sĩ không muốn bị ngắt quãng trong khi nghe pháp, liền van xin: - Hãy khoan! Hãy khoan! Các Tỳ-kheo nghĩ rằng ông ta nói với mình nên dừng tụng pháp. Con trai và con gái của ông khóc thét: - Trước kia cha chúng tôi không bao giờ cho rằng mình đã được nghe pháp đầy đủ, mà nay sau khi thỉnh các Tỳ-kheo đến và yêu cầu tụng pháp, chính ông ngăn họ lại. Rốt cuộc không ai mà không sợ chết. Các Tỳ-kheo bàn với nhau: - Không phải lúc ở lại. Và lập tức họ đứng lên ra đi. Sau một lúc, thiện tín tỉnh lại và hỏi các con: - Tại sao các con khóc? Họ đáp: - Cha thân yêu, cha mời các Tỳ-kheo lại, và ngay khi đang nghe pháp, chính cha ngăn họ tụng pháp. Chúng con khóc vì nghĩ rằng rốt cuộc không ai là không sợ chết. - Nhưng các vị Tỳ-kheo quí kính đâu rồi? - Các Tỳ-kheo đã bảo nhau: "Đây không phải là lúc nên ở lại", và lập tức họ từ chỗ ngồi đứng lên ra đi. - Các con yêu, ta không phải nói với các Tỳ-kheo quí kính như vậy. - Vậy thì cha nói với ai, cha thân yêu? - Từ sáu cõi trời có sáu vị trời hiện đến trong sáu xe ngựa trang hoàng lộng lẫy, và đứng trên xe ngựa lơ lửng trên không, họ nói với cha: "Hãy hưởng hạnh phúc trên thiên giới của chúng tôi". Và cha đã trả lời với họ: "Hãy khoan! Hãy khoan!" - Cha thân yêu, những xe ngựa ở đâu, sao chúng con không thấy? - Ta có vòng hoa nào không? - Có, thưa cha. - Cõi trời nào vui sướng nhất? - Cha thân yêu! Vui sướng nhất là cõi trời Đâu-suất nơi cha mẹ chư Phật cư trú, cùng với tất cả các vị Phật tương lai. - Tốt lắm, vậy hãy ném lên không một vòng hoa mà nói: "Hãy khiến vòng hoa này mắc vào chiếc xe ngựa của cõi trời Đâu-suất". Những người con của của vị thiẽn tín ném lên và vòng hoa mắc vào gọng xe ngựa treo lơ lửng trên không. Đám con thấy vòng hoa lơ lửng trên không, nhưng không thấy xe ngựa. Vị thiện tín hỏi: - Các con có thấy vòng hoa không? - Vâng, chúng con thấy.

- Vòng hoa này treo lơ lửng nơi chiếc xe ngựa đến từ cõi trời Đâu-suất. Cha sắp đi đến cõi trời Đâu-suất, đừng lo lắng. Nếu các con muốn tái sanh theo cha, hãy làm những

công đức như cha đã làm. Khi dứt lời, ông chết và đặt chân lên chiếc xe ngựa, lập tức ông tái sanh thành một vị trời thân cao ba phần tư dặm, được trang điểm với sáu mươi xe đồ trang sức. Ông có một ngàn thiên nữ theo hầu và ở trong cung điện bằng vàng rộng hai mươi lăm dặm. Khi những Tỳ-kheo về đến tinh xá, đức Phật hỏi họ: - Các Tỳ-kheo, vị thiện tín có nghe tụng đọc pháp không? - Có, bạch Thế Tôn! Nhưng nửa chừng ông ta kêu lên: "Hãy khoan! Hãy khoan!" và ngăn chúng con lại. Rồi con trai và con gái ông ta bắt đầu khóc. Lập tức, chúng con bảo nhau: "Đây không phải là lúc nên ở lại", và chúng con ttuừ chỗ ngồi đứng lên ra đi. - Các Tỳ-kheo! Ông ấy không nói với các ông. Từ sáu tầng trời có sáu vị trời đến trên sáu chiếc xe ngựa lộng lẫy, và họ gọi vị thiện tín ấy đi với họ; nhưng thiện tín không muốn bài pháp đang đọc bị ngắt quãng nên nói với sáu vị trời như thế. - Thật vậy sao, Thế Tôn? - Đó là sự thật, các Tỳ-kheo ạ! - Bạch Thế Tôn, bây giờ ông ấy tái sinh nơi nào? - Trên cõi trời Đâu-suất, các Tỳ-kheo! - Bạch Thế Tôn, nhưng gần đây ông sống rất vui sướng giữa các thân tộc của mình, và bây giờ ông ấy cũng đi tái sanh một nơi vui thú. - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Ông là người giác tỉnh. Dù cư sĩ hay tu sĩ, ông được sung sướng cả hai nơi như nhau. Nói xong, Ngài đọc Pháp cú: (16) Nay vui, đời sau vui, Làm phước, hai đời vui, Nó vui, nó an vui, Thấy nghiệp tịnh mình làm. * 12. Nghiệp Của Đề Bà Đạt Đa Nay than, đời sau than... Giáo lý này do đức Đạo sư dạy khi ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Đề-bà-đạt-đa. Chuyện của Đề-Bà-Đạt-Đa, từ lúc trở thành Tỳ-kheo đến lúc mặt đất nứt ra và nuốt ông ta, đều có trong mọi chuyện Bổn Sanh. Sau đây là tóm tắt câu chuyện: Khi Thế Tôn ngụ tại vườn xoài Anupiya, gần Anupiya, một thị trấn của thị tộc Mallas, tám mươi ngàn quyến thuộc của ngài một hôm bổng nhận ra những đặc điểm của đấng Như Lai nơi Ngài, và tám mươi ngàn chàng trai con của họ đồng tình rằng Ngài là

vua hay một vị Phật, Ngài cũng sẽ sống với một đoàn tùy tùng gồm những ông hoàng dòng Sát-đế-lợi. Sau đó trừ sáu ông hoàng trẻ tất cả đều xuất ly thế gian và trở thành Tỳ- kheo. Thấy sáu ông hoàng trẻ họ Thích này là vua Bhaddiya, và các ông hoàng Anuruddha, Ananda, Bhayu, Kimbila và Devadatta chưa xuất thế, hoàng tộc họ Thích thảo luận với nhau: - Chúng ta chỉ cho chính con của chúng ta vào Tăng đoàn. Còn sáu ông hoàng họ thích này chắc không phải quyến thuộc của Phật nên không xuất gia làm Tỳ-kheo. Vì vậy, một hôm, ông hoàng họ Thích tên Mahanama đến gặp em là A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), tâm sự: - Này em, trong gia đình ta chưa có ai xuất gia, em hãy xuất gia trở thành Tỳ-kheo và anh sẽ theo gương em. Thuở đó, A-lậu-nâu-đà là người được nuôi dưỡng trong nhung lụa và sự cưng chìu, chàng chưa bao giờ nghe tiếng "không có". Thí dụ, một hôm sáu ông hoàng họ Thích này chơi bắn bi. A-nậu-lâu-đà lấy bánh ra đánh cuộc. Khi thua, chàng nhắn về nhà đòi bánh. Mẹ chàng làm bánh đưa cho họ. Mấy ông hoàng ăn bánh xong tiếp tục chơi. A-nậu-lâu- đà thua liên tiếp. Ba lần mẹ chàng phải gởi bánh tới. Lần thứ tư bà nhắn: - Không có bánh để gởi. Trước đó A-nậu-lâu-đà chưa hề nghe chữ "không có". Do đó chàng nghĩ rằng đó là một loại bánh khác, chàng nhắn bảo tên tiểu đồng về nhà: - Hãy gởi cho tôi mấy cái bánh không có. Khi mẹ chàng nhận được tin "Mẹ ơi! Hãy gởi cho con mấy cái bánh không có", bà tự nghĩ: - Từ trước con ta chưa hề nghe chữ không có, vậy thì ta sẽ dạy cho nó biết nghĩa ấy. Rồi bà lấy một bát vàng rỗng chụp lên một bát vàng khác và gởi

cho con trai. Chư thiên bảo vệ thành biết được khi xưa A-nậu-lâu-đà là Annabhara đã bố thí thức ăn phần mình cho Phật Đốc Giác Uparritha và ước nguyện: "Không bao giờ bị nghe tiếng 'không có', không bao giờ cần biết thức ăn từ đâu đến". Bây giờ nếu để A-nậu-lâu đa thấy bát rỗng, các vị trời sẽ không bao giờ dự được hội trời, ngoài ra có thể đầu bị bể làm bảy mảnh nữa. Vì thế chư thiên bỏ đầy bánh trời vào bát. Ngay khi bát được đặt xuống trên chiếc dĩa tròn và mở ra, mùi bánh thơm tỏa khắp thành. Hơn nữa, lúc miếng bánh đuợc đặt vào miệng, bảy ngàn thần kinh vị giác rung lên. A-nậu-lâu-đà thưởng thức xong liền kết luận: - Mẹ ta chẳng thương ta, mọi khi mẹ chẳng hề chiên bánh không có này cho ta. Từ đây trở đi ta sẽ không ăn loại bánh nào khác. Rồi chàng về nhà hỏi mẹ: - Mẹ, mẹ có thương con hay không?

- Con cưng của mẹ, con ví như con mắt quí báu của một người chỉ có một con mắt, và cũng giống như trái tim mẹ yêu quí con còn hơn thế nữa. - Vậy thì mẹ thương, tại sao mấy lần trước mẹ không chiên bánh "không có" cho con? Người mẹ hỏi chú tiểu đồng: - Nhỏ, không có gì trong bát chứ? - Thưa bà, chiếc dĩa tràn đầy bánh, và thứ bánh này tôi chưa hề thấy trước kia. Người mẹ liền hiểu: "Thật là con ta có công đức lớn. Chắc là nó có một ước nguyện. Những vị trời chắc đã bỏ bánh dầy đĩa và gởi cho nó". Đứa con nói tiếp với mẹ: - Từ nay con sẽ không ăn loại bánh nào khác hơn. Từ nay về sau xin mẹ hãy chỉ chiên bánh "không có" cho con. Từ lần đó, khi con bà nói "Con muốn ăn bánh" bà liền gởi một bát không, đậy bằng một bát khác, và suốt thời gian chàng sống ở nhà, những vị trời gởi bánh trời cho chàng. Vì A-nậu-lâu-đà quá ngây thơ với mọi sự như thế làm sao chàng có thể nghĩ ra để hiểu ý nghĩ của từ ngữ "trở thành một Tỳ-kheo". Vì lý do đó chàng hỏi anh mình: - Trở tnành một Tỳ-kheo là sao? Anh chàng trả lời: - Đời sống của một Tỳ-kheo gồm cạo bỏ râu tóc, ngủ trong bụi gai cũng bình thường như y trong giường đẹp và đi khắp nơi khất thực. A-nậu-lâu-đà bày tỏ ý mình: - Này anh, em quá sung sướng, em sẽ không bao giờ có thể thành một Tỳ-kheo. - Tốt lắm, em thân yêu, vậy hãy học nghề nông và sống đời sống của một gia chủ. Nhưng ít nhất, một trong hai anh em chúng ta phải trở thành Tỳ-kheo. A-nậu-lâu-đà nói: - Làm nông là sao? Làm sao có thể trông mong một chàng trai biết được ý nghĩ của chữ nông nghiệp khi anh ta không biết được thức ăn từ đâu đến? Như một ngày nọ, ba ông hoàng Kimbila, Bhaddiya và A-nậu-lâu-đà bàn lận với nhau về thức ăn từ đâu đến. Kimbila nói: - Nó đến từ kho lúa. Bhaddiya nói với chàng: - Anh không biết thức ăn từ đâu đến, nó đến từ cái nồi. A-nậu-lâu-đà nói: - Cả hai anh đúng là chẳng biết thức ăn đến từ đâu cả. Nó đến từ một bát vàng đậy nắp ngọc.

Người ta kể rằng: Một hôm Kimbila thấy gạo được chuyển ra từ kho thóc, và lập tức chàng nghĩ "những hạt gạo được sản xuất trong kho". Cũng vậy, một hôm Bhaddiya thấy thức ăn được múc ra từ một cái nồi, và chàng cho rằng "nó có được từ trong nồi". A-nậu-lâu-đà chưa hề thấy người ta chứa gạo, nấu cơm hay múc ra khỏi nồi, nhưng chỉ thấy sau khi đã múc ra khỏi nồi và đặt trước chàng. Vì vậy chàng cho rằng khi người ta muốn ăn, thức ăn xuất hiện ngay trong một bát vàng. Đó là sự ngu dốt của cả ba ông hoàng về việc thức ăn đến từ đâu. Bấy giờ trở lại khi A-nậu-lâu-đà hỏi: - Làm nông nghĩa là sao? Chàng nhận được câu trả lời sau: - Trước hết cánh đồng phải được cày lên, và sau đó những việc khác như thế, như thế phải làm. Và những việc ấy phải làm

từ năm này đến năm khác. Chàng tự nhủ: - Những bổn phận ràng buộc với nghề nông như thế thì đến bao giờ mới hết. Bao giờ chúng ta mới có thời gian vui hưởng tài sản của mình một cách an nhàn? Và vì cho rằng những bổn phận ràng buộc vào đồng áng không bao giờ hết và không bao giờ dừng, chàng liền đổi ý: - Thôi thì, nếu như vậy anh phải sống đời sống của một gia chủ; còn em, em không sống như vậy. Sau đó, chàng đến nói với mẹ: - Mẹ! Hãy cho phép con! con muốn xuất gia trở thành một Tỳ-kheo. Ba phen chàng đòi mẹ cho phép trở thành Tỳ-kheo và ba lần bà từ chối. Cuối cùng bà nói với chàng: - Nếu vua Bhaddiya, bạn con xuất gia, con có thể xuất gia với anh ta. Sau đó, chàng đến Bhaddiya bạn mình và nói: - Này bạn, tôi có xuất gia được hay không với điều kiện là bạn xuất gia đấy! A-nậu-lâu-lâu-đà thúc giục bạn Bhaddiya bằng mọi lý lẽ khiến anh cùng đi xuất gia. Và cuối cùng, vào ngày thứ bảy Bhaddiya hứa khả. Rồi sáu ông hoàng thuộc giai cấp Sát-đế-lợi - Bhaddiya, vua của những người họ Thích (Sakyans), A-nậu-lậu-đá, Ananda, Bhagu, Kimbila và Đề-bà-đạt-đa - kèm thêm người hớt tóc là Upali thành bảy người, sau bảy ngày vui hưởng hạnh phúc thần tiên như những vị trời, bắt đầu ra đi với trang phục nhiều gấp bốn lần, như thể trên đường đến vườn giải trí. Khi họ tới lãnh thổ nước khác, họ ra lệnh quân lính trở về. Họ cởi những đo trang sức, gói lại và đưa cho Upali, nói: - Này Upali, bây giờ hãy trở về. Tất cả tài sản này sẽ đủ cung cấp cho anh sanh nhai. Upali gieo mình xuống chân họ, lặn lộn trên đất và khóc thảm thiết. Nhưng không giám cãi lệnh, đứng lên và trở về. Giờ chia tay rừng rủ lá, đất rung động. Upali đi được một quãng ngắn không an lòng vì nghĩ rằng những người Sakyans họ Thích ác nghiệt và

tàn bạo có thể giết mình vì nghĩ rằng mình đã giết anh em họ. Những ông hoàng họ Thích Sakyans này đã từ bỏ nếp sống lộng lẫy xa hoa, đã lột bỏ những trang sức vô giá xem như một đống đờm dãi và dự định xuất gia trở thành Tỳ-kheo. Sao mình lại không? Rồi ông mở gói, treo những đồ trang sức trên cây để mặc, ai muốn hãy đến lấy! Xong, ông đến chỗ những ông hoàng. Họ ngạc nhiên hỏi ông tại sao ở lại, ông kể với họ toàn bộ câu chuyện. Như vậy sáu ông hoàng đem theo người thợ cạo Upali đến Thế Tôn và bạch: - Bạch Thế Tôn, chúng con là những người họ Thích kiêu hãnh. Người thợ cạo này là người phục vụ chúng con từ lâu. Xin thu nạp ông ta vào Tăng đoàn trước, vì để ông ta vào trước chúng con sẽ cung kính ông ta, do sự kiêu hãnh của chúng con sẽ được giảm bớt. Vậy là trước tiên họ đã xin cho thợ cạo Upali xuất gia trước và sau đó chính họ xin vào Tăng đoàn. Trong sáu ông hoàng họ Thích này , Tôn giả Bhaddiya chứng Tam minh ngay mùa hạ đầu. Tôn giả A-nậu-lâu-đà chứng Thiên nhãn thông, và sau nghe bài kinh đầu đề "Những điều suy niệm của một bậc đại nhân", Ngài chứng A-la-hán. Tôn giả A-nan chừng quả Dự lưu, Trưởng lão Bhaya và Trưởng lão Kimbila sau đó khai mở Minh-sát- tuệ và chứng A-la-hán. Đề-bà-đạt-đa chứng thần thông thấp hơn. Sau một thời gian, khi Thế Tôn ngụ tại Kossambi, của cải và tiếng tăm đều dồn về Thế Tôn và chúng đệ tử của Ngài. Mọi người đến tinh xá thường mang trong tay y phục, thuốc men và những vật cúng dường khác, và hỏi: - Đức Đạo sư ở đâu? - Trưởng lão Xá-lợi-phất đâu? - Trưởng lão Mục-kiền-liên đâu? - Trưởng lão Ca-diếp đâu? - Trưởng lão Bhaddiya đâu? - Trưởng lão A-nậu-lâu-đà đâu? - Trưởng lão A-nan đâu? - Trưởng lão Bhagu đâu? - Trưởng lão Kimbila đâu? Nói xong, họ đi tìm chỗ ngồi của tám

mươi vị Đại đệ tử. A. Những Hành Động Ác Của Đề Bà Đạt Đa. Nhưng chẳng ai hỏi đến Đề-bà-đạt-đa. Từ đó ông sanh lòng bất mãn: "Ta đi tu cùng lúc với những Tỳ-kheo kia, cũng thuộc giai cấp chiến sĩ như họ. Vậy mà các thí chủ mang phẩm vật cúng dường kia chỉ đến tìm những Tỳ-kheo ấy, chẳng ai nhắc đến tên ta. Ta sẽ về phe ai, thâu phục cảm tình ai để có được lợi dưỡng và sự tôn kính?" Và ông toan tính ly khai. Sau đó ông nghĩ tiếp: "Vua Bình-sa ngay hôm đầu gặp Phật cùng mười một vạn tùy tùng, đã chứng quả Dự lưu, ta không thể về phe ông. Ta cũng không thể theo phe vua Kosala, nhưng ta sẽ đến với hoàng tử A-xà-thế, kẻ không biết nhìn người".

Từ Kosambi, Đề-bà-đạt-đa đi đến Vương Xá, tự biến thành một chàng trai, với bốn con rắn ở tay chân, một con quanh cổ, một con cuộn tròn trên đầu như búi nệm, một con vắt trên vai. Trang điểm đầy rắn như thế ông từ không trung bay xuống ngồi ngay trong lòng A-xà-thế hết hồn hỏi: - Người là ai? - Tôi là Đề-bà-đạt-đa. Để A-xà-thế hết sợ, Đề-bà-đạt-đa biến nguyên hình trở lại là một Tỳ-kheo, đắp y mang bát và ông chiếm được cảm tình của A-xà-thế cùng lợi dưỡng và sự tôn kính. Được lợi dưỡng và sự tôn kính rồi, Đề-bà-đạt-đa quyết định: "Ta phải là người lãnh đạo Tăng đoàn". Vừa khởi ác niệm, Đề-bà-đạt-đa mất hết thần thông. Bấy giờ đức Đạo sư đang thuyết pháp cho Tăng chúng ở Trúc Lâm tinh xá, cũng có nhà vua trong chúng hội. Giữa thời pháp Đề-bà-đạt-đa đảnh lễ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay thỉnh cầu: - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nay đã già yếu, mệt mỏi, hãy sống an nhàn không lo lắng. Tôi sẽ lãnh đạo Tăng đoàn, hãy giao phó Tăng đoàn cho tôi. Đức Đạo sư, thay vì chấp nhận sự sắp xếp của Đề-bà-đạt-đa, đã từ chối lời thỉnh cầu và gọi ông là hạng người ăn đờm dãi. Đề-bà-đạt-đa căm phẫn tột độ ra đi. Đây là lần thứ nhất ông oán hận đức Đạo sư. Đức Phật cho công bố câu chuyện Đề-bà-đạt-đa tại Vương Xá. Đề-bà-đạt-đa hận thù không nguôi vì bị đức Phật khai trừ nên rắp tâm phá Phật. Ông đến gặp A-xà-thế bày kế: - Này chàng tuổi trẻ, con người trước đây sống lâu, nhưng nay chết sớm. Một ông hoàng như anh chẳng bao lâu cũng sẽ chết. Vậy thì, anh hãy giết cha rồi lên làm vua, còn ta sẽ giết đức Thế Tôn và lên làm Phật. Mưu kế thành tựu, A-xà-thế giết cha rồi lên ngôi, còn Đề-bà-đạt-đa không bỏ cuộc, tự thân leo lên đỉnh núi lòng dặn lòng: "Một mình ta sẽ dứt đời Sa-môn Cồ-đàm". Rồi ông lăn đá xuống, nhưng chỉ làm thân Phật chảy máu. Thất bại lần nữa trong việc giết Phật, ông lại tính keo khác là thả voi Nàlàgiri hại Phật. Khi voi đến gần, Đại đức A-nan đứng mũi chịu sào hy sinh cản đường cứu Phật. Đức Đạo sư nhiếp phục được voi và rời thành trở về tinh xá. Sau khi dự buổi thọ trai do hằng ngàn thiện tín cúng dường, đức Đạo sư đúng thời nói pháp cho cư dân Vương Xá, đông đến một trăm tám mươi triệu người. Có tám mươi bốn ngàn người được Pháp nhãn thanh tịnh. Các Tỳ-kheo lúc đó không ngớt tán thán A-nan: - Đại đức A-nan thật cao thượng! Khi con voi hung tợn chạy đến, người dám hy sinh mạng sống đứng chắn cho đức Đạo sư. Đức Phật nghe các Tỳ-kheo khen vậy liền bảo: - Các thầy, đây chẳng phải là lần đầu A-nan hy sinh vì ta. Trong kiếp quá khứ, ông ấy cũng làm như vậy.

Và đáp lời thỉnh cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể chuyện tiền thân Culla Hamsa và Kakkata. Qua việc bày mưu giết vua, mướn người giết Phật, lăn đá, tính ác độc của Đề-bà- đạt-đa chưa gây chấn động dư luận như lần thả voi hại Phật. Dân chúng biết chuyện xôn xao bàn tán: "Đề-bà-đạt-đa một mình đã giết vua, mướn kẻ sát nhân ném

đá, nay còn thả voi Nàlàgiri. Nhà vua đang thân cận một kẻ ác độc đến thế!" Nhà vua nghe được bèn bãi bỏ năm trăm nồi nấu thức ăn cho Đề-bà-đạt-đa và từ đó không cung cấp, đáp ứng các nhu cầu của Đề-bà-đạt-đa nữa. Dân chúng cũng vậy, khi ông đến nhà khất thực, họ vẫn không cúng dường. Danh và lợi đều mất, Đề-bà-đạt-đa lại giở trò quỷ quyệt. Ông đi đến đức Phật đưa ra năm điểm nhưng đức Đạo sư bác bỏ: - Đủ rồi, Đề-bà-đạt-đa! Ai muốn như vậy, hãy làm một nhà khổ hạnh ở trong rừng. Đề-bà-đạt-đa quay sang các Tỳ-kheo: - Chư huynh đệ, lời dạy nào cao thượng hơn, lời Phật hay lời tôi vừa nói? Được rồi, Thế Tôn. Sa-môn suốt đời nên sống trong rừng, đi khất thực, mặc áo bằng giẻ rách lấy từ đống rác, ở dưới gốc cây, không ăn cá thịt. Ai muốn giải thoát đau khổ, hãy để người ấy đến với tôi. Nói rồi, Đề-bà-đạt-đa ra đi. Một vài Sa-môn vừa mới xuất gia, thiếu trí, nghe những lời này nghĩ là Đề-bà-đạt- đa nói đúng. Rồi họ đi theo Đề-bà-đạt-đa cùng năm trăm Tỳ-kheo bằng mọi cách thuyết phục mọi người từ người dễ tin đến người dày dạn, chấp thuận năm điểm, và sống bằng cách khất thực từ nhiều gia đình. Đồng thời Đề-bà-đạt-đa vẫn tìm cách tạo sự chia rẽ trong Giáo đoàn. Đức Thế Tôn nghe ra bèn bảo: - Đề-bà-đạt-đa, có đúng như người ta nói, ông đang cố tình gây chia rẽ Tăng đoàn không? Đề-bà-đạt-đa trả lời: - Đúng! Phật dạy: - Đề-bà-đạt-đa, chia rẽ Tăng đoàn là một tội ác ghê gớm. Đức Đạo sư tiếp tục răn nhắc Đề-bà-đạt-đa. Nhưng ông không để ý đến lời Phật dạy. Đề-bà-đạt-đa ra đi, gặp Đại đức A-nan đang đi khất thực trong thành Vương Xá, ông nói: - Sư huynh A-nan, kể từ hôm nay tôi sẽ làm lễ phát lồ và tăng sự riêng biệt, không cần Tăng đoàn, không cần Thế Tôn. Đại đức A-nan kể lại cho đức Phật nghe, bậc Đạo sư đã phẫn nộ một cách chính đáng, và biết rằng Đề-bà-đạt-đa làm như vậy là tự đóng cửa nhơn-thiên, sẽ phải chịu đau khổ nơi đại ngục A-tỳ. Và Ngài suy nghĩ như vầy:

Dễ làm thay việc ác, Việc chỉ gây tai hại. Những việc lành đem lại Hạnh phúc, rất khó làm. Rồi, đức Đạo sư lại nói lên câu kinh sau: Dễ thay cho người lành, Làm những việc thiện tốt. Khó thay cho người ác, Làm những việc thiện lành. Người ác khó làm lành, Người lành khó làm ác. Vào ngày phát lồ, Đề-bà-đạt-đa ngồi về một phía với những người theo ông, nói: - Ai đồng ý năm điểm hãy lấy một lá phiếu. Năm trăm hoàng tử Lệ-xá, những Sa-di ít lòng biết ơn, lấy phiếu. Đề-bà-đạt-đa đem những thầy này đến Gayàsìsa. Đức Đạo sư biết tin họ đến đó, liền phái hai đại đệ tử đi dẫn họ về. Hai vị đến đó, trổ hết thần thông thuyết pháp khiến năm trăm vị Tỳ-kheo nếm được vị Niết-bàn, liền theo hai vị bay về tinh xá hầu Phật. Tỳ-kheo Kokàlika, người cùng âm mưu với Đề-bà-đạt-đa, thấy vậy, đã vào đánh thức ông dậy: - Dậy đi huynh Đề-bà-đạt-đa, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã đoạt hết các Tỳkheo của anh rồi, anh chẳng nhớ tôi đã nói là đừng tin Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sao? Đề-bà-đạt-đa nói: - Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ôm lòng ác độc. Vừa nói lên câu ấy, đầu gối Đề-bà-đạt-đa đã dộng trúng tim mình và miệng hộc máu tươi ra. Các Tỳ-kheo trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất bay trong không giữa một đoàn Samôn tùy tùng, báo tin cho Phật: - Bạch Thế Tôn! Đại đức Xá-lợi-phất đi chỉ với một người mà trở về huy hoàng với cả đám đông. Đức Đạo sư đáp: - Các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu xảy ra sự việc này. Khi Xá-lợi-phất sinh trong thân thú, ông cũng đã trở về với Ta huy hoàng như vậy. Và Phật nói bài kệ chuyện tiền thân Lakkhana (Tiền thân của Xá-lợi-phất đã bảo vệ được năm trăm con

nai trong đàn an toàn trở về sau mùa săn. Còn nai Kàla, tiền thân của Đề-bà-đạt-đa không bảo vệ được đàn mình, để năm trăm con nai bị chết hết). Người đạo đức, thân thiện, Mọi sự đều tốt lành. Kìa, Lakkhana xuất hiện! Dắt theo đủ bà con.

Và kìa, xem Kàla, Chẳng bà con nào còn! Các Tỳ-kheo lại kể tiếp: - Bạch Thế Tôn, người ta đồn rằng Đề-bà-đạt-đa cũng đặt hai vị Đại đệ tử ngồi hai bên và bắt chước Thế Tôn nói: "Ta sẽ thuyết pháp như Phật". Đức Đạo sư nói: - Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu ông ấy làm như vậy. Trong một kiếp quá khứ ông ấy cũng bắt chước ta, nhưng đã thất bại. Vìraka! Có thấy Chồng tôi, Savitthaka (1), đâu không? Tiếng chàng thanh dịu ngọt Cổ rực rỡ như công? Savitthaka ham bắt chước Vĩraka, quạ nước Lặn bắt cá trong hồ Vướng rong rêu, đã chết. (1) Quạ Savitthaka - tiền thân của Đề-bà-đạt-đa - muốn bắt chước con quạ nước Vĩraka (tiền thân của Phật) lặn xuống hồ bắt cá, bị mắc giữa đám rong và chết. Để kể hết câu chuyện, đức Thế Tôn thuật chuyện tiền thân Vìraka. Mấy hôm sau, cũng với đề tài này, Ngài kể các chuyện tiền thân Kandagalaka và Virokana: Chim gõ mõ (2) bay trong rừng mổ Cây cành mềm, hư đổ, kiếm ăn. Cây keo gỗ chắc một khi Hắn lầm mổ phải đầu thì bể ngay Óc não mày nát chảy,(3) Đầu thì vỡ tan hoang, Bao xương sườn gãy vụn, Thật thảm thương kinh hoàng, (2) Chim gõ mõ Kandagalaka, tiền thân của Đề-bà-đạt-đa bắt chước chim bạn-tiền thân của Phật mổ cây leo kiếm sâu ăn. Vì khác loài, không đủ khả năng nó bị gãy mỏ, mắt lồi ra, đầu bể. (3) Dã can (tiền thân của Đề-bà-đạt-đa) sống nhờ ăn đồ thừa của sư tử - tiền thân Phật- một hôm dã can bắt chước sư tử, giết voi, bị voi đạp nát xương thịt rồi đi đại tiểu tiện lên. Một ngày nọ, nghe lời nhận xét "Đề-bà-đạt-đa là kẻ bội ơn", đức Đạo sư kể lại chuyện tiền thân Java Sakuna: Chúng tôi đã hết lòng phục vụ. Và vô cùng tôn kính chúa công. Vậy nay xin được cầu mong, Chúa ban ơn huệ mở lòng tha cho.

Ta đã ngặm chắc ngươi trong mõm, Ta sống bằng uống máu ăn tươi. Thói ưa giết chóc ta nuôi. Quá lâu ngươi đã sống rồi, tiếc chi! Phật lại kể chuyện tiền thân Kurunga, cho thấy Đề-bà-đạt-đa đi đây đi kia chỉ để sát hại: Con nai biết quá rõ, Chính ngươi (4) thả trái rơi: "Ta mau đến cây khác Cây không thích, nên rời." (4) Người thợ săn chài lưới (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) liệng trái cây nhử nai (tiền thân Phật) để giết nhưng không thành công. Lại nữa, khi người ta bàn bạc: "Đề-bà-đạt-đa mất cả lợi dưỡng danh dự và địa vị tôn quý của một Sa-môn", đức Đạo sư nói: - Các Tỳ-kheo, đây chẳng phải là lần đầu ông ấy mất hết, trong một kiếp quá khứ cũng vậy; và Phật kể chuyện tiền thân Ubhataobhattha: Mắt hư, áo bị mất (5), Cãi vả đến trong nhà, Việc làm ăn hỏng cả Dưới nước lẫn trên bờ. (5) Một người chài lưới (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) câu nhằm khúc cây tưởng là cá lớn, cởi áo lặn xuống bắt, bị va vào khúc cây mù hai mắt áo trên bờ bị lấy cắp. Vợ người ấy ở nhà sợ phải chia phần cá, cãi vã với hàng xóm và bị phạt vạ. Trong lúc đức Đạo sư ngự tại Vương Xá, Ngài đã kể chuyện tiền thân của Đề-bàđạt-đa như vậy. Rồi Ngài đến Xá-vệ ở tại Kỳ Viên. Đề-bà-đạt-đa bị đau trong chín tháng. Sau cùng, muốn gặp đức Phật, ông nói với đệ tử của ông: - Ta muốn gặp đức Đạo sư, hãy giúp ta đến gặp Người: Họ trả lời: - Khi còn sức khỏe, thầy đã đối xử thù nghịch với đức Đạo sư, chúng tôi sẽ không dẫn thầy đến gặp Phật. Đề-bà-đạt-đa nói: - Xin đừng hại tôi! Tôi thật có lòng thù hận đức Thế Tôn, nhưng Ngài không hề ghét tôi dầu chỉ mảy lông. Và thật vậy: Kẻ sát nhân Đề-bà-đạt-đa Và kẻ cướp Ương-quật-ma-la. Voi Dhanapàla hay

La-hầu-la Với ai Phật cũng ôn hòa điềm nhiên.

- Cho tôi gặp đức Thế Tôn. Đề-bà-đạt-đa năn nỉ mãi. Sau cùng họ để Đề-bà-đạt-đa trên cái cáng khiêng đi. Các Sa-môn nghe Đề-bà-đạt- đa đến, thông báo với Phật: - Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa đang đến gặp Thế Tôn. Phật dạy: - Ông ấy sẽ không gặp Ta trong kiếp này nữa. (Người ta nói rằng, kể từ lúc các Sa-môn đưa ra năm điều, họ đã không còn gặp Phật được nữa). - Bạch Thế Tôn, họ đã đến nơi đó... nơi đó... rồi. - Ông ấy làm gì thì làm, cũng chẳng bao giờ gặp lại Ta. - Bạch Thế Tôn, hiện ông ấy chỉ còn cách một dặm, chỉ còn cách nửa dặm, chỉ còn cách một khoảng... ông ấy đến hồ sen. - Dầu cho ông ấy vào đến Kỳ Viên, cũng không gặp được Ta. Những người khiêng Đề-bà-đạt-đa đến hồ sen tinh xá, đặt cáng và xuống tắm trước khi vào hầu Phật. Đề-bà-đạt-đa ngồi dậy, bỏ chân xuống đất, và bị lún xuống đất, và bị lún ngay tại đó. Ông bị lún từ từ, ban đầu là mắt cá, rồi đến đầu gối, hông, ngực, rồi đến cổ... Sau cùng, khi làm sát đất, ông đọc đoạn kệ sau: Với xương và thịt này Cùng với hơi thở còn Con xin quy y Phật Thiên Nhơn Sư, Thế Tôn Điều Ngự, đấng Toàn Giác Đức hạnh hằng tỏa rạng Trăm hảo tướng chói ngời. Theo truyền thuyết, khi đức Phật thấy sự việc như vậy, Ngài lại xuất gia cho Đề- bà-đạt-đa làm Sa-môn, vì Phật biết nếu Đề-bà-đạt-đa là một cư sĩ, chưa được xuất gia, với chừng ấy tội ác đã tạo, ông sẽ không thể còn có hy vọng, tin tưởng gì ở kiếp tương lai. Nhưng nếu ông là một Sa-môn thì dầu có phạm tội ghê gớm mức nào, vẫn có thể vững lòng tin vào kiếp tương lai. (Sau trăm ngàn kiếp Đề-bà-đạt-đa sẽ thành Phật Độc Giác hiệu là Atthissara-Thiên Vương Như Lai, cõi nước tên là Thiện Đạo). Sau khi chết lún trong đất, Đề-bà-đạt-đa đọa vào địa ngục A-Tỳ. "Vì ông phạm tội với một đức Phật thường hằng, hãy để ông chịu cực hình không gián đoạn". Và đó là sự đau đớn Đề-bà-đạt-đa phải chịu. Vì ngục A-tỳ rộng lớn một trăm dặm nên thân ông cao một trăm dặm. Cả đầu đến lỗ tai ông bị ở trong một cáo sọ sắt và chân lún đến mắt cá nằm trong mặt nền bằng sắt. Một cọc sắt to bằng thân cây thốt nốt từ vách phía tây của chiếc ngục sắt đâm ngang thắt lưng, suốt qua ngực và xuyên qua vách sắt phía đông. Một cọc sắt khác từ vách sắt phía bắc. Một cọc khác từ đỉnh sọ sắt, đâm qua sọ của Đề-bà-đạt-

đa, suốt xuống phần dưới và xuyên đến mặt nền bằng sắt. Đề-bà-đạt-đa chịu sự đau đớn trong tư thế không thể nhúc nhích này. Các Tỳ-kheo bắt đầu bàn bạc: "Đề-bà-đạt-đa từ xa đến nhưng không gặp được đức Đạo sư, lại bị chôn sống". Đức Phật dạy: - Đây không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa phạm tội với Ta và bị chôn sống. Trong một kiếp trước ông cũng bị chôn sống như vậy. Để minh chứng, Ngài kể câu chuyện đã xảy ra trong một tiền thân của Ngài làm voi chúa. Có một người bị lạc đường, voi để anh ta ngồi trên lưng và chở về nơi an toàn. Sau đó người ấy trở lại chỗ voi ba lần liên tiếp cưa lấy phần đầu, phần giữa và phần gốc ngà của voi. Vừa đi khuất tầm mắt voi chúa, anh ta liền bị đất chôn sống. Và đức Đạo sư kết thúc câu chuyện tiền thân Sìlava Nàga: Một người ưa bội bạc Và luôn tìm cơ hội Dầu cho cả quả đất Cũng không thấy thỏa lòng. Mọi người bàn tán mãi chuyện này. Vì thế đức Phật kể lại câu chuyện Kalàburàjà (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) bị đất nứt chôn sống vì làm hại Khantivàdi (tiền thân đức Phật). Rồi đức Đạo sư lại kể chuyện Mahàpatàparàjà (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) bị đất chôn sống vì làm hại Culla Dhammapàla (tiền thân Phật). Giờ đây khi

Đề-bà-đạt-đa đã bị đất nuốt, dân chúng vui mừng, treo cờ, dựng cây chuối rẻ quạt, bày những lu hũ đầy nước, mở hội lớn: "Cái chết của hắn quả là thắng lợi lớn đối với chúng ta". Khi các Tỳ-kheo bạch lại chuyện này cho đức Đạo sư, Ngài dạy: - Đây không phải là lần đầu dân chúng vui mừng vì Đề-bà-đạt-đa chết. Trong quá khứ họ cũng vui mừng như vậy. Rồi Ngài kể câu chuyện tiền thân Pingala vua xứ Ba-lanai, bị dân chúng oán ghét vì quá ác độc. Họ rất vui mừng khi vua chết: Chính vua Pingala, Làm hại khắp mọi người. Nay vua kia đã chết, Ai cũng an vui cười. Này, anh chàng gác cổng! Có phải ngươi khóc than Vì lòng ngươi thương tiếc Lão vua cặp mắt vàng? Chẳng phải thương tiếc chi Lão vua mắt vàng đó Tôi khó vì lo sợ

Lão trở lại nơi này. Lão đi đến cõi chết Hại đến cả thần chết Thần chết ngán ắt quẳng Lão trở lại cõi này! Sau cùng, các Tỳ-kheo hỏi Phật: - Bây giờ, bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con biết Đề-bà-đạt-đa tái sanh nơi nào? - Ông ấy ở nơi địa ngục A-tỳ. - Bạch Thế Tôn, lúc sống, ông ấy chịu khổ, và khi chết đi, tái sinh ở cảnh khổ. - Đúng vậy, Tỳ-kheo. Người không chánh niệm, dù là tu sĩ hay cư sĩ, chịu khổ cả hai nơi. Và đức Phật đọc câu kệ: (17) Nay than, đời sau than, Kẻ ác, hại đời than, Nó than: "Ta làm ác" Đọa cõi dữ,than hơn. 13. Bà Sumanà Nay sướng, đời sau sướng... Pháp Cú này đức Đạo sư nói lúc ở tại Kỳ Viên tinh xá, liên quan đến bà Sumanaqa. Mỗi ngày có hai ngàn Tỳ-kheo thọ thực tại nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc ở Xá-vệ, và hai ngàn vị tại nhà bà đại thí chủ Tỳ-xá-khư (Visàkhà). Tại Xá-vệ, ai muốn cúng dường, trước hết đều tìm đến hai thiện tín này. Bạn có thắc mắc lý do không? Giá như có ai hỏi bạn: "Liệu ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xá-khư cúng dường có được nhiều bằng của bạn không?" Và nếu bạn trả lời không bằng, thì bạn có thể để ra một trăm ngàn đồng tiền để lo cúng dường, và dầu vậy, các Tỳ-kheo cũng không hoan hỷ, sẽ thầm thì: "Cúng dường kiểu gì vậy?" Sự thật là cả hai vị thí chủ trên biết tường tận khẩu vị của chư Tăng và biết chính xác việc gì phải làm. Vì vậy, tất cả những ai muốn cúng dường đều mời hai vị này cùng đi. Và nếu thỉnh chư Tăng về nhà riêng thì các thí chủ chẳng thể tự mình lo chu đáo được bằng họ. Gặp những trường hợp này, Tỳ-xá-khư đâm ra lo lắng không biết ai sẽ thay bà hộ cho chư Tăng. Bà trông thấy đứa cháu nội và chỉ định cô ta thay thế bà. Từ đó, cháu gái bà Tỳ-xá-khư hộ cho chư Tăng tại nhà bà. Còn ông Cấp Cô Độc thì chỉ định cô con gái lớn Mahà Subhaddà, cô gái này chăm sóc chúng Tăng như lệ thường, lắng nghe pháp, và sau đó chứng quả Dự lưu. Rồi cô ta kết hôn và đến sống với gia đình chồng. Ông Cấp Cô Độc chỉ định cô em là Cullà Subhaddà, và cũng như chị cô chứng quả Dự lưu, và sau đó lấy chồng và đến sống bên nhà chồng. Cuối cùng ông chỉ định cô em út Sumanà. Cô này chứng quả Tư-đà-hàm, nhưng vẫn độc thân. Thất vọng vì không gặp được một người chồng, cô nhịn ăn. Và vì muốn gặp cha, cô cho người mời ông đến.

Ông Cấp Cô Độc đang ở trong phòng ăn khi nhận được lời nhắn tin của con gái. Ông đi đến ngay và hỏi: - Chuyện gì vậy, con gái cưng Sumanà? Sumanà bảo: - Em nhỏ hỏi gì? - Con nói chuyện thật lộn xộn. - Này em nhỏ, tôi không nói lộn xộn. - Con sợ hả, con gái cưng? - Tôi không sợ, em nhỏ. Cô không nói nữa, chết ngay. Dầu đã chứng quả Dự lưu, ông Trưởng giả cũng không chịu nổi sự buồn phiền. Nên vừa chôn cất con xong, ông liền đến Phật khóc lóc. Đức Phật bảo: - Này gia chủ, sao ông đến Ta buồn rầu, đầy nước mắt như vậy? - Bạch Thế Tôn, con gái Sumanà của con đã chết. - Rồi tại sao ông khóc?

Cái chết không đến với mọi người sao? - Con biết, bạch Thế Tôn. Nhưng con gái con quá hiền lành lương thiện, vậy mà khi chết nó không tỉnh táo, lại nói mê sảng. Thật quá đỗi đau buồn! - Nhưng này Trưởng giả, con gái út của ông đã nói gì? - Bạch Thế Tôn, con gọi nó "con cưng Sumanà" và nó trả lời "em nói gì, em nhỏ"; rồi con bảo nó "con nói thật lộn xộn" và nó trả lời "tôi không nói lộn xộn, em nhỏ"... Rồi nó không nói nữa, nó chết. - Này ông Trưởng giả, con ông không nói nhảm đâu? - Nhưng tại sao nó trả lời như vậy? - Chỉ vì ông là "em nhỏ của cô ấy". Này gia chủ, con gái ông lớn về quả vị tu chứng. Trong khi ông chỉ chứng quả Dự lưu, con ông đã chứng Tứ-đà-hàm. Con gái ông lớn về quả vị tu chứng nên nói như vậy. - Lý do là vậy sao, bạch Thế Tôn? - Lý do là Thế, gia chủ. - Bạch Thế Tôn, giờ nó tái sanh ở đây? - Ở cõi trời Đâu-suất. - Bạch Thế Tôn, khi con gái còn sống ở đây với anh em thân thuộc, nó đi lại vui vẻ, và khi ra đi, nó lại tái sinh cõi phước lạc, an vui. Đức Đạo sư bảo ông Cấp Cô Độc: - Đúng như vậy, gia chủ! Người chánh niệm, dù tại gia hay xuất gia, đều an vui đời này và đời sau. Phật đọc bài kệ: (18) Nay sướng, đời sau sướng, Làm phước, hai đời sướng.

Nó sướng: "Ta làm thiện". Sanh cõi lành sướng hơn. 14. Chuyện Hai Huynh Đệ Nếu người nói nhiều kinh... Pháp Cú này Phật dạy lúc trú tại Kỳ Viên liên hệ đến hai vị Tỳ-kheo đồng tu. Tại Xá-vệ có hai chàng trai thuộc hạng khá giả vốn là bạn thân thiết không rời. Một dịp nọ, họ đến tinh xá nghe Phật nói pháp, liền bỏ hết dục lạc thế gian dấn thân vào phật đạo và trở thành Sa-môn. Sau năm năm an cư với các vị thầy hướng dẫn, họ đến gặp đức Đạo sư và hỏi về bổn phận tu tập. Sau khi được nghe trình bày chi tiết về pháp thiền và pháp học, một người nói: - Bạch Thế Tôn, vì con xuất gia khi đã lớn tuổi, con không thể làm tròn pháp học nhưng có thể làm tròn pháp thiền. Vị này được đức Đạo sư hướng dẫn thiền định hướng đến quả vị A-la-hán và ông đã cố gắng phấn đấu, đạt quả vị này cùng với các thần thông. Còn người kia nói: - Con sẽ làm tròn pháp học. Dần dà vị này thuộc hết Tam tạng kinh điển, Phật ngôn. Đi đến đâu ông cũng giảng pháp và đọc tụng. Ông du hành thuyết pháp cho năm trăm Sa-môn, và làm thầy giáo thọ của mười tám hội chúng. Bấy giờ một nhóm Tỳ-kheo được Phật chỉ dạy thiền định đi đến trú xứ của vị sư già chuyên tu thiền định nói trên. Và nhờ tinh tấn tu tập theo lời chỉ bảo của vị ấy họ đã chứng quả A-la-hán. Sau đó, họ đến xá chào Tôn giả Trưởng lão thầy họ và nói: - Chúng con muốn gặp đức Đạo sư. - Hãy đi, các huynh đệ. Cho tôi kính lời thăm hỏi đức Thế Tôn, tám mươi vị Đại Trưởng lão và sư đệ tôi, nói rằng: "Thưa Tôn giả, thầy chúng con xin kính chào". Các Tỳ-kheo đi đến tinh xá, đảnh lễ đức Đạo Sư và các Trưởng lão: "Thưa Tôn giả, thầy chúng con xin kính chào". Khi họ đến chào Tôn giả huynh đệ của thầy họ chuyên về pháp học, vị này nói: - Thầy chư hiền giả là ai? - Thưa Tôn giả, là huynh đệ của Ngài. - Nhưng chư vị học được gì từ ông ấy? có học được kinh nào trong Trường Bộ kinh và các kinh bộ khác? Có học được tạng nào trong ba tạng kinh không? Và Tôn giả này tự nghĩ: "Ông ấy chẳng biết ngay cả bài kệ bốn câu. Vừa xuất gia liền mặc áo giẻ rách, vào rừng rồi tụ tập đông đảo đồ chúng. Khi ông ấy trở về đây mình phải hỏi vài câu mới được." Chẳng bao lâu, vị sư già về thăm đức Phật. Tôn giả gởi y bát nơi người huynh đệ, đi gặp đức Đạo sư và tám mươi đại Trưởng lão rồi trở lại trú xứ của vị huynh đệ. Tỳ-kheo

trẻ tuổi này tiếp đón ân cần như thông lệ, mời ngồi tòa tương đương, và khi đã ngồi nhủ thầm: "Mình sẽ hỏi ông ấy một câu". Đức Đạo sư biết trước "nếu Tỳ-kheo này quấy rầy con của Phật, ông ấy sẽ rơi vào địa ngục". Vì lòng từ, đức Đạo sư giả vờ đi kinh hành quanh xá, đến nơi hai huynh đệ đang ngồi và Phật ngồi vào ghế dành sẵn (bất cứ nơi nào, trước khi ngồi, các Tỳ-kheo đều dành sẵn một chỗ cho đức Phật). Khi đã an tọa, đức Phật hỏi Tôn giả chuyên học tập một câu hỏi về Sơ thiền, vị này trả lời đúng. Đức Phật hỏi tiếp về Nhị thiền, về Bát định, về sắc giới và vô sắc giới... thầy đều đáp đúng cả. Đến lúc đức Phật hỏi về quả Dự lưu, thầy không đáp được. Ngài liền hỏi vị sư già đã chứng A-la-hán và vị này đáp đúng ngay. - Tốt lắm! Tốt lắm! Đức Đạo sư tán thán một cách hoan hỷ. Rồi Ngài hỏi về các quả vị tiếp theo, Tôn giả chuyên học không đáp được lấy một câu, trong khi vị sư già đã chứng A-la-hán trả lờii thông suốt. Đức Đạo sư đều khen ngợi sau mỗi câu trả lời đúng. Nghe lời khen của Phật, tất cả chư thiên từ địa thần đến Phạm thiên, luôn cả long vương và kim xí điểu đều tán thán vang dội. Nghe tiếng tán thán, những đệ tử của Tôn giả trẻ bất bình đức Phật. Họ nói với nhau: - Tại sao đức Thế Tôn làm như vậy? Ngài khen ngợi sau mỗi câu trả lời của ông sư già chẳng biết gì! Còn đối với thầy chúng ta, thuộc lòng toàn bộ kinh điển và đang lãnh đạo năm trăm chúng, Ngài chẳng khen một lời. Đức Đạo sư hỏi họ: - Tỳ-kheo, các ông đang nói gì? Khi họ trả lời, đức Phật dạy: - Trong đạo của Ta, thầy các ông như kẻ chăn bò mướn, còn con của Ta như ông chủ được thọ hưởng năm sản phẩm của bò. Rồi Phật nói bài kệ sau: (19) Nếu người nói nhiều kinh, Không hành trì, phóng dật. Như kẻ chăn bò người, Không phần Sa-môn hạnh. (20) Dầu nói ít kinh điển, Nhưng hành pháp, tùy pháp, Từ bỏ tham, sân si, Tỉnh giác, tâm giải thoát, Không chấp thủ hai đời, Dự phần Sa-môn hạnh.

PHẨM II: KHÔNG PHÓNG DẬT 1. Những Chuyện Luân Hồi Quanh Vua Udena (hay Udayna) Không phóng dật, đường sống... Pháp Cú này do đức Đạo sư nói tại tinh xá Ghosita gần Kosambi, liên hệ đến cái chết của bà Sàmàvatì với năm trăm tỳ nữ và bà Màgandiyà cùng năm trăm thân thuộc. Phần 1: Thời Niên Thiếu Của Udena Một thuở nọ, vua Allakappa cai trị vương quốc Allakappa và vua Vethadìpaka cai trị vương quốc Vrthadìpaka. Họ là bạn thân từ thuở bé, cùng học một thầy. Sau khi phụ hoàng băng hà, họ nối ngôi cai trị vương quốc rộng hơn mười dặm. Họ gặp nhau thường xuyên, ăn cùng mâm ngủ cùng giường. Nhận thấy con người cứ sinh ra rồi lại chết đi, cả hai cùng kết luận rằng sau khi chết ta chẳng đem theo được gì, kể cả xác thân, vậy thì có ích lợi gì nếu sống đời tại gia, ta nên xuất gia. Vì vậy hai vua nhường ngôi cho vợ con và đi tu, sống đời khổ hạnh trong dãy Hy- mã-lạp-sơn. Rồi họ nghĩ từ bỏ ngai vàng, sống đời xuất gia cũng chẳng khó khăn gì, nhưng nếu sống chung thì chưa phải là nếp sống khổ hạnh. Do đó họ sống riêng biệt ở hai ngọn núi, cứ hai tuần vào ngày phát lồ họ lại gặp nhau. Tuy không thường xuyên liên lạc với nhau, họ vẫn biết được bạn mình sống hay chết nhờ mỗi người đều đốt ngọn lửa trên núi cho người kia thấy. Một thời gian sau, tu sĩ Vethadiipaka chết, tái sinh làm con trai Phạm thiên có quyền năng phi thường. Hai tuần sau, Allakappa không thấy ngọn lửa trên núi, biết rằng bạn mình đã chết. Vethadìpaka vừa được tái sinh liền quan sát, tầng trời của mình, xét lại việc làm đời trước, những sự khổ hạnh từ ngày xuất gia, và muốn đi thăm bạn mình. Ngài bỏ lớp

trời, hoá thành một bộä hành đi đến gặp Allakappa, đảnh lễ rồi cung kính đứng một bên. Allakappa hỏi: - Ông từ đâu đến? - Tôi là một bộ hành từ xa đến. Nhưng thưa tôn giả, Ngài ở đây có một mình sao? - Tôi chỉ có một người bạn. - Người ấy đâu rồi? - Ông ta ở trên ngọn núi kia, không thấy đốt lửa vào ngày phát lồ, tôi biết ông ta đã chết. - Tôi chính là bạn Ngài, thưa tôn giả. - Bạn tái sinh ở đâu? - Ở cõi trời, là con trai Phạm thiên có quyền năng phi thường. Tôi trở lại đây để thăm Ngài. Ngài sống ở đây có an ổn không, hay bị quấy rầy? - Tôi rất bực lũ voi. - Tôn giả, chúng quấy rầy gì Ngài? - Tôn vừa quét dọn xong chúng đã đến ị đầy, rồi lại dậm chân tung bụi mù. Phần hốt phân, phần dọn đất, tôi mệt lử.

- Vậy Ngài có muốn đuổi chúng đi không? - Muốn! - Được rồi. Tôi sẽ giúp Ngài. Vethadìpaka cho Allakappa một cây đàn ba dây và chỉ cách đọc ba câu chú để mê hoặc lũ voi: - Đánh dây thứ nhất và đọc thần chú này lũ voi sẽ bỏ chạy, không dám nhìn Ngài một chút nào. Đánh dây thứ hai và đọc thần chú này, chúng cũng sẽ bỏ chạy, mỗi bước mỗi nhìn Ngài. Đánh dây thứ ba và đọc thần chú này, voi đầu đàn sẽ chạy đến cho Ngài cưỡi. Đây, hãy sử dụng theo ý muốn. Nói rồi, Vethadìpaka ra đi. Từ đó vị ẩn sĩ sống yên ổn. Thuở ấy vua xứ Kosambi là Parantapa. Một sáng nọ, vua ngồi phơi nắng sớm với hoàng hậu đang mang thai. Hoàng hậu khoác chiếc long bào đỏ tía của vua đáng giá một trăm ngàn đồng tiền, và đang khi trò chuyện bà tháo ngọc ấn nơi ngón tay vua đáng giá một trăm ngàn đồng vàng, đeo vào tay mình. Ngay lúc ấy, một quái điểu mỏ lớn như vòi voi hay liệng trên không, trông thấy hoàng hậu và lầm bà là một miếng thịt tươi nên dang rộng cánh nhào xuống. Nghe tiếng chim sà xuống, nhà vua bật dậy lao vào cung. Còn hoàng hậu, vừa có thai, vừa chậm chạp yếu đuối không chạy nhanh được, bị chim đâm bổ xuống, dùng vuốt quắp lấy rồi bay vút lên không (Giống chim này mạnh bằng năm con voi, có thể quắp mồi bay đi đến nơi nào tùy ý rồi ăn thịt). Tuy khiếp hãi hoàng hậu vẫn tỉnh táo. Biết rằng nếu la lên, chim sợ tiếng người sẽ buông ra ngay, nhưng lại nguy hiểm cho mình và đứa con trong bụng. Cho nên bà kiên nhẫn chịu đựng, chờ khi chim dđáp xuống sẽ la lớn cho nó sợ bay đi. Quái điểu như thường lệ mang hoàng hậu đặt trên nhánh chĩa ba một cây đa khá lâu năm, có tán che rộng trong dãy Hy-mã-lạp-sơn, vừa trông chừng dưới đất. (Người ta nói loài chim này có thói quen trông chừng con đường dẫn đến cây nó đang ở). Biết đã đến lúc, hoàng hậu đưa tay lên vỗ, hét lớn đuổi chim đi. Đến chiều, trong lúc giông bão nổi lên bốn phía, bà chuyển dạ, yếu quá, gần ngất đi vì đau đớn, chẳng có ai bên cạnh để an ủi. Suốt đêm bà không ngủ. Khi trời sáng dần, mây tan, đứa trẻ ra đời. Vì sinh giữa cơn bão trên đỉnh núi lúc mặt trời mọc, bà đặt tên con là Udena. Cách đó không xa là trú xứ của ẩn sĩ Allakappa. Vào những ngày mưa ẩn sĩ không vào rừng hái vì sợ lạnh, mà thường đi đến gốc cây đa nhặt những mẫu xương thừa của chim, gĩa nhỏ và nấu nước xúp uống. Hôm ấy, Alakappa đi đến gốc cây lượm xương, nghe tiếng trẻ khóc trên cành và nhìn lên thấy hoàng hậu, Ngài hỏi: - Ai đó? - Tôi là một phụ nữ. - Sao bà ở trên ấy? - Con quái điểu mang tôi đến. - Xuống đi!

- Thưa ngài, tôi không dám xuống vì sợ khác giai cấp. - Bà thuộc giai cấp nào? - Giai cấp chiến sĩ. - Tôi cũng vậy. - Ngài hãy đọc khẩu lệnh của giai cấp chiến sĩ. Ẩn sĩ đọc lên, hoàng hậu đồng ý cho ngài leo lên cây đem đứa bé xuống. Vâng lệnh hoàng hậu không

được chạm đến bà, Ngài ẵm đứa bé rồi đặt xuống đất, để hoàng hậu tự leo xuống. Ẩn sĩ dẫn hoàng hậu về túp lều của mình. Ngài săn sóc và phục vụ bà với mật ong, nấu xúp và cháo với lúa đã trồng, mà không phạm giới cấm. Thời gian trôi qua, vì lo sợ bị ẩn sĩ bỏ rơi, phần vì không biết đường đến cả đường về, nên hoàng hậu nảy sinh ý định quyến rũ ẩn sĩ. Và ẩn sĩ đã phạm giới với bà, từ đó hai người chung sống với nhau. Một hôm xem thiên văn, ẩn sĩ thấy sao chiếu mệnh của Parantapa vua xứ Kosambi mờ đi, bèn nói với hoàng hậu: - Này bà, vua xứ Kosambi đã chết. - Tôn giả, sao ngươi nói vậy? Sao ngươi có ác tâm với nhà vua? - Tôi không có ác tâm. Tôi nói vậy vì thấy ngôi sao của vua mờ đi. Hoàng hậu bật khóc. Ẩn sĩ ngạc nhiên hỏi: - Sao bà khóc? Lúc đó hoàng hậu mới cho biết vua Paratapa chính là chồng bà. Ẩn sĩ an ủi: - Đừng khóc. Ai sinh ra cũng đều phải chết. - Tôi biết. - Vậy sao bà vẫn khóc? - Tôi khóc vì buồn cho con tôi, đáng lý phải được nối ngôi, được che lọng trắng. Giờ đây nó chỉ là thường dân. - Không sao, bà đừng lo. Nếu bà muốn nó làm vua, tôi sẽ có cách. Allakappa bèn cho chú bé cây đàn và dạy các câu chú mê hoặc voi. Ngày thứ nhất, chú bé búng sợi dây đàn thứ nhất và đọc câu chú đầu tiên, bầy voi đang tụ tập quan gốc cây đa bỗng chạy hết, không dám nhìn lại một chút nào. Qua ngày hôm sau, chú búng sợi dây đàn thứ hai và câu chú thứ hai, bầy voi chạy đi mỗi bước mỗi nhìn chú bé. và trước khi chỉ dạy câu chú thứ ba, ẩn sĩ bảo hoàng hậu dạy chú bé thông điệp lên ngôi vua: "Con phải nói con là con trai vua Parantapa xứ Kosambi, bị một quái điểu bắt đem đi, rồi con đọc tên tổng tư lệnh quân đội và các đại tướng. Nếu người ta vẫn chưa tin, con sẽ cho họ xem chiếc áo choàng này và chiếc nhẫn ngọc ấn này của cha con". Đến ngày thứ ba, chú bé theo lời ẩn sĩ ngồi trên nhánh cây đa thấp nhất, búng sợi dây đàn và đọc câu chú thứ ba, voi đấu đàn chạy đến cho chú cưỡi lên, chú thì thầm bên tai voi: - Tôi là con trai vua xứ Kosambi. Hãy mang tôi đến ngai vàng của cha tôi. Voi đầu đàn liền rống lên: - Ngàn voi, tập hợp!

Hàng ngàn voi tụ lại. Voi rống lần thứ hai: - Các voi già yếu ở lại! Các voi già yếu bèn rút lui. Voi rống lần thứ ba: - Các voi con ở lại. Các voi con bèn rút lui. Như thế, chú bé ra đi giữa hàng ngàn voi dũng sĩ. Đến một làng biên giới, chú tuyên bố: - Ta là con trai của đức vua, ai muốn ấm no thịnh vượng hãy đến với ta! Rồi chú tiến lên, tuyển thêm quân, bao vây thành phố và gởi thông điệp "Hoặc đánh nhau, hoặc trao ngai vàng". Dân chúng trả lời: - Cả hai là không. Hoàng hậu của chúng tôi bị quái điểu bắt mang đi khi đang có thai. Chúng tôi không biết bà còn sống hay đã chết. Chúng tôi không đánh nhau hay trao ngôi vua cho đến bao giờ được tin tức hoàng hậu. Chú bé liền nói: - Chính ta là con của hoàng hậu. Rồi chú đọc tên vị tổng tư lệnh, tên các đại tướng. Thấy dân chúng chưa tin, chú đưa ra áo choàng và chiếc nhẫn. Dân chúng nhận ra, liền mở cổng thành, tung hô chú bé lên ngôi vua. Phần 2: Thời Niên Thiếu Của Ghosaka Câu chuyện tiền thân - Kotuuhalaka Vứt Con Một thuở nọ, tại vương quốc Ajita xảy ra nạn đói. Một người tên Kotùhalaka không đủ ăn, định đến Kosambi để kiếm sống. Ông cùng con trai nhỏ Kapi và vợ Kali ra đi với một ít lương thực. (Cũng có người nói ông bỏ nhà đi vì dân ở đó đang chết vì bệnh dịch tả). Họ đi mãi cho đến lúc hết lương thực. Sau cùng, đói quá họ không bồng nổi đứa con. Người chồng bảo vợ: - Này bà, nếu chúng ta còn sống thì sẽ có đứa con khác. Hãy bỏ đứa nhỏ lại để đi tiếp. Lòng mẹ lúc nào cũng từ ái nên người vợ trả lời: - Tôi không bao giờ vứt bỏ đứa con còn sống. - Vậy ta phải làm

sao? - Thay phiên nhau ẵm nó. Phiên bà mẹ bồng thì bà đỡ đứa bé như nâng một vòng hoa, ôm vào lòng hoặc mang bên hông. Đến phiên người cha, ông bồng kiểu nào cũng thấy nặng nhọc, khổ sở còn hơn cả cơn đói. Ông cứ lặp đi lặp lại mãi điệp khúc: "Này bà, nếu chúng ta còn sống sẽ có đứa con khác, vứt đứa nhỏ này đi!" Nhưng người mẹ nhứt quyết không chịu. Đứa bé bị bồng tới bồng lui tới một lúc thì quá mệt nên ngủ thiếp trên tay người cha.

Kotuhalaka bèn chậm chân để người mẹ đi trước, rồi lén đặt đứa bé trên đệm lá dưới một cây, và lập tức đi tiếp. Đi một đoạn bà mẹ bỗng quay lại, không thấy đứa bé liền hỏi: - Ông! Con tôi đâu rồi? - Bỏ nó dưới bụi cây rồi! - Trời! Ông đừng có giết tôi Thiếu nó tôi sống sao nổi. Trả con lại cho tôi! Thấy bà đấm ngực khóc lóc, ông chồng phải đi lui tìm đứa bé trao lại cho vợ. (Do một lần vứt con này mà kiếp sau đó, Kotuhalaka bị cha mẹ vứt bỏ bảy lần. Ta chớ có xem thường việc ác và bảo rằng chỉ là việc nhỏ). Tiếp tục cuộc hành trình, họ đến nhà người chăn nuôi gia súc. Hôm ấy có con bò cái đẻ nên chủ nó làm tiệc ăn mừng. Sau khi cúng dường vị Bích Chi Phật thường đến khất thực, ông nấu đãi rất nhiều cháo và xúp. Trông thấy hai người khách lỡ đường và thương xót cho hoàn cảnh của họ, ông bố thì cháo và nhiều bơ sữa. Bà vợ thì đặt bơ sữa lỏng và bánh sữa trước mặt, nhường cho chồng ăn uống thỏa thích sau những ngày đói khổ, còn mình thì ăn chút ít. Ông chồng thì ăn ngốn ăn nghiến vẫn chưa thấy no vì đã nhịn đói sáu bảy ngày trước. Thấy người chăn bò đang dùng bữa, thỉnh thoảng cho con chó cái nằm chực dưới ghế vài muỗng cháo, ông chồng lại khởi tâm thèm muốn, bảo con chó tốt phước được ăn ngon lành và no đủ. Tối đến, ông chồng bị đầy bụng và qua đời, thác sinh vào bụng con chó cái. Người vợ chôn cất chồng xong, ở lại làm thuê cho ấy luôn. Được trả công nửa lít gạo, bà nấu cơm để bát cúng dường vị Bích Chi Phật, hồi hướng phước báo cho con mình. Nghĩ rằng dù có cúng dường hay không, cũng được đặc ân đảnh lễ và hầu hạ vị Bích Chi Phật mỗi ngày, do đó sẽ được phước lành an lạc, bà bèn quyết định ở lại đây luôn. Sáu, bảy tháng sau, con chó cái xinh một chú chó con. Người chủ nhà dành riêng sữa một con bò cho nó. Chẳng bao lâu nó lớn thành một con chó to khỏe. Còn vị Bích Chi Phật mỗi khi thọ thực đều dành cho nó một phần cháo nên nó cứ quấn quýt bên Ngài. Mỗi ngày người chăn bò đều đến viếng thăm vị Bích Chi Phật với con chó theo sau. Trên đường đi, đến một hang thú ông ta thường đập gậy vào bụi cây và dộng gậy xuống đất, kêu lên ba lần "su,su" cho thú sợ. Ngày kia, ông ta bạch với Phật rằng khi nào không đến được sẽ gởi con chó đến tìm, và xin Phật hiểu cho là ông đang mong Ngài đến. Quả nhiên vài ngày sau, ông thấy khó chịu trong mình nên để con chó đến thỉnh Phật. Nghe lệnh chủ, con chó chạy đi. Ngang qua nơi hang thú, chú ta sủa ba lần rồi mới đi tiếp. Sáng sớm, đi vệ sinh xong chú mới vào lều tranh sủa ba tiếng ra mắt vị Bích Chi Phật, rồi nằm về một bên. Biết đã đến lúc, Ngài đứng dạy lên đường. Chú chó chạy phía trước sửa từng chặp. Nhiều lần vị Bích Chi Phật vờ đi nhầm đường để thử chú, nhưng lần nào chú cũng biết, đứng chận lại sủa vang, ra dấu cho Phật đi đường khác. Một hôm, chú cũng cản lại khi Phật đi nhầm đường, nhưng lần này Phật không trở lui, chỉ lấy chân đẩy nó ra rồi đi tiếp. Chú chó liền cắn tà áo trong của Phật và kéo trở lui cho đến khi Ngài đi đúng đường. Chú quả là trung thành và nhiệt tình với Phật.

Rồi đến một ngày y Phật rách, người chăn bò cúng dường vải để may y mới, và Phật phải đi đến chỗ khác để nhờ may giúp. Ngài bay lên không về hướng Gandhamadana. Chú chó sủa và chu lên cho đến khi bóng Ngài khuất dần, rồi vỡ tim ngay đó. (Người ta thường nói loài vật sống chơn chất không biết lừa dối, còn con người tâm một đường miệng một nẻo. Vì vậy Thế Tôn có dậy một Sa-môn: "Lòng người khó lường còn loài thú lại đơn giản"). Chú chó chết đi, do lòng ngay thẳng trung hậu, tái sinh lên cõi trời ba mươi ba với một ngàn thiên nữ tùy tùng, hưởng phúc lạc vô kể. Vị trời này chỉ cần thì thầm âm thanh đã vang xa mười sáu dặm. Khi nói năng bình thường khắp cõi trời rộng ngàn dặm đều nghe (Đó là do thân chó kiếp trước đã sủa và chu vì thương mến vị Bích Chi Phật). Ở tầng trời ba mươi ba không còn lâu, vị này mạng chung (Chư thiên mạng chung do bốn nguyên nhân: mạng tận, phước tận, thực phẩm tận và sân hận. Nếu nhiều phước, ở tầng trời này đủ hạn kỳ rồi sanh thiên cao hơn nữa, đó là "mạng tận". Nếu ít phước, giống như một, hai lít gạo bỏ vào kho chẳng nhằm đâu cả, không bao lâu sẽ chết, gọi là "phước tận". Trường hợp thứ ba, vị trời ham hưởng lạc, quên cả ăn uống, sức khoẻ suy sụp và chết, đó là "thực phẩm tận". Thứ tư là do ganh tỵ với sự sáng chói của vị khác, sân hận mà chết). Câu chuyện hiện tại - Bảy Lần Ghosaka Bị Vứt Bỏ Ghosaka, tiền kiếp là chú chó, ở cõi trời Ba mươi ba thụ hưởng lạc thú quên cả uống nên mạng chung, thác sinh làm con một kỹ nữ ở Kosambi. Vừa lâm bồn, cô ta đã hỏi ngay nàng hầu là trai hay gái. Biết là con trai cô ra lệnh bỏ đứa bé trong cái giỏ cũ, đem vất ngoài đống rác. (Kỹ nữ chỉ nuôi con gái vì sẽ kế nghiệp họ).Qụa và chó xúm quanh nhưng do phước báo kiếp trước, chẳng con nào làm hại đứa bé. Lúc đó có người đi đến, thấy chuyện lạ, tiến lại xem, gặp đứa bé trai liền thương ngay và nhặt lên mang về nuôi. Hôm đó viên chưởng khố ở Kosambi vào cung vua gặp thầy tế lễ xem thiên văn cho biết là một bé trai ra đời hôm nay sẽ thành vị chưởng khố trọng yếu. Lúc bấy giờ vợ viên chưởng khố đang có mang gần ngày sinh, nhưng hôm đó thì chưa sinh. Viên chưởng khố bèn gọi một bà nô lệ tên Kàkì cho một ngàn đồng tiền, bảo đi lùng khắp thành tìm đứa bé vừa mới sinh ra hôm nay đem về gấp. Bà nô lệ sục sạo khắp nơi. Khi đến nhà đứa bé vừa được lượm về, bà liền trả giá, từ một xu rồi tăng dần đến một ngàn đồng tiền thì xin được đứa bé mang về cho viên chưởng khố. Ông ta nuôi đứa bé trong nhà, định bụng nếu sau này con mình là gái sẽ cho nó làm rễ để nối nghiệp chưởng khố, nếu là trai sẽ giết đứa bé đi. Ít ngày sau vợ ông hạ sinh một bé trai. Ông bèn bảo Kaalii mang đứa bé nuôi để ngay lối vào chuồng bò vào giờ bò đi ăn, để chúng giẫm chết nó. và còn dặn thêm xem kỹ nó chết rồi hãy về báo cho ông. người nô lệ làm y theo lời ông dặn.Ngay khi cửa chuồng vừa mở, con bò đực đầu đàn xông ra trước tiên, khác với thường lệ là nó đi sau rốt. Đến chỗ đứa bé, nó dùng bốn chân che kín lại và đứng yên ở đó. Hàng trăm con bò lần lượt đi

ra hai bên, chạm sát vào sườn nó. Quanh cảnh này không lọt khỏi cặp mắt người chăn bò đang đứng gần đấy. Ông đi đến gần, ngạc nhiên thấy đứa trẻ nằm ngay chân bò. Ông thấy thương nó ngay và liền mang về nuôi. Kaalii thấy hết từ đầu đến cuối, trở về kể rõ tự sự cho viên chưởng khố. Ông lại bảo Kaalii đi gặp thằng chăn bò, cho một ngàn đồng tiền để bắt đứa bé lại. Tiếp theo ông ra lệnh cho Kaalii mang đứa bé đặt nơi bánh xe bò, vì biết rằng sáng mai năm trăm cỗ xe này sẽ lên đường đi một chuyến buôn xa,

mấy con bò không dậm chết nó thì bánh xe cũng nghiến nát nó. Và ông không quên dặn Kaalii phải xem thằng bé chết ra sao rồi mới về báo cho ông. Sáng sớm trưởng đoàn buôn đến tròng ách vào cổ bò và thúc chúng bước đi. Nhưng chúng vùng ra không chịu đi. Mấy lần như thế cũng không được, ông vật lộn đàn bò cho đến mặt trời mọc. Ông thắc mắc không hiểu tại sao, chợt nhìn xuống đường thấy đứa bé nằm ờ đó. Ông bế lên, lòng vui mừng vì được một đứa con trai. Kaalii vẫn theo dõi từ nãy giờ, lúc này mới trở về báo tin cho viên chưởng khố. Ông lại bảo Kaalii đến gặp trưởng đoàn buôn đưa một ngàn đồng tiền để chuộc lại thằng bé, rồi quăng nó trong lùm cây nơi bãi thiêu cho chim thú ăn thịt hay ma quỷ giết nó. Kaalii lại mang đứa bé đi, nhưng chẳng có con thú hay ma quỷ nào làm hại đứa bé vì qủa báo đời trước đã che chở cho nó. Chợt có một đàn dê đi qua bãi thiêu. Một chị dê đi len trong lùm bụi ăn lá cỏ, thấy đứa trẻ liền quỳ xuống cho bú. Người chăn dê gọi mãi chị ta vẫn không chun ra. Cuối cùng chủ nó phải cầm gậy xông vào và bắt gặp đứa trẻ, hớn hở đem về. Đến lần này đứa trẻ vẫn chưa yên vì viên chưởng khố vẫn chưa chịu thua. Kaalii lại được lệnh chuộc nó từ người chăn dê và leo lên ngọn Dốc Đá Cướp ném nó xuống sườn núi, nó sẽ va vào vách đá rồi rớt xuống khe núi tan xác. Nhưng dọc sườn núi lại có một bụi tre dày và trên chót núi nhiều bụi gunjà bao phủ. Đứa bé rơi xuống ngay giữa đám tre như trên một nệm lông dê. Ngày hôm đó, người trưởng nhóm đánh tre vừa nhận một mối bán tre hời. Và khi ông cùng con trai lia dao vào bụi tre định chặt thì đứa bé bị tre lay động bật khóc. Ông ngạc nhiên nghe sao giống tiếng trẻ khóc, vội trèo lên xem thì thấy ngay một đứa con trai. Ông lại hân hoan mang về nhà. Kaalii lại đi chuộc đứa bé một lần nữa. Cho đến lần này đứa bé vẫn sống mạnh khỏe đến lớn, tên nó là Ghosaka, nhưng cũng còn là cái gai trước mắt viên chưởng khố. Ông vẫn tìm mọi cách để giết cậu bé. Lần này ông đích thân đến gặp người bạn làm nghề gốm, đưa trước một ngàn đồng tiền và dặn dò như sau: - Tôi có một đứa con tư sinh và sẽ gởi nó đến cho anh. Cho nó vào một phòng kín lấy búa bén băm nó ra thành từng mảnh rồi thảy vào lò nung đốt hết. Đây là một ngàn đồng tiền như đã giao hẹn. Việc xong tôi sẽ thưởng thêm cho anh xứng đáng. Thợ gốm đồng ý. Về nhà, viên chưởng khố gọi Ghosaka sai đến thợ gốm. - Hôm qua ta có nhờ thợ gốm làm một ít việc cho ta. Hãy đến bảo ông ấy hoàn tất công việc cha tôi đã giao hôm qua. - Thưa vâng.

Và Ghosaka lên đường. Rời khỏi nhà một quãng anh ta gặp con trai viên chưởng khố đang chơi bắn bi với chúng bạn. Nó chận Ghosaka lại hỏi.

- Mày đi đâu vậy?

- Tôi mang lời cha đến cho người thợ gốm.

- Để tao đi! Mấy đứa này ăn hết tiền của tao, mày đánh ăn lại cho tao.

- Tôi sợ cha lắm!

- Đừng sợ, tao sẽ nói cho. Tao đã thua nhiều tiền rồi, mày chơi cho đến lúc tao trở về, ráng ăn lại số tiền của tao.

Ghosaka bắn bi rất giỏi nên anh nuôi nó cứ nài nỉ mãi. Cuối cùng Ghosaka bằng lòng. Vậy là chính con đẻ của chưởng khố chuyển lời đến thợ gốm, và đúng như lệnh giao hẹn anh ta giết người đưa tin rồi ném thây vào lò nung.

Ghosaka chơi bi suốt ngày, chiều mới về. Viên chưởng khố ngạc nhiên hỏi ngay:

- Mày về đó ư?
Ghosaka liền kể lại tự sự. Chưởng khố tái nhợt như mất hết máu, gầm lên;
- Trời ơi! Khổ tôi chưa!
Rồi ông tức tốc đi đến thợ gốm, vặn vẹo đôi tay rên rỉ:
- Thợ gốm ơi! Ông giết tôi mất rồi! Tôi chết mất! Tôi chết mất!
Thợ gốm thấy ông hốt hoảng như vậy vội trấn tỉnh ông;
- Thưa Ngài, đừng làm ồn. Công việc xong rồi.
Đau buồn như một trái núi úp chụp xuống, viên chưởng khố phải gánh chịu sự đau khổ cùng cực như tất cả những ai đã làm hại người vô tội.
Vì vậy đức Thế Tôn dạy:
(137) Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác, người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.
(138) Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm
(139) Hoặc tai vạ từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.
(140) Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiên đốt.
Khi thân hoại mạnh chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.
Viên chưởng khố không thể nào nguôi ngoai nổi khi thấy mặt Ghosaka, nên cứ phải tìm cách giết cậu ta. Lần này ông sai cậu mang lá thư đến người quản lý trăm ngôi làng của ông, trong thư ông dặn giết cậu ta rồi liệng xuống hầm phân. Lá thư được cột nơi viền áo của Ghosaka. Cậu ta không biết chữ vì từ khi chào đời đến khôn lớn viên chưởng khố luôn âm mưu giết cậu, nên cậu không được đi học. Và với lệnh giết mình, cậu xin cha lương thực để lên đường. Người cha ác nghiệt của cậu bảo rằng trên đường đi, ở làng đó làng đó có người bạn của ông cũng làm quản khố, và hãy ăn ở đó rồi đi tiếp. Đến làng đó, Ghosaka hỏi nhà người quản khố và gặp được bà vợ. Biết đó là con trai của bạn mình, bà có cảm tình ngay với chàng trai. Viên quản khố này có cô con gái chừng mười lăm mười sáu tuổi, xinh đẹp tuyệt vời. Để giữ tiếng tốt và an toàn cho con, hai ông bà cho cô ở trên tầng cao nhất trong toà lâu đài bảy tầng, cung vi lộng lẫy như trong hoàng cung với một nàng hầu. Hôm đó, cô gái sai nàng hầu đi chợ. Giữa đường nàng hầu gặp bà mẹ và được bà nhờ trải chỗ ngồi cho Ghosaka, rửa chân và xức dầu rồi trải giường cho chàng. Nàng hầu đi chợ về trễ, bị cô chủ rầy, phải kể lại việc hầu hạ

Ghosaka. Nghe đến tên chàng trai, cô gái thương ngay thấu tận xương tủy tim gan. Cô chính là vợ của Kotùhalaka kiếp trước, nhờ cúng dường vị Bích Chi Phật được phước báo sanh vào nhà viên quản khố giàu có. Do đó lòng luyến ái kiếp trước sống lại. Đức Thế Tôn có dạy; Do liên hệ đời trước, Hay lợi lộc hôm nay, Lòng mến thương bừng dậy, Như hoa vươn mặt hồ. Cô hân hoan hỏi thăm về chàng trai. Khi được biết chàng trai đang nằm ngủ với lá thư nơi viền áo, cô lén đi xuống gỡ lấy lá thư mang về phòng, đóng cửa lớn, mở cửa sổ và đocï thư. Xem xong cô gái buột miệng: - Ố! Anh chàng ngốc, ra đi với lệnh giết mình buộc nơi áo. Nếu mình không lén đọc thư trước chắc hẳn anh ta sẽ bị giết. Rồi cô xé phăng lá thư, viết một cái khác, nhại giọng viên chưởng khố: "Đây là Ghosaka con tôi. Hãy kiếm lễ vật từ trăm ngôi làng của ta cho nó. Sửa soạn lễ cưới cho nó với con gái viên quản khố vùng này. Xây một ngôi nhà hai tầng ngay giữa làng cho hai vợ chồng mới ở, có tường vách bao quanh và người canh gác bảo vệ cẩn thận. Xong việc, hãy báo tin cho ta rằng đã làm đúng như vậy, ta sẽ hậu thưởng xứng đáng". Xong, buộc lá thư vào viền áo chàng trai như cũ. Ngủ nguyên một ngày, Ghosaka thức dậy, ăn uống, lấy lại sức rồi đi tiếp. Sáng hôm sau chàng đến ngôi làng nơi viên quản lý trăm ngôi làng của cha nuôi cư ngụ. Chào hỏi xong, chàng trao ngay bức thư của viên chưởng khố. Viên quản lý xem thư xong reo lên mừng rỡ, và ra lệnh cho gia nhân chở gỗ và các vật liệu xây dựng khác đến cất một ngôi nhà hai tầng ngay giữa làng như lời dặn trong thư. Rồi ông mang lễ vật của trăm

ngôi làng đến nhà viên quản khố cách đó không xa để xin làm lễ cưới. Đồng thời ông cũng báo tin cho viên chưởng khố thành phố biết là đã làm đúng như vậy. Viên chưởng khố nhận được tin xây nhà và cưới vợ cho Ghosaka muốn bật ngửa, chỉ còn biết than thầm: "Mưu sự tại nhơn, thành sự tại thiên!" Phần rầu buồn vì con chết, phần đau tức kế mưu sụp đổ, lòng ông lúc nào cũng như lửa đốt, và còn sinh ra chứng tiêu chảy. Ông vẫn không hạ được cơn tức tối về Ghosaka: "Bằng mọi giá ta không để cho thằng khốn nạn này thừa kế gia sản". Và ông sai viên thư lại phái người đi gọi Ghosaka về. Cô gái viên quản khố, bây giờ là vợ của Ghsaka, đã dặn trước đám gia nhân khi có ai từ viên chưởng khố thành phố đến, hãy báo cho cô ta biết trước khi nói với Ghosaka. Vì thế khi người của viên thư lại đến, cô liền chận lại hỏi thăm. Người này thật thà cho biết là viên chưởng khố bệnh tình chưa trầm trọng, ăn uống cũng còn được, và xin gặp Ghosaka để chuyển lời cha chàng bị bệnh muốn gặp chàng. Cô vợ không để cho Ghosaka biết, ra lệnh cung cấp cho người này chỗ ở và tiền công, và bảo y ở lại đi, khi nào cô ta sai y hãy đi. Viên chưởng khố đợi mãi chẳng thấy người nhắn tin về, hỏi viên thư lại, cũng không có tin tức gì, bèn phái thêm người đi nữa. Cô vợ làm y như trước. Khi người thứ ba đến, biết tin rằng viên chưởng khố bệnh đã nặng, không ăn uống nằm liệt giường, phải đổ bô luôn, cô liền cho Ghosaka hay và khuyên chàng mang phẩm vật từ trăm ngôi làng về thăm cha. Nhưng khi phẩm vật được chở tới quá nhiều, nếu chất hết mọi thứ lên xe cùng đi e chậm trễ, do đó cô gái bảo chồng nên để lại nhà, chỉ có hai vợ chồng đi, và không quên dặn rằng: "Anh nhớ đứng đằng chân cha, còn em sẽ đứng bên gối nằm của ông". Và khi vào nhà cô ra lệnh cho gia nhân của mình đứng canh cả phía trước và phía sau nhà. Viên chưởng khố đang nằm trên giường bệnh, có viên thư lại chà xát bàn chân, và báo cho ông là con trai và dâu đã về. Khi biết rằng Ghosaka

đang đứng dưới chân mình, ông gọi viên thủ quỹ đọc cho ông nghe số tài sản và lợi tức của mình như sau: "Tiền mặt là bốn trăm triệu đồng. Còn dụng cụ và đồ giải trí, những ngôi làng, đất ruộng, người hầu, súc vật, xe bò, xe ngựa, tổng cộng là chừng ấy, chừng ấy..." Viên chưởng khố nghe qua, định nói: - Tất cả tài sản này ta không cho con trai ta Ghosaka. Nhưng lại nói: - Ta cho. Cô vợ Ghosaka nghe xong, nghĩ rằng nếu để ông ta nói lại lần nữa, e sẽ khác đi. Vì thế cô giả vờ như quá đau buồn, bứt tóc kêu khóc: - Cha thân yêu, cha nói thật chứ? Dù vậy chúng con cũng thật là bất hạnh khi nghe những lời của cha.

Rồi với vẻ sầu khổ cùng cực cô ngã lên người ông, đập đầu vào ngực ông, lại lăn đầu ngay giữa ngực ông khiến ông không thể nói thêm được nữa. Viên chưởng khố chết trong lúc ấy. Người ta đi báo tin cho vua Udena biết. Vua tổ chức tang lễ xong liền hỏi về con cái của viên chưởng khố. Biết ông ta có một người con trai là Ghosaka và đã giao hết tài sản, vua triệu anh ta đến. Ghosaka vào cung. Vua nhìn anh qua cửa sổ, thấy anh nhảy qua các vũng nước. Rồi vua an ủi anh và ban chức chưởng khố thành phố cho anh. Anh cảm tạ vua rồi ra về. Vua lại đứng nhìn anh rời cung điện. Lần này, anh không nhảy qua vũng nước mà lội qua một cách tề chỉnh. Vua ngạc nhiên, truyền gọi anh ta lại hỏi; - Này Ghosaka! Có đúng là khi đến đây ngươi nhảy qua vũng nước, còn lúc trở về thì nghiêm chỉnh bước qua? - Tâu bệ hạ, quả như vậy. - Tại sao vậy? - Tâu bệ hạ, khi bước vào hạ thần vẫn còn là một chú thanh niên ham chơi, nhưng bây giờ đã được bệ hạ ban cho chức tước, thần phải dẹp bỏ những ưa thích cũ và phải cư xử nhã nhặn, đàng hoàng. Vua nghe nói, đẹp dạ, liền phong chức cho anh ta ngay. Anh được thừa hưởng gia sản trước đây của cha nuôi với địa vị chưởng khố và trăm ngôi làng. Sau này, một dịp nọ, cô vợ Ghosaka mới tiết lộ cho bà vú Kaalii về việc tráo lá thư để cứu mạng Ghosaka, và từ đó mới có được vinh quang như hôm nay. Sẵn dịp đó, vú Kaalii mới khai ra Ghosaka đã bị cha nuôi mưu hại bảy lần như thế nào. Khi chồng về, cô vợ thuật lại hết câu chuyện, nhưng anh ta không tin bèn đi hỏi bà vú. Nghe kể lại tự sự, Ghosaka bàng hoàng cả người và thấy mình quả có phước đức mới thoát khỏi bảy lần chết khủng khiếp. Do đó anh ta tự hứa với lòng là sẽ không sống đời phóng dật nữa, mà cố gắng chuyên tâm chánh niệm. Anh không quên bố thí cho người nghèo khó mù loà một ngàn đồng mỗi ngày, và giao cho người quản lý thuở trước việc đó. Phần 3: Thời Niên Thiếu Của Saamaavatì Tại thành phố Bhaddavatì có viên chưởng khố tên là Bhaddavatiya, vốn là bạn chưởng khố Ghosaka. Họ chưa hề gặp mặt, chỉ kết bạn vì nghe thương buôn qua lại giữa hai thành phố ca tụng tuổi tác và tài sản hai bên, và từ đó họ trao tặng phẩm vật cho nhau. Về sau, bệnh dịch tả hoành hành trong nhà Bhaddavatiya. Trước hết là ruồi, côn trùng chết, rồi lần lượt chuột, gà vịt, heo bò, nô lệ trai và gái, cuối cùng là người trong gia đình. Bhaddavatiya cùng vợ và con gái, nhờ phá tường chạy trốn nên thoát chết. Họ nhắm hướng Kosambi định tìm đến Ghosaka. Dọc đường lương thực khô cạn, họ kiệt sức vì đói khát và phải phơi mình dưới nắng gió. Vất vả lắm họ mới đến được Kosambi. Sau khi tắm xong trong một hồ nước họ thấy dễ chịu, rồi vào nghỉ trong nhà trạm ở cổng thành. Viên chưởng khố kể cho vợ con biết là bạn của ông, viên chưởng khố tại đây, mỗi ngày đều phân phát một ngàn đồng tiền cho kẻ nghèo khó mù loà, và ông quyết định ở lại đây vài ngày, cho con gái đến chỗ bố

thí xin thức ăn về, lấy lại sức rồi mới đi gặp bạn.

Thế là cô gái nhà giàu, hết cả kiêu hãnh trong cơn hoạn nạn, cố giấu xấu hổ, cầm bát đi với đám dân nghèo xin ăn. Người ta hỏi cô xin mấy phần. Lúc đầu cô xin ba phần, ngày hôm sau cô xin hai phần, và hôm sau nữa chỉ còn có một phần. Ngày đầu tiên cha cô được mẹ cô an ủi và nài nỉ mãi mới chịu ăn của bố thí đó, nhưng vẫn không tiêu nổi, do đó sáng sớm hôm sau ông qua đời. Rồi hôm sau đến lượt mẹ cô cũng bỏ cô mà đi theo cha. Còn lại một mình, cô gái nằm lăn khóc lóc than van cho số phận bất hạnh và cảnh đời bất trắc của mình. Nhưng cơn đói cào cấu ruột gan đã khiến cô ngồi dậy, vừa khóc vừa đi theo đoàn ăn mày xin cơm. Người quản lý Mitta nhớ rằng cô gái đã nhận thức ăn ba ngày liên tiếp, nên nạt đùa: - Hỏng! Thứ đàn bà tồi! Rốt cuộc hôm nay mày đã biết cái bụng mày chứa được bao nhiêu chưa? Vốn con nhà thế phiệt, lại hiền lành nhút nhát, cô nghe như bị kim châm muối xát. Cô chỉ biết nghẹn ngào hỏi: - Thưa Ngài, vậy nghĩa là sao? - Hôm kia mày lấy ba phần, hôm qua lấy hai, còn hôm nay chỉ lấy một. Vậy là đến hôm nay mày mới biết bụng mày chứa được bao nhiêu cơm. - Thưa Ngài, không phải tôi lấy những phần ấy cho tôi. - Vậy tại sao mày lấy? - Hôm kia tôi có ba người, hôm qua có hai, bây giờ chỉ còn một mình tôi. - Cô gái kể lại câu chuyện từ đầu đến cuối. Mitta nghe xong không cầm được nước mắt. Ông bảo cô gái, lòng đầy trắc ẩn: - Con thân yêu, trước đây con là con gái của Bhaddavatiya, nhưng từ nay trở đi con là con gái của ta. Một hôm cô nhận thấy chỗ phân phát thức ăn luôn ồn náo, bèn góp ý với cha nuôi làm lối đi từ hai cổng ra vào đến chỗ phát thức ăn, có hàng rào bao quanh. Người ta sẽ vào bằng cửa này, lãnh thức ăn xong ra bằng cửa kia lần lượt theo lối đi, như vậy sẽ trật tự và êm thắm. Cha cô bằng lòng và cho thi hành. Từ đấy cô gái vốn tên là Sàmà, nay thêm Vatì nghĩa là hàng rào. Chưởng khố Ghosaka lâu nay đã nghe quen tiếng ồn náo nơi phân phát thức ăn, và cũng thích thú xem đó là sinh hoạt trong nhà ăn của mình. Hôm nay lại im lặng, ông ngạc nhiên hỏi quản lý Mitta, và nhờ đó được biết con gái mồ côi của Bhaddavatiya bạn mình. Ghosaka liền nhận cô gái làm con nuôi. Vào ngày lễ hội trong thành, các tiểu thư con nhà vọng tộc được phép ra ngoài tắm sông. Và khi Saamaavatii, con gái nuôi của Ghosaka cùng năm trăm tỳ nữ đi tắm, ngang qua cung điện, lọt vào mắt vua Udena, nên được lệnh tiến cung. Ban đầu Ghosaka không tuân lệnh vì sợ mang tiếng là bạc đãi con gái nuôi, nhưng sau bị vua niêm phong hết nhà cửa và chính Sàmàvatì bằng lòng, ông mới vâng lệnh thánh chỉ. Từ đó nàng trở thành hoàng hậu.

*

Phần 4: Udena Được Vaasuladattà Vua Udena còn có một thứ phi khác là Vàsuladattà con gái của vua Canda Pajjota xứ Ujjeni. Câu chuyện như sau: Một hôm, từ hoa viên trở về, vua Canda Pajjota nhìn ngắm vẻ đẹp rực rỡ của mình rồi hỏi đám cận thần: - Còn có ai đẹp đẽ rực rỡ như ta chăng? Họ đáp: - Vua Udena xứ Kosambi rực rỡ hơn bội phần. - Vậy thì hãy bắt ông ta làm tù binh. - Không bắt hắn được đâu, tâu bệ hạ. - Sao vậy? - Vì ông ta biết cách dẫn dụ loài voi. Có thể đuổi voi đi hay bắt voi lại tuỳ ý bằng cách đọc chú và chơi đàn. Không ai có nhiều voi cưỡi như Udena. - Vậy là không thể bắt được ông ta sao? - Nếu bệ hạ nhất quyết muốn bắt, hãy làm một con voi bằng gỗ, đưa đến

gần vua Udena, lại tạo thêm tiếng ngựa hí, vua sẽ đi ra xa để xem là voi hay ngựa, và sẽ bị bao vây, lúc đó Ngài có thể bắt vua. - Quả là diệu kế! Rồi vua cho làm một con voi máy bằng gỗ, bọc vải và sơn thật khéo, xong mang đặt trên bờ hồ gần xứ của kẻ thù mình. Trong bụng voi có sáu mươi người đi tới lui. Thỉnh thoảng họ xúc những xẻng phân voi đổ ra ngoài. Một tiều phu trông thấy voi, liền tâu lên vua Udena. Vua và đám tuỳ tùng liền theo tiều phu đi xem voi. Đường đi của họ đều bị gián điệp theo dõi và báo tin cho vua Canda Pajjota, và một toán quân được phái đến sát bên Udena, nhưng không để cho vua biết. Rồi Udena gảy đàn và đọc thần chú thâu phục voi, nhưng không kết quả. Voi được những người núp trong bụng điều khiển, chạy như vũ bão như không hề nghe bùa phép. Vua thúc ngựa phi nước đại để cố theo kịp voi, nên quân lính bị rớt lại đằng sau xa lắc. Khi chỉ còn một mình, người của Canda Pajjota, mai phục sẵn hai bên, ùa ra bắt Udena. Quân lính của Udena thấy vua mình bị sa vào tay kẻ thù, bèn xây một doanh trại ngay bên ngoài xứ ujjeni và ở lại đó. Canda Pajjota bắt sống và bắt giam kẻ thù xong, mở tiệc ăn mừng ba ngày. Udena nằm trong ngục tối đến ngày thứ ba đánh bạo hỏi người gác ngục. - Này anh, vua của anh ở đâu? - Đang chè chén say sưa thì bắt được kẻ thù. - Vua của anh hành động chẳng khác gì đàn bà. Hắn đã bắt được ta một là tha hai là giết đi, lẽ nào đã làm nhục ta mà chè chén say sưa nữa! Gác ngục đi báo và nhà vua liền đến hỏi Udena:

- Có phải mi đã nói...như thế, như thế? - Vâng, đại vương. - Tốt lắm, ta sẽ tha ngươi nếu như ngươi chịu trao bùa chú cho ta. - Đồng ý, nhưng khi Ngài nhận bùa chú, ngài có chịu lễ kính ta không? - Lễ kính ngươi à, không! - Thế thì ta sẽ trao cho Ngài. - Ta sẽ hành hình ngươi. - Ta không sợ, vì Ngài chỉ làm chủ thân xác ta chứ không làm chủ tâm hồn ta. Nghe Udena trả lời bướng bỉnh như thế, nhà vua bối rối không biết làm sao để đoạt được phù phép. Bỗng vua nghĩ ra một kế, liền bảo: - Người bảo ta sẽ tiết lộ bài chú cho người nào lễ kính ngươi phải không? - Vâng đại vương. - Tốt lắm. Trong nhà ta có một mụ lưng gù. Bà ta sẽ ngồi sau bức màn đề nghe ngươi dạy thần chú. - Gù hay què gì cũng được, miễn là lễ kính ta thì ta dạy thần chú. Rồi nhà vua đến gặp công chúa Vàsuladattà. - Con cưng, có một người cùi biết được câu thần chú linh nghiệm và qúi báu. Con hãy ngồi bên trong bức màn đề hắn dạy con thần chú. Con nên học với hắn vì cha không muốn ai khác biết, rồi cha sẽ học lại với con. Sở dĩ nhà vua phải bịa ra gù lưng và cùi hủi vì sợ hai người yêu nhau. Một hôm, đến một câu chú sao đó mà Vàsuladattà không thể đọc lại cho đúng, dù Udena đã lặp đi lặp lại nhiều lần. Tức quá Udena la lên: - Đồ gù đần độn! Môi dày mo, má chư bự! Mi đáng nhận mấy cái tát! Vàsuladattà cũng giận dữ không kém: - Đồ hủi hung tợn! Mi nói gì? Dám gọi ta là đồ gù hả? Udena ngạc nhiên, vén màn lên và hỏi: - Cô là ai? - Tôi là công chúa Vàsuladattà. - Cha cô bảo với tôi cô là người gù lưng. - Còn ông, vua nói là bị cùi. Rồi cả hai đồng nói một lượt: - Vua nói thế vì sợ chúng ta yêu nhau. Và quả như thế, tình yêu đến, nên từ đó trở đi họ hết học hết dạy. Nhà vua không biết, thỉnh thoảng lại hỏi con gái: - Này con, con đang học bài hả? Công chúa tỉnh bơ đáp: - Vâng thưa cha. Ngày kia, Udena bảo với người yêu rằng một người chồng có thể làm được những việc mà cha, mẹ, anh, chị không làm được, và nếu nàng cứu được Udena thì sẽ được ban

năm trăm người tùy tùng và phong làm hoàng hậu. Công chúa bằng lòng và đến gặp cha xin mở cửa và một con voi để cưỡi vì cần đi ra ngoài ban đêm, theo sự chỉ dẫn của các tinh tú, tìm một loài dược thảo dùng trong chú thuật. Vua thuận cho, và họ được phép đi lúc nào tùy ý. Lúc bấy giờ vua có năm vật chuyên chở: một voi cái tên Bhaddavatì có thể đi năm mươi dặm một ngày, một nô lệ tên Kàka có thể đi sáu mươi dặm một ngày, hai ngựa cái Celakanthì và Munjakesì có thể đi một trăm dặm một ngày và một voi tên Nàlàgiri có thể đi một trăm hai mươi dặm một ngày. Chuyện quá khứ - Canda Pajjota Được Năm Vật Chuyên chở Hình như trước khi Phật hiện tại ra đời nhà vua đã là nô lệ cho một Trưởng giả. Có lần trưởng giả đi ra ngoài thành tắm, trở về gặp một vị Phật Độc Giác khất thực trong thành trở ra, với bình bát sạch như lau, bèn hỏi: - Bạch Tôn giả! Ngài có nhận được gì không? - Tôi đã đi một vòng và giờ ra khỏi thành, đạo hữu ạ. Ngài không trả lời ngay câu hỏi mà nói ra điều không hỏi, nhưng vẫn có nghĩa là không nhận được thức ăn. Nhìn vào bình bát, thấy trống không, Trưởng giả thỉnh Ngài đợi một lát rồi vội vã về nhà. Lúc bấy giờ áp lực xấu ác của Marà trùm khắp thành, nó còn giả dạng đến hỏi Ngài sao không nhận được thức ăn và khuyên Ngài trở lui. Nhưng Ngài đã quyết chí không trở lui, vì biết rằng một lần nữa Marà sẽ dùng quyền lực sai khiến dân cư reo hò và chọc phá Ngài. Thấy nhà có thức ăn sẵn, Trưởng giả vội bảo tên hầu chạy hết sức mình đến gặp Phật và lấy bình bát mang về gấp. Trưởng giả để thực phẩm đầy bát xong, lại bảo tên hầu tức tốc mang bát giao lại cho Phật, với lời hứa rằng sẽ nhường cho anh ta công đức này. Tên hầu đi và về mau như tên bắn, và khi đưa bát cho Phật đã bạch rằng: - Bạch Tôn giả, trong thời gian ngắn con đã đi và về nhanh hết sức mình. Do phước báo của sự nhanh nhẹn này, con mong rằng sẽ được năm vật chuyên chở có thể đi năm mươi, sáu mươi, một trăm và một trăm hai mươi dặm một ngày. Thời gian đi và về đó thân con hun nóng dưới tia nắng mặt trời. Do phước báo việc làm này con mong rằng dù tái sanh ở nơi nào, con cũng sẽ được quyền lực bằng sức mạnh những tia nắng mặt trời. Chủ con đã nhường công đức của sự cúng dường này, do phước báo đó con mong được dự phần vào giáo pháp Ngài đã ngộ. Phật hứa khả: - Sẽ được vậy. Và Ngài nói kệ: Mong mọi sở nguyện thí chủ Được thành tựu tốt đẹp Mong mọi sở nguyện thí chủ Viên mãn như trăng rằm Mong mọi sở nguyện thí chủ Được thành tựu tốt đẹp

Mong mọi sở nguyện thí chủ Viên mãn như ngọc lộ quang Đó là việc làm của vua Canda Pajjota trong kiếp trước, và do phước báo này vua có năm vật chuyên chở (Hết Chuyện Quá Khứ) Một hôm nhơn kúc vua Canda Pajjota dạo chơi vườn thượng uyển, Udena bỏ trốn. Ông nhét đầy tiền vàng và bạc vào nhiếu túi da lớn, xong đặt lên lưng voi cái, rồi đỡ vàsuladattà lên yên và họ ra đi. Quân thị vệ trông thấy liền phi báo cho vua. Vua sai lính tức tốc đuổi theo. Udena bèn mở túi vàng rải tiền vàng xuống đường. Quân truy nã dừng lại nhặt vàng rồi mới đuổi tiếp. Ông lại mở túi bạc rải xuống đất. Quân truy nã vì cứ mãi ngừng lại để nhặt bạc nên chậm trễ, để Udena chạy thoát về doanh trại dựng ngoài thành. Quân lính của Udena trông thấy ông nhiệt liệt đón mừng và hộ tống ông về Kosambi. Sau đó ông tổ chức lễ cưới và tấn phong Vàsuladattà lên ngôi thứ phi. Phần 5: Đức Phật Từ Chối Màgandiyà Một thứ phi khác của vua Udena là Migandiyà nguyên là con gái của Bà-la-môn tên là Màgandiyà, sống ở xứ Kuru. Mẹ cô

và cả chú út, em của cha cô, cũng tên là Màgandiyà. Cô ta đẹp như thiên nữ nên ông Bà-la-môn khó tính không thấy ai, kể cả những chàng trai vọng tộc nhất trong xứ đã đến cầu hôn, xứng đáng làm rễ đông sàng. Ngày kia, sáng sớm đức Đạo sư quan sát thế gian, nhận thấy Bà-la-môn Maagandiyaa và vợ ông có đủ duyên lành chứng quả A-na-hàm. Ngài đắp y ôm bát đến vùng ven phố thị nơi Bà-la-môn đang tế thần lửa. Ông ta ngắm nhìn thân Như Lai thấy toàn hảo, thầm nghĩ không ai trên thế gian có thể so bì với người này, ta sẽ gả con gái cho ông để nâng khăn sửa túi. Ông ta nói với đức Đạo sư: - Này, Tỳ-kheo! Tôi có cô con gái độc nhất và chưa thấy ai xứng với nó trừ ông. Ông phải có một người vợ và nó phải có một người chồng. Tôi sẽ gả nó cho ông. Hãy đứng đợi tại đây cho đến khi tôi trở lại. Đức Đạo sư đứng yên, không nói một lời. Người Bà-la-môn vội vã về nhà, hớn hở bảo với bà vợ:- Bà ơi! tôi đã gặp một người xứng với con gái ta. Mau lên! Mặc cho nó bộ đẹp đẽ vào! Rồi ông dẫn vợ con vào gặp đức Đạo sư. Cả thành xôn xao: - Một khi lão này chê bai đủ kiểu người nào đến cầu hôn con gái lão. Nhưng nghe đồn rằng hôm nay lão ta gặp một người môn đăng hậu đối rồi. Không biết mặt mũi anh chàng này ra sao mà lão chấm đậu vậy? Rồi họ theo ông đi xem anh chàng tốt số. Trong thời gian đó, đức Đạo sư thay vì đứng yên chờ đợi, Ngài bỏ đi, để lại một dầu chân. (Dầu chân Phật chỉ xuất hiện trên chỗ đã bước, không có chỗ nào khác, và chỉ người nào đủ phước duyên mới thấy được. Dù voi rừng hay thú hoang có giẫm lên hay mưa bão dữ dội, gió giông gào thét thổi đến, cũng không xóa được dấu chân của Phật). Đến nơi cũ, người Bà-la-môn ngạc nhiên không thấy Phật. Nhìn quanh quất một hồi ông phát hiện dấu chân. Vợ người Bà-la-môn

thuộc lòng ba bộ Vệ-đà, luôn cả những bài thơ liên quan đến tướng số. Bà lẩm bẩm đọc lại và xem xét tỉ mỉ hình nét dấu chân trước mặt. Cuối cùng bà kết luận: - Ông ơi! Đây không phải dầu chân của người chạy theo ngũ dục. Rồi bà đọc kệ: Dấu chân người tham dục cạn cợt, Của ác nhơn, lún mạnh xuống đường. Người ngu si, dấu thường lết bết. Đây, dấu chân người hết dục tham. Người Bà-la-môn không tin lời vợ nên nạt đùa: - Khéo tưởng tượng! Bà lúc nào cũng thấy cá sấu trong chậu nước, ăn trộm núp trong nhà! Hãy im đi! Bà vợ vẫn một mực đoan chắc: - Ông ưa nói gì thì nói. Nhưng đây không phải dấu chân người chạy theo ngũ dục. Người Bà-la-môn vẫn đi lòng vòng tìm kiếm, chợt thấy đức Đạo sư liền mừng rỡ reo lên: - Ông ta đây rồi! Và ông thưa với Phật: - Tỳ-kheo! Tôi gả con gái cho ông để nâng khăn sửa túi. Đức Đạo sư thay vì trả lời ưng thuận hay không, lại bảo: - Bà-la-môn! Ta có vài việc để nói với ông. Và ông ta lắng nghe đức Đạo sư kể chuyện Ma vương đã theo đuổi Ngài như thế nào, từ lúc xuất gia tới khi ngồi dưới cội Bồ đề, cuối cùng chính Ma vương ngồi dưới cây Bồ đề, thiểu não buồn rầu vì thấy quyền lực của mình không làm gì Phật được. Con gái Ma vương bèn đến an ủi cha, rồi biến thành thiếu nữ trẻ và đàn bà đứng tuổi để cố quyến rũ Phật. Đức Đạo sư lúc đó nói rằng: Đã thấy rõ Khát ái, Sầu buồn, Dục lạc Ta đâu còn ưa hạnh phúc tình yêu Tấm thân kia, chứa các thứ tiểu, tiêu. Ta không muốn, dù dùng chân chạm đến. Ngay khi Phật kết thúc bài kệ, người Bà-la-môn và vợ chứng A-na-hàm. Còn Màgandiyà tự nhủ: "Nếu ông này không cần ta, kể cũng đúng, nhưng nói người ta chứa đầy phần tiểu thì thật quá lắm. Được rồi! Với dòng dõi, địa vị xã hội, tài sản và sức quyến rũ của tuổi thanh xuân sẵn có, ta sẽ được một tấm chồng xứng đáng, và rồi ta sẽ

biết làm gì đối với Sa-môn Cồ-đàm". Từ đó cô nuôi lòng căm ghét đức Phật (Đức Phật biết cô căm ghét Ngài, nhưng Ngài vẫn đọc kệ vì lợi ích cho hai người kia, để họ chứng thánh quả, chớ không quan tâm đến lòng thù hận trực tiếp chống lại mình) Cha mẹ cô gởi cô cho chú Culla Màgandiyà biết cháu mình chỉ xứng đáng làm vợ vua, nên trang điểm cho nàng đủ món trang sức rồi đưa đến Kosambi dâng cho vua Udena. Vua hài lòng, làm lễ đăng quang cho nàng lên ngôi thứ phi với năm trăm thị nữ.

Vậy là vua Udena có ba bà vợ với một ngàn năm trăm thị nữ. Phần 6: Cái Chết Của Sàmàvati và Màgandiyà, Các Chưởng Khố, Các Tỳ Kheo Và Vị Thần Cây. Có ba vị chưởng khố cùng ở Kosambi là Ghosaka, Kukkuta và pàvàriya. Mùa mưa gần đến, năm trăm ẩn sĩ từ Hy-mã-lạp sơn về thành khất thực. Cả ba vị chưởng khố hoan hỷ cung cấp tọa cụ và cúng dường thức ăn, và còn dâng cúng phòng ốc trong nhà mình suốt bốn tháng mưa khi các vị ẩn sĩ chịu ở lại. Từ đó, thường thường sau tám tháng trong Hy-mã-lạp-sơn, các ẩn sĩ về ngụ bốn tháng mưa nơi ba chưởng khố. Một lần từ Hy-mã-lạp-sơn trở về thành, các ẩn sĩ ngồi nghỉ dưới gốc một cây đa to trong rừng vắng. Vị già nhất vừa nghĩ đến xin nước uống nơi vị thần cây - chắc là một vị đại lực thần vương - thì lập tức họ được nước uống. Nghĩ đến thức ăn thì cũng được thức ăn, rồi muốn nhìn thấy cây thần cây cũng được nhìn thấy. Thần cây tách khỏi thân cây chui ra. Các vị ẩn sĩ đến gần ông và hỏi làm thế nào ông được đại thần lực như vậy. Vị thần khiêm tốn, thấy công đức mình nhỏ nhoi không muốn nói, nhưng vì bị nài nỉ mãi đành phải kể lại chuyện Quá khứ. Việc Làm Của Thần Cây Thần cây xưa là người nghèo, sinh sống nhờ tìm được việc làm với ông Cấp Cô Độc. Vào ngày Bát quan trai, từ tinh xá trở về nhà, Cấp Cô Độc hỏi gia nhân có cho người làm này biết hôm nay là ngày trai giới không. Họ chưa cho biết. Ông liền bảo nấu cho anh ta phần ăn tối. Nhưng khi dọn cơm lên, anh ta đã từ chối không ăn, dù đã làm việc cực nhọc suốt ngày trong rừng. Sở dĩ ông ta nhịn ăn vì được hôm nay là ngày trai giới. Chiều nay thật là im lìm, khác với mọi chiều tiếng ồn vang dội, nào là cho tôi cơm, cho tôi nước xúp, càri... Mọi người đều giữ giới không ăn chiều, ngay cả đứa bé còn ẵm ngữa; sau khi súc miệng họ chỉ ngậm bốn viên kẹo. Một đèn dầu thơm thắp sáng cả phòng, và già trẻ đều đọc lên ba mươi hai yếu tố của thân. Riêng anh vì hay tin trễ, mới bắt đầu ngày trai chiều nay nên được hưởng nửa công đức. Đến tối anh bắt đầu thấy khó chịu vì quá đói. Anh nịt một sợi dây quanh mình, và nắm đuôi dây nịt trong tay anh cứ siết thêm mãi. Trưởng giả hay được, cầm đuốc đến chỗ anh và lấy bốn viên kẹo cho anh, nhưng anh vẫn không ăn vì không muốn mất luôn nửa công đức ngày trai. Anh kiên trì giữ giới như thế cho đến khi mặt trời mọc thì lìa đời như một vòng hoa héo, và tái sanh vào cây đa này. Phần kết: Chuyện chưởng khố, Tỳ kheo và thần cây. Rồi thần cây kết luận: "Trưởng giả đã cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Và nhờ ông ta, tôi hưởng được phước báo nửa ngày trai giới nên mới có đại thần lực này". Năm trăm ẩn sĩ nghe đến danh hiệu Phật liền chỗi dậy, dang tay ra trong thái độ tôn kính và khẩn cầu vị thần cây hãy nói "Phật đà". Họ yêu cầu thần cây nói lên niềm tin của mình bằng cách lặp lại ba lần "Phật đà" rồi họ trịnh trọng tuyên bố: - Rất khó mà nghe được danh hiệu này trên thế gian!

Và kết luận: - Thần nhân! Ông đã cho chúng tôi nghe được một âm thanh mà biết bao trăm ngàn kiếp chúng tôi không hề nghe. Rồi các môn đệ ngỏ ý với thầy họ muốn đi đến Đức đạo sư. Và tất cả đều đồng ý là ngày mai, sau khi nhận thức ăn nơi ba vị chưởng khố, nói cho ba vị ấy biết ý định rồi sẽ lên đường. Cả ba, sau khi dâng tọa cụ và cúng dường cháo đặc tại nhà mình, được biết đoàn ẩn sĩ sẽ đi ngay thì không tránh khỏi ngạc nhiên nên hỏi: - Chư Tôn giả! Không phải các ngài đã hứa ở lại với chúng tôi bốn tháng mưa sao? Bây giờ các Ngài đi đâu? - Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, Pháp đã ra đời, Tăng đã ra đời. Do đó chúng tôi đi gặp Đạo sư. - Nhưng chỉ có các Ngài mới xứng đáng đi đến đức Đạo sư sao? - Không ngăn cấm ai hết, đạo hữu ạ. - Vậy thì chúng tôi cùng đi. Vì phải chuẩn bị nên ba vị chưởng khố để đoàn ẩn sĩ đi trước. Họ đến Thế Tôn, xưng tán, đảnh lễ Ngài và cung kính ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp tuần tự cho họ, và ngay khi kết thúc bài pháp, tất cả đều chứng A-la-hán cùng các thứ thần thông. Rồi họ xin gia nhập Tăng đoàn, Phật bảo: "Hãy đến, các Tỳ-kheo!" Họ liền trở thành Tỳ- kheo có đầy đủ y bát do thần lực tạo ra. Phần ba chưởng khố thì sắm những thứ cúng dường cần thiết gồm y phục, ngọa cụ, bơ, mật, ... chở mỗi thứ năm trăm xe đi đến Xá vệ. Gặp Phật, họ đảnh lễ, nghe pháp và cuối bài pháp chứng quả Dự lưu. Họ ở lại với Thế Tôn hai tuần, cúng dường và thỉnh Phật đến Kosambi. Trở về xứ, chưởng khố Ghosaka xây tinh xá Ghosita, Kukkuta xây tinh xá Kukkuta, Pàvàriya cất tinh xá Pàvàriya. Xong họ thỉnh Phật đến và lần lượt hầu hạ Đức Phật ở mỗi tinh xá một ngày và thọ thực tại đó. Cả ba chưởng khố có người hầu là Sumana làm vườn, phục vụ họ đã lâu. Anh ta xin cúng dường Phật và được dành cho ngày mai. Khujjuttarà Chuyển Hóa Sàmàvatì Anh làm vườn Sumana vẫn thường bán hoa cho Khujjuttarà, nữ tỳ hoàng hậu Sàmàvatì. Nhưng hôm đó anh không cắt hoa giao cho hoàng cung mà dành để dâng Phật vì anh đã thỉnh Phật về nhà cúng dường. Ngoài những lời xin lỗi Khujjuttarà, anh còn mời nàng ở lại. - Xin cô đợi tôi hầu Phật và nghe pháp. Sau đó cô có thể lấy hết số hoa còn lại. Cô đồng ý. Khi Phật dẫn đầu Tăng đoàn đến nhà, Sumana đỡ lấy bình bát và được Phật hồi hướng công đức. Những lời này đã khiến Khujjuttarà chứng quả Dự lưu. Từ trước đến giờ, trong số tiền tám đồng của vua Udena dành cho hoàng hậu Saamaavaatii mua hoa, cô thường cất riêng bốn đồng cho mình và chỉ mua bốn đồng hoa.

Hoàng hậu ngạc nhiên thấy số hoa gấp đôi mọi ngày, hỏi ra mới biết tự sự, và lý do nhờ nghe bài thuyết pháp của đấng Giác Ngộ Tối Thượng. Thay vì nổi giận nhiếc mắng cô tỳ nữ và đòi lại số tiền cô đã bớt xén bà lại sanh tâm hoan hỷ muốn được uống dòng pháp bất tử đó. Và trước khi trùng tuyên bài pháp của Như Lai, Khujjuttarà được hoàng hậu tắm cho với mười sáu bát nước thơm, được mặc vào y phục đẹp bằng vải mịn, từ đồ lót đến áo khoác vai, và cũng được dọn sẵn một chỗ ngồi. Cô đã thuyết pháp cho năm trăm cung nữ nghe y như Thế Tôn đã thuyết, ngồi pháp tòa tay cầm chiếc quạt có hình vẽ. Mọi người nghe xong đều vui mừng bảo cô: - Này bạn, từ nay trở đi đừng làm việc tội lỗi. Hãy làm một bà mẹ và một đạo sư của chúng tôi. Hãy đến Thế Tôn nghe đủ hết pháp đã giảng và về đây trùng tuyên lại cho chúng tôi. Cô đã thi hành thật trung thực lời dặn dò đến nỗi sau đó cô thuộc lòng hết Tam tạng, và đức Phật cũng đã xác nhận là trong hàng cư sĩ nữ, người đã học thuộc thánh điển và có thể giảng giải pháp đệ nhất là

Khujjuttarà. Năm trăm cung nữ, sau những thời pháp của Khujjuttarà đều phấn khởi và mong muốn gặp Thế Tôn. Nhưng với luật lệ cung cấm, cung nữ không thể tự do đi ra ngoài, vì vậy Khujjuttarà bảo họ hãy đục lỗ trên tường, mang sẵn hương hoa để đó, khi Thế Tôn đến cửa nhà ba chưởng khố, từ trong phòng mỗi người nhìn qua lỗ tường sẽ thấy được Ngài để đảnh lễ và xưng tán. Màgandiyà Âm Mưu Chống Lại Sàmàvatì và Đức Phật Một hôm, Màgandiyà rời cung điện đi bộ đến dãy phòng cung nữ, và ngạc nhiên khi thấy những lỗ hổng trên tường, hỏi ra mới biết là vì các cung nữ muốn chiêm ngưỡng và cung tán Phật. Bà muốn mưu hại Sàmàvatì và Phật nên tâu với vua Udena là Sàmàvatì và đám cung nữ tùy tùng sẽ phản bội vua, và trong vài hôm nữa sẽ hại mạng vua. Nhưng vua không tin. Bà cứ tâu tới tâu lui bên tai nhưng vua vẫn không tin. Bà bèn thỉnh vua đến khu vực của Sàmàvatì chỉ những lỗ hỏng trên tường. Vua hỏi tại sao và khi hiểu được lý do vua không nói lời nào, chỉ truyền lấp hết lỗ hổng và cho làm cửa sổ có một khoảng hở ở trên, tại tất cả các phòng. Người ta nói loại cửa sổ hở bên trên ra đời từ đó. Không bôi nhọ được Sàmàvatì cùng các cung nữ, Màgandiyà quay sang tìm cách lăng nhục đức Phật. bà xúi giục những tên côn đồ đi sau Phật mắng nhiếc và nhục mạ Ngài với đủ lời lẽ nặng nề: - Mi là một tên trộm, đồ ngu ngốc, đồ điên, đồ lạc đà, bò tót, đồ lừa, đồ ở địa ngục, đồ thú vật, mi không có hy vọng được giải thoát. Những trừng phạt sẽ đến với mi. Tôn giả A-nan nghe những lời chửi bới quá thậm tệ, không chịu nổi, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Dân ở đây mắng nhiếc và nhục mạ chúng ta. Chúng ta hãy đi nơi khác! - Ta sẽ đi đâu A-nan? - Đến thành phố khác, thưa Thế Tôn. - Nêú ở đó người ta cũng chửi mình thì sẽ đi đâu, A-nan?

- Sẽ đi chỗ khác nữa, thưa Thế Tôn. - Nêú ở đó người ta cũng chủi mình nữa thì sao? - Chúng ta lại đi đến chỗ khác, thưa Thế Tôn. - A-nan đừng nói thế. Ở đâu có khó khăn thì giải quyết ở đó. Ổn thỏa rồi mới được phép đi nơi khác. Nhưng ai chửi ông, A-nan? - Bạch Thế Tôn! Mọi người đều mắng nhiếc chúng ta, bọn côn đồ và cả đám dân kia. - A-nan, Ta như con voi xông ra trận. Bổn phận của voi xông trận là hứng chịu những mũi tên từ bốn phía. Đúng thế, bổn phận của ta là kham nhẫn những lời nói độc ác. Rồi Phật thuyết pháp về chính Ngài với ba pháp cú như sau trong phẩm Voi: (320) Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi, Chịu đựng mọi phỉ báng, Ác giới rất nhiều người. (321) Voi luyện đưa dự bội, Ngựa luyện được vua cưỡi. Người luyện, bậc tối thượng, Chịu đựng mọi phỉ báng. (322) Tốt thay con la thuần, Thuần chủng loài ngựa Sindh [*]. Đại tượng, voi có ngà, Tự điều mới tối thượng. [*] loài ngựa đẹp ở vùng sông Sindha, Ấn Độ Bài pháp đã đem lại lợi ích cho những người lúc ấy đang tụ tập chung quanh. Rồi đức Phật khuyên A-nan. - A-nan, đừng phiền muộn. Những người này chỉ mắng nhiếc ông trong bảy ngày, đến ngày thứ tám họ sẽ yên lặng. Khó khăn đến với Phật không kéo dài quá bảy ngày. Màgandiyà tuy thất bại trong âm mưu đẩy Phật rời khỏi thành, vẫn không lùi bước. Bà lập kế hại bọn cung nữ kính tín Phật. Bà dặn chú của bà là thầy Tư tế trong cung mang theo tám con gà sống và tám con gà chết vào hầu vua, lúc đó đang uống rượu với bà. Người chú vào cung, đến bậc thềm cao nhất thì đứng ở đó, không muốn vào chốn ngự ẩm. Bà liền bảo tiểu đồng đến đó lấy tám con gà sống dâng vua và xúi vua ra lệnh cho cung nữ của Sàmàvatì nấu nướng dâng lên vua. Vua chuẩn tấu. Tiểu đồng y lệnh ra đi rồi trở về tâu lời của các cung nữ. - Chúng ta không giết hại

sinh vật. Màgandiyà lại tiếp tục ton hót: - Đại vương! Muốn biết họ có thật sự giết hại sinh vật hay không, xin bệ hạ cứ bảo nấu nướng gửi đến Sa-môn Cồ-đàm.

Vua nghe theo, lại sai tiểu đồng đi đến các cung nữ lần nữa. Nhưng lần này chú mang tám con gà sống đến thầy Tư tế trước để đổi lấy tám con gà chết rồi mới giao lệnh vua đến các cung nữ. - Vua ra lệnh nấu những con gà này dâng đức Phật. Lần này họ nhận lời. - Dĩ nhiên, đây là bổn phận của chúng tôi. Tiểu đồng trở về tâu lại đúng như vậy. Màgandiyà không bỏ lỡ dịp gièm pha với vua. - Đại vương thấy chưa! Họ không làm theo ý Ngài, mà chỉ hướng về người khác. Nhưng vua vẫn giữ yên lặng, tha thứ cho họ. Màgandiyà tức tối nhưng không biết làm gì hơn đành cố nuốt hận chờ dịp khác. Nhà vua có thói quen đến với mỗi hoàng hậu bảy ngày. Biết rằng ngày hôm sau vua sẽ đến cung của Sàmàvatì, Màgandiyà nhắn người chú gởi cho bà một con rắn đã tẩm thuốc độc vào răng. Đi đâu vua Udena vẫn mang theo cây đàn dùng chú thuật lũ voi, trong bao đàn có thủng một lỗ, và bà đã bỏ con rắn vào đó song bít lại với một bó hoa. Khi vua sắp đi đến cung Sàmàvatìi, bà bèn kể cơn mộng dữ và xin can vua đừng đến đó. Vua không nghe. Bà lại đòi đi theo, dù nhà vua không đồng ý lắm. Được Sàmàvatì và cung nữ hầu cận mặc y phục, xông ướp hương hoa và trang sức xong, vua ăn uống thân mật và lên giường, để đàn bên gối. Màgandiyà giả vờ đi tới lui, thừa lúc không ai để y rút bó hoa trong cây đàn ra. Con rắn đã bị bỏ đói trước đó mấy ngày, trườn ngay khỏi lỗ thủng, ngóc đầu và rít lên, cuốn mình trên đầu giường. Màgandiyà làm như bất ngờ thấy con rắn hoảng hốt la lên: - Ồ! Đại vương, con rắn kìa! Và bà càm ràm, trách móc: - Ông vua dại dột, xui xẻo này chẳng chịu nghe ta nói gì cả. Những tên vô lại này thật không biết hổ thẹn, chúng làm như không nhận được ân huệ gì của vua mà còn muốn vua chết để sống sung sướng. Nhưng khi nào vua còn sống thì chúng sẽ còn chật vật. Đại vương, thiếp đã báo động về cơn ác mộng và đã can Ngài đừng đến cung Sàmàvatì, mà Ngài nào có nghe đâu! Nhà vua thấy rắn sợ chết khiếp, lửa giận phừng phừng, ông gầm lên: - Chúng đã cả gan làm việc tày trời như vậy! Thật là tội lỗi! Ta đã không nghe Màgandiyà khi nàng kể ra nết xấu tật hư của chúng, nào là đục lỗ trên tường nhà để ngồi nhìn ở đó, bảo nấu gà cho ta thì chúng trả lại và hôm nay bỏ rắn lên giường ta. Trong khi đó Sàmàvatì hết lời khuyên giải năm trăm cung nữ của nàng. - Các bạn, chúng ta không còn nơi nương tựa nào khác. Hãy thật tình yêu mến vua và hoàng hậu như thương chính mình. Đừng giận dữ bất cứ ai. Rồi nhà vua ra lệnh mang chiếc cung của mình, một cây cung khổng lồ phải một ngàn người mới khiêng nổi. Để Sàmàvatì đứng trước còn tất cả cung nữ đứng nhắm ngay

ngực Saamaavatii, nhưng nhờ thần lực xuất phát từ lòng từ bi của bà, mũi tên quay ngược lại theo con đường đã đến, nhắm ngay tim nhà vua. Vua thầm nghĩ: "Mũi tên này có thể xuyên qua cả tảng đá và không có vật gì trong trời đất này khiến nó quay mũi lại. Giờ đây nó đã quay trở lại khi gặp Sàmàvatì. Tuy vô tri giác và không có sự sống, nó vẫn biết Săamàvatì là con người hiền thiện, thế mà một vị vua, một con người như ta, lại không biết được". Vua ném cung đi, quỳ xuống trước Sàmàvatì, hai tay dang ra, cung kính nói kệ: Ta quá sức hoang mang bối rối Bốn phương trời đảo lộn trong tâm Sàmàvatì hỡi, xin nàng che chở Hãy làm nơi nương tựa cho ta. Sàmàvatì, đệ tử của đấng Đại Giác cũng đáp lại bằng bài kệ: Đừng tìm nương tựa nơi tôi, Hãy tìm nương tựa

ở nơi Phật-đà Đấng Vô Thượng; Ngài chính là Người tâm tôi hướng tới mà náu nương. Đại vương nương đấng pháp vương Tôi xin nương tựa đại vương một lòng. Nhưng nỗi sợ hãi của vua cứ gia tăng khiến vua phải lặp lại kệ xin nương tựa nơi Sàmàvatì. Bà cương quyết từ chối. Cuối cùng vua bằng lòng. - Vậy thì, ta xin nương tựa nơi nàng và nơi đức Đạo sư, ta sẽ ban ơn cho nàng. Bà hoan hỷ; - Tôi xin nhận. Nhà vua đến chỗ Phật xin quy y và thỉnh Phật nhận cúng dường rộng rãi trong bảy ngày. Rồi quay sang Sàmàvatì, vua bảo; - Hãy đứng lên và chọn gì tuỳ ý. - Đại vương, tôi không cần vàng bạc, nhưng chúng tôi xin đặc ân này. Xin Ngài sắp xếp sao cho Thế Tôn có thể đến đây mỗi ngày cùng với năm trăm Tỳ-kheo để tôi được nghe pháp. Nhà vua quay lại đảnh lễ Phật và cung thỉnh Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Vì Phật không thể đến hoài một chỗ trong khi nhiều nơi cần, nên Ngài gởi Trưởng lão A-nan đến hoàng cung mỗi ngày. Hôm đó, như thường lệ, họ dâng thức ăn và lắng nghe Trưởng lão thuyết pháp. Lòng tràn đầy an lạc, họ dâng lên Trưởng lão năm trăm bộ y vàng đang khoác trên vai, mỗi bộ trị giá năm trăm đồng tiền. Khi nhà vua không thấy họ khoác y vàng, hỏi ra biết đã dâng cúng, liền đến Trưởng lão hỏi tiếp; - Bạch Tôn giả! Ngài làm gì với số y nhiều thế? - Tôi sẽ giữ đủ số y cần thiết, số còn lại sẽ trao cho những vị đã rách y. - Những vị đó làm gì với y rách?

- Với những y rách nát đó họ sẽ làm gì? - Làm khăn trải giường. - Còn khăn trải giường cũ? - Làm thảm chùi chân. - Còn tấm thảm cũ? - Sẽ làm khăn lau chân. - Rồi khăn lau chân cũ? - Sẽ được cắt ra từng mảnh nhỏ trộn với hồ để trét vách. - Như vậy, bạch Tôn giả, dù tất cả y đều dâng lên Tôn giả, nhưng không phung phí. - Hoàn toàn đúng vậy, thưa đại vương. Nhà vua hài lòng đến nỗi truyền đem thêm năm trăm y đặt dưới chân Trưởng lão. (Tục truyền rằng Trưởng lão đã từng nhận một ngàn chiếc y trị giá năm trăm đồng tiền đến một trăm ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một trăm lần. Với số y lẻ tẻ, từ một, hai...đến mười thì Ngài nhận không kể nổi. Đến khi đức Phật nhập diệt, trưởng lão A-nan du hành khắp xứ Diêm-phù-đề, và Ngài đã tặng Tỳ-kheo trong các tinh xá y bát của chính Ngài) Sàmàvatì Bị Thiêu Và Màgandiyà Bị Trừng Phạt Màgandiyà thấy rằng bất cứ mưu tính nào đưa ra hậu quả đều ngược với sự mong đợi của bà. Lần này bà cho tiến hành một kế hoạch khác. Bà ra lệnh cho người chú đến cung điện của sàmàvatì, mở cửa kho lấy vải nhúng dầu rồi nhúng vào cột nhà. Tập hợp tất cả các cung nữ vào trong nhà, đóng cửa lại không chờ một ai, rồi lấy đuốt châm lửa đốt, xong tụt xuống đi về. Sàmàvatì thấy người chú bao quanh cột với vải nhúng dầu ngạc nhiên hỏi và được biết là để cho chắc cột. Và ông ta bắt họ vào phòng, châm lửa đốt. Trong đám lửa đang cháy lan thật nhanh, Sàmàvatì khuyên nhắc các tỳ nữ. - Dù với trí tuệ của Phật cũng khó xác định được trong vòng luân hồi từ vô thủy, thân xác chúng ta đã bị thiêu đốt bao nhiêu lần. vậy, các ngươi hãy chánh niệm. Trong khi lửa đang cháy thật nhanh, Sàmàvatì và các cung nữ chuyên tâm thiền định về đề mục "sự đau đớn" và họ đã chứng các quả Thánh. Thế Tôn, khi nghe các Tỳ kheo kể chuyện Sàmàvatì và năm trăm cung nữ bị mất mạng, để giải đáp câu hỏi về số phận của họ trong kiếp sau, đã cho biết là có người chứng Sơ quả, có người chứng Nhị quả, có người chứng Tam quả do phước báo của việc làm quá khứ và Ngài nói kệ: Với xiềng xích vô

minh vọng tưởng Thấy thế gian như đẹp như bền Do vô minh, nhân duyên ràng buộc Kẻ ngu cho thế giới trường tồn Người khôn nghe thấy như thật biết

Chẳng có gì ra thoát diệt sanh Rồi Phật thuyết pháp: - Này các Tỳ-kheo! Trong vòng luân hồi, chúng sanh không phải lúc nào cũng chuyên niệm nhất tâm, đôi khi họ đã phạm ác hạnh, do đó họ kinh qua cả hai lạc và khổ Lúc bấy giờ nhà vua đang ở vườn giải trí. Nghe tiếng la cung của Sàmàvatì bị cháy, ông vội đến đó, nhưng tất cả đã bị cháy rụi. Ông ngồi xuống bậc thềm triều thần vây quanh, vô cùng thương tiếc Saamaavatii khi nhớ lại đức hạnh của nàng. Ông thắc mắc không biết ai có thể gây ra việc đau thương này và nghĩ ngay đến Màgandiyà. Ông muốn dùng mẹo dò hỏi bà ta nên nói với những người tùy tùng: - Thế cũng xong! Bây giờ ta hết bị lôi kéo hay bận rộn nữa. Sàmàvatì luôn luôn tìm cớ giết ta khiến ta sợ hãi và ngờ vực. Nhưng giờ đây tâm ta sẽ yên ổn và ta có thể nằm ngủ yên lành. - Ai đã làm việc này, đại vương? - Người mà thật sự yêu ta nhất đã làm. Màgandiyà tình cờ đứng gần đó nghe thế liền hãnh diện nhận ngay mình là thủ phạm cùng với người chú. Vua vẫn bình tĩnh khen rằng không ai thật sự yêu vua bằng bà và sẽ ban cho bà cùng với quyến thuộc một ân huệ. Bà nhắn tin thân quyến gần xa đến hoàng cung, ngay cả những kẻ không họ hàng nghe chuyện cũng đút lót để được làm bà con. Khi đã tập trung họ, vua ra lệnh đào hố sâu đến thắt lưng, bỏ họ xuống trải rơm lên trên rồi đốt rơm. Khi lửa đốt da thịt họ đến giòn rụm, vua cho cày sắt cày lấp thân thể họ đập vụn ra. Đối với Màgandiyà, vua cho dùng dao nhọn xẻ những chỗ thịt rắn chắc trên người bà ra từng mảnh, bỏ vào thùng dầu đặt trên lò than, chiên như bánh và bắt bà ăn. Trong Pháp đường, đức Phật nghe các Tỳ-kheo thắc mắc bàn tán về cái chết của Sàmàvatì với năm trăm cung nữ, nên kể: Chuyện quá khứ - Sàmàvati Âm Mưu Đốt Một Vị Bích Chi Phật Ngày xưa, khi vua Phạm-ma-đạt cai trị Ba-la-nại, có tám vị Bích Chi Phật thường được cúng dường thức ăn trong hoàng cung với trăm cung nữ hầu hạ. Bảy vị trở về Hy- mã-lạp-sơn, còn lại một vị ngồi nhập định trên bờ sông nơi đám cỏ rối. Một dịp theo vua đi tắm chơi, các cung nữ đã nô đùa suốt ngày trong nước, bây giờ lên bờ và run lên vì lạnh. Họ tìm chỗ đốt lửa để sưởi ấm. Thấy đám cỏ họ chẳng buồn ngó trước xem sau vội châm lửa và xúm xít quanh. Khi cỏ cháy xẹp xuống, họ phát giác vị Bích Chi Phật, hoảng hốt không biết tính sao. Cuối cùng vì sợ nhà vua truy ra bắt tội, họ muốn phi tang hẳn xác của Phật nên đem củi đến từ mọi ngả, chất đóng thành một giàn thiêu lớn, đổ dầu và châm lửa. Xong họ bỏ đi. Hành động đầu tiên của các cung nữ thì vô tâm. Nhưng sau đó họ phạm lỗi nặng vì có tính toán kỹ, do đó bị quả báo đau khổ. Riêng vị Bích Chi Phật đang đắm mình trong thiền định thì dù có một trăm ngàn xe củi với dầu đốt lên, Ngài cũng không thấy nóng. Vì vậy, vào ngày thứ bảy Phật xuất định và đi đến nơi Ngài thích.

Những cung nữ này, không những bị nung nấu nhiều trăm ngàn năm trong địa ngục, mà nhà họ còn bị đốt và họ chết cháy trong nhà mình suốt một trăm kiếp liên tiếp. Đức Phật kể xong chuyện thì các Tỳ-kheo hỏi tiếp: - Nhưng bạch Thế Tôn! Tại sao Khujjuttà trở thành một người gù? Sao cô ta lại thông minh thế? Sao cô ta chứng quả Dự lưu và sao lại thành một tỳ nữ? Đức Phật kể tiếp: Chuyện quá khứ: Những Việc Làm Kiếp Trước Của Khujjuttarà Này các Tỳ-kheo, cũng trong triều đại của vị vua Phạm-ma-đạt trị vì Ba-la-nại, có một Phật Độc Giác hơi gù. Một tỳ nữ trông thấy Ngài bèn quấn một

cái mền trên vai và tay ôm một bình bằng vàng, lưng còng xuống y như một người gù, rồi chậm rãi vừa bước đi vừa nói: - Ông Phật Độc Giác đi như thế này đây! Vì cô nhại tướng đi của Ngài nên cô ta thành gù lưng. Tuy nhiên, ngày đầu tiên cô đã dâng lên các vị Phật Độc Giác chỗ ngồi trong hoàng cung, lấy bình bát múc đầy cháo đặc cúng dường. Phật nhận lãnh, nhưng vì cháo quá nóng nên phải chuyền bình bát từ tay này sang tay khác. Cô thấy vậy bèn dâng tám vòng tay bằng ngà lót dưới bình bát. Xong Phật nhìn cô, lập tức cô thưa: - Chư Tôn giả! Chúng tôi không dùng những vòng này nữa, xin các Ngài nhận cho, xem như một món quà của chúng tôi dâng cúng trước khi lên đường. Các vị Phật Độc Giác mang những chiếc vòng này về hang núi Nandamùla, và đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn. Nhờ phước báo của việc làm này, cô thuộc lòng Tam tạng kinh điển và trí huệ uyên bác, và cũng do đó cô chứng quả Dự lưu. Đó là việc làm của cô trong thời kỳ giữa hai vị Phật. Thời Phật Ca-diếp, có cô con gái viên chưởng khố ở Ba-la-nại, một hôm khi bóng chiều đổ xuống, lấy gương ra soi và trang điểm. Một ni cô bạn thân của cô, người đã dứt hết dục lạc, đến thăm. (Thường những ni cô đã dứt hết dục lạc, hay đến thăm gia chủ ủng hộ mình vào xế chiều). Lúc đó các nàng hầu của cô vắng mặt nên cô bảo vị ni lấy giùm giỏ trang điểm. Nếu không làm theo ý cô, có thể cô nổi sân và như thế sẽ tái sanh vào địa ngục, nhưng nếu nghe lời cô sai bảo thì cô sẽ làm người hầu ở kiếp sau. Làm người hầu dù sao cũng không khổ bằng ở địa ngục, nên vị ni lấy giỏ trang điểm đưa cho cô. Do đó cô trở thành nàng hầu. Lại một hôm các Tỳ-kheo bàn cãi trong Pháp đường: - Sàmàvatì và năm trăm cung nữ bị thiêu ngay trong nhà mình. Còn Màgandiyà và quyến thuộc thân bị lửa rơm đốt, bị cày sắt cày nát nhừ, riêng Màgandiyà bị nấu trong dầu sôi. Như vậy ai sống và ai chết? Đức Phật nghe qua, đáp rằng: - Này các Tỳ-kheo, những người phóng dật buông lung dù sống một trăm năm cũng như chết. Những người sống chú tâm chuyên niệm, dù chết hay sống vẫn là đang sống. Này các Tỳ-khep, có chú tâm chánh niệm thì không bao giờ chết cả.

Rồi đức Phật đọc Pháp Cú sau: (21) Không phóng dật, đường sống, Phóng dật là đường chết. Không phóng dật, không chết, Phóng dật như chết rồi. (22) Biết rõ sai biệt ấy, Người trí không phóng dật, Hoan hỷ, không phóng dật, An vui hạnh bậc Thánh. (23) Người hằng tu thiền định, Thường kiên trì tinh tấn, Bậc trí hưởng Niết-bàn, Ắt thanh tịnh vô thượng. * 2. Tiếng Nói Của Một Người Giàu Nỗ lực, giữ chánh niệm... Giáo lý này được đức Phật nói khi Ngài ngụ tại Veluvana, liên quan đến Kumbhaghosaka. Ngày xưa, một trận dịch hạch hoành hành tại Vương Xá, ngay trong ngôi nhà của vị chưởng khố. Thú vật, ruồi rồi đến gia súc chết đầu tiên, tiếp theo là đám gia nhân và vợ chồng quản gai. Cuối cùng bệnh dịch tấn công viên chưởng khố và vợ ông ta. Biết rằng đã mắc bệnh, hai ông bà nhìn đứa con trai đang đứng gần, mắt đẫm lệ bảo nó hãy đạp đổ bức tường và trốn đi, đừng quan tâm đến cha mẹ mà hãy cứu mạng mình, rồi sau đó trở về nhà đào kho tàng bốn tỷ tại nơi đó, nơi đó... để sinh sống. Người con trai nghe nói vậy khóc sướt mướt, giã biệt cha mẹ, đạp đổ bức tường và trốn đi. Anh vào rừng tìm nơi ẩn náu, ở đó suốt mười hai năm rồi về nhà. Khi ra đi anh chỉ là một đứa bé, giờ trở về tóc và râu mọc dài, không ai nhận ra anh. Anh tìm được kho tàng và thấy còn nguyên, nhưng anh không dám lấy ra xài sợ làng xóm nghi kỵ quấy nhiễu hoặc bắt bớ mình. Vì vậy anh tìm chỗ làm thuê để kiếm sống. Anh ăn mặc rách rưới đến khu những người

lao dộng và hỏi thăm xem có ai cần người làm không. Họ trả lời anh: - Nếu anh làm một phần việc của chúng tôi, chúng tôi sẽ trả gạo cho anh. - Làm việc gì thế các bạn? - Ra lệnh và điều khiển công việc của chúng tôi. Anh phải dậy thật sớm, đi quanh những người làm và ra lệnh cho họ: "Các ông, thức dậy đi, đem xe ra, thắng ách vào bò, đã đến giờ cho voi ngựa đi ăn cỏ! Các bà ơi, dậy đi, lo nấu cơm, nấu nước!". - Hay quá !

Và anh nhà giàu nhận việc. Họ cho anh nhà ở và anh làm việc đều đặn thật hết lòng. Một hôm vua Bình-sa-Vương, người có thể nhận dạng mọi người qua tiếng nói, nghe tiếng của anh ông nói ngay: - Đây là tiếng nói của một người giàu có. Một tỳ nữ đứng gần vua nghe thế nghĩ rằng không thể xảy ra một chuyện như vậy được, và cô ta muốn điều tra nên phái người đi dò hỏi, biết đó là một người nghèo làm việc cho những người hầu. Nhà vua nghe báo cáo không nói gì thêm, nhưng mấy ngày sau nghe tiếng anh cất lên vẫn đoan chắc là giọng nói của một nhà giàu. Năm lần bảy lượt hỏi tới hỏi lui, dò xét đủ kiểu, cô tỳ nữ tâu với vua anh chàng đó là một người nghèo, vua vẫn không tin. Cô nghĩ chắc là vua nói đúng nên cô thấy mình có bổn phận phải tìm hiểu sự thật. Cô xin vua cho một ngàn đồng, sẽ đem con gái mình đến gặp người đàn ông này, và hứa sẽ đem kho tàng về hoàng cung. Rồi hai mẹ con ăn mặc rách rưới đến khu lao động xin tá túc vài ngày trước khi đi xa. Những người tại đó chỉ nhà của Kumbhaghosaka, Ban đầu anh ta không chịu cho ở, sau hai mẹ con cứ nằn nì mãi anh buộc lòng phải chấp nhận. Cô tỳ nữ làm đủ cách để lấy lòng anh ta, nào là nấu cơm hảo hạng theo hoàng gia với nước sốt và cà-ri ... Cuối cùng cô ta cắt dây giường nệm, mỗi ngày một ít trong ba ngày liên tiếp. Kumbhaghosaka cáu kỉnh trách móc thì cô ta cứ trả lời là không thể ngăn tụi nhóc nhảy tưng tưng lên đó. Rồi đến một hôm toàn bộ tấm nệm rơi xuống đất vì đã đứt hết dây. Lần này anh không kiềm chế, nổi giận đùng đùng vì không còn giường để nằm nữa. Anh ta rên rỉ: - Trời! Tôi biết đi đâu bây giờ đây? Cô tỳ nữ không bỏ lỡ dịp, đáp ngay: - Anh bạn! Tôi biết làm sao, tôi không thể đuổi bọn trẻ hàng xóm cứ đến chơi giỡn và nhảy tưng lên giường. Xin đừng phiền, xem nào, tôi có thể làm gì được cho anh, à được rồi! Rồi quay sang cô con gái, bà mẹ ngọt ngào bảo: - Con gái cưng, dọn chỗ cho anh con nằm. Cô con gái vâng lời, nằm lăn qua một bên và anh ta qua nằm kế. Đêm đó họ thành thân với nhau. Hôm sau cô con gái khóc kể tự sự với mẹ. Bà mẹ an ủi con: - Ồ, có sao đâu! Con rồi cũng phải có chồng, anh ta phải có vợ. Rồi bà nhận anh ta làm rể. Bà tiếp tục kế hoạch của mình bằng cách cho người về tâu với vua xin ra lệnh cho nghỉ việc tại khu lao động, ai bất tuân sẽ bị xử phạt. Vua chuẩn y. Bà mẹ vợ bối rối bàn với chàng rể phải làm sao vì nghỉ làm sẽ không có lương, mà lệnh vua thì không dám cãi. Cuối cùng bà xúi chàng rể đi vay nợ để ăn vào ngày nghỉ đó. Anh ta không còn cách nào khác. Đành phải trở về nơi chôn dấu kho tàng lấy đúng một đồng cho mẹ vợ. Bà nhận tiền nhưng đem gởi cho vua và lấy tiền riêng của mình chi tiêu trong nhà.

Sau đó vài ngày, bà lại xin vua truyền lệnh như thế một lần nữa. Anh ta phải trở lại kho tàng lấy thêm ba đồng nữa đem về. Phần chót kế hoạch của bà là xin vua cho mời Kumbhaghosaka về triều. Anh ta không chịu đi nên bị quân lính áp đảo, nắm tay chân lôi đi. Bà trấn an anh ta, bảo cứ đi; khi gặp vua bà sẽ tâu với vua để xử phạt những kẻ đã dám bắt lôi rể bà. Rồi bà cùng cô con gái đi trước. Đến hoàng cung, bà cởi bỏ lớp

rách rưới, mặc y phục sang trọng với đầy đồ trang sức lấp lánh, đứng một bên vua. Rồi Kumbhaghosaka bị điệu đến trước bệ rồng để đối đáp những lời chất vấn của vua: - Ngươi là Kumbhaghosaka - Tâu vâng. - Tại sao ngươi dối trá khi tiêu pha tài sản kếch sù của mình? - Tài sản của tôi? Ở đâu, đại vương? Tôi sống bằng sự làm thuê. - Không phải thế. Sao ngươi lừa dối ta? - Tâu đại vương, tôi không dối Ngài. Tôi không có tài sản. Vua chỉ những đồng tiền do mẹ vợ anh gởi đến và hỏi anh: - Thế những đồng tiền này của ai? Kumbhaghosaka nhận ra đồng tiền của mình, sợ hãi đến chết cứng. Anh nhìn về phía vua, thấy hai người đàn bà kia trang điểm lộng lẫy mới vỡ lẽ tại sao đồng tiền của mình lại lọt vào tay vua. Thì ra đây là một âm mưu đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và kín đáo, và hai người đàn bà này đã bị nhà vua mua chuộc. Anh sững sờ, đứng chết lặng, không biết phải ăn nói ra sao. Nhà vua đoán biết hỏi dồn anh: - Nói đi! Tại sao anh làm thế? Anh run rẩy trả lời: - Tôi không có người bảo vệ, đại vương! - Không ai bảo vệ anh bằng ta. - Tâu đại vương, tôi rất sung sướng được đại vương bảo vệ. - Ta bảo vệ anh. Tài sản của anh lớn lao đến mức nào? - Bốn trăm triệu đồng tiền, tâu đại vương. - Được rồi, ta sẽ cho chở tài sản của anh đến đây. Nhưng bằng cách nào? - Dạ, bằng xe, tâu đại vương. Khi cả gia tài của Kumgbaghosaka chất đống trước hoàng cung, vua tập hợp dân chúng trong thành Vương Xá hỏi có ai trong thành có được tài sản nhiều như thế này không? Không ai đáp được, và mọi người đồng thỉnh cầu vua ban cho anh ta chức vị. Vua đồng ý và bổ nhiệm cho anh ta làm chưởng khố rồi gả công chúa cho anh. Sau đó vua dẫn anh đến đảnh lễ đức Phật đồng thời ca ngợi hạnh tốt của anh, không ỷ lại tài sản lớn lao để hưởng thụ, chịu khó làm người nghèo sống bằng sức lao động của mình. Phật nghe xong hoan hỷ dạy rằng: - Một người sống như thế, này đại vương, là một người sống chân chánh. Trộm cắp và những hành vi xấu ác khác sẽ đè bẹp chúng ta không những ở đời này mà còn gây

đau khổ cho kiếp sau. Ngược lại, một người như thế nỗ lực hết sức mình, luôn luôn chánh niệm, thân khẩu ý đều thanh tịnh, biết dè dặt từng cử chỉ hành động, biết chế ngự thân hành, khẩu hành và ý hành, sống chân chánh, sống chân chánh, không bao giờ buông mông lung, người như thế càng ngày càng dũng mãnh. Và kết thúc bằng Pháp Cú: (24) Nỗ lực, giữ chánh niệm, Tịnh hạnh, hành thận trọng, Tự điều, sống theo pháp, Ai sống không phóng dật, Tiếng lành ngày tăng trưởng. 3. Châu-Lợi-Bàn-Đặc Nỗ lực, không phóng dật... Giáo pháp này được Phật nói tại Veluvana, liên quan đến Trưởng lão Châu-lợi- bàn-đặc. A. Châu-Lợi-Bàn-Đặc Ra Đời Một thương gia giàu có ở Vương Xá có cô con gái đến tuổi dậy thì. Hai ông bà cho cô ở tầng lầu cao nhất của tòa lâu đài bảy tầng và được gìn giữ chu đáo. Nhưng dù vậy, cô không kiềm chế được nhiệt tình của tuổi thanh xuân nên đã lầm lỡ với người nô lệ của mình, có thể bị cha mẹ cho xé xác mình, cô gái bảo anh nô lệ cùng nhau trốn đi. Họ lấy theo vài món cần thiết và ra đi bằng cửa chính, và từ đó chung sống với nhau. Khi đứa con trong bụng đã lớn, lo sợ khi phải sanh con ở nơi xa xôi không bà con thân thuộc, cô vợ khuyên anh chồng nên trở về nhà cha mẹ. Nhưng anh chồng vẫn còn e ngại ông bà chủ có thể giết mình nên cứ hẹn lần hẹn lữa, hết mai rồi mốt. Cô vợ chờ mãi sốt ruột và cũng biết anh chồng ngốc của mình nhận biết tội lỗi của hai người sợ không dám về, nên một hôm cô gác lại việc bếp núc, báo cho hàng xóm biết là trở về nhà cha mẹ, xong lên đường. Anh chồng

về nhà thấy vắng vẻ, hỏi thăm hàng xóm rồi tức tốc rượt theo và bắt kịp giữa đường, ngay lúc cô ta lâm bồn. Anh chàng hối hả hỏi vợ: - Gì thế em? - Một đứa con trai, anh ạ. - Chúng ta phải làm gì bây giờ? - Sở dĩ tôi muốn trở về nhà cha mẹ là vì cậu con, nay hắn đã ra đời giữa đường, vậy chúng ta không cần đi nữa, hãy trở về nhà mình. Vì đứa con sanh ra giữa đường nên được đặt tên là Bàn-đặc. Rồi đến đứa con thứ hai cũng lại diễn tiến như trước và mang tên Châu-lợi Bàn-đặc, còn đứa lớn là Đại Bàn- đặc. Lớn lên, Đại-Bàn-đặc nghe bè bạn khác với nhau về chú bác ông bà của mình, bèn hỏi mẹ xem nhà mình có bà con họ hàng không. Và khi được biết ông ngoại là một thương gia giàu có đang ở tại Vương Xá, thân bằng quyến thuộc cũng ở cả đó, Đại-Bàn- đặc đòi đến thăm. Bà mẹ bối rồi hỏi ý kiến chồng, cả hai khổ sở không biết tính sao vì họ

vẫn còn sợ sệt, cuối cùng họ chiều ý đứa nhỏ đi đến Vương Xá, trọ tại một nhà gần cổng thành rồi nhắn tin về nhà. Hai ông bà thương gia trong nhiều kiếp luân hồi đã không có con trai con gái, nên vui mừng nhận cháu ngoại, còn hai vợ chồng thì được cho tiền để đi nơi khác sinh sống. Châu-lợi-bàn-đặc lúc đó còn nhỏ, Đại-Bàn-đặc đã lớn khôn nên thường đi theo ông ngoại nghe Phật thuyết pháp, và lòng chàng muốn từ bỏ thế gian. Ông thương gia nghe cháu nhỏ trình hày ý định như vậy, vô cùng hoan hỷ và dẫn chàng đến Đức Phật. B. Châu-Lợi-Bàn-Đặc Thành Tỳ Kheo Đức Phật chấp nhận cho Đại-Bàn-đặc xuất gia, nhập Tăng đoàn, giao chàng cho một Trưởng lão. Chàng nhận từ Trưởng lão đề mục thiên quán về "Năm yếu tố đầu tiền cấu tạo thân". Thuộc lòng hết Phật ngôn, an cư suốt mùa mưa, miên mật tu hành, và do chuyên cần tinh tấn hành thiền của chàng đắc A-la-hán, được hưởng nguồn hỷ lạc của thiên định, cũng như niềm an lạc của Thánh quả. Đại-Bàn-đặc nghĩ rằng em mình cũng có khả năng chứng nhiệm được pháp lạc này, nên trở về nhà ông ngoại xin cho Châu-lợi- bàn-đặc đi tu. Ông ngoại cũng rất tin vào Tam Bảo và cảm thấy hổ thẹn khi ai hỏi về hai đứa cháu ngoại, con của cô gái bỏ nhà trốn đi, vì hai lý do đó ông rất vui mừng cho phép chúng đi tu. Châu-lợi-bàn-đặc được gia nhập Tăng đoàn và thọ giới. Nhưng anh chàng quả là đần độn, bốn tháng trời trôi qua cũng không thuộc nỗi bài kệ: Như hoa sen thắm đượm, Tròn nở sáng tinh sương, Ngào ngạt trinh nguyên hương, Kìa, xin mời chiêm ngưỡng, Đấng Thế Tôn chói lọi, Như mặt trời lừng không. Vào thời Phật Ca-diếp, Châu-lợi-bàn-đặc rất thông minh, nhưng khi vào Tăng chúng, ông đã chế nhạo và đùa cợt một Tỳ-kheo kém trí. Vị này vì bị làm trò cười nên không học thuộc, thậm chí không lặp lại được lời kinh. Do quả báo này ông tái sanh thành người đần độn. Vừa học xong một câu sau thì câu trước đã quên mất. Bốn tháng trôi qua, ông vẫn không thuộc nổi bài kệ. Đại-Bàn-đặc thấy em mình như vậy, nghĩ rằng không thể đạt cứu cánh tối thượng của Đạo, nên đuổi em ra khỏi Tăng đoàn. Nhưng Châu-lợi-bàn-đặc rất tha thiết với giáo lý Phật-đà. Rời khỏi Tăng đoàn trở về đời sống thế tục là điều ông không muốn nhất trong cõi đời. Lúc bấy giờ Jìvaka Komaràbhacca mang thật nhiều hương hoa đến vườn xoài của mình cúng dường Phật, nghe Pháp xong, ông đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi tiến đến vị quản chúng là Đại-Bàn-đặc xin thỉnh chúng Tỳ-kheo đến thọ thực tại nhà. Trưởng lão Đại- Bàn-đặc nhận lời mời cả chúng Tỳ-kheo trừ vị Tỳ-kheo đần độn không thuộc kinh kệ. Châu-lợi-bàn-đặc thấy anh mình quả không đoái hoài đến em một chút nào, không ích lợi gì mà kéo dài đời tu sĩ, nên quyết định rời Tăng đoàn, về nhà hành

hạnh bố thí và các

công đức khác. Sáng hôm sau ông rời tinh xá rất sớm. Cũng sáng sớm đó, Thế Tôn quan sát thế gian, thấy rõ việc này, đến trước cổng chờ Châu-lợi-bàn-đặc. Khi ông đến, thấy Phật bèn đảnh lễ. Được Phật hỏi ông đi đâu vào giờ này, ông kể tự sự, Phật bảo ông: - Chính Ta thu nhận ông vào Tăng đoàn. Nay anh ông đuổi đi, tại sao ông không đến Ta? Đến đây! Ông hoàn tục thì làm được gì? Hãy ở lại với Ta. Phật xoa đầu ông, với lòng bàn tay mang đường chỉ bánh xe Pháp, và dẫn ông đến ngồi cạnh hương thất. Xong Ngài dùng thần lực tạo ra một miếng vải thật sạch đưa cho ông, bảo: - Châu-lợi-bàn-đặc, ông hãy ngồi tại đây, quay mặt về hướng đông, vừa lau khăn này vừa nói: "Tẩy sạch dơ bẩn, tẩy sạch dơ bẩn!" Đúng lúc ấy giờ thọ thực được báo. Đức Phật hướng dẫn Tăng chúng đến nhà Jìvaka và ngồi xuống chỗ đã dành sẵn. Về phần Châu-lợi-bàn-đặc, ông vâng lời Thế Tôn, vừa lau tay vào miếng vãi vừa bảo: "Tẩy sạch dơ bẩn, tẩy sạch dơ bẩn!". Chiếc khăn ban đầu sạch, bây giờ nhớp nhúa. Từ đó ông nhận ra, vì thân này mà khăn đã mất hết sự sạch sẽ tinh khiết ban đầu và trở thành nhiễm ô cáu bẩn, nên thốt lên: "Các pháp là vô thường". Và chuyên chú vào kiến giải sinh diệt này, ông khai mở tuệ giác. Đấng đạo sư biết ông đã khai mở tuệ giác liền bảo: "Châu-lợi-bàn-đặc, đừng nghĩ rằng chỉ mảnh vãi ấy trở thành cáu bẩn mà ngay trong tâm ông tham ái, bất tịnh và những cấu uế khác cũng đầy rẫy; ông hãy tẩy sạch chúng". Rồi Ngài phóng hào quang hiện thân đến ngồi trước mặt ông đọc Pháp Cú: Tham ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính dùng để chỉ lòng tham. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch tham lam. Và sống đúng giáo pháp bậc vô nhiễm Sân ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính để dùng chỉ bận sân. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch lòng sân. Và sống đúng giáp pháp bậc vô hận. Si ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính dùng để chỉ ám si. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch si đi, Giáo pháp bậc không si, nên theo đúng. Dứt bài kệ, Châu-lợi-bàn-đặc chứng A-la-hán và các thứ thần thông, và cùng với thần thông, ông thông suốt cả ba tạng kinh điển. Trong một kiếp trước, Châu-lợi-bàn-đặc là một vị vua. Có lần trong một buổi lễ đi diễn quanh thành, mồ hôi tươm ướt trán, ông lau trán với một chiếc khăn sạch và sau đó khăn thành lem luốt. Ông nhận ra thân thể nhơ bẩn của mình đã khiến chiếc khăn trước

sạch sau dơ, và sau đó biết các pháp là vô thường. Hiểu rõ tính vô thường nên ở kiếp sau tẩy sạch ô nhiễm đã giúp ông giải thoát. (Trong buổi trai Tăng tại nhà) Jìvaka Komàrabhacca dâng nước lên đấng Thập Lực. Ngài lấy tay đậy bình bát và hỏi: - Jìvaka, không còn Tỳ-kheo nào ở tinh xá sao? Đại-Bàn-đặc đáp: - Bạch Thế Tôn, không còn Tỳ-kheo nào trong tinh xá. Phật bảo: - Này Jìvaka, có đấy! Jìvaka thưa: - Dạ được. Rồi ông cho người đến tinh xá xem còn vị Tỳ-kheo nào không. Do thần thông, Châu-lợi-bàn-đặc nghe anh mình trả lời như thế bèn hiển lộng thần thông biến ra hằng ngàn tỳ-kheo đông dày trong vườn xoài, người may y, kẻ nhuộm y, người khác đang tụng đọc kinh, chẳng người nào giống người nào. Khi gia nhân của Jìvaka thấy các Tỳ-kheo, ông liền quay về, nói: - Thưa gia chủ, các thầy Tỳ-kheo ở vườn xoài rất đông. Tại vườn xoài, Trưởng lão Bàn-đặc: Hóa thân ngàn vị xong thì Vườn xoài tịnh tọa đến khi được mời. Đức Phật bảo gia nhân trở lại tinh xá nói Thế Tôn cho đòi Châu-lợi-bàn-đặc. Nhưng khi ông nói đến câu ấy, cả ngàn miệng các Tỳ-kheo đồng

thanh la lên "Ta là Châu-lợi-bàn-đặc". Ông ta ra về thưa lại, đức Phật bảo hãy trở về tinh xá lần nữa và nắm tay người đầu tiên nói "Ta là Châu-lợi-bàn-đặc" mời đi, những người còn lại sẽ biến mất tức khắc. Sự việc xảy ra như vậy, và ông ta trở về với Châu-lợi-bàn-đặc. Cuối buổi thọ thực, đức Phật dạy Jìvaka giữ bình bát của Châu-lợi-bàn-đặc hồi hướng công đức cúng dường. Châu-lợi-bàn-đặc khi ấy như một con sư tử con rống tiếng rống của loài sư tử, hồi hướng công đức xuyên suốt Tam tạng kinh điển. Rồi Phật từ chỗ ngồi đứng lên, với Tăng chúng vây quanh cùng trở về tinh xá. Sau khi được các Tỳ-kheo chăm sóc như thường lệ, Phật trở về hương thất, ban cho các Tỳ-kheo lời khuyên dạy của một đấng An Lạc, cho đề mục thiên quán và giải tán Tăng chúng. Thế Tôn vào nghỉ trong hương thất, nằm xuống, nghiêng mình bên phải như sư tử. Chiều đến, các Tỳ-kheo từ bốn phía tụ đến, giống như những tấm màn đỏ thắm di động, ngồi xuống trong Pháp đường, tán thán công hạnh của đức Đạo sư, đấng Toàn Giác, Pháp Vương Tối Hậu, chỉ trong khoảng bữa ăn đã độ cho một người đần độn, bốn tháng trời không thuộc nổi một câu kệ, chứng A-la-hán cùng các thần thông và thông suốt luôn cả ba tạng kinh điển. Đức Phật biết các Tỳ-kheo đang thảo luận như thế bèn rời tòa báu, đắp thượng và hạ y nhuộm màu rực rỡ hào quang, thắt lưng nhẹ như chớp hiện, và khoác

trên vai chiếc đại y, giống như chiếc mền đỏ thắm của bậc An Lạc, rời hương thất. Ra khỏi chiếc thất tỏa mùi hương quý, Phật bước đi như voi chúa, dáng trang nghiêm khó sánh của một vị Phật, đến Pháp đường. Ngài bước lên Pháp tòa uy nghi lộng lẫy, từ thân phóng hòa quang sáu màu như vầng thái dương vừa mọc trên đỉnh núi Yugandhara làm rung động tận đáy biển sâu, và ngồi xuống ngay giữa. Lúc Thế Tôn đến, cả hội chúng ngừng chuyện lặng im. Ngài nhìn khắp hội chúng với lòng trìu mến, tự nghĩ: "Hội chúng này làm Ta mãn nguyện vô cùng. Đâu yên đó, không một bàn tay, một bàn chân lộn xộn, không một tiếng ho hen, không một tiếng hắt hơi. Toàn chúng Tỳ-kheo này tôn kính Ta với lòng tôn kính rất mực dành cho một vị Phật, thuần thục Ta vì sự oai nghiêm của Như Lai. Dù ta có ngồi đây im lặng suốt một kiếp thì họ cũng sẽ làm thinh không dám cất tiếng trước, ngay cả hé môi cũng không. Chỉ có Ta mới quyết định khi nào nói đúng thời. Vì vậy Ta sẽ nói trước tiên." Và với giọng nói ngọt ngào của Đại Phạm thiên, Ngài hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn luận việc gì? Các ông đang nói gì mà ngưng ngang ? Nghe các Tỳ-kheo kể xong, Ngài dạy rằng: - Các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Châu-lợi-bàn-đặc tỏ ra đần độn và cũng đã nương tựa vào Ta, trong một kiếp trước ông đã là một người đần độn và cũng đã nương tựa Ta. Nhưng ở kiếp đó Ta khiến ông ấy làm chủ tài sản thế gian, còn bây giờ Ta độ ông ấy làm chủ tài sản xuất thế gian. Các Tỳ-kheo muốn nghe chuyện này, Phật kể. Chuyện quá khứ C. Vị Thầy Lỗi Lạc Chàng Trẻ Tuổi Và Vua Ba La Nại Ngày xưa, một chàng trẻ tuổi ở Ba-la-nại đi đến Takkasilà (thành Hoa Thị) để học nghề với một vị thầy rất lỗi lạc có năm trăm học trò dưới tay. Anh làm hết mọi việc lặt vặt, đỡ đần cho thầy nhiều nhất, từ việc rửa và sức dầu thơm chân thầy, anh đều làm một cách tận tụy. Nhưng anh lại đần độn, không thuộc nhớ một điều gì. Dù vị thầy thấy anh rất đắc lực, cố gắng dạy nghề cho anh nhưng chỉ mất công vô ích. Thời gian đã lâu mà anh ta vẫn không thuộc nỗi một câu kệ nào, chán nản anh muốn rời thầy về nhà. Vị thầy thấy anh ta hết lòng

hầu hạ mình, nên cũng muốn dạy cho anh ta thành một nhà thông thái nhưng không được. Do đó, để đền ơn phần nào, ông dạy cho anh ta một câu chú. Ông dẫn anh ta vào rừng và bắt học thuộc câu: "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi âm mưu? Ta biết rồi! " Tuy anh ta phải vất vả lắm mới học thuộc hết, nhưng một khi đã thuộc rồi thì không bao giờ quên nữa. Rồi ông cho chàng một số tiền làm lộ phí và dặn dò: - Bây giờ anh hãy đi kiếm sống bằng bài chú này. Nhưng điều kiện bắt buộc là anh không được quên, phải lặp đi lặp lại hoài hoài. Và anh lên đường trở về Ba-la-nại. Mẹ anh gặp lại con mừng rỡ vì nghĩ con đã học thành tài, và mở tiệc ăn khao.

Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại đang trong thời kỳ chú tâm xem xét từng hành động của thân khẩu ý, hầu phát hiện lỗi lầm của mình. Ông tự tìm mà không thấy lỗi. Sau, ông tự nghĩ mình sẽ không thấy được lỗi của mình và phải nhờ người khác. Vì thế ông đi khắp hoàng thành để lắng nghe thiên hạ phê bình vua. Ông biết rằng thói thường khi đã no bụng người ta ưa ngồi lê đôi mách đủ thứ truyện trên cõi đời, và nếu vua cai trị bất công họ sẽ kể lể nào là đời sống suy sụp vì sưu cao thuế nặng, bị hôn quân áp bức, còn vua cai trị công minh sẽ được tán thán về đức tính cao quý và được tung hô vạn tuế. Do đó đêm xuống, vua cải trang ra khỏi cung điện, đi đến nhà dân. Nhằm lúc có bọn trộm đang đào một đường hầm giữa hai nhà để chui vào. Một là nhà của chàng trẻ tuổi vừa học nghề về. Bọn trộm vào được nhà và bắt đầu dòm ngó đồ đạc. Vừa đúng lúc, chàng trai thức giấc, miệng lẩm nhẩm câu chú: "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi làm thế? Ta biết rồi! " Bọn trộm nghe qua thất kinh hồn vía, tưởng là đã bị phát giác, sợ nguy đến tính mạng liền tháo chạy xuống đường hầm bất kể phương hướng, quăng lại bộ quần áo trên người. Vua đang ở gần đó, thấy bọn trộm chạy và nghe chàng trai đọc thần chú, ông đi tiếp đến khi trời gần sáng sớm mới về hoàng cung, và ra lệnh đòi chàng trai đến để bắt truyền dạy câu chú. Anh ta đồng ý và dạy xong được vua ban một ngàn đồng. Viên tướng thống lãnh quân đội thời đó muốn soán ngôi nên âm mưu với anh thợ cạo cắt cổ vua, thành công thì chức thống lãnh quân đội sẽ dành cho anh ta. Đến ngày cạo râu cho vua, anh thợ cạo vào cung thấm ướt râu vua với nước hoa, mài dao và áp vào cằm vua. Cứa cổ vua tốt nhất chỉ với một nhát dao nhưng thấy con dao hơi lụt nên anh ta mài dao thêm một lần nữa. Nhà vua bỗng nhớ đến câu chú muốn đọc lại "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi làm thế? Ta biết rồi!" Anh thợ cạo hết hồn, mồ hôi ướt trán từng giọt vì tưởng rằng vua đã biết toan tính của mình. Anh ta ném dao, quỳ mọp sát chân vua run rẩy. Vua đoán ngay việc gì xảy ra nên giận dữ bảo: - Tên vô lại! Mi nghĩ rằng vua không biết gì ư? - Tâu bệ hạ, xin tha mạng cho thần! - Thôi được, đừng sợ. Nói hết đầu đuôi cho ta nghe. Nghe xong, vua gọi viên tướng lãnh đến trục xuất khỏi vương quốc và giao chức thống lãnh quân đội cho chàng trai để đền ơn. Thế Tôn kết thúc câu chuyện: - Chàng trai chính là Châu-lợi-bàn-đặc và vị thầy lỗi lạc là Ta. Lại một hôm, các Tỳ-kheo bảo Thế Tôn là nơi nương tựa cho Châu-lợi-bàn-đặc. Phật kể thêm chuyện quá khứ Culla Setthi trong Bổn sanh: Người khôn ngoan thông minh, Có thể nâng đời mình, Lên địa vị cao sang Bằng chút ít tài sản, Như thổi ngọn lửa nhỏ,

Gây nên đám lửa to. Và bảo các Tỳ-kheo: - Lúc đó học trò là Châu-lợi-bàn-đặc, còn thương gia là Ta. Một hôm khác, các Tỳ-kheo nhắc lại chuyện Châu-lợi-bàn-đặc: - Trong

bốn tháng Châu-lợi-bàn-đặc không thuộc nỗi một câu kệ. Nhưng vì trong tâm ông vẫn nung nấu ý nguyện không hề lơi lỏng nên ông ta đã chứng A-la-hán, và giờ đây đang làm chủ tài sản xuất thế gian. Phật đến, nghe kể lại bèn dạy rằng: - Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo khi nỗ lực hết sức mình tuân giữ giới luật thì không thể nào không làm chủ tài sản xuất thế gian. Và nói Pháp Cú sau: (25) Nỗ lực, không phóng dật Tự điều, khéo chế ngự, Bậc trí xây hòn đảo, Nước lụt khó ngập tràn. 4. Ngày Lễ Của Kẻ Ngu Chúng ngu si thiếu trí ... Phật nói câu Pháp Cú này lúc ở Kỳ Viên liên quan đến ngày lễ của kẻ ngu, Bàlanakkhatta. Một thuở nọ, tại Xá-vệ có một ngày lễ của những tên ngu kéo dài trong bảy ngày. Chúng trét tro phân đầy mình và tha hồ nói đủ kiểu thô tục. Nếu chúng gặp thân quyến bè bạn hay người tu nào, chúng sẽ chẳng nể nang gì, có thể đứng tại cửa lăng mạ với những lời lẽ thô tục. Ai không chịu nổi thì phải trả cho chúng một đồng, một nữa hay một phần tư tuỳ theo túi tiền. Có tiền rồi, chúng mới chịu đi tới chỗ khác. Năm mươi triệu thánh đệ tử Phật tại Xá-vệ lúc đó bèn gửi lời xin Thế Tôn cùng Tăng chúng chớ vào thành trong bảy ngày lễ này, và họ gửi thực phẩm đến tận tinh xá cúng dường, và chính họ cũng không dám ra khỏi nhà. Đến ngày thứ tám khi cuộc lễ kết thúc, họ cung thỉnh Phật và Tăng đoàn đến cúng dường đầy đủ, xong kính cẩn ngồi một bên thưa: - Bạch Thế Tôn! Chúng con đã trải qua bảy ngày thật khó chịu. Lỗ tai chúng con muốn nổ tung khi nghe những câu nói tục tĩu của lũ điên. Không ai tôn trọng ai hết. Vì thế chúng con không dám để Thế Tôn vào thành. Chính chúng con cũng không ra khỏi nhà. Phật nghe xong bảo họ: - Kẻ ngu cư xử điên rồ như thế. Còn người khôn giữ gìn chánh niệm xem như kho tàng quý báu nhất, và do hành động như thế sẽ đạt đến Bất Tử và Niết Bàn. Và Phật đọc Pháp Cú: (26) Chúng ngu si thiếu trí, Chuyên sống đời phóng dật,

Người trí, không phóng dật. Như giữ tài sản quý. (27) Chớ đời sống phóng dật Chờ mê sau dục lục, Không phóng dật, thiền định, Đạt được an lạc lớn. 5. Đại Ca Diếp Người trí dẹp phóng dật ... Thế Tôn nói Pháp Cú này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Đại Ca- diếp. Khi Trưởng lão còn ở trong hang Pipphali, một hôm vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về độ ngọ, rồi Ngài ngồi xuống khai mở Tuệ giác, dùng Thiên nhãn xem xét chúng sanh, kẻ buông lung, người chánh niệm, chúng sanh trong nước trên đất, trên núi và khắp mọi nơi, kẻ ra đời người quá vãng. Bấy giờ đấng Đạo sư tại Kỳ Viên cũng dùng Thiên nhãn xem xét, và thấy đệ tử Ngài là Đại Ca-diếp đang quán sát chúng sanh trong vòng sanh tử. Chúng sanh trôi lăn từ kiếp sống này đến kiếp sống khác, và thọ mạng trong bào thai của mẹ mình mà không hề biết gì cả cha lẫn mẹ. Biết rằng Ngài Ca-diếp chưa đủ năng lực để thấu triệt điều này, chỉ có chư Phật mới thông suốt toàn bộ vòng luân hồi sanh tử của chúng sanh, nên Thế Tôn nói cho Tôn giả hay điều đó, và phóng quang ánh kim thân Phật ngồi trước mặt Ca-diếp, đọc câu Pháp Cú: (28) Người trí dẹp phóng dật, Với hạnh không phóng dật, Leo lầu cao trí tuệ, Không sầu nhìn khổ sầu, Bậc trí đứng núi cao, Nhìn kẻ ngu đất bằng 6. Hai Huynh Đệ Tinh cần giữa phóng dật ... Phật nói Pháp Cú này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến hai huynh đệ. Có hai Tỳ-kheo nhận đề mục thiền quán từ Phật xong, lui vào rừng ẩn cư. Sáng sớm người thứ nhất lo mang củi, nhúm lò than và suốt canh một ngồi tán gẫu với các cận sự và Sa-di. Người kia thì tinh cần chánh niệm lo tọa thiền, khuyên bạn chớ nên buông

lung vì tứ khổ luôn chực sẵn ở đó chờ người buông lung như ngôi nhà của mình vậy, và không thể được ân huệ của chư Phật với lòng tráo trở. Nhưng vị Tỳ-kheo lười biếng không nghe. Thấy không thể khuyên nhắc gì bạn mình, vị kia vẫn hết mình an trú trong chánh niệm, tiếp tục ngồi thiền.

Vị Tỳ-kheo lười ngồi sưởi hết canh một, rồi đứng dậy trở về tinh xá cùng lúc với vị kia vừa kinh hành xong trở về liêu. Đã vậy ông còn lên giọng răn dạy vị huynh đệ của mình: - Anh thực là biếng nhác, lui vào rừng chỉ để nằm dài và ngủ khì. Nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn đáng lý anh phải thức dậy và nổ lực tọa thiền mới đúng chứ! Buông ra những lời dạy khôn xong, ông ta vào liêu đến chỗ mình điềm nhiên nằm xuống và ngủ liền. Còn vị kia, sau khi kinh hành suốt canh một, nghỉ trong canh hai thức dậy vào canh cuối và dốc hết sức tọa thiền. Sống chánh niệm như thế chẳng bao lâu vị Tỳ-kheo tinh cần chứng A-la-hán cùng các thần thông. Còn vị lười biếng kia phí hết thì giờ trong sự buông lung. Mãn thời gian an cư, cả hai đi đến Thế Tôn, đảnh lễ cung kính và ngồi xuống một bên. Phật thăm hỏi họ và bảo: - Ta tin các ông đã sống tinh cần chánh niệm, miên mật hành thiền. Chắc các ông đạt được quả thánh? Tỳ-kheo lười lẹ miệng thưa: - Bạch Thế Tôn, ông kia chẳng tinh cần chút nào cả. Từ lúc rời Phật chỉ có nằm và ngủ. - Còn ông thì sao? - Bạch Thế Tôn, vừa sáng sớm con đã mang củi nhúm lò than và ngồi sưởi trong canh một. Con không phí thì giờ để ngủ. - Ông đã phí thời giờ sống buông lung mà còn dám bảo là mình siêng năng. Ông đã sai quấy sống buông lung thay vì sống tinh cần chánh niệm. So với con của ta như con tuấn mã, ông như con ngựa hèn yếu. Rồi Thế Tôn đọc Pháp Cú: (29) Tinh cần giữa phóng dật, Tỉnh thức giữa quần mê, Người trí như tuấn mã, Bỏ sau con ngựa hèn. 7. Magha Trở Thành Trời Sakka (Đế Thích) Đế Thích không phóng dật ... Thế Tôn dạy Pháp Cú này trong tinh xá mùa hè gần Tỳ-xá-ly liên quan đến vua trời Đế Thích. Chuyện hiện tại. A. Câu Hỏi Của Mahàli Một ông hoàng dòng Lệ-xá tên Mahàli Tỳ-xá-ly, nghe Thế Tôn đọc bài kinh tựa đề là "Câu hỏi của Đế Thích", trong đó Ngài nói những sự tốt đẹp huy hoàng của Đế Thích, ông đem lòng thắc mắc không hiểu Ngài có trông thấy hay quen biết với Đế Thích không. Và ông ta đến gần Thế Tôn, ngồi xuống một bên thưa hỏi. Thế Tôn giải đáp rằng trong một tiền kiếp, vua trời Đế Thích đã từng làm người là ông hoàng Magha nên được

gọi là đức Maghavà; một kiếp khác là một người cúng dường nên tên là Purindada; một kiếp nữa là người ham bố thí nên tên là Sakka; là người có thể nghĩ đến ngàn việc trong một lúc tên là Sahassakkha, có vợ A-tu-la nên tên là Sujampati; đã từng thống lãnh các vị trời cõi ba mươi ba nên được gọi là vua trời. Ngoài những công đức này, đức Phật giải thích thêm, trong một tiền kiếp khác vua trời Đế Thích đã làm tròn bảy điều thệ nguyện là suốt đời: 1) Phụng dưỡng cha mẹ, 2) Lễ kính bậc trưởng thượng, 3) Nói những lời hòa nhã, 4) Không bao giờ nói xấu ai sau lưng, 5) Làm gia chủ với tâm không tham lam keo kiệt, tay rộng mở buông xả những gì thuộc về mình, hoan hỷ rộng lượng, ân cần với người cầu xin, hoan hỷ trong sự bố thí, 6) Nói sự thật, 7) Dứt bỏ sân hận, nếu sân hận nổi lên xin mau buông bỏ. Đó là những việc làm của Đế Thích khi ông là ông hoàng Magha xử sự ra sao nên Mahàli thỉnh cầu Thế Tôn kể chuyện quá khứ. Ngài kể: B. Magha Trở Thành Vua Trời Sakka Xưa có một ông hoàng tên Magha sống

trong làng Macala thuộc vương quốc Ma- kiệt-đà. Một hôm ông đến chỗ buôn bán thị tứ, lấy chân gạt sạch bụi đất để có một chỗ đứng thoải mái. Nhưng một người khác lại đến đẩy ông ra chiếm chỗ. Thay vì giận người ấy, ông kiếm một chỗ khác dọn sạch để đứng. Lại một người cũng đến đẩy ông ra chiếm chỗ. Ông dặn lòng đừng giận và lại tìm chỗ khác. Rồi hết người này đến người nọ tiếp tục đuổi ông đi. Ông nghĩ rằng những người này dường như khoái chí, việc làm của ông mang đến niềm vui cho họ, quả là một việc đáng làm. Hôm sau ông mang cuốc dẹp dọn một khoảng đất rộng bằng sân phơi lúa, tức thì thiên hạ đến chiếm chỗ. Mùa lạnh ông đốt lò sưởi ấm họ, vì thế đây là nơi mọi người thích đến. Rồi ông thấy có bổn phận phải làm một con đường bằng phẳng dễ đi, nên sáng sớm ông bắt đầu làm đường, chặt bỏ hết những cành cây vướng víu. Ông đã dành thì giờ để làm những việc như thế. Có người thấy vậy bèn hỏi ông: - Thưa Ngài, Ngài đang làm gì thế? - Tôi đang bước trên đường dẫn đến cõi trời. - Cho tôi cùng đi với. - Thưa Ngài, hãy đi với tôi; thiên đường là nơi an lạc cho nhiều người. Thấy hai người đang làm việc, người thứ ba đến, và tương tự như trước, xin gia nhập. Rồi người thứ tư, thứ năm, cuối cùng là đến người thứ ba mươi ba. Họ dùng cuốc và rìu làm một con đường dễ đi và bằng phẳng dài chừng một hai dặm. Thôn trưởng nghe tin đến xem xét việc họ làm và tỏ vẻ bực bội vì không kiếm chác gì được cho riêng mình. Ông thuyết phục họ đừng làm nữa vì không phải là việc của người tại gia, và ông khuyên họ đi câu cá, săn thú rừng, hoặc chè chén say sưa, hoặc vui chơi thỏa thuê. Nhưng họ

không nghe ông, vẫn một mực làm con đường dẫn lên cõi trời. Thôn trưởng tức giận muốn phá họ bèn tâu dối vua đó là một bọn cướp. Vua truyền lệnh bắt ba mươi ba chàng trai cho voi chà. Trước cơn nguy khốn, Magha nhắn nhủ đồng bọn: - Các bạn, chúng ta không còn chỗ nào để ẩn náu ngoài lòng từ bi. Hãy để tâm an tĩnh. Hãy yêu thương, đừng sân giận bất cứ ai. Nên rải tâm từ đến nhà vua, thôn trưởng và đến cả con voi sắp giẫm chân lên chúng ta. Ba mươi ba chàng trai vâng lời thủ lãnh của họ. Sức mạnh của tình thương đã khiến con voi không dám đến gần họ. Vua nghe báo tưởng rằng vì nhiều người nên voi không dám đến, nên ra lệnh phủ lên người họ tấm thảm dày. Nhưng từ xa voi đã thối lui. Vua đoán biết chắc là có lý do gì đây, nên gọi họ lại xem có phải bọn họ là băng ăn cướp len lỏi trong rừng hay không, được biết họ bị thôn trưởng vu oan. Vua ra lệnh bắt thôn trưởng cùng với vợ con làm nô lệ cho họ, tặng một con voi để cưỡi và cả ngôi làng ấy để tùy nghi sử dụng. Ba mươi ba chàng trai thấy rõ công đức mang đến lợi lạc ngay đời này, họ càng thêm phấn khởi, nên khi cưỡi voi về làng họ bàn tính sẽ làm thêm nhiều công đức nữa. Cuối cùng họ nhất trí xây dựng một nhà khách cho dân chúng tại ngã tư đường lớn, một tòa nhà an toàn và kiên cố. Họ mời chủ thầu đến giao việc, và cấm không cho phụ nữ dự phần vào, vì họ đã dứt được lòng tham dục đối với phụ nữ. Lúc bấy giờ có bốn bà ở trong nhà Magha là Hoan Hỷ, Trầm Tư, Thiện Tánh và Thiện Sanh. Thiện Tánh bí mật đến gặp chủ thầu hối lộ để ông ta chạm câu "Căn nhà này của Thiện Tánh" vào tháp nhọn trên mái nhà. Chủ thầu vớ được món bở, đồng ý ngay và cho hạ một cây khô. rồi đẽo, bào, khoan thành một tháp nhọn, xong quấn vải cất lại. Khi căn nhà đã hoàn thành, đến ngày dựng tháp chủ thầu giả bộ hoảng hốt tìm ba mươi ba chàng trai báo tin là còn thiếu cây tháp. Họ hối

phải làm ngay, nhưng không thể làm với cây tươi được. Chủ thầu lúc đó bảo họ tốt nhất là đi tìm nhà nào đã làm sẵn tháp để bán. Họ tìm kiếm khắp nơi và chỉ trong nhà Thiện Tánh là có sẵn tháp. Họ chịu mua với giá một ngàn đồng, nhưng Thiện Tánh không bán mà chỉ muốn góp phần vào công trình xây dựng. Các chàng trai ban đầu từ chối viện dẫn không muốn cho phụ nữ tham gia, nhưng sau bị chủ thầu thuyết phục là chỉ có cõi Phạm Thiên mời loại trừ đàn bà, nên họ nhận tháp để công trình sớm hoàn tất. Rồi họ chia căn nhà ra ba phòng, một dành cho vua, một cho người nghèo và một cho người bệnh. Họ xây tiếp ba mươi ba chỗ ngồi, dặn con voi khi có khách đến ngồi vào chỗ nào thì mời khách đến nơi vị chủ của chỗ ngồi đó, để chủ làm bổn phận với khách như xoa bóp chân và lưng khách, dâng thức ăn cứng và mềm dọn chỗ ở, tức là làm tốt mọi việc phục vụ khách. Magha trồng một cây mun gần tòa nhà và xây một ghế đá dưới gốc cây. Khách vào tòa nhà. Nhìn tháp nhọn đọc tên của Thiện Tánh đã khắc chạm vào đó, mà không thấy tên ba mươi ba chàng trai đâu cả.

Hoan Hỷ thấy Thiện Tánh khéo góp phần vào, trong khi mình chưa có gì hết, bèn nghĩ cách đào một hồ nước, để cung cấp nước uống và nước tắm cho khách. Đến lượt Trầm Tư cũng vậy, biết rằng ai đã bước vào tòa nhà, sau khi uống nước và tắm đều trang điểm vòng hoa trước khi đi ra, nên cho trồng một vườn hoa tráng lệ với nhiều hoa đẹp và trái quý đến nỗi không ai bảo bông trái này chắc chắn là từ vườn hoa của Trầm Tư. Riêng phần Thiện Sanh là em họ và cũng là vợ của Magha nên nghĩ rằng công đức của Magha nàng sẽ được hưởng lây. Cũng như công đức của nàng Magha vẫn hưởng chung, do đó nàng chẳng làm gì cả, chỉ lo trang điểm. Như vậy, Magha người phụng dưỡng cha mẹ, tôn kính bậc trưởng thượng, nói sự thật, không lỗ mãng, không nói sau lưng, bỏ lòng tham, không nổi sân, tức là đã làm tròn bảy giới luật nên được làm vua trời cõi ba mươi ba sau khi tái sanh. Các bạn đồng hành cũng đều sanh thiên nơi đó. Còn người chủ thầu thì làm trời Vissakamma. Khoảng thời gian đó còn loài A-tu-la sống ở cõi trời ba mươi ba, và khi họ biết có những vị trời mới sinh lên đó bèn chuẩn bị tiệc rượu cho họ. Nhưng vua trời Đế Thích cấm nhóm bạn mình không được uống nước đó. Các A-tu-la thì uống thỏa thuê và say nhè. Đế Thích không muốn cho A-tu-la sống chung với mình nên ra hiệu cho nhóm bạn mình đá họ rơi xuống biển. Nhờ có công đức nên dưới chân núi Tu-di mọc lên tòa lâu đài cho A-tu-la và cây hoa Kèn nhiều màu. Cuộc xung đột giữa chư thiên và A-tu-la kết thúc, phần thắng về chư thiên. Từ đó thành lập cung trời ba mươi ba. Khoảng cách từ cổng Đông sang cổng Tây là mười ngàn dặm, từ cổng Bắc đến cổng Nam cũng vậy. Cung trời có một ngàn công tô điểm với vườn cảnh và hồ nước. Do quả báo từ việc xây cất nhà khách, nổi lên ngay giữa cung một điện các tên là Chiến Thắng. Cao bảy trăm dặm, cờ phướn dài ba trăm dặm treo la liệt. Trên cột vàng treo cờ ngọc, trên cột ngọc treo cờ vàng, trên cột san hô treo cờ hổ phách, trên cột hổ phách treo cờ san hô, trên cột bằng bảy loại đá quý treo cờ bằng bảy loại đá quý. Quả báo việc trồng cây mun khiến mọc lên cây san hô ôm một trăm dặm. Quả báo của việc xây chỗ ngồi dưới gốc cây khiến hiện ra dưới gốc san hô một ngai bằng đá vàng, màu vàng ửng đỏ giống như hoa Lài, dài sáu mươi dặm, rộng năm mươi dặm và dày mười lăm dặm. Khi Đế Thích ngồi lên ngai thì bị lún xuống một nữa, nếu đứng dậy thì trồi lên hết, vì được tái sanh làm trời Eràvana. Vì cõi trời không có loài vật nên muốn đến

vườn giải trí voi phải bỏ thân trời hiện tướng voi trở lại, cao lớn cỡ một trăm năm mươi dặm. Voi Eràvana làm ra ba mươi ba vại nước cho ba mươi ba chàng trai, mỗi cái chu vi ba phần tư dặm. Đúng ngay trung tâm voi tạo một bồn nước tên là Mỹ Lệ dành cho trời Đế Thích, chu vi ba mươi dặm, bên trên có che một vòm làm toàn bằng ngọc quý rộng mười hai dặm. Quanh vòm cách khoảng đều treo những lá cờ dài một dặm bằng bảy báu. Một hàng chuông leng keng dính vào biên dưới lá cờ, mỗi khi gió thổi rung lên một điệu nhạc êm dịu như âm thanh phát ra từ năm loại nhạc cụ hay tiếng hòa của chư thiên. Giữa lầu các đặt sẵn một giường bằng ngọc dài một dặm cho Đế Thích tựa mình trang trọng. Trong ba mươi ba vại nước của ba mươi ba vị trời, mỗi vại mọc lên bảy ngà voi, mỗi cái

dài năm mươi dặm và chứa bảy hồ sen, mỗi hồ sen nhô lên bảy cọng sen, mỗi cọng sen nở bảy hoa sen, mỗi hoa có bảy nhánh và trên bảy nhánh có bảy thiếu nữa đang múa. Như thế trong phạm vi năm mươi dặm ở mọi phía đều có hội chúng nhảy múa lơ lửng trên vô số ngà voi. Vua Đế Thích đã thụ hưởng lạc thú sung mãn như vậy. Thiện Tánh qua đời cũng tái sanh về cõi trời, đồng thời xuất hiện giảng đường Thiện Tánh, nhà luận nghị của chư thiên rộng chín trăm dặm đẹp không nơi nào bì kịp, và tại đó vào ngày thứ tám hàng tháng có thuyết pháp. Từ đó trở đi ai trông thấy nơi nào lộng lẫy cũng nói giống nhà nghị luận của chư thiên tức giảng đường Thiện Tánh. Hoan Hỷ và Trầm Tư đều sanh thiên, đồng thời hiện ra một hồ sen tên Hoan Hỷ rộng năm trăm dặm và một khu rừng dây leo tên Trầm Tư rộng năm trăm dặm. Nhưng riêng Thiện Sanh tái sanh thành một con sếu ở trong hang núi. Nhận biết tình trạng những người vợ cũ mình như thế, Đế Thích tìm cách giúp cho Thiện Sanh có cơ hội tạo lập công đức. Ông cởi bỏ lớp trời đến bên Sếu trò chuyện. Ông phải xưng tên là Magha vì Sếu không nhận ra và kể cho nàng biết là bạn bè đều sanh thiên, hỏi nàng muốn gặp họ không, nàng ưng thuận. Ông đặt nàng trong lòng bàn tay mang lên trời đến bên hồ sen Hoan Hỷ rồi gọi những bà kia đến. Họ thấy Sếu, chế nhạo một hồi, nào là mỏ nàng, bàn chân rồi đến cặp chân, kết luận một câu: - Hãy xem quả báo của quý nương, người chỉ dành thời giờ để tô son chuốt phấn cho riêng mình! Xong kéo đi hết. Đế Thích mang nàng trở về chỗ cũ trên mặt nước và dọ ý xem nàng có thích cõi trời hay không. Nàng rất ưa thích vì thấy trên đó vui sướng đẹp đẽ. Ông dạy cho nàng năm giới. Ba lần Đế Thích hóa làm cá giả như chết để thử nàng, khi nàng lấy mỏ quắp cá vẫy đuôi, nàng liền không ăn. Nàng Sếu giữ giới không ăn cá sống, chỉ ăn cá đã chết rồi hoặc không ăn gì hết, chẳng bao lâu nàng héo mòn và chết. Do phước báo của việc giữ giới này nàng tái sanh làm con gái người thợ gốm ở Ba-la-nại. Khi cô gái lên mười lăm, mười sáu tuổi, Đế Thích bỏ lốt trời, lấy bảy báu đã hóa thành dưa chuột chất đầy xe đẩy vào thành Ba-la-nại rao bán. Người ta cầm tiền đến mua, giá nào ông cũng không bán. Có người thắc mắc hỏi tới, ông đáp là chỉ cho người nào giữ giới, họ lại hỏi tiếp giới là gì, không giữ giới, nên ông đẩy xe đi. Có người chỉ cho ông con gái thợ gốm thường nói "Tôi giữ giới", ông đánh xe đến nhà cô và giao cho cô kho báu của trời trong lớp dưa chuột không hề mất mát. Qua kiếp này cô gái tái sanh làm con của vua A-tu-la là Vepacitti. Vì giữ giới trong hai kiếp liên tiếp nên cô rất duyên dáng mỹ miều từ thân hình đến nước da màu vàng chưa từng thấy. Cha cô rất kén rể, ai cũng không vừa ý, cuối cùng ông mời

hết A- tu-la đến, đặt tay vào con gái một vòng hoa bảo nàng tự chọn người chồng vừa ý. Đế Thích biết được biến thành một A-tu-la lọm khọm đứng vòng ngoài các chàng trai. Cô gái vì ở một kiếp trước đã từng làm vợ Đế Thích nên khi thấy ông mãnh lực ái tình tuôn tràn, nàng liệng vòng hoa lên đầu ông và la lên:

- Ông ta là chồng tôi! Các chàng trai A-tu-la buồn bã bảo nhau: - Đúng là già kén kẹn hom, chàng phò mã này đáng ông nội cô ta! Lúc đó Đế Thích hiện nguyên hình trời, nắm tay cô gái bay lên không la lên: - Ta là Đế Thích! Các A-tu-la đồng thanh hô lớn: - Lão Đế Thích này lừa chúng ta rồi! Và họ rượt đuổi theo. Người đánh xe Màtali đem xe chiến thắng đến ngừng giữa đường rước Đế Thích và cô dâu chạy về cung trời. Đến rừng cây Bông và Tơ bầy chim non Garuda (Kim Xí Điểu) nghe tiếng bánh xe sợ bị nghiến nát kêu cứu inh ỏi. Đế Thích liền ra lệnh cho Màtali quất roi khiến ngàn tuấn mã Sindh quay đầu chạy trở lại. Các A-tu-la thấy vậy nghĩ rằng Đế Thích đã có viện binh nên cũng trở lui về thành bằng con đường cũ, và không bao giờ dám ló đầu ra nữa. Từ đó cô gái A-tu-la Thiện Sanh được tấn phong lên cầm đầu hai mươi lăm triệu thiên nữ. Nàng chỉ có một mình trên thiên giới, không cha mẹ, anh em ... nên thường xin đi theo Đế Thích. Thời gian sau khi cây hoa Kèn nhiều màu nở hoa, các A-tu-la reo lên là cây san hô trên thiên giới trổ bông và họ xông lên tấn công Đế Thích. Vua trời bèn đặt trạm gác để ngăn chặn giúp loài rồng Nàgas dưới biển và cho bảo vệ chim thần Supannas và chư thiên Kumbhandas, trời Dạ-xoa (Yakkhas) và cả Tứ Thiên Vương. Để ngăn ngừa tai họa, ông đặt trước cổng thành ảnh Đế Thích tay cầm lưỡi tầm sét. A-tu-la đánh thắng loài rồng Nàgas và các phi nhân khác xong tiến đến cổng thiên giới họ thấy ảnh Đế Thích hô hoán lên "Đế Thích xông ra kia kìa!" và vội bỏ chạy. Thế Tôn kết luận: - Này Mahàli! Ông hoàng Magha đã chọn con đường tinh cần chánh niệm thế đó, và đạt đến ngôi vị tối cao cai quản hai thiên giới. Tinh cần chánh niệm được chư Phật và mọi người tán thán, nhờ thế sẽ đạt quả vị cao tột thế gian và xuất thế gian. Rồi Ngài đọc Pháp Cú: (30) Đế Thích không phóng dật, Đạt ngôi vị thiên chủ. Không phóng dật được khen, Phóng dật thường bị trách. 8. Một Tỳ Kheo Chứng A-La-Hán Vui thích không phóng dật ... Giáo lý này Thế Tôn nói trong khi ngụ ở Kỳ Viên liên quan đến một Tỳ-kheo. Một Tỳ-kheo nhận đề tài thiền quán từ Thế Tôn xong lui vô rừng. Dù cố gắng hết sức mình ông vẫn không chứng được quả A-la-hán. Ông rời nơi an cư trở về chỗ Thế Tôn định xin đổi đề tài thiền quán khác. Trên đường đi ngang một khu rừng lớn đang cháy dữ dội, ông trèo lên đỉnh một ngọn núi trọc và ngồi xuống ngắm ngọn lửa bừng cháy đang

thiêu đốt mọi vật lớn và nhỏ. Ông cũng muốn tất cả những chướng ngại lớn và nhỏ sẽ được ngọn lửa trí tuệ của Thánh đạo đốt cháy hết. Đức Phật ngồi trong hương thất thấy hết diễn biến tư tưởng của Tỳ-kheo liền phóng quang đến trước mặt Tỳ-kheo nói kệ: (31) Vui thích không phóng dật, Tỳ-kheo sợ phóng dật Bước tới như lửa bừng, Thiêu kiết sử lớn nhỏ. Dứt câu kệ, vẫn ngồi tại chỗ, Tỳ-kheo thiêu đốt hết mọi trói buộc và chứng A-la- hán cùng những thần thông Sau đó ông bay lên không đến gặp Thế Tôn, tán thán và ca ngợi kim thân Phật. 9. Tissa Ở Phố Chợ Vui thích không phóng dật ... Giáo lý này Thế Tôn dạy khi ngụ tại Kỳ Viên liên quan đến Trưởng lão Tissa ở phố chợ, tức Nigamavàsì Tissa. Một chàng trai có địa vị sinh sống tại phố thị không xa Xá-vệ,

một hôm xuất gia thành Tỳ-kheo trong giáo đoàn của Phật. Nhờ làm tròn bổn phận ông thường được gọi là Tissa ở phố chợ. Ông nổi tiếng sống thanh đạm, trí túc, trong sạch và kiên quyết. Ông hay đi khất thực trong làng có thân quyến cư ngụ mà không bao giờ đến Xá-vệ ở gần bên, dù ông Cấp Cô Độc và những cư sĩ khác kể cả vua Ba-tư-nặc thường dâng cúng nhiều phẩm vật ngoại hạng. Các Tỳ-kheo bàn tán về ông, cho rằng ông chỉ giao thiệp thân mật với quyến thuộc mà chớ hề đến Xá-vệ nơi được cúng dường dồi dào. Chuyện đến tai Phật, ông được gọi đến. Phật hỏi: - Tỳ-kheo, có thật ông đã sống như người ta báo không? Tissa đáp: - Bạch Thế Tôn, không đúng sự thật khi nói con giao thiệp thân thiết với họ hàng. Con chỉ nhận nơi họ thức ăn vừa đủ. Chỉ vì nhu cầu gìn giữ mạng sống, nên dù ngon dù dở, con thấy rằng không cần phải trở về tinh xá để tìm vật thực nữa. Con không giao thiệp thân mật với quyến thuộc, bạch Thế Tôn! Phật biết được tâm ý của Tỳ-kheo liền khen: - Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Không có gì lạ, là đệ tử của Ta tất nhiên ông phải biết sống thiểu dục. Thiểu dục là ý hướng và thói quen của Ta. Chuyện quá khứ A. Sakka Và Con Vẹt Ngày xưa mấy ngàn con vẹt sống ở rừng cây sung xứ Hy-mã-lạp-sơn trên bờ sông Hằng. Khi những trái trên cây nơi con vẹt chúa đậu rụng hết, nó bèn ăn những gì tìm được dù chồi non, lá xanh hay cỏ cây, ống nước sông Hằng và rất hạnh phúc mãn nguyện ở lại nơi ấy. Vẹt hạnh phúc và mãn nguyện đến nỗi cung trời của Đế Thích (Sakka) rúng

động. Đế Thích tìm lý do, thấy là vì chim vẹt liền quyết định thử thách nó. Ông dùng thần lực giáng xuống cây sung làm cành lá đổ la liệt, chỉ còn gốc cây đầy lỗ hổng và vết nứt. Khi tiếng ầm vang lên từ bên trong cây bụi tuôn mù mịt, và đó là nguồn thức ăn của chim vẹt cùng với nước sông Hằng, nó không đi đâu khác, nó vẫn đậu trên cây sung chẳng ngại gì nắng gió. Đế Thích thấy vẹt vẫn hạnh phúc và mãn nguyện, bèn biến thành ngỗng chúa có Thiện Sanh trong hình dáng nữ thần Asura dẫn đường đến rừng cây sung. Ông đậu xuống một cây gần chỗ của vẹt và mở đầu câu chuyện bằng bài kệ: Có những cây lá xanh Những cây nặng trĩu trái Tại sao vẹt lại thích Ở trên cây bị đốn ngã trơ trọi? Kể đến đây đức Phật nói tiếp: - Lúc ấy Đế Thích là Ananda là vẹt chúa chính là Ta. Vì thế này các Tỳ-kheo, thiểu dục là ý hướng và thói quen của Ta. Do đó không có gì lạ khi đệ tử của Ta là Nigamavàsì Tissa biết sống hạnh phúc và mãn nguyện không bị sa đọa, không những thế còn gần đến Niết-bàn. Đức Phật nói tiếp Pháp Cú sau: (32) Vui thích không phóng dật, Tỳ-kheo sợ phóng dật, Không thể bị thối đọa, Nhất định gần Niết-bàn.

PHẨM III: TÂM 1. Trưởng Lão Meghiya Tâm hoảng hốt giao động ... Thế Tôn dạy giáo lý này khi ngụ trên núi Càlikà liên quan đến Tôn giả Meghiya. Trưởng lão Meghiya bị tam độc tham sân si quấy nhiễu không thể hành thiền tinh tấn trong khu rừng xoài, nên trở về chỗ Thế Tôn. Thế Tôn dạy ông: - Meghiya, ông đã phạm một lỗi lớn. Ta đã bảo rằng Ta chỉ một mình, ông nên ở lại đợi đến khi có Tỳ-kheo khác đến hãy đi. Nhưng ông không đếm xỉa đến lời Ta, cứ làm theo ý mình. Một Tỳ-kheo không bao giờ nên bỏ Ta mà đi khi Ta yêu cầu ở lại. Một Tỳ- kheo không bao giờ nên để tâm ý dẫn dắt như thế. Khi tâm ý giao động, ta phải luôn luôn biết chế ngự. Và Thế Tôn nói hai câu Pháp Cú sau: (33) Tâm hoảng hốt giao động, Khó bộ trì, khó nhiếp, Người trí làm tâm thẳng, Như thợ tên, làm tên. (34) Như cá quăng lên bờ, Vất ra ngoài thủy giới, Tâm này vùng vẫy

mạnh, Hãy đoạn thế lực ma. Ngay khi Thế Tôn dứt câu, Trưởng lão Meghiya chứng quả Dự lưu và nhiều người khác chứng Nhị quả và Tam quả. 2. Người Đọc Được Tâm Khó nắm giữ, khinh động ... Đức Phật dạy câu này khi ở Xá-vệ, liên quan đến một Tỳ-kheo. Trong xứ của vua Ba-tư-nặc, dưới chân một ngọn núi, có một làng an cư lạc nghiệp tên Màtika. Sau khi nhận đề tài thiền quán từ Phật, một hôm sáu mươi Tỳ-kheo đến làng khất thực. Mẹ của thôn trưởng Màtika trông thấy liền mời các Tỳ-kheo ngồi, dâng cúng cháo đặc nấu thật ngon với gia vị chọn lọc, và hỏi thăm. Biết các Tỳ-kheo tìm một chỗ thích hợp để an cư trong mùa mưa, bà gieo mình xuống chân họ thưa thỉnh: - Xin chư Tỳ-kheo ở đây an cư trong ba tháng hạ, tôi sẽ tuân giữ Tam quy và Ngũ giới, và sẽ làm tròn bổn phận ngày chay. Các Tỳ-kheo chấp nhận. Với sự giúp đỡ của bà họ sẽ khỏi lo lắng về ăn uống, và có thể tu chứng giải thoát sanh tử. Mẹ của Màtika xây cất tinh xá xong, rước các Tỳ-kheo đến ở. Họ nhắc nhở lẫn nhau: - Chư huynh đệ! Chúng ta không nên sống phóng dật, vì trước mặt chúng ta là tám cửa địa ngục sừng sững luôn rộng mở như cửa nhà chúng ta. Chúng ta đã nhận đề tài

thiền quán từ Thế Tôn và đã đến đây. Ân huệ của chư Phật không thể đến với người dối trá, dù hắn có bước theo dấu chân của các Ngài. Chỉ khi nào hành theo ý chư Phật dạy mới được ân huệ của các Ngài. Vì vậy chúng ta phải chú tâm tỉnh giác. Hai Tỳ-kheo không được đứng hay ngồi chung một chỗ. Chúng ta chỉ phải gặp nhau vào buổi chiều để hầu hạ Trưởng lão và sáng sớm trước khi đi khất thực. Những lúc khác, chúng ta không được tụ tập hai người. Nếu có Tỳ-kheo mắc bệnh, hãy đưa ông ta đến trước sân tinh xá và đánh chuông, lúc đó chúng ta sẽ tụ đến lo chữa trị. Tất cả đều đồng ý. Một buổi chiều, bà mẹ của Màtika mang bơ, mật mía và những thức ăn khác cùng đám người hầu đến tinh xá. Không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo, bà ngạc nhiên hỏi thăm và được biết các Tỳ-kheo đã quy định với nhau như thế, và bà đã được khuyên hãy đánh chuông nếu muốn gặp họ. Khi tiếng chuông vang lên, tưởng rằng có người bị bệnh. Các Tỳ-kheo từ chỗ riêng của mình đến họp trước sân tinh xá, không có hai Tỳ-kheo đến cùng một đường. Bà cư sĩ thấy vậy lại đoán họ cãi nhau, nên đảnh lễ Tăng chúng xong bà liền hỏi thăm: - Các Ngài đã cãi nhau phải không, chư Tôn giả? - Không đâu, cư sĩ. - Thế tại sao khi đến nhà chúng tôi, các Ngài đi chung mà bây giờ mỗi người từ chỗ riêng của mình đến từng người một? - Cư sĩ! Chúng tôi đang hành thiền ở thất riêng. - Hành thiền là sao, chư Tôn giả? - Chúng tôi tu tập ba mươi hai yếu tố của thân, từ đó nhận thức rõ ràng sự hoại diệt nằm trong thân. - Chư Tôn giả, chỉ có các Ngài mới được phép tu tập, còn chúng tôi có được phép không? - Pháp tu này không cấm cản ai, cư sĩ ạ! - Vậy xin chư Tôn giả giảng dạy cho tôi. - Tốt lắm ! Học xong bà bắt đầu ngay tu tập về ba mươi hai yếu tố của thân. Kết quả là, trước cả các Tỳ-kheo, bà chứng quả A-na-hàm đạt tứ thông và những thần thông khác cao hơn. Từ niềm an lạc của đạo quả, vì muốn biết lúc nào những đứa con trai của mình (bà quý trọng các Tỳ-kheo và xem họ như con) chứng đạo, bà dùng Thiên nhãn xem xét và thấy rằng họ vẫn còn bị trói buộc trong tham sân si, tuy có hành thiền nhưng vẫn chưa đạt Minh sát tuệ. Bà thắc mắc không biết họ có đủ khả năng chứng A-la-hán không và thấy rằng họ có. Chỗ ở có thích hợp hay không? Thính hợp. Bạn đồng tu có xứng đáng hay không? Có. Thức ăn có đủ hay không? Không đủ. Từ đó bà cung cấp cho những Tỳ-kheo nhiều loại cháo đặc vớt tất cả

thức ăn cứng và mềm, nêm nếm bằng nhiều loại gia vị chọn lọc. Các Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn tốt lành,

tâm trở nên yên tĩnh, và do tĩnh tâm họ khai mở Minh sát tuệ, chứng A-la-hán cùng những thần thông. Hết thời gian an cư, hành lễ Tự Tứ xong, các Tỳ-kheo từ giã bà Màtika về thăm Thế Tôn. Bà đưa tiễn một đoạn đường và thỉnh cầu họ mùa an cư năm sau trở lại. Đến Xá-vệ, các Tỳ-kheo đảnh lễ thế Tôn và kính cẩn ngồi một bên. Phật hỏi thăm: - Các Tỳ-kheo Trông các ông có vẽ khỏe mạnh, được bồi dưỡng đầy đủ, không lo lắng về ăn uống. Các Tỳ-kheo thưa: - Chúng con được khỏe mạnh, bạch Thế Tôn, được bồi dưỡng đầy đủ và khỏi bận tâm về ăn uống là nhờ mẹ của Màtika biết được tâm ý của chúng con. Bà ta nấu đúng món ăn chúng con nghĩ đến. Một Tỳ-kheo nghe huynh đệ mình ca ngợi những đặc tính của bà cư sĩ thí chủ, muốn đến nơi đó. Ông nhận đề tài thiền quán từ Thế Tôn và xin đi. Rời Kỳ-viên, ông đến làng Màtika. Bước vào tinh xá, ông khởi nghĩ bà cư sĩ này biết được tâm người khác chắc sẽ hiểu rằng ta đi đường mệt mõi không thể quét dọn được, và chắc chắn bà sẽ cho người tạp dịch. Quả nhiên bà cho người đến. Và cứ thế Tỳ-kheo này nghĩa đến nước uống thì có nước uống, nghĩ đến cháo đặc với nhiều bơ cùng thức ăn ngon liền có ngay, muốn có thức ăn cứng cũng có, thậm chí muốn gặp bà cư sĩ cùng thức ăn mềm nêm nếm với gia vị chọn lọc thì bà đích thân mang tới ngay. Khi ăn xong, Tỳ-kheo hỏi bà: - Cư sĩ, bà là mẹ Màtika? - Phải con ạ. - Bà biết được tâm ý người khác phải không? - Tại sao con hỏi ta như thế? - Vì bà đã mang đến cho tôi mọi thứ tôi mong muốn. - Có nhiều Tỳ-kheo biết được tâm ý người khác con ạ. - Tôi không hỏi người khác, tôi hỏi bà. Bà Màtika tránh không xác nhận là mình đọc được tư tưởng người khác, thay vào đó bà bảo: - Những ai không biết tư tưởng người khác mới làm vậy, con ạ. Vị Tỳ-kheo cảm thấy bối rối. Ông nghĩ: "Người chưa chứng quả đều có những ý tưởng thầm kín có thể cao qúy hoặc ti tiện. Nếu ta khởi nghĩ một tư tưởng tội lỗi nào, chắc chắn bà ta như đi guốc trong bụng ta, sẽ nắm chóp ta ngay, tóm gọn cả bao lẫn bị như chộp bắt một tên trộm, ôi thôi tai hại! Ba mươi sáu kế chỉ có chuồn đi là tốt nhất." Ông liền từ giã bà cư sĩ trở về Thế Tôn, và kể lại tự sự. Thế Tôn khuyên: - Tỳ-kheo, chỉ nơi ấy là nơi ông cần phải ở lại. - Con không thể, bạch Thế Tôn! Con không muốn ở lại đó nữa. - Vậy Tỳ-kheo! Ông có canh chừng được một việc duy nhất hay không? - Nghĩa là gì, bạch Thế Tôn?

- Chỉ canh chừng tâm của ông. Tâm ý rất khó kiểm soát. Đứng nghĩ thêm việc gì khác, hãy chế ngự tâm mình vì tâm thường chao động. Và Ngài nói Pháp Cú: (35) Khó nắm giữ, khinh động, Theo các dục quay cuồng, Lành thay, điều phục tâm, Tâm điều, an lạc đến. Rồi Thế Tôn dạy Tỳ-kheo hãy tiếp tục trở lại chỗ cũ, và không nên lo nghĩ gì khác ngoài việc canh chừng tâm ý của mình. Bà cư sĩ biết trước Tỳ-kheo sắp trở lại, nên chuẩn bị sẵn thức ăn ngon dâng cúng, và chỉ trong vài ngày ông chứng quả A-la-hán. Nếm được pháp lạc của đạo quả và một lòng biết ơn bà cư sĩ, ông muốn biết xem trong quá khứ bà có từng giúp đỡ mình hay không. Ông nhớ lại được chín mươi chín kiếp trước và thấy bà đã từng là vợ ông, nhưng lại dành tình cảm cho người đàn ông khác, và bà đã khiến ông mất mạng. Thật độc ác làm sao! Bà cư sĩ ngồi tại nhà quan sát thấy Tỳ-kheo đã đạt đến cứu cánh đạo quả, và cũng biết là ông đã nhớ lại chín mươi chín kiếp trước và đã biết tâm độc ác của bà trong quá khứ. Bà bèn nhớ lại tới kiếp thứ một

trăm bà cũng là vợ ông, và trong hoàn cảnh phải giết chồng, bà đã tha mạng ông. Bà liền bảo vị Tỳ-kheo hãy nhớ đến tiền kiếp xa hơn và quan sát sự việc. Nhờ thiên nhĩ thông, vị Tỳ-kheo nghe được lời bà và làm theo. Ông nhận ra quả bà cư sĩ đã giúp đở ông nhiều. Ông giải đáp cho bà cư sĩ những vấn đề liên quan đế A-la-hán quả. Sau đó, ông nhập Vô dư y Niết-bàn. 3. Một Tỳ Kheo Bất Mãn Tâm khó thấy, tế nhị ... Phật dạy câu này khi ngụ tại Kỳ-Viên vì một Tỳ-kheo bất mãn. Tại Xá-vệ, con của một chưởng khố đến vị Trưởng lão thường khất thực tại nhà mình, xin dạy con đường giải thoát phiền não. Trưởng lão khuyên anh ta hãy bố thí những thứ như thức ăn chia theo phiếu, thức ăn ngày rằm và ba mươi, phòng xá trong mùa mưa đến an cư, y bát và những nhu cầu khác. Ngài còn dạy thêm nên chia tài sản ra làm ba, một phần để làm ăn sinh sống, một phần dành cấp dưỡng cho vợ con và phần thứ ba cúng dường Tam Bảo. Anh ta thi hành đúng lời dạy, rồi đến gặp lại Trưởng lão, hỏi xem còn phải làm điều gì nữa. Ngài dạy anh tuân giữ Tam quy Ngũ giới. Và anh hỏi tiếp thì được khuyên giữ mười giới, cứ thế anh hoàn tất từ từ việc công đức này đến công đức khác nên được gọi là Anupubla. Anh lại tiếp tục hỏi Trưởng lão và được dạy là nên xuất gia. Lập tức anh từ bỏ thế gian đi tu, và dưới quyền dạy dỗ của một Giáo thọ sư thông thuộc tạng Luận và một Giám luật thông thuộc tạng Luật. Sau khi làm tròn bổn phận anh đến vị Giáo thọ thưa thỉnh và được dạy bảo theo tạng Luận: - Trong giáo lý Phật đà điều này đúng pháp, điều kia không đúng pháp. Nếu thưa thỉnh với vị Giám luật thì cũng được dạy bảo theo tạng Luật:

- Trong giáo lý Phật đà điều này chính đáng, điều kia không chính đáng. Thời gian trôi qua, anh chán nản vì cảm thấy khó nhọc với nhiệm vụ tu sĩ. Anh muốn giải thoát mà giờ đây ngay cả chỗ để duỗi thẳng tay cũng không có. Sống đời cư sĩ có khi cũng được giải thoát phiền não. Vì thế anh có ý định hoàn tục. Từ đó anh bất mãn và khó chịu trong lòng, thôi không tu tập ba mươi hai yếu tố thân nữa, và cũng không nghe lời dạy bảo nữa. Mặt anh trở nên hốc hác,da dẻ nhăn nheo, nổi gân xanh, mệt nhọc đè nặng, ghẻ chóc đầy người. Những người tu tập và Sa-di hỏi thăm, anh cũng kể thật là đang bất mãn. Họ cho vị Giáo thọ và Giám luật của anh hay, và hai vị này đưa anh đến Thế Tôn. Anh thuật lại tâm tư mình cùng ý định hoàn tục, Phật bảo: - Tỳ-kheo! Nếu ông chỉ canh chừng được một việc mà thôi, thì khỏi phải cần để ý đến những việc khác. - Việc đó là gì, thưa Thế Tôn? - Ông có thể canh chừng tâm ý của ông chăng? - Dạ được, bạch Thế Tôn. - Vậy thì ông chỉ canh chừng tâm của ông. Rồi Thế Tôn nói Pháp Cú: (36) Tâm khó thấy, tế nhị, Theo các dục cuồng quay, Người trí phòng hộ tâm, Tâm hộ an lạc đến. 4. Hộ CháuTăng Chạy xa sống một mình ... Thế Tôn dạy lời này khi ở Xá-vệ liên quan đến ngài Tăng Hộ (Sangharakkhita). Thành Xá-vệ có một chàng trai thuộc gia đình khá giả, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, đã từ bỏ thế gian, được nhận vào Tăng đoàn, làm tròn bổn phận, và chỉ trong mấy ngày đắc quả A-la-hán. Đó là Trưởng lão Tăng Hộ. Người em gái út của Trưởng lão sanh bé trai cũng đặt tên là Tăng Hộ, tức Tăng Hộ cháu. Đến tuổi trưởng thành Tăng Hộ cháu gia nhập Tăng đoàn theo Trưởng lão, và khi làm tròn bổn phận, ông an cư suốt mùa hạ trong tinh xá một làng nọ. Nhận được hai bộ y dành cho Tỳ-kheo mặc trong mùa mưa, một cái dài bảy cubits, một cái dài tám cubits, ông chọn chiếc dài định dâng cúng cho vị thân giáo sư của mình và giữa lại

chiếc ngắn, Mãn hạ, ông rời tinh xá về thăm thầy, vừa đi, vừa khất thực. Đến nơi ông quét dọn, lấy nước rữa chân, sửa soạn chỗ ngồi cho Trưởng lão rồi ngồi ngắm con đường Trưởng lão sẽ đi qua. Ông Trưởng lão đến, ông xá chào, đở y bát và mời ngồi. Rồi ông lấy cây quạt lá cọ quạt cho trưởng lão, dâng nước uống, nước rữa chân, cuối cùng dâng y, đặt dưới chân Trưởng lão thưa: - Tôn giả! Xin đắp y này! - Tăng Hộ! Ta đủ y rồi, ông cứ mặc y này đi!

- Bạch Tôn giả, tự lúc nhận y con đã định dâng cho Ngài. Xin Ngài nhận cho. - Đừng bận tâm, Tăng Hộ, ta đã đủ y. - Tôn giả, xin đừng từ chối. Ngài nhận y con sẽ được phước baó lớn. Dù Tăng Hộ cháu lặp đi lặp lại lời thỉnh cầu nhiều lần, Trưởng lão vẫn từ chối chiếc y tặng. Ông vừa quạt cho Trưởng lão lòng ngỗn ngang trăm mối: "Lúc còn cư sĩ ta là cháu, xuất gia thì cùng ở chung, nhưng Trưởng lão vẫn không muốn với cương vị thầy nhận cho ta cúng dường. Như vậy ta còn ở lại đây tu nữa làm gì, ta nên hoàn tục." Nhưng ông lại lo là không biết trở lại làm gia chủ sẽ sống ra sao. À, ta sẽ bán chiếc y dài tám cubits này để mua một con dê cái. Có dê cái nhiều rồi ta bán dê con, cứ thế túi tiền sẽ to dần, chẳng mấy chốc giàu sang đến nơi. Rồi ta sẽ tìm một cô vợ, vợ ta sẽ sinh cho ta một đứa con. Thế rồi những hình ảnh kế tiếp lần lượt xuất hiện trong đầu ông. Ông và vợ đẩy đứa bé trong xe đi thăm người chú, vừa đi vừa trò chuyện: - Này, đưa con cho tôi bế một tí nào! - Lắm chuyện, bế nó làm chi. Đến đây mà đẩy cái xe này! Miệng nói tay bế, khốn khổ cô vộ lính quính thế nào làm rớt tọt đứa bé xuống đường ngay dưới bánh xe. Ông ta giận dữ giáng một cây gậy vào lưng cô ta, đồng thời chiến quạt lá cọ cũng bay xuống đầu Trưởng lão. Trưởng lão quán sát và hiểu hết chuyện, bảo: - Tăng Hộ ! Ông không đánh trúng người đàn bà, nhưng một Trưởng lão già đã làm gì để đáng ăn một gậy? Vị tăng trẻ hoảng hốt: - Ôi! Chết ta rồi! Thầy ta đã hiểu biết hết mọi ý nghĩa của ta. Làm sao dám ở lại tu nữa? Ông ném quạt đi và bỏ chạy. Những người tập tu và Sa-di đuổi theo, bắt ông dẫn đến Phật kể hết mọi chuyện, Phật dạy: - Tỳ-kheo! Tại sao ông lại phạm lỗi nặng như thế? Ông không phải là đệ tử của một vị Phật có thần lực vô hạn hay sao? Đã từ bỏ thế gian sống trong Giáo đoàn của Phật, mà ông lại quên không tự điều phục mình hướng đến Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hay A- la-hán. Tại sao ông lại phạm lỗi trầm trọng như thế? - Bạch Thế Tôn, con bất mãn. - Tại sao ông bất mãn? Tăng Hộ cháu thuật lại toàn bộ câu chuyện, từ ngày nhận y nơi an cư đến lúc đập quạt lên đầu Trưởng lão, và ông thưa tiếp: - Bạch Thế Tôn, đó là lý do tại sao con muốn bỏ đi không tu nữa. Phật dạy: - Này, Tỳ-kheo! Đừng bối rối. Tâm thường chạy theo những chuyện dẫn đi rất xa. Ta phải cố gắng thoát khỏi sự trói buộc của tham sân, si. Và Ngài nói Pháp Cú: (37) Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu, Ai điều phục được tâm, Thoát khỏi ma trói buộc. 5. Trưởng Lão Tâm Được Điều Phục Ai không tâm an trú ... Lúc ngụ tại Xá-vệ, Phật đã dạy Trưởng lão Cittahattha, người-bị- tâm-sai-sử câu kệ trên. Một chàng trai thuộc gia đình khả kính sống ở Xá-vệ vào rừng kiếm con bò bị lạc. Giữa trưa anh tìm thấy và đưa nó về bầy. Nhưng đói khát quá, anh vào tinh xá gặp các Tỳ-kheo cúi chào và đứng cung kính một bên. Thấy anh quá kiệt sức, các Tỳ-kheo chỉ thức ăn thừa trong bình, bảo anh lấy ăn (khi Phật còn hiện đời luôn luôn có cháo được cùng dường dồi dào cùng với nhiều thứ nước sốt và cà ri). Chàng trai ăn uống no nê xong rửa tay, chào các Tỳ-kheo và hỏi:

- Chư Tôn giả! Chắc hôm nay nhà nào mới thỉnh các Ngài? - Không cư sĩ ạ! Các Tỳ-kheo thường xuyên nhận được thức ăn như thế. Chàng trai thấy rằng dù làm lụng tích cực vất vả liên tục ngày và đêm cũng không bao giờ được cháo ngon như vậy. Trong khi các Tỳ-kheo, theo lời họ, vẫn được ăn liên miên. Thế tại sao ta cứ sống đời cư sĩ ? Ta sẽ xuất gia. Anh đến các Tỳ-kheo xin và được nhận vào Tăng đoàn. Sau khi làm tròn bổn phận chính và phụ chỉ trong vài ngày được chia phần trong số phẩm vật cúng dường, anh tròn trịa và phương phi hẳn ra, nhưng rồi anh hết thích đời sống khất thực nên hoàn tục. Trở về nhà làm việc chỉ vài ngày thân hình anh lại tiều tụy. Anh lại xuất gia, rồi bất mãn, rồi lại về nhà. Thời gian ở chung, anh hay giúp đở các Tỳ-kheo nên về nhà rồi xin tu trở lại, họ nghĩ tình chấp nhận. Cứ như thế anh ra vào đến sáu lần liên tiếp. Các Tỳ-kheo đặt tên anh là Cittahattha, tức người bị tâm sai sử. Ra vào lui tới như thế, vợ anh mang thai. Lần thứ bảy anh từ rừng trở về mang theo nông cụ. Cất nông cụ xong anh bước vào phòng, lòng phân vân ray rứt muốn khoác y trở lại. Bấy giờ vợ anh đang ngủ, quần áo trong tuột ra, nước miếng nhễ nhại, miệng mở toang hoác, ngáy vang trời, trông chẳng khác nào một tử thi trương phình lên. Anh thấy rõ trong thế gian này tất cả đều vô thường và khổ não. Liền đó anh nhận ra suốt thời gian đi tu chỉ vì nghĩ đến cô ta mà anh thối tâm nản chí. Tay nắm viền chiếc y vàng vừa anh quấn vào bụng vừa chạy ra khỏi nhà. Mẹ vợ anh chợt thấy anh phóng vụt qua, kêu lên thất thanh, nhưng anh chẳng thèm nghe, một mực chạy thẳng. Bà chỉ còn biết lầm bầm: - Cái gã phản bội này, vừa mới từ rừng về, lại bỏ nhà, mình quấn y mà chạy vào tinh xá. Thế là sao? Bước vào nhà thấy con gái nằm ngủ, bà hiểu ngay lý do. Bà lay con gái dậy mắng: - Dậy đi, đồ phù thủy! Chồng mày thấy mày nằm ngủ, nó gớm ghiếc quá nên bỏ đi rồi. Mày không còn chồng nữa kể tù đây!

Cô gái dịu mắt, giọng lè nhè: - Đi đi, mẹ! Anh ta đi hay ở có gì quan trọng đâu! Vài bữa nữa anh ta lại về. Trên đường, Cittahattha ôn đi ôn lại câu "Các pháp trong thế gian đều vô thường, trói buộc trong đau khổ", và anh chứng quả Dự lưu. Đến gặp các Tỳ-kheo anh cúi chào và xin vào Tăng đoàn. Lần này anh bị từ chối quyết liệt: - Không! Chúng tôi không thể nhận anh. Tại sao anh đi tu nữa? Đầu anh cứng như cục đá mài. Anh khẩn khoản: - Chư Tôn giả! Hãy nhận con vào Tăng đoàn một lần nữa thôi! Và chỉ sau vài ngày ông chứng quả A-la-hán cùng các thần thông. Các Tỳ-kheo không hiểu tại sao lần này ông ở lâu, được các ông giải thích là trước đây ông còn quyến luyến thế gian nên rời bỏ Tăng đoàn, nay đã cắt hết mọi trói buộc nên không bỏ đi nữa. Các Tỳ-kheo không tin, thưa lại với Thế Tôn câu chuyện. Phật bảo: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Đệ tử của Ta khi tâm không kiên định, khi không biết pháp lành thì đi tu cứ hay về nhà. Nhưng bây giờ ông ta đã buông bỏ cả thiện và ác. Và Ngài nói Pháp Cú: (38) Ai tâm không an trú, Không biết chân diệu pháp, Tịnh tín bị rúng động, Trí tuệ không viên thành. (39) Tâm không đầy tràn dục Tâm không (bận) công phá, Đoạn tuyệt mọi thiện ác, Kẻ tỉnh không sợ hãi. Một hôm các Tỳ-kheo lại bàn tán về Tỳ-kheo đi tu bảy lần và hoàn tục bẩy lần, cũng vì tham dục xấu xa tại hại ghê gớm. Phật vào Pháp đường ngồi xuống Phật tòa, nghe thế liền dạy: - Quả vậy các Tỳ-kheo! Tham dục xấu xa rất là tai hại. Giả sử mấy thứ tham dục ấy có hình dạng cụ thể để ta đem bỏ đâu, thì một thế giới cũng còn quá nhỏ, cõi trời Đại Phạm cũng còn quá thấp, không chứa nổi chúng. Ta

không thể đắt chúng vào đâu cả. Ngay một người trí tuệ và dòng dõi cao qúy như Ta cũng bị chúng áp đảo nữa. Thử hỏi ai có thể tả được ảnh hưởng của nó? Trong một tiền kiếp, chỉ vì một xị đậu giống và cái cuốc cùn mà Ta đã đi tu và ra đời sáu lần liên tiếp. Các Tỳ-kheo hỏi: - Chuyện đó xảy ra hồi nào, Bạch Thế Tôn? - Các ông muốn nghe sao? Đó là: Chuyện quá khứ Kuddàla Và Cái Cuốc

Ngày xưa, thời Phạm-ma-đạt cai trị Ba-la-nại, có một người thiện trí tên Kuddàla, có nghĩa là "vị Thánh Cuốc" Ông là một tu sĩ ngoại đạo đã sống tám tháng trong Hy-mã-lạp-sơn. Một đêm vào mùa mưa, thấy mặt đất ẩm ướt ông nhớ đến ở nhà còn một chai đậu giống. Sợ giống hư ông trở lại thế gian lấy cuốc dọn một miếng đất nhỏ, tỉa đậu và rào chung quanh. Đậu già, ông hái xuống, để một số trong chai làm trái giống, phần còn lại thì ăn. Nhưng chẳng bao lâu ông lại chán cuộc sống thế gian, vào núi tu suốt tám tháng. Cứ như thế, chỉ vì chai đậu giống và cái cuốc cùn, ông đi tu đến bảy lần. Lần thứ bảy, ông chợt nghiệm ra rằng chỉ vì cây cuốc cùn này mà phải đi tu rồi lại hoàn tục mãi nên quyết định ném bỏ nó, luôn cả chai đậu giống. Ông đến bờ sông Hằng buộc cái chai đậu giống trong một miếng vải buộc vào cán cuốc, tay nắm chạt đầu cuốc, nhắm mắt lại, quay cuốc ba vòng trên đầu rồi ném xuống sông. Ông cố tình làn như thế để đừng thấy chỗ cuốc rơi, sợ sau này động tâm lại xuống sông vớt lên. Và ông la lớn ba lần lớn: - Ta đã chiến thắng! Ta đã chiến thắng! Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại vừa trở về sau cuộc dẹp loạn ở biên giới, cắm trại bên bờ sông Hằng và xuống sông tắm. Chợt nghe tiếng Kuddàla vang lên liền hỏi: - Chỉ có ta vừa mới hạ được kẻ thù mới gọi là chiến thắng, còn ngươi cũng xưng chiến thắng, nghĩa là sao? Kuddàla đáp: - Ngài đã chiến thắng bọn giặc cướp ở bên ngoài. Chiến thắng của Ngài có thể sẽ bị thua trở lại. Còn tôi đã chiến thắng một kẻ thù ở bên trong, kẻ cướp tên là Tham Dục. Hắn sẽ không bao giờ thắng tôi được nữa. Chiến thắng được hắn mới thực sự là chiến thắng. Rồi ông đọc bài kệ sau: Chiến thắng không thực sự. Khi bị thua trở lại. Chiến thắng là thật sự. Khi chẳng còn bị bại. Cùng lúc ấy, do nhìn sông Hằng và quán tưởng về yếu tố nước, ông đạt thần thông. Ông bay lên trời, ngồi kiết già trong hư không. Nhà vua sau khi nghe bài thuyết của Bồ-tát Kuddaala liền đảnh lễ Ngài, xin được nhận làm tu sĩ. Vua cùng toàn quân đông dài khoảng một dặm đường đều đi tu. Vua nước láng giềng nghe tin muốn đánh chiếm vương quốc Ba-la-nại, nhưng khi thấy thành quách thịnh vượng đó trống không, mới hiểu rằng một vị vua từ bỏ một kinh thành tráng lệ như thế để đi tu chắc chắn là không phải muốn bị trói buộc. Vua bèn đảnh lễ Bồ-tát xin được đi tu với đoàn tùy tùng của mình. cứ như thế bảy vị vua lần lượt đi tu. Cùng với hội chúng đông đảo đó, Bố-tát Kuddaala sống đời Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đại phạm. Thế Tôn kết luận:

- Các Tỳ-kheo! Lúc đó Ta là Kuddàla. Hãy học từ chuyện này để biết tham dục nguy hiểm trầm trọng đến mức nào. 6. Tỳ Kheo Và Thần Cây Biết thân như đồ gốm ... Thế Tôn đã dạy như thế khi ngụ tại Xá-vệ, liên quan đến các Tỳ-kheo khai mở Minh-sát-tuệ. Tại Xá-vệ có năm trăm Tỳ-kheo nhận từ Phật để mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán. Với ý định hết lòng hành thiền, họ đi xa một trăm dặm đến một làng rộng lớn. Dân làng dâng chỗ ngồi, cúng cháo ngon và các loại thức ăn khác, và khi biết các Tỳ-kheo cần chỗ ở thích hợp, liền mời thỉnh ở lại suốt ba tháng, nghĩ rằng dưới sự chỉ dạy

của các Ngài họ sẽ có nơi vững vàng để thọ Tam quy Ngũ giới. Các Tỳ-kheo ưng thuận và được chỉ đến khu rừng lớn kế cận. Kể từ đó những vị thần đức hạnh trong rừng lo lắng không dám để vợ con trèo lên cây trú ngụ. Họ tuột hết xuống đất, chưa biết tính sao, cứ đoán già đoán non là nếu các Tỳ-kheo ngồi dưới cội cây đêm nay thì sáng mai họ sẽ rời khỏi rừng. Nhưng ngày kế, sau khi khất thực trong làng các Tỳ-kheo lại trở về khu rừng cũ. Thần cây lại hy vọng nếu bây giờ các Tỳ-kheo chưa đi thì ngày mai có người thỉnh cúng chắc sẽ đi. Nhưng ngày qua ngày chẳng có gì thay đổi, thần cây và vợ con rất khổ sở vì phải ở dưới đất hết nữa tháng. Vì nghi các tỳ-kheo có thể sẽ ở lại đến ba tháng, họ tính kế đuổi các Tỳ-kheo đi. Họ biến hóa cho các Tỳ-kheo thấy những chiếc đầu không thân, những thân mình không đầu và cho nghe tiếng yêu quái. Đồng thời các Tỳ-kheo phiền não vì hắt hơi, ho và những bệnh tật khác nữa, nên quyết định rời khu rừng trở về chỗ của Phật. Sau khi đảnh lễ Phật, cung kính ngồi xuống một bên và được Phật hỏi, các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, nhiều việc đáng sợ đã xuất hiện trước mặt chúng con, Chỗ đó thật khó ở, chúng con phải quyết định ra di. Phật dạy: - Các Tỳ-kheo, các ông nên trở về ở lại chính ngay chỗ đó mới tốt. - Chúng con không dám, bạch Thế Tôn. - Các Tỳ-kheo, lần đầu đến đó các ông không đem theo vũ khí. Bây giờ các ông phải đem theo vũ khí. - Vũ khí gì, bạch Thế Tôn? - Ta sẽ cho. Và Ngài đọc toàn bộ kinh Từ Bi, bắt đầu là người muốn tìm lợi ích tinh thần cho mình, tức là muốn đạt đến cõi tịch tĩnh an lạc, cần phải lương thiện, chánh trực, hiền lành, hoà nhã và không tự cao tự đại. Ngài dạy tiếp: - Các Tỳ-kheo, hãy tụng đọc kinh này trong rừng, bên ngoài ngôi tinh xá ẩn tu, thì các ông sẽ vào được tinh xá. Các Tỳ-kheo vâng theo, đảnh lễ Thế tôn rồi ra đi. Đến bên ngoài nơi ẩn tu, họ đồng loạt tụng bài kinh và vào chỗ cư ngụ. Kết quả, những vị thần khắp khu rừng đều có

cảm tình thân thiện với các Tỳ-kheo. Họ đến gặp các Ngài, xin cho đỡ y bát, dâng nước rửa tay chân, bố trí canh gác bảo vệ khắp nơi và cùng ngồi chung với các Tỳ-kheo. Không còn nghe tiếng ma quái, tâm các Tỳ-kheo trở nên yên tĩnh. Tọa thiền dù đêm dù ngày, các Tỳ-kheo đều cố gắng đạt Minh sát tuệ. Họ chuyên tâm thiền quán về tính hoại diệt ngay trong thân mình: "Thân này mỏng manh, không bền, như chiếc bình gốm." Cuối cùng các Tỳ-kheo khai mở Minh sát tuệ. Đức Thế Tôn ngồi ở hương thất biết như thế liền dạy: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Thần này mỏng manh không bền, giống như chiếc bình gốm. Rồi vẫn ngồi ở hương thất cách các Tỳ-kheo một trăm dặm, Ngài phóng quang ảnh, hiện đến trước mặt các Tỳ-kheo, thân phát hào quang sáu màu rực rỡ và dạy Pháp Cú: (40) Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì, Chống ma với gươm trí, Giữ chiến thắng không tham. 7. Vì Bạo Ác Nổi Mụn Nhọt Không bao lâu thân này ... Đức Phật dạy câu trên lúc ở Xá-vệ liên quan đến Trưởng lão Pùtigatta Tissa. Một chàng trai sống ở Xá-vệ, nghe Phật thuyết pháp liền hướng tâm về đạo, xin được xuất gia vào Tăng đoàn, khi thành Tỳ-kheo được gọi là Trưởng lão Tissa. Thời gian sau, mụn nhọt bỗng nổi lên khắp người ông. Trước tiên là những mụt mủ không lớn hơn hột cải, rồi tăng dần bằng hột đậu tây, đậu Hà Lan, hạt táo,và bằng trái "vilva". Cuối cùng mụn nhọt vỡ ra và toàn thân trưởng lão lở loét, vì thế Ngài có tên là Pùtigatta tissa. Về sau xương Ngài bắt đầu hư thối, không ai muốn săn sóc Ngài. Y trong và ngoài của Ngài bị dính máu khô nhìn như bánh lưới. Bạn cùng liêu không thể săn sóc nên đuổi Ngài ra

khỏi liêu, để nằm dưới đất chẳng ai giúp đỡ. Đức Phật không bao giờ quên quan sát thế gian mỗi ngày hai lần, bình minh và chiều đến. Ngài nhìn từ chân trời đến hương thất không thiếu sót, và thấy Trưởng lão Tissa. Biết rằng ông sắp chứng A-la-hán và không còn ai nương tựa ngoài Phật, Thế tôn từ hương thất đi một vòng tinh xá đến nhà bếp. Ngài rửa nồi nước đặt lên lò than và đợi. Khi nước đã nóng Ngài đến nắm lấy chân giường tissa. Lúc đó các Tỳ-kheo thưa với Phật: - Xin Thế Tôn đi trước, chúng con sẽ khiêng ông ta đến nhà bếp. Thế Tôn bảo mang đến một cái chậu và đổ nước nóng vào. Ngài bảo các Tỳ-kheo cởi ngoại y của Tissa, giặt bằng nước nóng cho thật sạch rồi phơi khô dưới ánh nắng. Sau đó, Ngài dùng nước nóng lau mình, kỳ cọ và tắm nắng. Tắm xong thì ngoại y của ông cũng vừa khô. Thế Tôn sai mặc ngoại y cho ông và bảo lấy nội y giặt nước nóng và vừa khô. Khi người ông đã khô ráo thì nội y cũng vừa khô. Được mặc y vàng làm nội y và

một cái khác làm ngoại y Tissa nằm xuống giường, thân khỏa khắn và tâm an tĩnh. Thế Tôn đứng nơi đầu giường bảo ông: - Tỳ-kheo, thần thức sắp rời ông, chẳng bao lâu thân ông sẽ thành vô dụng như khúc gỗ nằm lăn trên đất. Và Ngài đọc Pháp Cú: (41) Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên đất, Bị vất bỏ, vô thức, Như khúc cây vô dụng. Cuối Bài kệ Trưởng lạo Pùtigatta Tissa chứng A-la-hán và nhập Niết-bàn. Thế Tôn cho tiến hành lễ Trà-Tỳ, lấy xá-lợi và xây bảo tháp thờ phụng. Các Tỳ-kheo thắc mắc hỏi Thế Tôn: - Bạch Thế tôn! Trưởng lão Tissa tái sanh về đâu? - Ông ta nhập Niết-bàn. - Bạch thế tôn! một Tỳ-kheo sắp chứng A-la-hán tại sao thân còn bệnh như thế, xương ung thối? Hành nghiệp kiếp trước của ông như thế nào mà ông chứng được A-la- hán? - Các Tỳ-kheo, mọi việc xảy ra đều do hành nghiệp kiếp trước. - Ông ta đã làm gì, thưa Thế Tôn? - Các Ông hãy lắng nghe: Chuyện quá khứ: Người Bẫy Chim Bạo Ác. Trong thời Phật Ca-diếp, trưởng lão Tissa là người bẫy chim. Ông bắt được rất nhiều chim, đa số mang vào hoàng cung hoặc mang đi bán. Nếu giết chim đi và cất lại quá lâu không đem bán thì thịt chim sẽ hư thối, và để giữ chim khỏi bay mất ông thường bẻ xương chân và xương cánh của chúng, dồn đống chúng lại một chỗ để đem ra bán ngày hôm sau. Nếu bẫy được quá nhiều, ông cũng đánh chén vài con. Một hôm thức ăn nấu chín thơm phức vừa dọn lên, có một vị A-la-hán dừng chân trước cửa nhà ông khất thực. Ông bỗng thấy lòng thanh thản, thầm nghĩ mình đã giết hại và thịt nhiều sinh mạnh nên muốn cúng dường Ngài. Và ông đỡ bình bát, bỏ đầy những món ăn thơm, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ về thưa: - Tôn giả! Xin cho con được vào quả vị cao nhất mà Ngài đã chứng. Trưởng lão hồi hướng công đức cho ông sẽ được như vậy. Các Tỳ-kheo, do công đức đã làm này, phước báo đã đến với ông như thế. Vì ông đã bẻ chân chim nên tứ chi ông bệnh hoạn và xương ông ung thối. Vì ông cúng dường thức ăn ngon cho A-la-hán nên ông chứng quả A-la-hán. 8. Nanda Chăn Bò Kẻ thù hại kẻ thù... Đức Phật lúc ngụ tại Kosala đã dạy cho Nanda người chăn bò giáo lý này.

Trưởng giả Cấp-cô-độc ở Xá-vệ có người chăn bò tên Nanda. Ông giàu có, tài sản dư dả, nhiều thú vui. Người ta nói, giống như nhà ẩn sĩ bện tóc Kennigan xuất gia làm đạo sĩ. Nanda chăn bò và quản lý tài sản cho vua để giữ vững tài sản riêng của mình. Nhiều lần Nanda đem năm sản phẩm lấy từ bò đến nhà ông Cấp-cô-độc, gặp đức Đạo sư, nghe pháp và thỉnh Đạo sư đến nhà riêng. Phật không nhận lời ngay mà chờ đến khi trí huệ

của Nanda chìn muồi. Khi đó Phật cùng chúng Tỳ-kheo đi khất thực. Đến gần nhà Nanda, Ngài và chư Tăng ngồi xuống dưới một cội cây. Nanda đến đảnh lễ Thế tôn, chào hỏi thân tình và thỉnh Thế Tôn cho phép ông cúng dường cả Tăng chúng trong bảy ngày vời năm thực phẩm chọn lọc từ bò. Ngày cuối tuần cúng dường, Thế Tôn hồi hướng công đức cho ông và giảng thêm những bài pháp về bố thí cúng dường. Cuối thời pháp, Nanda người chăn bò chứng quả Dự Lựu. Sau đó ông cầm binh bát cho Thế Tôn, đưa tiễn một dặm đường, đến khi Phật bảo dừng ông mới trở lui về nhà. Trên đường đi, Nanda bị một thợ săn bắn tên chết. Các Tỳ-kheo trên đường trở về, thấy vậy bèn đến gặp thế tôn thưa hỏi: - Bạch Thế Tôn! Vì Ngài đến đó, Nanda đã cúng dường nhiều thực phẩm, tiễn Ngài một đoạn đường và bị giết khi trở về. Nếu Ngài không đến đó thì ông ta không chết. Phật đáp: - Các Tỳ-kheo! Dù ta có đến hay không, dù Nanda có đi bốn phương Tám hướng, ông ta cũng không tránh khỏi cái chết. Bởi vì một khi giặc cướp hay kẻ thù không làm hại chúng sanh trong cõi đời này được, thì chính cái tâm hư hỏng, tà vạy của họ có thể hại họ được vậy. Và Phật nói kệ sau: (42) Kẻ thù hại kẻ thù, Oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà, Gây ác cho tự thân Vì các Tỳ-kheo không hỏi Nanda đã làm gì trong kiếp trước nên Phật không nói đến. 9. Vừa Là Cha Vừa Là Mẹ Điều mẹ cha, bà con... Thế Tôn dạy câu trên khi ngài ngụ tại Kỳ viên trong Thành Xá-vệ, cho vị chưởng khố, tức trưởng lão Soreyya. Chuyện bắt đầu tại thành Soreyya và kết thúc ở Xá-vệ. Khi bậc Chánh Đẳng Giác ngụ tại Xá-vệ, thì ở thành Soreyya con của vị chưởng khố tên Soreyya, ngồi trên xe kiệu với một người bạn thân và đám tùy tùng đông đảo, ra ngoài thành đi tắm. Họ gặp trưởng lão Đại ca-chiên-diên đang đắp đại y trước khi vào thành khất thực. Thân thể vàng óng của trưởng lão đập vào mắt Soreyya khiến anh không khỏi buột miệng: "Ồ! phải chi Trưởng lão này là vợ ta! Hoặc giả vợ ta có nước da được

như thế!" Ý muốn vừa dấy khởi thì anh biến thành đàn bà. Bối rối và hổ thẹn, anh bước xuống xe và vụt bỏ chạy. Những người đi theo không biết việc gì xảy ra nhao nhao lên: - Thế nghĩa là gì? Thế nghĩa là gì? Soreyya mang thân phụ nữ bỏ đi về phía Takkasilà. Người bạn chung xe kiếm anh khắp nơi không thấy. Tắm xong mọi người về nhà. Họ lắp bắp trả lời với cha mẹ anh là anh đã về trước. Đến phiên cha mẹ anh đi tìm khắp nơi vẫn không thấy, hai ông bà khóc lóc than van; cuối cùng cho là anh đã chết, họ làm đám tang. Soreyya, bấy giờ là phụ nữ gặp đoàn thương buôn cùng hướng về Takkasilà, bèn theo sát xe ông trưởng đoàn. Trong đoàn chú ý đến cô, và thắc mắc không biết cô là con cái nhà ai. Cô bảo họ cứ đi xe còn cô đi bộ theo. Đi hết một đoạn đường dài, cô lo lót họ với chiếc nhẫn làm quà để xin một chỗ ngồi trên xe. Họ nghĩ, đến con trai chưởng khố thành Xá-vệ chưa có vợ, và muốn làm mai cho cô, mong được quà cáp hậu hỷ. Thấy cô hợp tuổi mình và quá đẹp, anh ta bằng lòng cưới cô. (Ai cũng phải trải qua thân phận khi làm đàn ông, khi làm đàn bà. Như ngài A-nan, người đầy đủ đức tính toán hảo trong trăm ngàn kiếp, và là một Đại đệ tử, đã từng là thợ rèn ở một kiếp trong vòng luân hồi, phạm tội với vợ người khác bị đọa địa ngục, và sau đó vì quả báo của hành động xấu chưa hết, Ngài phải trải qua mười bốn kiếp làm vợ người khác cộng thêm bảy kiếp nữa mới dứt nghiệp. Mặt khác, không muốn làm đàn bà nữa, và lập nghiệp được tái sanh làm đàn ông, sẽ được như ý. Ngoài ra, những đàn bà vợ cư xử tốt

với chồng sẽ tái sanh làm đàn ông. Nhưng Soreyya đã dại dột mơ tưởng tới Trưởng lão, nên ngay trong kiếp này đã biến thành đàn bà). Cô Soreyya có thai và sau mười tháng sanh một bé trai. Khi đứa bé chập chững biết đi thì cô sanh đứa thứ hai. Như thế Soreyya trước là cha hai đứa con sanh ở thành Soreyya, nay là mẹ hai đứa nữa sanh ở thành Takkasilà, tất cả là bốn đứa. Một hôm con vị chưởng khố, bạn đồng hành khi xưa của Soreyya, rời thành Soreyya với năm trăm xe đi đến thành Takkasilà. Lúc đó cô Soreyya đứng nơi cửa sổ trên lầu cao nhất trong lâu đài nhìn xuống đường nhận ra anh bạn, liền sai tỳ nữ mời vào căn phòng lớn, tiếp đãi kính trọng như thường lệ. Khách nói với chủ nhà: - Thưa bà, tôi chưa hề biết bà nhưng bà đón tiếp tôi quá tốt. Bà biết tôi sao? Chủ nhà từ tốn: - Phải ông ạ. Tôi biết ông rất rõ. ông không còn ở trong thành Soreyya à? - Vâng, thưa bà. Và bà chủ nhà hỏi thăm sức khỏe cha mẹ vợ con mình lúc trước. Khách trả lời tất cả đều khỏe và chất vấn tiếp: - Bà biết họ à? - Vâng ông ạ, tôi biết họ rất rành. Và này ông, họ có một anh con trai, hiện nay không biết ở đâu? Khách buồn bã kể lại chuyện đau lòng năm xưa, chủ thú thật:

- Này ông, chính tôi là anh ta đấy! - Thôi đi bà! Bà nói gì lạ thế? Anh ta là bạn thân của tôi, anh ta như một thiên thần trẻ trung, là một người đàn ông. - Ấy thế đó! Nhưng tôi lại chính là anh ta đấy, hoàn toàn đúng như thế. - Thế là thế nào? - Ngày đó, ông có nhớ là đã trong thấy Trưởng Lão Đại ca-Chiên-diên không? - Vâng, tôi nhớ là có gặp Ngài. - Bỗng dưng lúc đó tôi chợt nghĩ phải chi Trưởng lão là vợ mình hoặc vợ mình có được nước da như Trưởng lão. Tức khắc tôi biến thành đàn bà. Tôi liền bỏ chạy một mạch đến xứ này. - Ồ thật là tai hại! Tại sao anh không nói với tôi? Mà anh đã sám hối không? - Ngài đang ở gần đây, ngay trong thành này. - Ngài đến đây ư? Tôi muốn cúng dường vật thực cho Trưởng lão. - Tốt lắm, hãy chuẩn bị đầy đủ. Tôi sẽ thuyết phục Trưởng lão tha lỗi cho anh. Rồi người bạn ngày xưa của Soreyya đến chỗ Trưởng lão, đảnh lễ Ngài, cung kính ngồi một bên xin Trưởng lão nhận lời cúng dường ngày mai. Ngài nhận lời. Sáng hôm sau Ngài đến đứng trước cửa nhà. Con của chưởng khố dâng Ngài chỗ ngồi và những thức ăn chọn lọc. Rồi ông dẫn người đàn bà đến phủ phục dưới chân Ngài kể lại tự sự và xin được tha thứ. Trưởng lão hoan hỷ: - Tốt lắm, hãy đứng lên. Ta tha thứ cho bà. Trưởng lão vừa dứt câu, Soreyya lập tức biến trở lại thành đàn ông. Người chồng cũ của Soreyya trấn an anh: - Bạn thân! Vì anh đã là mẹ trong khi tôi là cha của hai đứa bé này. Chúng thật sự là con của cả hai chúng ta. Vậy chúng ta vẫn tiếp tục sống lại đây. Đừng khó chịu. Soreyya: - Này bạn, tôi trải qua hai lần chuyển hóa trong một đời người. Trước tiên tôi là đàn ông, biến thành phụ nữ giờ trở lại làm đàn ông. Ban đầu tôi là cha của hai đứa bé, mới đây là mẹ của hai đứa nữa. Bạn đừng nghĩ rằng sau khi đã trải qua hai lần chuyển hóa trong một kiếp sống, tôi bằng lòng sống đời tại gia nữa. Tôi sẽ đi tu theo Trưởng lão của tôi. Bổn phận của bạn là nuôi dưỡng hai đứa bé này. Chớ xao lãng. Nói xong Soreyya hôn hai đứa con, ôm vào lòng và trao lại cho người cha, bước ra khỏi nhà, và trở thành tu sĩ theo Trưởng Lão. Trưởng lão thuận cho anh vào Tăng đoàn, nhận cho anh làm tròn bổn phận, dẫn anh cùng về thành Xá-vệ. Và anh trở thành Trưởng lão Soreyya. Dân cư trong xứ nghe chuyện rất xúc động và xôn xao, đến hỏi Trưởng lão Soreyya có thật như thế không, và tình cảm dành cho hai đứa con nào mạnh hơn. Trưởng lão trả lời thương hai đứa gọi bằng mẹ hơn. Xong trưởng

lão rút lui khỏi đám đông. Khi ngồi thì ngồi một mình, khi đứng thì đứng một mình. Sống độc cư như thế, Ngài quán

chiếu về sự hoại diệt, và chúng A-la-hán cùng những thần thông. Kể từ đó có ai hỏi Ngài thương hai đứa bé nào hơn thì Ngài trả lời rằng không đặt tình cảm lên đứa nào cả. Các Tỳ-kheo nghe vậy cho là Ngài nói dối, và thưa chuyện đến Phật. Phật trả lời: - Các Tỳ-kheo! Đệ tử ta không nó dối. Tâm đệ tử Ta hoàn toàn chất trực từ khi ông ta thấy đạo. Không có cha mẹ nào có thể mang đến lợi lạc cho mình mà chỉ có tâm hướng về chánh đạo làm được điều tốt đẹp. Nói xong Phật nói Pháp Cú: (43) Điều mẹ cha, bà con, Không có thể làm được, Tâm hướng chánh làm được, Làm được tốt đẹp hơn.

PHẨM IV: HOA 1. Đất Của Tâm Ai chinh phục đất này... Thế Tôn nói như trên khi ngài ở Xá-vệ để dạy năm trăm Tỳ-kheo đang phí thì giờ bàn luận về đất. Một buổi chiều, các Tỳ-kheo trở về Kỳ-viên sau cuộc hành trình khắp xứ với đức Thế Tôn và tụ tập tại giảng đường. Họ bắt đầu bàn về dạng đất khác nhau từ làng này đến làng nọ, tức là bằng phẳng và không bằng phẳng, nhiều bùn, nhiều sỏi, đất sét đen, đất sét đỏ. Đức Phật đến, hỏi chuyện và dạy rằng: - Các Tỳ-kheo! đó là đất ở bên ngoài. Các ông có bổn phận làm sạch mảnh đất tâm bên trong. Rồi ngài nói Pháp Cú: (44) Ai chinh phục đất này, Dạ-ma, thiên giới này, Ai khéo giảng Pháp cú, Như người khéo hái hoa? (45) Hữu học chinh phục đất, Dạ-ma, Thiên giới này, Hữu học giảng Pháp Cú, Như người khéo hái hoa. 2. Một Tỳ Kheo Chứng A-La-Hán Biết thân như bọt nước... Đức Phật dạy câu trên cho một Tỳ-Kheo đang quán chiếu về ảo ảnh khi Ngài ngụ tại Xá-vệ. Một Tỳ-kheo nhận đề tài thiền quán từ Phật, vào rừng để hành thiền. Dù đã dốc hết sức lực phấn đấu vẫn chưa chứng quả A-la-hán, ông bèn đến Thế Tôn xin để tài thiền quán khác thích hợp hơn. Trên đường đi ông thấy ảo ảnh, và biết rằng vào mùa nắng ở xa ta thường thấy những hình ảnh trông như thật, nhưng đến gần thì biến mất, cuộc đời này cũng vậy, không thật vì có sanh có diệt. Và chú tâm vào ảo ảnh ông Thiền quán. Trên đường về mệt mỏi, ông tắm trong dòng Aciravatì, rồi ngồi dưới bóng cây trên bờ sông gần một thác nước. Ông nhìn những bọt nước to, nổi lên rồi vỡ toang do sức nước đập mạnh vào đá. Ông nhận ra rằng cuộc đời cũng vậy, sinh rồi diệt, và ông lấy đó làm đề tài thiền quán. Đức Thế Tôn ngồi trong hương thất, thấy biết vị Tỳ-kheo như vậy liền bảo: - Này Tỳ-kheo, đúng vậy. Cuộc đời này cũng giống như bọt nước hoặc ảo ảnh, có sinh và có diệt. Và ngài nói Pháp cú: (46) Biết thân như bọt nước,

Ngộ thân là như huyễn, Bẻ tên hoa của ma, Thoát tầm mắt thần chết. 3. Vua Vidùdabha Trả Thù Họ Thích Ca Người nhặt các loại hoa ... Thế Tôn dạy câu này ở Xá-vệ do câu chuyện vua Lưu Ly (Vidùdabha) cùng binh lính bị lũ lụt cuốn chết. Tại Xá-vệ có hoàng tử Ba-tư-nặc con vua Kosala, tại Tỳ-xá-ly có hoàng tử Mahàli thuộc dòng Lệ-xá, tại Câu-thi-na có hoàng tử Bandhuala con vua nước Mallas. Cả ba đều đến một vị thầy lỗi lạc ở thành Hoa Thị để học tập. Tình cờ gặp nhau trong một quán trọ ngoại thành, họ hỏi thăm nhau lý do đến đây, tên tuổi, dòng họ, và sau đó họ kết bạn với nhau. Họ cùng học chung một thấy, chẳng bao lâu sở đắc nhiều học thuật, họ rời thầy cùng lên đường về nhà. Ông hoàng Ba-tư-nặc đã làm vua cha mãn nguyện với tài nghệ của mình nên được truyền ngôi. Ông hoàng Mahàli thì tận tụy giáo hóa các ông hoàng Lệ-xá đến nỗi

mù mắt. Các ông hoàng đồng lòng cấp dưỡng cho ông, và ông tiếp tục dạy năm trăm ông hoàng Lệ-xá nhiều môn học thuật khác nhau. Riêng ông hoàng Bandhuala thì bị các ông hoàng dòng Mallas thách thức bảo chặt những bó tre gồm sáu mươi cây tre, mỗi bó có chèn thêm một thanh sắc vào giữa và được treo lơ lửng trên không. Bandhula nhảy cao tám mươi cubits (khuỷu tay) dùng kiếm chém. Khi chặt đến bó cuối, nghe tiếng sắt lách cách ông không biết tại sao, và khi hiểu tự sự ông quăng kiếm bặt khóc, trách bà con và bạn bè chẳng ai báo cho ông biết, vì nếu biết, ông sẽ có cách chặt mà không làm cho miếng sắt kêu. Xong ông thưa với cha mẹ ông xin giết hết các ông hoàng Mallas, và sẽ thay họ cai trị dân. Cha mẹ ông ngăn cản với lý do là vương quốc phải được cha truyền con nối và dùng mọi cách thuyết phục ông bỏ ý định này. Ông bèn bỏ đi đến Xá-vệ sống với bạn mình. Vua Ba-tư-nặc nghe tin đón ông vào thành với vinh dự đặc biệt, và tấn phong chức thống lãnh quân đội. Bandhula cho mời cha mẹ đến và ngụ luôn tại Xá-vệ. Một hôm, vua Ba-tư-nặc đứng trên sân thượng nhìn xuống đường, thấy hàng ngàn Tỳ-kheo đi thọ thực về hướng nhà ông Cấp Cô Độc, tiểu Cấp Cô Độc, Tỳ-xá-khư và Suppavàsà. Vua ngạc nhiên hỏi và khi biết rằng mỗi ngày có hai ngàn Tỳ-kheo đến nhà ông Cấp Cô Độc, năm trăm đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc và cũng khoảng số đó đến nhà của Tỳ-xá-khư và Suppavàsà để nhận cúng đường thức ăn, thuốc men và nhiều thứ khác, vua cũng muốn cúng đường nên đến tinh-xá thỉnh Phật và một ngàn Tỳ-kheo đến hoàng cung thọ thực. Vua dâng cúng bảy ngày và đến ngày cuối đảnh lễ và thỉnh Phật với năm trăm Tỳ-kheo tiếp tục thường xuyên đến thọ thực. Vì chư Phật không bao giờ đến thọ thực thường xuyên một chỗ, nên Thế Tôn cử trưởng lão A-nan dẫn Tăng Chúng. Trong bảy ngày, nhà vua đích thân sớt bát cho chúng Tăng, không cho phép ai làm thế. Đến ngày thứ tám vua xao lãng bổn phận. Các Tỳ-kheo đến cung vua thọ trai nghĩ

rằng vua không hạ lệnh cho ai làm thế nên không có ai lo chỗ ngồi và phục vụ chúng Tăng. Nhiều vị bỏ đi. Ngày kế tiếp cũng vậy và thêm một số nữa ra đi. Đến hôm sau nữa, các Tỳ-kheo đi hết trừ Trưởng lão A-nan. Những người thực sự hằng sống với chánh kiến thì làm chủ được mọi tình huống để giữ vững niềm tin cho thí chủ. Thế Tôn có hai đệ tử tăng nòng cốt là Trưởng lão Xá- lợi-Phất và Mục-kiền-liên, hai ni nồng cốt là Khemà và Liên Hoa Sắc, hai nam cư sĩ nồng cốt trưởng giả Citta và Hatthaka Alavaka, hai nữ cư sĩ nồng cốt Velukantakì, mẹ của ngài Nan-đà và Khujjutarà. Tóm lại, tất cả những môn đệ, bắt đầu với tám vị này, những vị nào đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ Ba-la-mật và như thế là những bậc đại công đức. Trưởng lão A-nan cũng vậy, đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ suốt một trăm ngàn kiếp, và đã là một bậc đại công đức. Do đó Ngài không sờn lòng trước bất cứ cảnh nào, và đã ở lại để giữ tín tâm cho nhà vua. Như vậy, chỉ một mình ngài A-nan được dâng chỗ ngồi và cúng đường. Mãn giờ thọ trai, vua đến và thấy thức ăn còn nguyên chưa đụng đến, bèn hỏi lý do. Được biết các Tỳ-kheo đã về hết, ngoại trừ ngài A-nan, ông giận dữ thấy sự thiệt hại và đến ngay Phật thưa: - Bạch Thế tôn, con đã chuẩn bị cho năm trăm Tỳ-kheo mà hiện giờ chỉ có một mình ngài A-nan. Thức ăn còn nguyên không ai đụng đến, mà không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo tại hoàng cung. Xin Thế tôn cho con biết lý do. Đức Phật không quy lỗi cho các Tỳ-kheo, chỉ trả lời: - Đại vương, đệ tử của Ta không tin cậy nơi

Đại vương. Đó là lý do họ không đến. Rồi Phật dạy các Tỳ-kheo trong những điều kiện nào các Tỳ-kheo không bắt buộc phải đến nhà thí chủ, và điều kiện nào thích đáng để các Tỳ-kheo nên đến, trong bài kinh như sau: - Này các Tỳ-kheo, một gia đình thí chủ nếu có chín điểm không đủ tư cách thì Tỳ-kheo không nên đến viếng. Như vậy Tỳ-kheo không đến viếng gia đình ấy vì họ không có bổn phận phải đến. Nếu họ có đến thăm thì cũng không có bổn phận phải ngồi lại. Chín điểm ấy là gì? Đó là: 1) Người trong gia đình không đứng lên đón các Tỳ-kheo một cách vui vẻ. 2) Họ không chào mời các Tỳ-kheo một cách vui vẻ. 3) Họ không mời ngồi một cách vui vẻ. 4) Họ giấu giếm những gì họ có. 5) Có nhiều, cho ít. 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn tồi tàn. 7) Thay vì cúng dường một cách tôn kính, họ cúng dường một cách vô lễ. 8) Họ không ngồi nghe pháp. 9) Họ không nói chuyện với giọng hoan hỷ.

Ngược lại, một gia đình có chín điểm đủ tư cách thì có quyền nhận sự thăm viếng của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo chưa đến gia đình ấy thì nên đến, đã đến rồi thì nên ngồi. Chín điểm ấy là gì? 1) Họ đứng lên để gặp các Tỳ-kheo một cách vui vẻ. 2) Họ chào hỏi một cách vui vẻ. 3) Họ mời ngồi một cách vui vẻ. 4) Họ không giấu diếm những gì họ có. 5) Có nhiều, cho nhiều. 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn thượng hạng. 7) Họ không cúng dường một cách vô lễ. Họ cúng dường một cách tôn kính. 8) Họ ngồi nghe pháp. 9) Họ nói chuyện với giọng hoan hỷ. Phật nói tiếp: - Đại vương, vì lý do này đệ tử của Ta thiếu lòng tin nơi ông, vì lý do này họ đã không đến. Ngay cả những bậc minh triết thuở xưa ở nhằm một nơi không an vui, tin tưởng, dù được phục vụ đầy đủ vẫn bị khổ sở đến lâm trọng bệnh, phải bỏ đến một nơi lòng họ thấy an vui, tin cậy. Vua hỏi chuyện xảy ra lúc nào, Thề Tôn kể lại: Chuyện quá khứ: A. Kesava, Kappa, Nàrada Và Vua Thành Ba La Nại. Thuở xưa khi Phạm-ma-đạt cai trị xứ Ba-la-nại có một nhà vua tên Kesava từ bỏ ngai vàng, đi tu cùng với năm trăm tùy tùng sống đời ẩn sĩ. Kappa, người giữ kho báu cho vua cũng đi tu và trở thành đệ tử của vua. Kesava và đoàn tùy tùng ở tám tháng trong xứ Hy-mã-lạp-sơn. Mùa mưa, họ đến thành Ba-la-nại tìm muối, giấm, và vào thành khất thực. Vua Ba-la-nại hân hoan đón họ, được Kesava hứa ở lại suốt bốn tháng mưa. Vua cất nhà trong vườn và sáng chiều lui tới phục vụ. Những ẩn sĩ đệ tử của Kesava, ở đó được vài ngày thì rất bực mình vì tiếng voi và thú khác nên đến gặp Kesava cằn nhằn và đòi đi về Hy-mã-lạp-sơn. Kesava không thuận vì đã hứa ở lại bốn tháng mưa, nhưng họ vẫn khăng khăng xin đi, viện cớ họ không được thầy họ cho biết trước. Cuối cùng họ xin đến một nơi cách đây không xa, để có thể biết được tin tức vế thầy họ. Rồi họ đảnh lễ Kesava, lên đường, để lại một mình Kesava ở lại trong cung vua. Không bao lâu Kappa cũng bất mãn. Dù vị thầy cố gắng thuyết phục nhiều lần, Kappa cũng bỏ đi và gặp lại những người trước. Vị thầy nhớ nghĩ liên miên đến các đệ tử của mình. Sau một thời gian, ông nhuốm bệnh vì nội tâm bất an. Vua mời thầy thuốc nhưng không thuyên giảm. Cuối cùng ẩn sĩ Kesava bảo vua nếu muốn cho ông được khỏe thì đưa ông đến các đệ tử. Vua chấp thuận, đặt ẩn sĩ lên giường, sai bốn quan đại thần dẫn đầu bởi Nàrada khiêng ông đến nhóm đệ tử, không quên dặn họ cho vua biết tin ẩn sĩ sống ra sao.

Kappa nghe tin đến gặp ông, và các đệ tử cũng tụ tập lại, dâng thầy nước nóng, nhiều loại trái cây. Ông khỏi bệnh chỉ trong vài ngày, thân thể trở lại màu vàng chói. Nàrada

hỏi ông: Ngài bỏ vị vua giàu mạnh. Sẵn lòng đáp đủ nhu cầu. Đến Kappa, chốn Rừng sâu. Thiếu thốn, Ngài sao an ổn? - Cây cối đây xanh tươi, êm ả, Làm lòng ta khoan khoái vô cùng. Lời Kappa dịu ngọt, khiêm cung. Ta mãn nguyện, Nàrada ạ. - Gạo nàng hương nấu chung thịt ngọt. Ngài từng quen vị tột đậm đà. Nay kê cùng gạo lạt rừng già. Mùi thanh đạm Ngài Kham có nổi? - Vật thực cho dù ngon dù dở. Ít oi hay là được phong nhiêu. Tin tưởng nhau, vui sống thương yêu Lòng tin tưởng, vị ngon nào sánh nổi? Thế Tôn kết thúc bài học và hợp nhất. - Vua lúc đó là Mục-kiền-liên, Nàrada là Xá-lợi-phất, đệ tử Kappa là A-nan và Ẩn sĩ là Ta. Như thế, Đại Vương, thuở xưa người trí cũng phải chịu đựng sự đau đớn và cần đến nơi xứng đáng với lòng tin. Đệ tử của Ta không tin cậy ông, không còn nghi ngờ gì nữa. (Hết chuyện quá khứ) Nhà vua vì muốn mua chuộc lại lòng tin của Tăng đoàn nên nghĩ cách là cưới một cô gái thân tộc của Thế Tôn. Như thế các Sa-di và những người tập tu sẽ đến cung vua, vì bây giờ là thân tộc với Thế Tôn. Vua gởi sứ giả đến. Họ Thích bối rối không biết tính sao vì vua là kẻ thù của họ, nếu từ chối sẽ bị vua phá hoại, hơn nữa vua lại không cùng đẳng cấp. Vua Thích Mahànàma đề nghị gả con gái của mình tên Vàsabhakhattiyà, là một con của một tỳ thiếp. Sứ giả về thuật lại. Vua hân hoan vì biết Thích Mahànàma là anh em chú bác với Thế Tôn. Vua cử sứ giả đi đón cô gái, không quên dặn dò. - Những ông hoàng thuộc giai cấp chiến sĩ này rất dối trá, ngươi chỉ đưa cô ta về khi chắc chắn cô ta cùng ngồi ăn với cha. Mọi việc xong xuôi, và sau đó Vàsabhakhattihà được tấn phong hoàng hậu với năm trăm cung nữ theo hầu. Chẳng bao lâu bà sanh một hoàng nam. Vua vui sướng sai người hầu đem tin đến cho Thái Thái hậu, tức là bà nội vua để xin đặt tên. Thái thái hậu thốt lên:

- Trước khi sanh hoàng nam, hoàng hậu đã được lòng mọi người. Bây giờ chắc vua càng phải "sủng ái" hoàng hậu hơn hết. Nhưng người hầu này lãng tai, do anh ta nghe lầm chữ "Vallbhà" là sũng ái thành "Vidùdabha" (tức lưu ly) nên về tâu với vua. - Thái thái hậu bảo đặt tên cho hoàng tử là Lưu Ly. Vua tuân theo, vì nghĩ rằng đó là một tên rất xưa trong hoàng tộc. Dù còn nhỏ, hoàng tử được ban chức cho thống lãnh quân đội vì vua tin rằng như thế sẽ làm vui lòng Thế tôn. Hoàng tử lúc bảy tuổi thấy các hoàng tử khác được bà ngoại tặng voi, ngựa và nhiều quà khác, thèm thuồng hỏi mẹ sao mình không có. Hoàng hậu đành trả lời là ông bà ngoại thuộc dòng họ Thích ở xa lắm. Lên mười sáu tuổi chàng lại nói với mẹ muốn đi thăm bên ngoại, bà lại thối thác bảo xa lắm đi làm gì, chàng đòi mãi, cuối cùng bà mẹ xiêu lòng cho đi với đoàn tùy tùng đông đảo và một lá thư dặn dò. Dù vậy, họ Thích vẫn đối xử với chàng lạnh nhạt, họ cho các ông hoàng nhỏ về quê hết nên không ai đến chào kính chàng. Họ giới thiệu với chàng cộc lốc: - Đây là ông ngoại bạn, đây là chú bạn. Ở lại vài ngày, hoàng tử Lưu ly cùng đoàn tùy tùng lên đường trở về. Một tỳ nữ lau chùi chỗ ngồi của chàng tại nhà nghỉ hoàng gia với nước và sữa, đã nói giọng khinh bỉ: - Đây là chỗ ngồi của con trai nàng hầu Vàsabhakhattyyà. Một người lính bỏ quên thanh kiếm trở lại lấy, nghe hết lời cô tỳ nữ. Điều tra và biết rằng Vàsabhakhattyyà là con gái của một tỳ nữ của Thích Mahànàma, anh ta loan tin trong quân đội làm náo động mọi người. Hoàng tử Lưu Ly biết chuyện thề rằng: "Bây giờ họ Thích lau chỗ ngồi của ta bằng sữa với nước, khi ta làm vua trong vương quốc của ta, ta sẽ lau chỗ ngồi của ta bằng máu phun ra từ cổ họng họ." Đoàn

quân về đến Xá-vệ thì tin tức cũng đến tai vua. Tức giận giòng họ Thích, ông truất phế hoàng hậu và hoàng tử, giáng xuống làm người hầu. Vài ngày sau, Thế Tôn đến hoàng cung, vua bạch lại tự sự. Thế Tôn khuyên vua: - Đại vương! họ Thích làm thế không đúng. Muốn gả con cho vua họ phải lựa người cùng đẳng cấp. Nhưng này Đại vương! Ta cần nói thêm cho ông rõ Vàsabhakhattyyà là con gái của vị vua đã nhận lễ phong vương thuộc giai cấp chiến sĩ, và Vidùdabha cũng là con của vua. Có quan trọng gì gia đình người mẹ? Chỉ có gia đình người cha mới thật là thước đo địa vị xã hội. Minh quân thời xưa vẫn phong hoàng hậu cho một cô gái lượm củi nghèo nàn, và hoàng tử con của cô là vua xứ Ba-la-nại, một thành rộng mười hai dặm, tên vua là Katthavàhana. Rồi Thế Tôn kể chuyện bổn sanh Katthavàhana. Vua nghe pháp sanh tâm hoan hỷ và phục hồi vương tước cho hoàng hậu và hoàng tử. Tại Câu-thi-na, cô Mallikà con gái của ông Mallikà, và bà vợ của Bandhula vị thống lãnh quân đội, đã từ lâu hiếm muộn không sinh nở. Bandhula đuổi cô về nhà.

Trước khi về cô vào kỳ-viên đảnh lễ Thế Tôn và đứng hầu. Thế Tôn hỏi thăm, cô kể lại và được Ngài khuyên hãy trở lại nhà chồng. Bandhula được nàng thuật lời dạy của đấng thập lực, biết rằng Phật có lý do nào đó nên chấp thuận. Chẳng bao lâu Mallikà mang thai, và chợt thèm được tắm và uống nước trong hồ sen ở Vệ-xá-ly của các ông hoàng Lệ-xá thường dành cho buổi lễ đăng quang. Bandhula chiều ý lấy cây cung mà một ngàn người mới giương nổi, đặt vợ lên xe và đánh xe từ Xá- vệ đến Vệ-xá-ly, vào thành bằng cổng dành cho ông hoàng Lệ-xá Mahàli. Nghe tiếng xe của Bandhula, Mahàli đang ở trong ngôi nhà sát bên cổng, hiểu ngay là các ông hoàng Lệ-xá sắp bị phiền nhiễu. Hồ sen được canh gác kỹ lưỡng từ trong lẫn ngoài. Bên trên hồ có giăng một lưới sắt, mắt nhỏ đến nỗi chim bay không lọt. Tướng lãnh Bandhula ngang nhiên xuống xe, tấn công lính canh, đuổi họ chạy rồi xé lưới sắt, xuống hồ sen cùng tắm với vợ. Xong ông ra khỏi thành, theo con đường cũ trở về. Lính canh báo động cho các ông hoàng Lệ-xá. Họ phẫn nộ mang năm trăm xe đuổi theo, quyết bắt cho kỳ được Bandhula và Mallikà. Nhưng Mahàli ngăn lại vì sợ họ bị giết hết. Mặc, họ vẫn ra đi. Mahàli lại cảnh cáo họ, hãy quay lại khi thấy xe của Bandhula lún xuống đất trên trục xe, nếu họ vẫn chạy tiếp sẽ nghe tiếng sét nổ trước mặt, nếu họ không quay lại sẽ thấy một lỗ hổng trên ách xe của họ, khi đó họ chớ nên đi xa hơn. Mặc, họ vẫn đuổi theo không quay lại. Mallikà trông thấy xe đuổi phía sau, báo với chồng, Bandhula dặn khi tất cả xe xếp thành hàng chữ nhất thì cho biết. Lúc đó ông trao dây cương cho vợ rồi nâng cung lên, bánh xe của ông liền lún xuống đất đến trục xe. Các ông hoàng vẫn đuổi theo. Ông búng dây cung, tiếng nổ vang lên như sét đánh. Họ vẫn không quay lại. Ông bắn một mũi tên thành một lỗ hổng trước mỗi xe, xuyên qua thắt lưng của năm trăm ông hoàng và chui xuống đất. Các ông hoàng Lệ-xá không biết là mình đã bị bắn, lại cố la to: - Dừng lại! Dừng lại! Và họ vẫn tiếp tục đuổi theo. Bandhula dừng xe nói: - Các anh toàn là người chết. Ta không đánh nhau với người chết! - Chúng ta là người chết sao? - Hãy nới lỏng thắt lưng của vị chỉ huy trưởng các anh! Họ nới lỏng thắt lưng ông hoàng kia. Ngay lúc ấy, ông ta ngả xuống chết. Bandhula nói: - Tất cả các anh cùng chung cảnh ngộ. Hãy về nhà giải quyết mọi việc cần thiết, dặn dò vợ con lần cuối, sau đó hãy cởi giáp. Họ làm theo lời, và cuối cùng những ông hoàng ấy ngã ra chết hết.

Bandhula dẫn Mallikà về xá-vệ. Mallikà sinh đẻ tất cả mười sáu lần, lần nào cũng sinh đôi. Con của bà đều dũng kiện, sức mạnh phi thường thành đạt nhiều học thuật. Mỗi người có một ngàn tùy tùng. Mỗi khi theo cha đến hoàng cung, sân chánh điện chật ních người của họ.

Có lần trong một vụ án lừa đảo, Bandhula xử lại vụ kiện sáng suốt và công bằng, người chủ thật sự được quyền hợp pháp. Dân chúng hoan hô và tán thán ông. Chuyện đến tai vua, các quan tòa bị cách chức, mọi quyền hành được vua giao lại cho Bandhula. Thấy quyền lợi bị thiệt hại, các quan tòa gây chia rẽ trong hoàng tộc bèn loan tin Bandhula muốn chiếm ngai vàng. Vua tin lời họ, muốn trừ khử Bandhula nên mua chuộc một số người, bảo họ nổi loạn ở biên giới và phái Bandhula đi dẹp loạn, đồng thời ngầm sai một nhóm lính hùng mạnh đi theo ông để chặt đầu ông và ba mươi hai người con mang về. Kết quả xảy ra đúng như vua mong muốn. Ngày hôm ấy, Mallikà mời hai đại đệ tử của Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo đến nhà trai tăng. Bà nhận thư báo hung tin, xem xong thản nhiên cất thư vào túi áo, và tiếp tục thết đãi tăng chúng như không có việc gì xảy ra. Lúc bấy giờ các tỳ nữ đang dâng thức ăn, sẩy tay làm bể hũ mật trước mặt các Trưởng Lão. Ngài xá-lợi-phất khuyên bà đừng quan tâm đến đồ vật vì bản chất của chúng là bể nát. Mallikà rút bức thư trong túi ra thưa: - Con vừa nhận được tin chồng và các con đều bị chặt đầu, lòng con chẳng hề xao xuyến, huống hồ một cái hũ bể, thưa tôn Giả? Vị thống soát của niềm tin đọc bài kệ bắt đầu như sau: "Tuổi thọ chúng sanh đây, bao lâu thật khó biết...". Thuyết pháp xong ngài đứng dậy trở về tinh xá, Mallikà gọi ba mươi hai nàng dâu đến khuyên nhủ: - Chồng các con không có tội lỗi gì, chỉ lãnh quả báo nghiệp ác đời trước. Đừng đau buồn, đừng than khóc! Hãy yêu thương, đừng oán giận nhà vua! Gián điệp của vua nghe được, tâu lại, vua cảm động vô cùng, đến gặp Mallikà xin bà và các con dâu tha thứ, và vua sẽ ban cho bà một ân huệ. Bà nhận lời.. Cúng giỗ cho chồng và các con xong, bà đi tắm rồi đến cung vua xin được ân huệ là trở về quê với các con dâu. Các con dâu về nhà họ, còn bà về nhà mình ở Câu-thi-na. Vua ban chức thống lãnh quân đội cho Dìghakàràyana, một người cháu của Bandhula. Nhưng ông này đi đâu cũng mắng nhiếc vua là đã giết chú của mình. Kể từ ngày giết oan Bandhula, vua ăn năn đau khổ, lòng bất an và chẳng còn niềm vui nào trong việc an dân trị nước. Thời gian đó đấng Đạo sư đang ngụ gần ngôi làng nhỏ Ulumpa của họ Thích. Vua cắm trại cách đó không xa. Ông đến tinh xá đảnh lễ Thế Tôn với số ít người hầu thân tín. Vua bước vào hương thất một mình, sau khi giao năm thứ biểu trưng vương vị cho Dìghakàràyana (Kinh Dhammacetiya đã kể như vậy). Ông này nhận năm món ấy xong liền tôn hoàng tử Lưu Ly lên ngôi, trở về Xá-vệ, chỉ để lại một con ngựa và một tỳ nữ. Vua thăm hỏi Thế Tôn xong trở ra không thấy quân lính, hỏi tỳ nữ biết tự sự, bèn định cùng với cháu bắt Lưu ly. Ông đi Vương-xá, đến cổng thành trời đã tối. Kiệt sức vì phơi mình ngoài nắng gió, vua Ba-tư-nặc nằm nghỉ trong một quán trọ và tắt thở ngay đêm ấy. Trời hừng sáng, người ta nghe tiếng đàn bà than khóc:

- Vua của xứ Kosala hỡi! Ngài chỉ còn một mình, mất hết người che chở rồi! Tân vương thành Vương Xá được họ đến báo tin bèn cử hành tang lễ trọng thể. Nhớ lại thù xưa, vua Lưu Ly dẫn một đoàn quân ra khỏi thành cốt giết cả dòng họ Thích. Thế Tôn quan sát thế gian vào buổi sáng, thấy thân tộc sắp bị tiêu diệt, có ý muốn bảo vệ. Ngài đi khất

thực, trở về nằm nghiêng bên phải như sư tử trong hương thất. Chiều, Ngài bay lên trời và ngồi xuống một gốc cây trơ trọi, ít bóng mát, trong vùng lân cận Ca- tỳ-la-vệ. Cách đó không xa, có một cây đa thật to, bóng mát che rợp, nằm ở bên biên giới của vương quốc Lưu Ly. Vua Lưu Ly ngạc nhiên tại sao Thế Tôn không ngồi dưới bóng mát cây đa khi trời quá nóng bức, bèn hỏi Thế Tôn và được Ngài trả lời: - Đừng lo lắng! Đại vương! Bóng mát của thân bằng quyến thuộc là Ta mát mẻ. Vua biết ý Thế Tôn muốn che chở dòng họ nên đảnh lễ Ngài, quay về Xá-vệ. Thế Tôn cũng đứng lên bay về Kỳ Viên. Lòng thù hận học Thích vẫn chưa nguôi ngoai, vua lại ra đi lần thứ hai. Thấy Thế Tôn còn ở chỗ cũ, vua đành quay về. Lần thứ ba cũng vậy. Đến lần thứ tư, Phật quán sát thấy rõ hành động quá khứ của dòng họ Thích là đã ném thuốc độc xuống sông; biết không thể ngăn chặn được quả báo nên Ngài không đi đến gốc cây trơ trọi nữa. Thế là vua Lưu Ly với binh lực hùng hậu mặc tình tiến tới. Thân tộc của Thế Tôn giữ giới nên không giết hại kẻ thù mình, họ thà chết hơn đoạt mạng sống kẻ khác. Họ mặc giáp lên đường chiến đấu, hy vọng dùng tài ba của mình khiến kẻ địch bỏ chạy. Những xạ thủ tài giỏi họ Thích khéo léo điều khiển mũi tên bắn xuyên qua khiên và kẽ hở lỗ tai, mà không trúng ai cả. Vua Lưu Ly thấy tên bay không tin rằng họ Thích giữ lời hứa không sát hại kẻ thù, nhưng khi đếm lại số người của mình còn nguyên, ông mới hết nghi ngờ. Tuy vậy ông vẫn ra lệnh bộ hạ giết hết họ Thích, trừ những người theo Thích Mahànamà. Họ Thích đứng trên đất của mình, không còn biết cách xoay sở nào khác nên một nhóm ngậm lá cỏ trong răng, nhóm khác cầm lau sậy chực sẵn. Khi được hỏi có phải họ Thích Sàkiyas không, thì họ trả lời hoặc không phải Sàka (rau) mà là cỏ, hoặc không phải Sàka (rau) mà là sậy. Nhờ vậy, hai nhóm này thoát chết. Sau, những người cầm lau sậy có tên là Thích-lau. Vì chữ sàka (rau) có âm tương tự chữ Sàkiyas (Thích) nên họ nói trớ để khỏi phạm giới vọng ngữ. Vua Lưu Ly chỉ tha những người đi theo Thích Mahànamà, ngoài ra trừ tiệt hết họ Thích không chừa đứa trẻ nằm nôi. Vua Lưu Ly đã gây ra một dòng sông máu, lau chỗ ngồi của mình bằng máu phun từ cổ họ Thích. Vua trở về, bắt theo Thích Mahànama. Đến giờ ăn sáng, vua muốn cùng ăn với ông ngoại Mahànama. Giai cấp chiến sĩ thà chịu chết hơn cùng ăn với con của nô lệ, vì vậy ông từ chối, nhưng lại sợ vua giết mình, tấn thoái lưỡng nan đành chọn tự kết liễu đời mình. Ông viện cớ tay chân lấm bẩn xin đi tắm. Rồi ông xỏa tóc xuống, thắt gút ở đuôi, thóc ngón chân to lớn của ông vào tóc, lao mình xuống nước. Do công đức của ông, long cung bị nóng lên. Long vương ngạc nhiên bèn đến chỗ ông, đặt ông ngồi trên vây và đưa ông đến long cung.Ông ở lại đó mười hai năm. Vua Lưu Ly đợi mãi không thấy ông, cho

lệnh rọi đèn xuống hồ tìm, khám xét trong mớ quần áo của bộ hạ ông nhưng không thấy ông đâu cả. Cho rằng ông đã đi, vua Lưu Ly lên đường. Vua đến sông Aciravatì trong đêm và cắm trại ở lại. Đoàn tùy tùng của vua một số nằm trên bờ trên cát trong lòng sông cạn, một số nằm trên bờ đất cứng. Người nằm trên bờ cát là những người không phạm tội ác đời trước, bị kiến cắn nên lội khỏi bờ cát lên nằm trên bờ đất; còn những người nằm trên bờ đất là những người phạm tội các đời trước, nên khiến lội xuống bờ cát trong lòng sông. Ngay lúc ấy một cơn bão thổi đến, mưa trút xuống không ngớt. Lũ lụt tràn ngập con sông, cuốn vua Lưu Ly và đoàn tùy tùng xuống biển làm mồi

cho cá và rùa. Dư luận xôn xao về việc họ Thích bị tàn sát và cho đó là bất công. Đức Phật giải thích là không phải bất công nếu biết nghiệp quá khứ, vì kiếp trước họ đã âm mưu ném thuốc độc xuống sông. Các Tỳ-kheo cũng lại bàn tán trong Pháp đường, Phật liền dạy: - Các Tỳ-kheo! Trong lúc các chúng sanh này lo thỏa mãn tham vọng của họ, Diêm vương cắt ngắn mạng sống của họ và ném họ vào bốn biển phiền não, giống như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngũ. Và Ngài nói Pháp Cú: (47) Người nhặt các loại hoa, Ý đắm say, tham nhiễm, Bị thần chết mang đi, Như lục trôi làng ngũ. 4. Người Tôn Vinh Chồng Người nhặt các loại hoa .... Thế Tôn nói lên câu này lúc ở Xá-vệ, liên quan đến cô Patipùjikà, tức là người tôn vinh chồng. Ở cõi trời ba mươi ba có một vị trời tên là Màlabhàrì - người mang vòng hoa - vào vườn cảnh cùng với một ngàn thiên nữ. Một nửa số thiên nữ trèo lên cây ném hoa xuống, một nửa ở dưới đất nhặt hoa rơi, trang điểm cho vua trời. Một thiên nữ đang ngồi trên cành cây thì qua đời, thân biến mất như một ánh đèn tắt, và tái sanh trong một gia đình có địa vị tại Xá-vệ. Cô nhớ lại tiền kiếp nên lớn lên thường dâng cúng hương hoa, để cầu nguyện được tái sanh về với người chồng kiếp trước. Mười sáu tuổi cô được gả chồng. Bất cứ khi nào cúng dường chư Tỳ-kheo thức ăn theo phiếu rút thăm, thức ăn ngày rằm và ba mươi mỗi tháng hay suốt mùa mưa, cô đều nguyện được trở về với người chồng kiếp trước. Các Tỳ-kheo bảo cô luôn tích cực và bận rộn chỉ vì ước muốn đó, và gọi cô là Patipùjikà, người tôn vinh chồng. Cô thường phục vụ tại hội đường, lo nước uống và chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo. Mỗi khi có ai muốn cúng dường thức ăn theo phiếu rút thăm, hoặc thức ăn ngày rằm và ba mươi, họ đều đưa đến cho cô để dâng lên Tăng chúng. Phục vụ như thế, cô đã được năm mươi sáu thiện pháp cùng một lúc. Về đời sống gia đình, cô lần lượt sanh được bốn người con. Một hôm sau khi cúng dường và đảnh lễ các Tỳ-kheo, nghe pháp và thọ trì giới xong, đến chiều tối, cô thình lình mắc bệnh, qua đời và tái sanh về với chồng trước. Suốt

thời gian đó các thiên nữ vẫn đang nhặt hoa trang điểm cho vua trời. Màlabhàrì thấy cô hỏi thăm cô đi đâu, cô kể lại đầu đuôi và sống buông lung thay vì bố thí cúng dường, và cứ luân hồi vô số kiếp, không biết đến già và chết. Vua trời tội nghiệp và thay cho thế gian, cứ sống say chết ngủ, không biết đến bao giờ mới thoát khỏi phiền não đau khổ. (Một trăm năm cõi người bằng một ngày đêm cõi trời. Ba mươi ngày đêm cõi trời thành một tháng, mười hai tháng là một năm và một kiếp trời dài một ngàn năm trời, tức ba mươi sáu triệu năm ở cõi người). Hôm sau các Tỳ-kheo vào làng, đến hội đường không có ai chăm lo, không chỗ ngồi, không nước uống và được biết là Patipùjikà đã qua đời. Tỳ-kheo nào chưa chứng Sơ quả, nhớ lại lần ân cần tiếp đãi của cô, không cầm được nước mắt; còn những Tôn giả đã chứng A-la-hán thì thấm thía pháp vị. Các Tỳ-kheo sau giờ tiểu thực, thưa hỏi Thế Tôn về cô, và được biết cô đã tái sanh về cõi trời ba mươi ba với người chồng trước đúng theo sở nguyện. Họ ngậm ngùi cho kiếp người quá ngắn ngủi, mới sáng nay dâng thức ăn cho Tăng chúng, chiều đã bệnh và qua đời. Đức Phật bèn dạy: - Các Tỳ-kheo! Thế gian này mạng sống của chúng sanh rất ngắn ngủi. Do đó trong khi họ đang còn mong muốn danh lợi thế gian, và tham đắm dục lạc chưa thỏa mãn, thì tử thần đã áp đảo họ mang đi trong tiếng khóc than. Rồi Thế Tôn nói kệ: (48) Người nhặt các loại hoa, Ý đắm say tham nhiễm, Các dục chưa thỏa mãn,

Đã bị chết chinh phục. * 5. Kosiya Keo Kiệt Như ong đến với hoa ... Khi ngụ tại Xá-vệ, Thế Tôn dạy câu này, liên quan đến chưởng khố Niggardly Kosiya. Tại thành phố Jaggery, gần Vương Xá có chưởng khố Niggardly Kosiya tài sản lên đến tám trăm triệu đồng, nhưng chẳng bao giờ bố thí, dù chỉ một giọt dầu nhỏ xíu đủ đọng trên đầu ngọn cỏ, thậm chí còn không dám ăn. Của cải nhiều như thế mà con trai, con gái và cả Tỳ-kheo, Bà-la-môn đều không được hưởng cứ còn nguyên vẹn, giống như một hồ nước bị ma ám. Sáng sớm đức Phật xuất định Đại bi Tam-muội, dùng Phật nhãn quán sát hàng tín hữu của Ngài trong khắp vũ trụ, và thấy cách Ngài bốn mươi lăm dặm có vị chưởng khố và bà vợ đủ duyên lành được hóa độ.

Ngày trước đó, chưởng khố đến hoàng cung chầu vua. Trên đường về ông thấy một người nhà quê gần chết đói, đang ăn cái bánh tròn đầy cháo chua. Ông phát đói bụng. Khi về nhà, ông nghĩ nếu nói ra chuyện mình đói người khác cũng đói ăn theo, thì sẽ tốn biết bao, nào mè, mật mía, đường thô và nhiều thứ khác, chi bằng im đi. Ông đi bách bộ, chịu đựng cơn đói. Hàng giờ trôi qua, mặt ông tái mét, càng lúc càng xanh xao vàng vọt, gân nổi khắp người. Cuối cùng hết chịu nổi, ông về phòng, nằm vật xuống ôm chặt thanh giường. Tuy quá đau đớn vì đói, nhưng nghĩ đến của cải bị tốn kém hao phí, ông chẳng dám hé môi. Vợ ông đến thăm ông, xoa lưng hỏi han: - Phu chủ, có việc gì vậy? - Không. - Nhà vua làm ông buồn bực? - Không. - Nếu thế thì ... hay là ông cần gì, thèm gì? Ông nhảy nhổm vì đúng ngay vết thương lòng. Nhưng lòng tiếc của cũng bừng dậy khiến ông một lần nữa ôm bụng im lặng chịu trận. Bà vợ, chắc nghĩ rằng mình đoán gần đúng nên năn nỉ tiếp: - Phu chủ, nói cho tôi nghe đi! Ông thèm món gì? Chưởng khố chịu hết nổi, thều thào chữ còn chữ mất: - Ừ, tôi thèm một thứ. - Thèm gì nào, phu chủ? - Tôi muốn ăn một cái bánh chiên! - Ồ! sao không nói sớm? Ông có nghèo túng gì đâu! Tôi đủ sức bao ăn hết cả thành Jaggery. - Trời! Ai bảo bà lo cho thiên hạ vậy? Họ muốn ăn thì ráng làm ra tiền mà mua chứ? - Thế thì, tôi chỉ đãi bà con dọc đường này. - Bà lại phung phí quá! - Nếu thế thì mình mời trong nhà thôi! - Tốn kém lắm! - Để tôi nướng đủ cho vợ chồng con cái mính ăn thôi. - Sao bà tính chi nhiều dữ vậy? - Được rồi, chỉ có tôi với ông ăn nhe! - Bà cũng cần ăn sao? - Được lắm, một mình ông thôi. Để tránh cặp mắt nhiều người, ông dặn vợ để lại hạt gạo nguyên, chỉ dùng hạt bể, lấy lò than, khuôn nướng bánh, một chút sữa với mật mía, mật ong và đướng thô, rồi leo lên tầng chót tòa nhà bảy tầng nướng bánh, và ông sẽ ngồi ăn tại chỗ. Bà vợ chỉ biết vâng theo.

Sáng sớm, Thế Tôn bảo Trưởng lão Mục-kiều-liên đến thành Jaggery trên tầng thứ bảy nhà chưởng khố để độ ông ta, dạy cho ông biết xả bỏ, rồi đem cả hai ông bà về Kỳ Viên cùng với bánh, sữa, mật, đường bằng thần thông. Phật sẽ cùng năm trăm Tỳ-kheo ngồi trong tinh xá thọ thực bánh chiên. Chỉ trong khoảnh khắc, Trưởng lão đã đứng lơ lửng giữa trời, trước cửa sổ lầu bảy, hào quang rực rỡ. Chưởng khố trông thấy Ngài, run như cầy sấy. Ông đã trốn lên tận đây cũng vì sợ có người đến khất thực. Vậy mà ông bạn này lại lù lù hiện ra. Không biết rằng Trưởng lão muốn là được, chưởng khố thở phì phò giận dữ, nghe như muối và đường ném vào lửa. Ông quát lên: - Ông Tỳ-kheo! Ông muốn gì mà đứng lơ lửng trên không vậy? Ông có tới tới lui lui cho đến khi vạch thành một con đường trên trời cũng chẳng được gì đâu! Trưởng lão vẫn thản nhiên đi tới đi

lui trước cửa sổ như trước. Chưởng khố quát tiếp: - Ông chờ đợi gì mà đi tới đi lui hoài vậy? Ông có ngồi kiết già đi nữa cũng chẳng được gì. Trưởng lão bắt chân ngồi kiết già. - Dù ông có đứng trên thành cửa sổ cũng thế thôi. - Dù ông phun ra khói cũng thế thôi. Chưởng khố nói thế nào là Trưởng lão làm đúng y. Cho nên, cuối cùng toàn bộ ngôi nhà khói phủ mù mịt. Chưởng khố cảm thấy như mắt bị kim đâm. Sợ cháy nhà, ông ráng nén không dám nói: "Dù ông có phun ra lửa cũng thế thôi." Ông nghĩ thầm: "Ông thầy này bám dai như keo. Nếu không cho cái gì, ổng không chịu đi đâu." Ông đành bảo vợ làm một cái bánh nhỏ để tống khứ trưởng lão. Bà lấy cục bột nhỏ bỏ vào nồi. Bột phồng lên thành cái bánh to đầy tràn cả chảo. Ông vò đầu bứt tai: - Trời! Bà lấy cục bột lớn quá! Rồi đích thân ông dích một cục bột nhỏ xíu trên đầu muỗng bỏ vào nồi. Bột lại phình to hơn cái trước. Cứ thế, cái bánh nướng sau to hơn cái trước. Cuối cùng rứt cái bánh ra khỏi rổ, nhưng tất cả dính lại với nhau. Bà cầu cứu ông, nhưng cố hết sức ông cũng không tách ra được. Mồ hôi tuôn khắp mình, ông hết thèm, liền bảo bà đưa hết rổ bánh cho Tỳ-kheo. Trưởng lão thuyết pháp cho hai ông bà, nêu công hạnh của Tam bảo, bắt đầu với câu "Sự bố thí là cách tế lễ chơn chánh nhất". Ngài giải thích phước báo của hạnh bố thí và các công đức khác, rõ ràng như mặt trăng trong bầu trời. Nghe xong ông phát tín tâm, mời Trưởng lão đến gần, ngồi xuống giướng thọ thực. Mục-kiền-liên bảo ông bà mang bánh đến chỗ Thế Tôn cúng dường. Ngài sẽ mang cả hai đi bằng thần thông. Đầu cầu thang trong lâu đài sẽ vẫn ở chỗ cũ nhưng chân cầu thang sẽ nằm ngay cổng tinh xá kỳ Viên. Ngài sẽ mang hai ông bà đến Kỳ viên nhanh hơn là đi từ tầng lầu trên xuống tầng lầu dưới. Chưởng khố đồng ý đề nghị ấy. Trưởng lão bèn để đầu cầu thang yên chỗ cũ và ra lệnh:

- Chân thang hãy nằm tại cổng Kỳ Viên. Thang hiện ra y như thế. Hai vợ chồng Chưởng khố đến Kỳ Viên bèn đến trước Thế Tôn thưa đã đến giờ thọ trai. Thế Tôn vào phòng ăn, ngồi trên Phật tòa soạn sẵn cùng với Tăng đoàn vây quanh. Chưởng khố dâng nước khai mạc buổi cúng dường Phật và chư Tăng. Bà vợ đặt bánh vào bình bát Như Lai. Thế Tôn lấy vừa đủ dùng, các Tỳ-kheo dùng xong, cả hai ông bà cũng ăn no, nhưng bánh vẫn còn. Sau khi chia bánh cho toàn thể Tỳ-kheo trong tinh xá và cho những người xin ăn đồ thừa, bánh vẫn không giảm. Phật dạy đem bánh ra đổ ngoài cổng Kỳ Viên. Đến ngày nay chỗ đó có tên là Hang Bánh. Hai ông bà đến chỗ Thế Tôn, đứng kính cẩn một bên. Thế Tôn hồi hướng công đức, dứt lời cả hai chứng quả Dự lưu. Rồi họ chào Phật, lên cầu thang ở cổng Kỳ Viên và về nhà. Từ đó về sau Chưởng khố dùng gia sản tám trăm triệu đồng dành riêng phục vụ cho Giáo đoàn của Phật. Chiều hôm sau, các Tỳ-kheo đến pháp đường bàn tán thần thông cùng oai lực của Mục-kiền-liên đã chiêu phục chưởng khố. Phật nghe qua dạy: - Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo muốn giáo hóa một gia chủ không làm hại đức tin, không làm hao của cải, không áp chế cũng không làm họ để giảng cho họ hiểu công hạnh của Phật, như con ong đậu trên hoa hút mật. Con ta, Mục-kiên-liên, đúng là một Tỳ- kheo như thế. Để tán thán Trưởng lão Mục-kiền-liên, Phật nói Pháp cú: (49) Như ong đến với hoa, Không hại sắc và hương, Che chở hoa, lấy nhụy, Bậc thánh đi vào làng. Đức Phật nói tiếp về công hạnh của Ngài, và cho biết đây không phải lần đầu mà trong kiếp trước Ngài đã từng cải hóa chưởng khố Niggardly khi thuyết giảng mối tương quan giữa hành nghiệp và quả báo. Và Phật

kể lại chuyện Bổn sanh Illìsa. Cả hai đều chân vòng kiềng Cả hai cũng lại khập khiềng què luôn Nốt ruồi, mắt lác đúc khuôn Ta không thể nói ai là Illìsa. 6. Ẩn Sĩ Lõa Thể Pàthika. Không nên nhìn lỗi người... Tại Xá-vệ Phật đã dạy câu trên liên quan đến ẩn sĩ lõa thể Pàthika. Vợ một gia chủ tại Xá-vệ lo cung cấp mọi nhu cầu cho ẩn sĩ lõa thể Pàthika, xem ông như con đẻ của mình. Bà được người láng giềng ca tụng pháp nhũ của Phật nên muốn đến tinh xá nghe Pháp. Nhưng mấy lần đến xin ẩn sĩ đều bị ông khuyên không nên đi. Vì vậy bà định sẽ mời Thế Tôn đến tư gia để thuyết pháp. Chiều hôm đó, bà cho cậu con trai đến tinh xá để thỉnh Thế Tôn sáng mai. Cậu bé đi ngang qua thất ẩn sĩ chào, bị ông ta bảo đừng đi. Cậu không dám cãi lệnh mẹ sợ bị rầy.

Ông ta bèn bảo cậu đừng chỉ cho Thế Tôn đúng đường đi đến nhà mà chỉ giả bộ như nhà cậu ở gần đó. Rồi khi về thì cậu phải chạy thật mau, làm như định đi đường khác. Sau đó, hãy đến gặp ẩn sĩ. Cậu bé vâng lời làm theo. Khi cậu thi hành mọi việc xong xuôi và trở lại nhà ẩn sĩ, ông khen ngợi cậu bé và hứa hẹn sẽ cùng nhau ăn phần dành cúng dường Phật. Sáng tinh mơ ngày hôm sau, ẩn sĩ đến nhà bà thí chủ, cùng với cậu bé ngồi phòng bên trong. Các người láng giềng trét phụ nhà với phân bò, tô điểm bằng năm thứ hoa, có cả hoa Làja, và soạn sẵn chỗ ngồi thượng hạng cho Thế Tôn. (Những người chưa thân cận với chư Phật không biết cách sửa soạn Phật tòa. Chư Phật cũng không bao giờ cần đến một người dẫn đường. Khi chư Phật giác ngộ dưới cội Bồ-đề, làm rúng động mười ngàn thế giới, mọi con đường đều trở nên rõ ràng đối với các Ngài: đường xuống địa ngục, đường đến cõïi súc sanh, cõïi ngạ quỷ; lên cõi người, cõi trời; đến cõi bất tử, Niết- bàn. Chư Phật không cần phải được chỉ đường đến làng mạc, phố thị hay bất cứ chỗ nào). Do đó sáng sớm đức Phật cầm bát, đắp y đến thẳng nhà bà thí chủ. Bà ra khỏi nhà một đoạn thật xa để đón Phật, năm vóc gieo xuống kính lễ và theo Phật về nhà. Bà xối nước lên tay phải của Phật và cúng dường thức ăn hảo hạng cứng và mềm. Bà đỡ lấy bát khi Thế Tôn thọ thực xong, và thỉnh Ngài hồi hương công đức. Bà lắng nghe pháp và tán thán Như lai: - Hay thay! Hay thay! Ẩn sĩ ngồi phía sau nghe thế nổi cáu, không nhận bà là đệ tử mình nữa, và đứng dậy ra về, không quên hăm he: - Đồ phù thủy! Mi sẽ thiệt hại vì tán thán ông ta. Sau đó ông ta dùng đủ lời lăng mạ vị tín nữ và Thế Tôn, Rồi bỏ đi. Bàng hoàng vì những lời mắng chửi của ẩn sĩ lõa thể, bà tán tâm, không thể chú ý nghe Thế Tôn thuyết pháp. Bà thú thật với Thế Tôn và được Ngài khuyên: - Đừng bận tâm đến lời của kẻ ngoại đạo, không cần chú ý đến một người như thế. Chỉ nên nhìn lỗi mình; đã phạm hay chưa phạm. Và nói Pháp cú: (50) Không nên nhìn lỗi người, Người làm hay không làm, Nên nhìn tự chính mình, Có làm hay không làm. 7. Vua Và Vua Các Vua Như bông hoa đẹp tươi... Thế Tôn dạy câu này liên quan đến cư sĩ Chattapàni khi ngài ngụ tại Xá-Vệ. Cư sĩ Chattapàni ở Xá-vệ làu thông Tam tạng Kinh điển và đã chứng Nhị quả. Một sáng sớm, tuân giữ Bát quan trai giới, đến đảnh lễ Thế Tôn. Đối với những vị chứng Nhị quả và các Thánh đệ tử của Phật, vì đã thệ nguyện trước, không cần giữ giới Bát quan trai. Những vị ấy, chỉ do công hạnh của đạo quả, sống đời thánh thiện, ăn ngày chỉ một bữa.

Do đó, đức Thế Tôn nói: "Đại Vương! Người thợ gốm Ghatikàra ăn ngày chỉ một bữa, sống đời phạm hạnh, thì đã là người đạo đức, chính thực." Do đó, những vị đã chứng Nhị quả đương nhiên ăn ngày một bữa và sống đời thánh thiện). Nhưng Chattapàni

cũng vẫn giữ giới Bát quan trai. Ông đến đảnh lễ Thế Tôn rồi cung kính ngồi xuống nghe pháp. Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc ở Kosala cũng đến để đảnh lễ Thế Tôn, Chattapàni trông thấy thoáng lo nghĩ không biết phải xử sự thế nào. Ông đang ngồi với sự hiện diện của Phật, tức vua của các vua, thì không thể đứng lên chào vua của một nước được. Thế rồi ông quyết định ngồi yên không đứng dậy, dù vua Ba-tư-nặc có bất bình cũng đành chịu. Quả nhiên, vua đảnh lễ Thế Tôn xong cung kính ngồi một bên, mặt không vui. Thế Tôn thấy vậy bèn bảo: - Đại vương, cư sĩ Chattapàni là bậc Thiện trí, hiểu biết giáo pháp và thông thuộc Tam tạng kinh điển, bình thản cả lúc thành công hay thất bại. Vua nghe Ngài ca tụng đức hạnh của ông, lòng dịu lại hết giận. Sau đó, một hôm, điểm tâm xong, vua đứng trên lầu hoàng cung thấy Chattapàni đi qua sân, tay cầm dù chân mang dép liền ra lệnh gọi ông đến. Ông bỏ dù, cởi dép đến chào vua và cung kính đứng một bên. Vua hỏi ông: - Tại sao ông bỏ dù và cởi dép? Ông đáp: - Khi thần nghe Đại Vương cho đòi vào liền để dù và dép qua một bên trước khi đến gặp ngài. - Thế thì, rõ ràng hôm nay ông mới biết ta là vua? - Thần luôn luôn biết ngài là vua. - Sao hôm trước gặp ta chỗ Thế Tôn, ông không đứng dậy? - Đại vương! Nếu đứng trước vua của các vua mà thần đứng dậy chào vua một nước thì thiếu cung kính với đấng Thế Tôn. Vì vậy thần đã không đứng dậy. - Không sao, cái gì đã qua hãy cho qua. Ta nghe nói ông thông thạo những vấn đề liên quan đến đời này và đời sau, và thông thuộc Tam tạng kinh điển, vậy hãy đến cung cấm tụng đọc cho các cung phi. - Thần không thể làm, Đại vương! - Tại sao vậy? - Hoàng cung là nơi nghiêm mật. Đúng hay sai đều nghiêm trọng, tâu bệ hạ. - Đừng nói thế. Ngày hôm kia, khi gặp ta ông thấy không cần đứng dậy chào mà. Đừng làm thương tổn vết thương thêm nữa. - Đại vương, nếu một gia chủ làm nhiệm vụ của một Tỳ-kheo thì là phạm lỗi nặng. Xin thỉnh một Tỳ-kheo đến giảng kinh. Vua chấp thuận, ra lệnh bãi hầu. Sau đó, vua sai sứ giả đến bạch với Phật, xin Thế Tôn đến hoàng cung thường xuyên với năm trăm Tỳ-kheo để nói pháp cho hai vương phi

là Mallikà và Vàsabhakhattyyà. Vì như Phật không thể đến hoài một chỗ, nên Thế Tôn cử Trưởng lão A-nan đều đặn đến trùng tuyên giáo pháp cho hai bà. Mallikà học rất chăm chỉ, ôn luyện nghiêm túc và chú tâm đến lời giảng, còn Vàsabhakhattyyà thì không được như vậy. Được Thế Tôn hỏi thăm, Trưởng lão trình bày sự học của hai bà. Phật dạy: - Này A-nan! Khi Ta thuyết pháp, ai không thành tâm lắng nghe, học tập, ôn luyện và giảng giải được thì không chút gì lợi lạc, như bông hoa có sắc mà không hương. Nhưng người nào nghe, học, lặp lại và giảng giải được sẽ hưởng nhiều lợi lạc. Rồi Thế Tôn đọc Pháp cú: (51) Như bông hoa đẹp tươi, Có sắc mà không hương, Cũng vậy, lời khéo nói, Không làm không kết quả. (52) Như bông hoa đẹp tươi, Có sắc lại thêm hương, Cũng vậy, lời khéo nói, Có làm, có kết quả. Khi Phật kết thúc bài giảng, nhiều người chứng sơ quả, Nhị quả và Tam quả. Hội chúng cũng được nhiều lợi lạc. 8. Đám Cưới Bà Tỳ Xá Khư. Như từ một đống hoa... Khi ngụ tại Pubbàràma, gần Xá-vệ, Thế Tôn dạy câu trên liên quan đến bà Tỳ-xá- khư (Visàkhà). Tỳ-xá-khư sinh ra trong thành Bhaddiya, thuộc vương quốc Anga. Cha là chưởng khố Dhananjaya, con của chưởng khố Ram, và mẹ là Sumanaa Devii chánh thất. Năm bà lên bảy tuổi, Thế Tôn thấy người Bà-la-môn Sela và tín hữu của ông đủ duyên lành nhập đạo nên đến thành

này cùng với đông đảo Tăng chúng. Lúc bấy giờ chưởng khố Ram đang giữ chức chưởng khố của thành này, là người đứng đầu năm nhân vật có phước đức lớn. (Đó là chưởng khố Ram, bà Candapadumà chánh thất của ông, trưởng nam Dhananajaya và vợ là Sumanà Devì, và gia nhân của chưởng khố Ram là Punna. Không riêng gì chưởng khố Ram có gia sản kết xù mà tại vương quốc của vua Bình-sa vương cũng có năm người là Jotiya, Hatila, Ram, Punnaka, và Kàkavaliya). Chưởng khố Ram nghe tin đấng Thập lực đến liền bảo Tỳ-xá-khư: - Hôm nay là ngày hạnh phúc của ông và cũng là hạnh phúc cho con. Hãy dẫn năm trăm trinh nữ gia nhân của con cưỡi năm trăm xe cùng năm trăm nô lệ nữ đi khoảng xa đón đấng Thập lực. Tỳ-xá-khư liền vâng lời ông nội. Cô biết rõ điều gì nên làm, điều gì không nên làm, vì thế cô cho xe đi hết khoảng đường xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng qua một

bên. Hoan hỉ vì cung cách tiếp rước của cô bé, Thế Tôn thuyết pháp cho cô, cuối bài pháp cô với năm trăm gia nhân cùng chứng quả Dự lưu. Chưởng khố Ram cũng đến chỗ Thế Tôn nghe pháp và cũng chứng Sơ quả. Sau đó ông thỉnh Thế Tôn với Tăng đoàn đến nhà thọ thực, và ông dâng cúng thực phẩm chọn lọc, cứng lẫn mềm, suốt hai tuần thật dồi dào. Sau nửa tháng ở lại trong niềm hoan hỷ, Thế Tôn rời thành Bhadiya. Thuở đó vua Bình-sa vương và vua Ba-tư-nặc nước Kosala là anh em rể, vua này cưới em của vua kia. Vua Kosala thấy trong nước mình không có người nào giàu có vô tận như năm nhân vật thế phiệt của Bình Sa Vương, nên đến xin một nhân vật về xứ mình. Vua Bình-sa vương từ chối, vua Kosala quyết chí xin cho được, nếu không sẽ không về xứ. Túng thế Bình-sa vương họp bàn với các quan rồi hứa sẽ cử chưởng khố Dhananjaya. Đúng hẹn, chưởng khố Dhananjaya đi theo vua Ba-tư-nặc rời Xá-vệ về Kosala, chỉ mất một đêm. Dừng trước một cảnh đẹp, và khi được biết nơi đó chỉ cách Xá-vệ bảy dặm và là xứ sở của vua Ba-tư-nặc, chưởng khố xin vua ở lại đây. Vua chuẩn y, dựng thành quách tại đây cho ông, đặt tên thành là Sàketa, có nghĩa là thành có người đầu tiên ở vào chiều tối. Lúc đó ở Xá-vệ Chưởng khố Migàra được một mụn trai tên Punnavaddhana đến tuổi trưởng thành. Hai ông bà bảo con nên lập gia đình, ban đầu anh thoái thác, sau đặt điều kiện vị hôn thê phải hội đủ năm vẻ đẹp về tóc, thịt, xương, da, và tuổi trẻ. (Phụ nữ đẹp con nhà trâm anh tóc phải giống như đuôi công lòa xòa đến viền váy và cuốn cong. Đó là vẻ đẹp của tóc. Môi có màu đỏ tươi như màu bí và phải tròn đầy mềm mại, đó là vẻ đẹp của thịt. Răng phải trắng, đều không kẽ hở, sáng bóng như kim cương hay vỏ ốc xà cừ, đó là vẻ đẹp của xương. Làn da không xông ướp với gỗ đàn hương, phấn hồng hay bất cứ mỹ phẩm nào, vẫn mịn màng như vòng hoa huệ và trắng muốt như hoa Canikàra, đó là vẻ đẹp của da. Dù có sinh đẻ mười lần đi nữa cô ta trông như gái một con, đó là vẻ đẹp của tuổi trẻ.) Hai ông bà mời tám Bà-la-môn đến nhà dùng bữa, để nhờ họ tìm một nàng dâu như thế. Họ hứa và đi tìm với tiền trợ cấp đáng kể, và một vòng hoa bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền để đeo vào cổ cô dâu. Họ sốt sắng tìm kiếm nhưng hoài công, đành trở về, trúng ngay ngày lễ hội hằng năm. Ngày đó các gia đình ngày thường ít khi ra ngoài sẽ dẫn gia nhân, người hầu đi bộ đến tận bờ sông. Những cậu trai gia thế, có địa vị và giàu có thuộc giai cấp chiến sĩ, sẽ đứng dọc đướng, và khi cô gái đẹp nào lọt và mắt xanh và cùng giai cấp, họ sẽ ném vòng hoa lên đầu nàng. Các ông Bà-la-môn cũng đến đó chờ đợi trong một

gian nhà. Lúc đó Tỳ-xá-khư độ mười lăm mười sáu tuổi, trang sức đầy mình với năm trăm tỳ nữ hộ tống, đến bờ sông định xuống tắm. Bất ngờ cuồng phong nổi lên và trời mưa. Năm trăm tỳ nữ chạy nhanh đến trú trong gian nhà, còn tỳ-xá-khư vẫn bước đi như bình thường. Vào đến gian nhà đồ trang sức và quần áo nàng ướt sũng. Các ông Bà-la-môn thấy nàng hội đủ bốn vẻ đẹp. Họ tìm cách để xem xét hàm răng của nàng. Vì thế họ kháo chuyện với nhau:

- Con gái tôi thật là đoảng! Chồng nó chỉ hưởng được có thứ cháo chua, không biết tôi nói có ngoa không! Tỳ-xá-khư lên tiếng: - Các ông đang bàn việc gì thế? - Nói về cô đấy. - Về điểm gì? - Tỳ nữ của cô chạy nhanh nên không bị ướt,còn cô vẫn chậm bước nên ướt hết. - Tôi khỏe hơn họ, vả lại tôi có lý do để chậm bước. - Lý do gì? - Có bốn hạng người không thể chạy bừa vì bất lợi cho họ. - Là người nào? Một vị vua vừa được xức dầu, trang sức đầy mình mà chạy trong sân hoàng cung sẽ bất lợi vì bị thiên hạ chế giễu "Vua chúa gì mà chạy lung tung như thường dân". Lại nữa con voi nghi lễ của vua sẽ rất khó coi nếu chạy nhảy, nhưng nếu đi đứng oai vệ một cách tự nhiên thì thấy đàng hoàng. Một Tỳ-kheo sẽ mất oai nghi nếu chạy hoặc đi nhanh và sẽ bị phê phán. "Tỳ-kheo gì mà chạy đi chẳng khác gì kẻ phàm tục". Một phụ nữ nếu chạy đi thì cũng sẽ bị chê bai "Nữ nhi mà chạy băng băng y như đàn ông". Đó là bốn hạng người không nên chạy bừa vì sẽ bất lợi cho họ. - Còn lý do nào khác không thưa cô? - Thưa quý ông, các bậc cha mẹ nuôi nấng con gái đều cố gìn giữ nguyên vẹn tay chân. Chúng tôi như của quý để gả bán. Nếu chúng tôi chạy nhảy vấp tà áo hay va đất đá bị té có thể gãy tay chân, lúc đó sẽ là gánh nặng cho gia đình. Còn bây giờ nếu áo quần ướt thì sẽ khô thôi. Vì nghĩ như thế nên tôi không dám chạy. Trong lúc Tỳ-xá-khư nói chuyện, các ông Bà-la-môn quan sát hàm răng của nàng, quả nhiên tuyệt đẹp chưa hề có. Họ ca tụng nàng: - Thưa cô, chỉ có cô mới xứng đáng nhận lãnh tặng phẩm này. Rồi họ đeo vào cổ nàng chiếc vòng vàng. Cô nhận lời xin cưới của họ vì được họ cho biết con của chưởng khố Migàra là Punnavaddhana Cumàra đồng giai cấp với cô. Dù đã đi bộ đến đây, nhưng từ khi cô nhận chiếc vòng vàng rồi thì đi bộ không còn thích hợp nữa. Cô nhắn cha gởi cho cô chiếc xe, nhưng ông cha lại cho năm trăm xe đến, rồi cô lên xe cùng với đoàn tùy tùng. Các ông Bà-la-môn đi theo. Về nhà hai bên bàn bạc với nhau. Gia sản bên Migàra khoảng bốn mươi triệu, không đáng chi so với nhà Tỳ-xá-khư. Nhưng nghĩ đến được một người bảo hộ con gái mình, cha nàng bằng lòng gả nàng. Và ông tiếp đãi các ông Bà-la-môn thật chu đáo và thịnh soạn trong hai ngày. Chưởng khố Migàra nghe các ông Bà-la-môn trở về thuật lại đầu đuôi câu chuyện, ông rất hài lòng và cũng muốn rước dâu nhanh chóng. Ông báo tin cho sui gia biết là sẽ đến với vua Kosala và đông đảo tùy tùng. Chưởng khố Dhananjaya nhắn người trả lời: "Chúng tôi xin hân hạnh tiếp đón ngay cả mười vị vua cũng được". Thế là Migàra đem tất cả dân chúng trong thành đi, trừ một số phải ở lại giữ nhà. Họ dừng lại cách Sàketa nửa

dặm, gửi tin đến Dhananjaya. Ông lập tức gửi quà quí giá đến cho họ. Rồi ông hỏi ý kiến con gái là Tỳ-xá-khư: - Cha chồng con đã đến rước dâu cùng với vua ở Kosala, nhà nào dành để đón ông, nhà nào cho vua ở, và nhà nào tiếp các vương tôn? (Tỳ-xá-khư rất thông minh, tài trí sắc bén như góc cạnh viên kim cương là do cô đã phát lời thệ nguyện cũng như do bổn nguyện cô hằng ôm ấp trong một trăm ngàn kiếp). Cô sắp đặt

mọi việc thật thỏa đáng, từ sửa soạn những căn nhà cho cha chồng, vua, vương tôn và đoàn tùy tùng trú ngụ, chí đến phân công tác cho đám gia nhân phục vụ không những quan khách mà cả chuồng ngựa, voi,... Để mọi người đều được hài lòng vui vẻ. Riêng phần mình, cô được cha xuất kho cả ngàn miếng vàng ròng, rồi bạc, ngọc ru-bi, ngọc trai, san hô và kim cương, để đặt làm cho cô một món trang sức thật vĩ đại và lộng lẫy. Vài ngày sau, vua Kosala hỏi thăm chừng nào rước dâu, cứ thế, ba tháng trôi qua mà món trang sức cho cô dâu vẫn chưa làm xong, bên đàng gái trả lời là mùa mưa đến, vua không thể đi đâu được trong vòng bốn tháng và bổn phận của họ là sẵn sàng phục vụ những gì vua và quân lính dùng. Từ đó, thành Sàketa như đang trong một kỳ lễ hội dài. Từ vua cho đến người thấp kém nhất, ai cũng được trang sức hương hoa lộng lẫy. Tuy nhiên bên đàng gái gặp khó khăn vì thiếu củi đốt. Họ phải hạ chuồng voi và những căn nhà xiêu vẹo trong thành để lấy gỗ làm củi. Nhưng rồi cũng không đủ, và đang trong mùa mưa nên càng khó kiếm củi, họ phải mở cửa kho, lấy vải thô làm thành dây bấc nhúng vào dầu để nấu nướng. Bốn tháng trôi qua, món trang sức mới xong. Đã chi hết bốn bình kim cương (một bình chừng nửa lít), mười một bình ngọc trai, hai mươi bình san hô, ba mươi ba bình ru- bi, và nhiều loại đá quý khác. Họ đã dùng bạc làm dây xâu thay cho chỉ. Món nữ trang được kết từ đầu rủ xuống chân. Những móc vàng, dây bạc được gắn, thắt vào những chỗ khác nhau để giữ món trang sức dính chắc và thẳng đứng, một trên chóp mỗi tai, một ngang giữa cổ, một ở một đầu gối, một ở mỗi khuỷu tay, một ở rốn, và một ở thắt lưng. Trên nền món trang sức này, thợ chạm một con công. Hai cánh của công mỗi bên gồm năm trăm sợi lông bằng vàng ròng. Mỏ công bằng san hô, hai mắt bằng ngọc, cổ và lông đuôi cũng bằng ngọc. Gân nổi trên lông công bằng đá quý và chân cũng vậy. Khi nó được gắn lên đỉnh đầu của Tỳ-xá-khư, trông như một con chim công đang đứng trên đỉnh núi xòe cánh múa; và tiếng của những gân của ngàn lông rung lên nghe như nhạc trời hợp xướng, hoặc như bài hợp tấu của năm loại nhạc khí. Chỉ khi nào đứng thật gần mới biết đó không phải con công thật. Trị giá món trang sức này lên đến chín mươi triệu đồng và tiền công hết cả trăm ngàn đồng. (Vào thời Phật Ca-diếp, Tỳ-xá-khư đã cúng dường cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo y và bát, cả kim chỉ và thuốc nhuộm, do phước báo đó, ngày nay cô được món trang sức vĩ đại này, tức phần thưởng cho tín nữ. Đối với thiện nam nếu cúng y sẽ được y bát tạo bằng thần thông).

Ngoài ra Tỳ-xà-khư còn được của hồi môn gồm năm trăm xe chất đầy tiền, năm trăm xe đầy hũ vàng, năm trăm xe đầy hũ bạc, năm trăm xe đầy hũ đồng, năm trăm xe vải vóc tơ lụa, năm trăm xe bơ, năm trăm xe gạo trắng sạch và năm trăm chiếc xe chở đầy nào cày, cào và các thứ nông cụ khác. Chưa kể một ngàn năm trăm tỳ nữ trang sức sang trọng để tắm, giặt, nấu ăn và mặc đồ cho cô, tất cả đều ngồi trên năm trăm chiếc xe. Chưởng khố muốn rằng con mình không thiếu một thứ gì khi về nhà chồng. Chưa vừa ý, ông còn cho thêm gia súc. Ông ra lệnh: - Các ngươi hãy đến bãi gia súc nhỏ, mở cổng ra. Xong, hãy đứng hai bên làm thành một đường dài ba phần tư dặm và rộng tám sào (bốn mươi mét). Cứ cách một phần tư dặm đường, để một cái trống. Đừng cho trâu bò đứng ra khỏi giới hạn này. Khi các ngươi đến đứng đúng vị trí, hãy đánh trống lên. Họ làm theo lệnh. Rời khỏi bãi gia súc, họ tiến đến một phần tư dặm liền đánh trống,

rồi nữa dặm lại đánh trống, rồi đến ba phần tư dặm lại đánh trống. Và họ đứng gác những lối ra hai bên. Khi họ xong thì trâu bò đã đứng chen vai nhau trên khoảng đất dài ba phần tư dặm và ngang tám sào. Lúc đó, chưởng khố ra lệnh đóng cửa chuồng trâu bò. Tuy nhiên cô không chỉ hưởng số gia súc đó mà còn thêm sáu mươi ngàn bò đực mạnh khỏe, sáu mươi ngàn bò sữa cái với bò con theo sau, đã sổng chuồng chạy theo. (Kiếp trước, vào thời Phật Ca-diếp, Tỳ-xá-khư là Sanghadàsì, công chúa út trong bảy công chúa con vua Kiki, cúng dường năm phẩm vật từ bò cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo và Sa-di. Dù họ đã lấy tay che bát, cô vẫn sớt thêm, bảo rằng thức ăn này vừa ngon miệng vừa mát lòng. Do quả báo này cô nhận thêm số bò sổng chuồng.) Tuy nhiên như thế bà vợ ông còn nhắc thêm sao ông không cho gia nhân theo để cô sai bảo. Thật ra ông không quên, chỉ vì ông muốn khi cô lên xe rồi, ông sẽ cho những người tự nguyện đi theo, chớ không muốn ép buộc họ. Vào ngày trước khi đưa dâu, ông dạy cô mười điều nên nhớ về nhà chồng: 1) Lửa trong nhà không nên mang ra ngoài. 2) Lửa bên ngoài không nên mang vào nhà. 3) Chỉ cho người nào nên cho. 4) Không cho người nào không nên cho. 5) Cho cả người đáng cho và không đáng cho. 6) Ngồi một cách vui vẻ. 7) Ăn một cách vui vẻ. 8) Ngủ một cách vui vẻ. 9) Giữ gìn lửa. 10) Thờ phụng thần thánh. Mười điều này cũng lọt vào tai cha chồng cô, lúc đó đang ở phòng bên cạnh. Đến ngày đưa dâu, Chưởng khố Dhananjaya tập trung các phường hội thủ công, và giữa đoàn người của nhà vua ông chỉ định tám gia chủ giám hộ cô dâu, nếu nàng có bị buộc tội gì xin họ làm sáng tỏ sự việc.

Rồi cô dâu khoác lên món trang sức trị giá chín mươi triệu đồng, còn nhận thêm năm trăm bốn mươi triệu để sắm hương phấn tắm mình. Rồi chưởng khố đỡ con gái lên xe hoa. Ông hộ tống cô qua mười bốn làng quanh Sàketa, những làng chư hầu nộp lễ cống cho ông, cho đến tận Anuràdhapura. Dọc đường, ông cho rao lớn rằng: "Ai muốn đi theo con ta thì đi." Dân mười bốn ngôi làng đều đi theo, mang theo hết không còn một thứ gì để lại. Dhananjaya cũng tiễn đưa một đoạn đường, chào từ giã và phó thác con gái cho Migàra và vua. Migàra thấy đám người theo hầu quá đông như một đoàn quân, sợ không nuôi nổi liền ném đất và vung gậy gộc đuổi về bớt, mặc lời phản đối của cô dâu Tỳ-xá-khư. Cô vào cổng thành Xá-vệ, đứng trên xe hoa để dân chúng chiêm ngưỡng món trang sức. Mọi người tấm tắc khen ngợi vẻ lộng lẫy rực rỡ, nét đài các phong lưu của nàng. Ngay hôm ấy, dân chúng gởi mừng nhiều quà tặng, nàng tặng lại hết cho các gia đình trong thành với lời lẽ dịu dàng êm ái, thích hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh từng người,xem họ như là thân quyến của mình. Một lần giữa đêm, nàng đến thăm con ngựa mới đẻ, có người hầu nam nữ cầm đuốc theo, để coi sóc cho ngựa mẹ được tắm nước nóng và xức dầu. Chưởng khố Migàra, để mừng ngày cưới vợ cho con, đã mời năm trăm ẩn sĩ lõa thể đến cúng dường, ông hoàn toàn không biết gì về Thế Tôn lúc đó đang ngụ trong tinh xá gần đây. Cháo ngon hảo hạng được nấu trong những đồ dùng nhà bếp mới toanh. Ông gọi cô dâu đến chào các ẩn sĩ mà ông gọi là những vị A-la-hán. Tỳ-xá-khư lúc bấy giờ đã chứng quả Dự lưu và là Thánh đệ tử của Phật, nghe đến danh hiệu A-la-hán, nàng vô cùng hoan hỷ. Nhưng bước vào phòng đãi ăn các ẩn sĩ và nhìn họ, nàng bảo họ thiếu tính khiêm cung và không biết sợ trọng tội, không xứng với danh xưng A-la-hán. Nàng lên tiếng trách cha chồng và trở về phòng. Trong khi các ẩn sĩ

cũng trách Migàra sao không tìm một nàng dâu khác, mà lại chọn một đệ tử cư sĩ của ông Cồ-đàm. Nhận cô ta vào nhà chẳng khác nào nhận đồ xúi quảy. Họ còn đòi ông tống khứ cô ta đi. Ông không bằng lòng, trả lời với họ là "Đàn bà họ ưng chi làm nấy, xin các ông bỏ qua cho." Rồi ông tiễn họ ra về, và ngồi xuống trên một chiếc ghế sang trọng, ăn cháo thượng vị với mật trong dĩa vàng. Lúc đó có một Tỳ-kheo vào nhà khất thực. Tỳ-xá-khư đang quạt hầu cha chồng, nghĩ rằng mình không nên báo cho cha biết có vị Tỳ-kheo khất thực, vội đứng lên một bên cho ông trông thấy Trưởng lão, nhưng ông quá ngu si có thấy nhưng làm như không thấy, vẫn cắm cúi ăn. Tỳ-xá-khư bảo Trưởng lão xin cứ đi vì cha chồng đang ăn cháo thiu. Migaara tuy bất bình các ẩn sĩ, nhưng nghe nàng dâu nói thế, ông nổi giận bảo dẹp dĩa cháo và ra lệnh đuổi Tỳ-xá-khư ra khỏi nhà. Vì gia nhân và tỳ nữ đều thuộc về nàng nên không ai dám hé môi. Riêng cô thì trả lời cha chồng như sau: - Thưa cha, lý do đó không đáng để con phải bị đuổi đi. Con không phải là cô gái tầm thường ngoài đường, ở một chỗ tắm nào đó trên bờ sông, được cha lượm về. Con gái nhà gia giáo, có cha mẹ đàng hoàng, không thể rời nhà chồng bởi lý do đó. Ngoài ra cha

con có giao con cho tám gia chủ bảo hộ, và khi có lỗi lầm họ sẽ chịu trách nhiệm làm sáng tỏ vấn đề. Xin cha cho mời tám gia chủ đến phân xử. Họ được mời đến và cuộc đối thoại để xét xử Tỳ-xá-khư bắt đầu giữa họ với cha chồng của cô. Migàra bảo: - Ngày đại lễ như thế, địa vị của tôi như vầy, mà cô ta lại bảo tôi ăn cháo. Các ông hãy buộc tội cô ta và đuổi đi khỏi nhà này. Các gia chủ hỏi: - Có phải thế không, thưa cô? - Lời tôi nói không đúng hẳn như thế. Số là có một Tỳ-kheo đi khất thực dừng chân trước cửa nhà. Cha chồng tôi đang dùng cháo ngon với mật, hoàn toàn không thấy Trưởng lão. Tôi thiết nghĩ ông không tạo được công đức mới hiện đời mà chỉ hưởng phước đức cũ của đời trước. Do đó tôi đã nói với Tỳ-kheo là ông đang ăn đồ cũ. Vậy tôi có lỗi gì? Tỳ-xá-khư đã trả lời như trên. Các gia chủ đều đồng ý là nàng nói đúng, rồi họ hỏi lại Migàra: - Tại sao ông lại giận nàng? Ông đáp: - Tôi cũng đồng ý là cô ta không có lỗi trong việc này, nhưng tại sao nửa đêm cô ta đi ra sau nhà có tớ trai, tớ gái theo sau? Tỳ-xá-khư giải thích là vì con ngựa giống đẻ, cô không yên tâm nếu ngồi nhà, nên đã ra chuồng ngựa xem nó được săn sóc ra sao. Lần này nàng cũng không có lỗi gì. Cha chồng lại buộc tội là ngày xuất giá cha nàng đã dạy bảo Mười điều có nhiều ẩn ý, tỷ như điều một là "không cho đem lửa trong nhà ra ngoài", nếu vậy đối với láng giềng hai bên xin lửa thì sao? Cô cũng giải thích rành rẽ ý của cha nàng dạy là không nên đem việc trong nhà nói ra bên ngoài. Rồi cô từ từ giải trình điều hai là "không đem lửa ở ngoài vào trong nhà" có nghĩa láng giềng nếu nói xấu nhà chồng cũng không nên về nhà học lại. Còn điều "Chỉ cho người nào nên cho" nghĩa là chỉ cho vay những ai trả lại. "Không cho người nào không nên cho" nghĩa là không cho vay những ai không trả. "Cho cả người đáng cho" nghĩa là đối với bà con thân hữu cần giúp đỡ, dù họ có đền đáp hay không thì vẫn cho. "Ngồi một cách vui vẻ" nghĩa là khi cha, mẹ chồng hoặc chồng ngồi thì phải đứng dậy, không được ngồi. "Ăn một cách vui vẻ" tức là người vợ không được ăn khi cha, mẹ chồng hoặc chồng chưa ăn xong, phải hầu hạ cơm bưng nước rót xong xuôi mới được ăn. "Ngủ một cách vui vẻ" tức là người vợ không được đi ngủ trước cha, mẹ chồng hoặc chồng, phải làm hết bổn phận lớn và nhỏ của mình đối

với họ rồi mới được đi ngủ. "Giữ gìn lửa" tức là cung kính đối với lửa sáng hoặc xà vương. "Thờ phụng thần thánh trong nhà" tức là thờ phụng họ như thần thánh. Khi dâu của mình là Tỳ-xà-khư bộc bạch ý nghĩa Mười điều dạy bảo, Chưởng khố Migàra chỉ biết ngồi đó cúi đầu, không nói nên lời. Các gia chủ bèn hỏi ông:

- Thưa chưởng khố, dâu của ông có phạm lỗi gì không? Ông đáp: - Thưa các Ngài, không. - Tại sao cô không có lỗi mà ông tìm cách đuổi cô ta ra khỏi nhà? Tỳ-xá-khư ngắt lời: - Thưa các ông, ban đầu thật không đúng pháp nếu tôi ra khỏi nhà theo lệnh của cha chồng tôi, bởi vì khi tôi đi xa, cha tôi đã phó thác tôi cho các ông chịu trách nhiệm xem xét tôi có tội hay vô tội. Nhưng giờ đây các ông đã chứng minh tôi vô tội, thì thật đúng pháp để tôi ra đi. Rồi Tỳ-xá-khư truyền lệnh cho gia nhân, tỳ nữ chuẩn bị xe cộ để lên đường. Chưởng khố Migàra cầm các gia chủ ở lại và bảo nàng: - Con dâu yêu quý, ta đã xử sự một cách ngu si, con hãy tha thứ cho ta. Nàng đáp: - Kính thưa cha, con tha thứ hết sạch cho cha. Nhưng con là con trong một gia đình có niềm tin kiên cố vào đạo Phật, và chúng con không thể sống mà không có Tăng đoàn. Nếu con được phép chăm lo cho chúng Tăng theo sở nguyện, con sẽ ở lại. - Con yêu quý, con có thể chăm lo cho chúng Tăng theo ý con muốn. Tỳ-xá-khư chuyển lời thỉnh mời đấng Thập lực đến nhà cúng dường vào ngày hôm sau. Các ẩn sĩ ngoại đạo nghe tin cũng đến và ngồi thành vòng tròn quanh nhà. Trong lúc nàng dâng nước cho Như Lai, nàng nhắn tin cho cha chồng đến đích thân phục vụ. Ông cũng muốn đi nhưng bị các ẩn sĩ ngăn cản, nên phải trả lời rằng cô cứ phục vụ Như Lai. Trong khi nàng dâng thức ăn và đức Phật cùng Tăng chúng dùng xong, nàng lại nhắn tin lần hai mời cha chồng đến nghe pháp. Ông thầm nghĩ nếu lần này mà không đi thì thật là không đúng phép, nhưng các ẩn sĩ vẫn cản trở, và lần này bảo ông nếu muốn đến nghe Cồ-đàm nói pháp thì phải ngồi ở ngoài màn. Rồi họ đi trước, kéo một tấm màn chung quanh. Khi ấy, Thế Tôn bảo: - Dù ông có ngồi bên kia tấm màn, hay bên kia bức tường, hay bên kia quả núi, hay bên kia cả rặng núi bao quanh hết quả đất, Ta là Phật và Phật âm sẽ đến tai ông. Và Thế Tôn thuyết pháp tuần tự từ thấp lên cao, cất tiếng như mây mưa, như thể rung chuyển những cây táo hồng cổ thụ, như mưa trời rơi xuống. Dù ai đứng trước, đứng sau hay ở cách xa tận cả năm Cakkavàlas, ngàn Cakkavàlas, hoặc tận đỉnh tầng trời cao nhất đều cảm thấy như Ngài chỉ nhìn thấy mình, chỉ thuyết cho mỗi mình nghe. Chư Phật giống như mặt trăng đối với chúng sanh, ai cũng thấy ngay trên đầu mình. Đó là quả báo do sự đại bố thí của Ngài khi chặt đầu, móc mắt, lóc thịt moi tim. Ngài bố thí cả con trai là Jàli, con gái là Kanhàjinà, vợ là Maddì làm tôi tớ cho người. Chưởng khố Migàra ngồi bên ngoài màn suy tư về lời pháp của Như Lai, và chứng quả Dự lưu, phát lòng tin kiên cố vào Tam Bảo. Ông nâng màn, tiến tới cô dâu, cúi đầu trước nàng, nhận nàng làm mẹ, từ đó nàng có tên là Mẹ của Migàra. Sau này có con nàng

đặt tên là Migàra. Khi ấy, trưởng giả phủ phục xuống chân Thế Tôn, hôn chân Ngài và ba lần đọc lên tên mình, rồi thưa: - Bạch Thế Tôn, từ trước đến giờ con chưa hề hiểu phước báo to lớn trong sự cúng dường Ngài, nhưng giờ đây, nhờ con dâu mới được hiểu và đã thoát hết đau khổ, phiền não. Khi con dâu con vào nhà con là nó mang hạnh phúc đến, và đã tế độ con. Rồi ông nói kệ: Rõ ràng hôm nay mới thấy Phước báo vô biên thế ấy Có từ nhân biết cúng dường Quả nàng dâu thảo đã mang Hạnh phúc cho

nhà tôi vậy. Tỳ-xá-khư lại thỉnh Thế Tôn đến ngày hôm sau, và mẹ chồng nàng nhờ thế chứng quả Dự lưu. Từ đó nhà chồng nàng rộng mở theo đạo Phật. Muốn đền đáp công lao nàng, cha chồng nàng định tặng nàng một món trang khác nhẹ hơn để nàng có thể đeo cả ngày cả đêm, trong bốn oai nghi đều thoải mái, vì món đồ trang sức khổng lồ trước đây quá nặng nề. Hoàn thành xong món nữ trang trị giá trăm ngàn tiền, ông thỉnh Thế Tôn cùng Tăng chúng đến mở tiệc cúng dường. Ông bảo nàng phải tắm trong mười sáu chậu nước hoa và khoác món trang sức mới đến đảnh lễ Thế Tôn. Xong, Phật hồi hướng công đức và trở về tinh xá. Từ đó nàng thường cúng dường, làm nhiều công đức khác và được Tám thánh ân của Phật. Như mặt trăng lưỡi liềm tròn dần trên trời, nàng cũng lớn dần với mười đứa con trai, mười đứa con gái, và mỗi đứa lại sanh mười trai mười gái, cứ thế con, cháu, chắt dòng họ nàng... lên đến tám ngàn bốn trăm hai mươi người. Nàng thọ được một trăm hai mươi tuổi, không có một sợi tóc bạc trên đầu, lúc nào cũng trông như mười sáu tuổi. Thấy nàng trên đường đi đến tinh-xá với bầy con cháu, không thể biết ai là Tỳ-xá-khư. Ai cũng muốn ngắm nhìn nàng thật lâu khi đi, đứng, nằm, ngồi, vì trong bốn oai nghi dáng dấp nàng đều trang nghiêm, đẹp đẽ. Ngoài những đức tính trên, nàng còn có sức mạnh bằng năm con voi. Vua biết được định thử nàng. Sau khi nghe pháp xong, trên đường nàng về từ tinh xá vua thả một con voi rượt bắt nàng. Năm trăm tỳ nữ theo hầu nàng, một số quá khiếp đảm đã chạy mất, số còn lại ôm quanh nàng. Cô suy nghĩ: Nếu bắt voi lại một cách mạnh bạo, nó sẽ chết. Do đó nàng dùng hai ngón tay túm lấy vòi bắt nó trở lui. Voi không thể cự lại sức mạnh của nàng và cũng không thể đứng vững, té ngã ngửa trên sân hoàng cung. Dân chúng hoan hô nàng, và nàng về nhà an ổn với đoàn tuỳ tùng. Tỳ-xá-khư, mẹ tinh thần của chưởng khố Migàra, cùng đám con cháu chắt chẳng hề đau ốm, chẳng ai chết yểu. Người ta cho rằng nàng là người mang phúc lành đến. Yến tiệc lễ lộc gì, dân trong thành Xá-vệ đều vinh hạnh thỉnh mời nàng trước tiên. Trong một ngày lễ, như mọi người, nàng phục sức sang trọng với món đồ trang sức vĩ đại của cha ruột tặng đến dự tiệc tại một nhà nọ, xong đến tinh-xá nghe pháp.

Dừng lại trước cửa tinh xá, nàng cởi món trang sức khổng lồ đưa nữ tỳ cất và đeo vào món trang sức nhỏ của cha chồng đến đảnh lễ Thế Tôn nghe pháp. Cuối bài pháp, nàng đứng dậy chào Phật. Tỳ nữ bỏ quên món trang sức lại, theo nàng ra ngoài. Như thường lệ, Trưởng lão A-nan sau buổi giảng nhìn trước ngó sau xem có vật gì bỏ quên để cất rồi mới đi khỏi. Thấy món đồ trang sức của Tỳ-xá-khư bỏ quên, Trưởng lão trình với Phật và nghe theo lời Phật ngài treo nó cạnh cầu thang. Tỳ-xá-khư với Suppiyà đi vòng tinh xá hỏi thăm xem các Tỳ-kheo có cần thuốc men hay thứ gì khác. Người cần mật mía, mật ong, kẻ thì cần dầu. Họ thường cầm bát đến gặp hai tín nữ, và hôm nay cũng thế. Suppiyà thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, đến hỏi thăm và ông cho biết là cần nước xúp thịt. Ngày hôm sau không tìm ra thịt, Suppiyà cắt thịt đùi của mình dâng cúng. Do lòng tin Phật, thân nàng liền lành lặn như cũ. Sau khi chăm sóc các Tỳ-kheo bệnh, các tân Tỳ-kheo và Sa-di, Tỳ-xá-khư ra về bằng một cửa khác. Nàng bảo tỳ nữ đưa món trang sức. Tỳ nữ sực nhớ đã để quên bèn trở lại chỗ cũ tìm. Nàng dặn cô ta nếu Trưởng lão A-nan đã cất thì đừng lấy lại, cứ xem như đã cúng dường cho Trưởng lão. Nhưng nghĩ rằng ngài A-nan sẽ không biết làm gì với món đồ ấy, nàng lại bảo tỳ nữ trở lại lấy mang

về để bán lấy tiền cúng dường phải hơn. Món đồ được để lên xe đưa tới thợ kim hoàn định giá là chín mươi triệu một trăm ngàn tiền, nhưng không ai mua nổi. (Cả thế giới chỉ có ba người đàn bà mặc món đồ trang sức đắt giá như thế, là nữ cư sĩ lỗi lạc Tỳ-xá-khư, vợ vua Bandhula xứ Mallas, và Mallika con gái chưởng khố Ba-la-nại). Nàng bèn mua lại món trang sức, chở số tiền to lớn đến tinh xá dâng lên Phật, và thưa hỏi trong tứ sự cúng dường Phật cần loại gì. Phật bảo cần xây một tăng đường tại cổng phía đông tinh xá. Nàng mua đất với chín mươi triệu của món trang sức và bỏ thêm chín mươi triệu để xây nhà. Một hôm Thế Tôn quan sát thế gian sáng sớm, thấy chàng Bhaddiya, con của một chưởng khố ở thành Bhaddiya, đã được tái sinh từ cõi trời, đủ duyên lành nhập đạo. Ngài dùng điểm tâm tại nhà ông Cấp Cô Độc rồi đi về hướng cổng bắc. Thông thường, sau khi độ ngọ tại nhà Tỳ-xá-khư , Ngài đi về bằng cổng nam và ngự về Kỳ Viên; khi độ ngọ tại nhà Cấp Cô Độc, Ngài đi ra bằng cổng đông và ngự về Pubbaaraama. Do đó khi dân chúng thấy Thế Tôn đi ra cổng bắc, biết rằng Ngài sắp du hành. Nghe tin Thế Tôn lên đường, Tỳ-xá-khư đến đảnh lễ Ngài và thỉnh cầu ở lại vì nàng cho xây nhà ở cúng dường Phật và chư Tăng với tổn phí bằng số châu báu kia. Nhưng Thế Tôn không thể ở lại, và theo lời yêu cầu của nàng, Ngài cho nàng chọn một Tỳ-kheo ở lại thay mặt theo dõi việc xây cất. Mặc dù nàng rất kính mến Trưởng lão A-nan, nhưng nàng chọn Tôn già Mục-kiền-liên vì nghĩ rằng Tôn giả có thần thông sẽ giúp đỡ nhiều trong công việc. Phật truyền Tôn giả ở lại với năm trăm Tỳ-kheo. Tôn giả có thần thông nên chỉ trong ngày người ta có thể đem về gỗ và đá cách đó khoảng năm mươi, sáu mươii dặm, không cần phải nặng hỏng. Chỉ trong thời gian ngắn người ta đã dựng lên một tăng đường hai tầng, với năm trăm phòng trên lầu. Thế Tôn du thuyết mất chín tháng,

và khi trở về Xá-vệ, công trình của Tỳ-xá-khư đã hoàn tất kể cả chiếc tháp bằng vàng ròng để chứa sáu mươi chậu nước. Nghe tin Thế Tôn trên đường về Kỳ Viên, nàng đến gặp Ngài và thỉnh mời đến thăm tăng đường mới xây. Sau đó, nàng thưa: - Bạch Thế Tôn, xin người đưa chư Tăng đến đây an cư trong bốn tháng tới. Con sẽ cho hoàn tất xong xuôi khu nhà ở của chư Tăng. Thế Tôn hoàn hỷ chấp nhận. Từ đó, Ngài cùng Tăng chúng được nàng cúng dường tại đó. Một người bạn của Tỳ-xá-khư muốn cúng dường một tấm vải trị giá một trăm ngàn tiền làm thảm lót cho tăng đường. Nàng chỉ cho cô ta thấy cả hai tầng nhà gồm một ngàn phòng đều trải thảm hết, không có tấm nào xấu kém hơn tấm của cô ta. Buồn bã vì thấy mình không được công đức gì trong tăng đường, cô đi ra, dừng lại một nơi, òa khóc. Trưởng lão A-nan thấy thế hỏi thăm, và chỉ cho cô chỗ thích hợp nhất để trải thảm là chân cầu thang, nơi các Tỳ-kheo rửa chân xong sẽ chùi lên đó trước khi bước vào tinh xá. Cô sẽ được nhiều phước đức. Hình như Tỳ-xá-khư đã bỏ qua chỗ này. Ngày cuối, say bốn tháng cúng dường Tăng đoàn, Tỳ-xá-khư cúng vải may y đến Tăng đoàn. Mỗi sa-di nhận vải y trị giá một ngàn tiền mỗi cái. Cuối cùng cô cúng thuốc men cho chư Tăng, sớt đầy bát cho mỗi vị. Nếu tính thêm chín mươi triệu mua đất và chín mươi triệu xây cất tăng đường, cộng chung là hai trăm bảy mươi triệu. Không một phụ nữ nào trên thế gian đã cúng dường nhiều như thế, nhất là đối với một người đang sống trong một gia đình ngoại đạo. Ngày lễ khánh thành tinh xá, khi bóng chiều ngả dài, Tỳ-xá-khư đi vòng quanh tòa nhà cùng

với con, cháu và chắt. Thấy ước nguyện thời xa xưa nay đã thành tựu, nàng cất cao tiếng thanh cao ngâm năm câu kệ: Khi nào ta dâng cúng Ngôi nhà ở tiện nghi Trét tô hồ, vữa thì Ấy là lúc viên mãn Lời ta thệ nguyện xưa Khi nào ta dâng cúng Mọi thiết bị, tiện nghi Ghế, giường, thảm và gối Lúc đó lòng ta mới Vui vì thỏa nguyện xưa Khi nào ta dâng cúng Vật thực theo phiếu phân Nêm nếm ngon bội phần Bằng xúp thịt tinh khiết Ấy là lúc ta biết Đã toại lời nguyện dâng

Khi nào ta dâng cúng Vải y Ba-la-nại Vải mịn, vải sợi bông Ước nguyện hằng bao kiếp Khi nào ta dâng cúng Đồ bổ dưỡng, thuốc men Bơ lỏng, bơ đặc, mật Dầu ăn cùng đường thô Thế là ta hoàn tất Viên mãn lời nguyện xưa. Các Tỳ-kheo nghe được cho rằng hoặc mật nàng rối loạn, hoặc loạn trí, nên thưa với Phật. Thế Tôn đáp: - Này các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta không phải đang hát. Vì ước nguyện được thành tựu, lòng nàng vui mừng mới cất tiếng như thế để long trọng nói lời thệ nguyện. Các Tỳ-kheo hỏi tiếp: - Nàng đã ước nguyện lúc nào, thưa Thế Tôn? Và Thế Tôn kể: Chuyện quá khứ A. Lời Nguyện Của Tỳ-Xá-Khư Các Tỳ-kheo, cách đây một trăm ngàn kiếp quá khứ, Phật Padumuttara xuất hiện ở thế gian, thọ mạng của Ngài là một trăm ngàn năm, có một trăm ngàn A-la-hán đệ tử. Thành của Phật là Hamsavatì, cha là Sunanda, mẹ là Sujàtà Devì. Đệ tử nữ cư sĩ là đại thí chủ. Nữ cư sĩ đó được Tám thánh ân từ Ngài, và như một người mẹ, lo cho Phật tứ sự cúng dường, phục vụ từ sáng đến chiều. Nữ cư sĩ được chuyện trò thân mật với Phật và được Phật quý trọng, một hôm đánh bạo hỏi Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, cô bạn tôi đối với Ngài là gì? Phật đáp: - Là đại thí chủ của Ta. - Bằng cách nào cô ta được như vậy? - Do lời nguyện trước đây trăm ngàn kiếp. - Bạch Thế Tôn, một người có thể được địa vị ấy không, nếu phát nguyện bây giờ? - Có thể được. - Vậy thì, bạch Thế Tôn, xin nhận cho con cúng dường Ngài với trăm ngàn Tỳkheo trong bảy ngày. Phật chấp thuận. Đến ngày cuối tuần cúng dường, cô ta đỡ lấy y bát của Thế Tôn, đảnh lễ và quỳ dưới chân Ngài phát nguyện:

- Bạch Thế Tôn, con không tìm cầu cho mình một vương quyền nào ở cõi trời, mà chỉ xin được Tám thánh ân của Phật, xin được như một người mẹ hơn giờ hết lo tứ sự cúng dường cho Ngài. Thế Tôn muốn biết xem hạnh nguyện của cô ta có được viên mãn hay không, nên dùng Thiên nhãn nhìn về tương lai suốt một trăm ngàn kiếp và bảo: - Một trăm ngàn kiếp sau, một đức Phật tên Cồ-đàm sẽ xuất hiện ở thế gian. Lúc đó ngươi là đệ tử nữ cư sĩ tên Tỳ-xá-khư, sẽ được Tám thánh ân từ Phật, sẽ được như một người mẹ đối với Phật, và sẽ là cư sĩ nữ xuất sắc nhất trong việc lo tứ sự cúng dường cho Ngài. Như thế là chắc chắn trong tương lai, cô ta sẽ đạt được những điều này. Cô ta đã làm việc phước thiện trong suốt quãng đời còn lại của kiếp ấy và tái sinh trên cõi trời. Sau khi qua lại cõi trời và cõi người, nàng tái sanh trong thời Phật Ca-diếp, là con gái út của vua Kiki xứ Kàsi. Cô lập gia đình, sống bên nhà chồng, suốt thời gian rất lâu cúng dường và làm nhiều việc công đức khác cùng với các chị. Một hôm cô ta quỳ dưới chân Phật Ca-diếp và phát lời nguyền giống như trước đây. Rồi cô ta cũng luân hồi từ cõi trời qua cõi người, và trong kiếp này tái sanh làm con chưởng khố Dhananjaya, cháu nội của chưởng khố Ram. Và trong kiếp này, cô đã tạo được nhiều đức qua các thiện sự cho giáo đoàn của Ta. (Hết Chuyện Quá Khứ) Và Thế Tôn giảng pháp cho các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, giống như từ một đống hoa đủ loại, người khéo léo sẽ kết nhiều kiểu vòng

hoa, cũng như thế, tâm Tỳ-xá-khư hướng đến làm các việc công đức bằng nhiều cách. Và Ngài nói Pháp Cú: (53) Như từ một đống hoa Nhiều tràng hoa được làm Cũng vậy, thân sanh tử, Làm được nhiều thiện sự. * 9. Câu Hỏi Của Trưởng Lão A Nan Hương các loài hoa thơm... Tại Xá Vệ Thế Tôn đã dạy câu Pháp Cú trên khi trả lời câu hỏi của Trưởng lão A- nan. Một buổi chiều, trong khi đang ngồi tư duy quán tưởng, Trưởng lão A-nan chợt có nghĩ Thế Tôn hội đủ ba loại hương rất ưu việt là hương gỗ chiên đàn, hương rễ cây và hương hoa. Cả ba thứ hương đều bay theo chiều gió. Không biết có thứ hương nào có thể

bay ngược gió, hoặc vừa bay thuận vừa bay nghịch gió? Tôn giả không muốn một mình moi óc tìm hiểu, nên đến hỏi Thế Tôn, và sau đó Ngài được trả lời: - Này A-nan! Có thứ hương bay theo chiều gió và cũng có thứ hương bay nghịch gió. Này A-nan! Tại bất cứ làng mạc, phố thị nào trên thế gian này, ai cũng vậy, đàn ông hay đàn bà, quy y Tam bảo, giữ giới không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất say, nếu người đó đức hạnh, sống đời tại gia đoan chánh, tâm không tham nhiễm, người đó vị tha, rộng lượng, hoan hỷ trong hạnh bố thí, biết lắng nghe lời cầu xin, hoan hỷ trong hạnh cúng dường, thì mọi Tỳ-kheo và đạo sĩ Bà-la-môn khắp nơi sẽ tán thán, mọi thiên thần, thánh thần sẽ tán thán. Và như thế, này A-nan, đó là thứ hương bay thuận và nghịch gió. Thế Tôn nói Pháp Cú: (54) Hương các loài hoa thơm, Không ngược bay chiều gió. Nhưng hương người đức hạnh, Ngược gió khắp tung bay. Chỉ có bậc chân nhân, Tỏa khắp mọi phương trời. (55) Hoa chiên-đàn, già-la, Hoa sen, hoa vũ quý, Giữa những hương hoa ấy, Giới hương là vô thượng. 10. Đế Thích Cúng Dường Đại Ca-Diếp Ít giá trị hương này... Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Veluvana, liên quan đến sự cúng dường Trưởng lão Đại Ca-diếp. Một hôm Trưởng lão Đại Ca-diếp xuất định sau bảy ngày nhập Diệt tận định, đi ra ngoài với ý định khất thực tuần tự nhà này qua nhà khác trong thành Vương-xá. Lúc đó năm trăm thiên nữ gót son, vợ của vua trời Đế Thích vừa thức dậy và chuẩn bị năm trăm phần cúng dường hết cả cho Trưởng lão. Phẩm vật trên tay, họ chặn Trưởng lão giữa đường, xin: - Thưa Tôn giả, xin Ngài nhận cúng dường cho chúng con ân triêm công đức. Trưởng lão: - Tất cả chư vị hãy đi đi! Tôi định ban ân huệ cho người nghèo. - Bạch Tôn giả, xin đừng hại chúng con, hãy ban phước cho chúng con! Nhưng Trưởng lão biết họ nên vẫn từ chối, và khi thấy họ không chịu đi mà còn muốn tiếp tục cầu xin nữa, Ngài bảo: - Các ngươi không biết chỗ của mình. Hãy đi đi! Rồi Ngài búng tay vào họ. Nghe Trưởng lão búng tay, các thiên nữ mất bình tĩnh không dám ở lại, phải bay về cõi trời. Họ kể lại tự sự cho Đế Thích nghe. Ông hỏi:

- Các ngươi đi trong hình dạng ra sao? - Dạ, như thế này, các ngươi làm sao cúng dường Trưởng lão được! Chính Đế Thích cũng muốn cúng dường Trưởng lão. Ông biến thành một người thợ dệt già lụm khụm, răng long, tóc bạc, lưng còng, thân thể tiều tụy. Ông biến thiên nữ Thiện Sanh thành một bà già. Rồi ông dùng thần lực tạo một ngõ hẻm thợ dệt, và ngồi quay sợi. Lúc ấy, Trưởng lão đang đi vào thành, vẫn tâm niệm dành phước cho người nghèo. Thấy con hẻm ở ngoại thành, Ngài nhìn quanh rồi chú ý đến hai ông bà già. Ông già Đế Thích đang kéo chỉ và Thiện Sanh quấn chỉ vào thoi. Trưởng lão nghĩ rằng già cả lụm cụm thế đó mà phải làm việc tay chân thì chắc không ai trong thành

này nghèo hơn họ, chỉ cần một vá cơm sớt cho Ngài là Ngài có thể ban phước cho họ. Do đó Trưởng lão tiến đến. Thấy bóng Trưởng lão, Đế Thích dặn Thiện Sanh làm như không trông thấy, cứ ngồi đó im lặng, rồi sẽ nói gạt để cúng dường ông. Trưởng lão dừng trước cửa nhà, họ giả vờ không thấy, cứ tiếp tục làm việc. Một lát, Đế Thích bỗng ngẩng lên bảo vợ: - Hình như có Trưởng lão đang đứng trước cửa. Bà ra xem! Thiện Sanh không chịu, bảo ông ra. Gặp Trưởng lão tên gì vì mắt ông kèm nhèm trông không rõ. Xong lấy tay che trán, ông nhìn chăm chú và làm như ngạc nhiên, la lên: - Chao ôi! Chao ôi! Trưởng lão Đại Ca-diếp! Lâu ngày quá xá Ngài mới đến lều rách của chúng tôi. Bà nó ơi, còn gì trong nhà không? Thiện Sanh tỏ vẻ như đang bối rối, nhưng cũng vội đáp: - À, à. Vâng, cũng có đấy, ông à! Đế Thích đỡ lấy bát của Trưởng lão thưa: - Bạch Tôn giả, xin đừng để ý đến thức ăn ngon hay dở, mà cho chúng con được ân phước. Trưởng lão đưa bát thầm nghĩ, dù họ cho ta một cọng rau hay một nắm cám vụn, ta vẫn nhận và ban phước cho họ. Đế Thích vào nhà sớt cơm đầy bát và mang ra đặt vào tay Ngài. Lập tức, phần cúng dường đó, được gia đủ loại nước sốt và cà ri, tỏa mùi thơm ngát cả thành Vương-xá. Trưởng lão thắc mắc sao trông ông lão này yếu đuối thiếu thốn mà thức ăn lại dồi dào như của Đế Thích. Nhìn ra quả là trời Đế Thích, Ngài bảo: - Ông đã làm một việc sai lầm nghiêm trọng khi cướp đoạt của người nghèo cơ hội tạo công đức. Vì bố thí cho ta hôm nay, bất cứ người nghèo nào cũng sẽ được địa vị tổng tư lệnh hay chưởng khố. Đế Thích hỏi: - Bạch Tôn Gỉa, có người nào nghèo hơn con chăng? - Sao ông lại nghèo, khi đang hưởng phú quí trên cung trời? - Bạch Tôn giả, lý do như sau. Trước khi Phật xuất hiện ở thế gian con đã tạo nhiều công đức. Khi Phật xuất hiện ở thế gian , có ba vị trời cùng đẳng cấp với con, vì tạo nhiều công đức nên được nhiều oai lực hơn con. Khi có mặt con đó, ba vị cần mở hội vui

chơi là họ cứ đem các tỳ nữ xuống đường, còn con thì phải quay gót vào nhà. Oai lực của họ sáng mạnh hơn con. Vậy, bạch Tôn giả, ai nghèo hơn con? - Nếu đúng như thế thì từ đây đừng đánh lừa ta để cúng dường nữa. - Con có được công đức hay không nếu lừa dối để cúng dường? - Có, đạo hữu ạ. - Nếu đúng thế, bạch Tôn giả, con có bổn phận phải tạo nhiều công đức. Nói xong Đế Thích chào Trưởng lão, đi nhiễu quanh Trưởng lão với Thiện Sanh theo sau, rồi họ bay lên không, nói lên câu kệ: Ôi cúng dường, cúng dường Ba-la-mật, Đã khéo dâng ngài Ca-diếp được rồi! Trong kinh Udàna cũng có kể câu chuyện tương tự. Đến đoạn Đế Thích bay lên không và ngâm câu kệ, trong Udàna ghi tiếp: "Thế Tôn đứng trong tinh xá, nghe tiếng Đế Thích. Ông ta liền bảo đệ tử: - Các Tỳ-kheo, hãy xem vua trời Đế Thích. Ông ta vừa ngâm câu kệ, và đang bay trong hư không. - Bạch Thế Tôn, ông ấy đã làm chi? - Ông ta đã đánh lừa được Ca-diếp con ta để cúng dường. Xong việc rồi nên ông ta đang bay trên trời và ngâm nga một bài kệ. - Bạch Thế Tôn, sao ông ấy biết nên cúng dường Trưởng lão? - Các Tỳ-kheo, cả trời và người đều mến người bố thí như con ta. Nói xong, chính Thế Tôn cũng ngâm câu kệ ấy." Ngoài ra, đoạn văn sau cũng được ghi trong kinh: Với thiên nhãn thanh tịnh siêu vượt loài người, Thế Tôn nghe vua trời Đế Thích, trong khi bay trên không, đã ba lần ngâm câu kệ này trên trời: Ôi cúng dường, cúng dường Ba-la-mật, Đã khéo dâng ngài Ca-diếp được rồi! Khi ấy, Thế Tôn thấy thế liền nói kệ: Tỳ-kheo sống bằng khất thực Tự mình nương tựa chính mình Tịch lặng, chú tâm, hằng giác Chư thiên tôn kính hoan

nghinh. Nói kệ xong, Thế Tôn dạy: - Các Tỳ-kheo, vua trời Đế Thích qua hương đức hạnh đã đến với con ta để cúng dường. Và Ngài nói Pháp Cú: (56) Ít giá trị hương này, Hương già-la, chiên-đàn, Chỉ hương người đức hạnh, Tối thượng tỏa thiên giới.

11. Godhica Chứng Niết Bàn Giữa ai có giới hạnh... Câu này Phật dạy khi ngụ tại Trúc Lâm gần Vương-xá, liên quan đến Trưởng lão Godhika chứng Niết-bàn. Trong khi Trưởng lão này ngụ tại Hắc Thạch trên đỉnh núi Isigili, chánh niệm, tinh tấn, kiến quyết, và đã được tâm giải thoát do hành thiền, thì ngài bị ngã bệnh vì tinh cần thái quá và không thể trụ tâm vào đề mục thiền được lâu. Lần thứ hai, lần thứ ba, và đến sáu lần, ngài vào thiền định và lại bị trạo hối quấy nhiễu. Lần thứ bảy, ngài trụ tâm được rồi liền tự nghị: "Sáu lần ta đã bị bệnh làm cho tán tâm. Một người bị tán tâm thì đời sau thật không biết ra sao. Đã đến lúc phải dùng đến lưỡi dao cạo." Rồi ông lấy dao cạo đầu, xong nằm trên giường định cắt đứt cổ họng. Ma vương biết ý định của Ngài, nghĩ rằng nếu Ngài đạt được Minh sát tuệ, sẽ chứng A-la-hán, nên muốn cản Ngài. Tự thấy lời mình khó thuyết phục Ngài, Ma vương muốn cầu cứu với Thế Tôn, nên biến mình thành một người tầm thường đến gặp Phật và nói: Hỡi đấng Đại Hùng, bậc Đại Trí Tuệ! Rực rỡ thần lực, rực hào quang, Người vượt thắng hận thù, sợ hãi. Xin đảnh lễ bên chân Ngài, hỡi đấng Chánh Biến Tri! Đấng Đại Hùng! Đệ tử Ngài đã khắc phục sanh tử Lại hướng về cái chết, đang rắp tâm. Hãy cản ngăn, hãy thuyết giảng đạo thâm Hãy thương xót, hỡi người ban ánh sáng! Đức Thế Tôn, lừng lẫy tiếng tăm trong nhân loại! Môn đệ Ngài, đang an vui trong giáo pháp, Sao giờ lại muốn kết thúc đời, Chưa tròn ý nguyện, chưa thuần thục? Ngay lúc đó Trưởng lão đưa lưỡi dao lên. Đồng thời Thế Tôn cũng nhận ra Ma vương, bèn nói kệ: Người với tâm kiên định, hết còn khao khát sống. Godhika diệt danh được dục tham, đã chứng đạt Niết-bàn. Và Thế Tôn dẫn một số đông Tỳ-kheo vào tận nơi Trưởng lão đang nằm, tay đã buông dao. Trong khi đó ác ma giống như một cột khói hay một khối đen, chạy khắp phương hướng tìm thần thức của Trưởng lão. Ác ma cứ thắc mắc không biết thần thức của Trưởng lão tụ tại đâu. Thế Tôn chỉ cho các Tỳ-kheo cột khói và khối đen, bảo: - Này các Tỳ-kheo, đó là ác ma đang đi tìm thần thức người thanh niên hiền thiện, vì không biết nó an trụ tại đâu. Nhưng này các Tỳ-kheo, thần thức của Godhika không tụ. Bởi vì, này các Tỳ-kheo, người thanh niên hiền thiện Godhika đã nhập Niết-bàn. Ma vương không thể tìm thần thức của Trưởng lão, bèn giả trang thành một ông hoàng, tay cầm cây đàn bằng gỗ Vilva màu vàng nhạt, đến gặp Thế Tôn và hỏi:

Bốn phương tám hướng tôi tìm kiếm,
Chẳng thấy Godhika, ngài ở đâu?
Thế Tôn đáp:
Người với tâm kiên định
Quyết chí, chuyên thiền định
Thiền duyệt bạn hằng vui
Ngày đêm đều tinh tấn
Đâu còn lòng khát sống
Dẹp thắng hết ma quân

Chẳng còn nợ tái sanh
Hết mối manh tham ái
Godhika, Tỳ-kheo ấy
Đã chứng đạt Niết-bàn.
Thế Tôn nói xong, Ma vương bèn đáp lại bằng câu kệ:
Tràn ngập thất vọng
Quỷ buông đai đàn
Lòng buồn trĩu nặng
Hắn liền biến tan.
Và Thế Tôn bảo tiếp:
- Ác ma, ngươi có ý đồ gì mà tìm chỗ tụ của thần thức người thanh niên hiền thiện?
Một trăm hay một ngàn ngươi cũng không bao giờ tìm được chỗ đó.
Xong Ngài nói Pháp Cú:
(57) Giữa ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chân giải thoát,
Ác ma không thấy đường.
12. Sirigutta Và Garahadinna
Như giữa đống rác nhớp...
Phật dạy câu này liên quan đến Garahadinna, lúc ngụ tại Kỳ Viên.
Ở Xá Vệ có hai người bạn, Sirigutta đệ tử cư sĩ của đức Phật và Garahadinna môn đồ của ẩn sĩ lõa thể Ni-kiền-tử. Các ẩn sĩ này thường này thường bảo Garahadinna đến gặp Sirigutta hỏi những câu như:
- Tại sao bạn đến thăm Sa-môn Cồ-đàm?
- Bạn trông mong gì nơi ông ta?
Và họ còn bảo Garahadinna đến khuyên Sirigutta thế này thế nọ, để ông ta đến thăm và cúng dường các ẩn sĩ?
Garahadinna vâng lời, và bất kỳ gặp Sirigutta ở đâu, dù đang đứng hoặc ngồi, đều hỏi như thế. Sirigutta, vẫn cố gắng giữ im lặng nhiều ngày liên tiếp. Một hôm hết kiên nhẫn, ông đáp lời:
- Này bạn, mỗi lần gặp tôi là bạn cứ hỏi như thế... Vậy thì bạn hãy trả lời cho tôi biết các vị thầy cao quý của bạn biết được những gì? - Ồ, bạn à. Không có điều gì mà các thầy tôi không biết. Các thầy tôi biết hết từ quá khứ, hiện tại đến vị lai. Biết cả ý, lời và hành động của mọi người. Biết hết những chuyện sẽ xảy ra và những chuyện không xảy ra. - Bạn không có ý nói thế chứ? - Tôi nói đúng thế. - Nếu quả đúng như thế, bạn đã phạm một lỗi lớn, là đã không cho tôi biết từ trước các vị thầy cao quý của bạn có thần thông thần trí như vậy. Hãy mời các vị ấy đến, nhân danh tôi. Garahadinna đến các thầy ẩn sĩ, đảnh lễ và chuyển lời mời, họ vui mừng bảo nhau: - Việc chúng ta đã xong. Một khi Sirigutta đặt niềm tin nới chúng ta thì lợi lạc khỏi chê. Khu nhà ở của Siragutta rất rộng và giữa hai căn nhà có một khoảng đất trống dài. Anh ta cho đào hố nơi đó và đổ đầy

phân và bùn. Ở hai đầu hố, anh ta chôn cọc xuống đất và lấy dây thừng cột vào cọc. Rồi anh ta đặt ghế ngồi với hai chân trước trên mặt đất và hai chân sau trên dây thừng. Ngay khi các ẩn sĩ ngoại đạo ngồi xuống sẽ bật ngửa ra sau, lộn đầu xuống hố. Một khăn trải giường được phủ lên chỗ ngồi để che miệng hố. Nhiều chậu bằng đất nung thật to được rửa sạch, miệng chậu phủ lá và khăn. Những chậu không đó được đặt phía sau nhà, bên ngoài bôi lên nào là cháo, cơm cục, mật, đường thô và bánh vụn. Garahadinna đến ngay nhà bạn, hỏi thăm thức ăn đã nấu xong chưa, chỗ ngồi đã chuẩn bị rồi chưa. Được bạn chỉ cho thấy các chậu to đầy tràn cà ra ngoài, nào cháo, cơm, mật, đường thô và bánh cùng những chỗ ngồi tươm tất, anh yên tâm ra về. Garahadinna vừa đi khỏi thì năm trăm ẩn sĩ lõa thể đến. Sirigutta ra khỏi nhà đón, và năm vóc gieo xuống đảnh lễ họ, rối đứng trước mặt chắp hai tay đưa cao tỏ dấu chào kính. Và anh ta nói thầm trong đầu với các ẩn sĩ rằng nếu họ thông suốt hết quá khứ, hiện tại, vị lai thì xin đừng vào nhà anh, vì anh không nấu nướng chuẩn bị gì đãi họ cả. Còn nếu họ chẳng hề thông suốt gì cả mà cứ đi vào nhà anh thì sẽ bị anh cho sụp hố phân rồi cho họ ăn gậy. Nói thầm vậy xong, anh dặn gia nhân khi khách sắp ngồi xuống ghế thì kéo tấm phủ ra khỏi dính bẩn. Sirigutta mời các ẩn sĩ bước vào nhà. Họ định ngồi xuống ghế thì đám gia nhân bảo hãy khoan, mỗi người phải tìm đúng tên mình và đứng ngay tại đó, xong xuôi tất cả hãy ngồi một lượt. Sở dĩ phải làm như thế để không người nào bị té xuống hố trước một mình, và có thể báo động cho người đã ổn định đúng chỗ ngồi, đám gia nhân đồng thanh hô to: - Mời các Ngài ngồi xuống một lượt nhanh lên! Thấy họ sắp ngồi, đám gia nhân kéo mạnh tấm phủ, cùng một lúc các ẩn sĩ ngồi xuống một lượt. Chân ghế đặt trên dây thừng liền chệch ra ngoài, và họ bật ngửa ra sau

đó, lộn đầu xuống hố bùn. Sirigutta đóng cửa lại. Họ vừa ngoi lên khỏi đám bùn liền lãnh gậy gộc tới tấp xuống lưng, kèm theo tiếng la hét: - Nè, mấy ông biết hết quá khứ, hiện tại, vị lai! Thấy trận đòn đủ cho các vị ẩn sĩ bài học, Sirigutta truyền mở cửa cho họ ra về. Họ ào ạt phóng chạy, nhưng khổ thay đường trơn trợt vì Sirigutta đã cho phết nước vôi, nên họ té lăn bò càng. Lại thêm trận đòn gậy gộc thứ hai. Họ vừa lết vừa than vãn: - Sirigutta đã hại chúng ta! Cuối cùng họ cũng đến được nhà người ủng hộ họ là Garahadinna. Thấy hoàn cảnh bi đát của các ẩn sĩ, anh ta nổi giận nghĩ rằng bạn mình đã hại mình; dù các vị thầy của mình đã đưa tay lên và lạy anh ta, họ cũng hứng gậy gộc tơi bời. Anh ta đã làm nhục các thầy cao quý của mình, phước điền của mình, những vị có thể tùy thích ban phước cho cả sáu cõi thiên giới. Anh ức lòng đi đến vua thưa bạn mình, đòi bồi thường một món tiền là một ngàn đồng. Vua cho trát đòi Sirigutta, anh đến chầu, xin vua cho điều tra trước khi xử phạt. Vua bằng lòng, và Sirigutta kể lại từ đầu đến đuôi. Vua hỏi lại Garahadinna có phải đúng thế không, anh xác nhận đúng. Vua buộc tội về phía Garahadinna vì đã chọn người quá kém cỏi làm thầy, mà còn khoe với đệ tử của Thế Tôn là biết tất cả. Vua còn phạt đòn các ẩn sĩ và trục xuất họ. Căm hận chưa nguôi, hai tuần liên tiếp Garahadinna không nói chuyện với Sirigutta. Anh ta cũng nghĩ cách để làm nhục lại các Tỳ-kheo thường lui tới nhà bạn mình. Anh làm hòa trước với bạn và hai người trở lại đứng chung, ngồi chung như trước. Một hôm Sirigutta gợi ý cho Garahadinna thỉnh Phật và các Tỳ-kheo đến nhà

cúng dường. Đúng là dịp anh chờ đợi từ lâu, như thể Sirigutta gãi đúng chỗ ngứa. Anh hỏi Thế Tôn hiểu biết đến đâu. Sirigutta đáp là không có điều gì ngoài tầm hiểu biết của Thế Tôn, từ quá khứ, hiện tại đến vị lai, Ngài đọc được tâm ý của chúng sanh dù kiểu nào đi nữa. Thế là anh bằng lòng nhờ Sirigutta mời thỉnh Thế Tôn cùng năm trăm Tăng chúng đến nhà cúng dường. Đến chỗ Thế Tôn và đảnh lễ Ngài xong, Sirigutta trình bày chuyện xảy ra cách đây bảy ngày về các ẩn sĩ thường lui tới nhà bạn mình, nhơn đó không đoan chắc là bạn mình có ý định trả thù hay không, cũng như lời mời thỉnh Thế Tôn không biết có phải thuần là cúng dường hay không. Nếu thấy ý đồ tốt, xin Thế Tôn nhận lời, nếu không xin từ chối. Thế Tôn thấy rõ mưu định của Garahadinna và hậu quả ra sao, và cũng thấy bổn phận phải tế độ chàng trẻ tuổi hiền thiện này, nên Ngài nhận lời. Được tin Phật nhận lời, Garahadinna tiến hành ngay cho đào một cái hầm to lớn giữa hai căn nhà. Tám chục xe chất đầy cây keo được chở về và đổ xuống đầy hầm, sau đó đốt thành than, có cả ống bể thổi gió vào cho lửa cháy suốt đêm, đến khi đống cây keo biến thành một khối than nóng rực. Trên miệng hầm anh ta thả những khúc gỗ chưa đẽo và đậy lại với một tấm thảm phết phân bò. Một bên miệng hầm được chừa làm lối đi, có những cây nhỏ rất mong manh bắc qua lại. Anh ta thầm nghĩ họ mà bước lên lối đi,

khung cây yếu ớt này sẽ gãy sụp, và chắc mẽm là sẽ té nhào xuống hầm than. Chậu đựng thức ăn cũng như chỗ ngồi cũng được soạn sẵn như Sirigutta đã làm trước đây. Sáng sớm Sirigutta cũng đến nhà bạn mình xem xét, và nhận thấy rằng mọi sự đều tốt. Khi ngoại đạo thỉnh Phật, người ta tụ tập rất đông. Nhóm tà kiến sẽ bảo: - Ta sẽ chứng kiến sự thất bại của đạo sĩ Cồ-đàm. Phái chánh kiến lại nói: - Hôm nay đấng Đạo sư sẽ thuyết pháp rất hùng hồn, và chúng ta sẽ thấy oai lực cũng như ân huệ của Phật. Ngày hôm sau, Thế Tôn đến cùng năm trăm Tăng chúng, Garahadinna cũng tiếp đón y như Sirigutta đã tiếp đón các ẩn sĩ lúc trước. Sau khi nói thầm trong đầu những lời như Sirigutta đã nói thầm với các ẩn sĩ, anh ta đỡ bình bát của Thế Tôn và thỉnh Ngài vào nhà, không quên dặn Thế Tôn vào trước một mình, khi nào Ngài ngồi xuống rồi những vị khác mới vào sau. Anh ta còn nghĩ thêm nếu những vị sau thấy Thế Tôn vào trước và rớt xuống hầm than, chắc sẽ không dám tới gần, như vậy chỉ một mình Ngài bị bẽ mặt vì té xuống hầm. Anh ta tiến đến tận hầm than rồi bước lùi phía sau một bước, và dừng lại cách một khoảng, bảo Thế Tôn: - Xin mời Ngài tiến bước, bạch Thế Tôn! Thế Tôn bước đi, đặt chân ngay trên hầm than. Ngay lúc ấy tấm thảm biến mất, và những đóa hoa sen to bằng bánh xe mọc lên tách hầm than ra làm hai. Thế Tôn đặt chân lên đài sen, tiến thẳng tới và ngồi xuống Phật tòa đã sắp sẵn do thần lực. Các Tỳ-kheo cũng đi theo và ngồi xuống. Lòng nôn nóng như bị lửa thiêu đốt Garahadinna tiến đến Thế Tôn cầu xin: - Bạch Thế Tôn, cho con quy ngưỡng. Phật hỏi: - Nghĩa là sao? - Không có cháo, không có cơm hay thức ăn nào trong nhà cho năm trăm Tỳ-kheo. Con không biết phải làm sao? - Nhưng ngươi đã làm gì? Anh ta kể lại mưu đồ làm hại Thế Tôn. Phật hỏi tiếp: - Ngươi vừa mới chỉ cho Ta đây là chậu đựng cháo, rồi cơm và các thứ, không phải thế sao? - Con đã nói dối, thưa Ngài toàn là chậu không. - Không sao, hãy đến nhìn, đầy cháo và thức ăn khác trong chậu. Kim khẩu Thế Tôn vừa thốt "cháo" thì tức khắc chaó đày chậu, các thức ăn khác cũng thế. Thấy được sự mầu nhiệm, lòng Garahadinna tràn

ngập vui sướng và phát khởi tín tâm. Trong niềm tôn kính vô cùng, anh ta hết lòng phục vụ Tăng chúng do Phật lãnh đạo. Thọ thực xong, anh ta đỡ lấy bát của Phật và mong muốn ngài hồi hướng công đức. Phật thuận tình và nói rằng:

- Những chúng sanh này, vì không được tuệ nhãn nên không biết công đức của Ta, của các đệ tử và Giáo đoàn Ta. Bởi vì không được tuệ nhanõ nên họ mù. Chỉ có người trí mới có mắt. Và Ngài nói Pháp Cú: (58) Như giữa đống rác nhớp, Quăng bỏ trên đường lớn, Chổ áy hoa sen nở, Thơm sạch đẹp ý người. (59) Cũng vây giữa quần sanh, Uế nhiễm mù, phàm tục, Đệ tử, bậc Chánh Giác, Sáng ngời với tuệ trí. Cuối câu kệ, tám mươi ngàn người được Pháp nhãn thanh tịnh. Cả Garahadinna và Sirigutta đều chứng quả Tu-đà-hoàn, và cúng hết sự sản cho Giáo đoàn của Phật. Đức Phật rời tòa trở về tinh xá. Chiều đến các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Kỳ diệu thay công hạnh của chư Phật! Những đóa sen mà có thể mọc vọt khỏi đống than cây keo nóng bỏng! Thế Tôn đến, hỏi chuyện và cho các Tỳ-kheo biết: - Này các Tỳ-kheo! Không phải bây giờ Ta là Phật mới có sự kỳ diệu hoa sen nở từ đám than hồng. Khi sự giác ngộ của ta chưa viên mãn, Ta chỉ là Phật vị lai, cũng đã có sự mầu nhiệm như thế. Chư Tỳ-kheo muốn biết sự mầu nhiệm như thế nào nên thỉnh Phật nói. Ngài kể chuyện quá khứ: Tôi sẽ vui lòng vào địa ngục Với chân trên, và đầu vục xuống hố sâu Tôi sẽ không làm điều bất chính nào Đồ tín cúng đây, Ngài nhận! Và Đạo sư kể lại chi tiết Bổn sanh Khadirangara.

PHẨM V: NGU 1. Nhà Vua và Người Nghèo Có Vợ Đẹp Đêm dài cho kẻ thức... Đức Phật dạy câu này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc ở Kosala và một người. Và một dịp lễ, vua Ba-tư-nặc ở Kosala cưỡi voi trắng Pundarika trang hoàng lộng lẫy diễu hành khắp thành. Đến lúc sắp giải tán, dân chúng bị ném đất loạn xạ, đập bằng gậy lung tung, nhưng vẫn nghễnh cổ nhìn xem. Nhà vua được phước báo nhu thế do bố thí, giữ giới và làm nhiều công đức. Trên tầng lầu chót một tòa nhà bảy tầng có thiếu phụ vợ một người nghèo, mở cửa sổ nhìn vua, xong lui vào. Cô ta hiện ra trước mắt nhà vua như vầng trăng rằm rồi lẫn vào đám mây. Quá say đắm, nhà vua suýt té nhào khỏi lưng voi. Kết thúc thật nhanh cuộc diễu hành, vua trở về hoàng cung hỏi viên quan thân tín có thấy thiếu phụ hay không, và ra lệnh đòi ông chồng. Ông ta hiểu ngay mạng sống bị đe dọa là vì cô vợ, nhưng không dám cãi lệnh. Ông ta đến hầu vua, và bị sung vào đội lính hầu. ông ta từ chối, xin trả tiền sưu nhưng không được. Nhà vua muốn kết tội và giết ông ta để đoạt cô vợ. Phần ông ta vì sợ chết, cũng hết lòng phục vụ nhà vua. Lửa ái nơi vua càng lúc càng tăng. Vì không tìm thấy chút lỗi nào, vua bèn sai ông ta tìm cho được đất đỏ với bông súng màu đỏ và màu xanh, nếu không có mang về kịp giờ vua tắm sẽ bị tội chết. Ông ta hốt hoảng về nhà, hối vợ cơm nước. Không kịp chờ cơm chín, ông vội múc đại gạo vừa mới sôi, lỏng bỏng như cháo, thêm một ít cà-ri vào giỏ, vội vàng lên đường. Khi ông vội vàng đi như thế thì cơm cũng vừa chín tới. Ông để riêng một phần cơm ngon và bắt đầu ăn. Kịp có khách ông ta mời ăn luôn phần đã để dành. Ăn xong ông ta vứt một nắm cơm xuống hồ, súc miệng và lớn tiếng khấn nguyện long thần hồ này xin cho ngàn phước báo do bố thí thức ăn cho người khách và trăm phước báo do bố thí cơm gạo cho cá dưới hồ, tất cả đều hồi hướng đến long thần, và hãy mang đến cho ông đất đỏ với bông súng màu trắng và xanh. Ông lặp lại lời khẩn

cầu đến ba lần. Long vương ở đó nghe hết lời khấn, hóa thành ông lão đến gặp người lính hầu, hỏi lại kỹ. Sau khi nghe người lính hầu nói lại ba lần hồi hướng hết công đức bố thí, long vương bèn mang đất đỏ với bông súng đến. Nhà vua sợ người lính hầu hoàn thành sứ mạng, nên đã ra lệnh đóng cửa và niêm phong rất sớm. Do đó tuy người lính đến kịp lúc, vẫn không thể dâng vua đất và hoa được, dù đã xin lính gác mở cửa. Ông thất vọng, lòng ngổn ngang không biết tính sao. Cuối cùng ông đặt tảng đất đỏ nơi ngạch cửa và treo bông súng lên cánh cửa, la to: - Hỡi mọi người trong thành, xin làm chứng tôi đã hoàn thành sứ mạng vua giao phó. Vua đang tìm hết cách hại tôi một cách vô cớ. Người lính hầu la lên ba lần như thế, bối rối không biết đi đâu ẩn trú; nghĩ đến chư Tăng giàu lòng nhân từ, liền đến tinh xá ngủ lại.

Nhà vua suốt đêm không thể nào chợp mắt được vì lửa ái thiêu đốt tâm can. Vua chờ trời hé sáng để giết người chồng và mang người vợ về cung. Đang trằn trọc vua nghe được bốn âm thanh. Nguyên do là có bốn người bị đọa vào địa ngục rộng đến sáu chục dặm, bị nấu sôi sục như hạt gạo nấu hầm trong nồi nung suốt ba chục năm, xuống tận đáy địa ngục và sau ba chục năm nữa trồi lên miệng địa ngục, nhìn lẫn nhau, muốn đọc một câu kệ cũng không nỗi, chỉ bập bẹ vài chữ, rồi lại rơi tõm vào địa ngục trở lại. Vua nghe những âm thanh trên sau nửa đêm. Hốt hoảng và sợ hãi, vua hoang mang không hiểu có phải mình đã tới số, hay chánh hậu tận mạng, hay vương quốc tận diệt, và thức luôn đến sáng. Trời sáng rồi, vua cho mời vị tư tế đến hỏi xem đó là điềm báo gì qua bốn âm thanh đã nghe là "Du, Sa, Na, So". Vị Bà-la-môn tư tế hoàn toàn không biết gì về ý nghĩa, nhưng sợ lộ ra sự ngu dốt của mình sẽ mất hết lợi danh, nên đáp càn: - Ồ! Trầm trọng lắm, tâu bệ hạ. Vua hỏi dồn: - Xin thầy nói rành mạch hơn! - Có nghĩa là bệ hạ sắp lìa đời. Vua càng kinh hãi, ú ớ hỏi tiếp: - Không có cách nào ngăn được sao? - Tâu bệ hạ, có. Xin Ngài đừng sợ. Trong ba bộ Vệ-đà chỉ rằng phải tế lễ nhiều sinh vật thì có thể cứu mạng bệ hạ. - Ta phải tìm thứ gì? - Một trăm voi, một trăm ngựa, một trăm bò đực, một trăm bò cái, một trăm dê, một trăm lừa, một trăm ngựa giống, một trăm cừu, một trăm gà, một trăm heo, một trăm con trai, một trăm con gái. Sở dĩ vị Bà-la-môn đòi nhiều thứ như thế, vì chỉ nói tên thú rừng không, sẽ mang tiếng là muốn ăn thịt, do đó ông ta cần thêm voi, ngựa và người. Vua muốn cứu mạng mình với bất kì giá nào nên ưng thuận. (Theo Tương Ưng bộ kinh, mỗi loài lên đến năm trăm.Dân chúng xót thương la khóc nghe như tiếng trái đất nứt vỡ). Hoàng hậu Mạt-lợi (Mallika) nghe tiếng kêu khóc inh ỏi, hỏi vua: - Đại vương, làm sao mà các căn của Ngài hỗn loạn và mệt mỏi thế? - Mạt-lợi! Bà không biết một con rắn độc lọt vào tai ta sao? Và vua kể lại mọi sự. Hoàng hậu bảo thẳng với vua: - Bệ hạ quả là kẻ thiếu trí. Trong kho không thiếu chi các món ngon vật lạ, bệ hạ cai trị cả hai vương quốc, nhưng thật sự bệ hạ lại là kẻ thiếu trí. Vua ngạc nhiên hỏi lại, và được hoàng hậu giải thích: - Có bao giờ bệ hạ nghe rằng phải hi sinh mạng người khác để cứu sống mình không? Chỉ vì người Bà-la-môn ngu xuẩn kia đã nói xằng mà xuýt chút nữa bệ hạ đẩy dân chúng vào bể khổ. Đức Đạo sư đang ngụ trong tinh xá gần đây, bậc Thầy của trời và người, bậc Thắng tri của tam thế. Bệ hạ hãy đến thỉnh cầu Ngài chỉ giáo.

Nhà vua và hoàng hậu đến tinh xá gặp Phật. Được Phật hỏi vì việc gì mà đến muộn, nhà vua vẫn còn ám ảnh về nỗi sợ chết không thốt nên lời, chỉ đảnh lễ rồi đứng im đó,

hoàng hậu Mạt-lợi thay lời trình bày và được Phật dạy: - Âm thanh vua nghe được là tiếng rên siết của kẻ xấu ác bị khổ hình. Vua tò mò hỏi: - Bạch Thế Tôn, họ đã tạo nghiệp gì? Phật kể lại: Chuyện quá khứ - Lò Địa Ngục Vào thời xưa khi con người sống đến hai chục ngàn tuổi, Phật Ca-diếp xuất hiện. Trên đường du hóa với hai mươi ngàn Tỳ-kheo lậu tận, Phật đến thành Ba-la-nại. Dân trong thành từng nhóm hai, ba người hoặc đông hơn, cúng dường thức ăn. Lúc đó có bốn người con của một thương buôn giàu có, sản nghiệp mỗi người lên đến bốn trăm triệu, và rất hòa thuận với nhau. Một hôm họ bàn với nhau sao không cúng dường, tạo công đức, giữ giới hạnh vì một vị Phật đang du hóa. Nhưng không ai tán đồng. Kẻ thì ưa chè chén say sưa, người thì đắm say trong cơm thịt béo bở hoặc của ngon món lạ nấu nướng cầu kỳ. Có tên còn đòi tung tiền mua chuộc vợ người và cướp đoạt để tiêu khiển. Cả bọn tán đồng ý kiến này và làm theo. Cứ như thế họ phạm tội tà dâm suốt hai chục ngàn năm, đến lúc mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ, bị khổ hình đau đớn trong thời kỳ giữa hai vị Phật ra đời. Vì quả báo ác nghiệp chưa tiêu, tái sanh, họ lại bị đọa vào Thiết địa ngục lớn sáu mươi dặm. Sau khi chìm xuống tận đáy địa ngục ba chục ngàn năm, họ bị trồi lên cũng ba chục ngàn năm. Mỗi người đều mong muốn đọc lên một câu kệ, nhưng chỉ thốt được một vần đầu, rồi lại rơi vào Thiết địa ngục. (Hết Chuyện quá khứ) Phật hỏi nhà vua: - Bệ hạ nghe được chữ gì? - Bạch Thế Tôn, chữ "Du". Phật liền đọc hết câu kệ mà kẻ chịu tội muốn thốt lên. Sau đó, Ngài bảo vua nói tiếp các chữ còn lại, và bổ túc thành bốn bài kệ như sau: Du: Tạo ác nghiệp một đời, Có của chẳng thi ân, Tài sản dù ức triệu, Không cứu nổi mạng thân. Sa: Sáu chục ngàn năm dài, Tạo tác bao nghiệp ác, Địa ngục nung nấu sôi, Biết bao giờ được thoát? Na: Chẳng có ngày được thoát, Thoát từ đâu có được? Do xa xưa mình đã,

Gây bao điều ô trược. So: Xin hứa chắc từ đây, Nếu tái sanh làm người, Quyết bố thí trì giới, Làm việc thiện đời đời. Thế Tôn đọc và giải thích từng câu kệ. Vua nghe qua chuyển động cả tâm can. Hiểu rằng tội tà dâm quả thật là nghiêm trọng, sẽ bị đọa địa ngục trong thời kỳ giữa hai đức Phật, rồi qua Thiết địa ngục chịu khổ hình thêm sáu chục ngàn năm chưa chắc đã mãn. Nhớ lại mình cũng sắp phạm tội, vua tự hứa từ đây dứt hết lòng tham dục vợ người, và thưa với Phật: - Bạch Thế Tôn, hôm nay con mới biết đêm dài đối với kẻ thức. Người lính hầu của vua ngồi gần đó cũng thưa: - Bạch Thế Tôn, hôm qua con mới biết đường dài cho kẻ mệt. Thế Tôn nối kết hai câu trên vào Pháp Cú: (60) Đêm dài cho kẻ thức, Đường dài cho kẻ mệt, Luân hồi dài, kẻ ngu, Không biết chơn diệu pháp. Vua đảnh lễ Thế Tôn xong, trở về ra lệnh thả hết người và vật tế lễ. Họ được rưới nước trên đầu, trở về nhà và đồng thanh tán thán hoàng hậu Mạt-lợi, chúc bà được khang an trường thọ. Buổi chiều chúng Tăng tụ họp trong Pháp đường bàn tán về trí tuệ của Mạt-lợi. Đức Phật đang ở trong hương thất nghe được liền vào Pháp đường ngồi tòa báu Như Lai và kể: Chuyện quá khứ Vua Ba-La-Nại Và Hoàng Hậu Dinnà Xưa kia một hoàng tử đến khấn với vị thần cây đa, nếu được thần phù hộ lên ngôi báu sẽ lấy máu của một trăm vua và hoàng hậu xứ Diêm-phù-đề này tế thần. Khi vua cha băng hà, hoàng tử giữ lời hứa chinh phục các vua khác, từng người một đủ một trăm vua và hoàng hậu, đem đến gốc cây nọ định sẽ bắt uống thuốc độc cho chết, riêng hoàng hậu Dinnà của vị vua trẻ tuổi nhất được tha mạng vì đang có mang. Thần cây sợ

các hoàng tộc xứ Diêm-phù-đề bị tiêu diệt, và rễ cây đa bị ô nhiễm do lòng tin mù quáng của hoàng tử. Tự nghĩ sức mình không đủ, thần cây liền cầu cứu các vị thần khác, nhưng đều bị từ chối. Thần đến trời Cakkavàla, rồi Tứ thiên vương cũng không nhận lời. Cuối cùng đến trời Đế Thích, thần mạnh miệng quy cho Đế Thích chịu trách nhiệm về dòng máu hoàng tộc, do đó được Đế Thích, tuy không trực tiếp ngăn chặn hành động của hoàng tử, nhưng bày mưu cho thần. Thần sẽ khoác áo choàng đêm, ra khỏi cây, giả bộ cho vua thấy là muốn đi xa để vua cầm giữ lại. Lúc đó thần sẽ ra điều kiện cho vua là phải có mặt hoàng hậu Dinnà của vua Uggasena mới đúng với lời hứa khi

trước. Và bà ta sẽ dạy giáo pháp cho nhà vua, đồng thời sẽ cứu mạng cho các vua và hoàng hậu này. Thế là hoàng hậu Dinnà được đưa đến. Bà chỉ tiến tới trước chồng mình, vua Uggasena, đảnh lễ, dù rằng ông này đang ngồi ở vòng ngoài của một trăm vua thua trận. Vua Ba-la-nại bị xúc phạm, tỏ thái độ bất bình. Bà bèn nói: - Tôi có bổn phận với bệ hạ không? Vị vua của tôi đây là người ban quyền lực cho tôi. Tại sao tôi có thể bỏ ông ta để đảnh lễ bệ hạ? Thần cây hoan hô bà, tung hoa trước mắt đám đông tụ họp: - Hoàng hậu thật khéo nói! Vua Ba-la-nại bảo: - Bà không đảnh lễ ta cũng được. Nhưng sao không đảnh lễ thần cây đây? Ông ta có quyền lực nhiệm mầu, đã ban cho ta quyền thống trị và uy lực của một vị vua. - Tâu bệ hạ, bệ hạ đã chinh phục các vua này bằng tài sức của chính mình. Thần cây chẳng hề đánh bại họ rồi đưa về cho bệ hạ. Bà nói tiếp: - Bệ hạ bảo thần cây có quyền lực nhiệm mầu, thế bên trái của thần có một cây đang bốc cháy, sao thần không dùng phép tắt lửa đi! Thần cây lại tung hô bà như trước: - Hoàng hậu thật khéo nói! Hoàng hậu vừa nói vừa khóc và cười. Vua cho bà mất trí. Nhơn đó bà kể lại: Chuyện quá khứ Người Đàn Bà Giết Con Cừu Thuở xưa tôi sinh vào một gia đình gia giáo. Bạn của chồng đến chơi, tôi nhờ nữ tỳ mua thịt về nấu cơm đãi khách. Cô ta tìm khắp chợ không có. Vì thấy một con cừu nằm gần nhà, tôi cắt cổ làm thịt. Do ác nghiệp đó tôi chết đi bị đày vào địa ngục. Sau bao khổ hình, do quả báo chưa hết, đầu tôi bị cắt nhiều lần bằng số lông cừu. Nếu vua giết hết những người này để tế thần thì biết bao giờ mới hết khổ đau? Tôi đã khóc vì nhớ đến nỗi khổ trước kia. Bà đọc kệ: Do tội cắt cổ cừu, Đầu tôi phải rơi đổ, Nhiều lần bằng số lông, Của chú cừu khốn khổ. Nếu vua định giết chết, Chừng ấy số sinh linh, Biết làm sao lường hết, Nỗi thống khổ điêu linh. Bà đã cười vì vui mừng thoát được khổ ách đó.

Thần cây lại tán thán bà. Vua giật mình vì suýt nữa đã phạm tội ác không biết bao giờ mời rửa sạch được. Vua ra lệnh thả hết các vua, đảnh lễ những người lớn tuổi và chào kính những người trẻ hơn mình, xin mọi người tha thứ cho mình, và cho họ trở về xứ sở. (Hết Chuyện Quá Khứ) Phật kể chuyện xong bảo chúng Tăng không phải bây giờ Mạt-lợi cứu mạng nhiều người mà trong kiếp trước bà cũng đã làm như thế. Lúc đó vua Ba-la-nại là vua Ba-tư-nặc, hoàng hậu Dinnà là Mạt-lợi, và thần cây là Thế Tôn. Phật dayï tiếp rằng đoạt mạng sống của chúng sanh là không bao giờ đúng pháp mà con chịu khổ ách lâu dài. Ngài đọc kệ: Người nếu biết khổ đau, Bắt nguồn từ sự sống, Không còn đoạt mạng sống Của người, để chịu phiền. 2. Một Tăng Sinh Khó Dạy Tìm không được bạn đường... Đức Phật dạy câu này tại Xá-vệ, liên quan đến đệ tử của Trưởng lão Đại Ca-diếp. Trưởng lão lúc đó ngụ tại hang Pipphali, có hai đệ tử theo hầu. Một người

làm tròn bổn phận, người kia luôn lẫn tránh công việc, thậm chí còn dành công trạng của bạn đồng môn. Tức là khi bạn mình đã chuẩn bị nước tắm cho thầy xong, anh ta vội báo cho thầy để lập công. Anh bạn thấy thế liền chơi khăm một vố. Khi bạn lười di ngủ sau giờ cơm trưa, anh đun nước tắm cho thầy xong đổ vào vại dựng ở nhà sau, chỉ chừa lại một ít trong nồi đun.Thức dậy, bạn lười thấy nồi đun bốc hơi, đinh ninh nước đã đun xong và mang vào phòng tắm liền chạy đi báo thầy như mọi lần. Trưởng lão bước vào phòng tắm, chẳng thấy nước, chỉ cho bạn lười. Hoảng hồn, anh vào nhà bếp cầm vá quậy trong nồi hơi thấy cạn queo. Anh bực mình mắng bạn là đồ đểu, và lúng ta lúng túng đến chỗ tắm ngoài sông múc nước. Đã thế trở về còn bị Trưởng lão gọi đến dạy bảo: - Một Tỳ-kheo không được nói mình làm xong khi không phải chính mình làm. Khi ta bước vào thấy không có nước ngươi lại bực mình cầm bình đi, một vị tăng không được hành động như thế. Tăng sinh lười đó rất mực giận dữ, cho rằng chỉ vì mấy giọt nước mà thầy la mắng mình như thế. Ngày hôm sau anh không thèm theo thầy đi khất thực nữa. Trưởng lão phải đi với tăng sinh kia. Khi cả hai đi xa, tăng sinh man trá đi đến nhà cư sĩ hay hộ cho Trưởng lão, bảo rằng ngài khó ở, không đi bát được, và xin cúng dường thức ăn. Cư sĩ làm theo, anh ta nhận lấy và ăn hết một mình trên đường về tinh xá. Hôm sau, Trưởng lão đến nhà cư sĩ, ông ta vui mừng thấy Ngài bình phục và còn bảo là thức ăn do ông ta cúng dường. Trưởng lão không thốt một lời, về tinh xá răn đe anh đệ tử man trá: - Ta biết hành động của ngươi hôm qua. Hạnh xấu này không phù hợp với một người đã từ bỏ thế gian. Ngươi không được ăn thực phẩm do gợi ý.

Tăng sinh lười bừng lên ác cảm đối với thầy mình. Anh nghĩ rằng chỉ vì mấy giọt nước thầy mắng mình là nói dối, bây giờ chỉ một nắm cơm của tín thí thầy cấm không cho ăn vì cho là mình đã gợi ý mưu toan, thầy còn cho huynh kia một bộ y; quả là thầy đối xử với mình quá tệ bạc, mình phải trả thù mới được. Thế rồi hôm sau trong khi Trưởng lão di khất thực, ở lại tinh xá một mình, anh ta lấy gậy đập hết đồ dùng để ăn uống, nổi lửa đốt lều cỏ của Trưởng lão, sau đó dùng búa đập nát tan những gì không cháy hết. Mạng chung anh ta đọa vào địa ngục A-Tỳ. Dân chúng đều bàn tán chuyện trên. Có một vị tăng rời Vương-xá đến Kỳ Viên viếng Phật, được Phật hỏi thăm sức khỏe trưởng lão Đại Ca-diếp liền thuật lại tự sự. Phật giải thích không phải lần đầu anh ta nổi giận vì bị khiển trách, mà trong tiền kiếp anh ta cũng đã từng làm như thế, và Phật kể: Chuyện quá khứ Con Khỉ Và Chim Singila Thời xưa khi Phạm-ma-đạt cai trị Ba-la-nại, một con chim Sigila làm tổ trên vùng Hy-mã-lạp-sơn. Một hôm, vào mùa mưa, một con khỉ đến đó run rẩy vì lạnh. Chim thấy vậy bèn đọc kệ: Như người, này anh khỉ! Anh có đầu, tay chân, Lý do gì bào chữa, Không làm nhà che thân? Khỉ nhận đúng như thế, nhưng biết không đủ trí khôn để cất nhà, bèn nói: Này chim Singila, Đầu và tay chân ta, Tuy là giống người thật, Nhưng người thông minh thật, Còn ta tìm không ra. Chim nghe qua hiểu ngay kẻ như thế không thể nào ở trong nhà, đáp với giọng khinh bỉ: Kẻ nào không kiên định, Bộp chộp và gian dối, Không giữ được giới hạnh, Sẽ không được phúc lành. Này anh bạn khỉ ơi, Hãy cố gắng tới nơi, Cố hết sức mình để Từ bỏ những thói xưa, Xây một lều cho khỏi Run lạnh vì gió mưa.

Khỉ bị mắng nhiếc, bừng giận, phen này quyết ra tay cho chim biết hạnh phúc là gì. Nó phá tan nát tổ chim tung ra gió. Chim thoát được bay mất khỉ tóm lấy tổ. Rồi Thế Tôn

hợp nhất những nhân vật trong Bổn Sanh: - Khỉ lúc đó là Sa-di đốt nhà, chim Singila là Đại Ca-diếp. Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu Sa-di đốt nhà vì bất bình khi bị khiển trách, trong tiền kiếp cũng đã làm như thế. Ca-diếp, đệ tử Ta, nên sống một mình hơn là với kẻ cuồng dại. Và Thế Tôn nói với Pháp Cú: (61) Tìm không được bạn đường, Hơn mình hay bằng mình, Thà quyết sống một mình, Không bè bạn kẻ ngu. 3. Kẻ Vận Rủi Trong Nhà Con tôi, tài sản tôi... Thế Tôn đã dạy câu trên khi ở Xá-vệ, liên quan đến chưởng khố A-nan. A. Chưởng Khố Keo Kiệt Chưởng khố A-nan ở Xá-vệ, gia sản lên đến tám trăm triệu, nhưng lại là nhà đại keo kiệt, cứ mỗi nửa tháng, ông triệu tập thân tộc và dạy con trai là Mulasiri ba điều: - Đừng tưởng rằng tám trăm triệu là món tiền lớn. - Có được của chớ bao giờ cho ai. - Luôn luôn ráng kiếm thêm nhiều nữa. Nếu hơ hỏng tiền bạc để lọt qua kẽ tay, tuy từng chút những chắc chắn, của cải sẽ bay mất. Và kết luận: Xem kìa hương sắc phai dần, Kiến tha về tổ, chuyên cần làm sao! Ong kia hút mật siêng năng, Người khôn chăm sóc kỉ cang gia đình. Sau đó ít lâu, ông chỉ chỗ năm kho của cải cho con trai rồi qua đời, bị ô danh vì tính keo kiệt. Ông đầu thai vào một trong số ngàn nhà Chiên-đà-la tại một ngôi làng kế Xá-vệ. Vua hay tin phong cho con trai thừa kế ông làm chưởng khố. B. Kẻ Vận Rủi Trong Nhà Ngàn gia đình này làm thuê kiếm sống. Nhưng kể từ ngày bà mẹ mang thai ông, họ không kiếm ra nổi, một đồng bạc cũng như một mẻo gạo để nuôi thân. Họ xì xào với nhau: - Còn đang làm lụng mà đào ra không nổi một hột cơm, chắc phải có một tên vận đen trong chúng ta. Họ chia ra hai nhóm, điều tra cặn kẽ, lòi ra tên xấu số đó, và đuổi mẹ ông đi. Từ lúc mang thai ông, bà phải vất vả lắm mới sống lây lất qua ngày, cuối cùng cũng sinh được bé trai. Tay, chân, mặt, mũi, miệng cậu bé không nằm đúng chỗ nên trông cậu bé

thật quái dị, y như một tên quỷ đen đủi gớm ghiếc. Tuy vậy bà mẹ vẫn không bỏ rơi đứa con mang nặng đẻ đau, tình mẹ bao la. Bà rất chật vật để nuôi con, nếu mang theo ra đường thì chẳng nhận được gì, nếu để ở nhà thì còn được chút ít. Cậu bé lớn lên, và khi đến tuổi xin ăn được, bà đặt một miếng sành vào tay bảo: - Mẹ con ta thật khốn đốn, cùng quẫn, mẹ không thể nuôi nổi con nữa. Con hãy đi xin, trong thành người ta bố thí cho người nghèo và du sĩ. Cậu bé đi xin từng nhà. Cuối cùng đến nhà mà trong kiếp trước cậu là trưởng khố A-nan. Nhớ lại tiền kiếp, cậu bước thẳng vào trong, qua hết ba phòng mà chẳng ai trông thấy. Đến phòng thứ tư mấy đứa con nhỏ của trưởng khố Mulasiri hoảng sợ bật khóc. Đám gia nhân rượt đẩy cậu ta, đánh đuổi đi: - Cút đi! Quái vật hết nước nói! Rồi xô cậu vào đống rác. Lúc bấy giờ Thế Tôn đi khất thực với Trưởng lão A-nan, và đến đúng nhà ấy. Để trả lời câu hỏi của Trưởng lão, Thế Tôn kể sự tình. Trưởng lão gọi Mulasiri đến, thế là đám đông tụ tập quanh. Mulasiri không nhìn ra ai khi Thế Tôn chỉ tên ăn mày. Thế Tôn bảo: - Đó là cha ngươi. Mulasiri không tin. Phật bảo tên ăn mày, tức chưởng khố A-nan, chỉ chỗ năm kho của cải. Cậu ta chỉ đúng. Mulasiri tin chắc và qui y Phật. Thế Tôn nói Pháp Cú cho đúng: (62) Con tôi, tài sản tôi, Người ngu sanh ưu não, Tự ta, ta không có, Con đâu,tài sản đâu? 4. Kẻ Móc Túi Người ngu nghĩ mình ngu ... Thế Tôn dạy câu này ở Kỳ Viên, do chuyện hai tên trộm không còn thân thiết với nhau nữa. Họ vốn thân nhau từ lâu, một hôm cùng với đám đông đến Kỳ Viên nghe pháp. Một người chú tâm nghe Phật thuyết và chứng quả Dự lưu. Người kia rình cơ hội để giở trò, thấy một món đồ đáng giá năm farthing (1 farthing

bằng 1/4 xu) trong chéo áo một thính chúng, liền bợ ngay. Như vậy tên trộm chuyên nghiệp vẫn có được bữa ăn nấu thường ngày trong nhà, còn người cải tà quy chánh thì bếp lạnh nồi không, lại còn bị vợ chồng tên trộm kia nhạo báng chê cười: - Anh khôn ngoan quá, đến nỗi không còn tiền để nấu cơm mà ăn! Biết rằng bạn đồng nghiệp cũ của mình là kẻ ngu, không phải là người trí, anh ta cùng quyến thuộc đến Kỳ Viên, gặp Thế Tôn kể chuyện. Phật dạy anh Pháp Cú: (63) Người ngu nghĩ mình ngu, Nhờ vậy thành có trí.

Người ngu tưởng có trí, Thật xứng gọi trí ngu. 5. Trí Ngu Người ngu, dù trọn đời... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện Trưởng lão Udàyi. Khi các Đại Trưởng lão rời Pháp đường, Udàyi thường ngồi vào chỗ của các vị ấy. Một hôm có vài khách tăng đến, thấy như thế cứ tưởng Udàyi là một Đại Trưởng lão. Họ hỏi ông vài câu về ngũ uẩn, và vài vấn đề khác. Vỡ lẽ ra ông chẳng biết gì, họ khinh bỉ bảo nhau: - Tỳ-kheo này là ai mà cùng sống trong tinh xá với Phật, nhưng lại không biết đến cả ngũ uẩn, tứ đại và căn trần? Rồi họ thưa với Phật, Thế Tôn bèn dạy Pháp Cú: (64) Người ngu dù trọn đời, Thân cận người có trí, Không biết được chánh pháp, Như muỗng với vị canh. 6. Từ Trụy Lạc Tới Đức Hạnh Người trí, dầu một khắc... Đức Phật dạy câu này tại Kỳ Viên về ba mươi Tỳ-kheo Pàtheyyaka. Thế Tôn đã thuyết pháp lần đầu tiên cho họ trong rừng Kappàsika, khi họ đang đi tìm người nữ. Họ đều vâng theo lời của Phật: "Hãy đến, các Tỳ-kheo!" và nhận được y bát từ thần thông. Ai cũng giữ được Mười ba phạm hạnh, và sau một thời gian dài, họ trở về gặp Phật, nghe Phật thuyết về vô sanh. Trước khi rời chỗ ngồi, họ chứng A-la-hán. Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Chẳng bao lâu mà các vị này đã đắc pháp! Phật nghe được liền dạy: - Các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu ba mươi người bạn này phạm tội, mà trong tiền kiếp đã có. Nhưng khi nghe Maha Tundila thuyết pháp trong Bổn Sanh Tundila, họ được Pháp nhãn thanh tịnh và tuân giữ Ngũ giới. Chỉ có công đức này mà họ chứng A-la-hán ngay tại chỗ ngồi. Và Phật nói Pháp Cú: (65) Người trí, dầu một khắc, Thân cận người có trí, Biết ngay chân diệu pháp, Như lưỡi với vị canh. 7. Một Người Cùi Bị Thử Thách Phủ Nhận Niềm Tin Người ngu si thiếu trí...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Trúc Lâm do chuyện người cùi Suppabuddha. Truyện này được kể trong kinh Udàna. Người cùi Supabuddha ngồi vòng ngoài hội chúng nghe pháp và đắc quả Dự lưu. Anh ta muốn trình với Thế Tôn pháp lạc của mình, nhưng không dám bước vào giữa hội chúng. Đợi đến lúc mọi người đảnh lễ Phật xong, đi theo Phật một quãng ngắn và quay về, anh mới trở lại tịnh xá. Trời Đế Thích thấy vậy muốn thử anh, liền bay đến, lơ lửng trên không, bảo anh: - Suppabuddha, anh nghèo hèn, khốn khổ. Ta sẽ cho anh vô số của cải nếu anh chịu nói "Phật không phải là Phật, Pháp không phải là Pháp, Tăng không phải là Tăng. Ta đã chán ngấy Pháp, chán ngấy Tăng". Anh cùi hỏi lại: - Ông là ai? - Ta là Đế Thích. - Đồ ngu, không biết xấu hổ, ông không xứng đáng nói chuyện với ta. Ông bảo ta nghèo túng và khổ sở. Trái lại ta được an lạc với tài sản to lớn: Tín tài, giới tài, tấn tài, tàm quý tài, văn tài, xả tài, định huệ tài, cả bảy kho báu này là của ta. Ai có kho báu này, Dù là nam hay nữ, Không thể gọi nghèo khổ, Đời họ chẳng rỗng suông. Đó là bảy kho báu đáng quý, người có được thì đối với chư Phật và Phật Độc Giác không phải là nghèo. Đế Thích nghe xong, đến kể lại cho Thế

Tôn, và được Phật dạy là dù tiền muôn bạc ức cũng không thể thuyết phục người cùi phủ nhận niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng. Và người cùi Suppabuddha đến chỗ Phật, được Ngài đón tiếp thân tình. Anh trình với Phật pháp lạc có được, dứng lên rồi đi ra. Đi được một quãng, anh bị con bê cái húc chết. Con bê này nguyên là Dạ-xoa tái sanh làm bò trong một trăm kiếp, đã giết bốn chàng trai trẻ: người quyền thế Pukkusati, Bahiya daruciriya, tên trộm ngoài vòng pháp luật Tambadathika, và người cùi Suppabuddha. Chuyện quá khứ: A. Bốn Chàng Trai Và Cô Kỹ Nữ Trong một tiền kiếp, bốn chàng trai này là con của một thương gia giàu có, và Dạ- xoa là một cô kĩ nữ tuyệt đẹp. Một hôm nọ dẫn cô đến vườn giải trí, hưởng lạc xong chiều đến, nghĩ rằng không ai ở đây ngoài họ, họ bàn nhau lấy lại một ngàn tiền đã trả, lột hết vàng giết cô ta rồi bỏ đi. Cô kĩ nữ nghe được, và khi bị giết, cô thề sau này sẽ thành Dạ-xoa, sẽ giết hại họ như họ đã giết hại cô. Và quả báo hiện ra y như thế. Các Tỳ-kheo báo tin cho Phật về cái chết của người cùi, và hỏi Phật kiếp sau anh ta sẽ như thế nào, vì sao anh ta bị bệnh cùi. Phật cho biết anh ta đã chứng quả Dự lưu và sanh trên cõi trời ba mươi ba và Phật kể:

Chuyện quá khứ: B. Chàng Trai Láo Xược Trong một tiền kiếp, gặp vị Phật Độc Giác Tagarasikhi, anh cùi đã nhổ nước miếng vào ngài vì cống cao ngã mạn. Anh ta phải chịu khổ não rất lâu ở địa ngục, nhưng quả báo chưa hết anh tái sanh làm người cùi. Phật giảng tiếp cho các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo! Mọi chúng sanh trên thế gian dều bị quả báo ác nghiệt do hành nghiệp xấu ác. Và Phật dạy thêm Pháp cú: (66) Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành kẻ thù, Làm các nghiệp không thiện, Phải chịu quả đắng cay. 8. Một Nông Dân Bị Kết Tội Oan Nghiệp làm không chánh thiện.... Câu này đức Phật dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến một nông dân. Anh nông dân đang cày trên miếng ruộng gần thành Xá-vệ. Thấy Thế Tôn và Trưởng lão A-nan làm thị giả đi ngang, anh đảnh lễ và tiếp tục cày. Thế Tôn không nói gì cả, Ngài đến chỗ túi tiền rơi - trước đó. Ngài quan sát thế gian thấy rõ túi tiền và mọi chuyện - chỉ cho A-nan và bảo: - Hãy xem, A-nan, một con rắn độc! A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, con đã thấy, một con rắn độc chết người! Anh nông dân nghe được, liền đến chỗ rắn, khi Phật và A-nan bỏ đi, định sẽ giết rắn. Nhưng đến nơi thấy túi tiền, anh chợt hiểu chắc Thế Tôn ám chỉ túi tiền là con rắn độc. Không cần biết đích xác những gì bên trong, anh đặt túi qua một bên, phủ đất lên và tiếp tục cày. Trời sáng, nhà kia khám phá bị mất trộm, liền đuổi theo dấu bọn trộm, đến cánh đồng nơi chôn túi tiền, và thấy dấu chân anh nông dân. Đào đất, nhặt túi tiền lên xong, họ mắng nhiếc anh: - Anh đã trộm nhà người và giờ đây anh làm bộ cày bừa, phải không? Sau khi nện anh ta một trận đích đáng rồi, họ bắt dẫn anh lên kiện vua. Nghe qua sự tình vua ra lệnh xử tử. Quân lính trói thúc ké anh, kéo ra pháp trường, dọc đường còn đánh đập. Anh nông dân chỉ một bề lặp đi lặp lại: - Hãy xem, A-nan, một con rắn độc! - Bạch Thế Tôn, con đã thấy, một con rắn độc chết người! Quân lính ngạc nhiên, hỏi anh ý nghĩa ra sao? Anh bảo sẽ giải thích nếu gặp được vua. Và anh được như ý. Trước mặt vua, anh kể lại mọi sự và xác nhận mình không phải kẻ trộm. Vua ngẫm nghĩ anh ta đã nêu danh Thế Tôn, bậc cao tột trong thế gian làm

chứng, thì thật không đúng nếu kết tội, và vua quyết định dẫn anh đến gặp Phật để làm sáng tỏ vụ này. Sau khi bạch Phật, dược Phật xác nhận câu chuyện xảy ra, cùng lời lẽ Phật đã thốt quả y như lời anh nông dân, vua hiểu hết tự sự. Chẳng qua là bọn trộm

biết được một lối vào thành xuyên qua một suối nước bí mật. Họ đã đào một đường hầm đến nhà người giàu kia, trộm một số lớn tiền và vàng, rồi chạy thoát ra ngoài bằng con suối. Sau khi đánh lừa đồng bọn, một tên dấu riêng một túi tiền một ngàn đồng vào áo. Hắn cũng cùng đồng bọn đến cánh đồng để chia của. Xong xuôi bọn chúng giải tán, và túi tiền đó rớt lại mà hắn không hề hay biết. Vua bèn kết luận: Bạch Thế Tôn, nếu anh nông dân không nói tên một bậc như ngài để làm chứng, chắc không khỏi chết. Anh đã tự cứu mạng do lặp lại lời của Phật. Đại vương, Ta đã nói như thế đến khi đó. Một người trí sẽ không hành động để phải hối hận. Rồi Phật đọc Pháp Cú: (67) Nghiệp làm không chánh thiện, Làm rồi sanh ăn năn, Mặt nhuốm lệ, khóc than, Lãnh chịu quả di thục. 9. Sumana - Người Làm Vườn Và nghiệp làm chánh thiện... Phật dạy câu này ở Trúc Lâm về người làm vườn Sumana. Mỗi ngày sáng sớm, người làm vườn Sumana hay dâng lên vua Bình-sa vương tám bó hoa nhài và nhận tám tiền mỗi bó. Nhưng hôm đó, trên đường mang hoa vào thành, anh thấy Đức Phật đang khất thực với chúng Tỳ-kheo đông đảo, phóng hào quang sáu màu, đầy hùng lực của một vị Phật. Anh nhận thấy thân Phật như một khối ngọc quý, một khối vàng ròng, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc đại nhân. Lòng phân vân không biết làm sao phục vụ, chợt thấy bó hoa, liền muốn dâng cúng Phật. Tuy biết rằng nhà vua có thể cầm tù, giết hay trục xuất khỏi nước nếu không dâng hoa cho vua, anh vẫn muốn cúng cho Phật. Anh nghĩ tiếp nếu dâng hoa cho vua đi nữa, bất quá chỉ nhận tiền đủ kéo dài mạng sống trong kiếp này, trong khi dâng cúng Thế Tôn sẽ được an lạc, được cứu độ hằng triệu kiếp không kể xiết. Do đó, anh làm vườn dâng mạng sống của mình cho Phật. Niềm tin kiên cố và lòng hoan hỷ, anh ta tung hoa lên. Ban đầu hai bó lơ lửng trên đầu Phật như một bảo cái, hai bó tiếp bên phải, rồi phía sau, rồi bên trái, rủ xuống như một tấm màn. Như vậy tám bó hoa vây bọc Thế Tôn bốn phía, cuống hoa hướng ra ngoài và cánh hoa hướng vào trong, trước mặt Phật như có cổng chào, và chung quanh như những phiến bạc. Hoa tuy là loài vô tình, nhưng cư xử như có trí khôn, không dạt về một bên, không rơi xuống, đi theo khi Phật cử động, đứng yên khi Phật dừng lại. Hào quang tỏa ra hàng trăm tia từ thân Phật, trước và sau, phải và trái, và từ đỉnh đầu sáng rực. Không ai gặp Ngài mà bỏ đi. Họ nhiễu bên phải ba vòng quanh Ngài, tu hội đông như

đám cây cọ chạy trước mặt Ngài. Cả thành náo động, chín mươi triệu dân bên trong với chín mươi triệu dân bên ngoài, không một người nào, dù đàn ông hay đàn bà không đến lễ với đồ cúng dường. Rống lên tiếng rống sư tử và vẫy lên hàng ngàn mảnh vải, đám đông khổng lồ đã diễn hành trước mặt Thế Tôn. Để biểu dương hành động đáng quý của anh làm vườn, Thế Tôn tiếp tục đi qua thành một khoảng đường ba dặm theo nhịp trống định âm. Toàn thân anh ta tràn ngập năm điều hoan hỷ. Theo Thế Tôn một khúc đường, anh lọt vào vùng hào quang của Phật như thể lao vào biển son, xưng tán Phật, đảnh lễ Ngài, và xách giỏ không về nhà. Anh ta kể chuyện cho vợ nghe. Vợ anh ta quá ngu si không tin sự mầu nhiệm như thế, tru tréo lên mắng nhiếc chồng: - Vua chúa thì cay nghiệt và tàn bạo. Bị chọc giận thế nào cũng ra lệnh chặt tay, chặt chân hay xử hình phạt khác. Ông làm như thế thì bao nhiêu trừng phạt sẽ trút xuống cho tôi! Rồi mang con đến hoàng cung, cô gặp vua kể lể việc làm của chồng, và tuyên bố cho cô biết là cô bỏ chồng. Vua Bình-Sa vương là thánh đệ tử của Phật. Ngay lần đầu gặp Phật vua

đã chứng quả Dự lưu, niềm tin kiên cố và tâm an bình. Vua hiểu người này quá ngu si, làm sao có thể tin một việc làm công đức như thế và ông giả vờ giận dữ quát lên: - Mụ kia! Hắn đã dâng hoa của ta cho Thế Tôn à! Mụ bỏ hắn là phải. Ta sẽ xử sự với hắn. Dám cả gan dâng hoa của ta cho Thế Tôn. Nhờ nói thế, vua đuổi được cô ta về, rồi đến gặp Phật ngay, đảnh lễ Ngài và cùng đi. Phật biết tâm vua đang an bình, nên đi tiếp vào thành, kinh hành qua đường phố theo nhịp trống định âm, và dừng trước cổng hoàng cung. Vua đỡ bình bát và thỉnh Phật vào. Phật tỏ ý ngồi trên sân hoàng cung, vua liền ra lệnh dựng cấp tốc một lều che và Phật ngự giữa lều với chúng Tỳ-kheo chung quanh. Tại sao Phật làm như thế? Vì nếu vào hoàng cung, dân chúng sẽ không thấy được Phật, do đó sẽ không biết được hành động thiện của người làm vườn (bởi vì chỉ chư Phật mới tuyên dương rộng rãi đức hạnh của người tốt. Còn người tầm thường có kể lại cái tốt của người cũng chỉ để lộ lòng đố kị). Bốn cụm hoa vẫn còn lơ lửng bốn phía. Dân chúng phụng sự Phật, còn nhà vua dâng lên Phật và Tăng đoàn món ăn thượng vị. Thọ thực xong, Phật hồi hướng công đức và với bốn cụm hoa bao quanh như trước đây, Phật và đám đông hân hoan reo hò cùng về Tinh xá. Vua tiễn Phật một đoạn đường rồi quay về gặp anh làm vườn. Hỏi thăm và được anh kể lại lời đã nói với Phật khi xưng tán Ngài rằng vua có thể giết hay đuổi anh ra khỏi nước, vua khen anh là một bậc đại nhân và thưởng tám voi, tám ngựa và tám gia nhân, tám nữ tỳ và tám bộ châu báu lộng lẫy, tám ngàn đồng tiền, tám cung nữ trong hậu cung trang điểm đầy đồ trang sức, và tám làng chọn lọc.

Trưởng lão A-nan nghe tiếng reo hò hân hoan suốt ngày từ sáng sớm, thắc mắc không biết anh làm vườn được phước báo gì, hỏi Phật và được Phật đáp: - Này A-nan! Hành động của người làm vườn không phải là việc nhỏ. Anh ta đã giao mang sống cho Ta và xưng tán Ta. Vì đặt niềm tin nơi Phật, anh ta sẽ không rơi vào đường khổ suốt trăm ngàn kiếp, mà còn được quả phúc ở cõi trời và cõi người, và sẽ thành vị Phật Độc Giác tên Sumana. Khi Thế Tôn về đến Tinh xá, bước vào hương thất, hoa của Sumana rơi trên tường cổng. Buổi chiều, các Tỳ-kheo bàn tán tại Pháp đường về anh làm vườn. Phật từ hương thất tiến đến, vào Pháp đường bằng một trong ba ngõ, ngồi vào tòa Như Lai, hỏi các Tỳ- kheo, nghe họ kể xong. Phật bảo: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Chỉ nên làm việc gì đừng ân hận về sau, mỗi khi nhớ lại chỉ thấy hoan hỷ. Và Phật nói Pháp Cú: (68) Và nghiệp làm chánh thiện, Làm rồi không ăn năn, Hoan hỷ ý đẹp lòng, Hưởng thọ quả dị thục. 10. Upplavannà Bị Cưỡng Bức Người ngu nghĩ là ngọt... Nhân chuyện Uppalavannà, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên. Uppalavanà, đã lập nguyện với Phật Padumuttara, sau khi tạo công đức suốt một trăm ngàn kiếp từ loài trời đến loài người, mạng chung ở cõi trời vào thời Phật hiện tại, và tái sinh tại Xá-vệ là con gái một thương gia giàu có. Nước da cô như màu đài sen xanh nên có tên là Uppalavannà, tức Liên Hoa Sắc. Đến tuổi cập kê, tất cả các vương tôn công tử nước Diêm-phù-đề đến cầu hôn. Ông thương gia không biết giải quyết cách nào bèn bảo con gái đi tu. Dây là kiếp chót của cô trước khi chứng Niết-bàn nên lời của ông cha, như dầu đã được tinh chế trăm năm, rưới lên đầu cô. Do đó cô bằng lòng. Ông chuẩn bị những món quà đắt giá cho cô, và dẫn cô đến Ni đoàn, cô được nhận. Chẳng bao lâu, cô được giao việc mở và đóng Bồ-tát đường. Thắp đèn và quét dọn xong, cô chăm chú nhìn ngọn đèn, chú tâm

vào yếu tố của lửa, nhập định. Xuất định, cô chứng A-la-hán và đắc thần thông. Sau đó cô hành hương khất thực trong xứ, trở về cô phải qua một khu rừng rậm. Thời đó các ni cô không bị cấm ở trong rừng. Họ dựng cho cô căn lều, đặt một giường và treo màn chung quanh. Ra khỏi rừng, cô đến Xá-vệ khất thực rối trở về lều của mình. Lúc đó, một người Bà-la-môn bà con với cô tên Ananda, đã đem lòng yêu cô từ khi cô còn ở thế gian, nghe cô đi khất thực, liền vaò rừng trước cô, trốn dưới trong lều.

Trở về lều, đóng cửa lại, cô lên gường ngồi, không thấy gì trong tối vì cô mới ở ngoài sáng vào. Cô vừa mới lên giường thì tên trẻ tuổi từ dưới gầm chun ra và leo lên. Cô la: - Đồ điên! Chớ hại ta! Nhưng tên kia, dù bị kháng cự, đã cưỡng bức cô, và bỏ đi. Không thể chịu nổi sự đồi bại của hắn, đất nứt ra nuốt hắn và hắn bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Cô kể cho các ni cô việc đã xảy ra. Các Tỳ-kheo nghe ni cô kể lại bạch với Phật, và được Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Kẻ ngu có thể là bất cứ ai, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni, cư sĩ nam hay nữ, phạm tội ác thấy vui thích, sung sướng hay khoái lạc khi phạm tội, như thể được ăn mật, đường hay vị ngọt nào khác. Và Phật đọc Pháp Cú: (69) Người ngu nghĩ là ngọt, Khi ác chưa chín muồi, Ác nghiệp chín muồi rồi, Người ngu chịu khổ đau. Sau đó các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Ngay cả người đã thoát khỏi dục lạc rồi vẫn ưa thích khoái lạc tình ái và thỏa mãn dục vọng. Tại sao không? Họ đâu phải là cây Kolàpa hay ụ kiến, mà là con người bằng xương bằng thịt. Phật nghe bèn dạy rằng: - Này các Tỳ-kheo! Người đã giải thoát khỏi dục vọng, không ưa thích khoái lạc tình ái cũng không thỏa mãn dục vọng. Như một giọt nước rơi xuống lá sen, không thấm vào lá, cũng không đọng trên lá, nhưng lăn đi và rơi xuống, như hạt cải không bám vào đầu mũi kim, cũng không ở lại đó, mà lăn đi và rơi xuống. Cũng vậy, tình yêu đôi lứa không vướng bận tim người đã giải thoát khỏi dục lạc thế gian. Và Phật đọc Pháp Cú trong phẩm Bà-la-môn: (401) Như nước trên lá sen, Như hạt cải đầu kim, Người không nhiễm ái dục, Ta gọi Bà-la-môn. Bấy giờ Phật mời vua Ba-tư-nặc đến bảo: - Đại vương, trong giáo đoàn của Ta, thanh nữ và thanh niên gia giáo rời bỏ quyến thuộc và tài sản, từ bỏ thế gian, vào ngụ trong rừng. Đối với giới nữ trong rừng có thể có những người tâm địa xấu, bị lưả dục nung nấu, vô lễ và ngạo mạn với họ, cưỡng bức họ, làm uổng phí đời tu của họ. Như thế cần xây dựng chỗ cư trú cho Ni chúng trong thành. Vua tuân hành. Từ đó chư ni chỉ được ở trong thành. *

11. Đạo Sĩ Lõa Thể Jambuka Tháng tháng với ngọn cỏ... Phật dạy như thế tại Trúc Lâm liên quan đến đạo sĩ lõa thể Jambuka. Chuyện quá khứ A. Vị Tăng Ganh Tỵ Xa xưa, thời Phật Ca Diếp, một cư sĩ tại làng nọ cất thất cho một trưởng lão tu và cung cấp tứ vật dụng suốt thời gian này, Trưởng lão đều đặn đến thọ thực tại nhà cư sĩ. Bấy giờ có một Tỳ-kheo đã dứt hết dục lậu, đi khất thực dừng trước nhà cư sĩ. Anh ta vui mừng mời vào, và cung kính dâng Ngài thức ăn hảo hạng và một chiếc y rộng: - Thưa Tôn giả, xin Ngài nhuộm y này và đắp làm hạ y. Rồi nói thêm: - Tóc Ngài mọc dài, con sẽ tìm thợ cắt tóc cho Ngài, lúc trở về sẽ mua cho Ngài một cái giường. Vị khách tăng trước thấy cư sĩ niềm nở đón tiếp vị mới đến, lòng bất mãn, ganh ghét. Không chịu nổi sự ưu ái của vị cư sĩ đối với vị mới, buổi chiều, ông lại ngay chổ Trưởng lão nằm trên giường, nhiếc móc và lăng mạ bốn điều: - Này khách huynh! Huynh nên ăn phân hơn là phần cơm trong nhà cư sĩ này. Huynh nên nhổ tóc mình với cái lược bằng cây thốt nốt hơn là để

thợ cạo do cư sĩ mời về. Huynh đừng mặc quần áo thì tốt hơn là đắp hạ y do cư sĩ cúng. Huynh nằm dưới đất tốt hơn là nằm trên giường của cư sĩ cúng. Trưởng lão không để ý đến lời lăng mạ, thầm mong người bạn ngu si này không bị tổn hại, và Ngài dậy sáng sớm đi nơi khác tùy thích. Vị tăng đến trước cũng dậy sáng sớm, dọn dẹp thất như thường lệ rồi đi khất thực. Nghĩ rằng Trưởng lão vẫn còn ngủ, ông đánh thức bằng cách gõ chuông bằng móng tay, rồi đi vào làng. Cư sĩ chuẩn bị xong thức ăn đợi hai vị tăng đến. Chỉ thấy vị trước, anh ta hỏi: - Thưa Tôn giả, Trưởng lão đến đâu rồi? Vị tăng cũng ngạc nhiên hỏi lại: - Đạo hữu hỏi chi lạ? Trưởng lão đến nhà anh hôm qua đó, ngay khi về thất đã vào phòng trong nằm ngủ. Dù tôi dậy rất sớm, ông ta cũng chẳng nghe thấy chổi quét, tiếng súc rửa bình nước uống và tiếng gõ chuông của tôi. Cư sĩ không thể tin một vị Trưởng lão khả kính, thái độ trang nghiêm lại có thể ngủ đến giờ này, nghĩ rằng chắc vị tăng trước thấy mình quan tâm đến vi Trưởng lão nên đã nói gì với Ngài rồi. Cư sĩ, rất khôn khéo, vẫn một mực cung kính phục vụ vị tăng, dâng thức ăn. Xong bữa anh cẩn thận rửa bát rồi đựng đầy thức ăn ngon với nước súp thượng vị, nhờ vị tăng chuyển cúng dường giùm Trưởng lão nếu có gặp Ngài. Vị tăng nhận bình bát nghĩ rằng Trưởng lão dùng thức ăn ngon như thế sẽ thích ở đây luôn, nên

dọc đường ông ta ném bỏ thức ăn hết. Ông ta cũng đến chỗ ngủ Trưởng lão nhưng không thấy Ngài. Vì phạm hành động xấu, định lực tu tập suốt hai mươi ngàn năm mất hiệu quả bảo vệ, nên ông mạng chung bị đọa xuống ngục A-tỳ, chịu đau khổ cùng cực trong thời kỳ giữa hai đức Phật. Vào thời Phật hiện tại, ông tái sanh tại Vương Xá trong một gia đình thức ăn uống sung túc. Chuyện hiện tại B. Đạo Sĩ Lõa Thể Jambuka Từ khi biết cậu bé không chịu nằm giường, không ăn thức ăn mà chỉ ăn phân của mình, cha mẹ cậu nghĩ rằng chắc còn nhỏ quá nên không biết gì. Nhưng lớn lên, cậu cũng không chịu mặc quần áo, nằm dưới đất và ăn phân của mình. Cha mẹ biết cậu không quen sống trong nhà, có lẽ hợp với các đạo sĩ lõa thể Ajivakas, nên mang cậu đến xin họ thu nhận vào giáo đoàn. Họ đồng ý, đặt cậu xuống một cái hố lút sâu tận cổ, kê ván qua xương đòn gánh của cậu rồi ngồi trên đó nhổ tóc cậu với lược thốt nốt. Hôm sau, theo lời mời của cha mẹ cậu, các đạo sĩ Ajìvakas vào làng bảo cậu đi theo, nhưng cậu từ chối. Năm lần bảy lượt thúc giục, cậu vẫn từ chối. Các đạo sĩ gởi thức ăn về, cậu cũng từ chối không ăn. Ngày qua ngày cậu vẫn không nghe lời họ. Một hôm, khi các đạo sĩ vào làng, hai đạo sĩ trong nhóm giả vờ đi theo rồi quay lại núp rình và bắt gặp cậu xuống hố xí lượm phân nặn từng cục bốc ăn. Các đạo sĩ nghe kể lại kinh quá bảo nhau: - Trời đất việc làm của hắn quả là sĩ nhục! Nếu đệ tử của Sa-môn Cồ-đàm biết được, sẽ đồn xấu là các đạo sĩ Ajìvakas tu tập bằng cách ăn phân. Người này không thể ở với chúng ta được. Rồi họ đuổi Jambuka khỏi giáo đoàn. Ban đêm cậu đến hố xí công cộng, chỗ lõm của một tảng đá phẳng, ăn phân. Dân chúng đi cầu thấy cậu đứng lò cò trên tảng đá, co một chân đặt trên đầu gối, mở miệng rộng, mặt xoay về hướng gió, ngạc nhiên hỏi. Cậu đáp: - Ta là người hớp gió không ăn gì hết. - Nhưng sao Ngài lại đứng một chân? - Ta nghiêm trì khổ hạnh, nếu đứng hai chân mặt đất sẽ rúng động. Ta đứng một chân co một chân đặt trên đầu gối cả đời, không bao giờ nằm. Hầu như ai cũng tin lời cậu. Dân hai nước Anga và Magadha rất cảm động và thán phục, họ mang vô số thức ăn đến cho cậu, nhưng cậu không muốn nhận bất cứ thứ gì, và bảo họ: Ta chỉ ăn gió,

không ăn món khác. Nếu không, khổ hạnh của ta sẽ chấm dứt. Dân làng một mực khẩn khoản cậu nhận, nhiều lần từ chối không được, cậu phải để vào đầu lưỡi một chút ngọn cỏ Kusa chấm với mật, bơ. mật mía, rồi đuổi họ đi: - Rồi đó, các người hãy đi đi! Các người đã được hạnh phúc và cứu độ theo đúng nguyện vọng.

Cứ thế Jambuka sống năm mươi lăm năm, lõa thể, ăn phân, nhổ tóc và nằm dưới đất. Phật quan sát thế gian thấy Jambuka đủ duyên lành chứng A-la-hán cùng các thần thông, tám mươi tư ngàn chúng sanh sẽ dược Pháp nhãn thanh tịnh và số đông khác sẽ được cứu độ. Do đó hôm sau Phật vào Vương Xá khất thực và chiều đến thăm Jambuka. Các vị trời biết được, dùng thần lực làm mưa xuống rửa sạch nơi Jambuka đang ở. Tất cả năm trận mưa khác nhau rơi trên tảng đá ấy. Đến nơi Phật gây một tiếng động nhẹ và gọi: - Jambuka! Đạo sĩ cứ nghĩ một tên xấu ác nào gọi mình nên hỏi lại cộc lốc: - Ai đó? Phật đáp: - Một Tỳ-kheo. - Ngài muốn gì, Đại Sa-môn? - Cho ta ở lại đây chỉ một đêm. - Đây không chỗ nào ở được, Đại Sa-môn! - Jambuka, đừng nói thế. Cho Ta ở chỉ một đêm thôi! - Sa-môn tìm đoàn thể Samôn, người tìm đoàn thể người, thú vật tìm đoàn thể thú vật. - Nhưng Ngài là một Sa-môn? - Vậy thì bình đựng nước, muỗng gỗ, pháp cụ của Ngài đâu? - Mọi thứ này Ta đều thường dùng, nhưng vì cồng kềnh khó đem theo từ chỗ này đến chỗ nọ, nên Ta sẽ lấy tại đây và đem theo khi rời nơi đây. Jambuka bực dọc, hỏi gằn lại: - Vậy khi rời đây, Ngài định đem theo à? - Đừng lo, Jambuka! Hãy chỉ cho Ta chỗ nào ở được. Jambuka vẫn một mực: - Dạ không chỗ nào ở được, Đại Sa-môn! Thấy một hang núi rất gần, Phật hướng về đó hỏi: - Có ai ở trong đó không? - Thưa không, Đại Sa-môn. - Vậy Ta ở đó. - Dạ hợp với Ngài, Đại Sa-môn. Và Phật soạn tòa nằm trong hang núi và nằm nghỉ. Canh một Tứ Thiên Vương đến hầu hạ Phật, chiếu ánh sáng rực rỡ tứ phía. Jambuka trông thấy ngạc nhiên không hiểu ánh sáng gì. Canh hai vua trời Đế Thích phục vụ Thế Tôn. Jambuka thắc mắc không biết là ai. Canh ba và canh cuối là đại phạm thiên, với một ngón tay chiếu sáng một Cakkavàla, hai ngón tay chiếu sáng hai Cakkavàla, và mười ngón tay chiếu sáng toàn thể khu rừng. Jambuka không biết là ai.

Sáng sớm hôm sau, cậu đến gặp Phật, chào thân thiện, cung kính đứng một bên và hỏi về những vị đã trông thấy khi đêm. Được biết đó là những vị trời đến hầu hạ Phật, và Phật là bậc tối thượng hơn họ, Jambuka bèn thốt lên: - Ngài là một bậc tuyệt diệu, Đại Sa-môn! Tôi ở đây suốt năm mươi lăm năm mà không một ai đến hầu hạ tôi, thời gian này tôi sống nhờ gió, đứng ròng rã mà không ai đến phục vụ mình. Thế Tôn bảo: - Jambuka, ngươi đã liên tiếp lừa dối đám đông ngu ngốc ở thế gian này, và bây giờ cố lừa dối Ta. Trong năm mươi lăm năm, thật sự có phải ngươi ăn phân, lõa thể, ngủ dưới đất và nhổ tóc với lược thốt nốt không? Nhưng ngươi đã gạt gẫm thế gian bảo rằng hớp gió, đứng một chân, không ngồi, không nằm. Bây giờ lại đang láo khoét với Ta. Đó là vì tư kiến thấp hèn, sai lầm mà ngươi đã chấp nhặt trong tiền kiếp, khiến mấy chục năm ngươi đã ăn phân, nằm dưới đất, lõa thể, nhổ tóc với cây lược thốt nốt. Chính đến bây giờ ngươi cũng còn chấp vào tư kiến thấp hèn sai lầm. - Nhưng, Đại Sa-môn, tôi đã làm gì trong tiền kiếp? Trong khi Thế Tôn kể lại chuyện xấu ác kiếp trước, Jambuka rất xúc động và lòng cảm thấy khiêm hạ, sợ hãi tội lỗi to tát, cậu phủ phục trên đất. Thế Tôn ném một lá y để cho cậu khoát vào mình. Cậu chào Thế Tôn và kính cẩn ngồi một bên.

Kể xong chuyện tiền kiếp, Phật thuyết pháp, và cuối bài pháp cậu chứng A-la-hán cùng với thần thông. Cậu rời chỗ ngồi, đảnh lễ Thế Tôn và xin được nhận vào Tăng đoàn. Trước đây do nhục mạ một Trưởng lão đã chứng A-la-hán với bốn điều, Jambuka bị đọa địa ngục A-tỳ, đau khổ cùng tột, cho đến khi đại địa nâng cao một dặm ba phần tư. Nhưng quả báo của hành vi xấu ác chưa hết nên phải sống tủi nhục suốt năm mươi lăm năm. Bây giờ quả báo ác chấm dứt thì phước báo do công phu thiền định suốt hai mươi ngàn năm phục hồi, do đó Phật đã dang tay về phía Jambuka nói: - Hãy đến, Tỳ-kheo! Hãy sống đời phạm hạnh! Ngay đó tánh tướng một cư sĩ biến mất, ông đường đường là một Trưởng lão sau mươi tuổi, đầy đủ tám món cần dùng. Ngày đó dân chúng hai nước Anga và Magadha đến cúng dường Trưởng lão Jambuka nhiều phẩm vật. Thấy Thế Tôn họ so sánh với Jambuka, và thắc mắc không biết ai lớn hơn. Phật đoán biết ý nghĩ của họ liền bảo Jambuka giải nghĩa giùm. Trưởng lão thưa: - Bạch Thế Tôn! Đây là việc con cần làm nhất. Lập tức ông nhập Tứ thiền rồi xuất. Bay trên không cao bằng một cây thốt nốt, ông la lên: - Bạch Thế Tôn, đấng Vô Thượng là Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài. Rồi ông xuống đất đảnh lễ Thế Tôn, xong lại bay lên cao bằng hai cây thốt nốt, bằng ba cây, cho đến bảy cây thốt nốt, xác nhận mình là đệ tử của Thế Tôn rồi đáp xuống. Đám đông thấy thế hết sức ca ngợi thần lực của chư Phật. Thế Tôn bảo họ rằng:

- Hàng chục năm ẩn sĩ này đã sống ở đây, để trên đầu lưỡi mút ngọn cỏ Kusa với thức ăn do các người mang đến, bảo rằng mình đã làm tròn bổn phận một ẩn sĩ khổ hạnh. Nhưng dù cho bây giờ ông kiêng ăn để tỏ lòng ăn năn hối hận, công phu khổ hạnh này không bằng một phần mười sáu ý tưởng đáng khen đã thúc đẩy ông ăn kiêng. Vài Ngài đọc Pháp Cú: (70) Tháng tháng với ngọn cỏ, Người ngu có ăn uống, Không bằng phần mười sáu, Người hiểu pháp hữu vi. 12. Quỷ Rắn Và Quỷ Quạ Nghiệp ác đã được làm.. Thế Tôn dạy câu trên tại Trúc Lâm về chuyện một quỷ rắn. Một ngày nọ, giữa hàng ngàn ẩn sĩ bện tóc, Tôn giả Trưởng lão Lakkhana và Tôn giả Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên từ đỉnh núi Linh Thứu xuống thành Vương Xá định khất thực. Thấy một con quỷ rắn, Trưởng lão Mục-kiền-liên mỉm cười. Trưởng lão Lakkhana ngạc nhiên hỏi, và được Ngài đáp chờ đến trước Thế Tôn sẽ trả lời. Đến lúc đó Ngài mới cho biết là thấy một con quỷ rắn, đầu giống đầu người, khúc dưới giống rắn, nên gọi là quỷ rắn. Thân nó dài hai mươi lăm dặm. Lửa bốc từ đầu đến đuôi, từ đuôi đến đầu. Lửa từ đầu đốt hai bên thân, lửa từ hai bên thân đốt cả người. Người ta nói có hai con quỷ thân dài hai mươi lăm dặm, còn các quỷ khác thân chỉ dài ba phần tư dặm. Hai con quỷ này Tôn giả Mục-kiền-liên đều thấy. Một lần khác, Ngài Mục-kiền-liên thấy con quỷ quạ chịu khổ sở trên đỉnh ngọn Linh Thứu, Ngài hỏi hành động quá khứ của nó: Lưỡi mi dài năm dặm, Đầu chín, thân hai lăm. Mi đã làm những gì, Để chịu khổ dường ấy? Quỷ đáp: Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôi luôn luôn chực sẵn, Trong thời Phật-Ca-diếp, Đoạt thức ăn chúng Tăng. Chuyện quá khứ A. Con Quỷ Quạ Thưa Tôn giả, thời Phật-Ca-diếp, dân làng thấy một nhóm Tỳ-kheo vào làng khất thực, đón tiếp ân cần, dâng chỗ ngồi trong nhà nghỉ, cúng cháo, thức ăn cứng, rửa chân và xức dầu cho các Tỳ-kheo. Trong khi chờ đến giờ sớt bát, họ ngồi nghe pháp. Hết thời pháp, họ sớt nhiều thức ăn ngon từ nhiều nhà đem đến, trao lại cho chúng Tăng.

Lúc đó, tôi là một con quạ đậu trên đòn dông nhà nghỉ, thấy thế, tôi ngậm ba miếng thức ăn trong bình bát của một dân làng và ăn hết. Thức ăn đó không thuộc về chúng Tăng, không cúng và trao đến chúng Tăng, chỉ đơn thuần là phần chúng Tăng ăn còn dư mà dân làng mang về nhà để ăn. Đó là tội lỗi của tôi ở kiếp trước. Quả báo là khi mạng chung tôi bị đọa vào địa ngục A-tỳ, và sau đó vì quả báo chưa hết, tôi tái sanh lên đỉnh Linh Thứu làm quỷ quạ. (Hết Chuyện Quỷ Quạ) Trưởng lão lặp lại: - Tôi mỉm cười vì thấy con quỷ rắn. Đức Phật liền rời tòa đứng lên xác nhận lời của Trưởng lão Mục-kiền-liên là đúng. Chính Phật cũng gặp con quỷ ấy vào ngày Thành Đạo, nhưng vì lòng từ bi đối với người khác, Phật không nói ra bởi lẽ không tin lời Phật họ sẽ bị bất lợi. Các Tỳ-kheo nghe thế, xin Phật kể lại chuyện của quỷ ở kiếp trước. Chuyện quá khứ B. Quỷ Rắn Xa xưa, dân chúng dựng một lều cỏ bên bờ sông Ba-la-nại cho vị Phật Độc Giác. Ngài thường vào thành khất thực, và dân trong thành thì sáng và chiều mang hương hoa đến hầu Ngài. Họ hay giẫm lên đám ruộng của một nông dân. Anh ta cố ngăn cản họ, nhiều lần không được, và nghĩ rằng chỉ tại vì có lều của Phật Độc Giác, nên anh ta đập bể vò đựng thức ăn, nước uống, xong nổi lửa đốt lều cỏ, khi Ngài đã vào thành khất thực. Trở về thấy lều ra tro, Ngài ra đi tùy thích. Dân trong thành mang hương hoa đến cúng như thường lệ, thấy lều đã cháy, thắc mắc không biết tôn sư của họ đi đâu. Anh nông dân, cũng đứng trong đám đông, thú nhận là mình đã đốt lều cỏ. Đám đông la lên bắt anh ta. Tất cả chỉ vì tên ác ôn này mà họ mất đi đặc ân được gặp một vị Phật Độc Giác. Do đó họ lấy gậy đánh đập anh, lượm đá ném anh đến chết và anh bị đọa vào địa ngục A tỳ. Đến khi đại địa nâng cao một dặm, anh ra khỏi ngục, nhưng vì ác báo chưa hết, anh sanh làm quỷ rắn ở đỉnh Linh Thứu. (Hết Chuyện Quỷ Rắn) Từ chuyện đó, Thế Tôn dạy: - Này các Tỳ-kheo, hành động xấu ác giống như sữa. Sữa không thể đông ngay khi vừa mới chảy ra, thì hành động xấu ác cũng không thể chín muồi ngay lập tức. Nhưng một khi đã chín muồi thì khổ đau như thế đấy. Và Ngài đọc Pháp Cú: (71) Nghiệp ác đã được làm, Như sữa, không đông ngay, Cháy ngầm theo kẻ ngu, Như lửa tro che đậy. 13. Quỷ Búa Tạ Tự nó chịu bất hạnh...

Nhân chuyện quỷ búa tạ, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm. Giống như truyện trước, Trưởng lão Mục-kiền-liên, từ đỉnh núi Linh Thứu xuống, sau khi đã đến chào Thế Tôn và cung kính ngồi một bên, mới cho Trưởng lão Lakkhana biết tại sao Ngài mỉm cười: - Này huynh, tôi thấy một con quỷ cao ba phần tư dặm. Có sáu mươi ngàn búa tạ cháy đỏ nóng rực vung lên và giáng xuống liên tục trên đỉnh đầu nó. Chặt xong đầu này thì mọc đầu khác. Tôi mỉm cười vì trong kiếp này chưa hề thấy một chúng sanh như thế. Trong Petavatthu có một bài kệ, cùng với các bài kệ khác, nói về con quỷ này: Sáu mươi ngàn búa tạ, Khắp mọi phương mọi nơi, Nhắm ngay đầu ngươi chặt, Lìa cổ, đầu liền rơi. Thế Tôn nghe chuyện, bảo: - Các Tỳ-kheo! Ta cũng thấy chúng sanh đó khi ngồi trên tòa Chánh Giác, nhưng vì lòng từ bi đối với người khác, Ta không nói ra, bởi lẽ không tin lời Ta họ sẽ bị bất lợi. Các Tỳ-kheo nghe thế, xin Phật kể chuyện làm của quỷ ở kiếp trước. Chuyện quá khứ Người Ném Đá Và Đệ Tử Ngày xưa, có một người què thạo nghề ném đá sống ở Ba-la-nại. Ông thường ngồi trước cổng thành dưới gốc cây đa, ném đá vào lá cây cắt thành nhiều hình ngộ nghĩnh. Trẻ con trong thành thích ông làm cho chúng voi, ngựa. Bù lại chúng thưởng cho ông thức ăn cứng và mềm. Một

hôm nhà vua đi đến vườn giải trí, ngang qua cây đa. Bọn trẻ bỏ chạy hết, để một mình ông què giữa đám chồi cây. Vua dừng chân lúc mặt trời đứng bóng và bước đi giữa đám rễ cây, mình vua phủ đầy bóng râm từng lằn sọc dọc sọc ngang. Vua ngạc nhiên, nhìn lên, thấy lá cây đa bị cắt theo hình voi, ngựa. Được biết đó là công trình của ông què, vua gọi ông đến bảo: - Ta có một viên Tư tế ba hoa quá chừng. Chuyện không có gì hắn cũng bô lô ba la thật mệt. Ngươi có thể ném một hũ phân dê vào mồm hắn không? Ông què thưa: - Tôi làm được, đại vương! Xin cho phân dê, còn đại vương thì ngồi trước màn với ông Tư tế. Tôi ngồi sau và biết phải làm thế nào. Nhà vua làm theo ý ông: dùng mũi dao khoét lỗ trên bức màn, và bất cứ lúc nào vị Tư tế mở miệng, ông đều ném vào một viên phân dê xuyên qua lỗ khoét. Hết hũ phân dê, ông què lay màn ra hiệu cho vua. Vị Tư tế Bà-la-môn được vua khuyến cáo là đã nuốt hết nguyên hũ phân dê, nên từ đó về sau không dám mở miệng nói với vua. Nhờ tài khéo mà ông què được vua ban cho tám món quà và bốn ngôi làng to đẹp ở Đông, Tây, Nam, Bắc thành. Quan đại thần của vua, cố vấn về triều chính và thần thánh cho vua, biết được bèn làm kệ: Khéo léo, tuyệt diệu thật!

Nhưng tốt hay là xấu, Hãy xem, người què ném Được làng ở bốn bên. Quan đại thần lúc đó chính là Thế Tôn. Thấy người què thành công và thịnh vượng như thế, một tên kia đến xin học nghề. Ban đầu ông què từ chối. Tên kia vẫn quyết tâm theo đuổi, nên chịu khó lau rửa chân tay cho người què thời gian lâu để lấy lòng. Quả vậy, người què truyền nghề cho hắn. Dạy xong ông hỏi hắn định làm gì. Hắn thành thật cho biết sẽ đánh một con bò hay một người nào đó rồi giết đi. Ông què lưu ý hắn về tiền phạt, một trăm tiền đối với con bò và một ngàn tiền đối với mạng người. Và ông khuyên hắn nên tìm ai không có cha mẹ để khỏi nộp phạt. Hắn vâng lời, lên đường với túm đá trong nếp áo. Thấy một con bò cái, biết là nó có chồng nên hắn không bắn. Thấy một người, hiểu anh ta có cha mẹ nên cũng bỏ qua. Rồi hắn gặp một vị Phật Độc Giác tên Sunetta đang đi vào thành khất thực và biết rằng người này không cha không mẹ, hắn thử tài khéo của mình bằng cách bắn vào tai của vị Phật Độc Giác. Hòn đá xuyên qua tai trái khiến Ngài đau nhức không thể đi khất thực tiếp tục. Do đó Ngài bay lên trời trở về lều cỏ gần thành và nhập Niết-bàn. Dân làng không thấy Ngài liền đến lều cỏ và than khóc trước nhục thân của Ngài. Tên ném đá cũng nhập bọn với dân làng, thấy thế liền thú nhận là chính mình đã bắn Ngài. Dân làng hô lên bắt tên ác nhân và đánh hắn chết ngay tại đó. Hắn bị đọa vào địa ngục A tỳ cho đến khi đại đia dâng cao một dặm. Vì nghiệp xấu ác chưa hết nên sau đó hắn tái sanh làm quỷ búa tạ trên đỉnh Linh Thứu. Thế Tôn kể chuyện xong liền dạy: - Này các Tỳ-kheo! Nếu một người ngu có tài khéo hay quyền lực sẽ rất tai hại, vì chính hắn làm khổ hắn. Và Phật đọc Pháp Cú: (72) Tự nó chịu bất hạnh, Khi danh đền kẻ ngu. Vận may bị tổn hại, Đầu nó bị nát tan. 14. Citta Và Sudhamma Ưa danh không tương xứng... Ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến Trưởng lão Sudhamma. Truyện bắt đầu từ Macchikàsanda và kết thúc tại Xá-vệ. Trưởng giả Citta ở thành Macchikàsanda, hài lòng vì cung cách của Trưởng lão Mahànàma trong nhóm năm vị Tỳ-kheo đang đi khất thực, nên nhận bình bát và mời Ngài vào nhà dâng cúng thức ăn. Cuối bữa ăn ông nghe pháp và chứng quả Dự lưu. Có niềm tin vững chắc, ông xối nước vào tay phải của vị Trưởng lão, dâng cúng cả khu rừng Ambatàka với

vườn giải trí trong đó, làm tinh xá cho Tăng đoàn. Ngay khi ông nói "Giáo

đoàn của Phật được thành lập vững chắc", đại địa chấn động đến mé biển. Sau đó tinh xá mới được xây dựng thật nguy nga, mở rộng cửa đón tiếp các Tỳ-kheo từ bốn phương. Hai Đại đệ tử của Phật nghe đồn đức tính của Citta nên đến Macchikàsanda để tỏ lòng quý trọng ông. Citta nghe tin liền đi nửa dặm đường chào đón, đưa hai Ngài về tinh xá, mời vào, làm tròn bổn phận với khách, và xin vị "Thống soái của niềm tin" cho ông nghe pháp. Tuy hành trình mệt nhọc, Ngài cũng nhận thuyết bài kinh ngắn, và Citta chứng Nhị quả. Ông đảnh lễ hai vị Đại đệ tử và mời ngày hôm sau đến nhà thọ thực với một ngàn Tỳ-kheo đi theo. Xong ông đến mời vị tăng thường trú tại Macchikàsanda là Trưởng lão Sudhamma. Bất bình vì bị mời sau, Trưởng lão từ chối dù Citta cố nài nỉ. Sáng sớm hôm sau, trong lúc gia chủ Citta chuẩn bị phẩm vật tốt lành thì Trưởng Lão cũng khoát y ôm bát đến, không phải làm thực khách mà để xem gia chủ cúng dường ra sao. Dù gia chủ hết lòng mời ngồi, Trưởng lão vẫn đứng yên, bảo sắp sửa đi khất thực. Quan sát hết phẩm vật chuẩn bị cho hai Đại đệ tử, Trưởng lão tìm cách quấy rối gia chủ, nói rằng: - Này gia chủ, món ăn của ông tuyệt diệu đấy, nhưng còn thiếu một món. - Món gì, thưa Tôn giả? - Bánh mè! Gia chủ nổi nóng khiển trách khiến Trưởng lão cũng nổi giận: - Đây là chỗ ở của ông, tôi sẽ đi. Ba lần gia chủ cố thuyết phục ông ở lại, nhưng Trưởng lão quyết tâm ra đi, và đến Thế Tôn thuật lại lời lẽ của Citta và của ông. Phật bảo: - Ông là người thấp hèn, đã lăng mạ một thiện tín. Thế Tôn chỉ quy lỗi về phía Trưởng lão và bắt ông đến gia chủ xin lỗi. Ông vâng lời, trở lại nhà gia chủ xin lỗi, nhung gia chủ không chịu tha thứ. Bất mãn vì thất bại, Trưởng lão trở về chỗ Thế Tôn. Phật biết rằng thế nào gia chủ cũng tha thứ, nhưng vì hiểu tính Trưởng lão rất bướng bỉnh và kiêu căng, nên Ngài không nói ra, cứ để ông đi ba mươi dặm mà xin lỗi. Trưởng lão trở về, lòng kiêu căng giảm xuống. Rồi Phật mới cho một Tỳ-kheo cùng đi xin lỗi gia chủ, dạy rằng: - Người tu không nên nhượng bộ tính kiêu căng và tật xấu của mình, khi cho rằng "Chỗ ở này của ta, tu viện này của ta, cư sĩ nam này của ta, cư sĩ nữ này của ta". Nếu nghĩ thế, tật xấu, tính kiêu mạn và tham dục khác sẽ tăng trưởng. Và Phật đọc Pháp Cú: (73) Ưa danh không tương xứng, Muốn ngồi trước Tỳ-kheo, Ưa quyền tại tinh xá, Muốn mọi người lễ kính. (74) "Mong cả hai tăng tục, Nghĩ rằng chính ta làm,

Trong mọi việc lớn nhỏ, Phải theo mệnh lệnh ta". Người ngu nghĩ như vậy, Dục và mạn tăng trưởng. Nghe Phật quở, Trưởng lão Sudhamma cúi lạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng lên, đi nhiễu bên phải, và cùng đi tới vị Tăng đồng hành đến nhà gia chủ. Gia chủ Citta tha thứ cho ông và đến lượt mình xin tha thứ. Trưởng lão miên mật tuân giữ lời khiển trách của Phật, và chỉ trong vài ngày chứng A-la-hán cùng các thần thông. Cư sĩ Citta nghĩ rằng chưa gặp Thế Tôn đã chứng quả Dự lưu, rồi Nhị quả, vì vậy ông muốn đến gặp Thế Tôn. Ông ra lệnh thắng yên cương năm trăm xe bò chất đầy mè, gạo, mật, đường, y phục, ngọa cụ và những phẩm vật khác. Đồng thời nhắn với Tăng chúng. Ni chúng, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, ai muốn gặp Phật hãy đến, sẽ không thiếu thứ chi cho mọi người, dù thức ăn hay bất cứ món gì. Tăng, ni và nam nữ cư sĩ, mỗi nhóm năm trăm người. Họ và đoàn tùy tùng của riêng ông có ba ngàn người tất cả, không ai thiếu nước xúp, gạo hay thứ gì khác suốt cuộc hành trình ba mươi dặm, vì Citta chuẩn bị lương

thực dư giả. Các vị trời biết ông lên đường, đặt tại mỗi dặm đường trạm phục vụ đại chúng, có cháo, thức ăn cứng, nước uống và những nhu cầu khác, không thiếu bất cứ món gì. Đi với tốc độ một dặm một ngày, được chư thiên phục vụ, Citta và đoàn đến Xá-vệ trong một tháng. Với năm trăm xe bò đầy ắp như đã kể, chư thiên và người đều mang quà tặng đến, và ông chia sẻ. Thế Tôn biết trước nên bảo A-nan: - A-nan, khi bóng chiều ngã xuống, Trưởng giả Citta sẽ đến với năm trăm xe bò và đảnh lễ Ta. - Bạch Thế Tôn, có phép mầu nào xảy ra không? - Hoa trời sẽ rơi xuống như mưa, liên tục cho đến khi phủ ngập đến gối một vùng đất rộng tám karìsas. Dân chúng trong thành truyền miệng nhau tin này. Họ dành chỗ đứng ở hai bên đường để không mất đặt ân được thấy công đức của Citta. Gần đến tinh xá, năm trăm Tỳ-kheo, đi trước dẫn đường. Riêng các nữ cư sĩ tiếng tăm được Trưởng giả mới đi phía sau, còn ông với năm trăm cư sĩ nam đi trước. Trưởng giả Citta đi vào con đường của chư Phật, nhìn nơi nào thì nơi đó rúng động. Dân chúng xì xào chắc đó là Trưởng giả Citta. Ông lọt vào vùng hào quang sáu màu của Phật, đến gần, gieo mình xuống sát mắt cá chân Phật và đảnh lễ Ngài. Ngay lúc đó, một trận mưa hoa rơi xuống đúng theo dự đoán của Thế Tôn, giữa muôn ngàn tiếng hoan hô vang dội. Citta ở lại với Thế Tôn một tháng. Ông dâng chỗ ngồi cho Tăng chúng trong tinh xá và nhiều tặng phẩm, lo chỗ ở và chăm sóc những vị đã cùng đi với ông. Không có một ngày nào ông đụng đến những thứ trong xe bò của mình, vì mọi thứ cúng dường đều lấy từ quà của trời, người mang đến. Cuối cùng ông phải thưa chuyện với Thế Tôn làm sao trút hết tặng phẩm trong xe bò ra để ông trở về nhà lấy phẩm vật của mình dâng cúng.

Phật bảo A-nan dọn chỗ trống giao cho ông. Thế là ông hớn hở trở về nhà với năm trăm xe bò không, cùng ba ngàn người đi theo, trời người đứng lên đồng thanh cất tiếng: - Tôn ông lại lên đường với xe không! Nhưng dứt câu họ liền chất đầy bảy báu lên xe. Như vậy khi Citta trở về, ông lo cho mọi người cũng chỉ với tặng phẩm trời người dành cho ông. Trưởng lão A-nan thắc mắc hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Citta đi suốt một tháng trường từ nhà đến tinh xá, ở lại tinh xá một tháng, trong thời gian đó mọi thời cúng dường chỉ dùng phẩm vật trời người dành cho ông. Nay lên đường về nhà với xe không, trời người lại chất đầy quả, và ông lo cho mọi người cũng chỉ với tặng phẩm đó. Như vậy có phải chỉ vì ông đến viếng Thế Tôn mà ông được tôn trọng như thế? Hay bất cứ nơi nào khác cũng thế? Phật đáp: - Này A-nan! Dù đến viếng Ta hay nơi nào khác ông đều nhận được như thế. Vì cư sĩ này đủ niềm tin và giới hạnh, nên ở đâu cũng được quý trọng. Và Ngài nói kệ sau, trong phẩm Tạp Lục: (303) Tín tâm, sống giới hạnh Đủ danh xưng, tài sản, Chỗ nào người ấy đến, Chỗ ấy được cung kính. Chuyện quá khứ A. Việc Làm Của Citta Ở Kiếp Trước. Và Phật kể tiếp: Citta đã từng phát nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara. Trải qua một trăm ngàn kiếp luân hồi giữa trời và người, ông tái sanh làm thợ săn thời đức Phật-Ca-diếp. Một ngày mưa, khi đã lớn khôn, ông đi săn trong rừng với ngọn giáo. Thấy một Tỳ-kheo ngồi trong hang với thượng y kéo trùm đầu, nghĩ rằng Ngài đang hành thiền và cần thức ăn, ông chạy về nhà lấy cơm dâng cúng. Gặp vài Tỳ-kheo khác đang khất thực, ông cũng sớt bát. Trên đường trở lại hang, ông hái thêm nhiều loại hoa chất vào giỏ mang đến vị Tỳ-kheo đang ngồi, thưa: - Bạch Tôn giả! Xin ban ơn cho con! Ông lấy bình bát, sớt đầy thức ăn rồi đặt vào tay

Ngài, xong dâng hoa lễ kính và phát nguyện: - Với thức ăn chọn lọc và hoa thơm này, lòng con rất đỗi vui mừng. Xin cho con cũng được vui mừng như vậy bất cứ chỗ nào tái sanh sau này, với nhiều quà tặng và mưa năm thứ hoa trên đầu. Ông đã làm nhiều việc công đức trong đời, sau khi chết sanh lên cõi trời, chỗ của ông hoa trời mưa xuống ngập đỉnh gối. Kiếp hiện tại, ngày ông sanh ra và ngày ông đến đây, mưa hoa rơi xuống ông với nhiều tặng phẩm, bảy báu thì chất đầy xe. Đó là do phước báo việc làm trong tiền kiếp.

15. Sa Di Bảy Tuổi Được Lòng Mọi Người Khác thay duyên thế lợi ... Thế Tôn đã dạy như thế ở Kỳ Viên do chuyện Trưởng lão Vanavàsi Tissa. Chuyện quá khứ A. Bà-La-Môn Nghèo Chuyện bắt đầu tại Vương Xá, nơi sinh sống của Bà-la-môn Mahàsena, bạn của Bà-la-môn Vangata (cha của Ngài Xá-lợi-phất). Trưởng lão Xá-lợi-phất một hôm đi khất thực, thương hại Mahàsena nên dừng chân trước cửa nhà ông. Ông biết Ngài đến khất thực, nhưng vì nghèo túng, không có gì để cho, ông lánh mặt. Ngày khác, Trưởng lão lại đến, ông cũng trốn, chỉ mong có được món chi cúng cho Ngài. Chẳng bao lâu ông được toại nguyện. Số là, trong một buổi tụng đọc, ông nhận được một bát cháo và một mảnh vải nhỏ. Nhớ đến Trưởng lão, ông muốn cúng cho Ngài. Trưởng lão đang thiền định, xả thiền và thấy Bà-la-môn, bèn khoác y ôm bát, đến nhà thì thấy ông đang đứng đó. Ông Bà-la-môn hài lòng, tiến đến đảnh lễ, chào mừng thân mật, mời vào trong nhà rồi lấy bát cháo của mình trút vào bát của Trưởng lão. Ngài chỉ nhận phân nửa cháo và lấy tay che bát lại. Nhưng ông khẩn khoản: - Tôn giả! Đây là một chút cháo, hãy ban cho tôi phước lại đời sau chớ không phải đời này. Tôi muốn cúng hết, không chừa lại. Trưởng lão nhận hết cháo, ăn ngay tại chỗ. Đợi Ngài dùng xong, Bà-la-môn dâng miếng vải nói: - Tôn giả! Tôi cũng xin đạt được chân pháp như Ngài. Trưởng lão hứa khả: - Sẽ được vậy, Bà-la-môn! Rồi Ngài đứng lên, trở về Kỳ Viên. Trường hợp người Bà-la-môn đúng y như câu "Cúng dường dù đang nghèo túng đều làm tâm người an vui vượt bậc". Sau đó ông cảm thấy rất đỗi hoan hỷ, đầy ân tình với Trưởng lão. Chuyện hiện tại B. Sa-Di Tissa Chỉ vì cảm tình với Trưởng lão, chết đi ông Bà-la-môn đầu thai vào bụng vợ một thí chủ của Trưởng lão sống ở Xá-vệ. Ngày khi biết mình mang thai, bà vợ cho chồng biết, và được săn sóc chu đáo, tránh những thức ăn quá nóng, quá lạnh hay quá chua. Bà ước được mời đến nhà năm trăm Tỳ-kheo do Trưởng lão Xá-lợi-phất dẫn đầu, dâng chỗ ngồi, cúng cháo sữa và cơm liên tục; ngoài ra chính bà sẽ được khoác y vàng, ôm bát vàng, ngồi vòng ngoài hội chúng, và được chia ăn phần cơm dư thừa của số đông Tỳ- kheo như thế. (Đó là dấu hiệu con bà sinh ra sẽ thành Tỳ-kheo trong Tăng đoàn dưới sự lãnh đạo của Phật).

Bà được như ý. Sau mười tháng bà sinh một bé trai. Trước và sau khi sanh, thỉnh thoảng bà lại chiêu đãi năm trăm Tỳ-kheo do ngài Xá-lợi-phất dẫn đầu với cháo mật, sữa và cơm. (Có lẽ vì kiếp trước đứa bé là Bà-la-môn cúng dường cháo). Buổi chiêu đãi vào ngày sanh nhật đứa bé, gia đình mặc cho nó y phục đẹp đẽ sau khi tắm nó từ sáng sớm, đặt nó vào giường thật lộng lẫy và đắp lên mình chiếc mền trị giá một trăm ngàn đồng. Thấy Trưởng lão, đứa bé bảo là thầy mình, nhờ thầy mà được vinh dự như thế này. Và khi người ta ẵm nó lên đi thọ giới, nó lôi theo chiếc mền, ý muốn dâng cúng Trưởng lão. Mọi người không hiểu, kéo tay nó ra, nó khóc thét, họ đành để yên. Khi cúi

lạy Trưởng lão nó mới chịu buông tay cho mền rớt xuống chân Ngài. Gia đình hiểu ý thưa: - Tôn giả! Xin nhận quà dâng của đứa bé và truyền giới cho tôi tớ Ngài, kẻ đã lễ kính Ngài với chiếc mền đáng giá một trăm ngàn đồng. Trưởng lão hỏi: - Đứa bé tên gì? - Xin lấy phần sau tên của Ngài. - Vậy nó tên Tissa. Upatissa chính là tên của Trưởng lão thuở xưa còn ở nhà. Mẹ cậu bé quyết định không xen vào ước nguyện của con. Vào những ngày lễ tiếp theo, như ngày chia phần ăn, xỏ lỗ tai, nhận y phục và cạo tóc, mẹ cậu vẫn tiếp tục chiêu đãi năm trăm Tỳ-kheo do Xá-lợi-phất cầm đầu, với cháo mật, sữa và gạo. Được bảy tuổi, cậu bé bảo mẹ muốn đi tu với Trưởng lão. Bà mẹ hoan hỷ, mời Ngài đến nhà thưa ý định của cậu bé và xin phép dẫn cậu bé đến tinh xá chiều hôm đó. Và bà đã đến tinh xá với nhiều phẩm vật dâng cúng, rồi giao con trai cho Trưởng lão. Ngài dạy câu: - Tissa, đời tu sĩ là một đời gian nan, muốn ấm thì bị lạnh, muốn mát thì bị nóng, ai đi tu cũng phải nhọc nhằn, còn con thì mảnh khảnh. - Bạch Tôn giả! Con có thể làm bất cứ việc gì Ngài sai bảo. - Tốt lắm! Ngài dạy cậu thiền quán về năm yếu tố đầu của thân, chú tâm vào sự bất tịnh của thân, và cho cậu xuất gia. (Nguyên pháp thiền quán gồm sự tự học thuộc ba mươi hai yếu tố của thân, ai không thuộc nổi thì học năm yếu tố đầu. Chư Phật hành trì đủ pháp quán không thay đổi, nhưng có rất nhiều Tỳ-kheo, ni và cư sĩ nam, cư sĩ nữ đã chứng A-la-hán khi chỉ thiền quán về tóc và các phần tử khác. Những Tỳ-kheo chưa có kinh nghiệm thường làm cho các vị thú hướng A-la-hán không đắc được quả vị A-la-hán. Vì lý do đó Trưởng lão chỉ dạy cậu bé một phần của pháp thiền quán trước khi thu nhận vào tăng đoàn, và sau đó truyền mười giới cho cậu). Để mừng con được kết nạp vào Tăng đoàn, cha mẹ Tissa ở lại tinh xá bảy ngày và dâng cúng tăng chúng chỉ cháo mật, sữa và gạo, không món nào khác. Các Tỳ-kheo xầm

xì không thể nào ăn hoài mỗi thứ cháo mật, sữa và gạo. Chiều thứ bảy cha mẹ Tissa ra về, và ngày thứ tám cậu tân Sa-di đi theo các Tỳ-kheo khất thực. Dân trong thành Xá-vệ biết tin, chờ Sa-di để dâng cúng. Họ lấy năm trăm miếng vải may nệm lót bát và sớt năm trăm bát cúng dường khi gặp Sa-di trên đường. Ngày hôm sau họ đến khuôn viên tinh xá cũng cúng dường giống như thế. Vậy là Sa-di nhận một ngàn bình bát với nệm lót, chú dâng tất cả lên Tăng chúng. (Đây là phước báo do kiếp trước chú Bà-la-môn cúng mảnh vải). Vì vậy các Tỳ-kheo gọi chú là Pindapàtadàyaka Tissa, tức thí chủ của Tissa. Lại một hôm, trời lạnh, chú đi quanh tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang sưởi ấm chỗ này, chỗ nọ, cả trong phòng giữ lửa. Chú ngạc nhiên hỏi thăm sao không quấn mền mà phải sưởi như thế. Các Tỳ-kheo cho biết Tissa nhiều công đức có thể kiếm ra mền, còn họ thì không. Chú bèn cho loan tin khắp tinh xá ai cần mền thì đi theo chú để nhận, cũng chẳng cần suy nghĩ lấy mền ở đâu ra cho các Tỳ-kheo. Một ngàn vị đã theo chú đi từng nhà ngoại thành, và nhận được năm trăm mền. Vào thành người ta mang mền vải cho chú từ bốn phía. Một chủ tiệm có năm trăm mền trải trước mặt, một người đi ngang thấy bèn khuyên ông giấu đi. Chủ tiệm hỏi kỹ lại: - Chú Sa-di nhận mền ra sao? Như quà tặng hay thế nào? - Như quà tặng. - Nếu thế thì tôi muốn cho thì cho, còn không thì thôi. Anh đi đi. Người kia đi rồi, chủ tiệm vẫn không hết băn khoăn: "Có của để ngay tầm mắt người, nếu không cho cũng đáng hổ thẹn, nhưng nếu cất đi chắc cũng không bị trách móc. Trong năm trăm mền này có hai cái trị giá một trăm ngàn đồng

đáng cho ta giấu cất". Thế là chủ tiệm xếp giấu cất. Chú Sa-di dẫn một ngàn Tỳ-kheo đến ngay tiệm. Ông chủ thấy chú sanh lòng quý mến, thầm nhủ "Ta cho cả trái tim ta còn được, huống hồ mấy cái mền". Thế là ông lôi luôn hai cái mền tốt để hết dưới chân chú, đảnh lễ và thưa: - Tôn giả! Xin cho tôi được chia phần chân pháp mà Ngài đã thấy. Sa-di Tissa hứa khả cho ông. Vậy là chú nhận tất cả một ngàn chiếc mền và giao hết cho Tăng đoàn. Do đó các Tỳ-kheo gọi chú là Kambaladàyaka Tissa, người tặng mền. (Ngày đặt tên, chú bé tặng Trưởng lão một cái mền, lên bảy tuổi thành Sa-di nhận được một ngàn cái. Chỉ có Tăng đoàn của Phật mới từ một món cúng dường nhỏ đưa đến quả phúc lớn như thế). Ở Kỳ Viên họ hàng của Tissa thường đến thăm hỏi. Chú thấy mình khó tu, nên đảnh lễ Thế Tôn xin đề tài thiền quán, rồi lấy y bát rời tinh xá, đi xa khoảng hai mươi dặm. Dọc đường Tissa gặp một ông lão tại cổng làng, nhờ ông chỉ đường, chú đến trú tại một tu viện dành cho tăng sĩ ẩn cư trong rừng. Ông lão, vì mến mộ chú, dặn ngày mai vào làng khất thực, rồi quay về báo cho dân làng biết, họ gọi chú là Vanavàsika Tissa, tức người ở rừng. Tissa vào làng được dân chúng mang phẩm vật tới cúng dường và đảnh lễ,

ai cũng đứng lại mãi ngắm chú không muốn về. Họ cúi lạy dưới chân chú thỉnh cầu ở lại trong ba tháng, họ sẽ quy y Tam bảo, giữ năm giới và thực hành bổn phận Tám ngày chay. Chú nhận lời, chúc họ hạnh phúc và hết phiền não. Chú đều đặn đến đó khất thực, qua hai tháng chú chứng A-la-hán cùng các thần thông. Bây giờ Giới sư của chú là Trưởng lão Xá-lợi-phất sau mùa nhập hạ vừa làm lễ Tự tứ xong, đảnh lễ Thế Tôn và xin đi thăm Tissa. Phật chuẩn y. Tôn giả cho Trưởng lão Mục-kiền-liên hay. Thế là cả hai, mỗi vị dẫn đầu năm trăm Tỳ-kheo cùng lên đường. Tất cả các vị Đại đệ tử khác như Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ưu-ba-li, Phú-lâu-na.., mỗi vị dẫn năm trăm Tỳ-kheo cùng đi theo, tổng cộng tất cả là bốn mươi ngàn Tỳ-kheo. Họ đến ngay ngôi làng đó, hỏi thăm. Một cư sĩ nhìn ra tám mươi vị Đại đệ tử, đầu tiên là vị "Thống soái của niềm tin" là Ngài Xá-lợi-phất. Họ vui mừng bảo nhau mang nào giường, ghế, ngọa cụ, đèn và dầu. Rồi xếp hàng sau các Trưởng lão, họ cùng vào tu viện ẩn cư. Sa-di Tissa nhận ra Tăng đoàn, đỡ lấy y bát của vài vị Đại trưởng lão và làm bổn phận thường lệ với các Ngài. Xếp đặt chỗ cho các Trưởng lão và cất y bát xong thì trời tối. Xá-lợi-phất bảo các cư sĩ về nghỉ. Họ xin được nghe pháp vì từ lâu không nghe. Trưởng lão bảo Tissa thuyết. Họ đồng thanh bảo Tissa không biết nói gì trừ hai câu cầu "Cầu quý vị được hạnh phúc! Cầu quý vị hết phiền não!" Trưởng lão bèn hỏi lại chú: - Sa-di! Làm thế nào người ta có thể được hạnh phúc? Có thể hết phiền não? Hãy giải thích. Chú thưa: - Dạ, vâng! Rồi càm quạt đủ màu, chú lên pháp tòa thuyết giảng nghĩa lý kinh điển từ cạn đến sâu, là con đường đưa đến mức tối cao là quả vị A-la-hán, như cơn mưa rào rơi xuống không ngớt trên bốn châu, giảng rõ ý nghĩa của các bài kinh trong năm bộ A Hàm, và phân tích những thuộc tánh của con người như đức Phật đã trình bày, đó là Năm uẩn, Tứ đại, Căn và Trần. Chú nói tiếp: - Chư Tôn giả! Hành như thế sẽ trở thành A-la-hán được hạnh phúc! Hành như thế sẽ trở thành A-la-hán hết phiền não. Ai không thoát khỏi phiền não sẽ hệ lụy với những thứ khác, đau khổ ở địa ngục và ở chỗ khác. Trưởng lão khen ngợi: - Tốt lắm, Sa-di! Ông đã giải thích kinh điển rất hay, giờ hãy ca ngâm! Sa-di vâng lời. Bình minh hôm sau, các thí chủ của Sa-di chia ra hai nhóm. Kẻ thì chê bai: - Thật chưa thấy

ai xử tệ như ông này. Làm sao mà ông ta thuyết pháp được như thế, khi ở tu viện đây đã lâu như ở với cha mẹ mà chẳng đọc một câu pháp nào cho thính chúng có mặt nơi đây. Người thì khen tặng:

- Chúng ta quả có phước, tuy chưa biết phân biệt giữa thiện và ác, nhưng biết phục vụ một vị thánh thiện như thế, để bây giờ nghe được pháp từ kim khẩu của Ngài. Thế Tôn quan sát thế gian thấy thí chủ của Trưởng lão Vanavàsì Tissa chia thành hai nhóm bực bội và hoan hỷ như thế, người bực bội sẽ bị đọa địa ngục, nên Ngài muốn đến đó để họ hòa thuận với đệ tử của Phật, và như thế sẽ thoát khỏi phiền não. Dân làng trước đó đã dựng một lều, chuẩn bị xúp, gạo.., xếp chỗ ngồi và chờ Tăng chúng nơi Tissa đến khất thực. Đến giờ đi khất thực, chư Tỳ-kheo hỏi Tissa có đi cùng không. Tissa xin đi sau, khi đến giờ thích hợp. Đoàn Tỳ-kheo liền đắp y, mang bát lên đường vào làng. Đức Thế Tôn đắp y tại Kỳ Viên và trong chớp mắt xuất hiện, dẫn đầu trước Tăng chúng. Dân làng mừng rỡ reo lớn khi thấy đức Phật xuất hiện. Họ sung sướng dâng tòa ngồi cho Tăng chúng với Phật ngồi ở trước và cúng dường xúp với thức ăn cứng. Sa-di vào làng trước khi Phật cùng Tăng đoàn dùng bữa xong. Họ cung kính dâng thức ăn. Sa-di lấy đủ phần cần dùng rồi đến Thế Tôn dâng bình bát, Phật nhận bình bát đưa qua Trưởng lão Xá-lợi- phất, bảo: - Hãy xem, Xá-lợi-phất, đây là bình bát của Sa-di ông. Trưởng lão nhận bình bát, trao trả Sa-di bảo: - Hãy ngồi vào chỗ thường lệ và thọ thực đi! Dân làng hầu hạ Phật với Tăng chúng xong, Phật hồi hướng theo lời họ thỉnh cầu: - Phước may cho các ngươi, vì Sa-di đến nhà mà các ngươi được đặc ân gặp Xá- lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp.. tám mươi Đại đệ tử. Cũng chỉ vì Sa-di này mà Ta đến đây. Các ngươi thật đại phước đã trông thấy Phật! Dân làng cũng nhận thấy họ thật may mắn được hân hạnh thấy một Sa-di được chư Phật và chúng Tăng chiếu cố đến thế, được cúng dường vị Sa-di ấy như thế. Do đó, những người trước đây bực bội liền sanh tâm hoan hỷ, những người đã hoan hỷ thì càng hoan hỷ hơn. Cuối lời hồi hướng nhiều người chứng quả Dự lưu, Nhị quả và Tam quả. Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng lên, ra về. Dân làng tiễn Phật một đoạn đường. Dọc đường, đi bên cạnh Sa-di, Thế Tôn hỏi tên những nơi trước đây ông già cư sĩ chỉ cho chú. Sau cùng, mọi người đến chỗ chú đã ở. Phật leo lên đỉnh một ngọn núi và nhìn thấy đại dương, liền hỏi chú: - Tissa! Khi chú đứng trên đỉnh núi và nhìn theo hướng này, chú thấy gì? - Bạch Thế Tôn, con thấy đại dương. - Chú nghĩ gì khi nhìn đại dương? - Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng, nước mắt con đã khóc vì phiền muộn còn nhiều hơn nước bốn đại dương. - Khéo nói lắm, Tissa! Đúng thế, nước mắt chú đã khóc khi phiền muộn còn nhiều hơn nước bốn đại dương. Nói xong Thế Tôn đọc kệ: Nước bốn biển vẫn còn ít ỏi,

So lệ người muôn thuở đổ tuôn, Vì buồn rầu, đau khổ điên cuồng, Sao thế bạn, buông lung chi mãi? Và Ngài hỏi tiếp: - Tissa, chú ở đâu? - Trong hang núi này, bạch Thế Tôn. - Chú nghĩ gì khi ở đây? - Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, không biết bao nhiêu lần con đã chết và xác nằm trên đất này. - Hay lắm! Hay lắm! Tissa, đúng vậy. Không có chỗ nào mà không có chúng sanh nằm xuống và chết đi. Rồi Thế Tôn đọc chuyện Bổn Sanh Upasalhaka, trong quyển hai như sau: Mười bốn ngàn xác thiêu ở đây, Của thổ dân Upasàlhakas, Không chỗ nào, không có người chết. Ở đâu có đạo pháp chánh chơn, Thì chúng sanh không bị não hại, Người người tự tri túc, điều phục, Chỗ thánh nhân vui

sống an nhàn, Cõi bất tử, vắng mặt thần chết. (Thường tình ai cũng chết. Vì chỗ nào cũng có người chết, nên không ai chết rồi mà nằm chỗ chưa có người đã chết cả. Chỉ có Trưởng lão A-nan là trường hợp đặc biệt. Khi Ngài được một trăm hai mươi tuổi, quan sát thọ mạng của mình, thấy giờ xả thân sắp đến, Ngài tuyên bố: "Bảy ngày nữa ta sẽ chết". Dân cư hai bờ sông Rohinì, người bờ bên này, kẻ bờ bên kia đều giành bờ của mình cho Trưởng lão tịch. Muốn tránh sự gây gổ giữa hai bên vì mình, Ngài xác nhận dân hai bờ đều là ân nhân của Ngài. Đúng ngày, Ngài ngồi kiết già khoảng giữa sông, cao hơn mặt nước bảy cây thốt nốt, thuyết pháp cho dân hai bên bờ nghe xong bảo họ rằng thân Ngài sẽ tách ra làm hai, một nửa rơi trên bờ này, nửa kia rơi trên bờ kia. Rồi Ngài nhận định trên yếu tố lửa. Lập tức những ngọn lửa từ thân Ngài bùng cháy, tách thân ra làm hai mỗi nửa rơi một bên bờ. Tiếng khóc than của dân chúng như đại địa nứt ra. Họ đau xót còn hơn lúc Phật nhập diệt. Suốt bốn tháng họ than tiếc: "Chừng nào vị từng mang y bát đức Đạo sư hãy còn, ta tưởng chừng như đức Đạo sư cũng còn. Nhưng nay Ngài đã ra đi!"). Phật lại hỏi sa-di tiếp: - Tissa, nghe tiếng cọp beo hay dã thú khác, chú có sợ không? - Con không sợ, bạch Thế Tôn! Trái lại, nghe tiếng dã thú, tình yêu núi rừng trỗi dậy trong con. Và chú đọc sáu mươi bài kệ về rừng.

Thế Tôn sắp đi, hỏi chú muốn đi theo hay quay lại. Chú trả lời tùy theo ý thầy của chú. Ngài Xá-lợi-phất hiểu ý đệ tử, bảo chú hãy ở lại nếu muốn. Sa-di bèn đảnh lễ Thế Tôn, Tăng đoàn và quay gót. Thế Tôn trở về Kỳ Viên. Tại Pháp đường có tiếng bàn tán về Sa-di Tissa, từ khi sanh ra, chiêu đãi cúng dường, đi tu rồi nhận thức ăn, bát với nệm lót, mền. Ở đây nhiều lợi dưỡng, nhưng chú từ bỏ hết, vào rừng, chẳng đem theo bất cứ món ăn nào được mang đến. Tissa thật đã làm một điều khó khăn! Thế Tôn đến, nghe thế bèn dạy: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Có một con đường dẫn đến lợi dưỡng, một con đường dẫn đến Niết-bàn. Có bốn hình phạt mở cửa cho Tỳ-kheo nào sống trong rừng và hành những phạm hạnh khác cốt để được lợi dưỡng. Những Tỳ-kheo nào đi trên đường dẫn đến Niết-bàn, bỏ hết danh tiếng và lợi dưỡng có được, vào rừng phấn đấu, tu tập sẽ chứng quả A-la-hán. Và Phật đọc Pháp Cú: (75) Khác thay duyên thế lợi, Khác thay đường Niết bàn. Tỳ-kheo, đệ tử Phật, Hãy như vậy thắng tri. Chớ ưa thích cung kính, Hãy tu hạnh viễn ly.

PHẨM VI: HIỀN TRÍ 1. Một Người Được Kho Báu Tinh Thần Nếu thấy bậc hiền trí ... Giáo lý này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Ràdha. Trước khi trở thành Sa-môn, Ràdha là một Bà-la-môn nghèo ở Xá-vệ. Quyết định đi tu, anh đến tinh xá, làm đủ các việc: cắt cỏ, quét phòng, xách nước rửa mặt. Các Tỳ- kheo đối xử với anh tử tế, nhưng không chịu nhận anh vào Tăng đoàn. Kết quả là anh ngày càng ốm đi. Một sáng nọ, Thế Tôn quan sát thế gian, thấy người Bà-la-môn có thể chứng quả A-la-hán. Ngài giả vờ dạo quanh tinh xá, đến chỗ Bà-la-môn hỏi: - Bà-la-môn, anh làm gì ở đây? - Bạch Thế Tôn, con làm mọi việc lớn nhỏ cho các Tỳ-kheo. - Anh có được đối xử tử tế không? - Bạch Thế Tôn, có. Con được ăn thức ăn đầy đủ, nhưng quý thầy không cho con xuất gia. Phật liền nhóm họp các Tỳ-kheo hỏi: - Này, các Tỳ-kheo! Có ai nhớ một việc làm nào của Bà-la-môn kia không? Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa: - Bạch Thế Tôn, khi con khất thực ở thành Vương Xá, anh ta cúng cho con một muỗng đầy thức ăn của chính anh ta. Con nhớ rõ nghĩa cử đó. - Này Xá-lợi-phất, một người đã làm một việc như thế, không

xứng đáng thoát khỏi phiền não sao? - Thưa vâng, con sẽ thu nhận anh ta vào Tăng đoàn. Sau khi gia nhập Tăng chúng, anh ta được một chỗ ngồi trong trai đường ở vòng ngoài. Cháo và những thức ăn khác lâu ngày khiến anh cũng phát chán. Trưởng lão Xá-lợi-phất cho anh ta đi khất thực chung, thường xuyên răn nhắc, chỉ giáo: - Con phải làm điều này, không nên làm điều nọ. Vị Tỳ-kheo cung kính tuân theo, hành đúng như lời dạy, đến nỗi chỉ trong ít ngày chứng A-la-hán. Trưởng lão cùng ông đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ và ngồi xuống. Phật đón tiếp thân thiện, hỏi: - Xá-lợi-phất! Đệ tử ông có dễ dạy không? - Vâng, Thế Tôn! Thầy dễ dạy, bất cứ lỗi gì con chỉ, thầy không hề chống trái. - Xá-lợi-phất, nếu ông có đệ tử như Tỳ-kheo này, ông sẽ nhận có bao nhiêu người? - Con sẽ nhận hết, bạch Thế Tôn. Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Trưởng lão Xá-lợi-phất là người có lòng biết ơn. Một Bà-la-môn nghèo chỉ cúng cho ông một muỗng thức ăn, cũng biết ơn và cho xuất gia làm đệ tử. Lại nữa Tôn giả Ràdha, người chịu khó nghe lời răn nhắc, đã có được một vị thầy kiên nhẫn chỉ dạy.

Phật nghe vậy bèn bảo: - Các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Xá-lợi-phất tỏ lòng biết ơn. Trong một tiền kiếp ông ấy đã từng như thế. Và đức Phật kể chuyện bổn sanh Alìnacitta như sau: Alìnacitta, kẻ cường địch phải thảm bại, Alìnacitta bắt sống vua nước Kosala, người bất mãn quân mình. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh tấn, theo hướng dẫn đúng tu hành, Nhờ tu tập phạm hạnh, Niết-bàn đã đạt đến, Khi chín muồi nhân duyên thời tiết, Sẽ cởi tháo hết mọi buộc ràng. Phật bảo tiếp: - Thuở ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất là con voi đơn độc, đã tặng con bạch tượng con cho đám thợ mộc, để đền ơn chữa chân đau. Và Phật nhắc đến Tôn giả Ràdha: - Các Tỳ-kheo! Khi một Tỳ-kheo được chỉ lỗi, vị ấy nên tuân hành giới luật như Ràdha.. Và khi bị khiển trách, không nên bất bình. Lý đáng còn phải xem người khiển trách mình như người chỉ cho kho báu. Rồi Ngài nói Pháp Cú: (76) Nếu thấy bậc hiền trí, Chỉ lỗi và khiển trách, Như chỉ chỗ chôn vàng, Hãy thân cận người trí! Thân cận người như vậy, Chỉ tốt hơn, không xấu. 2. Những Tỳ Kheo Ương Ngạnh Những người hay khuyên dạy ... Thế Tôn dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến các Tỳ-kheo Assajipunabbasuka. Nhưng chuyện bắt đầu từ Kìtàgiri. Các Tỳ-kheo này là học trò hai vị Đại đệ tử, nhưng lại xấu ác và không biết hổ thẹn. Thời gian ở Kìtàgiri, họ trồng và sai người trồng cây cảnh và phạm đủ mọi hạnh xấu. Họ quấy rầy gia đình, đòi các thứ cần dùng. Họ làm cho các Tỳ-kheo đàng hoàng trong tinh xá khó chịu. Nghe được, Thế Tôn quyết định tẩn xuất họ khỏi Tăng đoàn. Ngài cho gọi hai Đại đệ tử đến với đồ chúng bảo: - Hãy tẩn xuất kẻ không vâng lời. Nhưng khuyên răn và dạy dỗ những người biết vâng lời. Người hay khuyên răn và dạy dỗ bị kẻ ít trí ghét bỏ, nhưng được người có trí kính mến. Và Phật đọc Pháp Cú: (77) Những người hay khuyên dạy, Ngăn người khác làm ác,

Được người hiền kính thương, Bị người ác không thích. Hai Đại đệ tử Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên khuyên răn và dạy dỗ các Tỳ-kheo. Một số vâng lời sửa đổi cố tật, một số hoàn tục, còn số khác bị trục xuất khỏi Tăng đoàn. 3. Trưởng Lão Xa-Nặc Chớ thân với bạn ác ... Tại Kỳ Viên, Thế Tôn dạy câu trên vì Trưởng lão Xa-nặc. Có lần Trưởng lão Xa-nặc nhục mạ hai Đại đệ tử: - Từ ngày cùng Thế Tôn đại xả ly, tôi chẳng thấy có ai khác, thế mà nay hai Trưởng lão này lại rêu rao "Ta là Xá-lợi-phất, ta là Mục-kiền-liên, chúng ta là hai Đại đệ tử". Nghe các Tỳ-kheo kể lại lời của Xa-nặc, Thế Tôn cho mời ông

đến khiển trách. Ông im lặng được một hồi, nhưng sau đó tiếp tục chê bai hai Trưởng lão. Thế Tôn lại gọi và khiển trách ông lần thứ hai, lần thứ ba: - Xa-nặc, hai Đại đệ tử là bạn tốt của ông, là bậc thượng nhân. Hãy làm bạn với những người tốt như thế, và chỉ học tập họ. Và Ngài đọc Pháp Cú: (78) Chớ thân với bạn ác, Chớ thân kẻ tiểu nhân, Hãy thân người bạn lành, Hãy thân bậc thượng nhân. Nhưng Trưởng lão Xa-nặc, tuy nghe Phật dạy như thế, vẫn tiếp tục chê bai nhục mạ hai Trưởng lão như trước. Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật và được Ngài dạy như sau: - Các Tỳ-kheo! Bao lâu Ta còn sống, các ông sẽ không dạy nổi Xa-nặc. Tuy nhiên, sau khi Ta nhập diệt, các ông sẽ thành công. Khi Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả A-nan hỏi Phật phải đối xử với Trưởng lão Xa-nặc thế nào? Thế Tôn dạy phải mặc tẩn (Brahmadanda). A-nan đã y lời Thế Tôn, gọi Xa-nặc đến tuyên bố như thế. Ông lo âu buồn bã, cảm thấy thất thế, chớ không lên mặt như ba lần trước. Ông la lên: - Tôn giả, xin đừng hại con! Từ đó ông hết lòng chu toàn bổn phận, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán và các thần thông. 4. Trưởng Lão Đại Kappina Pháp hỷ đem an lạc... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Đại Kappina. Chuyện quá khứ A. Thợ Dệt Và Gai Chủ Xưa kia, Tôn giả Đại Kappina đã phát nguyện dưới chân Phật Padumuttara. Trải qua nhiều kiếp luân hồi, sau cùng Ngài xin làm thợ dệt chánh tại một làng dệt gần Ba-la-

nại. Lúc đó có một ngàn vị Phật Độc Giác đã ở tám tháng trong Hy-mã-lạp-sơn, xuống núi đến vùng lân cận Ba-la-nại để trú qua bốn tháng mưa, và tám vị được phái đến yết kiến vua để xin chỗ ở. Vua đang bận rộn chuẩn bị lễ Hạ Điền, nên trả lời thẳng thừng là không rảnh để lo, hẹn các vị trở lại vào ngày mốt, xong quay lưng về cung, không mời ngay cả một bữa ăn. Các vị bèn quyết định qua làng khác. Tình cờ vợ người thợ dệt chánh đi đến Ba-la-nại, gặp các vị, đảnh lễ và hỏi thăm: - Chư Tôn giả! Có việc gì mà các vị đến phi thời như thế? Khi biết rõ mọi việc, và vốn thông minh, thành tín, bà liền mời các vị thọ trai vào ngày mai. Dù sau đó biết các vị Phật lên đến một ngàn, bà vẫn đoán chắc với các vị là làng này có một ngàn thợ dệt, và mỗi người sẽ lo cho một vị, thực phẩm lẫn chỗ ở. Được các vị hứa khả, bà tức tốc về làng báo tin, rồi cho dựng rạp, sắp chỗ ngồi, chuẩn bị các món ăn thượng vị chờ đón. Cuối bữa ăn, bà cùng tất cả phụ nữ làng đảnh lễ các vị và thưa thỉnh họ ở lại ba tháng. Được nhận lời, bà động viên dân làng, mỗi nhà một người xách búa, rìu, vào rừng đốn cây để dựng lều cỏ và lá. Mỗi nhà dựng một lều, có chỗ ở ban ngày và chỗ nghỉ ban đêm, tất cả một ngàn cái. Và dân làng đã cung ứng đầy đủ mọi nhu cầu của các vị trong ba tháng mưa. Đến ngày cuối, bà thuyết phục mỗi nhà cúng cho vị Phật đã nhập hạ trong lều của mình một bộ y đáng giá một ngàn đồng. Hết mùa an cư, các vị Phật cảm tạ, ra đi. Do công đức này, dân làng dệt tái sanh làm một nhóm chư thiên ở cõi trời ba mươi ba. Hưởng hết phước báo cõi Trời, họ tái sanh làm những gia chủ ở Ba-la-nại dưới thời Phật Ca-diếp. Thợ dệt chánh là con trai một tộc trưởng, vợ anh ta cũng là con gái một tộc trưởng. Các cô lập gia đình với các ông trước kia là chồng mình. Ngày nọ, nghe tin Thế Tôn thuyết pháp, các gia chủ đưa vợ cùng đến tinh xá. Vừa vào cổng thì mưa trút xuống. Những người có họ hàng với Sa-di hay Tỳ-kheo trong tinh xá thì vào thất các vị ấy trú. Còn đám gia chủ này chịu trận vì không có thân nhân. Gia chủ trưởng cằn nhằn với người của mình: - Thật là kỳ cục! Những người đàng hoàng đứng đắn như chúng ta đây lâm vào hoàn cảnh

như thế này, thật đáng xấu hổ!. Và ông khuyên mọi người hùn tiền lại xây một tinh xá cho Phật. Gia chủ trưởng cúng một ngàn đồng, gia chủ khác mỗi người năm trăm, các bà vợ mỗi người hai trăm năm chục. Vì công trình quá qui mô, với một ngàn ngọn tháp bao quanh, nên nửa chừng hụt tiền họ phải đóng thêm một nửa số tiền nữa. Tinh xá hoàn tất, họ làm lễ khánh thành, cúng dường Phật và Tăng chúng suốt bảy ngày và tất cả hai mươi ngàn Tỳ-kheo mỗi vị một bộ y. Riêng vợ của gia chủ trưởng cũng đóng góp như mọi người và với khôn ngoan bà phát tâm cúng dường thêm cho Phật một bộ y màu hoa Anoja trị giá một ngàn đồng với một bó hoa Anoja, bà xin được đẹp và có tên như hoa Anoja ở kiếp sau. Phật hứa khả. Sau khi mạng chung, mọi người đều sanh thiên. Chuyện hiện tại

B. Vua Kappina Và Hoàng Hậu Anoja Từ cõi trời, gia chủ trưởng tái sinh vào hoàng tộc xứ Kukkutavatì, tức vua Kappina. Những người khác đều làm quan trong triều. Vợ của ông thì tái sanh vào hoàng cung xứ Maddà trong thành Sàgala. Nước da bà y như màu hoa Anoja nên có tên là Anoja. Khi đến tuổi thành hôn, bà trở thành vợ vua Kappina, hoàng hậu Anoja. Các phụ nữ khác cũng sanh vào nhà các quan, mọi người đều hưởng vinh hoa phú quý, y như vua, cũng cưỡi voi hoặc ngồi xe ngựa, cũng trang phục lộng lẫy, vì đời trước họ và vua đều cùng làm phước y như nhau. Nhà vua có năm con ngựa: Vàla, Puppha, Vàlavàhana, Pupphavàhana và Supatta. Con Supatta dành cho vua và bốn con kia cho những người đưa tin. Một sáng, vua hạ lệnh cho họ phóng ra bốn cửa thành tìm khắp trong hai, ba dặm xem có Phật, Pháp, Tăng không. Họ trở về không tin tức gì. Ngày kia, vua cùng các cận thần cưỡi ngựa dạo hoa viên, thấy năm trăm thương nhân dáng mệt mỏi đang tiến vào thành. Vua cho vời họ lại hỏi thăm, biết đâu nghe được tin lành. Họ từ thành Xá-vệ đến, cách đây một trăm hai mươi dặm đường, và điều làm cho vua run lên với năm cảm xúc vui mừng là họ báo tin đấng Giác Ngộ, đức Phật đã ra đời. Ngập ngừng một lát, vì không tự chế ngự nổi, vua lắp bắp hỏi lại cho chắc: - Đạo hữu, quý vị nói gì? - Đức Phật đã ra đời. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba vua nghe như thế, và tặng cho họ một trăm ngàn đồng, xong hỏi tiếp còn tin gì nữa không? - Thưa Đại vương, Giáo pháp đã ra đời. Cũng như lần trước, vua ngập ngừng vì không chế ngự được cảm xúc của mình, hỏi lại lần thứ hai, lần thứ ba, rồi cho một trăm ngàn đồng nữa. Và khi được nghe Tăng đoàn đã ra đời, họ lại được vua ban thêm một trăm ngàn đồng nữa. Vua nhìn lại một nghìn cận thần của mình, hỏi: - Đạo hữu, hạnh phúc của quý vị là gì? Họ hỏi lại vua: - Còn hạnh phúc của đại vương là gì? - Phật đã ra đời, Pháp đã ra đời, Tăng đã ra đời. Ta không trở về cung điện nữa, vì Đạo sư, ta sẽ đi tu theo Ngài. Họ đồng thanh thưa: - Tâu đại vương, chúng tôi cũng xuất gia như Ngài. Vua viết thông điệp trên một dĩa vàng, trao cho đám thương nhân và bảo họ: - Hoàng hậu Anoja sẽ cho các ngươi ba trăm ngàn đồng ngay khi nhận thông điệp này "Vương quyền nay giao trọn cho hoàng hậu, hãy an hưởng phú quý vinh hoa". Và nếu hoàng hậu hỏi ta ở đâu thì cho biết ta đã lên đường xuất gia theo Đạo sư. Các cận thần cũng gởi thư về cho vợ tương tự như thế. Và vua tôi hơn một ngàn người ra đi.

Sáng sớm hôm ấy, Phật quán sát thế gian biết rõ sự việc như trên, và còn thấy trước là họ sẽ chứng A-la-hán với các thần thông, nên Ngài đến gặp họ. Giống như một Chuyển Luân thánh vương đến gặp thôn trưởng nhỏ, đức Phật đắp y ôm bát, lên đường đi suốt

hai trăm dặm, đến ngồi bên bờ sông Candabhàgà, dưới một gốc đa và phóng hào quang sáu màu. Trên đường đi, nhà vua và các quan gặp một con sông tên Aravacchà sâu một dặm, rộng hai dặm, không có thuyền bè gì. Nếu cứ đi tìm thuyền bè thì già chết theo sau. Và với quyết tâm từ bỏ thế gian vì Tam Bảo, vua nguyện thần lực của Tam Bảo sẽ cho nước sông không còn là nước nữa. Rồi vua hướng về đức Phật, chú tâm: - Ngài là đấng Giác Ngộ, Thế Tôn, bậc Chánh Biến Tri. Trong khi chú tâm như vậy, vua và các quan trên lưng ngàn ngựa phi trên mặt sông như trên đá phẳng, không bị ướt dù chỉ đầu móng chân. Qua sông rồi, vua tiếp tục gặp con sông khác tên là Nĩlavàhanà, sâu nửa dặm, rộng nửa dặm. Mọi việc diễn ra y như trước, chỉ khác là lần này vua chú tâm vào Pháp Bảo: - Giáo pháp do Thế Tôn thuyết vi diệu thay! Đến con sông thứ ba là Candabhàgà sâu một dặm, rộng một dặm. Lần này vua chú tâm vào Tăng Bảo: - Tăng đoàn của Thế Tôn tối chơn chánh thay! Qua sông rồi vua tiếp tục hành trình thì trông thấy hào quang sáu màu từ thân Phật phóng ra. Cành, thân, lá cây đa đều như bằng vàng. Vua nghĩ rằng ánh sáng này không phải của mặt trời, mặt trăng, rồng, thần Garuda (Kim xí điểu), mà vì vua quyết đi xuất gia theo Thế Tôn nên đã được đức Phật thấy biết. Vua lập tức xuống ngựa, nghiêng mình về phía hào quang, đến chỗ Thế Tôn. Vua bước vào Phật quang như bị ngập trong biển son, đảnh lễ Thế Tôn rồi cùng một ngàn cận thần cung kính ngồi một bên. Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp. Cuối thời pháp, vua và các quan chứng quả Dự lưu, cùng đứng lên xin gia nhập Tăng đoàn. Phật quán sát, biết rằng những vị này trước đây cúng một ngàn y cho một ngàn vị Phật Độc Giác, và trong thời Phật Ca-diếp cũng cúng hai mươi ngàn bộ y cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo. Như vậy họ sẽ được y bát do thần lực. Phật liền duỗi tay phải ra và nói: - Hãy đến, chư Tỳ-kheo! Hãy sống đời phạm hạnh, đoạn tận phiền não. Ngay đó họ đều được tám món cần dùng, thành các Trưởng lão trăm tuổi. Họ bay lên không, đáp xuống đất đảnh lễ Đạo sư và ngồi xuống. Về phần các thương nhân đến hoàng cung, gặp hoàng hậu đưa dĩa vàng. Họ thuật chuyện lại. Và khi họ lặp lại tin Phật, rồi Pháp, rồi Tăng ra đời, cũng y như vua, hoàng hậu chấn động cả thân tâm; mỗi tin như thế bà thưởng cho họ ba trăn ngàn đồng. Sau cùng nghe vua và các quan đều xuất gia thành Tỳ-kheo, hoàng hậu triệu tập phu nhân các quan, kể lại chuyện, và mọi người đồng hỏi hoàng hậu: - Họ có nhắn gì không, thưa hoàng hậu? - Họ giao toàn bộ tài sản, địa vị cho các bạn tự do an hưởng. - Nhưng hoàng hậu định như thế nào?

- Nhà vua biết phú quý vinh hoa sẽ dẫn đến đau khổ, thì ta cũng vậy. Ai lại quỳ xuống liếm nước bọt của vua nhổ ra. Ta không cần vinh hoa phú quý, ta cũng sẽ lên đường theo đấng Đạo sư. - Vậy chúng tôi cũng theo lệnh bà và xuất gia. Và hoàng hậu ra lệnh chuẩn bị một ngàn xe ngựa rồi cùng các phu nhân lên đường. Cũng như vua trước đây, bà đến con sông đầu tiên, thắc mắc không biết làm sao, chỉ thị tìm dấu chân ngựa của vua, nhưng không thấy gì hết. Nghĩ rằng chắc vua tuyên bố "Vì Tam Bảo mà từ bỏ thế gian" và nhờ đó qua sông, hoàng hậu cũng nguyện y như vậy, và chú tâm về Tam Bảo lực, bà hạ lệnh cho một ngàn xe ngựa tiến lên qua sông như phi trên tảng đá phẳng. Cả đoàn và luôn cả vành xe đều không ướt. Cũng thế, bà qua hai con sông còn lại. Biết bà sắp đến, Thế Tôn biến hóa khiến các Tỳ-kheo vô hình, không ai thấy các Ngài ngồi quanh Phật, hoàng hậu đến gần trông thấy hào quang chiếu sáng, bà cũng nghĩ như

vua trước đó. Gặp Thế Tôn bà đảnh lễ, cung kính đứng một bên thưa hỏi: - Bạch Thế Tôn! Con nghĩ Đại Kappina đã đến đây và thưa với Thế Tôn từ bỏ thế gian vì đấng Đạo sư. Hiện nay vua ở đâu xin chỉ cho chúng con. Phật bảo: - Hãy ngồi xuống! Các con sẽ gặp ông ta ngay đây. Các bà rất vui mừng, vì nghĩ rằng ngồi đó sẽ thấy được chồng mình. Và họ ngồi xuống. Thế Tôn thuyết pháp theo thứ lớp. Cuối bài pháp, hoàng hậu và đoàn tùy tùng đều chứng quả Dự lưu. Trưởng lão Đại Kappina và tùy tùng nghe Phật thuyết pháp cho các bà liền chứng A-la-hán cùng các thần thông. Lúc đó Thế Tôn chỉ các Tỳ-kheo cho các bà. Sở dĩ Thế Tôn không chỉ các Tỳ-kheo ngay vì e rằng các bà thấy chồng mình đắp y vào, đầu trọc, sanh tâm phiền muộn không thể chứng được đạo quả. Khi niềm tin các bà đã vững chắc, Phật mới chỉ cho thấy các Tỳ-kheo lúc đó là bact A-la-hán. Và các bà đã sụp lạy trước các vị tân A-la-hán, thưa: - Chư Tôn giả! Các Ngài bây giờ đã đạt đến cứu cánh của đời tu. Rồi họ đảnh lễ Thế Tôn, cung kính đứng một bên và xin được gia nhập Tăng đoàn. Vài Tỳ-kheo nghĩ rằng Thế Tôn sẽ giao cho Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc (Uppalavannà) nhưng Thế Tôn lại bảo họ đến Xá-vệ, vào tinh xá của Tỳ-kheo ni. Họ đi bộ suốt một trăm hai mươi dặm. nơi nào cũng được dân chúng đối xử tử tế và tôn kính. Họ được nhận vào Ni chúng và chứng A-la-hán. Thế Tôn dẫn một ngàn Tỳ-kheo bay lên không về Kỳ Viên. Tại Kỳ Viên, Tôn giả Đại Kappina đến chỗ ở ban ngày và chỗ ngủ ban đêm thốt lên: - Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay! Các Tỳ-kheo nghe được báo cho Thế Tôn, nghĩ rằng chắc ông nói vì hạnh phúc quyền thế khi còn làm vua. Thế Tôn gọi Ngài đến hỏi tại sao lại nói về hạnh phúc của

tình yêu và quyền thế. Ngài thản nhiên trả lời rằng chắc Thế Tôn thừa biết Ngài có thốt những lời như thế hay không. Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta nói như thế không phải liên quan đến quyền lực. Ông ấy đang uống nước pháp và hạnh phúc trong chánh pháp. Niềm hoan hỷ của ông ấy liên quan đến Niết-bàn bất tử. Và Phật đọc Pháp Cú: (79) Pháp hỷ đem an lạc, Với tâm tư thuần tịnh, Người trí thường hoan hỷ, Với pháp bậc thánh thuyết. 5. Sa-Di Pandita Người trị thủy dẫn nước.. Do chuyện Sa-di Pandita, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên. Chuyện quá khứ A. Đế Thích Và Người Nghèo Thuở Phật Ca-diếp còn tại thế, Tăng đoàn gồm hai mươi ngàn Tỳ-kheo đã lậu tận. Một hôm Phật hướng dẫn họ đến Ba-la-nại. Dân chúng nghe tin, họp từng nhóm tám hoặc mười người cúng dường. Sau khi thọ thực Phật hồi hướng công đức: - Này các cư sĩ, trong thế gian này, có những người chính mình bố thí nhưng không khuyên người khác bố thí, như vậy họ được giàu có nhưng không có gia nhân. Có người khuyên người khác bố thí nhưng chính mình thì không, như vậy họ có gia nhân nhưng không có của cải. Cũng có người chính mình không bố thí và cũng chẳng khuyên người khác bố thí, như vậy họ chẳng có của cải, cũng chẳng có gia nhân, sống như người ăn cơm thừa canh cặn. Còn một hạng người nữa vừa tự mình bố thí, vừa khuyên người khác bố thí, họ được cả hai phước báu về của cải và gia nhân. Lúc bấy giờ có một người trí đứng gần đó nghe thế phát tâm cúng dường Phật và cả hai mươi Tỳ-kheo. Được Phật nhận lời thọ thực vào ngày mai, ông vào làng loan báo đến mọi người. Và với sự cổ động của ông, người xin cúng cho mười vị, kẻ hai mươi vị, một trăm vị, năm trăm vị. Ông ấy ghi số vào lá bối. Trong thành có một người rất nghèo, người ta gọi ông là "Ông hoàng nghèo" Mahàduggata, và ông cũng được mời cúng dường. Ông

chỉ biết trả lời: - Trời! Tôi mà làm được gì cho các Tỳ-kheo? Các Tỳ-kheo cần người giàu cúng cho họ, còn tôi, một mẻ gạo để nấu cháo cho ngày mai còn không đủ, thì có đâu cho các Tỳ-kheo chứ? Ông kia cố gắng giải thích thêm: - Ông Mahàduggata ơi! Trong thành này nhiều người sống xa hoa, ăn uống những món đắt tiền, lụa là gấm vóc phủ thân, trang sức kiêu kỳ, giường êm nệm ấm. Nhưng ông kiếm không lấp đầy bao tử. Có phải là ông chưa từng cho ai cái gì? - Tôi cũng nghĩ thế, ông ạ!

- Vậy tại sao bây giờ ông không tạo công đức đi? Ông còn trẻ, mạnh khỏe, sao không bố thí cúng dường theo khả năng mình? Xúc động, ông hoàng nghèo bảo ghi tên mình lá cúng cho một Tỳ-kheo. Nhưng ông kia cho rằng chỉ có một Tỳ-kheo thì viết lên lá làm chi, nên quên mất. Ông hoàng nghèo về nhà cho vợ hay, và cả hai đồng lòng đi làm thuê để lo cúng dường. Ông đến một thương gia giàu, người đãi ba trăm Tỳ-kheo, được giao cho việc bửa củi. Ông thắt dây lưng chặt và làm hết sức mình. Thương gia nhận thấy ông làm việc thật phi thường, ngạc nhiên hỏi, và khi biết được vì ông muốn có thức ăn để cúng dường, thương gia thán phục. Bà vợ thì được vợ thương gia giao cho giã gạo. Bà giã xong, giần, sàng một cách hân hoan vui sướng như đang khiêu vũ. Và khi được biết lý do cũng là để có thức ăn cúng dường, vợ thương gia cũng rất thán phục. Xong việc, phần ông nhận được bốn đấu gạo tiền công, và gấp bốn lần nữa do thương gia tốt bụng biếu thêm. Phần bà thì được một chén mật, một hũ sữa đặc, một lô gia vị và một đấu gạo. Vui mừng vì thấy mình đủ vật dụng cúng dường, họ dậy thật sớm chuẩn bị. Bà bảo ông đi tìm lá cà ri, ra chợ không có, ông phải đi dọc bờ sông nhặt lá, ca hát vui vẻ, nghĩ bụng "Hôm nay, ta sẽ hân hạnh được cúng dường các Tỳ-kheo!". Một người câu cá gần đấy nghe tiếng ca hát đến hỏi thăm, và cho anh thêm cá. Thế Tôn quan sát thế gian, biết chuyện tên các Tỳ-kheo được cúng dường đều viết trên lá, trừ vị của ông nghèo bị bỏ sót. Vậy không có Tỳ-kheo nào cho ông cúng dường sao? Đương nhiên là phải có, đó là Thế Tôn. Khi ông về nhà chuẩn bị nấu nướng thì ngai của Đế Thích nóng lên. Biết có chuyện, và biết rằng Phật dành phước cho ông hoàng nghèo, Đế Thích hóa hình đến nhà ông xin nấu giúp. Ông nghèo không có tiền trả công nên Đế Thích chỉ làm công đức, giành quyền nấu cơm và cháo, và bảo ông nghèo đi tìm vị Tỳ-kheo của ông. Người vận động đưa các Tỳ-kheo có tên trên lá đến từng nhà, đến ông nghèo thì trả lời là quên mất. Ông như bị dao đâm vào bụng, đấm ngực khóc xin cho được một Tỳ-kheo. Dân chúng nghe kể, phiền trách người vận động, làm anh ta bối rối không biết tính thế nào cho ổn, chợt nhớ đến Thế Tôn, vội bảo ông nghèo đến tinh xá thỉnh Phật: - Rất đông vua chúa, đại thần đang đợi trước hương thất, muốn thỉnh Phật mà chưa được. Phật rất thương người nghèo, anh cứ nói rõ và xin ban phước, chắc chắn sẽ được. Ông nghèo làm theo, đến ngay hương thất. Phật mở cửa, đưa bình bát cho ông. Mọi người trông thấy đều há hốc miệng, trong khi lòng ông hớn hở như được làm Chuyển Luân thánh vương. Họ không dám đoạt bình bát của Phật trong tay ông, nhưng dụ cho ông tiền. Ông đều từ chối hết. Nhà vua biết tiền bạc không cám dỗ được ông nghèo, nên không ai lấy được bình bát của Phật đã trao ông ta nhưng vua vẫn cho là ông ta cúng dường chẳng đáng bao nhiêu, nên định bụng đến giờ ông ta dâng thức ăn, sẽ đưa Thế Tôn về cung cúng dường. Do đó vua đi theo Phật.

Tại nhà ông hoàng nghèo, Đế Thích đã nấu xong cháo, cơm, cà ri và những món khác, soạn sẵn chỗ ngồi cho Thế Tôn và ngồi chờ. Ông nghèo đưa Thế Tôn đến nhà và mời vào. Nhà cửa ông thấp lè tè, phải cúi đầu mới vào được. Nhưng đối với chư Phật thì chẳng bao giờ phải cúi đầu, mặt đất phải hạ thấp xuống, hoặc nhà phải nâng cao. Đây là phước báo do sự bố thí của chư Phật, và khi các Ngài về thì mọi sự lại như cũ. Do đó Phật vào nhà vừa vặn, ngồi xuống ghế đã soạn. Lúc đó vua bảo Mahàduggata hãy giở cho thấy những thứ gì dọn cho Thế Tôn. Mở đồ đậy ra thì nào cháo, cơm và những thứ khác, hương thơm ngào ngạt bay khắp cả thành. Vua đành đảnh lễ Thế Tôn, thú thật ý định của mình, và xin ra đi vì sợ làm cho thí chủ khó chịu. Đế Thích dâng món ăn lên Thế Tôn và phục vụ Phật tận tụy. Thọ thực xong, Thế Tôn hồi hướng công đức và đứng lên ra về. Đế Thích ra hiệu cho ông nghèo đỡ bình bát của Thế Tôn và đi theo Phật. Đế Thích quay về nhà ông nghèo, ngừng trước cửa và nhìn lên trời. Lập tức bảy báu mưa xuống, đổ đầy lu và hũ chỉ trong nhà ông nghèo mà thôi. Trẻ nhỏ phải bế ra ngoài vì không còn chỗ trống để ở. Mahàduggata trở về, thấy vậy biết rằng đó là phước báo do sự cúng dường. Ông lên cung vua xin giao hết tài sản, phải một ngàn xe mới chở đủ. Tất cả đều chất đống trước sân hoàng cung, cao bằng cây thốt nốt. Vua chỉ cho dân chúng thấy, và hỏi họ có ai sở hữu bằng ngần này không. Họ nhìn nhận không ai bằng ông nghèo, và đồng lòng cử cho ông làm chưởng khố. Vua chỉ chỗ căn nhà vị chưởng khố trước đã ở, bảo ông dọn sạch cây cỏ để xây nhà cho ông. Khi nền nhà dọn sạch và bằng phẳng, lòi ra nhiều bình vàng bạc châu báu chạm nhau leng keng. Vua được báo, xác nhận: - Lần trước, bảy báu từ trời mưa xuống đầy nhà là do sự cúng dường chư Phật thật sự toàn hảo. Lần này châu báu hiện ra cũng do công đức của ông. Vậy chỉ mình ông được hưởng. Cất nhà xong, Mahàduggata cúng dường Phật và Tăng chúng bảy ngày. Sau khi mạng chung, ông sanh thiên. Hưởng hết phước lạc cõi trời suốt thời gian giữa hai vị Phật, ông tái sanh thời Phật hiện tại vào nhà một thương gia giàu có ở Xá-vệ, một cận sự của Trưởng lão Xá-lợi-phất. Chuyện hiện tại B. Pandita, Sa Di Bẩy Tuổi Khi mang thai ông hoàng nghèo, bà mẹ mơ ước được dâng cúng năm trăm Tỳ- kheo do Trưởng lão Xá-lợi-phất dẫn đầu, đồng thời đắp y vàng, ngồi vòng ngoài hội chúng và nhận thức ăn thừa của Tỳ-kheo. Ước mơ được thành tựu, bà chiêu đãi Tăng chúng bảy lần nữa. (Tương tự như truyện Tissa). Đến ngày đặt tên, bà xin Trưởng lão truyền giới cho đứa bé. Được bà cho biết trong nhà này ai khờ khạo, điếc câm đều trở nên khôn ngoan từ ngày bà mang thai đứa bé, do đó Ngài đặt tên là Pandita Dàraka, nhà hiền trí. Lên bảy chú muốn đi tu. Và y hệt Tissa chú được mẹ xin Trưởng lão dẫn đến tinh xá, rồi được Trưởng lão cạo tóc dạy thiền quán trên năm yếu tố đầu tiên của thân, đồng

thời chú cũng được thu nhận vào Tăng đoàn. Cha mẹ Tissa ở lại bảy ngày cúng dường trong tinh xá rồi mới đi về. Ngày thứ tám Trưởng lão dẫn chú vào làng, trễ hơn các Tỳ-kheo, vì Trưởng lão còn phải đi quanh khắp tinh xá dọn dẹp, quét tước, đổ đầy nước uống và nước rửa mặt, sửa lại giường ghế cho đúng chỗ, cũng như đồ đạc vứt ném bừa bãi mất trật tự. Vì Ngài không muốn cho ngoại đạo vào tinh xá co dịp chê bai: "Hãy xem thói tật của đệ tử ẩn sĩ Cồ-đàm kìa!" Chú bé chưa biết cách đắp y ôm bát nên phải theo sát thầy, sau khi đã được thầy chỉ dạy. Trên đường đi, chú thấy một rãnh nước dẫn vào ruộng, thắc mắc hỏi thầy. Thầy giải thích đó là vật vô tri nhưng con người có

thể điều khiển, dẫn dắt đến bất cứ nơi nào theo ý muốn. Chú lại băn khoăn: Thế sao con người có trí lại không kiểm soát, điều phục tâm mình để chứng quả A-la-hán? Đi thêm một quãng nữa, chú thấy người làm tên đang hơ mũi tên và gậy trên lửa và nheo mắt để uốn thẳng. Chú lại hỏi thầy và cũng băn khoăn sao những mũi tên vô tri có thể uốn thẳng được bằng cách hơ lửa, trong khi con người có trí lại không thể kiểm soát và điều phục tâm mình để đạt quả A-la-hán? Đi xa thêm một chút, chú thấy thợ mộc đang đeo căm, vành trục và những phần khác của bánh xe. Chú cũng thắc mắc y như trước: Nếu ta có thể lấy những mãnh gỗ vô tình này làm thành bánh xe chạy theo ý mình, thì tại sao ta cũng có trí nhưng không điều phục tâm ý để đạt đến quả vị A-la-hán. Do đó chú thưa với Trưởng lão xin Ngài nhận lại y bát của Ngài vì chú muốn trở về. Trưởng lão không cho phép mình tự nghĩ "Chú nhỏ Sa-di này mới vào tăng đoàn mà đã nói năng như thể ta là ông Phật nhỏ hơn". Ngược lại, Ngài tùy thuận nhận lại y bát của mình, và còn đưa chìa khóa thất vì sợ chú ở ngoài trời nguy hiểm. Chú còn dặn thầy nếu mang thức ăn về cho chú, chỉ xin thứ chú ưa thích, nếu do công đức của Ngài không được thì sẽ nhờ công đức của chú. Chú Sa-di Pandita vâng lời thầy mở cửa thất thầy vào tọa thiền, quán về thân, điều phục tâm ý. Ngai Đế Thích bỗng nói lên, Ngài hiểu rõ mọi chuyện, bèn muốn đến đó giúp đỡ nên ra lệnh: - Tứ thiên vương, hãy đuổi chim đang làm tổ trong vườn tinh xá, và gác bốn góc! - Thần mặt trăng hãy giữ mặt trăng lại! - Thần mặt trời hãy giữ mặt trời lại! Rồi Đế Thích hiện hình người đi đến chỗ treo sợi dây mở và đóng cửa, đứng gác. Không một tiếng động nào trong tinh xá trừ tiếng lá rơi. Tâm chú Sa-di an tĩnh, và chỉ trong khoảng bữa ăn, chú điều phục được tâm ý và chứng Tam quả. Trong lúc đó, Trưởng lão đến nhà thí chủ Ngài biết rõ là rất kính mến Ngài để khất thực. Họ dâng thức ăn đúng món chú Sa-di thích và xin Ngài thọ thực xong sẽ mang thức ăn về cho Sa-di. Trưởng lão nghĩ đệ tử mình chắc đói lắm, nên độ xong vội vàng về tinh xá.

Sáng sớm, Thế Tôn dùng điểm tâm xong đến tinh xá. Ngài thấy hết diễn biến về Sa-di Pandita, và cũng biết là chú sẽ chứng A-la-hán trước bữa ăn. Như thế, nếu Trưởng lão về đến tinh xá đưa thức ăn, sẽ gây trở ngại trong lúc chú đang thiền quán. Vì vậy, Thế Tôn đến chờ Trưởng lão tại thất, và hỏi Ngài bốn câu: - Xá-lợi-phất, ông mang gì thế? - Bạch Thế Tôn, thức ăn. - Thức ăn mang lại cái gì? - Bạch Thế Tôn cảm thọ. - Cảm thọ mang lại cái gì? - Sắc chất, bạch Thế Tôn. - Sắc chất mang lại cái gì? - Bạch Thế Tôn, xúc. Ý nghĩa như thế này: Một người đói được ăn, thức ăn sẽ làm hết đói và mang thọ lạc. Từ thọ lạc thân sẽ đẹp, tốt thêm, nên nói rằng từ thọ sinh sắc. Được sắc thân như thế, người đó sanh tâm hoan hỉ, do đó khi ngồi hoặc nằm đều được xúc hoan hỉ. Trong thời gian bốn câu hỏi và đáp liên tục thì chú Sa-di chứng A-la-hán cùng các thần thông. Thế Tôn lúc đó mới bảo Trưởng lão đưa thức ăn cho Sa-di. Trưởng lão vâng lệnh đến thất gõ cửa. Chú bước ra bưng lấy bình bát để qua một bên, cầm quạt lá cọ quạt cho Trưởng lão. Được thầy bảo ăn, chú mới ăn. Thế là chú bé bảy tuổi, đã là Sa-môn vào ngày thứ tám, như một bông huệ nở tươi mát, ngồi xuống thực hành các pháp quán chiếu tự tâm, rồi thọ thực. Rửa và cất bát xong, hai vị thần trả tự do cho mặt trời và mặt trăng. Tứ thiên vương thôi không gác bốn góc, Đế Thích cũng ngưng gác cửa, và mặt trời đang giữa trưa bỗng lặn mất. Các Tỳ-kheo bàn tán: - Bóng đêm bất thường trùm xuống, mặt

trời lặn giữa trưa, chú Sa-di mới vừa ăn sáng xong, vậy là sao nhỉ? Phật đến, nghe họ kể lại, đáp rằng: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Khi chú Sa-di cố gắng đạt quả A-la-hán thì các vị thần giữ mặt trời, mặt trăng lại, đứng gác bốn góc tinh xá hay gác tại cửa; chính Ta, dù là Phật cũng không thể nghỉ ngơi, nên phải đến với đệ tử của Ta; người trí thấy người trị thủy dẫn nước, thợ làm tên uốn tên, thợ mộc đẽo gỗ, đã thiền quán trên các đề mục đó, và tự thắng mình chứng A-la-hán. Và Phật đọc Pháp Cú: (80) Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên, Người thợ mộc uốn gỗ, Bậc trí nhiếp tự thân. 7. Vững Vàng Như Đá Tảng

Như đá tảng kiên cố ... Tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy như thế, liên quan đến Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya. Các Sa-di và những người khác chưa biết Trưởng lão nên thường kéo tóc, nắm tai, bẹo mũi, hỏi đố: - Chú ơi! Chú không mỏi mệt vì đạo à? Đạo làm chú vui thích không? Trưởng lão không bực bội, cũng không mích lòng. Các Tỳ-kheo thấy vậy xì xào với nhau, Thế Tôn nghe được liền bảo: - Đúng thế các Tỳ-kheo! Người trừ hết lậu hoặc, không giận dữ hay bực bội, nhưng bình thản, không lay động như tảng đá kiên cố. Và đọc Pháp Cú: (81) Như đá tảng kiên cố, Không gió nào lay động, Cũng vậy, giữa khen chê, Người trí không giao động. 7. Yên Lặng Sau Cơn Bão Như hồ nước sâu thẳm ... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến mẹ của Kànà. Mẹ của Kànà, một tín nữ đã chứng quả Dự lưu, gả con gái cho một người ở làng khác. Kànà có dịp về thăm mẹ được ít ngày thì chồng cô nhắn về. Cô chào mẹ, được mẹ cầm lại, bảo rằng: - Con đã ở đây lây, sao lại về tay không? Rồi bà làm bánh, ý cho cô có ít quà cáp đối với nhà chồng. Lúc đó có một Tỳ-kheo đến khất thực. Bà mời ngồi và cúng dường đầy bát. Vị ấy ra đi kể lại cho người khác nghe. Rồi người thứ hai, thứ ba, thứ tư đến khất thực, cả bốn người đều được cúng dường bánh, nên hết bánh. Kaanaa phải ở lại. Chồng cô nhắn hai, ba lần, và cũng vì lý do đó cô không về được. Chồng cô không chờ nữa, lấy vợ khác. Nghe tin, Kànà cho rằng các Tỳ- kheo đã hại hạnh phúc của cô, do đó cô chửi bới, nhục mạ mọi Tỳ-kheo cô thấy. Các Tỳ- kheo không dám đi qua nhà cô nữa. Thế Tôn biết chuyện liền đến đó. Bà mẹ mời ngồi và cúng dường cháo và thức ăn cứng. Rồi Thế Tôn hỏi thăm Kànà, bảo gọi đến và hỏi: - Kànà, tại sao thấy Ta con lại phiền não và khóc lóc? Bà mẹ kể cho Thế Tôn biết việc nàng đã làm. Phật quay về phía cô, hỏi tiếp: - Kànà, Ta nghe rằng đệ tử Ta tới nhà con khất thực và mẹ con cho họ bánh, vậy họ có lỗi gì? Cô sụt sùi đáp: - Các Tỳ-kheo ấy không có lỗi, bạch Thế Tôn, chỉ có con có lỗi. Rồi cô đảnh lễ Thế Tôn xin được tha thứ. Phật thuyết pháp cho cô và cô chứng quả Dự lưu. Thế Tôn trở về tinh xá, vua trông thấy khi Ngài đi ngang qua hoàng cung, nên xin được đảnh lễ. Vua hỏi thăm về Kànà va sau đó hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài có làm ngưng được sự nhiếc móc của cô ta đối với các Tỳ- kheo hay không? Phật đáp: - Được, Đại vương! Cô ta đã hết nhiếc móc, và đã làm chủ tài sản xuất thế gian. - Bạch Thế Tôn, tốt lắm. Vậy con sẽ cho cô ta tài sản thế gian. Đảnh lễ Thế Tôn xong, vua quay về cung, gởi cho cô một kiệu lớn, cho cô trang điểm lộng lẫy, nhận cô làm công chúa và thông báo kén phò mã. Một đại quý tộc cưới cô. Từ đó cô đặt người tại bốn cửa và cho phục vụ tất cả các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni. Cô còn muốn kiếm nhiều Sa-môn hơn nữa để phục vụ cúng dường nhưng không có. Thực phẩm cúng dường thì dồi dào, cả cứng lẫn mềm, luôn luôn có sẵn tại nhà và tuôn ra cửa như một trận lụt lớn.

Các Tỳ-kheo lại bàn tán tại Pháp đường về cô. Thế Tôn đến, nghe họ kể lại, bèn đáp: - Các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu mà trong tiền kiếp bốn Trưởng lão ấy cũng đã làm phiền Kànà. Cũng không phải lần đầu Ta thuyết phục cô ta mà trong tiền kiếp cũng đã như thế. Các Tỳ-kheo xin Phật kể lại chuyện quá khứ, Thế Tôn bèn kể chuyện Bổn Sanh Babbu Một con mèo tìm được, Con thứ hai xuất hiện. Con thứ ba, thứ tư, Hang này chúng tìm đến. Bốn con mèo lúc đó là bốn Tỳ-kheo. Con chuột là Kànà và người thợ châu báu là Thế Tôn. Và Ngài nói Pháp Cú: (82) Như hồ nước sâu thẳm, Trong sáng, không khuấy đục. Cũng vậy nghe chánh pháp, Người trí hưởng tịnh lạc. 8. Một Lũ Lang Thang. Do chuyện năm trăm Tỳ-kheo, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên. Truyện bắt đầu ở Veranjà. Thế Tôn nhận lời mời của Bà-la-môn Veranjà đến Veranjà nhập hạ với năm trăm Tỳ-kheo. Nhưng Bà-la-môn bị Ma vương mê hoặc đến nỗi không hề nghĩ đến Phật, dù chỉ một ngày. Hơn nữa tại đây lại xảy ra nạn đói. Các Tỳ-kheo ra ngoài khất thực nhưng không nhận được gì và đói lả. Các nhà buôn ngựa sau đó có cho họ lúa ngựa. Trưởng lão Mục-kiền-liên thấy họ đói quá, xin phép đến Uttarakuru khất thực nhưng Thế Tôn không cho. Tuy thế các Tỳ-kheo không hề lo âu đến lương thực một ngày nào, mà chỉ lo tu để diệt trừ tham ái dục lậu.

Sau ba tháng, Thế Tôn báo cho Bà-la-môn Ngài ra đi, ông lễ kính Phật và được quy y. Xong, Phật và các Tỳ-kheo trở về Kỳ Viên. Dân Xá-vệ dâng đầy đủ thức ăn chào mừng Ngài trở về. Thuở đó do lòng tốt của các Tỳ-kheo mà năm trăm ăn mày sống trong vòng rào tinh xá. Ăn xong thức ăn thừa của các Tỳ-kheo rồi họ nằm lăn ra ngủ. Thức dậy, họ chạy ra bờ sông la hét, nhảy nhót, vật lộn đùa giỡn. Khi ở bên trong hang, ở bên ngoài tinh xá, họ đều chẳng được tích sự gì, chỉ có bê bối. Trong Pháp đường, các Tỳ-kheo bàn tán, có vẻ không bằng lòng. Lúc gặp nạn đói ở Veranjà họ đây có lôi thôi, nhưng bây giờ ăn uống đủ thứ họ lại buông lung phóng túng, đủ kiểu tai hại. Còn các Tỳ-kheo thì ở Veranjà và ở đây đều sống yên bình, và tĩnh lặng. Thế Tôn vào Pháp đường hỏi các Tỳ-kheo, nghe kể lại, bèn bảo: - Trong những kiếp trước họ cũng hành động như thế. Họ vốn là năm trăm con lừa uống cặn nước nho thừa của năm trăm ngựa giống Sindh, nước đó đã pha thêm với nước lã rồi lọc qua một cái khăn, một thứ nước tồi tàn, nhạt nhẽo không còn mùi vị gì. Uống xong, chúng say sưa, la hí vang rân. Một miếng rượu nhạt thừa, Làm lừa say nghiêng ngửa. Ngựa Sindh chẳng chuếch choáng, Dù uống rượu tốt ngon. Tây đại vương, cũng thế! Người ngu dễ dàng say, Người trí luôn điềm đạm, Rượu ngon chẳng chuyển lay. Và Thế Tôn nói tiếp: - Như thế, này các Tỳ-kheo! Người hiền từ bỏ tham dục xấu ác, và không giao động dù vui hay buồn. Rồi Ngài đọc Pháp Cú: (83) Người hiền bỏ tất cả, Người lành không bàn dục, Dầu cảm thọ lạc khổ, Bậc trí không vui buồn. 9. Chồng Và Vợ Không vì mình, vì người ... Thế Tôn đã dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Dhammika. Tại Xá-vệ, một cư sĩ sống đời chánh trực, muốn đi tu, một hôm thân mật báo cho vợ biết. Bà vợ xin chồng đợi sinh con xong. Đợi đến khi đứa bé biết đi, ông lại nói nữa. Bà vợ lại bảo đợi nó trưởng thành. Đối với ông, cho phép hay không, không thành vấn đề vì lòng ông đã giải thoát đau khổ của chính mình.

Rồi ông xuất gia, thành Sa-môn. Nhận đề tài thiền quán, ông nỗ lực tu tập và đạt được tuyệt đích của đời tu. Ông trở về Xá-vệ, tìm gia đình và thuyết pháp cho con. Anh ta đi

tu và cũng chứng A-la-hán. Bà vợ thấy ở nhà không còn ai nữa, nên cũng phát tâm đi tu, và cũng chẳng bao lâu chứng A-la-hán. Tại pháp đường các Tỳ-kheo thảo luận, và được Phật dạy: - Các Tỳ-kheo! Người trí không trông mong thành đạt dù cho mình hay cho người khác. Người chơn chánh chỉ tìm đường nương tựa vào giáo pháp. Và nói Pháp Cú: (84) Không vì mình, vì người. Không cầu được con cái, Không tài sản quốc độ, Không cầu mình thành tựu, Với việc làm phi pháp. Vị ấy thật trì giới, Có trí tuệ, đúng pháp. 10. Ít Người Đến Bờ Kia Ít người giữa nhân loại ... Thế Tôn đã dạy như thế khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến vấn đề nghe pháp. Dân cư tại một con đường ở Xá-vệ rủ nhau đi cúng dường, và quyết định ở lại suốt đêm nghe pháp, nhưng họ không thể nghe cả đêm được. Vài người đã bị dục tình chi phối và đã bỏ về nhà, một số thì lo hờn lo giận, những người khác thì hôn trầm dã dượi, ngồi ngủ gà ngủ gật, không một giọt pháp nào lọt vào tai. Các Tỳ-kheo bàn tán về chuyện trên trong pháp đường. Thế Tôn nghe được liền dạy: - Các Tỳ-kheo! Chúng sanh trong thế gian hầu hết đều dính mắc vào tam độc. Rất ít người qua được bờ bên kia. Và Ngài đọc Pháp Cú: (85) Ít người giữa nhân loại Đến được bờ bên kia. Còn số người ở lại Xuôi ngược chạy bờ này. (86) Những ai hành trì pháp Theo chánh pháp khéo dạy Sẽ đến bờ bên kia Vượt ma lực khó thoát. 11. Từ Bỏ Đen Tối Kẻ trí bỏ phép đen ... Câu này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến năm mươi Tỳ-kheo đến thăm.

Năm mươi Tỳ-kheo đã nhập hạ tại nước Kosala xong, giải hạ đến viếng Thế Tôn.
Họ đảnh lễ Ngài và cung kính ngồi một bên.
Thế Tôn lắng nghe kinh nghiệm hành trì của họ và dạy họ Pháp Cú:
(87) Kẻ trí bỏ pháp đen
Tụ tập theo pháp trắng
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khó lạc.
(88) Hãy cầu vui Niết bàn
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch
Cấu uế từ nội tâm.
(89) Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.
PHẨM VII: A-LA-HÁN 1. Đấng Như Lai Không Đau Khổ Đích đã đến không sầu ... Do câu hỏi của Jìvaka, Thế Tôn đã dạy như trên ở rừng xoài Jìvaka. Đề-bà-đạt-đa hợp lực với vua A-xà-thế âm mưu giết Phật. Ông lên ngọn Linh-thứu lăn một tảng đá xuống, va vào vách núi, vỡ ra một mảnh bắn vào chân Thế Tôn làm chảy máu. Các Tỳ-kheo đưa Ngài đến Maddakucchi, và sau đó đến rừng xoài theo ý Ngài muốn. Jìvaka hay tin liền đến tức thì, đắp thuốc và băng vết thương. Vì có bệnh nhân đang chờ trong thành, ông xin

đi ngay, hẹn sẽ trở về tháo băng. Nhưng khi trở về cổng thành đã đóng, ông lo lắng vì nếu không tháo băng đúng giờ, Thế Tôn sẽ chịu đau nhức dữ dội. Ngay khi đó Phật biết được ý nghĩ của ông liền bảo A-nan tháo băng. Vết sẹo biến mất tức khắc như vỏ cây bị bóc ra. Sáng sớm Jìvaka về đến, nôn nóng hỏi thăm Phật có thấy đau đớn không, và được trả lời: - Jìvaka, Như Lai đã dập tắt mọi phiền não ngay khi lên ngôi Chánh Giác. Và Ngài đọc Pháp Cú: (90) Đích đã đến, không sầu, Giải thoát ngoài tất cả, Đoạn trừ mọi buộc ràng, Vị ấy không nhiệt não. 2. Thoát Khỏi Trói Buộc Tự sách tấn, chánh niệm ... Thế Tôn đã dạy câu trên, liên quan đến Trưởng lão Đại Ca-diếp tại Trúc Lâm. Mãn hạ tại Vương Xá, Thế Tôn loan tin cho các Tỳ-kheo biết sau nửa tháng sẽ khất thực, có nghĩa là các Tỳ-kheo sẽ đi tráng rửa bình bát, nhuộm y và sẽ thong dong lên đường khất thực. Trong khi đó thì Trưởng lão Đại Ca-diếp lại đi giặt y. Các Tỳ-kheo thấy thế có vẻ dè bỉu, vì một trăm tám mươi dân trong thành này nếu không là bà con thì cũng là thí chủ của Trưởng lão, dễ gì Ngài từ chối sự cúng dường của họ, và dù Ngài có theo Thế Tôn lên đường cũng chẳng đi xa hơn hang Màpamàda. (Có tên như thế khi Phật du hành đến hang này, thường bảo các Tỳ-kheo "Các ông có thể trở về, chớ có buông lung"). Quả vậy, đức Phật thấy không thể để tinh xá trống không, nhất là vào dịp lễ lạc hay rủi có tai ách, nên đã bảo Trưởng lão mang đệ tử quay trở về. Các Tỳ-kheo lại xầm xì: - Này chư huynh đệ có thấy không? Chúng ta chẳng đoán là Ca-diếp giặt y, không theo Thế Tôn sao? Thật quả như rằng! Việc đến tai Thế Tôn và Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Các ông nói Ca-diếp bị trói buộc vào thân quyến và tứ sự cúng dường, trong khi sự thật ông trở về là vì vâng lệnh ta. Trong tiền kiếp ông đã phát nguyện sẽ như mặt trăng thoát khỏi mọi sự trói buộc, và ông cũng nguyện đến gần các thí chủ.

Ca-diếp không hệ lụy vào đàn-na hoặc của tín thí. Nhân chuyện Ca-diếp, ta thuyết cho mọi người Đạo như đường đi của mặt trăng, Đạo của những bậc Tuyển Chọn cao quí. Theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể lại chuyện quá khứ một trăm ngàn năm kiếp trước, thời Phật Padumuttara (trong Trưởng lão Tăng kệ). Và Phật xác nhận Ca-diếp, đệ tử của Phật, không dính mắc vào người cúng dường, của cúng dường, tinh xá cũng như tịnh thất; như con ngỗng chúa xuống hồ bơi lội tự tại trong đó. Và Phật nói Pháp Cú: (91) Tự sách tấn, chánh niệm, Không thích cư xá nào, Như ngỗng trời rời ao. Bỏ sau mọi trú ẩn. 3. Một Tỳ Kheo Trữ Thức Ăn Tài sản không chất chứa ... Khi ngụ ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy như trên, liên quan đến Tôn giả Belatthisìsa. Tôn giả Trưởng lão này thấy việc khất thực hằng ngày phiền toái. Sau khi đi một vòng khất thực trong làng, ông thọ thực, rồi lại đi khất thực tiếp qua con đường khác, nhận cơm không có nước xốt hay cà-ri, mang về tinh xá cất để dành. Các Tỳ-kheo biết được phàn nàn với Thế Tôn. Phật bèn công bố luật cấm chư tăng tích trữ thức ăn. Nhưng vì Trưởng lão đã phạm lỗi trước khi chế luật nên vô tội. Nhân đó Phật đọc Pháp Cú: (92) Tài sản không chất chứa, Ăn uống biết liễu tri, Tự tại trong hành xứ, "Không, vô tướng, giải thoát, Như chim giữa hư không, Hướng chúng đi khó tìm". 4. Tỳ Kheo Và Nữ Thần Ai lậu hoặc đoạn sạch ... Nhân chuyện Trưởng lão Anuruddha, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm. Ba kiếp trước Trưởng lão có người vợ nay tái sanh vào cõi trời Ba mươi ba là nữ thần Jàlinì. Khi thấy Trưởng lão bới đống rác tìm vải để thay chiếc y rách, nữ thần lấy ba tấm vải trời dài mười ba cubit, rộng bốn cubit, vùi vào đống rác, chỉ để lộ ra mép vải viền mà thôi.

Trưởng lão thấy được, lôi ra và thầm nhủ đây là một đống rác đặc biệt. Vào ngày may y, Thế Tôn đến tinh xá với năm trăm Tỳ-kheo. Ngài ngồi xuống và tám mươi đệ tử cùng ngồi tiến hành việc may y. Ca-diếp ngồi may phần chân, Xá-lợi- phất ở giữa, A-nan phần đầu. Tăng chúng kéo chỉ, Thế Tôn xỏ kim và Mục-kiền-liên tới lui cung cấp mọi thứ cần dùng. Nữ thần vào làng khuyến khích dân cư cúng dường cháo và các thức ăn khác. Trong bữa ăn Mục-kiền-liên dâng những miếng táo hồng thật to, nhưng năm trăm Tỳ-

kheo không ai ăn nổi. Đế Thích vẽ một vòng quanh chỗ may y, mặt đất như nhuộm sữa, các Tỳ-kheo dùng xong mà thức ăn vẫn còn hằng đống. Họ phàn nàn với nhau: - Tăng chúng chẳng bao nhiêu mà sao thức ăn quá nhiều? Chắc là Anuruddha muốn phô trương thân thuộc và thí chủ của mình! Thế Tôn hỏi, và được họ kể lại, bèn dạy: - Các Tỳ-kheo! Anuruddha đệ tử Ta không làm vậy đâu. Người thoát khỏi tham dục không phí thì giờ bàn về lợi dưỡng, thực phẩm cúng dường này đều do thần lực của thiên nữ. Và Ngài đọc Pháp Cú: (93) Ai lậu hoặc đoạn sạch, Ăn uống không tham đắm, Tự tại trong hành xứ, Không, vô tướng, giải thoát, Như chim giữa hư không, Dấu chân thật khó tìm. 5. Đế Thích Lễ Kính Một Tỳ Kheo Ai nhiếp phục các căn ... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Pubbàràma, liên quan đến Trưởng lão Đại-ca-chiêndiên (Kaccàyana). Xưa, nhân dịp bế mạc lễ hội, Thế Tôn ngự tại tầng trệt tòa lâu đài của mẹ Migàra, hội chúng cư sĩ tiếng tăm vây quanh. Trưởng lão Đại-ca-chiên-diên thuở đó ngụ tại Avanti. Dù đường sá xa xôi, Ngài vẫn thường đến nghe pháp, do đó các Đại Trưởng lão vẫn dành một chỗ cho Ngài. Thiên chủ Đế Thích cũng đến dự cùng chư thiên từ hai cõi trời, lễ kính Thế Tôn với thiên hương và thiên hoa. Không thấy Đại-ca-chiên-diên, ông lo lắng tìm kiếm. Ngay lúc ấy Trưởng lão xuất hiện và ngồi vào chỗ dành sẵn. Đế Thích trông thấy, ôm chặt mắt cá chân của Trưởng lão, mừng rỡ: - Ôi! Trưởng lão tôn quý đã đến! Con chỉ mong có bấy nhiêu đó thôi! Rồi vua trời xoa chân Ngài với hai tay, lễ kính với hương hoa, cúi lạy và cung kính đứng một bên. Các Tỳ-kheo bực mình vì thấy Đế Thích thiên vị, không tôn kính các Trưởng lão khác. Thế Tôn nghe họ nói, bèn dạy: - Này các Tỳ-kheo! Các Tỳ-kheo như là đệ tử, Ta là Đại-ca-chiên-diên, hộ trì các căn nên được trời và người đều tôn kính. Và Phật đọc Pháp Cú: (94) Ai nhiếp phục các căn, Như đánh xe điều ngự, Mạn trừ, lậu hoặc dứt, Người vậy, chư thiên mến.

6. Tưởng Mình Bị Khi Dễ Như đất, không hiềm hận ... Ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên từ chuyện Trưởng lão Xá-lợi-phất. Vào cuối một mùa mưa, Trưởng lão Xá-lợi-phất lên đường khất thực với các đệ tử sau khi đảnh lễ Thế Tôn; nhiều Tỳ-kheo khác cũng chào từ giã Trưởng lão. Ngài gọi và họ các Tỳ-kheo quen biết, một vị Tỳ-kheo cũng mong được Trưởng lão gọi tên, nhưng tiếc thay Ngài không chú ý tới ông giữa số Tỳ-kheo đông đảo, ông sanh lòng căm ghét Trưởng lão. Thêm vào đó viền y của Trưởng lão chạm phải ông làm tăng thêm niềm căm hận. Trưởng lão vừa ra khỏi cổng tinh xá, ông đến ngày Thế Tôn bạch: - Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất vì nghĩ mình là Đại đệ tử của Phật đã đánh con một cú muốn sút lỗ tai, rồi chả thèm xin lỗi, lên đường khất thực. Thế Tôn gọi Trưởng lão đến Mục-kiền-liên và A-nan nghĩ rằng Thế Tôn chưa hiểu sự tình và dĩ nhiên Xá-lợi-phất sẽ rống tiếng rống của sư tử. Cả hai quyết định nhóm chúng. Sẵn chìa khóa, họ mở cửa liêu kêu gọi một số đông các Tỳ-kheo. Trưởng lão

Xá-lợi-phất đến, cùng với các Tỳ-kheo còn lại đảnh lễ Thế Tôn và cung kính ngồi một bên. Khi Thế Tôn hỏi, thay vì xác nhận tôi không đánh, Trưởng lão kể lại công hạnh của mình: - Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào không quán thân, xin nghe những điều con nói và lấy đó làm bạn đồng hành, mang theo trên đường đi khất thực. Rồi Ngài tiếp: - Bạch Thế Tôn! Người ta liệng những vật sạch trên đất và cũng liệng những vật dơ trên đất. Rồi Ngài so sánh tâm định tĩnh của Ngài như đất, như bò bị cưa sừng, như thanh niên Chiên-đà-la, như nước, lửa, gió, giẻ lau; thân chịu áp bức như bị rắn và thây chetp áp bức, xem thân như cục thịt mỡ. Khi Trưởng lão mô tả công hạnh của Ngài qua chín lối so sánh, đại địa rúng động chín lần liên tiếp đến tận mé biển. Khi Ngài so mình với giẻ lau, hạng Chiên-đà-la, cục thịt mỡ, những Tỳ-kheo chưa chứng Sơ quả không cầm được nước mắt, những vị chứng A-la-hán thì tràn trề pháp vị. Vị Tỳ-kheo vu cáo sai trái nghe kể công hạnh của Trưởng lão, ăn năn vô cùng. Ông ta phục xuống chân Phật thú tội, nhận rằng mình đã cáo gian. Phật liền khuyên Trưởng lão hay tha thứ cho kẻ gian dối này để đầu ông ta khỏi bể làm bảy mảnh. Trưởng lão cúi mình trước ông ta rồi chấp tay cung kính bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẵn lòng tha lỗi cho Tôn giả Tỳ-kheo này. Và xin Tôn giả cũng tha thứ cho con, nếu con có làm ông phiền lòng. Các Tỳ-kheo tán thán lòng độ lượng quá tuyệt của Xá-lợi-phất. Thế Tôn nghe được liền bảo:

- Không thể có chuyện sân hận và thù ghét đối với Xá-lợi-phất và những người như ông ấy. Tâm của Xá-lợi-phất giống như đại địa, giống như ngưỡng cửa, như hồ nước lặng. Nói xong Phật đọc Pháp Cú: (95) Như đất, không hiềm hận, Như cột trụ, kiên trì, Như hồ, không bùn nhơ, Không luân hồi, vị ấy. 7. Mất Một Mắt Người tâm ý an tịnh ... Tại Kỳ Viên, Phật đã dạy câu trên liên quan đến một Sa-di của Trưởng lão Tissa. Một thanh niên vọng tộc ở Kosambi xuất gia thành Sa-môn trong giáo đoàn của Phật. Làm xong bổn phận, ông được danh xưng Trưởng lão Kosambivàsi Tissa. Thí chủ của ông cúng dường ba y với mật, đường, đặt dưới chân. Ông hỏi: - Gì thế, cư sĩ? Họ thưa: - Bạch Tôn giả, Ngài đã ở đây với chúng con suốt mùa mưa, ai như thế đều được cúng dường. Xin hãy nhận, Tôn giả! - Đừng quan tâm, cư sĩ. Tôi không cần dùng. Tôi không có Sa-di để làm những việc tạp dịch cho tôi, đạo hữu ạ. - Bạch Tôn giả, nếu thế con trai con sẽ làm Sa-di cho Ngài. Trưởng lão vui lòng nhận phẩm vật. Cư sĩ đem đứa con lên bảy tuổi giao phó cho Trưởng lão xin được nhận vào Tăng đoàn. Trưởng lão cạo tóc cho chú, dạy thiền quán trên năm yếu tố đầu của thân, và nhận chú vào Tăng đoàn. Ngay khi lưỡi dao chạm vào tóc, chú chứng A-la-hán cùng những thần thông. Trưởng lão ở lại đó nửa tháng, rồi sai Sa-di lấy những món cần dùng, lên đường thăm Thế Tôn. Trên đường đi ông ghé vào một tinh xá. Chú Sa-di lo kiếm chỗ cho Trưởng lão nghỉ, sửa soạn sắp xếp xong thì trời tối, chú không thể kiếm chỗ cho mình. Thấy đệ tử chưa có chỗ, Trưởng lão cho chú vào phòng ngủ tiện hơn là ngủ bên ngoài, nơi dùng cho khách. Bấy giờ Trưởng lão chưa chúng quả Dự lưu, nằm xuống ông ngủ ngay. Riêng chú Sa-di phải ngồi kiết già gần giường thầy suốt đêm, tính đến hôm nay là ngày thứ ba chú ở chung phòng với thầy nên không dám nằm xuống ngủ, vì sợ phạm lỗi ngủ chung. Sáng ra Trưởng lão thức dậy cầm quạt để sẵn trên giường, đập đầu lá cọ trên chiếu của chú Sa-di rồi ném quạt bảo: - Sa-di, dậy đi! Cán quạt trúng vào mắt làm đui luôn mắt chú. Chú vẫn bình tĩnh thưa hỏi lại: - Thưa Tôn giả, Ngài dạy gì? - Dậy đi ra!

Chú vẫn im lặng, ôm mắt đi ra. Đến giờ làm bổn phận chú không hé môi nói con mắt của mình bị đui, cũng không ngồi lại, một tay che mắt, một tay cầm chổi, chú quét cầu tiêu, phòng tắm, rồi tiếp tục múc nước rửa mặt, quét phòng cho thầy. Nhưng khi đưa tăm cho thầy, chú đưa một tay. Trưởng lão quở: - Chú tiểu này chưa được dạy đàng hoàng. Có Sa-di nào đưa tăm cho thầy mà đưa một tay không? - Bạch Tôn giả, con biết rõ phải làm sao cho đúng, nhưng một tay con không được tự do. - Có việc gì thế, Sa-di? Chú kể lại sự việc, Trưởng lão nghe xong quá ư xúc động, thấy mình đã gây một việc rất tệ hại. Ông bảo chú: - Tha lỗi cho tôi, chú bé tuyệt vời! Tôi không được biết. Hãy cho tôi được nương tựa! Và ông cung kính đảnh lễ Sa-di mới lên bảy. Chú thưa: - Không phải vì muốn được như thế mà con nói ra, thưa Tôn giả. Con nói ra để Ngài khỏi phải lo lắng. Ngài không có lỗi trong việc này, kể cả con nữa. Chỉ có luân hồi gây ra tội lỗi này. Vì con muốn Ngài khỏi phải ăn năn, nên con đã không nói sự thật với Ngài ngay từ đầu. Chú cố gắng khuyên giải Trưởng lão nhưng không được. Quá ân hận, Trưởng lão lấy những món tùy thân của Sa-di rồi đến gặp Thế Tôn. Phật đang ngồi trên tòa thấy Trưởng lão tiến đến, hỏi: - Tỳ-kheo, mọi việc tốt đẹp chứ? Chắc ông không có gì phiền phức? Trưởng lão thưa: - Bạch Thế Tôn, đối với con không có gì phiền hà, nhưng ở đây có chú tiểu đức hạnh tuyệt vời, con chưa từng thấy. Và Trưởng lão thuật chuyện cho Phật nghe. Phật bảo: - Tỳ-kheo! Người thoát khỏi dục lậu không còn sân giận hận thù bất cứ ai, trái lại tâm ý đều an tịnh. Và Ngài nói Pháp Cú: (96) Người tâm ý an tịnh, Lời an, nghiệp cũng an, Chánh trí, chân giải thoát, Tịnh lạc là vị ấy. 8. Không Tin Vào Ai Khác Không tin vào ai khác ... Thế Tôn đã dạy câu này tại Kỳ Viên, về Trưởng lão Xá-lợi-phất.

Một hôm ba mươi tu sĩ ở rừng đến gặp Phật, đảnh lễ và ngồi xuống. Phật nhận thấy họ đủ duyên lành chứng A-la-hán, hỏi Xá-lợi-phất: - Xá-lợi-phất! Ông có tin rằng tín lực khi được khai mở và phát triển, sẽ đưa đến bất tử không? Trưởng lão đáp: - Con không hành trì dựa theo niềm tin vào Thế Tôn, cho rằng tín lực khi được khai mở và phát triển sẽ đưa đến Bất tử và thành tựu Bất tử. Nhưng dĩ nhiên, bạch Thế Tôn, ai chưa biết về Bất tử hoặc chưa thấy, chưa nhận ra được, chưa thấu hiểu, chưa nắm Bất tử bằng trí lực, những người như thế cần phải hành trì dựa theo niềm tin vào người khác, nghĩa là với tín lực, khi được khai mở và phát triển sẽ đưa đến Bất tử và thành tựu Bất tử. Các Tỳ-kheo nghe thế bảo nhau: - Trưởng lão Xá-lợi-phất chưa thực sự dứt sạch tà kiến. Đến bây giờ Ngài còn phủ nhận niềm tin vào đấng Toàn Giác. Phật nghe vậy dạy rằng: - Các Tỳ-kheo! Tại sao các ông nói thế? Khi Ta hỏi Xá-lợi-phất: "Ông có tin rằng không khai triển ngũ lực, không khai triển định huệ, có thể chứng đạt đạo quả chăng?" Và ông ta đã trả lời: "Như thế không thể chứng được đạo quả". Rồi Ta hỏi: "Ông có tin phước báo do bố thí và thiện nghiệp chăng? Ông không tin vào công hạnh của chư Phật và những phước đức khác sao?" Nhưng thực tế Xá-lợi-phất không hành trì dựa theo niềm tin vào người khác mà chính ông tự chứng đạt đạo quả bằng huệ lực có từ thiền định. Do đó ông ta không thể bị khiển trách. Và Phật nói Pháp Cú: (97) Không tin vào ai khác, Thấu triệt lý vô vi, Nhân tái sanh cắt đứt, Thiện ác đều không màng, Đã xả ly tham ái, Vị ấy thật tối thượng. 9. Trưởng Lão Revata Trong Rừng Heo Làng mạc hay rừng núi ... Câu này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Khadiravaniya Revata. A.

Revata Đi Tu Khi Tôn giả Xá-lợi-phất từ bỏ gia tài tám trăm bảy mươi triệu trở thành Tỳ-kheo, ba người chị của Ngài là Càlà, Upacàlà và Sìsùpacàlà cùng với hai em trai Canda và Upasena đều đi tu, chỉ còn em út là Revata, tức Ly-bà-đa ở nhà. Nghĩ rằng nếu chú út Ly- bà-đa cũng đi tu nốt thì tất cả gia tài này sẽ tiêu tan, gia đình sụp đổ, nên bà mẹ định cưới vợ cho chú dù hãy còn nhỏ. Trưởng lão Xá-lợi-phất có lẽ đoán biết trước nên có căn dặn

các Tỳ-kheo khi Ly-bà-đa xin đi tu thì chấp nhận ngay, vì cha mẹ còn giữ tà kiến không thể xin phép họ, Trưởng lão là cha mẹ của Ly-bà-đa. Ly-bà-đa lên bảy thì được mẹ sửa soạn cưới vợ là một cô gái nhà lành. Ngày cưới đã định, với trang phục đẹp đẽ và trang sức đắt tiền, chú dẫn đoàn tùy tùng đến nhà gái. Thân tộc hai họ đặt vào tay cô dâu chú rể một bình nước, chúc mừng và bảo cô dâu: - Chúc cô được như bà nhé! chú cô sống lâu như bà nhé! Ly-bà-đa thắc mắc không hiểu "bà" là ai, và giống bà là sao. Họ chỉ một bà lão trên một trăm hai mươi tuổi rụng hết răng và tóc bạc, mặt mũi nhăn nhúm, nốt ruồi đầy mình, lưng cong như nóc nhà hình chóp uốn. Chú hỏi lại cho chắc: - Nhưng vợ tôi có ngày cũng giống như thế à? - Đúng vậy, nếu cô ta sống dai. Revata nghĩ thầm: "Vợ ta kiều diễm như thế, già đi thì xấu xí như vậy, chắc là anh Upatissa cũng thấy sự biến đổi này, chắc là ta phải bỏ chạy đi tu thôi!". Thế là Ly-bà-đa quyết định ngay. Cùng cô dâu lên kiệu đi một đoạn đường, chú bảo kiệu ngừng xuống cho chú đi vệ sinh. Chú chạy vội vào một bụi cây, ở đó một lúc, xong trở lại lên kiệu. Lần thứ hai rồi lần thứ ba, họ hàng riết rồi chẳng ai thèm để ý nữa. Lần cuối, họ cứ đi trước không thèm chờ chú. Ly-bà-đa trốn thoát và đến chỗ ba mươi Tỳ-kheo đang sống gần đó, đảnh lễ họ thưa xin được nhận vào Tăng đoàn. Họ thấy chú trang sức quá đẹp, không biết là con vua hay con quan nên ngần ngừ. Chú khẩn khoản: - Chư Tôn giả không nhận ra con sao? Con là em út của Upatissa. Họ ngơ ngác hỏi: - Upatissa là ai? - Chư Tôn giả, phải rồi. Các Tỳ-kheo gọi anh con là Xá-lợi-phất nên không biết tên Upatissa. - Chú là em út của Xá-lợi-phất à? Vậy thì đến đây! Anh chú đã giao phó cho chúng tôi việc này. Rồi họ tháo bỏ châu báu trên người chú, nhận chú vào Tăng đoàn và nhắn tin đến Trưởng lão. Ngài đến gặp Phật và xin đi thăm em, lần thứ nhất và lần thứ hai đức Phật đều chưa cho phép mà hẹn sẽ cùng đi thăm các Tôn giả sau. Sa-di Ly-bà-đa đang sợ rằng ở đây bà con sẽ kéo đến bắt về nhà, nên chú xin các Tỳ-kheo dạy đề mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán, rồi giã từ các Tỳ-kheo, đắp y ôm bát lên đường khất thực. Hành trình suốt ba mươi dặm, chú đến khu rừng keo, ở lại đó hết mùa mưa, và chứng A-la-hán cùng các thần thông trước khi mãn hạ. B. Đức Phật Thăm Ly-Bà-Đa. Sau lễ Tự Tứ, Trưởng lão Xá-lợi-phất lại đến xin Phật cho đi thăm em, lần này được chấp thuận. Phật cùng lên đường với năm trăm Tỳ-kheo. Được một đoạn ngắn, đến ngã ba, Trưởng lão A-nan bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có hai đường đi đến chỗ Ly-bà-đa. Một đường an toàn dài sáu mươi dặm, có người ở, và đường kia thẳng tắp, dài ba mươi dặm, có ác thần quấy nhiễu. Chúng ta sẽ đi lối nào? Phật hỏi lại: - Này, A-nan! Có Sìvali đi với chúng ta không? - Dạ có, bạch Thế Tôn! - Thế thì giá nào cũng phải đi đường thẳng. Thay vì nói "Ta bảo đảm các ông sẽ được cung cấp súp và cơm, hãy đi đường ngắn", Phật lại bảo đi đường thẳng nếu có Sìvali, vì Ngài biết các Tỳ-kheo sẽ được cúng dường do phước báo từ một thiên

nghiệp. Ngay khi Thế Tôn đặt chân lên đường, thần rừng bảo nhau sẽ lễ kính Sìvali. Họ dựng nhà nghỉ ở mỗi dặm trên suốt con đường. Các Tỳ-kheo chưa đi xa hơn một dặm thì họ đã dậy sớm lấy súp, cơm và những thức ăn khác từ trời đến tìm Trưởng lão Sìvali. Trưởng lão dâng lên Phật cùng chúng Tăng những món họ cúng dường cho Ngài. Như thế Phật cùng Tăng chúng hành trình suốt ba mươi dặm vừa xa vừa khó khăn, và hưởng đủ phước báo dành cho Trưởng lão Sìvali. Biết Thế Tôn đến, Trưởng lão Ly-bà-đa đã dựng ngay một hương thất cho Phật bằng thần lực, năm trăm nhà ở có tháp, năm trăm lối đi có mái che và năm trăm chỗ ở đêm và ngày cho các Tỳ-kheo. Thế Tôn ở đây trọn một tháng như khách của Trưởng lão Ly-bà-đa, hưởng phước báo từ công đức của mỗi một mình Trưởng lão Sìvali. Có hai Tỳ-kheo già cũng đến đó, thấy thế thắc mắc, làm sao Ly-bà-đa có thể hành thiền khi bận rộn với biết bao công trình xây dựng mới này. Họ cho rằng Thế Tôn đã tỏ ra thiên vị em út của Xá-lợi-phất. Thế Tôn sáng sớm quan sát thế gian, thấy hai Tỳ-kheo này cùng với ý nghĩ của họ. Vì thế ngày họ ra khỏi rừng, Phật khiến họ quên mang theo đồ đựng dầu, bình nước và giày. Họ vừa ra khỏi cổng tinh xá, Phật thi triển thần thông. Lập tức hai Tỳ-kheo đó kêu lên: - Tôi để quên cái này, quên cái nọ. - Chết! tôi cũng vậy. Cả hai trở lại chỗ cũ tìm kiếm quanh quất. Gai keo đâm quẹt chân cẳng họ mà chẳng thấy đồ đạc để đâu, cuối cùng họ bắt gặp treo trên cành cây keo. Thế Tôn và Tăng chúng ở đó thêm một tháng nữa, cũng hưởng phước báo từ công đức của Sìvali, rồi đến ngụ ở Pubbàràma. Hai Tỳ-kheo già kia sáng sớm rửa mặt xong đến nhà thí chủ Tỳ-xá-khư khất thực. Họ được mời ngồi, ăn súp với thức ăn cứng. Tỳ-xá- khư hỏi thăm họ: - Chư Tôn giả có theo Thế Tôn đến chỗ Trưởng lão Ly-bà-đa không? - Có, cư sĩ! - Chư Tôn giả, chỗ của Trưởng lão là một chỗ tuyệt đẹp.

- Tuyệt đẹp gì đâu! Là một rừng toàn là cây keo đầy gai trắng cư sĩ ạ. Chỉ thích hợp với ẩn sĩ. Sau đó có hai Tỳ-kheo trẻ đến gõ cửa. Cư sĩ cũng dâng lên họ thức ăn cứng với súp rồi hỏi lại câu trên. Họ đáp: - Cư sĩ, thật không thể mô tả bằng lời. Chỗ ở của Trưởng lão giống như cung điện thiên đường Sudhammà được tạo bằng thần lực. Kẻ trước người sau nói khác nhau. Tỳ-xá-khư suy ra chắc Thế Tôn thi triển thần thông đúng như sự việc đã xảy ra. Tuy thông minh đoán biết như thế, bà vẫn chờ để hỏi Thế Tôn. Thế Tôn và Tăng đoàn đến nhà Tỳ-xá-khư, ngồi xuống chỗ đã được dọn sẵn. Bà kính cẩn phục vụ. Cuối bữa ăn bà đảnh lễ Thế Tôn, thưa hỏi: - Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đi theo Ngài có người bảo rằng chỗ ở của Trưởng lão Ly-bà-đa là một khu rừng keo gai góc. Người khác lại nói đó là chỗ tuyệt đẹp, vậy là thế nào? Phật đáp: - Cư sĩ, dù đó là một ngôi làng hay một khu rừng, hay bất cứ nơi nào A-la-hán ngụ, chỗ ấy đều tuyệt diệu. Và Ngài nói Pháp Cú: (98) Làng mạc hay rừng núi, Thung lũng hay đồi cao, La-hán trú chỗ nào, Đất ấy thật khả ái. Một lần khác, các Tỳ-kheo bàn tán với nhau không hiểu tại sao Trưởng lão Sàvali ở trong bụng mẹ bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Tại sao Ngài phải đọa địa ngục? Làm thế nào Ngài đạt đến tuyệt đỉnh danh lợi? Phật nghe thế liền thuật lại: Chuyện quá khứ C. Cúng Mật Và Bao Vây Thành. Này các Tỳ-kheo! Cách đây chín mươi mốt kiếp, đức Phật Vipassì ra đời. Nhân chuyến du hành khất thực trong xứ, Ngài trở về thành của vua cha. Dân chúng được loan tin đóng góp thêm với vua để cúng dường Phật cùng Tăng đoàn. Xong bổn phận rồi, họ muốn cúng dường riêng và nhiều

hơn, nên mời Thế Tôn, luôn cả vua, vào ngày hôm sau. Thấy phẩm vật dồi dào, vua muốn cúng hơn nên vua mời Thế Tôn ngày kế tiếp. Hai bên thi nhau giành phần hơn, nhưng dân không hơn nổi vua, vua không hơn nổi dân. Đến lần thứ sáu dân chúng quyết định ngày mai sẽ cúng dường sao cho vua không thể nói là thiếu món này, món nọ được. Mật đã có rất nhiều để nấu ăn, nhưng không có mật tươi. Họ phải sai người ra bốn cửa thành, mỗi người mang một ngàn đồng, kiếm mua. Bấy giờ có một người dân quê, trên đường vào thành gặp thôn trưởng, thấy một tổ ong trên cây. Đuổi ong đi, anh cắt nhánh cây lấy mật, định sẽ biếu thôn trưởng. Người

tìm mật thấy anh liền gạ hỏi mua. Anh không bán. Anh kia nằn nỉ trả giá mãi, từ một xu lên dần. Anh dân quê nghĩ bụng ông này chắc có tiền nên càng neo giá, cuối cùng lên đến một ngàn đồng thì anh chịu bán, nhưng cũng không quên nói thêm một câu: - Này ông bạn, ông có điên hay không biết cách xài mật? Mật này không đáng giá một giác (bằng một phần tư xu) mà ông trả đến một ngàn đồng nghĩa là sao? Anh kia giải thích: - Đúng vậy. Nhưng vì tôi cần mật này để cúng dường đức Phật Vipassì với sáu mươi tám ngàn Tỳ-kheo. - Nếu vậy tôi sẽ không bán với giá nào cả. Nếu tôi nhận được công đức cúng dường tôi sẽ trao không cho ông. Anh kia mang mật trở về và thuật chuyện, dân chúng tin sâu vào sự bố thí cúng dường nên đều đồng ý dành một phần công đức cho anh nhà quê. Đến ngày trai tăng, Phật và Tăng chúng được dâng chỗ ngồi, súp và thức ăn cứng. Một bình bát đựng đầy mật được mang đến. Anh dân quê cũng mang một chai sữa dâng, rót vào bình, trộn với mật và dâng lên Phật và Tăng chúng. Tất cả các Tỳ-kheo đều nhận đủ phần mình mà vẫn còn dư mật (vì có thần lực trong đó). Do làm một việc thiện nhỏ như thế, anh dân quê tái sanh vào cõi trời. Sau một thời gian dài anh sanh làm hoàng tử xứ Ba-la-nại, nối ngôi khi vua cha băng hà. Tân vương đăng quang xong, quyết định đánh chiếm thành của nước láng giềng. Vua bao vây thành, bắn tin với dân chúng hoặc chiến đấu hoặc trao vương quốc. Họ không chiến đấu cũng không trao vương quốc, mà cố thủ. Họ ra vào bằng cổng nhỏ, kiếm củi, nước.v.v.. Vua gác ở bốn cổng chánh và bao vây thành suốt bảy năm, bảy tháng. Mẹ vua biết chuyện bảo vua ra lệnh đóng hết cổng nhỏ và phong tỏa kín mít. Vua vâng lệnh, dân chúng không thể ra khỏi thành được nữa, và vào ngày thứ bảy họ giết vua dâng thành và vương quốc. Vì phạm tội này, mạng chung vua bị đọa vào địa ngục A-tỳ đau đớn cho đến khi mặt đất được nâng cao lên một dặm. Vì đóng hết cổng nhỏ nên hết kiếp đó ông đầu thai vào bụng mẹ, ở đó suốt bảy năm, bảy tháng, nằm ngang tử cung bảy ngày. Như thế, các Tỳ-kheo, qua việc bao vây thành, Sìvali phải chịu khổ ở địa ngục và nằm lâu trong thai mẹ; nhưng vì công đức cúng dường mật tươi ông được lợi dưỡng tột đỉnh. Lại một ngày khác, các Tỳ-kheo bàn tán về lợi lộc to lớn cũng như công đức vượt bậc của Sa-di Revata do dựng năn trăm nhà có tháp nhọn cho năm trăm Tỳ-kheo. Thế Tôn nghe qua bèn dạy: - Các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta không còn bị dính mắc vào thiện và ác, ông đã từ bỏ cả hai. Và Phật đọc Pháp Cú trong phẩm Bà-la-môn: (412) Người sống ở đời này, Không nhiễm cả thiện ác, Không sầu, sạch không bụi, Ta gọi Bà-la-môn.

10. Một Kỹ Nữ Cám Dỗ Một Tỳ Kheo Khả ái thay núi rừng ... Câu này Thế Tôn dạy ở Kỳ Viên, liên quan đến một phụ nữ. Một Tỳ-kheo nọ nhận đề mục thiền quán nơi Thế Tôn, ôm bình bát lên đường khất thực. Ngài đi vào một lạc viên đổ nát để hành thiền. Lúc

bấy giờ có một kỹ nữ hẹn hò với một người đàn ông. Chờ mãi không gặp, thất vọng nàng đi lang thang và cũng đến lạc viên. Ngó quanh quất không thấy ai ngoài một Tỳ-kheo đang ngồi kiết già, nàng quyến rũ ông bằng cách cởi bỏ xiêm y trước mặt ông rồi mặc vào nhiều lần, xõa tóc ra rồi lại cuốn lên, vỗ tay và cười. Trưởng lão bị kích động, toàn thân Ngài nhộn nhạo, lòng hoang mang, tự hỏi không biết thế này nghĩa là sao. Thế Tôn quán sát thấy hết mọi việc. Vẫn ngồi trong hương thất, Ngài bảo: - Các Tỳ-kheo! Chẳng thích thú gì chỗ sống của những người chạy theo dục lạc. Nhưng chỗ những người thoát khỏi dục lạc thì thật là thích thú. Nói xong, Phật phóng quang hiện thân trước vị Tỳ-kheo, dạy Pháp Cú: (99) Khả ái thay núi rừng, Chỗ người phàm không ưa, Vị ly tham ưa thích, Vì không tìm dục lạc. Cuối bài kệ, Tỳ-kheo chứng A-la-hán cùng các thần thông ngay khi đang ngồi.

PHẨM VIII: NGÀN 1. Tên Đao Phủ Dù nói năng ngàn lời ... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm, về chuyện tên đao phủ răng đồng. Một bọn bốn trăm chín mươi chín tên cướp sống bằng nghề cướp bóc các thôn làng và những nghề bạo động khác. Bấy giờ, có một gã răng màu đồng, da ngâm đen, mình đầy sẹo, đến xin nhập bọn với chúng. Chúa đảng nhìn gã thấy tánh tình tàn bạo quá đỗi, có thể ăn thịt mẹ và uống máu cha, nên từ chối. Dù thế gã vẫn tìm cách nịnh để mua chuộc cảm tình một lâu la hầu cận, kết quả gã được thâu nhận. Đến một lúc nào đó hết thời, bọn cướp bị dân chúng hợp lực với lính nhà vua bắt được, đưa hết ra tòa. Quan tòa ra lệnh chặt đầu bọn chúng bằng rìu. Dân chúng bối rối không tìm ra người bằng lòng làm đao phủ. Cuối cùng họ bảo tên chúa đảng nếu chịu giết hết bọn sẽ được tha mạng và còn được thưởng nhiều. Nhưng đã từng chung sống với nhau, hắn cũng không nỡ. Họ hỏi đến tên răng đồng, da ngâm đen, mình sẹo nọ, gã đồng ý. Rồi gã giết hết cả bọn, được tha mạng và lãnh thưởng. Cũng thế họ đem năm trăm tên cướp trong xứ từ phía nam đến xét xử, và kết án tử hình. Không tìm được đao phủ, họ nhớ đến gã, tìm đến, gã bằng lòng. Họ cho gã là người xuất sắc và phong làm đao phủ thường trực. Sau đó họ đem năm trăm kẻ cướp từ phương tây, rồi từ phương bắc đến, và gã giết hết tổng cộng hai ngàn người từ bốn hướng. Từ đó mỗi ngày gã giết một hay hai người. Trong suốt năm mươi lăm năm, gã hành nghề đao phủ công cộng. Về già, gã không thể chặt đầu người một nhát, mà phải hai đến ba nhát, gây thêm đau đớn vô ích cho nạn nhân; vì thế dân chúng muốn kiếm người khác và cho gã nghỉ việc, tức về sau gã sẽ mất bốn bổng lộc là quần áo cũ, cháo sữa nấu từ bơ tươi, hoa nhài và dầu thơm để trang điểm. Do đó ngày bị bãi chức, gã ra lệnh nấu cháo sữa sẵn, rồi ra bờ sông tắm. Xong, gã mặc quần áo cũ, đeo vòng hoa nhài, xức dầu thơm vào tay chân, về nhà ngồi xuống thì cháo sữa đặt trước mặt với nước rửa tay. Vào lúc đó Trưởng lão Xá-lợi-phất xả thiền, nhìn trước lối sẽ đi khất thực, thấy cháo sữa trong nhà tên đao phủ cũ, Ngài biết rằng người đặc biệt này sẽ đối xử tử tế, do đó ông sẽ được phước báo lớn. Thấy Trưởng lão khoát y ôm bát đứng trước cửa nhà, ông sanh tâm hoan hỷ, và nghĩ đến biết bao mạng người chết dưới lưỡi đao của mình, ông phát tâm cúng dường. Ông cất tô cháo đặt trước mặt mình, bước ra đảnh lễ và mời Trưởng lão vào nhà ngồi, trút cháo vào bình bát, rưới mật tươi lên, và đứng quạt một bên. Đã lâu không nếm cháo sữa, ông thèm ghê gớm. Trưởng lão đọc được ý ông bèn bảo ông hãy ăn đi. Ông đưa quạt cho người khác quạt Trưởng lão, còn ông thì

ăn cháo. Trưởng lão bảo người quạt hãy qua quạt cho ông đao phủ cũ. Thế là có người quạt hầu, ông ăn một bữa cháo no bụng rồi lấy quạt lại, quạt cho Trưởng lão. Ngài thọ thực xong, ông đỡ lấy bình bát, và Trưởng lão bắt đầu hồi hướng công đức. Nhưng ông chẳng thể để tâm

nghe được, vì lâu nay làm việc tàn bạo giết hại nhiều người, giờ đây nhớ lại tâm trí quá rối loạn, ông không chú tâm được. Do đó Trưởng lão tìm lời khéo để giúp ông: - Ông làm việc tự ý mình hay theo lệnh người khác? - Vua sai con làm, bạch Tôn giả. - Nếu thế, ông đâu có lỗi gì, cư sĩ. Ông hoang mang, vì theo lời Trưởng lão ông không có lỗi gì. Ông xin Trưởng lão nói tiếp bài hồi hướng. Tâm ông trở nên tĩnh lặng, nhẫn lực được khai mở ông tiến đến quả Dự lưu. Trưởng lão ra về, ồng tiễn Ngài một đoạn đường. Trên đường về ông bị quỷ Dạ- xoa dưới lốt con bò cái húc chết. Ông tái sanh vào cõi trời Đâu Suất. Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường về tên đao phủ, và thắc mắc không biết ông ta sanh về đâu. Phật đến, nghe thấy liền dạy: - Các Tỳ-kheo! Ông ta sanh lên cõi trời Đâu Suất. Ông ta đã được đại thiện tri thức thuyết pháp cho, nhờ đó ông mở mang tri kiến, nên được sanh thiên. Xong, Phật nói kệ: Người đao phủ trong thành, Nghe những lời khéo nói, Được nhẫn và sau đó, Lên cõi trời hưởng vui. Các Tỳ-kheo vẫn còn ngạc nhiên, hỏi tiếp: - Bạch Thế Tôn, trong lời hồi hướng thật ra đâu có năng lực gì ghê gớm. Vả lại, người này đã lầm lỗi rất nhiều, làm sao ông ta chứng đạt với ít lời như thế? Thế Tôn đáp: - Các Tỳ-kheo, đừng đo lường giáo pháp của Ta nhiều hay ít lời. Một câu đầy đủ đạo lý vẫn có công đức siêu việt. Và Ngài nói Pháp Cú: (100) Dầu nói năng ngàn lời, Nhưng không gì lợi ích Tốt hơn một câu nghĩa Nghe xong, được tịnh lạc. 2. Sự Chuyển Hóa Của Bàhiya Dàrucìriya Dầu nói ngàn câu kệ ... Câu này Thế Tôn đã dạy khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Bàhiya Dàrucìriya. Một nhóm người ra biển, không may thuyền bị thủng. Ai cũng làm mồi cho cá, trừ một người vớ được miếng ván, cố hết sức lội vào bờ, gần cảng Suppàraka. Mất hết y phục, ông quấn vỏ cây quanh mình, luôn cả nhánh non, và được một gia chủ cho một mảnh sành, ông đến cảng Suppàraka. Người ta cho ông súp, cháo và các món ăn khác. Họ tôn kính ông, cho đó là một vị A-la-hán. Nếu mặc vải tốt chắc không được danh lợi như

thế, nên ông vẫn che thân với vỏ cây. Nhiều người thường chào mừng gọi ông là A-la-hán, nên ông nghĩ có lẽ mình thật là một trong những A-la-hán trên thế gian này, hay ít ra cũng đang thú hướng đến quả vị A-la-hán. Ông đã làm động tâm một vị trời thời xưa là thân tộc của ông. A. Ngoài Đề - Chuyện Quá Khứ Thân tộc này, tức là người đã hành thiền với ông trong kiếp trước. Vào thời Phật Ca-diếp lúc đạo pháp suy vi, có bảy Tỳ-kheo buồn tiếc về đức hạnh lui sụt của các tân Tỳ-kheo, Sa-di và những người khác, bảo nhau: - Trong lúc giáo pháp còn, chúng ta hãy tự độ mình thật chắc chắn. Rồi sau khi lễ đền vàng, họ vào rừng, gặp ngọn núi, họ tuyên bố ai còn đắm trước đời sống thế gian hãy trở lại, ai hết ràng buộc hãy lên núi. Họ đặt thang và mọi người đều lên núi, xong họ đá cho thang ngã xuống, và dốc sức thiền định. Chỉ sau một đêm thôi, Trưởng lão dẫn đầu chứng A-la-hán. Đại Trưởng lão này nhai một cuống trầu ở hồ A-nậu-đạt, súc miệng và đem thức ăn lấy từ Bắc Câu Lô Châu đến nói với các Tỳ-kheo kia: - Chư huynh đệ! Hãy nhai cuống trầu này, súc miệng và dùng thức ăn này. Nhưng họ từ chối, viện lý do chỉ dùng thức ăn do chính mình mang về sau khi đã chứng A-la-hán như Đại

Trưởng lão. Vào ngày thứ hai, Đệ nhị Trưởng lão chứng Tam quả, và cũng đem thức ăn đến mời, nhưng họ từ chối, vì không lẽ đã khước từ thức ăn của Đại Trưởng lão mà bây giờ nhận thức ăn của Đệ nhị Trưởng lão. Sau đó, Đại Trưởng lão nhập Niết-bàn, Đệ nhị Trưởng lão sanh về cõi Phạm thiên, còn năm vị kia không khai mở được Minh-sát-tuệ, héo mòn dần, qua đời vào ngày thứ bảy và được sanh thiên. Đến thời Phật hiện đời, họ sanh vào những gia đình khác nhau. Một người là vua Pukkusàtì, người là Kumàra Kassapa, người là Dàrucìriya, người khác là Dabba Malla, và một người là Tỳ-kheo Sabhiya. "Vị thân quyến trước đây" ám chỉ vị Tỳ-kheo đã sanh vào cõi Phạm thiên. B. Đoạn Kết Sự Chuyển Hóa Của Bàhiya Dàrucìraya Vị Phạm thiên thấy bạn mình là Bàhiya đang theo tà kiến, có thể bị trầm luân rất nguy hiểm, nên tìm cách kích động ông ta: - Này Bàhiya, anh không phải là A-la-hán, cũng chưa thú hướng đến quả vị A-la-hán, và con đường anh đang theo cũng không đưa đến quả vị A-la-hán. Bàhiya rất hoang mang không biết mình ra sao, liền hỏi: - Thiên nhân! Có lẽ có A-la-hán hay những vị thú hướng A-la-hán trên thế gian hiện nay? - Bàhiya, hướng bắc có một thành tên Xá-vệ, có đức Thế Tôn, bậc A-la-hán của những A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác đang thuyết pháp đưa đến quả vị A-la-hán. Lúc đó đang đêm, tâm tư Bàhiya xao động mãnh liệt, ông tức tốc rời Suppàraka lên đường đi Xá-vệ suốt đêm, nuốt hết một trăm hai mươi dặm, nhờ thần lực của vị phạm thiên (có chỗ bảo của Phật). Bàhiya đến nơi thì Phật đã vào thành khất thực. Thọ thực

xong, ông thấy các Tỳ-kheo đi kinh thành ngoài trời liền hỏi thăm Thế Tôn. Biết ông đến từ rất xa, các Tỳ-kheo khuyên ông ngồi xuống rửa chân, xức dầu và nghỉ ngơi, khi Thế Tôn trở về ông sẽ gặp Ngài. Ông không thể chờ đợi, toàn thân run lên, ông bảo các Tỳ- kheo: - Bạch Tôn giả! Tôi không biết khi nào Thế Tôn có thể qua đời, hay tôi sẽ qua đời. Tôi vừa vượt qua một đoạn đường dài một trăm hai mươi dặm chỉ trong một đêm, không dừng lại cũng không dám ngồi xuống nghỉ bất kỳ ở đâu. Ngay khi gặp Thế Tôn tôi sẽ nghỉ ngơi. Ông vào Xá-vệ gặp Thế Tôn đang khất thực, dáng dấp vô cùng trang nghiêm của một vị Phật. Bao lâu nay, bây giờ ông mới gặp được Ngài Cồ-đàm, đấng Toàn Giác. Và tại chỗ ông vừa mới thấy Phật, ông cung kính cúi mình tiến đến gần Phật và đảnh lễ Ngài ở giữa đường, ôm mắt cá chân Ngài và thưa: - Xin đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, đấng An Lạc hãy thuyết pháp cho con, để con được lợi lạc lâu dài và được giải thoát an lạc. Phật đuổi ông đi bảo: - Ông đến phi thời, Bàhiya! Ta đang vào nhà người khất thực. Bàhiya lòng vẫn nôn nóng thưa tiếp: - Bạch Thế Tôn, trước đây con đã không chịu nhận thức ăn vật chất, và con đã mãi trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. Con không biết khi nào Thế Tôn hay con sẽ qua đời, xin thuyết pháp cho con. Lần thứ hai, Thế Tôn từ chối. (Thấy được Phật ông quá vui mừng, và tâm còn kích động, ngoài ra thân cũng còn mệt, do đó nếu có giảng pháp, Phật chắc ông sẽ khó lĩnh hội). Lần thứ ba, Thế Tôn vẫn đứng ở giữa đường, dạy: - Vậy thì, Bàhiya, ông phải học thế này: "Trong cái thấy chỉ có cái bị thấy, trong cái nghe chỉ có cái bị nghe, trong cái nghĩ chỉ có cái bị nghĩ, trong cái hiểu chỉ có cái bị hiểu"; do đó, này Bàhiya, ông không ở đây. Này Bàhiya, vì ông không ở đây, do đó ông không ở đời này, cũng chẳng ở đời sau, không ở cả hai đời. Chỉ có thế mới chấm dứt đau khổ. Ngay khi Bàhiya nghe xong bài pháp, ông dứt trừ lậu hoặc, chứng A-la-hán cùng các thần thông. Liền đó ông xin Phật

được nhận vào Tăng đoàn. Phật hỏi ông có y bát chưa, ông đáp chưa có. Phật bảo hãy tự tìm lấy, rồi Ngài quay đi. Trong hai mươi ngàn năm hành thiền, Bàhiya chưa hề cúng dường y bát cho một Tỳ-kheo nào, trái lại ông thường nói một Tỳ-kheo phải tự lo lấy vật dụng cho mình, kể cả thức ăn, không nên nhờ ai khác. Thế Tôn biết thế, và cũng biết vì thế ông sẽ không nhận được y bát từ thần lực, do đó Ngài không nhận ông vào Tăng đoàn với câu: "Hãy đến, Tỳ-kheo" như thường lệ. Bàhiya đang đi tìm y bát thì quỷ Dạ-xoa dưới lốt con bò cái đến húc ông chết. Khất thực xong, Thế Tôn với chúng Tăng đến nơi thấy xác ông nằm sóng soài trên đống rác. Ngài liền bảo các Tỳ-kheo lấy cáng đang dựng tại cửa nhà nọ, khiêng xác ra khỏi

thành, thiêu và đắp đất chôn. Làm xong họ về tinh xá thưa lại với Phật và hỏi về đời sau của ông. Phật cho biết ông đã nhập Niết-bàn, và trong các đệ tử cư sĩ và xuất gia, Bàhiya là đệ nhất về học tập Phật pháp mau chóng. Các Tỳ-kheo hỏi tiếp: - Bạch Thế Tôn, Bàhiya đã chứng A-la-hán khi nào? - Các Tỳ-kheo, chính là vào lúc nghe Ta thuyết pháp. - Nhưng bạch Thế Tôn, Ngài thuyết pháp cho ông ta lúc nào? - Khi Ta đang đi khất thực, đứng ở giữa đường. - Một bài pháp quá ngắn ở giữa đường như thế, Bạch Thế Tôn, ông ta khai mở được Minh sát tuệ với ít lời như thế sao? - Các Tỳ-kheo! Chớ đo lường pháp của ta là ít là nhiều. Nói ngàn câu kệ không hiệu quả, cũng không bằng chỉ một câu đầy đủ đạo lý. Và Phật đọc Pháp Cú: (101) Dầu nói ngàn câu kệ, Nhưng không gì lợi ích, Tốt hơn nói một câu, Nghe xong, được tịnh lạc. 3. Cô Gái Lấy Tên Cướp Dầu nói trăm câu kệ ... Phật dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Kundalakesì Một thương gia giàu có tại Vương Xá, có duy nhất một cô con gái mười sáu tuổi tuyệt đẹp và khả ái. Cha mẹ cho cô ở trên tầng chót tòa lâu đài bảy tầng, trong một phòng lộng lẫy, với một nàng hầu. Một hôm, một chàng trai gia thế bị bắt vì tội trộm. Người ta trói ké tay anh ra sau lưng, dẫn ra pháp trường, và tại ngã tư họ hành hạ anh với biết bao lời mắng nhiếc. Con gái thương gia nghe đám đông la hét, chạy ra ngoài nhìn xuống thấy tên trộm bỗng đem lòng yêu thương, tương tư đến nỗi bỏ ăn nằm liệt giường. Mẹ cô hỏi thăm, biết chuyện nên khuyên con gái đừng dại dột như thế, bà sẽ tìm người môn đăng hộ đối gả chồng cho cô. Nhưng cô không chịu, thề chết nếu không lấy được tên trộm này. Bà bèn kể cho chồng nghe, nhưng ông cha cũng không dỗ dành con gái được, túng thế đem một ngàn đồng tới quan lo lót để chuộc mạng tên trộm. Quan nhận tiền thả hắn ra, giết người khác rồi tâu lên vua tên trộm đã bị xử tử. Thương gia gả con gái cho tên trộm. Cô dâu mới muốn chiếm trọn vẹn tình cảm của đức lang quân nên chìu chuộng hết sức, trang điểm đẹp đẽ, nấu nướng ngon lành. Tuy thế tên trộm vẫn nuôi ý đồ bất lương: giết vợ lấy châu báu, vào quán nhậu. Anh cho đó là diệu kế duy nhất, nên lên giường bỏ ăn. Cô vợ hốt hoảng hỏi thăm chồng: - Anh đau làm sao? - Không sao, em ạ. - Hay cha mẹ làm anh phiền? - Không đâu, em ạ.

- Vậy thì chuyện gì? - Em ạ! Ngày tôi bị trói dẫn đi tôi đã nguyện dâng một phẩm vật lên vị thần ở trên "Bờ Vực Của Kẻ Trộm" xin cứu mạng. Và nhờ thần lực của Ngài mà tôi được cưới em làm vợ. Tôi bối rối không biết làm sao giữ trọn lời thề này. - Xin anh đừng lo. Em sẽ lo phẩm vật, anh cần gì? - Cháo ngon, nêm với mật, và năm loại hoa trong đó phải có hoa làja. - Vâng, em sẽ lo đủ. Rồi để thân quyến ở nhà, hai vợ chồng cùng đám gia nhân lên đường vui vẻ, tươi cười với cả gia tài quí báu trên mình cô vợ,

đúng như ý ông chồng. Đến chân núi tên trộm cho đám tùy tùng ở lại, bảo vợ mang phẩm vật, rồi anh nắm tay trèo lên đỉnh núi "Vực Kẻ Trộm" (bên này có thể trèo lên nhưng bên kia là vách đá dốc ngược, bọn trộm từ đỉnh bị xô xuống vực nát thây trước khi đến đáy, nên có tên như thế). Đứng trên đỉnh núi, cô bảo chồng dâng lễ vật. Tên trộm lặng thinh. Cô lại hỏi tại sao hắn không nói. Cuối cùng hắn phải thú thật là gạt cô lên đây để giết cô lấy châu báu. Khủng khiếp vì sợ chết, cô năn nỉ hắn tha mạng: - Cả châu báu và thân em đây đều không thuộc anh hay sao? Anh được lợi gì mà phải giết em? Hãy tha chết cho em. Kể từ đây xin coi em như mẹ của anh, hay cho em làm kẻ hầu hạ cũng được. Rồi cô đọc bài kệ: Hãy lấy vòng vàng này, Được gắn những ngọc quí. Lấy hết và tự nhiên, Xem tôi như tỳ nữ. Tên trộm vẫn không chịu, vì sợ cô ta về sẽ kể lại hết với cha mẹ. Hắn cũng đáp bằng kệ: Đừng than vãn quá nhiều, Gỏi của cải mau lên! Mi không còn sống thêm, Của cải mi ta lấy! Cô thấy rõ hắn tàn bạo quá mức, nghĩ rằng trí tuệ không phải dùng để nấu lên ăn, mà để giúp người ta có thể tính toán trước hành động của mình. Vi vậy cô tìm cách đối phó với hắn. Cô bảo nhờ cô mà hắn được cứu mạng, nên xin hắn cho cô là ân nhân của hắn, được đảnh lễ hắn. Rồi cô đi nhiễu quanh hắn ba vòng, rồi để hắn đứng ở vị trí bên phải của cô, đảnh lễ hắn bốn phía, xong kể lể: - Đây là lần cuối cùng em trông thấy anh, và từ đây anh cũng không còn thấy em nữa! Cô ôm hôn hắn trước mặt rồi ôm từ sau lưng, và từ phía sau nhắm lúc hắn quên đề phòng đứng ngay miệng vực, một tay cô đẩy trên vai hắn, tay kia đẩy ngang thắt lưng, cô

xô hắn xuống vực, tan xương nát thịt trước khi tới đáy. Vị thần tại đó hoan hô cô với bài kệ: Trí tuệ không phải luôn luôn, Chỉ dành cho bọn đàn ông. Đàn bà đôi khi cũng vậy, Tỏ ra khôn khéo vô cùng. Nếu về nhà, cha mẹ hỏi, chẳng lẽ không khai thật, miệng lưỡi hai người chắc chắn không tha ta: "Đã tốn một ngàn đồng chuộc mạng tên vô lại, sao mi lại giết hắn?". Và nếu ta nói thật lý do vì hắn muốn giết ta trước, chưa chắc hai người đã tin. Gia đình ôi sao chán quá!" Nghĩ như thế cô ném hết châu báu, vào rừng đến chỗ ẩn dật của các nữ tu, chào cung kính xin được vào Ni chúng. Thành ni cô, và sau khi được giải thích hai lối tu: thiền quán trên mười đề mục hoặc tụng niệm một ngàn tín pháp, cô chọn cách thứ hai. Thấy cô thuần thục, chư ni bảo cô đi khắp vùng Diêm Phù Đề tìm thiện hữu tri thức có thể đối pháp được với cô. Đặt một nhánh đào trong tay cô, họ dặn dò: - Đi đi, đạo hữu! Gặp cư sĩ đối đáp được chi hãy xin hầu hạ; gặp Tỳ-kheo đối đáp được, chị hãy xin gia nhập Tăng đoàn. Mang tên ni cô Hồng Táo, cô du hành mọi nơi, đặt câu hỏi với bất cứ ai gặp được, không ai đối đáp lại. Cô nổi danh đến nỗi nghe tin cô đến, người ta bỏ chạy hết. Trước khi vào thành hay vào làng khất thực, cô gom một đống cát trước cổng chánh, trồng nhánh đào lên và thách thức ai đối đáp được hãy giẫm lên nhánh đào này. Không ai dám qua chỗ ấy, nhánh cây này héo, cô tìm nhánh khác tươi hơn, cứ du hành như thế, cô đến Xá-vệ. Trẻ con xúm quanh nhánh cây cô đã trồng như thường lệ xem việc gì đã xảy ra, vừa đúng lúc Trưởng lão Xá-lợi-phất thọ thực xong bước ra khỏi thành. Ngài ngạc nhiên hỏi lũ trẻ, biết chuyện, Ngài bảo chúng hãy giẫm lên nhánh cây. Ban đầu chúng sợ không dám; nhưng được Trưởng lão bảo đảm sẽ trả lời câu hỏi, chúng nhào lên nhánh cây hò hét, đá sụp đống cát. Đi khất thực xong trở về, thấy thế cô trách mắng lũ trẻ: - Ta không định đối đáp với

chúng mày, sao chúng mày phá phách như thế? Chúng đáp là làm theo lời Trưởng lão. Được Ngài xác nhận, cô xin vấn đáp và cũng được Ngài nhận lời. Chiều xuống, cô đến chỗ Trưởng lão đặt câu hỏi. Cả thành xôn xao muốn đi nghe. Họ cùng đi với cô, cúi chào Trưởng lão và cung kính ngồi một bên. Cô hỏi Ngài một ngàn đề mục về tín pháp, Ngài trả lời đúng hết. Và Ngài hỏi lại: - Cô chỉ hỏi có bấy nhiêu thôi à? Còn câu nào khác không? - Dạ đã hết, thưa Tôn giả! - Cô đã hỏi tôi nhiều câu, bây giờ tôi hỏi lại cô một câu thôi! - Xin tôn giả cứ hỏi. - Cái gì là Một?

Cô rất muốn trả lời nhưng không trả lời được, bèn hỏi lại Tôn giả. Ngài đáp: - Đó là câu hỏi của Phật. - Vậy xin nói cho con biết, thưa Tôn giả. - Nếu cô vào Tăng đoàn, ta sẽ cho biết câu trả lời. Cô bằng lòng xin nhập vào Tăng đoàn, Trưởng lão nhắn ni chúng lo mọi việc. Sau khi làm đầy đủ bổn phận, cô được đặt tên là Kundalakesì, và chỉ vài ngày chứng A-la-hán cùng các thần thông. Trong Pháp đường các Tỳ-kheo bàn tán về chuyện của cô, cho rằng cô chỉ nghe chút ít pháp rồi được nhận vào Tăng đoàn, hơn nữa cô đã đến đây sau khi chiến đấu dữ dội với một tên trộm và đánh bại hắn. Phật đi đến nghe được, bèn bảo: - Các Tỳ-kheo, đừng đo lường giáo pháp ta nói là ít hay nhiều. Với một trăm câu vô nghĩa thì chẳng có công đức gì so với một câu có đạo lý. Chiến thắng nhiều tên trộm chẳng đáng gì so với chiến thắng tên trộm Dục lạc của chính mình. Đó mới thực sự là chiến thắng. Và Phật đọc Pháp Cú: (102) Dầu nói trăm câu kệ, Nhưng không gì lợi ích. Tốt hơn một câu pháp, Nghe xong, được tịnh lạc. (103) Dầu tại bãi chiến trường, Thắng ngàn ngàn quân dịch, Tự thắng mình tốt hơn, Thật chiến thắng tối thượng. 4. Được Và Mất Tự thắng tốt đẹp hơn ... Câu này Phật dạy khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một Bà-la-môn đã hỏi về được và mất. Một Bà-la-môn, thắc mắc chắc là Thế Tôn chỉ biết có được chứ không biết mất. Và ông ta đi hỏi Phật, được Phật trả lời: - Bà-la-môn! Ta biết cả hai được và mất. - Vậy thì xin Ngài nói cho con về mất. Phật nói kệ sau: Những thứ không ích lợi Gồm: thứ nhất, ngủ muộn, Biếng lười chiếm thứ hai, Thứ ba, ánh trăng soi, Thứ tư giàu sang mãi, Thứ năm, hay đi lại, Sáu, vụng trộm vợ người. Chạy theo những việc ấy,

Hỡi này, Bà-la-môn,
Ngươi sẽ được những thứ,
Không ích lợi cho mình.
Bà-la-môn nghe xong ca ngợi Thế Tôn:
- Hay thay! hay thay! Đấng Đạo sư của mọi người! Bậc lãnh đạo của mọi người!
Ngài thật biết cả hai được và mất.
- Thật thế Bà-la-môn! Không ai biết rành hơn ta về mất.
Rồi Thế Tôn xét xem làm cách nào chuyển hóa được ông Bà-la-môn, Ngài hỏi:
- Bà-la-môn, ông sống bằng nghề gì?
- Bằng nghề cờ bạc, ngài Cồ-đàm ạ.
- Thế ai được, ông hay người kia?
- Khi thì con, khi thì người kia.
- Bà-la-môn, chiến thắng kẻ khác là một việc tầm thường, chiến thắng như thế đâu có lợi lạc gì. Nhưng người nào thắng lướt Dục lạc và tự thắng mình, thì chiến thắng như

thế lợi lạc hơn, không ai có thể đánh bại mình.
Và Phật đọc Pháp Cú:
(104) Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.
(105) Dầu thiên thần, Thát bà,
Dầu Ma vương, Phạm thiên,
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.
5. Chú Của Xá Lợi Phất
Tháng tháng bỏ ngàn vàng ...
Thế Tôn dạy câu này khi ngụ tại Trúc Lâm, liên quan đến chú của Xá-lợi-phất.
Một hôm Trưởng lão Xá-lợi-phất đến thăm chú, Ngài hỏi:
- Bà-la-môn, ông có bao giờ làm việc thiện chưa?
Ông chú đáp:
- Dạ có, thưa Tôn giả! Mỗi tháng tôi cúng một ngàn đồng.
- Cho ai vậy?
- Các đạo sĩ lõa thể, thưa Tôn giả.
- Để mong được gì?
- Để lên cõi Phạm thiên.
- Ai bảo ông thế?
- Các đạo sĩ, các thầy tôi.
- Này Bà-la-môn, cả ông và thầy ông đều không biết con đường đưa đến cõi Phạm thiên. Chỉ có Phật mới biết con đường đó. Hãy đi với tôi, tôi sẽ thỉnh Phật chỉ cho ông.
Và Trưởng lão dẫn chú đến gặp Phật. Thưa thỉnh xong được Phật dạy: - Bà-la-môn, dù ông bố thí như thế này trong một trăm năm cũng không bằng phước báo của một người có lòng tin, dù trong giây lát biết tôn trọng đệ tử của Ta, hay cúng dường đệ tử Ta dù chỉ một muỗng cơm. Và Phật nói Pháp Cú: (106) Tháng tháng bỏ ngàn vàng, Tế tự cả trăm năm, Chẳng bằng trong giây lát, Cúng dường bậc tự tu. Cúng dường vậy tốt hơn, Cả trăm năm tế tự. 6. Cháu Của Xá Lợi Phất Dầu trải một trăm năm ... Khi ngụ tại Trúc Lâm, Phật đã dạy câu trên vì chuyện cháu của Trưởng lão Xá-lợiphất. Trưởng lão cũng đến người cháu hỏi thăm có từng làm việc thiện không. Hằng tháng anh ta giết một con thú để tế lửa, vì tin rằng sẽ được lên cõi Phạm thiên như thầy anh ta bảo. Trưởng lão cũng khuyên anh đến gặp và thỉnh Phật dạy cho. Phật thuyết như sau: - Bà-la-môn, dù ông thờ lửa một trăm năm như thế, công đức cũng chưa bằng giá trị lễ kính đệ tử Ta trong một khoảnh khắc. Và Ngài đọc Pháp Cú: (107) Dầu trải một trăm năm, Thờ lửa tại rừng sâu, Chẳng bằng trong giây lát, Cúng dường bậc tự tu. Cúng dường vậy tốt hơn, Hơn trăm năm tế tự. 7. Bạn Của Xá Lợi Phất Suốt năm, cúng tế vật ... Đó là câu Phật dạy tại Trúc Lâm, liên quan đến bạn của Trưởng lão Xá-lợi-phất. Trưởng lão cũng đến hỏi

bạn mình như đối với chú và cháu của mình trước đây. Việc thiện của anh bạn từng làm là mổ vật tế lễ để được sanh thiên. Ngài cũng khuyên và dẫn bạn đến gặp Phật, thưa thỉnh và được chỉ dạy như sau: - Bà-la-môn, dù ông có dâng tế vật một năm, cũng không công đức bằng một phần tư công đức của một thiện tín bố thí cho dân chúng, hay người biết tôn kính đệ tử Ta. Và Ngài đọc Pháp Cú: (108) Suốt năm cúng tế vật, Để cầu phước ở đời,

Không bằng một phần tư, Kính lễ bậc chánh trực. 8. Chàng Trai Tăng Tuổi Thọ Thường tôn trọng, kính lễ... Phật dạy câu này khi ngụ tại Arannakutikà gần Dìghalambika, liên quan đến chàng trai Dighàyu. Có hai Bà-la-môn sống ở thành Dìghalambika, tu theo ngoại đạo và khổ hạnh suốt bốn mươi tám năm. Một người sợ giòng giống bị diệt vong nên hoàn tục. Ông bán công đức của mình cho người khác, và với một trăm trâu bò, một trăm đồng, cưới vợ sống đời gia chủ. Chẳng bao lâu ông được mụn con trai. Tu sĩ kia, bạn cũ của ông, đi nơi khác, một hôm trở về thăm. Họ chào mừng lẫn nhau. Tu sĩ chúc cả hai vợ chồng sống lâu, nhưng khi đứa bé được trình diện thì tu sĩ lặng thinh. Ông cha thắc mắc và được tu sĩ giải thích có một tai họa đang chờ đứa bé, và nó sẽ chết trong bảy ngày. Cả hai ông bà hoảng hốt không biết tính sao. Tu sĩ khuyên nên đến cầu cứu với Sa-môn Cồ-đàm. Họ ngần ngừ vì sợ mang tiếng bỏ những ẩn sĩ của mình, nhưng lòng thương con mãnh liệt khiến họ rồi cũng đến Thế Tôn. Họ đến chào Thế Tôn, được Phật chúc sống lâu, nhưng đến phiên đứa bé Phật cũng lặng thinh, cùng lý do như tu sĩ đã nói. Ông cha thỉnh cầu Phật ngăn đừng cho tai họa cướp mất đứa bé. Phật dạy: - Nếu ông dựng trước cửa nhà một cái lều, đặt một ghế ở giữa, sắp tám hay mười sáu chỗ ngồi vòng quanh cho đệ tử của Ta; và nếu ông cho tụng những bài kinh cầu an và ngăn ngừa tai họa suốt bảy ngày liên tục, thì con ông sẽ tránh được hiểm họa. Bà-la-môn làm đúng theo lời Phật, và các Tỳ-kheo đã đọc tụng đúng bảy ngày đêm liên tiếp. Đến ngày thứ bảy Thế Tôn đến, chư thiên các cõi cũng tụ hội. Có một quỷ Dạ-xoa phụng sự cho Vessavana tên là Avarudhaka suốt mười hai năm, được ân huệ là bảy ngày nữa sẽ nhận được đứa bé, đi đến đứng đợi. Nhưng có mặt Thế Tôn và thiên thần đầy quyền lực, các vị khác yếu hơn đều phải thối lui mười hai dặm nhường chỗ, cả Avarudhaka cũng thế. Phật đọc kinh cầu an suốt đêm, kết quả sau bảy ngày Dạ-xoa không bắt được đứa bé. Bình minh ngày thứ tám, đứa bé được đặt trước Thế Tôn và được chúc sống lâu, đến một trăm hai mươi tuổi theo lời Phật, do đó có tên là "Chàng trai tăng tuổi thọ" Ayuvaddhana. Lớn lên chú có năm trăm đệ tử cư sĩ đi theo. Một hôm các Tỳ-kheo thảo luận trong Pháp đường về Ayuvaddhana, và không hiểu tại sao mạng sống của chúng sanh được gia tăng ở thế gian này. Phật nghe được liền bảo: - Các Tỳ-kheo! Không phải chỉ có tuổi thọ mà thôi. Ở thế gian này chúng sanh biết tôn kính và lễ trọng những vị đạo đức, sẽ được tăng trưởng bốn pháp, thoát khỏi nguy hiểm và sống an toàn suốt đời. Và Ngài đọc Pháp Cú: (109) Thường tôn trọng, kính lễ,

Bậc kỳ lão trưởng thượng, Bốn pháp được tăng trưởng, Thọ, sắc, lạc, sức mạnh. * 9. Sa-Di Samkicca Dầu sống một trăm năm.... Do chuyện Sa-di Samkicca, Thế Tôn đã dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên. Có ba mươi vị vọng tộc sống ở Xá-vệ nghe Phật thuyết pháp, quy phục và đi tu. Sau năm năm làm tròn bổn phận, họ đến gặp Phật nghe dạy về pháp học và pháp thiền. Vì lớn tuổi mới xuất gia, họ không thể theo nổi pháp học,

mà muốn tu tập thiền quán, và được Phật giao đề mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán, họ xin vào rừng ẩn tu. Phật biết trước họ sẽ bị nguy hiểm vì một người ăn thịt vụng, nhưng nếu có Sa-di Samkicca đi theo thì sẽ được an ổn, và đạt đến cứu cánh của đời tu. Samkicca là Sa-di của Trưởng lão Xá-lợi-phất chỉ mới bảy tuổi. Mẹ chú thuộc gia đình giàu có ở Xá-vệ. Khi mang thai chú, bà lâm bệnh chết đột ngột. Từ giàn hỏa toàn thân bà cháy hết, còn đứa bé chưa sinh không cháy. Nhưng khi dùng cây khiêng đứa bé ra khỏi giàn hỏa, chú bé bị các cây đó đâm vào thịt hai ba chỗ, một mũi đâm trúng vào con ngươi chú, rồi chú lại bị ném vào đống than, thịt chú cháy hết. Nhưng trên đống than đó lại xuất hiện một chú bé như một tượng vàng đang ngồi trên đài sen. Đây là kiếp cuối của chú trước khi chứng Niết-bàn, và vì chưa thành tựu quả vị A-la-hán nên không gì có thể hoại diệt chú, ngay cả núi Tu Di rơi xuống. Ngày kế, họ đến dập tắt lửa, ngạc nhiên thấy chú còn sống. Họ đem chú về làng thỉnh ý thầy bói; và biết được nếu chú sống đời gia chủ, thân quyến sẽ không nghèo suốt bảy đời, nếu đi tu sẽ có năm trăm người tùy tùng. Vì mắt bị gậy (Samku) đâm, họ đặt tên chú là Samkicca. Lên bảy tuổi, chú nghe bè bạn nói về thân thế của mình, hỏi lại bà con quả đúng như thế, chú quyết định đi tu. Bà con cũng đã có ý đó khi nghe lời thầy bói, nên hoan hỷ dẫn chú đến giao cho Trưởng lão Xá-lợi-phất xin nhận chú vào Tăng đoàn. Trưởng lão ưng thuận và dạy chú thiền quán trên năm yếu tố đầu tiên của thân. Ngay lúc dao cạo vừa chạm tóc, chú chứng A-la-hán. Đó là chuyện Sa-di Samkicca. Do đó khi ba mươi vị vọng tộc xin vào rừng, Phật bảo hãy đến gặp Trưởng lão Xá- lợi-phất. Suy xét sự việc. Ngài hiểu ý Phật nên bảo họ để Sa-di Samkicca đi theo. Ban đầu họ từ chối vì nghĩ rằng không cần đến đứa bé bảy tuổi, nhưng được Trưởng lão giải thích chính họ mới là chướng ngại của Sa-di và đó là ý của Phật, họ bằng lòng. Ba mươi mốt người từ giã Trưởng lão rời tinh xá. Họ du hành từ nơi này đến nơi khác và sau một trăm hai mươi dặm đường họ đến một làng có ngàn gia đình cư trú. Dân cư thấy họ hoan hỷ, hết lòng phục vụ những thứ cần dùng. Được biết họ đi tìm nơi thích

hợp để tu, dân chúng quỳ lạy dưới chân xin họ ở lại đây hết mùa mưa, họ sẽ giữ năm giới và làm tròn bổn phận ngày chay. Được nhận lời, dân chúng sửa soạn chỗ ở ban ngày và ban đêm, lối đi có mái che và lều cỏ. Họ chia bổn phận hàng ngày cho nhiều nhóm. Ai cũng làm phần mình không quá sức, tận tình phục vụ những thứ cần dùng. Đầu mùa mưa các Trưởng lão thỏa thuận như sau: - Chư huynh đệ! Chúng ta đã nhận đề mục thiền quá từ Đức Phật và muốn nhận được ân huệ của chư Phật không làm gì khác hơn là tinh tấn tu tập. Cửa khổ não vẫn đang mở rộng trước mặt; do đó chỉ trừ sáng sớm đi khất thực, buổi tối hầu hạ Đại Trưởng lão, các giờ khác không được tụ họp từ hai người trở lên. Ai có đau ốm, hãy đánh chuông, chúng ta sẽ đến lo thuốc men. Từ bây giờ trở đi bất luận ngày đêm, chúng ta hãy chú tâm chuyên cần vào đề mục thiền quán. Rồi mọi người trở về chỗ của mình. Lúc đó có một người nghèo sống nhờ vào đứa cháu gái, nhưng nó hất hủi nên ông phải đi tìm đứa cháu khác nương náu. Ông đến chỗ các Tỳ-kheo đang ngồi trên bãi cát thọ thực sau khi khất thực trong làng về và kính cẩn đứng một bên. Các Tỳ-kheo hỏi thăm, thương hại ông và chia phần cơm trộn với xúp và cà ri trên một chiếc lá. (Đúng theo luật là khi có người đến vào giờ cơm, nếu không có món ngon nhất thì chia món đang ăn dù ít nhiều cũng được). Ăn xong ông hỏi thăm và

khi biết các Tỳ-kheo không nhận lời mời ăn của ai cả mà đi khất thực hàng ngày trong khi ông phải làm quần quật cả ngày mà chưa bao giờ được ăn như thế, do đó ông có ý định đi theo các Tỳ-kheo hầu hạ. Hai tháng trôi qua, vì tận tụy làm việc, ông được cảm tình của các Tỳ-kheo. Muốn thăm cháu, nhưng sợ các Tỳ-kheo không cho, ông bỏ trốn. Ông đến một khu rừng có năm trăm tên cướp đã sống ở đó. Chúng cầu nguyện với thần sống ở đó, nếu có ai vào trong rừng sẽ giết để tế thần. Và chúng gặp ngay ông lão, vây bắt, trói lại thật chặt rồi chất củi, đốt lửa, vót cọc gỗ nhọn. Ông lão ngạc nhiên hỏi, hóa ra chúng chuẩn bị làm thịt ông để tế thần. Sợ chết khủng khiếp, ông quên hết lòng tốt của các Tỳ-kheo đối với ông mà chỉ làm mọi cách để cứu mạng mình. Do đó ông chỉ cho bọn cướp chỗ ở của ba mươi mốt Tỳ-kheo để chúng bắt làm vật tế thần, chắc chắn thần sẽ vui mừng hơn. Còn ông thì già cả, chỉ ăn đồ thừa. Bọn cướp nghe ông nói có lý, bèn bảo ông dẫn đường đến tinh xá. Đến nơi chẳng thấy ai, ông lão bảo thủ lãnh đánh chuông, thế là các Tỳ-kheo tụ đến và ngồi xuống ghế đá thẳng hàng đặt sẵn ở đó. Đại Trưởng lão của hội chúng thấy bọn cướp liền hỏi ai đánh chuông và lý do gì. Chúng bảo cần một Tỳ- kheo để tế thần. Đại Trưởng lão lấy quyền huynh trưởng quyết định rằng ông sẽ đi nạp mạng, đừng để số phận của tất cả phải chết, hãy ở lại tu tập. Nhưng Đệ nhị Trưởng lão cũng lên tiếng. Bổn phận của huynh trưởng người thứ hai phải gánh lấy, tức là tôi sẽ ra đi, những người ở lại phải chuyên tâm chánh niệm. Cứ thế cả ba mươi Tỳ-kheo xếp hàng đòi đi, dù không cùng cha cùng mẹ nhưng đã thoát khỏi mọi trói buộc nên ai cũng muốn hy sinh mình vì người khác.

Sa-di Samkicca nghe các Tỳ-kheo nói như thế cũng quyết định xin đi, nhưng các Tỳ-kheo không cho vì sợ Trưởng lão Xá-lợi-phất trách cứ sao nỡ giao đệ tử của Ngài cho bọn cướp. Tuy thế Sa-di vẫn nhất quyết bảo rằng chính vì lý do này mà Trưởng lão thầy mình bảo đi theo các Tỳ-kheo, và chú còn xin được tha thứ nếu có lầm lỗi điều chi. Rồi chú Sa-di ra đi, các Tỳ-kheo mắt đẫm lệ, lòng xốn xang. Đại Trưởng lão bảo bọn cướp khi sửa soạn lửa, cọc nhọn, trải lá, đừng để cho chú thấy kẻo sợ. Bọn chúng mang chú Sa-di đi, đến chỗ hành lễ. Khi mọi việc đã xong chú ngồi xuống, nhập định. Tên thủ lãnh vung kiếm chém xuống vai chú. Nhưng lưỡi kiếm cong làm hai, lưỡi chạm lưỡi. Tên cướp uốn thẳng lưỡi kiếm chém nhát nữa. Lần này lưỡi kiếm bị mẻ nứt từ cán đến mũi như một lá cỏ. Tên thủ lãnh giật mình thấy sự kỳ diệu. "Thanh kiếm này trước đây chém trụ đá hay gốc keo như chém chồi non, nay bị cong và nứt. Một vật vô hình như thanh kiếm mà còn biết đức hạnh của thiếu niên này, huống hồ một người có lý trí là ta". Nghĩ thế nên hắn quăng kiếm, phủ phục xuống chân Sa-di thưa: - Tôn giả! Chúng tôi đã ở trong rừng này, dù cả ngàn người mà thấy chúng tôi từ xa, ai cũng đều run rẩy, còn hai hay ba người thì chẳng dám thốt một lời. Nhưng Ngaì chẳng mảy may run sợ. Khuôn mặt Ngài rạng ngời như vàng ròng trong lò hay đóa hoa Kanikàra nở to, vì sao thế? Và hắn lặp lại câu hỏi bằng bài kệ: Ngài không run, không sợ. Hơn nữa, thật an tĩnh. Tại sao Ngài không khóc, Lúc khủng khiếp như vậy? Sa-di xuất định, thuyết pháp cho bọn cướp: - Này thủ lãnh! Người nào thoát khỏi dục lậu thì xem cuộc đời như gánh nặng trên đầu, và nếu bị hoại diệt, chỉ có vui chứ không sợ. Và chú nói kệ tiếp: Này thủ lãnh! Người thoát khỏi tham dục Sẽ không còn khổ nữa. Này, người chứng kiến! Kẻ đã thoát buộc ràng, Sẽ chẳng còn sợ chi. Nhân luân hồi tử sanh, Nếu đời này diệt được,

Chết không còn đáng sợ, Như gánh nặng quẳng đi. Tên thủ lãnh lắng nghe Sa-di xong, nhìn năm trăm tên cướp hỏi chúng có ý định gì. Chúng hỏi lại hắn, hắn đáp:

- Ta quá ngạc nhiên về sự kỳ diệu này, và giờ đây không còn muốn sống đời gia đình nữa. Ta sẽ đi tu với Sa-di. Cả bọn nhao nhao lên đòi đi tu theo, và chúng cúi mình trước Sa-di xin gia nhập Tăng đoàn. Dùng gươm, tên, chúng cạo đầu, cắt vạt áo, và nhuộm với đất nâu. Sa-di bảo chúng khoác y vàng và truyền mười giới cho. Rồi thầy trò ra đi đến các Trưởng lão để các Ngài yên tâm hành thiền. Quả thế, trông thấy chú, các Ngài nhẹ nhõm chào mừng. Chú xin phép dẫn các tân tu sĩ đến gặp Phật và thầy của chú. Trưởng lão Xá-lợi-phất và cả Phật đều hỏi thăm năm trăm đệ tử của Sa-di. Và Phật bảo họ: - Này các Tỳ-kheo, dù chỉ sống một ngày an trụ trong đức hạnh như các ông đang sống, còn hơn sống trăm năm đắm sâu trong tội ác cướp bóc. Xong, Ngài đọc Pháp Cú: (110) Dầu sống một trăm năm, Ác giới, không thiền định, Tốt hơn sống một ngày, Trì giới, tu thiền định. Sau thời gian làm tròn bổn phận, Sa-di Samkicca thành Tỳ-kheo. Được mười năm, chú độ con của người chị làm Sa-di tên Atimuttaka. Đến đúng tuổi chú Sa-di được Trưởng lão Samkicca gởi về nhà hỏi lại cha mẹ tuổi chính xác. Trên đường đi chú bị năm trăm tên cướp bắt định tế thần. Chú thuyết pháp cải hóa chúng, và được chúng thả ra với điều kiện không được nói với ai về sự có mặt của chúng. Sa-di giữ lời hứa, nên khi thấy cha mẹ đi ngược chiều về phía bọn cướp chú vẫn nín thinh. Cha mẹ chú bị ngược đãi trong tay bọn cướp, khóc lóc trách móc chú đã thông đồng với bọn cướp, nên không thông tin cho biết trước. Bọn cướp nghe được lời trách móc, biết chú bé đã giữ lời hứa, nên phát lòng tin, xin được gia nhập Tăng đoàn. Giống như thầy của chú trước kia, chú thu nhận hết và dẫn đến Trưởng lão Samkicca rồi đến gặp Thế Tôn. Phật nghe chuyện bèn dạy câu Pháp Cú như trên (110). 10. Tỳ Kheo Và Kẻ Cướp Ai sống một trăm năm ... Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Khànu Kondanna. Trưởng lão này nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, vào rừng ẩn tu và chứng A-la-hán. Muốn trình với Phật sở chứng của mình, Ngài rời rừng trở về. Đường dài mệt mỏi, Ngài ngồi trên một tảng đá nhập định. Bấy giờ một bọn cướp năm trăm tên đang đánh phá một ngôi làng. Chiến lợi phẩm được gói trong nhiều bao tùy theo sức mỗi người. Và chúng đội lên đầu đi xa. Mệt quá chúng đến nghỉ tại một mỏm đá. Lầm tưởng Trưởng lão là cội cây, chúng đặt các bao quanh Ngài, có một bao kê ngay đỉnh đầu, rồi lăn xuống ngủ. Hừng đông chúng thức dậy ôm bao bị lên, thấy Trưởng lão tưởng là ác thần nên vụt bỏ chạy. Trưởng lão vội kêu họ lại: - Cư sĩ, đừng sợ. Tôi là Sa-môn.

Họ đồng thanh thưa: - Xin tha lỗi cho chúng con, Tôn giả. Chúng con lầm Ngài với một gốc cây. Riêng tên chúa đảng lên tiếng đi tu theo Trưởng lão. Và cả bọn đều đồng lòng, y như chuyện Sa-di Samkicca. Trưởng lão chấp thuận, và từ đó người ta gọi Ngài là kondanna Gốc Cây, Khànu Kondanna. Ngài dẫn họ đến Thế Tôn, và được Phật dạy: - Các Tỳ-kheo, dù chỉ sống một ngày có tu tập trí quán còn hơn sống trăm năm tạo nghiệp điên cuồng như thế. Xong Phật đọc Pháp Cú: (111) Ai sống một trăm năm, Ác tuệ, không thiền định, Tốt hơn sống một ngày, Có tuệ, tu thiền định. 11. Lưỡi Dao Cạo Ai sống một trăm năm ... Tại Kỳ Viên, Phật đã dạy như thế, liên quan đến Trưởng lão Sappadàsa. Tại Xá-vệ, một chàng trai gia thế nghe Phật thuyết pháp, đi tu và được nhận vào Tăng đoàn. Sau một thời gian bất mãn, chàng tìm cách tự sát vì nghĩ rằng thà chết

hơn làm một tu sĩ. Một hôm, sáng sớm, các Tỳ-kheo đến tinh xá sau khi thọ thực, thấy một con rắn trong Pháp đường, nằm ở lò sưởi, liền bỏ vào bình, đậy lại mang ra ngoài tinh xá. Tỳ- kheo bất mãn thấy thế liền giành mang ném bình đựng rắn, cốt cho rắn cắn để chết. Ông đến một chỗ vắng ngồi xuống, thọc tay vào bình quậy tới quậy lui nhưng nó không cắn. Thậm chí ông mở miệng rắn, chọt ngón tay vào nó cũng không cắn, ông ném nó đi cho đó là rắn hiền, không phải là rắn độc. Và ông kể lại cho các Tỳ-kheo ở nhà y như thế. Họ không chịu là rắn hiền vì nó phùng mang, rít lên, bắt nó phát mệt. Nhưng khi ông ta bảo là nó không chịu cắn dù làm mọi cách, họ im luôn. Tỳ-kheo bất mãn vốn là người hớt tóc cho cả tinh xá. Một hôm ông đến tinh xá cầm theo hai, ba dao cạo. Một để trên sàn, một cạo tóc. Lần đó ông nghĩ sẽ lấy dao cắt đứt họng tự tử. Rồi ông tựa cổ lên một cành cây, dí lưỡi dao vào khí quản. Trong tư thế đó, ông phản quán về thái độ cư xử của mình trong thời gian làm bổn phận của một Sa-di, và nhận rằng hạnh kiểm của mình tốt đẹp như mặt trăng sáng trong hay châu ngọc chiếu sáng. Ông vui mừng khắp toàn thân. Nén vui, ông khai triển Minh-sát-tuệ và chứng A-la- hán cùng các thần thông. Ông buông dao cạo và trở vào tinh xá. Gặp các Tỳ-kheo khác hỏi chuyện, ông thưa thật, và kết luận thay vì cứa cổ với dao cạo, ông đã cứa bỏ tham dục với dao trí tuệ. Các Tỳ-kheo không tin, thưa chuyện với Thế Tôn. Phật nghe kể, bảo: - Các Tỳ-kheo! Người đã thoát khỏi tham dục thì không thể dứt mạng sống của chính mình. Họ hỏi Phật tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Ngài bảo người này đã trừ hết tham dục, tại sao đã có khả năng chứng A-la-hán mà còn bất mãn? Sao ông có đủ khả năng chứng quả? Sao ông không bị rắn cắn? - Các Tỳ-kheo! Chuyện đơn giản là con rắn đó là nô lệ của ông ta ở kiếp trước, nên không dám cắn chủ. Và Ngài kể lại vắn tắt nguyên nhân. Do đó Tỳ-kheo này có tên là Sappadàsa (Người có rắn làm nô lệ). Chuyện quá khứ A. Bất Mãn Và Tham Đắm Vào thời Phật Ca-diếp, một chàng trai thế phiệt nghe Phật thuyết pháp đi tu. Hết thời gian làm tròn bổn phận, ông bất mãn. Tỳ-kheo bạn khuyên bảo và kể đời sống gia đình bất lợi như thế nào. Ông nghe theo và tiếp tục tu. Một hôm, ngồi trên bờ hồ rửa pháp cụ bụi bám suốt thời gian ông bất mãn, ông nói với Tỳ-kheo bạn định sẽ cho pháp cụ khi có ý định hoàn tục. Ông kia nghe thế nổi lòng tham nên giở giọng ta thán đời sống xuất gia: "Sống làm chi mà cầm bình bát ăn mày từ nhà này sang nhà khác, còn bị cấm chuyện trò với vợ con! Vả lại nếu anh bạn có ở lại hay ra khỏi Tăng đoàn thì cũng chẳng hề hấn ai!" Thế rồi ông này ca tụng thêm đời sống gia đình. Tỳ-kheo trước đây bất mãn bây giờ trở lại bất mãn. Nhưng chợt nghĩ tại sao ông bạn mình trước đây ta thán đời sống gia đình, bây giờ lại ca tụng. Và ông cũng chợt hiểu là ông bạn thèm muốn pháp cụ của mình. (Hết Chuyện Quá Khứ) - Như thế, này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo vì đã bất mãn thời Phật Ca-diếp nên bất mãn thời hiện tại, và vì thiền định suốt hai mươi ngàn năm nên bây giờ đủ duyên lành chứng A-la-hán. Các Tỳ-kheo nghe xong, hỏi Phật tiếp một câu nữa: - Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này bảo đã chứng A-la-hán ngay khi lưỡi dao chạm cổ họng. Có thể nào chứng quả thời gian ngắn như thế không? Phật bảo: - Đúng vậy, các Tỳ-kheo. Một Tỳ-kheo phấn đấu hết sức mình có thể chứng quả khi nhấc chân lên, khi đặt chân xuống đất, hoặc cả ngay khi bàn chân chạm đất. Vì một người phấn đấu hết sức mình dù chỉ một khắc còn hơn là sống lười biếng cả trăm

năm. Và Phật đọc Pháp Cú: (112) Ai sống một trăm năm, Lười nhác, không tinh tấn, Tốt hơn sống một ngày, Tinh tấn tận sức mình. 12. Patàcàrà Bị Mất Cả Gia Đình Ai sống một trăm năm ... Phật dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện Tỳ-kheo-ni Patàcàrà.

Bà là con gái một gia đình giàu có ở Xá-vệ, gia sản lên đến bốn trăm triệu. Nhan sắc bà tuyệt đẹp, mười sáu tuổi được cha mẹ cho ở tầng chót tòa nhà bảy tầng, canh gác cẩn thận. Tuy vậy bà vẫn thông gian với gia đồng của mình. Cha mẹ đã hứa gả cho một chàng trai đồng giai cấp và ngày cưới gần kề, bà bảo tên gia đồng rằng hắn sẽ không bao giờ có được quà cáp để đến thăm bà ở bên chồng, do đó hắn hãy tìm cách mang bà đi khỏi nơi này, nếu thật sự thương yêu bà. Và họ đồng ý trốn đi. Đến ngày hẹn, bà dậy sớm, ăn mặc dơ bẩn, tóc tai rối bù, còn bết thêm bụi đỏ vào mình, cầm bình đựng nước, giả bộ ra ngoài kiếm nước để đến chỗ hẹn. Rồi cả hai đi thật xa đến một làng nọ sinh sống. Chồng trồng trọt gom củi và lá trong rừng. Vợ xách nước, giã gạo, nấu ăn, làm việc nội trợ. Bà lãnh quả báo của tội lỗi mình. Khi có mang, bà muốn về nhà cha mẹ sinh nở để được giúp đỡ nhưng anh chồng không chịu, sợ họ bắt tội và hành hạ mình. Bà đòi nhiều lần vẫn không được, nên khi chồng vào rừng bà gởi nhà cho hàng xóm rồi về nhà cha mẹ. Anh chồng trở về hay được, rượt theo bắt bà trở lại. Nhưng đến một nơi bà chuyển bụng sinh được một bé trai. Cả hai lại trở về nhà. Lần sau có mang, bà cũng bỏ về nhà cha mẹ như trước. Anh chồng tìm theo cũng bắt bà trở lại. Và trên đường về bất ngờ một cơn bão lớn thổi tới. Mưa như trút, sấm sét không ngừng. Đúng lúc đó bà chuyển bụng. Anh chồng cầm rìu tìm cách che chòi cho bà lâm bồn. Thấy bụi cây trên ụ mối, anh ta vừa chặt xuống thì rắn độc trườn ra cắn chết, thân nóng như lửa, thịt tím ngắt. Patàcàrà đau bụng dữ dội, chờ hoài không thấy chồng trở lại. Rồi bà sanh đứa thứ hai. Cả hai đứa không chịu nổi gió mưa, khóc thét lên. Bà chỉ có cách áp chúng vào ngực, úp mình xuống chịu trận như thế suốt đêm. Toàn thân như không còn chút máu, thịt như chiếc lá vàng úa. Hừng đông hôm sau, bà lên đường, tay ôm đứa mới sinh đỏ hỏn trong lòng, tay kia đưa cho đứa lớn nắm. Ba mẹ con thất thểu đi theo đường anh chồng đã đi, và thấy anh nằm chết gần ụ mối. Bà than khóc ai oán rồi đi tiếp. Đến bờ sông Aciravatì nước dâng cao, nhiều chỗ đến thắt lưng. Bà quá yếu không thể lội qua với hai đứa con. Để đứa lớn bên này, bà đem đứa nhỏ qua sông, bẻ một nhánh cây trải đặt nó lên, rồi quay trở lại. Vừa bơi vừa nhìn ngoái lại, đến giữa dòng thấy một con diều hâu sà xuống quắp đứa bé. Bà hốt hoảng xua tay hét lên: "Bay đi, bay đi!". Nhưng nó không nghe vì quá xa, và chộp đứa bé bay mất. Bên này đứa con lớn thấy mẹ quơ tay tưởng gọi mình, cũng bò xuống sông, bị nước cuốn mất. Chồng bị chết, con đứa thì bị chim tha, đứa thì nước cuốn, bà rên rỉ như thế và đi tiếp đến Xá-vệ. Gặp một người từ trong thành đi ra, bà hỏi thăm về gia đình mình. Ông kia biết nhưng hình như không muốn nói đến. Bà cứ hỏi riết buộc ông phải nói sự thật là gia đình đó cả nhà bị sập đè chết hết. Hàng xóm và thân nhân vừa thiêu họ xong, khói còn bốc lên trên giàn hỏa từ xa vẫn trông thấy. Bà nghe xong nổi điên ngay, y phục tuột hết mà không hay biết. Bà trần truồng như thuở mới sinh, lang thang khóc lóc thở than: Hai con ta đã chết,

Chồng ta chết giữa đường. Cha mẹ và anh cũng, Được thiêu trên lửa hừng. Ai thấy bà cũng đều la lên: "Đồ điên, đồ điên!" Kẻ ném rác, kẻ tung bụi vào bà. Lúc ấy Thế Tôn ngụ

ở tinh xá Kỳ Viên, đang thuyết pháp giữa hàng môn đệ. Ngài trông thấy bà từ xa và biết bà đã viên mãn một trăm ngàn kiếp, tròn lời nguyện và đạt đến cứu cánh. (Thời Phật Padumuttara, bà đã thấy một Tỳ-kheo-ni được tuyên bố là đệ nhất thông hiểu giáo pháp, được Phật mở cửa trời Đế Thích cho vào Lạc Viên. Vì thế bà phát nguyện xin được một vị Phật công nhận là Tỳ-kheo Ni đệ nhất thông hiểu giáo pháp. Phật Padumuttara nhìn tương lai biết bà sẽ được như nguyện, nên thọ ký vào thời Phật Cồ-đàm bà tên là Patàcàrà sẽ được đúng như lời nguyện). Do đó Thế Tôn khiến bà đến tinh xá. Các Tỳ-kheo la lên bảo nhau đừng để bà điên vào. Nhưng Phật bảo cứ để bà đến, rồi nói với bà: - Này chị, hãy tỉnh trí! Nhờ thần lực của Phật, bà lập tức khôi phục tâm trí. Ngay đó bà nhận ra y phục mất hết, cảm thấy xấu hổ và sợ tội, bà vội úp mình xuống đất. Một người ném cho bà y khoác. Mặc xong, bà phủ phục dưới chân Phật thưa: - Bạch Thế Tôn, con xin quy y Ngài, nương tựa Ngài. Con có một đứa con bị diều tha, một đứa bị nước cuốn. Chồng con chết, cha mẹ anh em cũng chết. Phật bảo: - Patàcàrà, đừng phiền muộn. Ngươi đã đến với người có thể là nơi ẩn trú, nơi che chở, nơi nương tựa cho ngươi. Những điều ngươi kể đều đúng cả. Cho đến ngày nay, qua biết bao nhiêu vòng luân hồi, ngươi đã khóc vì mất con, mất người thân, nước mắt rơi nhiều hơn nước bốn biển. Và Ngài nói kệ sau: Nước bốn biển ít hơn So với lệ nước đổ Vì sợ và quẩn trí, Tại sao còn phóng dật? Thế Tôn giảng về luân hồi từ vô thủy. Ngài nói tới đâu đau buồn của bà giảm tới đó. Ngài nói tiếp: - Patàcàrà, đối với một người trên đường qua bên kia thế giới thì không có con cái, bạn bè hay thân quyến nào làm nơi trú ẩn hay nương tựa. Ngươi có thể trông đợi họ được bao lâu trong cuộc đời này? Người trí phải biết thanh lọc đạo hạnh của mình, và như thế sẽ thanh lọc con đường dẫn đến Niết-bàn. Và Ngài đọc Pháp Cú: (288) Một khi tử thần đến, Không có con che chở,

Không cha, không bà con, Không thân thích che chở. (289) Biết rõ ý nghĩa này, Bậc trí lo trì giới, Mau lẹ làm thanh tịnh, Con đường đến Niết-bàn. Cuối bài kệ Patàcàrà chứng quả Dự lưu, và tham dục trong tâm nhiều như bụi đại địa, cháy tiêu hết. Nhiều người khác cũng chứng quả Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Bà xin Phật gia nhập Tăng đoàn, được nhận và gởi tới Ni chúng. Bà đã làm tròn bổn phận, và vì tánh tình vui vẻ nên được tên là Patàcàrà. Một hôm, bà múc nước đầy bình và xối rửa chân. Nước chảy ra đất thấm xuống hết. Lần thứ hai nước chảy xa hơn rồi cũng thấm hết. Lần thứ ba xa hơn nữa rồi cũng thấm hết. Bà lấy đó làm đề mục thiền quán. Tức là nước đổ lần đầu giống như chúng sanh qua đời lúc tuổi nhỏ. Lần thứ hai khi tuổi thanh xuân, và lần thứ ba lúc đã già. Thế Tôn ngồi trong hương thất, phóng quang ảnh đến trước mặt bà bảo: - Patàcàrà, sống một ngày hay trong chốc lát mà thấy được sự sanh diệt của ngũ uẩn còn hơn là sống trăm năm chẳng thấy gì hết. Và Ngài đọc Pháp Cú: (113) Ai sống một trăm năm, Không thấy pháp sanh diệt, Tốt hơn sống một ngày, Thấy được pháp sanh diệt. Cuối bài kệ, bà chứng A-la-hán cùng các thần thông. 13. Kisà Gotamì - Hạt Cải Trị Bệnh Cho Đứa Con Đã Chết. Ai sống một trăm năm ... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến bà Kisà Gotamì. A. Kisà Gotamì Kết Hôn Với Con Một Thương Gia Giàu Có Có một thương gia tài sản lên đến bốn trăm triệu sống ở Xá-vệ. Thình lình của cải biến hết thành than. Ông quá đau khổ, bỏ ăn, nằm liệt giường. Một người bạn đến thăm hỏi

chuyện khuyên ông đừng buồn, mà hãy trải chiếu trong cửa hàng, chất than lên và ngồi đó bán. Ông bạn nói tiếp: - Sẽ có người đến nói: "Hầu hết nhà buôn thì bán quần áo, vải vóc, dầu, mật mía; còn ông ngồi đây bán than". Ông sẽ đáp: "Nếu tôi không bán thứ gì thuộc về tôi, thì tôi làm gì chứ?". Nhưng rồi lại có người nói: "Hầu hết nhà buôn thì bán quần áo, vải vóc, dầu, mật, mật mía, còn ông thì ngồi đây bán vàng". Ông sẽ hỏi: "Vàng đâu?". Người đó đáp: "Kìa!". Ông bảo: "Lấy tôi xem!". Người đó sẽ đưa cho ông một nắm than, ông nên cầm lấy, bụm kín trong hai tay, rồi úm ba la! Nó sẽ biến thành vàng. Nếu đó là một cô gái thì cưới cho con trai ông, nếu là chàng trai thì gả con gái cho hắn. Rồi ông giao bốn trăm triệu cho cô dâu hay chàng rể đó, họ sẽ nuôi sống ông.

Thương gia thấy ý kiến hay nên nghe theo. Mọi việc xảy ra đúng như lời ông bạn đã nói. Và đó là một cô gái con nhà nghèo tên là Gotamì, nhưng vì quá ốm nên thường gọi là Kisà Gotamì. Cô làm dâu nhà thương gia, mười tháng sau sanh một bé trai, nhưng đứa bé qua đời khi mới biết đi. B. Kisà Gotamì Tìm Hạt Cải Trị Bệnh Cho Đứa Con Đã Chết. Kisà Gotamì chưa bao giờ thấy cái chết. Do đó khi người ta mang đứa bé đi thiêu, bà ngăn cản không cho, và bế con trên hông đi từ nhà này đến nhà khác kiếm thuốc cứu con. Người ta bảo là bà điên rồ vì không ai đi tìm thuốc cứu chữa cho đứa bé đã chết. Nhưng bà vẫn đi vì nghĩ rằng thế nào cũng tìm được thuốc chữa cho con bà. Một bậc trí giả thấy bà và hiểu hoàn cảnh, bảo bà đến gặp Phật. Bà đảnh lễ Thế Tôn, đứng một bên và thưa hỏi: - Bạch Thế Tôn, có thật như người ta đã nói, Ngài biết thuốc chữa cho con của con không? Phật đáp: - Phải, ta biết. - Con phải kiếm những gì? - Một nhóm hạt cải trắng. - Con sẽ đi tìm, nhưng biết nhà ai có? - Nhà nào không có con trai, con gái hay bất cứ ai chết. - Xin vâng, bạch Thế Tôn! Bà bế con vào làng, đến từng nhà hỏi xin hạt cải. Họ đưa cho bà, nhưng khi hỏi nhà có ai chết không, thì được biết người sống thì ít, người chết thì nhiều, bà đành trả hạt cải. Đi đến chiều cũng không nhà nào có hạt cải đúng theo ý Phật. Bà chợt hiểu không phải chỉ mình bà mất con, mà trong làng này người chết nhiều hơn người sống. Lòng bà trước đây yếu mềm vì tình mẹ, nay cứng cỏi hẳn lên. Bà mang đứa bé vào rừng, đặt xuống đất rồi đi gặp Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Thế Tôn hỏi: - Ngươi có được hạt cải không? Bà đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Làng nào người chết cũng nhiều hơn người sống. - Thật hão huyền nếu ngươi nghĩ rằng chỉ mình ngươi mất con. Ai cũng chịu định luật bất hiếu, đó là: "Thần chết, như một dòng nước lũ, quét sạch mọi chúng sanh ra biển hoại diệt, trong khi lòng tham đắm của họ chưa thỏa". Và Ngài đọc Pháp Cú: (287) Người tâm ý đắm say, Con cái và súc vật, Tử thần bắt người ấy, Như lụt trôi làng ngủ.

Cuối bài kệ, Kisà Gotamì chứng quả Dự lưu. Nhiều người khác cũng chứng quả Dư Lưu, Nhị và Tam quả. Bà xin gia nhập Tăng đoàn, được Thế Tôn thuận và giao cho Ni chúng. Sau thời gian làm tròn bổn phận, bà được tên là ni cô Kisà Gotamì. Một hôm thắp đèn trong giảng đường bố-tát, bà chăm chú nhìn ngọn lửa. Vài ngọn lóe sáng, vài ngọn chập chờn tắt. Bà lấy đó làm đề mục thiền quán: Chúng sanh trên thế gian cũng như ngọn đèn, chợt sáng chợt tắt, chỉ khi đạt Niết-bàn mới chấm dứt. Thế Tôn ngồi trong hương phất phóng quang ảnh đến trước mặt bà dạy: - Chúng sanh như ngọn lửa, chợt sáng chợt tắt. Người nào đến Niết-bàn mới chấm dứt. Do đó dù chỉ sống trong khoảnh khắc mà chứng Niết-bàn, còn hơn sống trăm năm không thấy biết Niết-bàn. Và Phật đọc

Pháp Cú: (114) Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử, Tốt hơn sống một ngày, Thấy được câu bất tử. Cuối bài kệ, Kisà Gotamì chứng A-la-hán cùng các thần thông. 14. Góa Phụ Bahuputtikà Và Những Đứa Con Bất Hiếu. Ai sống một trăm năm... Tại Kỳ Viên, do Bahuputtikà, Thế Tôn đã dạy câu trên. Một gia chủ Xá-vệ có bảy con trai và bảy con gái, tất cả đều lập gia đình và được hạnh phúc. Về sau người cha chết, bà mẹ là một cư sĩ nổi tiếng tiếp tục trông nom tài sản chồng. Các con trai bà muốn thừa hưởng gia tài, nên bảo với mẹ là không lẽ họ không nuôi bà nổi sao mà cần phải ôm giữ của cải? Họ nói nhiều lần, bà nghe cũng có lý nên chia gia tài ra làm hai và cho hết các con. Vài ngày sau, cô dâu trưởng nói với mẹ chồng: - Rõ ràng là chỉ có nhà này là mẹ tuyệt vời của chúng con thăm viếng. Làm như con trưởng được thừa hưởng đến hai phần gia tài không bằng! Mấy cô dâu khác cũng hùa nhau nói xỉa nói xói như thế. Rồi đến con gái, từ đứa lớn đến đứa út cũng y khuôn. Bị đối xử tàn tệ như thế, bà không muốn sống với các con nữa, mà định xuất gia. Bà đến ni viện xin được gia nhập Tăng đoàn. Sau thời gian làm tròn bổn phận, bà được đặt tên là ni cô Bahuputtikà. Trong lúc làm việc lớn nhỏ do các Tỳ-kheo giao phó, bà thường tự nhắc mình là đi tu khi đã lớn tuổi, do đó, phải tinh tấn, chánh niệm, ngồi thiền suốt đêm. Dưới nền đất thấp, bà vịn tay vào cột lần bước và thiền quán. Khi đi kinh hành sợ đêm tối đụng đầu vào gốc cây hay các vật khác, bà vịn cây bước đi và thiền quán, quyết tâm tuân theo pháp Phật dạy, tư và tu. Phật ngồi trong hương thất, phóng quang ảnh đến trước mặt bà, nói: - Bahuputtikà, dù sống trăm năm không nghe pháp Ta dạy và thiền quán, cũng không bằng sống một ngày thấy được pháp tối thượng.

Và Ngài đọc Pháp Cú:
(115) Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.
PHẨM IX: ÁC 1. Bà La Môn Tiểu Nhất Y Hãy gấp làm điều lành ... Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Bà-la-môn Tiểu Nhất Y (Culla Ekasàtaka). Bà-la-môn Đại Nhất Y (Mahà Ekasàtaka) thời Phật Tỳ-bà-thi (Vipassi) kiếp hiện tại tái sanh ở Xá-vệ tên Tiểu Nhất Y. Ông chỉ có độc một nội y, vợ ông cũng vậy, và cả hai xài chung một ngoại y. Như vậy khi Bà-la-môn hoặc vợ ra khỏi cửa thì người kia phải ở nhà. Một hôm người ta loan báo có thuyết pháp tại tinh xá. Cả hai thỏa thuận đi nghe pháp: bà ban ngày còn ông ban đêm. Ngồi trước mặt Thế Tôn, toàn thân ông hoan hỷ uống từng giọt pháp, vì thế ông phát tâm cúng dường. Nhưng nếu dâng y này đến Thế Tôn thì không còn ngoại y nào cho cả hai người. Một ngàn niệm ích kỷ không dâng y nổi lên bên trong, thì có một niệm sùng tín lại muốn dâng y. Hai bên tranh chấp lẫn nhau mãi cho đến khi canh một trôi qua và canh hai lại đến. Và rồi ông vẫn chưa dâng y lên Thế Tôn. Đến canh cuối, Bà-la-môn nghĩ rằng hai canh đã trôi qua, nếu cứ giằng co mãi và nếu niệm vị kỷ gia tăng mạnh mẽ thì sẽ không nhấc đầu ra khỏi bốn đường khổ. Do đó ông quyết cúng dường. Lấy y đặt dưới chân Thế Tôn, ông kêu to ba lần: "Ta đã chiến thắng". Vua Ba-tư-nặc xứ Kosala tình cờ cũng dự thính, nghe thế ngạc nhiên, bảo quân lính hỏi chuyện, rồi thưởng cho ông một cặp y, Bà-la-môn lại cũng dâng y này cho Thế Tôn. Vua

lại tặng ông gấp đôi, tức là lần thứ nhất hai bộ y, rồi bốn bộ, tám bộ, cuối cùng mười sáu bộ. Bà-la-môn dâng hết cho Như Lai. Nhà vua lại tặng ba mươi hai bộ còn lại. Dù Bà-la-môn có dâng hết những gì ông có đến một trăm lần, vua cũng vẫn đáp ứng tương xứng (Trong một tiền kiếp Đại Nhất Y giữ hai bộ trong sáu mươi bốn bộ nhận được) Vua thấy Bà-la-môn làm một việc rất khó làm, nên ra lệnh tìm hai cái mền trong phòng thiết triều mang tặng ông, mền đó trị giá đến một ngàn đồng. Bà-la-môn tự thấy mình không xứng đáng đắp, nhưng mền đó thích hợp với giáo đoàn của Phật, nên ông lấy làm màn, một tấm treo trong hương thất để che giường của Thế Tôn, và một tấm treo trong nhà mình để che nơi các Tỳ-kheo thường đến thọ thực. Buổi tối, vua đến thăm Thế Tôn, nhận ra mền, hỏi Phật, thì ra là Tiểu Nhất Y cúng dường. Như vậy khi vua có niềm tin và hạnh phúc với niềm tin đó, thì người Bà-la-môn này cũng thế, sau đó vua tặng cho ông bốn voi, bốn ngựa, bốn ngàn đồng, bốn phụ nữ, bốn tỳ nữ và bốn ngôi làng tốt nhất. Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Ồ! Việc làm của Tiểu Nhất Y thật lạ lùng! Ông đã nhận được thật nhanh quà tặng mỗi thứ bốn cái! Ngay khi ông làm việc thiện, phước báo đến liền. Thế Tôn đến hỏi, và nghe kể xong, Ngài bảo:

- Các Tỳ-kheo! Nếu Tiểu Nhất Y cúng dường cho Ta vào canh đầu, ông đã nhận quà tặng mỗi thứ mười sáu cái. Nếu vào canh giữa, ông đã nhận mỗi thứ tám cái. Nhưng vì để trễ đến canh cuối, nên ông chỉ nhận mỗi thứ bốn cái. Ai làm việc thiện đừng chần chờ, mà phải làm tức khắc. Một việc công đức làm chậm trễ đem lại phước báo cũng chậm trễ. Do đó ta phải làm việc thiện ngay khi có sự thôi thúc trong lòng. Nói xong, Ngài đọc Pháp Cú: (116) Hãy gấp làm điều lành, Ngăn tâm làm điều ác. Ai chậm làm việc lành, Ý ưa thích việc ác. 2. Một Tỳ Kheo Bất Mãn Nếu người làm điều ác... Khi ngụ tại Kỳ Viên. Thế Tôn đã dạy câu trên do chuyện Trưởng lão Seyyasaka. Trưởng lão Seyyasaka là Tỳ-kheo bạn của Trưởng lão Làludàyi. Ông bất mãn với giới luật đời tu, và kể cho bạn ông, người đã xúi giục ông vi phạm giới luật đầu tiên của Tăng già. Sau đó ông thường bất mãn và cứ phạm giới như thế. Phật nghe được gọi ông đến hỏi, ông nhìn nhận, và Ngài đã răn dạy: - Người tham dục! Tại sao ông phạm lỗi trầm trọng như thế? Tư cách của ông đâu được phép như thế! Sau đó Ngài bắt ông phải tuân hành giới luật, và nhắc ông rằng: - Hành động như thế chắc chắn dẫn đến đau khổ, cả đời này và đời sau. Xong, Phật đọc Pháp Cú: (117) Nếu người làm điều ác, Chớ tiếp tục làm thêm. Chớ ước muốn điều ác, Chứa ác tất chịu khổ. 3. Thiên Nữ Với Tỳ Kheo Nếu người làm điều thiện... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến tiên nữ Làjà. Câu chuyện bắt đầu ở Vương Xá. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp ngụ ở hang Tiêu, Ngài nhập định bảy ngày, rồi xuất định. Quan sát bằng thiên nhãn những nơi sắp đi khất thực, Ngài trông thấy một phụ nữ canh giữ cánh đồng đang rang những bông lúa vừa gom được, và biết người này có niềm tin, khôn ngoan và tháo vát, sẽ giúp đỡ Ngài và sẽ được phước báo nhiều. Rồi Ngài đắp y, ôm bát đến đứng gần ruộng lúa. Bà thấy Ngài, phát tín tâm, toàn thân hoan hỷ, và nhanh nhẹn đi lấy gạo rang, trút vào bình bát, xong đảnh lễ Ngài và ước nguyện: - Bạch Tôn giả! Xin cho con được tham dự vào giáo pháp mà Ngài đã thấy.

Trưởng lão hứa khả. Tín nữ chào Ngài và trở về, lòng cứ nghĩ đến sự cúng dường cho Ngài. Nhưng khi tín nữ bước trên đường dọc theo ruộng lúa, đến chỗ có con rắn độc trước đây không cắn được Trưởng lão vì y vàng phủ kín chân, nó bò ra và cắn bà té sấp

xuống đất, và bà đã chết trong tín tâm. Bà tái sinh lên cõi trời Ba mươi ba như người ngủ thức dậy, trong một thiên cung bằng vàng rộng ba mươi ba dặm, vóc dáng cao bằng ba phần tư dặm, mặc một thiên y dài mười hai dặm làm nội y và một thiên y bằng như thế làm ngoại y, với một ngàn thiên nữ tùy tùng. Cổng chính thiên cung trang hoàng, có treo một bình vàng đầy hạt lúa bằng vàng do công đức kiếp trước dâng gạo rang cho Trưởng lão Đại Ca-diếp, và cũng thấy mình không chuyên cần. Do đó bà muốn phục dịch việc lớn nhỏ đối với Trưởng lão để được cứu độ chắc chắn. Sáng sớm, bà đến phòng Trưởng lão quét dọn sạch sẽ với chổi vàng và đồ hốt rác bằng vàng, rồi đi lấy nước uống. Trưởng lão thấy thế cứ tưởng mấy người cận sự hay Sa- di làm. Vào ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba thiên nữ cũng làm thế. Trưởng lão nhìn qua lỗ khóa khi nghe tiếng quét, thấy thân sáng chói của bà, ngạc nhiên hỏi: - Ai đang quét đó? Bà đáp: - Chính con đây, Tôn giả! Nữ cư sĩ của Ngài, thiên nữ Làjà. - Tôi không có nữ cư sĩ tên đó. Bà kể lại mọi sự. Tôn giả không bằng lòng, bảo bà đi đi. Bà năn nỉ: - Tôn giả, đừng xua đuổi con. Xin cho phép con hầu hạ Ngài để chắc chắn được cứu độ. Trưởng lão vẫn cương quyết: - Thiên nữ, hãy đi ngay! E rằng về sau các Pháp sư được cầm quạt ngũ sắc và ngồi xuống, sẽ có lý do để nói có một thiên nữ đến hầu hạ và lấy nước cho Trưởng lão Đại Ca- diếp. Đừng đến đây nữa hãy đi nơi khác! Thiên nữ vẫn một mực nài nỉ. Thấy bà không chịu nghe lời mình, Ngài bảo: - Cô chẳng biết chỗ của mình. Và Ngài búng ngón tay tỏ vẻ khinh bỉ. Thiên nữ không dám ở lại, bay lên không, vòng tay cất tiếng: - Tôn giả! Đừng hủy bỏ thành quả của con, hãy để con được cứu độ. Rồi đứng yên giữa trời than khóc. Thế Tôn ngồi ở hương thất tại Kỳ Viên nghe được, liền phóng quang ảnh đến trước mặt thiên nữ bảo: - Thiên nữ! Đại Ca-diếp, đệ tử Ta, quả có bổn phận phải tự chế. Nhưng ai muốn tạo công đức phải quyết tâm xem đó là việc cần thiết, và thừa nhận tạo công đức là bổn phận duy nhất của mình. Thật vậy, đời này và đời sau chỉ có việc thiện đem đến hạnh phúc. Rồi Ngài đọc Pháp Cú: (118) Nếu người làm điều thiện,

Nên tiếp tục làm thêm. Hãy ước muốn điều thiện, Chứa thiện, được an lạc. 4. Cấp Cô Độc Và Nữ Thần Người ác thấy là hiền... Câu này Thế Tôn dạy ở Kỳ Viên, liên quan đến Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc đã chi hết năm trăm bốn mươi triệu của cải cho Tăng đoàn của Phật tại tinh xá Kỳ Viên, một ngày ba lần đến hầu hạ Thế Tôn. Nghĩ rằng những người tập sự và Sa-di hay để ý ông sẽ mang gì cúng dường, nên không bao giờ ông đến tinh xá tay không. Sáng sớm, ông thường đem cháo. Sau giờ thọ thực, ông mang bơ tươi và thuốc men. Buổi chiều mang hương, hoa, cao (mỡ bôi) và y phục. Dần dần ông nghèo đi, vì ngoài phần cúng dường ông đã cho các nhà buôn mượn một trăm tám mươi triệu, chưa kể một trăm tám mươi triệu dành cho gia đình chôn giấu tại bờ sông đã trôi ra biển lúc đất lở. Tuy thế ông vẫn cúng dường chúng Tăng như trước, dù thức ăn không được ngon lành nữa. Một hôm Thế Tôn hỏi ông: - Gia chủ vẫn mang vật thực từ nhà đến cúng dường Tăng chúng chứ? Ông thưa: - Vâng, bạch Thế Tôn. Nhưng thức ăn chỉ có cháo chua, vừa ít vừa dở. - Gia chủ đừng nên buồn phiền khi nghĩ rằng đã dâng lên Thế Tôn thức ăn tồi. Nếu ý định thanh tịnh thì món gì dâng lên chư Phật và những vị khác không thể gọi là xấu tệ được. Ông đã dâng cúng lên tám bậc Thánh. Trước đây trong thời Velàma. Ta đã quấy động toàn nước Ấn Độ với rất nhiều phẩm

vật, nhưng không khuyên được ai thọ Tam quy. Khó mà tìm được người xứng đáng để dâng cúng. Do đó đừng phiền muộn khi nghĩ rằng món dâng của ông dở tệ. Nói xong, Thế Tôn đọc kinh Velàma. Khi Thế Tôn và các Thánh đệ tử bước vào nhà ông Cấp Cô Độc, nữ thần ngụ trên cổng không thể ở lại đó, vì sức mạnh thiện đức của các Ngài. Cô định sẽ xúi giục gia chủ đừng trung thành với các Ngài, để các Ngài không vào nhà nữa. Lúc tài sản của ông đang cực thịnh, nữ thần dù có nói ông cũng không nghe, bây giờ nghèo ông sẽ sẵn sàng để ý đến lời cô. Do đó ban đêm cô đến phòng Trưởng giả tự giới thiệu và khuyên ông phải nghĩ đến tương lai; ông đã phung phí biết bao vào Giáo đoàn của Phật, bây giờ nghèo rồi ông vẫn cúng dường, nếu ông vẫn tiếp tục như thế mãi thì chẳng bao lâu ông sẽ không còn một hột cơm lót lòng, hay một mảnh vải che thân. Cô còn lên giọng kẻ cả dạy thêm: - Sa-môn Gotama có ích lợi gì cho ông? Đừng dại dột phung phí nữa, hãy để tâm vào chuyện làm ăn và tạo cơ may. Trưởng giả ngồi im lắng nghe hết, rồi mới bảo: - Đây là điều mà cô đến khuyên tôi có phải không? Thế thì, hãy cút đi! Dù cố thuyết trăm, ngàn lần như thế cô cũng chẳng lay chuyển được tôi. Cô đã nói với tôi

những điều không đáng nói. Việc gì cô phải ở trong nhà tôi chứ? Hãy ra khỏi nhà tôi tức khắc! Nữ thần không thể không tuân theo lời nói của một cư sĩ đã chứng quả Dự-lưu, nên lập tức đem con ra khỏi nhà ông. Nhưng sau đó cô không thể tìm ra chỗ nào khác để ở. Cô đến vị trời cai quản thành kể tội lỗi của mình, xin ông đến nhà Trưởng giả thuyết phục ông tha thứ và cho cô ở lại. Nhưng vị trời từ chối, vì cô đã nói điều không đáng nói. Cô đến Tứ thiên vương, nhưng họ cũng từ chối với cùng một lý do. Rồi cô cầu cứu với thiên chủ Đế Thích. Ngài bày cho cô khoác y phục của quản gia Trưởng giả, ghi danh sách tài sản của ông đã phân tán, tức là một trăm tám mươi triệu cho nhà buôn mượn, một trăm tám mươi triệu bị cuốn ra biển và một trăm tám mươi triệu không ai giữ ở nơi này nơi nọ, và dùng thần lực đòi và gom lại, xong chất vào kho trống của ông. Làm như vậy để chuộc lỗi, và sau đó xin ông tha thứ cho cô. Nữ thần vâng theo. Công việc hoàn thành, cô đứng trên không chiếu hào quang xuống phòng Trưởng giả trình bày các việc đã làm, và xin ông cho cô chỗ ở, vì hiện nay cô không tìm được nơi nào, nên rất là vất vả mệt nhọc. Cấp Cô Độc dẫn cô đến bậc Toàn Giác, bảo kể lại mọi sự. Nữ thần úp mặt trước Thế Tôn thưa: - Bạch Thế Tôn! Vì điên rồ con không nhận ra công đức to lớn của Ngài, và đã nói lời xấu ác, xin tha thứ cho con. Như thế nữ thần đã xin lỗi Thế Tôn lẫn Trưởng giả, và được Thế Tôn khuyên nhủ: - Ngay trong đời này, Đại Trưởng giả! Một kẻ làm ác vẫn cảm thấy tốt lành chừng nào hành động ác của họ chưa chín muồi. Nhưng ngay khi hành động ác chín muồi, họ sẽ chỉ thấy xấu. Cũng thế, một người lành thấy việc xấu dữ bao lâu việc thiện của mình chưa chín muồi, nhưng ngay khi hành động thiện chín muồi, họ chỉ thấy tốt lành. Nói xong Ngài đọc Pháp Cú: (119) Người ác thấy là hiền, Khi ác chưa chín muồi. Khi ác nghiệp chín muồi, Người ác mới thấy ác. (120) Người hiền thấy là ác, Khi thiện chưa chín muồi. Khi thiện nghiệp chín muồi, Người hiền thấy là thiện. 5. Tỳ Kheo Không Giữ Gìn Tốt Đồ Dùng Chớ chê khinh điều ác... Thế Tôn đã dạy câu tên khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một Tỳ-kheo không giữ gìn tốt đồ dùng. Tỳ-kheo này hay vất đồ dùng ra ngoài trời như là giường, ghế, ... bị nắng mưa hay mối mọt ăn mòn, chẳng bao lâu rã ra từng mảnh. Các

huynh đệ nhắc nhở ông sao không

cất giữ bảo quản, ông thản nhiên bảo đó là lỗi nhẹ, không đáng mất công suy nghĩ và giận dữ. Rồi ông cứ thế làm hoài. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Ông được Phật kêu lên hỏi, và trả lời như cũ, tức là coi thường việc mình làm. Thế Tôn bèn dạy: - Các Tỳ-kheo, đừng bao giờ hành động như thế. Đừng bao giờ xem một việc làm xấu là việc nhỏ. Mà nói rằng đó chỉ là việc nhỏ. Vì khi bình nước mở miệng và mưa rơi xuống, chắc chắn một giọt nước không thể làm đầy được, nhưng khi mưa mãi mưa hoài nước sẽ đầy tới miệng. Như thế, từng chút một, người phạm lỗi tích lũy một đống tội lớn. Và Phật đọc Pháp Cú: (121) Chớ chê khinh điều ác, Cho rằng "chưa đến mình" Như nước nhỏ từng giọt, Rồi bình cũng đầy tràn. Người ngu đầy tội ác, Do chất chứa dần dần. Cuối bài pháp, nhiều người chứng quả Dự-lưu, Nhị quả và Tam quả. Rồi Phật tuyên giới: - Ai không đem giường ngoài trời vào mà nói rằng đó chỉ là việc nhỏ sẽ phạm tội. 6. Chưởng Khố Chân Mèo Chớ chê khinh điều thiện... Do chuyện chưởng khố Chân Mèo Bilalapàdaka, Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên. Ngày xưa, dân chúng ở Xá-vệ họp từng nhóm cúng dường Tăng đoàn của Phật. Khi hồi hướng công đức, Thế Tôn bảo: - Các cư sĩ, trên thế gian này ai bố thí nhưng không khuyến khích người khác bố thí, ở kiếp sau sẽ có phước báo về tài sản, nhưng không có phước báo được nhiều người theo. Nếu không tự mình bố thí mà chỉ khuyên người khác bố thí, thì sẽ có phước báo được nhiều người theo, nhưng không có tài sản. Không tự mình bố thí và cũng không khuyên người bố thí, thì sẽ không có phước báo nào hết. Nhưng người vừa tự mình bố thí vừa khuyên người khác bố thí, sẽ nhận được cả hai phước báo về tài sản và tùy tùng. Một người trí đứng nghe Phật thuyết như thế liền phát tâm cúng dường, và thỉnh Thế Tôn đến thọ thực tại nhà ngày mai với hết thảy Tỳ-kheo. Được hứa khả, cư sĩ vào làng, đi khắp nơi kêu gọi cúng dường cháo và thức ăn khác; mỗi người sẽ lo cho một số Tỳ-kheo tùy sức, nhưng sẽ nấu chung một chỗ và dâng cúng chung. Một chưởng khố thấy cư sĩ đến tiệm mình, cho rằng thay vì anh ta mời số ít Tỳ- kheo theo sức mình, lại cố mời đông đủ rồi khuyên cả làng cúng dường, nên nổi giận, tuy vậy ông vẫn bảo mang bình tới. Rồi ông lấy một nhúm gạo trong ba ngón tay đưa cho cư sĩ, cũng thế mỗi thứ đậu ông cho một chút. Do đó sau này ông có tên là Chân Mèo. Và khi cho bơ và đường ông đặt cái rổ trong bình của cư sĩ, chừa lại một góc trống để ông

nhỏ từng giọt một, và chỉ cho rất ít. Cư sĩ đặt phần của ông riêng với người khác. Chưởng khố sanh nghi nên sai tiểu đồng đi theo cư sĩ. Chú thấy cư sĩ vừa bỏ hai, ba hột gạo vào cháo và bánh, chia những hột đậu, vài giọt dầu và các viên đường vào tất cả bình, vừa nguyện cho chưởng khố được nhiều phước báo. Chú về kể lại y như thế, nhưng nghe xong chưởng khố vẫn còn hậm hực, định bụng nếu bị cư sĩ đó khiển trách giữa hội chúng, sẽ đánh và giết ông ta ngay khi nghe nêu tên mình trên môi. Ngày kế chưởng khố giấu con dao trong nếp y và đến đứng ở trai đường chờ cư sĩ đưa Tăng đoàn của Phật và. Tiếng thưa thỉnh của cư sĩ vang lên: - Bạch Thế Tôn! Do con gợi ý, tất cả những người này cúng dường lên Phật gạo và các phẩm vật khác theo khả năng từng người. Nguyện cho tất cả mọi người đều được nhiều phước báo. Chưởng khố nghe được, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, nghĩ rằng nếu không xin lỗi một người tốt như thế, hình phạt của vua sẽ rơi xuống đất. Vì thế, ông phủ phục dưới chân cư sĩ kể lại tự sự, và

xin được tha thứ, Thế Tôn thấy thế, hỏi người tổ chức cúng dường, biết chuyện và dạy lại như sau: - Này đệ tử! Đừng bao giờ xem một việc thiện là việc nhỏ, và bảo rằng đó là việc mọn. Người trí tạo công đức, trong một thời gian sẽ được đầy đủ công đức, như một bình nước mở miệng đựng đầy nước. Nói xong, Phật đọc Pháp Cú: (122) Chớ khinh chê điều thiện, Cho rằng "chưa đến mình". Như nước nhỏ từng giọt, Rồi bình cũng đầy tràn. Người trí đầy thiện đức, Do chất chứa dần dần. 7. Thương Gia Đại Phú Ít bạn đường, nhiều tiền ... Phật đã dạy câu này ở Kỳ Viên, liên quan đến thương gia Đại Phú. Chuẩn bị cho một chuyến buôn xa, thương gia Đại Phú chất hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe, và trước khi đi, nhắc các Tỳ-kheo ai muốn đi cùng sẽ không phải lo thiếu thức ăn dọc đường. Năm trăm Tỳ-kheo lên đường với ông. Trước đây có năm trăm tên cướp toan đột nhập vào nhà Đại Phú, nhưng thất bại. Bây giờ chúng nghe tin ông đi buôn, nên vào ẩn trong rừng đón đường. Trước khi băng rừng, ông dừng chân ở một làng nọ, nghỉ lại ba ngày, sắp đặt bò, xe và mọi thứ. Trong thời gian đó ông vẫn cung ứng đủ cho các Tỳ-kheo như thường lệ. Bọn cướp muốn chắc ăn, cho bộ hạ đi vào làng thám thính. Tên này dò la tin tức nơi bạn của hắn về ngày thương gia lên đường, nhưng hắn cũng dại dột khai ra bọn cướp đang chờ trong rừng. Người bạn này có lòng từ nên khuyên thương gia chớ đi tiếp. Ông bèn quyết định đi vòng và trở về nhà. Tên bộ hạ trở vào làng và điều tra tiếp, biết thế bèn báo bọn cướp kéo nhau

ra khỏi rừng, đón ở một điểm theo hướng ngược lại. Thương gia cũng biết thế, nên cuối cùng ở lại. Ông đến cho các Tỳ-kheo hay, và các Tỳ-kheo ở lại hay không tùy ý. Các Tỳ-kheo quyết định trở về Xá-vệ. Họ đến đảnh lễ Thế Tôn, cung kính ngồi một bên thưa chuyện, Thế Tôn nghe qua bèn dạy: - Các Tỳ-kheo! Thương gia Đại Phú tránh con đường vì bọn cướp nằm chờ ông. Cũng vậy, các Tỳ-kheo phải tránh điều ác, nhìn ba cõi như con đường bị cướp bao vây. Và Phật nói Pháp Cú: (123) Ít bạn đường, nhiều tiền, Người buôn tránh đường hiểm. Muốn sống tránh thuốc độc, Cũng vậy, hãy tránh ác. 8. Người Thợ Săn Bắn Mê Muội Bàn tay không thương tích... Khi ngụ tại Trúc Lâm, Thế Tôn dạy câu trên do chuyện thợ săn Kukkutamitta. Một cô gái con nhà giàu ở Vương Xá đến tuổi cập kê, được cha mẹ cho ở một phòng trên tầng chót tòa nhà bảy tầng với một tỳ nữ hầu hạ. Buổi chiều đứng ngay cửa sổ nhìn xuống đường, thấy người thợ săn cô bị tiếng sét ái tình. Thợ săn sống bằng nghề giết nai với năm trăm bẫy và năm ngàn giáo. Anh vừa giết năm trăm nai chất lên xe, và ngồi trên đầu xe vào thành để bán thịt. Cô gái, theo tiếng gọi con tim, đưa quà sai tỳ nữ mang tặng thợ săn, và hỏi ngày anh trở lại đây. Biết được ngày và chỗ, sáng sớm hôm sau, cô gói quần áo và nữ trang, mặc y phục tồi tàn, rời khỏi nhà với một số gia nhân và bình nước trên tay, như thể định đi đến bờ sống, nhưng thật sự đến chỗ thợ săn sẽ đi qua và đứng chờ. Anh thợ săn cũng đánh xe ra rất sớm. Cô thụt lại sau và theo anh. Chợt thấy cô gái anh ngạc nhiên hỏi: - Cô là người lạ, không phải con gái những người tôi quen biết, xin đừng theo tôi nữa! - Anh không mời nhưng tôi tự ý đến, xin im lặng và đánh xe đi! Anh bảo cô về đi nhưng cô vẫn không nghe, còn nói thêm khi dịp may đến đừng để vuột mất. Người thợ săn biết chắc là cô gái cố tình theo đuổi mình nên đỡ cô lên xe và tiếp tục cuộc hành trình. Cha mẹ cô tìm khắp nơi nhưng không thấy, cho là cô đã chết, họ làm tang lễ long trọng. Về sống với thợ săn, cô sanh bảy người con trai. Chúng khôn lớn, cô có thêm bảy nàng dâu.

Sáng sớm, Thế Tôn quan sát thế gian thấy thợ săn cùng con trai con dâu hiện ra và biết mười lăm người này đủ duyên lành chứng quả Nhập lưu nên Ngài ôm bát đến chỗ thợ săn giăng lưới. Hôm đó không có một con thú nào sa lưới. Phật để lại dấu chân tại một cái bẫy rồi đi đến một gốc cây ngồi xuống. Thợ săn đến, kiểm soát tất cả lưới từ đầu đến cuối, không được con thú nào. Thấy dấu chân Phật, anh cho là có người thả thú trong bẫy ra. Anh nổi giận, và khi thấy Phật ngồi dưới gốc cây, anh đinh ninh đó là người phá

hoại anh, nên giương cung nhắm bắn. Phật cho phép anh giương cung nhưng không cho phép anh bắn tức là anh đứng yên trong tư thế đó, không hạ tay cung, và cũng không lấy tên ra khỏi dây cung, miệng chảy nước miếng, mệt mỏi đến kiệt sức, như thể xương bị gãy lìa. Đám con trai anh về nhà, đợi lâu không thấy anh, và được mẹ nhắc thêm, nên mang cung tên đi tìm. Đến nơi thấy cha mình đứng bất động, cho rằng người đứng đối diện là kẻ thù của cha, lập tức chúng giương cung. Thần lực của Phật cũng làm chúng chôn chân tại chỗ, không nhúc nhích. Rồi đến phiên bà mẹ cùng các con dâu lên đường đi tìm. Thấy chồng con đều đứng bất động, đang nhắm bắn ai đó, bà tìm hiểu, thì ra họ nhắm bắn Thế Tôn. Bà dang hai tay đưa lên trời, vội kêu lên: - Đừng giết cha ta! Đừng giết cha ta! Anh thợ săn nghe thấy thế hoảng hồn, nghĩ mình quá độc ác, lầm lỡ định bắn cha vợ. Mấy đứa con trai cũng ân hận vì tính bắn ông ngoại mình. Rồi cả cha con lòng bỗng dịu lại, trở nên thân thiện. Phật biết nên cho họ hạ cung tên, cùng lúc tiếng con gái phú gia bảo ném cung tên đi. Rồi tất cả cúi mình trước Thế Tôn xin thứ lỗi, xong cung kính ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp tuần tự cho họ. Cuối bài pháp, anh thợ săn, cùng bảy con trai và bảy con dâu đều chứng quả Dự-lưu. Sau đó Thế Tôn đi khất thực, thọ thực xong Ngài trở về tinh xá. Trưởng lão A-nan chào đón và hỏi thăm Phật. Ngài cho biết thợ săn cùng các con đều phát nguyện tin Tam Bảo, niềm tin bất thối chuyển và đã từ bỏ sát sanh, riêng bà vợ đã chứng quả Dự-lưu trước, khi còn ở nhà cha mẹ. Các Tỳ-kheo bàn tán chuyện này và thắc mắc bà vợ đã chứng quả Dự-lưu rồi mới lấy thợ săn, rồi còn đưa cung, tên, dao, lưới... cho chồng đi sát sanh. Người đã chứng quả Dự-lưu rồi sao còn sát sanh? Phật đến, nghe thế bèn dạy: - Các Tỳ-kheo! Dĩ nhiên người chứng quả Dự-lưu thì không sát sanh. Vợ của thợ săn khi làm thế chỉ nghĩ vâng lệnh chồng, chứ không hề nghĩ sẽ đưa những thứ đó cho chồng đi sát sanh. Nếu tay một người không bị thương thì dù có cầm thuốc độc trong tay, thuốc độc cũng không hại họ. Đúng vậy, người không nuôi tư tưởng lầm lỗi và không làm ác, có thể lấy cung hay các thứ tương tự đưa cho người khác mà vẫn vô tội. Và Phật nói Pháp Cú: (124) Bàn tay không thương tích, Có thể cầm thuốc độc. Không thương tích, tránh độc, Không làm, không có ác. Vào một dịp khác, các Tỳ-kheo thảo luận, không hiểu vì sao thợ săn cùng các con chứng quả Dự-lưu, và tại sao anh tái sinh làm thợ săn. Phật nghe được bèn kể: Chuyện quá khứ A. Chưởng Khố Thành Và Chưởng Khố Làng

Này các Tỳ-kheo! Ngày xưa người ta xây tháp để thờ xá lợi Phật Ca-diếp. Họ lấy chất "Orpiment", vàng và "Arsenic" nghiền thành bột làm hồ, với dầu mè làm nước. Rồi họ chặt những viên gạch làm hai đặt xen kẽ với những tảng vàng cho tường phía trong. Tường ngoài gồm những tảng vàng rắn chắc, mỗi tảng trị giá một trăm ngàn đồng. Khi tháp được xây lên đến chiều cao đựng thánh tích, họ kêu gọi đóng góp một số tiền lớn. Một chưởng khố trong làng là người đầu tiên cúng mười triệu vàng cho hòm đựng

thánh tích. Dân chúng xầm xì rằng chưởng khố thành phố quả đã cúng tiền để xây tháp lộng lẫy nguy nga như thế, nhưng không muốn đóng tiền nhiều để làm người đứng đầu, do đó chưởng khố ở làng thành người đứng đầu với số tiền mười triệu này. Chưởng khố thành phố nghe thế liền cúng hai mươi triệu. Chưởng khố làng leo thang ba mươi triệu. Cứ thế hai bên thi đua nhau tăng tiền nộp cúng, cuối cùng chưởng khố thành dâng tám mươi triệu. Chưởng khố làng lúc đó có chín mươi triệu, trong khi tài sản của chưởng khố thành đến bốn trăm triệu nên không thể tranh lại. Do đó ông quyết định không những dâng hết tài sản mà cả chính ông, với vợ, bảy con trai và bảy con dâu làm nô lệ cho tháp này. Dân chúng đồng ý là tiền có thể kiếm được nhưng người này cùng vợ con tất cả là mười sáu người, đã tự hiến mình, rất là hãn hữu nên để ông đứng đầu. Tuy danh nghĩa là nô lệ cho tháp nhưng dân chúng vẫn để họ tự do và chỉ có họ được coi sóc tháp. Mạng chung, họ tái sanh cõi trời và ở đó suốt thời gian giữa hai đức Phật. Thời Phật hiện tại người vợ sanh làm con gái phú gia. Thợ săn chính là chồng cũ của cô. Do đó khi gặp lại tình cảm trước kia phát sinh: Do liên hệ từ trước, Hay lợi thế hiện tiền, Tình yêu lại nảy sanh, Như đóa sen trong nước. Cả con trai và con dâu đều gặp lại kiếp này. Do công đức coi sóc ngôi tháp kiếp trước mà hiện đời được chứng quả Dự lưu. (Hết Chuyện Quá Khứ) 9. Thợ Săn Bị Bầy Chó Của Mình Nuốt Sống Hại người không ác tâm... Thế Tôn dạy câu này ở Kỳ Viên liên quan đến thợ săn Koka. Sáng sớm, thợ săn Koka vào rừng với cung tên và bầy chó săn theo sau. Hắn trông thấy bên lề đường một Tỳ-kheo đang vào làng khất thực. Hắn bực bội vì cho rằng gặp một kẻ xúi quẩy. Không biết có phải vì thế không, mà anh ta sục sạo trong rừng cả ngày chẳng được con thú nào. Còn Trưởng lão khất thực và thọ thực xong trở về tinh xá. Cả hai gặp nhau, và thợ săn vẫn còn tức tối, lùa chó đến cắn Trưởng lão dù Ngài van xin hắn. Ngài vội vã trèo lên cây, bầy chó vây quanh dưới gốc. Thợ săn cay cú nói với theo: - Đừng tưởng thoát khỏi nanh vuốt của ta nhé! Rồi hắn lấy mũi tên đâm vào bàn chân Trưởng lão. Ngài van xin nhưng hắn mặc kệ, cứ đâm hết nhát này tới nhát kia, cho đến khi bàn chân Ngài nát bét. Ngài kéo chân đó

lên và thò chân kia xuống. Hắn lại đâm tiếp. Ngài lại kéo chân kia lên. Ngài quá đau nhức, như thể ngồi trên ngọn đuốc, đến nỗi không còn chú ý đến chuyện gì hết, chiếc y ngoài rơi xuống mà Ngài chẳng hay, và chiếc y chụp xuống đầu thợ săn trùm đến chân. Bầy chó tưởng đó là Trưởng lão rớt trên cây xuống, chúng luồn dưới chiếc y kéo ra nhai sống anh thợ săn đến trơ xương. Chui ra khỏi đống y, chúng đứng đợi. Trưởng lão bẻ một cành cây khô ném xuống. Thấy Trưởng lão chúng mới biết là đã ăn thịt chủ mình, liền cong lưng chạy tót vào rừng. Trưởng lão bất an khi thấy anh thợ săn mất mạng vì chiếc y của mình. Ngài trở về kể đầu đuôi câu chuyện cho Thế Tôn, và hỏi Phật không biết mình vô tội hay có còn là tu sĩ không. Thế Tôn trả lời: - Tỳ-kheo! Sự vô tội của ông vẫn nguyên vẹn, ông vẫn là một tu sĩ. Người nào xúc phạm đến người vô tội sẽ bị diệt vong. Đây không phải là lần đầu, mà trong tiền kiếp tên thợ săn cũng đã từng phạm tội như thế. Và Phật kể lại: Chuyện quá khứ A. Y Sĩ Độc, Bầy Trẻ Và Con Rắn Độc Xa xưa, một y sĩ đi quanh làng kiếm việc làm, tìm không ra việc mà quá đói, ông chợt có ý định cho rắn độc cắn đám trẻ con đang chơi quanh cổng, để có cơ hội chữa vết thương cho chúng mà kiếm cơm. Ông bỏ con rắn vào một lỗ cây, cho thò đầu ra ngoài, dụ mấy đứa

nhỏ rằng đó là con chim Sàlikà hãy lại bắt mà chơi. Một đứa trẻ chạy tới nắm cổ rắn kéo ra khỏi lỗ. Ngay khi thấy con rắn trong tay, nó hét lên và ném lên đầu y sĩ đang đứng gần đấy. Rắn quấn quanh vai ông, và ông chết vì bị rắn cắn. Thế Tôn kết luận: - Như vậy trong một tiền kiếp, chính thợ săn Koka này đã xúc phạm người vô tội và bị diệt vong. Và Ngài đọc Pháp Cú: (125) Hại người không ác tâm, Người thanh tịnh, không uế. Tội ác đến kẻ ngu, Như ngược gió tung bụi. 10. Thợ Kim Hoàn, Tỳ Kheo Và Con Ngỗng Một số sinh bào thai... Phật đã dạy như thế khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Tissa, người thường đến thợ kim hoàn khất thực. Trưởng lão này đã thọ thực tại nhà một người thợ kim hoàn hình như suốt mười hai năm. Ông bà chủ nhà phục vụ Ngài một cách tận tình, xem đó như bổn phận của bậc cha mẹ. Một hôm đang ngồi chặt thịt, có Trưởng lão ngồi đối diện, thợ kim hoàn nhận một viên ngọc của vua Ba-tự-nặc gởi đến bảo chùi sạch, dùi lỗ xong trả vua. Tay dính máu

ông vẫn cầm lấy viên ngọc bỏ vào hộp rồi vào phòng trong rửa tay. Ông có nuôi một con ngỗng trong nhà, rất cưng quí. Ngửi thấy mùi máu nó cho viên ngọc là miếng thịt nên nuốt chửng trước mắt Trưởng lão. Thợ kim hòa quay trở lại không thấy viên ngọc đâu hỏi vợ con, nhưng không ai biết. Ông nghi cho Trưởng lão đã lấy. Bà vợ không đồng ý vì đã bao năm lui tới, Trưởng lão chưa hề sai sót. Nhưng ông bối rối quá, không biết làm sao nên cũng phải hỏi Trưởng lão, và xin Ngài trả lại viên ngọc. Trưởng lão xác nhận mình không lấy, nhưng lúc đó chỉ có hai người, nên thợ kim hoàn cứ đinh ninh ngoài Trưởng lão không ai có thể lấy viên ngọc được. Vì trị giá viên ngọc quá lớn, mọi người trong nhà dù có làm nô lệ cũng không trả nổi, nên ông quyết định tra tấn Trưởng lão. Ông lấy y quấn quanh đầu Ngài và lấy gậy đập vào đầu Ngài. Máu tuôn xối xả từ đầu, tai, mũi và mắt của Ngài. Đau quá Ngài ngã lăn xuống đất. Con ngỗng đánh hơi máu, đến sát Trưởng lão liếm máu. Thợ kim hoàn trong cơn tức giận, thấy thế đá con ngỗng lăn ra chết tốt. Trưởng lão thấy vậy bảo nới y quanh đầu Ngài ra, hỏi thăm con ngỗng ra sao, và khi biết chắc nó đã chết, Ngài mới cho biết chính con ngỗng đã nuốt viên ngọc. Nếu con ngỗng không chết, thà ông chết hơn là nói sự thật. Mổ bụng ngỗng ra, thấy viên ngọc, thợ kim hoàn bủn rủn chân tay, tim ông đập loạn lên, ông gieo mình xuống chân Trưởng lão van xin: - Hãy tha thứ cho con, Tôn giả. Vì vô minh con đã làm như thế. Trưởng lão bình thản đáp: - Cư sĩ, tất cả không phải tại ông, cũng không phải tại tôi, chỉ có luân hồi chịu trách nhiệm việc này. Tôi tha thứ cho ông. - Bạch Tôn giả, nếu thật sự Ngài tha thứ cho con, một lần nữa con xin Ngài hãy thường xuyên đến nhà và nhận cúng dường từ chính tay con. - Cư sĩ, từ nay trở đi tôi sẽ không bước chân vào nhà của bất cứ ai. Tôi nguyện như thế, vì vào nhà người đã gây hậu quả như đã thấy. Từ nay trở đi, khi nào tôi còn đi được trên đôi chân, tôi chỉ nhận thức ăn trước cửa nhà mà thôi. Trưởng lão đã quyết giữ Phạm hạnh. Và Ngài nói kệ sau: Thức ăn nấu cho người trí, Một chút ở đó, ở đây, Từ nhà nọ đến nhà kia, Ta đi nhận vật tín thí, Trên khắp mọi miền ta qua, Khi còn đôi chân bền bỉ. Chẳng bao lâu Trưởng lão nhập Niết-bàn vì trận đòn của thợ kim hoàn. Con ngỗng tái sanh vào bụng vợ thợ kim hoàn. Ông bị đọa xuống địa ngục còn bà sanh lên cõi trời. Các Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn về kiếp sau của họ, và được Phật cho biết: - Các Tỳ-kheo! Chúng sanh trên thế gian, một số nhập thai lại, người ác đọa địa ngục, người thiện lên cõi trời, còn người hết lậu hoặc thì

vào Niết-bàn. Và Ngài đọc Pháp Cú:

(126) Một số sanh bào thai, Kẻ ác sanh địa ngục, Người thiện lên cõi trời, Vô lậu chứng Niết-bàn. 11. Ba Nhóm Tỳ Kheo Không trên trời, giữa biển... Phật đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến ba nhóm người. Chuyện hiện tại A. Con Quạ Bị Cháy Một số Tỳ-kheo đến thăm Thế Tôn xong, rời tinh xá, vào làng khất thực. Dân làng lấy bát, phân phối chỗ ngồi trong nhà nghỉ và trong khi chờ dâng cúng, họ nghe pháp. Bỗng một ngọn lửa phụt cháy dưới nồi cơm đang nêm xốt và cà-ri, bắt lên mái tranh. Một nắm tranh cháy đỏ bung ra khỏi mái, bay lơ lửng trên không. Một con quạ bay qua đâm cổ vào nắm tranh ấy bị đốt cháy đến dòn rụm và rớt xuống đất. Mọi việc xảy ra trước mặt các Tỳ-kheo, thật khủng khiếp. Họ đồng lòng đến hỏi Thế Tôn xem kiếp trước con quạ đã làm. Chuyện hiện tại B. Người Đàn Bà Bị Ném Xuống Biển Một nhóm Tỳ-kheo thứ hai đi thăm Thế Tôn trên một chiếc thuyền. Ra giữa biển thuyền bỗng đứng lại không nhúc nhích. Hành khách nghi có một tên xúi quẩy nên rút thăm xem là ai. Thăm rơi trúng vợ thuyền trưởng là một thiếu phụ trẻ đẹp. Họ đồng ý rút thăm lại, lần thứ hai rồi lần thứ ba cũng là vợ thuyền trưởng. Hành khách nhìn thẳng mặt ông hỏi ông bây giờ tính sao? Ông ra lệnh ném cô vợ xuống biển. Cô thét lên kinh hãi vì quá sợ chết. Thuyền trưởng bèn bảo tháo hết nữ trang, rồi vì không đủ can đảm chứng kiến cô vùng vẫy trên mặt biển, ông bảo cột bình cát vào cổ xong hãy ném. Khi thân cô chạm mặt nước, cá và rùa bơi đến rỉa thịt cô. Ngoài Thế Tôn không ai biết được kiếp trước cô đã là gì, vì thế các Tỳ-kheo trên thuyền định sẽ hỏi Thế Tôn khi lên bờ. Chuyện hiện tại C. Các Tỳ Kheo Bị Giam Trong Hang Có bảy Tỳ-kheo lên đường đi gặp Thế Tôn. Họ đến tinh xá nọ vào buổi chiều. Lúc đó có bảy chiếc giường trong một thạch thất, và họ ngủ trong đó. Đêm khuya, một hòn đá lớn bằng ngôi chùa lăn từ dốc bên kia xuống và bít lối vào hang. Các Tỳ-kheo tại đó cùng với dân trong bảy làng hợp lực hết mình cùng với Tỳ-kheo bên trong đẩy hòn đá đi, nhưng không nổi. Suốt bảy ngày người bị nhốt đói meo; đến ngày thứ bảy, thình lình hòn đá tự động lăn khỏi miệng hang. Các khách tăng được trả tự do, họ chờ gặp Phật để hỏi nguyên nhân. Trên đường đi, họ gặp hai nhóm Tỳ-kheo trước và chung đường đến gặp Phật, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tuần tự mỗi nhóm xin Phật giải thích và được nghe Phật kể:

Chuyện quá khứ D. Đốt Cháy Một Con Bò - Này các Tỳ-kheo! Thuở xưa con quạ là một nông dân ở Ba-la-nại. Anh cố hết sức điều khiển con bò nhưng nó đi một chút lại nằm xuống, dù bị đánh. Anh nổi giận mắng nó: - Tốt lắm! Từ phút này, mày sẽ nằm lại đây cho vừa lòng mày. Anh lấy rơm quấn hết thân con bò rồi mồi lửa. Bò bị cháy đến dòn và chết ngay. Do hành động ác đó, anh ta chịu đau đớn trong địa ngục rất lâu, sau đó vì nghiệp báo chưa hết phải bảy lần liên tiếp làm thân quạ bị đốt cháy. Chuyện quá khứ E. Dìm Chết Một Con Chó Người đàn bà này đã chịu đau đớn giống hệt một lần bà đã gây cho kẻ khác. Xưa, bà là vợ một gia chủ ở Ba-la-nại. Bà tự tay làm mọi việc trong nhà, từ lấy nước, giã gạo, nấu nướng, với một con chó ngồi một bên. Ra ngoài đồng gom lúa hay vào rừng nhặt củi, con chó cũng đi theo. Đám thanh niên thấy thế chọc ghẹo bà: - A! Đây là thợ săn đi với con chó. Hôm nay chúng ta sẽ có thịt ăn đấy! Bực mình, bà đánh chó, ném đá đất và đuổi nó đi. Nhưng chạy đi một quãng, nó quay trở lại theo bà. (Trong kiếp trước, con chó là chồng bà, do đó tình cảm của nó đối với bà vẫn còn). Bà

rất tức giận, nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Gom lúa đủ dùng, lượm một sợi dây cột vào chéo áo, bà về nhà, con chó vẫn lẽo đẽo theo sau. Lo bữa ăn cho chồng xong, bà lấy cái bình không ra hồ nước. Đổ cát đầy bình, bà nhìn quanh và nghe tiếng chó sủa bên cạnh. Chó chạy đến, ngoắc đuôi mừng rỡ vì tưởng bà sẽ vui vẻ với nó. Bà nắm chặt cổ nó buộc vào một đầu dây, còn đầu kia cột bình nước, quăng xuống hồ. Con chó bị bình kéo xuống nước chết ngay. Hành động ác chín muồi, bà ta bị đọa rất lâu ở địa ngục. Sau đó nghiệp báo chưa hết, nên trong một trăm kiếp liên tiếp bà bị cột cổ vào bình cát ném xuống biển chết chìm. Chuyện quá khứ F. Giam Cầm Một Con Cắc Kè Cũng thế, này các Tỳ-kheo! Các ông phải chịu đau đớn y như lần đã gây cho người khác. Xưa, bảy chú mục đồng ở Ba-la-nại chăn một bầy gia súc từng đợt bảy ngày. Gặp một con cắc kè khổng lồ, mấy chú đuổi theo, nhưng nó đã nhanh chân chui vào ụ mối có bảy lỗ. Mấy chú đành chịu thua, nhưng họ sẽ trở lại. Ngày mai mấy chú trở lại ụ mối, mỗi người lấy cây chà nhét bít mỗi lỗ, xong lùa bò đi nơi khác. Bảy ngày sau, nhớ đến con cắc kè, bảy chú mục đồng trở lại ụ mối moi lấy cây chà ra, cắc kè bò ra ngoài chẳng kể sống chết, chỉ còn da bọc xương, run lẩy bẩy. Bảy chú thương tình bảo nhau đừng giết nó, và còn vuốt lưng chúc nó đi bình an. Do đó tuy bảy chú không rơi vào địa ngục, nhưng

mười bốn kiếp liên tiếp thiếu thức ăn trong bảy ngày liền. Các Tỳ-kheo, các ông là bảy mục đồng ấy, và đó chính là hành động xấu ác mà các ông đã làm. (Hết Chuyện Quá Khứ) Như thế Phật đã trả lời câu hỏi của ba nhóm Tỳ-kheo, giải thích cả ba chuyện đã xảy ra. Một Tỳ-kheo vẫn còn thắc mắc, hỏi: - Bạch Thế Tôn, một người làm ác không thể nào tránh hậu quả bằng cách bay lên không, lao xuống nước, hay trốn vào hang núi sao? Phật đáp: - Này các Tỳ-kheo! Không thể tìm ra nơi nào để trốn tránh, dù trên không, dưới biển hay trong lòng đất. Không nơi nào trên thế gian này có thể thoát khỏi hậu quả của việc làm ác. Và Ngài nói Pháp Cú: (127) Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên đời, Trốn được quả ác nghiệt. 12. Suppabbuddha Lăng Nhục Đạo Sư Không trên trời, giữa biển... Phật đã dạy câu trên khi ngụ tại tinh xá Nigrodha liên quan đến vua Thiện Giác (Suppabbuddha) họ Thích. Vua Thiện Giác họ Thích không bằng lòng Thế Tôn vì Ngài đã bỏ con gái ông đi tu. Rồi con trai ông được nhận vào Tăng đoàn khiến ông hận thù thêm. Ông rắp tâm ngăn cản Thế Tôn đi đến nơi mời Ngài thọ thực. Một hôm ông ngồi giữa đường, uống rượu mạnh, đón Phật để cản đường. Được loan tin Phật và Tăng chúng sắp đến, ông thản nhiên bảo: - Hãy bảo ông cứ đi đường ông. Ông không lớn hơn ta, ta sẽ không tránh đường. Thế Tôn bị từ chối nhường đường nên quay trở về. Thiện Giác sai bộ hạ do thám xem Thế Tôn có nói gì không. Khi quay về, Trưởng lão A-nan hỏi Phật tại sao Ngài mỉm cười và được Phật giải thích là vì vua Thiện Giác đã phạm lỗi nặng khi không chịu tránh đường cho một vị Phật đi qua, bảy ngày nữa nơi tầng trệt cung điện, ngay chân cầu thang, vua sẽ bị đất nuốt. Tên bộ hạ nghe được liền về báo lên vua. Thiện Giác vẫn còn căm hận nên quyết chứng minh Thế Tôn là người nói dối. Vua cho mang hết các thứ cần dùng lên tầng cao nhất trong cung điện bảy tầng, sai dẹp cầu thang qua một bên và đóng cửa lại cài thanh ngang thật chắc, và có hai lực sĩ gác ở mỗi cửa. Vua dặn họ: - Nếu ta có quên đi xuống, hãy làm ta trở lui. Rồi vua vào ở trong căn phòng lộng lẫy trên tầng lầu thứ bảy. Thế Tôn nghe ông làm thế, bảo:

- Các Tỳ-kheo! Vua Thiện Giác sẽ không được như ý trên tầng lầu chót của cung điện. Dù ông ta bay lên trời, ngồi trong thuyền ra biển, hay vào trong lòng núi, lời của chư Phật cũng không thể nào sai chạy. Chắc chắn ông ta sẽ bị đất nuốt như Ta đã nói. Và Ngài đọc Pháp Cú: (128) Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên đời, Trốn khỏi tay thần chết. Bảy ngày sau, kể từ khi Thế Tôn bị cản đường, con ngựa chiến của vua bị xổng chuồng ở tầng trệt chạy chung quanh và đá vào tường này rồi đá vào tường khác. Vua đang ở tầng cao nhất nghe náo động liền hỏi và được trả lời tức thì. Đến khi ngựa thấy vua, nó dịu xuống ngay. Vua muốn bắt nó nên đứng dậy ra phía cửa. Đúng lúc ấy cửa tự động mở, thang trở về chỗ cũ, lực sĩ gác cửa túm cổ ông ta ném xuống. Cũng y như thế cánh cửa của bảy tầng lầu tự động mở, các cầu thang trở về chỗ cũ, và lực sĩ gác cửa nắm cổ ông ném xuống. Khi vua chạm đến tầng trệt, đại địa nứt ra nuốt sống ông ta và ông bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

PHẨM X: HÌNH PHẠT 1. Lục Quần Tỳ Kheo Mọi người sợ hình phạt... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến lục quần Tỳ-kheo. Mười bảy vị Tỳ-kheo vừa sửa soạn xong chỗ ở thì nhóm Lục quần Tỳ-kheo tới bảo: - Chúng ta lớn hơn, chỗ này thuộc về chúng ta. Mười bảy vị kia không chịu vì sửa soạn trước nhất. Lục quần Tỳ-kheo liền đánh các Tỳ-kheo huynh đệ của mình. Khủng khiếp vì sợ chết, họ gào đến bể phổi. Thế Tôn nghe tiếng la thét hỏi chuyện, rồi Ngài ban hành giới luật về việc hành hung: - Các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi, một Tỳ-kheo không được hành hung. Ai làm điều này là phạm tội. Và Ngài dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo! Ta phải nhớ rằng cũng như ta, người khác run rẩy trước gậy gộc và sợ chết. Do đó chớ đánh hay giết người. Phật đọc Pháp Cú: (129) Mọi người sợ hình phạt, Mọi người sợ tử vong. Lấy mình làm ví dụ, Không giết, không bảo giết. 2. Lục Quần Tỳ Kheo Mọi người sợ hình phạt... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, vì nhóm Lục quần Tỳ-kheo. Câu chuyện cũng tương tự như trên. Khi Lục quần Tỳ-kheo tấn công nhóm mười bảy Tỳ-kheo, nhóm sau có cử chỉ đe dọa. Thế Tôn cũng nghe tiếng gào thét, kêu đến hỏi, và ban hành giới luật: - Các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi, không Tỳ-kheo nào được làm như thế. Ai làm điều này là phạm tội. Và Ngài dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo phải biết, cũng như ta người khác cũng run sợ trước gậy gộc, và cũng như ta người khác cũng ham sống. Nhớ nghĩ điều này trong tâm, không được đánh hay giết người khác. Phật đọc Pháp Cú: (130) Mọi người sợ hình phạt, Mọi người ưa sống còn. Lấy mình làm ví dụ, Không giết, không bảo giết. 3. Một Bầy Trẻ Chúng sanh cầu an lạc...

Do chuyện bầy trẻ con, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên. Nhân đi vào Xá-vệ khất thực, Thế Tôn thấy một đám trẻ lấy gậy đánh rắn. Ngài hỏi vì sao, chúng bảo vì sợ rắn cắn. Phật liền dạy: - Nếu các con đánh rắn này vì nghĩ rằng như thế sẽ bảo vệ được hạnh phúc của mình, hậu quả là sau này tái sanh vào các nơi khác nhau các con sẽ không được hạnh phúc. Ai tìm hạnh phúc cho mình thì không đánh đáp kẻ khác. Và Ngài đọc Pháp Cú: (131) Chúng sanh cầu an lạc, Ai dùng trượng hại người, Để an lạc cho mình, Đời sau không an lạc. (132) Chúng sanh cầu an lạc, Không dùng trượng hại người, Để an lạc cho mình, Đời sau được an lạc. 4. Tỳ Kheo Và Con Ma Chớ nói lời độc ác... Vì Trưởng lão Kundadhàna mà Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Kỳ Viên. Từ khi Kundadhàna trở thành Tỳ-kheo, bất cứ Ngài đi đâu cũng có một phụ nữ đi theo.

Trưởng lão không thấy, nhưng mọi người khác đều thấy. Vào làng khất thực, dân chúng cũng dâng Ngài một phần trước, và sau đó phần thứ hai cho cô kia. Chuyện quá khứ A. Thiên Nữ Hiện Hình Phụ Nữ Thời Phật Ca-diếp, có hai Tỳ-kheo bạn rất thân nhau như hai anh em ruột. Thời Phật Dìghàyu, năm này qua tháng nọ, các Tỳ-kheo đều gặp nhau vào ngày Bố-tát. Hai Tỳ-kheo ấy đều đến giảng đường Bố-tát một lượt. Một thiên nữ ở cõi trời Ba mươi ba thấy vậy bỗng có ý định tách họ ra. Ý tưởng điên rồ vừa sinh trong lòng thì một vị tách ra đi vệ sinh. Thiên nữ liền hóa thành một phụ nữ đi vào bụi cây với vị đó, rồi cùng đi ra, một tay vuốt lại búi tóc, tay kia sửa y phục. Chính vị đó thì không thấy, nhưng vị đứng chờ thì thấy. Khi đã biết thế, cô liền biến mất. Vì thế Tỳ-kheo bạn vừa đứng vào chỗ mình thì vị đang đứng nghiêm sắc mặt bảo: - Này huynh, huynh đã phạm giới dâm. - Trời, tôi đâu có làm việc đó! - Không à? Thế cô nào đi sau huynh đó, vừa đi vừa sửa quần áo. Trưởng lão như bị sét đánh, Ngài lắp bắp: - Này huynh, chớ hại tôi, tôi không hề làm như thế! - Điều gì tôi thấy, tôi thấy bằng chính mắt tôi. Đừng mong tôi tin huynh! Rồi ông bẻ đầu gậy đi chỗ khác.

Trong giảng đường Bố-tát, ông không chịu Bố-tát chung với bạn mình. Thiên nữ thấy thế, biết mình đã phạm lỗi lầm nghiêm trọng, cô liền thú thật: - Tôn giả! Vị Trưởng lão thật sự không phạm giới. Tôi làm như thế chỉ cốt thử ông ta. Xin hãy bố-tát chung với ông ta như thường lệ. Thấy thiên nữ đứng trên hư không nói như thế, Tỳ-kheo này tin theo, chịu bố-tát chung, nhưng không còn thân thiện với bạn cũ nữa. Mạng chung, hai Trưởng lão tái sanh theo thiện nghiệp của họ.Còn thiên nữ bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu hình phạt suốt thời kỳ giữa hai đức Phật. Thời Phật hiện tại, cô sanh làm đàn ông, xuất gia thành Tỳ-kheo, và làm tròn bổn phận của mình. Từ ngày đi tu, luôn luôn có một nữ nhân đi theo, do đó có tên là Kundadhàna. (Hết Chuyện Quá Khứ) Các Tỳ-kheo thấy thế bảo Trưởng giả Cấp Cô Độc đuổi vị ấy ra khỏi tinh xá để khỏi mang tiếng. Nhưng Trưởng giả bảo để Phật giải quyết. Các Tỳ-kheo bảo bà Tỳ-xá- khư y như thế, và bà cũng trả lời y như Trưởng giả. Họ không hài lòng hai cư sĩ này, nên kể cho vua nghe và yêu cầu vua đuổi vị ấy ra khỏi vương quốc. Vua bằng lòng, và đến tinh xá, đứng ngay lối vào phòng Trưởng lão. Trưởng lão nghe ồn, bước ra, vua thấy bóng một phụ nữ đứng sau. Khi Trưởng lão vào phòng ngồi xuống, vua không đảnh lễ vị ấy, nhưng cũng không thấy cô đó nữa. Vua nhìn phía trong cửa, dưới giường phòng, thì cô lại hiện ra phía sau. Vua kết luận đó là một bóng ma, và thưa với Trưởng lão: - Tôn giả, có hình bóng bất tịnh theo sau, sẽ không có ai cúng cho Ngài. Xin thỉnh Ngài đến hoàng cung, tôi sẽ cung cấp tứ sự. Các Tỳ-kheo bất mãn, bảo vua là tệ ác, còn Trưởng lão là đồi bại, và bây giờ lại thành con hoang của vua. Trưởng lão, trước giờ không hề đối đáp, bây giờ trả đũa, bảo các Tỳ-kheo là đồi bại, là con hoang của vua, là giao thiệp với phụ nữ. Các Tỳ-kheo bèn đi thưa Thế Tôn. Phật gọi lại hỏi và dạy: - Các Tỳ-kheo thấy một nữ nhân theo sau ông, và họ nói những gì mà họ thấy. Nhưng còn ông, tại sao ông nói những gì ông không thấy? Chắc chắn vì tà kiến trong một tiền kiếp mà sự kiện này xảy đến với ông, bây giờ tại sao ông lại có thái độ sai lầm nữa? Các Tỳ-kheo lại hỏi Trưởng lão đó đã làm gì trong tiền kiếp, Phật thuật lại các nghiệp của ông và kết luận: - Tỳ-kheo chính vì ác nghiệp mà ông phải rơi vào cảnh ngộ đáng buồn này, ông không nên có thái độ sai lầm nữa. Đừng trả treo với các Tỳ-kheo. Đừng nói một lời nào, như chuông

đồng bể miệng không phát ra tiếng. Như thế ông có thể đạt đến Niết-bàn. Và Phật đọc Pháp Cú: (133) Chớ nói lời ác độc Nói ác, bị nói lại, Khổ thay lời phẫn nộ, Đao trượng phản chạm người. (134) Nếu tự mình yên lặng,

Như quả chuông bể miệng, Người đã chứng Niết-bàn. Sẽ không còn phẫn nộ. 5. Tỳ Xá Khư Và Quyến Thuộc Giữ Bát Quan Trai Với gậy người chăn bò... Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Pubbaaraama, liên quan đến Tỳ-xá-khư và các nữ cư sĩ của bà trong ngày thọ bát quan trai. Tại Xá-vệ, ngày đại lễ trai giới, năm trăm phụ nữ tuân giữ giới luật trai giới và đến tinh xá. Tỳ-xá-khư hỏi trong họ vì mục đích gì mà giữ giới luật. Người già nhất trả lời: - Chúng tôi mong phước báo cõi trên. Người trung niên: - Để thoát khỏi quyền lực của chồng. Người trẻ: - Chúng tôi muốn có con. Thiếu nữ mới lớn: - Chúng tôi muốn có chồng. Tỳ-xá-khư dẫn tất cả đến gặp Phật kể lại các câu trả lời, và được Phật dạy: - Tỳ-xá-khư! Chúng sanh trong thế gian đều bị sanh, già, bệnh, chết, giống như mục đồng cầm gậy trong tay. Sanh đuổi họ đến già, già đuổi họ đến bệnh, và bệnh đuổi họ đến chết. Bốn khổ này như rìu cắt ngắn đời sống. Tuy thế, chẳng ai muốn đừng tái sanh. Tái sanh là mong ước của mọi người. Và Ngài đọc Pháp Cú: (135) Với gậy người chăn bò, Lùa bò ra bãi cỏ. Cũng vậy già và chết Lùa người đến mạng chung. 6. Ngạ Quỷ Hình Trăn Người ngu làm điều ác... Do chuyện ngạ quỷ có hình trăn, Thế Tôn dạy câu trên ở tinh xá Trúc Lâm. Từ đỉnh Linh Thứu, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên và Lakkhana xuống thành Vương Xá khất thực. Dọc đường, Mục-kiền-liên dùng thiên nhãn thấy một ngạ quỷ trong tướng hình trăn dài hai mươi lăm dặm, bị lửa thiêu đốt khắp mình mẩy. Ngài mỉm cười, vị kia hỏi lý do, Ngài bảo đợi đến gặp Phật sẽ nói. Và trước mặt Phật, Ngài giải thích vì từ trước đến giờ chưa hề trông thấy ngạ quỷ như thế, nên Ngài mỉm cười. Phật cũng xác nhận: - Các Tỳ-kheo, đệ tử Ta có thiên nhãn và đã sử dụng. Chính Ta đã thấy ngạ quỷ này khi lên ngôi Chánh Giác, nhưng Ta không nói ra vì người không tin lời Ta sẽ có hại cho họ. Nay đã có Mục-kiền-liên chứng kiến, Ta mới nói.

Và theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo, Ngài kể: Chuyện quá khứ A. Chưởng Khố Sumangala và Kẻ Trộm Thời Phật Ca-diếp, chưởng khố Sumangala đem vàng trải một khoảng đất rộng hai mươi Usabha, tức bằng số tiền xây một tinh xá, kể cả chi phí tổ chức lễ khánh thành tinh xá đó. Một sáng sớm, trên đường đi đảnh lễ Thế Tôn, ông bắt gặp một tên trộm đang núp ở nhà nghỉ cổng thành, chân bê bết bùn, áo trùm khỏi đầu. Ông biết hắn đã rình suốt đêm đâu đây. Tên trộm bị phát hiện, đem lòng căm thù ông. Hắn đốt ruộng ông bảy lần, đốt nhà bảy lần, chặt chân bò bảy lần. Chưa hả tức, hắn đánh bạn với gia nhân của ông để hỏi xem ông quý trọng cái gì nhất. Được biết đó là hương thất, hắn đợi Thế Tôn vào thành khất thực, liền đập bể bình đựng nước với thức ăn rồi nổi lửa đốt. Nghe tiếng kêu hương thất bị cháy, chưởng khố chạy tới nhưng đã muộn. Không mảy may buồn tiếc, ông còn hân hoan vỗ tay thật to. Người ta ngạc nhiên hỏi, thì ông giải thích vì sẽ có dịp cúng tiền để xây dựng lại hương thất. Tên trộm nghe thế, cho rằng không thể đánh bại ông, trừ khi giết ông chết. Trong bảy ngày đó ông cúng dường Tăng chúng, và ngày cuối, ông đảnh lễ Phật thưa: - Bạch Thế Tôn, con biết rằng có một người nào đó bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò, và cũng chính người ấy đốt hương thất. Con xin nhường phước báo đầu tiên của lần cúng

dường này đến người ấy. Tên trộm núp đâu đó, nghe được, lòng cảm thấy hổ thẹn vì tội lỗi lớn lao của mình, và lo âu vua sẽ giáng hình phạt xuống đầu. Do đó hắn phủ phục dưới chân chưởng khố xin tha thứ. Chưởng khố hỏi chuyện hắn từ đầu tới đuôi, và cũng xin lỗi hắn vì lỡ thốt ra lời nghi kỵ trong đêm bắt gặp hắn núp. Và cả hai bên tha thứ lẫn nhau. Tên trộm còn xin cho hai vợ chồng hắn làm nô lệ cho chưởng khố, nhưng ông không nhận và bảo hắn đi đi. (Hết Chuyện Quá Khứ) Và Thế Tôn kết luận: - Do tạo nghiệp ác như thế, khi mạng chung tên trộm bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu hình phạt ở đó rất lâu, nhưng quả báo chưa hết, hắn phải chịu đau khổ trên đỉnh Linh Thứu. Các Tỳ-kheo! Khi làm điều ác, kẻ ngu không biết việc ác của mình. Nhưng về sau, hắn sẽ bị thiêu đốt do nghiệp ác đã tạo, như rừng bị lửa cháy. Và Ngài nói Pháp Cú: (136) Người ngu làm điều ác, Không ý thức việc làm. Do tự nghiệp, người ngu Bị nung nấu như lửa. 7. Cái Chết Của Đại Mục-Kiền-Liên Dùng trượng phạt không trượng...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm, liên quan đến Đại Mục-kiền-liên. Các ngoại đạo bàn tán với nhau không hiểu tại sao Sa-môn Cồ-đàm được nhiều phẩm vật cúng dường đến thế. Một người nói mình biết lý do. Được như thế là Mục-kiền- liên, vì Mục-kiền-liên lên cõi trời hỏi chư thiên đã tạo công đức gì, rồi trở về thế gian kể cho mọi người do làm điều này, điều nọ... rồi ông xuống địa ngục hỏi các tội nhân tại sao làm thế và cũng trở về thế gian kể lại do phạm tội như thế, như thế. Dân gian tin lời ông, nên đem nhiều phẩm vật đến cúng dường. Bây giờ nếu giết ông đi, thì số phẩm vật đó sẽ về tay các ngoại đạo. Họ đồng thanh cho là ý kiến hay. Sau đó họ quyên góp các thí chủ được một ngàn đồng, kiếm được một vài tên du đãng cướp bóc, thuê chúng đến Hắc Thạch giết Trưởng lão. Chúng đến ngay nơi Ngài ở, bao vây. Ngài chui qua lỗ khóa trốn thoát. Chúng trở lại và bao vây nữa, Ngài chọc thủng mái nhà bay lên hư không. Suốt hai tháng, bọn du đãng làm đủ cách, nhưng vẫn thất bại. Đến tháng thứ ba, thấy quả báo do nghiệp ác đã tạo trong tiền kiếp đã đến, Ngài không cố gắng thoát đi nữa. Cuối cùng bọn du đãng bắt được Ngài. Chúng xé tay chân Ngài giã xương nát ra như hạt gạo, quăng hết vào bụi rậm rồi bỏ đi. Trưởng lão muốn đảnh lễ Thế Tôn trước khi nhập Niết-bàn, nên tự quấn mình bằng định lực làm thân cứng lại, và bay lên không, đến gặp Phật, đảnh lễ và thưa: - Bạch Thế Tôn, con sắp nhập Niết-bàn. Phật hỏi: - Tại đâu? - Tại Hắc Thạch, bạch Thế Tôn! - Vậy thì hãy tụng pháp cho Ta nghe trước khi đi, vì từ nay Ta sẽ không còn thấy lại đệ tử của Ta nữa. Mục-kiền-liên vâng lời. Trước tiên Ngài bay lên không, biến hóa thần thông như Trưởng lão Xá-lợi-phất đã làm trước khi nhập Niết-bàn. Tin bọn du đãng giết Mục-kiền-liên bay khắp miền Diêm-phù-đề. Vua A-xà-thế tức tốc phái do thám tìm thủ phạm. Bọn chúng đang nhậu nhẹt trong một quán rượu. Đứa này nện lưng đứa kia khiến nó té xuống đất. Rồi hai đứa chửi lộn: - Tại sao mày đánh lên lưng tao? Làm tao té? - Mày là đồ ăn trộm, du thử du thực. Mày là kẻ đầu tiên đánh Đại Mục-kiền-liên. - Sao mày biết tao đánh? Rồi nhiều tiếng nói hỗn độn: - Chính tao đánh nè! - Chính tao đánh nè! Do thám của vua bắt hết cả bọn. Về triều chúng khai các đạo sĩ lõa thể chủ mưu. Vua bắt năm trăm đạo sĩ chung với năm trăm tên trộm bỏ xuống hố sâu đến thắt lưng đã đào sẵn trước sân hoàng cung, cho phủ rơm khắp mình chúng, đốt đến cháy dòn, xong cho cày sắt cày ra từng mảnh.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường là Đại Trưởng lão không xứng để chịu chết như vậy. Phật giải thích đó là ác nghiệp trong tiền kiếp. Và Ngài kể: Chuyện quá khứ A . Đứa Con Giết Cha Mẹ Ngày xưa, có một chàng trai rất có hiếu. Mọi việc trong nhà như giã gạo, nấu ăn... một tay anh làm hết, chí đến săn sóc cha mẹ anh cũng hết sức chu đáo. Thấy con quá vất vả, hai ông bà định cưới dâu để đỡ đần phần nào. Anh lắc đầu nguầy nguậy, chỉ muốn chính tay mình hầu hạ cha mẹ mà thôi. Nhưng hai ông bà cương quyết cưới vợ cho con, cuối cùng một cô gái trẻ được rước về nhà. Cô ta hầu hạ cha mẹ chồng chỉ được vài ngày, sau đó bắt đầu nói nặng nhẹ. Cô cứ cằn nhằn với chồng là không thể ở nổi nhà này nữa. Đợi anh đi vắng, cô lấy đất cục, váng cháo rải khắp nhà. Anh chồng về thấy nhà cửa tùm lum như thế, hoiû cô. Được dịp cô tru tréo - Cha mẹ già mù lòa của anh làm đấy! Cứ vứt bừa, vứt bãi ra thế! Tôi dọn muốn đứt hơi! Khổ thân tôi, làm sao mà tôi sống cho nổi! Cô cứ than van, rên rỉ mãi, khiến anh chồng bực mình. Trước đây là người đàng hoàng, có hiếu, nay hết thương cha mẹ, và còn tìm cách đối xử ác đối với họ. Anh gạt cha mẹ lên xe đi thăm bà con. Vào đến rừng sâu, anh trao dây cương cho cha, bảo chỗ này bọn cướp hay rình rập, anh phải xuống xe, nhưng con bò đã rành đường, không lo. Anh đi xa một quãng thì la hét ầm ĩ, càng lúc càng to, như thể bọn cướp sắp tấn công tới nơi. Hai ông bà nhìn quanh nhìn quất cũng chỉ thấy một màn đen tối, nhưng thương con, chỉ nghĩ đến hạnh phúc của nó, nên vội bảo: - Con ơi! Cha mẹ già rồi, đừng lo nữa, mà hãy tự cứu lấy mình. Nhưng anh vẫn mặc kệ, giả làm bọn cướp hét đánh và giết hai ông bà, vứt thi thể trong rừng. Xong trở về nhà. (Hết Chuyện Quá Khứ) Thế Tôn kết luận: - Các Tỳ-kheo! Mục-kiền-liên đã phạm trọng tội như thế. Ông chịu đau khổ vô số trăm ngàn năm ở địa ngục. Sau đó, vì ác báo chưa hết, nên một trăm kiếp liên tiếp bị đánh chết thân xác xé tan từng mảnh. Do đó Mục-kiền-liên phải chịu chết như thế tương ứng với ác nghiệp kiếp trước. Cũng vậy năm trăm đạo sĩ lõa thể và năm trăm tên cướp đã tấn công người không gây hấn với chúng, phải chịu chết tương ứng với tội lỗi đó. Và Ngài đọc Pháp Cú: (137) Dùng trượng phạt kẻ không trượng, Làm ác người không ác, Trong mười loại khổ đau, Chịu gấp một loại khổ. (138) Hoặc khổ thọ khốc liệt, Thân thể bị thương vong, Hoặc thọ bệnh kịch liệt,

Hay loạn ý tán tâm. (139) Hoặc tai họa từ vua, Hay bị vu trọng tội, Bà con phải ly tán, Tài sản bị nát tan. (140) Hoặc phòng ốc nhà cửa, Bị hỏa tai thiêu đốt, Khi thân hoại mạng chung, Kẻ ác sanh địa ngục. 8. Tỳ Kheo Lắm Của Không phải sống lõa thể... Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến một Tỳ-kheo nhiều của cải. Nhân bà vợ qua đời, một gia chủ ở Xá-vệ từ bỏ thế gian, thành Tỳ-kheo. Ông xây một thất riêng, một nhà bếp và một nhà kho, trong đó ông chứa đầy nào bơ, nào mật, đủ các thứ. Dù đã là Tỳ-kheo, ông vẫn có nô lệ riêng. Họ nấu cho ông ăn theo sở thích, và ông chỉ ăn những món đó mà thôi. Ông cũng còn nhiều nhu cầu, như một bộ y ban đêm và bộ khác qua ngày. Ông ở sát bên tinh xá. Một hôm đang phơi y và ngọa cụ, các Tỳkheo trông thấy ông có quá nhiều đồ đạc, bèn dẫn ông đến với Thế Tôn. Thế Tôn hỏi lại ông cho rõ: - Tỳ-kheo, họ báo cáo về ông có đúng không? Ông đáp: - Vâng, bạch Thế Tôn, đúng vậy! - Tỳ-kheo, Ta đã dạy rất rõ là nên tri túc thiểu dục, sao ông chất chứa nhiều của cải như vậy? Giận dữ vì chút xíu đó, ông la lên: - Rồi, tôi sẽ đi khắp nơi như thế này

đây. Vừa nói ông vừa quăng thượng y, chỉ mặc nội y đứng giữa hội chúng. Thế Tôn vẫn kham nhẫn khuyên tiếp: - Này Tỳ-kheo, trong tiền kiếp khi làm thủy tinh ông đã giữ được tính khiêm cung và biết sợ tội chết trong suốt mười hai năm. Tại sao bây giờ ông hư đốn thế? Đã từ bỏ thế gian thành một Tỳ-kheo theo một vị Phật tôn quý như thế, sao ông cởi y, quên tính khiêm cung và không biết sợ tội nữa? Tỳ-kheo như chợt tỉnh, ông khiêm cung trở lại, biết sợ tội chết, quấn y, đảnh lễ Phật và cung kính ngồi xuống một bên. Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể lại: Chuyện quá khứ A. Mahimsàsa Và Hai Hoàng Tử Mặt Trăng, Mặt Trời Thật xa xưa, thuở Phật còn là Bồ-tát, Ngài làm hoàng tử của chánh hậu Ba-la-nại, tên là Mahimsàsa. Về sau Ngài có thêm một người em nữa là hoàng tử Mặt Trăng

(Canda). Chánh hậu qua đời, vua cưới vợ khác, và có thêm một hoàng tử Mặt Trời (Suriya). Vua sung sướng nên muốn ban một ân huệ. Hoàng hậu sau này đợi con lớn rồi mới nhắc lại ân huệ đó là xin vương quốc cho con. Vua từ chối vì thấy hai hoàng tử anh đi khắp nơi, nơi nào cũng chói lọi như ngọn lửa. Nhưng sợ bà trả thù, vua bảo hai con vào rừng, khi vua chết mớ trở về lên ngôi. Họ từ giã phụ vương ra đi. Qua sân hoàng cung, hoàng tử Mặt Trời thấy và biết chuyện, bèn đi theo. Cả ba đến Hy-mã-lạp-sơn. Bồ- tát rời đường mòn, ngồi dưới gốc cây bảo Mặt Trời đến hồ tắm, uống nước xong múc nước đựng trong lá sen mang về. Hồ này do một thủy quái Vessavana trông nom, và hắn được phép ăn thịt ai bước xuống hồ, trừ người nào nói được bậc thánh là gì. Hoàng tử Mặt Trời bước xuống hồ, bị thủy quái hỏi, đáp rằng mặt trăng và mặt trời là bậc thánh. Không đúng, nên chàng bị hắn bắt nhốt trong động. Thấy lâu, Bồ-tát sai hoàng tử Mặt Trăng đi xuống hồ, chàng trả lời, bốn phương là bậc thánh, cũng không đúng nên bị bắt giam trong động. Bồ-tát lần này đích thân đi. Biết hồ này có thủy quái, Ngài không xuống, mà cung kiếm trên tay đứng chờ. Thủy quái thấy thế hóa thành tiều phu đến dụ Ngài: - Bạn ơi! Bạn đi đường chắc mệt mỏi. Sao không xuống hồ tắm, uống nước và ăn ngó sen, rồi kết vòng hoa? Ngài biết ngay hắn là một Dạ-xoa, hỏi chuyện và hắn nhìn nhận là đã bắt hai hoàng tử em, vì cả hai không chỉ được ai là bậc thánh. Bồ-tát bảo là sẽ nói cho hắn biết nếu được hắn tắm rửa. Dạ-xoa khoái chí liền tắm cho Ngài, múc nước uống, trang điểm cho Ngài với đồ trang sức quý báu, và đỡ Ngài lên tòa ngồi giữa lều trang hoàng lộng lẫy. Hắn ngồi xuống chân Ngài và lắng nghe. Bồ-tát nói kệ sau: Người khiêm nhường, sợ tội, Được phú tính công bằng, Chánh trực và hiền thiện, Được gọi là thánh nhân. Dạ-xoa nghe xong, phát tín tâm nơi Bồ-tát, và xin trả một người em cho Ngài. Ngài chọn hoàng tử út tức Mặt Trời. Hắn không chịu, vì như thế Ngài bỏ em lớn lấy em nhỏ làm đảo ngược tôn ti trật tự, tức Ngài biết thánh nhân nhưng không hành hạnh thánh nhân. Bồ-tát phải giải thích đầu đuôi câu chuyện. Nếu để Mặt Trời bị ăn thịt, sau này trở về nhận vương quốc, không ai tin Ngài mà còn bị nguyền rủa. Dạ-xoa rất thán phục nên giao hết hai em cho Bồ Tát. Ngài truyền ngũ giới cho hắn, và tiếp tục sống trong rừng với phẩm vật do hắn cung cấp. Vua cha băng hà, Ngài trở về Ba-la-nại lên ngôi, phong Mặt Trăng làm phó vương, Mặt Trời làm đại nguyên soái, và xây dựng một chỗ tiện nghi cho Dạ-xoa. Hắn được lo đầy đủ. (Hết Chuyện Quá Khứ) Thế Tôn thuyết xong, Ngài hợp nhất các nhân vật trong Bổn sanh như sau:

- Dạ-xoa là Tỳ-kheo nhiều của cải, hoàng tử Mặt Trăng là Xá-lợi-phất, Mặt Trời là A-nan, và Mahimsàsa chính là Ta. Và Ngài nói tiếp: - Tỳ-kheo! Như thế trong một tiền kiếp ông đã tìm hiểu bậc thánh là sao, có tính khiêm tốn và biết sợ chết. Nhưng vừa rồi, ông hành động sai trái, khi đứng trước mặt Ta giữa tứ chúng, với thái độ kỳ cục cho rằng mình thiểu dục, Một Tỳ-kheo là Tỳ-kheo không phải đã ném bỏ y quanh mình. Và Phật đọc Pháp Cú: (141) Không phải sống lõa thể, Bện tóc, tro trét mình, Tuyệt thực, lăn trên đất, Sống nhớp, siêng ngồi xổm, Mà con người được sạch, Nếu không trừ nghi hoặc. 9. Santati , Quan Đại Thần Của Vua Ai sống tự trang sức... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện quan đại thần tên Santati. Đi dẹp giặc ở biên giới về, Santati được vua Ba-tự-nặc xứ Kosala giao vương quốc cho ông nhiếp chính trong bảy ngày và một cung nữ để múa hát. Suốt bảy ngày đó, ông miệt mài rượu chè, và ngày cuối ông trang điểm lộng lẫy leo lên bạch tượng để đi đến hồ tắm. Ngang qua cổng thành thấy Thế Tôn đang vào thành khất thực, ông vẫn ngồi trên lưng voi, cúi chào Ngài và đi tiếp. Thấy Phật mỉm cười, A-nan hỏi và được Phật cho biết: - A-nan, hãy nhìn quan đại thần của vua trang điểm lộng lẫy, sẽ đến chỗ Ta, và nghe xong cuối bài kệ sẽ chứng A-la-hán. Rồi ông ta ngồi lơ lửng cách mặt đất tám cây thốt nốt và nhập Niết-bàn. Đám người ở đó nghe được chia ra làm hai phe. Phe tà kiến cho rằng Sa-môn Cồ- đàm ưa gì nói nấy, làm gì có chuyện tên say rượu bí tỉ, trang sức đầy mình, sẽ nghe pháp và nhập Niết-bàn. Quả là dối trá. Phe Phật tử thì tán thán thần lực của Phật thật kỳ diệu, và họ sẽ được đặc ân nhìn thấy sự vẻ vang của Phật và của Santati. Xuống hồ, Santati bơi lội cả buổi, rồi vào lạc viên uống rượu, có cung nữ biểu diễn. Để có thân hình duyên dáng, cô ta đã nhịn đói bảy ngày và trong khi trổ hết tài khéo của mình, bao tử và trái tim bỗng đau quặn lên như bị dao cắt. Cô chết liền, mắt và miệng còn mở. Santati chỉ kịp lắp bắp: - Cô nương, coi chừng! Thì cô ta đã ngừng thở; Santati sầu não quá đỗi. Trong khoảnh khắc, rượu chảy trong máu ông từ cả tuần nay như biến mất, giống như nước để trên than hồng. Ông biết không ai ngoài Thế Tôn có thể dập tắt nỗi buồn của mình, nên đến gặp Phật, đảnh lễ, kể lại và xin được nương tựa. Thế Tôn an ủi ông:

- Ông đã đến đúng người có thể làm tiêu tan sầu khổ cho ông. Biết bao nhiêu lần người đàn bà này đã chết như thế, và ông đã bao phen khóc nàng, nước mắt còn nhiều hơn bốn biển. Và Ngài đọc kệ sau: Việc gì đã trôi qua, Tốt nhất là buông bỏ. Và ở trước mặt ngươi, Không có gì ở đó. Nếu không nắm bắt gì, Giữa tương lai, quá khứ, Sẽ bước trong an bình, Không còn gì khổ sở. Vừa kết thúc bài kệ, Santati chứng quả A-la-hán cùng các thần thông. Quan sát thọ mạng mình, ông biết chẳng còn sống được bao nhiêu, nên xin Thế Tôn nhập Niết-bàn. Dù đã biết việc làm của ông trong tiền kiếp, Phật vẫn bảo ông kể lại cốt cho nhóm ngoại đạo, đang chờ sự thật sẽ xảy ra khác với tiên đoán của Thế Tôn, và nhóm Phật tử muốn thấy công đức quá khứ của ông, được nghe: - Vậy thì, Santati, hãy thuật lại chuyện quá khứ, nhưng đừng đứng dưới đất, mà bay lên trời, cao bằng bảy cây thốt nốt. Santati vâng lời. Ông chào Phật, bay lên trời, đáp xuống chào Phật một lần nữa, rồi bay lên trên, ngồi kiết già kể: Chuyện Quá Khứ A. Người Thuyết Pháp Và Nhà Vua Cách đây chín mươi chín kiếp, thời Phật Tỳ-bà-thi tôi sanh ở Bandhumatì. Băn khoăn không biết làm thế nào để trừ được tham ái và phiền não cho người khác, bỗng gặp các nhà thuyết pháp, tôi quyết định sẽ làm việc đó mà thôi. Tôi

khuyến khích mọi người làm việc công đức. Chính tôi cũng vậy, vào ngày Bát quan trai, tôi giữ giới, bố thí và nghe pháp. Tôi đi khắp nơi rao giảng: "Không có châu báu nào có thể sánh với Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Hãy cung kính Tam Bảo!". Vua Bandhumatì, cha của Phật, gọi tôi lại hỏi thăm, và khi biết việc tôi làm Ngài hỏi tôi thường dùng phương tiện gì để đi lại. Nghe tôi thưa thường vẫn đi chân đất, Ngài choàng cho tôi một chuỗi hoa, y như chuỗi ngọc và cho tôi một con ngựa. Sau đó, vua gọi tôi lại lần thứ hai để hỏi thăm. Biết tôi vẫn đi thuyết pháp, vua cho một xe có bốn ngựa thuần chủng Sindh kéo. Hỏi thăm lần thứ ba, vua tặng nguyên tài sản lớn, một bộ châu báu lộng lẫy và cả một con voi. Đeo hết châu báu và ngồi trên lưng voi, suốt tám mươi ngàn năm thuyết pháp khắp nơi, tạo công đức, thân tỏa mùi thơm chiên đàn, miệng mùi lá sen. (Hết Chuyện Quá Khứ) Kể xong, Santati, vẫn ngồi kiết-già trên trời, nhập Hỏa quang tam-muội, và từ đó nhập Niết-bàn. Lửa thiêu hết thân, xá-lợi rơi từ từ xuống như hoa nhài, Thế Tôn cho trải

một tấm thảm trắng để hứng và sai cất tháp tại ngã tư đường để thờ. Dân chúng tôn kính xá lợi này sẽ có nhiều công đức. Các Tỳ-kheo bàn tán về Santati, và không biết nên gọi ông là ẩn sĩ hay Bà-la-môn. Phật nghe được trả lời: - Các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta thật đáng gọi là ẩn sĩ, và cũng đáng gọi là Bà-la-môn. Và Ngài đọc Pháp Cú: (142) Ai sống tự trang sức, Nhưng an tịnh, nhiếp phục, Sống kiên trì phạm hạnh, Không hại mọi sinh linh, Vị ấy là Phạm Chí, Hay Sa môn, khất sĩ. 10. Tỳ Kheo Và Bộ Đồ Rách Thật khó tìm ở đời... Khi ngụ tại Kỳ Viên. Thế Tôn đã dạy câu trên vì Trưởng lão Pilotika. Ngày nọ, Trưởng lão A-nan gặp một chàng trai lang thang, áo quần rách bươm, tay cầm miểng sành. Ngài kêu lại hỏi sao không đi tu có phải khá hơn sống như thế. Chàng trai hỏi tới: - Tôn giả, ai cho con đi tu? Ngài đáp: - Ta sẽ độ ngươi. Rồi Ngài cho anh ta theo, tự tay tắm rửa cho anh, giao anh một đề mục thiền quán và xuất gia cho anh. Tấm vải trước đây anh quấn làm nội y được phơi trên cành cây. Được nhận vào Tăng đoàn, anh làm tròn bổn phận và hưởng đầy đủ phẩm vật dành cho chư Phật, và đi khắp nơi với những y đáng giá. Sau một thời gian, anh phát phì và bất mãn, nghĩ rằng chẳng lợi ích gì mà đi lang thang với bộ đồ của đàn na tín thí, tốt hơn là mặc bộ đồ cũ khi xưa. Rồi anh đến cành cây tìm lại tấm vải, tự mắng nhiếc mình là đồ vô liêm sỉ, ngu ngốc, trơ trẽn, bỏ đi ân huệ được mặc y phục tốt lành để đi đắp lên người tấm giẻ rách này với miểng sành, xin ăn đầu đường xó chợ. Giữ ý này làm đề mục thiền quán, anh tự khiển trách mình, và tâm trở nên an tịnh. Anh cất tấm vải, trở về tinh xá. Vài ngày sau anh lại bất mãn, và tự trách như lần trước. Đến lần thứ ba cũng vậy. Các Tỳ-kheo thấy anh tới lui như thế, hỏi thăm, anh đáp là đến thầy anh. Và cứ thiền quán trên tấm vải cũ rách, anh tự điều phục. Chẳng bao lâu anh chứng A-la-hán. Các Tỳ-kheo lại hỏi anh sao không lui tới thầy nữa, anh cho biết: - Chư huynh, khi còn dính mắc vào thế gian, tôi đến một vị thầy. Nhưng bây giờ tôi đã cắt đứt hết trói buộc với thế gian, tôi không cần đến ông ta nữa. Các Tỳ-kheo báo với Phật, cho là Trưởng lão Pilotika nói dối. Phật liền dạy: - Các Tỳ-kheo, con Ta nói thật đấy, ông ấy đã tự điều phục và chứng A-la-hán. Và Ngài đọc Pháp Cú:

(143) Thật khó tìm ở đời, Người biết thẹn, tự chế, Biết né tránh, chỉ trích, Như ngựa hiền tránh roi. (144) Như ngựa hiền chạm roi, Hãy nhiệt tâm hăng hái, Với tín, giới,

tinh tấn, Thiền định cùng trạch pháp, Minh hạnh đủ, chánh niệm, Đoạn dứt vô lượng khổ. 11. Sa-Di Sukha Người trị thủy dẫn nước... Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến Sa-di Sukha. Chuyện quá khứ A. Trưởng Khố Gandha, Người Lao Động Bhattabhatika Và Phật Độc Giác Gandha là con của vị chánh chưởng khố thành Ba-la-nại. Cha chết, vua gọi anh đến an ủi, và cho kế vị cha làm chưởng khố. Từ đó người ta gọi anh là chưởng khố Gandha. Viên quản gia, một hôm mở cửa kho, chỉ cho anh tất cả tài sản tiền từ cha, ông nội và những người trước. Anh thắc mắc sao họ không đem theo sau khi chết, và được giải thích mọi người chỉ đem theo mình việc làm dù thiện hay ác. Từ đó anh suy luận rằng sẽ ăn xài cho hết, trước khi ra đi. Anh bỏ ra một trăm ngàn đồng xây một nhà tắm bằng pha lê, một trăm ngàn làm một ghế ngồi bằng pha lê để ngồi sau khi tắm, một trăm ngàn làm một cái bát đựng thức ăn của anh, một trăm ngàn làm một mái che trên phòng ăn, một trăm ngàn làm một cái đĩa lót bát mạ đồng, một trăm ngàn xây một cửa sổ lộng lẫy trong nhà. Bữa ăn sáng một ngàn, bữa ăn chiều một ngàn, bữa ăn trưa ngày trăng tròn một trăm ngàn. Vào những ngày ăn tiệc như thế, anh chi một trăm ngàn cho việc trang hoàng trong thành, sai người đánh trống hô to: - Mọi người hãy đi xem cách ăn của chưởng khố Gandha. Dân chúng tụ tập đến, mang cả giường chõng. Và Gandha sử dụng hết mọi thứ mới tạo: tắm trong bồn với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy rồi ngồi trên sập trình diện cho mọi người ngắm. Người hầu dọn thức ăn trong chiếc bát quý giá, để trên chiếc đĩa lót mạ đồng và đặt trước mặt anh. Rồi anh ăn, uống với nguyên một đoàn vũ công bao quanh. Một anh nhà quê chở củi lên thành. Để tiết kiệm anh đến nhà người bạn ở nhờ, nhân dịp đó anh được bạn dẫn đi xem cách ăn của trưởng khố Gandha. Ngửi mùi thức ăn thơm phức, anh nhà quê thèm quá nhờ bạn mình xin giùm. Chưởng khố không cho, anh bạn xin nữa, và cho biết không ăn được thèm quá sẽ chết. Mặc, chưởng khố từ chối. Nhiều lần xin quá, chưởng khố bắt buộc phải lên tiếng:

- Này ông, mỗi miếng cơm đáng giá một trăm tới hai trăm đồng đó. Ai đòi cũng cho thì ta lấy gì ăn? Anh bạn vẫn cù nhây: - Ông chủ! Người nhà quê không được miếng cơm của ông sẽ chết, xin ông cứu mạng hắn. - Không được! À, nhưng mà, để ta xem! Nếu thật thế, hãy bảo hắn làm cho ta ba năm ta sẽ cho hắn bát cơm. Anh nhà quê đồng ý, và làm mọi công việc rất trung thành, dù ở nhà ở rừng, dù ngày dù đêm. Dân trong thành gọi anh là: "Người kiếm thức ăn, Bhattabhatika". Mãn hạn, viên quản gia đến báo cho ông chủ biết, không quên khen ngợi anh nhà quê. Chưởng khố ra lệnh cho anh hai ngàn đồng cho bữa ăn tối, một ngàn đồng cho bữa ăn sáng, tất cả là ba ngàn đồng, và bảo mọi người trong nhà, trừ cô vợ yêu là Cintàmanì, ngày hôm ấy hầu hạ ông ta, xem như là ông chủ. Anh được tắm trong phòng tắm pha lê, ngồi ghế pha lê sau khi tắm, mặc y phục chưởng khố... rồi Gandha sai người đánh trống rao rằng Bhattabhatika làm thuê cho chưởng khố Gandha để nhận một bát cơm, hãy đến xem sự lộng lẫy huy hoàng trong bữa ăn bát cơm ấy của anh ta. Chỗ nào anh nhìn đến đều rúng động, xung quanh anh vũ nữ đứng phục vụ và gia nhân bưng cơm đặt trước mặt. Khi anh rửa tay thì một vị Phật Độc Giác đắp y, ôm bát, bay trên không, và đặt chân xuống giữa hội chúng, đứng trước mặt anh. Trước đó trên núi Gandhamàdana, xuất định sau bảy ngày, Ngài đã thấy là anh có niềm tin, chịu ban ơn và sẽ được nhiều phước báo.

Bhattabhattika hiểu rằng vì trước kia không bố thí nên phải làm thuê suốt ba năm để nhận bát cơm, bát cơm này đủ cho một ngày và một đêm, nhưng nếu dâng cho bậc tôn quý này anh sẽ được nuôi vô số kiếp. Và anh nén sự thèm khát không ăn một miếng cơm nào, mà cầm bát đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài và trút vào bình bát của Ngài. Được phân nửa, Ngài lấy tay che bát, nhưng anh khẩn khoản xin Ngài nhận hết để anh được phước, không những đời này mà còn đời sau, và được dự phần vào đạo pháp mà Ngài đã thấy. Phật hứa khả: - Mọi ước muốn của ông sẽ được toại nguyện như được ngọc như ý, lời cầu xin sẽ thành tựu như được trăng tròn. Và Ngài hồi hướng công đức cho anh. Để cho dân chúng chiêm ngưỡng, Ngài bay lên trời đến núi Gandhamàdana, và chia thức ăn cho năm trăm vị Phật Độc Giác, mỗi vị nhận đủ phần mình. Chưởng khố Gandha nghe tin, lòng tràn ngập niềm tin, tán thán anh nhà quê đã làm một việc khó khăn biết bao là bố thí; trong khi Gandha hưởng thụ quá đỗi mà chẳng cho ai bất cứ món gì. Chưởng khố mời anh ta đến, cho một ngàn đồng và xin anh ta chia phần phước đức sau khi bố thí số tiền ấy. Anh nhà quê bằng lòng, và chưởng khố lại chia gia tài của mình ra làm hai, cho anh ta phân nửa. (Có bốn loại sở đắc:

- Về của cải: Như một bậc A-la-hán hay vị chứng Tam quả sau khi xuất định đáng nhận được của cải. - Về tứ vật dụng: Do sống liêm chánh và công bằng. - Về trí tuệ: Trí tuệ có được từ tri thức kết hợp với hỷ thọ, do bố thí cúng dường trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. - Về thần thông: Sau thời gian thiền định, như vị Phật Độc Giác đã thi triển). Nghe chuyện Bhattabhatika, vua vời anh đến, ban cho một ngàn đồng để đổi bình bát của anh, cho anh nhiều của cải và phong làm chưởng khố. Hai chưởng khố Bhattabhatika và Ganda kết bạn với nhau, ăn cùng mâm, ngủ cùng giường. Mạng chung, Bhattabhatika sanh thiên, hưởng phước suốt thời gian giữa hai đức Phật, thời Phật hiện tại tái sanh vào nhà một thí chủ của Trưởng lão Xá-lợi-phất ở Xá-vệ. Chuyện hiện tại: B. Sa-Di Sukha Bà mẹ được săn sóc kỹ lưỡng khi đứa bé còn ở trong bụng. Đúng theo ý nguyện, bà cúng dường thức ăn đầy gia vị cho Trưởng lão Xá-lợi-phất và năm trăm Tỳ-kheo của Ngài, được khoác y vàng, ôm bát vàng, và ngồi vòng ngoài hội chúng, và được chia phần thức ăn còn lại của chúng Tăng. Bà sinh một bé trai. Ngày đặt tên con bà thưa với Trưởng lão chọn tên và truyền giới cho chú. Trong nhà không ai đau ốm từ khi chú còn trong bụng mẹ, nên bà mẹ yêu cầu Ngài đặt tên chú là Sukha Kumàra, tức hạnh phúc, và Ngài truyền giới cho chú. Vào ngày đãi tiệc nhân dịp xỏ lỗ tai cậu bé và những dịp lễ khác, bà thường dâng phẩm vật lên chư tăng. Lên bảy tuổi chú muốn đi tu, bà bằng lòng. Bà thưa với Trưởng lão trước, và sau đó mặc y phục đẹp đẽ cho chú, và dẫn đến tinh xá giao phó cho Trưởng lão. Ngài cho biết đời tu sĩ lắm gian nan cực khổ, chú khứng chịu, lãnh một đề tài thiền quán và được gia nhập Tăng đoàn. Cha mẹ chú ở lại tinh xá, suốt bảy ngày cúng dường thức ăn trăm vị lên Tăng chúng, chiều tối thì trở về nhà. Ngày thứ tám Tăng chúng lên đường khất thực, Trưởng lão còn quá nhiều việc phải làm khắp tinh xá nên đi sau với chú. Dọc đường, chú thấy những đường nước v.v... giống như Sa-di Pandita, và được Trưởng lão giải thích giống như Sa-di Pandita. Rồi Sukha đưa y bát cho thầy xin trở về tinh xá. Được thầy giao cho chìa khóa, chú vào phòng thầy tọa thiền và thấu triệt bản tính của thân Công hạnh của chú làm ngai Đế Thích nóng lên. Ông quan sát, thấy sự việc như thế nên muốn giúp chú.

Ông mời Tứ thiên vương đến vườn tinh xá đuổi bầy chim ồn ào rồi gác lối vào bốn phía. Ông cũng ra lệnh cho mặt trời và mặt trăng đứng yên và chính ông đứng gác nơi cổng chính. Tinh xá hoàn toàn yên lặng. Sukha tập trung mãnh liệt, chú khai mở Minh-sát-tuệ và chứng Tam quả. Còn Trưởng lão khất thực xong rồi vội vã trở về tinh xá. Thế Tôn trong hương thất thấy biết hết, và cũng biết trước Sa-di Sukha sẽ chứng A-la-hán, nên Ngài rời hương thất đến trước cổng đón Trưởng lão đặt bốn câu hỏi để kéo dài thời gian cho Sa-di kịp chứng quả. Trưởng lão trả lời xong câu cuối thì Sa-di

cũng vừa chứng quả. Lúc đó Phật mới cho phép Trưởng lão mang thức ăn cho đệ tử. Và Tứ thiên vương cùng Đế Thích rời chỗ gác, mặt trời mặt trăng di chuyển bình thường. Các Tỳ-kheo bảo nhau sao hôm nay buổi sáng quá lâu, buổi chiều giờ mới đến, và Sa-di mới thọ thực xong. Phật liền giải thích và kết luận: - Sa-di Sukha thấy người đang dẫn thủy nhập điền, thợ làm tên đang uốn tên, thợ mộc đẽo bánh xe v.v... tự điều phục được thân tâm và đắc quả A-la-hán. Và Ngài đọc Pháp Cú: (145) Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên uốn tên, Người thợ mộc uốn ván, Bậc trí biết tự điều.

PHẨM XI: GIÀ 1. Bạn Của Tỳ-Sá-Khư Say Rượu Cười gì, hân hoan gì... Vì chuyện những người bạn của bà Tỳ-xá-khư nên Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên. Năm trăm thanh niên vọng tộc cho năm trăm bà vợ theo đại cư sĩ nữ Tỳ-xá-khư, tin rằng với sự tốt lành như thế vợ của họ sẽ sống đời chánh niệm. từ đó dù đến lạc viên hay tinh xá, các bà vợ luôn luôn đi cùng với Tỳ-xá-khư. Nhân lễ hội uống rượu, các bà pha rượu cho chồng chè chén suốt bảy ngày. Đến ngày thứ tám trống báo hết lễ, các ông chồng trở về đi làm bình thường. Thấy rượu còn thừa, các bà muốn uống nên giauá chồng lén đem rượu theo, rồi rủ Tỳ-xá-khư đến lạc viên. Họ uống rượu vào, say ngất ngưởng, đi khắp khu vườn chơi. Trông dáng đi của các bà, Tỳ-xá-khư biết họ đã uống rượu và say. Các ngoại đạo sẽ có dịp rêu rao nữ cư sĩ của Sa-môn Cồ-đàm uống rượu, bà gọi các bà vợ đến quở trách: - Này các bạn, các bạn đã phạm lỗi lầm to tát, làm tôi cũng nhục lây. Chồng các bạn sẽ nổi giận. Các bạn phải tính sao đây? Họ lo lắng thưa: - Thưa đức bà, chúng tôi sẽ cáo bệnh. Về nhà, các ông chồng biết ngay họ đã uống rượu thừa. Họ bị đánh đập nên rất buồn khổ. Lễ hội năm sau, họ lại muốn uống rượu như lần trước, nên rủ Tỳ-xá-khư đến vườn giải trí, nhưng bị bà từ chối. Họ bèn bỏ ý định đó và rủ nhau đi đến tinh xá. Thế là họ sắp hương hoa vào thùng, tay ôm bình đựng rượu, mặc áo choàng ấm, đến gặp Tỳ-xá-khư và cùng bà đến tinh xá. Sau, các bà vợ ấy lẻn đi uống rượu, vứt bình rồi vào ngồi trong Pháp đường, trước mặt đức Thế Tôn. Bà Tỳ-xá-khư bạch: - Bạch Thế Tôn, xin Ngài giảng pháp cho các bà này nghe. Nhưng các bà kia say đến nỗi thân thể lắc lư đảo qua đảo lại và bỗng họ nảy ý muốn múa hát. Một quyến thuộc của Ma vương thấy thế liền bắt xác họ, làm cho họ có những cử chỉ lố lăng trước mặt Phật. Đức Phật quán sát thấy được nguyên nhân, bèn nghĩ: - Ta sẽ không cho phép quyến thuộc Ma vương tấn công. Bởi vì mục đích hoàn thành giác hạnh viên mãn của Ta chẳng phải là để Ma vương được dịp hoành hành. Ngài phóng một đạo hào quang màu xanh đậm từ chặng mày. Lập tức trời đất tối đen. Mấy bà kia sợ chết đến nỗi rượu trong người khô hết. Phật rời chỗ ngồi, bay lên đỉnh núi Tu-di, phóng hào quang giữa chặng lông mày, lúc đó trời sáng như thể cả ngàn mặt trăng cùng mọc. Và Ngài bảo các bà: - Các ngươi đã đến và vào đây trong sự tán tâm. Vì thế một quyến thuộc của Ma vương đã bắt xác các

ngươi. Vào thời điểm mà các ngươi không nên cười đùa hay có

những cử chỉ không được nghiêm chỉnh, nó đã bắt các ngươi cười cợt lố lăng. Từ đây về sau các ngươi phải nỗ lực dập tắt lửa ái dục và tham ái. Và Ngài đọc Pháp Cú: (146) Cười gì, hân hoan gì, Khi đời mãi bị thiêu? Bị tối tăm bao trùm, Sao không tìm ngọn đèn? Biết họ đã vững niềm tin, không còn bị lay chuyển nữa, Phật xuống núi Tu-di và ngồi vào tòa Như Lai. Lúc đó Tỳ-xá-khư thưa: - Rượu chính là điều ác, đã khiến hạng người phẩm cách như các bà này, tuy ngồi trước mặt Thế Tôn, vẫn không đủ sức kiểm soát hành động của mình, mà múa chân, vỗ tay, phát cười, phát ca hát, nhảy nhót. Phật bảo: - Quả vậy, Tỳ-xá-khư! Rượu là điều ác, vì lẽ đó vô số chúng sanh buồn khổ. Nhưng bạch Thế Tôn, vào thời nào và nguyên nhân nào xảy ra chuyện trên? Thế Tôn bèn kể lại chuyện quá khứ trong Bổn Sanh Kumbha. 2. Đức Phật Chữa Trị Một Tỳ Kheo Lụy Tình Hãy xem hình bóng đẹp... Câu này Thế Tôn dạy ở Veluvana, liên quan đến Sirimà. Sirimà vốn là gái giang hồ hạng sang ở Vương Xá. Vào mùa mưa, cô lỡ xúc phạm đến nữ cư sĩ Uttarà, vợ của Sumana, con một phú gia, và là chị của phú gia Punnaka. Muốn nối lại quan hệ tốt, cô đến nhà nữ cư sĩ khi Thế Tôn và Tăng đoàn ở đó. Khi đức Phật thọ thực xong, cô liền đến trước Ngài xin sám hối. Thế Tôn đấng Thập lực đọc kệ sau cho Sirimà nghe: (223) Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng không thiện, Lấy thí thắng xan tham, Lấy chơn thắng hư ngụy. Cuối bài kệ, Sirimà chứng quả Dự lưu. (Đây chỉ là tóm lược toàn bộ câu chuyện nằm trong phần kinh luận bài kệ thuộc phẩm Phẫn Nộ). Sau đó cô thỉnh Thế Tôn đến thọ thực, và sau dâng nhiều lễ vật. Từ đó cô đều đặn cúng dường tại nhà tám phần ăn. Cô múc bơ lỏng và sữa đầy bát, phần cho một Tỳ-kheo đủ dùng ba cho đến bốn vị Tỳ-kheo, và cô còn bố thí cho mỗi vị mười sáu đồng. Có một Tỳ-kheo đến khất thực tại nhà Sirimà, trở về ông dừng chân tại tinh xá cách đó ba dặm. Các Tỳ-kheo hỏi thăm ông thọ thực ở đâu và như thế nào? Ông thật thà kể đủ chi tiết, nào là món hảo hạng, một phần ăn ba bốn vị dùng cũng đủ, đã thế thí chủ xinh xắn càng nhìn càng đẹp. Một Tỳ-kheo khác nghe thế đem lòng yêu cô ta, và muốn đến nhìn mặt.

Hỏi được địa chỉ, sáng sớm vừa rạng đông. Tỳ-kheo này lên đường đến phòng phát phiếu khất thực, tự nhận là trưởng lão của hội chúng và nhận được một phiếu trong tám phần ăn tại nhà Sirimà. Trước đó một ngày, tức ngày Tỳ-kheo kia nhận thức ăn xong đi về, cô lâm bệnh, phải tháo hết nữ trang nằm nghỉ trong phòng. Các Tỳ-kheo đến khất thực, cô không dậy nổi để tự tay phục dịch, nên nhờ nô tỳ bưng dọn, không quên dặn họ phải chăm sóc chu đáo, và xong xuôi dẫn cô đến đảnh lễ các Tỳ-kheo. Cô đến trước mặt các Tỳ-kheo đảnh lễ, toàn thân run rẩy. Tỳ-kheo này thấy cô hồn phi phách tán, đang bệnh mà còn đẹp như thế, nếu khỏe mạnh, trang điểm và đeo đồ trang sức nữa thì còn đẹp đến đâu! Sau đó tham ái đã tích lũy từ hàng triệu năm nay nổi dậy trong lòng. Ông không còn biết gì mọi vật xung quanh và không thể thọ thực được. Ông bưng bát trở về tinh xá, đậy bát lại để qua một bên, nới y ra và nằm dài. Tỳ-kheo đi chung năn nỉ, nhưng ông không nuốt nổi một thứ gì. Ngay tối ngày hôm đó Sirimà qua đời. Thế Tôn hay tin, bảo vua quàng xác để trong nhà thiêu, chớ có hỏa táng, và canh giữ đừng để quạ chó mổ ăn thịt. Ngày qua ngày, đến ngày thứ tư xác của Sirimà trương lên, giống như đống thịt lở loét, từ chín lỗ dòi bò ra chẳng khác gì nồi nấu cơm vỡ nứt.

Vua cho đánh trống rao khắp thành bắt mọi người phải đến xem xác Sirimà, ai không đến xem phạt tám tiền. Thế Tôn cùng với Tăng đoàn đến xem. Bấy giờ Tỳ-kheo tương tư này đã bỏ ăn bốn ngày, không đếm xỉa gì đến lời khuyên của các bạn đồng tu. Cơm trong bát đã thối rữa, bình bát thì lên mốc, Nhưng khi nghe tin Thế Tôn sắp đi xem xác Sirimà, đang nằm liệt giường ông tức tốc nhỏm dậy. Và khi có người hỏi ông đi không, ông đáp không cần suy nghĩ: "Chắc chắn là tôi đi". Rồi ông hắt bỏ cơm thiu rữa và cất bát trong giỏ lưới xong ra đi. Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tăng đứng một bên thi thể. Chúng Tỳ Kheo Ni và đoàn tùy tùng của vua với nam nư cư sĩ đứng bên kia. Thế Tôn hỏi vua: - Đại vương, người đàn bà này là ai? - Bạch Thế Tôn, Sirimà, em của Jìvaka. - Sirimà à? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Vậy thì hãy đánh trống loan hết phố thành ai bỏ ra một ngàn đồng sẽ được sở hữu cô ta. Chẳng có ai "ừ hử" gì cả. Phật bảo vua hạ giá xuống thấp. Từ trăm xuống đến chục, rồi đến xu, một phần hai xu, một phần tư xu, một phần tám xu, cũng chẳng ai muốn lãnh nàng dù là cho không. Phật liền dạy: - Các Tỳ-kheo! Các ông thấy rõ giá trị của một người đàn bà dưới mắt dân chúng chứ. Trong thành này, trước đây người ta dám bỏ cả ngàn đồng để hân hạnh qua một đêm với người đàn bà này. Nhưng bây giờ không ai chịu lãnh nàng dù được cho không, vì lẽ sắc đẹp đã tàn tạ, không còn nữa. Nhìn xem, các Tỳ-kheo, thi thể này tàn rụi và thối rữa.

Và Phật đọc Pháp Cú: (147) Hãy xem hình bóng đẹp, Chỗ chất chứa vết thương, Bệnh hoạn nhiều suy tư, Thật không gì trường cửu. 3. Bà Ni Già Thân này bị suy già ... Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến ni cô Uttarà. Ni cô vẫn tiếp tục hành hương khất thực cho đến một trăm hai mươi tuổi. Một hôm, gặp một Tỳ-kheo, bà dâng hết thức ăn trong bát, không chừa lại gì cho mình. Ngày thứ hai và tiếp ngày thứ ba, Uttarà cũng lại gặp và dâng cúng cho vị Tỳ-kheo đó tại chỗ cũ. Đến ngày thứ tư, Uttarà đang đi khất thực như thường lệ thì gặp Phật ở nơi thật đông người. Bà bước lui, lá y bà bị tuột, bà giẫm chân lên, vướng víu nên té ngã. Thế Tôn đến gần bà và bảo: - Sư muội, thân của ngươi suy yếu theo tuổi già, không còn bao lâu sẽ hoại diệt. Và Phật đọc Pháp Cú: (148) Thân này bị suy già, Ổ tật bệnh mỏng manh, Nhóm bất tịnh đổ vỡ, Chết, chấm dứt mạng sống. 4. Nhóm Tỳ Kheo Cả Tin Như trái bầu mùa thu... Phật đã nói tại Kỳ Viên câu trên liên quan đến nhóm Tỳ-kheo cả tin. Năm trăm Tỳ-kheo nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, rút vào rừng nỗ lực phấn đấu thiền định. Nghĩ rằng mình không còn tham ái và đã hoàn thành tu tập, họ ra khỏi rừng đến báo với Thế Tôn đã chứng đắc. Họ vừa đến ngoài cổng tinh xá, Thế Tôn vội bảo Trưởng lão A-nan rằng họ chưa có duyên gặp Phật, xin đến lò thiêu trước rồi trở lại sau. Thay vì thắc mắc tại sao, các Tỳ-kheo bảo nhau "Đức Phật là bậc đại trí, chắc chắn Ngài có ý". Họ tuân hành đến lò thiêu và trông thấy các thi thể. Với các thi thể để lâu đến một hai ngày thì họ thấy ghê tởm, các thi thể mới chết còn tươi rói lại kích động lòng dục của họ. Lúc đó họ mới nhận ra tham ái vẫn còn trong lòng. Thế Tôn ngồi trong hương thất phóng quang ảnh đến đối diện với các Tỳ-kheo bảo: - Này các Tỳ-kheo, thấy nguyên bộ xương mà các ông thích thú tham đắm xấu xa thì có hợp lẽ không? Rồi Ngài đọc Pháp Cú: (149) Như trái bầu mùa thu Bị vất bỏ quăng đi,

Nhóm xương trắng bồ câu, Thấy chúng còn vui gì? 5. Ni Cô Và Bóng Sắc Thành này làm bằng xương... Phật đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến ni cô Janapada-Kalyànì

Rùpanandà Cô nghĩ rằng: "Anh cả của ta đã từ bỏ vinh quang của quyền uy, trở thành Tỳ-kheo, và giờ đây là người siêu việt ở thế gian, là Phật. Con Ngài là Ràhula Kumàra, cũng là tăng sĩ. Chồng ta là tăng và cả mẹ ta cũng là ni. Cả gia quyến đều sống đời xuất gia, tại sao ta vẫn kéo dài đời tại gia?" Do đó cô muốn đi tu, gia nhập Ni chúng, không phải với lòng tin mà vì lòng thương gia quyến. Vì có vẻ đẹp tuyệt trần nên cô có tên Rùpa. Một hôm nghe Thế Tôn giảng: "Cái đẹp của sắc là vô thường, hệ lụy với khổ đau, phi thực; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế". Cô cho rằng Thế Tôn đã nhìn thấy cái xấu trên thân xác của mình, dù rất đẹp để nhìn rất xinh để ngắm. Do đó cô không thích diện kiến Thế Tôn nữa. Dân cư ở Xá-vệ thường cúng dường sáng sớm, tiếp tục bổn phận của ngày Bát quan trai. Buổi chiều ăn mặc sạch sẽ tươm tất, tay cầm hương hoa, họ tụ tập tại tinh xá để nghe pháp, Ni chúng cũng thế. Nghe pháp xong, họ vào thành ca tụng công đức của Thế Tôn. Có bốn tiêu chuẩn để người ta phán đoán về Như Lai và lấy làm mãn nguyện: 1. Trên điều họ thấy được là thân kim sắc của Phật, trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. 2. Trên điều họ nghe được về đức hạnh của Phật qua biết bao trăm kiếp, và nghe Phật âm gồm có Bát Diệu khi Ngài thuyết pháp. 3. Trên sự khổ hạnh của Phật. 4. Trên sự nhận xét về Ngài là chính trực, có thập lực, có trí, an tĩnh, Phật là bậc độc tôn không ai sánh bằng. Rùpanandà nghe Ni chúng và nữ cư sĩ kể lại lời ca tụng Như Lai, nhưng cô cho rằng họ xứng tán quá lố đối với anh mình. Nếu như Ngài định chỉ trích sắc đẹp của cô trong chỉ một ngày thôi, Ngài sẽ nói nhiều đến đâu trong khoảng thời gian ấy? Rồi cô có ý định đi nghe pháp, nhìn Thế Tôn rồi trở về mà không muốn cho ai thấy mình. Ni chúng vui sướng dẫn Rùpanandà cùng đi, vì từ lâu cô không muốn đến hầu Phật, có cô Ngài sẽ thuyết pháp với nhiều chi tiết phong phú hơn. Thế Tôn biết trước hôm nay Rùpanandà đến đảnh lễ. Và để dạy dỗ người quá đắm trước thân mình, để làm tiêu tan lòng kiêu hãnh của nàng vì ỷ có sắc đẹp, Ngài sẽ dùng chính sắc đẹp thân thể làm phương tiện, giống như phải dùng gai lễ gai. Thế Tôn liền hiển thần thông: một thiếu nữ mười sáu xuân xanh, đẹp chưa từng thấy mặc bộ y phục đỏ thẫm, trang điểm với tất cả món trang sức, đứng trước Thế Tôn, cầm quạt phe phẩy. Chỉ có Phật và Rùpanandà trông thấy cô gái.

Rùpanandà vào tinh xá với Ni chúng. Cô đứng phía sau, năm vóc gieo xuống đảnh lễ Phật và ngồi xuống chỗ Ni chúng. Rồi cô quan sát Thế Tôn từ đầu đến chân. Rực rỡ xán lạn với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, hào quang bao quanh tỏa rộng đến hai mét. Rồi cô thấy cô gái đứng cạnh Phật và cô quan sát gương mặt sáng rực như trăng rằm của cô gái. Ngắm lại thân mình, cô thấy mình chẳng khác gì con quạ đang đứng trước con ngỗng chúa thân kim sắc. Cô trợn tròn mắt vì mái tóc thiếu nữ, ôi thật thanh tú. Cô say mê từng bộ phận trên người thiếu nữ, và nóng lòng muốn mình cũng được như thế. Thế Tôn biết được ý tưởng của cô nên bắt đầu thuyết cho cô bài pháp sau. Thế Tôn hóa hiện thiếu nữ từ mười sáu tuổi lên hai mươi tuổi. Rùpanandà nhận ra ngay bóng sắc này không bằng trước đây. Rồi thiếu nữ thành thiếu phụ một con, đến trung tuần và cuối cùng là một lão bà già khụ. Rùpanandà theo dõi từng giai đoạn biến hóa, mỗi lúc vẻ đẹp chỗ này mất, sắc tươi chỗ kia hết. và khi đứng đó là bà lão răng rụng, tóc bạc, lưng còng, oằn xuống như chiếc rui nhà hình chữ nhân, phải tựa lên gậy, tay chân run rẩy. Rùpanandà không khỏi ghê tởm. Phần cuối bài thuyết pháp của Phật

là bà lão lâm bệnh. Ném gậy và quạt đi, bà kêu thét lên, té xuống đất, lăn qua lăn lại trên đống phân và nước tiểu của mình. Rùpanandà nhìn và muốn lợm giọng. Rồi đức Phật cho thấy cái chết của bà lão. Liền đó thi thể bà trương phồng, từ chín lỗ mủ chảy ra có dạng như bấc đèn và có cả giun sán. Quạ và chó nhào lên người bà xé xác. Sự kiện này làm chấn động Rùpanandà khôn kể. Cô thấy rõ ngay chính chỗ này người đàn bà này già đi, lâm bệnh rồi chết; và thân của cô cũng sẽ như thế. Từ cái thấy thân mình nằm trong sự vô thường, cô thấy thân thể mình hệ lụy đến khổ đau, và do đó phi thực. Liền đó, ba pháp (già, bệnh, chết) giống như nhà bị lửa thiêu đốt, hoặc như dây thừng quấn ngang cổ cô, hiển hiện trước mắt Rùpanandà khiến tâm cô đi vào thiền định. Tuy vậy, Phật biết cô chưa thể chứng quả, nên đọc thêm bài kệ để hỗ trợ cho cô như sau: Hãy nhìn, Nandà! Sự liên kết những bộ phận gọi là thân, Nó là bệnh tật, bất tịnh, thối tha, rỉ chảy. Thật là ngu ngốc nếu ham muốn nó. Thân này như thế nào, thân kia cũng thế, Thân kia ra sao, thân này cũng sẽ vậy. Hãy nhìn các yếu tố của thân đều là không. Đừng trở lại thế gian, Hãy dập tắt tham ái khiến tái sanh, Và ngươi sẽ đi trong an tĩnh. Hướng tâm ý thuận theo giáo lý Phật, Rùpanandà chứng quả Tu-đà-hoàn. Vì muốn cho cô tiến lên Tam đạo và Tam quả trên nữa, đẩy cô thiền định thêm về lý không. Thế Tôn dạy thêm:

- Này Rùpanandà, đừng nghĩ rằng thân này có thực, không một chút gì là thực trong thân này. Thân này là thành trì làm bằng xương, do ba trăm khúc xương dựng lên. Và Ngài đọc Pháp Cú: (150) Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt máu, Ở đây già và chết, Mạn, lừa đảo chất chứa. Cuối bài kệ, ni cô chứng quả A-la-hán, và nhiều người cũng thọ trì được bài kệ này.

6. Hoàng Hậu Mallikà Và Con Chó Xe vua đẹp cũng già... Tại Kỳ Viên Phật đã dạy câu trên liên quan đến hoàng hậu Mallikà. Ngày kia hoàng hậu Mallikà vào phòng tắm. Rửa mặt xong, bà cúi người xuống và rửa chân. Không dè con chó cưng của bà cũng vào theo. Nó thấy thế bèn làm hạnh bất tịnh với bà, và bà cứ để nó tiếp tục. Từ tầng trên cung điện nhà vua nhìn thấy hết, sau đó mắng nhiếc bà thậm tệ. Bà tìm cách chối quanh, nhưng nhà vua khẳng định: - Chính mắt ta đã thấy. Chết tiệt đi, con tiện tỳ khốn kiếp! Bà vẫn chống chế: - Tâu đại vương, thật lạ kỳ! Ai bước vào phòng tắm ấy, người ở ngoài nhìn vào đều thấy thành hai. - Mi nói dối. - Nếu bệ hạ không tin , xin hãy vào phòng tắm, thiếp sẽ ở ngoài nhìn vào. Vua quả là thật thà, cả tin nên làm theo lời bà. Đột ngột bà ở ngoài la thất thanh: - Nhà vua điên khùng kia! Sao làm điều ô uế với con dê cái? - Ái khanh, ta có làm như thế đâu! - Chính mắt thiếp thấy! Vì thế nhà vua tin lời giải thích của hoàng hậu, là ai vào phòng tắm đều bị thấy thành hai. Nhưng Mallikà cảm thấy bất an. Tuy đã dối gạt được nhà vua, vì ông đã là một tên ngu ngốc, nhưng bà đã phạm tội trọng, và còn sai quấy khi kết tội nhà vua. Thế Tôn sẽ biết tội của bà, cả hai Đại đệ tử và tám mươi Trưởng lão cũng biết. Tội lỗi trầm trọng biết bao! (Trước đó bà và vua cúng dường rất nhiều của báu, số tiền lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng. Riêng đức Như Lai được cúng dường bốn món vô giá: một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân). Mallikà lúc hấp hối lại quên hẳn sự cúng dường, chỉ nhớ đến hành động xấu ác mình đã phạm, do đó bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vua Ba-tư-nặc rất yêu bà Mallikà nên buồn khổ vô cùng. Lễ tang xong, vua đến gặp

Phật, ý muốn hỏi xem bà sanh ở đâu. Thế

Tôn biết trước, nên khôn khéo không để vua nhớ lý do đi đến tinh xá. Phật cứ thuyết pháp, vua nghe xong hoan hỷ hồi cung. Như thế suốt bảy ngày vua không thể nào nhớ để hỏi. Còn Mallikà, sau bảy ngày rên siết trong địa ngục, được giải thoát và tái sanh vào cõi trời Đâu-suất. (Sở dĩ Phật phải làm như thế vì Mallikà rất được sủng ái. Nếu biết bà, một người có niềm tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều mà rơi vào địa ngục, thì số phận của vua sau này sẽ ra sao? Nhà vua sẽ hiểu sai lạc sanh ra hoài nghi, không tiếp tục cúng dường năm trăm Tỳ-kheo nữa, và như thế vua sẽ đọa vào địa ngục). Vào ngày thứ tám, Thế Tôn ra ngoài khất thực một mình. Đến cổng hoàng cung vua nghe tin, cầm bát của Phật định mang lên sân thượng cung điện. Nhưng Phật muốn ngồi ngay nhà để xe, vua bèn dâng chỗ ngồi nơi đó và cúng dường thức ăn loại cứng loại mềm. Rồi nhà vua đảnh lễ Phật hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua. Phật đáp: - Vào cung trời Đâu-suất, đại vương ạ. Vua vẫn còn buồn khổ nên than: - Bạch Thế Tôn, từ khi nàng đi về cõi khác, con người tôi không còn sống nữa. Phật an ủi: - Đại vương, chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh. Rồi Phật hỏi tiếp: - Đại vương, xe này của ai? - Bạch Thế Tôn, của ông tôi. - Còn xe này? - Của cha tôi, bạch Thế Tôn. - Còn xe kia. - Của tôi. Đức Phật bèn dạy: - Đại vương, xe của cha còn tốt hơn xe ông nội, cũng vậy xe của đại vương còn tốt hơn xe của cha. Sự suy tàn cũng sẽ làm hư hoại thân này. Đại vương, chỉ có đức hạnh chân chánh mới không hư hoại. Và Phật đọc Pháp Cú: (151) Xe vua đẹp cũng già, Thân này rồi sẽ già, Pháp bậc thiện không già. Như vậy bậc chí thiện, Nói lên cho bậc thiện. 7. Một Tỳ Kheo Thường Nói Không Đúng Chỗ Người ít nghe kém học... Phật dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Ca-lưu-đà-di. Trưởng lão này ưa đến các nhà nơi dân chúng làm lễ và đọc kệ về tang tế như "Họ đứng bên ngoài cõi chết". Thay vì nói những lời thích hợp như thế, có nghĩa là còn sống

mãi, khi tang lễ đang tiến hành ông lại nói những câu kệ không dính dáng như "Bố thí và xót thương". hoặc một câu trong kinh Kim Cang "Bất cứ tài sản nào có được, đời này cũng như đời sau". Thật ra, bất kể đi đến đâu, nếu ông dự định nói một điều gì đó thì khi mở miệng cũng khác hẳn, và chính ông không biết mình đã lỡ lời nói không đúng. Các Tỳ-kheo nghe ông nói bèn trình lên Phật: - Bạch Thế Tôn! Ca-lưu-đà-di đi đến chỗ lễ lạc hay tang ma có lợi ích gì? Điều đáng phải nói, Ca-lưu-đà-di nói trật lất. Thế Tôn đáp: - Các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu Ca-lưu-đà-di nói như thế mà ở kiếp trước ông ta luôn luôn không nói điều đúng rồi, lại nói trật lất. Chuyện quá khứ A. Aggidatta, Somadatta Và Nhà Vua Xưa, có một Bà-la-môn tên là Aggidatta ngụ tại Ba-la-nại có con là Somadatta theo hầu vua rất được sủng ái. Ông sống bằng nghề nông, chỉ có hai con bò đực, lại chết mất một con. Ông bảo con xin nhà vua con bò khác. E vua hiểu lầm mình lợi dụng quyền chức để xin xỏ, Somadatta bảo cha trực tiếp đến xin vua, và sợ ông không biết ăn nói, anh chịu khó chỉ dạy thật tỉ mỉ. Anh dẫn cha đến bãi thiêu xác tên là Bụi Cuscus, nhặt cỏ bó thành từng túm, bảo: - Đây là nhà vua, đây là phó vương, đây là tổng tư lệnh quân đội. Vào hoàng cung cha phải đi vào như thế này đây, lùi bước như thế này đây. Rồi cha tâu lên nhà vua trước, phó vương sau. Đến gần vua, cha phải tâu "Bệ hạ cao quý muôn năm!" Và đứng như vầy, rồi đọc bài kệ sau: Tôi có hai con bò

đực giúp tôi cày bừa. Nhưng một con đã chết, Xin cho tôi con khác, vương tử anh hùng! Bà-la-môn mất hết một năm mới thuộc bài kệ trên. Ông cho con biết, rồi hai cha con cùng mang lễ vật lên đường. Đến nơi, Somadatta đến ngồi vào chỗ cận vua. Bà-la- môn một mình mang lễ vật đến sân rồng. Vua vui mừng thấy ông, hỏi thăm vồn vã: - Chào ông bạn! Ông bạn đã đi đường xa, hãy ngồi lên giường này và cho ta biết ông bạn cần chi? Bà-la-môn lấy hết sức mình đọc bài kệ một lèo: Tôi có hai con bò đực giúp tôi cày bừa, Nhưng một con đã chết, Xin lấy con còn lại, vương tử anh hùng! Vua ngạc nhiên hỏi: - Nói gì lạ vậy, ông bạn? Hãy lặp lại! Nhưng ông vẫn nhắc lại y như trước. Vua biết ông lỡ lời nói ngược lại ý của mình, bèn cười bảo:

- Somadatta, chắc ngươi có nhiều bò đực ở nhà. Somadatta thưa: - Tâu bệ hạ, nhiều bằng số bệ hạ đã ban cho chúng tôi. Vua hài lòng với câu trả lời của vị Phật tương lai, nên ban cho Bà-la-môn mười sáu con bò đực, thêm nữ trang và đồ gia dụng, và một ngôi làng để trú ngụ. Như thế vua đã ban cho Bà-la-môn quà tặng xứng đáng và vinh dự to lớn. Phật kể chuyện xong, đồng hóa như sau: - Thời đó nhà vua là A-nan. Bà-la-môn là Ca-lưu-đà-di và Somadatta chính là Ta. Và Ngài nói thêm: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu tiên ông ta không thể nói đúng việc đúng thời vì quá ngu si. Thực vậy, người ít nghe kém học không khác gì con trâu đực. Phật đọc tiếp Pháp Cú: (152) Người ít nghe kém học, Lớn già như trâu đực, Thịt nó tuy lớn lên, Nhưng tuệ không tăng trưởng. 8. Kệ Của Trưởng Lão A-Nan Lang thang bao kiếp sống... Câu này Phật thốt ra khi ngồi dưới cội bồ-đề, sau này nói lại cho Trưởng lão Anan để đáp một câu hỏi. Dưới cội bồ-đề, trước khi mặt trời lặn, Phật chiến thắng Ma vương; đầu đêm, Ngài vén màn vô minh đã bao phủ từ nhiều kiếp; giữa đêm, đắc thần thông; cuối đêm, vì lòng thương xót chúng sanh, Ngài tập trung tư tưởng vào lý nhân duyên, thiền quán theo chiều thuận và chiều nghịch, và hừng đông Thế Tôn giác ngộ viên mãn. Sau đó, như vô lượng chư Phật đã làm, Ngài long trọng phát biểu bài kệ sau: (153) Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp, Người xây dựng nhà này, Khổ thay phải tái sanh! (154) Ôi! Người làm nhà kia! Nay ta đã thấy ngươi! Ngươi không làm nhà nữa. Đòn tay ngươi bị gãy, Kèo cột ngươi bị tạn. Tâm ta đạt tịch diệt, Tham ái thảy tiêu vong. 9. Đại Phú, Con Của Chưởng Khố Lúc trẻ không phạm hạnh...

Thế Tôn đã dạy câu này tại Isipatana, liên quan đến Mahàdhana (Đại Phú) con của chưởng khố. Đại Phú sanh tại Ba-la-nại, nhà giàu, gia sản trị giá tám trăm triệu của cải nhiều như thế, nên ông bà không cần phải cho con làm việc gì khác hơn ngoài vui chơi thỏa thích. Do đó Đại Phú chỉ học hát và chơi đàn. Một nhà giàu khác trong thành cũng có tài sản tám trăm triệu sanh bé gái. Vì đồng ý nghĩ nên cô bé cũng được cha mẹ chỉ cho học ca hát và nhảy múa. Hai đứa trẻ lớn lên, họ cho thành hôn với nhau theo nghi lễ tập tục. Cha mẹ hai bên qua đời khiến gia sản hai trẻ tăng gấp đôi số tám trăm triệu. Thường lệ, mỗi ngày ba lần, con của chưởng khố phải đến hầu vua. Một bọn bất lương trong thành khiếm cách rù quến Đại Phú để trục lợi. Chúng kiếm rượu và các thứ cần thiết, ngồi một chỗ rình rập con đường Đại Phú sắp đi qua. Thấy anh ta, chúng đến gần, lấy rượu ra uống, cho muối và đường vào miệng, nhét rễ và củ hành vào răng nhai ngấu nghiến rồi cất tiếng: - Hãy sống đến trăm tuổi, công tử con của chưởng khố! Với sự đỡ đầu của công tử, chúng tôi sẽ được ăn uống thỏa thuê! Đại Phú ngạc nhiên hỏi

tiểu đồng theo sau: - Mấy người này uống gì thế? - Thưa công tử, một loại rượu. - Ngon không? - Thưa công tử, trên thế gian này không gì sánh bằng. - Thế thì ta cũng uống. Rồi Đại Phú bảo tiểu đồng mang thêm một chút rượu nữa... và uống hết. Chẳng bao lâu bọn bất lương biết rằng Đại Phú đã ghiền rượu. Chúng tụ tập quanh ông ta, càng lúc càng đông. Mỗi lần đi uống anh phải tiêu một đến hai trăm đồng. Sau đó anh tập tành chất tiền từng đống để gọi rượu và các thứ như: - Lấy tiền mua hoa về cho ta! - Cầm tiền, mang hương về cho ta. - Người này khéo đổ súc sắc, người kia nhảy giỏi hát hay, người đó đàn tuyệt! Cho người này một ngàn, cho người kia hai ngàn! Ném tiền qua cửa sổ như thế, chẳng bao lâu anh đã phung phí hết gia sản tám trăm triệu của mình. Rồi tám trăm triệu của nhà vợ cũng tan như mây khói. Đại Phú bán hết ruộng đất, vườn tược, xe cộ... luôn cả ly chén, khăn trải giường, áo khoác. Về già anh bán luôn căn nhà, dắt vợ ra đi và trọ ven tường nhà người khác, tay cầm mảnh sành ăn xin đầu đường xó chợ, kiếm chút cơm thừa canh cặn qua ngaỳ. Ngày kia, đứng trước cửa một ngôi nhà nghỉ, anh nhận thức ăn thừa của mấy chú Sa-di và tập sự. Thế Tôn trông thấy thế mỉm cười. Trưởng lão A-nan hỏi và được Ngài giải thích: - A-nan! Nhìn xem Đại Phú, con của chưởng khố! Anh đã tiêu hết gia sản gấp hai lần tám trăm triệu để bây giờ dắt vợ đi ăn xin. Nếu hồi trẻ anh biết sử dụng đồng tiền để

kinh doanh thì đã thành vị chưởng khố đệ nhất của thành này; và nếu anh lìa bỏ thế gian thành Tỳ-kheo sẽ đắc quả A-la-hán, còn vợ anh chứng Tam quả. Nếu ở tuổi trung tuần, anh không tiêu phí tài sản và biết làm ăn thì sẽ trở thành đệ nhị chưởng khố thành này; và nếu lìa bỏ thế gian thành Tỳ-kheo sẽ đắc Tam quả, còn vợ anh sẽ đắc Nhị quả. Nếu cuối đời mình, anh mới biết chuyển hướng như đã kể, thì sẽ thành đệ tam chưởng khố, hoặc chứng Nhị quả còn vợ anh chứng Dự-lưu. Nhưng bây giờ anh đã đánh mất hết tài sản thuộc về cư sĩ, cũng như quả vị của đạo. Anh ta không khác gì con cò mắc cạn trong ao. Rồi Phật đọc Pháp Cú: (155) Lúc trẻ không phạm hạnh, Không tìm kiếm tiền bạc, Như cò già bên ao, Ủ rũ, không tôm cá. (156) Lúc trẻ không phạm hạnh, Không tìm kiếm bạc tiền, Như cây cung bị gãy, Thở than những ngày qua.

PHẨM XII: TỰ NGÃ 1. Hoàng Tử Bồ Đề Và Con Chim Thần Nếu biết yêu tự ngã ... Khi ngụ tại Bhesakalàvana, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến hoàng tử Bồ-đề. A. Hoàng Tử, Người Xây Nhà Và Con Chim Thần Hoàng tử Bồ-đề xây dựng một cung điện tên là Sen Đỏ (Kokanađa) không giống bất kỳ cung điện nào trên mặt đất này, giống như đang nổi lên trong hư không. Xong việc ông hỏi người xây nhà: - Anh đã từng xây dựng một cung điện nào giống như thế này ở nơi khác chưa, hay đây là công trình đầu tiên trong đời anh vừa thực hiện xong? Anh thợ đáp đó là đầu tiên. Ý của hoàng tử là muốn cung điện của ông độc nhất vô nhị, do đó tốt nhất là giết chết anh thợ, hoặc cắt cụt tay chân, hoặc móc mắt... Ông gặp người bạn thân nhất là Sanjikàputta nói ý đó. Anh bạn này báo cho anh thợ biết, vì không nỡ để một nghệ nhân có khiếu như thế bị giết chết. Vì thế khi hoàng tử đến hỏi anh thợ đã hoàn tất chưa, anh bảo chưa, và cần thêm một ít gỗ, loại gỗ đã khô hết nhựa, anh sẽ giam mình trong phòng riêng để tập trung làm việc, không ai được phép lai vãng, trừ vợ anh sẽ mang cơm trưa mà thôi. Hoàng tử bằng lòng. Anh thợ bắt đầu đẽo thớ gỗ thành hình chim Kim xí điểu, đủ rộng để chúa anh ta và vợ con. Anh dặn vợ bán hết đồ đạc, quy ra bằng vàng đưa anh cất. Và

khi tác phẩm hoàn tất, anh cùng vợ con chui vào bụng chim, rồi chim cất cánh qua cửa sổ bay mất, mặc dù hoàng tử đã cho lính bao vây kín mít. Anh thợ đến vùng đất ở Hy-mã-lạp-sơn, tạo ra một đô thị bằng thần thông và cư ngụ ở đó. Người ta gọi anh là Vua Ngựa Gỗ. B. Hoàng Tử Chiêu Đãi Đức Phật Hoàng tử quyết định mở hội ăn mừng ngày hoàn tất cung điện và thỉnh mời Thế Tôn. Ông cho bôi trát lên vách đất sét trộn với bốn loại hương thơm, trải đệm và thảm lên sàn nhà từ ngưỡng cửa. Hoàng tử không có con. Trong khi trải đệm và thảm, ông nghĩ thầm rằng nếu ông sẽ được có con trai hay con gái, Thế Tôn sẽ giẫm chân lên thảm. Nhưng sau khi ông đảnh lễ và ba lần thỉnh Phật vào nhà, Ngài từ chối không vào, chỉ đưa mắt nhìn Tôn giả A-nan. Trưởng lão A-nan hiểu ý, bảo cuốn thảm lên. Rồi hoàng tử cung kính dâng Phật cháo và các thức ăn cứng, đảnh lễ Ngài xong ngồi một bên thưa: - Bạch Thế Tôn, con là người hầu trung tín của Thế Tôn. Đã ba lần con tìm nương tựa nơi Thế Tôn. Lần đầu trong thai mẹ, lần thứ hai là đứa bé con, lần thứ ba khi đến tuổi có trí khôn. Vì sao Thế Tôn không chịu bước chân lên đệm và thảm? - Hoàng tử, ngươi nghĩ gì khi trải sàn nhà với vải vóc kia? - Bạch Thế Tôn, con nghĩ nếu số mạng con sẽ có con trai hay con gái, Thế Tôn sẽ đi lên đó. - Vì lẽ đó Ta đã từ chối không bước lên. - Nhưng bạch Thế Tôn, phải chăng số mạng của con là không bao giờ có con trai, con gái?

- Đúng vậy, hoàng tử. - Vì lý do gì, bạch Thế Tôn? - Ở kiếp trước ngươi đã phạm lỗi vô ý, không sáng suốt. - Vào lúc nào, bạch Thế Tôn? Để trả lời, Phật kể: Chuyện quá khứ C. Người Ăn Trứng Chim Hàng trăm người ra biển bị đắm tàu. Tất cả đều lần lượt chết hết, trừ hai vợ chồng bám được một mảnh ván, tấp vào một đảo gần đó. Cả chồng lẫn vợ quá đói và không tìm được cái gì để ăn trong khi chim chóc trên đảo nhiều vô số, nên họ ăn trứng chim luộc trên lò than. Không đủ no, họ ăn luôn những con chim nhỏ. Họ đã ăn như thế từ lúc trẻ, khi đứng tuổi, đến tuổi già. Cả cuộc đời, không một lúc nào họ được sáng suốt. (Hết Chuyện Quá Khứ) Thế Tôn chỉ cho hoàng tử thấy lỗi lầm trong tiền kiếp rồi dạy tiếp: - Hoàng tử, nếu một trong ba thời trẻ, trung niên, già của kiếp trước, ngươi và vợ ngươi sáng suốt thì cũng được một đứa con trai hoặc gái trong kiếp này. Hay ít nhất một trong hai người được sáng suốt thì kiếp này các ngươi đã có con. Hoàng tử, nếu biết quí trọng đời sống của mình, ta phải nhớ giữ sáng suốt cả ba thời trong đời mình. Nếu quên, ít nhất cũng phải được một trong ba. Và Ngài đọc Pháp Cú: (157) Nếu biết yêu tự ngã, Phải khéo bảo vệ mình. Người trí trong ba canh, Phải luôn luôn tỉnh thức. 2. Một Tỳ Kheo Tham Lam Trước hết tự đặt mình... Tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến Trưởng lão Upananda, một hoàng tử dòng họ Thích-ca. Trưởng lão vốn có biệt tài thuyết pháp. Nhưng lạ thay sau khi đã nghe giảng về thiểu dục, ông thản nhiên nhận hết y áo do các Tỳ-kheo khác, vì muốn giữ phạm hạnh, đã cúng cho mình, luôn cả vật dụng họ để lại. Kịp mùa mưa đến sát bên, ông đi về vùng quê. Dừng chân tại một tinh xá, ông thuyết pháp và rất được các Sa-di và tập sự xuất gia ưa chuộng. Họ thỉnh ông ở lại đây suốt mùa mưa. Ông hỏi: - Một Tỳ-kheo ở lại đây suốt mùa mưa sẽ thọ nhận gì? Họ đáp: - Một cái áo khoác ngoài. Trưởng lão không từ hử, để lại đôi giày và đi tiếp đến một tinh xá kế. Khi được mời ở lại, cũng câu hỏi cũ: - Thọ nhận được gì?

Đáp: - Hai áo khoác. Trưởng lão để lại đó cây gậy. Đến tinh xá thứ ba, hỏi: - Thọ nhận được gì? Đáp: - Ba áo khoác. Ngài để lại bình đựng nước. Đến tinh xá thứ tư, hỏi: - Được thọ nhận gì? - Bốn áo khoác. Ngài bèn đáp: - Tốt lắm! Ta ngụ tại đây Rồi Ngài thuyết pháp cho các cư sĩ và Tỳ-kheo ở đó, hay đến nỗi họ dân cúng cho Ngài vô số y áo. Hết hạn lưu trú, Ngài báo tin cho các tinh xá gửi cho Ngài các món đã bỏ lại. Và gom hết tài sản xong, Ngài chất lên một chiếc xe bò lên đường. Bấy giờ ở một tinh xá nọ, có hai Tỳ-kheo vừa thọ nhận hai chiếc áo khoác và một cái mền, Cả hai không biết làm sao để chia cho đúng, nên dừng lại bên đường cãi vã: - Huynh lấy áo đi! Còn cái mền của tôi. Trưởng lão chợt đi ngang, họ liền chận lại: - Bạch Trưởng lão, xin Ngài chia giùm cho đúng, và cho chúng tôi cái thích đáng. Trưởng lão nghiêm mặt hỏi lại: - Quý thầy có tôn trọng quyết định của tôi không? - Dạ vâng. - Tốt lắm. Vậy thì cái mền này chỉ dành cho người nào thuyết pháp đắp, còn hai thầy mỗi vị một cái áo. Và trước vẻ mặt ngơ ngác của hai Tỳ-kheo kia, Trưởng lão vác chiếc mền đắt tiền lên vai đi mất. Ghê tởm và thất vọng, họ đến thưa chuyện với Thế Tôn. Phật bảo không phải lần đầu tiên ông ta lấy đồ của các thầy và làm cho các thầy ghê tởm thất vọng, ở kiếp trước ông ta cũng đã làm như thế. Và Ngài kể: Chuyện Quá Khứ A. Rái Cá Và Chó Rừng Xa xưa, có hai rái cá là Anutìracàrì và Gambhìracàrì bắt được một con cá hồng to, nhưng khi chia chác thì lúng túng và lớn tiếng với nhau: - Cái đầu cá của tôi, phần anh là đuôi cá. Không thể chia đều và vừa ý cho cả hai, nên thấy bóng một con chó rừng, chúng gọi đến nhờ giải quyết:

- Này bác, bác hãy chia con cá này theo bác thấy đúng với lẽ phải, và bác sẽ được thưởng. Chó rừng sửa bộ, ra vẻ trịnh trọng: - Ta được vua chỉ định làm quan tòa. Ta đang phải ngồi tòa xử án hằng mấy giờ liền. Ta ra đây chỉ để giãn chân, bây giờ ta không có thời giờ làm việc đó. - Bác ơi, đừng nói thế. Hãy chia phần và được thưởng. - Các ngươi có tôn trọng quyết định của ta không? - Có chứ, này bác, chúng tôi sẽ tuân theo. - Tốt lắm, vậy thì trong hai bạn, ai bơi dọc theo bờ (Anutìracàrì) sẽ có cái đuôi, ai bơi trong nước sâu (Gambhìracàrì) sẽ có cái đầu, còn khúc giữa thuộc về ta, vì ta là công lý. Nói xong, chó rừng nhặt khúc giữa và chạy biến. Còn bọn rái cá chỉ biết đứng nhìn theo lòng đầy ghê tởm và thất vọng. (Hết Chuyện Quá Khứ) Thế Tôn an ủi hai Tỳ-kheo, và quở trách Upananda: - Các Tỳ-kheo, người muốn dạy bảo người khác trước hết phải điều phục mình cho hợp đạo. Và Ngài đọc Pháp Cú: (158) Trước hết tự đặt mình, Vào những gì thích đáng, Sau mới giáo hóa người, Người trí khỏi bị nhiễm. 3. Hãy Hành Động Theo Lời Nói Hãy tự làm cho mình... Vì chuyện Trưởng lão Padhànika Tissa, mà Thế Tôn dạy câu trên tại Kỳ Viên. Trưởng lão này được Phật cho đề mục thiền quán, rồi dẫn năm trăm Tỳ-kheo vào rừng. Trước hết ông bảo họ: - Này chư huynh! Nhận được đề mục từ đức Phật tại thế rồi, tất cả phải chú tâm thiền quán. Nói xong, ông nằm dài ra và ngủ. Còn các Tỳ-kheo đi kinh hành suốt canh một, và giữa đêm thì vào tinh xá. Ngủ no mắt, Trưởng lão thức dậy đi kiếm các Tỳ-kheo, hỏi họ: - Có phải các ông về đây định để ngủ không? Ra khỏi tinh xá tức khắc! Thiền quán đi! Nói xong, ông lại về chỗ, nằm dài ra và ngủ. Các Tỳ-kheo kia lại đi kinh hành suốt canh giữa, và đến canh cuối họ về tinh xá. Trưởng lão thức dậy, đến kiếm họ, đuổi ra khỏi tinh xá và ông lại trở về nằm ngủ tiếp. Vị Trưởng lão cứ theo nhắc nhở hoài như thế, các Tỳ-kheo

không thể nào chú tâm, dù tụng kinh hay thiền quán, đến nỗi họ muốn quẩn trí. Rốt cuộc họ bảo nhau: - Sư phụ của chúng ta quá nhiệt tình. Hãy theo dõi ông ta xem sao!

Khám phá ra sự thật, họ chỉ biết lắc đầu bảo nhau: - Sư phụ của chúng ta hùng biện rỗng tuếch, chúng ta đành thua thiệt. Quá mệt nhọc vì mất ngủ, không một Tỳ-kheo nào chứng quả. Hết thời hạn ở rừng, mọi người trở về gặp Phật. Sau lời chào mừng thân hữu, Thế Tôn hỏi họ: - Này các Tỳ-kheo! Các ông có chú tâm thiền quán hay không? Hành thiền miên mật không? Họ đành kể hết tự sự. Phật bảo: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Trưởng lão làm nỗ lực tu tập của các ông thất bại. Trước đây ông ta cũng làm như thế. Và thuận theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo Ngài kể chuyện bổn sanh Akàlaràvikukkuta: Chẳng được mẹ cha nuôi dưỡng, Chẳng được dạy dỗ bởi thầy. Gà ta không sao gáy được, Đúng thời, đúng giờ, đúng giấc. Ở kiếp đó, con gà chính là Trưởng lão Padhànika Tissa, năm trăm Tỳ-kheo lúc đó chính là các Sa-di này, và vị thầy nổi tiếng chính là Ta. Phật dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo! Nếu một người răn bảo kẻ khác, trước hết hãy tự điều phục, và tự điều phục mình thì có thể điều phục kẻ khác. Và Ngài đọc Pháp Cú: (159) Hãy tự làm cho mình, Như điều mình dạy người, Khéo tự điều, điều người, Khó thay, tự điều phục! 4. Đừng Ghét Bỏ Cha Mẹ Mình Tự mình y chỉ mình... Câu này Phật dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến bà mẹ của Trưởng lão Kumàra Kassapa. A. Kumaara Kassapa Chào Đời Con gái của chưởng khố thành Vương Xá trước khi đến tuổi khôn lớn đã xin phép đi tu nhiều lần, nhưng không được. Đến tuổi cặp kê bà thành hôn, về sống bên nhà chồng là một gia chủ, làm người vợ trung thành. Chẳng bao lâu bà có mang, nhưng bà và cả người chồng đều không hay biết. Bà xin xuất gia, lần này được chồng thuận, và cũng chính ông dẫn bà đến Ni chúng. Bà được gia nhập Tăng đoàn Ni chúng thuộc phái Đề-bàđạt-đa. Sau một thời gian Ni chúng thấy bà mang thai nên hỏi: - Việc này nghĩa là sao?

Bà đáp: - Thưa quý Ni, con không hiểu ra sao. Nhưng con biết chắc là con vẫn giữ phạm hạnh trong sạch. Họ dẫn bà đến Đề-bà-đạt-đa, và vì sợ bị quở trách, ông ra lệnh trục xuất. Bà liền van xin chư ni: - Quý sư tỷ! Đừng hủy hoại đời con! Con xuất gia không phải theo đề nghị của Tôn giả Đề-bà-đạt-đa. Xin dẫn con đến Thế Tôn ở Kỳ Viên. Thế Tôn biết bà đã mang thai khi còn ở thế gian, và để phản chứng lời buộc tội sai lầm, Ngài triệu tập vua Ba-tư-nặc, Đại và Tiểu Cấp Cô Độc, cư sĩ Tỳ-xá-khư và các nhân vật tai mắt khác, truyền lệnh cho Trưởng lão Ưu-ba-ly: - Ông hãy đến giữa tứ chúng biện hộ cho người đàn bà bị kết tội này. Trưởng lão gọi bà Tỳ-xá-khư đến trước mặt vua giao trách nhiệm. Bà cho treo màn chung quanh thiếu phụ, và khám từ tay, chân, rốn, bụng, đến phần dưới. Rồi đếm tính số tháng và ngày, bà nhận xét thiếu phụ đã có thai khi còn ở thế gian, liền báo tin cho Trưởng lão. Trước tứ chúng Ngài tuyên bố thiếu phụ vô tội và một đứa bé ra đời, mạnh khỏe và to lớn như bà đã cầu xin dưới chân đức Phật Padumuttara. Ngày kia nhà vua đi ngang qua chỗ Ni chúng, nghe tiếng trẻ khóc, dừng chân hỏi chuyện biết được liền mang đứa trẻ về hoàng cung giao các công chúa nuôi nấng. Đến ngày lễ đặt tên, họ đặt là Kassapa, vì được hoàng gia dưỡng dục, nên mọi người gọi là hoàng tử Kassapa, Kumàra Kassapa. Trên sân chơi, một hôm, đứa bé đánh mấy trẻ kia. Chúng la lên: - Tên không cha không mẹ đánh chúng tôi! Kassapa lập tức chạy đến vua hỏi: - Tâu bệ hạ, chúng nó nói con không cha không mẹ, ai là mẹ của con

xin nói cho con biết. Vua chỉ các công chúa bảo: - Các bà mẹ của con đó! Kassapa không chịu cằn nhằn: - Con không có nhiều mẹ như vậy, đúng ra con chỉ có một mẹ thôi, ai vậy? Vua biết không thể dối gạt, nên nói hết sự thật. Kassapa xúc động vô cùng, xin xuất gia ngay. Vua hoan hỷ dẫn đến gặp Phật, và thọ giới xong, chú trở thành Trưởng lão Kassapa. Nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn, Kassapa rút vào rừng. Nhưng nỗ lực hết sức mình vẫn không chứng quả, nên Ngài nghĩ cần trở về để xin Phật đổi đề mục, sau đó đến trú trong núi Andha. (Bấy giờ một Tỳ-kheo từ thời Phật Ca-diếp tự thiền định và chứng Tam quả. Ông tái sanh trên cõi trời Phạm thiên rồi trở lại thế gian, hỏi Kumàra Kassapa mười lăm câu hỏi, với lời nhắn nhủ "không ai khác ngoài Thế Tôn có thể giải đáp câu hỏi này, hãy đi gặp Thế Tôn". Kassapa nghe theo, và khi các câu hỏi được trả lời xong, Trưởng lão chứng A-la-hán).

B. Đừng Ghét Bỏ Cha Mẹ Mình Suốt mười hai năm, kể từ ngày Kassapa lìa bỏ thế tục, bà mẹ ni cô vẫn khóc hết nước mắt vì quá đau khổ xa con. Một hôm đi khất thực, bà thấy Trưởng lão trên đường bèn mừng quá la lên: - Con tôi! Con tôi! Bà chạy đến và té sấp xuống chân Ngài, lăn vòng dưới đất. Sữa từ trong ngực chảy ra ướt hết áo khi bà đứng lên ôm Trưởng lão. Nghĩ rằng nếu nói lời ngọt sẽ không giúp ích gì được cho bà, Kassapa lớn tiếng với bà: - Bà muốn gì đây? Bà không bỏ được tình cảm thế tục sao? Bà mẹ chới với, không ngờ con mình nói với mình như một tên cướp. Bà nén lòng hỏi thêm: - Con yêu quí, con nói gì vậy? Nhưng Kassapa vẫn chỉ lặp lại những lời cộc cằn tàn nhẫn. Sau đó bà hiểu ra rằng chỉ tại vì nó mà bà đã không ngăn được giọt lệ suốt mười hai năm. Nhưng nó quá cứng cỏi đối với bà, tại sao bà còn thương tưởng nó làm gì? Ngay lúc ấy bà cắt đứt cội rễ luyến ái đứa con và chứng quả A-la-hán. Về sau các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Đề-bà-đạt-đa muốn trừ khử Kumàra Kassapa, người có khả năng chứng quả Dự- lưu và cả ni cô mẹ Ngài. Nhưng Thế Tôn đã che chở họ. Lòng từ bi của Phật đối với chúng sanh to lớn biết bao! Phật nghe được liền dạy: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu tiên Ta là chỗ dựa và bênh vực họ. Ở kiếp trước cũng đã như thế. Và Phật kể chuyện Bổn Sanh Nigrodha: Đừng theo nai rẽ đàn Theo nai chúa mà đi. Thà chết bên nai chúa, Hơn sống cạnh nai kia. Ngài đồng nhất các nhân vật như sau: - Ở kiếp đó con nai rẽ đàn dẫn đầu một nhánh phái là Đề-bà-đạt-đa, những con nai trong nhánh phái là đồng nhóm của Đề-bà-đạt-đa, con nai cái đã đạt được sở nguyện là ni cô, con nai tơ là Kumàra Kassapa, và con nai đầu đàn, nai chúa, đã hy sinh mạng sống vì con nai cái và nai tơ, chính là Ta. Sau khi ca tụng ni cô đã cắt ái với con mình, lấy chính mình làm nơi an trú cho mình, Thế Tôn đã dạy thêm: - Này các Tỳ-kheo, bởi vì khi một người đạt được cứu cánh cõi trời hay đạo quả, thì thành quả ấy không thể trở thành sở hữu của người khác, do đó chính mình là nơi nương tựa của mình. Làm sao một người có thể làm nơi nương tựa cho người khác được? Và Ngài đọc Pháp Cú:

(160) Tự mình y chỉ mình, Nào có y chỉ khác. Nhờ khéo điều phục mình, Được y chỉ khó được. 5. Maha Kàla Bị Giết Điều ác tự mình làm... Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên liên quan đến một cư sĩ tên là Mahà Kàla đã đắc quả Dự lưu. Vào ngày thứ tám trong tháng, Mahà Kàla tự mình thọ trì bát quan trai giới, và ở lại tinh xá suốt đêm nghe pháp. Có vài tên trộm sau khi ăn hàng, khua vang đồ đạc làm chủ nhà thức dậy rượt đuổi. Chúng

ném hết của đã lấy rồi phân tán mạnh ai nấy chạy. Một tên lọt vào tinh xá vào lúc sáng sớm, ném món đồ trước mặt Mahà Kàla đang rửa mặt bên bờ ao, rồi chạy mất. Chủ nhà chẳng thấy tên trộm đâu, chỉ thấy cư sĩ với tang vật, hét vào mặt anh: - Té ra anh là người xông vào nhà tôi ăn trộm đấy hẳn! Vậy mà anh làm như suốt đêm đã nghe pháp đấy! Anh không kịp thốt lời nào đã bị đánh tới tấp đến chết. Họ bỏ xác anh trên đường rồi đi mất. Sáng sớm các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di ôm bình rời tinh xá đi lấy nước, thì phát hiện xác chết của cư sĩ. Họ đến thưa chuyện với Thế Tôn: - Cư sĩ đã ở lại suốt đêm để nghe pháp và bị chết thảm như thế, thật ngược với công lao của anh! Phật bảo: - Quả đúng như vậy, này các Tỳ-kheo! Cái chết của Mahà Kàla không chính đáng nếu chỉ xét kiếp hiện tại này. Nhưng so với các nghiệp ác đã gây ở kiếp trước thì không oan uổng. Và Ngài kể: Chuyện quá khứ A. Người Lính Và Người Có Cô Vợ Đẹp Thật xa xưa ở một làng ven biên giới thuộc xứ của vua Ba-la-nại, một băng trộm thường phục kích khách đi đường tại lối vào rừng. Vua phải chốt một người lính tại đó, và tùy thời người lính sẽ hộ tống khách vào rừng rồi trở ra. Ngày kia có hai vợ chồng vào rừng trên chiếc xe nhỏ. Người lính thấy cô vợ quá đẹp nên lọt vào lưới tình. Khi họ xin được hộ tống thì người lính bảo đã quá muộn, phải chờ sáng mai. Khách nài nỉ vì mùa này trời tốt nên xin được đi ngay, nhưng người lính nhất quyết không chịu. Anh ra dấu cho người phụ tá quay đầu xe dù khách phản đối. Rốt cuộc khách phải ở lại trong nhà người lính. Hừng đông người lính gây tiếng động làm như trộm vào nhà. Ngay sau đó viên phụ tá của anh đến báo cáo viên ngọc quí của anh bị trộm mất. Anh tức tốc ra lệnh cho

người gác cổng làng khám xét mọi người ra vào. Sáng sớm khách thắng xe đi ra, bị khám và bị bắt quả tang viên ngọc giấu trong xe, viên ngọc do anh lính lén bỏ vào xe để vu oan. Họ mắng chửi khách không tiếc lời và tặng thêm một trận đòn nên thân, xong dẫn tới xã trưởng. Khách bị xử đánh đến chết, xác bị ném ra xa. Đó là việc làm của cư sĩ kiếp trước. Mạng chung anh bị đọa địa ngục A-tỳ, chịu cực hình khổ sở rất lâu, nhưng vì ác báo chưa dứt nên anh vẫn bị đánh như thế liên tiếp một trăm kiếp. (Hết Chuyện Quá Khứ) Thế Tôn dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo! Trên thế gian này chỉ có chúng sanh phạm điều ác mới bị dày vò khổ não trong bốn kiếp. Và Ngài đọc Pháp Cú: (161) Điều ác tự mình làm, Tự mình sanh mình tạo, Nghiền nát kẻ ngu si, Như kim cương ngọc báu. 6. Đề Bà Đạt Đa Tìm Cách Giết Phật Phá giới quá trầm trọng... Thế Tôn đã dạy như thế ở Trúc Lâm, liên quan đến Đề-bà-đạt-đa. Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Chư huynh, Đề-bà-đạt-đa tập khí độc hại, tánh tình xấu ác, ý muốn quá tàn bạo. Chỉ vì hiểm độc như thế nên luồn cúi ân sủng của A-xà-thế, dâng tặng nhiều lễ vật cho ông ta, xúi giục ông ta giết cha, rồi cùng âm mưu sát hại Phật. Thế Tôn nghe được liền bảo: - Đây không phải là lần đầu, ở kiếp trước ông ta đã từng như vậy. Rồi Ngài kể chuyện Kurùga Miga và chuyện khác trong Bổn Sanh, xong dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo! Khi một người phó mặc tính ác độc của mình thắng lướt mọi ranh giới, để cho ý muốn xấu ác nảy sanh từ tánh ác độc, giống như dây leo bám quanh cây Sa-la, cuối cùng sẽ làm cho cây héo chết, người đó sẽ bị tống vào địa ngục hoặc một cõi giới khổ não nào đó. Và Phật đọc Pháp Cú: (162) Phá giới quá trầm trọng, Như dây leo bám cây, Gieo hại cho tự thân, Như kẻ thù mong ước. 7. Đề-Bà-Đạt-Đa Gây Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn Dễ làm các điều ác... Câu giáo lý này Phật dạy tại Trúc Lâm, do chuyện Đề-bà-đạt-đa. Tôn

giả A-nan một hôm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, sáng nay trên đường vào thành Vương Xá khất thực. Đề-bà-đạtđa gặp con bảo rằng "Kể từ nay, sư đệ A-nan, tôi sẽ trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng, độc lập với Tăng đoàn và Thế Tôn". Hôm nay y sẽ tách Tăng đoàn ra làm hai, tự trai giới và điều hành công việc của Tăng chúng. Nghe vậy, Thế Tôn đọc bài kệ: Điều thiện thật dễ làm Đối với người hiền thiện Người ác không thể kham Những việc làm phước thiện Điều ác thật dễ làm Đối với người dữ ác Người hiền chẳng thể cam Xuống tay làm điều ác. Rồi Ngài bảo: - Này A-nan! Người ta dễ làm điều ác, khó làm điều thiện. Và đọc tiếp Pháp Cú: (163) Dễ làm các điều ác, Dễ làm tự hại mình, Còn việc lành, việc tốt, Thật tối thượng khó làm. 8. Vị Tỳ Kheo Đố Kỵ Kẻ ngu si miệt thị ... Do chuyện Trưởng lão Kàla, Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên. Ở Xá-vệ có một phụ nữ thường hay giúp đỡ Trưởng lão Kàla với lòng tốt của bà mẹ đối với con. Sau khi nghe lời tán tụng đức Phật thuyết pháp thật là vi diệu, thật là thích thú, từ cửa miệng một gia đình láng giềng, bà nói với Trưởng lão cũng muốn đi nghe. Nhưng ông ngăn cản. Lý do thật dễ hiểu, vì ông sợ nghe đức Phật thuyết rồi bà sẽ không cần ông nữa. Nhưng một sáng tinh sương, điểm tâm xong bà tự thọ bát quan trai giới rồi đi đến tinh xá, không quên dặn con gái ráng lo cho Trưởng lão. Nghe tin bà đã ra đi, lửa sân phựt lên dữ dội, thiêu đốt cả tâm can ông. Không quên nổi ý nghĩ bà đã cắt đứt với mình, ông đi thẳng ngay đến tinh xá, thấy bà ngồi trước mặt Phật, ông liền thưa: - Bạch Thế Tôn! Người đàn bà ngu dốt này không thể hiểu nổi bài pháp thâm diệu của Ngài. Chỉ nên giảng cho bà ta bổn phận bố thí cúng dường và trí giới. Nhưng Thế Tôn biết rõ động cơ thúc đẩy ông, nên bảo: - Đừng tự phụ! Vì ác kiến, ông đã phỉ báng giáo pháp của chư Phật. Nhưng như thế ông chỉ tự làm tổn hại mình thôi. Và Ngài đọc Pháp Cú: (164) Kẻ ngu si miệt thị,

Giáo pháp bậc La-hán, Bậc Thánh, bậc Chánh mạng. Chính do ác kiến này, Như quả loại cây lau, Mang quả tự hoại diệt. 9. Cô Gái Giang Hồ Cứu Mạng Một Cư Sĩ Tự mình làm điều ác ... Vì chuyện Culla Kàla, Phật dạy câu trên tại Kỳ Viên. Cũng trong câu chuyện về Mahà Kàla, lúc đó Culla Kàla cũng ở lại suốt đêm nghe pháp, và cũng bị bắt vì gói đồ tên trộm đã liệng trước mặt. Họ cũng túm lấy cư sĩ định đánh, nhưng vài cô gái giang hồ hạng sang đi tắm sông thấy thế, xác nhận cư sĩ này không lấy và xin tha mạng cho ông. Culla Kàla được thả ra, bèn đến tinh xá kể chuyện cho các Tỳ-kheo. Các vị này kể lại cho Phật nghe, và được Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Cư sĩ Culla Kàla được cứu mạng nhờ cả hai mặt, sự can thiệp của các cô gái giang hồ và chính ông ta vô tội. Chúng sanh ở thế gian này do ác nghiệp gây nên, tự mình chịu khổ não ở địa ngục hay cõi giới khổ sở khác. Nhưng người làm điều thiện thì tự mình cứu độ, được lên cõi trời hay Niết-bàn. Và Ngài đọc Pháp Cú: (165) Tự mình, điều ác làm, Tự mình làm ô nhiễm. Tự mình ác không làm, Tự mình làm thanh tịnh. Tịnh, không tịnh, tự mình, Không ai thanh tịnh ai. 10. Tu Tập Chân Chánh Để Tôn Quý Thế Tôn Dầu lợi người bao nhiêu ... Phật đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Attadattha. Sắp nhập Niết-bàn, Phật bảo đệ tử: - Này các Tỳ-kheo, bốn tháng nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn. Bảy trăm Tỳ-kheo chưa chứng quả Dự lưu, quá đỗi xúc động, không hề rời xa Thế Tôn, và thì thầm với nhau không biết nên làm gì. Nhưng Trưởng lão Attadattha thì tự nhủ Phật sắp nhập diệt mà mình chưa hết tham ái, vậy phải phấn đấu hết sức để chứng quả A-

la-hán trong khi Phật còn tại thế. Các Tỳ-kheo ngạc nhiên thấy Trưởng lão tách rời họ, gần như không nói chuyện với họ nữa. Họ không hiểu tại sao nên thưa chuyện với Thế Tôn. Ngài hỏi lại Trưởng lão, biết được sở nguyện nên tán dương ông và dạy các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo! Người nào thành thật quý trọng Ta thì phải như Trưởng lão Attadattha mới được. Thực sự tôn quý Ta không phải là lễ kính Ta với hương hoa. Chỉ có

người hành trì theo pháp từ bậc thấp đến bậc cao nhất mới đúng là tôn quý Ta. Do đó các ông nên theo gương Trưởng lão Attadattha.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(166) Dầu lợi người bao nhiêu,

Chớ quên phần tự lợi.

Nhờ thắng trí tự lợi,

Hãy chuyên tâm lợi mình.

PHẨM XIII: THẾ GIAN 1. Một Thiếu Bữ Chế Giễu Thầy Tỳ Kheo Trẻ. Chớ theo pháp hạ liệt ... Câu pháp này được Thế Tôn nói khi Ngài ở Kỳ Viên, với một Tỳ-kheo trẻ. Tích truyện: Vào sáng sớm, một vị Trưởng lão và một Tỳ-kheo trẻ đi đến nhà bà Visàkhà để nhận phần cúng dường tại đấy, bà luôn luôn cúng bánh và cháo. Vị Trưởng lão sau khi ăn cháo, bèn đi sang nhà khác, để thầy Tỳ-kheo ở lại. Lúc đó, cô cháu gái của bà Visàkhà đang giúp bà ngoại cúng dường các sư. Khi nàng rót nước vào bát cho thầy Tỳ-kheo, thấy gương mặt mình phản chiếu trong nước, nàng mỉm cười; thầy Tỳ-kheo nhìn vào và cũng cười. Cô bé thấy thầy cười, bèn nói: - Một chiếc đầu trọc cười. Thầy nổi xung, mắng lại cô: - Cô là kẻ trọc đầu, má cô, ba cô cũng trọc đầu. Cô bé òa khóc lên, vào bếp mách bà. Bà Visàkhà hỏi: - Chuyện gì thế, cháu cưng? Cô bé kể lại câu chuyện. Bà Visàkhà lập tức đi đến chỗ thầy Tỳ-kheo và thưa: - Bạch Đại Đức, xin Ngài đừng phiền. Ngài hiểu lầm chỗ này. Đó chỉ là biểu hiện sự tôn trọng sâu xa đối với một vị tu sĩ râu tóc cao sạch, tay cầm bình bát nứt bể đi khất thực trong mảnh y vá víu. Thầy Tỳ-kheo đáp nữ thí chủ: - Đúng thế, bà hiểu theo luật, tóc râu.. của tôi đều phải cắt sạch. Nhưng cô bé này có được quyền hỗn láo gọi tôi là "đầu trọc" không? Bà Visàkhà không thể nào khuyên can cả thầy lẫn cháu. Lúc ấy, Trưởng lão trở về và hỏi: - Chuyện gì thế, nữ thí chủ? Sau khi nghe qua câu chuyện, Trưởng lão rầy vị Tỳ-kheo: - Thôi đi! Chú phải bình tĩnh. Không có gì sỉ nhục cho một sư tóc tai cắt sạch, mặc áo và đi khất thực. - Bạch Ngài, đúng vậy. Nhưng tại sao thay vì khiển trách nữ thí chủ, Ngài lại khiển trách con? Ngài nghĩ xem có thích đáng không, khi chế giễu một nhà sư bằng câu nói: "Thầy trọc đầu"?. Vào lúc đó, đức Thế Tôn đi đến, Ngài hỏi: - Chuyện gì vậy? Bà Visàkhà kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đức Thế Tôn nhận biết thầy Tỳ-kheo có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn, Ngài nghĩ thầm "Ta phải tiếp tay thêm để giúp thầy Tỳ-kheo này". Ngài bảo bà Visàkhà:

- Nhưng này, Visàkhà! Có thích đáng cho cháu gái bà không, khi chỉ vì đệ tử Ta đi khất thực với râu tóc nhẵn nhụi, đã chế nhạo và gọi các thầy là đầu trọc? Thầy Tỳ-kheo trẻ lập tức nhảy lên, chắp tay hướng về Thế Tôn với tất cả lòng thành khẩn, nói: - Bạch Thế Tôn! Chỉ có Ngài hiểu đúng vấn đề, mà ngay cả thầy con hay bà thí chủ giàu có này

cũng không hiểu. Đức Phật biết thầy đã hòa dịu, bèn nói: - Thái độ chế giễu, nhạo báng lấy đó làm vui là thái độ thấp hèn không nên có, cũng như không nên sống buông thả phóng dật. Ngài đọc Pháp Cú: (167) Chớ theo pháp hạ liệt, Chớ sống mặc, buông lung, Chớ tin theo tà kiến, Chớ tăng trưởng tục trần. 2. Đức Phật Về Thăm Ca-Tỳ-La-Vệ Nỗ lực, chớ phóng dật ... Câu Pháp Cú này được đức Phật nói ra khi Ngài đang ở Banyan Grove, liên quan tới phụ vương Ngài. Khi đức Phật trở về thành Ca-tỳ-la-vệ lần đầu tiên sau ngày thành đạo, hoàng tộc đến trước đón tiếp Ngài. Vào dịp này, để đánh đổ lòng kiêu ngạo của hoàng gia, Ngài dùng thần thông tạo nên một con đường bằng châu báu ở trên không, Ngài đi qua đi lại ở trên đó, vừa đi vừa thuyết pháp. Mọi người trong hoàng tộc đều sanh lòng tin phục, khởi đầu là vua Tịnh Phạn. Và một trận mưa rơi trên thân tộc, khiến dân chúng bàn tán sôi nổi. Đức Phật nói: - Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu mà trận mưa rơi trên hoàng tộc của Ta, điều này đã xảy ra ở quá khứ. Ngài nói Bổn Sanh Vessantara. Sau khi nghe Ngài thuyết pháp, hoàng tộc đứng dậy ra về, không ai thỉnh mời đấng Đạo sư. Vua Tịnh Phạn cũng nghĩ rằng: "Nếu con ta không về nhà ta thì đi đâu?", nên nhà vua về cung điện, không mời Phật. Tại hoàng cung, nhà vua ra lệnh chuẩn bị thức ăn và tòa ngồi cho hai ngàn Tỳ-kheo. Ngày kế, đức Phật đi vào thành khất thực, Ngài nghĩ thầm: "Khi chư Phật thời quá khứ trở về thành của phụ vương, các Ngài đi thẳng về nhà hay đi khất thực như thường lệ?" Thấy rằng chư Phật đều đi khất thực từng nhà, đức Bổn Sư cũng đi từng nhà xin ăn. Tiếng đồn đến tai vua Tịnh Phạn, nhà vua vừa choàng áo vừa đi đến chỗ Phật phủ phục trước Ngài và nói: - Này con, sao con sỉ nhục cha đến thế? Cha rất hổ thẹn khi thấy con đi xin ăn từng nhà. Chính thành phố này còn không đáng cho con đi xin bằng kiệu vàng nữa là. - Đại vương! Ta không sỉ nhục Đại vương. Ta chỉ giữ đúng theo truyền thống của dòng dõi.

- Nhưng, này con! Truyền thống của dòng họ ta là đi xin ăn từng nhà ư? - Không, đại vương! Đó không phải là truyền thống của Ngài. Đó là truyền thống của Ta, vì hàng nghìn chư Phật đã đi từng nhà để xin ăn. Đức Phật nói Pháp Cú: (168) Nỗ lực, chớ phóng dật! Hãy sống theo chánh hạnh. Người chánh hạnh hưởng lạc, Cả đời này, đời sau. (169) Hãy khéo sống chánh hạnh, Chớ sống theo tà hạnh! Người chánh hạnh hưởng lạc, Cả đời này đời sau. Vào cuối bài pháp, nhà vua chứng quả Dự lưu, cả chúng hội cũng được lợi ích. 3. Năm Trăm Tỳ Kheo Chứng Quả Hãy nhìn như bọt nước ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Bổn sư ở tại Kỳ Viên với năm trăm Tỳ-kheo chứng quả. Có năm trăm Tỳ-kheo nhận đề mục thiền định từ đức Bổn Sư, trở về rừng và nỗ lực thiền định. Nhưng mặc dù gắng sức chiến đấu hết mình, họ không thể nào phát triển tuệ giác. Các thầy nghĩ thầm: "Chúng ta sẽ đổi đề mục khác thích hợp với chúng ta hơn". Các thầy lại chỗ Phật, trên đường đi các thầy thấy một ảo ảnh, tập trung mọi ý niệm về ảo ảnh ấy, các thầy khai mở tuệ giác. Khi bước vào sân tu viện, trời đổ mưa, các thầy đứng đấy nhìn những bọt nước nổi bập bềnh và tan nhanh chóng. Một tư tưởng trỗi dậy: "Tự ngã của chúng ta như bọt nước nổi tan". Lập tức các thầy tập trung tư tưởng vào ý nghĩ này. Đức Bổn Sư đang ngồi trong hương thất, bèn hóa thân đến trước các thầy, nói kệ: (170) Hãy nhìn như bọt nước, Hãy nhìn như cảnh huyễn! Quán nhìn đời như vậy, Thần chết không bắt gặp. Nghe xong, các thầy chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ. 4. Hoàng Tử Vô Úy (Abhaya) Mất Hầu Thiếp Hãy đến nhìn đời này ... Câu chuyện

này xảy ra khi đức Đạo sư ở Trúc Lâm (Veluvana), liên quan tới hoàng tử Vô Úy. Hoàng tử Vô Úy dẹp loạn ở biên giới về, vua cha Tần-bà-sa-la rất vui lòng, ban thưởng cho hoàng tử một vũ nữ trẻ đẹp, giỏi tài múa hát, và cho ở hoàng cung bảy ngày. Trong bảy ngày, hoàng tử say mê ngắm vẻ lộng lẫy của cung điện phụ vương. Ngày thứ tám, chàng vào nhà tắm bên sông, tắm xong vào vườn hoa ngồi xuống, y như tể tướng

Santati ngắm cô vũ nữ nhảy múa, ca hát. Chẳng bao lâu, cũng y như cô vũ nữ của Tể tướng Santati, cô vũ nữ này bị bệnh và chết. Hoàng tử Vô Úy rất buồn vì cái chết của nàng vũ nữ. Bất chợt một ý nghĩ thoáng qua: "Chẳng có ai ngoài đức Thế Tôn có thể làm tiêu tan nỗi buồn của ta". Chàng đi đến chỗ đức Phật và nói: - Bạch Thế Tôn! Xin giải trừ nỗi buồn cho con. Đức Phật an ủi chàng: - Này hoàng tử! Trong vòng luân hồi vô thủy, không thể đếm được bao nhiêu lần vũ nữ kia đã chết, và cũng không lường được nước mắt mà hoàng tử khóc cho cô ấy. Biết hoàng tử đã bớt buồn, đức Phật dạy tiếp: - Này hoàng tử! Không nên sầu não, chỉ có kẻ khờ dại mới chôn mình trong bể ưu bi. Ngài nói kệ: (171) Hãy đến nhìn đời này, Như xe vua lộng lẫy, Người ngu mới tham đắm, Kẻ trí nào đắm say. 5. Thầy Tỳ Kheo Và Cây Chổi Ai sống trước buông lung ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Sammùnjani. Trưởng lão Sammùnjani luôn luôn quét dọn từ sáng đến chiều không kể giờ giấc. Một ngày nọ, người cầm chổi đến thất của Trưởng lão Revata (Ly-bà-đa), thấy vị này vẫn tĩnh tọa như thường lệ. Trưởng lão nghĩ thầm: "Nhà thầy này ăn không ngồi rồi, chỉ nhận thức ăn của thiện tín, rồi trở về ngồi trong thất mình. Sao thầy không cầm lấy chổi, quét dọn ít ra cũng được cái thất của mình?". Trưởng lão Ly-bà-đa nghĩ thầm: "Ta sẽ cho thầy một lời khuyên". Ngài gọi Sammùnjani: - Này huynh, hãy đến đây. - Chuyện gì thế, thưa Tôn giả? - Hãy đi tắm rồi trở lại đây với tôi. Trưởng lão Sammùnjani vâng lời, sau đó đến ngồi một cách kính cẩn bên cạnh Trưởng lão Ly-bà-đa. Ngài Ly-bà-đa nói: - Này huynh! Một vị Tỳ-kheo không phải lúc nào cũng quét dọn. Sáng sớm thầy Tỳ-kheo có thể quét dọn phòng xá, sau đó đi khất thực. Khất thực xong về tinh xá, ngồi tĩnh tọa một phần đêm hoặc một phần ngày, quán tưởng về ba mươi hai vật trong thân, biết rõ thân thể bất tịnh. Vào buổi chiều, thầy có thể xả thiền và quét phòng một lần nữa. Nhưng không bao giờ nên tiêu phí suốt ngày chỉ để quét dọn, hoặc tự cho phép mình có thời gian rảnh rỗi.

Trưởng lão Sammùnjani cẩn trọng vâng lời Tôn giả Ly-bà-đa, chẳng bao lâu chứng A-la-hán. Sau đó, tuy nhiên, khắp các phòng đều đầy rác. Các Tỳ-kheo nói với Sammùnjani: - Thưa huynh! Các phòng đều đầy rác sao thầy không quét đi? - Thưa chư Tôn giả! Trước đây tôi buông lung nên thường quét dọn. Bây giờ tôi đã trở nên tinh cần, nên không quét. Các Tỳ-kheo thuật lại với đức Phật: - Trưởng lão ấy nói một đàng làm một nẻo. Nhưng, đức Phật đáp: - Này các Tỳ-kheo! Thầy ấy nói đúng. Trước kia, trong những ngày phóng dật buông lung, thầy ấy để hết thì giờ trong việc quét dọn. Nhưng bây giờ, thầy dành trọn thời gian trong niềm vui đạo quả, và không quét dọn nữa. Thế Tôn nói kệ: (172) Ai sống trước buông lung, Sau sống không phóng dật, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che. 6. Câu Chuyện Của Chỉ Man Ai dùng các hạnh lành ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên hệ đến Trưởng lão Chỉ Man (Angulimàla tức Ương-quật-ma-la). Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ở tại nước

Xá-vệ, tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Bấy giờ trong nước của vua Ba-tư-nặc (Pasennadi) có một tên sát nhân đeo chuỗi tay người - Vô Não. Hắn ta rất hung bạo đẫm máu, chỉ giết chóc phá hoại, không thương xót ai cả. Hắn tàn phá làng nào làng ấy không sống sót, đi qua đô thị nào đô thị ấy hoang mạc, đã giết khu vực nào khu vực ấy không tồn tại. Hắn giết hết người này sang người khác, làm một xâu chuỗi bằng ngón tay các nạn nhân. Vào một buổi sáng, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi khất thực Ngài trở về dùng buổi sáng, dọn dẹp phòng xá, rồi mang y bát vào khởi sự đi về con đường tướng cướp Chỉ Man đang ẩn núp. Các kẻ chăn bò, chăn trâu, nông dân chạy đến, thấy Thế Tôn đi về hướng ấy đã kêu lên: - Này Sa-môn! Đừng đi hướng đó. Về phía đó có tên sát nhân Ương-quật-ma-la đang ẩn núp. Hắn ta tàn bạo, tay đẫm máu, giết chóc tàn phá không nương tay. Hắn đến đâu là ở đó không còn sự sống. Hắn giết người, làm thành một xâu chuỗi bằng ngón tay nạn nhân đeo trên cổ. Sa-môn ơi! Thỉnh thoảng có từng nhóm mười người, hai mươi, ba mươi, bốn mươi người đi chung với nhau trên đường này, và tất cả đều chết bởi tay Ương-quật-ma-la. Mặc cho họ lo lắng, đức Thế Tôn tiếp tục đi trong im lặng. Lần thứ hai, lần thứ ba khẩn khoản yêu cầu Ngài đừng đi, nhưng đức Thế Tôn vẫn im lặng đi tiếp.

Ương-quật-ma-la nhìn thấy Thế Tôn đi từ xa. Hắn nghĩ thầm: "Thật lạ lùng! Thật kỳ đặc! Đã từ lâu người đi đường thường tụ tập thành từng nhóm mười người hoặc hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người đi chung với nhau trên con đường này. Vậy mà giờ đây chỉ có một Sa-môn đi một mình, không bạn đồng hành, như thể ông ta đang thắng trận. Được thôi, ta giết Sa-môn này". Ương-quật-ma-la xách gươm, nai nịt cung tên, chạy theo sau Thế Tôn. Do thần lực của Phật, nên mặc dù hắn chạy hết tốc lực, Thế Tôn đi bình thường, hắn vẫn không sao bắt kịp đức Phật. Hắn suy nghĩ: "Thật phi thường! Thật lạ lùng! Ta đã từng nắm đứng cả voi, ngựa, xe cộ, nai rừng khi chúng đang chạy. Vậy mà với Sa-môn đang đi thong thả kia, ta chạy hết sức mình vẫn không bắt kịp". Hắn dừng lại kêu lớn: - Sa-môn! Dừng lại! Hãy dừng lại, Sa-môn! - Ta đã dừng. Ương-quật, ngươi cũng nên dừng lại. Ương-quật nghĩ thầm: "Thái tử dòng họ Thích nói thật, phát ngôn thành thật, nhưng Sa-môn này nói đã dừng trong khi đang đi. Ta phải hỏi ông mới được". Ương-quật nói kệ: Sa-môn! Mặc dù đang đi, ông nói: "Ta đã dừng". Còn tôi đang đứng, ông lại nói: "Ngươi chưa dừng". Giờ đây, tôi xin hỏi câu này nhé! Vì sao ông đã đứng mà tôi đang đi? Thế Tôn trả lời: - Này Ương-quật! Ta đứng lại từ lâu. Vì Ta thường tự ái với mọi người. Còn người không chút xót thương ai. Và vì thế đã đứng còng ngươi chưa đứng, Ương-quật! - Từ lâu tôi tôn kính Ngài, bậc trí tuệ phi thường, đại ẩn sĩ rừng sâu. Giờ đay được nghe lời chỉ dạy, tôi sẽ từ bỏ mọi hành động ác xấu. Nói xong, tên sát nhân ném khí giới xuống hố, phủ phục dưới chân Thế Tôn xin được làm đệ tử Ngài. Đức Phật từ bi, đấng trí tuệ đệ nhất, bậc thầy của trời người, nói với tên sát nhân: - Thiện lai, Tỳ-kheo! Và chỉ như thế, đã biến y thành một Sa-môn. Sau đó, Thế Tôn đi về thành Xá-vệ, có Thượng tọa Ương-quật làm thị giả, Ngài đi vào tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Khi ấy trước hoàng cung của vua Ba-tư-nặc (Pasenadi), dân chúng tụ tập đông đảo và hô hoán: - Muôn tâu Hoàng thượng! Có một tên sát nhân trong lãnh thổ của đại vương tên Ương-quật-ma-la. Hắn khát máu, tàn bạo, giết người không gớm

tay. Hắn đi qua làng mạc, đô thị, phố xá nào, nơi ấy không ai sống sót. Hắn giết người, lấy ngón tay kết thành chuỗi đeo cổ. Xin đại vương trừng trị hắn.

Sáng sớm, vua Ba-tư-nặc rời hoàng cung với năm trăm xa mã, đi về phía tinh xá. Nhà vua đi xe trên khoảng đường có thể đi xe, xuống xa đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi nhà vua cúi chào Phật và cung kính ngồi một bên. Thế Tôn hỏi: - Đại vương có điều gì phiền nhiễu? Vua Tần-bà-sa-la của nước ma-kiệt khiêu chiến chăng? Hay các hoàng tử Licchavi của Tỳ-xá-ly gây hấn? Hay vài kẻ cựu thù khác? - Bạch đức Thế Tôn! Không, vua Tần-bà-sa-la chẳng khiêu khích con. Nhóm Licchavi cũng không. Chẳng có kẻ thù nào khác. Bạch Thế Tôn, có một tên sát nhân tên Ương-quật-ma-la trong nước con. Hắn tàn bạo, khát máu, tàn phá mọi đô thị, làng mạc, hắn đeo xâu chuỗi tay người. Và con không thể nào trừng trị hắn. - Này đại vương! Giả sử đại vương thấy Ương-quậ với râu tóc cạo sạch, khoác y vàng từ bỏ đời sống gia đình sống đời không gia đình, không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối, chỉ ăn ngày một bữa, sống đời Phạm hạnh, đạo đức chân thật. Khi ấy nhà vua sẽ đối xử với y như thế nào? - Bạch Thế Tôn! Con sẽ cúi chào người ấy, con sẽ đứng dậy và mời ngồi, con sẽ xin được cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, thuốc men cho vị ấy. Con sẽ bảo vệ, ủng hộ vị ấy tu hành với chánh pháp. Nhưng, bạch Thế Tôn! Làm sao một người cực ác như thế lại có thể hoàn toàn vâng theo những tín hiệu luân lý? Khi ấy, Thượng tọa Ương-quật-ma-la ngồi cách Phật không xa. Và đức Phật đưa tay chỉ cho nhà vua. - Đại vương, Ương-quật-ma-la đây! Vua Ba-tư-nặc run lên vì sợ, chân tay lập cập, tóc dựng đứng. Đức Thế Tôn thấy thế khuyên nhà vua: - Đừng sợ hãi, đại vương! Đừng sợ hãi! Đại vương không có gì phải sợ cả. Ngay lúc đó, nhà vua lấy lại bình tĩnh, cơn xúc động lắng xuống, nhà vua đến chỗ Thượng tọa Ương-quật-ma-la, hỏi thăm: - Bạch Đại đức, có phải Ngài là Ương-quật-ma-la? - Thưa vâng! -Xin được phép biết tôn danh của thân phụ và thân mẫu Ngài? - Đại vương! Thân phụ tôi họ Gagga, thân mẫu tôi họ Mantànì. - Bạch đại đức! Vinh hạnh thay cho Thượng tọa dòng Gagga cao quý, con trai của Mantànì. Trẫm sẽ tận tình cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, thuốc men cho Ngài. Nhưng khi ấy, Thượng tọa Ương-quật-ma-la đã tuân theo các điều kiện khổ hạnh như: ở trong rừng, đi khất thực, mặc y phấn tảo, chỉ giữ ba y nên trả lời: - Đại vương! Ba y tôi đã đủ. Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, kính cẩn ngồi một bên, và thưa: - Bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu. Thế Tôn điều phục người không thể điều phục, trấn an kẻ dấy loạn, chế ngự kẻ không thể chế ngự. Thế Tôn điều phục không cần đến roi gậy, gươm đao với những kẻ mà nếu chúng con có dùng đến roi gậy, gươm đao cũng không

thể chế ngự nổi. Bạch Thế Tôn! Bây giờ con phải về, có những việc phải làm, phải lưu tâm. - Đại vương cứ tùy nghi. Vua Ba-tư-nặc đứng lên lễ Phật, đi nhiễu quanh và trở về. Một buổi sáng, Thượng tọa Ương-quật-ma-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Và khi Thượng tọa đi theo thường lệ từ nhà này sang nhà khác, Ngài thấy một bà mẹ đang đau đớn vì sắp sinh. Thấy thế, Ngài nghĩ thầm: "Ôi! Chúng sanh đau khổ xiết bao". Khất thực xong, Thượng tọa trở về, ăn sáng xong, đi đến chỗ đức Phật đảnh lễ và ngồi một bên thưa: - Bạch Thế Tôn! Sáng nay, con đi khất thực trong thành Xá-vệ như thường lệ, và trông thấy một thiếu phụ đau đớn vì sanh khó. Khi trông thấy cảnh ấy, con nghĩ thầm: "Chao ôi! Chúng sanh đau khổ xiết bao!". - Được rồi, này

Ương-quật-ma-la, hãy trở vào thành Xá-vệ, đến chỗ thiếu phụ ấy và nói rằng: "Này cô! Từ khi tôi sanh ra, tôi không có ác tâm giết hại đối với bất cứ chúng sanh nào. Nếu điều này đúng sự thật, xin an lành đến với cô và đứa bé sắp sanh". - Nhưng, bạch Thế Tôn! Đó là điều cố ý nói dối, vì con đã cố ý giết hại bao nhiêu chúng sanh. - Thôi, Ương-quật-ma-la hãy đến nói thế này: "Này cô, từ khi tôi sanh vào dòng Thánh, tôi không cố ý giết hại bất cứ người nào. Nếu điều này đúng sự thật xin an lành đến với cô, an lành cho đứa bé sắp sinh". - Thưa vâng. Thượng tọa Ương-quật-ma-la vâng lời Thế Tôn, trở vào thành Xá-vệ, đến nói với thiếu phụ....lập tức nàng được an ổn, đứa trẻ chào đời an ổn. Thượng tọa Ương-quật-ma-la sống độc cư, rút lui khỏi thế gian, chuyên tâm quyết ý và chẳng bao lâu ngay đời này, tôn giả an trú trong trí tuệ, đạt được Minh sát tuệ, và đạt được mục đích tối cao của dòng Thánh, đó cũng là mục đích của những người trẻ tuổi từ bỏ cuộc đời, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Tôn giả tuyên bố: "Đời này là đời cuối, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, ta không còn trở lại đời này". Thượng tọa đã chứng A-la-hán. Vào một buổi sáng, Tôn giả Ương-quật-ma-la đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thấy Tôn giả, người thì ném đất, kẻ ném gậy kẻ ném đá, đánh đập Tôn giả. Tôn giả trở về, đầu vỡ, máu chảy, bát bể, y áo rách tả tơi, đi đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn trông thấy từ xa, an ủi: - Hãy nhẫn Bà-la-môn, hãy nhẫn Bà-la-môn, ngươi đang chịu đau khổ hiện tại vì quả báo của những hành động ác, thay vì chịu đau đớn ở địa ngục trong nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm. Giờ đây, Tôn giả Ương-quật-ma-la sống một mình tu ẩn, hưởng niềm vui an lạc của giải thoát.

Tôn giả nói kệ:
(172) Ai sống trước buông lưng
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.
(173) Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.
(382) Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.
Người thù của ta, hãy lắng nghe giáo lý.
Người thù của ta, hãy quy y theo Phật.
Người thù của ta, hãy vun bồi người tốt,
Người chỉ tân hành giáo pháp của Phật.
Người thù của ta, hãy nghe giáo lý
Của người giảng hạnh nhẫn nhục,

Của người ca ngợi lòng vị tha không ác ý,
Và khi đến thời hãy tuân theo giáo lý ấy.
Người như thế không hại mình, hại người.
Người ấy sẽ đạt được Niết-bàn
Và che chở cho mọi chúng sanh.
(80) Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.
Có người chỉ thị được bằng roi, câu móc, gậy gộc.
Đức Phật dạy ta không bằng roi hay gươm.
Ngày xưa tên ta là "Sát nhân",
Nhưng nay ta tê "Bất hại".
Ngày xưa ta tên Ương-quật, kẻ giết người.
Được sanh vào dòng Thánh ta quy y theo Phật.
Ngày xưa ta tên Ương-quật, tay đẫm máu.
Tỉnh ra! Ta quy y Phật,
Mắt trí tuệ sáng ngời.
Làm điều ác rơi vào địa ngục,
Ta đã chịu quả ấy.
Giờ trả nợ xong, ta hưởng quả của ta.
(26) Chúng ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.
(27) Chớ sống đời phóng dật.
Chớ say mê dục lạc.
Không phóng dật, thiền định,
Đạt được an lạc lớn.
Cung kính, không thất lễ là lời dạy ta vâng theo,
Ta chẳng phải được chỉ dạy điều dở.
Ta đã bước vào hoàn cảnh tốt đẹp nhất,
Trong tất cả hoàn cảnh đã trải qua.
Ta đã chứng Tam minh,
Ta đã giữ giới Phật dạy.
Khi Tôn giả Ương-quật-ma-la nói xong kệ, Ngài nhập Niết-bàn Vô dư. Các thầy Tỳ-kheo tụ tập ở Pháp đường bàn tán:
- Chư hiền, Trưởng lão ấy sanh về đâu?
Khi ấy, đức Thế Tôn đi đến, Ngài hỏi:

- Các Tỳ-kheo! Các ông ở đây bàn tán về chuyện gì?
- Bạch Thế Tôn! Chúng con đang bàn về nơi tái sanh của Trưởng lão Ương-quật-ma-la.
- Ông ấy đã vào Niết-bàn.
- Bạch Thế Tôn! Thế ư? Vào Niết-bàn sau khi đã giết hết chừng ấy người?
- Đúng thế! Này các Tỳ-kheo! Trước đây, thiếu người hướng dẫn sáng suốt, ông ấy gây nên tội lỗi. Nhưng sau đó, khi ông ấy vâng theo sự chỉ dạy của bậc minh sư, ông sống rất chánh niệm. Vì thế, ông ấy xóa tan hành động ác quá khứ bằng việc lành.

Thế Tôn nói kệ:

(173) Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

7. Cô Bé Dệt Vải.

Đời này thật mù quáng ...

Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tinh xá Aggàlava liên quan đến một cô bé thợ dệt.

Một hôm, đức phật đi đến Alavi. Dân chúng Alavi thỉnh phật thọ trai. Thọ trai xong, đức Phật dạy một bài pháp ngắn:

"Hãy quán niệm về sự chết, các người hãy tự nhủ rằng: đời sống của ta mong manh. Cái chết của ta là điều cố nhiên. Chắc chắn ta sẽ chết. Cái chết sẽ chấm dứt đời ta. Đời sống không cố định, cố định là cái chết. Ai không quán niệm về sự chết, sẽ sợ hãi khi giờ lâm chung đến, và sẽ chết trong sợ hãi kinh hoàng, như một người đi đường gặp rắn, không có gậy trong tay, run rầy dường nào. Còn người có quán niệm về sự chết, sẽ không sợ hãi trong giây phút cuối của cuộc đời, và như một người gan dạ thấy rắn từ xa, đã cầm gẫy hất nó đi. Vì thế, hãy quán niệm về sự chết". Mọi người nghe xong lại trở về đời sống bình thường. Chỉ có một cô bé thợ dệt mười sáu tuổi tự nhủ "Lời dạy của đức Phật thật kỳ diệu, phần ta, ta sẽ quán niệm về sự chết". Và cô bé quán niệm suốt cả ngày đêm. Đức Thế Tôn rời Alavi đến Kỳ Viên. Cô bé cũng tiếp tục quán niệm về sự chết trong ba năm. Vào một ngày, sáng sớm Thế Tôn quán sán thế gian, Ngài nhìn thấy cô bé xuất hiện trong tầm quan sát của Ngài. Ngài tự hỏi "Những gì sẽ xảy ra?" Ngài chú ý đến sữ diễn tiến tiếp theo: "Từ ngày cô bé này nghe Ta nói Pháp, đã thực hành quán niệm về sự chết troing ba năm. Bây giờ, Ta sẽ đế Alavi và hỏi cô bé ấy bốn câu, Ta sẽ khen cô bé, và Ta sẽ nói Pháp Cú: Đời này thật mù quáng. Nghe xong cô bé ấy sẽ chứng quả. Nhờ vậy, thính chúng sẽ thâm hiểu lời dạy của Ta. Thế là Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo lên đường đến tinh xá Aggàlava. Dân chúng Alavi nghe tin Thế Tôn đến, họ vào tinh xá thỉnh Phật thọ trai. Cô bé con người thợ dệt cũng nghe tin ấy, tràn đầy hân hoan. Cô nghĩ: "Thế Tôn đã đến, bậc từ phục của ta, bậc đạo sư, bậc thầy quý kính dung mạo như trăng rằm, đức Cồ-đàm Phật- đà". Cô tự nhủ "Bây giờ, lần đầu trong ba năm nay, ta mới gặp Thế Tôn, người thân sắc vàng chói, giờ đây ta được đảnh lễ thân kim sắc của Ngài, và nghe Ngài giảng pháp vi diệu thấm đầy mật ngọt". Nhưng cha cô trước khi đến xưởng dệt, đã dặn cô: - Này con, trên khung cửi của cha còn một khổ vải chưa

dệt xong, cha phải dệt xong hôm nay. Con hãy quấn chỉ vào thoi cho đầy và mang gấp đến cha. Cô gái nghĩ thầm: "Ta rất mong được nghe đức Phật thuyết pháp, nhưng cha ta đã căn dặn như thế. Ta sẽ đi nghe pháp hay đánh sợi cho cha ta?" Cô nghĩ tiếp: "Nếu ta không mang thoi đến, cha ta sẽ đánh ta. Vậy thì phải đánh sợi cho đầy mấy con thoi, đem đến cho ông, đợi dịp khác đi nghe pháp". Cô ngồi vào ghế và đánh sợi. Dân chúng Alavi đợi chờ Thế Tôn, cúng dường thức ăn, sau khi ăn xong họ dọn bát và nghe Ngài chỉ dạy. Đức Thế Tôn tự nhủ: "Ta đến đây qua một khoảng đường ba mươi dặm chỉ vì một cô bé, cô ấy chưa có mặt. Khi cô ấy đến, Ta sẽ giảng pháp". Vì thế, Ngài ngồi im, thính chúng cũng lặng yên đợi chờ (Khi đức Phật làm thinh, không có người hay trời nào dám thốt ra một câu). Cô bé đã đánh thoi xong, bỏ vào giỏ và đem đến xưởng dệt cho cha. Trên đường đi, cô đứng lại ngoài vòng thính chúng và chăm chú nhìn Đức Phật. Thế Tôn cũng nhìn

thấy cô, và cô hiểu ý Ngài: "Đức Bổn sư ngồi trong pháp hội, tỏ dấu nhìn ta với ý muốn ta đến gần, Ngài muốn ta đến nghe pháp vào ngay lúc này". (Vì sao đức Thế Tôn chú ý cô bé? Vì Ngài biết rằng nếu cô bé đi tiếp cô sẽ chết khi chưa xong việc, kiếp sau của cô sẽ không biết ra sao. Nhưng nếu cô bé đến nghe pháp, cô sẽ chứng quả Dự lưu và chắc chắn sẽ tái sanh lên cõi trời Đâu-suất. Ngài biết cô bé phải chết ngày hôm nay). Với dấu hiệu của cái nhìn đức Phật, cô đến gần Thế Tôn chiêm ngưỡng vầng hào quang sáu sắc chung quanh thân Phật, cung kính đảnh lễ và kính cẩn đến gần Thế Tôn, cô ngồi vào chỗ một cách im lặng với thính chúng chung quanh. Đức Thế Tôn hỏi cô: - Con từ đâu đến đây? - Bạch Thế Tôn! Con không biết. - Con sẽ đi đến đâu? - Bạch Thế Tôn! Con không biết. - Con biết hay không biết? - Bạch Thế Tôn! Con biết. - Con không biết phải chăng? - Bạch Thế Tôn! Con không biết. Sau bốn câu hỏi của Phật, thính chúng nổi giận xì xào: "Coi kìa! Con bé, con lão thợ dệt nói như đùa với Thế Tôn. Khi Ngài hỏi từ đâu đến nó phải đáp: "Từ nhà thợ dệt" chứ. Và khi Ngài hỏi đi đâu, nói phải thưa là: "Đi đến xưởng dệt, mới phải chứ". Thế Tôn bảo thính chúng im lặng, Ngài hỏi cô bé: - Này con! Khi Ta hỏi con từ đâu đến, vì sao con trả lời không biết? - Bạch Thế Tôn! Ngài cũng biết rằng con từ nhà cha con là người thợ dệt đến đây. Vì thế khi Ngài hỏi con từ đâu đến, con hiểu rằng ý của câu ấy là con từ đâu sinh ra đây. Nhưng con chẳng biết con từ đâu sinh đến nơi này. Phật khen ngợi: - Lành thay! Lành thay! Này con, con đã trả lời đúng câu hỏi của ta. Ngài hỏi tiếp: - Khi Ta hỏi con đi về đâu, vì sao con trả lời không biết? - Bạch Thế Tôn! Ngài cũng biết con đến xưởng dệt với giỏ thoi trên tay. Nên khi Ngài hỏi con đi đâu, con hiểu ý của câu ấy là khi rời nơi đây con tái sinh về đâu. Nhưng với con, sau khi chết con chưa biết sinh về đâu. - Con trả lời đúng câu hỏi của Ta. Đức Phật khen cô lần thứ hai, và hỏi tiếp: - Khi Ta hỏi, con biết hay không, vì sao con trả lời con biết? - Bạch Thế Tôn! Vì con biết rằng chắc chắn con sẽ chết, nên con đáp như thế. - Con đã trả lời đúng câu hỏi của Ta. Đức Phật khen cô lần thứ ba, hỏi tiếp: - Vì sao khi Ta hỏi con không biết hay chăng, con trả lời rằng không biết?

- Bạch Thế Tôn! Điều con biết chắc là con sẽ chết, nhưng chết vào lúc nào, vào ban đêm hay ban ngày, vào buổi sáng hay bất cứ khi nào, con không thể biết, nên con trả lời không biết. Đức Phật khen ngợi lần thứ tư. - Con đã trả lời đúng câu hỏi của Ta. Ngài dạy thính chúng: - Các người không hiểu ý câu nói của cô bé, nên nổi giận. Với người

không có tuệ nhãn, họ đui mù, chỉ người nào có tuệ nhãn mới thấy được điều này. Ngài nói kệ: (174) Đời này thật mù quáng, Ít kẻ thấy rõ ràng. Như chim thoát khỏi lưới, Rất ít đi thiên giới. Cuối thời pháp cô bé chứng quả Dự lưu. Cô cầm giỏ thoi đi đến chỗ cha mình. Ông đang ngồi ngủ bên khung cửi. Không biết cha đang ngủ cô đưa giỏ thoi vào. Giỏ thoi chạm nhằm đầu khung cửi gây nên tiếng động, cha cô choàng dậy tiếp tục kéo cửi, đầu khung văng mạnh vào ngực cô bé cô ngã ra chết, sanh lên cõi trời Đâu-suất. Cha cô giật mình thấy con gái mình nằm sóng sượt, đầy máu và đã chết. Ông kinh hoàng than khóc: - Không có ai cứu khổ cho ta. Ông đi đến chỗ Phật kể lại mọi việc và nói: - Bạch Thế Tôn, xin cứu con. Đức Phật an ủi: - Chớ ưu sầu, này thiện nam tử! Trong vòng luân hồi vô tận, người đã từng khóc con nước mắt nhiều hơn nước bốn bể. Đức Phật nói về vòng luân hồi vô tận, người thợ dệt nghe xong, bớt đau buồn, xin Phật được xuất gia. Ông làm tròn bổn phận của một tu sĩ và chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán. * 8. Ba Mươi Vị Tỳ Kheo Như chim thiên nga bay ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, có liên quan đến ba mươi vị Tỳ-kheo. Một hôm, có ba mươi vị Tỳ-kheo sống ở các xứ khác đến thăm đức Phật. Tôn giả A-nan trông thấy các vị ấy đến khi đang chuẩn bị vào hầu phật. A-nam nghĩ thầm: "Ta sẽ đợi đức Thế Tôn tiếp đón các Tỳ-kheo này, sau đó ta mới vào hầu", và Tôn giả đợi ngoài cửa.

Phật đón tiếp các Tỳ-kheo, thuyết pháp một cách hoan hỷ cho các vị. Sau đó, tất cả chứng quả A-la-hán. Các vị từ giã Phật, bay lên hư không. Các Tỳ-kheo đi rồi, A-nan đến chỗ Phật, hỏi: - Bạch Thế Tôn, có ba mươi Tỳ-kheo đến đây, họ ở đâu? - Đã đi. - Bạch Thế Tôn, họ đi đường nào? - Họ bay qua hư không. - Bạch Thế Tôn, như vậy họ đã thoát khỏi sinh tử? - Đúng thế! Này A-nan! Sau khi nghe Ta nói pháp, họ đã chứng A-la-hán. Lúc ấy, có một vài con thiên nga bay liệng trên không. Đức Phật nói: - Này A-nan! Ai phát triển đầy đủ thần túc, người ấy bay lượn như thiên nga. Ngài nói kệ: (175) Như chim thiên nga bay, Thần thông liện giữa trời, Chiến thắng ma, ma quân, Kẻ trí thoát đời này. 9. Chiến-Già Vu Khống Phật. Ai vi phạm một pháp ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Chiến-già Ma-na (Cincà Mànavikà). Sau khi Phật thành đạo, vô số chư thiên và loài người quy y theo đấng Thập Lực, cõi trời, cõi người tăng trưởng. Đức hạnh Ngài lan xa, danh dự và lợi dưỡng càng đổ dồn về Ngài. Về phía các ngoại đạo, họ bị mất dần danh dự, lợi dưỡng, như con đom đóm mất ánh sáng dưới ánh mặt trời. Họ tập trung trên đường, kêu gọi: - Chỉ có Cồ-đàm là Phật thôi sao? Chúng tôi cũng là Phật. Chỉ có cúng dường ông ấy mới đem lại nhiều phước báo thôi sao? Cúng dường chúng tôi cũng đem lại nhiều phước báo vậy. Nêu cúng dường chúng tôi nhiều phẩm vật như thế. Nên cúng dường chúng tôi, nên xưng tán chúng tôi. Nhưng mặc tình họ kêu gọi, cũng chẳng được danh dự và lợi dưỡng. Họ bèn bí mật nhóm họp và bàn định "Chúng ta tìm cách bêu xấu Cồ Đàm trước mọi người, để chấm dứt sự cúng dường, tôn vinh y". Lúc ấy, tại Xá-vệ có một du sĩ ni tên Chiến-già. Nàng rất đẹp, dễ thương, như một tiên nương, toàn thân sáng chói. Một người trong bọn ngoại đạo, bèn đưa kế hoạch "Với Chiến già, chúng ta có thể bêu xấu Sa-môn Cồ-Đàm, và chấm dứt mọi sự cúng dường cung kính đối với ông ấy". "Kế hoạch ấy được lắm", cả bọn tán đồng. Chiến-già đi vào tu viện ngoại đạo, chào hỏi và đứng chờ, nhưng các thầy không nói gì với cô. Cô hỏi: - Các thầy thấy tôi có lỗi gì?

Cô hỏi ba lần, và lặp lại: - Các Tôn Trưởng, tôi chỉ hỏi một câu. Thưa các Tôn trưởng, tôi có lỗi gì? Sao các vị không nói với tôi? Các ngoại đạo trả lời: - Này chị, chị có biết Sa-môn Cồ-Đàm? Người đạ làm tổn hại chúng ta, đoạt mất danh dự và lợi dưỡng của chúng ta? - Không, thưa các Tôn trưởng, tôi không biết ông ấy. Nhưng tôi có thể giúp được gì trong việc này? - Nếu chị muốn chúng ta thắng lợi, hãy tìm cách bêu xấu Sa-môn Cồ-Đàm, và làm chấm dứt danh dự, lợi dưỡng của ông ấy. - Được thôi, tôi sẽ làm mọi cách có thể được, đừng lo gì về việc này. Chiến-già nói xong bèn khởi sự. Cô vận dụng mọi khéo léo của một người đàn bà để đạt mục đích. Khi dân chúng thành Xá-vệ nghe pháp ở Kỳ Viên trở về, cô mặc một chiếc áo choàng màu cánh gián, mang hương hoa đi về phía tinh xá Kỳ Viên. Một người hỏi: - Cô đi đâu vào giờ này? Chiến-già đáp: - Tôi đi đâu thì có can dự gì đến các người. Cô trú đêm tại một tu viện ngoại đạo gần tinh xá, và sáng sớm, khi mọi người chuẩn bị đi đến tinh xá thăm Phật buổi sáng, cô sẽ trở lui ngược chiều, vào thành phố. Mọi người hỏi: - Ban đêm cô ở đâu? - Tôi ở đâu thì có can dự gì đến các người? Khoảng một tháng rưỡi, khi có ai hỏi, cô đều đáp: - Ban đêm tôi ở trong hương thất Cô-Đàm, chỉ một mình. Bằng cách ấy, cô gái khêu gợi sự nghi ngờ trong lòng những người dễ tin, và họ bàn tán với nhau "Điều đó đúng hay không?" Khoảng ba bốn tháng, cô thắt ngay lưng một sợi dây nịt, tạo cảm tưởng rằng mình đang mang thai, cô mặc một chiếc áo đỏ, đi đâu cũng nói "Tôi sắp có con với Sa-môn Cồ-Đàm". Bằng cách ấy, cô lừa những kẻ ngu. Tám, chín tháng trôi qua, cô cột một cái dĩa gỗ trước bụng, mặc áo choàng phủ lên, làm cả người có vẻ mập mạp xồ xề bằng cách lấy xương đập lên tay, chân, lưng, và ra vẻ mệt mỏi. Chiều nọ, cô đến Pháp đường đứng trước đức Như Lai. Ở đấy trong vầng hào quang chói ngời, Ngài đang thuyết pháp. Chiến-già đứng đó, mở miệng chửi rủa Thế Tôn. - Này Sa-môn vĩ đại, quanh pháp tòa đám đông tụ tập nghe ông thuyết pháp cũng thật là vĩ đại, âm thanh ngọt ngào, miệng lưỡi ông mềm dẻo. Tuy nhiên, ông chính là người làm tôi mang thai và ngày sanh sắp đến. Ông không cố gắng tìm một chỗ cho tôi nằm, không cung cấp mật, dầu và những thứ tôi cần. Ông không làm tròn bổn phận, cũng không nói với những người hằng cúng dường ông như vua Ba-tư-nặc, hay Cấp Cô Độc hay bà Tỳ-xá-khư nữ thí chủ vĩ đại của ông, rằng "Hãy làm cho thiếu phụ này những gì

cần cho cô ấy". Ông biết rất rõ cách hưởng dục lạc, nhưng không biết cách chăm sóc đứa con sắp sanh. Cô chửi mắng Thế Tôn giữa hội chúng như một người đàn bà cầm phẩn trên tay tìm cách bôi bẩn mặt trăng. Đức Thế Tôn ngừng giảng dại và rống lên như sư tử, nói: - Này chị, những gì chị nói đúng hay sai, chỉ có tôi và chị biết thôi. - Đúng vậy Sa-môn cao cả kia, nhưng ai có thể quyết định giữa điều đúng và sai về chuyện mà chỉ có tôi và ông biết? Lúc ấy, tòa ngồi của Đế Thích nóng lên, Đế Thích quán sát nguyên do, được biết Chiến-già vu không Như Lai. Đế Thích nghĩ "Ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề", và bay xuống với bốn thiền thần. Các thiên thần hóa thành chuột nhắt cắn sợi dây cột cái dĩa trước bụng Chiến-già, và một cơn gió thổi tung tấm áo choàng, cái dĩa rơi xuống, tiện đứt mấy ngón chân của cô. Đám đông la ó: - Tên phù thủy kia chửi mắng Thế Tôn. Họ đánh đập nàng, ném đá, cầm gậy đuổi ra khỏi Kỳ Viên. Khi cô đi khỏi tầm nhìn của Thế Tôn, đất nứt ra một hố sâu ngay dưới chân cô, và lửa bốc lên từ địa ngục A- tỳ, cuốn cô như tấm vải đỏ úp chụp lấy thân, và cô rơi trong địa ngục

A-tỳ. Từ đó, tiếng tốt và lợi lộc của ngoại đạo giảm đi, còn phẩm vật dâng đến đấng Thập Lực càng lúc càng nhiều. Ngày hôm sau, các thầy Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường. - Chư hiền! Chiến-già vu khống đấng Như Lai, Ứng Cúng, đấng Thế Tôn, nên đã bị hủy diệt. Đức Phật đi đến và hỏi: - Các Tỳ-kheo! Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì? Các thầy thuật lại, Phật dạy: - Đây không phải là lần đầu Chiến-già vu không Ta và bị hủy diệt, trong quá khứ cô ấy cũng đã làm như vậy. Ngài nói tiếp: - Một vị vua không thể phạt ai khi chưa nhận thức vấn đề cho rõ, khi chưa nghiên cứu cẩn thận mọi mặt dù lớn hay nhỏ. Ngài kể lại tiền thân Đại Liên Hoa (Mahà Paduma). Chuyện quá khứ A. Hoàng Tử Đức Hạnh Và Thiếu Phụ Dâm Đãng. Thuở xưa, Chiến-già là kế mẫu của Bồ-tát, hoàng tử Đại Liên Hoa. Bà muốn hoàng tử gian dâm với mình, nhưng bị từ chối. Sau đó bà tự đánh đập mình, làm ra vẻ đau đớn, đến nói với vua cha: - Hoàng tử hành hạ tôi ra thế này vì tôi không chịu gian dâm với y. Vua nghe chuyện, hết sức giận dữ, lập tức đày hoàng tử xuống vực chết. Thiên thần đục xuyên qua núi, mang hoàng tử lên và báo cáo với long vương. Long vương mang chàng về long cung, và nhường cho một nửa vương quốc rồng. Ở đấy một năm,

hoàng tử muốn xuất gia tu đạo, người lên núi Hy-mã, sống đời tu sĩ, và phát triển đại định thần thông. Một người gác rừng thấy hoàng tử về thuật lại với nhà vua. Nhà vua đến nơi, chào hỏi và sau khi nghe kể đã đề nghị nhường ngôi cho chàng. Hoàng tử từ chối, khuyên nhà vua rằng: - Về phần tôi, tôi không có tham vọng trị vì. Nhưng về phần đại dương, nên giữ mười điều lành, tránh xa đường xấu ác, và cai trị quốc gia mình trung chánh. Nhà vua đứng dậy, rơi lệ và trở về hoàng cung. Vua hỏi đại thần: - Ai đã ly gián ta với người trung trực như thế? - Tâu đại vương! Hoàng hậu đã gây nên chuyện này. Nhà vua bèn bắt hoàng hậu, treo cổ xuống vực chết, và cai trị vương quốc mình một cách trung chánh. Thuở đó, hoàng tử Đại Liên Hoa chính là Bồ Tát, và kế mẫu của chàng chính là Chiến-già. Nói xong chuyện tiền thân Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Những người đã phá hủy một giới, những người ấy sẽ nói dối, những người củng cố điều sai lầm, người không tin vào đời sau thì không từ bỏ điều ác nào mà không làm. Ngài nói kệ: (176) Ai vi phạm một pháp, Ai nói lời vọng ngữ, Ai bác bỏ đời sau, Không ác nào không làm 10. Phẩm Vật Không Thể Nào So Sánh Keo kiết không sanh thiên ... Câu chuyện này xảy ra, khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến phẩm vật tối thắng. Một hôm, đức Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo đi khất thực, trở về Kỳ Viên. Vua Ba-tư-nặc đi đến tinh xá thỉnh Phật thọ trai. Hôm sau, nhà vua ra lệnh sắm sửa rất nhiều phẩm vật để dâng cúng chư Tăng, và bảo dân cư trong thành: - Hãy đến nhìn phẩm vật do ta sắm sửa. Dân chúng đến hoàng cung, nhìn các phẩm vật, rồi ngày hôm sau nữa, họ thỉnh Phật và chúng Tăng, họ cũng chuẩn bị các thứ phẩm vật, tâu lên nhà vua. - Đại vương hãy đến nhìn phẩm vật của các thần dân cúng dường. Khi nhà vua trông thấy các thứ cúng dường của dân chúng, đã tự nhủ: "Các thị dân này đã cúng dường nhiều vô số phẩm vật hơn ta, ta sẽ cúng dường lần thứ hai". Lập tức, nhà vua sắm sửa phẩm vật vào ngày tiếp theo, và khi dân cư trong thành được thấy các thứ cúng dường ấy, họ cũng trở vể chuẩn bị cúng dường vào ngày kế đó.

Giữa nhà vua và các thị dân thành Xá-vệ không ai hơn ai. Kết quả, sau sáu lần cúng dường, các thị dân gia tăng phẩm vật lên gấp trăm gấp ngàn lần, chuẩn bị đầy đủ đến

nổi không ai có thể phê bình là còn thiếu một thứ gì. Khi nhà vua thấy họ tổ chức quy mô đầy đủ như vậy, Ngài nghĩ thầm "Nếu ta không sắm sửa nhiều hơn họ, ta còn sống để làm gì?" Và nhà vua nằm dài, suy nghĩ mọi phương chước. Hoàng hậu Mạt-lợi (Mallikà) đi đến, thấy nhà vua nằm trầm tư bèn hỏi: - Đại vương! Vì sao lại nằm như vậy? Chuyện gì khiến Đại vương có vẻ lo buồn? - Vậy hậu không biết gì sao? - Thần thiếp không biết. Nhà vua thuật lại mọi chuyện ganh đua cúng dường giữa mình và thần dân. Hoàng hậu nói: - Xin bệ hạ đừng phiền não, bệ hạ có bao giờ nghe hoặc thấy một chúa tể vương quốc lại bị thua thiệt về vật chất? Thiếp sẽ sắp đặt việc này. Hoàng hậu Mạt-lợi nói vậy vì bà muốn tạo một phẩm vật tối thắng. Bà tâu vua: - Đại vương hãy ra lệnh xây một lâu đài làm bằng gỗ hạng nhất của cây Sala hình vòng cung để cho năm trăm Sa-môn ngồi, còn những người tùy tùng các Sa-môn thì ngồi ngoài vòng cung ấy. Làm năm trăm lọng trắng cho năm trăm con voi mang lọng đứng che các Sa-môn. Giữa lâu đài đặt tám hay mười cái bàn bằng hồng ngọc. Giữa hai Sa-môn cho một số thiếu nữ dòng Sát-lợi ngồi rưới hương thơm, và một thiếu nữ đứng quạt cho hai vị ấy. Một số thiếu nữ dòng Sát-lợi mang hương bột rắc vào bồn vàng. Một số mang hoa sen xanh nhúng vào bồn hương và dâng lên các Sa-môn. Đấy, dân chúng làm gì có con gái dòng Sát-lợi, cũng chẳng có lọng trắng, voi và họ sẽ thua Bệ hạ. Đó là điều Bệ hạ nên làm. Nhà vua tán thành: - Hay quá! Chương trình của hậu tuyệt diệu. Và nhà vua ra lệnh làm theo sự sắp đặt của hoàng hậu. Tuy nhiên, thiếu một con voi cho một vị Sa-môn. Nhà vua bảo hoàng hậu Mạt-lợi: - Ái khanh! Chỉ còn thiếu một con voi. Bây giờ làm sao? - Bệ hạ bảo sao, không đủ năm trăm con voi ư? - Có đấy, nhưng lại còn lại mấy con voi hung dữ, khi chúng thấy các Sa-môn, chúng sẽ nổi cơn phẩn nộ như cuồng phong. - Thần thiếp biết chỗ đứng cho một con voi hung hăng, có thể mang lọng trên lưng. - Đặt nó ở đâu? - Bên cạnh Tôn giả Angulimàla. Nhà vua y lời. Chú voi ta cụp đuôi xuống tận chân, xếp tai, nhắm mắt và đứng yên. Dân chúng nhìn chú voi với vẻ thán phục, xầm xì với nhau. - Con voi dữ kia mới ngoan làm sao! Nhà vua lo hầu tiếp Tăng đoàn do đức Thế Tôn chủ tọa. Sau đom vua quỳ lạy và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Những phẩm vật trong bữa ngọ trai này, đáng giá hay không đáng giá, con xin dâng tất cả cho Thế Tôn. Tổn phí cho buổi cúng dường khoảng mười bốn triệu châu báu chỉ trong một ngày. Bốn vật vô giá cúng dường cho đức Thế Tôn tùy nghi sử dụng: một lọng trắng, một giường nằm, một ghế ngồi và một ghế đỡ chân. Sau đó, không có phẩm vật nào dâng cúng đức Phật có thể so sánh với phẩm vật của nhà vua, nên được gọi là phẩm vật tối thắng. Điều này đã từng xảy ra cho các đức Phật, và luôn luôn do các hoàng hậu sắp xếp. Khi ấy, trong triều có hai đại thần Kàla và Junha. Kàla nghĩ thầm "Của cải nhà vua bị mất mát nhiều làm sao! Chỉ trong một ngày mà tốn hết mười bốn triệu châu báu. Và các lão Sa-môn kia, sau khi ăn xong, sẽ đi về nằm ngủ khì! Nhà vua phung phí tài sản!" Còn Junha nghĩ "Ôi! Nhà vua dâng cúng phẩm vật tuyệt vời! Chỉ có vua mới làm như vậy! Hơn nữa, chẳng có người nào ngoài nhà vua làm cho mọi loài hưởng phước nhờ sự cúng dường. Ta cảm tạ những phẩm vật mà nhà vua đã dâng cúng". Khi đức Phật thọ trai xong, nhà vua cầm lấy bát của Ngài đợi Ngài thuyết pháp. Đức Phật nghĩ thầm: " Nhà vua đã cúng dường phẩm vật lớn lao, cúng dường như thác lũ. Dân chúng có tín kính điều này, hay không tin?" Và nhận biết được ý nghĩ

của hai vị đại thần, Ngài nghĩ tiếp: "Nếu Ta tán thán công đức của nhà vua cho tương xứng phẩm vật, thì đầu của Kàla sẽ vỡ làm bảy phần, Ngài chỉ nói một bài pháp đơn giản gồm bốn câu tán dương nhà vua, người đang đứng trước Ngài sau khi cúng dường tối thắng. Nói xong, Ngài đứng lên trở về tinh xá. Các Tỳ-kheo hỏi Angulimàla: - Tôn giả, Ngài có sợ khi thấy con voi mang lọng trắng dữ dằn đứng gần Ngài? - Không, chư hiền, tôi không sợ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Angulimàla nói dối. Phật xác nhận: - Này các Tỳ-kheo! Angulimăala không hề sợ hãi, vì những Tỳ-kheo như người con của Ta là cao quý nhất trong số những người cao quý đã thoát khỏi tham dục; và không hề sợ hãi. Ngài dạy: (422) Bậc cao quý, thù thắng, Bậc anh hùng, đại sĩ, Bậc chiến thắng, vô nhiễm, Bậc tẩy sạch, giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn. Nhà vua thất vọng cay đắng, nghĩ thầm "Sau khi ta cúng dường vô số phẩm vật, và đứng đấy hầu đức Thế Tôn, thay vì nói lời tán thán tương xứng với phẩm vật ấy, Ngài chỉ nói một bài kệ ngắn và đi về. Có thể là ta đã cúng dường những phẩm vật không thích đáng cho đức Thế Tôn, có thể là ta đã cũng những vật không thích hợp thay vì những vật

thích hợp. Có thể là Thế Tôn giận ta, bởi Ngài thường có lệ hồi hướng công đức cân xứng với phẩm vật". Nghĩ như thế, vua Ba-tư-nặc đi đến tinh xá, đảnh lễ Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, con có lỗi lầm khi dâng cúng phẩm vật không? Có phải thay vì cúng những vật thích hợp con lại cúng những vật không thích hợp? - Vì sao đại vương hỏi như thế? - Thế Tôn không hồi hướng công đức cân xứng với phẩm vật con đã dâng cúng. - Này đại vương, phẩm vật cúng dường rất thích hợp. Phẩm vật tối thắng mà đại vương cúng dường chỉ có một lần cho một đức Phật, phẩm vật như thế khó có lần thứ hai. - Nhưng, bạch Thế Tôn, vì sao Ngài không nói công đức tương xứng với phẩm vật ấy? - Vì có đại thần không thanh tịnh. - Bạch Thế Tôn, trong các quan ai là người có lỗi. Đức Phật nói cho vua biết hai quan điểm trái ngược của hai đại thần và an ủi vua rằng, vì thương hại Kàla nên Ngài không tán dương công đức. Nhà vua hỏi Kàla: - Phải chăng khanh có ý nghĩ như thế? - Tâu vâng. - Ta không hề lấy những gì thuộc về khanh, ta chỉ cho những gì của ta, với sự hỗ trợ của hoàng hậu và thái tử. Ta có sai quấy gì với khanh không? Hãy đi đi! Những gì ta cúng ta cứ cúng, còn phần khanh bước ra khỏi cung điện của ta. Sau khi đuổi Kàla ra khỏi cung, nhà vua cho gọi Junha và hỏi: - Phải khanh nghĩ đúng như thế không? - Thưa vâng. - Khanh nghĩ đúng, ta rất hài lòng. Ta cho phép khanh dự vào hoàng tộc và cúng dường bảy ngày như ta. Nhà vua cho Junha ở trong cung bảy hôm, và đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, tên ngu si ấy đã cư xử tệ hại. Thấy con cúng dường, y đã phản ứng ngược lại. - Phải đấy, đại vương, người ngu không hoan hỷ khi thấy ai bố thí, và sẽ bị trừng phạt về sau. Nhưng người trí vui thích với phẩm vật được người khác cúng dường và sẽ sanh thiên. Ngài nói kệ: (177) Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí. Người trí thích bố thí. Đời sau được hưởng lạc. Cuối bài pháp, Junha chứng quả Dự lưu. Hội chúng cũng được lợi ích. Junha sau khi chứng quả đã cúng dường suốt bảy ngày như một vị hoàng đế.

11. Đức Hạnh Được Trả Giá Hơn thống lãnh cõi đất ... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật đang ở Kỳ Viên, liên hệ đến Kàla, con trai Cấp Cô Độc. Kàla là con trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc, một người cha nổi tiếng và đầy tin kính Phật pháp. Mặc dù như thế chàng không hề gặp Phật hoặc ra chào khi Phật ghé nhà, hoặc nghe pháp, hoặc phụng sự

chúng Tăng. Khi cha chàng khuyên: - Này con đừng làm thế. Chàng cũng không để ý đến lời cha. Trưởng giả suy nghĩ: "Nếu con ta có thái độ như vậy và hành động theo ý đó, nói sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ. Thật không có gì tốt đẹp khi chính mắt ta thấy nó bị đọa. Được thôi, không có ai trên trái đất này không bị mua chuộc bởi tài vật, ta sẽ dụ dỗ nó". Và ông bảo Kàla: - Này con, nếu con giữ giới trong ngày trai, đi đến tinh xá nghe pháp, khi về cha sẽ cho con một trăm đồng. - Thật cha sẽ cho con chứ? - Đúng vậy. Sau khi cha chàng lập lại lời hứa ba lần, Kàla tuân giữ ngày trai giới và đi đến tinh xá. Nhưng chàng không chú tâm nghe pháp, chàng tìm nơi dễ chịu, nằm ngủ một giấc và trở về nhà sớm. Ông Trưởng giả bảo gia nhân: - Cậu đã giữ giới trọn ngày trai, hãy đem thức ăn ngon đến cho cậu nhanh lên. Nhưng Kàla nói: - Con chưa nhận tiền là con không ăn. Chàng cương quyết từ chối mọi thứ đem đến. Cha chàng không thể ép con ăn, bèn ra lệnh mang tiền đến, chàng cầm tiền trên tay, rồi sau đó mới ăn uống. Ngày hôm sau, ông Trưởng giả bảo con: - Này con, cha sẽ cho con một ngàn đồng, nếu con đi đến chỗ Thế Tôn, học thuộc một bài kệ ngắn, và trở về nói lại cho cha nghe. Lập tức Kàla đi đến tinh xá, đứng trước Phật. Chẳng bao lâu chàng thuộc một câu kệ và muốn ra đi. Đức Phật khiến chàng không hiểu nghĩa câu kệ ấy, Kàla tự nhủ: "Ta sẽ học thuộc câu sau". Vì vậy, chàng ngồi nán lại và tiếp tục nghe pháp. (Ai nghe pháp với tất cả chú tâm sẽ chứng Sơ quả và các quả còn lại). Kàla nghe pháp với tất cả chú tâm, nhưng đức Phật cũng khiến chàng không hiểu nghĩa, chàng nghĩ ta sẽ hiểu rõ hơn câu kệ tiếp theo. Chàng cứ nán lại và nghe, rồi chứng Sơ quả. Ngày hôm sau, chàng tự động đi theo chư Tăng, có đức Phật dẫn đầu, vào thành Xá-vệ. Trưởng giả thấy con trai đi sau chúng Tăng, tự nhủ "Hôm nay, thái độ của con ta làm ta hài lòng". Còn Kàla thì nghĩ thầm "Mong rằng cha sẽ không đưa tiền cho ta ngay hôm nay, trước sự hiện diện của Phật. Mong rằng cha ta giữ kín việc vì có tiền ta mới giữ giới ngày trai" (nhưng đức Phật đã biết trước điều này).

Trưởng giả dâng cơm cho chư Tăng, có đức Phật thọ trai và cũng cho con trai những thức ăn ấy. Kàla ngồi im, uống súp, ăn thức ăn cứng và cơm. Khi Phật thọ trai xong, Trưởng giả đặt túi tiền một ngàn đồng trước mặt con và nói: - Này con, chắc con nhớ cha đã yêu cầu con giữ giới đúng ngày trai và đi nghe pháp, rồi sẽ cho con một ngàn đồng. Đây là tiền của con. Kàla thấy cha chàng đưa tiền ngay trước mặt đức Phật, rất ngượng và nói: - Con không cần tiền. - Ậy, cầm tiền đi con. Chàng cứ từ chối, không động đến túi tiền. Trưởng giả đảnh lễ Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, thái độ của con trai con hôm nay làm con rất mừng. - Vì sao? - Ngày hôm kia, con bảo hắn đi đến tinh xá, hứa cho một trăm đồng. Hôm qua hắn về nhà, không chịu ăn cơm khi chưa có tiền. Nhưng hôm nay, khi con cho tiền nó cứ từ chối không nhận. - Đúng vậy, này Trưởng giả. Hôm nay con trai ông đã chứng Sơ quả, y đã đạt điều vượt hơn việc được làm Chuyển Luân Vương hay sanh thiên, hay làm Phạm thiên. Ngài nói kệ: (178) Hơn thống lãnh cõi đất, Hơn được sanh cõi trời, Hơn chủ tể vũ trụ, Quả Dự lưu tối thắng.

PHẨM XIV: PHẬT 1. Đấng Toàn Giác Ai chiến thắng... Đức Phật dạy câu này khi Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề, có liên quan đến các cô gái con của ma vương, và được lặp lại ở nước Kurus, với Bà-la-môn Màgandiyà. A. Phật Không Nhận Màgandiyà Chuyện kể rằng có một Bà-la-môn têin Màgandiyà, ở nước Kuru (Câu-lâu), có một cô con gái cũng

tên là Màgandiyà (Mạn-la-hoa) đẹp tuyệt trần. Rất nhiều nhà giàu có và thế lực thuộc dòng dõi Bà-la-môn và Sát-đế-lợi, muốn cưới cô làm vợ nhưng ông từ chối: - Các người không xứng đáng với con ta. Ngày nọ, khi đức Thế Tôn quan sát căn cơ chúng sanh vào buổi sáng sớm, Ngài thấy ông Bà-la-môn cùng vợ ông đều có thể đắc Tam quả (A-na-hàm). Bấy giờ, ông Bà- la-môn nọ thường canh lửa ở ngoài làng. Thế Tôn đắp y mang bát đi đến đó. Từ xa, nhận thấy vẽ sáng rực của đức Phật, ông thầm nghĩ: "Trên đời này không ai sánh nổi người này, rất xứng với con gái ta, ta sẽ gả cho anh ta". Ông ta nói với Phật: - Này Sa-môn, tôi chỉ có một đứa con gái, tôi tìm cho nó một người chồng xứng đôi nhưng chưa thấy, nên chưa gả cho ai. Ông xứng đáng với nó, tôi sẽ gả nó cho ông. Hãy đến đợi đây tôi sẽ dẫn nó đến. Thế Tôn đứng nghe, không nói gì. Bà La Môn về nhà bảo vợ: - Bà nó ơi ! Hôm nay tôi tìm được một người chồng xứng với con gái mình. Hãy gả nó cho anh ta. Bà La Môn trang điểm cho con, dắt vợ con đi đến chỗ Phật. Đám đông hiếu kỳ kéo theo sau. Đức Phật, thay vì đứng tại chỗ đã hẹn, đã đi sang nơi khác, cố ý để lại dấu chân (Khi đức Phật ấn chân và nói: "Hãy để người như thế, như thế.. nhìn dấu chân", dấu chân chỉ hiện ở nơi ấy và không nơi nào khác) Vợ ông Bà-la-môn hỏi: - Anh ấy đâu? - Tôi đã bảo anh ta đứng đây. Nhìn quanh thấy dấu chân, Bà-la-môn chỉ cho vợ: - Dấu chân anh ấy đây. Người vợ đã quen với việc nhận biết dấu hiệu, lập tức bảo chồng: - Ông à, đây không phải là dấu chân của người theo đuổi dục lạc. - Bà này cứ quan trọng vấn đề. Khi tôi bảo anh ta là tôi sẽ gả con cho, anh ta nhận lời mà. - Ông muốn nói gì thì nói, nhưng đây là dấu chân người thoát khỏi tham dục. Bà nói kệ: Dấu chân người tham dục không rõ. Dấu chân người ác không hằn sâu.

Dấu chân người si mê thì dao động. Đây là dấu chân người thoát khỏi lưới đam mê. Ông Bà-la-môn gắt: - Thôi đi, bà đừng lảm nhảm nữa, im mồm mà đi theo tôi. Đi tới một chút, ông thấy đức Phật, bèn chỉ cho vợ: - Anh ấy đây rồi. Đi đến gần, ông nói: - Sa-môn, tôi sẽ gả con gái cho anh. Thế Tôn thay vì nói: "Ta không cần đến con gái ông". Ngài nói: - Này Bà-la-môn! Tôi có vài điều muốn nói với ông, hãy nghe tôi. - Nói đi, tôi sẽ nghe. Thế Tôn kể cho người Bà-la-môn nghe câu chuyện xảy ra trong đời Ngài, lúc ẩn tu. Sau đây là phần tóm lược câu chuyện. 1B. Phật Cự Tuyệt Các Cô Gái Con Ma Vương Thái tử, đã từ bỏ ngai vàng, leo lên lưng ngựa Kiền-trắc, có Xa-nặc tùy tùng, tiến về trước trên đường ẩn tu. Khi ra khỏi cổng thành, ma vương nói: - Tất-đạt-đa! Hãy trở lại, trong bảy hôm nữa Ngài sẽ làm Chuyển Luân Vương. - Ta cũng biết vậy, ma vương, nhưng ai không thích điều đó. - Vậy vì mục đích gì Ngài đi vào rừng ẩn cư? - Ta muốn tìm giác ngộ. - Được rồi, kể từ hôm nay, nếu Ngài khởi ý nghĩ tham dục, xấu ác, ta sẽ hành động. Từ đó, ma vương theo dõi thái tử trong bảy năm, chờ cơ hội. Trong sáu năm, thái tử khổ hạnh, rồi với sự cố gắng, Ngài đạt giác ngộ dưới cội bồ-đề, Ngài ngồi tại đấy trải qua niềm vui của sự giải thoát. Khi đó, ma vương ngồi trên cõi trời, nhìn xuống với vẻ đau khổ, nghĩ thầm: "Ta theo dõi Ngài suốt thời gian, tìm cơ hội, nhưng chẳng có dịp, giờ đây Ngài đã thoát khỏi quyền lực của ta!". Ba người con gái của ma vương là Tham ái, Sân hận, Dâm đãng hỏi nhau: - Cha chúng ta ở đâu? Nhìn khắp nơi, họ thấy ma vương đang ngồi đấy, họ đến gần và hỏi: - Thưa cha, vì sao cha có vẻ âu sầu và thất vọng đến thế? Ma vương thuật câu chuyện, các ma nữ nói: - Cha đừng vội thất vọng, chúng con sẽ chế ngự và sẽ dẫn y về đây. - Các con ơi, không ai có thể chế ngự Ngài ấy

đâu. - Chúng con là nữ nhi, chúng con sẽ làm y mù quáng bởi nhục dục. Sẽ dắt y về cha đừng chán nản. Họ đến gần Phật, nói: - Sa-môn, chúng em muốn làm kẻ nô lệ cho người. Thế Tôn chẳng màng đến lời họ cũng chẳng buồn để mắt tới họ.

Các ma nữ bàn tán: "Đàn ông họ thích nhiều hạng. Có kẻ thích thiếu nữ, người khác thích thiếu phụ xuân xanh, người thích thiếu phụ trung niên, người ưa đàn bà già. Chúng ta sẽ mê hoặc y bằng mọi hình dáng". Và với thần thông mỗi ma nữ biến hóa nữ nhân đủ mọi lứa tuổi. Hoặc là thiếu nữ hoặc thiếu phụ chưa sanh con, đã sanh con, một con, hai con, thiếu phụ trung niên, lão bà, họ lui tới gặp Phật sáu lần, và nói: - Sa-môn, chúng em muốn làm nô lệ Ngài. Đức Thế Tôn cũng chẳng để ý đến, thái độ tự tại, làm như các thứ tạo nên thân Ngài thảy đều tan hoại. Nhưng sau đó chúng chẳng chịu rút lui, Thế Tôn bảo: - Hãy đi! Các ngươi thấy gì mà gắng sức mê hoặc Ta? Hành động như vậy chỉ có kết quả với ai chưa giải thoát tham dục và những đam mê thấp hèn. Như Lai đã thoát khỏi tham dục. Các người muốn chế ngự Ta được sao? Ngài nói kệ: (179) Vị chiến thắng không bại, Vị bước đi trên đời, Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông, Ai dùng chân theo dõi, Bậc không để dấu tích? (180) Ai giải tỏa lưới tham, Ái phược hết dắt dẫn, Phật giới rộng mênh mông, Ai dùng chân theo dõi, Bậc không để dấu tích? Nói kệ xong, nhiều thiên thần được pháp nhãn, ba cô ma nữ biến mất. Đức Phật bảo Bà-la-môn: - Màgandiyà, ngày xưa ta đã thấy ba ma nữ ấy, thân thể như vàng ròng tinh khiết không có đờm dãi và những thứ bất tịnh khác của thân thể, Ta cũng không hề khởi tham đắm. Còn thân ái nữ ông, đầy đủ ba mươi hai thứ bất tịnh, một cái bình nhơ uế được sơn phết. Dù cho chân Ta lấm bùn, cô gái này nằm phục ở ngưỡng cửa Ta, Ta chẳng muốn chạm đến cô, dù là chỉ bằng gót chân. Ngài nói kệ: Đã từng thấy Tham ái, Sân hận, Dâm dục, Ta không hề khởi tham đắm. Thân thể xấu xa như thế này, Ta không muốn chạm đến dù gót chân. 2. Thần Thông Song Hành Người trí chuyên thiền định ... Đức Phật dạy câu này khi Ngài ở tại cổng thành Sankassa, liên hệ đến nhiều thiên, nhơn. Nhưng câu chuyện bắt đầu từ Vương Xá.

A . Phật Quở Tân Đầu Lư Có một lần, một nhà Trưởng giả thành Vương Xá đến sông Hằng để tắm. Để khỏi mất đồ trang sức và y phục, ông đặt tất cả vào giỏ mây. Lúc ấy có một cây bạch đàn đỏ mọc bên bờ sông Hằng, rễ bị sóng nhồi bật gốc lên, đổ xuống sông Hằng bị những tảng đá dưới sông từ từ đánh gãy vụn từng mảnh. Một mảng gỗ bị nước mài nhẵn, trôi lềnh bềnh gần giỏ mây và bị mắc vào đó. Trưởng giả hỏi: - Cái gì thế? - Thưa một khúc cây, người hầu trả lời. Ông bảo đem đến xem, và tự hỏi: "Gỗ này là loại gỗ gì?" Ông lấy búa tách ra một mảnh và thấy rằng đấy là loại gỗ bạch đàn đỏ, loại màu cánh gián. Ông Trưởng giả chẳng tin một tôn giáo nào, nhưng rất công bình. Cầm khúc gỗ đỏ đẹp ông nghĩ: "Ở nhà ta có cả khối loại gỗ này, ta sẽ làm gì với khúc gỗ này". Rồi ông tự nghĩ: "Có nhiều người tự xưng là A-la-hán, họ nói: Chúng tôi là A-la-hán. Nhưng ta chẳng biết một vị A-la-hán nào. Ta sẽ bảo tiện một cái bát bằng gỗ này, lấy dây treo lên một giàn tre cao khoảng sáu mươi cubits (khoảng hai trăm thước). Và thông báo: "Nếu ai là A-la-hán, hãy bay lên và lấy chiếc bát. Người nào lấy được, ta và vợ con ta sẽ làm đệ tử". Nghĩ như thế, ông trở về, ra lệnh làm chiếc bát gỗ lấy dây treo lên một giàn tre và tuyên bố: - Nếu bất cứ ai trên thế gian này là A-la-hán, hãy bay lên và lấy cái bát này! Các Lục sư ngoại đạo nói với ông: - Cái bát này chính là vật dành cho chúng ta.

Hãy trao nó cho chúng ta. Nhưng Trưởng giả chỉ nói: - Bay lên và lấy đi. Vào ngày thứ sáu, Ni-kiền-tử, nhà khổ hạnh lõa thể bảo đệ tử đi đến nói với ông Trưởng giả: "Cái bát này chính là dành cho thầy ta, đừng đòi hỏi chúng ta bay lên không trung chỉ vì một vật nhỏ mọn. Hãy đưa bát đây". Họ đến nói với ông, và về trả lời: - Ông ta nói cái bát chỉ thuộc về người nào có thể bay lên và lấy nó. Ni-kiền-tử quyết định đi. Ông ra lệnh cho đệ tử: - Ta sẽ nhấc một tay và một chân, và cử động như sắp bay lên. Lúc đó, các ngươi hãy nói: "Thưa Tôn sư, thầy làm gì thế? Xin thầy đừng phô bày quyền năng ẩn mật của một vị A-la-hán trước đám đông, chỉ vì một bát gỗ". Nói như thế, các người kéo tay chân ta xuống, và đẩy ta nằm dưới đất. Xong, Ni-kiền-tử đến nói với Trưởng giả: - Này Đại Trưởng giả, cái bát này rốt cuộc không phải là vật của ai khác. Đừng đòi hỏi ta bay lên không trung chỉ vì một vật tầm thường như thế. Hãy đưa bát cho ta. - Thưa Tôn ông, hãy bay lên và lấy nó, chỉ có một cách ấy thôi. Ni-kiền-tử bảo các đồ đệ: - Được rồi, đến đây, đến đây. Khi họ đến, ông nói: - Bây giờ, ta sẽ bay lên.

Nói thế, ông nhấc một tay và một chân lên. Lúc đó, đám đệ tử la lên: - Tôn sư! Tôn sư! Thầy làm gì thế? Tất cả chỉ vì một cái bát gỗ hạ tiện, khốn khổ, cần gì thầy phải phô bày quyền lực ẩn mật giữa đám đông? Họ chạy tới, lôi tay chân ông lại và đặt nằm xuống đất. Ông bảo Trưởng giả: - Đại trưởng giả, mấy đệ tử này không muốn tôi bay lên không trung, xin hãy đưa bát cho tôi. - Đại sư! Hãy bay lên và lấy đi. Lục sư ngoại đạo thử cố công trong sáu ngày nhưng mặc cho họ cố gắng vẫn chẳng lấy được bát gỗ. Ngày thứ bảy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Tân-đầu-lư-phả-la-đọa (Pindola Bhàradvàja) sửa soạn đi khất thực trong thành Vương Xá, các Ngài dừng ở một tảng đá bằng phẳng và quấn y. Lúc ấy có vài người đi săn nói chuyện với nhau: - Này bạn, sáu giáo chủ ngoại đạo thường tuyên bố mình là A-la-hán nhưng bảy hôm trước khi Trưởng giả thành Vương Xá treo một cái bát lên cao và nói: "Nếu ai là A- la-hán, hãy bay lên hư không và lấy cái bát". Chẳng có ai trong các vị tự xưng là A-la-hán có thể bay lên hư không. Bây giờ, chúng ta biết chắc rằng không có A-la-hán trên cõi đời này. Nghe nói thế, Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Tân-đầu-lư: - Này huynh, có nghe họ nói không? Như là họ đang thách đố Phật pháp. Bây giờ huynh có thần thông quảng đại, quyền lực siêu nhiên, hãy bay lên hư không và lấy cái bát ấy. - Tôn huynh Mục-liên, Ngài nổi tiếng là bậc thần thông đệ nhất, Ngài hãy lấy bát, nếu Ngài không lấy, tôi cũng sẽ lấy. - Huynh hãy đi. Tôn giả Tân-đầu-lư nhập đại định, rồi xuất định Ngài đi quanh một tảng đá rộng ba dặm dùng đầu ngón chân nhấc bổng nó lên một cách dễ dàng như nhấc một miếng bông gòn. Ngài bay quanh thành Vương Xá bảy vòng. Thành này cũng rộng đúng ba dặm, tảng đá hiện lên bao trùm cả thành. Dân cư trong thành thấy vậy nghĩ: "Tảng đá sẽ rơi xuống đè bẹp chúng ta". Họ run rẫy sợ hãi, họ đội nia lên đầu và trốn tứ tung. Đến vòng bay thứ bảy, Tôn giả đẩy tảng đá ra xa và hiện thân trước dân chúng. Thấy Ngài, họ kêu lên: - Tôn giả Tân-đầu-lư! Hãy giữ tảng đá! Đừng để nó đè bẹp chúng tôi. Tôn giả hất tảng đá đi, nó rơi về chỗ cũ. Rồi đáp xuống trên nóc nhà Trưởng giả, ông này phủ phục sát đất, và nói: - Tôn giả, xin bay xuống. Khi Tôn giả bay xuống đất, ông mời ngồi, xin phép hạ bát xuống và đặt bốn loại thức ăn ngon ngọt trong bát đem cúng dường Ngài. Tôn giả nhận bát thức ăn trở về tinh

xá. Những người dân vắng mặt khi ấy, chưa được thấy phép lạ, đã tụ tập kéo theo sau Ngài và yêu cầu: - Tôn giả! Xin thi triển thần thông cho chúng tôi xem. Tôn giả cũng lặp lại thần thông như thế cho họ. rồi tiếp tục về tinh xá. Đức Thế Tôn nghe tiếng reo hò hoan hô của đám đông, hỏi A-nan: - A-nan, họ hoan nghênh ai thế? - Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tân-đầu-lư bay lên hư không và lấy cái bát bằng gỗ đỏ, dân chúng hoan nghênh Tôn giả. Phật gọi Tôn giả đến hỏi: - Có đúng là ông đã làm như thế ? - Bạch Thế Tôn, thật vậy. - Này Tân-đầu-lư, vì sao ông làm như thế? Đức Phật quở trách Tôn giả, bắt Ngài đập vỡ cái bát, đem mảnh vụn cho các Tỳ- kheo nghiền thành bột. Sau đó, Ngài đặt ra giới cấm thi triển thần thông vì mục đích như thế. B. Thế Tôn Hứa Thực Hiện Thần Thông. Các ngoại đạo nghe rằng Sa-môn Cồ-đàm đã ra lệnh đập vỡ cái bát, và đã chế giới cấm các đệ tử thi triển thần thông, họ nói: "Dù cho mạng sống họ tùy thuộc vào thần thông, các đệ tử Cồ-đàm cũng không dám phạm giới đã chế đặt. Hơn nữa, Sa-môn Cồ- đàm cũng giữ luật lệ này. Đây là cơ hội cho chúng ta". Và họ đi rao trên khắp đường phố. - Chúng ta muốn giữ quyền năng ẩn mật, vì thế trong câu chuyện vừa rồi, chúng ta đã từ chối không phô bày quyền năng chỉ vì cái bát gỗ. Nhưng đệ tử của Cồ-đàm đã phô trương tài phép trước quần chúng chỉ vì một cái bát không đáng kể. Sa-môn Cồ-đàm đã khôn ngoan ra lệnh đập bể cái bát và đưa ra điều luật cấm đệ tử thi hành phép thuật. Từ nay chúng ta sẽ thi triển phép thuật chỉ với ông ấy. Vua Tần-bà-sa-la nghe thế, đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, tin đồn Ngài cấm các đệ tử trổ phép lạ có đúng không? - Đúng thế, đại vương. - Nhóm ngoại đạo đang nói rằng họ sẽ thi triển phép thuật với Ngài. Ngài phải làm gì trong trường hợp đó? - Nếu họ thi triển thần thông, Ta cũng sẽ thi triển. - Ngài không đặt ra luật cấm thi hành phép lạ đó ư? - Đại vương, Ta không ra luật cho Ta, luật chỉ áp dụng cho đệ tử của Ta. - Có phải ý Ngài nói luật do Ngài đặt ra áp dụng cho mọi người trừ chính Ngài? - Đại vương, Ta sẽ trả lời cách khác hơn. Này đại vương, đại vương có một vườn thượng uyển trong hoàng cung, đúng không? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Đại vương! Nếu có người dân nào ăn xoài và các thứ trái khác trong vườn của đại vương, đại vương sẽ làm gì? - Con sẽ phạt họ. - Nhưng chính đại vương có quyền ăn những trái cây ấy chứ? - Thưa vâng, con không phải bị phạt. Con có quyền ăn những thứ thuộc về con. - Này đại vương! Như đại vương cai trị trên vương quốc ba mươi dặm, và chính mình không bị phạt khi ăn trái cây trong vườn mình, trong khi người khác làm thế thì bị phạt. Cũng thế Ta có quyền trên tam thiên đại thiên thế giới, và Ta có thể vượt qua những luật lệ do Ta đặt ra, người khác thì không, do đó, Ta sẽ thi triển một phép lạ. Khi các nhà ngoại đạo nghe những lời này, họ nói với nhau: - Chúng ta bị hố rồi! Sa-môn Cồ-đàm tuyên bố rằng luật lệ do ông ấy đặt ra chỉ áp dụng cho hàng đệ tử, không phải cho ông ấy. Và ông ấy tuyên bố rằng chính mình sẽ thi triển một phép lạ. Chúng ta phải làm sao? Vua hỏi đức Phật: - Bạch Thế Tôn, khi nào Ngài thi triển thần thông? - Vào ngày trăng tròn tháng Asàlhi, bốn tháng nữa. - Bạch Thế Tôn, ở tại đâu? - Gần thành Xá-vệ. (Vì sao đức Phật chọn địa điểm xa như thế? Vì Xá-vệ là nơi mà tất cả chư Phật đã thực hiện đại thần lực, và nơi ấy có thể chứa nhiều người). Các ngoại đạo nghe như vậy bàn với nhau: - Bốn tháng nữa Sa-môn Cồ-đàm sẽ hiển thần thông ở Xá-vệ. Từ đây đến đó, chúng ta phải theo đuổi ông ta không ngừng. Khi dân cư thấy, họ

sẽ hỏi: "Thế này là sao?". Chúng ta sẽ trả lời: "Các ngươi nên nhớ chúng ta có nói: Chúng ta sẽ đấu phép với Sa-môn Cồ-đàm. Ông ta chạy trốn nên chúng ta đuổi theo". Khi đức Phật đi khất thực trên đường phố thành Vương Xá, ngoại đạo cũng đi theo. Nơi nào Ngài thọ trai, thì họ nghỉ đêm ở đó, nơi nào Ngài nghỉ đêm, thì họ ăn sáng ở đó. Khi dân chúng hỏi: - Như thế nghĩa là gì? Họ trả lời như trên. Dân chúng bảo nhau: - Chúng ta sẽ được xem phép lạ. Và họ kéo theo sau đức Phật đến Xá-vệ, nhóm ngoại đạo cũng theo sát nút. Đến nơi họ chuẩn bị chỗ ở, xài phí cả trăm ngàn đồng tiền để ra lệnh xây cất một cái trại với cột bằng gỗ xiêm gai, và lợp bằng hoa sen xanh. Làm xong họ tuyên bố: - Chúng ta sẽ thực hành phép lạ tại đây. Vua Ba-tư-nặc đến bạch Phật: Bạch Thế Tôn, các ngoại đạo đã ra lệnh cất trại, con có thể xây cất một cái cho Ngài? - Không cần, đại vương, Ta đã có người.

- Bạch Thế Tôn, ở đây có ai ngang bằng con để xây cất cho Ngài? - Đại vương, có vua trời Đế Thích. - Bạch Thế Tôn, Ngài sẽ thi triển thần thông ở đâu? - Ở dưới gốc cây xoài gọi là cây của Ganda. Các ngoại đạo nghe nói Phật sẽ hiển thần thông ở dưới cây xoài, lập tức họ nhổ hết rễ những cây xoài trong chu vi một dặm quanh đó, ngay cả những cây mới mọc hôm đó, và nếm tất cả vào rừng. C. Thần Thông Sơ Khởi. Vào ngày trăng rằm tháng Asàlhi, đức Thế Tôn đi vào thành. Cùng ngày đó Ganda, người giữ vườn thượng uyển, thấy một trái xoài to chín vàng giữa đám lá, bay mùi thơm ngon. Ganda bèn hái trái ấy, định sẽ dâng lên vua. Trên đường đi, gặp Phật, chàng nghĩ: "Nếu nhà vua ăn trái này, nhà vua có thể ban cho ta tám hay mười sáu đồng, không đủ nuôi ta suốt đời. Nhưng nếu ta cúng dường Phật, sẽ có lợi cho sự cứu rỗi ta không cùng". Và chàng cúng quả xoài chín cho Phật. Đức Phật nhìn A-nan, A-nan nhận trái xoài và đem dâng Phật. Đức Phật chìa bát ra nhận xoài và ngỏ ý muốn ngồi tại đó, A-nan trải tọa cụ. Khi đức Phật ngồi xong, A-nan lọc nước ép trái xoài thành nước và dâng lên Phật. Phật uống nước ép trái xoài xong bảo Ganda: - Đào một cái lỗ ở đây và trồng hột xoài xuống. Chàng giữ vườn làm y lời Phật dạy. Đức Phật rửa tay ngay trên chỗ xoài được trồng. Ngay lúc ấy, một cây xoài cao to tốt tươi mọc lên rất nhanh, cao năm mươi cubits (cao hơn 25 mét), từ thân cây vươn ra năm nhánh, mỗi nhánh cũng dài hơn hai mươi lăm mét, bốn nhánh chia bốn hướng và một nhánh mọc thẳng lên trời. Trong phút chốc, cây xoài phủ đầy bông và trái, và một bên có cành nặng trĩu từng chùm xoài chín. Các Tỳ- kheo đi theo sau đức Phật, hái xoài chín ăn xong rồi ra về. Khi nhà vua nghe chuyện cây xoài thần diệu bèn ra lệnh không cho ai được chặt phá và đặt người canh gác. Vì cây xoài được trồng bởi Ganda, nên được đặt tên là cây xoài của Ganda. Hàng thứ dân cũng được ăn xoài và kêu lên: - Các thầy ngoại đạo đê tiện, khi các thầy nghe Sa-môn Cồ-đàm sẽ làm phép màu dưới chân cây xoài Ganda, đã ra lệnh nhổ tất cả mọi cây xoài trong vòng một dặm, ngay cả những cây mới mọc cũng lôi rễ lên. Đấy, cây xoài Ganda đấy. Nói xong họ ném xoài thối, hột xoài vào các ngoại đạo. Đế Thích ra lệnh cho thần Gió: - Hãy nhổ trại các ngoại đạo và ném xuống cầu. Rồi ra lệnh cho thần mặt trời: - Hãy đốt chúng. Các thần làm xong. Đế Thích lại ra lệnh: - Thần Gió! Hãy thổi mạnh lên!

Thần Gió tung hết vũ bảo ra. Các ngoại đạo run rẩy, toát mồ hôi đầy mình. Thần gió còn phun bụi vào họ cho đến khi trông họ giống kiến đỏ. Đế Thích ra lệnh đổ mưa, và

toàn thể ngoại đạo giống như bò đốm. Trần truồng, hỗn loạn, họ chạy tứ tán. Ngay khi họ bỏ chạy, một nông dân đệ tử của Phú-lan-na Ca-diếp nghĩ thầm: "Ngày mai là ngày Tôn sư ta thi triển quyền phép, ta phải đi xem". Ông ta tháo cày ra, và mang bình đựng canh đã đem theo từ sáng sớm, và lấy dây trở về nhà. Khi Phú-lan-na đang chạy trối chết, ông hỏi: - Tôn sư, con về nhà với ý định sẽ đi xem Tôn sư phô bày phép lại. Vậy Ngài đi đâu thế? Phú-lan-ca đáp: - Có gì ngươi muốn xem phép lạ? Đưa ta bình đựng nước và sợi dây. Người nông dân đưa, Phú-lan-na cầm bình nước và dây, đi đến bờ sông lấy dây cột bình nước vào cổ, rồi nhảy ùn xuống sông, bọt nước sủi lên, Phú-lan-na đã chết, rơi xuống A-tỳ. Đức Phật biến hóa một lối đi bằng châu báu trên hư không, chạy dài suốt từ chân trời phía đông đến chân trời phía tây. Khi chiều đến, người ta kéo đến xem đứng đông đầy trải dài tới ba mươi sáu dặm. Đức Phật nghĩ: "Đây là lúc ta hiển thần thông". Ngài rời hương thất ra đứng ở sân thượng. Lúc ấy, một nữ Phật tử tên Gharanì chứng Tam quả, có thần thông, đứng gần Phật thưa: - Bạch Thế Tôn, bao lâu còn một đệ tử như con, không còn nhọc sức Ngài, con sẽ thi triển một phép lạ. - Này Gharanì, người thực hiện thần thông gì? - Bạch Thế Tôn, con sẽ nhận chìm trái đất xuống nước, và lặn xuống đó, rồi trồi lên xuất hiện ở mặt Đông trái đất, cứ thế con sẽ xuất hiện ở cực Tây, cực Nam, cực Bắc của trái đất, và ở giữa. Dân chúng sẽ hỏi "Ai thế?" và người khác trả lời: "Đó là Gharanì. Nếu đây chỉ là thần thông của một người đàn bà, thì thần thông siêu việt của Phật sẽ như thế nào?" Các ngoại đạo sẽ trốn mất, không cần đợi Thế Tôn. Phật trả lời: - Ta biết rõ rằng con có thể thi triển thần thông như con vừa nói. Nhưng vinh dự này không phải của con. Gharanì tự nhủ: "Đức Thế Tôn từ chối đề nghị của ta, chắc có một ai có thể thi triển thần thông vĩ đại hơn ta". Cô đứng qua một bên. Một hôm nam cư sĩ tên Culla Anàthapindika nghĩ thầm: "Bao lâu đức Thế Tôn còn có đệ tử như ta, người chứng đến Tam quả, thì Ngài không bận tâm đến chuyện này". Ông đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông. - Thần thông gì?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ hóa thành Đại Phạm thiên, cao lớn mười hai dặm, đứng giữa quần chúng, rống lên như sấm sét, bão tố, con sẽ rung chuyển trái đất như Đại Phạm thiên rung chuyển quả đất. Dân chúng sẽ hỏi nhau: "Tiếng gì thế?" và người khác sẽ trả lời: "Đó là tiếng động đất gây ra bởi Culla Anàthapindika". Các ngoại đạo nói: "Đó mới chỉ là quyền năng của một cư sĩ, còn quyền năng của Phật như thế nào?" Nói xong họ sẽ bỏ chạy mà không đợi gặp Ngài. Đức Thế Tôn cũng trả lời như với Gharanì "Ta biết con có quyền năng đó". Và từ chối đề nghị. Một cô bé Sa-di lên bảy tuổi tên là Cìrà (Ly-la) đã đạt được Tứ thông, đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông. - Thần thông gì? - Con sẽ xếp ngọn núi Tu-di, tất cả những ngọn núi trên trái đất, luôn cả rặng Hy- mã thành một hàng, và con bay lượn trên những ngọn núi ấy như một con ngỗng trời và không chạm đến núi. Dân chúng thấy con sẽ hỏi: "Ai thế?" và họ sẽ được trả lời: "Đó là cô bé Sa-di Ly-la". Các ngoại đạo sẽ nói: "Chỉ một cô bé bảy tuổi mới là Sa-di còn có thần thông như thế, thì thần thông của Phật ra sao?" Và họ sẽ chạy trốn không đợi gặp Thế Tôn. Đức Phật cũng từ chối y như trước. Đến một chú Sa-di bảy tuổi tên Cunda (Thuần Đà), đã đạt Tứ thiền và giải thoát mọi tham dục, bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẽ thực hiện một thần thông. - Thần thông gì? - Con sẽ vác trên vai một

cây hồng táo lớn, tượng trưng cho cõi Diêm-phù-đề, vẫy tới vẫy lui, sẽ đưa những nhánh táo sai trái cho mọi người ăn. Cũng như vậy con sẽ mang đến hoa san hô. Rồi Tỳ-kheo ni Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẽ trổ thần thông. - Thần thông gì? - Trước mắt mọi người trong mười hai dặm, con sẽ biến thành Chuyển Luân Vương với đoàn tùy tùng bao quanh ba mươi sáu dặm, đến đảnh lễ Phật. - Ta biết thần thông của ngươi. Phật cũng từ chối. Tôn giả Mục-kiền-liên đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, con sẽ hiện thần thông. - Thần thông gì? - Con sẽ đặt ngọn núi Tu-di, chúa tể các ngọn núi, giữa hai hàm răng và cắn nó như cắn một hạt đậu. - Rồi gì nữa?

- Con cuộn tròn quả đất như một chiếc chiếu và ép chặt giữa những ngón tay. - Rồi gì nữa? - Con sẽ xoay trái đất như một bánh xe của thợ gốm, và con sẽ cho mọi người nếm thức ăn của đất. - Rồi gì nữa? - Con sẽ sử dụng núi Tu-di như một cây dù, nhấc quả đất đặt lên đó, cầm một tay như một nhà sư cầm cây dù nơi tay, đi dạo trên hư không. - Ta biết thần lực của ông. Đức Phật cũng từ chối lời đề nghị của Tôn giả. Mục-kiền-liên nói: - Chắc chắn Thế Tôn biết người nào có thể hiển thần thông quảng đại hơn ta. Và Tôn giả đứng qua một bên. Đức Phật bảo Tôn giả: - Này Mục-kiền-liên, việc này không phải việc của ông. Gánh nặng của Ta không giống gánh nặng của bất cứ ai, và không ai có thể gánh vác nó được, nên không có gì lạ khi chẳng ai gánh vác thế Ta được. Trong quá khứ cũng thế, do ý muốn của Ta, Ta thọ sanh làm súc, cũng không có ai có thể gánh vác gánh nặng ấy cho Ta. Nghe Phật nói thế, Tôn giả thưa: - Bạch Thế Tôn, việc ấy ra sao, và xảy ra lúc nào? Phật bèn nhắc lại chuyện tiền thân Kanha Usabha: Vì trọng tải quá nặng, vì con đường lún bùn, Chúng thắng ngựa Blackie, và nó lập tức chở hàng đi. Phật cũng nói tiếp chi tiết chuyện tiền thân Nandi Visàla để làm vấn đề sáng tỏ hơn: Nên luôn luôn nói lời dịu dàng, không bao giờ nên nói thô bạo, Với người nói lời dịu dàng, nó kéo một trọng tải thật nặng nề, Và làm người ấy giàu có, tất cả chỉ vì nó thích người ấy. Sau khi nhắc lại các chuyện tiền thân, Ngài bước đi trên con đường trân bảo, đoàn tùy tùng theo sau trải rộng mười hai dặm phía trước Ngài, mười hai dặm phía sau, mười hai dặm bên tay trái, mười hai dặm bên tay phải. Thế Tôn đứng oai nghiêm giữa một đám đông khổng lồ bao quanh hai mươi bốn dặm và hóa hiện thần thông Song Hành. D. Phật Hiện Thần Thông Song Hành Thế nào là thần thông Song Hành của Như Lai? Trong dịp này, Thế Tôn hóa hiện thần thông Song Hành, thần thông vi diệu hơn bất cứ thần thông nào của chúng đệ tử. Từ trên thân Ngài phóng ra lửa, và từ dưới chân Ngài phun nước, hoặc dưới thân tuôn lửa, trên thân tuôn nước. Trước mặt tuôn lửa, sau lưng tuôn nước, hoặc trước mặt tuôn nước, sau lưng tuôn lửa. Từ hai tai, hai mắt, hai lỗ mũi, hai vai, hai tay, hai bên hông, hai chân, đầu ngón chân và gót chân, nơi mỗi phần trên thân Thế Tôn lần lượt tuôn lửa và nước. Những luồng lửa nước lóng lánh đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng và màu kim tuyến

chói lọi. Thế Tôn đi, hóa thân của Ngài đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi; hóa thân nằm thì Thế Tôn đi, đứng hoặc ngồi. Đây là truyền thống thần thông Song Hành của đức Phật. (Thần thông này, đức Thế Tôn biểu hiện khi Ngài đi lên đi xuống trên con đường trân bảo. Lúc đó Ngài nhập hỏa đại tam-muội thì lửa từ trên thân tuôn ra, và khi nhập thủy Đại Tam-muội thì nước tuôn từ dưới thân. Tất cả những phần trên thân Ngài đều như vậy, hễ phần này tuôn lửa thì phần kia tuôn nước và ngược lại. Những luồng lửa và

nước không hề lẫn lộn nhau, cả hai đều bắn tung xa đến trời Phạm Thiên và trở xuống cõi của Cakkavàla. Sáu sắc trong những tia lửa và nước ấy, như vàng lỏng chảy từ lò luyện kim, hay là vàng của vua từ ống chảy ra, chiếu sáng từ cõi Cakkavàla, lên đến Phạm thiên, rồi trở lại Cakkavàla, như một hình chóp nón và toàn pháp giới ngời sáng hào quang). Vào ngày ấy đức Phật đi lên đi xuống hiển hóa thần thông Song Hành, thỉnh thoảng Ngài cũng thuyết pháp cho quần chúng nghe, không làm họ chán với bài pháp vô tận mà làm cho tinh thần họ tăng trưởng hỷ lạc bởi chốc chốc Ngài lại để họ nghỉ ngơi, thư giãn. Cho nên họ vỗ tay ca ngợi vang rền. Đức Phật nhìn vào giữa đám đông và dùng mười sáu cách để quan sát tâm trí mỗi người. Khi một chúng sanh nào thích thú với bài pháp hay một thần thông nào, Ngài liền giảng đúng bài pháp ấy và hiện chính thần thông ấy cho người đó. Rồi nhiều chúng sanh được Pháp nhãn thanh tịnh. Khi đức Phật thấy trong số quần chúng đông đảo ấy không ai hiểu ý mình và có thể hỏi, Ngài liền hóa hiện một thân khác, hóa thân hỏi và Phật trả lời. Khi đức Phật đi tới đi lui thì hóa thân có những cử động khác và ngược lại. Được thấy thần thông và thuyết pháp, có hai trăm triệu người được Pháp nhãn thanh tịnh. E. Đức Phật Lên Cung Trời Ba Mươi Ba. Khi hiện thần thông xong, đức Phật nghĩ thầm: "Chư Phật quá khứ sẽ ở đâu sau khi hiện thần thông?". Theo thông lệ, đức Phật sẽ lên cung trời Ba mươi ba và giảng dạy luận A-tỳ-đàm cho thân mẫu". Nghĩ thế Ngài nhấc chân phải và bước lên ngọn núi Yugandhara, chân trái đặt lên núi Tu-di, và như vậy với ba bước chân chấm đất hai lần, Ngài đi sáu trăm tám mươi hai ngàn dặm. Không ai có thể đo được chiều dài mỗi bước chân của Phật, chỉ biết rằng khi Phật nhấc chân lên các ngọn núi co đầu thấp dưới chân Ngài, và khi Ngài bước qua chúng ngẩng lên và đứng ở vị trí cũ. Trời Đế Thích thấy Phật và nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn sẽ ở đây trong ba tháng mùa mưa trên ngai Hoàng Thạch sẽ làm lợi ích cho vô số chư Thiên. Nhưng nếu Thế Tôn an cư ở đâu, chư thiên khác sẽ không có chỗ chen chân. Phiến Hoàng Thạch này dài sáu mươi dặm và rộng năm mươi dặm, Thế Tôn ngồi trên ấy cũng như không có ai ngồi". Đức Phật biết ý nghĩ của Đế Thích, Ngài ném tọa cụ trùm cả phiến đá Hoàng Thạch. Đế Thích nghĩ: "Đúng là Ngài ném tọa cụ trùm hết cả phiến đá thật, nhưng khi Ngài ngồi lên đó chắc chắn Ngài sẽ thành ra nhỏ tí". Đức Phật lại biết được những ý nghĩ ấy nên Ngài trùm phủ phiến đá trong nếp y của Ngài, như một Sa-môn cao lớn phủ áo nạp lên chiếc ghế đẩu thấp, và Ngài ngồi lên đó. Lúc ấy, dân chúng ở cõi Ta-bà bỗng nhiên không thấy Phật, như mặt trăng chợt lặn. Họ hỏi nhau:

- Thế Tôn đã đi Cittakùta hay Kelàsa hay Yugandhara? Chúng ta không được trông thấy đấng Toàn Giác, bậc chúa tể thế gian, đấng trí tuệ của loài người. Họ khóc lóc, than thở. Những người khác nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn thích độc cư, Ngài khó chịu khi hiện thần thông như thế cho một đám đông như thế, nên đã đi sang xứ khác. Chúng ta có còn gặp được Ngài hay không?" Họ khóc lóc, rên rỉ, nói kệ: Ngày vui trong nhàn tịnh, Ngài đã đi xa không trở lại cõi này. Chúng ta không còn thấy bậc Tối Thắng, Bậc chúa tể thế gian, Bậc hiền trí nhất trong loài người. Họ hỏi Tôn giả Mục-kiền-kiên - Thế Tôn đi đâu, thưa Tôn giả? Mặc dầu biết đức Phật đi đâu, nhưng Tôn giả nghĩ thầm: "Hãy để cho người khác tỏ phép mầu", nên bảo mọi người: - Hãy hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà. Và khi mọi người hỏi, Tôn giả A-nậu-lâu-đà đáp: - Thế Tôn đã bay lên cung trời Ba mươi ba, ngồi

trên ngai Hoàng Thạch, Ngài sẽ giảng dạy luận A-tỳ-đàm cho thân mẫu. - Thưa Tôn giả, khi nào Ngài trở về? - Ngài ở đó ba tháng hạ, và trở về vào dịp giải hạ. Mọi người reo hò: - Chúng ta không đi đâu cả cho đến khi gặp lại đức Bổn sư. Họ cắm trại tại đó, ngủ đêm dưới bầu trời. Và dù đông đảo họ không gây nhơ uế trên đất, vì khi họ đại tiểu tiện đất nứt ra và khép lại, cho nên lúc nào mặt đất cũng sạch sẽ. Trước khi lên cung trời đức Phật dặn Tôn giả Mục-kiền-liên: - Mục-kiền-liên, ông thuyết pháp cho mọi người, còn Cấp Cô Độc sẽ cung cấp thực phẩm. Như vậy, trong suốt ba tháng, ông Cấp Cô Độc cung cấp đồ ăn, thức uống, trầu cau, hương hoa cho mọi người. Tôn giả Mục-kiền-liên thì giảng dạy và trả lời mọi câu hỏi. Khi Đức Thế Tôn đã lên cung trời Ba mươi ba, đã ngồi vào pháp tòa, chư Thiên của mười ngàn thế giới vây quanh và hầu tiếp Ngài. Trên cõi trời Ba mươi ba, Khi đức Phật đấng tôn quý của mọi loài, Ngồi dưới cội san hô, trên tòa Hoàng Thạch, Thần tiên mười ngàn cõi tụ về và hầu tiếp. Đấng Tối Thắng, ngồi nơi cao nhất của cõi trời,

Không ai chói sáng bằng Ngài, Chỉ mình Ngài độc nhất, rực rỡ át chư thiên. Hoàng hậu Ma-da từ cõi trời Đâu-suất đến, ngồi bên tay phải của đức Phật, trời Indaka cũng đến ngồi bên tay phải Phật, và trời Ankura đến ngồi bên tay trái. Khi các vị trời đầy quyền lực đến dự hội, Ankura phải rời khỏi chỗ và ngồi một chỗ cách xa mười hai dặm, trong khi Indaka còn ngồi bên tay phải Phật. Thế Tôn quan sát cả hai, Ngài muốn dạy về phước báo lớn lao của sự cúng dường xứng đáng, nên bảo Ankura: - Dù trong mười ngàn năm ngươi đã cho lập nên những lò sưởi trên suốt quảng đường dài mười hai dặm, và cúng dường vô số phẩm vật, sau thời gian dài ấy bây giờ ngươi đến đây nên trong chúng hội của Ta, lại ngồi xa ta nhất tới mười hai dặm. Tại sao thế? Thế Tôn nhìn Ankura và Indak, tuyên bố ai cúng dường giá trị, Ngài nói: Ankurà, ngươi cúng dường vô số, Vậy mà sau một thời gian dài, Ngươi ngồi chỗ thật xa. Hãy đến đây! Âm thanh ấy dội xuống mặt đất, dân chúng đang cắm trại dưới ấy đều được nghe. Được đấng Đạo sư thức tỉnh, Ankura nói: - Những thứ cúng dường ấy đã đem lại ích lợi gì cho con? Người xứng đáng được cúng chẳng đem lại phước báo gì ư? Dạ xoa Indaka này chỉ dâng chút ít phẩm vật. Vậy mà ông ấy sáng hơn hết thảy chúng con, như mặt trăng sáng hơn tất cả tinh tú. Khi Ankura nói như thế, đức Phật hỏi Indaka: - Này Indaka, ngươi ngồi bên tay phải ta, vì sao ngươi ngồi đây mà không dời đi? Indaka đáp: - Bạch Thế Tôn, như một nông phu gieo một ít hột giống trên thửa ruộng tốt, con nhận phước lành này nhờ cúng dường đáng giá. Để làm sáng tỏ vấn đề người nào cúng dường giá trị người nào không, Indaka nói: Như hột giống, mặc dù rất nhiều, gieo trên đất xấu. Không gặt hái nhiều, không làm nông dân vui thích. Vật cúng dường dù nhiều, dâng người ác, Không gặt quả nhiều, không lợi ích cho người thí. Còn hột giống dù ít, gieo trên đất tốt, Sẽ gặt nhiều kết quả, nông phu vui lòng. Như thế, cúng dường người đức hạnh, chính trực và thánh thiện. Dù ít vẫn được kết quả tốt, phong nhiêu. Chuyện kể rằng, nhân dịp Ngài A-nậu-lâu-đà đi khất thực, Indaka cúng dường Tôn giả một muỗng thức ăn của mình. Nên mặc dù Ankura đã đốt hàng ngàn lò sưởi trên khoảng đường dài mười hai dặm trong mười hai ngàn năm, và bố thí rất nhiều, nhưng việc làm của Indaka được kết quả lớn hơn. Thế Tôn bảo:

- Này Ankura, phải nhận xét trong khi cúng dường. Với phương cách đó, giống như gieo giống trên đất tốt, việc cúng dường được quả tốt. Nhưng ngươi không làm như thế, nên phước báo ngươi không đủ. Ngài nói kệ: Cúng dường với sự xét đoán, được quả đây, Người như thế được sanh thiên. Như Lai khen ngợi sự cúng dường với óc phán đoán. Nên cúng dường đến người xứng đáng nhất, Sẽ gặt quả tốt, như hạt giống gieo đất tốt. Ngài nói những Pháp Cú tiếp theo: Cỏ làm hại ruộng vườn, Tham làm hại người đời, Bố thí người ly tham, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Sân làm hại người đời. Bố thí người ly sân, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Si làm hại người đời. Bố thí người ly si, Do vậy được quả lớn. Cỏ làm hại ruộng vườn, Dục làm hại người đời. Bố thí người ly dục, Do vậy được quả lớn. Và ngồi giữa chúng hội chư thiên, đức Phật muốn lợi lạc cho thân mẫu nên bắt đầu giảng dạy luận A-tỳ-đàm, bắt đầu bằng những câu: "Những điều này tốt, những điều này xấu, những điều này không tốt, không xấu". Suốt ba tháng Ngài dạy luận A-tỳ-đàm không ngừng. Lúc nào đi khất thực, Ngài hóa ra một thân khác và bảo: "Hãy nói pháp cho đến lúc Ta trở về". Xong, Ngài đi đến núi Hy-mã, sau khi đánh răng và súc miệng nơi hồ A-nâu-đạt (Anotatta), Ngài nhận thức ăn từ châu Uất-đơn-việt (Uttarakura), và ngồi trong vườn của một Trưởng giả Ngài dùng bữa trưa. Tôn giả Xá-lợi-phất lên đến trời Đâu-suất và làm thị giả cho đức Phật. Khi Phật thọ trai xong, Ngài nói: - Xá-lợi-phất hôm nay Ta đã nói pháp như thế như thế, ông có thể thuật lại cho năm trăm Ty-kheo tu học với ông. Và Phật dạy cho Tôn giả. Chúng ta được biết rằng, khi đức Phật hiện thần thông Song Hành, có năm trăm thanh niên con nhà vọng tộc xuất gia với Tôn giả Xá-lợi-phất,

và để ám chỉ các vị này đức Phật đã nói như trên. Giảng dạy cho Tôn giả xong, Phật trở lên cõi trời thay vào chỗ hóa thân Phật và nói tiếp. Tôn giả Xá-lợi-phất trở xuống nhân gian, nói pháp cho các Tỳ-kheo, và ngay khi Phật còn ở lại thiên giới, các Tỳ-kheo đạt được Thất giác chi. Vào thời đức Phật Ca-diếp, năm trăm Tỳ-kheo này là bầy dơi nhỏ. Chúng ở trong một động núi, và có hai thầy Tỳ-kheo cư ngụ trong ấy đọc tụng kinh A-tỳ-đàm. Chúng nghe âm thanh Luận tạng khi bay chung quanh đó và đâm ra yêu thích âm thanh ấy. Với các câu: "Đây là các uẩn của chúng sanh, đây là các đại của chúng sanh", tuy chúng không hiểu ý nghĩa nhưng vì yêu mến tiếng đọc tụng, chúng được sanh thiên. Vào thời giữa Phật Ca-diếp và Thích-ca, họ ở cung trời hưởng khoái lạc và tái sanh vào Xá-vệ, trong gia đình vọng tộc. Do sự kính tin và thần thông Song Hành, họ xuất gia theo Tôn giả Xá-lợi-phất, và trở thành những người đầu tiên thông đạt Thất giác chi. Đức Phật tiếp tục chỉ dạy như thế trong ba tháng. Khi nghe Ngài dạy xong, có tám trăm ngàn triệu chư thiên đạt được Pháp nhãn, và hoàng hậu Ma-da chứng Sơ quả. F. Đức Phật Xuống Nhân Giới Và Chư Thiên Qủy Thần Hộ Tống Quần chúng trong ba mươi sáu dặm, biết lễ giải hạ sẽ đến trong bảy ngày nữa, đến hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: - Thưa Tôn giả, có gì trở ngại không nếu chúng con biết ngày nào đức Phật trở về? Chúng con sẽ không đi đâu cho đến lúc gặp Phật. Tôn giả đáp: - Tốt lắm! Tôn giả đi đến chân ngọn núi Tu-di và nghĩ thầm: "Hãy để mọi người thấy ta leo lên". Và khi Tôn giả bắt đầu leo núi, thân hình Ngài hiển lộ với tấm y vàng trong suốt. Mọi người theo dõi và reo lên từng chập: - Tôn giả đang leo lên một dặm.. hai dặm.. Tôn giả lên đỉnh núi đảnh lễ dưới chân Phật, lấy đầu mình nâng bàn chân Phật và bạch: -

Bạch Thế Tôn! Dân chúng muốn đến nơi nào để có thể thấy Thế Tôn, khi nào Thế Tôn trở xuống? - Nhưng này Mục-kiền-liên! Xá-lợi-phất đâu? - Bạch Thế Tôn! Tôn giả đang ở cổng thành Samkassa. - Này Mục-kiền-liên! Bảy ngày nữa Ta sẽ xuống tại cổng thành Samkassa vào ngày giải hạ. Ai muốn thấy Ta hãy đến đó. Khoảng cách từ Xá-vệ đến Samkassa là ba mươi dặm, và không ai có thể cung cấp thức ăn cho mọi người trên lộ trình dài như thế. Phật bảo: - Hãy dạy họ phát nguyện giữ trai giới (không ăn) và đi theo sức của họ có thể đi, như thể đang đến tinh xá kế cận nghe pháp. - Thưa vâng. Tôn giả trở lại, nói cho mọi người biết lời dạy của Phật.

Mùa an cư đã chấm dứt, lễ giải hạ được cử hành. Đức Phật nói với Đế Thích: - Nay là lúc Ta trở lại cõi người. Đế Thích bèn hóa ra ba con đường bằng bậc thang, một bằng vàng, một bằng ngọc, và một bằng bạc. Ba con đường dẫn từ núi Tu-di xuống đến cổng thành Samkassa, đường bằng vàng bên phải dành cho chư thiên và quyến thuộc, đường bằng bạc bên trái dành cho Đại Phạm thiên và quyến thuộc, đường chính giữa bằng ngọc dành cho Thế Tôn. Trong dịp này, Phật đứng trên đỉnh núi Tu-di hóa hiện thần thông Song Hành và nhìn lên. Ngài nhìn suốt chín tầng trời Đại phạm, và khi nhìn xuống Ngài nhìn đến tầng địa ngục Vô gián. Rồi Ngài quán sát bốn phương tám hướng, nhìn suốt vô tận cảnh giới, người và trời đều thấy lẫn nhau. Chúng hội đông dầy trong khoảng chu vi ba mươi sáu dặm, ai đã thấy vẻ huy hoàng của Phật đều mong muốn mình sẽ thành Phật. Từ trên không trung đức Phật đi xuống trên con đường bằng ngọc, chư Thiên xuống bằng đường vàng, Phạm thiên xuống bằng đường bạc. Nhạc thần Càn-thát-bà (Pancasikha) bay bên phải đức Phật, khảy đàn ca tụng Phật bằng những âm thanh tuyệt vời. Thần thiên-xa (Màtali) tung hương hoa bên trái đức Phật. Trời Đại Phạm cầm lọng, trời Dạ-ma cầm quạt bằng đuôi con Yak. Với các thiên thần tùy tùng như thế, đức Phật đặt chân xuống cổng thành Samkassa. Tôn giả Xá-lợi-phất đến đón Phật và đảnh lễ Ngài, và hứng khởi vì chưa bao giờ thấy đức Thế Tôn trở về trong nghi thức long trọng, vĩ đại của một vị Phật như thế. Tôn giả nói: Con chưa từng thấy, chưa ai từng nghe, Đức Bổn sư thuyết pháp âm êm dịu, Nay từ Đâu-suất trở về với chúng tùy tùng. Bày tỏ niềm vui bằng câu kệ và bằng mọi cách xong rồi, Tôn giả bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, hôm nay, tất cả trời người được thấy sự tôn quý của Ngài và theo Ngài. - Này Xá-lợi-phất, với phạm hạnh như vậy chư Phật là bậc tôn quý hơn cả người và trời. Ngài nói kệ: (181) Người trí chuyên thiền định, Thích an tịnh viễn ly, Chư thiên đều ái kính, Bậc chánh giác, chánh niệm. Lệ thường của chư Phật, sau khi hóa hiện thần thông Song Hành đã an cư ba tháng trên cõi trời, và trở xuống tại cổng thành Samkassa. Để ghi dấu nơi đức Phật đặt bàn chân mặt xuống quả đất, một tinh xá được xây cất tại đây. Đức Phật sẽ đặt một câu hỏi vừa sức hiểu của những ai chưa chứng Sơ quả, những người này trả lời dễ dàng câu hỏi ấy, nhưng không thể trả lời câu hỏi dành cho những người chứng Sơ quả. Tương tự như thế chứng Sơ quả không thể trả lời câu hỏi dành cho những người chứng Nhị quả.. cuối cùng người được Tứ quả không thể trả lời câu hỏi dành cho Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Mục-

kiền-liên không thể trả lời câu hỏi dành cho Tôn giả Xá-lợi-phất, và Tôn giả Xá-lợi-phất không thể trả lời câu hỏi dành cho Phật. Đầu tiên Phật nhìn về phương Đông, và các phương kế tiếp. Thật là một pháp hội vĩ đại. Trời và người đứng khắp bốn phương tám

hướng, Phạm thiên phía trên, dưới là các Long vương, A-tu-la (Supannas), tất cả đều đứng với dáng cung kính, tất cả đều nói: - Bạch Thế Tôn, trong đây không ai có thể trả lời câu hỏi này, xin đừng hỏi thêm. Đức Phật nói: - Xá-lợi-phất bối rối khi nghe câu hỏi thuộc về Phật trí này: "Tất cả những ai đã tu theo pháp và chứng quả A-la-hán, tất cả những ai đang tu tập, những ai chưa chứng quả Dự lưu, Thượng tọa, ông biết đấy, tôi hỏi rồi, ông hãy nói tôi nghe về việc đi và nói của những người ấy". Xong, đức Phật nghĩ: "Mặc dù trong tâm Xá-lợi-phất không hề nghi ý nghĩ của câu hỏi, bởi ông ấy hiểu Ta đang hỏi về việc đi và nói của những người đang tu tập và những người đã tu tập đắc quả A-la-hán, nhưng ông ấy lại nghi mục đích Ta hỏi câu ấy, và ông ta đang suy nghĩ như vầy: "Về các vấn đề uẩn và đại của hữu tình, hay là vấn đề lục nhập, không biết ta nên nắm ý của Thế Tôn qua cái nào?" Nếu Ta không khai mở giúp Xá-lợi-phất, ông ấy không thể trả lời câu hỏi. Nay ta sẽ giúp Xá-lợi-phất". Và Phật hỏi: - Xá-lợi-phất, ông có hiểu ý danh từ "hữu tình này" không? Phật nghĩ tiếp: "Ngày lúc Xá-lợi-phất hiểu được ý Ta, ông ấy sẽ đáp câu hỏi trong phạm vi các uẩn của hữu tình". Đức Thế Tôn vừa truyền mật ý, câu hỏi liền hóa ra rõ ràng theo một trăm và một ngàn cách. Sau khi Thế Tôn gợi ý, Trưởng lão lập tức trả lời câu hỏi. Chúng ta biết rằng, trừ các bậc Toàn Giác, không ai có thể trả lời câu hỏi mà Phật nêu ra với Xá-lợi-phất. Cho nên Trưởng lão đứng trước Phật cao giọng hùng hồn nói: - Bạch Thế Tôn, con có thể đếm số giọt mưa rơi trên biển lớn của tất cả những cơn mưa trong suốt một kiếp, và cũng thế con đếm được số giọt mưa rơi trên đất liền, rơi trên núi. Và con có thể đưa ra một con số chính xác. Phật dạy: - Này Xá-lợi-phất, Ta biết khả năng toán số của ông. Thật vậy, không gì có thể sánh với trí tuệ của Xá-lợi-phất (Trí tuệ vô tỷ). Vì thế, Tôn giả nói: - Cát sông Hằng vô số, nước biển lớn bao la, vi trần nhiều vô lượng, con có thể dùng trí tính đếm được tất cả. (Ý câu kệ trên như sau: "Bạch Thế Tôn bậc Thánh trí tối thượng, sau khi trả lời câu hỏi này, con có thể trả lời hàng trăm ngàn câu hỏi khác, mỗi câu được đánh dấu bằng một hạt cát hoặc một giọt nước hay một hạt bụi. Gồm tất cả số hạt cát, hạt nước, hạt bụi sông Hằng, không thiếu sót một hạt nào, số hạt bụi này còn ít hơn khả năng trả lời các câu hỏi của con").

Vị Sa-môn dồi dào phước báo đã nương theo phương tiện của Phật trả lời câu hỏi thông suốt, mặc dù lúc đầu Tôn giả không biết đầu đuôi câu hỏi ra sao vì nó nằm trong lãnh vực Phật trí. Khi các Tỳ-kheo nghe kệ này, đã bàn tán như sau: - Tôn giả Xá-lợi-phất, vị tướng quân của chánh pháp, đã trả lời câu hỏi mà không ai trên trái đất có thể trả lời được. Đức Phật nghe những lời bàn tán ấy, dạy rằng: - Đây không phải lần đầu tiên Xá-lợi-phất trả lời câu hỏi mà trên toàn thế gian này không ai có thể trả lời, ông ấy đã làm như thế ở thời quá khứ. Đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ (Jàtaka 99): Dù cho hơn ngàn người thiếu trí tụ họp nhau và lảm nhảm cả một trăm năm. Không bằng một người có trí siêu việt, hiểu rõ điều người khác nói. * 3. Long Vương Và Ái Nữ. Khó thay được làm người ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ngồi dưới bảy cây Sirìsaka, gần Ba-la- nại, liên hệ đến Long vương Erakapatta. Vào thời đức Phật Ca-diếp, Erakapatta là một Sa-môn trẻ. Một hôm, thầy ngồi trên thuyền bơi dọc sông Hằng. Ngang qua khu rừng cây Eraka, thầy nắm một chiếc lá, xuồng đi nhanh thầy níu lại, và chiếc lá bị rách tan. Thầy nghĩ thầm "Chuyện vặt!" Trong suốt hai mươi năm thiền định

trong rừng, thầy không sám hối lỗi này, nhưng khi gần chết, thầy có cảm giác bị một chiếc lá Eraka quấn ngang cổ. Thầy muốn thú tội, nhưng không có vị Tỳ-kheo nào gần đó. Tràn đầy hối hận thầy kêu lên: - Giới phẩm của ta bị khiếm khuyết. Sau khi chết thầy tái sinh làm Long vương, kích thước to lớn như một con tàu. Khi sanh ra, thấy hình dạng mình, Long vương buồn bã nghĩ thầm: "Sau khi thiền định lâu dài ta đã tái sinh trong một nơi vô lý, sanh vào đầm lầy của loài ếch". Khi Long vương có một cô con gái, Ngài nằm trên sông Hằng và đưa cao cái lưng khổng lồ, long nữ hát múa trên lưng. Long vương nghĩ thầm: "Bằng cách này, khi có đức Phật ra đời, ta sẽ biết tin. Trong trường hợp người nào hát đáp được câu hỏi của ta, ta sẽ gả con gái, luôn cả tài sản và quyền lực của Long vương". Vào một đêm nhằm ngày Bồ- tát, Long vương đặt con gái trên lưng, long nữ nhảy múa và hát đố rằng: Thế nào gọi là vua? Thế nào bị gọi là tham dục thống trị? Làm sao thoát khỏi quyền lực của tham dục? Tại sao gọi là người ngu?

Tất cả cư dân trên cõi Diêm-phù-đề nói với nhau: "Chúng ta phải thắng long nữ". Với khả năng khôn ngoan nhất, họ tìm câu trả lời và hát đáp lại, nhưng long nữ đều bác bỏ. Và như thế cứ nửa tháng, long nữ lại xuất hiện, hát múa trên lưng vua cha, điều ấy xảy ra suốt thời gian giữa hai đức Phật. Khi đức Phật xuất hiện, vào một buổi sáng, Ngài quan sát căn cơ chúng sanh, và nhận thấy Long vương Erakapatta và thanh niên Bà-la-môn Uttara có nhân duyên đáng độ. Quán sát tiếp, Ngài nhận thấy: "Hôm nay là ngày Long vương đặt con gái lên lưng và cho cô gái hát. Chàng Bà-la-môn Uttara sẽ học câu hát trả lời do Ta chỉ dạy, chứng Sơ quả và mang câu trả lời đến chỗ Long vương. Khi nghe câu trả lời, Long vương sẽ biết có Phật ra đời và đến gặp Ta. Khi Long vương đến, Ta sẽ dạy câu kệ giữa pháp hội, vào cuối bài kệ có tám mươi bốn ngàn người được Pháp nhãn". Lúc bây giờ bảy cây Sirìsaka không xa Ba-la-nại, và đức Phật đến ngồi dưới gốc cây. Dân chúng chuẩn bị câu hát trả lời và tụ tập với nhau. Đức Phật thấy Uttara đang đi gần đó, Ngài nói: - Uttara! - Thế Tôn! Có việc gì? - Hãy đến đây! Uttara đến đảnh lễ Phật, và ngồi một bên, Phật hỏi: - Ngươi đi đâu? - Con đi đến chỗ long nữ, con Long vương Erakapkatta đang hát múa. - Nhưng ngươi biết câu trả lời chưa? - Thưa vâng, con biết. Uttara đọc lại câu trả lời của chàng cho Phật nghe, Phật dạy: - Câu trả lời ấy không đúng. Ta sẽ dạy cho ngươi câu trả lời, ngươi có mang đi đáp lại long nữ không? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! - Này Uttara! Khi long nữ hát đố, ngươi nên hát trả như sau: Người nào làm chủ sáu căn, ấy là vua. Người nào vui thích với sáu căn, ấy là bị tham dục làm chủ. Người không vui thích với sáu căn, là thoát khỏi tham dục. Người nào vui thích với sáu căn, là người ngu. Sau khi dạy Uttara câu trả lời, Phật dạy tiếp: - Uttara! Khi ngươi hát xong, long nữ sẽ hát tiếp: Vì sao người ngu tái sinh? Bằng cách nào người trí tự tại? Bằng cách nào chứng Niết-bàn? Hãy trả lời câu hỏi của ta. Và ngươi hãy trả lời: Do lòng tham ái người ngu tái sanh.

Bằng ý chí người trí được tự tại. Người thoát khỏi mọi triền phược, Người ấy chứng Niết-bàn. Uttara ghi nhớ câu trả lời và chúng Sơ quả. Sau khi chứng Sơ quả, chàng rao lên: - Này! Tôi có câu trả lời, hãy tránh đường cho tôi. Đám đông nhiều đến nỗi chân chàng lách giữa các đầu gối của họ. Long nữ đang đứng trên lưng vua cha, vừa múa vừa hát: - Với quyền lực gì được gọi là vua? Uttara trả lời: - Ai làm chủ sáu căn, ấy là vua. Long nữ quay sang hát: - Vì sao người ngu tái sanh? Uttara hát trả: - Vì lòng tham

dục nên người ngu tái sanh. Khi Long vương nghe những câu này, biết rằng đã có một vị Phật xuất hiện ở thế gian. Long vương nghĩ thầm: "Ta chưa hề nghe một bài hát như thế suốt thời gian giữa hai đức Phật. Hôm nay Phật thật sự ra đời". Lòng nhà vua tràn ngập niềm vui. Long vương vẫy mạnh chiếc đuôi khổng lồ, một lượn sóng lớn dâng lên quét sạch hai bên bờ, dân cư trong khoảng ấy rơi tõm xuống nước. Long vương bèn đưa lưng đỡ hết thảy và đặt lên bờ. Nhà vua tiến đến gần Uttara và hỏi: - Tiên sinh, đức Phật hiện ở đâu? - Đại vương, Ngài đang ngồi dưới cội cây. - Chúng ta hãy đến đó. Long vương đi với Uttara, đám đông kéo theo sau. Đến chỗ Phật, Long vương hóa hiện hào quang trên con đường của mình, và đảnh lễ Phật, lui đứng một bên khóc. Phật hỏi: - Có điều gì vậy, đại vương? - Bạch Thế Tôn, con là đệ tử của một đức Phật, và hành thiền suốt hai mươi năm. Nhưng công phu ấy không giúp cho con tránh khỏi quả báo. Chỉ vì con làm rách một chiếc lá Eraka nhỏ, con phải tái sanh làm rồng, bò đi bằng bụng. Trong khoảng thời gian giữa hai đức Phật, con không được làm người, không được nghe pháp, cũng chẳng gặp Phật. Nghe vậy, đức Phật đáp: - Này Đại vương, khó được thân người, khó được nghe pháp, khó có Phật ra đời. Vì Phật muốn thành phải trải qua muôn ngàn gian lao cực khổ. Ngài nói kệ: (182) Khó thay, được làm người. Khó thay, được sống còn. Khó thay, nghe diệu pháp.

Khó thay, Phật ra đời. Nghe xong kệ, có tám mươi bốn ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh.

4. Phương Cách Giáo Giới Trong Ngày Bố Tát Của Bảy Đời Đức Phật Không làm mọi điều ác ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật đang ở Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A-nan. Ngày nọ, Tôn giả A-nan đang ngồi chợt nghĩ: "Đức Thế Tôn đã dạy rõ về cha mẹ của bảy đời chư Phật, đã dạy về thọ mạng, cội cây của chư Phật ngồi thành đạo, đệ tử, vị thống lãnh Tăng đoàn và người ngoại hộ chính thức. Tất cả điều đó đức Thế Tôn nói rõ, nhưng Ngài không nói về phương cách giáo giới của bảy đời chư Phật trong ngày Bố-tát. Phương cách có giống như hôm nay hay khác?". Nghĩ thế, Tôn giả đến bạch Phật và thưa hỏi những điều như trên. - Chư Phật tuy khác nhau về thời gian bố-tát, nhưng tương đồng về lời dạy khi giáo giới. Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassì) bảy năm bố-tát một lần, nhưng lời dạy của Ngài trong hôm ấy áp dụng suốt bảy năm. Phật Thi-khí (Sikhì) và Phật Tỳ-xá-phù (Vessabhù) sáu năm bố-tát một lần. Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha) và Câu-na-hàm-mâu-ni (Konàgamana) bố-tát mỗi năm. Phật Ca-diếp (Kassapa) sáu tháng bố-tát một lần. Đức Thế Tôn đã giảng dạy cho Tôn giả A-nan về thời gian bố-tát của bảy đời chư Phật xong, Ngài giải thích rằng lời giáo giới của chư Phật thường nói trong ngày Bố-tát. (183) Không làm mọi điều ác, Thành tựu các hạnh lành, Giữ tâm ý trong sạch, Chính lời chư Phật dạy. (184) Chư Phật thường giảng dạy, Nhẫn, khổ hạnh tối thượng, Niết-bàn, quả tối thượng, Xuất gia không phá người, Sa-môn không hại người. (185) Không phỉ báng, phá hoại, Hộ trì giới căn bản, Ăn uống có tiết độ, Sàng tọa chỗ nhàn tịnh, Chuyên chú tăng thượng tâm, Chính lời chư Phật dạy. 5. Phật Trị Bịnh Bất Mãn Cho Thầy Tỳ Kheo Dầu mua bằng tiền vàng ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một thầy Sa- môn bất mãn. Chuyện kể rằng, một thầy Tỳ-kheo nọ gia nhập Tăng đoàn và làm đầy đủ bổn

phận, bổn sư của thầy ấy dạy rằng: - Hãy đi đến nơi đó... học luật nghi. Thầy đi không bao lâu, cha thầy lâm bệnh. Ông ước ao được gặp con, nhưng không ai tìm ra thầy. Trước giờ lâm chung, ông lẩm nhẩm những lời thương nhớ con, ông trao một trăm đồng cho con trai kế, và bảo: - Hãy cầm tiền này, sắm y bát cho anh con. Và ông chết. Khi thầy Tỳ-kheo trở về nhà, người em trai gieo mình dưới chân thầy, lăn tròn trên đất, khóc và nói: - Tôn giả ơi! Cha đã thiết tha gọi Tôn giả khi sắp chết và đưa cho con một trăm đồng, con phải làm gì? Thầy Tỳ-kheo từ chối không lấy tiền. - Ta không cần tiền. Nhưng sau đó, thầy lại nghĩ: "Có thú vị gì khi ta sống đời khất sĩ? Một trăm đồng này đủ cho ta sinh sống, ta sẽ hoàn tục". Bị đè nén bởi lòng bất mãn, thầy lơ là với kinh kệ, thiền định, và trở nên đau khổ như người mắc bệnh vàng da. Các chú tiểu hỏi thầy: - Thầy có chuyện gì vậy? - Tôi đang bất mãn. Các chú tiểu đi mách lại với quý thầy, và cuối cùng câu chuyện đến tai Phật. Phật gọi thầy lên hỏi: - Có phải đúng là ông đang bất mãn? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Vì sao? Phải chăng ông có cách sống nào khác? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Gia tài ông được bao nhiêu? - Thưa, một trăm đồng. - Tốt lắm, đi tìm vài miếng chén đến đây, ta sẽ làm một bài toán, và biết kết quả ông có đủ phương tiện để sống hay không? Thầy Tỳ-kheo đem miếng chén đến, Phật bảo: - Bây giờ, để ra năm mươi đồng cho thức ăn thức uống, hai mươi bốn đồng mua hạt giống, cày bừa, cuốc xẻng, và một con dao cạo râu. Kết quả là một trăm đồng không đủ vào đâu cả. Phật bảo thầy Tỳ-kheo: - Số tiền ông có rất ít ỏi. Vì sao ông mong ước được thỏa nguyện với một số tiền như thế? Ở thời quá khứ, những vị Chuyển luân vương chỉ cần vẫy tay một cái là mưa tuôn châu báu, mặt đất ngập mười hai dặm vàng bạc. Những người này sống vương giả

trải qua ba mươi sáu đời làm Đế Thích, và mặc dầu làm chư thiên lâu như thế, khi chết vẫn không thỏa mãn ước nguyện. Khi đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo thỉnh Phật nói chuyện quá khứ. Phật bèn kể lại chuyện tiền thân Mandhàtà (Jàtaka 285): Tận cùng những nơi mặt trời mặt trăng chiếu sáng. Tất cả mọi người sống trên trái đất đều là nô lệ của Mandhàtà. Ngài đọc Pháp cú: (186) Dầu mưa bằng tiền vàng, Các dục khó thỏa mãn. Dục đắng nhiều ngọt ít, Biết vậy là bậc trí. (187) Đệ tử bậc Chánh giác, Không tìm cầu dục lạc, Dầu là dục chư thiên, Chỉ ưa thích ái diệt. 6. Sa Môn Và Long Vương. Loài người sợ hoảng hốt.... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở lại Kỳ Viên, ngồi trên đống cát, liên hệ tới Aggidatta, thầy Tư tế của vua Ba-tư-nặc. Aggidatta (A-kỳ-đạt-đa) là thầy tư tế của vua Mahà Kosala. Khi nhà vua băng hà, con trai Ngài là Ba-tư-nặc lên nối ngôi, cũng kính trọng Aggidatta và cử giữ chức tư tế. Mỗi khi Aggidatta đến, nhà vua đều chào đón và mời ngồi ngang hàng. Sau một thời gian, Aggidatta nghĩ thầm: "Nhà vua rất kính trọng ta, nhưng không thể nào được vua sủng ái mãi mãi được. Sống trong hoàng cung rất thú vị cho những ai đồng trang lứa với nhà vua. Còn ta đã già, tốt hơn là nên làm thầy tu". Aggidatta bèn xin nhà vua được xuất gia, đánh trống rao khắp thành phố, bố thí tài vật suốt một tuần, sau đó rời bỏ thế gian, trở thành thầy tu trong một phái ngoại đạo. Có mười ngàn người đi theo ông. Aggidatta và môn đệ cư trú tại biên giới ba nước: Angas, Ma-kiệt-đà, và Câu-lâu (Kurus). Ông dạy đệ tử: - Chư huynh đệ, khi các người bị nhiễu loạn bởi các tư tưởng bất chánh như tham dục, xấu xa độc ác, hãy đến bờ sông múc đầy bình cát và đổ nơi đây. Và như vậy khi các thầy bị những tư

tưởng bất thiện quấy rối, họ làm theo lời dạy. Sau thời gian, nơi đó thành đụn cát lớn. Long vương Ahicchatta đến ở đó. Dân cư các nước Angas, Ma-kiệt-đà và Kurus hằng tháng đem theo lễ vật trọng thể đến dâng cúng các thầy. Aggidatta dạy họ như sau: - Nương tựa nơi núi rừng, hang động, cây cối, đó là những nơi nương tựa vững chắc. Nương tựa như vậy các ngươi sẽ thoát khổ đau. Khi đó, đức Phật sau khi tu ở Khổ Hạnh lâm và đạt giác ngộ viên mãn, Ngài đến ở Kỳ Viên gần thành Xá-vệ. Quan sát căn cơ chúng sanh, Ngài nhận thấy Bà-la-môn

Aggidatta và môn đệ có cơ duyên chứng quả A-la-hán. Buổi chiều Ngài nói với Tôn giả Mục-kiền-liên: - Này, Mục-kiền-liên, ông có thấy Bà-la-môn Aggidatta đã dạy mọi người một bài học khác với chân lý? Ông hãy đến khuyện dạy họ. - Bạch Thế Tôn, các tu sĩ này đông quá, nếu con đi một mình, sợ họ không chịu nghe theo. Nếu Thế Tôn cũng đến đó, chắc họ sẽ vâng lời. - Ta cũng sẽ đến đó, ông hãy đi trước. Tôn giả Mục-kiền-liên đi và nghĩ thầm: "Các tu sĩ này đông và có thế lực. Nếu ta đến nói với họ lúc họ đang tụ họp, chắc họ sẽ xúm lại hại ta". Tôn giả bèn dùng thần thông tạo ra một trận mưa lớn, các tu sĩ tản mác khắp vòm cây trú ẩn. Tôn giả đến trước lều của Aggidatta và gọi lớn: - Aggidatta! Nghe tiếng gọi, Aggidatta nghĩ thầm: "Trên đời này không có ai kêu tên tộc ta như vậy". Với thái độ bướng bỉnh một cách ngạo mạn, ông hỏi: - Ai đấy? - Tôi đây, tôi là một Bà-la-môn. - Anh muốn gì? - Chỉ cho tôi một chỗ ẩn trú qua đêm nay. - Đây không có chỗ cho anh ở lại, chỉ có một lều cỏ vừa vặn cho một tu sĩ. - Aggidatta! Người có chỗ ở của người, súc vật có chỗ ở của súc vật, và tu sĩ có chỗ ở của tu sĩ. Đừng ngại, hãy cho tôi ở nhờ. - Anh là một tu sĩ? - Phải, tôi là tu sĩ. - Nếu là tu sĩ, bình Khàri của anh đâu? Vật dụng của anh đâu? - Tôi cũng có vật dụng nhưng mạng theo mình bất tiện, nên toiâ tự tìm lấy trên đường đi của mình. Aggidatta nổi giận: - Vậy anh cứ tìm lấy trên đường của anh đi! - Thôi, Aggidatta! Đừng nổi nóng, hãy chỉ cho tôi một nơi ở qua đêm. - Đây không có chỗ ở. - Thế ai ở trong đồi cát kia? - Long vương đấy! - Hãy cho tôi ở đồi cát đó. - Tôi không thể để anh ở đó, điều ấy là một điều sĩ nhục lớn đối với Long vương. - Không sao, hãy cho tôi ở đó. - Được thôi, rồi anh sẽ thấy. Tôn giả đi đến đồi cát. khi Long vương thấy Tôn giả đi đến gần, nghĩ thầm: "Ông thầy kia đi đến đây, chắc ông ấy không biết có ta. Ta sẽ phun khói giết ông ấy". Nghĩ thế Long vương phun khói mù mịt. Tôn giả nghĩ: "Long vương này tự cho mình có thể phun

khói, không ai khác phun khói được chắc". Và Tôn giả cũng phun khói. Hơi khói của hai bên bay lên đến trời Phạm thiên, khói không gây hề hấn gì đối với Tôn giả nhưng khiến cho ông Long vương khó chịu. Long vương không thể ở mãi trong hơi khói, bèn bốc thành lửa. Tôn giả bèn nhập Hỏa quang tam-muội, và lửa trong thân Ngài bốc lên đến Phạm thiên. Toàn thân Tôn giả như một cây đuốc cháy. Các tu sĩ chung quanh thấy thế, đều nghĩ rằng: "Long vương đang phun lửa đốt thầy tu kia. Ông ta chắc phải chết vì không nghe lời chúng ta". Khi Tôn giả chế phục Long vương xong, Ngài ngồi kiết già trên đồi cát. Long vương bày biện thức ăn ngon chung quanh đồi cát, và biến cái đầu rồng thành một mái che rộng lớn, che trên đầu Tôn giả. Sáng sớm hôm sau, các tu sỉ đi đến đồi cát xem Tôn giả chết hay chưa, họ thấy Tôn giả ngồi trên cát, liền đảnh lễ tôn kính Ngài và nói: - Tôn huynh, chắc Long vương đã quấy nhiễu ghê gớm đến tôn huynh. - Các vị không thấy y đương che mát cho tôi đó ư? Các tu sĩ nói: - Sa-môn này đã

chiến thắng Long vương hung dữ thật kỳ diệu làm sao! Rồi họ đứng vây quanh Tôn giả. Lúc ấy Thế Tôn đi đến. Tôn giả đứng lên đảnh lễ Ngài. Các tu sĩ hỏi: - Vị này lớn hơn Ngài ư? - Đây là đấng Đại Giác, đức Thế Tôn. Tôi chỉ là đệ tử Ngài. Phật đến ngồi trên đỉnh đồi cát. Các tu sĩ bảo nhau: - Nếu thần thông của đệ tử như thế, thì thần thông của vị này còn cao đến đâu? Và họ cung kính chắp tay đảnh lễ Phật, xưng tụng Ngài. Phật bảo Aggidatta: - Aggidatta ngươi dạy môn đệ và thi chủ thế nào? - Con dạy họ vầy: "Nương tựa nơi núi rừng, hang động, cây cối. Đó là những nơi nương tựa vững chắc. Nương tựa như vậy các ngươi sẽ thoát khỏi khổ đau. - Không đúng! Này Aggidatta! Ai nương tựa vào những nơi ấy không thoát khỏi đau khổ. Chỉ có người quy y Phật, Pháp, Tăng mới hoàn toàn thoát khỏi vòng khổ đau. Ngài nói kệ: (188) Loài người sợ hoảng hốt, Tìm nhiều chỗ quy y, Hoặc rừng rậm, núi non, Hoặc vườn cây, đền tháp. (189) Quy y ấy không ổn, Không quy y tối thượng. Quy y các chỗ ấy, Không thoát mọi khổ đau. (190) Ai quy y đức phật, Chánh pháp và chư Tăng, Ai dùng chánh tri kiến,

Thấy được bốn Thánh đế. (191) Thấy khổ đau và khổ tập, Thấy sự khổ vượt qua, Thấy đường Thánh tám ngành, Đưa đến khổ não tận. (192) Thật quy y an ổn, Thật quy y tối thượng, Có quy y như vậy, Mới thoát mọi khổ đau. Bài pháp kết thúc, tất cả các tu sĩ đều chứng A-la-hán và có thần thông. Họ đảnh lễ Phật và xin vào Tăng đoàn, đức Thế Tôn đưa tay ra và bảo họ: - Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy sống đời thánh thiện. Ngay lúc đó các thầy trở thành Tỳ-kheo như đã tu từ cả một trăm năm, và đầy đủ tám món cần thiết. Bấy giờ, vào ngày tất cả dân cư ba nước Angas, Ma-kiệt-đà và Kurus theo thường lệ mang nhiều phẩm vật đến cúng. Khi họ thấy các thầy đều trở thành Tỳ-kheo, họ nhủ thầm: "Bà-la-môn Aggidatta của chúng ta lớn hay Sa-môn Cồ-đàm lớn?" Và nhận thấy đức Thế Tôn đã từ chỗ mình đến đây, họ kết luận: "Chỉ có Aggidatta lớn". Đức Phật biết ý họ, nói: - Aggidatta, hãy dẹp tan mối nghi ngờ của các môn đệ ông. Aggidatta đáp: - Đó là điều con rất mong. Và ông dùng thần thông bay lên hư không bảy lần, mỗi lần bay xuống đều đảnh lễ đức Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, Ngài là thầy con, con là đệ tử Ngài. Khi Aggidatta nói thế, ông mặc nhiên công nhận mình là đệ tử Phật. 7. Người Cao Quý Sinh Ở Đâu? Khó gặp bậc thánh nhân ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của Tôn giả A-nan. Một hôm, Tôn giả A-nan ngồi tại nơi cư trú ban ngày, nghĩ thầm: "Thế Tôn đã dạy chúng ta về dòng dõi của những loài voi, ngựa và bò quý, Ngài nói con voi cao quý phát sinh từ giống Chaddanta hay giống Uposatha, ngựa cao quý phát sinh từ dòng dõi Valàhaka là dòng ngựa chúa, và báo cao quý xuất phát từ dòng giống Dekkan. Còn người cao quý phát xuất từ đây?". Tôn giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa hỏi về vấn đề trên. Phật dạy: - Này A-nan, người cao quý không thể sinh ra ở bất cứ nơi nào, mà phải sinh trong phạm vi đường kính ba trăm dặm, cùng chu vi chín trăm dặm của thủ đô một nước. Và

không phải sinh ra ở bất cứ gia đình nào, mà phải là gia đình thuộc dòng Sát-đế-ly hay Bà-la-môn. Ngài nói kệ: (193) Khó gặp bậc thánh nhân, Không phải đâu cũng có, Chỗ nào bậc trí sanh, Gia đình tất an lạc. 8. Điều Gì Hạnh Phúc Nhất Trên Đời? Vui thay Phật ra đời! ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một số thầy Tỳ-kheo. Một hôm năm trăm Tỳ-kheo ngồi ở pháp đường và bàn luận: - Chư hiền, điều gì là hạnh phúc nhất trên đời? Người thì nói: - Không có gì hạnh phúc

bằng làm vua. Người khác nói: - Chỉ có tình yêu là hạnh phúc nhất. Còn có người nói: - Chỉ có ăn ngon là hạnh phúc nhất. Đức Phật đi đến chỗ các thầy và nói: - Các ông ngồi đây bàn tán về vấn đề gì? Các Tỳ-kheo kể lại, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Các ông nói thế nào? Tất cả các hạnh phúc các ông vừa kể đều nằm trong vòng luân hồi đau khổ. Ngược lại, gặp Phật ra đời, được nghe chánh pháp, sống thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn, những điều ấy là hạnh phúc nhất. Ngài nói kệ: (194) Vui thay, Phật ra đời! Vui thay, Pháp được giảng! Vui thay, Tăng hòa hợp! Vui thay, hòa hợp tu! 9. Tôn Kính Những Bậc Đáng Tôn Kính Cúng dường bậc đáng cúng ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật đang đi du hóa, liên hệ đến ngôi đền vàng của Phật Ca-diếp. Một hôm, đức Phật đi từ Xá-vệ đến Ba-la-nại cùng với một số đông các Tỳ-kheo theo sau. Trên đường Ngài ghé qua một ngôi đền làng Todeyya. Đức Phật ngồi tháp và sai Tôn giả A-nan gọi người Bà-la-môn đang cày bừa gần đấy. Khi người Bà-la-môn đến, ông không chào Phật mà chỉ đảnh lễ ngôi đền. Sau đó ông đến đứng trước Phật, Phật hỏi:

- Vì sao ông lưu tâm đến chỗ này? Bà-la-môn trả lời: - Ngôi đền này đã có từ nhiều thế hệ, vì thế tôi tôn kính nó. Phật khen ông: - Này Bà-la-môn, lành thay, ông tôn kính ngôi đền này rất đúng. Khi các Tỳ-kheo nghe câu chuyện, các thầy bàn tán: - Vì lý do gì Thế Tôn khen ngợi như thế? Phật bèn dạy đoạn kinh Ghatìkàra trong Trung Bộ (Majjhima Nikàya) để giải quyết mối nghi cho các Tỳ-kheo. Ngài dùng thần thông hóa hiện một trái núi bằng vàng giữa không trung, nơi ấy hiển hiện ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp cao một dặm. Ngài chỉ tay vào chúng đệ tử và nói: - Bà-la-môn, càng đúng hơn khi tôn kính những ai đáng tôn kính, như những vị này. Và dùng lời trong một đoạn kinh Đại Niết-bàn, Ngài dạy có bốn hạng người: Phật, Bích Chi Phật, A-la-hán và Chuyển luân vương xứng đáng xây tháp. Có ba loại tháp: tháp thờ xá-lợi Phật, tháp thờ những di tích kỷ niệm, và tháp thờ những vật tùy thân. Phật nói Pháp Cú: (195) Cúng dường bậc đáng cúng, Chư Phật hoặc đệ tử, Các bậc vượt hý luận, Đoạn diệt mọi sầu bi. (196) Cúng dường bậc như vậy, Tịch tịnh, không sợ hãi. Các công đức như vậy, Không ai ước lượng được. Nghe xong, người Bà-la-môn chứng Sơ quả. Trong suốt bảy ngày ngôi tháp vàng cao một dặm hiện giữa không trung. Đây là một cơ hội lớn của dân chúng, họ cúng dường ngôi tháp bằng mọi phẩm vật. Và khi ngôi tháp trở về vị trí cũ, tại đó người ta dựng lại một ngôi tháp đá để kỷ niệm. Có tám mươi bốn ngàn người trong chúng hội được Pháp nhãn thanh tịnh.

PHẨM XV: HẠNH PHÚC 1. Mối Tranh Chấp Giữa Hai Lân Bang Vui thay, chúng ta sống ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn đang ngự gần thân tộc Thích-ca, liên quan đến việc chấm dứt sự tranh chấp giữa các bộ tộc lân bang. Dân cư trong thành Ca-tỳ-la-vệ và dân cư thành Câu-lợi (Koliya) có chung một con sông. Sông Rohinì bắt nguồn từ một đập nước giữa hai thành phố, và cung cấp nước cho hai cánh đồng của cả hai bên. Vào tháng Jetthamùla, lúa bắt đầu chín, nông dân hai bên họp lại, dân thành Câu-lợi nói: - Nếu nước sông chia đôi cho hai bên sẽ không đủ, lúa chúng tôi cần nước để chín. Hãy nhường nước cho chúng tôi. Phía Thích-ca trả lời: - Sau khi các anh đã thâu hoạch đầy bồ, chúng tôi chỉ còn nước chết đói và xách túi đi xin ăn các anh. Lúa của chúng tôi cũng cần nước để chín. Bây giờ hãy để chúng tôi lấy nước. - Không, chúng tôi không để các anh lấy nước. - Hừm! Chúng tôi không bao giờ nhường nước cho các

anh. Cuộc bàn cãi trở nên gay cấn, đến lúc bên này đấm bên kia một đấm, bên kia đấm trả lại và do đó có hận thù. Cuộc tranh cãi gay cấn hơn khi đôi bên bắt đầu nói xấu về cội nguồn của nhau. Nông dân thành Câu-lợi nói: - Hỡi dân thành Ca-tỳ-la-vệ, hãy cõng vợ bồng con đi nơi khác. Chúng ta không muốn sử dụng voi, ngựa, khí giới với lũ các người đê tiện như lang sói, cưới chị làm vợ. Dân chủng tộc Thích-ca gào lên: - Đồ cùi, hãy mang vợ con đi khuất mắt. Các người tưởng rằng chúng ta thích đem khí giới, voi ngựa để đánh lại lũ ngươi, chỉ sống dưới cây táo như súc vật? Đán nông dân hai bên trình bày câu chuyện lên quan Tổng Trấn của họ, và các quan Tổng Trấn tâu lên vua của họ. Dòng Thích-ca chuẩn bị khí giới và la lên: - Chúng ta sẽ chứng tỏ sức mạnh của những kẻ kết hôn với chị em bà con. Dòng Câu-lợi cũng sửa soạn chiến tranh và đáp trả: - Chúng ta sẽ chứng tỏ thế nào là sức mạnh của kẻ sống dưới cây táo. Khi đức Thế Tôn quan sát thế gian vào mỗi sáng sớm, Ngài thấy sự kiện trên và nghĩ thầm: "Nếu Ta không đến giảng hòa, họ sẽ giết hại lẫn nhau mất". Ngài bay lên hư không, ngay trên chỗ tụ họp của hoàng gia Thích-ca, và ngồi kiết già trên khoảng không của sông Rohinì . Hoàng tộc Thích-ca thấy Ngài, họ ném khí giới và đảnh lễ Phật. Thế Tôn hỏi: - Đại vương! Gây hấn vì chuyện gì thế? - Bạch Thế Tôn, con không biết. - Vậy thì ai biết?

- Có lẽ thống tướng quân binh biết. Ông thống tướng trả lời: - Có lẽ phó vương biết. Cứ thế, Phật hỏi tuần tự, đến đám nông dân, và họ trả lời: - Bạch Thế Tôn, cuộc chiến tranh này là vì con sông. Đức Phật hỏi nhà vua dòng Thích-ca: - Đại vương! Giá trị của một chút nước ruộng là ra sao? - Bạch Thế Tôn! Chẳng đáng gì. - Giá trị của các chiến sĩ dòng Sát-lợi như thế nào? - Dòng Sát-lợi vô giá, bạch Thế Tôn! - Không có gì vô lý bằng chỉ vì chút nước mà các ông tiêu diệt dòng Sát-lợi như thế. Họ im lặng. Đức Phật khuyên dạy: - Chư đại vương! Vì sao chư đại vương hành động như thế? Nếu Ta không đến đây hôm nay, các ông sẽ cho máu chảy thành sông. Các ông hành động thật sai lầm. Các ông sống trong hận thù, nuôi dưỡng sân giận. Ta đã thoát khỏi sân hận. Các ông sống trong sự hèn yếu của dục vọng. Ta đã thoát khỏi dục vọng. Các ông say mê theo đuổi ngũ dục. Ta đã thoát ngoài ngũ dục. Phật nói kệ: (197) Vui thay, chúng ta sống, Không hận, giữa hận thù. Giữa những người thù hận, Ta sống không hận thù. (198) Vui thay, chúng ta sống, Không bệnh giữa ốm đau, Giữa những người bệnh hoạn, Ta sống không ốm đau. (199) Vui thay chúng ta sống, Không rộn giữa rộn ràng. Giữa những người rộn ràng, Ta sống không rộn ràng. 2. Ma Vương Chế Ngự Thôn Dân Vui thay, chúng ta sống... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại ngôi làng Bà-la-môn Pancasala, liên hệ đến Ma vương. Một hôm, đức Phật quan sát căn cơ dân làng Ba-la-môn nọ và nhận thấy có năm trăm cô gái trong làng có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn, Ngài bèn đi đến gần làng ấy. Bấy giờ vào ngày lễ, các thôn nữ đi đến gần bờ sông tắm, tắm xong các cô trang sức nhiều vòng tay vòng chân, đi về làng. Ngay lúc đó, đức Thế Tôn đi vào làng khất thực,

Ma vương khống chế toàn bộ dân làng khiến không ai cúng dường Thế Tôn dù chỉ một muỗng nhỏ, Phật ra khỏi làng với cái bát rỗng. Ma vương đứng ở cổng làng hỏi: - Sa-môn, ông không nhận được gì ư? - Này hiện thân của xấu ác! Vì sao ông sắp đặt để Ta không khất thực được gì? - Tốt lắm! Sa-môn hãy trở vào làng. Khi nói như thế, Ma vương thầm nghĩ: "Nếu Cồ-đàm trở vào trong làng, ta sẽ dùng quyền lực khiến dân

chúng vỗ tay, cười vào mặt ông ấy, và làm mọi trò chế giễu". Khi đó các cô gái về đến cổng thấy đức Phật, họ dùng lại đảnh lễ và đứng qua một bên. Ma vương nói với đức Phật: - Bạch Thế Tôn, Ngài không xin được chút thức ăn nào, chắc là đói bụng lắm. - Này Ma vương, dù cho ngày hôm nay Ta bị quấy rầy, Ta vẫn an lạc như ở cõi trời Quang Âm. Ngài nói kệ: (200) Vui thay, chúng ta sống, Không gì, gọi của ta. Ta sẽ hưởng hỷ lạc, Như chư thiên Quang Âm. 3. Vua Ba-Tư-Nặc Bại Trận Chiến thắng sinh thù oán... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Batư-nặc nước Kosala. Chuyện kể rằng, vua Ba-tư-nặc đánh nhau với A-xà-thế, gần làng Kasika và ba lần bại trận. Trở về sau lần thất bại thứ ba, nhà vua nghĩ thầm: "Nếu không thắng được tên miệng còn hôi sữa ấy, ta sống làm gì?". Nhà vua bỏ ăn nằm dài trên long sàng. Tin tức bay đi khắp thành và đến tinh xá. Các Tỳ-kheo thuật lại chuyện cho đức Thế Tôn nghe: - Bạch Thế Tôn, nhà vua sau ba lần chiến bại ở gần làng Kasika, đã trở về bỏ ăn, nằm dã dượi trên giường, nói: "Nếu ta không thắng được tên vua trẻ tuổi kia, ta sống làm gì?". Sau khi nghe kể, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, kẻ thắng bị oán ghét, người thua phải buồn rầu. Ngài nói kệ: (201) Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại chịu khổ đau. Sống tịch tịnh an lạc, Bỏ sau mọi thắng bại. 4. Đừng Nhìn Say Đắm Nữ Nhân Lửa nào sánh lửa tham ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một cô gái dòng quý tộc. Chuyện kể rằng, vào ngày hôn lễ của con gái, cha mẹ cô mời đức Thế Tôn đến nhà cúng dường. Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo đến nhà cô thọ trai, cô dâu lăng xăng tới lui để tiếp đãi chúng Tăng. Khi đó, chú rể đứng nhìn cô chăm chăm và lòng khởi lên tham dục. Chú không thấy đức Phật, cả đến tám mươi vị Trưởng lão, chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: "Ta muốn ôm choàng lấy nàng". Đức Phật biết được ý nghĩ của chàng, và Ngài làm cho chú rể không thấy cô dâu nữa, mà quay sang chiêm ngưỡng Thế Tôn. Khi chàng trai đứng đấy, nhìn Phật chăm chăm, Ngài nói với chàng trai: - Này con, không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng lòng sân hận, không khổ nào bằng khổ uẩn, không vui nào bằng vui Niết-bàn. Ngài nói kệ: (202) Lửa nào sánh lửa tham? Ác nào bằng sân hận? Khổ nào sánh khổ uẩn? Lạc nào bằng tịnh lạc? Nghe xong, đôi vợ chồng trẻ chứng quả Tu-đà-hoàn. Vào lúc đó, Phật cho phép họ lại nhìn thấy nhau. 5. Phật Ban Thức Ăn Cho Người Đói Đói ăn, bệnh tối thượng ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Alavi, liên quan đến một nam cư sĩ. Ngày nọ, đức Thế Tôn ngồi trong hương thất ở Kỳ Viên, Ngài quan sát căn cơ chúng sanh, và nhận thấy một nông dân nghèo ở Alavi có duyên đắc quả Tu-đà-hoàn. Ngài bèn đi cùng với năm trăm Tỳ-kheo đến Alavi. Dân cư tại đây liền mời Phật thọ trai. Người nghèo nọ cũng nghe tin Phật đã đến Alavi, và định đi nghe thuyết pháp. Nhưng hôm đó, con bò của ông đi lạc, ông suy tính: "Ta sẽ đi tìm bò hay đi nghe pháp?" Cuối cùng ông quyết định: "Ta sẽ đi tìm bò trước, rồi đi nghe pháp sau". Do đó, sáng sớm ông bương bả đi tìm bò. Cư dân của Alavi sắp đặt cúng dường đức Phật và chư Tăng. Sau khi Phật thọ trai xong, họ dọn cất bình bát và đợi nghe Pháp. Thế Tôn nghĩ thầm: "Ta đi ba mươi dặm đường chỉ vì một chúng sanh có căn cơ chứng quả, kẻ ấy đang lang thang trong rừng tìm con bò. Khi nào người đó trở lại, Ta sẽ nói pháp". Và Ngài ngồi làm thinh. Đến trưa, người nông dân kia tìm được con bò và đánh nó về chuồng. Ông nghĩ: "Dù chưa

ăn uống gì, ít ra ta cũng đi đảnh lễ Phật". Ngay khi đó, dù đang đói meo, ông ta cũng quyết định không về nhà mà vội vã đi đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ và ngồi một bên. Phật bèn hỏi người coi về thức ăn: - Thức ăn của chư Tăng còn thừa chăng?

- Bạch Thế Tôn, vẫn còn. - Tốt lắm! Hãy cho người nghèo này một phần ăn. Và người ta dọn chỗ cho người kia theo sự chỉ dẫn của Phật, cung cấp đầy đủ các loại thức ăn cứng, mềm. Người nông dân ăn xong, súc miệng. (Đây là trường hợp ngoại lệ duy nhất, trong ba tạng không hề ghi lại việc Thế Tôn để tâm đến việc phân phối thức ăn). Sau khi anh nông dân đã no lòng, tâm tư anh trở nên an tĩnh. Đức Phật giảng dạy Tứ đế theo thứ tự Khổ-Tập-Diệt-Đạo. Cuối bài pháp, anh nông dân chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Thế Tôn hồi hướng công đức và trở về tinh xa, thính chúng theo sau Ngài một đoạn đường rồi ai về nhà nấy. Các Tỳ-kheo tùy tùng đức Phật hôm ấy bất mãn tột độ, xì xào: - Huynh đệ nghĩ xem, Thế Tôn đã làm như thế. Một chuyện không hề xảy ra từ xưa đến nay. Vậy mà trưa nay khi thấy một người nghèo đói, Ngài đã hỏi thức ăn và dạy đem cho anh ta. Đức Phật dừng bước, quay lại hỏi: - Các Tỳ-kheo, các ông bàn tán việc gì? Sau khi nghe thuật lại, Ngài nói: - Đúng thế! Này các Tỳ-kheo, Ta đến đây qua một đoạn đường dài ba mươi dặm đầy nhọc nhằn, chỉ với mục đích duy nhất, vì Ta thấy rõ người nông dân kia có khả năng chứng quả Tu-đà-hoàn. Từ sáng sớm, ông ta vào rừng tất tả tìm con bò, lòng không bụng đói. Ta nghĩ nếu Ta nói pháp cho người này nghe trong khi y khổ sở vì đói, y sẽ không hiểu gì cả. Vì thế Ta phải làm như thế. Này các Tỳ-kheo, không gì khổ sở cho bằng đói. Ngài nói kệ: (203) Đói ăn, bệnh tối thượng, Các hành ,khổ tối thượng, Hiểu như thực là vậy, Niết-bàn, lạc tối thượng. 6. Ăn Uống Tiết Độ Không bệnh, lợi tối thượng ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc. Có một lúc, vua Ba-tư-nặc có thói quen ăn uống vô độ, ăn nhiều cơm, canh, cà-ri. Ngày kia sau khi dùng điểm tâm, nhà vua không cưỡng nổi cơn ngầy ngật vì quá no, bèn đi đến chỗ đức Phật và loanh quanh bên Ngài với vẻ mặt đau khổ. Nhà vua chỉ muốn nằm ngủ, nhưng không dám, khi hiện diện bên Phật. Cuối cùng vua đến ngồi một bên Thế Tôn. Phật hỏi: - Đại vương, đến đây mà chưa ngủ nghỉ ư? - Bạch Thế Tôn, không phải như vậy, nhưng con luôn luôn khổ sở sau khi ăn xong. - Này Đại vương! Ăn uống quá độ thường mang lại sự khổ nhọc. Ngài nói kệ: Người ưa ngủ, ăn lớn,

Nằm lăn lóc qua lại, Chẳng khác heo no bụng, Kẻ ngu nhập thai mãi. Sau khi nói kệ khuyên vua, Phật dạy tiếp: - Đại vương, cần phải giữ tiết độ khi ăn uống, đó là điều tốt. Ngài nói kệ tiếp: Người lo chừng mực uống ăn, Khổ đau giảm bớt, thêm tăng tuổi trời. Nhà vua không tài nào nhớ hết câu kệ (Vì rất buồn ngủ). Nên đức Phật nói với hoàng tử Sudassana (Tu-đà-na), vừa là cháu ruột vừa theo hầu cận nhà vua: - Hãy ghi nhớ câu kệ này. - Bạch Thế Tôn, sau khi học thuộc câu kệ, con sẽ làm gì? - Khi nhà vua dùng cơm, ngay khi xới chén cơm cuối cùng con hãy đọc bài kệ. Nhà vua sẽ hiểu ý và lập tức buông chén. Hôm sau, khi nấu cơm cho nhà vua, con hãy bớt đi số gạo tương đương chén cơm cuối cùng đó. - Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Và mỗi buổi sáng chiều khi vua Ba-tư-nặc dùng cơm, hoàng tử làm như lời Phật dạy. Và mỗi khi nghe bài kệ trên, nhà vua bố thí cả ngàn đồng. Nhà vua tự hài lòng với lượng cơm giới hạn mỗi ngày. Sau một thời gian nhà vua trở nên thon ốm và rất vui tươi. Một ngày khác, vua đến đảnh lễ Phật và bạch: _ Bạch Thế Tôn, bây giờ con rất sung sướng, con có thể tham dự cuộc săn

bắn gấu rừng, ngựa rừng. Con từng giận hờn đứa cháu, nhưng sau đó con đã gả công chúa Vajirà cho nó, con tặng công chúa ngôi làng này để nàng có hồ tắm. Mối giận hờn tan biến và con thấy hạnh phúc. Ngày hôm kia, một viên ngọc quý, tài sản của hoàng cung bị mất, nhưng rồi tìm lại được, vì thế con cảm thấy hạnh phúc. Muốn kết tình thân với đệ tử Phật, con đã có được một công nương trong hoàng tộc của Ngài về sống với hoàng tộc con, và vì thế con cũng hạnh phúc. Phật dạy: - Sức khỏe là hạnh phúc lớn nhất mà mọi người mong muốn. Bằng lòng với những gì hiện có là giàu có nhất. Trung tín là điều tốt nhất khi giao hảo. Nhưng không có hạnh phúc nào có thể so sánh với Niết-bàn. Ngài nói kệ: (204) Không bệnh, lợi tối thượng, Biết đủ, tiền tối thượng. Thành tín đối với nhau, Là bà con tối thượng. Niết-bàn, lạc tối thượng. 7. Sống Chân Chánh Là Tôn Kính Phật Đã nếm vị độc cư ...

Câu chuyện này kể lại khi đức Thế Tôn ở Vệ-xá-ly (Vesali) liên quan đến một thầy Tỳ-kheo. Khi nghe đức Phật tuyên bố: - Này các Tỳ-kheo, bốn tháng nữa ta sẽ vào Niết-bàn. Bảy trăm thầy Tỳ-kheo tràn đầy lo sợ. Các A-la-hán chứng nghiệm giáo lý vô thường, còn những vị chưa đắc Sơ quả thì không ngăn nổi nước mắt. Các Tỳ-kheo, tụ tập thành từng nhóm nhỏ, và bàn tán, hỏi han: - Chúng ta sẽ làm gì? Lúc bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo tên Tissa nghĩ thầm: "Nếu quả thật bốn tháng nữa Thế Tôn vào Niết-bàn, thì vì ta chưa thoát khỏi tham dục, ta phải đạt được quả A-lahán trong khi Thế Tôn còn ở tại thế". Lập tức, thầy thúc liễm bốn oai nghi và sống riêng một mình không giao tiếp với các thầy khác và không nói với ai lời nào. Các Tỳ-kheo hỏi han: - Này huynh Tissa, tại sao huynh làm như vậy? Tuy nhiên, Tissa không lưu tâm đến lời lẽ ấy. Các Tỳ-kheo lặp lại câu chuyện cho đức Phật nghe: - Bạch Thế Tôn, Tissa không có lòng tôn kính Ngài. Đức Phật gọi thầy Tissa đến và hỏi: - Tissa! Tại sao ông làm như thế? Khi Tissa thuật lại động cơ đã tác động thầy, đức Phật khen ngợi: - Lành thay, Tissa! Và Ngài bảo các Tỳ-kheo: - Các Tỳ-kheo! Chỉ có người như Tissa mới thật sự tôn kính Ta. Dù cho mọi người tôn kính Ta với hương hoa, cũng không phải thật sự tôn kính. Nhưng người nào thực hành chân lý tối thượng và giữ đúng luật nghi, người ấy mới thật sự tôn vinh Ta. Ngài nói kệ: (205) Đã nếm vị độc cư, Được hưởng vị nhàn tịnh, Không sợ hãi, không ác, Nếm được vị pháp hỷ. 8. Đế Thích Săn Sóc Thế Tôn Lành thay thấy thánh nhân ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại làng Beluva, liên quan đến trời Đế Thích. Vào những ngày cuối đời, đức Phật bị bệnh kiết lỵ, nên rất đau đớn, trời Đế-thích lo lắng nghĩ thầm: "Ta phải đi đến chỗ đức Phật và săn sóc Ngài trong cơn đau ốm". Lập tức, trời Đế-thích rời bỏ thân hình cao lớn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và dùng hai tay xoa bóp chân Phật, Phật hỏi: - Ai đấy?

- Bạch Thế Tôn, con Đế Thích. - Vì sao ông đến đây? - Con săn sóc Thế Tôn trong cơn đau. - Này Đế Thích! Đối với chư thiên, mùi của phàm nhân hôi hám khó ngửi, dù cách xa một trăm dặm. Ông hãy rời khỏi nơi đây vì Ta đã có các Tỳ-kheo săn sóc. - Bạch Thế Tôn, con nghe được hương thơm đức hạnh của Ngài lan xa từ tám muôn bốn ngàn dặm. Con đến đây chỉ là muốn được săn sóc Ngài trong cơn đau. Đế Thích không cho ai mó tay đến thùng phân của đức Phật, chính tự mình đội nó lên đầu, và không chút tỏ vẻ nhờm gớm, như thể vua trời đang đội một bình đầy hương thơm. Cứ như vậy Đế Thích săn sóc Thế Tôn, và chỉ rời khỏi chỗ khi Phật đã bớt đau. Các thầy Tỳ-kheo bàn

tán: - Ôi! Thật lớn lao làm sao là lòng tôn kính của Đế Thích đối với Thế Tôn! Thử nghĩ Đế Thích đã rời cung trời lộng lẫy, để đến săn sóc Thế Tôn trong cơn đau như thế! Thử nghĩ, ông ấy đã đội thùng phân của Thế Tôn trên đầu như là đội bình hương, không tỏ vẻ nhờm gớm dù chỉ một nét nhích môi!. Nghe thế Phật dạy: - Các ông nói gì? Không có gì lạ khi Đế Thích, vua chư thiên đã tận tâm chăm sóc Ta. Bởi vì nhờ Ta, trời Đế Thích này đã cởi bỏ lốt thân Đế Thích già nua, chứng được quả Tu-đà-hoàn và nhận một thân Đế Thích mới, trẻ trung. Ở thân trước, ông ấy đến viếng Ta với sự sợ hãi vì mình sắp chết, được dự báo bởi nhạc thần Càn-thát-bà. Khi ấy Ta ngồi trong động Indasala giữa chư thiên, Ta trấn an ông ta bằng bài kệ: Hãy hỏi, Vasava Muốn gì cứ nói ra Ta sẵn sàng giải đáp Những gì ngươi hỏi ta. Sau đó, Ta thuyết pháp cho Đế Thích nghe. Cuối cùng, có một trăm bốn mươi triệu thiên thần được Pháp nhãn. Đế Thích chứng quả Tu-đà-hoàn ngay sau đó và đổi thân làm Đế Thích hiện nay. Vì Ta đã cứu độ ông ấy nên không có gì lạ khi ông ấy bày tỏ lòng tôn kính Ta. Này các Tỳ-kheo! Thật là hạnh phúc khi được sống gần gũi và chăm nom chư Phật, còn sống với người ngu chỉ đem lại đau khổ. Phật nói kệ: (206) Lành thay, thấy thánh nhân, Sống chung thường an lạc, Không thấy những người ngu, Thường thường được an lạc. (207) Sống chung với người ngu, Lâu dài bị lo buồn, Khổ thay gần người ngu, Như thường sống kẻ thù. Vui thay, gần người trí

Như chung sống bà con.
Do vậy:
(208) Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, thánh nhân,
Hãy gần gũi thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.
PHẨM XVI: HỶ ÁI 1. Cha Mẹ Và Con Bỏ mình theo thế tục ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ba đệ tử. Tại Xá-vệ, một gia đình nọ chỉ có một người con trai. Công tử là niềm vui và tình thương đối với cha mẹ. Một ngày kia, có vài vị Tỳ-kheo được mời đến nhà thọ trai. Sau khi ăn xong chư Tỳ-kheo nói lời hồi hướng. Chàng thanh niên nghe những câu kệ tụng bỗng ao ước trở thành Sa-môn và lập tức xin cha mẹ xuất gia. Hai ông bà từ chối. Chàng trai nghĩ thầm: "Khi cha mẹ ta không để ý, ta sẽ trốn nhà đi tu". Mỗi khi ông cha đi đâu, ông bảo vợ trông chừng con trai: - Hãy giữ nó cẩn thận. Và khi người mẹ đi vắng, bà giao ông trông chừng. Ngày nọ, sau khi người cha rời khỏi nhà, bà mẹ thầm nghĩ: "Ta sẽ trông nom con ta chu đáo". Bà ngồi chắn ngang cửa ra vào, hai chân chặn hai cánh cửa và bắt đầu dệt. Chàng trai nghĩ: "Ta sẽ lừa mẹ trốn đi", và chàng nói: - Mẹ yêu dấu, nhấc chân lên một chút, con muốn đi ra ngoài. Bà nhích chân và cậu đi ra. Cậu chạy như bay đến tinh xá và xin phép các Tỳ-kheo cho mình xuất gia. Các Tỳ-kheo nhận lời, cho cậu gia nhập Tăng chúng. Người cha về đến nhà, hỏi vợ: - Con đâu rồi? - Nó vừa mới đây. Ông cha tìm khắp nơi, nghĩ: "Con ta có thể đi đâu?" Và khi không thấy con trai đâu, ông kết luận:

"Chắc nó đã đến tinh xá". Ông cha đi đến tinh xá, và thấy con trai đã khoác y vàng, ông khóc lóc than thở: - Con ơi, sao con nhẫn tâm với cha vậy? Nhưng sau đó, ông suy nghĩ: "Bây giờ con ta đã xuất gia, sao ta còn sống đời cư sĩ làm gì?" Ông bèn xin xuất gia làm Sa-môn. Bà mẹ ở nhà bắt đầu sốt ruột: "Sao thằng con và ông già đi đâu lâu quá?". Tìm kiếm chán, thình lình bà chợt nhớ: "Chắc chắn họ đã đi vào tinh xá và tu rồi". Bà chạy đến tinh xá, thấy hai cha con trở thành Sa-môn, bà suy tính: "Họ đã xuất gia, mình còn sống ở thế gian này làm gì?" Và bà đến tinh xá ni, xin xuất gia. Nhưng dù cho cả ba đã từ bỏ thế gian và chấp nhận đời sống tu sĩ, họ cũng không thể lìa xa nhau. Ngay ở tăng xá hay bên nữ tu viện, cả ba đều ngồi chung với nhau và nói chuyện với nhau cả ngày. Chư Tỳ-kheo chê trách thái độ ấy và bạch lên đức Phật. Thế Tôn cho gọi cả ba và hỏi: - Có phải các ngươi làm như thế, như thế? Họ thưa vâng. Phật dạy: - Vì sao các ngươi làm vậy? Đó không phải thái độ của người xuất gia. - Nhưng, bạch Thế Tôn, chúng con không thể sống xa nhau được.

- Từ khi đã xuất gia, thái độ như thế là không thích hợp. Chia lìa người thân hay bắt buộc phải gặp hoài người không thân, cả hai đều gây đau khổ. Vì thế, ta không nên chấp nhặt là thân hay không thân, dù đối với người hay là vật. Phật nói kệ: (209) Bỏ mình theo thế tục, Người không tròn phận tu, Bỏ đích theo lòng dục, Ganh tị bậc chuyên tu (210) Chớ gần gũi người yêu, Trọn đời xa kẻ ghét. Yêu không gặp là khổ, Oán phải gặp cũng đau. (211) Do vậy chớ yêu ai, Ái biệt ly là ác, Nhưng ai không yêu ghét, Không thể có buộc ràng. 2. Phật An Ủi Người Phiền Muộn Do ái sinh sầu ưu ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một đệ tử cư sĩ. Một tín đồ nọ mất đứa con trai, ông ta buồn đến nỗi mỗi ngày đều đi đến nơi hỏa táng than khóc khôn nguôi. Một buổi sáng sớm, đức Phật quan sát căn cơ chúng sanh, Ngài nhận thấy ông ta có khả năng chứng Thánh quả. Sáng hôm ấy, sau khi khất thực, Ngài mang theo một vị Tỳ-kheo thị giả đi đến trước nhà ông ta. Nghe tin đức Phật đến nhà, ông ta nghĩ thầm: "Chắc hẳn Thế Tôn muốn chúc sức khỏe theo phép lịch sự như thường lệ". Ông ta mời Phật vào nhà, thỉnh ngồi, đảnh lễ Phật và kính cẩn lui ngồi một bên. Phật hỏi liền: - Thiện nam, vì sao ông buồn? - Con trai mới mất nên con buồn. - Này thiện nam, chớ ưu bi! Cái chết không dành riêng một nơi nào hoặc riêng cho ai, đó là quy luật chung cho tất cả chúng sanh trên thế gian. Không có ngũ uẩn nào thường tại. Vì thế không nên buồn rầu quá đáng, mà hãy có một cái nhìn hợp lý về cái chết, như người ta thường nói: "Các pháp sanh diệt phải chịu sanh diệt, các vật biến hoại phải chịu biến hoại". Cư sĩ hỏi: - Bạch Thế Tôn, ai đã làm được như thế? Trong trường hợp nào? Xin Ngài dạy cho con! Phật kể một chuyện quá khứ:

Như rắn lột bỏ da, Người đi về cõi khác Bỏ lại sau thân xác Thân thể đã chết rồi Đâu còn biết buồn vui Trong lúc ngọn lửa bốc Thiêu rụi thân mình đó Hắn đâu nghe tiếng khóc Tiếng than của bà con Vì thế ta đâu còn Khổ buồn vì hắn chết Hắn đã đi, và đến Tới nơi hắn phải đi Sau khi đức Phật kể lại đầy đủ chi tiết chuyện tiền thân Uraga (trong phẩm năm), Ngài nói tiếp: "Thời quá khứ, người trí không hành động như ngươi khi con trai chết. Ngươi đã bỏ hết mọi việc, không thèm ăn uống, mà phí thời giờ khóc than. Người trí thì không như vậy. Trái lại, họ chuyên chú quan sát cái chết, không theo cơn phiền muộn, ăn uống như thường, làm mọi công việc hàng ngày. Này, đừng buồn

phiền vì ý nghĩ đứa con trai thân yêu của mình đã chết. Có ưu bi sợ hãi chỉ vì ta thương một kẻ nào đó. Phật nói kệ: (212) Do ái sinh sầu ưu, Do ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi tham ái, Không sầu, đây sợ hãi. 3. Phật An Ủi Kẻ Ưu Sầu Ái luyến sinh sầu ưu ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến nữ thí chủ Tỳ-xá-khư. Bà Tỳ-xá-khư thường nhờ cậy cô cháu gái tên Dattà, chăm sóc các Tỳ-kheo khi bà vắng nhà. Ít lâu sau Dattà chết. Bà Tỳ-xá-khư hỏa táng thi hài cháu gái xong, quá buồn khổ bà đi đến chỗ Phật đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Này Tỳ-xá-khư! Có việc gì ngươi ngồi đây đầy vẻ buồn khổ, rơi nước mắt khóc than? Tỳ-xá-khư kể chuyện: - Bạch Thế Tôn, đứa cháu gái thân yêu rất thật thà và trung tín của con vừa qua đời. Con sẽ không còn thấy lại nó. - Này Tỳ-xá-khư, có bao nhiêu cư dân trong thành Xá-vệ này? - Bạch Thế Tôn, con có nghe Ngài nói khoảng bảy mươi triệu.

- Giả sử tất cả những người này đều là người thân yêu của ngươi như Dattà, ngươi có thích không? - Thưa vâng, thích. - Có bao nhiêu người ở Xá-vệ chết trong một ngày? - Bạch Thế Tôn, rất nhiều. - Trong trường hợp đó, chắc chắn ngươi sẽ không đủ thời giờ than khóc, ngày đêm ngươi sẽ chẳng làm gì ngoài việc khóc lóc, kể lể. - Thưa Thế Tôn, đúng vậy. Con đã hiểu. - Tốt lắm, đừng ưu sầu. Ưu sầu hay sợ hãi chỉ khởi lên từ ái luyến. Ngài nói kệ: (213) Yêu thương, ngục buồn phiền, Ái luyến, xiềng sợ hãi. Người lòng như hư không Ngục xiềng nào khóa mãi? 4. Các Hoàng Tử Lệ-Xá Và Kỹ Nữ Hỷ ái sinh sầu ưu ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tinh xá gần Vệ-xá-ly (Vesali), liên hệ đến các hoàng thân dòng Lệ-xá. Vào một ngày hội, các hoàng tử Lệ-xá trang điểm đỏm dáng với đủ kiểu đồ trang sức, ra khỏi thành phố đến chỗ hội hè. Khi Phật đi vào thành khất thực, gặp họ trên đường, Ngài chỉ cho các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo! Hãy nhìn theo các hoàng tử Lệ-xá! Ai chưa từng thấy chư thiên cõi trời Ba mươi ba, hãy nhìn những hoàng tử này thì biết. Trên đường đến chỗ lễ hội, các hoàng tử gặp một kỹ nữ, và mang cô theo. Trước người đẹp, họ ganh tài nhau, đi đến đánh nhau gây thương tích, máu chảy dường thành sông. Dân chúng phải xúm khiêng các công tử về hoàng cung. Đức Phật và chư Tăng thọ trai xong, trở về tinh xá, bắt gặp cảnh tượng đó. Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Hồi sáng sớm, các hoàng tử Lệ-xá rời thành lộng lẫy như chư thiên, vậy mà bây giờ chỉ vì một cô gái họ trở nên thảm hại thế đấy. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo! Ở đâu có tham dục, ở đó có buồn khổ, lo âu. Ngài nói kệ: (214) Hỷ ái sinh sầu ưu, Hỷ ái sinh sợ hãi, Ai giải thoát hỷ ái, Không sầu, đâu sợ hãi? 5. Cô Nương Tử Kim Tham ái sinh sầu muộn ...

Câu chuyện được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Anitthigandha Kumàra. Kumara từ cõi trời Phạm thiên tái sanh xuống Xá-vệ, trong một gia đình quyền quý. Từ lúc chào đời, chàng không thích gần phụ nữ, nếu có bà vú nào ẵm bồng chàng khóc thét lên, muốn cho bú bà vú phải kê một cái gối trước ngực mình. Khi đến tuổi trưởng thành, song thân chàng bảo: - Này con! Ba má muốn cưới vợ cho con. Chàng trả lời: - Con không cần vợ. Sau đó cha mẹ hỏi nhiều lần chàng đều từ chối. Cuối cùng, chàng cho mời năm trăm người thợ kim hoàn đến, trao cho họ ngàn lượng vàng khối, bảo họ đúc một tượng thiếu nữ thật xinh đẹp. Một lần nữa, khi song thân chàng bảo: - Này con, nếu con không chịu kết hôn, dòng dõi nhà ta sẽ tuyệt tự. Hãy để cha mẹ cưới vợ cho con. Chàng chỉ pho tượng vàng: - Thưa, nếu cha mẹ tìm được cho con một

cô gái y như pho tượng này, con sẽ vâng lời. Song thân chàng mời một vài người Bà-la-môn đến nói: - Con trai chúng tôi đáng giá ngàn vàng, cần có một người tương xứng với nó. Hãy mang pho tượng này đi theo, và khi tìm được cô gái nào giống như thế thì đưa về. Các Bà-la-môn nhận lời, họ khởi sự đi tìm, từ thành này đến thành kia, cho tới khi đến thành Sagala thuộc vương quốc Madda. Trong thành này có một thiếu nữ độ tuổi trăng tròn rất xinh đẹp, cha mẹ nàng để nàng ở trên tầng lầu thứ bảy. Các thầy Bà-la-môn đặt pho tượng vàng bên đường đi đến hồ tắm, và ngồi tại đó nghĩ thầm: "Nếu có thiếu nữ đẹp như pho tượng này, dân cư ở đây trông thấy sẽ bảo nhau, pho tượng này đẹp như con gái nhà nọ nhà kia". Bấy giờ, bà vú của cô gái đi đến hồ tắm, thấy pho tượng tưởng là cô chủ mình, bèn đi đến rầy rà: - Cô hư lắm nhé! Tôi vừa tắm cho cô xong, ra khỏi nhà là cô đã đến đây trước tôi! Vừa nói vừa đập nhẹ pho tượng, bà bỗng thấy mình chạm phải cái gì đó cứng ngắt, bà lẩm bẩm: - Tôi tưởng đây là cô tiểu chủ, sao lại thế này? Các Bà-la-môn thấy thế bèn hỏi: - Này bà, cô chủ của bà có giống bức tượng này không? - Cô chủ tôi hả? Tượng này không bằng một góc! - Được rồi, hãy đưa chúng tôi đến gặp. Bà vú dẫn các Bà-la-môn về nhà, thuật lại câu chuyện cho cha mẹ cô. Họ tiếp đón các thầy nồng hậu và cho cô gái xuống đứng gần bức tượng. Cô xinh đẹp đến nỗi lu mờ cả pho tượng. Các Bà-la-môn trao pho tượng cho

cha mẹ cô, được phép dẫn cô đi, đồng thời liền báo tin cho cha mẹ Kumara. Họ rất vui mừng, ra lệnh đón cô lập tức, kèm theo nhiều lễ vật. Khi Kumara nghe tin có một thiếu nữ đẹp hơn cả tượng vàng, nỗi ước muốn dâng lên, chàng mong mau được gặp cô gái. Cô gái lên xe đi, nhưng cô quá đỗi mảnh mai, đoạn đường dằn xóc làm cô ngã bệnh và chết. Còn Kumara cứ hỏi chừng: - Nàng đến chưa? Đến chưa? Lòng khao khát chờ đợi của chàng biểu lộ quá mãnh liệt khiến họ không báo tin ngay, cứ nay hứa mai hẹn. Sau đó họ mới nói sự thật, chàng kêu lên: - Trời ơi! Ta đã mất đi người vợ xinh đẹp! Nỗi buồn rầu đè nặng lấy chàng như cả tảng núi đá. Đức Phật thấy chàng có khả năng chứng quả, nên trên đường khất thực, Ngài dừng lại trước cửa nhà Kumara. Song thân chàng mời Phật vào nhà, cúng dường trọng hậu. Thọ trai xong, Phật hỏi: - Còn Kumara đâu? - Bạch Thế Tôn, nó chẳng chịu ăn uống, cứ ở lỳ trong phòng. - Hãy gọi ra đây. Kumara đi ra, đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo: - Trông con có vẻ thảm sầu quá! - Thưa vâng, bạch Thế Tôn, một người vợ xinh đẹp chưa cưới của con đã chết trên xe hoa, tin ấy làm con buồn đến mức không thể ăn được gì. - Nhưng con có biết nguyên nhân nỗi khổ ấy không? - Bạch Thế Tôn, không. - Này, Kumara! Vì ái sinh sầu muộn, sầu muộn và sợ hãi phát sinh từ ái. Ngài nói kệ: (215) Dục ái sinh sầu ưu, Dục ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi dục ái, Không sầu, đâu sợ hãi. Nghe xong, Kumàra chứng quả Tu-đà-hoàn. 6. Đừng Để Tâm Vào Của Cải Thế Gian Tham ái sinh sầu ưu ... Câu chuyện này được đức Phật nói đến khi Ngài ở Kỳ Viên, liên quan tới một người Bà-la-môn. Một người Bà-la-môn tà kiến ngày đi dọn cỏ ruộng bên bờ sông. Đức Phật nhận thấy ông ta có khả năng chứng quả, bèn đi đến chỗ ông làm ruộng. Bà-la-môn, mặc dù thấy Phật, không hề tỏ dấu cung kính, chỉ im lặng, Phật mở lời: - Này Bà-la-môn! Ông đang làm gì thế? - Tôi đang dọn đất, Cồ-đàm!

Phật không hỏi thêm, đi qua. Ngày hôm sau, ông đi cày. Phật cũng đến hỏi: - Bà-la-môn, ông đang làm gì đấy? - Tôi đang cày ruộng, Cồ-đàm! Phật nghe xong, tiếp tục đi qua.

Mỗi ngày, Ngài đều đến chỗ Bà-la-môn và hỏi như thế. Tùy mỗi lúc, Bà-la-môn trả lời: - Tôi đang gieo mạ, tôi đang nhổ cỏ, tôi đang canh nước.. Phật cũng lại đi. Một ngày nọ, Bà-la-môn nói với Phật: - Cồ-đàm, ông đã đến đây từ khi tôi mới dọn đất, khi nào lúa chín tôi sẽ chia cho ông. Tôi không muốn ăn một mình. Từ đây ông là bạn của tôi. Thời gian trôi qua, lúa chín. Bà-la-môn tự nhủ: "Lúa đã chín, ngày mai ta đi kêu thợ gặt". Và ông chuẩn bị gặt hái. Nhưng đêm đó một trận mưa bão khốc liệt nổi lên làm tan nát cả ruộng, cánh đồng trơ trụi như được gặt sạch. Tuy vậy, đức Phật đã dự biết trước vụ gặt không thành. Sáng sớm hôm sau, Bà-la-môn nhủ thầm: "Ta sẽ đi thăm ruộng". Khi đến nơi thấy cánh đồng bị quét sạch, ông đau đớn nghĩ thầm: "Thầy Cồ-đàm đã đến thăm cánh đồng này từ khi ta mới dọn đất, ta có hứa sẽ chia lúa cho ông khi mùa gặt đến. Nhưng ước mong của ta không thành tựu". Ông buồn quá nên không ăn uống gì và nằm dài trên giường. Bấy giờ, đức Phật dừng chân trước cửa nhà ông. Nghe tin, ông bảo: - Hãy mời ông bạn của ta vào nhà và mời ngồi! Phật ngồi xong, hỏi: - Người Bà-la-môn ở đâu? - Thưa đang nằm trong phòng. - Hãy mời ông ra. Ông Bà-la-môn ra ngồi một bên. Phật hỏi: - Có chuyện gì thế? - Thưa Cồ-đàm, ông đã đến thăm tôi từ ngày tôi mới dỡ miếng ruộng, và tôi có hứa chia lúa cho ông. Nhưng hy vọng của tôi không thành, nên tôi buồn khổ, không còn muốn ăn uống gì. - Nhưng này! Ông có biết nguyên nhân nào khiến ông buồn khổ không? - Thưa, không. Nhưng Ngài biết. Phật xác nhận: - Đúng thế! Này Bà-la-môn, khi nào có ước mong sẽ có sợ hãi và sầu khổ. Ngài nói kệ: (216) Tham ái sinh sầu ưu, Tham ái sinh sợ hãi, Ai thoát khỏi tham ái Không sầu, đây sợ hãi. 7. Ngài Ca Diếp Được Cúng Bánh Đủ giới đức, chánh kiến ...

Câu chuyện được kể lại thời gian đức Phật ở tại Trúc Lâm, khi Ngài đang trên đường đi, liên quan đến năm mươi thanh niên. Một hôm vào dịp lễ hội, đức Thế Tôn cùng với tám mươi vị Trưởng lão thượng thủ và năm trăm Tỳ-kheo tùy tùng vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường, Ngài gặp năm trăm thanh niên vai mang túi bánh đi đến chỗ hội. Khi gặp Phật, họ chỉ khẽ chào và tiếp tục đi, không hề mời một vị Tỳ-kheo nào ăn bánh. Họ đi rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo: - Các ông có muốn ăn bánh không? - Bạch Thế Tôn, bánh ấy ở đâu? - Các ông có thấy các thanh niên vừa đi ngang, vai mang túi bánh chứ? - Nhưng bạch Thế Tôn, họ chẳng cúng cho ai chiếc bánh nào? - Này các Tỳ-kheo, mặc dù họ không mời Ta hay các ông ăn bánh, nhưng có một Tỳ-kheo đi phía sau sẽ được cúng số bánh ấy, các ông sẽ được ăn bánh trước khi đi. Đức Thế Tôn không hề nghĩ xấu hoặc ghét ai nên Ngài nói như thế. Và Ngài ngồi dưới một cội cây cùng các Tỳ-kheo. Khi các thanh niên thấy Tôn giả Ca-diếp đi sau, lập tức sanh lòng kính mến, nỗi vui sướng tràn ngập toàn thân khi họ vừa thấy Tôn giả. Họ để giỏ bánh xuống, đảnh lễ Tôn giả, xong dâng hết bánh cho Ngài: - Xin mời Ngài dùng bánh. Tôn giả nói: - Đức Thế Tôn và chư Tăng đang ngồi dưới gốc cây đằng kia. Hãy đem bánh đến cúng dường. - Thưa vâng, bạch Tôn giả! Họ đi đến Phật và chư Tăng dâng bánh. Đến lượt Tôn giả, họ dâng bánh rồi đứng chờ một bên, đợi Ngài dùng xong, đưa nước rửa tay. Các Tỳ-kheo đều mích lòng, nói: - Mấy thanh niên này thiên vị khi cúng dường, họ chẳng dâng cúng lên Thế Tôn hoặc chư vị Trưởng lão thượng thủ, mà chỉ cúng cho Tôn giả Đại Ca-diếp. - Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo như Đại Ca-diếp rất được trời người kính mến, đối với vị như vậy họ rất hân hạnh được dâng cúng tứ sự. Và Ngài nói kệ: (217)

Đủ giới đức, chánh kiến, Trú pháp, chứng chân lý, Tự làm công việc mình Được quần chúng ái kính. 8. Tôn Giả Chứng Quả A Na Hàm Ước vọng pháp ly ngôn ... Câu chuyện này xảy ra khi Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một vị Trưởng lão đắc quả A-na-hàm.

Một ngày kia, các đệ tử của vị Trưởng lão hỏi thầy mình như sau: - Bạch thầy, thầy đã đạt Thánh quả chưa? Vị Trưởng lão nghĩ: "Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả. Để đợi khi ta chứng Tứ quả rồi sẽ nói với chúng". Và vì ngượng, thầy không nói chi. Không bao lâu, thầy viên tịch và tái sanh lên cõi trời Ngũ Na-hàm. Các đệ tử của thầy khóc lóc than thở, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, cũng còn than khóc. Phật hỏi: - Vì sao các ông khóc? - Thầy chúng con đã mất, bạch Thế Tôn! - Không sao cả, các ông chớ buồn, đó là luật vô thường. - Thưa vâng, chúng con biết điều ấy. Nhưng chúng con đã hỏi người chứng quả hay chưa, mà người mất, không trả lời chúng con. Vì thế chúng con buồn. - Này các Tỳ-kheo, các ông chớ lo lắng, thầy các ông đã chứng Tam quả và nghĩ rằng: "Ngay cả hàng tục gia cư sĩ cũng có thể chứng Tam quả. Khi nào chứng Tứ quả, ta sẽ nói với chúng". Vì ngượng nên ông ấy không nói. Khi mất, ông ấy tái sinh vào cõi Ngũ Na-hàm thiên. Các ông hãy vui mừng, thầy các ông đã thoát ngũ dục. Phật nói kệ: (218) Ước vọng pháp ly ngôn (Niết-bàn) Ý cảm xúc thượng quả, Tâm thoát ly các dục, Xứng gọi bậc Thượng Lưu. 9. Nandiya Được Sanh Thiên Khách lâu ngày ly hương ... Câu chuyện này được kể lại khi Phật ở tại Lộc Uyển (Chư thiên đọa xứ) liên quan đến Nandiya. Tại Ba-la-nại, có một thanh niên tên Nandiya, con của một gia đình Phật tử thuần thành. Nandiya có nhiều đức tính tốt nên song thân chàng để chàng làm thị giả trung tín của chư Tăng. Đến tuổi trưởng thành, song thân chàng muốn chàng kết hôn với Revatì, bà con cô cậu ở nhà đối diện. Nhưng Revatì không tin Phật nên chẳng biết cúng dường, vì thế Nandiya không muốn kết hôn. Mẹ Nandiya bảo Revatì: - Này con, hãy quét dọn nhà, lau chùi sạch sẽ chỗ các Sa-môn sẽ ngồi, chuẩn bị chỗ ngồi, để đồ gác chân vào đúng chỗ cho các Ngài. Khi các Ngài đến, đỡ lấy bát, mời ngồi, dâng nước lọc sạch. Khi các Ngài thọ trai xong, hãy rửa bát. Nếu làm được như vậy con sẽ chiếm được tình cảm của nó. Revatì làm y lời, và mẹ của Nandiya bảo chàng: - Bây giờ Revatì đã thuần hậu. Nandiya đồng ý, họ làm lễ thành hôn. Nandiya bảo vợ: - Nếu em chăm sóc các vị Tỳ-kheo chu đáo, và chăm sóc cha mẹ cũng thế, em có đặc quyền ở trong nhà này, em nên lưu ý.

- Thưa vâng. Revatì hứa làm theo lời chồng. Trong vài hôm, nàng học cách đối xử như một phật tử thuần thành. Nàng luôn vâng lời chồng, và sau đó sanh hai con trai. Khi cha mẹ chồng mất nàng trở thành nữ chủ và Nandiya được hưởng gia sản trở nên giàu có. Chàng cúng dường Tăng chúng thường xuyên, và cho để vật thực ở cửa, đều đặn cung cấp cho người nghèo và khách lữ hành. Ít lâu sau, nghe Phật thuyết pháp, chàng bèn khởi công cất một tinh xá tứ giác có bốn phòng, tại đại tinh xá ở Lộc Uyển. Sau khi sắm đủ giường ghế, chàng dâng cúng cho chư Tăng, thiết lễ ngọ trai và xối nước cúng dâng vào tay mặt Thế Tôn. Khi dòng nước vừa xối vào tay đức Phật, trên tầng trời Ba mươi ba mọc lên một tòa lâu đài lộng lẫy rộng mười hai dặm, cao một trăm dặm, làm bằng thất bảo với vô số thiên nữ trong ấy. Khi Tôn giả Đại Mục-liên du hành lên cõi trời, Ngài dừng lại trước cung điện này và hỏi: - Ai là chủ nhân đầy phước đức của cung điện với vô số thiên nữ này? Chư thiên thuật lại công đức chủ nhân: - Thưa Tôn giả,

ngài Nandiya, con trai của một gia chủ đã xây cất tinh xá cúng dường đức Phật, do công đức ấy, cung điện này hiện ra. Các thiên nữ bạch với Tôn giả: - Thưa Tôn giả, chúng tôi là nô lệ của Nandiya. Mặc dù được sinh ở đây, chúng tôi rất buồn vì không gặp chủ nhân. Xin Ngài nói với Nandiya lên đây, cởi bỏ thân người làm thân trời, giống như đập vỡ bình gốm để lấy bình vàng. Tôn giả trở về bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, có đúng là người nào hiện tại tạo nhiều phước lành ở cõi người sẽ gặt nhiều vinh dự ở cõi trời. - Này Mục-kiền-liên, chính mắt ông thấy những thành quả trên cõi trời Ba mươi ba mà Nandiya đạt được, sao ông lại hỏi Ta câu ấy? - Như vậy là đúng sự thật, bạch Thế Tôn. - Này Mục-kiền-liên, sao ông nói vậy? Nếu có người con hay anh em đi vắng lâu nay trở về, những người đứng ở cổng làng trông thấy vội vã về báo tin cho thân quyến. Họ sẽ vui mừng hân hoan, mau mau đi đón nói: "Con thân yêu, thế là con đã về". Cũng thế, khi thiện nam hay thiện nữ đã tạo nhiều công đức ở đây, rời bỏ cõi đời này sang cõi khác, chư thiên mang nhiều phẩm vật tranh nhau đi đón và nói: "Hãy để tôi đến trước! Tôi đến trước". Và Phật nói kệ: (219) Khách lâu ngày ly hương, An toàn từ xa về, Bà con cùng thân hữu Hân hoan đón chào mừng. (220) Cũng vậy các phước nghiệp,

Đón chào người làm lành, Đời này đến đời kia, Như thân nhân đón chào. Trong chú giải Vimàna-vatthu kể tiếp rằng sau khi Nandiya sanh thiên, Revatì thôi không cúng dường chúng Tăng, mắng chửi Tỳ-kheo và bị ném vào địa ngục lúc còn sống.

PHẨM XVII: SÂN HẬN

1. Sân Hận Tàn Phá Dung Nhan

Bỏ phẫn nộ, ly mạn ...

Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở tại rừng Banyan, liên quan đến Rohinì, thiếu nữ Sát-lợi.

A. Cô Gái Bị Mụn Đỏ Trên Mặt

Một thuở nọ, Tôn giả A-nậu-lâu-đà trở về thành Ca-tỳ-la-vệ với năm trăm Tỳkheo tùy tùng. Hoàng tộc họ Thích nghe tin đều đến tinh xá đón chào, trừ cô em Rohinì.

Tôn giả hỏi:

- Rohinì đâu?

- Thưa Tôn giả, còn ở nhà.

- Sao không đến?

- Thưa Tôn giả, công nương bị nổi mụn nhọt đầy người, nên xấu hổ khi đi ra ngoài.

- Hãy gọi Rohinì đến ngay.

Rohinì được gọi, che mặt dưới một lớp vải và đi đến. Khi nàng tới, Tôn giả hỏi:

- Sao cô không đến trước?

- Thưa Tôn giả con bị nổi mụn trên mặt, nên xấu hổ không dám đi đâu.

- Vậy sao không làm việc công đức?

- Thưa Tôn giả, con có thể làm gì?

- Hãy xây cất một giảng đường.

- Việc ấy tốn kém bao nhiêu?

- Cô có một bộ nữ trang nào không?

- Thưa, con có.
- Trị giá bao nhiêu?
- Khoảng mười ngàn.
- Tốt lắm, đem chi dùng trong việc xây cất.
- Ai sẽ xây cất cho con?
Tôn giả nhìn những hoàng thân đang đứng gần và nói:
- Đây là bổn phận các vị.
- Nhưng, bạch Tôn giả, còn Ngài sẽ làm gì?
- Tôi ở đây, các vị đem vật liệu xây cất đến cho Rohinì.
- Thưa, vâng.
Và họ mang vật liệu đến, Tôn giả đưa ra đồ án xây cất, bảo Rohinì:
- Hãy cho xây cất một tòa nhà hai tầng, và khi tầng trên đã xong xuôi, cô đứng ở tầng dưới dọn quét sạch sẽ, chuẩn bị thức ăn và rót nước đầy các bình.
- Thưa, vâng.
Rohinì vâng lời, nàng bán toàn bộ nữ trang để lấy tiền xây cất. Khi tầng trên vừa xong, nàng đích thân dọn dẹp để đón chư Tỳ-kheo, ngay khi đó các mụt nhọt lặn hết.
Khi tòa nhà hoàn thành, nàng mời chư Tăng được đức Phật dẫn đầu đến ngồi đầy nhà. Nàng dâng cúng thức ăn chọn lọc cả cứng và mềm. Phật thọ trai xong, hỏi: - Ai cúng dường hôm nay? - Thưa, cô Rohinì, em của Ngài, bạch Thế Tôn. - Hãy gọi đến đây. Nàng không muốn đi ra, nhưng Phật vẫn cho gọi nữa. Khi Rohinì đến, đảnh lễ Phật và ngồi, Phật hỏi: - Rohinì, sao cô không đến trước? - Bạch Thế Tôn, con bị nổi mụn nhọt khắp người nên xấu hổ không dám đi. - Cô có biết nguyên nhân nào khiến mụn nhọt lan đầy người không? - Thưa không. - Chính vì lòng sân hận gây nên. - Tại sao vậy, con đã làm gì? - Hãy nghe đây! Phật kể chuyện: B. Bà Hoàng Ganh Tỵ Với Nữ Vũ Công Thời quá khứ, có một hoàng hậu của vương quốc Ba-la-nại sanh tâm đố kỵ với một vũ nữ của hoàng gia, bà thầm nghĩ: "Ta sẽ làm cho nó đau khổ". Bà liền tìm thật nhiều mày ghẻ đã khô, nghiền nát thành bột và cho gọi cô vũ nữ đến chỗ bà, bí mật sai người rắc bột ghẻ lên giường, ghế và khăn áo của cô. Rồi làm như đùa cợt, bà tung một ít bột lên mình cô. Lập tức cô gái nổi mụn nhọt khắp mình, nó lở loét trông rất ghê tởm, cô vừa đi vừa cấu khắp mình. Khi về nằm trên giường, bột ghẻ lại dính chặt vào da, cô bị đau đớn đến tột cùng. Bà hoàng ấy là Rohinì ngày nay. Phật kể xong chuyện quá khứ, Ngài dạy: - Rohinì, đó là hạt giống xấu mà cô đã gieo. Giận hờn hay ganh ghét, tuy ít bao nhiêu cũng không phải là điều chánh đáng. Ngài nói kệ: (221) Bỏ phẫn nộ, ly mạn, Vượt qua mọi kiết sử, Không chấp trước danh sắc, Khổ không theo, vô sân. Nghe xong, nhiều thính chúng chứng Sơ quả, Nhị quả, Tam quả. Rohinì cũng chứng Sơ quả. Ngay khi ấy toàn thân cô trở nên vàng óng. C. Thiên Nữ Xinh Đẹp Rohinì sau khi mạng chung, tái sanh lên cõi trời Ba mươi ba ngay giao điểm các ranh giới của bốn thiên tử. Cô gái đẹp đến nỗi sau khi nhìn thấy cô, cả bốn vị trời đều tranh nhau: - Nàng thuộc về ranh giới của ta. - Nàng tái sanh trong phạm vi của ta.

Họ kéo nhau đến chỗ Đế Thích nhờ phân xử: - Thiên chủ! Chúng tôi tranh cãi nhau về thiên nữ này, xin quyết định dùm. Vừa nhìn thấy Rohinì, Đế Thích cũng ước ao. Ngài

hỏi: - Khi các ông nhìn thấy nàng, cảm tưởng của các ông ra sao? Vị thứ nhất nói: - Tim tôi đập vang dội như trống chầu. Vị thứ hai nói: - Ý tưởng của tôi dồn dập như thác chảy. Vị thứ ba nói: - Vừa thấy nàng mắt tôi muốn nổ tung. Vị thứ tư nói: - Tim tôi hớn hở như lá cờ bay. Đế Thích kết luận: Các vị vui thích nhất thời, còn tôi nếu không có nàng tôi sẽ chết. - Ồ thiên chủ! Ngài cần gì phải chết! Họ trao nàng cho Đế Thích và lui về. Từ lúc ấy nàng rất được Đế Thích sủng ái, nàng muốn dạo chơi nơi nào Đế Thích liền chiều theo. 2. Thọ Thần Và Thầy Tỳ Kheo Ai chặn được phẫn nộ ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tinh xá Aggàlava liên quan tới một vị Tỳ-kheo. Từ sau khi đức Phật cho phép các Tỳ-kheo được sống ngoài tinh xá, các vị Trưởng giả thành Vương Xá bận rộn cất thất cho các thầy. Một Tỳ-kheo ở Alavi muốn cất thất riêng cho mình, thầy thấy một thân cây thích hợp, bèn bắt đầu đốn xuống. Trên cây ấy, có một nữ thọ thần, bà ẵm đứa con nhỏ của mình, hiện ra trước thầy năn nỉ: - Thưa thầy, xin đừng phá nhà con, con sẽ phải lang thang không chỗ trú ẩn với đứa con dại. - Ta không thể tìm ra cây nào khác giống như cây này. Thầy không chú ý đến lời cầu xin của nữ thần. Bà nghĩ thầm: "Nếu thầy thấy con ta, chắc sẽ ngừng tay. Bà bèn đặt đứa bé lên nhánh cây. Tuy nhiên, thầy Tỳ-kheo đã vung rìu với đà quá mạnh, chặt mất cánh tay đứa bé. Nữ thần nổi giận vươn đôi tay định vặn chết thầy Tỳ-kheo, nhưng trong khoảnh khắc bà tự nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này là một bậc hiền thiện, nếu ta giết thầy, ta sẽ rơi xuống địa ngục. Hơn nữa, nếu các thần cây khác thấy các Sa-môn đốn cây của họ, sẽ bảo nhau: "Một thần cây đã giết Sa-môn trong trường hợp như thế..", họ sẽ theo gương ta giết các Sa-môn. Thầy Tỳ-kheo này còn có thầy, ta sẽ thuật chuyện cho bổn sư của thầy". Bà bỏ tay xuống, vừa đi vừa khóc đến chỗ đức Phật, đảnh lễ và đứng qua một bên. Phật hỏi: - Có chuyện gì thế, thọ thần?

- Bạch Thế Tôn, đệ tử của Ngài làm như thế, như thế. Con đã định giết thầy ấy, nhưng kịp nghĩ lại và đến đây. Bà thuật lại câu chuyện cho Phật nghe, Phật dạy: - Lành thay! Lành thay! Ngươi đã cư xử rất tốt khi kìm hãm cơn giận như thắng chiếc xe lao nhanh. Ngài nói kệ: (222) Ai chặn được phẫn nộ, Như dừng xe đang lăn, Ta gọi người đánh xe, Kẻ khác, cầm cương hờ. Nghe xong, nữ thần chứng Sơ quả, hội chúng cũng được lợi ích. Nhưng sau đó, nữ thần vẫn đứng khóc. Phật hỏi: - Có chuyện gì thế? - Bạch Thế Tôn, nhà ở của con bị phá, con phải làm sao bây giờ? - Thôi đừng sầu khổ, Ta sẽ cho một chỗ ở. Ngài chỉ một cây ở gần hương thất của Ngài tại Kỳ Viên, và bảo nữ thần đến ở. Vì cây ấy là quà tặng của Như Lai, nên dù vị thần nào có uy lực lớn lao cũng không thể lay chuyển được. Nhân chuyện này, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo giữ giới "Không được chặt đốn cây cối". 3. Người Nghèo Và Cô Con Gái Lấy không giận thắng giận ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm sau khi thọ trai tại nhà Uttarà, liên quan đến nữ cư sĩ Uttarà. A. Punna Được Công Đức Tại Vương Xá, có một người nghèo tên Punna sống bằng nghề làm thuê cho Trưởng giả Sumana. Punna có một người vợ và một con gái tên là Uttara, đều là nô tỳ của Trưởng giả. Ngày nọ, lệnh truyền khắp thành Vương Xá tổ chức lễ hội trong bảy hôm. Sáng hôm lễ, Trưởng giả Sumana thấy Punna đến, bèn hỏi: - Các người làm thuê cho ta đều nghỉ lễ, còn ngươi nghỉ hay làm? - Thưa chủ, nghỉ lễ chỉ dành cho người giàu. Phần tôi không đủ cơm ăn cho ngày mai, tôi nghỉ lễ làm gì. Tôi sẽ dắt bò đi cày. - Tốt lắm, thôi đi cày đi! Punna bắt một cặp bò mạnh khỏe

và lấy cày, nói với vợ: - Mình ạ, mọi người trong thành đều nghỉ lễ, nhưng nhà mình nghèo quá tôi vẫn phải đi làm, mình đem hai phần cơm hôm nay cho tôi nhé. Và Punna ra đồng. Hôm ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nhập định bảy ngày, thầm nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ ban phước đến cho ai?" Nhận thấy Punna có duyên với mình, Tôn giả tự hỏi: "Liệu

ông ấy có đủ niềm tin và dâng cúng cho ta?" Quan sát tiếp thấy Punna tín thành, hỷ cúng và còn được hưởng số gia tài lớn, Tôn giả đắp y, mang bát đi đến cánh đồng Punna đang cày, dừng lại bên đường và nhìn chăm chú một bụi cây. Punna thấy Tôn giả, bỏ cày, đến đảnh lễ năm vóc sát đất, và tự nhủ: "Chắc Tôn giả cần tăm xỉa răng". Ông đem tăm đến cho Tôn giả. Tôn giả trao đãy lược nước và bình bát cho Punna. "Chắc Tôn giả cần nước", Punna nghĩ thế cầm lấy đãy lược, lược nước đầy bát và đem trao Tôn giả. Tôn giả nghĩ: "Người này ở ngôi nhà sau cùng, nếu ta đi tới cửa vợ ông ta sẽ không thấy. Ta sẽ đợi đúng lúc bà ta mang cơm ra cho chồng". Tôn giả đứng đợi giây lát, khi thấy bà vợ Punna bắt đầu ra đến đường, Ngài bước đến. Người vợ thấy Tôn giả, tự nghĩ: "Một lần ta có thức ăn thì không gặp, lần khác gặp Ngài thì ta lại không có gì để cúng. Hôm nay ta vừa gặp Ngài lại có thức ăn. Ngài có ban phước cho ta chăng?". Bà đặt giỏ thức ăn xuống, đảnh lễ Tôn giả năm vóc sát đất và bạch: - Thưa Tôn giả, xin Ngài đừng nghĩ rằng thức ăn ngon hay dở, xin hãy ban phước cho kẻ tôi tớ này. Tôn giả đưa bình bát ra, bà sớt cơm vào bát, được phân nửa, Tôn giả bảo: "Đủ rồi!" Và Ngài lấy tay che miệng bát. Người vợ thưa: - Bạch Tôn giả! Một phần ăn không thể chia làm hai. Xin Ngài ban phước cho con đời này và đời sau. Con muốn cúng dường Ngài tất cả. Bà sớt cơm vào bát Tôn giả với lời ước nguyện: - Xin cho con được dự vào pháp vị mà Ngài đã chứng. - Con sẽ được như thế. Tôn giả đọc câu kệ hồi hướng, và ngồi xuống một nơi mát, sạch, thọ trai. Người vợ nông phu về nhà nấu cơm khác. Punna đã cày hết nửa mẫu đất, đói bụng quá bỏ cày, ngồi xuống gốc cây trông chừng về phía đường. Khi người vợ mang cơm đến, thấy chồng ngồi trông, bà nghĩ: "Ông ấy bị đói dữ dội đang đợi ta kìa, ông sẽ trách ta đến trễ, lấy gậy đập ta, khiến cho việc ta vừa làm không có kết quả, chi bằng ta nói trước". Và bà kêu lên: - Mình ạ, hãy kiên nhẫn một chút và đừng làm mất hết thành quả của việc tôi mới làm. Sáng sớm tôi đem cơm cho mình gặp Tôn giả Xá-lợi-phất và đã cúng dường hết, về nấu cơm khác nên hơi lâu. Chắc mình hài lòng chứ? - Bà nói gì? Sau khi nghe xong chuyện lần thứ hai, Punna bảo vợ: - Mình đã làm việc tốt khi dâng cơm cho Tôn giả. Tôi cũng đã đem tăm và nước súc miệng đến cho Tôn giả sáng nay. Với nỗi vui mừng khi nghe vợ kể chuyện, hơi mệt vì đã nhịn ăn từ sáng sớm, Punna gối đầu lên chân vợ và ngủ. Bấy giờ, tất cả đất được cày lên từ sáng đều biến thành vàng, sáng lấp lánh như hoa Kanikàra. Punna thức giấc, nhìn thửa ruộng bảo vợ: - Mình nhìn xem, dường như đất biến thành vàng! Hay là tôi bị chóa mắt vì đã nhịn cơm trưa nay?

- Tôi cũng thấy như vậy. Punna đứng dậy, bước xuống ruộng lượm một miếng đất lấy cán cày đập thử và thấy nó là vàng. Ông kêu: - Ôi! Chúng ta cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất và phước báo đến ngay ngày hôm nay. Nhưng chúng ta không thể dấu hết chừng ấy vàng để xài riêng. Thế là ông lấy cái giỏ của bà vợ chất đầy vàng đem đến cung vua, tâu: - Tâu Đại vương, hôm nay đất tôi cày đều biến thành vàng. Số vàng ấy có

phải nhập kho không? - Ngươi tên gì? - Punna. - Hôm nay ngươi đã làm gì? - Sáng sớm hôm nay tôi dâng Tôn giả Xá-lợi-phất nước và tăm xỉa răng, vợ tôi dâng phần cơm của tôi cho Ngài. Nhà vua giải thích: - Đó chính là quả phước do việc cúng dường. Ta phải làm gì đây? - Xin hãy đưa vài ngàn chiếc xe đến để chở vàng về kho. Khi người của nhà vua nhặt vàng, họ nói: - Đây là tài sản của nhà vua. Vàng trong tay họ liền biến thành đất. Họ trở lại tâu vua. Vua hỏi: - Các ngươi nói gì khi nhặt vàng? - Chúng tôi nói nó là tài sản của đại vương. - Ta mà là ai? Hãy đi và nói rằng đây là tài sản của Punna, rồi nhặt vàng. Họ làm theo lời vua dặn, lập tức đất trong tay họ biến thành vàng. Họ chở hết số vàng này về sân cung điện, và chất thành đống cao tám mươi cubit. Nhà vua cho vời các thị dân đến và hỏi: - Có ai trong thành có nhiều vàng như thế này chăng? - Tâu đại vương, không. - Ta nên tặng gì cho ông ấy? - Xin cho một cây lọng báu. - Hãy gọi ông ấy là Đại Phú Gia, Trưởng giả Bahudhana. - Đại vương, tôi sống nhờ nhà người, xin cho tôi một nơi để ở. Nhà vua chỉ khoảnh đất của nhà một Trưởng giả trước đây, nói: - Nhìn đây, có khoảng cây rậm rạp và ông hãy dọn sạch, cất nhà ở đấy. Punna cất nhà xong, tổ chức lễ khánh thành, cúng dường trai tăng suốt bảy hôm. Đức Phật thuyết pháp cho ông, sau bài pháp cả Punna, vợ và cô con gái Uttarà đều chứng quả Dự lưu. Thời gian sau, vị Trưởng giả thành Vương Xá muốn hỏi Uttarà cho con trai mình, Punna từ chối, Trưởng giả Vương Xá bảo:

- Đừng làm thế, chúng ta là hàng xóm, ông giàu có và địa vị cao. Hãy gả nó cho con trai tôi. - Con ông theo ngoại đạo. Con gái tôi tin Tam Bảo. Tôi không gả được. Nhiều nhà vọng tộc, phú hào, quyền chức đã khuyên Punna đừng làm mất tình thân của Trưởng giả kia. Cuối cùng, Punna nhận lời, vào ngày trăng tròn tháng Asalhi, gả Uttarà. B. Uttarà Và Sirimà Từ khi về nhà chồng Uttarà không có dịp gặp gỡ chư vị Tỳ-kheo Tăng Ni, hoặc cúng dường, hoặc nghe pháp. Hai tháng rưỡi trôi qua, nàng hỏi người hầu. - Mùa an cư còn bao lâu? - Thưa phu nhân, nửa tháng nữa. Uttarà nhắn tin về cha nàng: "Tại sao lại nhốt con trong cái nhà như vậy? Thà là đánh con, chửi con hơn gả con cho một gia đình như thế. Từ ngày về đây, con không được gặp một vị Sa-môn nào, chẳng có dịp làm một công đức nhỏ". Cha nàng được tin, buồn bã nói: - Ôi! Con ta bất hạnh quá! Ông gởi cho nàng mười lăm ngàn kèm theo lời nhắn tin: "Trong thành này có cô kỹ nữ tên là Sirimà, một đêm một ngàn. Với số tiền này, con đưa cô ấy về cho chồng con, để thay con. Và con sẽ có thời giờ làm việc phước". Uttarà gọi Sirimà đến, cho tiền, đề nghị làm bạn với chồng mình. Chồng của Uttarà cũng say mê nhan sắc của Sirimà nên đồng ý, để Uttarà tự do đi cúng dường và nghe pháp. Uttarà thỉnh chư Tăng và đức Phật: - Bạch Thế Tôn, bắt đầu ngày nay xin thọ trai ở nhà con. Được Phật nhận lời, nàng vui sướng nghĩ thầm: "Từ ngày mai trở đi cho đến ngày Tự Tứ, ta được dịp hầu hạ đức Phật và nghe pháp". Và nàng bảo nhà bếp chuẩn bị thức ăn cần thiết: "Hãy nấu món này, hãy làm bánh này". Một hôm, vào ngày trước lễ Tự Tứ, chồng Uttarà đứng ở cửa sổ phòng mình nhìn vào nhà bếp, nghĩ thầm: - Cô vợ khùng này đang làm gì kìa? Khi thấy Uttarà đi tới đi lui, mình mẩy đẫm mồ hôi, dính đầy tro bụi mồ hóng.. y nói thầm: "A, ở một chỗ như nhà mình mà con nhỏ đó không thích xa hoa, tiện nghi, chỉ thích nấu nướng cúng kính các thầy tu trọc đầu", y bật cười rồi bỏ đi. Sirimà đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: "Ông ấy thấy ai mà cười?". Nhìn qua cửa sổ thấy Uttarà, Sirimà ghen tức

"Chỉ vì thấy bà ta thôi, giữa họ vẫn còn tình tứ lắm" (Dù Sirimà sống nửa tháng trong nhà ấy như một nàng hầu, chóa mắt vì sự xa hoa lộng lẫy, nàng quên mình chỉ là nàng hầu mà tưởng mình là nữ chủ).

Sirimà cảm thấy ghét Uttarà muốn làm cho nàng khổ sở đau đớn. Cô chạy xuống lầu, đi vào nhà bếp, đến bên chảo bánh, múc một muỗng bơ đang sôi tiến về phía Uttarà. Uttarà thấy cô đi tới nhưng vẫn nói: - Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể nhỏ hẹp, cõi trời Phạm có thể chấp, nhưng lòng tốt của cô lớn lao hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh để cúng dường và nghe pháp, nếu tôi nổi giận với cô tôi sẽ bị cháy bỏng. Nếu không, nó không làm hại tôi. Nói như thế, và Uttarà hướng tâm thương yêu về phía đối thủ. Khi Sirimà tạt muỗng bơ đang sôi lên đầu nàng, nói giống như nước lạnh. Sirimà múc luôn muỗng thứ hai.. Các bà gia nhân của Uttarà thấy thế, la lên: - Cút đi! Đồ ngu! Mày có quyền gì mà chế bơ vào đầu chủ tao. Họ xúm lại đánh đập, đá thoi, xô Sirimà xuống đất. Uttarà cố gắng can ngăn mà không được. Nàng đứng chắn trước Sirimà, đẩy gia nhân ra, hỏi han Sirimà: - Sao cô hành động hung bạo thế? Nàng đỡ Sirimà dậy, tắm rửa bằng nước nóng, lấy dầu loại quý thoa cho. Lúc ấy, Sirimà mới chợt nhớ mình chỉ là nàng hầu, tự nhủ: "Thật là một hành động thô bỉ khi ta đổ bơ nóng lên đầu nàng chỉ vì chồng nàng cười với nàng. Và nàng, thay vì ra lệnh cho gia nhân trói ké ta lại, nàng lại đuổi họ đi khi họ đánh đập ta, rồi hết sức chăm sóc ta. Nếu ta không xin lỗi nàng, đầu ta sẽ bể làm bảy mảnh". Sirimà quỳ dưới chân Uttarà nói: - Phu nhân, hãy tha lỗi cho tôi. Uttarà trả lời: - Tôi là con của cha tôi, nếu cha tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi. - Lành thay, phu nhân. Tôi sẽ xin lỗi cha nàng, Trưởng giả Punna. - Punna là cha thế gian của tôi. Nếu người cha xuất thế gian của tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi. - Nhưng ai là cha xuất thế gian của nàng? - Là đức Phật, bậc Giác Ngộ Vô Thượng. - Tôi không dám tin vào Phật sống. - Tôi sẽ làm cho nàng tin. Ngày mai đức Phật sẽ đến đây với chư Tỳ-kheo, hãy chuẩn bị đồ cúng dường và đến đây xin sám hối. - Thưa vâng, phu nhân. Sirimà trở về nhà, bảo năm trăm tỳ nữ chuẩn bị sẵn sàng theo cô. Nàng sắm nhiều loại thức ăn ngon, hôm sau mang đến nhà Uttarà. Không dám đặt phẩm vật cúng dường vào bát của Phật và chư Tăng, nàng đứng đợi. Uttarà bèn nhận phẩm vật và tùy nghi dâng lên. Phật thọ trai xong, Sirimà và đoàn tỳ nữ quỳ dưới chân Phật, Ngài hỏi: - Con đã gây tội gì? - Bạch Ngài, hôm qua con đã làm như thế.. Nhưng người bạn này đã ngăn gia nhân không cho đánh con. Nàng rất tốt nên con xin nàng tha thứ, nàng nói nếu Thế Tôn tha thứ, nàng sẽ tha thứ.

- Uttarà, đúng vậy không? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Uttarà thuật lại những gì lòng nàng nghĩ về Sirimà, lúc ấy, Phật khen ngợi: - Lành thay! Lành thay! Uttarà! Đó là cách đúng nhất để dập tắt cơn giận. Từ bi có thể xóa sạch hận thù. Dùng không mắng chửi để thắng mắng chửi, dùng bố thí thắng xan tham, dùng thật ngữ thắng vọng ngữ. Ngài nói kệ: (223) Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng bất thiện, Lấy thí thắng xan tham, Lấy chơn thắng hư ngụy. 4. Việc Thiện Nhỏ Đưa Đến Thiên Giới Nói thật, không phẫn nộ ... Câu chuyện này được kể lại khi Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Đại Mụcliên. Một hôm, Tôn giả Mục-liên đi dạo nơi cung trời, thấy một vị trời có thần lực rất lớn đang đứng trước cung điện của mình. Thiên thần ấy đến chào Tôn giả, Tôn giả hỏi: - Này thiên thần, ông có uy lực lớn, ông đã làm gì mà được như thế? - Ồ! Bạch Ngài,

xin đừng hỏi tôi. (vị trời này chỉ làm một việc thiện nhỏ, nên xấu hổ không muốn nói). Tôn giả cứ hỏi lại, yêu cầu nói cho nghe, cuối cùng thiên thần nói: - Thưa Tôn giả, tôi không hề cúng dường, tôn kính hay nghe pháp. Tôi chỉ nói thật mà thôi. Tôn giả đến cung điện khác, hỏi một vài thiên nữ khác. Họ cố giấu việc mình làm nhưng không qua được Tôn giả, một người nói: - Thưa Tôn giả, tôi không bố thí hay làm việc về tôn giáo, nhưng vào thời Phật Cadiếp tôi là đầy tớ của một ông chủ tàn bạo hà khắc. Ông ta chỉ có đánh đập. Nhưng khi tư tưởng sân hận nổi lên tôi tự an ủi mình rằng: "Ông ấy là chủ mình, có thể bắt giam mình, hoặc xẻo mũi mình, hay xẻo bất cứ nơi nào. Đừng giận dữ". Như thế, tôi làm lắng dịu lòng mình, chỉ có thế, tôi được phước quả này. Người khác nói: - Thưa Tôn giả, khi tôi đang canh chừng ruộng mía, tôi có cúng một cây mía cho một Sa-môn. - Tôi cúng một timbaràsaka. - Một elàluka. - Một phàrusaka. - Tôi cúng một nắm củ cải. Tất cả đều kết luận: "Bằng cách ấy chúng tôi đạt được quả phước". Tôn giả trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, có phải người được sanh cõi trời chỉ vì đã nói thật, hay đã chế ngự cơn giận, hay bố thí một nắm đậu.v.v..? - Vì sao ông hỏi ta điều ấy? Tất cả thiên thần đã chẳng kể rõ cho ông sao? - Thưa vâng, con tin rằng chỉ vài điều thiện nhỏ như thế cũng đủ sanh thiên. Phật dạy: - Này Mục-liên, chỉ với lời nói thật, chỉ với việc chế ngự cơn giận, hay tặng một quà nhỏ, người được sanh thiên. Ngài nói kệ: (224) Nói thật, không phẫn nộ, Của ít, thí người xin, Nhờ ba việc lành này, Người đến gần thiên giới. 5. Bà La Môn Đón Phật Như Con Bậc hiền không hại ai ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Phật ở Anjanavana gần Sàketa, liên quan đến câu hỏi của chư Tỳ-kheo. Một hôm, đức Phật cùng chư Tăng đi vào Sàketa khất thực, một người Bà-la-môn ở trong thành nhìn thấy đấng Thập Lực đang đi vào cổng thành, ông ta quỳ xuống ôm chân Phật kêu lên: - Con thân yêu! Bổn phận con cái là chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, sao lâu quá chúng ta không gặp con? Đây là lần đầu cha mới gặp, hãy về thăm mẹ con đi. Phật đi theo, ông lão đưa Phật về nhà, ngồi vào chỗ soạn sẵn, với chư Tăng. Vợ người Bà-la-môn đến gặp Phật, gieo người dưới chân Ngài nói: - Con ơi! Bấy lâu nay con ở đâu? Không ai chăm sóc cha mẹ khi tuổi già. Bà kêu con trai, con gái ra chào Phật và nói: - Hãy đi chào anh con. Vui mừng hân hoan, người Bà-la-môn và vợ cúng dường thức ăn cho Phật và Tăng chúng, thỉnh cầu; - Bạch Thế Tôn, hãy thọ trai ở đây suốt đời. Phật trả lời: - Chư Phật không bao giờ thọ trai ở một nơi cố định. - Như thế, xin Ngài cho chúng con biết được người nào mời thọ trai. Từ đó, đức Phật bảo người đến thỉnh Ngài thọ trai rằng: "Hãy bảo cho Bà-la-môn đó". Và họ đến nói với ông: - Ngày mai chúng tôi thỉnh Phật thọ trai. Người Bà-la-môn sẽ đem cơm canh từ nhà mình đến chỗ nào có đức Phật. Khi không ai mời, Phật dùng bữa tại nhà ông. Cả hai vợ chồng thường xuyên cúng dường Phật và nghe pháp, qua thời gian đều chứng Tam quả. Các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường:

- Chư hiền, người Bà-la-môn biết chắc chắn rằng phụ thân đức Như Lai là vua Tịnh Phạn, và mẹ Ngài là hoàng hậu Ma-da. Dù vậy, cả hai ông bà đều gọi Như Lai là "Con chúng ta" và Phật chấp nhận lối xưng hô ấy. Chuyện này là thế nào? Đức Phật nghe việc này, Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, hai vợ chồng Bà-la-môn đều có ý xem Ta như con khi họ gọi Ta là con. Ngài nói về quá khứ: - Thời quá khứ, Bà-la-môn ấy là cha của Ta trong năm trăm kiếp, là chú của Ta trong năm trăm kiếp, là ông nội của Ta năm trăm

kiếp, bà vợ là mẹ của Ta năm trăm kiếp, là dì của Ta năm trăm kiếp, bà ngoại của Ta năm trăm kiếp. Ta được nuôi dưỡng suốt một ngàn năm trăm kiếp bên người chồng và một ngàn năm trăm kiếp bên người vợ. Để giải thích việc ba ngàn đời là con cháu của họ, Phật nói kệ: Khi ý tưởng hân hoan, Và trái tim tin tưởng, Ta có thể tin vào, Người mới gặp lần đầu. Qua liên hệ quá, hiện, Lòng yêu thương khởi lên, Như sen nhô trên nước. Ba tháng ở tại Sàketa, đức Phật thường lui tới nhà Bà-la-môn ấy để thọ trai, sau ba tháng, họ chứng quả A-la-hán và nhập Niết-bàn. Mọi người tỏ vẻ kính trọng thi hài họ, đặt lên giàn cây khiêng đi. Nghe tin rằng họ đã là mẹ và cha của đức Thế Tôn, dân chúng đi theo đám tang rất đông. Đức Phật đến một giảng đường gần nơi hỏa táng, chờ ở đấy. Mọi người đến đảnh lễ Phật thưa rằng: - Bạch Thế Tôn, xin đừng buồn vì song thân qua đời. Họ tìm cách an ủi Ngài. Thay vì quở họ đừng nói thế, đức Thế Tôn quan sát tâm tư mọi người và nói bài pháp tương ứng với trường hợp đặc biệt này, đọc kinh Jarà như sau: Đời sống thật ngắn ngủi. Một trăm năm chưa qua, Người ta đã phải chết. Dù ai có sống lâu, Rồi cũng sẽ chết già. Các Tỳ-kheo, không biết rằng người Bà-la-môn và vợ đã nhập Niết-bàn, hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn, họ sẽ tái sanh nơi đâu? - Này các Tỳ-kheo, trường hợp của các A-la-hán thánh nhân như họ không có kiếp sau. Họ đã đạt đến Đại Niết-bàn, cõi bất tử, vĩnh hằng. Ngài nói Pháp Cú: (225) Bậc hiền không hại ai,

Thân thường được chế ngự, Đạt được cảnh bất tử, Đến đây, không ưu sầu. 6. Có Phải Người Tặng Quà Làm Nên Quà Tặng? Những người thường giác tỉnh ... Câu chuyện này được kể lại khi đức Thế Tôn ở tại núi Linh Thứu, liên quan đến Punna, đầy tớ gái của Trưởng giả thành Vương Xá. Có một ngày, Punna phải giã gạo rất nhiều từ sáng sớm đến tối mịt, đốt đèn lên làm cũng không hết việc. Cuối cùng mệt quá, cô bước ra ngoài nghỉ một lát, thân thể ướt đẫm mồ hôi. Bấy giờ thần Dabba the Malla có nhiệm vụ đưa chư Tỳ-kheo về chỗ nghỉ. Sau khi nghe pháp, ông dùng thần thông làm ngón tay sáng lên như một ngọn đèn và đi trước dẫn đường, các Tỳ-kheo theo sau. Ánh sáng khiến Punna chú ý đến các Sa-môn đang đi trên đường núi. Cô nghĩ thầm: "Mình làm thân ở đợ nên giờ này còn chưa được ngủ. Còn các Tỳ-kheo tôn kính kia sao không ngủ được?" Và cô đi đến kết luận: "Chắc có thầy nào đau ốm hay bị rắn cắn gì đây?". Sáng sớm hôm sau, Punna lấy một ít cám, nhồi với nước lạnh, nắn bánh và đem nướng. Sau khi nướng xong, cô đem bánh, nước uống, đi ra bờ sông tắm, dự định sẽ ăn bánh trên đường đi. Lúc ấy, đức Phật cũng đi trên đường ấy, vào làng để khất thực. Punna thấy Ngài, thầm nghĩ: "Có mấy hôm gặp Phật, ta không có gì để cúng dường, hoặc có thức ăn lại không gặp Phật. Hôm nay gặp Phật lại là lúc mình có sẵn bánh đây. Nếu Ngài không để ý bánh ngon hay dở, mình sẽ cúng dường Ngài". Và cô đặt bình nước xuống bên đường, chào đức Phật và thưa: - Bạch Thế Tôn, xin nhận phẩm vật đơn sơ này và ban phước cho con. Phật nhìn sang A-nan, Tôn giả cầm bát vốn là quà tặng của một đại vương, trao cho Phật. Phật đưa bát và nhận bánh cám nướng. Punna đảnh lễ Phật, năm vóc sát đất và bạch: - Bạch Thế Tôn, xin cho chân lý Ngài chứng ngộ, con cũng được dự phần. - Con sẽ được như vậy. Và đứng ngay tại chỗ, Thế Tôn nói lời chúc phúc. Nhưng Punna vẫn nghĩ: "Mặc dù Thế Tôn ban phước cho ta khi Ngài nhận bánh nhưng chắc Ngài không ăn. Chắc Ngài cầm nó đi một quãng đường rồi ném cho quạ, cho chó. Rồi Ngài đến nhà một ông hoàng hay vị đế vương nào đó, nhận thức ăn thượng vị". Đức Phật biết Punna

nghĩ như thế nên Ngài nhìn A-nan, tỏ dấu muốn ngồi. Tôn giả trải tọa cụ, đức Phật ngồi xuống ngoài cổng thành và ăn bánh nướng. Chư thiên các tầng trời bèn đổ mật ong (thức ăn thích hợp cho cả trời lẫn người trên khắp các cõi nước) vào chiếc bánh khô cứng của Punna. Punnà đứng nhìn Ngài thọ thực. Khi Thế Tôn ăn xong, A-nan dâng nước. Vào cuối bữa ăn sáng này, Thế Tôn quở Punnà: - Này Punna, tại sao người phỉ báng đồ đệ Ta?

- Bạch Thế Tôn, con đâu có. - Vậy ngươi nói gì khi thấy họ? - Bạch Thế Tôn, con nghĩ đơn giản rằng: "Con bị bắt buộc làm việc nên không đi ngủ được, còn các Sa-môn tôn kính kia vì sao không ngủ? Có thể một vài vị bị bệnh hoặc rắn cắn chi đây?" Thế Tôn nghe xong, dạy Punnà: - Này Punnà, trường hợp ngươi khổ sở vì không được ngủ. Nhưng các đệ tử của Ta luôn luôn tỉnh giấc nên không ngủ. Ngài nói kệ: (226) Những người thường giác tỉnh, Ngày đêm siêng tu học, Chuyên tâm hướng Niết-bàn, Mọi lậu hoặc được tiêu. Nghe xong, Punnà liền chứng Sơ quả, hội chúng cũng được lợi ích. Thế Tôn về đến tinh xá, các Tỳ-kheo bàn tán về việc ban sáng như sau: - Chư hiền, chắc đấng Thế Tôn đã ăn sáng khó nuốt lắm với chiếc bánh của Punnà làm bằng bột cám và nước bằng than. Thế Tôn đến gần, hỏi các thầy: - Các Tỳ-kheo, các ông tụ họp ở đây nói chuyện gì thế? Khi nghe kể lại, Ngài nói: - Này Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu Ta ăn như thế, sự việc này cũng đã xảy ra vào thời quá khứ. Ngài nói kệ: - Cỏ thừa ngươi thường ăn, Váng cháo tấm ngươi uống Ấy thức ăn ngày trước Sao giờ ngươi chẳng ăn? - Chưa rành giòng dõi xuất thân, Thưa Ngài váng cháo tấm ăn no lòng. Còn con, ngựa giống ngựa nòi Ngài, con đều biết, cháo kia đâu thèm. (Trích đoạn của truyện tiền thân) Và Ngài kể lại chuyện tiền thân Kundakasimdhavapotaka. 7. Không Có Gì Quá Nhiều, Quá Ít. A-tu-la nên biết ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến nam cư sĩ Atula. Atula (Tu-lại) là một thiện tín sống ở Xá-vệ, và có một nhóm bạn năm trăm Phật tử. Một ngày nọ ông dắt cả năm trăm người đi đến tinh xá nghe pháp. Đầu tiên họ đến bên Tôn giả Ly-bà-đa (Revata), cung kính đảnh lễ và ngồi một bên. Tôn giả là người ưa

độc cư, yêu thích cô độc như một con sư tử yêu thích cô đơn, nên Ngài không nói gì với họ. Tu-lại nghĩ thầm: "Tôn giả chẳng nói năng chi". Cả nhóm đứng dậy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, và cung kính đứng bên. Tôn giả hỏi: - Các ông đến gặp ta có chuyện gì? Tu-lại thưa: - Bạch Tôn giả, con đưa các bạn đi nghe pháp và đã gặp ngài Ly-bà-đa. Nhưng Ngài chẳng nói gì, nên con bất mãn và đến đây. Xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con. - Tốt lắm. Các ông hãy ngồi xuống. Và Tôn giả Xá-lợi-phất giảng giải về A-tỳ-đàm tràng giang đại hải. Tu-lại nghĩ thầm: "A-tỳ-đàm rất khó hiểu, Tôn giả chỉ giảng giải pháp ấy cho ta quá dài, điều ấy đâu có ích lợi gì?" Và ông bực bội dẫn chúng bạn đi đến chỗ Tôn giả A- nan. Tôn giả hỏi: - Có việc gì thế cư sĩ? Tu-lại thưa: - Thưa Tôn giả, chúng con đến chỗ Ngài Ly-bà-đa mong được nghe pháp. Tôn giả chẳng nói lời nào. Chúng con đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, và Ngài dạy quá nhiều về A- tỳ-đàm với tất cả chi tiết. Chúng con chẳng hiểu gì cả và buồn bực Tôn giả ấy, nên đến đây. Xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con. - Tốt lắm, hãy ngồi xuống và lắng nghe. Tôn giả nói pháp cho họ, ngắn gọn và dễ hiểu. Nhưng họ cũng bực tức, bỏ đi và đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Vì sao các ông đến đây? - Bạch Thế Tôn, chúng con nghe

pháp. - Nhưng các ông đã nghe rồi. - Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ly-bà-đa chẳng nói lời nào, Tôn giả Xá-lợi-phất giảng dạy quá nhiều, Tôn giả A-nan lại nói ngắn quá, chúng con không vui nên đến đây. Phật nghe xong và quở: - Này Tu-lại, từ xưa đến nay, người ta luôn chê bai. Người không nói, người nói nhiều, người nói ít đều bị chê, không ai hoàn toàn được khen, cũng không ai hoàn toàn bị chê. Ngay cả các bậc Đế vương cũng được người khen kẻ chê. Ngay cả đại địa, mặt trời, mặt trăng, ngay cả một vị Phật, ngồi giữa tứ chúng mà thuyết pháp cũng có người khen kẻ chê. Lời khen chê của người ngu không quan trọng. Nhưng khi người học thức, thông minh khen hay chê, đó mới là đích thực. Ngài nói kệ: (227) A-tu-la nên biết, Xưa vậy, nay cũng vậy, Ngồi im, bị người chê, Nói nhiều, bị người chê, Nói vừa phải bị chê,

Làm người không bị chê
Thật khó tìm ở đời.
(228) Xưa, vị lai và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.
(229) Sáng sáng, thẩm sát kỹ,
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới, định, tuệ.
(230) Danh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm thiên cũng tán dương.
8. Lục Quần Tỳ Kheo
Giữ thân đừng phẫn nộ ...
Câu chuyện này xảy ra khi Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Lục quần Tỳkheo.
Ngày nọ, nhóm Lục quần Tỳ-kheo mang guốc gỗ, hai tay cầm gậy khua lóc cóc, đi lên đi xuống rầm rầm trên một phiến đá. Phật nghe tiếng lốp bốp, mới hỏi Ngài A-nan:
- Này A-nan! Tiếng gì thế?
Tôn giả thưa:
- Bạch Thế Tôn, Lục quần Tỳ-kheo mang guốc gỗ, đi tới đi lui nên gây ra tiếng ấy.
Nghe thế, Phật dạy:
- Một Tỳ-kheo phải kiểm soát tư tưởng, lời nói, và hành động của mình.
Ngài nói kệ:
(231) Giữ thân, đừng phẫn nộ,
Phòng thân, khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân, làm hạnh lành.
(232) Giữ lời, đừng phẫn nộ,

Phòng lời, khéo bảo vệ
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.
(233) Giữ ý đừng phẫn nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.
(234) Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói, Bảo vệ cả tâm tư, Ba nghiệp khéo bảo vệ.

PHẨM XVIII: CẤU UẾ 1. Người Đồ Tể Và Đứa Con Trai Ngươi nay giống lá héo ... Câu chuyện này xảy ra khi Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một đồ tể mổ bò. Tại Xá-vệ, có một người đồ tể mổ bò. Ông ta giết hại biết bao nhiêu con bò, thường chọn phần thịt ngon nhất cho mình, sai vợ nấu nướng rồi ngồi vào bàn ăn, cùng vợ con nhậu thịt bò, phần còn lại ông bán lấy tiền. Suốt năm mươi lăm năm ông giữ nghiệp này. Trong thời gian ấy, mặc dù đức Thế Tôn ở tại tinh xá bên cạnh nhà, không bao giờ ông cúng cho Thế Tôn một muỗng cháo hay muỗng cơm. Trừ thịt bò ra, ông ta không ăn cơm. Ngày nọ, trời về chiều, sau khi bán vài miếng thịt, ông đưa cho vợ miếng thịt để nấu bữa tối, và đi ra ao tắm. Một người bạn đến nhà ông, hỏi bà vợ: - Hãy để cho tôi ít thịt, nhà tôi có khách. - Thịt bán hết rồi. Ông ấy vừa đi tắm. - Nếu còn miếng thịt nào, chị vui lòng để cho tôi. - Chẳng còn miếng thịt nào, trừ miếng thịt ông ấy dặn tôi làm đồ ăn cho ổng. Người bạn nghĩ: "Nếu đã hết thịt bán, chỉ còn lại thịt dành riêng cho bữa ăn, và ông ấy sẽ không ăn nếu không có thịt, chắc gì ông ấy đã chịu để miếng thịt đó cho mình". Và người này tự động xách miếng thịt ra đi. Tắm xong, người đồ tể trở về. Khi bà vợ dọn ăn, chỉ có rau cải, ông hỏi: - Còn thịt đâu? - Không có ông ạ. - Tôi chừa cho bà một miếng thịt trước khi tôi đi sao? - Một người bạn đến nhà nài mua thịt vì nhà có khách. Tôi trả lời hết thịt bán, mà ổng cứ xách miếng thịt của ông đi về, dù tôi có nói miếng thịt đó cốt để làm thức ăn cho ông, nếu thiếu nó ông không ăn cơm được. - Trừ khi có thịt tôi mới ăn. Tôi không ăn nữa, bà dẹp đi! - Trời ơi, làm sao bây giờ? Thôi ông chịu khó ăn cơm không thịt một bữa. - Tôi đã nói là không. Bắt vợ dẹp mâm cơm, ông ta xách dao ra đi. Có một con bò bị cột gần nhà, ông bước tới chỗ con bò, thò tay vào miệng nó lôi lưỡi nó ra, xẻo luôn chiếc lưỡi rồi xách trở vô nhà, ông nướng chiếc lưỡi bò trên lò than, xong đặt nó trên cơm rồi mới chịu ăn uống. Ông ăn một miếng cơm và một miếng thịt. Vừa để miếng thịt vào miệng, lưỡi ông đứt làm đôi, và rớt xuống đĩa cơm. Đúng lúc đó, ông nhận hình phạt mà ông gây ra. Máu tuôn thành dòng từ miệng, ông bò quanh sân nhà, rống lên như bò sắp chết. Con trai ông đứng gần đấy, nhìn cha mình giãy chết, mẹ nó bảo: - Này con, hãy nhìn đó, hình phạt tương tự sẽ đến với con. Con đừng lo cho mẹ, hãy tìm đường an ổn mà đi.

Đứa con sợ hãi trước cảnh tượng ấy, từ giã mẹ chạy đi, nó đi về thành Takkasilà. Người đồ tể, sau khi rống lên một lúc, bò quanh sân và chết, rồi đọa vào địa ngục A-tỳ. Cả con bò cũng chết. Đến Takkasilà đứa con học nghề thợ bạc. Ngày nọ, chủ của nó đi về làng, dặn dò: - Hãy làm món nữ trang như thế này, thế này.. Chú nhỏ làm theo lời dặn. Và

khi người chủ về, nhìn món trang sức làm khéo léo theo ý mình, ông nghĩ: "Chú nhỏ này sẽ thành nghề và kiếm ăn dễ dàng". Khi chú trưởng thành được chủ gả con gái cho, rồi sanh con trai, con gái. Các con trai của ông lần lượt trưởng thành, làm nghề khác, dời nhà qua thành Xá-vệ, và trở thành Phật tử thuần thành của đức Thế Tôn. Còn ông cha của chúng (con người đồ tể ngày xưa) ở lại Takkasilà, để thời gian trôi qua mà không làm được chút công đức nhỏ, rồi già nua kéo đến. Các con ông mời ông cụ trở về nhà mình nuôi nấng. Chúng bàn nhau: "Chúng ta hãy cúng dường nhân danh cha chúng ta". Họ mời đức Phật và chư Tăng về nhà thọ trai. Họ sắp đặt bàn ghế tại nhà, dâng thức ăn lên đức Phật và chư Tăng, hầu hạ kính cẩn. Cuối bữa ăn, họ bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thức ăn dâng cúng hôm nay là tạo phước cho cha già hiện đang sống của chúng con, xin Thế Tôn ban phước cho ông cụ. Đức Phật khuyên ông: - Này ông lão, ông đã già nua, thân thể ông như lá héo úa, ông không tạo việc lành để làm tư lương cho đời sau. Hãy tạo cho mình một chỗ an trụ. Hãy làm người khôn ngoan, đừng làm kẻ si mê. Phật nói kệ: (235) Ngươi nay giống lá héo, Diêm sứ đang chờ ngươi, Ngươi đứng trước cửa chết, Đường trường thiếu tư lương. (236) Hãy tự làm hòn đảo, Tinh cần, gấp sáng suốt, Trừ cấu uế, thanh tịnh, Đến Thánh địa chư thiên. Nghe xong, ông cụ chứng Sơ quả, chúng hội cũng được hưởng lợi ích. Ngày hôm sau, các con ông cũng thỉnh Phật và chúng Tăng thọ trai. Cuối bữa ăn, họ cũng xin hồi hướng phước báo cho cha già. Đức Phật chúc phước cho ông cụ, nói thêm hai bài kệ: (237) Đời ngươi nay sắp tàn, Tiến gần đến Diêm vương, Giữa đường không nơi nghỉ, Đường trường thiếu tư lương. (238) Hãy tự làm hòn đảo,

Tinh cần, gấp sáng suốt, Trừ cấu uế, thanh tịnh, Chẳng trở lại sanh già. 2. Dần Dà Từng Chút Bậc trí theo tuần tự ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la- môn. Một buổi sáng sớm, người Bà-la-môn ra khỏi thành, dừng lại chỗ các Sa-môn thường vấn y, ông đứng quan sát. Chỗ ấy cỏ mọc cao rậm rạp, khi một Sa-môn khoác y vào, chéo y quét qua cỏ, dính sương đẫm ướt. Ông tự nhủ: "Đám cỏ này phải được dọn sạch". Hôm sau, ông đem cuốc ra rẫy cỏ, dọn sạch chỗ đó, nó trở nên bằng phẳng quang đãng. Hôm sau nữa, ông lại đến quan sát, khi các Tỳ-kheo khoác y vào, chéo y quét trên đất và dính bụi. Ông nghĩ thầm: "Ta sẽ rải cát ở đây". Ông lại đem cát đến đổ cho sạch nơi đó. Vào một ngày, sáng sớm trời đã nóng bức. Dịp ấy ông thấy các Tỳ-kheo mặc y, mồ hôi đổ giọt. Người Bà-la-môn nghĩ: "Ta sẽ cất một cái trại nơi đây". Lập tức ông che lên một cái lều cho các Tỳ-kheo. Lại ngày khác, sáng sớm trời đổ mưa, dịp này ông lại thấy các Tỳ-kheo bị tạt ướt, ông nghĩ thầm: "Mình phải cất nhà mới được". Nghĩ là làm, và khi ngôi nhà hoàn thành, ông tổ chức lễ khánh thành. Ông mời Phật và chúng Tăng đến đó, mời ngồi bên trong và bên ngoài, rồi dâng thức ăn. Sau bữa ăn, ông cầm lấy bát của đức Phật, xin Ngài hồi hướng công đức. Ông nói: - Bạch Thế Tôn, khi con đứng nơi này, đầu tiên nhìn các Tỳ-kheo đắp y, con thấy như thế, và đã làm như thế, như thế. Và bắt đầu từ khởi điểm, ông kể cho Phật nghe toàn bộ câu chuyện. Phật nghe xong nói: - Này Bà-la-môn, người trí làm việc lành cũng vậy, hết lúc này đến lúc khác, từng việc một, dứt bỏ những nghiệp xấu. Ngài nói kệ: (239) Bậc trí theo tuần tự, Từng sát-na trừ dần. Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cấu uế nơi mình. 3. Con Rận Tiếc Của Như sét từ sắt sinh ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên,

liên quan đến thầy Tỳ-kheo Tissa. Ở Xá-vệ, có một chàng trẻ tuổi con nhà quyền quý xuất gia, làm đầy đủ bổn phận, là Thượng tọa Tissa. Lúc thầy còn ở tinh xá trong thành, được cúng dường một tấm vải thô dài tám thước. Sau ngày mãn hạ, thầy về nhà, đưa vải cho chị xem. Chị thầy nghĩ

thầm: "Tấm vải này không xứng với em ta". Cô bèn lấy dao bén, rọc vải thành từng mảnh, bỏ vào cối giả đập cho mềm, bỏ những sợi thô, dệt thành tấm vải mới. Vài hôm sau, thầy Tissa, tìm ra chỉ và kim, rủ thêm vài thầy và vài chú Sa-di biết may y, đến nhà người chị bảo: - Đưa em khúc vải, em muốn may y. Cô lấy khúc vải mịn dài chín mét, đưa cho thầy. Thầy từ chối: - Vải kia của em là thứ thô xấu, dài tám mét, khúc này đẹp lại dài chín mét, không phải của em. Hãy đưa khúc vải hôm trước ấy. - Thưa thầy, vải này của thầy đó. Cô kể lại những việc làm của mình và bảo thầy hãy lấy vải. Thầy Tissa đem vải về tinh xá, và tìm người may y. Chị thầy sửa soạn cơm canh mang đến cho thợ may, và khi tấm y hoàn thành, trông nó rất đẹp. Thầy Tissa rất thích chiếc y mới, thầy định ngày mai sẽ đắp nó. Nhưng hôm ấy, thầy bị bội thực và chết, tái sanh làm một con rận trong chiếc y mới của mình. Chị thầy nghe tin, nhào lăn dưới chân các Tỳ-kheo khóc lóc. Các Tỳ-kheo lo tang ma xong, bàn định: - Không ai hầu cận Tissa khi thầy đau, chiếc y này thuộc Tăng chúng, chúng ta hãy chia phần. Con rận la hoảng: - Các thầy tước đoạt tài sản của tôi. Và nó vừa kêu la vừa bò quanh chiếc y. Đức Thế Tôn ngồi trong hương thất, biết việc xảy ra, bèn gọi A-nan: - Này A-nan, hãy bảo chúng Tăng dời việc chia y bảy ngày. Tôn giả làm theo lời dạy. Cuối ngày thứ bảy, con rận chết và tái sanh lên cõi trời Đâu-suất. Ngày thứ tám, đức Phật cho phép chúng Tăng chia y. Sau khi chia xong, chư Tăng bàn tán: - Tại sao đức Thế Tôn ra lệnh để chiếc y của Tissa lại bảy hôm, ngày thứ tám mới cho phân chia. Đức Phật đến gần các thầy hỏi: - Các ông tụ họp ở đây bàn tán việc gì? Và khi các thầy kể lại. Ngài nói: - Tissa đã tái sanh làm con rận trong y mới của mình. Khi các ông định phân chia y, con rận đã nổi giận. Nó sẽ cự lại các ông, và sẽ đọa địa ngục. Vì lẽ đó Ta bảo để y lại. Hiện nay thì Tissa đã sanh lên cõi trời Đâu-suất, Ta mới cho phép các ông lấy y đem chia. Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, tham ái thật là một nỗi khổ lớn. Phật xác nhận:

- Tham ái thật là vấn đề lo lắng lớn của chúng sanh trên quả đất, như gỉ sét phát sanh từ sắt, trở lại ăn mòn sắt, tham ái phát sanh từ chúng sanh và đưa chúng sanh xuống địa ngục. Phật nói kệ: (240) Như sét từ sắt sinh, Sắt sinh lại ăn sắt, Cũng vậy, quá lợi dưỡng, Tự nghiệp dẫn cõi ác. 4. Thầy Tỳ Kheo Kiêu Ngạo Không tụng làm nhớp kinh ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến thầy Udàyi. Tại Xá-vệ, năm mươi triệu Phật tử thường cúng dường bữa ăn sáng cho chư Tăng, và sau đó họ mang bơ, dầu mè, mật ong, mật mía, hương hoa và những vật cần dùng đến tinh xá nghe pháp. Sau khi nghe xong ra về, họ ca tụng đức hạnh của hai Tôn giả Xá-lợi- phất và Mục-kiền-liên. Thầy Ưu-đà-di (Udàyi) nghe thấy thế bèn bảo họ: - Các ông chỉ nghe hai Tôn giả ấy thuyết pháp nên ca tụng như thế, tôi chắc rằng nếu các ông nghe tôi nói pháp, còn khen đến đâu. Hôm sau, họ thỉnh thầy Ưu-đà-di: - Thưa Tôn giả, hôm nay chúng con đến nghe pháp, sau khi cúng dường chư Tăng xong, xin Tôn giả thuyết pháp cho chúng con. Thầy Ưu-đà-di nhận lời. Và thính chúng kéo đến bên thầy. Thầy ngồi trên một cái ghế, phe phẩy quạt chẳng biết nói một câu gì, chỉ bảo: - Ta sẽ đọc một bài

chú, hãy để người khác thuyết pháp. Thầy bước xuống. Thính chúng mời vị khác giảng dạy, và một lần nữa mời thầy lên ghế đọc chú. Ưu-đà-di lại hẹn: - Ta sẽ đọc chú vào đêm nay, hãy mời vị khác đọc chú. Thính chúng mời vị khác, và đêm đến họ trở lại chỗ thầy. Thầy lại hẹn: - Sáng mai ta sẽ đọc. Sáng hôm sau, Thầy cũng chẳng đọc được câu nào. Các thiện tín tức giận ném đất, ném gậy vào thầy, nhiếc rằng: - Khi chúng ta ca tụng đức hạnh của hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, thầy nói những gì? Bây giờ sao thầy làm thinh thế? Thầy bỏ chạy, họ rượt theo, và thầy té xuống một hầm phân. Các thiện tín bàn tán về chuyện xảy ra trong ngày, nói rằng: Khi chúng ta ca tụng phẩm hạnh của Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Ưu- đà-di sanh tâm đố kỵ, tuyên bố rằng mình cũng là giảng sư. Thế mà khi được cung kính mời nói pháp, thầy ấy bốn lần lên pháp tòa mà chẳng nói được một câu. Bị rượt và với gậy gộc, ngói đá, thầy té xuống hầm phân. Đức Thế Tôn nghe được câu chuyện. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, Ưu-đà-di rơi xuống hầm phân, đời quá khứ thầy ấy cũng đã làm như thế. Ngài kể chuyện (Jàtaka 153) (Chuyện kể rằng, có một con lợn rừng thách đấu với sư tử. Trước ngày ấy nó lăn trong đống phân khiến cả da lông đều hôi hám, rồi đến nơi hẹn. Sư tử không dám đến gần, để cho nó thắng). Sư tử là Xá-lợi-phất, lợn rùng là Ưu-đà-di. Phật nói lại câu kệ giữa hai con thú: Tôi là thú, anh cũng thú, Hãy đến đây hỡi sư tử. Vì sao anh lại bỏ chạy. Này heo kia, mi hôi hám, lông dày, dơ bẩn. Nếu mày muốn đọ sức, ta nhường cho mi thắng cuộc. Sau khi dạy như thế, Phật nói: - Này các Tỳ-kheo, Ưu-đà-di chỉ học được một câu kinh, nhưng không bao giờ đọc tụng là một lỗi lớn. Ngài nói Pháp Cú: (241) Không tụng làm nhớp kinh, Không đứng dậy, bẩn nhà, Biếng nhác làm nhơ sắc, Phóng dật uế người canh. 5. Tà Hạnh Của Nữ Nhân Tà hạnh nhơ đàn bà ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thanh niên quý tộc (Jàtaka 65). Khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, có một thanh niên dòng quý tộc kết hôn với một thiếu nữ đồng giai cấp. Sau đó không lâu, người vợ ngoại tình. Xấu hổ vì chuyện này, người thanh niên không dám gặp ai. Đến phiên chàng vào hầu Phật, chàng đến đảnh lễ Thế Tôn, lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Này con, sao lâu nay con vắng mặt? Chàng kể lại chuyện cho đức Phật nghe. Ngài bảo: - Ngay trong thời quá khứ, Ta đã bảo con rằng: "Đàn bà thay đổi như dòng sông, và người trí chớ có hơi đâu mà giận họ". Nhưng vì luân hồi tái sanh che mờ tâm trí con, con đã quên điều này. Chàng thanh niên yêu cầu Phật kể lại chuyện trước (Jàtaka 65), Ngài nói kệ: Như dòng sông, con đường, quán rượu, phòng hội, nhà kho. Đàn bà trên thế gian đều như thế, không bao giờ biết được thời tiết của chúng. Ngài dạy tiếp:

- Như thế, dâm ô là uế trược của đàn bà, bỏn sẻn là uế trược của người bố thí, ác nghiệp là uế trược của chúng sanh ở đời này và đời sau, nhưng trong tất cả uế trược, vô minh là uế trược nhất. Ngày dạy Pháp Cú: (242) Tà hạnh nhơ đàn bà, Xan tham nhớp kẻ trí, Ác pháp là vết nhơ, Đời này và đời sau. (243) Trong hàng cấu uế ấy, Vô minh, nhơ tối thượng, Đoạn nhơ ấy, Tỳ-kheo, Thành bậc không uế nhiễm. 6. Lịch Sự Và Thô Lỗ Dễ thay, sống không hổ ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Culla Sàri ở chung với Tôn giả Xá-lợi-phất. Một ngày nọ, thầy Tỳ-kheo đó làm khán bệnh, thầy nhận được thức ăn bổ dưỡng. Trên đường đi thầy gặp một Tôn giả đang

khất thực, bèn mời: - Tôn giả, tôi có ít thức ăn thượng vị được bệnh nhân cúng dường, không dễ gì có, xin mời Tôn giả ăn. Lần khác, nếu tôi nhận được, tôi sẽ mang cho Tôn giả. Tôn giả nghe nói, nhưng cứ đi không trả lời. Các Tỳ-kheo đem câu chuyện đó bạch Phật. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, người nào không biết xấu hổ, trơ trẻn, bất lịch sự thì sống thoải mái. Người nào thành thật và sợ từng lỗi nhỏ, thì sống dè dặt. Ngài nói Pháp Cú: (244) Dễ thay, sống không hổ, Sống lỗ mãng như quạ, Sống công kích huênh hoang, Sống liều lĩnh, nhiễm ô. (245) Khó thay, sống xấu hổ, Thường thường cầu thanh tịnh, Sống vô tư, khiêm tốn, Trong sạch và sáng suốt. 7. Tất Cả Giới Cấm Đều Khó Giữ. Ai ở đời sát sinh ... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm tín đồ. Có năm trăm tín đồ, người này chỉ giữ giới bất sát, người khác chỉ giữ một giới khác.. Ngày kia họ bàn tán, người nào cũng cho rằng giới của mình khó giữ, việc của mình khó nhất.. và họ đến chỗ Phật kể lại câu chuyện. Phật dạy:

- Không có giới nào là quan trọng ít, giới nào là quan trọng nhiều, tất cả các giới đều khó giữ. Ngài nói kệ: (246) Ai ở đời sát sinh, Nói láo không chân thật, Ở đời lấy không cho, Qua lại với vợ người. (247) Uống rượu men, rượu nấu, Người sống đam mê vậy, Chính ngay tại đời này, Tự đào bới gốc mình. (248) Vậy người, hãy nên biết, Không chế ngự là ác, Chớ để tham phi pháp, Làm người đau khổ dài. 8. Kẻ Bới Lỗi Người Do tín tâm, hỷ tâm ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến chú Sa-di Tissa. Chuyện kể rằng, Sa-di Tissa có thói quen tìm kiếm lỗi lầm trong phẩm vật cúng dường của Cấp Cô Độc, của tín nữ Tỳ-xá-khư, ngay cả của năm triệu thiện tín, đến cả phẩm vật tối thắng của vua Ba-tư-nặc cũng thấy khuyết điểm. Khi nhận được thức ăn nguội chú phàn nàn nguội quá, khi nhận được thức ăn nóng chú phàn nàn nóng quá. Khi nhận thức ăn ít, chú càu nhàu sao ít thế? Và khi nhận nhiều vật thực, chú cũng nói chắc ở nhà họ hết chỗ chứa, hoặc: "Họ chỉ cần cúng cho các thầy để được ủng hộ, cúng nhiều cơm cháo thế này thật là lãng phí". Nhưng nếu đề cập đến bà con mình, chú nói: "Ô! Nhà của bà con tôi cung cấp đầy đủ cho các Sa-môn tứ phương". Tissa chỉ là một con người gác cổng. Khi đi theo những người thợ lên Xá-vệ, chú xin xuất gia. Các Tỳ-kheo thấy chú luôn luôn chỉ trích lỗi lầm và việc tốt của người khác, muốn tìm sự thật về chú, các thầy hỏi thăm chỗ chú ở và sai vài Sa-di hỏi thăm người làng: - Có một Sa-di tên Tissa người ở làng này, ai là thân tộc của chú? Dân làng nghĩ thầm: "Ở đây không có thanh niên quý tộc nào xuất gia, các Sa-di này muốn tìm ai?". Họ nói: - Ở đây, chúng nghe có con của người gác cổng đi theo thợ mộc và xuất gia, chắc đó là người thầy muốn hỏi. Các Sa-di về thuật lại với các Tỳ-kheo rằng Tissa nói khoác, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

- Đây không phải là lần đầu tiên Tissa hay cằn nhằn và nói khoác, đời quá khứ chú cũng đã khoe khoang khoác lác như thế. Phật kể chuyện quá khứ (Jàtaka Katàhaka). Ngài dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo, người nào hay than phiền về vật thực cúng dâng ít quá hay nhiều quá, ngon hay dở, hoặc không cúng dường ta mà cúng dường người khác, người ấy không bao giờ chứng quả. Ngài nói Pháp Cú: (249) Do tín tâm, hỷ tâm Loài người mới bố thí, Ở đây ai bất mãn, Người khác được ăn uống, Người ấy ngày hoặc đêm, Không đạt được tâm định. (250) Ai cắt được, phá được, Tận gốc, nhổ tâm ấy, Người ấy, ngày hoặc đêm, Tất đến được tâm định. 9. Những Người Lơ Đễnh Lửa nào

bằng lửa tham ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm người thiện tín. Khi đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, có năm tín đồ nghe Ngài giảng pháp, họ đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật không hề nghĩ rằng: "Người này dòng Sát-lợi, người kia dòng Bà-la-môn, người nay giàu, người kia nghèo. Ta giảng rộng cho người này, không giảng rộng cho người kia". Những việc này không liên quan đến đề tài Phật thuyết giảng, mọi người đều bình đẳng trước pháp, và Phật giảng dạy như nhau. Nhưng năm người ngồi trước Phật, kẻ thì ngủ gục, người thì lấy ngón tay bươi trên đất, người đong đưa cành cây, người thì ngó lên trời. Chỉ có một người chăm chú nghe. Tôn giả A-nan đứng quạt hầu Phật, quan sát cử chỉ của năm người ấy, và sau đó bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Ngài giảng dạy như tiếng sấm rền, mà những người ngồi nghe như thế, như thế. - Này A-nan, ông có biết họ không? - Bạch Thế Tôn, không. - Người ngủ gục ấy, đã từng làm rắn trong năm trăm kiếp, thường cuộn mình lại ngủ say nên kiếp này cũng ưa ngủ, không có lời nào của Ta lọt vào tai. - Bạch Thế Tôn, việc ấy xảy ra trong nhiều kiếp liên tục hay đứt quãng?

- Một lần, người này làm người, một lần khoác áo chư thiên, và lần khác làm rắn. Không thể dùng trí biết được số kiếp luân hồi của hắn. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, hắn làm rắn và ngủ không bao giờ chán. Người dùng tay bươi đất, là đã năm trăm kiếp làm côn trùng chui trong đất, nên bây giờ cứ bới đất, chẳng nghe lời Ta. Người hay lay cành cây, là đã năm trăm kiếp làm khỉ, và vì thói quen chuyền cành, nên hiện tại cứ nắm cành cây, không nghe lời Ta nói. Người nhìn lên trời, là đã năm trăm kiếp làm chiêm tinh gia, nên ngày nay cũng nhìn lên trời, không nghe Ta nói gì. Người ngồi nghe chăm chú, là đã năm trăm kiếp làm Bà-la-môn đọc tụng Vệ-đà nên hôm nay cũng chăm chú như đang đọc Mật thư. - Bạch Thế Tôn, Ngài giảng dạy thấm sâu như chẻ da xương, vì sao những người này không chăm chú nghe? - A-nan, ông tưởng giáo lý Ta dễ nghe được sao? - Bạch Thế Tôn, Ngài cho rằng khó nghe được? - Đúng vậy. - Tại sao, bạch Thế Tôn? - Này A-nan, những chúng sanh này trong vòng luân hồi vô tận không nghe tên Tam Bảo, nên bây giờ không thể nghe giáo pháp. Những chúng sanh này trong vòng sanh tử vô cùng ấy chỉ quen nghe tiếng nói của súc sinh. Hơn nữa, họ tiêu phí thời giờ trong việc ăn uống, vui chơi, múa hát, nên không thể nghe giáo pháp. - Bạch Thế Tôn, vì lý do gì họ không thể nghe pháp? - Này A-nan, vì tham ái, vì sân hận, vì si mê. Vì vậy, không lửa nào bằng lửa tham ái, đốt cháy hữu tình không một chút tro. Vào thời kiếp hỏa, hỏa tai thiêu rụi toàn thế giới không chừa một tí nào, nhưng lửa này chỉ cháy trong vòng bảy mặt trời, và chỉ cháy trong thời tiết nào thôi. Còn lửa tham ái không lúc nào không bốc cháy. Cho nên Ta nói không lửa nào bằng lửa tham ái, không kìm kẹp nào bằng sân hận, không lưới nào bằng si mê, không sông nào bằng ái dục. Ngài nói Pháp Cú: (251) Lửa nào bằng lửa tham! Chấp nào bằng sân hận! Lưới nào bằng lưới si! Sông nào bằng sông ái! 10. Trưởng Giả Ram Dễ thay thấy lỗi người ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Jàtiyàvana gần thành Bạt-đề (Bhaddiya), liên quan đến Trưởng giả Ram. Bối cảnh: A. Thế Tôn Thăm Trưởng Giả Ram

Thuở nọ, khi đức Phật du hành qua xứ Anguttaras, Ngài nhận thấy những người trong gia đình Trưởng giả Ram đều có duyên chứng quả Tu-đà-hoàn. Ông trưởng giả vợ ông là Candapadumà, con trai là Trưởng giả Dhananjiya, con dâu Sumanà Devì, cháu nội

Visàkhà, tớ gái Punna. Nhận thấy như thế, Ngài đi đến thành Bhaddiya, ngụ tại rừng Jàtiyà (Jàtiyàvana). Trưởng giả Ram nghe Phật đến bèn đi thăm. Nhưng tại sao ông có tên là Ram? Ngoài đề: B. Trưởng Giả Ram Và Những Con Cừu Bằng Vàng. Đằng sau nhà ông, trong khoảng sân rộng tám mẫu, có những con cừu bằng vàng to bằng con voi, ngựa hoặc trâu nước. Chúng phi tới phi lui, cày đất tứ tung, thụi lưng vào nhau. Khi Trưởng giả Ram cần bơ, dầu, mật ong, hay mật mía, hoặc thức ăn, hoặc ông cần y phục, hoặc vàng bạc, ông chỉ cần đặt một trái banh bằng chỉ ngũ sắc vào miệng mấy con cừu, từ miệng chúng sẽ tuôn ra đủ tất cả các thứ cần dùng cho mọi người trên khắp cõi Diêm-phù-đề, dù chỉ lấy ở một con thôi. Đó là lý do ông được gọi là Ram (Cừu). Nhưng ông đã làm gì trong quá khứ? Chuyện quá khứ: C. Bằng Cách Nào Trưởng Giả Ram Có Được Cừu Bằng Vàng? Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, ông là cháu của một người tên Avaroja, ông cũng tên Avaroja. Người cậu dự định xây cất hương thất cho Phật, Avaroja cháu đến gặp Avaroja cậu, đề nghị: - Thưa cậu, chúng ta hợp tác để xây cất hương thất. - Ta không muốn chia sẻ công việc cho ai cả. Người cậu trả lời như thế. Cháu nghĩ thầm: "Ngay khi hương thất xây xong, sẽ có một chuồng voi tại đây". Chàng đặt thợ rừng cưa gỗ, dựng cột, cất một trại voi với tất cả rui mè, kèo, đòn tay, cửa cái, cửa sổ, sàn nhà, nóc đều cẩn đầy vàng bạc, châu báu. Như thế, đối diện với hương thất của Như Lai là một chuồng voi dành cho Ngài, trang hoàng bằng thất bảo. Trên nóc chuồng có một cái tháp bằng vàng ròng, đỉnh tháp bằng san hô. Chính giữa lều chàng đặt một cây lọng bằng ngọc, che trên tòa ngồi. Tòa ấy có bốn chân bằng vàng ròng, dưới bốn chân ghế có bốn con cừu bằng vàng đỡ chân, hai cừu vàng kê chân. Sáu cừu vàng vây quanh lọng. Mặt ghế trải thảm bằng chỉ vàng, chỉ bạc, lưng ghế bằng gỗ chiên đàn. Khi hoàn thành lều voi, chàng mở tiệc ăn mừng, chàng thỉnh Phật và sáu trăm tám mươi ngàn vị Tỳ-kheo cúng dường tám tháng. Ngày cuối cùng, chàng cúng dâng mỗi vị Tỳ-kheo ba y, và chỉ một y cho mỗi vị Sa-di cũng đã đáng giá trăm ngàn đồng vàng. Sau khi làm những công đức như thế trong thời Phật Tỳ-bà-thi, Avaroja cháu đã tái sinh cõi trời, cõi người. Và kiếp này nổi tiếng là Trưởng giả giàu có của thành Ba-la-nại. Chuyện quá khứ D. Vì Sao Trưởng Giả Ram Và Gia Quyến Được Phép Màu?

Một ngày kia, Trưởng giả Ram đến hoàng cung chầu vua, gặp thầy Tư tế của hoàng gia, ông hỏi: - Thưa thầy, thầy có xem thiên văn không? - Được chứ, ông cần gì? - Xin cho biết vận mệnh của xứ này. - Sẽ có thiên tai. - Chừng nào xảy ra? - Ba năm nữa sẽ có nạn đói. Trưởng giả nghe nói thế, bèn về nhà ra lệnh trồng thật nhiều lúa, đem hết tài sản mua lúa, xây cất một ngàn hai trăm năm mươi vựa đựng thóc lúa, đổ đầy tràn, còn đổ thêm vào lu hũ chôn dưới đất, còn bao nhiêu ông cho trộn với đất sét, xây thành bức tường. Thời gian sau, nạn đói xảy ra, ông đem số lúa dự trữ ra ăn. Khi ăn cạn hết lương thực, ông gọi thân quyến đến và bảo: - Các người hãy đi vào núi mà kiếm thức ăn. Khi nạn đói qua hãy trở về. Nếu không muốn về cứ ở lại nơi nào mình thích. Tất cả thân bằng quyến thuộc ra đi, chỉ còn lại vợ Trưởng giả, con trai, con dâu, và người giúp việc Punna ở lại với ông, cả thảy năm người. Sau khi ăn hết lúa chôn dưới đất, họ cạy bức tường, ngầm từng mảng vào nước, lượm lúa ra ăn. Nạn đói hoành hành rộng lớn và tường lúa cũng hết. Chỉ còn lại một lít lúa cuối cùng, bà Trưởng giả sợ trộm vét, bèn bỏ vào trong bình, đậy nắp lại chôn dưới đất. Khi ông Trưởng giả ở cung vua về, hỏi vợ: -

Này bà, tôi đói bụng, còn gì để ăn không? - Còn một ít lúa chôn dưới đất. - Hãy đào lên và nấu ăn. - Nếu tôi nấu cháo thì ăn được hai bữa, nếu nấu cơm thì chỉ một bữa thôi. Làm theo cách nào? - Bây giờ chúng ta chẳng còn gì, chỉ ăn bữa cơm rồi chờ chết, thôi nấu cơm đi. Bà vợ nấu cơm, chia làm năm phần, và đặt phần của ông Trưởng giả trước mắt ông. Lúc ấy trên núi Kiền-đà (Grandhamàdana) có một vị Phật Bích Chi nhập định, Ngài không bao giờ bị đói, nhưng nếu Ngài ra khỏi định, chẳng bao lâu Ngài sẽ đói vì bao tử hoạt động trở lại. Lúc ấy Ngài quan sát xem nơi nào có thể khất thực. (Chúng sanh nào dâng cơm cho Ngài sau khi xuất đại định sẽ được phước báo làm tổng tư lệnh hoặc cấp ngang hàng). Đức Phật Bích Chi chỉ dùng thiên nhãn quan sát thế giới, Ngài thấy rằng một trận đói khủng khiếp đã xảy ra trên cõi Diêm-phù-đề, và tại nhà Trưởng giả nọ chỉ còn năm người với một lít gạo. Liệu họ có đủ thành tín để cúng cho Ngài? Nhận thấy họ rất mực thành tín, Ngài bèn đắp y, mang bát đến trước cửa nhà Trưởng giả.

Khi ông Trưởng giả nhìn thấy Phật, lòng ông tràn đầy niềm vui: "Vì quá khứ ta không hề cúng dâng nên giờ này mới chịu nạn đói kinh khủng, phần cơm này chỉ giúp ta sống một ngày, nếu cúng dường Phật ta sẽ thoát vòng sanh tử trong nhiều kiếp". Nghĩ thế, ông mời Phật vào nhà, đảnh lễ năm vóc sát đất, thỉnh Ngài ngồi, đem nước rửa chân, kê chân Ngài bằng chiếc nệm vàng, và sớt cơm vào bát Phật. Khi ông sớt được phân nửa, đức Bích Chi dùng tay che miệng bát, tỏ ý không nhận thêm. Ông Trưởng giả bạch Phật: - Bạch Ngài, chúng con năm người chung một lít gạo, phần cơm này là một trong năm phần được chia. Con không muốn sớt làm hai, con muốn cúng dường Ngài tất cả, con không mong cầu Ngài ban phước lành cho con hiện đời. Nói xong ông trút hết cơm vào bát Phật và phát lời nguyện: - Bạch Ngài, mong rằng nơi nào con tái sinh, con xin sẽ không bao giờ chịu đói như hiện tại. Con sẽ có đủ thức ăn cho mọi người trên khắp cõi Diêm-phù-đề. Con không phải làm lụng cực nhọc để sống. con sẽ có một ngàn hai trăm năm chục vựa lúa, sau khi quét dọn sạch sẽ, con gội đầu và ngồi trước cửa kho, đúng lúc đó thóc lúa sẽ rơi đầy kho lẫm. Nơi nào con tái sinh, vợ con là người vợ này, con trai, con dâu và đầy tớ chính là những người này. Vợ Trưởng giả nghĩ: "Ta sẽ không ăn khi chồng ta chịu đói". Và bà cũng dâng cúng phần cơm của mình cho Phật, với lời nguyện: - Nơi nào con tái sinh, con không chịu nạn đói lần thứ hai. Con có quyền năng dùng một bát cơm cho tất cả người trên cõi Diêm-phù-đề, cho bao nhiêu tùy ý mà bát cơm vẫn đầy. Nguyện những người này sẽ là chồng con, con trai, con dâu, và là người giúp việc của con trong kiếp sau. Con trai ông Trưởng giả cũng cúng phần cơm của mình với lời nguyện: - Con xin không bao giờ bị đói như thế này. Con sẽ có quyền năng chỉ với một túi tiền độ một ngàn đồng mà bố thí cho tất cả những người ở cõi Diêm-phù-đề, cho bao nhiêu tùy ý, túi tiền vẫn đầy. Cha, mẹ, vợ, người giúp việc chính là những người này. Con dâu cũng cúng phần cơm của mình cho Phật với lời nguyện: - Con xin không bao giờ bị nạn đói. Con sẽ có một cái giỏ đựng thóc giống cung cấp cho mọi người không hết. Nơi nào con tái sinh, những người này là cha chồng, mẹ chồng, chồng và người giúp việc. Người giúp việc Punna cũng cúng phần cơm của mình cho Phật Bích Chi với lời nguyện: - Con sẽ không bao giờ bị đói. Khi con cày đất, ba luống cày bên mặt, ba luống cày bên trái và một đường cày giữa, cả bảy đường cày đều rộng

vài sải tay. Mặc dù ông ta có thể ước nguyện làm tổng tư lệnh, nhưng vì tình cảm liên hệ với gia chủ, ông cũng nguyện: "Những người này là ông chủ, bà chủ". Khi mỗi người phát nguyện, Phật Bích Chi đều nói: - Sẽ được vậy?

Và Ngài nói lời cảm tạ bằng những bài kệ theo cung cách một vị Bích Chi Phật, rồi nghĩ thầm: "Bổn phận của Ta là làm thỏa nguyện vọng của những chúng sanh này". Ngài thầm bảo: "Hãy để những người này nhìn theo thấy Ta cho đến tận núi Kiền-đà". Ngài bay lên hư không và họ đứng nhìn theo. Đến nơi, Ngài chia cơm trong bát cho năm trăm vị Bịch Chi Phật, do thần lực của Ngài cơm đầy đủ cho tất cả. Năm người vẫn đứng và thấy rõ. Lúc ấy trời đã quá trưa, vợ ông Trưởng giả rửa sạch nồi cơm, đậy nắp lại và cất đi. Ông Trưởng giả đói meo, nằm dài ra ngủ. Đến chiều, ông thức dậy gọi vợ: - Này bà, tôi đói quá, bà xem còn sót miếng cơm cháy nào trong nồi không? Bà nhớ kỹ rằng mình đã rửa sạch nồi cất đi, chắc chắn không còn một hột cơm cháy nào, nhưng thay vì nói: "Không còn gì hết", bà vẫn nói: - Tôi sẽ xem thử coi. Bà đi đến nơi cất nồi, giở nắp ra, và ngay lúc đó, nồi cơm đầy nhóc, thơm ngào ngạt, hơn thế nữa, cơm tràn tận miệng nồi đội cả nắp lên. Chứng kiến việc lạ lùng này, toàn thân bà rung động vui mừng, bà gọi chồng: - Này, ông dậy đi, tôi đã rửa sạch nồi cất đi, mà bây giờ cơm lại đầy nồi, thơm nghi ngút. Đây là quả phước của việc thiện, quả phước của việc cúng dường. Dậy mà ăn, ông ạ. Bà đem cơm cho chồng và con trai. Khi họ ăn xong, bà cùng ăn với con dâu, và sau đó cho người giúp việc Punna. Dù bới bao nhiêu, nồi cơm cũng không giảm, cứ xúc ra một vá thì vá cơm khác hiện ra. Vào ngày ấy, tất cả vựa lúa kho lẫm trong nhà ông đều đầy thóc. Ông Trưởng Giả rao khắp thành phố: "Lúa thóc hiện đầy đủ trong nhà ông Trưởng giả, tất cả những ai muốn dùng cứ đến lấy". Mọi người đổ xô đến lấy lúa, và tất cả dân chúng cõi Diêm-phù đều được lúa thóc. Ông Trưởng giả sau khi chết, tái sanh vào cõi trời, cõi người, vào thời Phật hiện tại, sanh trong gia đình giàu có ở Bhaddiya. Vợ ông khi xưa cũng là vợ hiện tại, cả con trai, con dâu, người giúp việc Punna. Do phước báo kể trên, những con cừu vàng lại hiện ra trong sân nhà ông. E. Trưởng Giả Ram Và Gia Quyến Thực Hiện Phép Màu Một ngày nọ, Trưởng giả Ram muốn thử lại quyền lực của mình. Ông cho quét sạch một ngàn hai trăm năm mươi kho lúa, gội đầu, và ngồi ở cửa mỗi kho nhìn vào, lập tức các kho lẫm đều đầy lúa. Ông bảo vợ, con dâu và người giúp việc hãy thử quyền lực của mình. Bà vợ trang điểm lộng lẫy, ngồi ở cổng nhà, cầm một muỗng vàng rao lên: - Ai cần cơm cứ đến. Bà sớt đầy cơm vào những bình và chậu đưa đến, tất cả ai đến xin đều được cho. Suốt ngày giỏ cơm của bà không vơi. (Vào thời chư Phật quá khứ, cũng trong dịp này, bà dâng cơm cho chúng Tăng, với tay mặt cầm muỗng, tay trái xách giỏ cơm. Vì thế, nơi lòng bàn tay trái của bà có dấu

hoa sen, lòng bàn tay mặt có dấu mặt trăng tròn. Khi bà dâng nước cho chư Tăng, đi tới, đi lui, thì dấu hoa sen và dấu mặt trăng lại hiện ở bàn chân. Vì thế bà có tên là Candapadumà (Liên Nguyệt). Người con trai mang túi tiền chừng một ngàn đồng vàng, bố thí cho tất cả mọi người, và bao giờ trong túi cũng còn đủ một ngàn đồng vàng. Con dâu cũng trang điểm lộng lẫy, cung cấp thóc giống cho tất cả mọi người, túi thóc vẫn không vơi. Người giúp việc cũng trang điểm hết mình, bắt ách vàng, cày vàng lên mình con bò, choàng dây vàng lên mình nó và dẫn ra ruộng. Mỗi nhát cày là bảy đường cày,

ba đường bên trái, và một đường cày ở giữa. Như thế, tất cả dân chúng trên cõi Diêm-phù đều nhân thức ăn, thóc giống, vàng bạc thỏa thích từ nhà Trưởng giả. Kết Thúc Của Truyện: F. Trưởng Giả Ram Đến Gặp Phật Khi Trưởng giả đầy quyền lực nghe tin đức Bổn sư đến thành, ông đi đến thăm Phật. Trên đường đi ông gặp một nhóm ngoại đạo ngăn cản: - Này Trưởng giả, ông đi đâu? Ông tin có Thần Ngã mà lại đến thăm Cồ-đàm, người không tin điều này. Mặc dù họ cố gắng thuyết phục, ông vẫn không màng đến lời họ. Ông đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và kính cẩn ngồi một bên. Phật thuyết pháp, nghe xong ông chứng quả Dự lưu. Ông thuật lại lời chống đối, phỉ báng của ngoại đạo cho Phật nghe. Phật dạy: - Này Trưởng giả, những người ấy không thấy lỗi của mình dù là lỗi lớn, còn người khác không lỗi, họ cũng cố gắng kẻ vạch, như quạt thóc tìm trấu. Ngài nói Pháp Cú: (252) Dễ thay thấy lỗi người, Lỗi mình thấy mới khó, Lỗi người ta phanh tìm, Như sàng trấu trong gạo, Còn lỗi mình che đậy, Như kẻ gian giấu bài. 11. Tỳ Kheo Bới Lỗi Ai thấy lỗi của người ... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả tên là Người Tìm Lỗi, Ujjhànasannì. Tôn giả này thường dòm dỏ lỗi của các Tỳ-kheo, thầy nói: - Thầy này đắp thượng y thế này, thầy kia đắp hạ y như thế kia. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Tôn giả ấy cứ như thế, như thế. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào làm tròn bổn phận của mình và khuyên người khác như thế, người đó không thấy lỗi ai. Người nào có ý nhìn lỗi người, tìm lỗi người, và đi rêu rao lỗi người, hạng người này không bao giờ đạt được chút xíu giác ngộ, chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ. Ngài dạy Pháp Cú: (253) Ai thấy lỗi của người, Thường sanh lòng chỉ trích, Người ấy lậu hoặc tăng, Rất xa lậu hoặc diệt. 12. Hư Không Có Dấu Chân? Hư không, không dấu chân ... Câu chuyện xảy ra, liên quan đến du sĩ Tu-bạt-đà-la (Subhadda). Khi đức Thế Tôn sắp nhập diệt, trong rừng Sa-la trong thành Câu-thi. Chuyện kể rằng khi trước con của Tu-bạt đã cúng dường chín lần những phẩm vật đầu mùa gặt cho đức Phật, còn Tu-bạt thì không ưng và từ chối, cuối cùng mới chịu cúng. Vì thế ông không gặp Thế Tôn lúc Ngài vừa thành đạo và giảng đạo. Đến lúc cuối, Ngài gần nhập diệt, ông mới tự nghĩ: "Ta có ba điều nghi. Và đã hỏi các Trưởng lão để giải nghi. Lúc ấy Sa-môn Cồ-đàm còn trẻ nên ta không đến hỏi. Bây giờ thời gian Niết-bàn sắp đến, nếu ta không hỏi, sau sẽ ân hận". Ông đi đến chỗ Phật. Tôn giả A-nan ngăn ông lại, nhưng Phật đã bảo: - A-nan, chớ ngăn Tu-bạt-đà-la, hãy để ông vào thưa hỏi. Tu-bạt vào, ngồi ở chân giường và hỏi Phật: - Bạch Ngài, có con đường nào trên không trung? Có người nào được gọi Sa-môn khi ở ngoài chánh đạo? Pháp hữu vi có trường tồn? Phật dạy ông những việc ấy không thể có, Ngài giảng bằng bài kệ: (254) Hư không, không dấu chân, Ngoài chánh đạo, không Sa-môn. Chúng sanh thích hý luận, Như lai, hý luận trừ. (255) Hư không, không dấu chân, Ngoài đây, không Sa-môn. Các hành không thường trú, Chư Phật không giao động.

PHẨM XIX: CÔNG BÌNH PHÁP TRỤ 1. Quan Tòa Bất Công Ngươi đâu phải pháp trụ... Câu chuyện này xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến các vị chánh án. Một ngày nọ, các Tỳ-kheo đi khất thực tại cổng phía bắc thành Xá-vệ, và trở về tinh xá, ngang qua trung tâm thành phố. Khi ấy trời đổ mưa, các Tỳ-kheo Vào trú ẩn tại một pháp đình, các thầy thấy các quan chánh án nhận của hối lộ và tịch biên tài sản của

dân chúng một cách bất hợp pháp. Các thầy nghĩ thầm: "Những ông quan này không công minh, chúng ta cứ tưởng họ là những chánh án liêm chính". Khi cơn mưa dứt, các thầy trở về tinh xá, đến chỗ Phật và bạch lên Phật câu chuyện vừa rồi, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, người nào đầu hàng dục vọng thấp hèn, xét xử chuyên chế, không thể gọi là công bình. Chỉ những người đi sâu tìm tòi việc sai trái trong một vụ án, và xử lý việc sai trái đó đúng pháp, không chuyên chế, mới gọi là công bình. (256) Ngươi đâu phải pháp trụ Xử sự quá chuyên chế, Bậc trí cần phân biệt, Cả hai chánh và tà! (257) Không chuyên chế, đúng pháp, Công bằng, dắt dẫn người, Bậc trí sống đúng pháp, Thật xứng danh pháp trụ. 2. Lục Quần Tỳ Kheo Không phải vì nói nhiều... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Lục quần Tỳ- kheo. Chuyện kể rằng nhóm Lục quần Tỳ-kheo hay đi từ tinh xá này đến tinh xá khác, từ làng này sang làng khác, làm mất trật tự trong phòng ăn của chúng Tăng. Ngày đó, vài Tỳ-kheo trẻ và Sa-di, sau khi ăn sáng ở trong làng, đến tinh xá. Các Tỳ- kheo ở đây hỏi: - Chư huynh đệ thích phòng ăn như thế nào? - Xin đừng hỏi chúng tôi. Mấy ông Lục quần Tỳ-kheo tự tuyên bố là: "Chỉ có chúng ta thông minh, chỉ có chúng ta là trí tuệ. Chúng ta sẽ đánh mấy thầy này, đổ rác lên đầu họ và đuổi họ ra". Và họ tóm lấy chúng tôi, đổ rác lên đầu, làm phòng ăn lộn xộn lên. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, ta không gọi người nào thông minh khi người ấy nói nhiều và chọc giận người khác. Ta chỉ gọi là người trí tuệ khi kẻ ấy kiên nhẫn, thoát khỏi sân giận và sợ hãi. Ngài nói kệ:

(258) Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh bậc trí, An ổn, không oán sợ, Thật đáng gọi bậc trí. 3. Không Phải Vì Nói Nhiều Mà Được Ca Tụng Không phải vì nói nhiều... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Nhất Cú, tức A-la-hán Ekuddàna. Tôn giả Nhất Cú sống một mình trong rừng và chỉ biết độc nhất một câu kệ: Vị Sa-môn tư tưởng thanh cao, Tinh tấn, tu tập trong im lặng. Sa-môn ấy tâm hằng an tịnh, Luôn chánh niệm, không còn phiền não. Vào mỗi ngày tụng giới, Tôn giả chỉ đọc lên một câu kệ ấy, và chư thiên vỗ tay vang rền. Ngày nọ, cũng vào dịp Bố-tát, có hai vị Tỳ-kheo lão thông Tam tạng, dẫn theo một ngàn đồ chúng đến nơi ấy. Tôn giả Nhất Cú thấy các thầy, rất vui mừng, nói: - Các vị đến thật may mắn, hôm nay chúng ta sẽ nghe pháp. - Nhưng thưa Ngài, ở đây đâu có người nào để nghe. - Có chứ, vào ngày nói giới, cả khu rừng đều vang động tiếng vỗ tay của chư thiên. Như thế, một vị bèn đọc luật và vị kia giảng rộng nghĩa ấy, nhưng chẳng có một ông trời nào vỗ tay cả. Các vị hỏi: - Này huynh, Ngài bảo chúng tôi là khi Luật được tuyên đọc, chư thiên vỗ tay vang rền. Như vầy là sao? - Những ngày khác đều có, tôi không hiểu hôm nay có chuyện gì? - Thế thì Ngài đọc luật đi. Tôn giả Nhất Cú bèn cầm quạt, lên tòa ngồi và đọc câu kệ thường nhật, chư thiên lại vỗ tay vang rền. Khi ấy, các Tỳ-kheo đồ chúng của hai bậc thầy kia đều bất bình chư thiên, nói: - Chư thiên ở rừng này bày tỏ sự kính trọng bằng cách vỗ tay. Dù cho Tỳ-kheo thông Tam tạng giảng nhiều giới pháp, họ không nói một lời ca ngợi. Vậy mà khi Trưởng lão già chỉ đọc một câu, họ lại vỗ tay ồn cả lên. Và trở về tinh xá, họ đem câu chuyện trình bày với đức Phật. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, ta không gọi người nào là thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đọc nhiều kinh. Nhưng người nào chỉ biết đọc một câu, hiểu thấu sự thật, người ấy thật là người thông suốt Tam tạng. Ngài nói Pháp cú: (259) Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh trì pháp,

Những ai tuy nghe ít, Nhưng thân hành đúng pháp, Không phóng túng chánh pháp, Mới xứng danh trì pháp. 4. Người Trẻ Có Thể Là Trưởng Lão? Không phải là Trưởng lão... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya. Một ngày nọ, Tôn giả Lakuntaka vào làm thị giả hầu Phật, và khi vị này đi ra, có ba mươi thầy tu ở rừng đến nhìn thấy. Các vị này vào gặp Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Đức Phật nhận thấy ba mươi thầy đều có khả năng chứng A-la-hán, bèn hỏi: - Các ông có thấy một Trưởng lão vừa đi ra không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! - Các ông không thấy ư? - Chúng con chỉ thấy một Sa-di. - Này các Tỳ-kheo, đó không phải là Sa-di, đó là một Trưởng lão. - Người ấy còn quá trẻ, thưa Thế Tôn! - Ta không gọi người nào là Trưởng lão chỉ vì họ già, vì họ ngồi ở ghế Trưởng lão, nhưng người nào thấu đạt chân lý, và đối xử tốt với người khác, người ấy là Trưởng lão. Phật nói kệ: (260) Không phải là Trưởng lão, Dù tuổi cao đầu bạc, Không tịnh hạnh tu trì, Tôn xưng bậc Hòa thượng, Gọi suông có ích gì? (261) Ai chân thật, đúng pháp, Không hại, biết chế phục, Bậc trí, không cấu uế, Mới xứng danh Trưởng lão. 5. Thế Nào Là Người Hoàn Toàn? Không phải nói lưu loát... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến một số Tỳ-kheo. Một hôm, có vài Trưởng lão thấy các Sa-di và Tỳ-kheo trẻ hầu hạ thầy, nhuộm y, giặt y... Các vị bàn tán: - Chúng ta là những người giảng dạy thông suốt, vậy mà không được săn sóc như thế. Bây giờ chúng ta đến chỗ Phật thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đều tinh thông Giáo pháp, xin Ngài ra lệnh cho các Tỳ-kheo tân học và Sa-di rằng: "Dù được học giáo lý với ai, không được ôn luyện cho đến khi các ông được các Trưởng lão này giảng dạy". Như thế chúng ta sẽ được danh dự và lợi dưỡng.

Bàn thế, các Trưởng lão đến chỗ Phật và thưa như trên, Phật nghĩ: "Trong truyền thống tôn giáo ta, có quyền nói như vậy, nhưng mấy ông này chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ". Và Ngài bảo:

- Ta không nhận xét các ông đã hoàn toàn chỉ vì các ông nói lưu loát. Nhưng người nào mà mọi ô nhiễm và phẩm hạnh xấu đều bị trừ tuyệt bởi Thánh quả, người ấy mới thật hoàn toàn.

Ngài nói kệ:

(262) Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặc đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.
(263) Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

6. Đầu Trọc Không Làm Nên Tỳ Kheo

Đầu trọc, không làm nên Sa-môn ...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Hatthaka.

Chuyện kể rằng, mỗi khi thầy Hattthaka bị thua cuộc trong khi tranh luận, bèn hẹn:

- Hãy đến nơi ấy, nơi kia vào đúng giờ ấy, giờ kia, sẽ kết thúc cuộc bàn cãi.

Và thầy đến trước nơi hẹn, và nói:

- Xem kìa! Mấy người ngoại đạo sợ ta đến nỗi không dám đến gặp. Vậy là họ thua cuộc rồi.

Thầy luôn luôn dùng cách ấy nói với đối phương mỗi khi thua cuộc.

Đức Phật nghe nói Hatthaka làm như vậy, bèn gọi thầy đến hỏi:

- Hatthaka, có phải ông làm như thế, như thế?

- Thưa vâng.

- Tại sao ông làm như thế? Một người làm điều sai quấy không thể gọi là Sa-môn, dù đầu họ cạo trọc. Người nào sửa được mọi lỗi lầm lớn nhỏ mới thật sự là Sa-môn.

Ngài nói kệ:

(264) Đầu trọc, không Sa-môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn.
(265) Diệt trừ mọi tội lỗi,
Dù lớn nhỏ đều không,
Xô đuổi nhân phiền não,
Là thanh tịnh Sa-môn.

(Phạm Thiên Thư dịch).

7. Điều Gì Làm Nên Sa Môn Đâu phải là Tỳ-kheo... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ tới một Bà-la-môn. Có một người Bà-la-môn từ bỏ gia đình, trở thành tu sĩ ngoại đạo. Khi ông đi khất thực, ông tự nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi các đệ tử là "Tỳ-kheo" khi họ đi khất thực. Ông ấy cũng phải gọi ta là Tỳ-kheo". Ông ta đi đến chỗ Phật và nói: - Sa-môn Cồ-đàm, tôi cũng tự nuôi sống bằng cách xin ăn, hãy gọi tôi là Tỳ-kheo. Phật trả lời: - Này Bà-la-môn, ta không gọi ai là Tỳ-kheo chỉ vì người ấy xin ăn. Người làm tất cả mọi hình thức giống Tỳ-kheo cũng không phải Tỳ-kheo. Chỉ có người thấy biết như thật về các uẩn và hành trì tương ưng, người ấy thật sự là Tỳ-kheo. Ngài nói kệ: (266) Chỉ khất thực nhờ người, Đâu phải là Tỳ-kheo! Phải theo pháp toàn diện, Khất sĩ không, không đủ. (267) Ai vượt qua thiện ác, Chuyên sống đời Phạm hạnh, Sống thẩm sát ở đời, Mới xứng danh Tỳ-kheo. 8. Không Phải Im Lặng Làm Nên Bậc Thánh Im lặng nhưng ngu si... Câu chuyên xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ngoại đạo. Các thầy ngoại đạo khi nhận được thức ăn cúng dường thường chúc lành cho chủ nhân: - Xin chúc các vị bình an, hạnh phúc, tăng thêm tuổi thọ. Các vị sẽ không đến những nơi gai góc, sình lầy như nơi nọ nơi kia. Như thế, họ hồi hướng phước lành, cảm tạ và xong rồi mới đi. Về phần Tăng chúng của Phật, ban đầu chưa hồi hướng, các thầy chỉ nhận vật thực rồi đi. Dân chúng phê bình như sau: - Chúng ta được nghe lời cám ơn và chúc lành của ngoại đạo, còn các thầy Tỳ- kheo thì hoàn toàn im lặng. Các Tỳ-kheo bạch Phật điều ấy. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, khi ngồi ở phòng ăn hay nơi nào thọ thực, hãy cám ơn thức ăn mình nhận, và nói lời vui lòng chủ nhân khi họ ngồi gần đó. Như thế, đức Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo hồi hướng công đức cho thí chủ. Khi

nghe các lời ấy, mọi người cố gắng thỉnh các thầy về nhà thọ thực, và cúng dường rất nhiều. Các ngoại đạo phê bình:

- Chúng ta là thánh và giữ im lặng, còn đệ tử của Cồ-đàm nói dông dài trên bàn ăn và các nơi thọ thực. Khi đức Phật nghe kể lại, Ngài dạy: - Ta không gọi người nào thánh chỉ vì họ im lặng. Có nhiều người không nói vì ngu dốt, vì thiếu niềm tin, có khi vì keo kiệt không muốn người khác học hỏi những gì mình biết. Vì thế ta nói người ấy không phải là thánh chỉ vì họ im lặng. Chỉ người nào thoát khỏi dục nhiễm mới là thánh. Ngài nói kệ: (268) Im lặng nhưng ngu si, Đâu được gọi ẩn sĩ? Như người cầm cán cân, Bậc trí chọn điều lành. (269) Từ bỏ các ác pháp, Mới thật là ẩn sĩ. Ai thật hiểu hai đời, Mới được gọi ẩn sĩ. 9. Cao Quý Là Hành Động Cao Quý Đâu được gọi hiền thánh... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người đánh cá tên Cao Quí. Một hôm, đức Phật quan sát thấy người đánh cá này có khả năng chứng quả, nên sau khi khất thực gần cửa thành phía Bắc của Xá-vệ, Ngài và chúng tăng trở về qua chỗ người này. Đúng lúc ấy, người đánh cá đang câu cá. Gặp Phật và chư Tăng, Cao Quí bèn ném cần câu và đứng yên. Đức Thế Tôn đứng cách đó không xa, quay lại hỏi tên ngài Xá-lợi-phất và các vị khác: - Ông tên gì? - Con là Xá-lợi-phất. - Con là Mục-kiền-liên. Người đánh cá nghĩ thầm: "Đức Phật hỏi tên mọi người, chắc sẽ hỏi tên ta". Phật biết ý quay sang hỏi: - Này cư sĩ, ông tên gì? - Bạch Thế Tôn, con tên Cao Quí. Phật bảo: - Này cư sĩ, người đoạt mạng sống người khác không thể gọi là Cao Quí. Cao Quí là không bao giờ làm hại ai. Ngài nói kệ: (270) Còn sát hại sanh linh, Đâu được gọi Hiền thánh. Không hại mọi hữu tình, Mới được gọi Hiền thánh.

10. Đừng Tự Mãn Chẳng phải chỉ giới cấm... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vài Tỳ-kheo đức hạnh. Một vài vị Sa-môn đầy đủ đức hạnh tự nghĩ rằng: - Chúng ta đầy đủ giới đức, chúng ta tu tập theo giáo lý thanh tịnh, chúng ta học rộng, chúng ta sống tịnh cư, chúng ta phát triển thần thông nhờ thiền định. Vì thế, chúng ta chứng A-la-hán không khó, chúng ta sẽ chứng A-la-hán bất cứ khi nào. Cũng như thế, các vị chứng quả A-na-hàm cũng nghĩ: - Đối với chúng ta, chứng quả A-la-hán không khó. Một ngày kia các vị đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông đã xong việc chưa? Các thầy thưa: - Bạch Thế Tôn, chúng con đã đạt những bậc Thánh như thế đó, khi nào muốn chúng con sẽ chứng quả A-la-hán. Vì nghĩ như vậy, nên chúng con giữ nguyên vị trí. Nghe nói thế, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, không thích đáng cho một Sa-môn chỉ vì đã giữ tròn giới luật, hoặc chỉ chứng được Tam quả, và nghĩ rằng: "Chỉ còn chút ít phiền não trong đời hiện tại của ta". Trái lại, chừng nào lậu hoặc chưa hoàn toàn diệt trừ, người ấy chưa có quyền tự cho rằng mình đã thật sự chứng đắc. Ngài nói kệ: (271) Chẳng phải chỉ giới cấm. Cũng không phải học nhiều. Chẳng phải chứng thiền định, Sống thanh vắng một mình. (272) Ta hưởng an ổn lạc, Phàm phu chưa hưởng được, Tỳ-kheo, chớ tự tín, Khi lậu hoặc chưa diệt.

PHẨM XX: ĐẠO 1. Bát Chánh Đạo Là Đường Tối Thượng Bát chánh, đường thù thắng ... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm vị Tỳ-kheo. Một hôm, đức Phật sau khi du hành khắp nước, trở về Xá-vệ. Lúc ấy có năm trăm Tỳ-kheo

bàn tán về những con đường đã đi qua: "Con đường của làng này bằng phẳng, con đường của làng này gồ ghề, con đường của làng này đầy sỏi đá, con đường của làng này không có sỏi... "Đức Phật nhận thấy các thầy đủ duyên để chứng quả A-la-hán, bèn đi đến Pháp đường, hỏi: - Các ông ngồi đây bàn tán việc gì? Khi các thầy thưa xong, Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, những con đường đó chẳng đáng cho chúng ta quan tâm. Một người là Tỳ-kheo phải đi theo con đường Thánh Đạo, chỉ có thế mới giải thoát mọi đau khổ. Ngài nói kệ: (273) Bát chánh, đường thù thắng, Tứ Đế, lý thù thắng, Ly tham, pháp thù thắng, Giữa các loài hai chân, Pháp nhãn, người thù thắng. (274) Đường này, không đường khác, Đưa đến kiến thanh tịnh. Nếu ngươi theo đường này, Ma quân sẽ mê loạn. (275) Nếu ngươi theo đường này, Đau khổ được đoạn tận. Ta dạy ngươi con đường, Với trí, gai chướng diệt. (276) Ngươi hãy nhiệt tình làm, Như lai chỉ thuyết dạy. Người hành trì thiền định, Thoát trói buộc ác ma. 2. Vô Thường Tất cả hành vô thường... Câu chuyện xảy ra khi Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm Thầy Tỳ-kheo. Có năm trăm vị Tỳ-kheo nhận đề tài thiền định từ đức Phật, và cố gắng nỗ lực tối đa ở trong rừng, nhưng không chứng quả A-la- hán. Các vị trở lại xin Phật đề tài khác thích hợp hơn. Nhận thấy rằng các Tỳ-kheo này, vào thời Phật Ca-diếp, đã chuyên chú

thiền quán trong hai ngàn năm về đề tài Vô Thường. Vậy Vô Thường là đề mục mà Ta sẽ giảng. Nghĩ thế, Phật bèn dạy: - Này các Tỳ-kheo, trong cõi này và cõi khác, tất cả pháp hữu vi do không thật nên đều bị chi phối bởi vô thường. (277) Tất cả hành vô thường, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh. 3. Khổ Tất cả hành khổ đau ... Chuyện này như chuyện trên, Phật dạy các thầy quán sát về khổ. - Này các Tỳ-kheo, tất cả các uẩn ép bức chúng ta, đó là khổ. Ngài nói kệ: (278) Tất cả hành khổ đau. Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh. 4. Vô Ngã Tất cả pháp vô ngã ... Cùng một câu chuyện trên, Phật nhận thấy các thầy từng quán về Vô Ngã trong năm trăm kiếp, Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, các uẩn đều không cố định, và đều không thực. Ngài nói kệ: (279) Tất cả pháp vô ngã, Với tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán, Chính con đường thanh tịnh. 5. Chớ Hẹn Ngày Mai Khi cần, không nỗ lực... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, liên hệ đến Tôn giả Padhànakammika Tissa. Có năm trăm thanh niên thành Xá-vệ theo Phật xuất gia, nhận đề tài thiền quán từ đức Bổn sư và đi vào rừng. Một người trong bọn họ nhác tu, hẹn lần hồi, nhưng bốn trăm chín mươi chín người kia nỗ lực thiền định và đắc quả A-la-hán. Bấy giờ, các thầy trở về bạch Phật về thành quả đạt được. Khi đi khất thực qua một ngôi làng cách Xá-vệ một dặm, một tín đồ trông thấy các thầy. Người ấy mời các vị về, cúng dường cơm và thực phẩm, và sau khi nhận lời hồi hướng, tín đồ ấy mời các thầy ngày mai đến thọ thực. Về đến Xá- vệ, các thầy xếp cất y bát, đến đảnh lễ đức Phật. Đức Thế Tôn tỏ lòng hoan hỷ và thăm hỏi thân mật các thầy. Chỉ nhà thầy nhác tu thầm nghĩ: "Đức Thế Tôn

hết lời vui mừng chào đón các thầy kia. Còn ta, vì chưa chứng quả nên Ngài không thèm nói một lời. Ngay hôm nay ta phải chứng quả A-la-hán, có thế khi ta trở lại, Thế Tôn mới nói chuyện với ta". Các vị Sa-môn bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, trên đường về chúng con được một thiện tín mời ngày mai thọ thực. Sáng mai chúng con sẽ đi. Sa-môn chưa chứng quả, suốt đêm ấy đi tới đi lui, rốt cuộc buồn ngủ quá thầy té nhằm

một ghế đá, gãy chân, thầy kêu lên đau đớn. Các Sa-môn khi nghe tiếng chạy đến, săn sóc cho thầy. Trời đã sáng mà họ vẫn còn bận bịu chăm sóc cho thầy. Kết quả là năm trăm thầy không rảnh được để đi thọ thực sáng hôm ấy. Phật hỏi: - Sao các ông không đi vào làng nhận vật thực? Các thầy thưa lại mọi chuyện. Phật bảo: - Đây không phải lần đầu tiên ông ấy ngăn trở các ông nhận vật thực. Đời quá khứ ông ấy cũng như vậy. Ngài kể chuyện quá khứ (Jàtaka 71), và kết luận: - Này các Tỳ-kheo, người nào không trễi dậy đúng giờ, ý chí yếu ớt và lười biếng, người ấy không bao giờ phát triển thiền định và chứng Thánh quả. Ngài nói kệ: (280) Nỗ lực không nhằm nơi, Tiêu trầm chí khí mạnh, Tuổi hoa sớm biếng lười, Mong gì đạo chánh thánh. 6. Con Quỷ Đầu Heo Lời nói được thận trọng... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một con quỷ đầu heo. Một hôm, Tôn giả Mục-Kiền-Liên cùng Tôn giả Lakkhana xuống núi Kỳ-xà-quật. Đến một chỗ nọ Tôn giả Mục-kiền-liên bỗng mỉm cười, Tôn giả Lakkhana hỏi: - Sao sư huynh cười? - Lúc này không nên hỏi, hãy đợi đến lúc gặp Thế Tôn. Hai vị tiếp tục đi khất thực ở thành Vương-xá. Xong trở về Trúc Lâm, đến trước Phật đảnh lễ lui ngồi một bên. Và Tôn giả Lakkhana bèn hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên câu trước, lúc này Tôn giả mới trả lời: - Tôi thấy một con quỷ to lớn thân hình cao gần một dặm, dáng người nhưng đầu heo, trong miệng mọc ra một cái đuôi đầy dòi bọ lúc nhúc. Tôi nghĩ thầm: "Thật ta chưa hề thấy một sinh vật nào như thế". Vì thế tôi mỉm cười. Đức Phật xác nhận:

- Mục-kiền-liên quả là có mắt thấy. Ta cũng từng thấy như thế khi ngồi dưới cây Bồ-đề, nhưng Ta nghĩ: "Nếu có ai chẳng tin, thật là điều tai họa cho chúng". Và vì thương những kẻ đó nên Ta không nói. Bây giờ có Mục-kiền-liên chứng kiến, Ta mới mạnh dạn nói sự thật. - Bạch Thế Tôn, con quỷ ấy kiếp trước đã làm gì? - Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe. Chuyện quá khứ A. Kẻ Phá Hoại Tình Huynh Đệ Vào thời đức Phật Ca-diếp, có hai Tôn giả sống hoà thuận với nhau trong một tu viện của làng nọ, người lớn sáu mươi tuổi, người nhỏ năm mươi chín tuổi. Tôn giả ít tuổi hơn thường mang y bát giùm cho vị lớn và đi theo sau, làm tròn mọi bổn phận như một chú tiểu hầu huynh trưởng. Giống như hai anh em cùng cha mẹ, họ sống trong hoà thuận, an lạc. Một ngày kia, có một giảng sư đến chỗ họ ở. Ngày ấy là ngày nghe pháp, cả hai Tôn giả khoản đãi vị sư khách và nói: - Đại đức, xin giảng pháp cho chúng tôi. Vị này giảng dạy pháp lý cho cả hai, họ rất vui mừng. Ngày hôm sau, hai Tôn giả đưa khách vào làng khất thực. Sau khi ăn xong, họ lại thỉnh: - Tôn huynh, xin hãy giảng tiếp đoạn pháp hôm qua. Và hai thầy thỉnh giảng sư thuyết pháp luôn cho dân chúng. Nghe xong, Phật tử mời giảng sư xin đến vào ngày mai. Cứ như vậy các vị đi khất thực khắp các làng lân cận, hai thầy đưa giảng sư đến những nhà quen. Giảng sư nghĩ thầm: "Hai thầy này rất nhẹ dạ. Ta sẽ tìm cách khiến họ rời nơi đây và chiếm tư viện này". Buổi chiều, ông đến chăm sóc hai Tôn giả lớn tuổi. Khi đến giờ đi nghỉ, ông đến chỗ vị lớn tuổi, nói: - Tôn giả, tôi có việc muốn nói với Ngài. - Xin cứ nói. Giảng sư ngần ngừ rồi nói: - Điều tôi nói ra có nhiều tai hại. Xong ông im lặng bỏ đi, đến chỗ vị nhỏ tuổi cũng làm như vậy. Ngày thứ hai, ông cũng đóng kịch như vậy, ngày thứ ba, cả hai Tôn giả đều bị kích động. Giảng sư đến chỗ Tôn giả lớn tuổi, nói: - Thưa Ngài, tôi có chuyện muốn nói nhưng không dám thốt ra trước mặt Ngài. Vị này nài ép: - Không sao, tôn huynh cứ nói. - Nhưng, Tôn giả nhỏ kia có liên

quan gì với Ngài không? - Ngài bảo sao? Chúng tôi như anh em một mẹ, người này nhận cái gì thì người kia cũng nhận thế ấy, tôi chưa bao giờ thấy thầy ấy có lỗi. - Thật vậy à?

- Thật chứ? - Thưa Tôn giả, đây là điều Tôn giả nhỏ tuổi nói với tôi: "Thưa Ngài, Ngài thuộc dòng cao quí, nhưng còn Tôn giả lớn tuổi này, nếu Ngài có định quan hệ với ông ấy, và tưởng rằng ông ấy trung hậu và dễ mến, thì hãy coi chừng". Thầy lặp đi lặp lại với tôi như thế ngay từ hôm tôi mới đến tới giờ. Nghe nói xong, Tôn giả lớn tuổi cảm thấy giận vô cùng, cõi lòng tan nát như một lọ gốm bị đập. Giảng sư đến chỗ thầy nhỏ tuổi, cũng nói y như trên, và thầy cũng cảm thấy đổ vỡ như sư huynh mình, hai vị thường đi khất thực với nhau, ngày đó Tôn giả trẻ đi vào làng một mình, đi trước sư huynh của mình và dừng bước nơi thọ thực, Tôn giả lớn tuổi đến sau. Khi thấy sư huynh mình, Tôn giả trẻ nghĩ thầm: "Ta có nên mang y bát của Ngài hay không? Không, ta không mang". Nhưng sau đó: "Khoan! Chẳng bao giờ ta xử sự như thế này, ta không thể thiếu sót bổn phận". Và mềm lòng, thầy đến chỗ vị lớn tuổi: - Thưa Tôn giả, hãy đưa y bát cho con. Trưởng lão từ chối: - Chú hãy đi đi, người giả dối. Chú không xứng đáng mang y bát cho tôi. Vừa nói Ngài vừa xua tay khinh rẻ. - Phải, tôi cũng nghĩ tôi không mang y bát cho Ngài. - Này chú, chú tưởng tôi luyến tiếc tu viện này hay sao? - Tôi cũng không cần ở tu viện. Tu viện Ngài, Ngài cứ ở. Nói xong, thầy ôm y bát bỏ đi. Trưởng lão cũng ra đi, và thay vì đi chung với nhau như mọi lần, bây giờ một người đi hướng Đông, một người đi hướng Tây. Giảng sư nói với họ: - Đừng làm thế. Hai Trưởng lão bảo: - Thôi, Đại đức ở lại. Và giảng sư làm chủ tu viện. Hôm sau, giảng sư đi vào làng kế cận, dân chúng hỏi thăm: - Thưa Đại Đức, các vị kia đâu? - Đừng hỏi tôi. Hai thầy ấy gây gổ nhau và ra khỏi tu viện hôm qua. Tôi can hết sức mà không được. Nghe thế, một số người khờ khạo tin liền, nhưng những người khôn ngoan bảo nhau: - Trong suốt thời gian ở đây, chúng ta không thấy hai Tôn giả bất hòa với nhau. Nếu các vị sợ hãi bỏ đi, chắc tại ông thầy mới đến. Và họ rất buồn. Về phần hai Tôn giả, cả hai đều bất an. Trưởng lão nghĩ thầm: "Ôi! Thiệt là chú nhỏ rất lầm lỗi", khi thấy khách chú đã bảo "đừng liên hệ với ta". Và Tôn giả trẻ tuổi cũng nghĩ như thế. Cả hai đều bực bội, không thể đọc kinh hay tọa thiền.

Một trăm năm trôi qua, tình cờ cả hai Tôn giả cùng đến một tu viện miền Tây và cùng nhận chung một phòng. Khi Trưởng lão già vừa bước vào phòng và ngồi lên giường, Tôn giả trẻ cũng vừa đến. Thấy nhau, họ không cầm được nước mắt. Thầy trẻ suy nghĩ: "Ta có nên nói hay không? Chuyện đó không đáng tin". Và thầy đến chào vị Trưởng lão, nói: - Bạch Ngài, trong suốt thời gian con mang y bát theo Ngài, Ngài có thấy con có gì sơ sót trong tư tưởng, lời nói và hành động? - Không, ta không thấy. - Thế thì tại sao Ngài bảo với vị sư khách rằng đừng dính dáng gì với con? - Này chú, ta không nên nói như thế, mà trái lại ta được nghe chú nói như vậy về ta. - Thưa Ngài, con cũng không hề nói như thế bao giờ. Lúc ấy, cả hai mới nhận ra rằng, ông giảng sư nọ nói như vậy chỉ vì muốn chia rẽ huynh đệ, và cả hai đều nhận lỗi của mình. Sau thời gian một trăm năm bất an, cả hai vị giảng hoà với nhau. Và hai Tôn giả trở về tu viện cũ để mời sư thầy lắm chuyện ra khỏi cửa. Giảng sư thấy hai vị trở về, vội đến trước đỡ lấy y bát. Nhưng hai Trưởng lão điểm mặt thầy: - Ông không xứng đáng ở trong tu viện. Không

dám nán lại giây phút, giảng sư lập tức rời tu viện. Sau khi chết, giảng sư nói rơi vào địa ngục A tỳ, trong thời gian giữa hai đức Phật chịu hình phạt ở địa ngục, và bâuy giờ mang thân quỷ khổ sở như đã nói trên. Sau khi nói xong, đức Phật dạy: Ngài nói Pháp cú: (281) Lời nói được thận trọng, Tâm tư khéo hộ phòng, Thân chớ làm điều ác, Hãy giữ ba nghiệp tịnh, Chứng đạo thánh nhân dạy. 7. Pothila, Ông Sư Rỗng Tu thiền trí tuệ sinh ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Pothila. Trưởng lão Pothila, thông thuộc Tam tạng trong thời đại của bảy đức Phật, là người tuyên đọc giáo lý cho một nhóm năm trăm Tỳ-kheo. Một ngày nọ, đức Phật nhủ thầm: "Nếu có dịp, ta sẽ khuyến khích Trưởng lão này chấm dứt lậu hoặc". Và từ đó, mỗi khi Tôn giả đến bên Thế Tôn, Ngài thường gọi; - Hãy đến đây, Pothila rỗng! Hoặc: - Chào ông Pothila rỗng.

- Ngồi xuống, Pothila rỗng. - Hãy đi, Pothila rỗng. Và khi Trưởng lão ra đi, Ngài còn nói theo: - Pothila rỗng đã đi. Trưởng lão Pothila tự nghĩ: "Ta thông thuộc Tam tạng và đọc suốt chú giải, ta là giáo thọ của năm trăm Tỳ-kheo, mười tám hội chúng. Vậy mà đức Thế Tôn luôn luôn gọi ta là Pothila rỗng. Chắc chắn vì ta chưa phát triển Chánh định nên Ngài gọi ta như vậy". Rất kích động, Trưởng lão quyết định vào rừng, thiền định. Chiều hôm ấy, Ngài sắp xếp y bát, và vào chập tối, đi lẫn trong hàng người nghe kinh. Các Tỳ-kheo đang tụng kinh không để ý đó là thầy của mình. Pothila đi một khoảng đường một trăm hai mươi dặm, cuối cùng đến khu rừng có ba nươi vị Tỳ-kheo đang ẩn cư. Đến nơi, Ngài chào vị trưởng chúng và nói: - Bạch Trưởng lão, xin hãy chỉ giáo cho tôi. - Tôn giả, Ngài là giảng sư, chúng tôi còn phải học với Ngài, sao Ngài nói thế? - Thưa Ngài, xin đừng từ chối, hãy chỉ dạy tôi. Thật ra, tất cả các Tỳ-kheo này đều chứng quả A-la-hán. Vị trưởng lão đệ nhất nghĩ thầm: "Vị Tỳ-kheo này, vì học rộng chắc sẽ cao ngạo". Và vì thế, đưa Pothila sang vị thứ hai, người thứ hai lại đưa xuống cho người thứ ba. Và cứ thế, họ đẩy Pothila đến người trẻ nhất trong nhóm, một chú Sa-di bãy tuổi đang ngồi vá y. Như thế kiêu khí của Pothila đã giảm rất nhiều. Pothila đến bên chú Sa-di, chấp tay cung kính: - Đại đức, xin chỉ giáo cho tôi. - Ơ kìa! Giáo sư, Ngài nói gì thế? Ngài hơn tôi về tuổi tác và học vấn, tôi còn phải học với Ngài. - Đại đức, xin đừng từ chối, hãy chỉ dạy cho tôi. - Thưa Tôn giả, nếu Ngài kiên nhẫn, tôi sẽ chỉ cho. - Tôi sẽ kiên nhẫn, nếu Ngài bảo tôi nhảy vào lửa tôi cũng nhảy. Chú Sadi chỉ một cái ao cách đó không xa, bảo Pothila: - Ngài hãy xuống ao, để cả y áo. Chú biết rằng Pothila mặc y đẹp, đắt giá, nói thử như vậy để xem Pothila có dễ dạy không. Vừa nói xong, Pothila đã nhảy xuống ao, y áo ướt sũng. Chú Sa-di kêu lên: - Hãy đến đây! Lập tức, Pothila leo lên và đến gần chú. Chú bảo: - Này Tôn giả, giả sử ở đây có một cái hang với sáu cửa, một con tắc kè chui vào hang, người nào muốn bắt nó, phải bít năm cửa hang, chừa lại một cửa là sẽ tóm được tắc kè. Như thế Ngài nên đóng hết đóng hết năm căn, và tập trung vào ý căn. Với một người thông minh như Pothila, câu nói của chú Sa-di đã soi sáng vấn đề. - Như thế đã đủ, Đại đức.

Pothila tập trung tư tưởng, quán sát thân mình, và bắt đầu thiền định. Đức Phật ở cách xa một trăm hai mươi dặm, biết rằng Tôn giả sẽ trở nên bậc đại trí tuệ Ngài hoá hiện trước Tôn giả, nói kệ: (282) Tu thiền, trí tuệ sanh, Bỏ thiền, trí tuệ diệt. Biết con đường hai ngả, Đưa đến hữu, phi hữu. Hãy tự mình nỗ lực, Khiến trí tuệ tăng trưởng. Nghe

xong, Pothila đắc quả A-la-hán. 8. Các lão Tỳ Kheo Và Lão Bà Đốn rừng, không đốn cây ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một số các Tỳ- kheo già. Tại Xá-vệ, có một số đại phú gia quyền thế, và lớn tuổi, họ kết thân với nhau, cùng làm nhiều việc thiện. Khi nghe đức Thế Tôn giảng dạy, họ bảo nhau: - Chúng ta đều già cả, sao còn ở lại gia đình làm cư sĩ. Họ bèn đến xin Phật xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, theo nếp sống Sa-môn. Vì lớn tuổi không thể học thuộc kinh kệ, họ cất một thảo am ngoài vòng tu viện, và ở chung với nhau. Mỗi khi khất thực, họ về nhà vợ con nhận thức ăn. Trong số đó, có một thầy Tỳ- kheo già, vợ cũ của thầy tên Madhurapàcikà, rất tử tế với các thầy. Các thầy thường mang vật thực nhận được đến nhà bà thọ thực, bà Madhurapàcikà vẫn hay dâng cúng nước xốt và càri. Ít lâu sau, bà lâm bệnh rồi qua đời. Các Tỳ-kheo già hay tin ôm cổ nhau than khóc kể lễ, người này té vào người kia: - Ôi! Nữ thí chủ Madhurapàcikà đã chết. Nghe kêu khóc rền rĩ, các Tỳ-kheo khác chạy đến, hỏi han: - Các huynh, việc gì vậy? Các Sa-môn già trả lời: - Bà vợ của một người bạn chúng tôi mới chết. Bà ấy là một thí chủ tốt bụng nhất. Chúng tôi biết tìm đâu ra một người như vậy. Vì thế nên kêu khóc. Các Tỳ-kheo bàn tán việc này tại Pháp đường, đức Thế Tôn đi đến hỏi: - Các ông tụ tập ở đây bàn việc gì? Khi các Tỳ-kheo thuật lại câu chuyện, Phật dạy: - Đây không phải lần đầu họ làm như vậy. Đời quá khứ cũng đã xảy ra chuyện này. Chuyện quá khứ A. Jatakakàka Trong thời quá khứ, họ là một đàn quạ. Và bà nữ thí chủ là một con quạ cái, khi bay qua bờ biển nó bị sóng cuốn và nhận chìm, cả đàn kêu khóc, và tìm cách dùng mỏ tát nước biển để cứu bà quạ. Rốt cuộc cả đàn đều mệt mỏi vô ích.

Kể chuyện quá khứ, Phật dạy tiếp: - Này các Tỳ-kheo? Khi nào còn rừng rậm tham, sân, si, các ông còn chịu đau khổ. Hãy đốn ngã rừng cây ấy các ông mới được giải thoát. Ngài nói kệ: (283) Đốn rừng, không đốn cây Từ rừng, sinh sợ hãi. Đốn rừng và ái dục Tỳ-kheo, hãy tịch tịnh. (284) Khi nào chưa cắt tiệt, Ái dục giữa gái trai Tâm ý vẫn buộc ràng Như bò con bú mẹ. 9. Cỏ Úa, Hoa Phai Tự cắt dây ái dục... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ VIên, liên quan đến một thầy Tỳ- kheo đệ tử ngài Xá-lợi-phất. Có một thanh niên khôi ngô, con nhà thợ bạc, từ bỏ gia đình, xuất gia tu học với Ngài Xá-lợi-phất. Tôn giả nghĩ thầm: "Đồ đệ ta còn trẻ, tham dục rất mạnh". Để giúp thầy Sa-môn trẻ chống đỡ lại dục nhiễm, Tôn giả dạy thầy phép quán Bất tịnh. Nhưng đề mục ấy không thích hợp, nên mặc dù thầy đã rút vào rừng, nỗ lực phấn đấu trên một tháng, thầy vẫn không sao tập trung tư tưởng. Thầy trở lại, Tôn giả hỏi: - Con đã nắm vững đề mục thiền quán chưa? Thầy trình bày sự thất bại của mình. Tôn giả bảo: - Một người không bao giờ nói rằng: "Tôi không đạt được đề mục thiền quán". Tôn giả chỉ dạy cẩn thận thêm về đề tài ấy. Thầy cũng không tiến bộ bao nhiêu, phải trở lại trình với thầy. Lần thứ ba, Tôn giả cũng dạy đề mục đó, chỉ dạy cặn kẽ về lý do, nguyên nhân và các ảo tưởng tương tự. Một lần nữa thầy lại thất bại trong công phu thiền quán. Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ thầm: "Một Sa-môn bén nhạy, khi tham dục hiện hữu thầy biết nó hiện hữu. Khi tham dục không hiện hữu biết rằng chúng không hiện hữu. Sa- môn này bén nhạy, không trì độn, vững vàng trong đạo chưa lay chuyển. Tuy thế ta lại không thể hiểu được tư tưởng và khuynh hướng của thầy. Chắc chắn thầy sẽ thuần phục lời dạy của Phật". Vào buổi chiều, Tôn giả dẫn đồ đệ đến chỗ Phật, và kể hết câu chuyện: - Bạch

Thế Tôn, đây là đệ tử con, con đã dạy y như thế... Phật dạy: - Biết được tư tưởng và khuynh hướng là quyền năng riêng của Phật, là bậc Toàn Giác có trí quán chiếu thông suốt, khiến cho mười ngàn thế giới ngợi khen.

Đức Phật quán sát gia thế của thầy Sa-môn trẻ, biết rằng không những đời này thầy sanh trong nhà thợ bạc, mà đã năm trăm kiếp sanh trong nhà đó. Và trải qua thời gian lâu xa làm thợ kim hoàn, chuyên chạm trổ các hoa sen, hoa ca-nị-sắc bằng vàng ròng, nên thiên quán về đề tài nhờm gớm và tẻ nhạt, chắc chắn không thích hợp với thầy, chỉ có đề mục vui tươi mới thích hợp. Phật bảo Tôn giả: - Này Xá-lợi-phất! Với Sa-môn mà ông chỉ định đề mục thiền quán vừa trải qua bốn tháng mệt nhọc vô ích, ông sẽ thấy y chứng A-la-hán ngay hôm nay, ông hãy đi nơi khác. Sau khi đuổi Tôn giả đi, Phật dùng thần thông tạo ra một hoa sen bằng vàng to bằng bánh xe, cọng lá tươi tắn y như thật, đưa cho thầy Sa-môn bảo: - Này Tỳ-kheo, hãy cầm lấy hoa sen này ra phía ngoài tinh xá, cắm nó trên đỉnh cát, và ngồi kiết già trước nó, ở giai đoạn sơ khởi, hãy lặp lại câu "Đỏ thắm! Đỏ thắm!" Ngay khi nhận hoa sen từ bàn tay Thế Tôn, thầy Sa-môn trở nên bình an. Thầy làm theo lời Phật dạy, làm một đống cát ngoài rào tinh xá, cắm hoa sen lên, ngồi kiết già trước mặt nó, và lẩm nhẩm "Đỏ thắm! Đỏ thắm!" Ngay khi ấy, các triền cái bị tiêu diệt, thầy bắt đầu nhập định, phát triển Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Cả toàn thân thầy chìm sâu trong thiền định. Đức Phật dự biết thầy đạt được định, tự hỏi "Sa-môn này có thể tự mình phát triển Thánh quả đến tận cùng không?" Thấy rằng thầy không thể tự đạt, Ngài ra lệnh "Hoa sen hãy héo!" Lập tức đóa sen thiền quán của thầy ngã màu, nhợt úa như bị vò nát. Thầy Tỳ-kheo xuất định, thấy thế, tự nghĩ: "Bằng cách gì mà bông sen này trở nên già úa? Nếu những vật như thế không bị lệ thuộc vào giới thông tục mà còn bị chế phục bởi tuổi già, không có gì nghi ngại chuyện chúng sanh đắm luyến thế gian đều sẽ bị chế phục tương tự. "Thế là, thầy thấu rõ lẽ vô thường. Đồng thời, thầy thấu luôn cả lý khổ và vô ngã. Ba pháp ấn hiện rõ rệt với thầy như lửa rực cháy, hay như sợi dây cột quanh cổ. Lúc ấy có một lũ trẻ con chơi gần đấy, lội xuống hồ bẻ bông sen chất thành đống trên bờ. Thầy Tỳ-kheo nhìn những đóa hoa dưới nước và hoa trên bờ. Những hoa dưới nước tươi xinh đẹp, còn hoa trên bờ héo úa, tàn rũ. Thầy lại tự nhủ: "Nếu tuổi già đã đánh bại những vật không bị lệ thuộc vào thế gian, có lý nào lại không đánh bại chúng sanh đắm luyến thế gian?" Và thầy càng thấu rõ lý vô thương, khổ, vô ngã. Đức Thế Tôn thấy rằng các đề mục thiền định đã hoàn toàn chinh phục thầy. Ngài bèn hóa hiện đến trước mặt thầy. - Cái gì thế kia? Thầy Tỳ-kheo ngạc nhiên nhìn lên thấy dường như đức Phật đến đứng trước mặt. Thầy lật đật đứng lên, chấp tay cung kính. Đức Thế Tôn nói kệ: (285) Tự cắt dây ái dục, Như tay bẻ sen thu,

Hãy tu đạo tịch tịnh, Niết-bàn, Thiện Thệ dạy. Nghe xong thầy chứng A-la-hán. 10. Chắc Chắn Sẽ Chết Mùa mưa ta ở đây... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến đại phú thương Mahàdhana. Mahàdhana cùng đoàn xe năm trăm chiếc chất đầy vải mhuộm đỏ, từ thành Ba-lanại đem đi bán. Khi về Xá-vệ, ông dừng lại bên bờ sông và nhủ thầm: "Ngày mai ta sẽ qua sông". Ông dừng xe, ngủ lại bên bờ. Suốt đêm ấy, một trận bão kéo đến và mưa như trút. Suốt bảy ngày nước sông dâng cao và dâng chúng lại nghỉ lễ bảy ngày. Mahàdhana không có dịp bán số vải của mình, ông tự nhủ:

"Ta đã đi xa, nếu quay về sẽ tốn công, ta sẽ ở lại đây mùa mưa, mùa đông và mùa hè sang năm, để bán hết số vải". Khi Thế Tôn đi khất thực, Ngài nhận ra dự tính của Mahàdhana và mỉm cười. Tôn giả A-nan hỏi lý do. Ngài bảo: - Này A-nan, ông có thấy đại phú gia Mahàdhana chăng? - Bạch Thế Tôn, có ạ. - Ông ấy không biết mình sắp chết, và dự định ở lại đây suốt năm để bán hàng. - Bạch Thế Tôn, ông ấy sắp chết sao? - Này A-nan, trong bảy hôm nữa, ông ấy sẽ bị cá nuốt. Ngài nói kệ: Hãy hăng say làm việc Làm những gì nên làm ngày hôm nay. Ai biết thần chết sẽ viếng ngày mai. Chẳng phải chúng ta vẫn hằng vật lộn Mỗi ngày cùng thần chết? Đây là lời hiền nhân ca ngợi: Hạnh phúc thay, kẻ sống nhiệt tình Ngày và đêm, không mệt mỏi Dù chỉ một đêm y được sống. - Bạch Thế Tôn, con sẽ nói với ông ấy. - Được rồi, cứ đi. Tôn giả đi đến chỗ Mahàdhana khất thực, ông ta cung kính cúng dường Tôn giả. Tôn giả hỏi: - Ông dự định ở lại đây bao lâu? - Thưa Tôn giả, tôi đã đến từ xa xôi, nếu trở về chắc sẽ trễ nãi. Tôi sẽ ở lại suốt năm để bán hàng rồi mới tiếp tục đi. - Này cư sĩ, người ta dù cái chết gần kề cũng khó biết được. Nên cẩn thận điều này. - Sao, con sắp chết ư?

- Phải đấy cư sĩ, chỉ trong bảy ngày nữa thôi. Mahàdhana rất xúc động khi nghe Tôn giả bảo như thế, và ông mời Phật cùng chư Tăng đến cúng dường trong bảy ngày, vào ngày cuối, ông xin Phật chúc phước cho mình. Phật dạy: - Này cư sĩ, người khôn ngoan không bao giờ nên nghĩ rằng: "Ta sẽ ở lại đây suốt mùa mưa, qua đông đến hạ, ta sẽ làm việc này, việc nọ...". Tốt hơn, người ấy cần quán tưởng về cái chết của mình. Ngài nói kệ: (286) Mùa mưa ta ở đây, Đông, hạ cũng ở đây, Người ngu tâm tưởng vậy, Không tự giác hiểm nguy. Nghe xong, Mahàdhana chứng quả Dự-lưu, chúng hội cũng được lợi ích. Ông tiễn chân các chư tăng một quãng đường rồi quay lại. Ông cảm thấy nhức đầu và đi nằm. Chẳng bao lâu ông chết, và tái sinh lên trời Đâu-suất. 11. Người Mẹ Mất Con Và Những Hạt Cải Người tâm ý đắm say... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến ngài Kisà Gotami. Câu chuyện của Tỳ-kheo-ni Kisà Gotami, như đã kể ở Pháp Cú 114, phẩm Ngàn. Khi ấy, đức Phật hỏi: - Này Kisà Gotami, có tìm thấy hột cải trắng? - Thưa, con không tìm thấy, trong làng người chết còn nhiều hơn người sống. - Không phải chỉ có ngươi bị mất con. Đó là luật chung cho mọi sinh vật. Thần chết như một dòng nước lũ dữ, cuốn phăng, giật đi và ném mọi loài vào biển hoại diệt, trong khi chúng sống chưa thỏa thích. Ngài nói kệ: (287) Người tâm ý đắm say, Con cái và súc vật, Tử thần bắt người ấy, Như lụt trôi làng ngủ. Nghe xong bà chứng quả Dự-lưu, hội chúng cũng được lợi. 12. Người Đàn Bà Mất Hết Thân Quyến Không có con che chở... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến bà Patàcàrà. Câu chuyện của Tỳ-kheo ni Patàcàrà như đã kể ở phẩm Ngàn, Pháp Cú 113. Ngày nọ, đức Thế Tôn biết bà đã vơi cơn sầu khổ, bèn bảo: - Này Patàcàrà, người nào khi rời bỏ thế gian, không có con cái hay cha mẹ, họ hàng có thể bảo trợ, che chở hay cho ẩn trú. Cho nên, dù những người ấy đang sống đó,

cũng như không có. Người khôn ngoan nên có đạo đức thanh tịnh để dẹp sạch đường đến

Niết-bàn.

Ngài nói kệ:

(288) Một khi tử thần đến,
Không có con,che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.
(289) Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-bàn.

Nghe xong bà Patàcàrà chứng quả Dự-lưu, hội chúng có người chứng Dự-lưu, Nhị quả và Tam quả.

PHẨM XXI: TẠP LỤC 1. Sông Hằng Dâng Nước Nhờ từ bỏ lạc nhỏ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan những hành động quá khứ của Ngài. Một thuở, thành Tỳ-xá-ly là một đô thị giàu mạnh, dân cư đông đúc. Có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử nối nhau trị vì. Mỗi ông hoàng có cung điện riêng, nhiều đền chùa, lâu đài, công viên, hồ tắm ở khắp nơi trong xứ. Tóm lại đó là một thành phố sung túc. Nhưng ít lâu sau nguồn lương thực bị cạn dần, rồi mất mùa, kế đến là nạn đói. Những người nghèo đói chết trước nhất, tử thi của họ bị vất khắp nơi, mùi hôi thúi xông lên quyến rũ một số ác quỷ. Bọn này tung hoành làm một số người chết thêm, mùi hôi xác chết kinh khiếp đưa đến bệnh dịch. Như vậy có ba thiên tai xảy ra: nạn đói, ác thần và bệnh dịch. Dân cư trong thành họp lại dâng kiến nghị lên nhà vua: - Đại vương! Trong thành chúng ta đang bị ba thiên tai, trong thời bảy vua quá khứ không hề xảy ra điều này. Thời của vị minh quân nào đã qua cũng không có thiên tai đến như thế. Nhà vua họp đại hội toàn quốc, tuyên bố: - Có thể ta phạm một vài lỗi lầm, hãy phán xét ta. Dân chúng tìm tòi những hành vi của nhà vua từ trước đến giờ, không thấy lỗi gì. - Đại vương, chúng tôi không tìm thấy lỗi nơi ngài. Họ họp nhau, tìm cách giảm bớt những thiên tai đang xảy ra. Một số người đề nghị tế lễ, cầu cúng, hội hè, nhưng thiên tai không giảm bớt. Số người khác đưa kế hoạch: - Hiện đang có sáu vị giáo chủ nhiều quyền năng, chúng ta mời các vị ấy đến xem may ra có giảm bớt thiên tai. Người khác nói: - Đấng Toàn Giác đã hiện ra nơi đời, Ngài là đấng Thế Tôn giảng dạy giáo lý cứu khổ cho chúng sanh. Ngài có nhiều thần thông và quyền lực siêu nhiên. Nếu Ngài đến đây, thiên tai sẽ giảm. Mọi người tán thành ý kiến sau cùng. - Hiện nay Thế Tôn đang ở đâu? Lúc ấy, gần đến ngày an cư, đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, theo lời hứa với vua Tần-bà-sa-la. Và lúc đó, có một ông hoàng dòng Licchavi tên là Mahàli, là người trong hội đồng hoàng tộc của vua Tần-bà-sa-la, đã chứng quả Dự-lưu, có mặt trong hội nghị. Dân Tỳ-xá-ly sắm sửa phẩm vật long trọng gởi kèm theo ông hoàng Mahàli, cùng với con trai của vị tư tế, đến thành Vương-xá để xin thỉnh Phật. Hoàng tử Mahàli và con trai thầy tư tế đến gặp vua Tần-bà-sa-la dâng phẩm vật, nói rõ lý do và thỉnh cầu:

- Đại vương! Hãy để đức Thế Tôn đến thành phố chúng tôi. Nhà vua chỉ nói: - Các ông là những người thông minh, có thể tự thỉnh lấy. Họ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa: - Bạch Thế Tôn, tại thành phố chúng con có ba thiên tai tàn phá. Nếu Ngài đi đến đó chúng sẽ giảm bớt. Xin Ngài đến với chúng con. Đức Phật nghe xong lời thỉnh cầu, quan

sát và dự biết rằng, ngay khi câu kinh Kim Cương được đọc tụng tại Tỳ-xá-ly, sẽ làm chấn động tam thiên thế giới. Khi bài kinh kết thúc, sẽ có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn, và thiên tai giảm thiểu Ngài nhận lời. Vua Tần-bà-sa-la nghe tin Phật nhận lời đến Tỳ-xá-ly, bèn ra lệnh báo tin khắp thành Vương-xá, còn vua đến chỗ Phật, thưa: - Bạch Thế Tôn, có phải Ngài sắp đi đến Tỳ-xá-ly. - Đúng vậy, đại vương! - Nếu thế, xin hãy đợi con dọn dẹp đường. Nhà vua ra lệnh dọn con đường dài năm dặm, từ thành Vương-xá đến bờ sông Hằng, mỗi dặm đặt một trạm nghỉ chân. Khi đâu đó xong xuôi, nhà vua báo tin cho Phật biết rằng Ngài có thể lên đường. Đức Phật ra đi, dắt theo năm trăm vị Tỳ-kheo. Trên mỗi dặm đường, nhà vua ra lệnh trải hoa ngũ sắc ngập đến đầu gối, cờ lọng giăng đầy, hai lọng trắng che trên đức Thế Tôn, còn mỗi vị Tỳ-kheo một lọng trắng. Chung quanh Phật và các Tỳ-kheo, nhà vua tung hoa, rắc hương, mỗi trạm nghỉ đêm nhà vua cúng dường vật thực thật nhiều. Trong năm ngày, nhà vua đưa Phật ra đến bờ sông, trang hoàng một chiếc thuyền lộng lẫy rồi nhắn tin cho dân thành Tỳ-xá-ly: - Hãy sửa soạn đường sá và cung nghinh đức Thế Tôn. Dân Tỳ-xá-ly tự nhủ: "Chúng ta sẽ đón tiếp Thế Tôn long trong gấp hai lần vua Tần-bà-sa-la". Vì thế, từ bờ sông Hằng đến Tỳ-xá-ly dài ba dặm, họ dọn đất bằng phẳng dựng cờ lọng dãy cao dãy thấp, dành riêng cho Phật bốn lọng, các Tỳ-kheo mỗi vị hai lọng. Chuẩn bị xong, họ đứng chờ bên này bờ sông. Vua Tần-bà-sa-la cột hai chiếc thuyền lại với nhau, dựng mái che ở trên, trang hoàng đầy hoa rực rỡ, đặt một chiếc ghế bằng các loại ngọc cho Phật ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào ghế, chư Tỳ-kheo bước xuống thuyền, ngồi vây quanh đức Phật. Nhà vua đi theo thuyền, lội xuống nước tận đến cổ, và bạch Phật. - Bạch đức Thế Tôn, con sẽ ở lại bên bờ sông này, đợi Ngài trở về. Nói xong, vua đẩy thuyền ra giữa dòng và trở vào. Sau khi thuyền bơi được một dặm, Phật đến giang phận thành Tỳ-xá-ly. Các hoàng tử dòng Licchavi đến đón đức Phật, họ cũng lội xuống nước ngang cổ, kéo thuyền vào bờ và đưa đức Phật rời thuyền lên bờ. Khi Phật vừa đặt chân lên bờ, một cơn bão lớn nổi lên, mưa như trút, nước dâng lên cao, cuốn sạch các tử thi xuống sông, và toàn thể thành phố trở nên sạch sẽ tinh khiết. Các hoàng tử Licchavi mời Phật nghỉ chân

từng dặm đường, dâng cúng phẩm vật gấp đôi số phẩm vật của vua Tần-bà-sa-la. Sau ba ngày, Phật đến Tỳ-xá-ly. Thiên chủ Đế Thích bay xuống đấy, cả chư thiên tùy tùng; với ảnh hưởng quyền lực rộng lớn như thế, các ác thần chạy trốn gần hết. Vào buổi chiều, đức Phật đứng ở cổng thành, ra lệnh cho Tôn giả A-nan. - Này A-nan, hãy nghe ta nói kinh Kim Cương và đi quanh thành trùng tụng lại để tạo năng lực bảo hộ trên ba lớp thành Tỳ-xá-ly, thành phố của các hoàng tử Licchavi. Tôn giả A-nan tiếp nhận kinh từ kim khẩu Thế Tôn, lấy nước trong bình bát của Phật, rồi đi ra đứng tại cổng thành Tỳ-xá-ly. Tôn giả quán tưởng về tất cả công hạnh của Phật "Bắt đầu từ ý chí quyết thành Phật, đến mười Ba-la-mật của Như Lai, năm pháp đại thí, ba ân đức, là vì lợi lạc cho thế giới, vì lợi lạc cho thân quyến và cho sự tìm cầu giác ngộ; Bồ-tát vào thai mẹ trong đời sống cuối cùng, Đản Sanh, Xuất Gia, hành Khổ Hạnh, hàng phục Ma vương, đạt Tam Minh và chín tầng Thiền Định". Quán tưởng như thế xong, Tôn giả đi vào thành, suốt ba canh trong đêm đi kinh thành trong ba lớp thành, vừa đi vừa tụng đọc kinh Kim Cương như một năng lực bảo hộ. Khi Tôn giả đọc đến đoạn thứ ba và rải

nước, những giọt nước rơi trúng các ác ma. Từ đoạn thứ ba trở đi, những giọt nước kết tụ thành những quả cầu bằng bạc nhỏ tí, bay trên không trung đến nơi trên các người bệnh. Lập tức họ lành bệnh, trỗi dậy khắp mọi nơi và vây quanh Tôn giả. Cũng thế, khi câu kinh đoạn ba vừa đọc lên, các loài ác ma chui núp trong đống củi, đống rác, kẹt tường, khi chạm nhằm các giọt nước ấy đều trốn hết, chúng chen chúc nhau chật cửa đến nỗi phải phá tường mà chui ra. Dân chúng dùng đủ loại hương rảy lên trên hội trường thành phố nằm ngay trung tâm Tỳ-xá-ly, cho dựng mái che ở trên gắn đầy sao vàng và các thứ trang sức khác, sắp đặt chỗ cho Thế Tôn ngồi. Đức Thế Tôn ngồi vào tòa, các vị Tỳ-kheo và các hoàng tử Licchavi ngồi vây quanh thành vòng tròn, rồi thiên chủ Đế Thích cùng chư thiên quyến thuộc cũng đứng vào chỗ của mình. Tôn giả A-nan đi quanh thành vừa xong, trở về cùng với số đông các người bệnh được chữa lành, cũng đến đảnh lễ Phật, ngồi một bên. Đức Thế Tôn quan sát chúng hội, lặp lại kinh Kim Cương thêm một lần nữa. Nghe xong có tám muôn bốn ngàn người được Pháp nhãn. Điều này xảy ra liên tiếp bảy hôm nữa, đức Thế Tôn vẫn dạy cùng một bài kinh trên. Sau đó, nhận thấy tất cả thiên tai đều tiêu trừ, Ngài giảng dạy cho các hoàng tử Licchavi xong, rời thành Tỳ-xá-ly. Các ông hoàng tôn phụng Thế Tôn gấp bội, và lần nữa suốt ba ngày theo sau Phật đến bờ sông Hằng. Các vua rồng cư trú tại sông Hằng tự nghĩ: "Loài người đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?" Bèn hóa hiện những con thuyền bằng vàng, bạc, châu báu, trên ấy đặt ghế trân bảo, mặt nước trải đầy hoa sen ngũ sắc. Các vua rồng thỉnh Phật lên thuyền: - Bạch Thế Tôn, xin hãy ban phước cho chúng con. Lúc ấy, chư thiên từ cõi trời Dục đến cõi trời Phạm bảo nhau: - Người và rồng đã tôn kính Như Lai, tại sao chúng ta không làm như thế?

Và họ cùng tôn vinh Phật. Các long vương dựng những cây lọng này kế tiếp cây lọng kia, cao một dặm và bên dưới, các long vương khác cũng làm như thế. Các loài chư thiên ở trên cây, trong rừng, trên núi, trên trời, từ thế giới rồng đến cõi trời Phạm, tụ họp thành vòng tròn, mỗi vị tay cầm lọng, giữa lọng là cờ, giữa cờ là phướn, tung hương rải hoa, rưới nước thơm. Các thiên nam trang sức lộng lẫy như ngày hội, bay lượn trên không, ca ngợi vang rền (Theo truyền thống, có ba cuộc đại hội như thế: một vào dịp Phật hoá hiện thần thông song hành, một vào dịp Ngài từ cung trời xuống, và một vào dịp sông Hằng dâng nước). Bên bờ sông phía thành Vương-xá, vua Tần-bà-sa-la đã chuẩn bị phẩn vật gấp đôi số phẩm vật của các hoàng tử Licchavi và đứng đợi đức Phật. Khi đức Phật nhìn thấy các phẩm vật long trọng của các vị vua hai bờ sông Hằng, nhìn thấu tư tưởng của chư thiên, long vương, Ngài bèn hóa thiện một hóa Phật và năm trăm Tỳ-kheo cho mỗi chiếc thuyền. Cũng y như thế, một vị hóa Phật ngồi dưới mỗi cây lọng trắng, một vị ngồi dưới mỗi cội cây như ý, một vị ngồi dưới mỗi vòng hoa báu, vây quanh là vô số rồng thần. Giữa các chư thiên cõi người và cõi trời, cũng có một vị hoá Phật và đồ chúng. Như là một dịp lễ hội của toàn cõi thế giới, và để tỏ lòng chiếu cố loài rồng, trên mỗi chiếc thuyền bằng châu báu của loài rồng có một vị hóa Phật ngồi, và để chiếu cố chúng Tăng, trên mỗi thuyền châu báu đều có hóa Phật ngồi. Long vương đưa Phật và chúng Tăng xuống long cung, nghe Phật giảng pháp suốt đêm; ngày sau cúng dường Phật và Tăng chúng những thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Sau khi hồi hướng phước báo cho vua rồng, đức Phật rời long cung, cùng đoàn

thuyền năm trăm chiếc bơi ngang sông Hằng, trong sự cung nghinh của chư thiên trời Đế Thích. Vua Tần-bà-sa-la đến đón Phật, thỉnh Ngài rời thuyền, cúng dường, tiếp đón Phật long trọng gấp đôi các ông hoàng Licchavi, và đưa Phật về thành Vương-xá. Hôm sau, các thầy Tỳ-kheo đi dự hội trở về, ngồi bàn tán tại pháp đường: - Ôi! Thần thông của đức Thế Tôn thật phi thường. Thật thành tín thay! Lòng thành kính tin tưởng của người và trời đối với Thế Tôn. Suốt tám dặm trải dài dọc theo hai bờ sông Hằng, với lòng kính tin Phật, các nhà vua đã dọn bằng phẳng đất đai, trải cát sạch, rải hoa ngập đến đầu gối. Còn long vương thì rắc hoa sen ngũ sắc đầy trên sông, cờ lọng giăng từ thấp lên đến các tầng trời, toàn cõi thế giới trang hoàng như ngày lễ. Đức Phật đến gần và hỏi: - Các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì? Và khi nghe kể lại, Ngài bảo: - Sự tôn kính và các phẩm vật ấy dành cho Ta không phải do thần thông của Phật, không phải do thần thông của long vương và chư thiên. Đó là do một phẩm vật đơn sơ Ta đã cúng dường từ quá khứ, mà hiện tại Ta nhận được như thế. Các thầy Tỳ-kheo hỏi lý do. Đức Phật kể lại câu chuyện quá khứ. A. Bà La Môn Samkha

Thuở xưa, cách đây rất lâu, có một người Bà-la-môn tên Samkha, cư ngụ tại Takkasilà, ông có một người con trai mười sáu tuổi tên Susìma. Ngày kia Susìma nói với cha: - Thưa cha, con muốn đến Ba-la-nại, học tập kinh điển. - Tốt lắm, ta có một người bạn Bà-la-môn ở đấy, con sẽ học với ông ta. Susìma nghe lời cha, đến Ba-la-nại tìm người thầy Bà-la-môn. Người Bà-la-môn nhận con của bạn mình làm đồ đệ. Và sau khi đã nghỉ ngơi, chàng bắt đầu học với thầy. Chàng học rất nhanh, rất nhiều và nhớ hết, không sót một điều gì, như sữa sư tử đựng trong bình vàng, không chảy ra giọt nào. Không bao lâu chàng học hết của thầy những gì đáng học. Chàng đọc tụng thông suốt, hiểu thấu đoạn đầu, đoạn giữa, nhưng không hiểu đoạn cuối. Chàng thưa điều ấy với thầy, thầy bảo: - Này con, ta cũng không hiểu đoạn cuối. - Vậy ai là người hiểu đoạn cuối, thưa thầy. - Ở Isipatana có những bậc hiền triết, may ra hiểu thấu, con hãy đến đấy hỏi. Susìma đến chỗ các vị Phật Độc Giác và hỏi: - Có thật là các Ngài hiểu rõ đoạn này? - Phải, chúng ta hiểu. - Xin hãy dạy cho con. - Chúng ta không dạy cho người chưa xuất gia. Nếu con muốn học, hãy trở thành Sa-môn. Chàng Susìma đồng ý xuất gia và trở thành một Sa-môn trong giáo đoàn của các vị Độc Giác. Các Ngài dạy thầy Sisìma: "Hãy mặc hạ y như thế này, hãy mặc thượng y như thế..." Như thế, thầy học oai nghi của người sơ cơ. Ở lại đây như một đồ đệ ngoan ngoãn, thầy học hết những gì được dạy, vì có khả năng đặc biệt nên không bao lâu thầy đạt quả vị Độc Giác. Danh tiếng Susìma nổi như cồn trong thành Ba-la-nại như mặt trăng tròn trên bầu trời, Ngài nhận nhiều sự tôn kính và cúng dường. Chẳng bao lâu, Phật Độc Giác Susìima nhập Niết-bàn, bởi vì các nghiệp Ngài tạo tác chỉ đưa đến một thọ mạng ngắn. Các vị Phật Độc giác và dân chúng làm lễ hỏa táng trọng thể, thu nhập xá lợi, xây tháp thờ tại cổng thành. Khi ấy, người cha nghĩ thầm: "Con ta đi khá lâu, ta sẽ đi tìm thăm xem việc gì xảy ra cho nó". Ông đến Ba-la-nại, thấy đám đông dân chúng, ông nghĩ: "Chắc có vài người biết về con ta". Ông bước đến hỏi: - Trước đây có một thanh niên tên Susìma từng đến thành này, các vị có biết tin tức gì về chàng ấy? - Chúng tôi biết! Người ấy học hết ba bộ Vệ-đà tại nhà Bà-la-môn nọ, sau đó xuất gia làm Sa-môn, đạt quả vị Độc Giác và nhập Niết-bàn. Tháp này là tháp của vị ấy. Nghe nói xong, Bà-la-môn đập tay xuống đất, khóc

than kể lể, đi chung quanh tháp. Ông nhổ sạch cỏ quanh tháp, dùng áo đựng cát sạch rải chung quanh tháp, tưới

nước, tung hoa để tỏ lòng kính trọng, trải áo ra như một lá phướn và cắm cây lọng của mình che trên tháp, xong rồi đi về. Kể xong chuyện, Phật kết luận: - Lúc ấy Ta là Bà-la-môn Samkha, do phước báo nhổ cỏ chung quanh tháp của vị Phật Độc Giác Susìma, nên hiện tại ông hoàng dọn sạch con đường dài tám dặm, không còn cây cỏ, đất bằng phẳng. Vì Ta trải cát quanh tháp, nên con đường dài Ta đi hôm nay cũng được rải cát. Vì Ta tung hoa lên tháp nên hôm nay các loại hoa được rải trên đường, và một dặm trên sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Vì Ta tưới nước quanh tháp nên khi ta vừa đến Tỳ-xá-ly một trận mưa rơi xuống. Vì Ta treo cờ cắm lọng nên toàn thể chư thiên cầm cờ lọng cao đến tận trời. Này các Tỳ-kheo, các phẩm vật và những sự tôn kính ấy không phải tự nhiên đến với ta do thần lực của Ta là thật, không do thần lực của trời, rồng. Trái lại từ thần lực có từ những phẩm vật thô sơ Ta cúng dường từ thời quá khứ. Ngài nói kệ: (290) Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn, Bậc trí bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn. 2. Không Lấy Oán Báo Oán Gieo khổ đau cho người... Câu chuyện này xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một người đàn bà ăn trứng của một con gà. Trong một ngôi làng không xa thành Xá-vệ, có một người đánh cá. Một hôm trên đường đi đến thành Xá-vệ, ông bắt gặp một vài cái trứng rùa dọc theo bờ sông Aciravatì, ông bèn nhặt lấy. Đến Xá-vệ, ông vào nhà người quen, luộc mấy quả trứng, khi ngồi ăn ông cho cô con gái chủ nhà một trứng. Cô bé ăn xong, đòi ăn thêm, bà mẹ phải lấy trứng trong ổ con gà mái luộc cho cô. Cô bé ăn trứng gà, từ đó cô đâm thích món ăn này và thường tự lấy trứng ăn. Con gà mẹ để ý rằng mỗi lần mình đẻ trứng đều bị cô bé mang đi ăn hết; nổi cơn bất bình oán hận cô, nó thề rằng: "Khi tôi chết, tôi sẽ tái sanh làm chằn tinh, ăn thịt mấy đứa con cô này". Sau khi chết nó trở lại làm con mèo của nhà này, còn cô bé trở lại làm gà mái. Gà mái đẻ trứng đều bị mèo ăn hết, như vậy đến ba lần. Gà mái tức quá bèn trù: "Ba lần ngươi ăn trứng của ta, còn muốn ăn thịt cả ta. Khi ta tái sanh, ta sẽ nhai xương ngươi và con ngươi". Sau đó gà mái sanh làm beo rừng, con mèo thành con nai. Khi nai có con, beo đến ăn thịt cả mẹ lẫn con. Như thế trong năm trăm kiếp liên tục, họ ăn nuốt lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau. Cuối cùng một bên làm bà chằn, một bên làm phụ nữ trong thành Xá-vệ. Câu chuyện tiếp diễn như cũ, cho đến khi gặp Phật, Ngài dạy câu: (291) Gieo khổ đau cho người,

Mong cầu lạc cho mình, Bị hận thù ràng buộc, Không sao thoát hận thù. Hai kẻ thù nghe xong, bà chằn xin quy y, thọ năm giới. Không còn hận thù, người đàn bà nọ cũng chứng Sơ quả. Hội chúng đều được lợi ích. 3. Các Tỳ Kheo Phù Hoa Việc đáng làm không làm... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại hang động Jàtiyà gần Bhaddiya, liên hệ đến các Tỳ-kheo Bhaddiya. Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại động Jàtiyà, gần thành Bhaddiya. Các Tỳ-kheo ở đây có thói quen trang trí giày dép của các thầy, như trong Vệ-đà diễn tả "Các Tỳ-kheo ở Bhaddiya có thói quen mang những đôi dép sặc sỡ đủ kiểu". Họ tự làm hoặc đặt làm những đôi dép bằng vật liệu quý nhẹ, đắt tiền, đúng mốt, hợp thời trang... Như thế họ lơ là với học hỏi, giới luật, thiền định, trí tuệ. Các Tỳ-kheo khác thấy thế rất bực tức, bèn bạch với Phật. Phật quở trách mấy thầy ham chưng diện này: - Các ông đến đây vì mục đích gì, mà bây giờ đeo đuổi chuyện vô ích

như thế? Ngài nói kệ: (292) Việc đáng làm, không làm, Không đáng làm, lại làm, Người ngạo mạn, phóng dật, Lậu hoặc ắt tăng trưởng. (293) Người siêng năng cần mẫn, Thường thường quán thân niệm, Không làm việc không đáng, Gắng làm việc đáng làm. Người tư niệm giác tỉnh, Lậu hoặc được tiêu trừ. Các thầy Tỳ-kheo ưa đẹp này nghe xong, liền chứng A-la-hán, hội chúng cũng được lợi ích. 4. Sa-Môn Giết Cha Mẹ Sau khi giết mẹ cha... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya. Một thời, đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên, có một số Tỳ-kheo đến viếng thăm Ngài. Sau khi đảnh lễ, các thầy kính cẩn lui ngồi một bên. Khi ấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi ngang đấy không xa. Đức Phật biết tâm của các Tỳ-kheo đúng lúc, Ngài nhìn Tôn giả và nói với các Tỳ-kheo. - Các ông hãy nhìn kia! Đó là Tỳ-kheo đã giết cha, giết mẹ, thoát khổ đau.

- Đức Thế Tôn nói gì thế? Các Tỳ-kheo kêu lên, nhìn nhau, nghi ngờ, và hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Ngài nói gì? Phật bèn nói kệ: (294) Sau khi giết mẹ cha, Giết hai vua Sát-lợi, Giết vương quốc, quần thần, Vô ưu, Phạm chí sống. Nghe xong các thầy chứng A-la-hán. Câu chuyện liên quan câu kệ sau cũng giống như chuyện trên, Phật cũng nói về Tôn giả Lakuntaka: (295) Sau khi giết mẹ cha, Hai vua Bà-la-môn, Giết hổ tướng thứ năm (nghi) Vô ưu, Phạm chí sống. [Theo Chú Giải: "... Mẹ (mata) là ẩn dụ cho lòng tham ái (tanha), và cha (pita) là ẩn dụ của ngã mạn (mana). Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ta bà luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên kiến của vô minh: thường kiến (eternalism) và đoạn kiến (annihilationism), thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6 căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần (treasurer) là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn đó. Sau cùng, hổ tướng thứ năm chính là con quỷ thứ năm làm cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là "nghi" của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. Sau khi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại nầy thì hành giả mới thong dong, tự tại, đi đến giải thoát ..."] 5. Cậu Bé Và Quỷ Dữ Luôn luôn tự tỉnh giác... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một cậu bé con người bán củi. Tại thành Vương-xá, có hai đứa bé thường chơi banh với nhau, một đứa là Phật tử, một đứa là con nhà ngoại đạo. Thiếu niên Phật tử thường niệm tưởng đức Phật, mỗi khi tung banh lên, em đọc "Nam mô Phật-đà". Em con nhà ngoại đạo thường xưng tụng công đức các ngoại đạo, và mỗi khi tung banh lên em đọc "Nam mô A-la-hán". Trong trò chơi, thiếu niên Phật tử thường thắng cuộc, còn cậu bé ngoại đạo thường thua. Quan sát đối phương, cậu bé nghĩ: "Bạn trẻ này thường tưởng nhớ đức Phật và đọc như thế mỗi khi tung banh, và do đó thường thắng ta. ta cũng sẽ làm như vậy". Và em bắt đầu tập thói quen niệm tưởng Phật-đà. Một ngày nọ, cha em đánh xe vào rừng tìm củi, đem em đi theo. Sau khi chất đầy xe củi, ông trở về. Trên đường về, ông dừng lại tại một bãi đất hỏa táng ngoài thành, chọn

địa điểm sạch sẽ, đủ nước, cỏ rồi đem cơm ra ăn. Chiều đến, con bò kéo xe của ông đi theo một bầy trâu bò vào thành. Người cha chạy theo bắt bò lại, trở ra thì trời đã tối, cổng thành đóng ông không ra được. Đêm ấy, cậu bé ở ngoài bãi tha ma ngủ một mình dưới chiếc xe. Lúc ấy, thành Vương-xá thường có vài ác quỷ lui tới, gần bãi đất hỏa táng

có hai con quỷ chú ý đến cậu bé nằm ngủ ở đấy. Một con quỷ thường hay tìm mỗi trên bãi đất hỏa táng và theo tà đạo, con quỷ kia thì chân chánh. Quỷ tà bảo quỷ chánh: - Đứa bé này là mồi ngon, chúng ta hãy ăn thịt nó. Quỷ chánh bảo; - Thôi đi! Đừng nghĩ bậy. Mặc dù nó cố gắng cản ngăn, quỷ tà cứ làm theo ý mình, nó nắm chân cậu bé định xé đôi. Lúc ấy, theo thói quen tưởng niệm Phật, cậu bé trong giấc ngủ chợt nói: "Nam mô Phật", con quỷ tà kinh sợ thối lui. Quỷ chánh nói: - Chúng ta làm điều không nên làm, chúng ta sẽ bị phạt. Và để chuộc lỗi, nó đứng canh cho cậu bé, còn quỷ tà vào thành, lấy một cái dĩa bằng vàng ròng trong cung vua, đựng đầy thức ăn đem về. Cả hai con quỷ săn sóc cậu bé như cha mẹ, đánh thức cậu dậy và đưa thức ăn cho cậu. Sau đó chúng dùng quyền lực khắc thư lên dĩa kể lại câu chuyện xảy ra, bảo nhau: "Hãy để nhà vua đọc thư này, người khác không thể đọc". Để dĩa lên chiếc xe, chúng đứng canh suốt đêm, và đến sáng mới đi. Ngày sau đó, tin truyền rằng ăn trộm lấy mất dĩa vàng của nhà vua. Dân chúng đóng cửa thành và lục tìm. Tìm không thấy, họ ra ngoài thành, lục lọi khắp nơi, họ thấy chiếc dĩa trên xe của cậu bé. Họ túm lấy cậu và điệu về trình vua: - Đây là ăn trộm. Nhà vua nhận chiếc dĩa, đọc xong câu chuyện viết trên ấy, hỏi: - Này con, thế này nghĩa là gì? - Thưa đại vương, con không biết. Đêm rồi, cha mẹ con mang thức ăn đến cho con và canh chừng cho con ngủ. Con yên chí có cha mẹ nên không sợ và ngủ ngon. Đó là những gì con biết. Đúng lúc ấy, cha mẹ cậu bé vừa đến. Nghe họ bảo rằng đã để con một mình ngoài thành... Nhà vua đưa cả ba đến chỗ Phật, kể lại câu chuyện và hỏi: - Bạch Thế Tôn, có phải niệm tưởng Phật là một sự che chở, hay niệm tưởng Pháp và những điều khác cũng được hộ trì? Đức Phật trả lời: - Này đại vương, niệm tưởng Phật-đà không phải chỉ là cách duy nhất có ý nghĩa được bảo hộ, nhưng người Phật tử chân chánh thực hành thâm sâu niệm tưởng một trong sáu đề mục thì không cần bất cứ sự bảo hộ nào, phương cách bảo hộ nào, câu thần chú nào, hay dược thảo nào cả. Ngài nói kệ: (296) Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Phật Đà.
(297) Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Chánh pháp.
(298) Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Tăng-già.
(299) Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm
Thường tưởng niệm sắc thân.
(300) Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.
(301) Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.
6. Hoàng Tử Bạt Kỳ Làm Sa Môn
Vui hạnh xuất gia khó...
Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Đại Lâm (Mahàvàna) gần thành Tỳ-xá-ly, liên quan đến một ông hoàng dòng Bạt-kỳ (Vajjian) đã xuất gia thành Sa-môn. câu chuyện như sau:
Một ông hoàng dòng Bạt-kỳ xuất gia làm Sa-môn. Thầy Sa-môn vương giả này sống ẩn cư trong một khu rừng gần thành Tỳ-xá-ly. Thành phố tổ chức đại lễ tưng bừng suốt đêm. Thầy Sa-môn hoàng tử nọ nghe tiếng xôn xao, tiếng trống tiếng nhạc từ thành Tỳ-xá-ly vọng lại, thầy nổi cơn sầu muộn, bèn buồn khóc rên rỉ:
Ta cô đơn trong rừng,
Như khúc cây bị bỏ.
Trong đêm như đêm nay,
Có ai bằng ta khổ.
Nguyên Sa-môn này đã từng là hoàng tử trong vương quốc Bạt-kỳ, khi đến phiên mình trị nước, đã từ bỏ hoàng cung xuất gia làm Sa-môn. Vào ngày trăng tròn tháng Kattika, toàn thể phố xá thành Tỳ-xá-ly treo cờ kết lọng, tổ chức hội hè. Dạ hội kéo dài tận đêm, thầy Sa-môn nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng âm nhạc, đàn lục huyền... Khi bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hoàng tử Vesàli cũng như bao nhiêu hoàng tử, đại thần trang sức lộng lẫy, đổ xô ra đường dự hội, thì thầy một mình đi kinh hành trong hành lang rộng sáu mét, trên đầu chỉ có một vầng trăng. Thầy đến ngồi trên ghế, suy nghĩ về thân phận mình, thiếu cả hội hè, thiếu cả quần aó trang sức, như khúc gỗ bị ném bỏ trong rừng. Thầy tự nghĩ: "Có ai bất hạnh hơn ta không?" Bình thường, thầy có đủ công hạnh, và đức tính của một vị ẩn tu, nhưng trong lúc này vì bất mãn thầy đã nói như thế. Một vị lâm thần ở khu rừng ấy biết được nên tự nhủ: "Ta sẽ khuyến khích thầy", và thần nói kệ: Ngài cô đơn trong rừng, Như khúc cây bị bỏ. Nhiều người ước được thế, Như kẻ đoạ địa ngục, Ganh người ở thiên đàng. Vị Sa-môn nghe kệ, ngày hôm sau đến chỗ đức Phật, đảnh lễ và cung kính ngồi một bên. Phật đã dự biết, và muốn nói cho thầy biết đầy đủ về khổ đau của đời sống thế gian. Ngài nói về năm thứ đau khổ trong bài kệ: (302) Vui hạnh xuất gia khó, Tại gia sinh hoạt khó, Sống bạn không đồng, khổ, Trôi lăn luân hồi, khổ, Vậy chớ sống luân hồi, Chớ chạy theo đau khổ. 7. Cư sĩ Tâm - Người Thành Tín Tín tâm, sống giới hạnh... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến cư sĩ Tâm (Citta). Citta là một nam cư sĩ giàu tâm đạo, chàng luôn được quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Tôn giả A-nan thấy thế bèn hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn! Chỉ khi nào Citta đến viếng Phật mới được trọng vọng như thế? Hay cũng được quý trọng

khi đến thăm các người khác? Phật dạy: - Này A-nan! Ông ấy luôn được quý trọng như vậy, dù cho đến viếng Ta hay viếng ai. Vì cư sĩ ấy đầy niềm tin, tâm đạo và đức hạnh. Người như thế, dù đi đến nơi nào cũng được tôn kính. Ngài nói kệ: (303) Tín tâm, sống giới hạnh, Đủ danh xưng, tài sản, Chỗ nào người ấy đến, Chỗ ấy được cung kính.

8. Cô Gái Đức Hạnh Người lành dù ở xa... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Cullà Subhaddà, con gái ông Cấp Cô Độc. Thời còn niên thiếu, Cấp Cô Độc có một người bạn thân tên Úc-già, cũng con nhà Trưởng giả, họ cùng học chung một thầy, và cùng hứa hẹn rằng sau này khi thành gia thất, cả hai sẽ gả con cho nhau để kết thêm tình thân ái. Và sau đó Cấp Cô Độc cùng Úc-già đều trở thành trưởng giả tại thành phố của mình. Trong một chuyến buôn xa, Trưởng giả Úc-già đến thành Xá-vệ với năm trăm cỗ xe. Ông Cấp Cô Độc bèn kêu con gái, cô Cullà Subhaddà, đến dặn dò: - Này con, cha con - ông Úc-già - đến viếng nhà, con hãy săn sóc ông thật đầy đủ. - Thưa cha, vâng. Và khi ông Úc-già đến, cô đích thân sửa soạn thức ăn với đầy đủ hương liệu, chuẩn bị phấn, kem, nước thơm, dầu xức... tất cả tiện nghi cho ông. Sau khi ông dùng bữa, cô chăm sóc phòng tắm một cách chu đáo làm tròn phận sự mình. Trưởng giả Úc-già nhận thấy cô hoàn toàn, nên hả dạ lắm. Trong một buổi nói chuyện tương đắc, ông nhắc lại với Cấp Cô Độc lời hứa ngày xưa, và xin cưới cô Cullà cho con trai mình. Trưởng giả Úc-già theo ngoại đạo, nên ông Cấp Cô Độc đến hỏi ý kiến Phật. Thế Tôn biết Úc-già có duyên chứng Thánh quả nên khuyên ông nhận lời; và Cấp Cô Độc sau khi bàn với vợ, đã đồng ý với Úc-già, rồi định ngày hôn lễ. Như Trưởng giả Dhananiaya khi gả cô Visàkha, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng cho con thật nhiều của hồi môn. Ông cũng khuyên con mười điều: "Này con, khi sống trong nhà cha mẹ chồng, chớ đem lửa trong nhà ra ngoài...". Ông cũng cho tám người theo đỡ đầu cho cô Cullà. - Nếu con gái ta có lỗi lầm gì với cha mẹ chồng, các ông hãy chỉ dạy nó. Ngày hôn lễ, ông cúng dường Phật và Tăng chúng trọng thể, và để chứng tỏ những quả báo tốt đẹp của cô trong quá khứ, ông đưa cô về nhà chồng trong nghi lễ hết sức huy hoàng. Cô Cullà đến thành của Úc-già, gia đình chồng cùng tất cả thân quyến ra đón. Giống như Visàkha, cô ngồi trên chiếc xe ngựa, đi chào khắp thành trong vẻ lộng lẫy của một cô dâu. Cô nhận quà của mọi người và đáp lại tương xứng theo sở thích mỗi người, khiến cho tất cả thành phố ca ngợi vẻ đẹp và công hạnh của cô. Cha chồng cô thường mời các đạo sĩ lõa thể đến nhà trong các dịp lễ lớn, dịp này các thầy ấy cũng có mặt. Cha chồng cô ra lệnh: - Hãy đến ra mắt và làm lễ tôn kính với các bậc thầy của ta. Nhưng cô Subhaddà không thể nhìn vào các đạo sĩ lõa thể, cô từ chối không đến chào. Lần thứ hai, lần thứ ba, cô cũng không đến chào, ông cha chồng của cô nổi giận: - Hãy đuổi con bé ấy ra khỏi nhà. Cô trả lời:

- Không thể kết tội con mà không có nguyên nhân.

Cô mời các vị bảo hộ đến, trình bày mọi việc, và họ công nhận cô vô tội.

Ông trưởng giả thuật chuyện với vợ và bảo:

- Con dâu ta từ chối không làm lễ các đạo sĩ vì nó cho rằng các thầy ấy khiếm nhã.

Bà hỏi:

- Tư cách của các thầy nó thế nào mà nó tôn kính đến vậy?

Bà gọi con dâu đến hỏi:
Các thầy con khen ngợi
Tư cách họ ra sao?
Giới luật gì họ giữ?
Tu tập những hạnh nào?
Để trả lời, cô Subhaddà ca tụng ân đức của Phật và các đệ tử Phật:
Căn các thầy thanh tịnh,
Tâm các thầy thanh tịnh.
Thanh tịnh khi thầy đi,
Khi đứng cũng an định.
Mắt thầy luôn nhìn xuống,
Miệng ít khi nói năng,
Các sa-môn thầy con,
Thân khẩu ý tịch lặng,
Như hạt ngọc không tỳ,
Trong lẫn ngoài đều sáng.
Phẩm hạnh luôn xứng đáng
Các thầy con như vậy.
Thế gian buồn khi mất,
Khi được thì vui mừng.
Các thầy con không thế,
Được mất đều dửng dưng.
Vinh danh thế gian vui,
Hổ danh thế gian sầu.
Các thầy con không vậy,
Vinh nhục tâm chẳng màng.
Thế gian mừng được khen
Thế gian buồn bị chê.
Các thầy con không thế,
Điềm nhiên dù khen chê.
Thế gian khóc cười theo,
Khổ vui trong cuộc sống.
Các thầy con thanh thản,
Vui khổ chẳng động lòng. Với các câu trả lời như thế, Subhaddà làm mẹ chồng hài lòng. Bà hỏi: - Chúng ta có thể gặp các thầy của con? - Thưa, được. - Tốt lắm, hãy sắp đặt để chúng ta được gặp. Subhaddăa liền chuẩn bị nhiều phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Cô leo lên lầu cao, hướng về phía Thế Tôn, đảnh lễ năm vóc sát đất, tưởng niệm ân đức Phật-đà, tôn kính Phật bằng hương thơm, hoa và nhang trầm, cô tung lên hư không một vốc hoa lài và thốt lên: - Bạch đức Thế Tôn, con thỉnh Ngài và chư Tăng ngày mai đến nhà con. Xin để cho Ngài biết rằng con đã cung thỉnh. Hoa lài bay qua hư không,

kết lại thành tràng, dừng trước đức Phật, khi Ngài đang giảng pháp cho chúng hội. Vào lúc ấy, Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng thỉnh Phật đến nhà ngày mai. Phật trả lời: - Này Trưởng giả, Ta đã nhận lời mời của người khác. - Nhưng, đâu có ai đến trước con, Ngài đã nhận lời ai? - Cullà Subhaddà mời Ta. - Con gái con ở cách xa đây hơn một trăm hai mươi dặm, làm sao mời được? - Đúng thế, nhưng người lành dù ở xa, vẫn hiện rõ như ở gần. Ngài nói kệ: (304) Người lành dù ở xa, Sáng tỏ như núi tuyết. Người ác dầu ở gần, Như tên bắn đêm đen. Vua trời Đế Thích biết đức Phật nhận lời thỉnh của Subhaddà, ra lệnh cho thần Vissakamma: - Hãy hoá hiện năm trăm ngôi tháp, ngày mai đưa Phật và chúng Tăng đến thành của Úc-già. Ngày hôm sau, Vissakamma biến đủ năm trăm ngôi tháp và đứng đợi ở cổng Kỳ Viên. Đức Phật đem theo năm trăm vị A-la-hán, và Ngài cùng chúng Tăng ngồi vào tháp, bay đến thành Úc-già. Trưởng giả Úc-già cùng gia quyến theo sự chỉ dẫn của Subhaddà đứng đợi ở con đường Phật sẽ đến. Ông thấy đức Phật và chúng Tăng đi đến trong vẻ trang nghiêm siêu phàm, lòng tràn đầy hoan hỷ. Ông tỏ lòng cung kính rất mực, rước Phật và chúng Tăng vào nhà, tung hương rải hoa, cúng dường long trọng, thỉnh Phật ở lại bảy hôm. Phật thuyết pháp, và sau đó Trưởng giả Úc-già cùng tám mươi bốn ngàn người đều đắc Pháp nhãn. Đặc biệt ban ân cho Subhaddà, Phật chỉ định Tôn giả A-nậu-lâu-đà ở lại. Từ đó, dân thành Úc-già trở nên thần thành, giàu tâm đạo. 9. Vị Sa Môn Độc Cư

Ai ngồi, nằm một mình...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Tôn giả Độc Cư.

Tôn giả Độc Cư nổi tiếng trong bốn bộ chúng rằng Ngài là người đi một mình, đứng một mình và ngồi một mình. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật về Tôn giả:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão ấy làm như thế, như thế.

Đức Phật khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo ấy có thể sống độc cư:

Và khen ngợi đời sống viễn ly, đơn độc, Ngài nói kệ:

(305) Ai ngồi nằm một mình,

Độc hành không buồn chán.

Tự điều phục một mình,

Sống thoải mái rừng sâu.

PHẨM XXII: ĐỊA NGỤC 1. Cái Chết Của Tôn Đà Lỵ Nói láo đọa địa ngục... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một nữ du sĩ ngoại đạo tên Tôn-đà-lỵ. Khi đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn ở tại Kỳ Viên, Ngài nhận được sự cúng dường trọng vọng của dân chúng nhiều ngang bằng một trận lũ lụt do nước các sông Ngũ Hà dâng cùng một lượt (five great rivers), và các giáo phái ngoại đạo trước sự hiện diện của Ngài, trở nên lu mờ như ngọn đèn trước ánh sáng mặt trời. Họ mất hết cả lợi lộc và danh tiếng. Ngày nọ, họ họp nhau bàn tán: - Từ khi Sa-môn Cồ-đàm xuất hiện, chúng ta bị mất hết lợi lộc và danh dự, trước kia chúng ta còn được dâng cúng, bây giờ chẳng ai thèm biết đến chúng ta. Chúng ta phải tìm cách phá vỡ danh tiếng và lợi lộc mà y đang có. Ai sẽ là người có thể làm được việc này? Họ bàn tán du sĩ một hồi và bảo nhau: - Có nữ du sĩ Tôn-đà-lỵ, cô ấy sẽ làm được việc. Và khi Tôn-đà-lỵ đến tu viện của họ, chẳng

ai nói với cô một lời. Cô hỏi đến hai, ba lần mà họ vẫn lặng thinh. Cô bèn hỏi: - Thưa các vị, có ai đã gây tổn thương các vị? - Chị không thấy Sa-môn Cồ-đàm đã làm thiệt hại chúng ta, tước đoạt mọi lợi lộc, danh tiếng, mà chúng ta có từ trước? - Con có thể làm gì đây? - Chị có nhan sắc tuyệt vời, khả ái, hãy làm mất danh dự Sa-môn Cồ-đàm, hãy khiến dân chúng đồn đại không tốt và làm mất thanh danh quyền lợi của ông ấy. - Được thôi. Tôn-đà-lỵ chấp nhận. Sau đó, mỗi buổi chiều, khi dân chúng đi nghe pháp trở về thành, họ lại thấy Tôn- đà-lỵ trang điểm lộng lẫy đi về hướng Kỳ Viên, với hương hoa, dầu thơm, kem, phấn, long não, trái cây. Và khi họ hỏi: - Cô đi đâu? Cô trả lời: - Đến chỗ ngài Cồ-đàm, tôi có thói quen ở lại một mình trong hương thất suốt đêm. Và sau đó, cô đến một tu viện ngoại đạo ở lại. Sáng hôm sau, lại ngược đường trở về thành. Nếu có ai hỏi: - Tôn-đà-lỵ, cô đi đâu thế? Cô ta trả lời: - Tôi đã ở lại đêm trong hương thất của Cồ-đàm, chỉ một mình và bây giờ trở về. Vài ngày sau, nhóm ngoại đạo đưa tiền cho một số du đãng và bảo:

- Hãy giết Tôn-đà-lỵ, rồi ném thi hài cô ta nơi đống rác gần hương thất của Cồđàm. Bọn du đãng làm theo mệnh lệnh. Và các ngoại đạo bắt đầu rêu rao: - Tôn-đà-lỵ bị mất tích. Họ tâu sự việc lên nhà vua. Vua hỏi: - Các người có nghi ngờ ai không? - Vài ngày trước, cô ta hãy còn ở đêm tại tinh xá Kỳ Viên, từ đó xảy ra chuyện gì, chúng tôi không biết. - Như thế, hãy đi tìm. Được lệnh nhà vua, họ tập hợp đồ đệ kéo vào Kỳ Viên lục lọi, và thấy thi hài Tônđà-lỵ nằm ở đống rác trong tinh xá. Họ khiêng tử thi về thành, tâu lên nhà vua: - Đám đệ tử của Sa-môn Cồ-đàm đã tự nhủ: "Chúng ta sẽ che đậy được việc xấu Thế Tôn đã làm". Do đó họ giết Tôn-đà-lỵ và vất thi thể vào đống rác. Vua phán: - Hãy báo cho dân chúng biết. Các ngoại đạo đi rêu rao khắp thành: - Hãy nhìn xem hành động của đám Sa-môn đệ tử dòng họ Thích. Với những câu phỉ báng tương tự, họ truyền tín khắp thành, rồi trở về cung vua. Nhà vua ra lệnh đặt thi hài Tôn-đà-lỵ trên đất hỏa thiêu, cắt người canh gác. Phần đông dân cư thành Xá-vệ, trừ các thánh đệ tử, đều la ó: - Coi kìa, đám đệ tử dòng họ Thích đã làm nên chuyện này. Trong thành, ngoài thành, trong rừng, trong xóm, họ đều chửi mắng các Sa-môn. Các thầy đến bạch Phật, Phật dạy: - Các ông chê trách họ làm gì. Ngài nói kệ: (306) Nói láo, đọa địa ngục, Có làm nói không làm, Cả hai chết đồng đẳng, Làm người, nghiệp hạ liệt. Nhà vua ngầm cho thám tử điều tra về cái chết của Tôn-đà-lỵ. Khi ấy, bọn du đãng nhận tiền rồi nhậu nhẹt say sưa, gây gổ. Chúng lảm nhảm với nhau: - Mầy đã giết Tôn-đà-lỵ, mầy ném xác ả vào đống rác. Mầy được tiền nhiều tha hồ uống. Được lắm! Được lắm! Thám tử liền trói họ, giải đến trước vua. Vua hỏi: - Các người giết Tôn-đà-lỵ? - Tâu vâng. - Ai mướn các người? - Các thầy ngoại đạo. Nhà vua cho đòi các ngoại đạo đến, bắt phải rao lên trong thành như sau:

- Chúng ta giết Tôn-đà-lỵ vì muốn hạ nhục Sa-môn Cồ-đàm. Sa-môn và đệ tử không có lỗi gì. Họ phải thi hành lệnh trên, đám đông dân chúng ngờ nghệch lại nghe theo. Các ngoại đạo bị trừng phạt nặng nề, và từ đó, danh dự của Phật lại tăng thêm. 2. Con Quỷ Xương Khô Nhiều người khoác cà sa... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Trúc Lâm, liên hệ đến những chúng sanh bị quả báo xấu do ác nghiệp. Một ngày nọ, khi xuống núi với Trưởng lão Lakkhana, Tôn giả Mục-kiền-liên nhìn thấy những con quỷ hình thù chỉ có bộ xương khô, Ngài bèn mỉm cười. Khi được hỏi, Tôn giả chỉ bảo: - Này huynh,

chớ hỏi điều ấy ở đây. Khi nào đến trước đức Thế Tôn chúng ta sẽ thảo luận. Và khi về đến tinh xá, trước đức Phật, Trưởng lão Lakkhana hỏi lại chuyện ấy. Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời rằng Ngài thấy những con quỷ xương khô. Ngài còn kể tiếp: - Khi tôi xuống núi, tôi còn thấy một Sa-môn bay qua toàn thân bốc cháy. Và còn thêm vài lần, Tôn giả thấy những con quỷ hình dáng Sa-môn với y bát, tất cả đều bốc cháy. Nhân đó, thời Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: "Những tu sĩ ấy, thời Phật Ca-diếp đã xuất gia nhưng không làm tròn bổn phận của mình". Ngài nhấn mạnh đến quả báo ác nghiệp cho các Tỳ-kheo đáng hiện diện được rõ, và nói kệ: (307) Nhiều người khoác áo cà sa, Ác hạnh không nhiếp phục. Người ác, do ác hạnh, Phải sanh cõi địa ngục. 3. Xảo Thuật Tìm Thức Ăn Tốt hơn nuốt hòn sắt... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tinh xá Đại Lâm (Mahàvana) gần thành Tỳ- xá-ly, liên hệ đến các Tỳ-kheo Vaggumudàtiriya. Các Tỳ-kheo Vaggumudàtiriya thường khen ngợi lẫn nhau rằng người này chứng quả, người kia chứng quả khi có mặt cư sĩ, để họ dâng cúng thức ăn ngon. Đức Phật biết chuyện, bèn hỏi các thầy: - Này các ông! Có thật phải là chỉ vì cái bao tử mà các ông ca tụng lẫn nhau trước mặt cư sĩ để họ dâng cúng thức ăn ngon? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bèn quở trách các thầy, và nói kệ: (308) Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ như lửa bừng, Hơn ác giới, buông lung,

Ăn đồ ăn quốc độ. 4. Kẻ Đào Hoa Bốn nạn chờ đợi người ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến Khema, con trai Trưởng giả, cháu Cấp Cô Độc. Khema là một chàng trai tuấn tú khôi ngô. Các bà các cô khi gặp mặt chàng đều yêu mến mê mệt. Khema thì lại đeo đuổi vợ người. Một đêm nọ, người của nhà vua bắt chàng ta, giải đến trước mặt vua. Nhà vua cảm thấy ái ngại thay cho danh tiếng của Trưởng giả nên không nói gì, thả chàng ra. Khema vẫn cứ chứng nào tật nấy. Lần thứ hai, lần thứ ba, chàng vẫn bị bắt, và nhà vua cũng trả tự do cho. Chuyện đến tai Trưởng giả, ông đem con đến gặp đức Thế Tôn, trình bày câu chuyện và bạch: - Xin đức Thế Tôn giảng dạy cho nó. Đức Phật khơi dậy lương tri của Khema và chỉ cho chàng thầy lỗi lầm khi theo đuổi vợ người bằng Pháp Cú: (309) Bốn nạn chờ đợi người, Phóng dật theo vợ người, Mắc họa, ngủ không yên, Bị chê là thứ ba, Đọa địa ngục, thứ bốn. (310) Mang họa, đọa ác thú, Bị hoảng sợ,ít vui, Quốc vương phạt trọng hình, Vậy chớ theo vợ người. Chuyện quá khứ: A. Lời Nguyền Của Khema Thời đức Phật Ca-diếp, Khema là một tay đô vật quán quân, ngày kia chàng treo hai cây cờ giải thưởng của mình bên ngôi tháp vàng của đức Phật, và nguyện: "Xin cho tất cả mọi phụ nữ, trừ các nữ nhân thân quyến và bà con ruột thịt của tôi, khi nhìn thấy tôi đều say mê". Vì thế, dù tái sanh ở đâu, chàng cũng được tất cả các bà yêu mến. 5. Thầy Sa Môn Tự Phụ Như cỏ sa vụng nắm... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một thầy Tỳ-kheo tự phụ. Chuyện kể rằng, có một vị Tỳ-kheo lỡ tay làm đứt một cọng cỏ. Lương tâm thầy áy náy bèn tìm đến một huynh đệ, thuật lại câu chuyện và hỏi: - Thưa huynh, Tỳ-kheo làm đứt cỏ, có sao không? Thầy kia trả lời: - Đừng quan trọng khi cho rằng làm đứt cỏ cây sẽ bị hậu quả. Chỉ cần xưng tội ra là được khỏi tội thôi.

Nói xong, thầy nhổ luôn một bụi cỏ, vứt đi. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật quở trách thầy Tỳ-kheo tự phụ nặng nề, và nói Pháp Cú: (311) Như cỏ Sa (Kusa) vụng nắm, Tất bị họa đứt tay. Hạnh Sa-môn tà vạy, Tất bị đọa địa ngục. (312) Sống phóng đãng buông

lung, Theo giới cấm ô nhiễm, Sống Phạm hạnh đáng nghi, Sao chứng được quả lớn. (313) Cần phải làm, nên làm, Làm cùng tận khả năng. Xuất gia sống phóng đãng, Chỉ tăng loạn bụi đời. 6. Người Vợ Ghen Tuông Ác hạnh không nên làm... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một bà vợ ghen. Một ông chồng dan díu với một nữ tỳ giúp việc nhà. Vợ ông biết được, bèn trói người nữ tỳ, cắt tai, cắt mũi, nhốt vào phòng kín đóng cửa lại. Để che giấu tội ác, bà rủ chồng đi nghe pháp. Hai vợ chồng đến tinh xá, ngồi vào hội chúng. Khi ấy, có vài người bà con bên vợ đến nhà thăm. Họ mở cửa, chứng kiến cảnh tàn nhẫn trong nhà, bèn mở trói cho cô tớ gái. Cô này đến tinh xá, tố cáo mọi việc với Phật và Tăng chúng. Nghe xong, Phật dạy: - Không nên làm việc ác dù nhỏ, nghĩ rằng chẳng ai biết. Với việc lành, dù không người biết vẫn nên làm. Hành động ác dù che giấu ân hận về sau. Còn hành động tốt sẽ khiến ta an vui. Ngài nói kệ: (314) Ác hạnh, không nên làm, Làm xong chịu khổ lụy, Thiện hạnh, ắt nên làm, Làm xong, không ăn năn. Cuối bài pháp, hai vợ chồng chứng quả Dự-lưu. Họ trả tự do cho cô tớ gái và hướng dẫn cô theo chánh pháp. 7. Tự Canh Phòng Như Giữ Thành Như thành ở biên thùy... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan tới một số Tỳ-kheo. Một số các Tỳ-kheo đến an cư ở một thị trấn biên giới. Tháng đầu trôi qua hết sức an ổn. Nhưng tháng thứ hai, bọn trộm cướp tấn công thị trấn và bắt một số người làm con tin. Từ lúc ấy, mọi người phải bận rộn phòng thủ, chống lại trộm cướp, và không còn thì

giờ chăm sóc đến thức ăn vật dụng cho các thầy. Các thầy trải qua những tháng thật bất an. An cư xong, các thầy trở về tinh xá Kỳ Viên, đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên. Đức Phật hỏi thăm thân mật: - Các ông có được an ổn không? - Bạch Thế Tôn, tháng đầu thật an ổn. Nhưng những tháng sau trộm cướp hoành hành, dân chúng chẳng còn thì giờ đâu lo lắng cho chúng con. Thời gian đó thật khốn đốn. Phật dạy: - Không sao. Các ông đừng phiền muộn. Không dễ gì lúc nào cũng tìm được nơi an cư hoàn toàn như ý. Nhưng hãy như dân cư phòng thủ trị trấn của họ, mỗi thầy Tỳkheo phải tự canh phòng mình. Ngài nói kệ: (315) Như thành ở biên thùy, Trong ngoài đều phòng hộ, Cũng vậy, phòng hộ mình, Sát na chớ buông lung, Giây phút qua, sầu muộn, Khi rơi vào địa ngục. 8. Các Đạo Sĩ Lõa Thể Không đáng hổ lại hổ... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến các đạo sĩ phái Kỳna, lõa hình ngoại đạo Ni-kiền-tử. Một hôm các thầy Tỳ-kheo nhìn thấy các đạo sĩ phái Ni-kiền-tử, đã bàn tán với nhau. - Này chư huynh, các Ni-kiền-tử này dễ nhìn hơn các đạo sĩ phái Acelaka (Lộ-giàna). Mấy ông kia hoàn toàn trần trụi, còn ác Ni-kiền-tử này ít ra cũng có một tí vải che thân, nhìn đỡ xấu hổ. Các Ni-kiền-tử nghe chuyện đã nói: - Không phải vì xấu hổ mà chúng tôi che thân. Chỉ vì bụi đất cũng là những hữu tình chúng sanh có sự sống, vì sợ chúng rơi vào thức ăn mà chúng tôi mang một mảnh vải. Các thầy Tỳ-kheo, một số đồng ý với lý do trên, số khác không đồng ý, cứ bàn tán mãi. Sau cùng, tất cả đi đến chỗ Phật, thưa ra câu chuyện, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, người nào hổ thẹn khi không đáng hổ thẹn, và không cảm thấy hổ thẹn khi cần phải hổ thẹn, sẽ chịu khổ về sau. Ngài nói kệ: (316) Không đáng hổ, lại hổ, Việc đáng hổ, lại không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú. (317) Không đáng sợ, lại sợ,

Đáng sợ, lại thấy không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú. 9. Trẻ Con Quy Y Phật Không lỗi, lại thấy lỗi... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một số cư sĩ ngoại đạo. Có một đám trẻ chơi chung với nhau, con nhà ngoại đạo và con các Phật tử. Khi các trẻ em ngoại đạo về nhà, cha mẹ chúng cấm không cho chào hỏi các Sa-môn đệ tử Phật và không được vào tinh xá. Họ bắt chúng phải giữ lời thề. Và sang ngày khác, khi bọn trẻ chơi đùa gần tinh xá Kỳ Viên, chúng bị khát nước. Các trẻ con ngoại đạo phải nhờ một bạn Phật tử vào tinh xá xin nước uống. Em này vào tinh xá, gặp đức Thế Tôn và kể lại câu chuyện cho Ngài nghe Phật dạy: - Uống nước xong, các em ra kêu các bạn vào đây uống. Tất cả bọn vào gặp Phật. Ngài kể cho các em nghe một câu chuyện dễ hiểu, giảng pháp, khiến các em có niềm tin vững mạnh rồi khiến các em quy y và giữ giới. Các trẻ em ngoại đạo về nhà, kể lại chuyện ba má. Họ giận dữ, khóc lóc rên rỉ: - Con chúng ta đã theo thầy tà. Khi ấy, một vài người láng giềng có trí tuệ ở gần đó, sang an ủi họ, giảng giải cho họ nghe. Chừng đó, họ nhận thấy Phật pháp lợi ích bèn quyết định: - Chúng ta chỉ cho các con đi theo sự hướng dẫn của Ngài Cồ-đàm. Với bà con dòng họ đông đảo, họ đưa nhau đến tinh xá lễ Phật, nghe pháp. Phật quan sát tâm tư của họ bèn giảng kệ: (318) Không lỗi, lại thấy lỗi, Có lỗi lại thấy không, Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú. (319) Có lỗi, biết có lỗi, Không lỗi, biết là không, Do chấp nhận chánh kiến, Chúng sanh đi cõi lành.

PHẨM XXIII: VOI 1. Phật Bị Lăng Nhục Ta như voi giữa trận... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên, trong trường hợp của chính Ngài. Trong truyện tích Pháp Cú (179) đã đề cập đến trường hợp Màgandiyà bị Phật từ chối, và cô bị chạm tự ái nặng. Khi trở thành hoàng hậu, nàng quyết tâm trả thù Phật. Nàng tung tiền mướn cư dân thành, bảo họ rằng: - Khi Sa-môn Cồ-đàm đến đây khất thực, các ngươi hãy tụ tập những người hạ tiện đi theo chửi mắng ông ta, đuổi ông ta đi. Khi đức Phật và A-nan đi đến thành, dân cư không tin Tam Bảo đã đi theo Ngài, la hét. - Ông là kẻ giặc cướp, ngu dốt, khùng, ông là lạc đà, bò, lừa, quỷ ở địa ngục, là súc sanh, không có hy vọng được cứu rồi, ông chỉ có nước chờ bị đọa thôi... Như vậy, họ dùng mười cách mắng chửi để mắng chửi Phật. Nghe các câu mạ nhục, Tôn giả A-nan bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, dân cư nơi này chửi mắng chúng ta, xin hãy đi nơi khác. - Chúng ta sẽ đi đâu, A-nan? - Đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn. - Nếu như dân ở thành phố đó cũng chửi mắng ta? - Thì chúng ta lại đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn. - Nếu như đến nơi kia cũng bị mắng chửi? - Đi đến chỗ khác nữa, bạch Thế Tôn. - Này A-nan! Chúng ta không nên làm như thế. Bất cứ nơi nào có rắc rối, phiền não nổi lên, chúng ta nên ở lại đó cho đến khi chúng lắng dịu hẳn, và chỉ khi đó chúng ta mới nên đi nơi khác. Nhưng ai đã chửi mắng chúng ta? - Bạch Thế Tôn, những kẻ hạ tiện, nô tỳ, tất cả đều chửi mắng. - Này A-nan! Ta như con voi đã ra trận. Và như con voi giữa trận hứng chịu tên bay từ bốn phía, bổn phận ta phải nhẫn nại nghe những lời ác độc thốt ra. Và Ngài lấy mình làm tiêu đề giảng pháp với các câu: (320) Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi, Chịu đựng mọi phỉ báng, Ác giới rất nhiều người. (321) Voi luyện, đưa dự hội, Ngựa luyện, được vua cưỡi, Người luyện, bậc tối thượng, Chịu đựng mọi phỉ báng. (322) Tốt thay, con la thuần, Thuần chủng loài ngựa Sindh [*]

Đại tượng, voi có ngà, Tự điều mới tối thượng. [*] loài ngựa đẹp ở vùng sông Sindha, Ấn Độ Nghe xong, quần chúng ở hai bên đường, ở ngã ba, ngã tư, những kẻ ăn tiền chửi mướn Phật đều chứng từ Sơ quả đến Tam quả. 2. Thầy Sa Môn Luyện Voi Chẳng phải loài cưỡi ấy... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên hệ đến một Tỳ-kheo từng là quản tượng. Một ngày nọ, một vị Tỳ-kheo trước kia từng là quản tượng, đứng bên bờ sông Acirvatì thấy một người quản tượng đang cố gắng huấn luyện một con voi. Thấy người ấy không đạt kết quả, thầy muốn mách nước, bèn nói với các thầy Tỳ-kheo đứng gần: - Nếu đánh con voi ở chỗ này, chỗ này... nó sẽ nghe lời ngay thôi. Người quản tượng nghe được, làm theo lời, và chẳng bao lâu con voi tuân theo ý ông... Các Tỳ-kheo bạch Phật câu chuyện. Phật cho gọi thầy Tỳ-kheo ấy lên hỏi: - Có phải thật ông nói như thế? - Bạch Thế Tôn, vâng! Phật quở: - Ngươi vô tích sự, ngươi thi thố tài nghệ với người luyện voi, luyện thú để làm gì? Không phải leo lên lưng những con thú đó là có thể đi đến nơi muốn đến mà chưa đến được. Chỉ có trong sự tự huấn luyện bản thân mới có thể đến được nơi khó đến. Từ đây ngươi hãy tự điều phục chính mình, đừng làm trò huấn luyện thú như thế nữa: Ngài nói kệ: (323) Chẳng phải loài cưỡi ấy, Đưa người đến Niết-bàn, Chỉ có người tự điều, Đến đích, nhờ điều phục. 3. Lão Bà La Môn Và Các Con Con voi tên Tài Hộ... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở Xá-vệ, trong trường hợp một Bà-la-môn già bị các con hất hủi. Tại thành Xá-vệ, một Bà-là-môn có bốn người con trai và gia tài tám trăm ngàn đồng tiền vàng. Khi các con đến tuổi trưởng thành, ông cưới vợ cho chúng và cho mỗi đứa một trăm ngàn tiền vàng. Sau đó, vợ ông chết, các người con họp nhau lại bàn tán: - Nếu cha ta cưới vợ khác, gia tài sẽ bị chia cho mấy đứa con sau và không còn gì cả. Chi bằng chúng ta săn sóc ông già để hưởng gia tài của ông. Chúng bu quanh hầu hạ ông chu đáo, lo thức ăn ngon, quần áo đẹp, tắm rửa cho ông, mọi bổn phận đều làm tròn.

Một ngày nọ, chúng đến hầu thấy ông vẫn còn ngủ. Ngay khi ông thức giấc, chúng rửa tay chân cho ông, và nói về sự bất lợi của một gia đình chia hai dòng con. Chúng hứa: - Chúng con sẽ săn sóc cha cho tới khi cha chết, cha hãy chia cho chúng con số tiền còn lại. Ông già chiều theo lời yêu cầu, chia luôn bốn trăm ngàn tiền còn lại làm bốn phần, cho mỗi đứa một phần, riêng ông chẳng còn gì, ngoài bộ quần áo dính da. Vài ngày đầu, đứa con trưởng hầu hạ ông. Một hôm, khi ông đến nhà người này như thường lệ, mụ con dâu đứng ở cửa vừa gặp ông liền nói: - Ông có cho thêm con trai ông một trăm hay một ngàn đồng không? Rõ ràng ông cho mỗi con trai ông hai trăm ngàn đồng mà. Ông không biết đường đi tới nhà mấy ông con kia à? Ông Bà-la-môn giận dữ, mắng: - Im đi, con đàn bà đê tiện. Ông đến nhà đứa con thứ hai. Nhưng chỉ vài hôm, ông lại bị đuổi ra khỏi nhà theo cách của đứa thứ nhất, và cảnh ấy cũng diễn ra ở tại nhà đứa út. Rốt cuộc ông không có nhà để nương thân. Do đó, ông từ bỏ đời thế gian, đi tu theo giáo đoàn Pandaranga, xin ăn từ nhà này sang nhà khác. Theo thời gian, ông trở nên gầy ốm vì tuổi già, thân thể suy sụp vì thức ăn tồi tệ và chỗ ngủ không đủ ấm. Một ngày nọ, sau khi đi xin ăn về, ông nằm dài tại chỗ và ngủ thiếp đi. Mở mắt ra ông mệt mỏi nhìn quanh chẳng thấy có đứa con nào để nhờ cậy. Ông nghĩ thầm: "Họ nói rằng Sa-môn Cồ-đàm có một dáng dấp từ hòa, vẻ mặt chân thật cởi mở, rằng thái độ của Ngài hoan hỷ, rằng Ngài tiếp khách lạ với tất cả vẻ thân thiện. Có lẽ ta nên đến với Sa-môn

Cồ-đàm, để được tiếp đãi ấm áp". Ông khoác áo, ôm bát, chống gậy đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi ông ngồi qua một bên thật cung kính. Đức Thế Tôn chào đón ông vui vẻ và hỏi: - Này Bà-la-môn, vì sao ông đến nơi này với vẻ tiều tụy, áo rách tả tơi thế kia? - Thưa Cồ-đàm, tôi có bốn đứa con trai, nhưng chúng bị mê hoặc bởi mấy con vợ, rồi đuổi tôi ra khỏi nhà. - Được rồi, ông hãy học thuộc bài kệ này. Và khi mọi người và các con ông đến nhà họp, ông đọc lên trước chúng. Ngài dạy: Chúng là những đứa con khi sanh ra tôi vui mừng, mong mỏi. Vậy mà chúng nghe lời vợ xúi giục, đuổi tôi như xua chó. Chúng gọi tôi "Cha thân yêu!..." thật ác độc và rỗng tuếch. Quỷ đội lốt con trai, chúng bỏ rơi tôi khi tuổi già, như bỏ đói con ngựa già vô dụng. Làm cha một lũ ngu, phải xin ăn lang thang từng nhà. Một cây gậy còn tốt hơn lũ con bất hiếu. Gậy còn đuổi được bò rừng chó dữ.

Gậy dẫn đường trong đêm tối, đỡ chân qua vũng nước bùn lầy. Ông Bà-la-môn học thuộc lòng bài dạy trên. Một ngày nọ, dòng Bà-la-môn họp mặt, các con trai ông cũng đến họp. Chúng ăn mặc sang trọng, trang sức quí giá và ngồi vào chỗ danh dự giữa những người Bà-la-môn. Ông già nhủ thầm: "Đây là cơ hội tốt cho ta". Ông đi vào phòng họp, giữa mọi người ông đưa tay lên nói: - Tôi muốn đọc một bài thơ, xin các ngài hãy nghe cho. - Ông đọc đi, chúng tôi nghe. Ông đứng giữa hội chúng, đọc lên bài kệ đức Phật dạy. Luật pháp thời ấy ấn định rằng: "Nếu người nào hưởng gia tài của cha mẹ, mà không nuôi dưỡng cha mẹ, sẽ bị tử hình". Các con ông đã hoảng sợ, quỳ xuống dưới chân ông van xin: - Cha ơi! Xin cứu chúng con. Trái tim người cha mềm yếu, ông bèn bảo lãnh cho chúng. - Xin các vị đừng xử tội chúng. Chúng sẽ nuôi nấng tôi. Hội chúng hăm đám con ông: - Từ nay, nếu các anh không săn sóc ông cụ tử tế, chúng tôi sẽ đưa ra pháp luật đấy. Bốn người con trai hoảng sợ, vội khiêng ông cụ về nhà, tắm rửa kỳ cọ, xoa dầu, bôi kem, ướp phấn... cho ông cụ, rồi gọi vợ đến bảo: - Từ nay bổn phận của các bà phải săn sóc cha cho chu đáo. Nếu thiếu sót coi chừng ăn đòn. Chúng dọn thức ăn thượng vị cho ông. Từ đó được bồi dưỡng, nghỉ ngơi êm ấm tiện nghi, ông cụ phục hồi sức khỏe, thân thể tươi tốt. Ông tự nhủ: "Ta được như vầy là nhờ Sa-môn Cồ-đàm". Ông bèn chọn một cặp vải tốt, đi đến chỗ đức Phật, chào Ngài và lui ngồi một bên, đặt vải dưới chân Phật, thưa: - Kính bạch Cồ-đàm, dòng Bà-la-môn chúng tôi mong ước rằng một vị thầy nhận lễ vật, xin đức Cồ-đàm tôn kính là thầy của tôi, nhận lễ vật này. Phật nhận xấp vải, và giảng pháp cho ông cụ nghe. Nghe xong, ông quy y Phật và thưa: - Bạch Cồ-đàm, các con tôi thường cung cấp cho tôi một ngày bốn bữa ăn, tôi xin cúng dường Ngài hai bữa. - Rất tốt đó ông lão, nhưng chúng ta chỉ đi đến nhà nào được chọn. Ông cụ về nhà bảo các con: - Này các con, Sa-môn Cồ-đàm là bạn của ta, ta dâng Ngài hai bữa ăn. Khi Ngài đến hãy tiếp đãi đừng thiếu sót. Các con đều hứa nghe lời. Ngày hôm sau, đức Phật đi khất thực, Ngài đứng trước cửa nhà của người con trưởng. Người này vội đỡ lấy bình bát của Ngài, mời vào nhà,

soạn ghế nệm gấm thỉnh Phật ngồi, và cúng dường thức ăn thượng vị. Những ngày sau, đức Thế Tôn đến các người con kế, họ đều tiếp đón Ngài nồng hậu. Ngày nọ sắp đến lễ hội, người con trưởng hỏi ông: - Thưa cha, ai là ân nhân danh dự của chúng ta? - Chỉ có Sa-môn Cồ-đàm thôi, không ai khác. - Như thế, ngày mai xin mời Ngài và năm trăm vị Sa-môn. Ông cụ thỉnh Phật và năm trăm Tăng chúng. Ngày hôm sau, Phật cùng chúng

Tăng đến nhà ông. Ngôi nhà trang hoàng theo nghi thức lễ hội, ông Bà-la-môn dọn chỗ ngồi cho Phật và chúng Tăng, dâng cúng các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Bốn người con ngồi trước Phật, bạch rằng: - Thưa Ngài Cồ-đàm, chúng tôi săn sóc ông già chu đáo, không dám lơ là. Ngài hãy nhìn ông cụ xem. Phật dạy: - Các ngươi làm như thế tốt lắm. Người khôn ngoan bao giờ cũng nuôi dưỡng cha mẹ chu đáo. Ngài nói kệ: (324) Con voi tên Tài Hộ, Phát dục, khó điều phục, Trói buộc không ăn uống, Voi nhớ đến rừng voi. Đức Phật kể chuyện con voi Tài Hộ (Dhanapàla) dù được vua săn sóc, cho ăn ngon, ở nơi đẹp, vẫn nhớ mẹ nơi rừng voi. Không chịu ăn uống vì nghĩ đến bổn phận làm con đối với cha mẹ. Nghe xong, mấy người con đều rơi lệ. Đức Phật biết rằng họ đã thấm nhuần bèn giảng pháp. Cuối cùng, cả ông cụ, các con trai, con dâu, đều chứng Sơ quả. 4. An Uống Điều Độ Người ưa ngủ, ăn lớn... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc. Có một lúc, vua Ba-tư-nặc thường ăn rất nhiều cơm nấu với cà ri, nước sốt gia vị. Ngày kia, sau bữa điểm tâm dồi dào quá độ, cơ thể và tâm tư ngầy ngật, nhà vua đến chỗ Phật, đi tới đi lui trước mặt Ngài với vẻ thật mệt mỏi. Nhà vua chỉ muốn nằm lăn ra ngủ mà không được nên đến ngồi xuống một bên Phật. Đức Phật thấy thế bèn hỏi: - Đại vương, trước khi đến đây Ngài chưa được ngủ nghĩ chăng? - Bạch Thế Tôn, không phải. Con luôn khó chịu sau khi ăn no. - Này Đại vương! Ăn uống vô độ thường đưa đến sự mệt mỏi. Ngài nói kệ: (325) Người ưa ngủ, ăn lớn, Nằm lăn lóc qua lại, Chẳng khác heo no bụng, Kẻ ngu nhập thai mãi.

Muốn giúp nhà vua, Phật dạy thêm: Người khôn ăn uống vừa chừng Thân tâm nhẹ nhỏm, lâu già, sống vui. Phật bảo hoàng tử Uttara (Uất-đà): - Con hãy học thuộc bài kệ này, và mỗi khi nhà vua ngự yến, con đọc lên theo cách sau và nhà vua sẽ tự ngừng. Xong, đức Phật bày cho hoàng tử cách làm. Hoàng tử tuân theo lời Phật dạy. Và sau một thời gian nhà vua ăn uống nhỏ nhẹ, giảm bớt trọng lượng và trở nên dễ chịu. Nhà vua thường xuyên đến thăm Phật, tổ chức lễ hội dâng cúng phẩm vật tối thắng trong bảy ngày. Khi đức Thế Tôn nói lên lời hồi hướng, cả hội chúng triều đình đều được ích lợi lớn. 5. Chú Tiểu Và Dạ Xoa Trước tâm này buông lung... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan tới chú tiểu Sànu. Sànu là con trai duy nhất của một gia đình mộ đạo, chú được nhận vào Tăng đoàn khi còn rất bé. Hồi ấy chú rất nhiệt tâm và đạo hạnh. Chú làm tròn bổn phận một cách trung hậu với thầy Tế độ, với Giáo thọ và các khách tăng. Mỗi tháng, vào ngày mùng 8, chú dậy sớm, xách nước đổ đầy các chum vại, quét dọn giảng đường, lau chùi bàn ghế, thắp đèn, và dùng tiếng trong thanh kêu gọi thiện tín đến nghe pháp. Các thầy Tỳ-kheo thấy chú ngoan ngoãn và cần mẫn, lại thích thú giọng chú đọc tụng kinh nên thường yêu cầu chú tụng đọc. Chú không bao giờ từ chối, nói rằng: "Con mệt tim..." hay "Con nhức mình..." hay tỏ ra miễn cưỡng tuân lời. Chú ngồi trên ghế, cao tiếng tụng đọc như dòng hải triều tuôn từ cõi chư thiên. Mỗi khi tụng đọc xong, chú tụt xuốnng ghế và hồi hướng: "Tất cả phước báo do việc tụng đọc kinh này, xin hồi hướng cho cha mẹ tôi". Song thân hiện tại chú không biết gì về sự hồi hướng ấy, nhưng bà mẹ kiếp trước của chú, tái sanh làm quỷ Dạ-xoa. Bà thường cùng đến nghe kinh với các vị thần. Và bà nói: "Con yêu quí, ta cảm tạ sự hồi hướng của con". Thường có câu: "Một vị Sa-môn giữ giới trong sạch được trời và người quý mến". Vì thế, chư thiên kính trọng chú Sa-di, xem ngang bằng trời Đại Phạm, hoặc như ngọn

đuốc sáng. Cũng thế, họ tôn kính và ca ngợi bà Dạ-xoa, mẹ kiếp trước của chú. Khi các Dạ-xoa hợp đến nghe kinh, bà được ngồi ghế thứ nhất, uống nước trước nhất, có thức ăn trước nhất. Ngay cả các Dạ-xoa đầy uy lực, cũng nhường bước và nhường chỗ ngồi cho bà. Khi Sànu đến tuổi trưởng thành, tâm sinh lý chú phát tiển, chú trở nên lười chán. Và không tự thắng được chính mình, ngày kia, chú không nói với ai, để râu tóc mọc dài, y áo nhớp nhúa, chú mang y bát trở về nhà. Bà nữ thí chủ thấy con trở về, bà chào chú: - Ủa này con, lúc trước con thường về nhà với thầy con hoặc một sư huynh hay vài Sa-di nhỏ, sao hôm nay con về một mình?

Chú bày tỏ với mẹ nỗi khổ về sự bất mãn của mình. Nữ cư sĩ là người mộ đạo, giảng giải cho chú những bất lợi của cuộc sống thế tục, nhưng chú không nghe. Rốt cuộc, mẹ chú nghĩ thầm: "Có lẽ không cần sự khuyên bảo của ta, chú ấy sẽ nghĩ lại". Bà nói:

- Thôi con ngồi đây, đợi mẹ làm cơm cho con ăn. Ăn xong, mẹ đem áo quần tốt ra cho con mặc.

Bà lo sắp chỗ ngồi, đem bánh trái ra thết đãi chú, và dọn bánh xèo, rồi mới lo nấu cơm. Bà ngồi vo gạo cách đấy không xa.

Lúc ấy, bà Dạ-xoa tự hỏi: "Chú Sa-di đi đâu? Chú có khất thực được không?". Bà quan sát thấy chú muốn hoàn tục, đang trở về ngồi tại nhà mẹ ruột.

Bà nghĩ: "Nếu ta khuất phục được chú Sa-di, ta sẽ được chư thiên kính trọng. Ta sẽ ngăn cản chú ấy". Lập tức bà nhập vào chú, khống chế tay chân, vặn cổ chú và xô té xuống đất, chú Sa-di mắt trợn ngược, sùi bọt mép, giãy giụa. Bà mẹ đang vo gạo, thấy thế vội ẵm chú lên, mọi người chung quanh chạy đến, mang đồ cấp cứu.

Bà mẹ khóc, đọc bài kệ:

Tôi nghe chư A-la-hán
Dạy: "Người mỗi nửa tháng
Giữ giới Bát quan trai
Và giới bố-tát ngày
Mồng tám, rằm, mười bốn
Giữ phạm hạnh như thế
Dạ xoa không xâm hại"
Nhưng hôm nay tôi lại
Thấy họ phá Sànu.

Quỷ Dạ xoa nghe bà đọc bài kệ, bèn đáp:

Chư A-la-hán nói trúng
Ai cứ mỗi nửa tháng
Giữ giới Bát quan trai
Và giới Bố-tát ngày
Mồng tám, rằm, mười bốn
Giữ phạm hạnh như thế
Dạ xoa không xâm hại.

Rồi Dạ xoa đọc kệ khuyên Sànu:

Sànu,
Hãy nghe Dạ xoa nói
Đừng xa Phật, làm ác
Lén lút hay công khai.
Nếu làm ác đời nay
Hoặc sau này, ngươi sẽ
Chẳng bao giờ thoát khổ
Dù có cánh để bay
Lên trời tìm đường ẩn.
Nói xong, quỷ xuất ra. Sànu mở mắt, thấy mẹ mình tóc tai rối bù, khóc than kể lể, mọi người chung quanh. Không biết mình mới bị quỷ nhập, chú hỏi:
- Vừa mới đây con còn ngồi trên ghế, mẹ vo gạo gần con. Sao bây giờ con lại nằm dưới đất?
Và chú nói tiếp:
Người ta khóc kẻ chế
Hoặc người đi không về
Con ngồi đây sao mẹ
Lại khóc con tỉ tê?
Bà mẹ muốn chỉ rõ cho chú thấy hậu quả xấu của việc đã xuất gia từ bỏ mọi thú vui thế gian, mọi lạc thú nhục dục, lại muốn hoàn tục. Bà đáp:
Con à, người ta khóc
Người chết, hoặc người đi
Đi mãi chẳng trở về.
Họ cũng khóc nữa khi
Người tu lại ra đời
Những người như thế ấy
Sống chết đâu khác gì.
Bà tiếp tục so sánh đời sống thế tục như lò than, như hỏa ngục, nhấn mạnh sự nguy hại của đời sống tại gia.
Than hừng cả hai bên.
Con có muốn ngã nào?
Địa ngục từ bốn phía,
Con có muốn rơi vào?
Bà nói thêm:
- Con ơi! Cầu con được may mắn! Con đã được mẹ cứu như giựt củi khỏi đống lửa, con đã từ bỏ thế gian đi theo Phật nay lại muốn trở lui thiêu đốt trong nhà thế gian. Con hãy mau ra khỏi và che chở cho chúng ta!
Nói xong, bà tự nhủ: "Không có cách nào để ta đánh thức sự chán ghét, ghê tởm của chú hơn nữa sao?"
Để chú rõ thêm, bà đọc kệ:

Hãy tinh tấn con ơi!
Cầu con đi đường may
Bằng cách nào mẹ khiến
Con gớm đời được đây?
Đã giựt ra khỏi lửa,
Con là thanh củi say,
Muốn cháy thiêu lần nữa, Làm sao, làm sao đây? Chú Sànu nghe mẹ nói xong, tri giác tự tỉnh và nói: - Con không hoàn tục. - Tốt lắm! Con yêu quý! Bà mẹ rất hoan hỷ, bà dọn đủ món ngon cho chú. Ăn xong, bà hỏi tuổi chú và được biết chú đủ tuổi để thọ Tỳ-kheo chánh thức gia nhập Tăng đoàn, bà cúng dường chú ba y. Với y và bát đầy đủ, chú được chính thức là vị Tỳ-kheo của Tăng đoàn. Đức Thế Tôn, ngay lúc ấy đã khuyên chú nên kiểm soát tư tưởng: - Nếu một người để tư tưởng mình rong ruổi xa xôi, lâu dài, suy nghĩ đủ mọi chuyện mà không cố gắng kiểm soát, người ấy không thể đạt được Giải Thoát. Vì thế phải nỗ lực kiểm soát tư tưởng, như người nài voi kiềm thúc con voi trong thời phát dục bằng móc sắt. Ngài nói kệ: (326) Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục, lạc, Nay ta chánh chế ngự, Như cầm móc điều voi. Nghe xong, chư thiên cùng đến nghe pháp với Sànu, đã chứng Pháp nhãn. Sau này, Thượng toạ Sànu thông suốt Tam tạng, Ngài trở nên một vị giảng sư uyên bác, sống một trăm hai chục tuổi, giáo hóa toàn cõi Diêm-phù-đề, và sau cùng nhập Niết-bàn. 6. Con Voi Sa Lầy Hãy vui không phóng dật... Câu chuyện xảy ra khi đức Phật ở tại Kỳ Viên, liên quan đến voi Pàveyyaka. Vua Ba-tư-nặc có một con voi tên Pàveyyaka. Khi còn nhỏ nó rất mạnh, nhưng trở về già sức lực yếu đi. Một ngày nọ, nó lội ngang các hồ lớn, bị lún chân xuống bùn không bước được. Dân chúng kháo nhau: - Xem kìa! Con voi hồi nhỏ mạnh như thế, bây giờ yếu như thế. Nhà vua nghe tin, lập tức ra lệnh cho người quản tượng: - Hãy kéo con voi ra khỏi đám bùn, Người quản tượng đi đến bờ hồ, giả cách để cho voi thấy như mình sắp ra trận, đầu đội mũ sắt, trống đánh vang lừng. Kiêu khí của con voi trỗi dậy. Nó đứng lên mau mắn, và rút chân ra khỏi sình, bước liền lên đất khô. Các vị Tỳ-kheo chứng kiến sự việc, về bạch Phật, Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, con voi đã tự kéo mình ra khỏi sình lầy. Nhưng các ông bị đắm nhiễm trong bãi lầy dục vọng, hãy cố gắng với tất cả sức lực của mình để thoát ra. Ngài nói kệ: (327) Hãy vui không phóng dật, Khéo phòng hộ tâm ý,

Kéo mình khỏi ác đạo, Như voi bị sa lầy. 7. Voi Làm Thị Giả Phật Nếu được bạn hiền trí... Câu chuyện xảy ra khi Phật ở trong một khu rừng với voi Pàveyyaka, liên quan đến một nhóm Tỳ-kheo. Khi Phật ở Kosambi, các thầy Tỳ-kheo ở đấy đã chia phe tranh cãi nhau không dứt. Phật dạy bảo cũng không ai nghe, Ngài bèn vào rừng nhập hạ một mình. Ở đấy, một con voi chúa đã hầu hạ Ngài chu đáo. Điều này mọi người tăng tục đều hay tin. Nơi thành Xá-vệ, ông Cấp Cô Độc, bà Tỳ-xá-khư, các nhà đại phú hộ khác đến thỉnh cầu Tôn giả A-nan: - Bạch Tôn giả, xin cho chúng con được gặp Phật. Và năm trăm thầy Tỳ-kheo ở xứ khác, sau khi an cư, đã đến thỉnh cầu A-nan: - Thưa Tôn giả, đã lâu chúng tôi không được nghe pháp âm của đức Thế Tôn. Xin Tôn giả vui lòng cho chúng tôi được gặp Thế Tôn và nghe Ngài giảng pháp. Tôn giả A-nan liền dắt năm trăm Tỳ- kheo đi đến khu rừng nơi Phật ở. Đến cửa rừng, Ngài nghĩ thầm: "Đức Như Lai đã

sống cô tịch trong ba tháng. Bây giờ thật không thích hợp, nếu ta đột ngột mang hết mấy trăm người này cùng vào với ta". Nghĩ thế, ngài bèn đi một mình đến chỗ Phật. Khi voi chúa Pàveyyaka thấy Tôn giả, bèn tung vòi tiến tới. Đức Phật bảo: - Hãy lui, Pàveyyaka, đừng xua đuổi người ấy. Đó là thị giả của Như Lai. Voi chúa bèn cuốn vòi lại, và ngỏ ý muốn đỡ y bát của Tôn giả, nhưng Ngài từ chối. Voi nghĩ: "Nếu người biết lễ phép, sẽ không đặt vật dụng của mình lên phiến đá của Như Lai ngồi". Tôn giả đặt y bát của mình xuống đất (Theo lễ nghi không được để vật dụng của mình nơi giường hoặc ghế của thầy). Sau khi lễ Phật, Tôn giả lui ngồi một bên. Phật hỏi: - Ông đến một mình? A-nan thưa rằng mình đến với năm trăm Tỳ-kheo. - Họ ở đâu? - Con không biết ý của Thế Tôn nên để họ ở ngoài rừng. - Hãy gọi họ vào. Tôn giả trở ra gọi năm trăm Tỳ-kheo vào. Thế Tôn hoan hỷ tiếp đón các thầy. Và các Tỳ-kheo đã bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Ngài là một vị Phật tôn quý, một ông hoàng quý phái. Vậy mà Ngài phải ở một mình ba tháng tại nơi này, thật vất vả khi đứng, khi ngồi. Không có ai giúp đỡ Ngài trong các việc quan trọng cũng như lặt vặt, chẳng ai múc nước cho Ngài súc miệng... Phật trả lời:

- Này các Tỳ-kheo, voi chúa Pàveyyaka đã làm giúp ta tất cả mọi việc. Được một người bạn như thế, sống độc cư cũng tốt. Và nếu không có bạn như thế, tốt hơn là nên sống một mình. Ngài nói kệ: (328) Nếu được bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Nhiếp phục mọi hiểm nguy, Hoan hỷ sống chánh niệm. (329) Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Như vua bỏ nước bại, Hãy sống riêng cô độc, Như voi sống rừng voi. (330) Tốt hơn sống một mình, Không người ngu kết bạn, Độc thân, không ác hạnh, Sống vô tư vô lự, Như voi sống rừng voi. 8. Ma Vương Cám Dỗ Phật Vui thay, bạn lúc cần! ... Khi đức Bồ-tát còn ở trong thời kỳ tu ẩn dật ở trong dãy núi Tuyết (Himàlaya), chế độ cai trị của các quốc vương khắc nghiệt. Và đức Thế Tôn trông thấy dân chúng bị nhiều hình phạt độc ác, Ngài động lòng thương xót. Ngài tự nhủ: "Tại sao không thực hành một chế độ công bình, chính trực, không có giết chóc, chinh phạt và đau khổ". Khi ấy Ma vương bắt gặp tư tưởng trên thoáng qua trong đầu đức Phật, hắn nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm vừa nghĩ đến việc cai trị. Có lẽ bây giờ ông ấy muốn làm vua, đó là một dịp cho ông ấy tán tâm. Nếu ông ấy ra nắm quyền cai trị, ta có thể cám dỗ ông ấy. ta sẽ đến để gợi lòng tham ấy." Ma vương đến chỗ Phật và bảo: - Thưa Ngài, hãy để đức Thế Tôn cai trị, hãy để bậc Tối Thắng cai trị, sẽ không có giết chóc, chinh phạt và khổ đau, mà chỉ có công bằng và chính trực. - Này Ma vương! Ông thấy ta thế nào mà nói như vậy? - Thưa Ngài, một vị Phật có thể thi triển bốn phép mầu. Chỉ cần Ngài ra lệnh: "Ngọn núi Himàlaya hãy biến thành vàng", lập tức nó sẽ biến thành vàng. Tôi cũng sẽ lấy tài lực này để thực hiện tất cả những việc có thể thực hiện bằng tài lực. Như thế, Ngài sẽ cai trị công bằng chánh trực. Phật bảo: Lòng tham người không thỏa Dù có núi tử kim

Biết vậy, người khôn tìm
Đường thẳng ngay tiến bước.
Người đã sớm vẽ trước
Người nhân của khổ đau,

Đâu có thể nào giao
Đời mình cho lạc thú?
Hãy để người đã thấu
Nhân sanh tử luân hồi
Tự tu tập điều phục
"Lưỡi ái" buộc bao đời
Phật cảnh cáo Ma vương:
- Này Ma vương, ta khuyên ông một lần nữa, Ta không giống ông. Đó là điều Ta muốn nói.
Ngài nói kệ:
(331) Vui thay, bạn lúc cần!
Vui thay, sống biết đủ!
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn!
(332) Vui thay, hiếu kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, kính Sa-môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!
(333) Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trú tuệ!
Vui thay, ác không làm!
PHẨM XXIV: THAM ÁI 1. Con Cá Vàng Người sống đời phóng dật... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ viên, trong trường hợp của cá vàng Kapilamaccha. Chuyện quá khứ A. Thầy Tỳ Kheo Tự Phụ - Đảng Cướp Thuở xưa, thời đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có hai anh em một gia đình quý tộc xuất gia làm Sa-môn. Người anh tên Sodhana và người em tên Kapila. Cả người mẹ Sàdhinì và cô em gái Tàpanà cũng xuất gia làm Tỳ-kheo ni. Khi xuất gia, cả hai anh em đều làm tròn bổn phận với bậc thầy thế độ và các vị Giáo thọ một cách thành kính. Một ngày nọ, họ hỏi thầy: - Bạch thầy, trong tôn giáo này có bao nhiêu bổn phận chánh yếu? - Có hai bổn phận: học và thiền định. Nghe thế, người anh cả nghĩ thầm: "Ta sẽ hoàn thành bổn phận thiền định". Và thầy ở lại bên vị Bổn sư năm năm. Nhận một đề mục thiền định dẫn đến quả Tuệ giác, thầy vào rừng và sau khi nỗ lực hết sức mình, thầy chứng A-la-hán. Người em nói: "Ta còn trẻ, khi nào già, ta sẽ thiền định". Thầy chọn bổn phận học tập. Thầy học thông Tam tạng, do đó thầy có đông đồ chúng và được nhiều lợi dưỡng. Say sưa với kiến thức đa văn của mình và bị ma tham danh chi phối, thầy trở nên tự phụ. Thầy hay sửa lưng người khác. Khi người ta nói đúng thầy bảo sai, khi người ta nói sai thầy bảo đúng, việc có tội thầy nói là vô tội, việc vô tội cho là có tội. Các vị Sa-môn hiền đức vẫn hay khuyên thầy: - Này huynh Kapila, đừng nói như vậy. Các vị nhắc thầy về điều luật, về Phật pháp. Nhưng Kapila trả lời: - Các ông biết được gì? Hỡi những con cá rỗng? Thầy lại tiếp tục nhục mạ người. Các vị Sa-môn kể lại với thầy Sodhana. Thầy Sodhana

khuyên em: - Này Kapila, với cương vị Tỳ-kheo, em nên cư xử đúng đắn. Em đừng khinh thường, bác bỏ các lời khuyên chân thật, và nói năng theo cách của em như thế. Nhưng thầy Kapila chẳng màng gì đến lời khuyên của anh. Thầy Sodhana kiên nhẫn khuyên hai, ba lần thầy Kapila cũng không đếm xỉa gì đến. Thầy chỉ còn biết nói: - Này sư đệ, em sẽ mang tiếng xấu vì những hành động thầy nữa. Thầy Kapila cư xử xấu và kết hợp một số đồ chúng cũng tệ như thầy. Ngày nọ, thầy tự nói: "Ta sẽ trùng tuyên Luật tạng tại Pháp đường". Thầy cầm quạt, lên tòa ngồi, tuyên đọc Luật với câu hỏi thường lệ. - Thưa các đại đức, chúng đã nhóm, có ai cần phát lồ? Các vị Tỳ-kheo nghĩ thầm: "Trả lời ông ấy chẳng ích lợi gì". Tất cả yên lặng. Kapila tiếp:

- Này chư huynh, ở đây không có Giáo lý cũng không có Giáo luật, các vị có nghe đọc luật cũng như không nghe thôi. Nói rồi Kapila xuống tòa. Như thế, thầy đã làm chậm trễ việc giảng dạy giáo pháp của đức Phật Ca-diếp. Trong đời ấy, Trưởng lão Sodhana vào Niết-bàn. Kapila với thái độ như thế đã vào ngục A-tỳ. Cả mẹ và em gái thầy theo chế nhạo các vị Sa-môn hiền đức, cũng rơi vào địa ngục. Thời ấy, có năm trăm tên cướp, một ngày kia chúng bị rượt bắt, phải vào rừng ẩn náu. Chúng không tìm được nơi nương thân, và khi gặp một vị ẩn sĩ, chúng vái chào và thưa: - Bạch Ngài, hãy cho chúng con nương tựa. Vị ấy trả lời: - Không có nơi nương tựa nào bằng đạo đức. Tất cả các anh có thể giữ năm giới được không? - Thưa được. Chúng bằng lòng thọ năm giới cấm. Tôn giả ẩn sĩ khuyên họ: - Hôm nay các anh đã thọ giới, cho dù mạng sống bị đe dọa đi nữa, các anh cũng không được phạm giới hay có tư tưởng ác. - Được thôi. Các tên cướp hứa sẽ giữ giới luật đã thọ. Dân làng đuổi theo tận nơi bọn cướp ẩn náu, và giết chết hết tất cả. Chúng được tái sinh lên cõi trời, tên cầm đầu bọn cướp thành vị thiên chủ cai quản các vị kia. Sau khi tái sinh nhiều lần nơi các cõi trời, lúc ở cõi cao lúc cõi thấp suốt vô số kiếp trôi qua trong thời kỳ giữa hai vị Phật, chúng lại tái sinh trong đời Phật hiện tại vào một làng chài lưới có năm trăm gia đình gần thành Xá-vệ. Vị Thiên chủ đầu thai vào nhà ông xã trưởng làng, những vị còn lại đầu thai trong các nhà kia. Như thế cùng một ngày tất cả năm trăm vị đầu thai và đều sanh ra một lượt. Ông xã trưởng nghĩ thầm: "Không biết hôm nay trong làng có các cậu bé khác chào đời hay không?". Cho người kiểm tra khắp làng ông được biết tất cả đều tái sinh vào một nơi. "Các cậu này sẽ là bạn của con trai ta". Ông nghĩ vậy rồi gởi thực phẩm đến nhà nuôi hết các cậu bé. Chúng lớn lên, chơi đùa với nhau, kết bạn thân cho đến lúc cùng trưởng thành. Chàng trai lớn nhất trở nên một người danh tiếng, được trọng vọng, làm thủ lãnh cả nhóm. Kapila thọ khổ trong ngục A-tỳ suốt vô số kiếp trôi qua trong thời gian giữa hai vị Phật, và do dư báo của nghiệp ác, lúc ấy tái sinh làm con cá nơi dòng sông Aciravatì. Mình cá màu vàng óng nhưng hơi thở hôi thối vô cùng. Chuyện hiện tại: B. Nhóm Dân Chài Và Con Cá Hôi Một ngày kia, đám bạn thanh niên ấy bảo nhau:

- Ta hãy tung lưới kiếm ít cá. Họ lấy lưới quăng xuống sông, xui khiến thế nào con cá vàng lọt vào lưới. Khi dân làng trông thấy cá, họ mừng rỡ kêu lên: - Các con chúng ta lần đầu bủa lưới, đã tóm được chú cá vàng. Thế nào đức vua cũng ban thưởng một cách hậu hỷ. Đám bạn thanh niên ném con cá lên thuyền, đi yết kiến đức vua. Thấy con cá, vua hỏi: - Cái gì đấy? Đám thanh niên tâu: - Tâu đại vương, đây là một con cá. Nhận ra đó là một con cá vàng, vua nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn sẽ biết vì sao con cá này màu

vàng". Vua liền ra lệnh mang cá đi đến ra mắt đức Thế Tôn. Cá vừa mở miệng ngáp, cả tinh xá Kỳ Viên tràn ngập mùi hôi thối. Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vì duyên cớ gì con cá này có màu vàng? Và tại sao hơi thở nó hôi thối đến thế? - Đại vương, vào thời Phật Ca-diếp, con cá ấy là một vị Tỳ-kheo tên Kapila, đa văn, được đồ chúng theo đông đảo. Do vì buông lung theo lợi dưỡng, ông ấy đã chửi mắng, lăng mạc các Tỳ-kheo không theo mình. Ông gây chậm trễ việc truyền bá giáo pháp đức Phật Ca-diếp và bị đọa vào ngục A-tỳ. Sau, từ dư báo nghiệp ác, lại đầu thai làm con cá. Do nhân duyên giảng dạy giáo pháp Phật, đọc tụng kinh điển tán thán Phật trong thời gian khá lâu, mình cá mới có màu vàng ấy. Còn hơi thở thối vì ông đã chửi mắng lăng mạ các Tỳ-kheo. Đại vương, Như Lai sẽ khiến ông ấy kể về chính mình đây. - Bạch Thế Tôn, xin Ngài dùng mọi cách để ông ấy tự kể về mình. Đức Phật hỏi con cá: - Ngươi có phải là Kapila? - Bạch Thế Tôn vâng, con là Kapila. - Ngươi từ đâu đến? - Bạch Thế Tôn, con từ ngục A-tỳ đến. - Còn anh ngươi, Sodhana, ra sao rồi? - Bạch Thế Tôn, anh ấy đã nhập Niết-bàn. - Mẹ ngươi, bà Sàdhini đâu? - Bạch Thế Tôn, người bị đọa địa ngục. - Còn em gái ngươi, Tàpanà, thì sao? - Cô ấy cũng đọa địa ngục, Bạch Thế Tôn! - Giờ ngươi đi đâu? - Bạch Thế Tôn, ngục A-tỳ. Nói xong, lòng đầy ăn năn, cá đập đầu chết ngay tại chỗ, bị tái sanh trong ngục A- tỳ. Thính chúng vây quanh đều xúc động, lông tóc dựng ngược cả lên. Đức Thế Tôn thấy tâm họ thuần phục, bèn giảng bài pháp thích hợp:

Hằng sống trong chánh kiến,
Hằng tu hạnh thanh tịnh,
Đấy hạt ngọc sang đẹp,
Quý hơn trong tất cả.

Nói kệ rồi, đức Phật giảng tỉ mỉ toàn bài kinh "Kapila"; sau này được chép trong tập Suta Nipàta. Ngài nói kệ tiếp:

(334) Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như dây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.
(335) Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ bị gặp mưa.
(336) Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.
(337) Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái,
Như thổ gốc cỏ bỉ,

Chớ để ma phái hoại,
Như dòng nước cỏ lau.
2. Con Heo Nái Tơ
Như cây bị chặt đốn...
Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc Lâm, liên quan đến chị heo nái tơ nọ sống lăn lóc trong đống phân.
Chuyện kể rằng, một hôm đức Thế Tôn vào thành Vương-xá khất thực, gặp một con heo nái tơ. Ngài mỉm cười, Trưởng lão A-nan trông thấy vầng hào quang chói sáng từ răng Ngài, liền hỏi lý do:
- Bạch Thế Tôn, tại sao Ngài cười?
Đức Phật bảo:
- Này A-nan, hãy nhìn con heo nái tơ kia.
- Con có thấy nó, bạch Thế Tôn!
- Vào thời đức Phật Kakusandha, con heo tơ này là một chị gà ở gần Thiền đường nọ. Chị thường chăm chú nghe một thầy Tỳ-kheo niệm đề mục thiền tu chứng Tuệ giác.
Chỉ nghe những âm thanh thiêng liêng kia thôi, cũng khiến chị thoát kiếp được tái sinh vào cung vua, làm công chúa tên Ubbari.
Một hôm công chúa đi vào nhà xí, thấy đống dòi. Liền tại chỗ ấy, chăm chú quan sát đám dòi, tâm định tĩnh, cô nhập Sơ thiền. Sau khi mãn kiếp làm công chúa, cô được sanh vào dòng dõi Bà-la-môn. Từ giai cấp Bà-la-môn, do nghiệp tạo trong kiếp ấy, bây giờ cô lại tái sinh làm con heo nái tơ này. Ta biết những cảnh huống ấy nên cười.
Các Tỳ-kheo đi sau Trưởng lão A-nan lắng nghe đức Thế Tôn nói, rất xúc cảm.
Sau khi tác động tâm tư họ, đức Phật liền giảng giải sự ngu si của tham ái, và vẫn đứng giữa đường đi, Ngài nói kệ tiếp:
(338) Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sanh hoài.
(339) Ba mươi sáu dòng ái,
Trôi người đến khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.
(340) Dòng ái dục chảy khắp,
Như dây leo mọc tràn,
Thấy dây leo vừa sanh,
Với tuệ, hãy đoạn gốc.
(341) Người đời nhớ ái dục,
Ưa thích các hỷ lạc,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh, già.

(342) Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Chúng sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.
(343) Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Do vậy vị Tỳ-kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.
Sau kiếp ấy, chị heo nái tơ tái sinh vào cung vua ở Suvannabhùmi. Hết kiếp, cô tái sanh ở Ba-la-nại, kiếp sau cô tái sanh ở cảng Supàraka trong nhà một người lái ngựa, rồi sanh vào nhà một thủy thủ cảng Kavìra. Kế tiếp, cô sanh vào nhà một gia đình quý tộc cao sang ở Anuràdhapura. Cuối cùng, cô tái sanh làm con gái ông Sumanà làng Bhokkkanta thuộc vùng phía Nam, được đặt tên theo cha là Sumanà.
Khi dân chúng bỏ làng đi hết, cha cô đến vương quốc Diighavaapi, lập nghiệp tại làng Mahàmuni. Lakuntaka Atimbara, Tể tướng vua Dutthagàmanì, có việc đến đấy gặp cô, liền cưới làm vợ, đưa về sống tại làng Mahàpunna. Một hôm, Trưởng lão Anula trú tại tinh xá Kotipabbata đi khất thực ngang qua nhà trông thấy cô bèn bảo các thầy Tỳ-kheo: - Này chư huynh, con heo nái tơ đã trở thành phu nhân ngài Lakuntaka Atimbara, Tể tướng của đức vua, thật lý thú biết bao! Nghe những lời này cô bỗng nhớ hết các tiền kiếp của mình và chứng Túc mạng thông. Xúc dộng sâu xa, cô xin phép chồng từ bỏ đời thế tục xuất gia theo Tăng đoàn Tỳ- kheo ni Pancabalaca. Sau khi nghe giảng bài pháp Mahà satipatthàna tại tinh xá Tissa, cô đắc qủa Dự lưu. Rồi khi người Damilas bị tiêu diệt, cô trở về làng Bhokkanta sống với cha mẹ. Tiếp đó, nghe bài pháp Asìvisopama tại tinh xá Kallaka, cô đắc qủa A-la-hán. Ngày cô nhập Niết-bàn, đáp lời hỏi của các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni, cô kể hết câu chuyện cho các Tỳ-kheo Ni nghe. Giữa một buổi nhóm chúng của các thầy Tỳ-kheo, với sự giúp đỡ của Trưởng lão Maha Tissa, vị Tỳ-kheo thường giảng nói Pháp Cú đang trú tại Mandalàràma, cô kể như sau; - Vào thời xa xưa, con đánh mất thân người, sanh làm gà mái. Bị diều hâu xớt, và tái sanh ở thành Vương xá, từ bỏ cuộc đời thế tục, làm một Tỳ- kheo ni hành khước đây đó và tu đạt đến Sơ thiền. Hết kiếp ấy, con tái sanh vào nhà một trưởng giả. Nhưng chỉ sống ít lâu, con đã bị đọa làm heo nái. Hết kiếp, con tái sanh ở Suvannabhùmi, rồi ở Ba- la-nại, ở cảng Suppàraka, ở cảng Kavìra, ở Anuràdhapura và sau cùng tại làng Bhokkanta. Sau khi trải qua mười ba kiếp thăng trầm như vậy, kiếp này con cảm nhận được sự bất như ý của cuộc sống nên từ bỏ thế tục, xuất gia, và chứng quả A-la-hán. Xin chư vị mỗi người hãy tự mình chánh niệm tinh tấn tiến đến giải thoát. Lời cô làm tứ chúng vô cùng xúc động. Sau đó cô nhập Niết-bàn. 3. Thầy Tỳ Kheo Bỏ Đạo Được thoát khỏi buộc ràng... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo hoàn tục. Thầy Tỳ-kheo kia vốn là đồ đệ Trưởng lão Đại Ca-diếp, tuy đã

đạt Tứ thiền nhưng một hôm đến chơi nhà ông chú làm thợ vàng, trông thấy nhiều đồ trang sức đẹp mắt, thầy sanh lòng tham luyến, bèn hoàn tục. Thầy lại làm biếng chẳng chịu mó tay vào việc gì nên bị đuổi ra khỏi nhà. Từ đấy thầy kết bạn với kẻ xấu, chuyên sống bằng nghề cướp bóc. Một hôm người ta bắt thầy, trói chặt hai tay sau lưng, mang đi hành hình, trên đường cứ gặp mỗi ngã tư lại dùng roi da đánh đập thầy. Trưởng lão Đại Ca-diếp vào thành khất thực, thấy thầy Tỳ-kheo bỏ đạo bị dẫn ra cửa Nam liền làm cho dây trói lỏng đi, và bảo thầy. - Ông hãy quán tưởng lại đề mục định như đã từng làm.

Vâng lời dạy, thầy Tỳ-kheo bắt đầu thiền định, và nhập Tứ thiền. Lính áp tải đưa thầy đến chỗ hành hình, bảo: - Bọn ta sẽ cho ngươi chết. Rồi chúng nung đỏ chông sắt lên. Nhưng tên cướp chẳng hề lo sợ mảy may. Lính xử tội vây tứ phía đưa cao gươm giáo, lao phóng sáng lòa. Thấy tên cướp không tỏ dấu sợ hãi chi cả, chúng phải kêu: - Thưa các Ngài, hãy nhìn người này xem. Đứng giữa trăm người lăm lăm vũ khí, ông ta chẳng run chẳng sợ. Thật là điều lạ lùng. Quá kinh ngạc và thán phục, chúng reo hò ầm ĩ, rồi đến tâu lên vua. Nghe hết chuyện, vua phán: - Hãy thả người ấy ra. Họ đến bạch Phật câu chuyện. Đức Thế Tôn phóng hào quang, phân thân đến pháp trường nói kệ: (344) Lìa rừng lại hướng rừng, Thoát rừng chạy theo rừng, Nên xem người như vậy, Được thoát khỏi buộc ràng, Lại chạy theo ràng buộc. Nghe pháp âm mầu nhiệm, thầy Tỳ-kheo bỏ đạo đang nằm trên bàn chông lính vây quanh kín đặc, liền quán tưởng đề mục sanh tử, quán tam pháp ấn, thấu rõ ngã không và đắc quả Dự lưu. Trong niềm an lạc của đạo quả vừa đắc, thầy bay lên không đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài. Ngay giữa chúng hội, trong đó có cả nhà vua, thầy đắc quả A-la- hán. 4. Ngôi Nhà Tù Người trí xem chưa bền... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến ngôi nhà tù. Một hôm, các tội phạm bị dẫn đến trước vua Ba-tư-nặc, nào trộm đạo, cướp đường, nào những kẻ giết người. Vua ra lệnh dùng gông cùm, dây thừng và dây xích trói họ lại. Lúc ấy, có ba mươi thầy Tỳ-kheo ở vùng quê đến thăm đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi lui. Hôm sau, đi quanh thành Xá-vệ khất thực, các thầy qua chỗ nhà tù và thấy bọn tội phạm. Chiều lại, khất thực xong các thầy đến yết kiến Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, hôm nay đi khất thực chúng con thấy các tội nhân ở trong nhà tù. Họ bị trói bằng gông cùm, dây thừng, dây xích, vô cùng đau khổ. Họ chẳng cởi nổi các gông cùm này để trốn thoát được. Bạch Thế Tôn, có thứ gì trói buộc bền chắc hơn nữa không? Đức Phật đáp: - Này các Tỳ-kheo, những thứ đó đâu đã lấy gì làm bền chắc. Hãy xem sự trói buộc của si mê, gông xiềng có tên là tham ái, sự ràng rịt của lòng tham luyến của cải, lúa thóc, vợ con. Dây trói buộc này còn bền chắc gấp trăm, nói cho đúng, gấp nghìn lần hơn

những thứ các ông đã thấy. Nhưng dầu nó bền chắc như vậy và khó cởi bỏ đến thế mà xưa kia người có trí vẫn cởi bỏ được, ra đi vào Hy-mã-lạp-sơn, xa lìa thế tục. Rồi Ngài kể chuyện tiền thân: Chuyện quá khứ: A. Chồng Và Vợ Vào thuở xa xưa, khi vua Brahmadatta đang trị vì ở Ba-la-nại, Ngài là con trai một gia đình nhà nghèo nọ. Khi đến tuổi trưởng thành thì cha chết, chàng phải đi làm mướn nuôi mẹ. Bà mẹ chọn cưới cho chàng một cô gái con nhà tử tế, mặc những lời phản đối của chàng. Thời gian sau, mẹ già qua đời, vợ chàng hoài thai đứa con đầu lòng. Chẳng biết vợ đang mang thai,

chàng bảo: - Này em, hãy tự kiếm sống nhé. Anh sẽ đi tu. Vợ chàng đáp: - Em đang có thai. Xin đợi đến ngày em sinh nở, chàng thấy mặt con rồi đi tu cũng không muộn. - Thôi được. Khi cô vợ sanh đứa bé xong, chàng từ giã vợ: - Em thân yêu, em đã sanh nở mẹ tròn con vuông. Anh có thể đi tu được rồi chứ. Nhưng cô vợ nói: - Xin chàng chờ đến lúc con dứt sữa hãy đi. Trong khi chàng chờ, cô vợ có thai đứa con thứ hai. Chàng tự nghĩ: "Nếu ta làm theo lời yêu cầu của nàng thì chẳng bao giờ đi được. Ta sẽ bỏ trốn và xuất gia, đừng cho nàng hay gì cả". Thế là không nói một lời về dự định của mình, giữa đêm chàng trở dậy trốn đi. Lính gác thành bắt chàng. Nhưng chàng thuyết phục được họ thả ra: - Thưa các ông, tôi phải săn sóc mẹ già. Xin các ông tha cho tôi. Ở lại quanh đấy một thời gian, chàng lên đường về vùng Hy-Mã-lạp-sơn sống đời ẩn sĩ. Sau khi đắc thần thông và tu chứng được những quả vị cao hơn, chàng tiếp tục sống ở đấy, vui hưởng thiền duyệt. Chàng thầm nghĩ: "Ta đã bứt tung được sợi dây trói thật quá ư bền chắc, sợi dây tham dục xấu xa, sợi dây của lòng luyến ái vợ con". Nghĩ rồi, chàng đọc một bài kệ. (Kết Thúc Chuyện Quá Khứ) Kể xong chuyện quá khứ, đức Thế Tôn nói kệ làm rõ nghĩa bài kệ của nhà ẩn sĩ: (345) Sắt, cây, gai trói buộc, Người trí xem chưa bền, Tham châu báu, trang sức, Tham vọng vợ và con. (346) Người có trí nói rằng: "Trói buộc này thật bền, Trì kéo xuống, lún xuống,

Và thật sự khó thoát. Người trí cắt trừ nó, Bỏ dục lạc không màng". 5. Sắc Đẹp Phù Du Người đắm say ái dục... Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ngụ tại Trúc Lâm, liên quan đến hoàng hậu Khema, vợ vua Tần-bà-sa-la. Người ta nói rằng bà Khema, do phước báu lời nguyện dưới chân Phật Padumuttara, nhan sắc vô cùng lộng lẫy. Nghe đồn đức Thế Tôn thường chê trách sắc đẹp thể chất, bà tránh không gặp Phật. Vua Tần-bà-sa-la biết bà rất tự kiêu về sắc đẹp của mình nên cho người làm những bài ca tán thán Trúc Lâm, rồi ra lịnh cho các nghệ sĩ hát các bài ca ấy khắp nơi. Nghe các bài ca, Trúc Lâm đối với bà thật là một nơi xa xôi nào chưa từng biết. Bà hỏi các nghệ sĩ: - Các ngươi hát về khu rừng nào thế? - Tâu hoàng hậu, chúng con hát về rừng Trúc Lâm của lệnh bà đấy. Tức thì hoàng hậu muốn xem Trúc Lâm. Lúc ấy, đức Thế Tôn đang ngự trên tòa giảng pháp cho tứ chúng, biết bà đến bèn hóa phép cho một cô gái tuyệt đẹp cầm quạt đứng quạt hầu Phật. Hoàng hậu Khema bước vào Pháp đường, thấy cô gái bà nghĩ thầm: "Ta vẫn nghe nói đấng Đại Giác chê trách sắc đẹp thể chất. Mà đây lại có cô gái này đứng quạt hầu Ngài. Ta chẳng sánh được một góc sắc đẹp cô ấy. Quả thực ta chưa bao giờ thấy ai đẹp như vầy. Chắc chắn người ta nói về đức Thế Tôn không được đúng lắm". Hoàng hậu cứ dán mắt vào người đẹp, lời giảng pháp của đứa Thế Tôn chẳng lọt một tiếng vào tai bà. Phật biết bà đang chú tâm vào cô gái, liền biến người đẹp trẻ trung diễm lệ kia thành bà già lụ khụ, rồi cuối cùng chỉ còn là một túi da bọc xương. Thấy thế, hoàng hậu Khema suy nghĩ: "Chỉ trong phút chốc thôi, một hình hài tuyệt mỹ như thế đã đi đến chết chóc, hoại diệt. Quả nhiên hình hài vật chất này không thật chút nào!" Đức Thế Tôn đọc được tư tưởng bà, liền bảo: - Khema, bà nghĩ một cách sai lầm rằng sắc đẹp thể chất là có thật. Bà hãy xem cái không thật của nó kìa. Ngài nói kệ: Bà Khema có thấy Mớ duyên hợp kia không? Đầy bệnh hoạn thối ung Đồ bất tịnh dơ xấu Từng phút giây rỉ chảy Chỉ những kẻ ngu si Mới đắm say thứ ấy.

Nghe xong, hoàng hậu Khema đắc quả Dự-lưu. Đức Thế Tôn bảo bà: - Này Khema, chúng sanh trong thế gian này đắm say ái dục, bị lòng sân hận làm hư hỏng, bị ngu si đánh lừa, do đó dính chặt trong dòng sông tham ái, không thể vượt thoát ra nổi. Và Ngài nói kệ giảng pháp: (347) Người đắm say ái dục, Tự lao mình xuống dòng, Như nhện sa lưới dệt, Người trí cắt trừ nó, Bỏ mọi khổ, không màng. Khi bài pháp kết thúc, hoàng hậu Khema đắc quả A-la-hán. Hội chúng cũng được lợi lạc. Đức Phật bảo vua Tần-bà-sa-la: - Đại vương, bà Khema giờ hoặc phải xa rời thế tục, hoặc phải nhập Niết-bàn. Vua bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nhận bà ấy vào Tăng đoàn, khoan nhập Niết-bàn. Bà Khema xuất gia và trở thành một trong những Trưởng lão ni xuất sắc của Tăng đoàn đức Phật. * 6. Chàng Trai Có Cô Vợ Diễn Viên Nhào Lộn Bỏ quá, hiện, vị lai... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Uggasena. Thuở ấy tại thành Vương-xá, mỗi năm một hoặc hai lần, năm trăm diễn viên xiếc nhào lộn lại đến biểu diễn cho nhà vua xem suốt bảy ngày. Họ kiếm được nhiều tiền và vàng: quả thực, người ta tung quà thưởng tới tấp vào họ. Khán giả chồng chất giường ngủ lên nhau thật cao, trèo lên xem cho rõ những màn xiếc hấp dẫn. Hôm ấy, một nữ diễn viên leo lên cây cột cao, quay lộn một vòng rồi cô nhẹ nhàng đặt chân lấy thăng bằng trên đầu cột, cứ lơ lửng trên không như thế cô vừa khiêu vũ vừa hát. Trong đám khán giả có con trai quan chưởng khố cũng đứng trên đống giường với bạn chàng, xem cô biểu diễn. Tay chân cô cử động mềm mại duyên dáng quá làm chàng nhìn say sưa, và chàng yêu cô gái luôn. Tan hát về nhà chàng nói: "Nếu cưới được nàng ấy ta mới sống, còn không ta chết quách cho xong". Chàng gieo mình xuống giường, chẳng chịu ăn uống gì nữa. Bố mẹ chàng hỏi: - Con ơi, con bịnh làm sao? Chàng đáp:

- Nếu con cưới được con gái người hát xiếc con mới sống. Còn không, con sẽ chết thôi. Bố mẹ chàng khuyên: - Con ơi, đừng làm vậy. Cha mẹ sẽ cưới cho con một cô vợ khác mới là môn đăng hộ đối chứ. Chàng vẫn một mực nói câu ấy và nằm lỳ trên giường. Cha chàng kiên nhẫn giảng cho chàng hiểu, rốt cuộc cũng không làm cho chàng tỉnh trí được chút nào. Cuối cùng ông cho gọi người bạn của chàng đến đưa một ngàn tiền vàng và bảo: - Cậu hãy trao số tiền này cho người hát xiếc và bảo ông ấy đưa con gái về cho con trai ta. Người hát xiếc nói: - Tôi đâu bán con lấy tiền. Nếu cậu ấy không thể sống thiếu con gái tôi thì hãy để cậu ấy đi với bọn tôi. Chịu như vậy tôi mới gả con gái. Bố mẹ chàng cho chàng hay tin. Chàng liền bảo: - Tất nhiên,con sẽ đi với họ thôi. Bố mẹ chàng năn nỉ, khuyên lơn. Chàng chẳng màng đến những lời họ nói, bỏ theo đoàn hát xiếc. Chàng cưới cô gái diễn viên và cùng đoàn hát đi biểu diễn qua khắp làng mạc, thành thị, kinh đô. Chẳng bao lâu, cô vợ sanh một đứa con trai. Mỗi khi chơi đùa với con, cô gọi con là "con bác đánh xe" hoặc "con chú loong toong", hay "con gã chẳng biết gì ráo". Anh chồng quả cũng có đảm nhiệm việc chăm sóc cỗ xe gánh xiếc. Mỗi khi đoàn biểu diễn, chàng sửa soạn dụng cụ, dàn dựng lên hoặc dọn dẹp khi tan hát. Chính muốn ám chỉ các việc làm ấy mà vợ khi nựng con đã dùng những từ trên. Chàng đi đến kết luận là cô muốn nói bóng gió mình, bèn hỏi: - Nàng muốn ám chỉ ta ư? - Đúng thế, tôi nói anh đấy. - Đã vậy, ta sẽ bỏ nàng. - Anh đi hay ở đâu việc gì đến tôi. Cô vẫn dùng những từ ngữ ấy đùa với con. Sắc đẹp và số lợi tức khổng lồ cô kiếm được làm cô bất cần chồng. Chàng nghĩ: "Sao cô ta kiêu ngạo thế?" Ngay sau khi ấy chàng hiểu ra: "Chính vì

cô ta là một diễn viên tài năng". Chàng quyết định: "Được! Ta sẽ học làm xiếc". Chàng học tất cả các ngón biểu diễn với cha vợ. Chàng đi trình diễn khắp làng mạc, thành thị, kinh đô, hết chỗ này đến chỗ kia, cuối cùng lại trở về Vương-xá, chàng truyền rao khắp thành: "Bảy ngày nữa, Uggasena con trai ngài chưởng khố sẽ biểu diễn nghệ thuật cho dân thành Vương-xá xem". Dân chúng rộn rịp dựng khán đài thật cao, và đúng ngày thứ bảy, họ kéo nhau đến. Uggasena leo lên cây cột cao ba chục mét và đứng lơ lửng trên đầu sào.

Hôm ấy, từ sớm đức Thế Tôn quan sát thế gian và Uggasena xuất hiện trong tầm quán sát của Ngài. Thế Tôn tự nghĩ: "Người thanh niên ấy sẽ ra sao?". Ngay sau đó, Ngài biết được: "Con trai quan chưởng khố sẽ đứng lơ lửng trên đầu sào kia để biểu diễn màn xiếc của chàng và đông đảo khán giả sẽ tụ tập xem. Vào thời điển ấy ta sẽ đọc bài kệ bốn câu. Nghe xong tám vạn bốn ngàn người sẽ được Pháp nhãn thanh tịnh, còn Uggasena thì đắc quả A-la-hán". Ngày hôm sau, lựa đúng giờ thích hợp, đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo lên đường vào thành Vương-xá khất thực. Trước khi Phật đặt chân vào thành, tại chỗ biểu diễn, Uggasena đưa tay ra dấu chào trả tiếng vỗ tay của khán giả. Và giữ thăng bằng trên đầu cột, chàng bay lộn bảy vòng trong không, đặt chân trở lại trên đầu cột và đứng giữ thăng bằng ở đấy. Đúng lúc này, đức Thế Tôn vào thành, và do sự xếp đặt của Ngài, khán giả quay nhìn Ngài thay vì nhìn Uggasena biễn diễn. Thấy khán giả không còn quan tâm đến mình nữa, Uggasena vô cùng thất vọng. Chàng nghĩ: "Ta phải mất một năm mới luyện được màn biểu diễn này. Thế mà đức Thế Tôn vừa đặt chân đến thành, khán giả đã bỏ ta quay lại chiêm ngưỡng Ngài. Buổi biểu diễn của ta thế là hoàn toàn thất bại. "Phật đọc được tư tưởng của chàng liền bảo Trưởng lão Mục-kiền liên: - Ông hãy đến bảo con viên chưởng khố ta muốn xem chàng biểu diễn tài nghệ. Tôn giả đến bên cây cột nói với chàng diễn viên: Này, Uggasena Diễn viên xiếc tài ba! Hãy phô trương tài nghệ, Cống hiến dân thành ta. Uggasena nghe vậy vô cùng hoan hỉ: "Chắc đức Thế Tôn muốn xem tài năng của ta". Nghĩ vậy, chàng liền đáp, trong lúc vẫn đứng lơ lửng trên đầu cột: Hãy xem tôi, Mục-kiền-liên Tôn giả! Bậc đại trí, bậc đại thần thông! Tôi trổ tài cống hiến đám đông Và làm họ cười reo thỏa thích Từ trên đầu cột chàng tung mình lên không, quay lộn mười bốn vòng rồi đặt chân trở lại, giữ thăng bằng trên đầu cột. Đức Thế Tôn bảo: - Này Uggasena, người trí phải biết cởi bỏ buộc ràng của thân ngũ uẩn trong quá khứ, hiện tại và vị lại. Như vậy, người ấy mới thoát được sanh, già, bệnh, chết. Ngài nói kệ: (348) Bỏ quá, hiện, vị lai, Đến bờ kia cuộc đời, Ý giải thoát tất cả, Chớ vướng lại sanh già.

Phật nói xong, tám vạn bốn ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh, con trai quan chưởng khố đắc quả A-la-hán và được thần thông ngay khi chàng còn đứng lơ lửng đầu cột. Chàng tụt xuống, tiến tới trước đức Thế Tôn, năm vóc gieo xuống đất đảnh lễ Phật và xin được gia nhập Tăng đoàn. Phật đưa tay nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!" Chàng liền biến thành một vị Trưởng lão chừng sáu mươi tuổi, với đầy đủ tám vật dụng tùy thân. Các thầy Tỳ-kheo hỏi Trưởng lão: - Này huynh Uggasena, huynh leo từ cây cột ba chục thước xuống mà không sợ sao? Uggasena đáp: - Chư huynh đệ, tôi chẳng sợ chút nào. Chúng Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Uggasena nói "Tôi chẳng sợ chút nào" là nói điều không thật. Ông ấy phạm việc dối trá. Phật bảo: - Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như

Uggasena đã diệt trừ tham ái, không còn lo âu sợ hãi gì nữa. Ngài nói kệ: (397) Đoạn hết các kiết sử, Không còn gì lo sợ, Không đắm trước buộc ràng, Ta gọi Bà-la-môn Một hôm, chúng Tỳ-kheo bàn luận với nhau trong Pháp đường: "Chư huynh đệ, vì sao một vị Tỳ-kheo có khả năng chứng A-la-hán như vị này lại lưu lạc theo đoàn xiếc chỉ vì cô con gái của người hát xiệc? và làm thế nào ông ấy có khả năng chứng A-la-hán?" Đức Thế Tôn đến gần, hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập luận bàn gì thế? Khi nghe họ bạch, Phật bảo: - Này các Tỳ-kheo, hai việc này xảy ra trong cùng một trường hợp thôi. Để làm sáng tỏ câu chuyện, Phật kể: Chuyện quá khứ: A. Lời Nói Đùa Và Qủa Báo Thuở xa xưa, khi ngôi tháp bằng vàng thờ xá lợi Phật Ca-diếp đang được xây cất, con cái một số Phật tử thuần thành ở Ba-la-nại đến chỗ xây tháp công quả bằng cách đích thân bắt tay vào việc xây cất công trình ấy, và họ mang theo những cỗ xe chất đầy thực phẩm. Trên đường đi, họ gặp nột Trưởng lão đang đi vào thành khất thực. Trong những người đi công quả có một phụ nữ trẻ thấy Trưởng lão bèn nói với chồng cô: - Này anh, vị Trưởng lão tôn kính của chúng ta đang vào thành khất thực. Xe ta chứa vô số thực phẩm cả cứng lẫn mềm. Anh hãy đến đỡ bình bát của Ngài và cúng dường đi.

Người chồng đến đỡ bình bát Trưởng lão và họ múc đầy bát thức ăn vừa cứng vừa mềm. Xong hai vợ chồng phát nguyện: - Bạch Đại đức, chúng con nguyện được dự phần với Ngài chân lý mà Ngài đã sáng tỏ. Vị Trưởng lão đã đắc A-la-hán. Ngài quan sát xem thử đời vị lai lời nguyện họ được thành không. Khi biết lời nguyện sẽ thành, Ngài mỉm cười. Cô vợ nhìn thấy nụ cười ấy bảo chồng: - Anh à, vị Trưởng lảo tôn quý của chúng ta cười. Chắc Ngài cũng là diễn viên. Anh chồng đáp: - Ừ phải, chắc Ngài là diễn viên thật em ạ! Họ tiếp tục đi lo công việc của mình. Đây là nghiệp họ tạo trong quá khứ. (Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ) Khi mãn kiếp, hai vợ chồng được tái sinh lên cõi trời. Vào thời đức Phật hiện tại, người vợ thọ sanh trong nhà một diễn viên xiếc, người chồng thì làm con trai quan chưởng khố. Do chàng nói: "Ừ phải, chắc Ngài là diễn viên thật em ạ", kiếp này chàng phải phiêu bạt theo đoàn xiếc. Do chàng cúng dường một bữa ăn cho vị Trưởng lão A-la- hán, nên chàng đắc quả A-la-hán. Cô gái con người hát xiếc tự bảo: "Chồng ta chứng đắc quả vị gì thì ta cũng sẽ chứng đắc như chàng" Cô bèn xuất gia và cũng đắc quả A-la-hán. 7. Xạ Thủ Trẻ Tài Ba Người tà ý nhiếp phục... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kỳ viên, liên quan đến thầy Tỳ-kheo trẻ tên Culla dhanuggaha Pandita, có nghĩa là chàng xạ thủ tài ba. Một hôm, một thầy Tỳ-kheo trẻ đến lượt đi nhận thức ăn cúng dường, cầm bát cháo về đến trai đường thấy hết nước uống. Thầy vào nhà đàn việt xin. Trong nhà lại có côn gái trẻ vừa trông thấy thầy Tỳ-kheo liền đem lòng luyến ái, cô nói: - Bạch Đại Đức, khi nào cần nước uống, xin Ngài trở lại đây chớ đừng đi nơi khác. Từ đấy, mỗi khi không có nước uống, thầy chỉ đến nhà cô gái xin. Cô đích thân đỡ bình bát đổ đầy nước cho thầy. Dần dà, cô cúng dường cả cháo. Một hôm, cô đem ghế mời thầy ngồi và cúng dường cơm. Cô ngồi kề bên, gợi chuyện: - Bạch Đại Đức, nhà đây thật là cô quạnh. Chúng con suốt ngày chẳng có bóng người khách viếng thăm. Sau khi nghe cô trò chuyện vài lần, thầy Tỳ-kheo bắt đầu thấy chán đời tu. Bữa kia, có vài thầy Tỳ-kheo khác đến thăm thầy, hỏi: - Huynh sao trông vàng vọt thế? - Thưa chư huynh, tôi đang phiền muộn. Các thầy Tỳ-kheo bèn đem thầy đến gặp thầy tế độ và Giáo thọ của thầy. Hai vị lại đưa thầy đi gặp Phật và bạch lên sự

việc, Phật bảo:

- Này Tỳ-kheo, có đúng là ông đang phiền não? - Thưa đúng, Bạch Thế Tôn! Nghe thầy Tỳ-kheo trả lời, đức Thế Tôn nghiêm nghị trách: - Này Tỳ-kheo làm sao mà sau khi xuất gia được nhập vào Tăng đoàn của Như Lai đại hùng đại lực, thay vì khiến mọi người phải nói rằng ông đã đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, ông lại để họ nói rằng ông bị phiền não? Ông thật là có lỗi lớn. Rồi đức Thế Tôn hỏi tiếp: - Tại sao ông phiền não? - Bạch Thế Tôn, có cô nọ nói với con như vầy, như vầy. - Này Tỳ-kheo, cô ta làm như thế chẳng có gì lạ lùng. Trong khiếp trước cô ta đã bỏ rơi Dhanuggaha, người bắn cung giỏi nhất trên toàn cõi Ấn độ. Chỉ vì sự đam mê bồng bột nhất thời với một tướng cướp, cô đã sát hại chồng. Các thầy Tỳ-kheo xin Phật kể rõ câu chuyện. Ngài nói: Chuyện quá khứ: A. Xạ Thủ Trẻ Tài Ba Thuở xa xưa, có chàng trai tên Xạ Thủ Tài Ba, Culla Dhanuggaha. Chàng theo học bắn cung với một vị thầy rất danh tiếng ở Takkasilà. Chàng tiến bộ thật nhanh chóng khiến thấy hài lòng vô cùng, bèn gả con gái cho chàng. Cưới hỏi xong, chàng đưa vợ về Ba-la-nại. Đến một khu rừng, chàng giết được năm mươi tên cướp, chỉ dùng năm mươi mũi tên. Khi tên cạn, chàng túm lấy tên cầm đầu bọn cướp, quất xuống đất rồi kêu cô vợ: - Nàng ơi! Hãy đưa kiếm cho ta. Nhưng vừa thấy tên cướp, cô vợ bỗng đem lòng say mê, bèn trao kiếm cho hắn. Gã lập tức giết chàng xạ thủ rồi dẫn cô đi theo. Vừa đi gã vừa nghĩ: - Nếu cô ta thấy tên đàn ông khác cũng sẽ giết ta như đã giết chồng, ta giữ nàng phỏng có ích gì? Đến con sông, gã để cô ở lại bên này, mang hết đồ trang sức sang sông và nói: - Nàng ở lại đây, ta đem đồ qua trước đã. Rồi gã bỏ mặc cô đấy. Cô kêu: - Hỡi chàng Bà-la-môn! Chàng mang hết sang sông Đồ trang sức em đó Xin chàng mau trở lại, Đem em theo qua cùng. Tên tướng cướp đáp: - Cô nàng ơi! Cô dỗi người chồng bao năm kề vai sát cánh Để lấy ta, kẻ chưa hề quen. Cô đem anh chồng từng ngọt bùi chia xẻ,

Đổi một người cô chẳng biết ra sao. Cô ạ, cô sẽ lại bỏ ta theo kẻ khác Thôi chào cô, ta lo tránh xa đây. Để làm người đàn bà phải xấu hổ, Đế Thích liền hiện xuống mang theo người đánh xe và viên nhạc thần. Đế Thích hóa thành con chó rừng, người đánh xe đội lốt cá, còn nhạc thần làm con chim. Chó ngậm miếng thịt đứng trước người đàn bà. Con cá nhảy lên nhảy xuống dưới nước, chó phóng xuống chụp, đánh rơi miếng thịt, chim cắp thịt bay vù đi. Cá biến dạng xuống dòng sông. Chó mất cả chì lẫn chài. Người đàn bà phá ra cười. Chó hỏi: - Ai đứng bên bụi cây cười đó? Xin nói đi, vì sao người đẹp cười Đâu phải nơi vũ hội, hát ca Đây đâu phải lúc vỗ tay đánh nhịp Chính là lúc phải khóc, người đẹp ạ! Người đàn bà đáp: - Chó ngu ơi, trí khôn mày thật chỉ bé tẹo, Mày chỉ có nước khóc như tên ăn mày, Mày đánh mất cả cá lẫn thịt Chó đáp: - Chân mình thì lấm mê mê, Mà đi lấy đuốc để rê chân người, Cả tình nhân lẫn chồng, cô mất Chính cô mới nên khóc đấy ạ! Bấy giờ cô ta mới nói: - Đúng vậy, hỡi chó rừng, vua loài thú, Thôi từ đây ta ngoan ngoãn theo chồng. Chó đáp lại: - Ăn cắp trứng sẽ ăn cắp gà nữa Làm ác rồi, cô sẽ tiếp tục thôi. Đức Thế Tôn kể xong câu chuyện tiền thân về chàng Culla Dhanuggaha (có trong quyển năm bộ Nipàta, Ngài nói: - Kiếp ấy, ông là chàng xạ thủ trẻ, người đàn bà kia là cô gái cho ông uống nước đó. Vua Đế Thích chính là ta. Cô kia chỉ mới thấy tên cướp đã mê mệt, giết mất chàng trai tài giỏi nhất Ấn Độ. Này Tỳ-kheo, ông hãy nhổ hết gốc rễ lòng tham ái trong ông đối với người đàn bà này. Khuyên răn

thầy xong, Phật giảng pháp thêm cho thầy nghe, Ngài nói kệ: (349) Niệm xấu làm não loạn Dục lạc nhiều thường cầu Rèn thêm xiền tham ái

Dây ràng xiết càng sâu. (350) Ai vui, an tịnh ý, Quán bất tịnh, thường niệm Người ấy sẽ diệt ái, Cắt đứt ma trói buộc. 8. Ma Vương Chẳng Nhát Được La-Hầu-La Ai tới đích, không sợ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ma vương. Một hôm, nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo đến tịnh xá Kỳ Viên không phải thời. Các thầy vào thất Trưởng lão. La-hầu-la, đánh thức Tôn giả dậy. Thấy chẳng còn chỗ nào để ngủ, Tôn giả bèn đến nằm trước hương thất Phật. Vị Trưởng lão tôn kính này tuy mới tám tuổi nhưng đã đắc quả A-la-hán. Ma vương Vasavattì thấy vậy bèn nghĩ: "Con của Sa-môn đang nằm trước cửa hương thất, còn Sa-môn Cồ-đàm thì nghỉ ở trong. Nếu ngón tay người con bị kẹp đau, vị Sa-môn cũng sẽ thấy đau như mình bị kẹp vậy". Rồi hắn biến thành voi chúa khổng lồ tiến đến bên vị Trưởng lão, dùng vòi quấn đầu Tôn giả và gầm lên thật to. Trong hương thất, đức Thế Tôn thấy hết, bèn nói: - Này Ma vương, trăm ngàn kẻ như ngươi cũng không làm La-hầu-la sợ hãi được. Người này không còn kinh sợ vì đã diệt trừ tham ái, mạnh mẽ hùng tráng, đại trí đại huệ. Ngài nói kệ: (351) Ai tới đích, không sợ, Ly ái. không nhiễm ô, Nhổ mũi tên sanh tử, Thân này thân cuối cùng. (352) Ái lìa, không chấp thủ, Cú pháp khéo biện tài, Thấu suốt từ vô ngại, Hiểu thử lớp trước sau, Thân này thân cuối cùng, Vị như vậy được gọi, Bậc đại trí, đại nhân. Phật nói xong, rất nhiều người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Ma vương tự bảo: "Sa-môn Cồ-đàm thấy ta", hắn bèn biến mất. 9. Nhà Tu Khổ Hạnh Hoài Nghi Ta hàng phục tất cả... Đức Thế Tôn dạy những lời này kiên quan đến đạo sĩ khổ hạnh Ngài tình cờ gặp tên là Upaka, thuộc giáo phái Ajìvaka.

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, Phật lưu lại bảy tuần tại đó. Rồi Ngài mang y, cầm bát lên đường đi mười tám dặm về Ba-la-nại để chuyển bánh xe pháp. Trên đường đi, Ngài gặp đạo sĩ thuộc giáo phái khổ hạnh Ajìvaka. Đạo sĩ hỏi: - Huynh đệ, các căn Ngài thật tịch tịnh, da Ngài sáng đẹp quá. Ngài theo ai xuất gia? Ai là thầy Ngài? Ngài tu theo giáo lý của ai? Phật đáp: - Như Lai không có thầy tế độ, cũng không có giáo thọ. Ngài nói kệ: (353) Ta hàng phục tất cả, Ta rõ biết tất cả, Không bị nhiễm pháp nào, Ta từ bỏ tất cả, Ái diệt, tự giải thoát, Đã tự mình thắng trí, Ta gọi ai thầy Ta? Upaka chẳng lộ vẻ đồng ý hay bất bình trước những lời của Đức Như lai. Đạo sĩ chỉ lắc đầu, chép miện rồi rẽ vào đường tẻ, đi đến lều một thợ săn. 10. Pháp Thí Thắng Mọi Thí Pháp thí thắng mọi thí... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú ở Kỳ Viên, liên quan đến vua trời Đế Thích. Một hôm, chư thiên cõi trời Ba mươi ba tụ họp lại đưa ra bốn câu hỏi: - Vật gì bố thí cao quý nhất? - Vị ngon nào trên tất cả? - Hạnh phúc nào cao tột đỉnh? - Tại sao diệt trừ tham ái là việc làm tối hệ trọng? Chư thiên không ai trả lời được, vị này hỏi vị kia, vị kia hỏi vị nọ, cho đến lúc mỗi vị đã hỏi đủ các vị khác. Suốt mười hai năm, chư thiên đi khắp mười ngàn thế giới cũng không tìm ra được kẻ đáp được các câu hỏi trên. Cuối cùng, tất cả chư thiên mười ngàn thế giới họp lại và cùng nhau đến gặp Tứ thiên vương. Các Ngài hỏi: - Có việc gì mà chư vị tụ họp đông đảo thế này? Chư thiên đáp: - Chúng thần có bốn câu hỏi không ai trả lời được, nên kéo nhau đến hầu các đại vương. - Những câu hỏi gì thế? Nghe xong các câu hỏi, Tứ thiên vương đáp:

- Chư vị, chúng tôi cũng chịu thua. Có đức vua thường suy tư về các câu hỏi mà cả ngàn người khác cũng suy tư, và Ngài biết ngay câu trả lời. Phước đức trí tuệ Ngài hơn hẳn chúng tôi. Ta hãy đến hầu Ngài. Tứ thiên vương kéo đoàn chư thiên đông đảo kia đến gặp Đế Thích. Vua hỏi: - Chư vị có việc gì tụ họp đông đúc thế? Họ tâu lên Đế Thích mục đích cuộc viếng thăm. Vua nói: - Chư vị, không ai có thể trả lời, trừ đức Phật. Các vấn đề này nằm trong phạm vi hiểu biết của chư Phật. Hiện giời đức Thế Tôn đang ở đâu? - Thưa tại Kỳ Viên. - Ta hãy đến hầu đức Thế Tôn. Vua Đế Thích cùng đoàn chư thiên đông đảo đang đêm bay đến Kỳ Viên, hào quang sáng cả tinh xá. Vua đảnh lễ Phật rồi lui ra một bên. Phật hỏi: - Đại vương, có việc gì mà đại vương cùng đông đảo chư thiên đến viếng hôm nay? - Bạch Thế Tôn, các vị này nêu bốn câu hỏi không ai trả lời được, ngoại trừ Thế Tôn. Xin Ngài giảng giải cho chúng con rõ. - Đại vương, lành thay! Chính vì để dứt trừ nghi hối cho các chúng sanh như chư vị mà Như Lai hoàn thành mười ba-la-mật, hành năm pháp đại xả, và chứng quả Chánh giác. Về câu hỏi của đại vương ư? Pháp thí thắng mọi thí. Pháp vị thắng mọi vị, pháp hỉ thắng mọi hỉ. Có diệt trừ tham ái mới đắc quả A-la-hán, cho nên đó là việc làm tối hệ trọng. Ngài nói kệ: (354) Pháp thí, thắng mọi thí! Pháp vị, thắng mọi vị! Pháp hỉ, thắng mọi hỉ! Ái diệt, thắng mọi khổ. Chú Giải Trong Nguyên Bản: Pháp thí thắng mọi thí: dù cúng dường pháp y đúng màu đài hoa chuối cho tất cả các vị Phật, Các vị Bích Chi Phật, các vị A-la-hán nhiều đến nỗi họp lại thành một hàng dọc nối từ dưới đất lên đến cõi trời Phạm thiên cũng không bằng đọc một bài kệ hồi hướng công đức ở giữa hồi chứng. Bởi vì công đức cúng dường y này không bằng một phần mười sáu của việc đọc lên bài kệ. Do vậy mới biết tầm quan trọng của việc giảng pháp, đọc tụng pháp và nghe pháp. Kẻ nào giúp chúng sanh được nghe pháp sẽ nhận được phước báo lớn hơn phước báo cúng dường vật thực, cho dù người múc đầy bình bát tất cả các vị Phật, Bích Chi Phật, A-la-hán nói trên với những thức ăn thượng vị. Phước báo do cúng dường pháp cũng lớn hơn cúng dường các thứ thuốc men bổ dưỡng như bơ, sữa... cũng lớn hơn cùng dường nhà ở, cho dù người ấy xây dựng không kể xiết cả trăm ngàn tinh xá lớn như Maha Vihàra, những tinh xá tiện nghi như Loha Pàsadà. Phước báo ấy cũng lớn hơn cả phước báo ông Cấp Cô Độc và các vị khác được hưởng do công cúng dường kho báu xây dựng

các tinh xá. Bố thí pháp dù chỉ đọc lên một bài kệ hồi hướng bốn câu, được phước báo vô lượng vô biên nhiều hơn cacù thứ bố thí ấy. Tại sao thế? Tất cả những kẻ bố thí nó trên sở dĩ cúng dường do có nghe pháp. Nếu chưa được nghe, không bao giờ họ thực hiện những việc cúng dường ấy. Chúng sanh trong cõi Ta-bà này nếu không từng nghe pháp chẳng ai bố thí một vá cháo, hoặc chỉ một muỗng cơm. Vì lý do ấy, pháp thí thắng mọi thí. - Thực thế, trừ trường hợp ngoại lệ của chư Phật và các vị Bích Chi Phật, những vị như Tôn giả Xá-lợi phất và bạn bè Ngài dù có thần thông đếm được hết những giọt mưa của tất cả những trận mưa trong suốt một kiếp, cũng không thể tự mình đắc quả Tu-đà- hoàn và các quả vị khác mà phải nhờ đến bài pháp của Trưởng lão Ác bệ, của các vị khác. Và sau cùng, khi nghe pháp của đức Thế Tôn, tôn giả mới hành trì được các ba-la-mật Đại Vương, vì lý do ấy, pháp thí thắng mọi thí. Nói về các vị ngon, từ đường mật... cho đến sơn hào hải vị quý hiếm như thức ăn của chư thiên đều lôi cuốn người ham thích phải trôi lăn trong sanh tử luân hồi, cho nên nó là gốc khổ của chúng sanh.

Chỉ có hương vị của Giáo pháp, hiểu thấu ba mươi bảy phần trợ đạo đưa đến Chánh giác và chín bậc thiền định là thượng vị. Cho nên nói: Pháp vị thắng mọi vị. Những lạc thú của người đời như con cái, dục lạc, ca nhạc, hát múa... cũng chỉ lôi cuốn người ham thích trôi lăn trong sinh tử luân hồi, nó cũng là gốc khổ của chúng sanh. Nhưng pháp hỉ sanh trong tâm kẻ nói pháp, hoặc nghe pháp, khiến họ được hưởng trạng thái an lạc vô biên, khiến nước mắt phải chảy, tóc lông phải dựng ngược. Sự an lạc này lại chấm dứt sanh tử luân hồi, cứu cánh đạt đến quả vị A-la-hán. An lạc này mới là tối thắng? Cho nên nói: Pháp hỉ thắng mọi hỉ. Cuối cùng đến vấn đề tham ái. Khi tham ái diệt, hành giả chứng đắc A-la-hán. Do ái diệt nên dứt sạch hết đau sanh tử luân hồi, cho nên nói: Ái diệt thắng mọi khổ. Phật nói pháp xong, vua Đế Thích đảnh lễ Phật và nói: - Bạch Thế Tôn, nếu pháp thí tôn quý như vậy sao Ngài không dạy hồi hướng công đức ấy cho chúng con? Từ đây mỗi khi Thế Tôn nói pháp cho chúng hội Tỳ-kheo, cúi xin Ngài khiến họ hồi hướng công đức cho chúng con. Phật nghe lời thỉnh cầu ấy liền họp chúng Tỳ-kheo bảo: - Này các Tỳ-kheo từ đây trở đi mỗi khi có thuyết pháp, dù trong chúng hội lớn hay chỉ một buổi giảng pháp bình thường , hoặc một bài pháp vắn tắt, hoặc khi nói lời cảm tạ, các ông hãy nhờ hồi hướng lại công đức cho tất cả chúng sanh. 11. Quan Chưởng Khố Không Con Tài sản hại người ngu ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kỳ Viên, liên quan đến quan chưởng khố không con tên Aputtaka. Chuyện kể rằng khi quan chưởng khố chết, vua Ba-tư-nặc hỏi: - Người không con khi chết tài sản thuộc về ai?

- Muôn tâu, thuộc về bệ hạ. Vua cho chở tài sản người quá cố về cung suốt bảy ngày mới hết. Rồi vua đến hầu Phật, Phật hỏi: - Kìa Đại vương, do đâu giữa trưa đại vương đến dây? - Bạch Thế Tôn, tại thành Xá-vệ này có quan chưởng khố không con chết ngày hôm kia. Con vừa cho chở xong tài sản về cung rồi liền đến đây. Vua bạch tiếp: - Con nghe mỗi khi thức ăn thượng vị đựng trong dĩa vàng đem đến cho quan chưởng khố, ông ấy nói: "Người ta ăn thức ăn này à? Tại sao bọn ngươi dám đùa cợt với ta ngay tại nhà ta?" Nếu các người hầu đánh bạo dọn cho ổng ăn, ổn sẽ ném đất đá hoặc lấy gậy đánh đuổi họ đi. Ông chỉ ăn cháo cám hoặc cháo chua, nói rằng: "Người ta chỉ ăn những thức ăn này thôi". Người hầu đem đến những quần áo đẹp, xe cộ tốt, ô dù, đều bị ông đánh đuổi bằng đất đá, gậy gộc như trên. Ông chỉ mặc áo quần vải gai thô, đi cỗ xe cũ kỹ cọc sạch, đầu thì hái lá che. Phật bèn kể chuyện kiếp trước của quan chưởng khố: Chuyện quá khứ: A. Quan Chưởng Khố Bỏn Xẻn Đại vương, vào thời quá khứ, quan chưởng khố này đã cúng dường thức ăn cho một vị Bích Chi Phật tên Tagarasikhi. - Hãy đem thức ăn cho thầy Tỳ-kheo. Ông bảo vợ vậy, rồi đứng lên đi làm việc khác. Bà vợ mộ đạo nghe lời chồng, nghĩ thầm: "Thực lâu lắm ta mới nghe miệng ông ấy thốt ra chữ "đem cho". Hôm nay, niềm nở mơ ước được cúng dường của ta biến thành sự thật". Bà đỡ lấy bình bát của vị Bích Chi Phật, múc đầy những thức ăn ngon lành nhất. Quan chưởng khố quay lại, thấy vị Bích Chi Phật liền hỏi: - Thầy đã nhận thức ăn chưa? Ông cầm bát thầy và trông thấy các thức ăn thượng vị, bất giác tiếc rẻ nghĩ thầm: "Phải chi các thứ này để bọn người hầu ta ăn thì tốt hơn biết mấy! Chúng ăn xong sẽ làm việc tích cực. Còn thầy Tỳ-kheo chỉ ăn rồi nằm ngủ. Thực phẩm này cho đi thật chẳng được gì" Quan chưởng khố lại còn giết chết con trai độc nhất của anh mình để đoạt gia tài.

Người cháu thường nắm tay chú dẫn đi chỗ này, chỗ nọ, miệng liến thoắng: - Cỗ xe này thuộc tài sản cha cháu đấy! Bò này cũng là bò của người. Quan chưởng khố nghĩ: "Lúc này hắn còn nói thế. Hắn khôn lớn rồi còn có thể thấy được của cải hắn trong nhà này?". Một hôm, ông dắt cháu vô rừng, xiết cổ cho chết như người ta bẻ một củ cải vậy, rồi quăng xác vào bụi rậm. Đấy là tội ác của ông trong kiếp trước nữa. (Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ)

Đại vương, do quan chưởng khố kêu người vợ đem thức ăn cúng dường vị Bích Chi Phật, suốt bảy kiếp liền ông thọ phước lành rồi tái sanh trên cõi trời. Do dư báo của việc thiện ấy, suốt bảy kiếp ông giữ độc quyền chức chưởng khố thành Xá-vệ. Đại vương, trái lại do tiếc rẻ việc thiện mình đã làm và thốt lời báng bổ, khi quả báo đến ông không thể dùng thức ăn ngon, mặc đồ đẹp, đi xe tốt, không thể thưởng thức ngũ dục thế gian. Hơn thế, do giết cháu để đoạt gia tài, ông bị đọa địa ngục hàng trăm ngàn kiếp. Và do một phần của dư báo ác ấy, suốt bảy kiếp liền ông chết không con, tài sản bị tịch biên sung vào kho vua. Đây là kiếp thứ bảy của ông. Đại vương, do ông ta đã cạn phước báo mà không tạo nên phước mới, quan chưởng khố giờ bị dọa tại địa ngục Roruva. Phật kể xong, vua Ba-tư-nặc thưa: - Bạch Thế Tôn, quan chưởng khố này tội thật quá lớn. Gia tài đồ sộ thế kia hắn chẳng chi dùng cho hắn hoặc phát tâm cúng dường đức Thế Tôn, vị Phật đang trú tại tịnh xá gần sát ngay nhà hắn. Phật dạy: - Đúng vậy đại vương. Quả có thế, khi kẻ ngu được giàu sang họ chẳng tìm cầu Niết-bàn. Trái lại, của cải chỉ khiến tham ái nổi lên trong tâm họ làm khổ họ lâu dài thôi. Ngài nói kệ: (355) Tài sản hại người ngu, Không người tìm về bờ kia, Kẻ ngu vì tham giàu, Hại mình và hại người. 12. Bố Thí Nhiều Và Bố Thí Ít Cỏ làm hại ruộng vườn... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Yellowstone Rock, Pandukambala Silà, liên quan đến Ankura. Câu chuyện đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải câu kệ "Người chuyên tâm thiên định" truyện liên quan đến Indaka. Một hôm, Trưởng lão A-na-luật vào làng khất thực. Indaka cúng dường Tôn giả một muỗng thức ăn của phần mình. Đây là việc thiện ông làm trong đời trước. Còn Ankura thì cung cấp lò sưởi trên khắp năm mươi cây số suốt mười ngàn năm và bố thí cúng dường rất nhiều vật thực. Indaka được phước báo lớn hơn. Phật dạy: - Này Ankura, khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ giống như hạt giống gieo trên đất lành, đơm hoa kết trái sum suê. Nhưng ông đã không làm thế. Do đó, việc bố thí của ông chẳng đưa đến phước báo lớn. Để làm sáng tỏ vấn đề, Phật bảo: Bố thí nên suy xét, Mới gặt nên quả tốt. Bố thí có suy xét, Được người trí ngợi khen.

Vật thực dâng cúng trước
Người xứng đáng cúng dường,
Sẽ được vô lượng phước,
Như hạt giống đem gieo,
Trên mảnh đất lành tốt.
Ngài nói kệ tiếp:
(356) Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời.

Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.
(357) Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời.
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.
(358) Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời.
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.
(359) Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời.
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.
PHẨM XXV: TỲ KHEO 1. Giữ Gìn Ngũ Căn Lành thay phòng hộ mắt... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Kỳ Viên, liên quan đến năm thầy Tỳ-kheo. Khi Phật ở tại Kỳ Viên có năm thầy Tỳ-kheo, mỗi thầy tự điều phục một trong năm giác quan. Một hôm, các thầy gặp nhau bàn cãi. Thầy thì nói: - Chỉ có giác quan của tôi khó điều phục. Thầy khác cũng nói: - Chỉ có tôi là người tự chế ngự giác quan khó nhất. Rốt cuộc các thầy cùng nhau đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, mỗi người trong chúng con tự chế ngự một giác quan, và cứ tưởng giác quan mình chế ngự khó hơn hết. Hôm nay chúng con xin Ngài xác định người nào trong chúng con điều phục giác quan khó nhất. Đức Phật thận trọng tránh không cho biết thầy Tỳ-kheo nào kém hơn các huynh đệ mình. Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, tất cả các căn đều khó canh phòng. Nhưng không phải đây là lần đầu các ông thất bại trong việc canh phòng ngũ căn. Trong một kiếp quá khứ, các ông cũng thất bại trong việc kềm chế ngũ căn. Vì các ông không nghe lời khuyên của bậc thiện tri thức nên đã bị hại. Chuyện quá khứ: A. Thành Hoa Thị Theo lời yêu cầu của năm thầy Tỳ-kheo, đức Phật kể rằng trong một kiếp quá khứ, Ngài là vị lãnh đạo năm ông quan cận thần đi đến thành Hoa Thị để nhận ngôi báu, sau khi toàn thể hoàng tộc vua bị quỷ Dạ xoa hại sạch. Trên đường đi, bọn quỷ Dạ xoa quyến rũ họ bằng đủ mọi âm thanh, hình ảnh, mùi hương, thức ăn ngon và gái đẹp. Bồ tát lúc ấy khôn ngoan không để bị đắm trước và căn dặn năm ông quan chớ bị để quyến rũ. Nhưng họ đều bỏ rơi khí giới đầu hàng trước sức cám dỗ của Dạ xoa, và rốt cuộc bị ám hại. Chỉ riêng Ngài kềm chế được mình, không mềm lòng trước cạm bẫy, không màng đến con quỷ Dạ xoa với vẻ đẹp sắc nước hương trời đeo theo Ngài bén gót, và thẳng tiến an toàn đến thành Hoa Thị, trở thành một vị quốc vương. Khi nhận lễ đăng quang, ngồi trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng, nhìn lại vẻ uy nghiêm và sự vinh hiển của mình, Ngài tự mình: "Người ta nên sử dụng sức mạnh của ý chí mình". Ngài nói kệ: Kiên trì tuân phục Hiền Trí, Lòng can đảm chẳng lung lay, Khỏi bị Dạ xoa khống chế, Vì ta không sợ không lo. Qua cơn hiểm nguy gian khó,

Đến nơi ta được an toàn. Phật kết luận: "Năm ông quan thuở ấy là các ông, người đến được thành Hoa Thị an toàn và làm vua chính là Ta". Ngài nói thêm: - Một Tỳ-kheo cần phải canh phòng cẩn mật tất cả các căn, vì chủ thu hút căn mới thoát được khổ não. Ngài nói kệ: (360) Lành thay, phòng hộ mắt! Lành thay, phòng hộ tai! Lành thay, phòng hộ mũi! Lành thay, phòng hộ lưỡi! (361) Lành thay, phòng hộ thân! Lành thay, phòng hộ lời! Lành thay, phòng hộ ý! Lành thay, phòng tất cả! Tỳ- kheo phòng tất cả, Thoát được mọi khổ đau. 2. Thầy Tỳ Kheo Giết Ngỗng Người chế ngự tay chân... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo giết ngỗng. Thuở ấy, tại Xá-vệ có hai thanh niên xuất gia, cùng ở trong tăng đoàn và trở thành bạn thân, thường đi chung với nhau. Một ngày nọ, hai thầy ra bờ sông Aciravati tắm, và lên bờ đứng phơi nắng nói chuyện chơi. Lúc ấy có hai con ngỗng bay ngang. Thầy Tỳkheo trẻ bèn nhặt hòn đá cuội nói: - Tôi sẽ chọi trúng mắt một con ngỗng. Thầy Tỳ-kheo kia nói: - Huynh chọi không trúng đâu. - Rồi huynh coi, tôi sẽ chọi trúng cả hai mắt nó. - Huynh chẳng làm được. - Vậy thì huynh coi đây. Thầy thứ nhất lượm hòn đá ném theo con ngỗng. Nghe tiếng viên đá bay rít trên không trung, con ngỗng quay đầu lại nhìn. Thầy thứ hai nhặt tiếp hòn đá và ném ngay mắt con ngỗng. Hòn đá chọi nhằm mắt bên này, xuyên qua mắt bên kia của ngỗng. Nó kêu lên đau đớn, lộn nhào xuống đất và rơi dưới chân hai thầy Tỳ-kheo. Một số thầy Tỳ-kheo khác đứng gần đấy thấy vậy bèn nói: - Này các huynh, sau khi từ bỏ thế gian vào cửa Phật, các huynh đã làm việc không đúng khi sát hại sinh vật như thế.

Các Tỳ-kheo bèn đem hai thầy đến chỗ đức Phật. Phật hỏi thầy Tỳ-kheo giết ngỗng: - Có phải ông đã sát sanh? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật quở: - Này Tỳ-kheo, sao đã xuất gia từ bỏ gia đình theo Ta để cầu đạo giải thoát mà ông lại làm như thế? Người trí thời Phật chưa ra đời, dù sống ở thế gian, cũng còn e dè thận trọng từng việc nhỏ nhặt. Các ông đã xuất gia theo Phật, lại không lo dè dặt chút nào vậy. Rồi Ngài kể chuyện tiền thân. Chuyện quá khứ: A. Chuyện Tiền Thân Kuradhamma. Vào thuở lâu xa, dưới triều vua Dhananjaya của vương quốc Kuru, Ngài là thái tử con vua. Đến tuổi trưởng thành, thái học tử học nghề bắn tên tại thành Hoa Thị. Khi thành nghề, thái tử trở về vương quốc, được vua cha phong làm phó vương. Khi vua cha băng hà, thái tử lên nối ngôi. Nhà vua nghiêm trì năm giới cấm và tuân theo mười đức của một vị vua. Ngay cả những người trong hoàng cung như hoàng thái hậu, hoàng hậu, hoàng đệ, phó vương, thầy tử tế, quan cận thần, người đánh xe, quan chưởng khố, quan coi kho, người canh cổng và cả thứ phi nữa, mười một người đều giữ ngũ giới nghiêm túc. Lúc ấy, tại thành Dantapura của vương quốc Kalinga, trời hạn hán nhiều năm không một giọt mưa. Dân chúng ở vương quốc này biết nhà vua xứ Kuru có một thớt tượng tên Anjanasannibha thật đầy đủ ân đức. Họ tin rằng xin được Anjanasannibha về nước, chắc sẽ mưa. Vì thế, vua Kalinga cho gởi các vị Bà-la-môn sang Kuru để xin thớt tượng ấy. Họ sang yết kiến vua xứ Kuru và trình bày lời yêu cầu, xưng tụng đức hạnh của nhà vua. Nhưng dù có tượng Anjanasannibha, trong xứ kalinga vẫn không có mưa. Vua kalinga thầm nghĩ: Vua Kuru đã giữ năm giới nên trong nước thường được mưa. Vua bèn ra lệnh cho các thầy Bà-la-môn và các quan cận thần sang Kuru khắc năm giới cấm lên một dĩa vàng về nước. Khi những người này sang Kuru một lần nữa, cả triều đình từ vua trở xuống

đều tự do, chối rằng: - Chúng tôi không giữ được năm giới cấm toàn vẹn. - Các vị đã không làm điều gì xâm phạm đến năm giới cấm đâu. Họ năn nỉ mãi, cuối cùng nhà vua Kuru dạy họ năm giới. Khi mang về vương quốc Kalinga cũng tuân giữ thành kính năm điều cấm, và lập tức trời mưa. Trong nước lại thịnh vượng, ấm no. Đức Phật kết luận: "Lúc ấy thứ phi là Liên Hoa Sắc, người canh cổng là Punna, người giữ ngựa là Kaccàna, quan giữ kho là Kolita, quan chưởng khố là Xá-lợi-phất, người đánh xe là A-na-luật, thầy Bà-la-môn là Trưởng Lão Ca-diếp, hoàng đệ phó vương là Nan Đà, hoàng hậu là mẹ của La-hầu-la, hoàng thái hậu là bà Ma-da và vua Kuru là Ta".

Đức Phật nói tiếp: - Này các Tỳ-kheo, người trí thời xưa, dù một lỗi nhỏ họ cũng cảm thấy ái ngại. Còn các ông, đã xuất gia vào đạo của Phật đà lại chấp nhận một lỗi lơn là sát hại sanh vật. Một Tỳ-kheo phải hằng kiểm soát được tay chân, và ngôn ngữ của mình. Ngài nói kệ: (363) Người chế ngự tay chân, Chế ngự lời và đầu, Vui thích nội thiền định, Độc thân, biết vừa đủ, Thật xứng gọi Tỳ-kheo. 3. Thầy Tỳ Kheo Không Giữ Gìn Mồm Miệng Tỳ-kheo chế ngự miệng... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kỳ Viên, liên quan đến Kokàlika. Trong bài kinh Kokàlika, câu chuyện bắt đầu với dòng chữ: "Lúc bấy giờ thầy Tỳ-kheo Kokãlika đến gần đức Đạo Sư", ý nghĩa câu chuyện được giải thích trong tập chú giải liên quan đến bài kinh. Thuở Phật còn ở Kỳ Viên, có thầy Tỳ-kheo tên Kokàlika vì đã phỉ báng hai đại đệ tử Phật là Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên nên bị đọa địa ngục. Câu chuyện bắt đầu khi các vị Tỳ-kheo tụ họp ở Pháp đường, bàn tán: - Trời ơi! Thầy Tỳ-kheo Kokàlika bị trầm luân vĩnh kiếp vì đã không giữ gìn miệng mồm. Ngay khi thầy chửi rủa hai vị Tôn giả lãnh chúng, đã bị đất chôn xuống địa ngục. Lúc ấy đức Phật đến và hỏi: - Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì? Khi các thầy thuật lại, Phật bảo: Không phải lần đầu Kokàlika bị đọa vì không giữ gìn khẩu nghiệp. Trong quá khứ cũng đã xảy ra chuyện ấy. Các Tỳ-kheo muốn nghe Phật thuật lại câu chuyện. Phật kể: Chuyện quá khứ: A. Con Rùa Ham Nói Hồi xưa, có con rùa kia ở tại cái hồ nước trên vùng núi Hy Mã. Một ngày nọ có đôi ngỗng đi lang thang tìm thức ăn, gặp rùa ta và vài ngày sau chúng kết tình thân hữu. Có lần ngỗng khoe với rùa: - Bác ạ, chúng tôi ở trên ngọn Cittakuta, trong một động vàng. Thật là một nơi ở thích thú. Bác có muốn đi với chúng tôi không? - Làm sao tôi có thể đi đến đó? - Nếu bác chịu ngậm miệng trong lúc chúng tôi đưa đi, thì bác sẽ đến nơi. - Được rồi, tôi sẽ ngậm chắc miệng mồm. Hãy mang tôi đi với. - Tốt lắm.

Đôi ngỗng bảo bác rùa ngậm một cây gậy, và hai con tha hai đầu gậy, bay lên không trung. Vài đứa bé ở thôn xóm dưới đất thấy rùa bay qua với ngỗng, bèn la lên: - Bay ơi, ra xem hai con ngỗng mang con rùa trên cây gậy. Rùa nghĩ thầm: Tụi nhóc con du đãng này, bạn ta tha ta đi đâu thì có dính dánh gì tới tụi bây mà phải la lối! Ngay khi nó vừa mở miệng định nói ra ý nghĩ ấy, vì cặp ngỗng bay mau, nó liền rơi xuống đất và bể làm hai mảnh ngay trong sân của một hoàng cung ở Ba-la-nại. Rùa tự hại vì ham nói chuyện, Gậy ngậm rồi miệng vẫn thày lay, Rớt liền xuống đất tan thây, Người khôn ngoan thấy gương đây giữ mình. Lựa lời nói đúng lúc đúng chỗ, Xem gương rùa chịu khổ thiệt thân. Đức Phật kết luận: - Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo phải kiểm soát lời nói, sống lặng thinh, không tự kiêu và thoát khỏi phiền não. Phật nói kệ: (363) Tỳ-kheo chế ngự miệng, Vừa lời, không cống cao. Khi trình bày pháp nghĩa, Lời lẽ dịu ngọt ngào.

4. Bằng Sự Tinh Tấn Làm Vinh Dự Cho Phật Vị Tỳ-kheo thích pháp.... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Dhammarama. Khi đức Phật tuyên bố "Còn bốn tháng nữa, Ta sẽ vào Niết-bàn", hằng ngàn vị Tỳkheo bỏ hết thì giờ để hầu cận Ngài. Những vị chưa chứng Sơ quả thì khóc lóc, những vị chứng A-la-hán cũng cảm động sâu xa, tất cả đều tụ năm họp ba, bàn tán: "Chúng tan nên làm gì?" Riêng có một vị Tỳ-kheo tên Dhammarama (Trú Pháp Hỷ) thì không như vậy. Thầy tự nghĩ: "Đức Thế Tôn đã tuyên bố bốn tháng nữa nhập Niết-bàn, mà ta chưa thoát khỏi ràng buộc của tham ái. Ngày nào Ngài còn tại thế, ta sẽ cố gắng chứng A-la-hán". Và thầy tự sống một mình, tư duy, quán tưởng, ôn lại những lời dạy của Phật, chẳng màng trả lời những câu hỏi tò mò của các Tỳ-kheo khác, mà cũng chẳng lui tới hầu hạ Phật. Các Tỳ-kheo mách đức Như Lai:

- Bạch Thế Tôn, thầy Dhammarama không có lòng thương kính Thế Tôn. Khi nghe chúng con báo tin "Phật sắp nhập Niết-bàn, chúng ta sẽ làm gì?", thầy chẳng nói, chẳng hoạt động chung với chúng con. Đức Phật gọi Tỳ-kheo Dhammarama đến hỏi. Thầy thưa thật ý định của mình muốn cố gắng chứng quả A-la-hán. Nghe xong, Phật ngợi khen thầy: - Lành thay! Lành thay! Và Ngài bảo các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, mỗi vị nên bày tỏ sự kính mến Ta như Dhammarama đã làm. Chẳng phải dùng hương hoa, hoặc những thứ cúng dường mà tôn kính ta. Chỉ cò người thực hành theo giáo lý mới thật sự tôn kính Ta. Ngài nói kệ: (364) Vị Tỳ-kheo thích pháp, Mến pháp, suy tư pháp, Tâm tư niệm chánh pháp, Không rời bỏ chánh pháp. Nghe xong, thầy Trú Pháp Hỷ liền chứng quả A-la-hán, hội chúng cũng được lợi lạc. 5. Thầy Tỳ Kheo Lạc Bầy Không khinh điều mình được ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo lạc bầy. Khi đức Phật ở tại Trúc Lâm, có một thầy Tỳ-kheo kết bạn thân với một thầy Tỳkheo ly khai Tăng đoàn, thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa. Một ngày kia, đi khất thực về, gặp thầy Tỳ-kheo bạn, thầy nọ hỏi thăm: - Huynh đi đâu thế? - Tôi đi thất thực về. - Có được ai cúng dường không? - Có. - Nơi chỗ tôi ở, có nhiều vật thực và tặng phẩm giá trị, Hãy đến chỗ tôi vài hôm. Thầy Tỳ-kheo nhận lời, lưu lại nhóm của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, và sau đó trở về với Tăng đoàn. Các vị Tỳ-kheo trong Tăng đoàn đến mách Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo kia đã thọ lãnh vật thực, tặng phẩm của nhóm Đềbà-đạt-đa, thầy ấy đã theo Đề-bà-đạt-đa rồi: Đức Phật cho gọi ông thầy nọ đến và hỏi: - Có phải họ mách thầy như vậy là đúng? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con ở trong nhóm Tỳ-kheo của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, nhưng con không hợp với quan điểm của Đề-bà-đạt-đa.

- Ta thừa nhận rằng ông không theo tà kiến, nhưng ông không có lập trường nhất định nên hay bị lung lạc bởi ý kiến người khác. Trong thuở quá khứ ông cũng đã làm như vậy. Theo lời các vị Tỳ-kheo yêu cầu, Phật bèn kể chuyện con Voi Damsel-face: Voi Damsel-face rất ngoan, nhưng khi đi đường nghe một nhóm trộm cướp du đãng nói chuyện thô lỗ với nhau, nó cũng đâm ra hung hăng, bất trị và chạy bậy, giết người. Rồi sau đo, nghe các vị Bà-la-môn luận đạo, nó trở lại ngoan ngoãn. Voi Damsel- face thuở ấy là thầy Tỳ-kheo dễ tin hôm nay. Đức Phật kết luận: - Là một Tỳ-kheo, nên hài lòng với những gì mình nhận được, và không ham muốn những gì người khác có. Nếu ham muốn như vậy chẳng bao giờ đắc Thiền định, Trí tuệ, hoặc Thánh quả. Nếu hài lòng với

những gì đang có, ông sẽ có tất cả. Ngài nói kệ: (365) Không khinh điều mình được, Không ganh người khác được, Tỳ-kheo ganh tỵ người Không sao chứng thiền định. (366) Tỳ-kheo dầu được ít, Không khinh điều mình được, Sống thanh tịnh không nhác, Chư thiên khen vị này. 6. Người Bà La Môn Cúng Dường Năm Lần Thành Quả Đầu Tiên Hoàn toàn, đối danh sắc ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến người Bà-la-môn cúng dường năm lần thành quả đầu tiên. Khi Phật ở Kỳ Viên, có một người Bà-la-môn làm ruộng. Lúc lúa chín, ông cúng dường những bông lúa cắt đầu tiên ngoài đồng. Lúa đem về đập, ông cúng dường những hạt lúa đập xong trước tiên. Khi cất lúa vào bồ, ông lại cúng dường phần lúa đổ trong bồ đầu tiên. Khi dược nấu thành cơm, ông cúng dường bát cơm đầ tiên bới trong nồi. Khi dọn ra dĩa, ông lại cúng dường những hạt cơm đầu tiên múc ra dĩa. Cúng dường năm lần như vậy cho người nào hiện diện lúc ấy, ông không hề nếm một miếng cho đến lúc cúng xong, do đó được gọi là"người cúng năm ần thành quả đầu tiên". Đức Phật quan sát căn cơ biết hai vợ chồng ông có thể chứng A-na-hàm bèn đi đến nhà ông khất thực. Lúc ấy, ông Bà-la-môn ngồi ăn cơm trong nhà, xây lưng ra ngoài cửa, do đó không thấy đức Thế Tôn. Bà vợ ông ta đang dọn ăn cho chồng, thấy đức Phật bèn nghĩ thầm: - Chồng ta sau khi cúng dường năm lần, bây giờ đang ăn cơm. Nếu thấy Sa-môn Cồ-đàm, ông sẽ cúng hết phần cơm của mình, mà ta thì không thể nấu cơm cho ông được nữa.

Nghĩ vậy bà bèn đứng sau lưng chồng, muốn che hình ảnh đức Phật không cho chồng thấy, tưởng như lấy tay che được mặt trăng tròn. Bà đứng vậy rồi liếc mắt trông chừng Thế Tôn, tự nói thầm: "Ông đã đi hay chưa?" Đức Thế Tôn vẫn đứng yên một chỗ. Bà vợ ráng không thốt thành tiếng: "Ông đi đi chứ", sợ chồng mình nghe được. Nhưng một lát sau, bà bước lui và nói thật khẽ: "Ông đi đi". - Ta không đi. Đức Phật khởi nghĩ như thế và lắc đầu. Khi đức Phật, bậc Đạo sư của trời người, nghĩ thầm: "Ta không đi" và lắc đầu, bà vợ ông Bà-la-môn không nén nổi, bật cười lớn. Đức Phật liền phóng một đạo hào quang, hiện hình Ngài trong nhà. Người Bà-la-môn đang ngồi quay lưng về phía Phật, vừa nghe tiếng cười của vợ, thì cũng thấy cả đạo hào quang sáu sắc và hình ảnh Phật. Bởi vì chư Phật, dù ở làng mạc hay rừng sâu, không bao giờ đi khỏi khi chưa hiện thân trước những người có cơ duyên đắc đạo. Người Bà-la-môn trông thấy Phật rồi, ông lật đật rầy vợ: - Bà này hại tôi! Khi Thái tử đứng trước nhà ta, sao bà không báo trước cho tôi biết? Bà có lỗi lớn đa nghe! Và ông mang đĩa cơm đang ăn dở, đem ra trước Phật nói: - Thưa Sa-môn Cù-đàm, sau khi cúng dường năm thành quả đầu tiên, tôi dùng bữa trưa. Đây là phần cơm của tôi, tôi chia làm hai, và ăn một nửa, Ngài có thể nhận phần cơm này không? Thay vì trả lời: - Ta không nhận cơm ông ăn dư. Đức Phật nói: - Này Bà-la-môn, dù là phần còn lại hay đầu tiên cũng được, chúng ta cũng giống như quỷ thần, sống bằng những thức ăn bố thí. Ngài nói kệ: Dù phần đầu, phần giữa, phần dư, Người khất thực đều vui lòng nhận, Không phiền hà, trách móc dư thừa, Người khôn ấy chính bậc chánh trí. Ông Bà-la-môn nghe Phật nói như vậy trong lòng rất vui mừng, liền xưng tụng: - Thái tử thật kỳ diệu, Ngài ở địa vị vua của thế gian, thay vì nói "Ta không ăn cơm thừa của ông", lại nói như trên. Và vẫn đứng ở cửa, ông hỏi tiếp: - Thưa Ngài, Ngài gọi các đệ tử là "Tỳ-kheo". Vậy những điều gì làm nên một Tỳ- kheo? Đức Phật nghĩ thầm: "Ta sẽ giảng cho người này bằng cách nào đây để được lợi ích nhất?

Vào thời Phật Ca-diếp, Ngài giảng cho hai ông bà này nghe về Thân và Tâm, nay ta cũng sẽ giảng cho ông như vậy". Ngài bảo:

- Này Bà-la-môn, một vị Tỳ-kheo là người không bị ràng buộc, cột trói bởi những gì thuộc về Danh (Tâm) hay Sắc (Thân). Ngài nói kệ: (367) Hoàn toàn, đối danh sắc, Không chấp ta, của ta, Không chấp, không sầu não, Thật xứng danh Tỳ-kheo. 7. Đảng Cướp Đi Tu Tỳ-kheo trú từ bi ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một nhóm lớn Tỳ-kheo. Khi Thượng tọa Kaccana ở trên một ngọn núi gần thành phố Kuraraghara trong nước Avanti, có một Phật tử tên Sona Kutikanna sau khi thấm nhuần chân lý do Ngài giảng dạy, bèn xin xuất gia. Ngài hai lần từ chối. - Sona, thật là một điều khó khăn khi sống đời tịnh hạnh, phải cư trú đơn độc, ẩm thực đơn độc. Nhưng Sona quyết chí xuất gia nên xin đến lần thứ ba, và được phép gia nhập Tăng đoàn. Vì chư Tăng ở miền nam rất hiếm, thầy ở lại đó ba năm làm tròn bổn phận của một tăng sĩ. Và sau đó thầy xin phép sư phụ lên đường về Kỳ Viên, với ước mong được gặp đức Thế Tôn. Được sư phụ cho phép và kèm theo lời dặn dò, thầy đến Kỳ Viên, đảnh lễ Phật, được đức Phật đón tiếp thân mật và cho phép vào hương thất của Ngài một mình. Thầy Sona đi kinh hành ngoài trời hầu như suốt đêm, gần sáng mới vào hương thất nằm nghỉ một chút. Khi bình minh đến, đức Phật bảo thầy hãy tụng bài kinh "Mười sáu đoạn". Thầy đọc xong, đức Phật cám ơn và ngợi khen "Hay thay! Hay thay!" Chư thiên, trời, rồng, Dạ xoa cho tới cõi trời Phạm thiên đều ca ngợi thầy vang rền. Lúc ấy, tại nhà mẹ thầy ở Avanti cách đấy một trăm hai mươi dặm, vị thần cư ngụ trong nhà cũng ngợi khen nhiệt liệt. Bà mẹ thầy hỏi: - Ai đang ca tụng vậy? - Dạ tôi đây, thưa chị. - Ông là ai? - Tôi là vị thần cư ngụ tại nhà chị đây. - Từ trước tôi chẳng được nghe ông ca ngợi, sao hôm nay ông làm thế? - Không phải tôi ca ngợi bà chị đâu? - Vậy ông ca ngợi ai? - Trưởng lão Kutikanna Sona, con trai chị đấy. - Con tôi đã làm được gì?

- Hôm nay Tôn giả ở trong hương thất đức Như Lai, tụng kinh cho Ngài, và được Ngài hài lòng ngợi khen, do đó tôi cũng ngợi khen. Chư thiên các tầng trời từ cõi Ta-bà đến cõi Phạm thiên nghe lời ngợi khen của đức Tối Thắng, cũng ca ngợi Tôn giả. - Này, có thật ông nói rằng con tôi đọc kinh cho đức Thế Tôn? Hay đức Thế Tôn đọc cho con tôi nghe? - Con chị đọc cho đức Thế Tôn nghe đó chứ. Vị thần nói thế làm bà cảm thấy thâm tâm hoan hỷ, nghĩ thầm: - Nếu con ta đã đọc kinh cho đức Thế Tôn tại hương thất của Ngài, chắc cũng sẽ đọc kinh cho ta nghe được. Khi nào con ta trở về, ta sẽ yêu cầu được nghe giáo lý. Khi được đức Thế Tôn khen ngợi, Trưởng lão Sona nghĩ thầm, "Đây chính là lúc mình bạch lên đức Phật lời thầy mình đã đặn dò". Tôn giả bèn thỉnh cầu đức Phật ban cho năm ân huệ, điều đầu tiên là xin gia nhập nhóm năm thầy Tỳ-kheo đang ẩn cư trong rừng, trong nhóm này có một thầy rành thông Luật tạng. Tôn giả lưu lại bên đức Thế Tôn ít ngày nữa rồi bái biệt, rời Kỳ Viên trở về với thầy Tế độ. Ngày hôm sau, Tôn giả theo thầy đi khất thực, đến trước cửa nhà thân mẫu. Thấy con, bà hết sức vui mừng, hỏi han, săn sóc chu đáo, và nói: - Này con, nghe đâu con được vào hương thất đức Thế Tôn một mình và đọc kinh cho Ngài nghe phải không? - Thưa tín nữ, ai nói việc ấy? - Con à, vị thần cư ngụ tại nhà ta lớn tiếng khen ngợi, mẹ bèn hỏi "Ai khen ngợi đó". Thần trả lời "Tôi đây", rồi thần bảo mẹ như vầy như vầy. Sau khi nghe thần nói, mẹ nghĩ: "Nếu con ta đã đọc kinh cho đức Thế Tôn thì nó sẽ đọc cho ta nghe

được". Con à, con đã đọc kinh cho đức Thế Tôn thì con đọc cho mẹ nghe được chứ! Vào ngày ấy tháng ấy mẹ sẽ chuẩn bị mọi thứ để nghe con thuyết giảng pháp nhé! Thầy nhận lời. Sau đó bà cúng dường chư Tăng trọng thể, cho xây cất một Pháp đường rộng lớn, đem tất cả gia quyến đi nghe Tôn giả Sona thuyết pháp, chỉ chừa lại một người tớ gái trông nhà. Lúc ấy, một đảng cướp chín trăm tên luôn luôn tìm cách lẻn vào nhà bà. Nhưng thật khó mà vào được vì toàn thể ngôi nhà có bảy lớp tường bao bọc, mỗi cửa thảy đều có chó dữ canh chừng. Những đường mương dẫn nước đều đổ đầy chì. Ban ngày chúng nóng chảy thành chất nước sền sệt, ban đêm thì đông cứng lại. Gần các mương ấy người ta đóng từng hàng cọc sắt kiên cố. Do đó trộm cướp khó có thể vào nhà. Nhưng vào ngày đặc biệt đó, biết rằng bà đi nghe giảng pháp, chúng đào một địa đạo xuyên qua đường mương bằng chì và hàng cọc sắt, vào tận trong nhà. Chúng để tên đầu đảng canh chừng nữ chủ, bàn bạc rằng nếu thấy bà chủ trở về khi biết có cướp vào nhà thì tên đầu đảng phải giết bà lập tức. Hắn bèn đi đến nhà giảng pháp, đứng kế bên bà chủ nhà. Còn bọn cướp vào nhà được rồi thắp đèn sáng lên và mở cưa kho tiền đồng. Người tớ gái trông thấy chúng bèn chạy tìm nữ chủ báo tin:

- Thưa phu nhân, bọn cướp vào nhà và đang mở kho tiền đồng. - Thây kệ chúng! Muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Ta đang nghe thuyết pháp, đừng làm rộn ta. Hãy về đi. Khi bọn cướp hốt sạch kho tiền đồng, chúng bèn ăn sang kho tiền bạc. Cô tớ gái lại chạy báo tin cho chủ nhân. Bà cũng trả lời như trên và tiếp tục nghe giảng pháp. Bọn cướp lại hốt hết kho tiền bạc, sang mở kho tiền vàng. Cô tới gái nóng ruột chạy đến báo tin lần thứ ba, bà cũng nói: - Con đã làm rộn ta hai lần rồi. Ta đã bảo cứ để bọn cướp mang đi những gì chúng muốn, ta đang nghe pháp, đừng làm ồn, vậy mà con không nghe. Nếu còn nói nữa ta sẽ phạt con đích đáng đó. Hãy về nhà đi! Tên đầu đảng nãy giờ ở cạnh bà canh chừng, nghe thấy vậy bèn nghĩ thầm: "Nếu chúng ta lấy tài sản của một người như bà này, trời Đế Thích sẽ đánh vỡ đầu chúng ta". Hắn trở về ra lệnh cho đồng bọn trả tất cả tài sản cho bà. Bọn cướp lại để tiền đồng, tiền bạc, tiền vàng đầy vào kho như cũ. Người ta nói rằng kẻ nào sống chân thật thì được chính sự chân thật ấy bảo vệ, thật chí lý thay! Bậc Tối Thắng từng nói: Chân thật che chở người ngay, Người chân thật sống ngày ngày đều vui. Người ngay sẽ được lợi thôi, Khổ đau phiền não chẳng lôi bao giờ. Bọn cướp kéo đến giảng đường nghe pháp. Đến sáng, Tôn giả mới chấm dứt thời thuyết pháp và bước xuống tòa. Lúc đó, tên đầu đảng quỳ dưới chân bà Phật tử mẹ Tôn giả: - Xin phu nhân tha thứ cho tôi. - Chuyện gì vậy, đạo hữu? - Tôi ghét bà, và đứng gần với ý định sẽ giết bà. - Không sao. Tôi tha thứ cho anh. Tất cả bọn cướp cũng đều đến bày tỏ sự ăn năn, bà đều tha thứ hết. Họ thưa: - Thưa phu nhân, xin bà cho chúng tôi được vào Tăng đoàn của vị giảng sư con trai bà. Bà bèn đến bảo vị giảng sư: - Này con, những vị hảo hán đây cảm động vì lòng tử tế của mẹ và bài thuyết giảng của con, muốn gia nhập Tăng đoàn. Con hãy độ họ. - Rất tốt. Vị giảng sư cho cắt hết những chiếc váy chúng mặc lót bên trong, còn áo ngoài thì cho nhuộm màu vàng đất, rồi truyền giới cho chúng. Khi bọn họ đã hoàn tất nhiệm vụ của một Tăng sĩ giáo đoàn, thầy cho mỗi người một đề mục thiền quán. Chín trăm thầy Sa-môn nhận chín trăm đề mục, lên trên một ngọn núi và mỗi người ngồi dưới một cội cây thiền định.

Lúc ấy, đức Thế Tôn ở tại giảng đường Kỳ Viên, cách đó một trăm hai mươi dặm, quán sát các thầy để chọn bài pháp thích hợp căn cơ. Ngài hiện đến trước các thầy, nói kệ:

(368) Tỳ-kheo trú từ bi,
Tín thành giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Cách hạnh an tịnh lạc.

(369) Tỳ-kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-bàn.

(370) Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tu tập năm tối thượng,
Tỳ-kheo vượt năm ái,
Xứng danh "vượt bộc lưu".

(371) Tỳ-kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ!

(372) Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền, có tuệ,
Nhất định gần Niết-bàn.

(373) Bước vào ngôi nhà trống,
Tỳ-kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo chánh pháp.

(374) Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc Bất tử biết.

(375) Đây Tỳ-kheo có trí,
Tu tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Gìn giữ căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

(376) Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,

Do vậy hưởng vui nhiều, Sẽ dứt mọi khổ đau. 8. Cỏ Úa, Hoa Phai Như hoa Vassikà ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm vị Tỳ-kheo. Chuyện kể rằng, các thầy Tỳ-kheo này sau khi khi được đức Thế Tôn cho đề mục thiền định rồi, liền lui vào rừng sâu và bắt đầu hành thiền. Đang ngồi thiền, các thầy trông thấy những bông lài mới nở tươi tắn chỉ sáng nay thôi, chiều đã úa tàn rũ cánh gục đầu. Các thầy tự nghĩ: "Chúng ta phải diệt trừ được thâm sân si trước khi những đóa hoa lìa cành". Và các thầy càng nỗ lực chuyên chú vào việc hành thiền, như vừa được tiếp thêm sức mạnh mới. Đức Thế Tôn quán sát các thầy Tỳ-kheo ấy và dạy rằng: - Này các Tỳ-kheo, cũng như đóa hoa kia thoát khỏi cành, một vị Tỳ-kheo cần phải gắng sức thoát khỏi mối khổ sanh tử. Vẫn ở tại hương thất, Ngài phóng một đạo hào quang và nói kệ cho các thầy Tỳ- kheo: (377) Như hoa Vassikà, Quăng bỏ cánh úa tàn, Cũng vậy vị Tỳ-kheo, Hãy giải thoát tham sân. Nghe xong, tất cả năm trăm thầy Tỳ-kheo đều đắc quả A-la-hán. 9. Vị Sa Môn Nhàn Tịnh Thân tịnh, lời an tịnh ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Santakaya. Tỳ-kheo Santakaya là một vị Sa-môn không bao giời mắc lỗi khiếm nhã trong cách đi đứng và mọi oai nghi cử chỉ. Thầy không bao giờ ngáp lớn hoặc dang tay đưa chân thô tháo, luôn luôn có vẻ điềm tĩnh, trang nhã. Chuyện kể rằng thầy vốn được sanh ra từ bụng một con sư tử. Loài sư tử mỗi khi kiếm được mồi, chúng thường vào trong những động vàng bạc châu báu, mã não và nằm ở đấy bảy ngày trên một lớp bột vàng trộn với bột hoàng thạch. Ngày thứ bảy, khi trỗi dậy, chúng quan sát chỗ nằm, nếu thấy có dấu vết di chuyển của đuôi, tai, hoặc bốn chân làm bụi bột tung tóe, chúng liền tự bảo: "Thế này là chưa xứng với dòng dõi của mình". Và ở lại nhịn đói thêm bảy ngày nữa, giữ gìn cẩn thận hơn. Cho đến khi không thấy bụi bột dấy lên, chúng tự nói "Đây mới xứng với dòng dõi của ta". Chúng mới rời ổ, ngáp và duỗi tay chân, quan sát tứ phía, rống lên ba tiếng và đi tìm mồi. Được sanh từ bụng một con sư tử như thế nên thầy luôn có vẻ điềm tĩnh. Tư cách trang nhã của thầy khiến các thầy khác chú ý và đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con không hề thấy Sa-môn nào như thầy Santakaya. Khi thầy đi đứng, không bao giờ thầy lúc lắc tay chân, không hề ngáp và quơ tay, đá giò.... Đức Phật bảo: - Này các Tỳ-kheo, một vị Sa-môn nên như Trưởng lão Santakaya, an tịnh trong khi đi đứng, trong lời nói, tư tưởng. Ngài nói kệ: (378) Thân tịnh, lời an tịnh, An tịnh, khéo thiền tịnh, Tỳ-kheo bỏ thế vật, Xứng danh "bậc tịch tịnh". 10. Vị Sa Môn Và Chiếc Khố Rách Tự mình chỉ trích mình ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Nangalakula. Thuở ấy, có một người nghèo khổ chuyên đi làm thuê. Một ngày kia có vị Sa-môn thấy anh đang đi trên đường, trên người chỉ đóng chiếc khố rách, vai vác cái cày. Vị Sa- môn hỏi: - Nếu anh chỉ kiếm sống bằng cách ấy, sao không đi tu cho khỏe? - Bạch Ngài, ai mà chịu cho con, một người làm thuê đi tu? - Nếu anh muốn, ta sẽ độ cho. - Thật là tốt phước cho con. Nếu Ngài độ con xuất gia, con xin làm Sa-môn. Vị Sa-môn đem người cày thuê về tinh xá Kỳ Hoàn tự tay tắm rửa cho y. Vị Sa- môn bảo chú Sa-di mới hãy treo chiếc khố rách với cái cày trên một nhánh cây gần tịnh thất. Từ đó thầy có tên là Nangalakula, Tôn giả "Thợ Cày". Sau một thời gian sống trong tu viện, với những thực phẩm cúng dường sung túc, Tôn giả

"Thợ Cày" trở nên bất mãn. Không chống chọi nổi sự dày vò, thầy nhủ thầm: "Ta không muốn đắp chiếc y vàng do đàn việt cúng nữa". Thầy đến dưới gốc cây, và tự sỉ nhục mình: "Mi thật xấu xa, không thành tâm chút nào. Bộ mi muốn mặc chiếc khố rách này, trở về thế tục để làm thuê hay sao?" Sau khi tự cảnh tỉnh mình, thầy lại trở về tu viện, hăng hái tu hành. Vài hôm sau, cơn bất bình lại kéo đến. Thầy cũng ra gốc cây nhìn chiếc khố rách và tự khiển trách như trước. Cứ thế, mỗi khi buồn bực, thầy đến gốc cây để lại lấy ý chí. Các vị Sa-môn để ý thầy thường lui tới gốc cây, bèn hỏi: - Này huynh Thợ Cày, huynh đến đó làm gì thế? - Thưa chư vị, tôi đến viếng vị giáo thọ của tôi. Vài hôm sau, thầy chứng A-la-hán. Các vị Sa-môn thấy thầy không đến gốc cây bèn hỏi đùa: - Này huynh, lâu nay không thấy huynh lui tới đường này, chắc huynh không đến vị giáo thọ nữa?

- Thưa vâng, khi tôi còn vướng bận thế gian, tôi thường lui tới đường này. Nhưng nay tôi chẳng còn liên hệ gì với thế gian nữa, tôi không cần phải đi. Các vị Sa-môn nghe thế đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy ấy nói điều không thật, thầy ấy vọng ngữ. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, thầy ấy nói đúng. Thầy ấy đã tự khuyên răn mình và đã đạt được Thánh quả. Ngài nói kệ: (379) Tự mình chỉ trích mình, Tự mình dò xét mình, Tỳ-kheo tự phòng hộ, Chánh niệm, trú an lạc. (380) Tự mình y chỉ mình, Tự mình đi đến mình, Vậy hãy tự điều phục, Như khách buôn ngựa hiền. * 11. Người Thấy Chánh Pháp Là Thấy Ta Tỳ-kheo nhiều hân hoan.... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Trưởng lão Vakkali. Tại thành Xá-vệ, có một thanh niên dòng Bà-la-môn. Một ngày nọ, chàng thấy đức Như Lai đi và thành khất thực. Trông tướng hảo uy nghiêm của đức Phật, chàng rất yêu thích, và chán ghét hình ảnh của mình, chàng nghĩ thầm: "Ta sẽ tình cách để được nhìn đức Như Lai suốt ngày". Chàng bèn theo Phật xuất gia và ở trong Tăng đoàn. Thầy Sa- môn này cứ luôn luôn tìm chỗ đứng có thể chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, chẳng màng đến kinh kệ và thiền định. Đức Như Lai biết vậy, và đợi cho trí tuệ của thầy thuần thục, Ngài không nói một lời. Ngày nọ, đức Phật nghĩ: "Bây giờ trí tuệ của thầy ấy đã thuần thục". Ngài bèn bảo: - Này Vakkali, đâu có gì thích thú khi ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân Ta? Này Vakkali, ngườii nào thấy pháp là thấy Ta. Nhưng mặc lời khuyên của đức Như Lai, thầy Vakkali vẫn không thể rời tia mắt khỏi đức Phật, hoặc lìa khỏi chỗ Phật ngồi. Cuối cùng đức Phật nghĩ: "Thầy Sa-môn này sẽ không bao giờ tỉnh ngộ, trừ phi gặp một cơn xúc động lớn". Lúc ấy, mùa an cư đã đến, đức Như Lai tìm nơi an cư. Ngài về thành Vương Xá, đuổi thầy Vakkali trở lại Trúc Lâm. Và suốt ba mùa trăng, Vakkali không được thấy Phật,

không được nghe Ngài nói. Buồn quá, thầy sinh ra ý tưởng muốn tự tử. Thầy bèn leo lên ngọn Linh Thứu và định nhảy xuống chết. Đức Thế Tôn biết thầy quá đau khổ và chán đời, Ngài nghĩ thầm: "Nếu thầy Vakkali không được sự an ủi của ta, thấy sẽ làm hỏng cả dịp chứng quả Thánh". Lập tức Ngài bèn hiện thân trước thầy Vakkali, lúc đó đang toan đâm đầu xuống núi. Vừa thấy đức Như Lai, thầy liên cảm thấy yêu đời, nỗi buồn khổ tiêu tan. Và như rót đầy nước vào một đáy hồ khô cạn, đức Như Lai đã làm tuôn dậy mối hoan hỷ trong lòng thầy. Ngài nói kệ: (381) Tỳ-kheo nhiều hân hoan, Tịnh tín giáo pháp Phật, Chứng cảnh giới tịch tịnh, Các hạnh an tịnh lạc. Đức Như Lai đưa

tay về phía thầy Vakkali và bảo: Đến đây Vakkali! Nhìn Như Lai chớ sợ. Ta sẽ đưa tay đỡ Như kéo voi sa lầy Vakkali, đến đây! Nhìn Như Lai chớ sợ. Ta giúp ngươi giải thoát, Như gỡ được mặt trời, Ra khỏi cơn nhật thực. Đến đây, Vakkali Nhìn Như Lai chớ sợ. Ta sẽ giải thoát người, Như gỡ vầng trăn tỏ Cho khỏi bị nguyệt thực. Thầy Vakkali nghĩ thầm: "Ta vừa thấy được đấng Thập Lực, và Ngài bảo ta hãy đến bên Ngài!" Lòng thầy tràn ngập hân hoan. "Ta làm sao đến được?", thầy tự nghĩ thế. Đứng trên đỉnh núi cao, dù chẳng thấy có đường đi, thầy tung mình nhảy vào không trung đến trước mặt đấng Thập Lực ngay khi vừa nghe những chữ đầu của câu Pháp Cú. Và trong lúc đang bay, suy niệm bài kệ của đức Thế Tôn, thầy chế ngự được cơn hoan lạc và chứng A-la-hán cùng một lúc với các thần thông. Và đầy lòng cảm thán đức Như Lai, thầy hạ xuống đất, đảnh lễ đức Phật. Thế Tôn xếp thầy đệ nhất trong hàng đệ tử có lòng tin chân thật. 12. Vị Sa Môn Và Long Vương Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi..... Thế Tôn dạt những lời này khi Ngài đang ở tại Pubbarama, liên quan đến Sa-di Sumana

Chuyện quá khứ: A. Chàng Annabhhàra Nghèo Khổ Và Quan Chưởng Khố Sumana Giàu Có Vào thời Phật Padumuttara, có một thanh niên gặp Phật vào lúc Ngài đang ở giữa tứ chúng tuyên bố một thầy Tỳ-kheo nọ là Thiên nhãn đệ nhất. Lòng mong muốn đạt đến địa vị ấy, chàng thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo đến nhà thọ thực suốt bảy ngày, rồi phát nguyện: "Bạch Thế Tôn, con nguyện xin được thành Thiên nhãn đệ nhất dưới thời một vị Phật tại thế". Đức Phật Padumuttara quán sát rồi thọ ký: - Một trăm ngàn kiếp nữa, dưới thời Phật Thích Ca, người thanh niên này sẽ được Thiên nhãn đệ nhất, mang tên A-na-luật. Sau khi được thọ ký, mỗi ngày chàng đều cảm thấy như sẽ được đắc thần thông vào ngày mai. Phật nhập Niết-bàn rồi, chàng hỏi các thầy Tỳ-kheo phải tu hành như thế nào để đắc Thiên nhãn thông. Chàng cho thắp đuốc thành vòng tròn bảy hải lý quang ngôi tháp vàng thờ Phật, lấy ánh sáng tôn vinh Ngài. Hết kiếp ấy, chàng thọ sanh lên cõi trời. Sau nhiều kiếp tái sanh suốt một trăm ngàn kiếp, chàng đầu thai vào một nhà nghèo ở Ba-la-nại. Chàng khuân vác cỏ mướn cho quan chưởng khố Sumana nên có tên là annabhàra, người khuân vác cỏ ăn. Quan chưởng khố Sumana thường cúng dường bố thí rộng rãi tại đôi thị này. Một hôm, đức Phật Độc Giác Uparittha xuất diệt tận định, và tự quán sát: "Hôm nay ta sẽ độ ai?" Một tư tưởng liền đến trong đầu Ngài: "Hôm nay ta sẽ độ annabhara", và ngài tiếp tục quán sát: "Lúc này Annabhara đang mang cỏ cắt trong rừng về". Ngài bèn lấy y bát, dùng thần thông bay đến trước mặt Annabhara. Chàng thấy bát trống trong tay Ngài, bèn thưa: - Bạch Ngài, Ngài chưa được cúng dường ư? - Ta đang khất thực, hỡi chàng trai tốt phước. - Vậy thì, bạch Ngài, xin Ngài đợi giây lát. Ném bó cỏ, chàng vội vã về nhà hỏi vợ: - Mình ơi, có để dành phần ăn cho tôi không? - Dạ có ạ. Annabhara lại vội quay về gặp vị Phật Độc Giác, đỡ lấy bát của Ngài. Chàng nghĩ thầm: "Lâu nay mỗi lần muốn cúng dường, mình không có gì để cúng. Còn khi có vật thực để cúng, mình lại chẳng gặp được vị nào. Hôm nay mình có được cả hai, thật may mắn làm sao!". Chàng về đến nhà, múc cơm vào bình bát, mang đến cúng dường đức Phật, phát nguyện: - Bạch Ngài, xin cho con được thoát khỏi cuộc sống đọa đày hiện nay của con. Xin cho con đừng bao giờ phải nghe tiếng "không có". Vị Phật Độc giác liền hồi hướng công đức cho chàng: - Này thiện nam tử, sẽ được vậy. Vị thần trú trong chiếc lọng của quan chưởng khố Sumana kêu lên:

- Ôi đức Phật Uparittha được cúng dường món vật thực cao quý biết bao! Và thần ba lần tán thán Annabhara. Quan chưởng khố hỏi: - Lâu nay ông không thấy ta bố thí sao? Thần đáp: - Chẳng phải tôi tán thán ông cúng dường đâu. Tôi đang ca ngợi chàng Annabhara cúng dường Phật Uparittha đấy. - Hay thay! Ta đã cúng dường biết bao nhiêu từ trước đến giờ thần chẳng ca ngợi. Còn chàng Annabhara làm mướn cho ta chỉ cúng một bữa ăn lại được khen. Ta sẽ trả giá mua phần cúng dường này về phần ta. Quan chưởng khố cho gọi Annabhara đến hỏi: - Hôm nay, anh có cúng dường ai không? - Thưa ông chủ có ạ. Tôi đã cúng dường phần cơm tôi cho Phật Độc Giác Uparittha. - Anh cầm đồng xu này và nhường cho tôi phần cúng dường ấy nhé! - Thưa ông, không được đâu. Quan chưởng khố tăng giá lên một ngàn đồng, Annabhara vẫn không chịu. Ông bèn nói: - Thôi được rồi, nếu anh không nhường phần cúng dường ấy thì hãy lấy một ngàn đồng này và hồi hướng cho tôi phần phước vậy. - Xin ông hãy để tôi hỏi ý kiến Ngài rồi quyết định ạ. Chàng chạy đến gặp đức Phật Độc Giác. - Bạch Ngài, quan chưởng khố trao con một ngàn đồng và yêu cầu hồi hướng công đức cho ông ấy. Con phải làm sao? Đức Phật dùng thí dụ đáp: - Như trong làng kia có một trăm nhà, một người chỉ thắp một ngọn đèn nhà mình rồi các nhà khác đến đó châm đèn mang về. Vậy ánh sáng đó phải của ngọn đèn dầu đầu tiên không? - Bạch Ngài trong trường hợp ấy ánh sáng của cây đèn đầu tiên đã gia tăng lên. - Thiện nam tử, việc cúng dường của anh cũng thế. Dù một môi cháo, một muỗng cơm, khi ta hồi hướng phước đức do công cúng dường ấy qua những người khác, phước sẽ gia tăng theo số người được hồi hướng. Đây anh chỉ cúng dường một phần ăn. Nhưng khi anh hồi hướng quan chưởng khố phước đức ấy thì nó tăng lên gấp đôi, một thuộc về anh và một thuộc quan chưởng khố. - Bạch Ngài, quý hóa quá. Annabhàra từ giã vị Phật Độc Giác đến gặp quan chưởng khố: - Thưa ông, xin ông hãy nhận phần phước đức cúng dường của tôi. - Đây anh cầm lấy tiền. - Tôi không bán đâu ạ. Tôi tặng ông phần phước đức ấy là từ lòng tin của tôi thôi.

- Vậy cũng tốt. Về phần tôi, tôi cảm phục nhân cách cao quý của anh lắm. Anh bạn, hãy nhận số tiền này đi. Từ nay anh khỏi cần cực nhọc làm thuê mướn cho tôi nữa. Anh hãy cất một căn nhà nơi đường phố lớn mà ở. Lúc nào cần thức gì, anh cứ lại kho tôi lấy. Aáy là quả hiện báo do cúng dường bữa ăn cho một vị xuất định diệt thọ tưởng. Nhà Vua nghe chuyện cũng cho gọi Annabhàra đến, xin chàng một phần phước đức, ban thưởng chàng rất hậu và cho làm chức chưởng khố. Bây giờ Annabhàra là bạn hữu của quan chưởng khố Sumana. Chàng tiếp tục làm việc phước thiện cho đến khi mãn kiếp, được thọ sanh lên cõi trời. Qua nhiều lần tái sinh trong cõi trời và người, chàng thọ sanh vào một gia dình hoàng tộc dòng Thích Ca, hoàng thân Amitodana, tại thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới thời đức Phật hiện tại. Sau mười tháng cưu mang, phu nhân Amitodana mới sinh chàng, đặt tên A-na-luật. Tôn giả là em út vương tử Mahanam, anh em chú bác của Phật. Tôn giả được nuôi dưỡng trong sự chăm sóc cưng chiều, là vị vương tử có phước báo rất lớn. Chuyện hiện tại: B. A-Na-Luật Xuất Gia Một hôm sáu vị vương tôn chơi đánh bạc ăn bánh, A-na-luật thua, nhờ người đi xin bánh nơi thân mẫu. Phu nhân sắp đầy bánh vào một đĩa vàng lớn đem đến. Các vương tôn ăn bánh xong chơi tiếp. A-na-luật thua, lại xin bánh. Phu nhân ba lần cho mang bánh tới, lần thứ tư

bà nhắn: "Không có bánh nữa". Chưa bao giờ nghe chữ "không có" nên nghe mẫu thân nhắn, chàng tưởng tượng: "Chắc có thứ bánh gọi là "không có" bèn bảo người hầu: - Đi xin ít bánh "không có" Phu nhân nghe vậy bèn nghĩ: "Con ta chưa hề nghe tiếng "không có". Ta làm sao giảng cho nó hiểu đây?". Phu nhân rửa sạch một chiếc bát vàng, lấy chiếc bát vàng khác úp lên, rồi bảo người hầu đem đi nói: - Đây, con trao cái này cho cậu. Lúc ấy, chư thiên cõi trời giữ thành tự nghĩ: "Trong kiếp trước, chủ nhân chúng ta là Annabhàra đã cúng dường phần thức ăn mình cho vị Phật Độc Giác Uparittha, và phát nguyện: "Xin đừng bao giờ nghe tiếng "không có". Chúng ta biết hết đầu đuôi câu chuyện mà có thái độ thờ ơ, coi chừng đầu nứt thành bảy miếng. Nghĩ vậy, chư thiên bèn cho vào chiếc tô ấy đầy những chiếc bánh chư thiên vẫn dùng. Người hầu mang tô đến, đặt trước mặt sáu vị vương tôn và mở ra. Mùi bánh thơm ngào ngạt khắp cả kinh thành. Hơn thế, mỗi miếng bánh được cho vào miệng liền gây cảm giác khoan khoái cho đủ cả bảy ngàn dây thần kinh vị giác. Vương tử A-na-luật nghĩ thầm: "Đúng là lâu nay mẹ không thương mình, chưa bao giờ mẹ làm cho mình ăn thứ bánh "không có" này. Chàng đến gặp mẹ, hỏi: - Mẹ ơi, mẹ không thương con phải không?

- Kìa con, nói gì vậy? Mẹ cưng con hơn mắt mẹ, quý con hơn tim mẹ mà. - Mẹ thân yêu ơi, nếu mẹ thương quý con, sao trước giờ mẹ không cho con ăn thứ bánh "không có" này? Phu nhân hỏi người hầu: - Này con, trong chiếc bát có gì không? - Thưa phu nhân, có. Trong bát đầy những chiếc bánh con chưa từng thấy bao giờ. Phu nhân suy nghĩ: "Con ta thường làm việc thiện. Chắc chư thiên đã cho bánh của các vị". Vương tử A-na-luật lại bảo: - Mẹ thân yêu ơi, con chưa bao giờ được ăn thứ bánh ấy. Từ rày mẹ chỉ chiên bánh này cho con ăn thôi nhé. Về sau mỗi khi cậu đòi "cho con ăn bánh", phu nhân lại rửa sạch một chiếc bát vàng, lấy chiếc bát vàng khác úp lên cho mang đến, và chư thiên lại sắp đầy bánh của cõi trời vào bát. Cậu cứ thế sống trong sự chăm chút nâng niu của gia đình, chẳng bao giờ biết đến nghĩa chữ "không có", và ăn toàn bánh chư thiên. Khi nhiều vị vương tôn công tử thuộc hoàng tộc Thích-ca nối tiếp nhau lần lượt xuất gia, nhập vào Tăng đoàn đức Thế Tôn, ngài Mahanam đến gặp cậu em A-na-luật bảo: - Này em, gia đình ta chưa có ai xuất gia làm Sa-môn. Hai anh em mình phải có một người xuất gia theo Phật mới được. Cậu đáp: - Từ trước tới giờ em quen sống được chăm sóc chu đáo. Em không thể xuất gia làm Sa-môn được đâu anh. - Thế thì em coi sóc ruộng vườn đi, anh sẽ xuất gia. - Coi sóc ruộng vườn là làm sao? Cậu không biết đến cả chuyện thực phẩm từ đâu có, làm sao biết việc trông nom ruộng vườn? Có lần ba vương tử A-na-luật, Bạt-đề và Kiếp-tân-na bàn tán về vấn đề: "Cơm từ đâu có?". Kiếp-tân-na nói trước: - Cơm lấy từ kho ra. (Kiếp-tân-na từng thấy người ta đem gạo chất vào kho nên tưởng rằng cơm từ kho mà có). Bạt-dề bảo Kiếp-tân-na: - Cậu chẳng biết gì cả. Cơm lấy từ trong nồi cơm. (Một hôm Bạt-đề thấy cơm được bới từ nồi nấu cơm ra nên bảo cơm từ nồi mà có). A-na-luật bảo hai vương tử: - Các cậu đều không biết gì. Cơm lấy từ chiếc liễn vàng có quai nạm ngọc kia. (Cậu chưa từng thấy người ta giã gạo hay nấu cơm, chỉ thấy cơm sau khi đã được múc từ nồi nấu ra, đặt trước mặt cậu trong chiếc liễn vàng). Như vậy, làm sao vị vương tôn có phước báo lớn này lại rành chuyện ruộng vườn?

Vương tử Mahanam bảo: - Này A-na-luật, anh sẽ cho em hay một gia chủ phải làm gì nhé! Trước hết em cho cày ruộng.. Ông bắt đầu giảng giải cho em nghe các thứ công việc. Nghe anh liệt kê một dọc nhiệm vụ công tác mà một vị chủ nhân phải đảm đương, cậu nói: - Em chẳng làm xong vai trò chủ nhân ấy đâu. Em xin phép mẫu thân xuất gia làm Sa-môn. Cùng với năm ông hoàng khác của dòng Thích Ca, cậu từ giã thành Ca-tỳ-la-vệ, trước hết đến vườn xoài Anupiya gặp Phật xin xuất gia. Tôn giả tu hành tinh tấn và sau một thời gian chứng Tam minh. Tôn giả có thể dùng Thiên nhãn thấy suốt ba ngàn đại thiên thế giới dễ dàng như ngắm trái cây trong lòng bàn tay. Ngồi trên đơn, Tôn giả ngâm kệ: Ta biết hết đời ta những kiếp trước Ta đã đắc thiên nhãn, đắc thần thông. Tam thông ta đạt, và ta thấu triệt. Giáo pháp nhiệm mầu của đức Thế Tôn. Rồi Tôn giả suy nghĩ: "Ta đã làm những gì để được như vậy?". Liền khi ấy, Tôn giả biết: "Vào thời Phật Padumuttara, ta đã có lời phát nguyện. Sau thời gian luân hồi qua lại, ta được tái sanh ở Ba-la-nại vào thời nọ và sống bằng nghề làm mướn cho quan chưởng khố Sumana. Tên ta là Annabhàra". Tôn giả ngâm kệ tiếp: Trong một kiếp ta là người cắt cỏ Tên Annabhàra, kẻ làm mướn nghèo cùng Ta đã cúng dường bữa cơm thật khiêm nhường Cho vị Phật Uparittha danh tiếng. Bỗng Tôn giả chợt nghĩ: "Quan chưởng khố Sumana bây giờ ở đâu? Ông đã tặng ta tiền đổi lấy phần cơm ta cúng dường Phật Uparittha, và nhận phần phước đức cúng dường ấy". Tôn giả liền thấy được quan chưởng khố ngay: "Nơi rừng Vinjha, tại một chân núi ở thị trấn Munda, có Phật tử tên là Mahà Munda. Con trai lớn của ông tên là Mahà Sumana, còn người con trai thứ tên là Culla Sumana, chính là quan chưởng khố Sumana tái sinh". Thấy được quan chưởng khố rồi, Tôn giả nghĩ tiếp: "Ta có nên đến đấy không?" Tôn giả quán sát và thấy rằng khi Tôn giả vừa gặp, Culla Sumana tuy mới bảy tuổi cũng sẽ xuất gia và đắc quả A-la-hán rất nhanh. Quán sát xong xuôi, vì mùa mưa sắp đến, Tôn giả dùng thần thông bay đến cổng làng. Chuyện hiện tại: C. Sa-Di Sumana Và Long Vương Trong một kiếp quá khứ, Phật tử Mahà Munda là bạn thân của Tôn giả A-na-luật. Do đó, đến giờ khất thực, thấy Tôn giả đắp y, ông bảo người con trai lớn là Mahà Sumana:

- Này con, Trưởng lão A-na-luật tôn quý của cha đã đến. Nếu thấy chưa có ai cầm bát Ngài, con hãy ra đỡ bát đem vào đây, cha sẽ sửa soạn chỗ ngồi cho Ngài. Mahà Sumana vâng lời. Phật tử Munda tiếp rước cúng dường hết sức chu đáo, và thỉnh Tôn giả ở lại an cư mùa mưa. Ngài nhã nhặn nhận lời. Suốt ba tháng an cư, vị Phật tử thuần thành chăm sóc Tôn giả cung kính tận tình như chỉ mới một ngày vậy. Đến buổi đại lễ Pavàranà, ông đem đường mật, dầu ăn, gạo.v.v.. đặt dưới chân Tôn giả, thưa: - Bạch Ngài, xin Ngài nhận những phẩm vật này. - Thôi đủ rồi, đạo hữu, tôi chẳng dùng các thứ này mấy. - Bạch Ngài, đây là phần thường cúng dường cho các vị an cư. Thỉnh Ngài nhận cho con. - Thôi đủ rồi, đạo hữu ạ. - Bạch Ngài, sao Ngài không nhận? - Tôi không có Sa-di thị giả. - Bạch Ngài, vậy xin cho con trai tôi, Mahà Sumana, làm Sa-di thị giả Ngài. - Này đạo hữu, Mahà Sumana chắc không được. - Vậy xin Ngài nhận Culla Sumana vào Tăng đoàn. - Tốt lắm. Tôn giả nhận lời rồi, cho Culla Sumana xuất gia. Chưa bao lâu cậu đã đắc quả Ala-hán. Tôn giả ở lại thêm nửa tháng rồi nghĩ: "Ta sẽ về thăm đức Thế Tôn". Từ biệt gia quyến ông Mahà Munda, Tôn giả bay đến vùng Hy Mã, và đáp xuống ở Arannakutika. Tôn giả vốn tính rất năng động nên sau một đêm kinh

hành vào giấc đầu hôm và giấc khuya, Tôn giả bị chứng khó tiêu. Chú Sa-di để ý thấy thầy tái xanh, hốc hác, bèn thưa hỏi: - Bạch thầy, thầy bị bệnh sao ạ? - Ta bị khó tiêu. - Bạch thầy, có bao giờ thầy bị bệnh này chưa? - Có. - Bạch thầy, lấy thuốc gì chữa? - Này chú, nếu ta uống nước hồ Anotatta thì ổn ngay. - Vậy con sẽ đi kiếm nước ấy. - Này Sa-di, chú có làm được không? - Bạch thầy, được ạ! - Thế thì long vương Pannaka đang ở hồ Anotatta biết ta. Hãy cho vị ấy biết là chú đến xin một bình nước làm thuốc. - Vâng ạ. Chú Sa-di đảnh lễ thầy, bay lên không trung đến hồ Anotatta cách đó năm trăm hải lý.

Hôm ấy long vương đang định mở hội vui chơi dưới nước, có ca vụ giúp vui. Do đó thấy chú Sa-di đến gần, long vương nổi giận, nói thầm: "Tên Sa-di trọc đầu kia đi lung tung chân bắn cả bụi đất lên đầu ta. Chắc hẳn kiểu này là đi lấy nước ở hồ Anotatta về uống đây. Được, ta sẽ chẳng cho hắn một giọt nào tất". Long vương bèn nằm xuống, giương vây ra che kín hết cái hồ rộng đến năm mươi hải lý, như ta lấy chiếc dĩa lớn đậy lên cái ấm. Chú Sa-di quan sát thấy cung cách Long Vương, bèn nghĩ: "Ngài đang giận". Chú nói kệ: Hãy nghe, hỡi Long vương! Kẻ sức mạnh phi thường Và sức nóng kinh khiếp, Ta vượt bao dặm đường Đến xin người chút nước Vì chữa bệnh thầy ta. Long vương đáp: - Nơi phía đông có dòng sông hùng mạnh, Tuôn chảy ra biển cả, gọi sông Hằng, Đến đấy đi, đến lấy nước mà uống! Chú Sa-di nghe, nghĩ thầm: "Con rồng này không muốn cho ta nước. Vậy phải dùng vũ lực, hiện đại thần thông lấy nước mới được". Chú bảo Long vương: - Đại vương, thầy tôi dạy phải lấy nước hồ Anotatta chứ không lấy ở đâu khác. Giờ tôi phải lấy nước này thôi. Đại vương đi đi, chớ kiếm cách cản trở tôi mãi. Chú nói kệ: Chỉ nước hồ này tôi mới lấy Chỉ nước hồ đây tôi mới cần Nếu đủ quyền năng và sức mạnh Tự điều phục đi, hỡi rồng thần! Long vương đáp: Sa-di! Lời ngươi ta tán thán. Nếu ngươi đủ sức, đủ trưởng thành, Thì nước hồ ta, ngươi cứ lấy, Trổ tài cho xứng bực hùng anh. Sumana trả lời: - Đại vương, vậy thì tôi lấy nước đây. Long vương thách: - Ngươi lấy được cứ lấy. - Được lắm. Quyết định chắc chắn một lời thôi đấy. Chú buộc long vương phải nói ba lần như trên. Rồi chú tự nghĩ: "Ta cần phải biểu dương sức mạnh giáo pháp Phật-đà ngay trong chuyện lấy nước này". Chú bay lên trời gặp chư thiên. Chư thiên đảnh lễ chú, thưa:

- Bạch Ngài, Ngài cần gì? - Sắp có trận chiến xảy ra giữa tôi và long vương Pannaka, ngự ở hồ Anotatta. Mời chư vị đến xem ai thắng bại. Cứ thế, chú đi mời Tứ Thiên Vương, Đế Thích, Suyyama, Santusita, Paranimmita- Vasavatì, và nói như trên. Rồi chú đi xa hơn, đến tận chín cõi trời Phạm Thiên. Chín vị Phạm thiên đều đến đảnh lễ chú và thưa: - Bạch Ngài, Ngài cần gì? Chú lại nói như trên. Như vậy, chú qua hết các thế giới chỉ trong chốc lát, viếng tất cả cõi trời, trừ ra cõi Vô Tưởng và cõi Vô Sắc Đại Phạm, và chú cũng nói những lời ấy. Tất cả chư Thiên tụ hội trên hồ Anotatta, đông kín đặc bầu trời y như khi ta đổ bột chì vào trong đấu vậy. Xong xuôi, chú Sa-di mới đứng trên không bảo long vương: Hãy nghe, hỡi Long vương! Kẻ sức mạnh phi thường, Và sức nóng kinh khiếp, Ta vượt bao dặm đường Đến xin ngươi chút nước Về chữa bệnh thầy ta. Long vương đáp: Sa-di! Lời ngươi ta tán thán Nếu ngươi đủ sức, đủ trưởng thành Thì nước hồ ta, ngươi cứ lấy, Trổ tài cho xứng bực hùng anh. Buộc long vương phải nói ba lần như vậy xong, chú Sa-di liền hiện thân thành Phạm thiên cao mười hai hải lý, từ

trên không bay xuống đạp lên vây long vương, ép đầu hắn xuống, rồi dùng hết sức bình sinh đè lên người long vương. Giống như người có sức mạnh đạp tấm da ướt, chú Sa-di vừa đạp lên chiếc vây long vương, nó liền cuộn từ khúc cỡ bằng cái muỗng và tuột đi. Từ mỗi chỗ khúc cuộn tuột đi đó, bắn lên những vòi nước cao bằng thân cây thốt nốt. Chú chỉ việc đứng trên không trung đưa bình ra hứng. Chư thiên trầm trồ tán thán. Quá hổ thẹn và căm giận chú Sa-di, mắt long vương quắc lên, đỏ như dâu chín, lòng tự nghĩ: "Gã này rủ rê chư thiên đến rồi đạp lên vây ta để làm nhục. Ta sẽ tóm hắn, cho tay hắn vào mồm ta và bóp nhừ tim hắn ra. Hoặc ta sẽ túm chân hắn ném xuống sông Hằng". Long vương giở hết tốc lực đuổi theo chú Sa-di, nhưng vẫn không kịp. Sumana về đến nơi liền đặt bình nước vào thay thầy chú, thưa: - Bạch thầy, mời thầy dùng nước. Lúc ấy, long vương vừa đuổi theo đến nơi, vội thưa Tôn giả: - Bạch Ngài, vị Sa-di của Ngài đã lấy nước mà tôi không cho. Xin Ngài chớ uống. - Này Sa-di, đúng như vậy không?

- Bạch thầy, mời thầy cứ việc dùng. Nước này là chính long vương đã cho con đấy ạ. Tôn giả biết chú Sa-di đắc quả A-la-hán không thể nói lời vọng ngữ nên liền uống. Được vài ngụm, Tôn giả thấy dễ chịu. Long vương bạch: - Bạch Ngài, vị Sa-di của Ngài đã gọi chư Thiên đến và làm nhục tôi trước mặt họ. Tôi định xé tim chú ấy ra, hoặc túm chân ném chú xuống sông Hằng. - Đại vương, vị Sa-di này có đại thần thông, Đại vương không đánh lại đâu. Vậy hãy sám hối mà đi về. Không cần ai nói long vương cũng biết dư chú Sa-di có đại thần thông, rượt theo chú chẳng qua vì quá mất mặt mà thôi. Do đó long vương vâng lời Tôn giả, sám hối chú Sa-di và kết bạn với chú. Long vương nói: - Từ rày trở đi khi nào cần nước hồ Anotatta, Ngài khỏi phải nhọc mình đi lại. Xin nhắn một tiếng, tôi sẽ đích thân mang đến. Rồi long vương từ biệt. Tôn giả A-na-luật đem chú Sa-di theo về. Đức Thế Tôn biết Tôn giả đang trên đường đến gặp Ngài, bèn ở lại lâu đài Mẹ Migara chờ. Các thầy Tỳ-kheo thấy Tôn giả đến đều ra đón, đỡ y bát cho Tôn giả. Vài thầy xoa đầu, nhéo tai Sumana, đùa: - Sa-di ơi, chú không thấy tu hành cực khổ sao? Đức Phật thấy vậy nghĩ: "Các Sa-môn này đùa cợt chú Sa-di thật là lầm lớn. Các ông ấy tự do cầm nắm người chú như ta tóm cổ một con rắn độc, không biết chú có đại thần thông. Hôm nay ta nên cho họ biết tài đức của Sa-di Sumana". Trưởng lão A-na-luật đến đảnh lễ Phật và ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn thân mật hỏi Tôn giả, rồi quay sang bảo ngài A-nan: - Này A-nan, ta muốn lấy nước hồ Anotatta để rửa chân. Ông hãy đưa bình đựng nước cho các Sa-di đi lấy nước! Tôn giả A-nan cho gọi hết năm trăm vị Sa-di của tinh xá, trong đó có Sumana nhỏ tuổi nhất. Tôn giả bảo chú Sa-di lớn nhất: - Này Sa-di, đức Thế Tôn muốn rửa chân bằng nước hồ Anotatta. Hãy mang bình đi lấy nước nghe. - Bạch Ngài, con không làm việc ấy được. Chú Sa-di lớn tuổi nhất không muốn đi liền thưa vậy. Tôn giả lần lượt hỏi các Sa- di khác, chú nào cũng từ chối. Thế không có vị Sa-di nào đắc quả A-la-hán sao? Tất nhiên là có, nhưng sở dĩ các vị từ chối vì biết: "Lẵng hoa này chẳng phải kết dành cho chúng ta. Chính là vì Sa-di Sumana đấy". Còn những vị chưa đắc quả Tu-đà-hoàn thì từ chối vì họ biết không đủ sức đảm đương công tác ấy. Cuối cùng đến phiên Sumana. Tôn giả A-nan lặp lại: - Này Sa-di, đức Thế Tôn muốn rửa chân bằng nước hồ Anotatta, và biểu chú đem bình đi lấy nước.

- Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn muốn con đi lấy nước, con sẽ đi. Chú đảnh lễ Phật, thưa: - Bạch Thế Tôn, con được biết Ngài muốn con đi lấy nước hồ Anotatta. - Đúng thế, Sumana. Chú chọn trong đám bình hũ bằng vàng của tinh xá do bà Visàkhà đặt làm để cúng dường, một chiếc hũ lớn bằng sáu mươi bình nước thường. Chú tự bảo: "Mình chẳng cần quảy nó lên vai làm chi". Chú xách hũ lủng lẳng nơi tay, bay vút lên không, nhắm hướng vùng Hy Mã thẳng tiến. Chú Sa-di còn ở xa, long vương đã thấy vội ra đón, đỡ chiếc hũ đặt lên vai mình và nói: - Bạch Ngài, chừng nào Ngài còn có con hầu hạ trong cõi giới này, Ngài đâu cần nhọc sức tự mình đi? Nếu cần nước, sao Ngài không tin cho con hay? Đổ nước đầy hũ rồi tự vác lên vai, long vương thưa: - Xin Ngài đi trước, con sẽ đích thân mang hũ nước. - Đại vương đừng đi. Đức Thế Tôn biểu tôi đi đấy. Chú buộc long vương phải quay lại, và đưa tay cầm miệng hũ, chú bay lên biến mất dạng vào không trung. Đức Phật thấy chú về, bảo các thầy Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, các ông hãy xem vẻ trang nhã của chú Sa-di. Chú bay trong không trung thanh thoát như một con ngỗng chúa. Sumana đặt hũ nước xuống, đảnh lễ Phật. Phật hỏi: - Sumana, con bao nhiêu tuổi? - Bạch Thế Tôn, con được bảy tuổi. - Vậy thì Sumana, hôm nay con được thọ giới Tỳ-kheo. Và đức Phật truyền giới cụ túc cho Sumana. Trong Tăng đoàn tương truyền chỉ có hai vị Sa-di bảy tuổi được thọ cụ túc giới: Sumana và Sopàka. Sumana được thọ giới Tỳ-kheo rồi, các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Chư huynh đệ, thật là một việc tốt đẹp biết bao! Vị Sa-di này thần thông thật là siêu việt. Chúng ta chưa từng thấy thần thông cao tuyệt như thế. Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn luận việc gì? Khi nghe các thầy bạch lý do, Ngài bảo: - Này các Tỳ-kheo, sự chứng đắc ấy ngay cả một Tỳ-kheo nhỏ tuổi vẫn có thể đạt được trong giáo pháp ta, nếu người ấy tinh tấn. Ngài nói kệ: (382) Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi, Siêng tu giáo pháp Phật, Soi sáng thế gian này, Như trăng thoát khỏi mây.

PHẨM XXVI: BÀ LA MÔN 1. Bà La Môn Đại Hỉ Hãy tinh tấn đoạn dòng ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Bà-la-môn Đại Hỉ, Pasàdabahula. Một hôm, sau khi nghe Phật thuyết pháp, một vị Bà-la-môn hoan hỉ đến nỗi từ đó đều đặn mỗi ngày ông thỉnh mười sáu vị Tỳ-kheo đến nhà cúng dường. Mỗi khi các thầy đến, ông ra đón, đỡ bình bát và mời: - Xin cung thỉnh Ngài A-la-hán vào. Xin mời Ngài A-la-hán ngồi. Dù thưa thỉnh với bất cứ thầy Tỳ-kheo nào, ông đều xưng tụng là A-la-hán. Những thầy chưa chứng Sơ quả nghĩ thầm: "Ông cư sĩ này tưởng trong chúng ta có thầy chứng A-la-hán". Còn các thầy chứng A-la-hán lại nghĩ: "Ông cư sĩ không biết chúng ta đắc A- la-hán". Kết quả: Tất cả các thầy đều buồn lòng và không đến nhà ông nữa. Ông Bà-la-môn hết sức buồn khổ. Ông nghĩ: "Tại làm sao các vị Tỳ-kheo cao quý ấy lại không đến nhà mình nữa kìa?". Ông vào tinh xá đảnh lễ Phật và bạch sự việc. Đức Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, vậy nghĩa là sao? Các thầy bạch Phật lý do. Phật bảo: - Nhưng này các Tỳ-kheo, các ông không muốn ông ấy gọi mình là A-la-hán ư? - Bạch Thế Tôn, không ạ. - Thế nhưng đây chỉ là cách một người bày tỏ lòng hoan hỉ, và việc biểu hiện niềm hoan hỉ ấy đâu có gì sai trái? Tấm lòng quí mến các vị A-la-hán của ông Bà-la-môn thật là vô bờ. Do đó, việc đúng đắn nhất đối với các ông là phải diệt trừ tham ái và chỉ lấy việc chứng đắc A-la-hán làm sự

mong muốn duy nhất của mình. Ngài nói kệ: (383) Hỡi này Bà-la-môn Hãy tinh tấn đoạn dòng, Từ bỏ các dục lạc, Biết được hành đoạn diệt, Ngươi là bậc vô vi. 2. Thế Nào Là "Hai Trạng Thái"? Nhờ thường trú hai pháp ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến nhiều vị Tỳ-kheo. Một ngày nọ, có ba mươi Sa-môn ở xứ khác đến Kỳ Viên đảnh lễ đức Phật và ngồi một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất biết rằng các thầy có đủ điều kiện chứng A-la-hán, bèn đến trước đức Phật thưa: - Bạch Thế Tôn, Ngài thường dạy về "hai trạng thái", thế nào là "hai trạng thái?". Đức Phật dạy:

- Này Xá-lợi-phất, hai trạng thái là Thiền định và Trí tuệ.

Ngài nói kệ:

(384) Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử dứt sạch.

3. Thế Nào Là Bờ Kia?

Không bờ này bờ kia ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ma vương.

Một ngày nọ, ma vương giả dạng đến chỗ đức Phật và hỏi Ngài:

- Bạch Thế Tôn, Ngài hay nhắc đến "bờ bên kia". Xin cho biết cái gì là "bờ bên kia"?

Đức Phật biết đó là ma vương, Ngài bảo:

- Này ma vương, ông liên hệ gì đến "bờ bên kia"? Chỉ có người thoát khỏi tham dục mới đạt đến đó thôi.

Ngài nói kệ:

(385) Không bờ này bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

4. Thế Nào Là Bà-La-Môn?

Tu thiền, trú ly trần ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn.

Ngày nọ, một ông Bà-la-môn chợt nghĩ: "Đức Phật thường gọi các đệ tử là Bà-lamôn, còn ta cũng sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn, ta cũng đáng được gọi như thế".

Nghĩ vậy, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật nói:

- Ta không gọi ai là Bà-la-môn, chỉ vì dòng dõi. Ta chỉ gọi những người đạt đến quả vị A-la-hán là Bà-la-môn.

Ngài nói kệ:

(386) Tu thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng
Ta gọi Bà-la-môn.

5. Đức Phật Sáng Ngời

Mặt trời sáng ban ngày ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại lâu đài Mẹ Migàra, liên quan đến Tôn giả A-nan.

Vào ngày lễ Tự tứ, vua Ba-tư-nặc đến tinh xá, nhà vua trang phục tô điểm thật rực rỡ, tay mang đầy hương hoa, chuỗi ngọc. Lúc ấy Tôn giả Ca-lưu-đà-di ngồi ở vòng ngoài chúng hội Tỳ-kheo, đang nhập định, toàn thân tỏa ra một luồng hỷ lạc, sáng như vàng. Và mặt trời đang lặn, mặt trăng vừa mọc. Tôn giả A-nan ngắm ánh mặt trời hoàng hôn, ngắm ánh trăng đang lên, nhìn vẻ rực rỡ của châu ngọc trên người vua, nhìn vàng hào quang sáng quanh Ngài Ca-lưu-đà-di, và cuối cùng nhìn đức Như Lai. Hào quang trên thân đức Thế Tôn vượt xa hơn tất cả. Ngài đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, hôm nay con ngắm ánh sáng của những thân và vật ấy, chỉ có hào quang Ngài làm cho con mãn nguyện, vì thân Ngài chiếu ánh sáng rực rỡ hơn hẳn các ánh sáng khác. Đức Phật bảo: - Này A-nan, mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, nhà vua thì sáng khi trang điểm lộng lẫy, các vị A-la-hán thì sáng khi nhập định thoát phàm. Nhưng chỉ có chư Phật luôn luôn chiếu sáng ngày cũng như đêm, rực rỡ hơn gấp năm lần. Ngài nói kệ: (387) Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm. Khí giới sáng Sát-lỵ. Thiền định sáng Phạm chí. Còn hào quang đức Phật, Chói sáng cả ngày đêm. Chú giải: Giới đức của Phật có oai lực sáng tỏ, làm lu mờ điều bất thiện. Đức hạnh của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Oai lực của trí tuệ che lấp vô minh. Oai lực của chánh hạnh che lấp điều bất chánh. 6. Thế Nào Là Tỳ Kheo? Dứt ác gọi Phạm Chí ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo. Một người Bà-la-môn nọ xuất gia theo thầy khác chứ không theo Phật, rồi lại nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi đệ tử là Tỳ-kheo. Ta cũng đáng được gọi như thế". Y bèn đến gặp Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật nói: - Ta không gọi ai là Tỳ-kheo chỉ vì lý do ông đưa ra. Ta chỉ gọi người đã trừ được lậu hoặc và cấu nhiễm là Tỳ-kheo, "Người đã xa lìa". Ngài nói kệ: (388) Dứt ác gọi Phạm Chí,

Tịnh hạnh gọi Sa-môn, Tự mình xuất cấu uế, Nên gọi bậc xuất gia. 7. Đức Nhẫn Nhục Chinh Phục Sự Tàn Ác. Chớ có đập Phạm Chí ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Một ngày nọ, các thiện tín ngồi chung lại và ca ngợi đức hạnh của Tôn giả Xá-lợi- phất: - Vị Tôn giả thầy chúng ta, thật là đức nhẫn cao đến nỗi dù ai mắng chửi hay đánh đập, Ngài cũng không giận. Lúc ấy, có một Bà-la-môn ngoại đạo hỏi: - Ai mà không hề giận dữ? - Thầy chúng tôi, Tôn giả Xá-lợi-phất. - Chắc hẳn chưa ai chọc giận được ông ấy? - Chưa hề có chuyện ấy đâu, Bà-la-môn. - Được rồi, tôi sẽ chọc giận ông ta. - Ông cứ thử xem. - Tin tôi đi, tôi biết cách nên hành động như thế nào với ông ta. Hôm sau, Tôn giả vào thành khất thực. Ông Bà-la-môn đi theo sau lưng Tôn giả tống một quả đấm vũ bão vào lưng Ngài. Tôn giả chỉ hỏi: "Cái gì thế?" mà không hề quay lại dòm và tiếp tục đi. Trước thái độ ấy, ông Bà-la-môn cảm thấy ân hận tràn ngập: "Ô! Thật là tôn quí thay đức hạnh của Tôn giả!". Ông ta sụp xuống dưới chân Ngài: - Xin Ngài hãy tha lỗi cho tôi. - Chuyện gì vậy? - Tôi muốn thử Ngài nên đã đấm vào lưng Ngài. - Được, tôi không giận ông. - Nếu Ngài sẵn lòng tha lỗi cho tôi, xin từ đây hãy chỉ đến nhà tôi thọ thực thôi. Và ông đỡ lấy bát Tôn

giả, đưa Ngài về nhà cúng dường bữa trưa. Tôn giả vui vẻ trao bát. Vài kẻ ngoại cuộc thấy vậy rất tức tối. - Tên ngoại đạo ấy đã đánh thầy chúng ta, một vị đáng lý không ai được xúc phạm, tội ấy không thể tha thứ. Chúng ta phải giết hắn. Họ nắm đất, đá, gậy gộc, kéo đến đứng trước cửa nhà người Bà-la-môn. Khi Tôn giả thọ thực xong trở ra, Ngài để bát cho người Bà-la-môn ôm, những người kia thấy ông ta đi ra với Tôn giả, bèn kêu: - Bạch Tôn giả, xin Ngài ra lệnh cho ông Bà-la-môn trở lại. - Này các đạo hữu, các ông muốn gì?

- Tên Bà-la-môn ấy đã đánh Ngài, và chúng con muốn xử hắn đích đáng. - Sao? Ông ấy đánh ta hay đánh các ông? - Thưa, đánh Ngài. - Nếu vậy, ông ấy đã xin lỗi ta, các ông về đi. Tôn giả khuyên các Phật tử, và cho phép ông Bà-la-môn về, Tôn giả trở lại tinh xá. Các vị Tỳ-kheo hết sức bất bình. - Thế này là sao? Một người Bà-la-môn đánh Tôn giả Xá-lợi-phất mà Ngài lại đến chính nhà của người ấy thọ thực! Ông ta đánh cả Tôn giả rồi thì còn kính trọng ai nữa? Ông sẽ đánh người này người nọ lung tung cho coi. Đức Thế Tôn nghe chuyện, bảo các thầy Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, không có việc người Bà-la-môn đánh Bà-la-môn, chỉ có Bà-lamôn phàm tục đánh vị Bà-la-môn thánh quả. Bởi vị nào đã chứng quả A-na-hàm hoàn toàn dứt trừ hết mọi giận dữ. Ngài nói kệ: (389) Chớ có đập Phạm Chí! Phạm Chí chớ đập lại! Xấu thay đập Phạm Chí! Đập trả lại xấu hơn! (390) Đối vị Bà-la-môn, Đây không lợi ích nhỏ, Khi ý không ái luyến, Tâm hại được chặn đứng, Chỉ khi ấy khổ diệt. 8. Ngài Di Mẫu Thọ Giới Với người thân, miệng, ý ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ngài Ma-ha Ba-xà-ba-đề. Trước khi công khai công bố Bát kỉnh pháp, đức Phật đã nói riêng cho Ngài Di Mẫu hay, và Ngài cúi đầu thọ lãnh giới pháp ấy, giống như người đã quen thuộc với việc được trang sức cúi đầu nhận vòng hoa thơm. Tất cả các vị trong nhóm của Ngài cũng làm y như vậy. Thầy Tế độ và Thân giáo sư của Ngài không ai khác hơn là chính đức Thế Tôn. Ngài đã được gia nhập Tăng đoàn của Phật. Về sau, một số Tỳ-kheo ni trong nhóm Ngài lại bàn tán về việc Ngài được thọ giới: - Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề không có thầy Tế độ, không có Thân giáo sư. Bà tự tay lãnh thọ y vàng một mình. Nghe thế, các Tỳ-kheo ni khác bất mãn không chịu làm lễ Bố tát và lễ Tự tứ với bà. Họ đến bạch Phật câu chuyện, Ngài dạy:

- Chính ta trao Bát kỉnh pháp cho bà, ta là thầy Tế độ, là Giáo sư của bà. Kẻ đã từ bỏ được những lỗi lầm cả về thân, miệng, ý, đã thoát mọi tham dục, với những người như thế không nên nuôi dưỡng tư tưởng bất mãn. Ngài nói kệ: (391) Với người thân, miệng, ý, Không làm các ác hạnh, Ba nghiệp được phòng hộ, Ta gọi Bà-la-môn. 9. Tôn Kính Người Đáng Tôn Kính Từ ai, biết chánh pháp ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất được nghe bài kệ Phật pháp đầu tiên từ Tôn giả Ác Bệ, và từ ngày chứng quả Tu đà hoàn, Tôn giả khi nghe ngài Ác Bệ nơi nào, luôn luôn hướng về phía ấy chấp tay cung kính, và luôn nằm xây đầu về hướng ấy. Các thầy Tỳ-kheo bàn tán: - Tôn giả Xá-lợi-phất theo tà đạo, mỗi ngày đều lễ tứ phương. Và họ đến bạch Phật. Phật gọi Tôn giả đến hỏi: - Này Xá-lợi-phất, họ báo cáo ông kính lễ tứ phương, có đúng không? - Bạch Thế Tôn! Ngài biết con, Ngài biết rằng con có hay không có kính lễ phương hướng. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Xá-lợi-phất không hề kính lễ phương hướng. Chỉ vì kính lễ Tôn giả Ác Bệ,

người đầu tiên mà Xá-lợi-phất được nghe pháp nên mới làm thế. Một vị Sa-môn kính trọng người dạy pháp như người Bà-la-môn kính thờ lửa thiêng. Ngài nói kệ: (392) Từ ai, biết chánh pháp, Bậc Chánh giác thuyết giảng, Hãy kính lễ vị ấy, Như Phạm chí thờ lửa. 10. Thế Nào Là Bà-La-Môn? Không vì đầu bện tóc ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn bện tóc. Chuyện kể rằng, một ông Bà-la-môn chợt nghĩ: "Ta thuộc dòng dõi Bà-la-môn thuần túy. Sa-môn Cồ-đàm thường gọi đệ tử Bà-la-môn. Ta cũng đáng được gọi như thế?". Nghĩ rồi, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật bảo: - Này Bà-la-môn, ta không gọi ai là Bà-la-môn chỉ vì người ấy đầu bện tóc, chỉ vì dòng dõi, huyết thống. Ta chỉ gọi người đã thâm nhập chân lý là Bà-la-môn.

Ngài nói kệ: (393) Được gọi Bà-la-môn, Không vì đầu bện tóc, Không chủng tộc, thọ sanh, Ai thật chân, chánh, tịnh, Mới gọi Bà-la-môn. 11. Người Bà-La-Môn Gian Xảo Kẻ ngu có ích gì... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Pháp đường, liên quan đến người Bà-la-môn gian xảo, treo ngược mình lên cây như dơi. Tại thành Tỳ-xá-ly, có một Bà-la-môn muốn cầu lợi dưỡng, y bèn leo lên cây xoài gần cổng thành, móc hai chân vào cành, lộn đầu xuống đất, la lên: - Hãy đem cho ta một trăm đồng vàng! Hãy cho ta xu bạc! Cho ta một người tớ gái! Nếu các người không cho những điều ta yêu cầu, ta sẽ buông chân ra, chết tại đây và trở thành ác thần phá hoại thành này. Lúc ấy, đức Phật cùng chư tăng vào thành khất thực. Các thầy Tỳ-kheo trông thấy người Bà-la-môn treo ngược người lên cành cây, và khi rời thành, các thầy thấy y còn treo trên cây. Dân cư trong thành thầm nghĩ: "Ông nội này đã treo ngược từ sáng tới giờ, nếu để ổng chết chắc chắn chúng ta không thể sống yên ở thành này". Và lo sợ cho thành Tỳ-xá-ly xinh đẹp, họ đem chất dưới gốc xoài những thứ y yêu cầu. Người Bà-la-môn leo xuống, thu chiến lợi phẩm và ra đi. Các thầy Tỳ-kheo lại thấy người Bà-la-môn gian xảo kia đi lang thang gần tinh xá đang rống lên như một con bò. Các thầy nhận ra y ngay, bèn hỏi: - Này bạn, có phải bạn đã đạt được những gì yêu cầu? - Phải. Các vị đến bạch đức Phật. Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên người ấy gian xảo như một tên bợm. Thời quá khứ y cũng như vậy. Nhưng trong kiếp này y lừa gạt được những kẻ chất phác kia, còn kiếp trước, y chẳng đánh lừa được người khôn ngoan. Rồi Ngài kể chuyện: Chuyện quá khứ: A. Nhà Ẩn Tu Giả Dối Và Kỳ Đà Chúa Ngày xưa, có một nhà ẩn tu ở gần một làng sống về nghề nông, và ông ta là một tên đạo đức giả. Lúc ấy, có một gia đình thường hay cúng dường thức ăn cho ông ta, dù ngày hay đêm họ đều chia sớt phần ăn cho nhà ẩn tu như họ đã chia cho con cái họ. Một chiều nọ, họ nướng thịt kỳ đà và để dành một phần cho nhà ẩn tu. Thầy tu nọ ngửi mùi thịt thơm phức bèn hỏi: - Thịt gì đấy? - Thịt kỳ đà.

Hôm sau, thầy khất thực được một mớ bơ, sữa đông và tiêu đem về cất trong lều cỏ. Gần lều thầy, có một cái đồi, một con kỳ đà chúa ở đấy. Nó thường viếng thầy và rất kính trọng thầy. Nhưng hôm ấy thầy muốn giết con kỳ đà nọ, bèn giấu một cây gậy trong áo, đến gần đồi cát và giả vờ ngủ. Khi con kỳ đà rời hang, đến gần chỗ thầy, thấy vẻ nằm đặc biệt khác thường, nó nghĩ thầm: "Hôm nay Sư phụ có vẻ làm sao ấy, ta không thích", và nó quay đầu bò trở về lại. Thầy tu thấy kỳ đà bò lui bèn ném cây gậy theo định giết, nhưng cây gậy rơi không trúng. Con kỳ đà lật đật nhảy vào hang, ngóc

đầu ra nói: - Tưởng thầy tu chân thật, Muốn gần, tôi đến nhanh, Gậy cầm, thầy toan giết, Lộ chân tướng giả danh. Kẻ ngu có ích gì, Bện tóc với da dê, Nội tâm toàn phiền não, Ngoài mặt đánh bóng suông. Nhà tu còn muốn dùng các thứ vật thực để dụ kỳ đà: - Kỳ đà, mau quay lại! Đến nếm món cháo này. Muối, tiêu, dầu ta có, Muốn gì sẽ được ngay. Kỳ đà đáp: - Càng nghe thầy nói, tôi càng muốn chạy xa. Và kỳ đà nói kệ: Thật đúng khi tôi chọn, Chỗ ẩn tít trên đồi, Thầy cho dầu, tiêu, muối, Với tôi, chúng ích gì! Rồi nó nói tiếp: - Rất tiếc khi trước tôi lầm tưởng thầy là nhà ẩn tu, nhưng khi thầy cầm gậy giết tôi, lớp áo đạo đức đã rơi xuống. Hỡi người vô tri, có ích gì khi thắt tóc bím. Có ích gì khi mặc áo da dê mà đầy những móng vuốt? Bên trong là dục vọng, bên ngoài lại điểm tô. Đức Phật kết luận: - Nhà ẩn tu ấy là người Bà-la-môn hiện nay, còn kỳ đà chúa là Ta. Ngài nói kệ: (394) Kẻ ngu có ích gì, Bện tóc với da dê, Nội tâm toàn phiền não, Ngoài mặt đánh bóng suông. 12. Bà Kisa Gotami , Vị Tỳ Kheo Ni Tu Hạnh Đầu Đà

Người mặc áo đống rác ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ngụ tại núi Linh Thứu, liên quan đến Tỳ-kheo ni Kisa Gotami. Vào buổi đầu hôm, trời Đế Thích cùng chư Thiên đến vây quanh đức Phật nghe pháp. Họ kính cẩn ngồi một bên để lắng nghe những lời dạy từ hòa của đức Thế Tôn. Lúc ấy, Đại Đức Tỳ-kheo ni Kisa Gotami chợt nghĩ: "Ta sẽ đến viếng đức Thế Tôn". Bà bay lên không trung, đến chỗ Phật, nhưng thấy trời Đế Thích bèn quay lui. Đế Thích thấy vậy hỏi Phật: - Bạch Thế Tôn, ai mới đến vừa thấy Ngài liền trở ra? Đức Phật bảo: - Đại vương, đó là đệ tử ta, Tỳ-kheo ni Kisa Gotami, người có hạnh Đầu đà bậc nhất. Ngài nói kệ: (395) Người mặc áo đống rác Gầy ốm, lộ mạch gân, Độc thân thiền trong rừng, Ta gọi Bà-la-môn. 13. Thế Nào Là Bà-La-Môn? Ta không gọi Phạm Chí ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn. Một người Bà-la-môn thầm nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm thường gọi các đệ tử là Bà-lamôn. Ta sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn, vậy ông ấy phải gọi ta danh hiệu Bà-là-môn". Nghĩ thế, ông đến yêu cầu Phật điều ấy. Phật nói: - Ta không gọi ai là Bà-la-môn chỉ vì họ sanh ra từ một người mẹ dòng Bà-la-môn. Người nào không sở hữu những của cải thế gian, không chạy theo những thứ thế tục, chỉ người ấy ta gọi Bà-la-môn. Ngài nói kệ: (396) Ta không gọi Phạm Chí, Vì chỗ sanh, mẹ sanh, Chỉ được gọi tên suông, Nếu tâm còn phiền não, Không phiền não chấp trước, Ta gọi Bà-la-môn. 14. Diễn Viên Xiếc Uggasena Đoạn hết các kiết sử ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Uggasena. Chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Bỏ quá, hiện, vi lai".

Lúc ấy, các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Uggasena nói: "Tôi không sợ", chắc chắn thầy ấy đã nói dối. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, giống như con ta, kẻ nào đã dứt trừ mọi ràng buộc, kẻ ấy chẳng còn sợ hãi. Ngài nói kệ: (397) Đoạn hết các kiết sử, Không còn gì lo sợ, Không đắm trước buộc ràng, Ta gọi Bà-la-môn. 15. Tranh Cãi Về Sức Kéo Bỏ đai da, bỏ cương ... Đức Thế Tôn, dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến hai người Bà-la-môn. Hai người Bà-la-môn nọ có hai con bò, một tên Tiểu Hồng (Culla Rohita), và một tên Đại Hồng (Mahà Rohita). Một hôm, hai ông Bà-la-môn bàn cãi, so sánh hai con bò của nhau, ai cũng nói "Bò tôi mới là số dzách!". Cãi lộn hết hơi rồi, họ nghĩ ra cách thử sức kéo của bò. Lập tức họ đánh xe bò ra bờ sông Aciravati,

thi nhau chất lên xe bò mình nào cát, đá thật đầy và bắt bò kéo. Nhưng mặc cho họ thúc giục, chiếc xe vẫn không nhúc nhích và thình lình dây thừng đều bị đứt. Các vị Tỳ-kheo lúc ấy ra sông tắm, thấy vậy về bạch Phật. Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, đó là những dây bên ngoài, có thể cắt đứt. Nhưng một vị Samôn phải cắt đứt những sợi dây giận dữ và tham dục ở nội tâm. Ngài nói kệ: (398) Bỏ đai da, bỏ cương, Bỏ dây, đồ sở thuộc, Bỏ then chốt, sáng suốt, Ta gọi Bà-la-môn. 16. Đức Thế Tôn Chế Ngự Kẻ Sân Giận Không ác ý, nhẫn nhục ... Đức Thế Tôn dạy những lời này trong khi Ngài đang trù tại Trúc Lâm, liên quan đến Akkosa Bhàradvàja. Khi Phật ở tại Trúc Lâm, có một tín nữ Bà-la-môn đã chứng quả Tu-đà-hoàn, mỗi khi bà hắt hơi, ho, hoặc trợt té, đều buột miệng: - Nam mô Phật Đà! Như Lai Tối tôn, Vô thượng giác! Chồng bà là một Bà-la-môn quạu quọ, không tin Phật, và rất bực mình khi nghe vợ mình cứ xưng tụng đức Phật. Ngày kia, trong khi dọn cơm cho các vị Bà-la-môn, bà trợt chân và cũng buộc miệng niệm danh hiệu Phật rất lớn. Ông Bà-la-môn nổi giận, nghĩ

thầm: "Thiệt là hết chịu nổi. Mụ vợ ngốc của ta mỗi lần trợt té cứ lải nhải tôn xưng ông Sa-môn đầu trọc như là thói quen si ám".

Ông bảo bà:

-Này, tôi cho bà biết, tôi sẽ đánh bại ông thầy bà bằng một cuộc tranh luận ngay bây giờ.

- Ông cứ tự tiện, tôi chưa thấy ai có thể thắng đức Thế Tôn cả. Ông cứ đi và hỏi Ngài một câu.

Ông Bà-la-môn đến chỗ Phật, không cần chào, đứng một bên và hỏi Ngài:

Muốn được sống an tịnh,
Phải dẹp bỏ thứ gì,
Để không còn ưu bi?
Điều gì nên trừ khử?
Xin nói cho nghe thử!
Ông giảng dạy cách nào,
Để người nghe được mau,
Thực hiện việc trừ khử?

Đức Phật đáp:

Sân hận khi không còn,
Sẽ được sống an tịnh,
Sân hận được trừ khử,
Ưu sầu không theo mình.
Gốc rễ sân độc địa,
Ngọn nhánh lại ngọt ngào,
Người trí luôn ca ngợi,
Người dẹp được sân hờn,
Bởi sân khi diệt sạch,
Ưu bi sẽ chẳng còn.

Người Bà-la-môn nghe Phật nói, tin nhận bèn xuất gia và đắc A-la-hán. Em trai ông nghe tin ông đã xuất gia theo Phật bèn giận dữ đến mắng chửi Phật. Nhưng đức Phật cũng chinh phục người này bằng thí dụ "vật thực cho khách", rồi y cũng xuất gia theo Phật chứng A-la-hán. Hai người em út hết, cũng như hai anh, đến rầy rà đức Phật, rốt cuộc cũng bị chinh phục, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngày đó, các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường:

- Thật là kỳ diệu thay, hạnh nhẫn nhục của chư Phật. Cả bốn anh em đến mắng chửa đức Thế Tôn mà Ngài không đáp lời nào, còn khiến họ quy y.

Lúc ấy, đức Phật đến gần hỏi:

- Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì?

Các thầy bạch Phật. Ngài giải thích:

- Này các Tỳ-kheo, vì Ta có sức từ nhẫn, vì ta là người không gây tội giữa thế gian đầy lỗi lầm, nên Ta là nơi nương tựa chân thật cho chúng sanh. Ngài nói kệ: (399) Không ác ý, nhẫn chịu, Phỉ báng, đánh, phạt hình, Lấy nhẫn làm quân lực, Ta gọi Bà-la-môn. 17. Tôn Giả Xá Lợi Phất Bị Mẹ Mắng. Không hận, hết bổn phận ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Khi Phật ở tại tinh xá Trúc Lâm, một hôm ngài Xá-lợi-phất dẫn năm trăm vị Tỳkheo đi khất thực và đến trước nhà bà mẹ Ngài trong làng Nàlaka. Bà mẹ mời chư Tăng vào nhà, chuẩn bị chỗ ngồi và trong khi dọn thức ăn cho Tôn giả, bà mắng Ngài: - Hừm! Đồ ăn mày! Mi lang thang từ nhà này sang nhà nọ để xin cơm thừa canh cặn không được, phải liếm láp cháo dính trên vá, trên muỗng! Vậy mà mi cũng từ bỏ gia tài ức triệu để làm thầy tu. Thiệt nhục nhã cho mẹ mi! Ăn đi! Và khi dọn thức ăn cho các thầy Tỳ-kheo, bà cũng rủa: - Mấy người đã rũ rê con ta để làm đầy tớ cho mấy người đây hả? Ăn đi! Tôn giả Xá-lợi-phất không nói một tiếng, nhận thức ăn, và đi về tinh xá. Khi ngài La-hầu-la đem cơm dâng Phật, đức Thế Tôn hỏi: - Này La-hầu-la! Hôm nay ngươi đi tới đâu? - Dạ, đến nhà của bà cô con, bạch Thế Tôn! - Bà ấy có nói gì với thầy ngươi không? - Bạch Thế Tôn, bà ấy mắng chửi dữ dội. - Bà ấy nói những gì? La-hầu-la kể lại cho đức Phật nghe câu chuyện, và Ngài hỏi: - Rồi thầy ngươi trả lời ra sao? - Bạch Thế Tôn, Tôn giả chẳng trả lời gì hết. Các vị Tỳ-kheo nghe chuyện, bàn tán với nhau: - Này chư huynh! Cao quý thay đức nhẫn của Tôn giả Xá-lợi-phất! Dù cho mẹ Ngài mắng chửi như thế đó, Ngài chẳng hề giận một chút nào. Đức Thế Tôn nghe thế bèn dạy: - Này các Tỳ-kheo, người nào thanh trừ được mọi dục vọng xấu, người ấy không còn sân giận. Ngài nói kệ: (400) Không hận, hết bổn phận, Trì giới, không tham ái, Nhiếp phục, thân cuối cùng,

Ta gọi Bà-la-môn. 18. A-La-Hán Có Phàm Thân Hay Không? Như nước trên lá sen ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tỳ- kheo ni Uppalavannà. Chuyện được kể đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Người ngu nghĩ là ngọt, khi ác chưa chín mùi". Truyện kể tiếp rằng: Sau đó ít lâu các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường: "Chắc các vị đã trừ hết lậu hoặc vẫn còn phải thỏa mãn nhục dục. Tại sao không? Họ đâu phải cây lá hay đất cục mà cũng mang thân người với máu thịt, do đó thế nào cũng còn ưa khoái lạc". Đức Thế Tôn nghe chuyện bèn giải thích: - Này các Tỳ-kheo, không bao giờ người đã thanh trừ ái dục lại yêu thích khoái lạc hay thỏa mãn nhục dục. Như một giọt nước rơi trên lá sen không bao giờ dính lại,

nó lăn tròn và rơi xuống, như hạt cải không bao giờ dính trên đầu cây kim, cũng như tình ái không bao giờ ràng buộc hay còn vương vấn nơi những vị đã tận trừ ái nhiễm. Ngài nói kệ: (401) Như nước trên lá sen, Như hạt cải đầu kim, Người không nhiễm ái dục, Ta gọi Bà-la-môn. 19. Người Nô Lệ Trút Gánh Nặng Ai tự trên đời này ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn. Khi chưa có điều luật không cho phép nhận nô lệ trốn chủ vào Tăng đoàn, một hôm người nô lệ của một Bà-la-môn đến xin xuất gia. Y được nhận vào Tăng đoàn và chẳng bao lâu chứng A-la-hán. Người Bà-la-môn tìm khắp nơi nhưng không gặp. Một hôm đức Phật dẫn vị A-la-hán ấy vào thành khất thực, người Bà-la-môn trông thấy ở cổng thành bèn níu y của Tôn giả nọ. Đức Phật quay lại hỏi: - Này Bà-la-môn, chuyện gì vậy? - Thưa Ngài Cồ-đàm, đây là kẻ tôi tớ của tôi. - Này Bà-la-môn, gánh nặng đã rời khỏi y. Nghe đức Phật nói, người Bà-la-môn lập tức hiểu rằng người ấy đã chứng A-la-hán. Ông hỏi lại: - Có thật không, thưa Cồ-đàm? Đức Phật xác nhận: - Thật vậy, gánh nặng của người ấy đã buông xuống rồi. Ngài nói kệ: (402) Ai tự trên đời này, Giác khổ, diệt trừ khổ,

Bỏ gánh nặng, giải thoát, Ta gọi Bà-la-môn. * 20. Khamà Trí Tuệ. Người trí tuệ sâu xa ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại núi Linh Thứu, liên quan đến Tỳ-kheo ni Khemà. Ngày nọ, lúc đầu hôm, vua trời Đế Thích dẫn chư thiên đến nghe Phật thuyết pháp, lúc ấy Tỳ-kheo ni Khemà cũng khởi nghĩ: "Ta sẽ đến thăm đức Thế Tôn". Bà bay đến chỗ Phật, gặp Đế Thích và chư thiên, bèn đảnh lễ Phật rồi lui ra, Đế Thích hỏi Phật: - Ai vậy, thưa Thế Tôn? - Này Đại vương, đó là Tỳ-kheo ni Khemà, trí tuệ đệ nhất, biết rõ đâu là đạo và đâu không phải là đạo. Ngài nói kệ: (403) Người trí tuệ sâu xa, Khéo biết đạo, phi đạo, Chứng đạt đích vô thượng, Ta gọi Bà-la-môn. 21. Vị Sa Môn Và Thiên Thần Không liên hệ cả hai ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Tissa Pabbhàravàsì. Đại đức Tissa Pabbhàravàsì khi nhận đề mục thiền quán từ đức Phật, bèn vào rừng cư trú. Đại đức tìm được một cái hang kín đáo thích hợp. Khi vừa đến hang, Ngài thấy lòng an tịnh, bèn nghĩ thầm: "Nếu ở đây, ta sẽ đạt được mục tiêu tối thượng, làm xong bổn phận của Sa-môn". Khi ấy vị thần ở hang cũng nghĩ: "Một vị Sa-môn đạo hạnh đã đến ở đây, thiệt là khó xử cho ta khi ở chung với người. Có lẽ Ngài chỉ trú đêm, rồi đi nơi khác". Thần bèn dắt con cái rời hang. Ngày sau, Tôn giả vào làng khất thực. Một nữ thí chủ trông thấy Ngài đem lòng kính ngưỡng bèn mời vào nhà cúng dường, và phát nguyện sẽ cúng dường đầy đủ những món cần thiết trong ba tháng an cư. Tôn giả nghĩ rằng: "Nhờ Phật tử này ta sẽ đạt được sở nguyện", bèn nhận lời thỉnh. Rồi Ngài trở về động cũ. Trông thấy Ngài về tới, thần hang nghĩ: "Chắc có ai mời Ngài. Ngày mai hay mốt Ngài sẽ đi". Như thế nửa tháng trôi qua, vị thần thất vọng: "Chắc chắn Tôn giả sẽ ở đây suốt mùa mưa. Thiệt khó cho khi ở chung với vị Sa-môn đạo hạnh, mà cũng không thể mời Ngài đi nơi khác. Ta có thể tìm lỗi của Ngài không?" Nữ thần dùng thiên nhãn quan sát cuộc đời của vị Sa-môn từ khi xuất gia

đến lúc vào rừng, chẳng thấy có tỳ vết. "Đức hạnh của vị này hoàn toàn tinh khiết. Ta sẽ tìm cách kiếm chuyện và có thể nói lỗi Ngài được". Nữ thần đến nhà thí chủ của Tôn giả, nhập vào đứa bé trai nhỏ nhất, và bẻ cổ nó, đứa bé tự dưng trợn mắt và sùi bọt

mép. Người mẹ hoảng sợ kêu lên: - Sao con tôi như thế này? Nữ thần nói với bà: - Ta đã bắt con ngươi, nhưng không làm hại gì. Ngươi chỉ cần xin vị Tỳ-kheo hằng đến đây khất thực một ít cây thuốc cho con ngươi uống, ta sẽ buông tha. - Thà con tôi chết, tôi không bao giờ xin Ngài điều ấy. - Nếu không xin, ngươi hãy yêu cầu Tôn giả đặt thuốc vào mũi con ngươi. - Tôi cũng không thể làm như vậy. - Thôi được, hãy rửa chân Tôn giả, và lấy nước rảy lên đầu con ngươi. Khi Tôn giả đến như thường lệ, bà dọn thức ăn ra cho Ngài và bưng một thau nước đến cho Tôn giả rửa chân. Bà xin Tôn giả nước rửa ấy rảy lên đầu con trai, Tôn giả bằng lòng và đứa bé được buông tha. Vị thần đứng chờ ở cửa hang. Thọ trai xong, Tôn giả đứng lên và vẫn không rời đề mục thiền quán, Ngài từ giã nữ thí chủ trở về hang, vừa đi vừa thầm ôn ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân. Tôn giả mới đến cửa hang, nữ thần đã nói: - Xin chào thầy lang mát tay. Ngài chớ vào đây nữa. Tôn giả liền dừng lại hỏi: - Ngươi là ai? - Tôi là vị thần trú ở đây. Tôn giả thầm nghĩ: "Ta có từng bao giờ làm thầy thuốc không?" Ngài quán sát suốt cuộc đời mình từ lúc xuất gia vào Tăng đoàn, thấy chẳng có một tỳ vết gì hoen ố, bèn bảo nữ thần: - Ta chẳng bao giờ làm thầy thuốc cả. Tại sao ngươi nói vậy? - Chẳng bao giờ ư? - Đúng thế, chẳng bao giờ. - Tôi sẽ cho thầy hay. - Vâng, xin cứ nói. - Thầy hãy nhớ lại xem. Ngày hôm nay thôi, thầy có rảy nước rửa chân lên đầu con bà thí chủ đang hộ trợ thầy, bị ma bắt không? - Có, ta có rảy nước như thế. - Thầy không thấy là đã làm thầy lang ư? - Vậy ra ngươi nói ta làm thầy thuốc là việc ấy? - Đúng thế. Tôn giả tự nghĩ: "Quả thực ta đã có quyết tâm đúng đắn. Ta đã thực sự giữ được giới hạnh tương ứng. Ngay cả vị thần này cũng không tìm được tỳ vết nơi đức hạnh ta, do

ta nghiêm trì bốn giới thanh tịnh. Bà chỉ tìm được chuyện ta rảy nước rửa chân lên đầu một cậu bé". Với ý nghĩ đã giữ được đạo hạnh trọn vẹn thanh tịnh, Tôn giả cảm thấy vô cùng hoan hỉ. Rồi Tôn giả chế ngự cảm xúc ấy và chẳng rời đi một bước, Ngài đắc quả A-lahán. Ngài dạy nữ thần: - Ngươi đã vô cớ xúc phạm ta là một Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh. Hãy đi đi, đừng ở đây nữa. Ngài nghiêm nghị nói kệ: Cuộc sống ta trong sạch, Phạm hạnh không vết tỳ. Thanh tịnh tăng chớ mắng, Mau ra khỏi rừng đi. Tôn giả ở lại hang đến hết mùa an cư rồi trở về chỗ Phật. Các thầy Tỳ-kheo hỏi: - Này huynh, huynh đã đạt được mục đích tối thượng, làm tròn bổn phận một Samôn chưa? Tôn giả kể kinh nghiệm vừa qua cho các thầy nghe, bắt đầu từ lúc đến hang ở. Các thầy hỏi: - Này huynh, khi nữ thần kia nói huynh như thế huynh có nổi giận không? - Không, tôi không giận. Các thầy Tỳ-kheo đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối. Thầy nói khi nữ thần bảo thầy nọ kia, thầy không giận. Đức Thế Tôn lắng nghe họ kể hết chuyện. Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, con ta không sân giận. Thầy ấy chẳng chuyện trò với cư sĩ hoặc tu sĩ, sống đời độc cư, thiểu dục và tri túc. Ngài nói kệ: (404) Không liên hệ cả hai, Xuất gia và thế tục, Sống độc thân, ít dục, Ta gọi Bà-la-môn. 22. Vị Sa Môn Và Người Đàn Bà Bỏ trượng, đối chúng sanh ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo. Một thầy Tỳ-kheo nọ sau khi nhận đề mục thiền quán liền lui vào rừng sâu, chuyên chú hành thiền và đắc quả A-la-hán. Thầy tự nghĩ: "Ta sẽ đến trình lên đức Thế Tôn niềm an lạc vô biên vừa đạt được này". Và thầy rời khu rừng, lên đường trở về. Lúc ấy, tại một xóm làng thầy vừa đi ngang, có người đàn bà cãi nhau với chồng. Khi ông

chồng đi khỏi nhà, cô nghĩ: "Ta sẽ về nhà ta". Cô liền ra đi trên đường, thấy vị Sa-môn, cô lại nghĩ: "Ta nên đi gần Tôn giả này", rồi cô đi theo thầy Tỳ-kheo bén gót. Tôn giả chẳng hề nhìn ngó gì đến cô cả. Ông chồng trở về nhà không thấy cô vợ đâu thì biết ngay: "Chắc cô ả về nhà mẹ", ông liền đi kiếm. Khi trông thấy cô, ông nghĩ: "Cô này không thể nào đi qua rừng một mình được đâu. Cô ả đi với ai?" Bỗng ông thấy vị Sa-môn: "Chắc thầy này dẫn cô ả đi rồi đây". Ông bèn tiến đến đe dọa thầy Tỳ-kheo, cô vợ kêu lên: - Vị Sa-môn đức hạnh này chẳng hề nhìn ngó hay hỏi han tôi tiếng nào. Xin đừng xúc phạm thầy. - Bộ bà muốn nói bà bỏ đi kiểu này đây hả? Ta sẽ cho hắn một trận xứng đáng với tội của riêng bà thôi đấy. Trong cơn tức giận vì căm ghét người đàn bà, ông đánh thầy Tỳ-kheo nhừ tử rồi dẫn cô vợ về. Thân thể vị Sa-môn đầy những lằn roi khi thầy về tu viện, các thầy khác chà xát người cho thầy để ý thấy các vết roi bèn hỏi. Thầy kể lại đầu đuôi câu chuyện. Các thầy nói: - Nhưng này huynh, khi ông kia đánh huynh như vậy, huynh có nói gì không? Huynh có nổi xung không? - Không, thưa chư huynh. Tôi không giận. Các thầy bạch lên đức Phật câu chuyện và thưa: - Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi thầy Tỳ-kheo có giận không, thầy ấy nói chẳng giận. Thầy ấy nói dối. Đức Thế Tông lắng nghe chuyện họ kể và dạy: - Này các Tỳ-kheo, kẻ nào đã trừ được lậu hoặc liền bỏ hết roi gậy. Dù ai đánh họ, họ cũng không sân giận lại. Ngài nói kệ: (405) Bỏ trượng, đối chúng sanh. Yếu kém hay kiên cường, Không giết, không bảo giết, Ta gọi Bà-la-môn. 23. Bốn Vị Sa Di Thân thiện giữa thù địch ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến bốn vị Sa-di. Bà vợ của người Bà-la-môn nọ sửa soạn một bữa ăn cho bốn vị Sa-môn được đặc biệt chọn mời. Bà bảo ông chồng: - Ông hãy đến tinh xá và bảo họ chọn cho bốn vị Bà-la-môn lão thành, rồi rước về nhé! Ông Bà-la-môn đến tinh xá, thưa:

- Xin chọn cho bốn vị Bà-la-môn và đưa họ ra gặp tôi. Những vị được chọn rơi nhằm bốn chú Sa-di mới lên bảy tuổi nhưng đã đắc quả A-la-hán, gồm các Tôn giả Samkicca, Pandita, Sopàka và Revata. Bà vợ người Bà-la- môn chuẩn bị các chỗ ngồi rất lộng lẫy, sang trọng và đứng chờ. Vừa thấy bóng các Sa-di, bà đã giận sôi lên, nổ một tràng dài nghe như muối kêu trên lò lửa: - Ông đến tinh xá mà đưa về bốn đứa trẻ nít chẳng lớn bằng cháu chắt ông. Bà không chịu mời các chú ngồi lên chỗ đã soạn sẵn, lại trải chỗ ngồi khác thấp hơn và kêu họ: - Ngồi đây này! Xong bà bảo ông chồng: - Ông ơi, ông đi mời vài vị Sa-môn lão thành về đây. Ông Bà-la-môn đến tinh xá, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa: - Xin mời Ngài về nhà tôi. Ông đưa Tôn giả về nhà. Thấy các vị Sa-di ngồi đó, Tôn giả hỏi: - Các Sa-môn này đã thọ trai chưa? - Dạ, chưa. Khi biết chủ nhà chỉ nấu bốn phần ăn, Tôn giả nói: - Xin mang trả bát cho tôi. Rồi Tôn giả ôm bát, rồi nhà ông Bà-la-môn. Bà vợ hỏi: - Thầy ấy nói gì thế? - Thầy nói:"Các viï Sa-môn ngồi đây đáng được thọ nhận vật thực. Xin trả bát cho tôi". Nói xong thầy ấy cầm bát và đi về. Bà vợ bảo: - Chắc ổng không muốn ăn, thôi ông đi mau lên, kiếm một vị Sa-môn khác đưa về đây. Ông Bà-la-môn trở lại tinh xá lần nữa, và gặp Tôn giả Mục-kiền-liên, cũng thưa như trước và dẫn Tôn giả về nhà. Ngài Đại Mục-kiền-liên thấy các chú Sa-di, cũng hỏi y như Tôn giả Xá-lợi-phất và cầm bát đi thẳng. Bà vợ nói: - Các Tôn giả này không muốn thọ trai. Ông hãy đến tinh xá lần nữa đi, và chỉ mời vị Sa-môn lão thành thôi. Bấy giời các Sa-di từ sáng sớm chưa có hột cơm nào vào bụng. ngồi đói run rẩy. Do sức mạnh

của phước đức họ, ngai trời Đế Thích nóng lên. Ngài tìm hiểu nguyên nhân, thấy nhóm Sa-di ngồi từ sáng đang đói lả người đến kiệt sức, liền nghĩ: "Ta có nhiệm vụ phải đến đấy". Ngài cải trang thành một Sa-môn già lọm khọm, đến tinh xá và ngồi vào chỗ dễ thấy nhất giữa các vị Sa-môn. Ông Bà-la-môn trông thấy Đế Thích, nghĩ: "Mụ vợ ta hẳn sẽ hài lòng". Ông mời Đế Thích về nhà. Bà vợ vừa trông thấy Đế Thích liền tươi cười hớn hở, lấy thảm và chiếu đôi phủ lên một chỗ ngồi, mời chào rối rít: - Kính bạch Đại đức tôi quí, xin mời Ngài an tọa.

Đế Thích vào nhà liền đến đảnh lễ bốn vị Sa-di, năm vóc gieo sát đất, rồi Ngài kiếm chỗ ngồi kiết già dưới đất gần mé bộ ván thấp nơi các chú đang ngồi. Bà vợ ông Bà-la-môn thấy thế, nói: - Đúng là ông rước về nhà một vị Sa-môn thiệt đó. Ông đưa về vị này lớn bằng cha ông mà thầy ấy lại đi chào các chú Sa-di tuổi bằng cháu chắt ổng. Ta đâu cần người như ổng. Đuổi ổng ra đi! Ông Bà-la-môn nắm vai Đế Thích, rồi kéo tay, đẩy lưng,ráng sức lôi Ngài ra ngoài, nhưng Đế Thích ngồi không nhúc nhích. Bà vợ bảo: - Ông nắm một tay, tôi sẽ nắm tay kia. Hai ông bà nắm cả hay tay Đế Thích, hì hục đẩy sau lưng, ráng lôi được Ngài ra khỏi cửa. Nhưng Đế Thích hóa phép ngồi yên chỗ cũ, hai tay vẫy lia lịa chào họ. Hai ông bà trở vào thấy Ngài ngồi y đó thì sợ hãi, ré lên khủng khiếp và đề Ngài tự do. Bấy giờ Đế Thích cho biết Ngài là ai. Hai ông bà liền mời khách thọ trai. Xong xuôi, năm vị khách từ giã. Một vị Sa-di bay xuyên qua nóc nhà. Vị thứ hai xuyên qua mái trước, vị thứ ba tung mái sau, vị thứ bốn chui xuống đất, còn Đế Thích thì ra bằng một ngõ khác nữa. Cứ thế, năm vị mỗi vị rời ngôi nhà kia một kiểu. Từ đó ngôi nhà được biết đến với tên "Nhà có năm cửa. Các vị Sa-di về tinh xá, các thầy Tỳ-kheo hỏi: - Sao? Chư huynh đi thọ trai thế nào? - Thôi, xin chư huynh chớ hỏi nữa! Vợ ông Bà-la-môn vừa thấy chúng đệ đã nổi giận đùng đùng. Bà không cho chúng đệ ngồi vào chỗ dọn sẳn, mà bảo ông chồng: "Ông mau mau đi rước cho một vị Sa-môn lão thành". Thầy tế độ của chúng đệ đến, thấy chúng đệ đó liền nói: "Các vị Sa-môn đang ngồi đây cần được cúng dường cơm". Nói xong, Tôn giả yêu cầu trả bát rồi đi. Bà vợ lại nói: "Ông làm ơn đi rước cho một vị Sa-môn lão thành khác". Ông chồng đưa Tôn giả Mục-kiền-liên về nhà. Khi thấy chúng đệ, Tôn giả lại nói y như Tôn giả Xá-lợi-phất và đi luôn. Bà vợ bảo chồng: "Các vị Tôn giả này không muốn thọ trai. Ông Bà-la-môn ơi, ông hãy đến tinh xá và rước cho tôi một vị Sa- môn lão thành thôi". Ông chồng lần này rước đúng Đế Thích cải trang Sa-môn dẫn về. Lúc ấy, hai ông bà mới cho chúng đệ ăn. - Nhưng thế chư huynh không giận sao? - Không, chúng đệ chẳng giận. Các thầy Tỳ-kheo nghe họ trả lời, bèn đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, các Sa-di này nói "chúng tôi không giận" là nói dối. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, người đã trừ được lậu hoặc chẳng kháng cự kẻ chống đối họ. Ngài nói kệ: (406) Thân thiện giữa thù địch, Ôn hòa giữa hung hăng, Không nhiễm, giữa nhiễm trước,

Ta gọi Bà-la-môn. 24. Tôn Giả Đại Bàn-Đặc Có Còn Tham, Sân Không? Người bỏ rơi tham, sân ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Đại-bàn-đặc (Big Wayman) Khi Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc (Little Wayman) ba tháng không thuộc nổi một bài kệ, anh của Ngài là Tôn giả Đại Bàn-đặc đuổi Ngài ra khỏi tinh xá, đóng cửa lại rồi bảo: - Chú thiếu khả năng, không hiểu nổi Phật pháp, còn hạnh phúc thế gian chú cũng rời bỏ rồi. Đâu còn lý do gì để chú tiếp tục ở lại đây? Chú

hãy đi đi. Các thầy Tỳ-kheo bàn tán về chuyện ấy, nói: - Này chư huynh, Tôn giả Đại Bàn-đặc làm thế này thế nọ. Chắc chắn ngay cả những vị đã xa lìa cấu nhiễm thỉnh thoảng vẫn còn sân hận. Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì? Các thầy bạch lên Phật vấn đề. Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, không phải đâu. Những kẻ đã xa lìa cấu nhiễm trong tâm chẳng còn các hoặc, tham, sân và si. Ông ấy hành động như vậy chỉ vì ông đặt Phật pháp, và tinh thần Phật pháp lên trên tất cả. Ngài nói kệ: (407) Người bỏ rơi tham, sân Không mạn, không ganh tị. Như hột cải đầu kim Ta gọi Bà-la-môn. 25. Sức Mạnh Tập Khí Nói lên lời ôn hòa ... Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Pilindavaccha. Thượng tọa Pilindavaccha dường như có thói quen nói năng với cư sĩ và Sa-môn bằng những lời lẽ chỉ dùng để gọi những kẻ lang thang cầu bơ cầu bất. - Này đến đây, cha nội! Hoặc: - Thôi đi đi, lão đê tiện. Một hôm, nhiều thầy Tỳ-kheo đến phàn nàn với đức Phật về hành vi của Tôn giả. Các thầy nói: - Bạch Thế Tôn, Thượng tọa Pilindavaccha gọi các thầy Tỳ-kheo bằng những từ chỉ dùng cho hạng đầu đường xó chợ. Đức Phật cho gọi Tôn giả đến, hỏi: - Có người nói lỗi ông là đã gọi các Tỳ-kheo bằng những cử chỉ dùng cho hạng đầu đường xó chợ. Có không, Vaccha?

- Bạch Thế Tôn, có ạ! Con có lỗi ấy. Đức Phật nhớ lại xem các kiếp trước vị Thượng tọa đó đã ở đâu, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo: - Này các Tỳ-kheo, các ông đừng giận Tỳ-kheo Vaccha. Chẳng phải ông Vaccha còn nuôi lòng hận ghét bên trong mà nói năng với Tỳ-kheo huynh đệ như thế đâu. Thực tế là ông ấy đã qua năm trăm kiếp tái sanh vào nhà một người Bà-la-môn, và ông ấy đã sử dụng loại ngôn từ này quen thuộc trong suốt một thời gian lâu dài đến nỗi giờ đây nói với ai cũng thế, chỉ do sức mạnh của tập khí thôi. Người đã trừ được lậu hoặc chẳng bao giờ dùng lời lẽ thô bỉ, độc ác, chẳng bao giờ nói những lời khiến người vừa nghe liền thấy tổn thương. Chi do sức mạnh tập khí mà người đệ tử ấy của Ta nói năng kiểu ấy. Ngài nói kệ: (408) Nói lên lời ôn hòa, Lợi ích và chân thật, Không mất lòng một ai, Ta gọi Bà-la-môn. 26. Thầy Tỳ Kheo Bị Kết Tội Trộm Cắp Ở đời vật dài, ngắn ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo. Tại thành Xá-vệ, có một người Bà-la-môn mang nặng tà kiến, một hôm vì sợ tấm vải choàng ngoài của mình có mùi mồ hôi, bèn cởi ra để ở ngoài, rồi ngồi quay mặt vào nhà mình. Lúc ấy, có một vị Sa-môn đã đắc A-la-hán, sau khi thọ trai đang đi về tinh xá , thấy tấm vải và nhìn quanh không có ai, thầy nghĩ nó vô chủ liền lượm nó như thầy từng lượm vải rách bị liệng bỏ, và cầm đi. Ông Bà-la-môn trông thấy liền đi đến mắng chửi Tôn giả: - Này lão Tỳ-kheo đầu trọc kia, ngươi lấy tấm vải của ta đấy. - Này Bà-la-môn, tấm vải này của ông ư? - Đúng. - Tôi nhìn quanh không thấy ai, tưởng nó là đồ bỏ đi liền nhặt lấy. Đây, trả ông. Nói rồi Tôn giả đưa tấm vải cho ông Bà-la-môn. Khi về tinh xá, thầy kể chuyện cho các thầy Tỳ-kheo nghe. Các thầy bèn trêu Tôn giả: - Này huynh, tấm vải huynh nhặt dài hay ngắn, thô hay mịn? - Thưa chư huynh, tôi chẳng cần biết nó dài hay ngắn, thô hay mịn. Tôi không tham đắm nó. Tôi nhặt chỉ vì nghĩ nó là đồ người ta bỏ, thế thôi. Các thầy nghe nói vậy bèn bạch Phật câu chuyện, và thưa: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, không phải đâu. Tỳ-kheo này đã nói rất thật. Kẻ nào trừ được lậu hoặc không lấy vật người khác.

Ngài nói kệ: (409) Ở đời, vật dài, ngắn, Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu, Phàm không cho không lấy, Ta gọi Bà-la-môn. 27. Tôn Giả Xá Lợi Phất Bị Hiểu Lầm. Người không có hy cầu ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất. Một thời nọ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo đến kiết hạ an cư tại một tinh xá và ở đấy suốt ba tháng an cư. Dân chúng trông thấy Tôn giả liền đến hứa xin cúng dường tứ sự. Nhưng sau khi Tôn giả cử hành xong lễ Tự tứ rồi, các vật dụng cúng dường vẫn chưa được mang đến hết. Trước lúc lên đường về gặp đức Thế Tôn, Tôn giả dặn dò các Tỳ-kheo ở lại: - Khi nào người ta đem các món cúng dường kia đến cho các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di, xin các thầy nhận và gởi đi dùm. Còn nếu họ không đem đến, cũng xin các thầy làm ơn nhắn giúp tôi một tiếng. Xong, Tôn giả đi về chỗ đức Phật ở. Các thầy Tỳ-kheo bàn tán: - Nghe những lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói hôm nay, cũng thấy lòng tham còn rơi rớt nơi ông ấy. Tôn giả còn dặn về những món người ta cúng dường cho các Tỳ-kheo cùng đoàn mình: "Xin các thầy gởi đi dùm, hoặc không thì làm ơn nhắn giúp tôi một tiếng!". Lúc ấy đức Phật đi đến, hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán chuyện gì? Các thầy Tỳ-kheo thưa câu chuyện. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, con Ta không còn tham. Trong tâm ông ấy chỉ nghĩ: "Mong rằng các thí chủ không bị mất phước, mong rằng các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di không bị thất thoát những lợi dưỡng cao quý". Do vậy ông ấy mới dặn dò như thế. Ngài nói kệ: (410) Người không có hy cầu, Đời này và đời sau, Không hy cầu, giải thoát, Ta gọi Bà-la-môn. 28. Tôn Giả Mục Kiền Liên Bị Hiểu Lầm Người không còn tham ái ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Mục-kiền-liên.

Câu chuyện tương tự như chuyện trên. Kết cuộc, biết Tôn giả Mục-kiền-liên đã dứt được tham ái, Phật nói kệ: (411) Người không còn tham ái, Có trí, không nghi hoặc, Thế nhập vào bất tử, Ta gọi Bà-la-môn. 29. Bỏ Cả Tốt Lẫn Xấu Người sống ở đời này ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Pubbàràma, liên quan đến Tôn giả Revata. Câu chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu với câu: "Làng mạc hay núi rừng". Chuyện kể tiếp rằng: Lại một hôm các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong pháp đường: - Ôi, vị Sa-di đó được lợi lạc lớn lao biết mấy! Ôi! Phước đức của chú thật vô lượng vô biên! Tưởng tượng một người mà xây dựng được năm trăm chỗ ở cho năm trăm thầy Tỳ-kheo. Lúc ấy, đức Phật đi đến, hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì? Các thầy bạch Phật câu chuyện. Ngài dạy: - Này các Tỳ-kheo, Revata chẳng có phước hay vô phước. Người ấy đã buông bỏ cả hai. Ngài nói kệ: (412) Người sống ở đời này, Không nhiễm cả thiện ác, Không sầu, sạch không bụi, Ta gọi Bà-la-môn. 30. Tôn Giả Nguyệt Quang Như trăng, sạch không uế.. Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Nguyệt Quang, Candàbhà. Chuyện quá khứ: A. Người Thợ Rừng Cúng Dường Chiếc Đĩa Mặt Trăng Thuở lâu xa thời quá khứ, có một thương gia sống ở Ba-la-nại, một hôm tự bảo: "Ta sẽ đi về vùng biên giới kiếm gỗ đàn hương". Ông mua thật nhiều quần áo, đồ trang sức.v.v. dẫn theo năm trăm cỗ xe đi về vùng biên địa, dừng lại nghỉ đêm tại một cổng làng, và hỏi các cậu bé chăn bò trong rừng: - Trong làng này có ai làm nghề đi rừng không? - Có - Ông ta tên gì?

- Tên như vậy, như vậy. - Vợ và con ổng tên gì? - Tên như thế, như thế. - Nhà ổng ở đâu? - Ở chỗ như vầy, như vầy. Thương gia ngồi trên cỗ xe thật êm, đi theo lời chỉ dẫn của các chú bé, đến trước cửa nhà người thợ rừng liền xuống xe, vào nhà hỏi thăm bà chủ nhà có phải tên nọ, tên kia không. Bà chủ thầm nghĩ: "Đây chắc bà con mình". Bà nhanh nhẩu đem ghế mời ông ngồi. Thương gia lại nói tên ông chủ nhà, hỏi thăm: - Ông bạn tôi đâu rồi? - Thưa Ngài, ông ấy đi rừng. - Các cháu A, cháu B đâu? Ông hỏi thăm tỉ mỉ từng người trong nhà, gọi tên đủ cả. Xong, ông biếu tặng các thứ quần áo, đồ trang sức mang theo, và bảo: - Khi nào ông bạn đi rừng về, xin trao áo quần và những món này cho ông ấy. Bà chủ nhà hết sức trọng vọng, tôn kính thương gia. Chồng vừa từ rừng về đến, bà nói: - Ông ơi, thương gia này mới đến thăm nhà mình đã hỏi han đầy đủ từng người, biết hết tên tuổi, rồi tặng quà thứ này thứ kia. Người thợ đi rừng cũng tiếp đãi thương gia lịch sự. Chiều tối, thương gia nằm chơi trên chiếc chõng tre, hỏi chủ nhà: - Này bạn, những lúc đi quanh chân núi này, bạn có thấy gì lạ không? - Không, chỉ thấy thấy có lắm cây màu đỏ. - Nhiều hả? - Vâng, nhiều. - Chúng ta hãy đi xem những cây đó. Hai người đến chân núi, chặt được vô số cây đàn hương đỏ, chất hết lên năm trăm cỗ xe. Lúc quay về thành, thương gia bảo anh thợ rừng: - Bạn ạ, nhà tôi ở Ba-la-nại, anh cứ đi như thế, như thế sẽ kiếm ra. Thỉnh thoảng xin mời bạn hạ cố đến chơi. Rồi ông nói thêm: - Quà cáp tôi không quí gì hơn loại cây có cành màu đỏ này, bạn nhớ mang cho tôi thứ ấy và chi thứ ấy thôi. - Dạ được. Và lâu lâu anh thợ rùng đi thăm thương gia, chỉ mang theo gỗ đàn hương. Đáp lại, thương gia tặng anh tiền bạc hậu hĩ. Khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, một ngôi tháp vàng được xây để thờ xá-lợi. Vào dịp ấy, anh thợ rừng mang thật nhiều gỗ đàn hương đến Ba-la-nại. Ông bạn thương

gia liền lấy một số lớn gỗ ấy đem nghiền thành bột và ông đổ đầy một đĩa bột gỗ đàn hương, bảo anh thợ rừng: - Đi bạn, trong lúc chờ cơm chín, ta hãy đến chỗ đang xây tháp. Hai người đến tháp thành kính dâng bột gỗ đàn hương cúng dường xá-lợi Phật. Anh thợ rừng thì làm một chiếc đĩa mặt trăng cũng bằng gỗ đàn hương và đặt trong tháp. Chuyện hiện tại: B. Sa Môn Nguyệt Quang Khi hết kiếp, anh thợ rừng được sanh lên cõi trời trong khoảng thời gian giữa hai vị Phật Ca-diếp và Thích-ca. Vào thời Phật hiện tại, anh thọ sanh ở Vương Xá, trong nhà một người Bà-la-môn giàu có. Từ rốn cậu bé phát ra vòng hào quang lớn bằng chiếc đĩa mặt trăng nên cậu được đặt tên Nguyệt Quang, Candàhà. Người ta nói đây là phước báo do anh đã cúng dường chiếc đĩa mặt trăng kia ở trong tháp Phật. Một số Bà-la-môn nghĩ thầm: "Nếu chúng ta mang người này đi theo sẽ chinh phục được cả thế giới". Thế rồi họ cho anh ngồi lên một cỗ xe, mang đi khắp nơi, gặp ai cũng bảo: "Kẻ nào lấy tay sờ vào thân người Bà-la-môn này sẽ nhận được những quyền lực và những sự vinh hiển như thế, như thế". Người ta trả một trăm đồng hoặc một ngàn đồng để được đặc ân sờ vào người Nguyệt Quang. Cứ lang thang như thế, một hôm họ vào thành Xá-vệ và nghỉ tại một nơi gần tinh xá Kỳ Viên. Lúc ấy năm chục triệu thiện tín thành Xá-vệ đang cúng dường chư Tăng trước bữa điểm tâm. Sau bữa điểm tâm họ mang hương hoa, áo quần, thuốc men đến nghe Phật thuyết pháp. Các người Bà-la-môn thấy, hỏi: - Các bạn đi đâu đó? - Đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp. - Lại đây này! Đến đằng kia được ích gì? Không có thần thông nào hơn thần thông của Bà-la-môn Nguyệt Quang của chúng tôi đây. Kẻ nào sờ vào thân vị

ấy sẽ có những quyền lực và những sự vinh hiển như thế, như thế. Hãy đến chiêm ngưỡng. - Thần thông của ông Bà-la-môn các người thì thấm vào đâu. Chỉ có đức Thế Tôn mới có đại thần thông thôi. Hai bên tranh cãi kịch liệt một hồi, rốt cuộc chẳng phe nào thắng. Nhóm người Bà- la-môn đề nghị: - Chúng ta hãy đến tinh xá xem Nguyệt Quanh hay đức Thế Tôn của các người, ai có đại thần thông. Đức Phật vừa thấy Nguyệt Quang liền khiến cho vòng hào quang biến mất, cho nên trước mặt đức Phật, anh chàng chẳng hơn gì một con quạ nằm trong thúng than. Những người Bà-la-môn vừa kéo Nguyệt Quang ra xa, vòng hào quang sáng rực trở lại như trước. Họ mang anh đến trước Phật, vòng hào quang biến mất. Cứ thế đến lần thứ ba, Nguyệt Quang thầm nghĩ: "Chắc chắn vị này giở huyễn thuật làm cho vòng hào quang của ta mất đi". Anh hỏi Phật:

- Có phải Ngài biết chú thuật làm hào quang của tôi mất đi không?

- Đúng, ta biết chú thuật ấy.

- Xin Ngài hãy truyền chú thuật cho tôi.

- Chú thuật này không truyền cho người thế tục được.

Nguyệt Quang bèn nói với các người Bà-la-môn:

- Chừng nào ta học được chú thuật sẽ trở thành nhân vật siêu phàm nhất Diêmphù-đề này. Các người hãy ở lại chờ ta xuất gia, trong vài ngày thôi sẽ học được chú thuật.

Anh xin Phật xuất gia làm Sa-môn.

Đức Thế Tôn dạy đề mục thiền quán về ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân, Nguyệt Quang hỏi:

- Cái này là sao ạ?

Phật dạy:

- Trước khi học chú thuật kia, phải học qua cái này.

Lâu lâu, những người Bà-la-môn lại đến hỏi:

- Anh đã học xong chú thuật chưa?

- Chưa, tôi còn đang học.

Chỉ vài ngày sau anh đắc quả A-la-hán.

Nhóm người Bà-la-môn đến nữa, anh bảo:

- Thôi, các ông hãy đi đi. Ta đã đến một nơi không bao giờ còn trở lại.

Các vị Tỳ-kheo bạch lên Phật câu chuyện:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối!

Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã nói thật. Tỳ-kheo này không còn tham đắm các thú vụi thế gian.

Phật nói kệ:

(413) Như trăng, sạch không uế,
Sáng trong và tịnh lặng,
Hữu ái được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

*

31. Bảy Năm Trong Bụng Mẹ

Vượt đường nguy hiểm này ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kundadhàvana, gần Kundakoli, liên quan đến Tôn giả Sìli.

Thuở ấy, bà Suppavàsà thuộc dòng Câu-lợi, mang thai một đứa bé đến bảy năm. Lúc sanh nở, vì đứa bé nằm lệch, bà bị những cơn đau xé ruột, liền tự bảo: "Đức Thế Tôn thật là bậc Giác ngộ Tối thượng. Ngài đã giảng dạy cho ta con đường thoát những khổ não như khổ này. Chúng tăng của Tăng đoàn đức Thế Tôn quả thật là những vị rất tinh tấn. Các Ngài đã nỗ lực diệt những khổ não như khổ này. Niết-bàn quả thực là an lạc, không còn những khổ não như khổ này". Bà nhẫn chịu cơn đau nhờ những quán tưởng ấy. Rồi bà yêu cầu chồng đến hầu Phật, nhân danh bà xin đảnh lễ Ngài. Đảnh lễ xong, ông bạch Phật nguyện ước của bà. Phật nói: - Chúc bà Suppavàsà, người phụ nữ trẻ dòng Câu-lợi, dồi dào sức khỏe. Chúc bà sanh con trai, khỏe mạnh, hạnh phúc. Phật vừa chúc lành xong, bà Suppavàsà liền sanh một cậu bé trông thật hồng hào, vui tươi. Sau đó, bà thỉnh đức Phật cùng chư Tăng đến nhà cúng dường long trọng suốt bảy ngày. Từ khi chào đời, con bà ngày ngày lo việc lọc nước cho chư Tăng. Thời gian sau cậu xuất gia làm Sa-môn và đắc A-la-hán. Một hôm các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường: - Chư huynh nghĩ coi! Một vị Sa-môn cao quí như vậy, đầy đủ khả năng chứng A- la-hán, phải chịu khổ suốt bảy năm trong bụng mẹ. Thầy ấy quả đã trải qua những thống khổ ghê gớm. Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi: - Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán chuyện gì? Các thầy bạch Phật câu chuyện. Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, đúng thật như vậy. Ông ấy giờ đây đã thoát hết các khổ, đạt đến Niết-bàn an lạc. Ngài nói kệ: (414) Vượt đường nguy hiểm này, Nhiếp phục luân hồi, si, Đến bờ kia thiền định, Không dục ái, không nghi, Không chấp trước, tịch tịnh, Ta gọi Bà-la-môn. 32. Cô Gái Giang Hồ Quyến Rũ Thầy Tỳ Kheo Sundarasamudda Ai ở đời, đoạn dục ... Đức Thế Tôn dạy những lời trên khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Mỹ Hải, Sundarasamudda. Mỹ Hải, Sundarasamudda Kumàra, là một thanh niên người Xá-vệ, địa vị cao sang, sanh trưởng trong một gia đình giàu có, tài sản lên đến ức triệu. Một hôm, sau bữa ăn sáng, trông thấy dân chúng cầm hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên nghe pháp, chàng hỏi: - Các bạn đi đâu thế? - Đi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp.

- Tôi cũng đi nữa. Chàng theo họ vào ngồi ở mé ngoài của chúng hội. Đức Phật biết được tư tưởng chàng nên giảng pháp theo thứ lớp từ thấp đến cao. Mỹ Hải nghĩ: "Thật không thể nào làm chủ một gia đình mà giữ được phạm hạnh trọn vẹn thanh tịnh, bóng ngời như chiếc vỏ sò". Bài pháp của Phật khiến chàng nức lòng, muốn xin xuất gia. Đợi chúng hội giải tán hết, chàng đến xin đức Phật cho gia nhập Tăng đoàn. Phật dạy: - Như Lai chỉ nhận cho vào Tăng đoàn kẻ nào đã được cha mẹ cho phép. Về đến nhà, cũng giống như chàng Ratthapàla và những người khác, chàng nỗ lực ráo riết, xoay sở đủ cách xin cho được phép của cha mẹ để xuất gia. Và chàng cũng được làm Sa-môn, gia nhập Tăng đoàn đức Phật. Thành Tỳ-kheo rồi, thầy làm tròn mọi bổn phận

của một Tăng sĩ. Một hôm, thầy nghĩ: "Ta ở lại đây phỏng có ích gì?". Thầy rời Kỳ Viên, đến thành Vương Xá, ngày ngày đi khất thực. Một hôm, thành Xá-vệ mở lễ hội lớn. Cha mẹ thầy trông thấy bạn bè xưa của thầy vui chơi thỏa thích giữa các thứ xa hoa của ngày hội huy hoàng thì lòng buồn rười rượi. Hai ông bà khóc lóc, than thở: - Ôi, con ta ngày nay đâu được hưởng những thứ vui này!. Khi ấy, có một cô gái giang hồ sang trọng đến nhà họ chơi, thấy bà mẹ khóc, liền hỏi: - Mẹ ơi, sao mẹ khóc? - Tôi nghĩ đến con trai tôi hoài nên khóc. - Nhưng thưa mẹ, anh ấy đâu? - Xuất gia rồi, đang ở với các thầy Sa-môn. - Chúng ta không thể kêu anh ấy về lại sao mẹ? - Cũng được đấy. Nhưng nó có chịu đâu. Nó đã rời Xá-vệ đi Vương Xá rồi. - Giả sử con kêu anh ấy về, mẹ sẽ cho con gì nào? - Chúng tôi sẽ để cô làm nữ chủ gia sản này. - Tốt lắm, mẹ hãy cho con tiền lệ phí. Nhận được món tiền, cô mướn thật nhiều người hầy giúp việc, rồi lên đường đến Vương Xá. Cô hỏi thăm con đường Tôn giả thường đi khất thực và mua một ngôi nhà nơi đó để ở. Từ sáng sớm, cô lo chuẩn bị những món ăn thầy thường thích, và khi thấy thầy đi khất thực, cô đem đến cúng dường. Sau vài ngày, cô thưa: - Bạch Đại đức, xin Ngài ngồi đây để dùng bữa. Cô đưa tay xin bình bát và Tôn giả vui vẻ trao liền. Cô dọn cho thầy những món thật ngon, rồi thưa tiếp: - Bạch Đại đức, hằng ngày đi khất thực, xin Đại đức cứ ghé lại đây. Ngài sẽ được vui lòng.

Dần dần, cô dẫn dụ được thầy đến ngồi ở hàng hiên nhà cô, dùng những món ăn thích khẩu. Ít hôm sau, cô kêu vài cậu bé vào cho ăn bánh để kết thân, rồi bảo: - Này, mấy cháu! Khi nào thấy Tôn giả đến đây, các cháu kéo nhau tới nhé. Cứ tung bụi lên rõ nhiều. Cô rầy bảo thôi, các cháu cũng đừng thèm để ý. Ngày mai lại, trong lúc Tôn giả đang dùng bữa, bọn trẻ đến đá bụi bay mù mịt. Cô chủ rầy la, bọn chúng vẫn trơ trơ. Hôm sau nữa, cô thưa: - Bạch Đại đức, tụi nhỏ này tung bụi mù mịt thế này. Con rầy tụi nó cũng chẳng nghe. Xin Đại đức vào trong nhà ngồi. Từ đó, cô mời Tôn giả vào luôn trong nhà ngồi dùng bữa. Rồi cô lại đút lót bọn trẻ, dặn: - Khi Tôn giả đang dùng bữa, các cháu chơi đùa thật ồn ào lên nhé. Cô có bảo thôi, các cháu đừng để ý. Bọn trẻ làm y lời cô. Hôm sau nữa, cô thưa: - Bạch Đại đức, chỗ này ồn ào hết chịu nổi. Con đã làm đủ cách, bọn trẻ vẫn cứ ồn. Xin thỉnh Đại đức lên tầng trên. Tôn giả bằng lòng. Cô liền leo lên tầng cao nhất của ngôi biệt thự, thúc hối thầy vào trước và cô theo sau đóng cửa lại. Từ trước, Tôn giả luôn luôn theo đúng lệ chỉ thọ nhận thực phẩm bằng cách khất thực từ cửa nhà này qua cửa nhà khác. Nhưng bấy giờ, thầy bị con ma tham ăn quản thúc ghê gớm đến nỗi nghe theo lời cô gái điếm, leo lên tận tầng chót của ngôi nhà bảy tầng ấy. Cô mang ghế đến cho thầy ngồi. Cô gái giang hồ trổ hết tài nghệ, giở tất cả thủ thuật làm duyên của các bà để quyến rũ thầy Tỳ-kheo. Sau cùng, cô đứng trước Tôn giả, đọc một đoạn thơ: Móng chân sơn đỏ chót, Dép lê kỹ nữ mang, Xuân xanh chàng đang độ, Em cũng cùng lứa trang. Hạnh phúc xin chung hưởng, Chàng sẽ là của em, Nô lệ chàng, em hứa, Cùng nhau sống ấm êm. Rồi sau ngày xuân mất, Bỏ cuộc chơi ta về, Gậy cầm tay cùng chống, Tuổi già ôi não nề. Tôn giả bỗng chợt tỉnh: "Hỡi ôi! Ta đã phạm trọng giới! Ta đã hành động thiếu suy nghĩ". Thầy bàng hoàng lo sợ. Vừa lúc ấy, đức Phật đang ở tại Kỳ Viên cách Tôn giả bốn mươi lăm dặm. Ngài biết hết chuyện và mỉm cười. Tôn giả A-nan hỏi:

- Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài cười? - Này A-nan, tại tầng lầu cao nhất của một tòa biệt thự bảy tầng trong thành Vương Xá, đang xảy ra trận chiến giữa thầy Tỳ-kheo Mỹ hải và một cô gái giang hồ. - Bạch Thế Tôn, ai sẽ thắng? Ai sẽ thua? - A-nan, thầy Tỳ-kheo Mỹ Hải sẽ thắng, cô gái giang hồ thua. Nói xong, vẫn an nhiên tại chỗ, đức Phật phóng quang ảnh hiện thân đến trước Tỳkheo Mỹ Hải và nói: - Này Tỳ-kheo, hãy xa lìa các thứ tham ái, hãy cởi bỏ mọi dục vọng. Rồi Ngài nói kệ: (415) Ai ở đời đoạn dục, Bỏ nhà, sống xuất gia, Dục hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn. * Chú Giải trong Nguyên Bản: Kẻ nào ngay trong đời này diệt trừ được hai thứ tham ái, xa lìa thế tục, kẻ đã dập tắt lửa tham dục, đoạn dứt sanh tử, ta gọi kẻ ấy là Bà-lamôn. Phật nói kệ xong, Tôn giả Mỹ Hải đắc A-la-hán, dùng thần thông bay lên trời, xuyên qua nóc nhà cô gái điếm, trở lại thành Xá-vệ, đảnh lễ tán thán Phật thân. Hôm ấy, các thầy Tỳ-kheo tụ họp bàn tán trong Pháp đường: - Này chư huynh, chỉ vì vị ngon ngọt của lưỡi mà Tôn giả Mỹ Hải suýt nữa tiêu vong, may nhờ đức Thế Tôn giải cứu. Đức Phật nghe vậy, bảo: _ Này các Tỳ-kheo, đây chẳng phải lần đầu tiên ta giải cứu ông ấy thoát khỏi dây trói buộc của vị trần. Trong một kiếp trước cũng đã xảy ra chuyện tương tự. Theo lời thỉnh cầu của chúng Tỳ-kheo, muốn sáng tỏ vấn đề, Ngài kể chuyện: Chuyện quá khứ: Cơn Linh Dương Bị Sa Bẫy Mật, Truyện Tiền Thân Vàtamiga. (Sanjaya, vị quan coi vườn Thượng uyển của vua xứ Ba-la-nại, bôi mặt lên cỏ để nhử một con linh dương hoang vào vườn. Sau đó, ông dùng mật nhử tiếp linh dương vào cung vua và bắt được nó). Người đời có câu rằng: Không gì nguy hiểm hơn, Cuốn lôi của vị giác, Dù đang ở gia đình, Hay tại nhà bạn hữu. Dùng miếng ngon mồi bẫy, Sanjaya nhử luôn, Linh dương vô cung cấm, Nhốt chân, chạy hết đường.

Đức Phật kể xong chuyện tiền thân Vàtamiga liền giải thích: - Lúc ấy Tỳ-kheo Mỹ Hải là con linh dương, vị quan đại thần nói câu kệ khiến linh dương được thả chính là Ta. 33. Jotika Và Jatila Ai ở đời đoạn ái ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Jatila. Chuyện quá khứ: A. Aparàjita, Tiền Thân Của Jotika Ngày xưa, ở xứ Ba-la-nại có hai anh em điền chủ trồng được một ruộng mía thật lớn. Một hôm người em thăm mía, nghĩ thầm: "Mình sẽ chặt cho anh ấy một cây, còn mình ăn một cây". Chàng chặt hai cây mía, bịt kín chỗ vừa chặt lại để nước mía khỏi chảy mất rồi cầm về nhà. Ngay khi người em chặt mía đem về nhà, tại Gandhamàdana có một vị Phật Độc Giác xuất định, thầm nghĩ: "Hôm nay ta sẽ độ ai đây?" Và Ngài quan sát thấy người điền chủ. Biết rõ chàng có khả năng bố thí, đức Phật Độc Giác đắp y mang bát dùng thần thông hiện đến trước mặt. Người em trông thấy Ngài lòng rất hoan hỉ. Chàng trải áo khoác lên chỗ đất cao, thưa: - Bạch Ngài, thỉnh Ngài an tọa. Và chàng bạch tiếp: - Xin Ngài đưa bát cho con. Chàng mở chỗ bịt cây mía, đưa lên cao và dốc vào bình bát đức Phật, nước mía chảy ra đầy bát. Ngài dùng xong, người em lại nghĩ: "Thật may mắn cho ta, vị thầy cao quý của ta đã dùng hết bát mía. Nếu anh mình đòi tiền cây mía của ổng, ta sẽ trả. Còn nếu ổng đòi được hưởng phần phước đức cúng dường, ta sẽ hồi hướng cho ổng". Thế là chàng bạch Phật: - Bạch Ngài, xin Ngài đưa bình bát cho con lần nữa. Chàng mở chỗ bịt, dốc cây mía thứ hai, trút nước vào bình bát Phật. Hình như chàng không hề nghĩ: "Anh mình sẽ kiếm chặt cây mía khác để ăn". Vì đã dùng xong một bát rồi, vị Phật Độc Giác muốn chia xẻ nước mía cây thứ hai cho các vị Phật khác.

Ngài ngồi xuống chỗ cũ. Hiểu ý, người em gieo năm vóc sát đất, đảnh lễ Ngài, phát nguyện: - Bạch Ngài, với công đức cúng dường này con xin được hưởng lạc thú ở cõi trời và cõi người, và sau cùng, xin cho con đạt đến chỗ Ngài đã chứng đắc. Đức Phật đáp: - Sẽ được vậy. Để hồi hướng công đức, Ngài đọc hai bài kệ bắt đầu bằng câu: "Nguyện cho tất cả mong cầu của thí chủ thành tựu viên mãn". Xong, Ngài bay lên không trung đến Gandhamàdana và phân chia bát nước mía cho năm trăm vị Phật Độc Giác.

Chứng kiến cảnh vi diệu ấy, người em về gặp anh, người anh hỏi: - Nãy giờ chú đi đâu? - Em ra thăm ruộng mía. - Chú ra ruộng mía mà không đem cây nào về ăn? - Có anh ạ, em mang về hai cây, gặp một vị Phật Độc Giác em đã cúng dường cây của em. Rồi em nghĩ sẽ trả tiền cây mía thứ hai của anh cho anh, hoặc sẽ hồi hướng phần phước đức cho anh, nên em cúng luôn Ngài. Nào, anh định lấy tiền hay phước đức? - Vị Phật ấy đã đáp lại ra sao? - Ngài dùng bát nước mía cây thứ nhất và bay lên không mang bát nước cây thứ hai về Gandhamàdana chia cho năm trăm vị Phật Độc Giác khác. Nghe xong rồi, người anh vô cùng hoan hỉ. Chàng phát nguyện: - Với phước đức cúng dường này, con xin được chứng đắc đạo quả như vị Phật Độc Giác ấy. Trong khi người em nguyện ba điều, chàng chỉ nguyện một câu được đắc A-la-hán. Lúc mãn kiếp, hai anh em đều sanh lên cõi trời và sống suốt thời gian giữa hai vị Phật. Khi họ ở cõi trời, đức Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở thế gian. Hết phước cõi trời hai người tái sanh trong một gia đình Trưởng giả ở Bandhumatì, cũng làm anh em. Cha mẹ đặt tên cho người anh là Sena, em là Aparàjita. Đến tuổi trưởng thành, cả hai người đều lập gia đình. Một hôm, gia chủ Sena nghe tin truyền khắp thành Bandhumatì. - Phật bảo đã xuất hiện ở thế gian, Pháp bảo đã xuất hiện ở thế gian. Tăng bảo đã xuất hiện ở thế gian. Hãy bố thí cúng dường và tạo phước. Hãy ăn chay vào các ngày mồng 8, 14 và rằm. Hãy đi nghe thuyết pháp. Sena thấy dân chúng kéo nhau đi cúng dường vật thực trước bữa điểm tâm, và sau bữa điểm tâm, họ lại lũ lượt đi nghe pháp. Ông hỏi: - Các vị đi đâu thế? - Đi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp. - Tôi cũng đi nữa. Chàng theo chân đám đông đến ngồi vòng ngoài pháp hội. Đức Phật biết được tư tưởng ông liền giảng pháp từ thấp đến cao. Nghe rồi, Sena muốn xuất gia làm Sa-môn nên thỉnh cầu Phật nhận ông vào Tăng đoàn. Đức Phật hỏi: - Này thiện nam tử, ông có bà con quyến thuộc gì cần phải xin phép trước không? - Bạch Thế Tôn, có ạ. - Vậy ông hãy đến xin phép rồi trở lại gặp Ta. Sena về nhà bảo em trai: - Tất cả gia tài này từ đây thuộc về chú. - Ủa, còn anh thì sao? - Ta định xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật.

- Thưa huynh trưởng, anh nói gì thế? Khi mẹ mất, anh là mẹ em. Khi cha mất, anh là cha em. Gia sản chúng ta rất lớn. Người ta vẫn có thể sống đời cư sĩ và làm việc phước thiện chứ. Xin anh đừng xuất gia. - Ta đã nghe đức Thế Tôn giảng pháp, và ta không thể tu hành đúng pháp nếu còn sống lẫn lộn với người thế tục. Ta đã nhất quyết xuất gia làm Sa-môn rồi chú ạ. Thôi, chú về đi. Sena ra lịnh bảo em về nhà rồi, liền đến tinh xá xin Phật xuất gia. Chàng được thọ cu túc giới và chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán. Người em suy nghĩ: "Ta sẽ theo lệ thường cúng dường nhân dịp anh xuất gia". Suốt bảy ngày chàng cúng dường vật thực cho đức Phật và chư Tăng. Xong, chàng đảnh lễ anh và thưa: - Bạch Ngài, Ngài đã được ra khỏi sanh tử luân hồi, con thì còn bị ngũ dục ràng

buộc, chưa thể xuất gia làm Sa-môn. Xin Ngài dạy cho biết, con nên làm việc gì, để được phước đức lớn trong lúc sống đời cư sĩ như vầy. - Hay lắm. Chú hãy cất một hương thất cho đức Thế Tôn. - Dạ được. Chàng cho mua đủ các loại gỗ, đẽo gọt bào chuốt thành cột, kèo, v.v.. để cất thất. Ván gỗ đều khảm vàng, bạc, châu ngọc, và rồi một hương thất rực rỡ toàn bằng gỗ khảm bảy báu đã hoàn thành. Mái thất cũng lợp ngói khảm bảy báu. Trong lúc hương thất đang được thi công xây dựng, người cháu mang cùng tên với chàng, Aparàjita đi đến nói: - Thưa chú, cháu cũng muốn đóng góp chút đỉnh. Chú hãy cho cháu kiếm phước với nhé. - Cháu thân mến, chú không thể đáp ứng yêu cầu của cháu được. Chú định cúng dường một công trình mà phần phước đức không thể chia sẻ cho ai. Người cháu cố nài nỉ vẫn không được. Sau đó, nghĩ rằng trước hương thất cần một chuồng voi, anh ta bèn cất một cái toàn bằng bảy báu. Trong kiếp hiện tại, người cháu ấy thọ sanh làm quan chưởng khố Ram ở Mendaka. Hương thất có ba cửa sổ thật rộng cũng toàn bằng bảy báu. Bên dưới các cửa sổ, người chú Aparàjita cho xây ba bể trồng hoa sen, bên ngoài bể còn được tô thêm một lớp vữa Stucco. Bể xây rồi, chàng cho đổ đầy bốn loại nước thơm và trồng năm màu hoa sen khác nhau. Chót vót trên đỉnh tháp nhọn hình quả chuông của ngôi hương thất, người ta đặt một chiếc bát bằng vàng trong đựng đầy phấn hoa để khi đức Phật ngồi bên trong, gió sẽ mang phấn hoa rải khắp kim thân Ngài. Đỉnh tháp bằng san hô, dưới cẩn ngói nạm bảy báu, lộng lẫy uy nghi như một con công đang xòe cánh múa. Những loại châu ngọc nào trong thất bảo có thể tán thành bột được, Aparàjita cho tán hết ra rải khắp hương thất. Còn những loại không tán được, chàng đổ đầy bên trong và bên ngoài hương thất ngập đến đầu gối. Hoàn tất mọi việc rồi, chàng đi gặp vị Sa-môn anh mình, thưa:

- Bạch Ngài, hương thất đã cất xong. Con muốn thỉnh đức Thế Tôn đến nạp thọ cho con được ân triêm công đức. Tôn giả vào bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, cư sĩ này đến trình rằng đã cất xong một hương thất và xin thỉnh Thế Tôn đến nạp thọ. Đức Phật đi đến cửa hương thất liền dừng lại nhìn ngắm đám châu ngọc rải đầy trong thất. Aparàjita bạch: - Bạch Thế Tôn, thỉnh Ngài vào. Chàng thưa thỉnh ba lần, đức Phật vẫn đứng yên lặng. Không biết tính sao, chàng đưa mắt ngó anh. Tôn giả hiểu ý, bảo em: - Này em, hãy đứng trước Ngài và thưa như vầy: "Đức Thế Tôn là nơi nương tựa duy nhất của con. Xin thỉnh Ngài an trú tại hương thất này". Vâng lời, chàng đến gieo năm vóc sát đất, đảnh lễ Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, như người sau khi ẩn trú qua đêm dưới gốc cây, ra đi không chút bận tâm về cây, như người khi qua sông bỏ lại bè sau lưng không thắc mắc, con thỉnh cầu đức Thế Tôn an trú trong ngôi nhà này, chẳng phải bận lòng với đám châu báu. Tại sao đức Phật dừng lại ở cổng? Người ta nói rằng Ngài nghĩ: "Dân chúng sẽ kéo đến gặp Như Lai trước và sau bữa điểm tâm. Nếu họ kiếm cách lấy châu ngọc đi, chúng ta không thể ngăn họ. Nhưng thí chủ này biết đâu lại nghĩ: Thính chúng của Ngài lấy hết của báu trong hương thất mà Ngài chẳng có ý cản trở. Ông ta sẽ đem lòng oán hận Ta và phải đọa địa ngục". Thế nên, sau lời tác bạch của Aparàjita, đức Phật liền tiến vào thất. Aparàjita cho người gác quanh hương thất với lịnh: - Những kẻ nào có ý giấu châu ngọc trong quần áo hoặc lấy thúng, giỏ đựng, các ông phải ngăn lại. Còn ai hốt nắm trong tay, hãy cho họ đi. Chàng loan truyền khắp thành: - Ta đã rải đầy bảy báu trong hương thất đức Thế Tôn. Người nào đến nghe pháp có thể lấy một ít.

Người nghèo được hốt đầy hai nắm tay. Người khá giả được hốt một nắm. Sở dĩ như vậy vì chàng tính: "Những kẻ có đức tin chỉ đến để nghe pháp. Người chưa tin sẽ do lòng tham của cải dẫn dụ mà đến, được nghe pháp rồi cũng sẽ thoát khổ". Từ ý định muốn lợi lạc chúng sanh, chàng cho rao những lời trên. Người người đi nghe pháp đều lấy châu báu theo đúng qui định của vị thí chủ. Chàng cho đổ thêm châu ngọc đầy như cũ một lần, hai lần, roià ba lần. Dưới chân Phật, chàng để một viên ngọc thật lớn, rất quí giá, với ý nghĩ: "Kẻ nào biết chiêm ngưỡng ánh hào quang chói sáng từ kim thân Phật sẽ chẳng ưa thích gì ánh sáng viên ngọc quý này". Và quả thật những ai trông thấy đức Phật rồi chẳng màng nhìn nhõ gì đến viên ngọc nữa.

Một hôm, có người Bà-la-môn tà kiến tự nghĩ: "Người ta nói có viên ngọc quý đặt ở chân Phật. Ta có thể lấy nó". Hắn đến hương thất trà trộn vào đám đông đảnh lễ đức Phật. Aparàjita chỉ nhìn cung cách hắn đã biết hắn có ý chiếm viên ngọc, liền nghĩ: "Ta hy vọng hắn sẽ không lấy". Người Bà-la-môn sải tay về phía chân đức Phật, làm bộ như đảnh lễ Ngài, nhón lấy viên ngọc cho vào áo và đi ra. Vị thí chủ không còn giữ được sự bình thản đối với người Bà-la-môn. Buổi thuyết pháp vừa xong, chàng đến trước Phật, thưa: - Bạch Thế Tôn, đã ba lần con để châu báu đầy hương thất ngập đến đầu gối. Con chẳng hề có ý tức giận những người lấy châu báu đi, trái lại con rất hoan hỉ. Nhưng hôm nay con lại nghĩ: "Hy vọng người Bà-la-môn kia không lấy viên ngọc quí khi hắn vào trong". Đến lúc thấy hắn lấy viên ngọc đi thật, con không thể giữ nổi bình tĩnh. Nghe xong, đức Phật bảo: - Này thiện nam tử, người không thể ngăn cản những người khác lấy của cải của ngươi ư? Và Ngài dạy chàng một cách. Aparàjita vâng lời, đảnh lễ Phật, phát nguyện: - Từ nay trở đi, xin cho vua hoặc kẻ trộm dù đông đảo đến mấy cũng không lấy được gia sản con dù một sợi chỉ. Xin cho tài sản con không bao giờ bị lửa đốt, hoặc bị nước cuốn trôi. Đức Phật nói: - Sẽ được vậy. Và Ngài hồi hướng công đức cho thí chủ. Đến ngày khánh thành hương thất, Aparàjita cúng dường vật thực và rất nhiều quà tặng cho sáu triệu tám trăm ngàn vị Tỳ-kheo của tinh xá suốt chín tháng. Hết kỳ cúng dường chàng cúng thêm mỗi vị Tỳ-kheo ba y, và cúng nhiều khúc vải may y cho vị Sa-di của Tăng đoàn đáng giá đến một ngàn đồng. Làm việc phước thiện như vậy đến mãn kiếp, chàng được tái sanh lên cõi trời. Sau nhiều kiếp ở cõi trời và cõi người, vào thời đức Phật hiện tại, chàng sanh vào nhà một quan chưởng khố ở Vương Xá, và ở trong thai mẹ chín tháng rưỡi. Chuyện hiện tại: B. Quan Trưởng Khố Jotika Vào ngày chàng chào đời, tất cả binh khí trong thành đều xẹt lửa, châu ngọc đeo trên người dân trong thành cũng phát sáng như muốn bốc cháy, cả thành đều sáng rực. Sơm mai ấy, quan chưởng khố vào cung chầu vua. Đức vua hỏi: - Hôm nay tất cả binh khí đều xẹt lửa, cả thành đều phát sáng. Khanh biết lý do vì đâu không? - Muôn tâu, hạ thần biết lý do. - Gì vậy, quan chưởng khố?

- Dạ hôm nay một thần dân của bệ hạ vừa chào đời tại nhà hạ thần. Hiện tượng này xảy ra do phước đức của nó. - Không biết sau này nó có thành tướng cướp không đây? - Tâu bệ hạ, không có chuyện ấy. Người vừa chào đời hôm nay phước rất lớn, do một lời phát nguyện. - Thế thì chú bé phải được nuôi dưỡng chu đáo. Đây là số tiền trẫm cấp cho khanh mua sữa cho nó. Vua cấp quan chưởng khố mỗi ngày một ngàn đồng tiền vàng. Đến ngày đặt tên, chú được gọi là Jotika, kỷ niệm lúc chú chào đời ánh sáng rực rỡ

khắp thành. Đến tuổi Jotika lập gia đình, người ta lo dọn đất cất nhà mới, vua Đế Thích thấy ngai vàng nóng lên: "Chuyện gì đây?" Ngài quan sát biết được họ đang sửa soạn cất nhà cho Jotika, liền nghĩ: "Người thanh niên này sẽ không ở trong ngôi nhà họ cất. Ta có bổn phận phải đến đây". Ngài cải trang thành thợ mộc xuống chỗ bọn người đang làm: - Các ông làm gì thế? - Chúng tôi sửa sang đất đai để cất nhà cho Jotika. - Thôi, đi đi. Các ông chẳng xây được nhà cho ông ấy đâu. Đế Thích chỉ nhìn mảnh đất rộng đến mười sáu karìsa một lần, lập tức nó trở nên bằng phẳng. Ngài nhìn thêm một lần nữa, nghĩ: "Đấy hãy nứt ra và mọc lên cho ta một tòa lâu đài bảy tầng toàn bằng bảy báu". Một tòa lâu đài như vậy hiện ra. Đế Thích lại nhìn lần thứ ba, nói thầm: "Hãy mọc cho ta bảy bức tường bao quanh tòa lâu đài". Các bức tường liền hiện ra. Đế Thích lại nhìn một lần nữa: "Các cây như ý hãy mọc lên thành vòng bao quanh các tường". Cây liền hiện ra. Đế Thích nhìn một lần nữa: "Hãy hiện cho ta bốn vạc đầy châu báu tại bốn góc chân tòa lâu đài". Bốn vạc châu báu liền có. Trong số các vạc châu báu, có vạc rộng gần năm cây số, có vạc rộng hơn ba cây số, vạc thì hơn hai cây số, và vạc cuối cùng rộng một cây số. Trường hợp Phật ra đời, các vạc châu báu xuất hiện có đường kính miệng bằng nhau, còn đường kính ở đáy bằng chu vi quả đất. Đường kính các vạc châu báu xuất hiện tại nhà Jotika không biết rõ được bao nhiêu. Khi chúng hiện ra, châu ngọc đầy ngập giống như hạt thốt nốt căng đầy cơm khi ta cắt bỏ chỗ vỏ đầu hạt vậy. Ngoài ra, tại bốn góc tòa lâu đài còn xuất hiện bốn cây mía bằng vàng, mập mạp như những cây thốt nốt tơ đang độ lớn. Lá mía toàn bằng ngọc quý, thân mía bằng vàng. Người ta cho rằng những cây mía này biểu hiện phước đức của Jotika gieo trồng trong kiếp trước. Bảy lớp cửa tòa lâu đài do bảy dọa xoa canh phòng. Cửa thứ nhất do dạ xoa Jamakolì canh cùng một ngàn quyến thuộc. Cửa thứ hai do dạ xoa Uppala canh với hai ngàn quyến thuộc. Cửa thứ ba do Vajira và ba ngàn quyến thuộc. Cửa thứ tư do Vajirabàhu và bốn ngàn quyến thuộc. Cửa thứ năm do dạ xoa Kasakanda và năm ngàn quyến thuộc. Cửa thứ sáu do dạ xoa Katattha và sáu ngàn quyến thuộc. Cửa thứ bảy do dạ xoa Disàpàmukha và bảy ngàn quyến thuộc. Vậy là tòa lâu đài được canh

phòng chặt chẽ cả trong lẫn ngoài. Vua Bình Sa Vương nghe Jokita làm chủ tòa lâu đài bảy tầng bằng bảy báu, có bảy lần tường và cửa bao quanh, và bốn vạc châu báu ở bốn góc, liền ban cho chàng chiếc lọng chưởng khố. Từ đó, người ta gọi chàng là quan chưởng khố Jotika. Thuở ấy, có một phụ nữ từng làm việc phước thiện với quan chưởng khố Jotika, tái sanh ở Uttarakuru. Chư Thiên mang cô đến ở trong một căn phòng lộng lẫy chẳng kém cung vua, trong tòa lâu đài của Jotika. Cô gái chỉ mang theo làm của hồi môn một nồi gạo chừng nửa lít và ba miếng kính cháy đỏ. Từ đấy, nồi gạo cung cấp đủ cơm cho gia đình Jotika ăn đến hết đời. Người ta kể, nếu họ muốn đổ đầy cơm lên một trăm cỗ xe, nồi gạo vẫn không vơi đi chút nào. Mỗi khi cần nấu, họ chỉ việc lấy gạo cho vào nồi đặt lên ba miếng kính. Chúng cháy đỏ rực lên, khi cơm chín chúng liền tắt. Muốn nấu nước xốt hay món cà-ri, họ cũng làm theo cách ấy. Tất cả thức ăn của gia đình đều chỉ nấu bằng ba tấm kính. Họ sống trong ánh sáng của châu ngọc quí, không biết đến ánh lửa hay đèn. Tiếng đồn về sự giàu có vinh hiển của quan chưởng khố Jotika lan khắp xứ Diêm- phù-đề. Người người lũ lượt kéo nhau đi trên những cỗ xe ngựa và đủ thứ xe cộ khác để đến xem. Quan chưởng khố cho lấy thứ gạo

mang từ Uttarakuru nấu cháo yến mạch thết đãi tất cả khách khứa ăn uống thỏa thích. Ông còn loan báo: - Mọi người được phép tự do lấy quần áo và châu ngọc trên các cây như ý. Vị thí chủ sai mở vạc châu báu lớn hơn một cây số, phân phát khắp nơi: "Xin mời bà con cứ lấy đủ số châu báu mình cần". Dân chúng Diêm-phù-đề tha hồ hỉ hả khuân vác vàng ngọc đi rồi, vạc châu báu chẳng vơi một ly nào. Người ta cho đây là phước báo do Jotika đã rải đầy châu ngọc trong hương thất Phật. Số người kéo đến lâu đài Jotika để lấy áo quần, châu ngọc, tiền bạc, đông đảo đến nỗi lúc ấy, vua Bình Sa Vương muốn đến xem tòa lâu đài cũng đành chịu. Dần dà, chán chê rồi số người xem từ từ giảm bớt. Vua Bình Sa Vương bèn bảo phụ thân Jotika: - Trẫm muốn xem lâu đài của con khanh. - Tâu bệ hạ, xin vâng. Ông về nhà kêu Jotika: - Này con, đức vua muốn đến xem lâu đài của con đấy. - Dạ, tốt thôi, thưa cha. Mời Ngài cứ đến. Vua ngự giá đến cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Ở cổng thứ nhất của tòa lâu đài, một cô nô lệ có nhiệm vụ quét rác. Thấy vua, cô đưa tay ra đỡ. Lầm tưởng là một bà vợ của quan chưởng khố, vua Bình Sa Vương khiêm tốn từ chối, không chịu đặt tay lên cánh tay cô. Tại các cổng khác cũng có những cô nô lệ giống hệt như thế đưa tay đỡ vua, vua cũng lầm tưởng là vợ quan chưởng khố nên không chịu vịn tay. Jotika ra lạy chào vua, đứng sau lưng, thưa: - Tâu bệ hạ, xin rước bệ hạ vào.

Nhưng vua nhìn xuống mặt đất khảm châu ngọc và thấy như đó là một các hố đầy vàng ngọc sâu thăm thẳm, sâu bằng số một trăm người chồng chất lên nhau. Vua nghĩ: "Người nào đào hầm bẫy ta". Ngài không dám bước chân tới. Jotika tiến lên, thưa: - Tâu bệ hạ, đây chẳng có hầm hố gì cả. Xin bệ hạ bước theo sau hạ thần. Vua đi lên dấu chân Jotika, rồi từ từ mạnh dạn đi quanh lâu đài, nhìn ngắm từ tầng thấp đến tầng cao nhất. Lúc ấy, Thái tử A-xà-thế cũng nắm tay cha đi xem. Thái tử nghĩ thầm: "Phụ vương quả thật quá ngốc. Tên Jotika này tuy chỉ là một gia chủ bình thường cũng có được tòa lâu đài bảy báu để ở. Còn phụ vương làm vua lại chỉ có một ngôi nhà gỗ. Ta sẽ lên làm vua ngay, và chẳng để cho gia chủ này ở trong lâu đài một giây nào nữa đâu". Vua lên đến tầng chót đã gần đến giờ ăn sáng, liền bảo: - Này quan đại thần, chúng ta hãy dùng bữa ở đây. - Tâu vâng, hạ thần cũng sắp xếp như thế. Đồ ngư thiện đã được chuẩn bị sẵn sàng để dâng bệ hạ. Vua tắm bằng mười sáu bình nước thơm. Xong, Ngài ngồi trên chiếc sập riêng của Jotika, dưới mái đình cẩn ngọc. Người hầu dâng vua nước rửa tay và dọn món cháo yến mạch đặc trong chiếc đĩa vàng đáng giá đến một ngàn đồng, để trước mặt vua. Tưởng đó là món chính, vua định ăn. Quan chưởng khố vội tâu: - Muôn tâu bệ hạ, đây chưa phải món ăn, chỉ là cháo yến mạch đặc. Người hầu lúc ấy dâng tiếp món ăn chính đựng trong chiếc đĩa vàng khác, đặt lên đĩa cháo yến mạch. Người ta cho rằng làm như thế, món ăn sau có hương vị tuyệt hảo. Nhà vua dùng rất ngon miệng, đến nỗi đủ rồi mà vẫn cứ ăn. Quan chưởng khố sụp lạy, chấp tay cung kính thưa: - Tậu bệ hạ, chứng ấy là đủ. Cúi xin bệ hạ dừng lại. Nếu không, bệ hạ sẽ không tiêu nổi. Vua hỏi: - Này gia chủ, tại sao khanh chê trách thức ăn mình? - Muôn tâu, hạ thần chẳng dám có ý chê trách. Tất cả đoàn tùy tùng của bệ hạ đều được hạ thần đãi cùng món yến mạch và cà-ri này. Nhưng hạ thần lo cho bệ hạ. - Sao? - Nếu lỡ gặp lúc bệ hạ không được khỏe, người ta sẽ nói: "Hôm qua vua ngự thiện ở nhà quan chưởng khố. Chắc quan cho làm món ăn sao đó mới ra nông nỗi". Muôn tâu, hạ thần sợ những lời ấy lắm.

- Thôi được. Dẹp thức ăn đi và đem nước cho trẫm. Nhà vua dùng bữa xong thì đoàn tùy tùng mới được thết đãi, cũng những món ấy. Trong khi vui vẻ trò chuyện với quan chưởng khố, vua hỏi: - Này khanh, không có bà vợ nào của khanh sống tại lâu đài này ư? - Muôn tâu, có ạ.

- Phu nhân đâu? - Muôn tâu, bà ấy đang nghỉ trong phòng, không hay có bệ hạ đến. (Mặc dù vua và đoàn tùy tùng tới chơi từ sáng sớm, phu nhân quan chưởng khố không hề hay biết) Quan chưởng khố nghĩ: "Rõ ràng đức vua muốn gặp phu nhân". Ông đến phòng vợ, bảo: - Đức vua đã đến Chẳng phải bà có bổn phận đi chào đức vua sao? Phu nhân vẫn nằm yên không nhúc nhích, chỉ hỏi: - Ông à, người ông kêu là vua ấy là ai? - Là quốc vương của chúng ta. Phu nhân có ý bất mãn: - Chúng ta còn có vị quốc vương đầy đủ uy quyền đối với chúng ta, nghĩa là việc phước thiện chúng ta đã làm có phần nào lỗi lầm trong ấy. Chắc chúng ta đã thiếu lòng tin, nên vinh hiển như vầy vẫn phải làm thần dân người khác. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đã cúng dường thiếu lòng tin, và đây là quả báo. Trút xong sự bất bình, phu nhân hỏi tiếp: - Ông à, giờ tôi phải làm gì? - Bà cầm quạt thốt nốt này đến quạt hầu đức vua. Trong lúc đứng quạt, mùi nước hoa từ long bào vua bay vào mắt làm phu nhân chảy hai dòng lệ. Vua thấy, bảo quan chưởng khố: - Này khanh, đàn bà thật kém thông minh. Chắc phu nhân đang nghĩ: "Nhà vua sẽ đoạt hết của cải chồng ta" nên sợ mà khóc đấy. Khanh hãy bảo bà ấy yên tâm. Trẫm chẳng hề khao khát của cải nhà khanh. - Muôn tâu, không phải bà ấy khóc ạ. - Vậy thì sao? - Dạ, chỉ vì mùi nước hoa trên long bào bệ hạ nồng quá làm bà ấy chảy nước mắt thôi. Thật sự, bà ấy chưa bao giờ gần ánh đèn hoặc gần lửa. Khi ăn, khi ngồi, khi nghỉ ngơi cũng chỉ dưới ánh sáng châu ngọc. Muôn tâu, chắc bệ hạ vẫn sử dụng ánh đèn? - Đúng vậy. - Tâu bệ hạ, từ hôm nay xin mời bệ hạ thử sử dụng ánh sáng châu ngọc. Quan chưởng khố dâng vua một hòn ngọc cực lớn. Vua ngắm nhìn ngôi nhà hồi lâu, tự nghĩ: "Jotika quả giàu thật". Rồi Ngài từ giã. Chuyện hiện tại: C. Tôn Giả Jatila Bây giờ nói đến chuyện Jatila. Thuở ấy, tại xứ Ba-la-nại có quan chưởng khố sinh được cô con gái vô cùng diễm lệ. Khi nàng chừng mười lăm, mười sáu tuổi, cha mẹ buộc phải ở trên tầng cao nhất của tòa lâu đài bảy tầng, trong một căn phòng đẹp không kém cung vua, và chỉ để cô tớ gái ở

cùng, canh chừng nàng. Một hôm, mỹ nhân vừa ngước mắt nhìn ra cửa sổ, thần Vijjàdhara bay ngang trông thấy liền say mê nàng. Thần bay qua cửa sổ vào phòng, cùng nàng chung chăn gối. Chẳng bao lâu, nàng thọ thai. Cô tớ gái biết, hỏi: - Thưa tiểu chủ, thế này là sao? - Ôi, em đừng nói với ai! Cô sợ, bèn giữ êm. Mười tháng sau cô chủ sanh một đứa bé trai. Nàng sai mua một chiếc thùng mới đặt đứa nhỏ vào phủ tràng hoa lên trên, biểu cô tớ gái: - Em hãy đội thùng ra sông Hằng và thả trôi giùm ta. Nàng dặn thêm: - Nếu có ai hỏi thùng đựng gì, cứ nói đồ tạ lễ của ta dâng cúng! Cô tớ gái làm y theo lời chủ. Dưới hạ lưu sông Hằng, hai phụ nữ đang tắm. Trông thấy chiếc thùng mới bị dòng nước cuốn phăng phăng, một bà kêu lên: - Cái thùng ấy của tôi đa nghen. Bà kia la tiếp: - Trong thùng có cái gì là của tôi đó. Thùng trôi đến chỗ hai bà. Họ vớt lên và mở ra, thấy chú bé. Bà thứ nhất nói: - Thằng bé này của tôi. Tôi có nói chiếc thùng ấy của tôi. Bà kia cãi: - Nó là của tôi chứ. Tôi đã nói trong thùng có cái gì thì thuộc về tôi mà. Hai bà tranh cãi mãi, sau bèn kéo nhau ra tòa. Các vị quan tòa cũng bất lực, không

dàn xếp nổi nên đưa lên triều đình. Vua lắng nghe hai bà cãi lý rồi phán: - Bà này lấy đứa nhỏ. Bà kia lấy chiếc thùng. Người phụ nữ được đứa bé lại là một thí chủ của Tôn giả Mahà Kaccàna. Bà nuôi chú bé với ý định: Ta sẽ cho thằng bé gia nhập Tăng đoàn của Tôn giả. Ngày lễ sinh nhật đến, cậu được đem tắm cho thật sạch những vết do sanh sản, tóc cậu bỗng biến thành bím, do đó cậu được đặt tên Jatila. Khi cậu bé bắt đầu biết đi, Tôn giả đến nhà khất thực. Bà Phật tử đem ghế mời Tôn giả ngồi, cúng dường thức ăn. Thấy chú bé, Tôn giả hỏi: - Này thiện tín, bà có con trai sao? - Vâng, bạch Đại Đức. Con nuôi với ý định xin cho nó gia nhập Tăng đoàn Tôn giả. Xin Tôn giả rủ lòng thương nhận nó. - Được. Và Tôn giả dắt chú bé về. Vừa đi Tôn giả vừa nghĩ: "Chẳng biết nó đủ phước làm một gia chủ giàu có không đây". Ngay đó, Tôn giả biết được cậu có phước báo rất lớn, sau sẽ giàu sang tột bực. Nhưng giờ cậu còn bé quá, chưa hiểu biết chín chắn. Tôn giả bèn dẫn cậu đến thành Hoa Thị, vào nhà một thí chủ quen. Gia chủ đảnh lễ Tôn giả, thấy cậu bé, liền hỏi: - Bạch Đại đức, cậu bé này theo Ngài?

- Phải, đạo hữu ạ. Cậu bé sẽ vào Tăng đoàn. Mà cậu còn bé quá. Ông hãy cho cậu ở đây ít lâu. - Thưa vâng. Vị thí chủ thương yêu chăm sóc cậu như con. Nhà ông tích trữ hàng hóa cả mười hai năm rồi. Một hôm, có việc đi qua làng bên, ông đem hết số hàng hóa tồn trữ chất trong một cửa tiệm, bảo cậu ở đó và dặn dò giá tiền của mỗi món hàng. - Món này giá chừng ấy chừng ấy, món kia giá như vậy, như vậy. Nếu con nghe người ta trả giá ấy, nhớ bán nhé. Xong, ông ra đi. Chư Thiên bảo hộ thành đưa hết khách hàng đến tiệm cậu, cả những người cần mua hạt tiêu hoặc hạt thì là. Kết quả: Chỉ một ngày cậu bán sạch số hàng tích trữ mười hai năm. Gia chủ về thấy cửa tiệm trống trơn, hỏi: - Con ơi, hàng mất hết rồi sao? - Dạ, đâu có mất. Ngài để lại món gì con đều bán hết theo lời Ngài dạy. Đây là tiền bán. Gia chủ vô cùng hân hoan. - Cậu bé này đúng là quí nhân. Cậu có thể sống bất cứ đâu cũng no đủ. Cô con gái ông đã đến tuổi kén chồng. Ông kêu người cất nhà và gả con cho cậu. Nhà xây xong, ông giục con rể: - Con về nhà riêng ở đi. Jatila vừa đặt chân lên ngưỡng cửa ngôi nhà chàng, đất sau nhà bỗng nứt ra và một núi vàng cao bốn chục mét vọt lên. Vua nghe tin có núi vàng từ dưới đất hiện lên sau nhà Jatila liền ban cho chàng chiếc lọng quan chưởng khố. Và chàng được gọi là chưởng khố Jatila. Quan chưởng khố có ba con trai. Khi chúng trưởng thành, ông muốn xuất gia làm Sa-môn. Ông thầm tính: "Nếu có vị chưởng khố nào gia thế giàu có như ta, họ mới cho ta xuất gia. Và ông quyết tìm cho ra. Ông cho đúc một viên gạch, một chiếc roi, một dây thừng bằng vàng, trao cho gia nhân bảo: - Các ông mang những thứ này đi khắp xứ Diêm-phù-đề, giả bộ như không có mục đích gì, ngầm kiếm cho ta một quan chưởng khố cũng giàu có ngang bằng ta. Kiếm được rồi thì về đây. Đám gia nhân đi từ vùng này đến xứ nọ, cho đến một hôm họ đặt chân đến thành Bhaddiya. Quan chưởng khố Ram, Mendaka đang ở tại thành, trông thấy đám gia nhân của Jatila, hỏi: - Này các bạn, các bạn đi đây đi đó có mục đích gì không? - Chúng tôi chẳng có mục đích gì cả.

Quan chưởng khố thầm nghĩ: "Không thể có chuyện mấy người này đi đây đi đó tay cầm mấy vật kia, lại không có mục đích. Rõ ràng họ đang đi xem xét khắp vùng". Ông nói thêm với đám gia nhân: - Mời các bạn vào xem vườn nhà chúng tôi. Đám người kéo nhau vào, thấy trên một khu đất thật rộng có những con cừu vàng to bằng con voi, hoặc bằng con ngựa, hoặc bằng bò tót, đang nhảy nhót lung tung, đập lưng vào nhau,

cày đất nứt nẻ lên từng đường. Đi quanh nhìn ngắm đám cừu hồi lâu, họ rời sân. Quan chưởng khố Ram hỏi: - Sao, các bạn gặp thứ muốn tìm rồi chứ? - Bẩm vâng, thưa đại quan, chúng con đã tìm được. - Vậy thì xin chào. Ông ra dấu từ giã. Bọn gia nhân đi thẳng về nhà chủ mình. Quan chưởng khố Jatila hỏi: - Các bạn kiếm được quan chưởng khố nào giàu bằng nhà ta không? - Thưa chủ nhân, Ngài giàu chưa thấm tháp vào đâu. Quan chưởng khố Ram ở thành Bhaddiya giàu tới mức vầy nè. Họ kể lại chuyện. Nghe xong, quan chưởng khố rất hoan hỉ, nghĩ thầm: "Ta kiếm được một người rồi. Chẳng biết còn ai nữa không?". Ông đưa cho gia nhân một tấm chăn đáng giá một trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo: - Các bạn hãy đi kiếm xem có nhà quan chưởng khố nào như vậy nữa không. Chuyến này họ đến thành Vương Xá, chất một đống củi gần nhà quan chưởng khố Jotika và châm lửa đốt. Người ta hỏi lý do, họ đáp: - Chúng tôi mang theo một tấm chăn rất quí, định bán mà chưa kiếm được người mua. Sợ mang theo bị cướp, chúng tôi tính đốt mới tiếp tục cuộc hành trình được. Quan chưởng khố Jotika thấy họ, hỏi gia nhân: - Mấy người kia làm gì thế? Sau khi nghe chuyện, ông cho gọi họ đến, bảo: - Tấm chăn giá bao nhiêu? - Thưa, một trăm ngàn đồng. Jotika kêu đưa cho họ một trăm ngàn đồng, rồi nói: - Các ông đem giùm tấm chăn này cho cô tớ gái đang quét rác ở cổng lâu đài ta. Cô kia nhận tấm chăn òa lên khóc, vào gặp quan, nói: - Thưa chủ nhân, nếu con có lỗi lầm gì sao Ngài không đánh đập con? Ngài lại cho con tấm chăn thô xấu thế này. Con làm sao may quần áo, may áo choàng? - Ta cho cô tấm chăn chẳng phải để cô may đồ. Cô có thể cuộn nó lại để ở chân giường, sau khi rửa chân bằng nước thơm, cô dùng nó lau chân. Được chưa? - Bẩm vâng, thế thì được ạ. Lúc ấy, cô gái mới chịu ôm tấm chăn đi ra.

Đám gia nhân Jatila chứng kiến sự việc ấy, về nhà nghe chủ hỏi: - Các bạn kiếm được ai giàu bằng nhà ta chưa? Họ vội đáp: - Thưa chủ nhân, Ngài giàu thực chẳng thấm vào đâu. Quan chưởng khố Jotika thành Vương Xá giàu tới vậy nè. Họ miêu tả cảnh giàu sang trong lâu đài Jotika, rồi kể câu chuyện tấm chăn. Nghe xong, ông càng vui vẻ, nói: - Bây giờ ta có thể xin xuất gia làm Sa-môn được rồi. Ông vào hoàng cung tâu vua: - Tâu bệ hạ, thần muốn xuất gia làm Sa-môn. - Được thôi, khanh cứ làm theo ý muốn. Jatila về nhà gọi hết các con đến, trao cho con trai trưởng chiếc xẻng bằng vàng, bảo: - Con đi ra núi vàng phía sau nhà lấy cho ta một cục vàng. Người con cầm xẻng xúc vào núi vàng, anh cảm thấy như xúc vào đá cứng. Jatila lấy xẻng trong tay con trai trưởng, trao cho con trai thứ, bảo làm y như trước. Người con này cũng như anh, xúc vào vàng chỉ cảm thấy như xúc vào đá tảng. Jatila trao xẻng cho con út. Anh này cầm xẻng xúc thì vàng rời ra như đất mềm. Quan chưởng khố bảo: - Thôi, đủ rồi con. Ông bảo hai đứa con lớn: - Núi vàng này không phải của các con. Nó chỉ thuộc về ta và thằng út. Các con hãy cùng nó chung hưởng giàu sang. Tại sao núi vàng chỉ thuộc về người cha và đứa con út? Tại sao quan chưởng khố bị bỏ trôi sông từ lúc còn sơ sanh? Đây là quả báo của những việc làm trong một kiếp trước. Chuyện quá khứ: D. Ông Thợ Vàng Và Ba Người Con. Một kiếp xa xưa, khi ngôi tháp thờ đức Phật Ca-diếp đang được xây cất. Có một vị A-la-hán đi đến hỏi các thợ xây: - Các bạn, tại sao mặt tháp phía Bắc xây nửa chừng thế này? - Dạ, vì không đủ vàng. - Tôi sẽ vào làng kêu gọi mọi người cúng dường. Các ông hãy gắng hết lòng lo công việc. Ngài vào thành kêu gọi: - Hỡi thiện nam, tín nữ. Hiện

không có đủ vàng xây mặt tháp phía Bắc. Xin các thí chủ đóng góp. Sau đó, Ngài đến nhà ông thợ vàng. Gặp đúng lúc ông đang cãi nhau với vợ. Tôn giả nói:

- Vâng không đủ xây mặt Bắc ngôi tháp ông nhận lãnh làm. Việc này ông cần phải biết rõ. Đang tức giận bà vợ, ông đáp: - Ông hãy liệng đức Thế Tôn của ông xuống sông rồi đi cho khuất mắt. Bà vợ trách chồng: - Ông đã phạm tội đại ác. Ông giận tôi thì cứ đánh mắng tôi, sao lại sân hận với chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai? Người thợ vàng lúc ấy mới thấy hối tiếc. Ông sụp lạy vị A-la-hán thưa: - Xin Đại đức hỷ xả cho con. - Ông đâu có nói gì ta. Hãy sám hối đức Thế Tôn. - Bạch Đại đức, con phải làm gì để được Phật xá tội? - Này thiện hữu, ông hãy làm ba bình bông bằng vàng đặt lên hòm đựng xá-lợi Phật, rồi nhúng ướt tóc và quần áo ông để đến sám hối đức Thế Tôn. - Thưa vâng, bạch Đại đức. Trong lúc làm những bông hoa vàng, ông gọi người con trai trưởng lên bảo: - Con ạ, cha đã nói lời thô ác về đức Thế Tôn. Sau khi làm xong những hoa này cha sẽ đặt lên hòm xá-lợi Phật và sám hối. Con đi theo cha nhé. Người con không muốn đi, đáp: - Đâu phải vì con mà cha nói lời thô ác ấy. Cha đi một mình vậy. Ông kêu người con thứ. Y cũng không muốn đi nên trả lời như anh. Đến người con út, cậu thưa: - Bổn phận con cái là phải làm những gì cần làm. Cậu hứa đi cùng cha đến tháp Phật và phụ giúp ông làm các bông hoa vàng. Xong ba bình bông, ông nhắm bề rộng của cái hòm đựng xá-lợi Phật, đặt chúng lên, nhúng ướt tóc và quần áo rồi đến sám hối Phật. Chuyện hiện tại: E. Phần Kết. Vì nguyên nhân trên, liên tiếp trong bảy kiếp Jatila vừa chào đời đã bị bỏ xuống sông, kiếp này là kiếp cuối cùng. Cũng do vì không phụ giúp cha nên hai người con lớn chẳng có phần được hưởng núi vàng, chỉ có người cha và con út được. Quan chưởng khố sau khi dặn bảo các con liền xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật. Chỉ vài ngày sau, ông đắc quả A-la-hán. Một hôm đức Phật và năm trăm thầy Tỳ-kheo đi khất thực đến nhà các con của Jatila, họ cúng dường vật thực cho Phật và chư Tăng suốt nửa tháng. Tối lại, các thầy Tỳ- kheo vào Pháp đường bàn tán: - Này huynh Jatila, bây giờ huynh có tiếc nhớ núi vàng khổng lồ và các con của huynh không? - Thưa chư huynh, tôi chẳng tiếc nhớ chúng, cũng không hãnh diện vì chúng. Các thầy bảo nhau: - Tôn giả Jatila nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Thế Tôn nghe các thầy nói, liền dạy: - Này các Tỳ-kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ hoặc hãnh diện. Ngài nói kệ: (416) Ai ở đời đoạn ái, Bỏ nhà, sống xuất gia, Ái hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn. * 34. Vua A Xà Thế Đánh Chiếm Lâu Đài Jotika Ai ở đời đoạn ái ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Jotika. Sau khi âm mưu với Đề-bà-đạt-đa giết cha là vua Bình Sa Vương để lên ngôi, vua A-xà-thế tự nghĩ: "Bây giờ ta sẽ chiếm tòa lâu đài quan chưởng khố". Vua nai nịt, chuẩn bị khí giới như lúc ra trận, kéo quân đi. Nhưng vừa thấy bóng mình và đoàn quân phản chiếu trên các bức tường chạm châu ngọc, vua nghĩ: "Chủ nhân đã sẵn sàng khí giới để chiến đấu, đang cùng gia nhân tiến ra" nên không dám tiến lại gần. Hôm ấy ngẫu nhiên đúng vào ngày quan chưởng khố quyết định bắt đầu ăn chay. Từ sáng sớm sau bữa điểm tâm, ông đến tinh xá ngồi nghe Phật giảng pháp. Thần dạ xoa Yamakoli gác cổng thứ nhất tòa lâu đài thấy vua A-xà-thế, bèn la: - Ngươi đi đâu vậy? Thần đánh cho đoàn binh vua thua liểng xiểng, tháo chạy tán loạn, và còn rượt theo đánh nữa. Vua A-xà-thế chạy trốn vào chính ngôi tinh xá quan chưởng khố đang ngồi

nghe pháp. Thấy vua ông đứng dậy: - Tâu bệ hạ, có việc gì không? - Này khanh, làm sao mà vừa điều khiển gia nhân đánh với trẫm xong, khanh lại có thể ngồi đây giả vờ nghe pháp? - Muôn tâu, bệ hạ đã đến đánh chiếm nhà hạ thần sao? - Đúng vậy. - Tâu bệ hạ, một ngàn ông vua cũng không đoạt được nhà hạ thần. Vua nổi giận: - Người định chiếm ngôi chăng? - Tâu không, hạ thần chẳng có ý định làm vua. Nhưng vua hoặc giặc cướp đều không thể cưỡng đoạt của cải nhà hạ thần, dù một sợi chỉ. - Vậy ngươi có đồng ý để ta lấy tòa lâu đài không? - Tâu bệ hạ, trên tay hạ thần đây đang đeo hai mươi chiếc nhẫn. Hạ thần không cho bệ hạ. Bệ hạ thử lấy xem.

Vua ngồi thu mình lấy đà, nhảy lên không trung tới chín thước. Sau đó vua đứng dậy, phóng lên cao bốn mươi thước. Dù sức mạnh vô song, vua vặn vẹo cách nào cũng chẳng lôi được một chiếc nhẫn ra khỏi tay quan chưởng khố. Sau cùng, quan chưởng khố nói: - Tâu bệ hạ, xin bệ hạ trải áo choàng ra. Vua vừa trải áo, quan chưởng khố duỗi hai bàn tay, hai mươi chiếc nhẫn rơi xuống. - Muôn tâu, bệ hạ thấy đó. Không ai có thể cưỡng đoạt của cải hạ thần được. Hành vi của vua làm quan chưởng khố rất ngao ngán. Ông thưa: - Tâu bệ hạ, xin cho phép hạ thần được xuất gia làm Sa-môn. Vua nghĩ thầm: "Quan chưởng khố mà làm Sa-môn, ta sẽ chiếm đoạt tòa lâu đài dễ dàng". Vua bèn bảo: - Khanh cứ xuất gia. Jotika xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật, chẳng bao lâu đã đắc quả A-la-hán, được mọi người biết đến dưới tên Tôn giả Jotika. Ông vừa đắc quả, tất cả của cải châu ngọc, phú quí thế gian của ông đều biến mất hết, và chư thiên đưa cô vợ Satulakàyi của ông về xứ Uttarakuru. Một hôm, các thầy Tỳ-kheo hỏi Tôn giả Jotika: - Này huynh Jotika, huynh có nhớ tiếc tòa lâu đài hoặc vợ huynh không? - Thưa chư huynh, không. Các thầy đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ gì những thứ ấy. Ngài nói kệ: (416) Ai ở đời đoạn ái, Bỏ nhà, sống xuất gia, Ái hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn. 35. Người Diễn Kịch Câm Xuất Gia Làm Sa Môn Bỏ trói buộc loài người ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo trước khi xuất gia, là diễn viên kịch câm. Có một diễn viên kịch câm đi trình diễn lang thang đây đó. Một hôm nghe Phật thuyết pháp xong, ông xin xuất gia làm Sa-môn và đắc quả A-la-hán. Khi đến làng kia khất thực, đức Phật và chư Tăng trông thấy một diễn viên kịch câm khác đang biểu diễn. Các thầy hỏi thầy Tỳ-kheo cựu diễn viên: - Này huynh, ở đàng kia có một diễn viên kịch câm đang diễn trò như huynh hồi ấy. Huynh có nhớ tiếc cuộc sống cũ không?

- Thưa chư huynh, không. Các thầy bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã thoát được mọi buộc ràng. Và Ngài nói kệ: (417) Bỏ trói buộc loài người, Vượt trói buộc cõi trời, Giải thoát mọi buộc ràng, Ta gọi Bà-la-môn. 36. Người Diễn Kịch Câm Xuất Gia Làm Sa Môn Bỏ điều ưa, điều ghét ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo trước khi xuất gia là một diễn viên kịch câm. Câu chuyện cũng giống như chuyện trước, chỉ khác trong trường hợp này, đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã bỏ điều ưa, điều ghét. Ngài nói kệ: (418) Bỏ điều ưa, điều ghét, Mát lạnh, diệt sanh y, Bậc anh hùng chiến thắng, Nhiếp phục mọi thế giới, Ta gọi Bà-la-môn. 37. Người Gõ Đầu Lâu Ai hiểu rõ hoàn toàn ... Đức Thế Tôn dạy những lời

này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Vangìsa. Thuở ấy, tại thành Vương Xá có một người Bà-la-môn tên Vangìsa, có tài biết được người chết sanh về đâu. Ông cứ việc gõ lên chiếc đầu lâu, rồi nói: - Người có chiếc đầu lâu này đã bị đọa địa ngục. Người kia đã hóa kiếp làm súc sanh, người này vào đường ngạ quỷ, đầu lâu kia là của một người đã sanh trở lại cõi người. Một nhóm người Bà-la-môn suy tính: "Chúng ta có thể dùng người này để chinh phục lòng tin mọi người". Họ khoác lên mình Vangìsa hai chiếc áo rộng màu đỏ, đưa ông đi khắp vùng và loan báo: - Người Bà-la-môn Vangìsa này có thể gõ vào đầu lâu người chết và biết người chết đã sanh ở cõi nào. Các bạn mau mau đến hỏi xem người thân của mình chết rồi đi đâu.

Người ta kéo nhau đến, người đưa mười đồng, kẻ hai mươi đồng, hoặc cả trăm đồng tùy túi tiền, rồi hỏi về số phận của những người thân đã chết của họ. Lang thang khắp nơi, một hôm đến thành Xá-vệ, họ ở lại gần tinh xá Kỳ Viên. Sau bữa ăn sáng, thấy người người lũ lượt cầm hương hoa các thứ đi nghe giảng pháp, những người Bà-la-môn liền hỏi: - Các ông các bà đi đâu vậy? - Đến tinh xá nghe pháp. - Nghe pháp thì được gì? Không có ai hơn ông bạn Vangìsa của chúng tôi đâu. Ông ấy mà gõ lên đầu lâu người chết là biết được người ấy tái sanh về đâu. Các ông bà đến hỏi thăm về người thân của mình đi. Nhóm Phật tử đáp: - Cái ông Vangìsa ấy biết gì? Đâu có ai bằng được đức Thế Tôn. Bọn Bà-la-môn cãi: - Không ai bằng Vangìsa. Hai bên tranh luận om sòm. Cuối cùng, nhóm Phật tử bảo: - Chúng ta hãy cùng nhau đi xem thử ông Vangìsa của các ông hay đức Thế Tôn của chúng tôi ai hơn nhé! Họ kéo nhau đến tinh xá. Đức Phật biết hết chuyện nên cho lấy năm chiếc sọ đặt thành một hàng, sọ thứ nhất của một người đã bị đọa địa ngục, sọ thứ hai bị đọa làm súc sanh, sọ thứ ba vào cõi người, sọ thứ tư sanh về cõi trời và sọ thứ năm của một vị đã đắc A-la-hán. Khi mọi người đến nơi, Phật hỏi Vangìsa: - Người ta nói ông có thể gõ vào sọ người chết và nói được người đó đã đi về cõi nào phải không? - Vâng. - Vậy sọ này của ai? - Đây là sọ một người đã bị đọa địa ngục. - Hay thay! Đức Phật tán thán xong hỏi về ba chiếc sọ kế tiếp. Y đều trả lời đúng. Sau mỗi câu trả lời đúng, đức Phật lại tán thán. Cuối cùng, Ngài hỏi về chiếc sọ thứ năm: - Sọ này của ai? Vangìsa gõ lên đầu lâu, rồi thú thật không biết người ấy đã sanh về đâu. Đức Phật nói: - Vangìisa, ông không biết ư? - Thưa không, con không biết. - Ta biết. Vangìsa thỉnh cầu: - Xin Ngài hãy dạy cho con thuật này. - Ta không thể dạy cho một người không phải Sa-môn.

Ông Bà-la-môn nghĩ: "Giá ta biết được huyễn thuật này, ta sẽ là người số một trên toàn cõi Ấn Độ". Y bảo những người Bà-la-môn đồng bọn: - Các bạn hãy tìm chỗ ở lại đâu đó vài ngày. Tôi định xuất gia làm Sa-môn. Y xin xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật, và được gia nhập Tăng đoàn. Các thầy Tỳ- kheo gọi là Tôn giả Vangìsa. Đức Phật trao cho thầy Tỳ-kheo đề mục thiền quán là ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân. - Ông phải lặp đi lặp lại cho thuộc những thứ này mới học huyễn thuật kia được. Thầy y theo lời Phật dặn. Các người Bà-la-môn thỉnh thoảng đến thăm chừng, hỏi: - Ông học được huyễn thuật chưa? - Xin các bạn đợi ít lâu. Tôi đang học đây. Vài ngày sau, thầy đắc A-la-hán. Khi những người Bà-la-môn đến nữa, thầy nói: - Này các huynh đệ, bây giờ tôi không thể học nó. Các thầy Tỳ-kheo nghe vậy, bèn đến bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ. Đức Phật bảo: - Này các Tỳ-kheo, chớ nói thế. Ông ấy

giờ đây biết hết đường sanh tử của chúng sanh. Ngài nói kệ: (419) Ai hiểu rõ hoàn toàn, Sanh tử các chúng sanh, Không nhiễm, khéo vượt qua, Sáng suốt châu giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn. (420) Với ai, loài trời, người, Cùng với Càn-thát-bà, Không biết chỗ thọ sanh, Lậu tận bậc La-hán, Ta gọi Bà-la-môn. 38. Ông Bà Visàkha Người không sở hữu gì ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tỳ- kheo ni Dhammadinnà. Khi Tỳ-kheo ni Dhammadinnà chưa xuất gia, chồng bà tên Visàkha là một Phật tử thuần thành. Một hôm, nghe Phật giảng pháp liền đắc A-na-hàm. Sau đó ông nghĩ thầm: "Bây giờ, ta nên giao hết tài sản của cải cho Dhammadinnà". Trước đây, theo lệ thường mỗi khi về nhà, vừa thoáng thấy Dhammadinnà nhìn ra cửa sổ, ông đã mỉm cười với bà. Nhưng hôm ấy, bà đang đứng ngay tại cửa sổ, ông đi ngang chẳng hề ngó ngàng đến. Bà suy nghĩ: "Vậy là sao đây? Thôi được, đến bữa ăn mình sẽ biết chuyện gì". Tới trưa, bà dọn cơm cho ông như mọi ngày. Thay vì nói câu thường lệ: "Nàng hãy như mọi ngày.

Thay vì nói câu thường lệ: "Nàng hãy ngồi xuống cùng ăn với tôi nào". Hôm nay ông ăn trong yên lặng, chẳng hé môi thốt một lời. Bà nghĩ tiếp: "Chắc ổng giận gì rồi đa". Xong bữa cơm, Visàkha kiếm chỗ ngồi thoải mái rồi gọi Dhammadinnà đến bên bảo: - Dhammadinnà, tất cả của cải trong nhà này từ nay thuộc về nàng. Hãy nhận lấy! Bà nghĩ: "Nếu giận, chẳng ai lại trao tặng của cải, mời nhận. Không biết chuyện gì nữa đây kìa?" Yên lặng một lúc, bà mời hỏi: - Nhưng còn chàng thì sao? - Kể từ hôm nay, tôi không dính dáng gì đến chuyện thế tục nữa. - Ai mà đi hốt đàm dãi ông nhổ ra? Ông hãy cho phép tôi xuất gia làm Tỳ-kheo ni luôn. - Tốt lắm! Visàkha chấp nhận ngay. Ông đưa bà đến tinh xá của các Tỳ-kheo ni với nhiều tặng phẩm quí giá, xin cho bà được gia nhập Tăng đoàn chư Ni. Thọ giới cụ túc xong, bà được mọi người kêu Tỳ-kheo ni Dhammadinnà. Bà thích cuộc sống độc cư nên theo các Tỳ-kheo ni về miền quê. Sau một thời gian, bà đắc A-la-hán và cả thần thông. Bà nghĩ: "Bây giờ, những người thân của ta sẽ vì ta mà làm việc phước thiện". Bà quay về Vương Xá. Cư sĩ Visàkha nghe tin bà về, thầm nghĩ: "Bà ấy trở về vì cớ gì nhỉ?". Ông đến tinh xá các Tỳ-kheo ni, gặp vị Tỳ-kheo ni vợ cũ của mình, ông đảnh lễ và cung kính ngồi qua một bên. Ông lại thầm tính: "Nếu bây giờ mình hỏi: Bạch sư cô, xin hỏi có phải sư cô đã chán việc tu hành không? thì thực chẳng tiện chút nào. Thôi mình sẽ hỏi như thế này". Ông hỏi bà một câu về quả vị Tu-đà-hoàn, bà lập tức trả lời rất chính xác. Cư sĩ tiếp tục hỏi về các quả vị cao hơn, và cuối cùng, hỏi đến A-la-hán. Bà tán thán: - Lành thay, huynh Visàkha! Nếu huynh muốn biết về quả vị A-la-hán, xin đến yết kiến đức Thế Tôn và tham vấn Ngài. Visàkha lại đảnh lễ bà, rồi đến gặp Phật kể Ngài nghe câu chuyện của họ. Đức Thế Tôn bảo: - Đệ tử ta, Dhammadinnà, thật khéo nói. Còn về câu hỏi ông hãy lắng nghe. Phật giảng pháp xong, nói bài kệ: (421) Ai quá, hiện, vị lai, Không một sở hữu gì, Không sở hữu, không nắm, Ta gọi Bà-la-môn. 39. Angulimàla, Vô Não Bậc trâu chúa, thù thắng ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Angulimàla.

Câu chuyện này đã được kể trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Keo kiết không sanh thiên...". Các thầy Tỳ-kheo hỏi Angulimàla: - Này huynh Angulimàla, khi huynh thấy con voi độc cầm lọng đứng trước mặt, huynh không sợ sao? - Không, thưa

chư huynh, tôi chẳng sợ. Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, Angulimàla nói dối. Đức Phật dạy: - Này các Tỳ-kheo, Angulimàla không còn sợ hãi. Bởi vì, trong số những bậc đại sĩ đã xa lìa tham ái, những Tỳ-kheo như Angulimàla là tôn quí nhất, và không sợ hãi nữa. Ngài nói kệ: (422) Bậc trâu chúa, thù thắng, Bậc anh hùng, đại sĩ, Bậc chiến thắng, không nhiễm, Bậc tẩy sạch, giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn. 40. Phạm Hạnh Của Thí Chủ Quyết Định Phước Báu Cúng Dường Ai biết được đời trước ... Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của ông Bà-la-môn Devahita. Một hôm, đức Thế Tôn bị chứng khó chịu trong người, liền bảo Tôn giả Upavàna đến nhà người Bà-la-môn tên Devahita xin nước nóng. Tôn giả đến, nói rõ chứng bệnh của đức Phật và xin ông Bà-la-môn nước nóng. Ông nghe vậy vô cùng hoan hỉ: - Thật may mắn cho tôi quá, được dịp cúng nước nóng cho bậc Giác ngộ Vô thượng. Ông lấy nước nóng và một bình mật mía đưa Tôn giả, ra lệnh cho một gia nhân mang phụ nước nóng đi. Tôn giả thỉnh Phật tắm nước nóng, và pha mật bằng nước ấm cho Ngài dùng. Ngay sau đó cơn đau của Ngài dịu xuống. Ông Bà-la-môn thầm nghĩ: "Người ta nên cúng dường ai để được phước lớn? Ta sẽ hỏi đức Thế Tôn". Ông đến gặp Phật và đọc một bài kệ: Bố thí ai phước lớn? Ai nên được cúng dường? Thí chủ phải thế nào? Mới được phước vô lượng? Đức Phật dạy: - Một người Bà-la-môn như sau, cúng dường sẽ được phước báo rất lớn.

Ngài nói kệ:
(423) Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu-ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.
PHẦN KẾT Đấng Pháp Vương Vô Thượng chánh đẳng chánh giác đã đạt đến Niết-bàn tối thượng. Những bài kệ Pháp Cú này được thốt ra từ kim khẩu của bậc Thánh Trí Đại hùng Đại lực ấy. Ngài đã dạy Tứ Đế bằng 423 bài kệ. Và có đến 299 câu chuyện ra đời. Được sống trong ngôi tu viện do triều đình xây cất tại khuôn viên hoàng cung đức vua Sirikùta, lòng tôi tràn ngập sự biết ơn. Tôi biên soạn nên tập chú giải đúng đắn này về các bài kệ ấy, gồm 72 phần, để dễ bề đọc tụng, hoặc kể. Phù hợp với ý và lời của các bài kệ, đặt cơ sở trên chánh pháp độ sanh của bậc Đạo sư trời và người. Với công đức cúng dường này, xin nguyện cho tất cả ước vọng chính đáng của hết thảy chúng sanh được thành tựu, đơm kết thành hoa ngọt trái lành. Xin chúc chư vị được thịnh vượng, an lạc và thân thể khang kiện!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.